



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI

VĂN KIỆN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

5

(1963 - 1966)

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

VĂN KIỆN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP

5

(1963 - 1966)

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

**VĂN KIỆN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

5

(1963 - 1966)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015**

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGUYỄN VĂN VỊNH	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng
DOÃN VĂN HƯỞNG	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng
PHẠM VĂN CƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
CAO ĐỨC HẢI	Ủy viên Hội đồng
TẠ ĐÌNH BẢNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN VĂN HÒA	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN THANH DƯƠNG	Ủy viên Hội đồng
ĐẶNG PHI VÂN	Ủy viên Hội đồng
MAI ĐÌNH ĐỊNH	Ủy viên Hội đồng
LÝ SEO DÌN	Ủy viên Hội đồng
ĐINH TIẾN QUÂN	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THẾ	Ủy viên Hội đồng
HÂU A LÊNH	Ủy viên Hội đồng
HÀ THỊ NGA	Ủy viên Hội đồng

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN VỊNH	Bí thư Tỉnh ủy
SÙNG CHÚNG	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
DOÃN VĂN HƯỞNG	Phó Bí thư Tỉnh ủy

BAN XÂY DỰNG BẢN THẢO

CAO ĐỨC HẢI	Trưởng ban
ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Phó Trưởng ban Thường trực
ĐỖ VĂN LUỢC	Phó Trưởng ban
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Thư ký
ĐẶNG PHI VÂN	Thành viên
LÝ SEO DÌN	Thành viên (hiệu đính)
LÝ THỊ VINH	Thành viên
TRẦN VĂN TỐ	Thành viên
VŨ HÙNG DŨNG	Thành viên
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thành viên
ĐÀO DUY THẮNG	Thành viên
ĐỖ VIẾT LỢI	Thành viên
NGUYỄN VĂN NHÂN	Thành viên
ĐOÀN NGỌC TUYẾN	Thành viên
NGUYỄN THỊ LOAN	Thành viên
HOÀNG THỊ THANH THU	Thành viên
NGUYỄN THỊ MINH	Thành viên
NGUYỄN THÀNH NAM	Thành viên (hiệu đính)
PHẠM THÀNH LONG	Thành viên
NGUYỄN CAO SỸ	Thành viên
ĐÀO ANH TUẤN	Thành viên

CHÚ DÃN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách **Văn kiện Đảng bộ toàn tập** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo Kế hoạch số 71-KH/TU, ngày 22-12-2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV. Ban Xây dựng Bản thảo Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiến hành sưu tầm, xây dựng và xuất bản bộ sách **Văn kiện Đảng bộ toàn tập** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Đây là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh Lào Cai gắn với quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng, bảo vệ và xây dựng quê hương. Bộ sách giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các nhà lãnh đạo tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu mang tính hệ thống, toàn diện về văn kiện của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, phục vụ cho việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, đảng bộ cơ sở, lịch sử địa phương, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; góp phần giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các chi bộ, đảng bộ; thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn cách mạng, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Cuốn sách **Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 5 (1963 - 1966)** tập hợp các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ năm 1963 đến năm 1966 và được sắp xếp theo thời gian ban hành.

Do cuốn sách bao gồm các văn kiện được in rônêô, đánh máy hoặc viết tay nên trong trường hợp chữ mờ, chữ không có dấu, chúng tôi giữ nguyên như bản gốc. Ngoài ra, trong sách còn có một số danh từ, tên gọi, địa danh, tên riêng... chúng tôi chưa có điều kiện thẩm định. Vì vậy, mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên tập, nhưng chắc rằng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với các đồng chí và các bạn.

Tháng 7 năm 2015
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 5 (1963-1966) phản ánh hoạt động của Đảng bộ tỉnh Lào Cai từ tháng 6-1963 đến tháng 12-1966 (từ Đại hội Đảng bộ lần thứ IV đến hết năm 1966).

Bước vào năm 1963, miền Bắc đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế (1961-1965), miền Nam giành thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mỹ Tho) chứng tỏ nhân dân miền Nam có khả năng đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Ở Lào Cai, sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội có những chuyển biến nhất định.

Trên cơ sở đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế trong việc cụ thể hóa, vận dụng chủ trương của Đảng vào điều kiện của địa phương, nhất là vấn đề nảy sinh trong xây dựng hợp tác xã, nguy cơ tan rã của các hợp tác xã ở vùng cao, những yếu kém, bấp bênh trong phát triển công nghiệp địa phương, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ IV đã bổ sung nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Từ năm 1963 đến năm 1966, cách mạng nước ta có nhiều biến đổi quan trọng. Thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam đã cơ bản đập tan chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" với việc ô ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào

miền Nam, tăng cường chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Tình hình nước ta từ chỗ một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình trở thành cả nước có chiến tranh với hình thức, mức độ ở mỗi miền khác nhau. Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc.

Quán triệt các nghị quyết Hội nghị Trung ương, trong những năm 1963-1966, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quân dân Lào Cai chuyển hướng xây dựng và phát triển nền kinh tế địa phương cho phù hợp với tình hình cả nước có chiến tranh. Thông qua việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết quan trọng, Đảng bộ đã lãnh đạo kịp thời các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, ổn định chính trị, đời sống nhân dân, chi viện sức người, sức của cho miền Nam...

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 5 (1963-1966) gồm 91 tài liệu là các chỉ thị, nghị quyết, thông tri, thông báo, báo cáo... của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ tháng 6-1963 đến tháng 12-1966.

Mặc dù Ban Xây dựng bản thảo và Hội đồng Xuất bản đã hết sức cố gắng nhưng khó tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2015
HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

**BIÊN BẢN
BẦU CỬ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
KHÓA IV (6-1963)**

- Đại hội đại biểu Đảng bộ Lào Cai tiến hành từ 5-6 đến 10-6-1963.
- Cuộc bầu cử Ban Chấp hành được tiến hành cuối thời gian Đại hội (từ chiều 8-6 đến hết 9-6-1963).

CUỘC BẦU CỬ ĐƯỢC TIẾN HÀNH NHƯ SAU:

1. Đồng chí Long Châu, Thường vụ Tỉnh ủy kiêm Trưởng ban Tổ chức báo cáo mục đích, ý nghĩa, tính chất và sự cấu tạo của cấp ủy khóa IV; đồng thời báo cáo tiêu chuẩn để lựa chọn đại biểu xứng đáng đưa vào cấp ủy. Sau đó, Đại hội chia thành từng tổ thảo luận mạn đàm về các vấn đề trên.

2. Đại hội biểu quyết số lượng:

Dựa vào Chỉ thị Trung ương, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, Đại hội đã biểu quyết về số lượng cấp ủy viên như sau:

133/140 phiếu tán thành với số lượng 23 (kể cả 2 dự khuyết).

5/140 phiếu tán thành với số lượng 21 (kể cả 2 dự khuyết).

2/140 phiếu tán thành với số lượng 25 (kể cả 2 dự khuyết).

Kết quả Đại hội nhất trí với số lượng 23, trong đó 21 chính thức và 2 dự khuyết.

3. Sau đó Đại hội tiến hành ứng cử và đề cử:

- Úng cử có:

1. Trần Long
2. Khánh Vinh
3. Dương Trung
4. Trường Minh
5. Nguyễn Văn Lợi
6. Hồ Vàng Páo
7. Hoàng Thị Triệu

- Đại hội đề cử:

1. Phạm Gia Tuân
2. Lê Cư
3. Nguyễn Xuân Tiếu
4. Lê Bá Hội
5. Nguyễn Ân
6. Vũ Hiển Mô
7. Ma Văn Chù
8. Nguyễn Trí Nghị
9. Cư Hòa Vân
10. Đỗ Thanh Thủy
11. Việt Tiến
12. Nông Công Thương
13. Nguyễn Văn Tất
14. Việt Sơn
15. Tráng Seo Tả
16. Ngô Đình Kính
17. Đức Minh
18. Hồng Toàn
19. Kiều Đức Hạnh
20. Bàn A Hàn
21. Đỗ Hiệp
22. Tân Díu Siêu

23. Mạnh Hùng

24. Nguyễn Nhân Trí

- Ban Chấp hành cũ giới thiệu đắc cử:

1. Trường Minh

2. Phạm Gia Tuân

3. Khánh Vinh

4. Nông Công Thương

5. Lê Cư

6. Hoàng Thị Triệu

7. Lê Bá Hội

8. Vũ Hiển Mô

9. Hồ Vàng Páo

10. Nguyễn Xuân Tiếu

11. Nguyễn Lợi¹

12. Tráng Seo Tả

13. Nguyễn Trí Nghị

14. Dương Trung

15. Nguyễn Ân

16. Ngô Đình Kính

17. Trần Long

18. Nguyễn Văn Tất

19. Cư Hòa Vân

20. Đỗ Thanh Thủy

21. Việt Tiến

22. Việt Sơn

23. Văn Sơn

Sau khi ứng cử và đê cử xong, Đại hội chia thành từng tổ, mạn đàm lý lịch và giải quyết nốt những vướng mắc của các đại biểu.

1. Nguyễn Lợi: Nguyễn Văn Lợi.

4. Thành lập Ban bầu cử và tiến hành bỏ phiếu

- Đại hội bầu Ban bầu cử gồm các đồng chí:

1. Long Châu, Trưởng ban
2. Nguyễn Văn Tuệ
3. Lê Quang Huỳnh
4. Vũ Văn Thụ
5. Lê Minh Đức
6. Lục Bình Thủy
7. Hoàng Việt Tiến

Đồng chí Long Châu thay mặt Ban bầu cử phổ biến một số nguyên tắc thủ tục bầu cử. Sau đó, Đại hội tiến hành bỏ phiếu.

Lần thứ nhất bầu đại biểu chính thức có 140 phiếu bầu, trong đó có 137 phiếu hợp lệ, 3 phiếu không hợp lệ. Kết quả từng đồng chí như sau:

1. Phạm Gia Tuân:	137/140 phiếu (3 phiếu không hợp lệ)
2. Trần Long:	137/140 phiếu
3. Đỗ Thanh Thủy:	137/140 phiếu
4. Trường Minh:	136/140 phiếu
5. Dương Trung:	136/140 phiếu
6. Khánh Vinh:	136/140 phiếu
7. Lê Bá Hội:	136/140 phiếu
8. Việt Tiến:	136/140 phiếu
9. Nguyễn Ân:	136/140 phiếu
10. Nguyễn Văn Lợi:	136/140 phiếu
11. Vũ Hiển Mô:	135/140 phiếu
12. Hồ Vàng Páo:	134/140 phiếu
13. Ma Văn Chù:	134/140 phiếu
14. Việt Sơn:	133/140 phiếu
15. Nguyễn Xuân Tiếu:	133/140 phiếu
16. Nguyễn Trí Nghị:	133/140 phiếu
17. Nông Công Thương:	132/140 phiếu

18. Hoàng Thị Triệu: 126/140 phiếu

19. Lê Cư: 110/140 phiếu

20. Nguyễn Văn Tất: 107/140 phiếu

21. Cư Hòa Vân: 95/140 phiếu

Lần thứ hai bầu đại biểu dự khuyết có 143 phiếu bầu, trong đó có 142 phiếu hợp lệ và 1 phiếu không hợp lệ. Kết quả cụ thể như sau:

1) Tráng Seo Tả: 130/140 phiếu (1 phiếu không hợp lệ)

2) Ngô Đình Kính: 110/140 phiếu

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHẠM GIA TUÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỌP BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
KHÓA IV, KỲ I

Số 01-NQ/TU, ngày 15-6-1963

Ban Chấp hành tỉnh đã chính thức họp kỳ I từ ngày 11 đến ngày 12 tháng 6 năm 1963.

Dự họp có 16 đồng chí Tỉnh ủy viên chính thức, 2 đồng chí dự khuyết. Vắng mặt 5 đồng chí gồm 3 đồng chí đi học, 2 đồng chí được tỉnh phân công đi công tác đột xuất.

Nội dung bàn ba vấn đề lớn:

- Bàn chương trình nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 1963 và chuẩn bị một số công tác cho năm 1964.

- Bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ban Kiểm tra và phân công các ủy viên.

Bàn sửa đổi lề lối làm việc và định kỳ sinh hoạt của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ và định rõ chức năng của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh và nghe báo cáo một số chuyên đề về công tác ổn định lương thực và thực phẩm.

Trong Ban Chấp hành đã nhất trí bầu cử bằng phiếu kín cho 7 đồng chí trong Ban Thường vụ:

- Đồng chí Trường Minh
- Đồng chí Phạm Gia Tuân
- Đồng chí Khánh Vinh
- Đồng chí Dương Trung

- Đồng chí Lê Bá Hội
- Đồng chí Trần Long
- Đồng chí Việt Tiến

Ban Chấp hành bầu ra Bí thư: Đồng chí Trường Minh

Phó Bí thư 2 đồng chí: - Đồng chí Phạm Gia Tuân

- Đồng chí Dương Trung

Ban kiểm tra 5 đồng chí:

- Đồng chí Nông Công Thương
- Đồng chí Trần Long
- Đồng chí Khánh Vinh
- Đồng chí Cư Hòa Vần
- Đồng chí Trần Lực

Phân công Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh (chủ yếu là công tác bên Đảng, nắm công tác chung và nắm tình hình sản xuất nông nghiệp, công việc chính quyền chủ yếu giao cho đồng chí Dương Trung và các đồng chí Tỉnh ủy viên bên chính quyền đảm nhiệm).

2. Đồng chí Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thường trực công tác Đảng, kiêm Trưởng ban Tuyên huấn, hiện nay đồng chí Trần Long chưa đi học về sẽ nhận thêm phần việc phụ trách Khối Nội chính.

3. Đồng chí Dương Trung, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Đảng, đoàn chính quyền, phụ trách Khối Tài mậu và Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh.

4. Đồng chí Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ phụ trách Ban Công nghiệp của tỉnh và trực tiếp làm Trưởng Ty Công nghiệp một thời gian đào tạo được cán bộ thay thế mới rút hẳn.

5. Đồng chí Trần Long, Ủy viên Thường vụ phụ trách Khối Nội chính, trực tiếp làm Trưởng Ty Công an.

6. Đồng chí Khánh Vinh, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức.

7. Đồng chí Lê Bá Hội, Ủy viên Thường vụ phụ trách Ban Nông nghiệp (hiện nay là Khối Nông nghiệp).
8. Đồng chí Nguyễn Ân, Tỉnh ủy viên chính thức, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh.
9. Đồng chí Vũ Hiển Mô, Tỉnh ủy viên chính thức, Trưởng Ty Nông nghiệp và trong khi chưa bàn giao cho đồng chí Hội, đồng chí Mô vẫn phải kiêm phụ trách Ban Công tác nông thôn.
10. Đồng chí Hồ Vàng Páo, Tỉnh ủy viên chính thức, làm ủy viên thư ký Ủy ban hành chính tỉnh. Trong thời gian đồng chí Hồng Dương là tỉnh ủy viên khóa trước chưa đi học, Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho đồng chí Hồng Dương phụ trách công tác cải tiến quản lý hợp tác xã.
11. Đồng chí Nông Công Thương, Tỉnh ủy viên chính thức, Trưởng ban Kiểm tra của Tỉnh ủy.
12. Đồng chí Nguyễn Trí Nghị, Tỉnh ủy viên chính thức, thư ký Công đoàn tỉnh.
13. Đồng chí Lê Cư, Tỉnh ủy viên chính thức, Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên lao động.
14. Đồng chí Hoàng Thị Triệu, Tỉnh ủy viên chính thức, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.
15. Đồng chí Nguyễn Lợi, Tỉnh ủy viên chính thức trực tiếp, Bí thư Đảng ủy Mỏ apatít.
16. Đồng chí Nguyễn Xuân Tiếu, Tỉnh ủy viên chính thức, Trưởng Ty Lâm nghiệp.
17. Đồng chí Cư Hòa Vân, Tỉnh ủy viên chính thức, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.
18. Đồng chí Việt Sơn, Tỉnh ủy viên chính thức, trực tiếp Bí thư Huyện ủy Bảo Thắng.
19. Đồng chí Văn Sơn, Tỉnh ủy viên chính thức, trực tiếp Bí thư Huyện ủy Bắc Hà.
20. Đồng chí Đỗ Thanh Thủy, Tỉnh ủy viên chính thức, trực tiếp Bí thư Huyện ủy Bát Xát.

21. Đồng chí Nguyễn Tất, Tỉnh ủy viên chính thức, phụ trách chính trị viên Tỉnh đội.

22. Đồng chí Ngô Đình Kính, Tỉnh ủy viên dự khuyết, Trưởng Ty Thương nghiệp.

23. Đồng chí Tráng Seo Tả, Tỉnh ủy viên dự khuyết trực tiếp phụ trách Bí thư Chi bộ xã Lao Chải (khu Y Tý).

Trên đây là sự phân công chung của Tỉnh ủy còn các phần nhiệm vụ công tác, sửa đổi lề lối làm việc, quyết định một vấn đề cụ thể có nghị quyết riêng.

Nghị quyết phân công này được phổ biến đến các huyện, thị, Đảng ủy, Ban Đảng đoàn, các đồng chí phụ trách các ngành và các chi bộ trực thuộc. Ban Tổ chức và Đảng đoàn chính quyền tỉnh phải làm những thủ tục cần thiết thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI

LẦN THỨ IV

Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ IV họp từ ngày 5-6-1963 đến ngày 9-6-1963 đã nghe và thảo luận báo cáo tổng kết công tác từ Đại hội tỉnh lần thứ III đến nay, báo cáo về phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, báo cáo về công tác tổ chức của Ban Chấp hành Tỉnh ủy và bầu Ban Chấp hành khóa IV.

I

Đại hội vô cùng phấn khởi nhận định: Những thắng lợi đã giành được trong hai năm qua của tỉnh ta trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là to lớn và có tính chất toàn diện hơn các năm trước.

Quán triệt nhiệm vụ lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm đồng thời tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III. Đảng bộ đã tập trung đúng đắn lực lượng lấy việc củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp làm công tác trọng tâm thường xuyên, đã coi trọng công tác củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của địa phương.

Hợp tác xã nông nghiệp tuy vùng cao có gặt khó khăn về quản lý, một số đã chuyển xuống đổi công hoặc làm ăn riêng lẻ, nhưng tỷ

lệ hợp tác xã của chúng ta vẫn chiếm 67,7% số hộ nông dân lao động. Số hợp tác xã còn lại có những mặt còn yếu hoặc còn những khó khăn nhất định nhưng nói chung có được củng cố một bước. Ý thức làm ăn tập thể của xã viên ngày càng gắn bó hơn. Trình độ quản lý hợp tác xã có nhiều tiến bộ trong khoán việc, kinh doanh nhiều nghề, cải tiến kỹ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao một bước đời sống của xã viên.

Hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán được xây dựng và mở rộng phạm vi hoạt động đang có tác dụng phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống của nhân dân.

Thủ công nghiệp tiếp tục được cải tạo, đã có 80,9% số hộ thủ công tham gia hợp tác xã, đã bước đầu được củng cố, trình độ năng lực sản xuất và đời sống của các hợp tác xã thủ công nghiệp đang được nâng dần lên.

Tiểu thương được thu hút vào hợp tác xã là 75% số hộ tiểu thương, kinh doanh đã chuyển hướng sang kiêm sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, sản xuất và đời sống đang đi dần vào ổn định.

Kết quả của công tác xây dựng và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa có tác dụng đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch nhà nước hai năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của địa phương, thu nhiều thắng lợi đưa sản xuất công nông nghiệp và các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển với tốc độ khá nhanh.

Về sản xuất nông nghiệp, đã có nhiều cố gắng tập trung giải quyết lương thực là vấn đề quan trọng bậc nhất hiện nay, đã thấy rõ hơn vị trí của hoa màu nên đã coi trọng trồng cây có chất bột, đẩy mạnh hơn trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Lãnh đạo nông nghiệp đã bước đầu đi vào khoa học - kỹ thuật, tăng năng suất, tăng vụ, tăng diện tích và xây dựng mạng lưới thủy lợi. Trong chiến dịch sản xuất Lê Hồng Phong đã phát động quần chúng tiến lên với khí thế mới tấn công vào nghèo nàn lạc hậu. Công tác khoanh vùng nông nghiệp đã bắt đầu thực hiện tạo

nên khả năng mới phát triển nông nghiệp mạnh mẽ và toàn diện. Nhờ vậy, đã đưa giá trị tổng sản lượng nông nghiệp hằng năm tăng 9,2%, giá trị sản lượng trồng trọt tăng 12,4%, lương thực tăng 10,1%, giá trị sản lượng trồng trọt tăng 12,4%, diện tích cây công nghiệp tăng 20%, chăn nuôi tăng 5%, nghề rừng tăng 5,1%, giải quyết căn bản nạn đói lưu niên ở vùng cao. Nghề rừng và một số cây công nghiệp đã bắt đầu trở thành sản phẩm hàng hóa góp phần nâng cao thêm một bước đồi sống nhân dân các dân tộc.

Về sản xuất công nghiệp đã có những bước tiến bộ rõ rệt, đang phát huy tác dụng tích cực đối với nền kinh tế vốn thấp kém và lạc hậu của tỉnh ta. Các xí nghiệp của Trung ương đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ kế hoạch nhà nước hằng năm trước thời hạn, đã tiến bộ nhiều về trình độ quản lý sản xuất, kỹ thuật và kinh doanh, thực hiện có kết quả tốt chế độ và nguyên tắc quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa. Xí nghiệp quốc doanh địa phương phát triển với tốc độ nhanh, mạnh về vốn, thiết bị, công nhân và cơ sở sản xuất. Các loại sản phẩm ngày càng được mở rộng và phát triển mới đang phục vụ tích cực cho sản xuất nông nghiệp và các ngành sản xuất khác, cho đời sống và xuất khẩu. Thủ công nghiệp tuy đang trong thời kỳ tiếp tục xây dựng, cơ sở còn ít, trình độ năng lực sản xuất còn thấp cũng đã cố gắng sản xuất thêm nhiều mặt hàng phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu, hỗ trợ một phần cho công nghiệp địa phương.

Tổng sản lượng công nghiệp năm 1962 so với năm 1960 tăng 22,7%, đưa tỷ trọng giá trị tổng sản lượng công, nông nghiệp lên 19,8%. Riêng công nghiệp quốc doanh địa phương bình quân trong 2 năm tăng 31,7%.

Về mặt kiến thiết cơ bản, tuy ngân sách có hạn nhưng cũng đã dành một phần rất lớn, tăng nhanh thêm tốc độ và chất lượng thiết kế thi công, bước đầu xây dựng đô thị và thị trấn mới theo quy hoạch, xây dựng thêm nhiều công trình phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống văn hóa của nhân dân.

Về giao thông vận tải đã khai thông thêm đường sá từ tỉnh xuống huyện và khu vực, đã chú trọng mở rộng các đường kinh tế, tăng cường phương tiện vận tải, giải quyết một phần quan trọng yêu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân các vùng xa xôi hẻo lánh.

Ngành bưu điện, truyền thanh đã có nhiều cố gắng trong việc mở rộng mạng lưới bưu điện xuống các khu vực, phát triển bưu điện chính đến thôn xóm, công tác phát hành báo chí được tăng cường, hệ thống truyền thanh đang được mở rộng đến một số huyện và xã có điều kiện.

Ngành thương nghiệp đã có nhiều cố gắng hơn trong công tác thu mua, phân phối, bình ổn vật giá, cải tiến quản lý kinh doanh có tác dụng góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất phục vụ đời sống và xuất khẩu. Tổng mức bán lẻ xã hội năm 1962 so với năm 1960 tăng 7,7%, bình quân 2 năm tăng 3,8%. Riêng khâu thu mua lương thực đã có nhiều tiến bộ, bình quân 2 năm tăng 6,6%.

Công tác tài chính, ngân hàng, tiền tệ có nhiều tiến bộ trong việc tăng thu, tiết kiệm chi, đầu tư vốn vào xây dựng cơ bản, thực hiện phân cấp quản lý có tác dụng ngăn chặn được một phần tệ nạn tham ô, lãng phí.

Đi đôi với phát triển kinh tế, công tác văn hóa xã hội có nhiều cố gắng mới. Ngành y tế đã đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh, ngăn chặn và giải quyết nhanh các bệnh dịch, nâng cao chất lượng điều trị. Khoa học - kỹ thuật đang có ảnh hưởng tốt đến nhân dân các dân tộc, cải tiến được nhiều tập quán sản xuất cũ, giảm dần tệ mê tín dị đoan. Ngành văn hóa đang được phát triển đúng hướng phục vụ tốt cho đấu tranh chính trị và sản xuất, chất lượng biểu diễn sáng tác, khai thác và cải tiến vốn dân tộc có nhiều kết quả tốt. Ngành giáo dục đã mở rộng hệ thống trường ở phổ thông và vở lòng xuống xã, thôn, đẩy mạnh phong trào bồi túc văn hóa, đã có nhiều cố gắng trong phong trào học chữ Mèo, làm cho phong trào đó đang trở thành phong trào quần chúng mạnh mẽ.

Công tác bảo vệ trật tự an ninh có nhiều thành tích trong việc duy trì trật tự an ninh của địa phương, ngăn chặn được âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản cách mạng. Các lực lượng quân đội chính quy, công an nhân dân vũ trang tiến bộ về các mặt tư tưởng, chính trị, kỹ thuật, chiến thuật. Các lực lượng dân quân tự vệ, công an qua thử thách được trưởng thành rõ rệt. Nói chung, lực lượng vũ trang và bán vũ trang ngày càng được củng cố bảo đảm tính chất giai cấp và tính chất trong sạch, bảo vệ tốt *chế độ* và *Nhà nước trong địa phương ta*.

Tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng được củng cố phát triển một bước, ngày càng phát huy chức năng của hệ thống chuyên chính vô sản. Khối liên minh công nông, khối đoàn kết dân tộc ngày càng được tăng cường, do đó đã củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân.

Hàng ngũ của Đảng ngày càng được củng cố, mở rộng và lớn mạnh hơn. Cơ sở đảng được phát triển tương đối nhanh và mạnh. Trình độ tư tưởng cán bộ, đảng viên được không ngừng tiến bộ về chính trị, văn hóa, nghiệp vụ và kỹ thuật nhất là tư tưởng giai cấp công nhân đang được nâng cao. Sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đã có chuyển hướng tốt vào việc lãnh đạo chấp hành chính sách, nắm công tác trung tâm sản xuất ngày càng vững vàng hơn, tác phong đi sát quần chúng, sát cơ sở có tiến bộ hơn.

Đại hội cho rằng những thắng lợi đã giành được trong 2 năm qua đã tạo nên sự chuyển biến mới trong đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa của tỉnh ta. Quan hệ sản xuất mới đang được củng cố và phát huy tác dụng tích cực, cơ sở vật chất - kỹ thuật tuy mới xây dựng còn nhỏ bé nhưng đang đi vào khai thác lực lượng tiềm tàng của địa phương, nền kinh tế đã bước đầu đi vào sản xuất có kế hoạch và toàn diện hơn, đã có một phần sản xuất hàng hóa cung cấp cho yêu cầu xây dựng và xuất khẩu, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, xã hội, bảo vệ trật tự an ninh, nâng cao một bước đời sống của cán bộ, công nhân viên và nhân dân các dân tộc.

Nguyên nhân thắng lợi là do có Nghị quyết Đại hội đại biểu¹ toàn quốc lần thứ III, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và sự quan tâm động viên chỉ dẫn của các đồng chí Trung ương lên thăm Lào Cai soi đường chỉ lối; là do đường lối đúng đắn của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III và sự chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉnh, mạnh dạn, cụ thể của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, các đảng bộ các cấp và do tinh thần quyết tâm đoàn kết nhất trí của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc đã lao động cần cù, sáng tạo, dũng cảm vượt mọi khó khăn, phấn đấu thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng. Đại hội thay mặt toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Ban Chấp hành Trung ương Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch kính mến, nhiệt liệt biểu dương những thành tích đã đạt được của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Đại hội thấy rằng qua việc vận dụng đường lối của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, các Nghị quyết lần thứ năm và lần thứ bảy và các nghị quyết khác của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào tình hình cụ thể của Lào Cai trong 2 năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và mới đây được Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng soi sáng thêm, có thể rút ra một số vấn đề cơ bản sau đây để tiếp tục phát huy những khả năng tiềm tàng của địa phương và ra sức khắc phục những nhược điểm thiếu sót tồn tại:

1. Cùng với nhân dân miền Bắc, nhân dân Lào Cai chúng ta đang từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đến nay ở tỉnh ta quan hệ sản xuất mới đã được xác lập và đang được củng cố nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật mới được xây dựng còn nhỏ yếu, chưa làm chỗ dựa vững chắc cho quan hệ sản xuất mới phát huy hết tác dụng. Vì vậy, nền kinh tế của tỉnh ta đến nay vẫn căn bản là một nền kinh tế

1. Từ chúng tôi thêm vào - BT.

thủ công và lạc hậu, tự cấp tự túc, giữa các ngành sản xuất và ngay trong nội bộ một ngành còn mất cân đối, có mặt còn mất cân đối nghiêm trọng. Đây là khó khăn lớn nhất và lâu dài của tỉnh ta.

Muốn giải quyết dần dần sự mất cân đối ấy phải xác định phương hướng sản xuất đúng đắn cho nền kinh tế tỉnh ta tiến lên một nền kinh tế có nhiều sản phẩm hàng hóa, để có điều kiện đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội tương ứng với quan hệ sản xuất mới xác lập.

Thực tiễn 2 năm xây dựng đã chỉ rõ tỉnh ta có điều kiện và khả năng xây dựng một nền kinh tế toàn diện và phồn vinh. Trong đó ba ngành sản xuất chủ lực cần được tập trung xây dựng và phát triển là công nghiệp, nông nghiệp toàn diện và nghề rừng.

- Về công nghiệp, tỉnh ta đã có một số xí nghiệp trung ương lớn, có nhiều mỏ quý, nên tương lai xí nghiệp trung ương còn phát triển thêm. Tỉnh ta lại có nhiều lâm sản, đặc sản và cây công nghiệp nên có điều kiện phát triển mạnh công nghiệp địa phương nhất là công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến. Công nghiệp phát triển sẽ đóng góp một phần lớn cho tích lũy xây dựng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của toàn quốc, của địa phương, phục vụ tốt cho nông nghiệp, cho thủ công nghiệp phát triển và cải thiện đời sống nhân dân.

- Về nông nghiệp, tỉnh ta có đặc điểm là ruộng nương nhiều, có khí hậu ôn đới, nhiệt đới, lại có nhiều đồng cỏ. Với công tác bước đầu thực hiện khoanh vùng vừa qua, cho thấy tỉnh ta có điều kiện phát triển nông nghiệp toàn diện, dựa trên ba ngành sản xuất chủ yếu là: Cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi. Chỉ có trên cơ sở tự túc lương thực mới có điều kiện đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và các ngành kinh tế khác. Nhưng vì tỉnh ta ruộng ít đồi núi nhiều, nên lương thực chính không chỉ có lúa ngô mà phải kể cả khoai, sắn, đao riêng và các cây có chất bột khác. Tỉnh ta đồi núi chỉ có phát triển mạnh cây công nghiệp mới có năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Chăn nuôi cũng phát triển mạnh cân đối với phát triển cây lương thực và cây công nghiệp.

- Về nghề rừng, tỉnh ta 95% diện tích là rừng núi. Hiện nay, rừng bị tàn phá nhiều nhưng nếu khai thác đi đôi với cải tạo tu bổ và trồng thêm thì rừng là một nguồn lợi vô tận của tỉnh ta. Nó là nguồn sản phẩm hàng hóa lớn nhất của tỉnh ta hiện nay và sau này, nên cần đặt nghề rừng lên đúng vị trí quan trọng của nó.

Trong khi xác định phương hướng sản xuất đúng đắn để phát triển lực lượng sản xuất tương ứng với quan hệ sản xuất mới đã được xác lập ở tỉnh ta, chúng ta còn phải thấy tỉnh ta từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ở một tỉnh miền núi có nhiều dân tộc xen kẽ, có nhiều vùng khác nhau, giữa các dân tộc các vùng phát triển lại không đều nhau. Thực tiễn hai năm qua đã chỉ rõ trong lãnh đạo, chỉ đạo ta vẫn chưa quán triệt hết đặc điểm địa phương nên xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới còn rập khuôn máy móc. Ta đã vội đưa một số hợp tác xã nhỏ vào hợp tác xã hợp nhất chưa đủ điều kiện đã phát triển hợp tác xã vùng cao quá nhanh chạy theo số lượng mà không tính đến điều kiện tồn tại và phát triển của nó. Một số hợp tác xã xây dựng tuy đủ điều kiện nhưng lại không được củng cố tốt. Chính khuyết điểm này là nguyên nhân làm cho số lượng hợp tác xã giảm sút trong 2 năm qua, gây nên tâm lý kém phấn khởi về phong trào hợp tác xã trong một bộ phận cán bộ và nhân dân. Chúng ta phải khẳng định những khuyết điểm thiếu sót đó thuộc về nhân tố chủ quan, chứ không phải nhân tố khách quan, bản chất hợp tác xã vẫn là tốt, con đường tiến lên của các dân tộc tỉnh ta vẫn phải là con đường làm ăn tập thể của chủ nghĩa xã hội.

2. Đặc điểm của miền Bắc nước ta và tỉnh ta hiện nay là đã bước sang giai đoạn lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, đồng thời tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa. Tình hình đó đòi hỏi lãnh đạo của Đảng bộ ta phải chuyển nhanh từ lãnh đạo kinh tế cá thể phân tán trước đây sang lãnh đạo kinh tế tập trung với quy mô ngày càng lớn và toàn diện hơn theo phương pháp quản

lý kinh tế xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân. Thực tiễn hai năm qua cho thấy Đảng bộ ta tuy đã có nhiều cố gắng chuyển hướng mới trong lãnh đạo, nhưng nhìn chung trình độ quản lý kinh tế vẫn còn thấp, lãnh đạo còn phân tán và nhất là chưa đi sâu vào lãnh đạo khoa học - kỹ thuật. Biểu hiện của lãnh đạo phân tán là còn có hiện tượng chưa chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết, chính sách và chế độ thể lệ của cấp trên, còn cục bộ bản vị thiếu tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, chỉ đạo còn có việc chưa kịp thời và thiếu toàn diện. Lê lối làm việc chưa được cải tiến, còn thiếu khẩn trương và nhạy bén với tình hình mới. Trong hợp tác xã nông nghiệp sản xuất và kinh doanh chưa có phương hướng rõ rệt, văn hóa vẫn còn có tính chất sản xuất theo lối tự cấp tự túc.

Biểu hiện của lãnh đạo chưa đi sâu vào khoa học - kỹ thuật, nổi bật nhất là trong lãnh đạo sản xuất nông nghiệp chưa tích cực cải tiến kỹ thuật, nên năng suất cây trồng tăng chậm, quản lý lao động và tài vụ trong các hợp tác xã còn kém. Trong công nghiệp chưa đi vào quản lý tốt nghiệp vụ kỹ thuật, sử dụng chưa hết công suất máy móc và chất lượng sản phẩm sản xuất ra còn kém. Cần phải làm cho toàn Đảng bộ nhận thức rõ cán bộ, đảng viên ta có nhiệt tình cách mạng là tốt nhưng không thể đem nhiệt tình cách mạng thay thế cho khoa học - kỹ thuật được mà phải đem nhiệt tình cách mạng ấy vào học tập khoa học - kỹ thuật và lãnh đạo khoa học - kỹ thuật mới đáp ứng kịp yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

3. Để xây dựng Lào Cai tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và dần dần tiến kịp miền xuôi điều có ý nghĩa quyết định là phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường sức hoạt động của hệ thống chuyên chính vô sản các cấp, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục động viên nhiệt tình cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân các dân tộc. Thực tiễn hai năm qua đã chỉ rõ, nhờ cơ sở Đảng được phát triển và củng cố, sự hoạt động tiến bộ ngày càng đúng

với chức năng của chính quyền các cấp, của các đoàn thể quần chúng và động viên được nhiệt tình cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân các dân tộc, nên tinh ta đã đạt được những thành tích to lớn. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển của cách mạng thì ba mặt nói trên còn nhiều khuyết điểm và tồn tại cần phải khắc phục trong thời gian tới để tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn.

Chi bộ Đảng là hạt nhân lãnh đạo mọi mặt hoạt động ở cơ sở, nhưng mới đang ở thời kỳ xây dựng chất lượng lãnh đạo chưa cao, còn nhiều cơ sở sản xuất chưa có đảng viên và chi bộ nhất là ở nông thôn vùng cao.

Các tổ chức chính quyền, quần chúng tuy đã được tăng cường tính chất giai cấp, tính chất dân tộc nhưng chất lượng hoạt động còn thấp, chưa phát huy đầy đủ chức năng của chuyên chính vô sản. Bộ máy tổ chức từ tỉnh đến huyện, lề lối làm việc chưa được cải tiến, chưa được kiện toàn, nên tình trạng quan liêu, lãng phí và tham ô còn xảy ra nhiều.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên phát triển mạnh, tư tưởng chính trị nói chung tốt, nhưng nhận thức của cán bộ, đảng viên chuyển biến chưa kịp với sự phát triển của cách mạng, nên còn tồn tại những tư tưởng phổ biến như: Tự do, tản mạn, bảo thủ hẹp hòi, ngại khó, ngại khổ, dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi và tự ti dân tộc.

Nhân dân các dân tộc tinh ta nói chung rất tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái lao động sản xuất và chấp hành chính sách của Đảng và Chính phủ, nhưng do mới đi vào làm ăn tập thể, nên ý thức xã hội chủ nghĩa, nhất là ý thức công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chưa cao, ý thức làm chủ tập thể, ý thức cần, kiệm, tự lực cánh sinh, tinh thần cảnh giác cách mạng đối với âm mưu địch chưa được phát huy đầy đủ.

Để tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn, nhằm hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, trước mắt là hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1963, Đại hội cho rằng: Toàn Đảng,

toàn dân tỉnh ta cần phát huy những ưu điểm thành tích to lớn đã giành được trong 2 năm qua, không chủ quan tự mãn với những thắng lợi đó. Đồng thời, Đại hội cũng cho rằng đi đôi với phát huy những ưu điểm thành tích to lớn ấy, cần phải làm cho toàn Đảng, toàn dân thấy rõ và thấy hết những khó khăn tồn tại, nhất là khó khăn tinh ta từ một nền kinh tế lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và đất nước còn tạm thời bị chia cắt làm hai miền để cản bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc nâng cao hơn nữa nhiệt tình cách mạng, tiến lên khắc phục khó khăn, với khẩu hiệu: "Tất cả cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".

Đại hội nhất trí thông qua nhiệm vụ chung của Đảng bộ từ nay đến hết năm 1965: "Dựa trên quan hệ sản xuất mới được xác lập, không ngừng nâng cao truyền thống đoàn kết đấu tranh, tinh thần cảnh giác cách mạng xã hội chủ nghĩa, tinh thần đồng cam cộng khổ, lao động cần cù và anh dũng của nhân dân các dân tộc thiểu số, đa số ở tinh ta, nhằm phát huy những thắng lợi đã giành được, khắc phục khó khăn gian khổ, tập trung sức lực từng bước xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân một cách có trọng điểm; trước hết là công nghiệp chế biến (nông, lâm, thực phẩm), nông nghiệp, nghề rừng và giao thông vận tải.

Để thực hiện nhiệm vụ cơ bản ấy, phải tích cực củng cố xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang bán vũ trang, giữ gìn trật tự an ninh ở địa phương. Trên cơ sở đó ra sức củng cố và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sơ bộ phân vùng sản xuất nông nghiệp thích hợp với đặc điểm từng nơi, đi đôi với việc bố trí hợp lý sức lao động trong các ngành kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội, đẩy mạnh sản xuất, nhằm phát triển kinh tế và văn hóa với tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, làm cho tinh ta có công nghiệp địa phương khá, có nông nghiệp toàn diện, có nghề

rừng, chăn nuôi (kể cả nuôi cá) và nghề phụ gia đình phát triển cân đối. Đến năm 1965 nhân dân tỉnh ta sẽ tự túc được lương thực và có một phần dự trữ trong nhân dân, góp phần cung cấp lương thực cho đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế ở Lào Cai; đồng thời có sản phẩm hàng hóa nông lâm đặc sản cho Nhà nước nhiều hơn, tăng cường tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, góp phần củng cố miền Bắc về mọi mặt làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà".

Để thực hiện nhiệm vụ chung trên đây phải thực hiện những nhiệm vụ cơ bản là:

1. Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật thêm một bước phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp, các ngành kinh tế khác và văn hóa xã hội phát triển một cách có trọng điểm và cân đối.

2. Tiếp tục cải tạo và từng bước hoàn thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, tiểu thương, củng cố thành phần kinh tế quốc doanh, tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, tăng cường quan hệ công nông liên minh.

3. Tiếp tục nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, kinh tế, tinh thần cảnh giác và tinh thần công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong nhân dân, đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, quản lý hợp tác xã và công nhân lành nghề một cách có trọng điểm có tỷ lệ cân đối. Vận dụng phổ biến và rút kinh nghiệm công tác khoa học và kỹ thuật, trong các ngành sản xuất công nông nghiệp... nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu phát triển kinh tế và văn hóa xã hội chủ nghĩa.

4. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động làm cho nhân dân ta đã được ăn no mặc ấm, tăng thêm sức khỏe, có thêm nhà, thêm đồ dùng trong

gia đình và được học tập, mở mang cho sự nghiệp phúc lợi công cộng bước đầu xây dựng đời sống mới ở nông thôn và thành thị.

5. Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế và văn hóa, cần ra sức củng cố xây dựng Đảng, chính quyền các tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang tăng cường trật tự trị an ở địa phương, gop phần bảo vệ sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Quán triệt những nhiệm vụ trên, toàn Đảng phải làm tốt cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc", cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu", và cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế ở miền núi, và chấp hành tốt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Ban Chấp hành Tỉnh ủy.

II

Đại hội nhất trí thông qua phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất với các chỉ tiêu lớn như sau:

- Tổng giá trị sản lượng công nghiệp và nông nghiệp tăng hơn năm 1960 là 72,9%, đưa tỷ trọng công nghiệp từ năm 1960 là 19,3% đến năm 1965 là 24,3%.

- Tổng giá trị sản lượng công nghiệp (bao gồm thủ công nghiệp) tăng hơn năm 1960 gấp 2,1 lần, bình quân hằng năm tăng 16,8%: nhóm A tăng bình quân 14%, nhóm B tăng bình quân 20,4%. Công nghiệp quốc doanh tăng hơn năm 1960 gấp 3,5 lần. Thủ công nghiệp tăng bình quân hằng năm trên 6%.

- Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tăng hơn năm 1960 là: 62,2%, bình quân hằng năm tăng 9,7%. Giá trị trồng trọt tăng bình quân 10,2%, giá trị chăn nuôi tăng bình quân 19,3%, giá trị sản phẩm nghề phụ khác tăng bình quân 9,3%.

Đưa hệ số sử dụng đất từ 1,16 (1960) lên 1,31 (1965). Riêng ruộng cần đưa hệ số lên hơn nữa là ruộng ở vùng thấp. Đưa diện tích gieo cấy bình quân theo đầu người từ 2.186 thước vuông (1960) lên 2.450 thước vuông (1965). Đưa năng suất lúa từ 22,3 tạ (1958-1960) lên 22,86 tạ (1965), tăng 2,51%. Bình quân hằng năm tăng 0,5%, trong đó chiêm từ 23,17 tạ 1 công mẫu lên 25 tạ 1 công mẫu (1965), tăng 9,2%, bình quân hằng năm tăng 1,6%, mùa 26,26 tạ 1 công mẫu lên 26,50 tạ một công mẫu (1965) tăng 0,1%. Lúa nương từ 11,74 tạ 1 công mẫu xuống 9,65 tạ 1 công mẫu (1965), ngô từ 11,49 tạ 1 công mẫu (1960) xuống còn 10,50 tạ 1 công mẫu (1965), khoai từ 62,53 tạ 1 công mẫu (1958-1960) lên 75 tạ 1 công mẫu (1965) tăng 16%, sắn từ 142 tạ 1 công mẫu (1960) xuống còn 100 tạ 1 công mẫu (1965).

Cố gắng phấn đấu về các loại lúa đạt 24.300 tấn, về ngô, khoai, sắn gấp 3,8 lần năm 1960, về đao riêng đạt 15.000 tấn, đưa mức bình quân lương thực tính theo đầu người là 356 kg và tính bình quân nhân khẩu nông nghiệp là 422 kg.

- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa xã hội tăng 67% so với năm 1960, bình quân hằng năm tăng 1%.

Để thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ và các chỉ tiêu trên đây cần chú trọng giải quyết.

1. Về công nghiệp: Cần hết sức chú ý đến việc xây dựng công nghiệp quốc doanh địa phương, phát triển thủ công nghiệp mạnh mẽ, tranh thủ sự hỗ trợ của công nghiệp trung ương đóng tại địa phương, phát huy tác dụng của công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân phục vụ nông nghiệp ngày càng tốt hơn.

Đối với công nghiệp địa phương, nâng cao năng lực sản xuất, phát huy công suất máy móc của những cơ sở vật chất đã được xây dựng như: Cơ khí, mộc xẻ, đường, rượu, dầu, nhầm cung cấp một phần tư liệu sản xuất, vật phẩm tiêu dùng cho nhân dân địa phương góp phần xuất khẩu cho trung ương. Đi đôi với củng cố phát huy cơ sở sẵn có, cần tính toán khả năng mọi mặt tiếp tục xây

dựng cơ sở chế biến nông, lâm thổ sản, thực phẩm với quy mô nhỏ hoặc vừa để phục vụ sản xuất nông nghiệp phát triển.

Đồng thời với việc xây dựng, củng cố công nghiệp quốc doanh cần chú ý tận dụng mọi khả năng giúp đỡ cho thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn nữa ở các thị xã, thị trấn, đẩy mạnh thủ công nghiệp gia đình trong nông thôn. Tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp. Tăng cường củng cố về mọi mặt các cơ sở hợp tác xã thủ công nghiệp hiện có, chú ý giáo dục chính trị và chính sách cho công nhân, thủ công nghiệp, giúp đỡ nâng cao trình độ quản lý tài vụ và kế toán, tăng cường thêm thiết bị cải tiến kỹ thuật, nâng dần trình độ năng lực sản xuất từ thấp đến cao, từ thủ công lên nửa cơ giới và cơ giới ở những cơ sở có điều kiện. Tăng cường giúp đỡ sản xuất và tiêu thụ, sửa đổi những điểm chưa hợp lý có ảnh hưởng đến thực hiện phát triển sản xuất thủ công nghiệp (giá cả, chế độ thù lao...), thực hiện chuyển dần chế độ gia công sang ký kết hợp đồng kinh tế, bổ sung cán bộ cho phong trào thủ công nghiệp.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các xí nghiệp trung ương trên các mặt đã được phân cấp theo tinh thần Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức ngày càng gắn chặt với công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật, theo dõi đôn đốc kiểm tra thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, các chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm hoàn thành kế hoạch hằng năm và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất một cách toàn diện vững chắc.

Tiến hành phân công hợp lý giữa công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp về các mặt hàng sản xuất, thực hiện sự hỗ trợ hợp tác một cách chặt chẽ và có kế hoạch giữa công nghiệp trung ương với công nghiệp địa phương, giữa công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp.

Trong thời gian tới, cần phải tập trung giải quyết nâng cao một bước trình độ ngành nghề của công nhân, trình độ kỹ thuật và quản lý kinh tế cho cán bộ, kiện toàn chế độ và nguyên tắc quản lý

xí nghiệp xã hội chủ nghĩa: Đảng ủy lãnh đạo toàn diện, thủ trưởng phụ trách, công nhân tham gia quản lý. Thực hiện tốt cuộc vận động ba xây ba chống, xây dựng một cách khá phổ biến nhiều tổ, đội lao động tiên tiến, mở rộng từng bước phong trào phấn đấu giành danh hiệu tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa đưa phong trào thi đua tiến lên không ngừng và ngày càng đi sâu vào nội dung hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý. Phấn đấu không ngừng tăng năng suất lao động, hạ giá thành, bảo đảm chất lượng sản phẩm, thực hiện khẩu hiệu nhanh, nhiều, tốt, rẻ.

2. Về nông nghiệp: Tiếp tục lấy cốt xây dựng hợp tác xã, tổ đổi công đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp làm nhiệm vụ công tác trọng tâm thường xuyên, ra sức phát huy ưu thế của đặc điểm miền núi xây dựng nền nông nghiệp toàn diện trở thành cơ sở vững chắc cho công nghiệp phát triển.

Phải tập trung lực lượng ra sức phấn đấu sản xuất cây lương thực bao gồm lúa, ngô, khoai, sắn, đao riêng các loại đậu và các cây có chất bột khác. Trên cơ sở đó, coi trọng và đẩy mạnh chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, nghề rừng, cố gắng đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp địa phương và có thêm sản phẩm hàng hóa xuất khẩu.

Để thực hiện nền nông nghiệp phát triển toàn diện, phải tiếp tục tiến hành sơ bộ việc phân vùng sản xuất nông nghiệp thích hợp với đặc điểm tình hình của từng nơi, phải xác định phương hướng sản xuất cho từng xã, hợp tác xã, chú trọng tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các dân tộc thiểu số vùng cao tiến tới thực hiện định canh, định cư. Cần tập trung sức lực, vốn đầu tư, kỹ thuật giải quyết vấn đề phân vùng một cách mạnh mẽ có trọng điểm, vận dụng phương châm tăng vụ tăng năng suất, tăng diện tích vào từng vùng từng loại cây trồng một cách linh hoạt; đồng thời cụ thể hóa chính sách của Trung ương vào địa phương, để đạt chính sách với Trung ương để kích thích phát triển sản xuất theo kế hoạch (như chăn nuôi, điều hòa lương thực cho vùng cây công nghiệp, cây

ăn quả, vùng khai thác lâm đặc sản, làm đường giao thông vận chuyển một cách có trọng điểm). Hướng phát triển của từng vùng là: Vùng thấp đẩy mạnh sản xuất lương thực là chủ yếu, vùng giữa phát triển chăn nuôi, vùng cao trồng cây công nghiệp. Hướng chủ yếu nêu trên để tập trung lãnh đạo sản xuất trở thành sản phẩm hàng hóa ngày càng nhiều, nhưng không phải loại trừ tất cả các loại cây sản xuất khác có tập quán của quần chúng săn có, mà quần chúng vẫn được sản xuất có kế hoạch và yêu cầu bình thường của mình.

Việc khai hoang cần phải đẩy mạnh hơn nữa theo kế hoạch. Coi trọng khai hoang xen kẽ, khai hoang gần và nhỏ của nhân dân địa phương. Kết hợp khai hoang trồng trọt với bảo vệ rừng và đồng cỏ, chăn nuôi. Phải có biện pháp chống xói mòn, bạc màu trong khai hoang. Thành lập cơ quan khai hoang giúp tinh chỉ đạo công tác khai hoang và thực hiện cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi.

Những nhiệm vụ và biện pháp kỹ thuật liên hoàn cần được xúc tiến khẩn trương mạnh mẽ hơn, đặc biệt chú trọng vấn đề thâm canh tăng năng suất, chống xói mòn. Về nước, phát huy nguồn nước làm thủy lợi nhiều hơn nữa thực hiện giữa nước tốt và tưới đúng kỹ thuật, chú ý thủy lợi vùng cao. Nơi nào có điều kiện và cần thiết kết hợp làm thủy lợi với thủy điện để phục vụ sản xuất, chế biến xay xát nông sản phẩm, đưa ánh sáng văn minh đi sâu vào các vùng dân tộc. Kết hợp với công tác thủy lợi tiến hành đo đạc vùng thấp và sơ bộ phân loại chất đất từng bước cải tạo đất đai vận dụng khoa học - kỹ thuật vào gieo trồng ở đất đồi núi, chống xói lở bạc màu một cách có hiệu quả hơn.

Đẩy mạnh phong trào cải tiến công cụ sản xuất, cải tiến phương tiện vận chuyển, tổ chức lao động hợp lý đưa mức áp dụng nông cụ cải tiến vào nông nghiệp khoảng 60% diện tích canh tác ruộng.

Tận dụng nguồn phân chuồng và các nguồn khác săn có ở địa phương, phát động quần chúng mạnh mẽ đưa mức phân bón cho lúa, ngô, khoai từ 2.800 mẫu tây lên 5.000 ki lô một mẫu tây bình quân năm 1965.

Cần chọn những giống tốt của địa phương mà phát triển lên là chủ yếu, việc lai tạo giống mới cần tiến hành thí điểm. Nhập nội giống mới ở vùng có điều kiện tiếp thu tốt và theo cách từ ít đến nhiều, có thí điểm kinh nghiệm chắc chắn không nhập hàng loạt vào nhiều nơi một lúc.

Cần xác định và nắn vững nông nghiệp từng vùng đổi với từng loại cây trồng mà có kế hoạch bảo đảm gieo cấy kịp thời vụ; bảo đảm thường xuyên chăm sóc đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh và tiêu trừ nó từ khi còn ở trong trứng.

Cần coi trọng đẩy mạnh chăn nuôi, để sử dụng những điều kiện thuận lợi về thức ăn gia súc và đồng cỏ của địa phương, nhằm bảo đảm sức kéo, phân bón, cung cấp thịt, sữa làm cho chăn nuôi trở thành ngành kinh tế quan trọng. Cần nghiên cứu một cách đầy đủ về các biện pháp, vận dụng chính sách thích hợp với đặc điểm của tình hình địa phương, để kích thích phát triển chăn nuôi mạnh hơn nữa, chú trọng chính sách giá cả, thu mua lương thực. Cần giải quyết tình trạng lạm sát, giải quyết tốt vấn đề giống, vấn đề phòng, chống dịch bệnh; hướng chăn nuôi cần gắn liền với việc phân vùng sản xuất, đẩy mạnh đàn trâu, bò hợp tác xã đồng thời khuyến khích chăn nuôi gia đình có kế hoạch. Vận động phong trào nuôi cá rộng rãi ở các hợp tác xã và gia đình.

Phải tiếp tục xây dựng hợp tác xã, các tổ đổi công làm cơ sở để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch. Đối với những hợp tác xã trình độ kém, xã viên làm ăn cá thể thì tích cực hướng dẫn tổ chức tổ đổi công tạo điều kiện tiến lên tổ chức hợp tác xã sau này. Chú ý tăng cường xây dựng tập thể của hợp tác xã đồng thời chú ý đúng mức đến kinh tế phụ gia đình. Đưa tỷ trọng kinh tế hợp tác xã ngày càng cao trên các mặt kinh doanh một cách vững chắc.

Cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với nông nghiệp, bố trí nhiều cấp ủy chuyên trách công tác này, kiện toàn bộ môn nông nghiệp giúp cấp ủy đi sâu nắm vững và phát hiện kịp thời những vấn đề mới. Giải quyết những vấn đề tồn tại một cách nhanh chóng và có hiệu quả nhất. Hướng dẫn hoạt động các ngành phục vụ nông nghiệp một cách cụ thể và tích cực hơn nữa.

Toàn Đảng bộ phải nắm vững, dựa thật chắc vào cuộc vận động quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc mà tích cực giải quyết tốt các vấn đề nông nghiệp, vấn đề hợp tác hóa hiện nay ở tỉnh ta.

3. Về nghề rừng: Phải coi trọng đúng mức vị trí của nghề rừng, nâng cao nhận thức về tác dụng của nghề rừng đối với cuộc sống của con người, đối với việc phát triển kinh tế của tỉnh ta, của miền Bắc về trước mắt cũng như lâu dài để có kế hoạch bảo vệ rừng, khai thác rừng một cách hợp lý nhất và kinh tế nhất. Gắn liền với việc phân vùng sản xuất, xúc tiến quy hoạch toàn diện lâu dài của nông nghiệp với lâm nghiệp, định rõ nơi có nghề rừng phải được coi là nghề chính để phân công thích đáng việc bảo vệ, tu bổ, cải tạo và trồng rừng cho xã và hợp tác xã. Nghiên cứu thí điểm xây dựng hợp tác xã nông lâm nghiệp ở vùng có nhiều rừng, nhằm bố trí lực lượng lao động vừa bảo đảm sản xuất lương thực theo kế hoạch, vừa khai thác rừng, tăng thêm thu nhập cho xã viên. Đối với vùng cao chủ yếu là bảo vệ và trồng rừng, trồng cây công nghiệp kết hợp với làm ruộng bậc thang, chống xói lở bạc màu. Đối với vùng thấp chủ yếu là khai thác, đi đôi với cải tạo bảo vệ tu bổ và trồng thêm rừng.

Việc tổ chức khai thác, thu mua lâm sản, đặc sản cần có quy cách rõ ràng, tránh tình trạng khai thác bừa bãi gây ra lãng phí. Củng cố lực lượng quốc doanh, nâng cao năng suất lao động khai thác và vận chuyển trên cơ sở hợp lý hóa tổ chức, cải tiến công cụ chặt chẽ và chuyên, bảo đảm hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch

nhà nước hằng năm. Nghiên cứu bước đầu chế biến lâm sản tại chỗ sử dụng tốt cành ngọn. Vận động, giáo dục các tầng lớp nhân dân tham gia bảo vệ, trồng cây gây rừng, chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước đối với việc bảo vệ rừng, kiên quyết xử lý thích đáng những hành động vi phạm pháp luật Nhà nước về rừng.

4. Về xây dựng cơ bản: Cân cố gắng tập trung vốn dùng vào công tác xây dựng cơ bản, chú trọng khu vực sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải nhằm tăng cường thêm cơ sở vật chất kỹ thuật đồng thời có tỷ lệ thích đáng đối với việc nâng cao phúc lợi vật chất cho công nhân, viên chức và nhân dân các dân tộc, đi đôi với việc sử dụng vốn một cách tiết kiệm nhất nhưng có hiệu quả kinh tế tốt nhất.

Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản theo đúng trình tự, theo đúng kế hoạch một cách vững chắc, bảo đảm yêu cầu chất lượng và yêu cầu xây dựng hằng năm, chú trọng bảo đảm kế hoạch năm sau phải được ổn định từ năm trước, giải quyết tốt khâu thiết kế thi công vật liệu, khắc phục tích cực tình trạng xây dựng kéo dài, dở dang gây ra ứ đọng lãng phí vốn. Thực hiện sự phân công tốt giữa các ngành, huyện đẩy mạnh công tác xây dựng sân phơi, kho tàng ở nông thôn, để tăng nhanh tốc độ xây dựng. Hoàn thành quy hoạch thị xã, thị trấn và một số hợp tác xã nông nghiệp.

5. Giao thông vận tải, bưu điện: Đẩy mạnh công tác giao thông vận tải một cách tích cực hơn, nhằm phục vụ tốt cho phát triển kinh tế, văn hóa, quốc phòng nhất là phục vụ cho việc phát triển nông nghiệp. Tiếp tục cải tạo và nâng cao chất lượng đường sá hiện nay, mở rộng các đường từ tỉnh đến huyện cho xe chạy tốt hơn, ra sức từng bước mở rộng những đường từ thôn ra đường trực. Mặt khác, tích cực vận động cải tiến xe vận chuyển thô sơ, đóng thêm thuyền trên sông Hồng, nhằm giảm phí lưu thông, bảo đảm yêu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa thường xuyên. Phải thực sự dựa vào lực lượng nhân dân đẩy mạnh công tác giao thông vận tải, phấn đấu từng bước giải phóng đôi vai, giảm bớt sức người vận chuyển.

Mở rộng, củng cố mạng lưới bưu điện và truyền thanh phục vụ kịp thời chỉ đạo và phục vụ tốt sản xuất và yêu cầu củng cố quốc phòng, phát triển kinh tế và văn hóa, mở rộng hệ thống truyền thanh ở thị xã, phát triển thêm ở thị trấn và nông thôn. Củng cố mở rộng bưu điện xã, nâng cao chất lượng nghiệp vụ, tu sửa và sử dụng tốt các thiết bị từng bước tiến tới sản xuất phụ tùng thay thế theo khả năng. Đẩy mạnh công tác phát hành báo chí rộng và đều hơn, nhất là đối với nông thôn.

6. Về thương nghiệp: Củng cố, phát triển hơn nữa công tác thương nghiệp ngày càng phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, cải thiện đời sống nhân dân. Chú trọng cải tiến công tác quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ đi đôi với mở rộng mạng lưới cơ sở ở khu vực. Thương nghiệp quốc doanh, thương nghiệp hợp tác xã hoàn thành cải tạo thương nghiệp tư nhân; quản lý tốt thị trường nhất là vùng biên giới nhằm ngăn chặn bọn buôn lậu đầu cơ và một số người bỏ sản xuất ra buôn bán; đẩy mạnh giao lưu hàng hóa, thắt chặt mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa sản xuất và lưu thông hàng hóa, thắt chặt mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa sản xuất và tiêu dùng, thực hiện tốt thu mua lương thực, đồng thời đẩy mạnh việc thu mua tốt các mặt hàng nông sản thành phẩm khác. Cán bộ, nhân viên thương nghiệp phải nắm vững chính sách sản xuất, phân phối, đi sâu đi sát cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Về ngoại thương, thực hiện đẩy mạnh xuất khẩu, tích cực khai thác nguồn hàng, bảo đảm quy cách phẩm chất, tăng thêm khối lượng hàng hóa. Cố gắng tập trung hàng nhập, trước hết là tư liệu sản xuất và một phần hàng hóa tiêu dùng thật cần thiết. Không ngừng tăng cường và thắt chặt mối quan hệ hữu nghị, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa nhân dân tỉnh ta và nhân dân tỉnh Vân Nam anh em.

7. Tài chính ngân hàng: Thực hiện tốt nhiệm vụ tăng thu để tăng chi, bảo đảm thu chi thăng bằng một cách tích cực, tăng

cường công tác quản lý tài chính thực hành tiết kiệm chống tham ô lãng phí, nâng cao trình độ hạch toán kinh tế. Huy động vốn nhàn rỗi của nhân dân nhằm phục vụ sản xuất công, nông nghiệp phát triển. Tăng cường công tác kiểm tra phát huy chức năng giám đốc tài chính, củng cố lại trật tự bộ máy tài vụ thu chi trong các ngành, các cấp nhất là trong các cơ sở sản xuất kinh doanh đồng thời đào tạo và bồi dưỡng kế toán cho các cơ sở sản xuất. Góp phần tích cực của mình tham gia thực hiện tốt cuộc vận động ba xây ba chống, cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

8. Vấn đề lao động đời sống vật chất và văn hóa:

Điều quan trọng bậc nhất cần được tập trung giải quyết là phải đẩy mạnh nâng cao năng suất lao động trong các ngành sản xuất, hành chính sự nghiệp, chú trọng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Trên cơ sở phát triển sản xuất phấn đấu tích cực nâng cao đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân các dân tộc, giải quyết tốt một bước mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, bảo đảm yêu cầu thích đáng của quần chúng về ăn, ở, mặc, học tập, bảo vệ sức khỏe. Chú trọng giải quyết tốt khâu phân phối đến tận tay người tiêu dùng theo đúng tiêu chuẩn chế độ quy định, ổn định giá cả, thực hiện tốt chính sách tiền lương, và thực hiện mở rộng chế độ lương sản phẩm, tăng cường điều kiện phúc lợi về nhà ăn, nhà ở. Chú ý nâng cao trách nhiệm của mỗi người tham gia tự cải thiện đời sống và tiết kiệm tiêu dùng một cách hợp lý.

Cần cố gắng nhiều hơn để từng bước thanh toán tình trạng thấp kém về văn hóa, khoa học - kỹ thuật, cải tiến phong tục tập quán, tăng cường bảo vệ sức khỏe cho nhân dân các dân tộc.

Về giáo dục, tích cực thanh toán nạn mù chữ bằng chữ phổ thông hay chữ dân tộc cho đại bộ phận các xã vùng thấp, cho đại bộ phận lực lượng chủ chốt ở vùng cao. Kết hợp nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục trường phổ thông với việc học nghề, nâng cao quan điểm lao động trong giáo dục. Bổ túc văn hóa cân bảo đảm

đại bộ phận cán bộ trung cấp có trình độ lớp 7 toàn diện, cán bộ sơ cấp và nghiên cứu có trình độ tương đương cũng đạt tối trình độ lớp 7 về một số môn học chính. Việc học tập của mỗi loại cán bộ theo phương châm cần gì học nấy để đi sâu vào nghiệp vụ làm tốt công tác của mình. Đối với cán bộ cơ sở, phổ biến đổi với vùng cao phải thanh toán nạn mù chữ. Những cán bộ chủ chốt vùng cao cố gắng thanh toán lớp 1, vùng thấp cố gắng thanh toán lớp 3, thị xã thị trấn thanh toán cấp 1.

Cần xây dựng thêm câu lạc bộ, nhà truyền thống bảo tàng, mở rộng tổ chức thư viện đến hợp tác xã có điều kiện và các khu công nghiệp, tăng cường đội chiểu bóng nông thôn, đẩy mạnh công tác văn nghệ nâng cao chất lượng của đội văn công tỉnh. Trên cơ sở bản sắc các dân tộc mà nâng cao dần những kết quả sáng tác mang hình thức dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phong trào văn nghệ nghiệp dư của quần chúng.

Khoa học - kỹ thuật là một công tác hết sức quan trọng cấp thiết trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội cho nên cần phổ biến rộng rãi những kiến thức khoa học xuống nhân dân, phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các ngành kinh tế khác ở địa phương. Từng ngành phải vận dụng khoa học - kỹ thuật vào mọi mặt công tác và sản xuất, nhằm giảm được thời gian và cường độ lao động, đưa năng suất lên cao. Chú ý vấn đề nông cụ cải tiến, làm xe thô sơ, giữ độ ẩm cho đất, chọn giống... là những vấn đề thiết thân nhất đối với địa phương ta hiện nay. Phát huy khả năng sẵn có của lực lượng cán bộ kỹ thuật trong các ngành, kết hợp đẩy mạnh hoạt động của hội phổ biến khoa học - kỹ thuật, nhằm đưa đồng đảo quần chúng tiến quân mạnh mẽ vào lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, thành lập Ủy ban Khoa học của tỉnh.

Y tế, thể dục thể thao là hai mặt của việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người. Cần đẩy mạnh việc phòng bệnh rộng rãi đi đôi với việc tích cực chữa những bệnh tương đối phổ biến ở tỉnh ta như sốt rét, kiết lỵ, nâng cao chất lượng điều trị. Phải đẩy mạnh hoạt

động y tế trong các cơ sở xí nghiệp nông thôn và khai hoang, chú trọng bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và quan tâm đầy đủ hơn nữa đến sức khỏe của cán bộ.

Điều tra nguồn dược liệu, đẩy mạnh việc pha chế các loại thuốc theo khả năng có thể làm được để sử dụng nguồn dược liệu dồi dào của địa phương. Đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao, chú ý địa bàn nông thôn luyện tập thường xuyên buổi sáng, giữa giờ làm việc nâng cao kỹ thuật thể thao, đẩy mạnh khai thác thể thao dân tộc, thể thao quốc phòng, bảo đảm phong trào phát triển mạnh mẽ và thích hợp với từng lớp người từng dân tộc, từng địa phương.

Đại hội giao trách nhiệm cho Ban Chấp hành Tỉnh ủy lãnh đạo việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước được tốt, tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh những chỉ tiêu chưa thật thích hợp trong quá trình thực hiện.

Thực hiện tốt nhiệm vụ phuơng hướng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tỉnh ta sẽ có nhiều chuyển biến lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo ra những triển vọng mới, đưa nhân dân các dân tộc tiến lên những bước quan trọng hơn trên con đường thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Lào Cai.

Toàn thể Đảng bộ và nhân dân các dân tộc phải coi đó là mục tiêu phấn đấu trong hành động cụ thể của mỗi người, mỗi ngành mà ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn để hoàn thành những nhiệm vụ và chỉ tiêu đã đề ra.

III

Để bảo đảm thực hiện phuơng hướng và nhiệm vụ của Đảng bộ đã đề ra, Đại hội nhấn mạnh trong thời gian sắp tới phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phải củng cố và phát huy dân chủ vai trò chức năng của các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng các cấp, củng cố hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong nhân dân các dân tộc, cải tiến mạnh mẽ hơn công tác tổ chức,

công tác chỉ đạo thực hiện để tạo nên một sự chuyển biến mới trong toàn bộ hoạt động của Đảng bộ.

1. Tăng cường củng cố chính quyền các cấp trong thời gian tới phải nhằm nâng cao thêm một bước về vai trò, tác dụng, năng lực của chính quyền là công cụ chủ yếu của cách mạng bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ của Đảng đề ra, thực sự là cơ quan có quyền lực đốc đạo mọi công việc của địa phương. Phải coi trọng kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp về tổ chức, về nội dung trách nhiệm và lề lối làm việc, bảo đảm cho Ủy ban hành chính các cấp đủ người làm việc, nắm vững được khâu trung tâm là chỉ đạo sản xuất nông nghiệp toàn diện đồng thời phải chỉ đạo tốt các mặt công tác khác của địa phương. Củng cố và phát triển đúng chức năng, tác dụng của Hội đồng nhân dân các cấp, đẩy mạnh hoạt động của các ủy viên, thực hiện đúng Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực cao nhất của địa phương và bảo đảm sự liên hệ chặt chẽ giữa nhân dân và Nhà nước.

Phải chú ý đúng mức công tác kiện toàn, củng cố một bước các bộ môn giúp việc cấp ủy và chính quyền gắn liền chặt chẽ với công tác kiện toàn tổ chức, tinh giản bộ máy được gọn, nhẹ, làm cho các bộ môn phát huy tác dụng giúp chỉ đạo được tốt, chú trọng trước hết đối với các cơ quan chỉ đạo kinh tế.

2. Các lực lượng vũ trang và bán vũ trang phải được tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng về chính trị, chuyên môn kỹ thuật và chiến thuật, bảo đảm trở thành lực lượng cách mạng vững chắc, sẵn sàng chiến đấu, trung thành với Đảng và nhân dân vô hạn, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng, bảo vệ tính mạng tài sản, bảo vệ sản xuất, bảo đảm trật tự an ninh nhân dân, kiên quyết trấn áp kẻ thù. Chú trọng đặc biệt bồi dưỡng, củng cố kiện toàn tổ chức dân quân và công an xã. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang và bán vũ trang.

Phát huy khí thế cách mạng của nhân dân các dân tộc đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, bảo mật phòng gian

trong nội bộ, xây dựng các xã, khu phố, cơ quan, xí nghiệp an toàn; sử dụng mọi biện pháp thích hợp để ra sức cải tạo, giáo dục những phần tử lạc hậu, làm cho họ trở nên tiến bộ, nghiêm chỉnh chấp hành thể lệ biên giới, đồng thời sử dụng mọi biện pháp để quản lý biên giới được chặt chẽ.

Kết hợp tính tích cực của quần chúng với mọi biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn để kiên quyết đấu tranh chống âm mưu gián điệp, biệt kích của Mỹ - Diệm; kịp thời trấn áp những phần tử phản cách mạng, phá hoại hiện hành với tinh thần kiên quyết và thận trọng; phòng ngừa và kiên quyết ngăn chặn những hoạt động của bọn lưu manh, trộm cắp, tham ô, đầu cơ buôn lậu. Đề cao ý thức phòng và chữa cháy, bài trừ tệ nạn xã hội và phòng ngừa tai nạn lao động.

3. Tiếp tục phát triển và củng cố nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức quần chúng, thực hiện một bước cao hơn sự nhất trí về chính trị và tinh thần cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm sự phối hợp và thống nhất hành động ngày càng tốt hơn.

- Tổ chức công đoàn phải lấy củng cố là chính, bảo đảm trở thành chỗ dựa vững chắc của Đảng và chính quyền, là sợi dây nối giữa Đảng với đông đảo cán bộ, công nhân, viên chức, từng bước phấn đấu thực hiện công đoàn thực sự trở thành trường học quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, trường học của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Phải bảo đảm đại bộ phận cán bộ, công nhân, viên chức được thu hút vào tổ chức công đoàn và ngày càng được nâng cao chất lượng, nhằm xây dựng một đội ngũ lao động vững mạnh về chính trị, tổ chức và kỷ luật, có kiến thức khoa học - kỹ thuật ngày càng cao. Phải coi trọng củng cố công đoàn cơ sở ngay từ tổ, đội sản xuất, bộ phận công tác. Định rõ và thực hiện đúng nội dung trách nhiệm bảo đảm công đoàn ngày càng có tác dụng tích cực đối với đẩy mạnh phong trào thi đua, tham gia quản lý, đối với rèn luyện, giáo dục và chăm lo đời sống công nhân, viên

chức. Phải làm tốt việc xây dựng công đoàn bốn tốt, tiến tới mở đại hội công đoàn cơ sở đến tỉnh. Có kế hoạch thực hiện từng bước Nghị quyết 76 của Ban Bí thư về vai trò nhiệm vụ công đoàn trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- Tổ chức đoàn thanh niên lao động cần được củng cố đi đôi với phát triển đoàn viên ở những nơi còn ít hoặc chưa có, đặc biệt coi trọng địa bàn nông thôn, bảo đảm tổ chức thanh niên thực sự là cánh tay đắc lực của Đảng, làm đầu tàu trong các lĩnh vực công tác, là lực lượng hậu bị bổ sung đội ngũ trẻ cho Đảng và Nhà nước. Nhiệm vụ của Đoàn trong thời gian tới là phải đi sâu động viên lực lượng thanh niên tiến quân mạnh mẽ vào khoa học - kỹ thuật, giải quyết khó khăn mấu chốt có tác dụng đẩy mạnh sản xuất. Trước mắt, đẩy mạnh phong trào cải tiến công cụ sản xuất, công cụ chế biến, vận chuyển, làm phân, thủy lợi (trong nông nghiệp), phát huy sáng kiến hợp lý hóa sản xuất cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý (trong xí nghiệp công trường), ba cải tiến (trong cơ quan). Tổ chức thanh niên phải được kiện toàn từ cấp chi đoàn đến tỉnh. Cần cải tiến các hình thức hoạt động của thanh niên cho thích hợp, sinh động, phong phú hơn. Coi trọng công tác giáo dục thanh niên về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản và đạo đức mới: "Sống, làm việc, học tập theo gương những người Cộng sản", phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, đoàn kết với toàn bộ lực lượng thanh niên ngoài đoàn.

- Phải quan tâm hơn nữa công tác phát triển, củng cố tổ chức thiếu niên nhi đồng. Phải chú ý rèn luyện giáo dục thiếu niên nhi đồng về đức dục, trí dục, thể lực, nhằm phát triển khả năng, đào tạo lớp người mới của xã hội tương lai. Kết hợp giữa học tập với lao động sản xuất, giữa nhà trường với gia đình và hoạt động xã hội. Kiện toàn Ủy ban Thiếu niên nhi đồng của tỉnh, thành lập Ban phụ huynh ở các cơ sở.

- Tổ chức phụ nữ phải được củng cố và kiện toàn. Ban Chấp hành các cấp phải có đủ người làm việc và thực sự hoạt động nhằm

bảo đảm động viên lực lượng phụ nữ ngày càng đồng đảo tham gia tốt các hoạt động xã hội, trong việc tham gia quản lý nhà nước, chăm lo con cái trong gia đình. Trong xí nghiệp công trường, cơ quan, phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn, củng cố hoạt động của các ban nữ công, đưa hoạt động phụ nữ vào nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, công tác và chăm lo điều kiện làm việc, sinh hoạt riêng của phụ nữ. Trong nông thôn, hoạt động của phụ nữ hướng vào đẩy mạnh công tác chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, phát triển nghề phụ gia đình, tham gia cải tiến kỹ thuật và quản lý hợp tác xã. Cần chú trọng kiểm tra và hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình, đẩy mạnh phong trào thi đua năm tốt.

- Cần tăng cường hơn nữa công tác Mặt trận, mở rộng hoạt động đến huyện và cơ sở. Thực hiện tốt công tác đoàn kết dân tộc đẩy mạnh công tác tôn giáo vận, công tác hoa vận, công tác tranh thủ từng lớp trên và công tác đấu tranh thống nhất. Có kế hoạch thực hiện tốt nghị quyết của Ban Bí thư về công tác Mặt trận.

4. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên mọi lĩnh vực hoạt động của địa phương là điều kiện quyết định bảo đảm cho mọi thắng lợi nhiệm vụ đề ra. Vì vậy, trong thời gian tới phải ra sức củng cố đi đôi với phát triển mạnh mẽ, vững chắc tổ chức đảng bám rẽ ăn sâu phong trào, vào các tầng lớp nhân dân các dân tộc, tăng cường tính chất giai cấp, tính chất tiền phong và tăng cường sức chiến đấu của Đảng.

Phải coi trọng củng cố Đảng về mặt tư tưởng, chính trị, thực hiện bồi dưỡng lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin tương đối có hệ thống, tăng cường giáo dục chính sách của Đảng, Nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng, nâng cao một bước lập trường tư tưởng, đạo đức tác phong công tác của cán bộ, đảng viên, nâng cao ý thức làm chủ tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cảnh giác cách mạng, ý thức chịu đựng gian khổ, tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà, ý thức đoàn kết dân tộc và tinh thần quốc tế vô sản, chống ảnh hưởng tư tưởng tư sản và

tiếp tục xóa bỏ tàn tích tư tưởng phong kiến và các tư tưởng bảo thủ, tự do tản漫, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc tự ty và tư tưởng ngại khó, ngại khổ.

Để có điều kiện làm tốt nhiệm vụ củng cố Đảng về tổ chức và tư tưởng chính trị cần phải kiện toàn và cải tiến công tác, nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo, phục vụ các mặt công tác của Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức và Ban Kiểm tra các cấp, nâng cao chất lượng báo Đảng, kiện toàn và củng cố Trưởng Đảng tỉnh.

Phải đẩy mạnh công tác phát triển đảng thực hiện nơi có tổ chức đảng lập được chi bộ, nơi có đảng viên phải tiến tới lập được tổ Đảng, và chưa có đảng viên, tiến tới có đảng viên, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong khắp nơi và mọi ngành.

Công tác phát triển đảng phải được tiến hành thường xuyên nhằm vào những người giác ngộ nhất, lập trường tư tưởng vững vàng và hăng hái hoạt động trong mọi công tác, nhất là công tác trực tiếp sản xuất. Phải chú ý phát triển đảng trong các lĩnh vực, xem trọng phát triển thành phần giai cấp công nhân, chú trọng phát triển đảng vào nông dân cơ bản làm ăn tập thể, chú ý lực lượng trẻ, phụ nữ, có tỷ lệ thích đáng với dân tộc đa số và thiểu số, chú trọng đến cơ sở sản xuất và nơi có vị trí xung yếu. Phải bảo đảm đúng nguyên tắc về tiêu chuẩn, điều lệ quy định, tránh khuynh hướng hẹp hòi, đồng thời cũng tránh phát triển ẩu bừa bãi.

Phải củng cố chi bộ bảo đảm là hạt nhân lãnh đạo chính trị, kinh tế, kỹ thuật một cách toàn diện theo điều lệ quy định, phấn đấu đại bộ phận các chi bộ, đảng bộ trở thành chi bộ bốn tốt, đảng bộ bốn tốt. Tiến tới lập một số đảng ủy cơ sở ở những nơi có điều kiện. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của đảng viên trong mọi mặt ở cơ sở, phát huy đầy đủ tác dụng của các chi bộ và đảng bộ cơ sở.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời gian sắp tới phải được đặt thành một nhiệm vụ hết sức quan trọng, khẩn trương, nhưng phải toàn diện và vững chắc, bảo đảm đáp ứng với yêu cầu của tình hình đang đòi hỏi trước mắt cũng như lâu dài. Phải làm

cho đội ngũ cán bộ được nâng cao về trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, kỹ thuật. Phải có kế hoạch giáo dục lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin có hệ thống cho cán bộ, đảng viên, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có lập trường kiên định, luôn luôn tuyệt đối trung thành với Đảng với cách mạng. Chú ý đào tạo, cất nhắc, bồi dưỡng cán bộ trẻ, song phải chú ý phát huy tác dụng của cán bộ hoạt động lâu năm, cán bộ phụ nữ, đặc biệt trong các ngành hoạt động, trong các cơ sở. Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị về khoa học và kỹ thuật, cán bộ khoa học - kỹ thuật được nâng cao về trình độ chính trị, tư tưởng thực hiện cán bộ vừa đỗ vừa chuyên. Trong công tác cán bộ phải cải tiến công tác đào tạo, bồi dưỡng cho thích hợp, bảo đảm giải quyết những yêu cầu trước mắt và yêu cầu lâu dài sau này, nhất là đối với cán bộ có năng lực quản lý về kinh tế, kỹ thuật. Phải tiến hành phân cấp quản lý cán bộ cho tốt, cho cụ thể, coi trọng công tác bảo vệ sức khỏe của đội ngũ cán bộ, phục vụ cho yêu cầu lâu dài ở miền núi.

Vấn đề quan trọng cấp thiết để cải tiến công tác lãnh đạo của Đảng hiện nay, là phải tổ chức công tác lãnh đạo và chỉ đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Cần gấp rút nghiên cứu sắp xếp cải tiến tổ chức làm cho bộ máy được ổn định, mạnh, gọn, nhẹ trên cơ sở không tăng biên chế, nhưng khối lượng hiệu suất công tác. Định rõ nội dung, trách nhiệm chế độ công tác, giải quyết tốt ranh giới trách nhiệm giữa tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng. Cải tiến lề lối làm việc theo đúng chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Trước mắt, cần làm tốt công tác tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế, tăng cường cán bộ cho cơ sở. Coi trọng công tác kiểm tra, chỉ đạo điển hình và tổng kết kinh nghiệm để nâng dần trình độ lãnh đạo, cải tiến tác phong công tác, làm cho mọi mặt hoạt động có sự chuyển biến mới sâu sắc hơn.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần này đã đánh dấu sự chuyển biến mới trong nhiệm vụ lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, đồng thời tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa của toàn Đảng bộ.

Đại biểu cho ý chí nguyện vọng của toàn Đảng bộ, Đại hội nhất trí thông qua nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc từ nay đến hết năm 1965. Dưới ánh sáng của các nghị quyết của Đảng, sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương đứng đầu là Hồ Chủ tịch kính mến, với tinh thần đoàn kết nhất trí, phấn khởi, dũng cảm vượt khó khăn trở ngại trên bước đường tiến lên của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, Đại hội tin tưởng rằng nhất định các nhiệm vụ đề ra sẽ được thực hiện có kết quả tốt đẹp, tạo nên những chuyển biến mới đưa Lào Cai từng bước đuổi kịp miền xuôi và vượt miền xuôi từng mặt, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Vì sự nghiệp cách mạng vinh quang của Đảng, vì sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vì sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn thể nhân dân các dân tộc tỉnh ta quyết tâm anh dũng tiến lên hoàn thành vượt mức toàn diện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mà trước mắt là phấn đấu thực hiện khẩu hiệu: "Làm cho Lào Cai thành một tỉnh khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, mạnh mẽ về quốc phòng".

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ IV

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

LỜI KÊU GỌI
CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
LẦN THỨ IV

Ngày 9-6-1963

Cùng toàn thể đồng bào các dân tộc!

Cùng toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang trong tỉnh!

Sau ngót nửa năm khẩn trương, sôi nổi chuẩn bị từ cơ sở lên, Đại hội đại biểu Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Lào Cai lần thứ IV đã họp từ ngày 5-6-1963 đến ngày 9-6-1963 và đã thành công tốt đẹp.

Đại hội họp sau khi Trung ương đã có Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 7, Nghị quyết Trung ương 8 về phát triển nông nghiệp, công nghiệp, về kế hoạch nhà nước 5 năm và nghị quyết phát triển nông nghiệp miền núi là những nghị quyết lịch sử soi đường cho công tác của toàn Đảng, toàn dân ta.

Đại hội lần này đã kiểm điểm công tác của Đảng bộ ta từ Đại hội lần thứ III đến nay. Đại hội nhận thấy rằng, trong 2 năm qua, dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã thu được những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa. Những thắng lợi đó đã có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện kế hoạch 2 năm đầu của kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, đưa sản xuất công, nông nghiệp và các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ trị an phát triển với tốc độ khá nhanh. Hàng ngũ của Đảng, cơ sở của Đảng ngày càng

được củng cố, mở rộng và lớn mạnh. Trình độ nghiệp vụ, văn hóa, kỹ thuật, chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng cao một bước. Các tổ chức chính quyền đoàn thể quần chúng cũng đã được củng cố thêm.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương những thành tích to lớn đó của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh ta.

Đại hội cũng nhận thấy, bên cạnh những thắng lợi to lớn căn bản được phát huy, hiện nay chúng ta còn nhiều khó khăn. Có những khó khăn do lịch sử để lại, do đặc điểm địa lý; có những khó khăn chủ quan do trình độ tư tưởng, trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật của chúng ta còn chưa theo kịp tình hình và nhiệm vụ mới. Những khó khăn chủ yếu là chúng ta từ một nền nông nghiệp lạc hậu, phân tán, cơ sở vật chất kỹ thuật thấp kém tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Mặc dù khó khăn còn nhiều, đòi hỏi phải có thời gian tương đối dài mới khắc phục được, nhưng những khó khăn trên chỉ là tạm thời. Công cuộc cách mạng của chúng ta đang không ngừng phát triển. Cán bộ, công nhân, bộ đội và nhân dân các dân tộc tỉnh ta đang vững bước tiến lên.

Phát huy những thành tích đã thu được và xuất phát từ tình hình hiện nay, Đại hội quyết định phương hướng nhiệm vụ chung của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh ta từ nay đến năm 1965 là:

"Dựa trên quan hệ sản xuất mới đã được xác lập, không ngừng nâng cao truyền thống đoàn kết đấu tranh, tinh thần cảnh giác cách mạng xã hội chủ nghĩa, tinh thần đồng cam cộng khổ, lao động cần cù và anh dũng của nhân dân các dân tộc thiểu số, đa số ở tỉnh ta nhằm phát huy những thắng lợi đã giành được, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, tập trung sức lực từng bước xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân một cách có trọng điểm, trước hết là công nghiệp chế biến (nông, lâm sản, thực phẩm), nông nghiệp, nghề rừng và giao thông vận tải.

Để thực hiện nhiệm vụ cơ bản ấy, phải tích cực củng cố, xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, giữ gìn trật tự trị an ở địa phương. Trên cơ sở đó ra sức củng cố và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sơ bộ phân vùng sản xuất nông nghiệp thích hợp với đặc điểm từng nơi, đi đôi với việc bố trí hợp lý sức lao động trong các ngành kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội đẩy mạnh sản xuất nhằm phát triển kinh tế và văn hóa với tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc làm cho tỉnh ta có công nghiệp địa phương khá, có nông nghiệp toàn diện, có nghề rừng, chăn nuôi (kể cả nuôi cá), nghề phụ gia đình phát triển cân đối. Đến năm 1965, nhân dân tỉnh ta sẽ tự túc được lương thực và có một phần dự trữ trong nhân dân góp phần cung cấp lương thực cho đồng bào miền xuôi lên tỉnh ta xây dựng kinh tế Lào Cai, đồng thời có sản phẩm hàng hóa, nông, lâm đặc sản bán cho Nhà nước nhiều hơn, tăng cường tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân các dân tộc trong tỉnh góp phần củng cố miền Bắc về mọi mặt, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Đại hội cũng đã quyết định những chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, thông qua đề án công tác tổ chức và bầu ra Ban Chấp hành mới của tỉnh Đảng bộ.

Những vấn đề mà Đại hội đã thảo luận và quyết định là những vấn đề quan trọng bậc nhất đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân các dân tộc tỉnh ta, có tác dụng soi đường và động viên toàn Đảng bộ, toàn dân ta tiến lên hoàn thành những nhiệm vụ mới nặng nề nhưng rất vang.

Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động, công nhân viên, các lực lượng vũ trang và toàn thể nhân dân các dân tộc hãy đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước rộng rãi ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội kêu gọi toàn Đảng bộ, toàn thể nhân dân các dân tộc hãy tăng cường đoàn kết nhất trí, nâng cao hơn nữa tinh thần yêu nước, nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa, ý thức cảnh giác cách mạng, đề cao ý thức làm chủ, lòng tự hào dân tộc, đức tính cần cù, giản dị, chịu đựng gian khổ, tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà, khắc phục mọi khó khăn gian khổ của nhân dân ta, kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, khắc phục tư tưởng bảo thủ, ngại khó, tự do, tản漫 và tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc.

Trên cơ sở tư tưởng được nâng cao và chuyển biến mạnh mẽ đó mà tiến lên vượt khó khăn để hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc lên một bước. Trước mắt, chúng ta hãy tập trung sức lực thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1963, thực hiện tốt ba cuộc vận động lớn mà Trung ương đã phát động là:

1. Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện và vững chắc.
2. Cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.
3. Cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế miền núi.

Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên hãy ra sức rèn luyện để trở thành những chiến sĩ tiền phong gương mẫu đi hàng đầu trong phong trào, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng và nhân dân các dân tộc.

Đại hội kính gửi đến đồng bào ruột thịt ở miền Nam, ở tỉnh Thủ Dầu Một kết nghĩa anh em lời chào thân ái và lòng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Việt Nam nhất định sẽ thống nhất. Lào Cai - Thủ Dầu Một nhất định sẽ sum họp một nhà.

Đại hội hoàn toàn tin tưởng rằng: Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai vốn có truyền thống đấu tranh bất

khuất, có lực lượng vũ trang và khả năng sáng tạo vô cùng to lớn, đã chiến thắng giặc Pháp, đã đè bẹp các thế lực phản động, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, đã giành được những thắng lợi trên mặt trận cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta sẽ giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa làm cho Lào Cai tiến kịp miền xuôi về mọi mặt, vượt miền xuôi về từng mặt trở thành một tỉnh khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, mạnh mẽ về quốc phòng góp phần tích cực củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
LẦN THỨ IV**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT 1961-1965 CỦA LÀO CAI

I. NHỮNG THẮNG LỢI VÀ TỒN TẠI CỦA 2 NĂM ĐẦU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT

Lào Cai là một tỉnh miền núi có khả năng phát triển kinh tế toàn diện. Đất đai nói chung tốt, có lượng mưa trung bình 2000 ly/1 năm, thời tiết độ ẩm tương đối thuận lợi cho việc gieo trồng, có nhiều khả năng về khai hoang, tăng vụ, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng, có nhiều loại đặc sản như thảo quả, hạt rau, đậu tương, chè, pơ mu, màng tang, mi ka, graphit, amiăng, đồng, v.v.. Có đường xe lửa Hà Nội - Lào Cai, cùng với sông Hồng chảy qua dài hàng trăm cây số, đường ôtô đã khai thông xuống các huyện có những cơ sở công nghiệp hiện đại của Trung ương phát triển tại địa phương như Nhà máy điện, Mỏ apatít. Ta lại ở gần nước bạn có sự trao đổi hỗ trợ giữa hai bên để phát triển kinh tế và văn hóa. Những thắng lợi to lớn của việc thực hiện kế hoạch 3 năm "Cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa" đã làm cho Lào Cai có nhiều đổi mới tạo ra nhiều thuận lợi để bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất; trên cơ sở đó qua 2 năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã thu được thắng lợi to lớn về mọi mặt.

Về nông nghiệp, giá trị tổng sản lượng từ 17.547.000 đồng (1960) lên 20.941.000 đồng (1962), tăng 19,3%, bình quân tăng 9,2% nhanh

gần gấp ba lần tốc độ tăng bình quân trong kế hoạch 3 năm 1958-1960 là 3,4%. Về sản lượng lúa và hoa màu lương thực quy ra thóc từ 34.610 tấn (1961) lên 40.738 tấn (1962), tăng 17,8% trong đó lúa chiếm tăng 22,8%, mùa tăng 2,8%, hoa màu tăng 3,27%. Về diện tích gieo cấy từ 19.015 ha (1960) lên 25.508 ha (1962), tăng 34,1% (số lượng tuyệt đối là 6.494 ha).

Phong trào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nói chung được củng cố vững chắc thêm một bước về các mặt quản lý và phương hướng sản xuất nhất là ở vùng thấp phong trào ngày càng được củng cố hơn đang đi vào nền nếp, cải tiến kỹ thuật chuyển hướng canh tác, phát triển sản xuất.

Về công nghiệp và thủ công nghiệp, giá trị tổng sản lượng từ 4.217.000 đồng (1960) lên 5.181.000 đồng (1962) tăng 22,7%, bình quân tăng 10,5% trong đó công nghiệp quốc doanh địa phương tăng từ 1.534.000 đồng (1960) lên 2.660.000 đồng (1962) tăng 72%, bình quân tăng 29%.

Về văn hóa giáo dục, bảo vệ sức khỏe và các ngành kinh tế văn hóa khác cũng đều phát triển lành mạnh đúng hướng phục vụ tốt cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng và đời sống.

Trên cơ sở thắng lợi về vật chất, văn hóa nói trên càng động viên toàn Đảng, toàn dân tăng thêm lòng phấn khởi tin tưởng và phát huy khả năng lực lượng của mình vào việc thực hiện kế hoạch 1963 và 5 năm.

Bên cạnh những thuận lợi đó chúng ta cũng còn gặp nhiều khó khăn, nhược điểm tồn tại.

- Bản chất nền công nghiệp của nước ta lạc hậu phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nhưng ở miền núi nói chung, Lào Cai nói riêng có nhiều mặt còn lạc hậu phụ thuộc vào thiên nhiên nhiều hơn. Trên 60% tổng diện tích gieo cấy là nương, do số nương có độ dốc lớn từ khoảng 40 đến 60⁰ các biện pháp chống xói mòn, bạt màu cải tạo chất đất làm chưa được mấy, tập quán canh tác còn thô sơ, kỹ thuật còn thấp kém nên năng suất hầu hết các loại cây

trồng tăng rất chậm, bấp bênh có năm không tăng, có năm năng suất một số cây trồng tụt lùi.

- Hợp tác xã nông nghiệp vẫn ngày càng được củng cố với những bước tiến vững chắc nhưng yêu cầu đòi hỏi về quản lý về cải tiến kỹ thuật về nâng cao đời sống ngày càng cấp bách, trình độ quản lý của cán bộ nói chung chưa theo kịp nhất là anh em cán bộ xã. Ở rleo cao đa số hợp tác xã trình độ văn hóa của kế toán mới chỉ có lớp 1 và lớp 2, do văn hóa thấp kém nên chưa tính toán được chưa tiếp thu được kỹ thuật mới. Việc đi sâu theo dõi nắm tình hình để giúp tinh lãnh đạo, chỉ đạo phong trào nhiều nơi làm chưa tốt. Cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể ở xã có được bồi dưỡng giáo dục hơn trước nhưng năng lực lãnh đạo có hạn, nhận thức tư tưởng chưa chuyên biến kịp với đà phát triển của cách mạng.

- Về công nghiệp của tỉnh ta được phát triển tương đối mạnh nên số người phi sản xuất nông nghiệp lên tới 18%, dân số phát triển tự nhiên và cơ học tới 6% và còn hơn nữa. Trong khi ấy vụ mùa 1961 bị thất bát, việc thu mua nông sản thực phẩm không đạt mức, ta lại chưa tự túc được lương thực thực phẩm, hàng năm còn phải xin trợ cấp thêm. Do đó, việc cung cấp lương thực thực phẩm sút kém, giá một số hàng thực phẩm lên cao làm cho một số cán bộ, công nhân, viên chức thắc mắc về đời sống khó khăn trước mắt, một số chính sách kinh tế áp dụng ở vùng dân tộc chưa thích hợp, chính sách dân tộc có nơi chấp hành chưa tốt, làm ảnh hưởng phần nào đến sự đoàn kết gắn bó tinh thần phán khởi của một số quần chúng đối với việc phát triển sản xuất, việc chấp hành một số chính sách khác của Đảng và Chính phủ.

- Cơ sở vật chất và kỹ thuật đã có phát triển nhưng vẫn còn yếu, nhất là trong sản xuất nông nghiệp, quan hệ sản xuất đã đổi mới tương đối nhanh nhưng sức sản xuất còn chuyển rất chậm, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề còn thiếu, cán bộ lãnh đạo nói chung hiểu biết về kỹ thuật còn ít, hiện nay đang có mâu thuẫn trong sản xuất nông nghiệp, cũng như công nghiệp là giữa

nhu cầu phát triển với khả năng lãnh đạo, khả năng kỹ thuật nhất là khả năng kỹ thuật. Chưa nấm chắc được vấn đề cân đối lao động, chất đất, diện tích đất đai, trữ lượng các loại khoáng sản, chưa cân đối được giữa tài chính, tiền tệ, vật tư nên cũng gây nhiều khó khăn trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch.

Tuy còn có những khó khăn, nhược điểm nói trên nhưng thuận lợi có nhiều là căn bản, những thuận lợi đó ngày càng phát triển trở thành nhân tố quyết định việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm của tỉnh. Thực tế đã chứng minh: 2 năm qua trong việc thực hiện kế hoạch gặp nhiều khó khăn nhưng do đường lối đúng đắn của Trung ương, sự lãnh đạo, sự chỉ đạo kiên quyết kịp thời của tỉnh, các ngành các cấp, sự đoàn kết, đồng cảm phấn đấu của cán bộ, nhân dân các dân tộc Lào Cai nên đã giành được những thắng lợi to lớn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CHUNG CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã đề ra nhiệm vụ phương hướng cho kế hoạch 5 năm là: "Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội".

Tháng 2 - 1963, Bộ Chính trị cũng ra nghị quyết về phát triển nông nghiệp ở miền núi: Dựa vào hợp tác xã nông trường, lâm trường quốc doanh sử dụng tốt lực lượng lao động ở miền xuôi lên, ra sức đẩy mạnh khai hoang, tăng vụ và tích cực tăng năng suất trên toàn bộ diện tích.

Phát triển nông nghiệp toàn diện sát với khả năng từng vùng, chú trọng tăng sản lượng lúa và ngô đặc biệt đẩy mạnh trồng hoa màu lương thực, đồng thời hết sức lợi dụng ưu thế của miền núi để

phát triển mạnh chăn nuôi, nghề rừng và cây công nghiệp, kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, nông nghiệp giữa sản xuất và chế biến và lưu thông nhằm nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc miền núi và phục vụ tốt cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, phá bỏ dần chế độ độc canh, tiến tới xóa bỏ chế độ du canh biến miền núi từ chế độ kinh tế tự túc, tự cấp trở thành một nền kinh tế nông nghiệp có nhiều sản phẩm hàng hóa, nhất là sức kéo, thịt, sữa, sản phẩm nghề rừng và sản phẩm cây công nghiệp.

Phấn đấu trong vòng 10 đến 15 năm làm cho kinh tế miền núi trở thành tương đối phồn vinh, tức là dân cư đông đúc hơn... Nhân dân được ăn no, mặc ấm, khỏe mạnh hơn, trình độ văn hóa cao hơn, giao thông liên lạc thuận lợi hơn và có các thị trấn mới xuất hiện, làm cho miền núi trở thành một vị trí khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị mạnh mẽ về quốc phòng. Dựa vào phương hướng, nhiệm vụ chung của Trung ương, căn cứ vào tình hình đặc điểm khả năng của Lào Cai đề ra nhiệm vụ và phương hướng chung của kế hoạch 5 năm của Lào Cai là: "Dựa trên quan hệ sản xuất mới đã được xác lập, không ngừng nâng cao truyền thống đoàn kết đấu tranh, tinh thần cảnh giác cách mạng xã hội chủ nghĩa, tinh thần đồng cam cộng khổ, lao động cần cù và anh dũng của nhân dân các dân tộc thiểu số, đa số ở tỉnh ta, nhằm phát huy những thắng lợi đã giành được, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, tập trung sức lực từng bước xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân một cách có trọng điểm: Trước hết là công nghiệp chế biến (nông lâm thực phẩm), nông nghiệp, nghề rừng và giao thông vận tải".

Để thực hiện nhiệm vụ cơ bản ấy, phải tích cực củng cố xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang, giữ gìn trật tự an ninh ở địa phương. Trên cơ sở đó ra sức củng cố và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sơ bộ phân vùng sản xuất nông nghiệp thích hợp với đặc điểm từng nơi, đi đôi với việc bố trí hợp lý sức

lao động trong các ngành kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội, đẩy mạnh sản xuất, nhằm phát triển kinh tế và văn hóa với tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc làm cho tỉnh ta có công nghiệp địa phương, có nông nghiệp toàn diện, có nghề rừng, chăn nuôi (kể cả nuôi cá) và nghề phụ gia đình phát triển cân đối. Đến năm 1965 nhân dân tỉnh ta sẽ tự túc được lương thực và có một phần dự trữ trong nhân dân góp phần cung cấp: lương thực cho đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế ở Lào Cai, đồng thời, có sản phẩm hàng hóa nông, lâm đặc sản bán cho Nhà nước nhiều hơn, tăng cường tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, cải thiện một bước đời sống, vật chất và văn hóa của nhân dân các dân tộc trong tỉnh góp phần củng cố miền Bắc về mọi mặt làm cơ sở vững chắc cho việc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Về quy mô phát triển dân số dựa vào số liệu khởi điểm 1960, tính tốc độ tăng dân số tự nhiên và tăng cơ học với việc đưa đồng bào ở xuôi dã lên và sẽ lên khai hoang những năm tới khoảng 25.495 người, xác định quy mô dân số trong 5 năm này là:

Năm	Nhân khẩu chung Lào Cai	Trong đó	
		Nhân khẩu nông nghiệp	Nhân khẩu phi nông nghiệp
1960	104.547	86.670	17.877
1961	110.820	91.870	18.950
1962	117.469	97.337	20.132
1963	128.370	104.570	23.800
1964	143.635	117.045	26.590
1965	160.000	133.425	26.575

Để thực hiện nhiệm vụ phương hướng trên kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Lào Cai có những nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Ra sức củng cố xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và đổi công từng bước vững chắc, quản lý tốt các mặt lao động... Sản xuất tài vụ đẩy mạnh công tác khoán việc, ba khoán thực hiện tốt chính sách

ba ổn định và một số chính sách cụ thể thích hợp với từng vùng, từng hợp tác xã phát huy hơn nữa tính chất ưu việt của lối làm ăn tập thể đẩy mạnh kinh tế tập thể hợp tác xã; đồng thời chú trọng phát triển kinh tế gia đình xã viên và tổ viên tổ đổi công, tăng cường đoàn kết tương trợ giữa các hợp tác xã với tổ đổi công và các hộ làm ăn riêng lẻ. Tiếp tục củng cố các hợp tác xã tiểu thương, tiểu thủ công đi vào sản xuất có kế hoạch, đưa các hộ còn ở ngoài vào các tổ hợp tác giúp đỡ họ giải quyết những khó khăn trong sản xuất.

Đối với các hộ tư sản, địa chủ, phú nông, cần thường xuyên giáo dục cải tạo thay đổi thành phần cho những hộ đủ tiêu chuẩn để họ trở thành con người mới, nhìn thấy tiền đồ yên tâm sản xuất, thực hiện mọi chính sách.

2. Phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc sát với từng vùng, bảo đảm vai trò nông nghiệp là cơ sở cho công nghiệp phát triển coi sản xuất nông nghiệp là thành phần kinh tế chủ yếu của Lào Cai, chú trọng chống xói mòn thâm canh tăng năng suất lúa ngô một cách vững chắc, đồng thời phát triển mạnh hoa màu lương thực, đẩy mạnh tăng vụ trên toàn bộ diện tích nhất là ruộng (chú trọng vùng cao). Trên cơ sở tự túc lương thực, đẩy mạnh chăn nuôi trồng cây công nghiệp, nghề rừng tạo cơ sở cho những kế hoạch sau này tiến tới lấy chăn nuôi, trồng cây công nghiệp là hướng chính trong sản xuất nông nghiệp ở vùng cao.

3. Lãnh đạo chặt chẽ, giải quyết khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch của các công nghiệp Trung ương tại địa phương, tận dụng sự hỗ trợ có kế hoạch (...)¹ đối với việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp, quốc doanh địa phương phát huy vai trò chủ đạo của công nghiệp, trước hết nhằm phục vụ nông nghiệp, lãnh đạo chặt chẽ đối với thủ công nghiệp, làm cho thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

1. Một số từ trong bản gốc bị mờ. Sau đây những từ trong bản gốc bị mờ, không đọc được sẽ được lược bỏ và thay bằng ký hiệu (...) - BT.

4. Song song với việc phát triển nông nghiệp, công nghiệp cần đẩy mạnh phát triển thương nghiệp, chú trọng mở rộng mạng lưới ở cơ sở, đi sâu phục vụ nông thôn, phục vụ sản xuất khai thác các nguồn hàng, chế biến một số mặt hàng thực phẩm, phát huy hơn nữa vai trò đòn bẩy của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nhằm phục vụ đắc lực cho sản xuất, xây dựng và phân phối.

Thực hiện tốt công tác tài chính, ngân hàng, tăng nguồn thu chi đúng phương hướng. Đẩy mạnh tiết kiệm chống lãng phí tham ô, theo phương châm tiền ít mà làm được nhiều việc.

Về ngân hàng giảm và tiến tối không bội chi thực hiện cân đối giữa tài chính, tiền tệ và vật tư. Tăng nguồn thu - không hàng hóa.

5. Ra sức phát triển văn hóa giáo dục, y tế đúng hướng sát với từng vùng, đẩy mạnh việc thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa, mở rộng diện thanh toán bằng chữ Miêu, nghiên cứu sử dụng từng bước chữ Miêu vào công tác kỹ thuật và sinh hoạt nâng cao chất lượng giảng dạy. Phát triển mạnh các lớp mẫu giáo, vở lòng và cấp I.

Bước đầu thanh toán tình trạng quá thấp kém về văn hóa giáo dục hiện nay nhằm phục vụ thiết thực đẩy mạnh sản xuất, cải tiến kỹ thuật, bảo vệ sức khỏe của nhân dân và cải tiến các phong tục tập quán không thích hợp.

6. Giải quyết thích đáng những yêu cầu về đời sống của cán bộ và nhân dân các dân tộc về vật chất và văn hóa, nhất là về ăn, mặc, ở, học tập, sức khỏe.

Tăng cường giáo dục tinh thần sản xuất đi đôi với tiết kiệm, tinh thần, cần kiệm xây dựng hợp tác xã, xây dựng chủ nghĩa xã hội bước đầu xây dựng nông thôn mới.

7. Phải gấp rút đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, nâng cao năng lực quản lý kinh tế của cán bộ, công nhân, chú trọng đào tạo lớp thanh niên dân tộc.

Cán bộ lãnh đạo ở các ngành kinh tế quan trọng phải qua học tập kỹ thuật để tiến tới có trình độ trung cấp trở lên.

8. Đi đôi với việc phát triển kinh tế và văn hóa, phải thường xuyên giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng cho cán bộ và nhân dân sẵn sàng phá tan mọi âm mưu của địch, tăng cường củng cố biên giới, bảo đảm trật tự an ninh của địa phương.

9. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua yêu nước trong toàn Đảng, toàn dân thành một phong trào quần chúng sâu rộng thường xuyên, phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn, nhiệt tình cách mạng vào công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, trước mắt là thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 1963 và 5 năm.

III. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CÁC NGÀNH

1. Phương hướng nhiệm vụ cung cấp xây dựng hợp tác xã và tổ đổi công

Dựa vào nguyên tắc chung của công tác cung cấp và phát triển phong trào hợp tác hóa, nông nghiệp ở miền núi của Trung ương đề ra là: Hết sức tận dụng những thuận lợi về đất nhiều, chăn nuôi nhiều nguồn lợi phong phú và đẩy mạnh phát triển sản xuất và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã, nhưng đối với công tác tổ chức, đối với một số chính sách tổ chức hợp tác xã thì phải tiến hành thận trọng; tránh gây ra việc xáo trộn tổ chức nhiều về gây ra những sự đột ngột không cần thiết trong tư tưởng và trong sản xuất.

Trên cơ sở đó nhiệm vụ cung cấp hợp tác xã và tổ đổi công nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm của ta là:

a) Về công tác hợp tác xã

Quy mô: Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền núi phải thích hợp với điều kiện địa lý, dân cư và trình độ quản lý của cán bộ. Quy mô hợp tác xã trong 3 năm tới nên tổ chức từ 20 đến 30 hộ, lấy bản hoặc xóm làm đơn vị. Trừ một số nơi có điều kiện gần

giống nhau như miền xuôi, thì quy mô có thể to hơn một ít (khoảng trên dưới 50 hộ). Các hợp tác xã khai hoang lập lên thì có thể tổ chức khoảng 30 hộ, 50 hộ đến trên dưới 100 hộ phải được tính duyệt. Những hợp tác xã đã tổ chức quá to, công tác quản lý gấp khó khăn, sản xuất không phát triển thì nên có kế hoạch chia nhỏ với quy mô thích hợp.

Việc chuyển hợp tác xã lên cao phải theo đúng ba điều kiện đã quy định không được làm cưỡng ép và phải qua tinh duyệt, những nơi nào chưa đủ điều kiện đã quy định phải tạo điều kiện bồi dưỡng phong trào.

Đối với vùng thấp trong cung cố vẫn tiếp tục phát triển xã viên mới xây dựng hợp tác xã mới theo thường xuyên trừ những hộ lẻ tẻ sống du canh. Việc tiến hành hợp nhất hợp tác xã nói chung không đặt ra những nơi ở gần nhau, thấy cần thiết cho phát triển sản xuất nên liên hiệp làm chung một số việc. Ở vùng cao, vùng giữa đồi với hợp tác xã đã vỡ không đủ điều kiện xây dựng lại hoặc nơi lẻ tẻ 5 hộ, nơi 7 hộ ở quá phân tán thì xây dựng thành các tổ đồi công, đình công chấm điểm tốt, giúp đỡ nhau phát triển sản xuất. Còn những hợp tác xã vẫn tồn tại quy mô nhỏ trên dưới 10 hộ đến 15 hộ quản lý tốt, có điều kiện phát triển sản xuất cần cung cố giúp đỡ mọi mặt giữ vững hình thức hợp tác xã còn nội dung tổ chức và quản lý thì đơn giản thích hợp như chỉ làm chung ruộng, làm chung những chỉ tiêu chủ yếu ban quản trị ít người...

Những hợp tác xã có hai hoặc ba dân tộc trong công tác quản lý phải chiểu cố đến tập quán, kinh nghiệm của từng dân tộc hoặc đủ điều kiện hợp tác xã thì cho thành lập hợp tác xã riêng. Việc phát triển xã viên mới ở những nơi có nhiều dân tộc ở xen kẽ phải tiến hành rất thận trọng.

Công tác đổi công:

Hiện nay, một số hợp tác xã đã làm ăn theo hình thức tổ đổi công và làm riêng cộng với số hộ riêng lẻ từ trước chiếm khoảng trên dưới 40% số hộ ở nông thôn, chiếm non nửa lực lượng sản xuất

nông nghiệp, vì vậy việc củng cố xây dựng tổ đổi công phải được song song tiến hành với công tác cải tiến quản lý hợp tác xã và phải giải quyết tư tưởng tốt để tránh bị quan buông lỏng làm xáo trộn sản xuất ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển sản xuất ở nông thôn, tạo điều kiện phát triển hợp tác xã sau này.

b) Đường lối giai cấp

Phải vận dụng sát tình hình đã căn bản thay đổi, đồng thời phải chú ý đến các vấn đề tồn tại không thể sớm xóa bỏ ranh giới giữa các tầng lớp và giai cấp ở miền núi.

Ở vùng thấp, vùng cao giai cấp đã biến hóa rõ rệt vẫn phải chấp hành đúng đường lối đã quy định chung một mặt phải tiếp tục củng cố bồi dưỡng chỗ dựa là bần nông và trung nông lớp dưới, mặt khác phải quán triệt tinh thần đoàn kết chặt chẽ với trung nông. Ở vùng giữa, du canh giai cấp chưa phân hóa rõ rệt thì nhấn mạnh tinh thần dựa vào nông dân, lao động đồng thời tranh thủ đoàn kết tầng lớp trên cả ba vùng cần phải hết sức chú ý vấn đề đoàn kết dân tộc tất cả nhằm xây dựng tốt hợp tác xã và tổ đổi công đẩy mạnh phát triển sản xuất, củng cố biên phòng, cảnh giác với âm mưu của địch kiên quyết xử lý những hành động làm hại đoàn kết làm hại sản xuất của những phần tử xấu để phòng chúng chui vào phá hoại hợp tác xã.

Đối với nông dân lao động thì không nên quá phân biệt giữa bần nông và trung nông lớp dưới. Những chức vụ chủ chốt trong ban quản trị phải do cốt cán tốt là bần nông và trung nông lớp dưới đảm nhiệm. Nhưng ở những hợp tác xã có nhiều xã viên là trung nông lớp trên cùng cận có thành phần trung nông lớp trên tham gia vào ban quản trị. Các đội trưởng sản xuất thì chủ yếu chọn những người có kinh nghiệm sản xuất giỏi bảo đảm về chính trị. Đối với tầng lớp trên đã có lao động cải tạo có thái độ tốt được xã viên đồng ý thì được kết nạp vào hợp tác xã, địa chủ, phú nông được cải tạo đủ điều kiện cũng được kết nạp vào hợp tác xã làm xã viên thường.

c) *Chính sách công hữu*

Đối với trâu, bò phải căn cứ vào yêu cầu sản xuất, trình độ quản lý và trình độ giác ngộ của xã viên để tiến hành những bước rất thận trọng, chắc chắn, công hữu trâu, bò, cày kéo trước hoặc chỉ công hữu trâu, bò cày kéo.

Ở vùng cao nói chung chưa đạt vấn đề công hữu hóa giá công hữu phải theo thời giá trung bình ở địa phương. Những nơi đã công hữu trâu, bò sinh sản nếu quản lý kém không phát triển được sản xuất thì chỉ nên giữ lại đủ sức kéo, còn nên giao lại cho chủ cũ thuộc quyền sở hữu của hộ. Đối với trâu, bò cày kéo đã công hữu mà nuôi chung gặp khó khăn thì cũng cho nuôi phân tán để bảo đảm trâu, bò kéo khỏe. Tiên công hữu hóa trâu, bò của xã viên phải trả dần theo đúng chính sách. Riêng tiên công hữu hóa trâu, bò sinh sản phải trả trước một phần và thời gian trả ngắn hơn. Hằng năm phải thu tiền cổ phần của người thiếu trả cho người thừa hoặc để nghị Nhà nước cho vay một phần để trả cho xã viên. Về cây lâu năm nơi nào chưa công hữu thì nay chưa đặt vấn đề vội, trường hợp cần công hữu phải do tính duyệt, nơi đã công hữu hóa rồi thì tổ chức cho tốt, nếu không quản lý nổi thì khoanh khoán cho các hộ xã viên quản lý cho hưởng tỷ lệ hoa lợi nhất định theo thực thu hoặc phân tán bớt cho xã viên. Những loại cây lẻ tẻ trồng trong vườn và trồng trên những đất để lại cho xã viên thì không công hữu, nếu đã công hữu cần có kế hoạch giao lại cho chủ cũ.

Các huyện, thị xã cần kiểm tra sửa chữa những sai sót về chính sách công hữu các loại trâu, bò, cây lâu năm, cây ăn quả, gia công hữu, công điểm thuế trâu... cho thỏa đáng để phát triển sản xuất.

d) *Công tác quản lý hợp tác xã*

Yêu cầu phương hướng chung của công tác quản lý hợp tác xã miền núi là: "Phải bảo đảm sản xuất tốt đời sống của xã viên không ngừng được cải thiện và hợp tác xã được củng cố". Dựa vào nghị quyết cải tiến quản lý hợp tác xã của Trung ương để đẩy mạnh

công tác quản lý hợp tác xã của tỉnh, trước hết là xác định phương hướng sản xuất cụ thể của từng vùng, của hợp tác xã.

- Về quản lý sản xuất: Trước hết là hợp tác xã phải nắm được những ngành sản xuất chính và những loại sản xuất chính, phát triển mạnh kinh tế tập thể đồng thời khuyến khích đúng mức kinh tế phụ gia đình xã viên vừa có lợi cho kinh tế chung vừa tăng cường được kinh tế tập thể của hợp tác xã. Hợp tác xã phải có hướng kinh doanh đúng đắn, dựa vào phương hướng chung của từng vùng mà cụ thể cho thích hợp với từng hợp tác xã. Bước đầu xây dựng kế hoạch cho từng vụ, dần dần xây dựng kế hoạch cả năm tiến lên đề ra được những mục tiêu lớn của kế hoạch dài hạn.

- Hợp tác xã phải nắm được ba ngành chính trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng còn thủ công, nghề phụ thì tùy điều kiện của hợp tác xã mà phát triển có trọng tâm và những thứ cần thiết. Trong mỗi ngành lại nắm vững những loại chính như lương thực, nấm lúa, ngô, đao riêng, săn, cây công nghiệp nấm mía, đậu tương, đậu răng ngựa, đại mạch, chè, trầu, màng tang và đặc sản quý như thảo quả, hạt rau. Chăn nuôi nấm trâu, bò cày kéo, nấm dàn trâu, bò sinh sản, vắt sữa ở những nơi có điều kiện (không kể những hợp tác xã chăn nuôi lấy chăn nuôi là chính), nắm một phần lợn nái để sản xuất giống tốt cho xã viên, nuôi dê, cá, ong. Nghề rừng cần nắm việc khai thác gỗ, nứa, vầu, thủ công nấm những thứ lớn như công cụ cải tiến, công cụ nửa cơ giới.

Các hợp tác xã khai hoang có điều kiện cần mở rộng kinh doanh tập thể nhiều hơn.

- Về quản lý lao động cần quản lý tốt có tính chất phân bổ lao động cho từng loại cho phát triển kinh tế phụ gia đình, cố gắng sử dụng được khoảng 3/5 số ngày lao động của xã viên (tính một người 1 năm làm 250 ngày công, trong đó lao động cho tập thể 150 ngày, lao động khác 100 ngày).

- Về quản lý tài vụ: Phải bảo đảm tài chính công khai, về phân phối theo nguyên tắc phân phối theo lao động, có chiết cố truyền

thống đoàn kết tương trợ của nhân dân các dân tộc. Phân phối hợp lý đối với nghề rừng, công việc nặng nhọc và khâu kỹ thuật như cải tiến và sử dụng công cụ cải tiến.

d) Kinh tế phụ gia đình xã viên

Kinh tế phụ gia đình xã viên cần được chiếu cố đúng mức, tùy nơi có thể để đất đai cho gia đình xã viên nhiều hơn 5% một ít, chủ yếu là để đất, nơi nào đã để ruộng rồi thì không xáo trộn lại. Ngoài việc trồng rau, cây ăn quả, trong thức ăn gia súc trên đất để lại có thể giao thêm đất cho gia đình xã viên trồng ít cây lấy gỗ, trồng bông để dùng cho gia đình hoặc trồng ít gai bán cho Nhà nước. Số đất giao thêm này không quá 3 sào cho mỗi hộ. Những nơi đã giải quyết rồi dù nhiều hơn chút ít cũng được, chỉ cần tuyên bố công nhận quyền sở hữu cho xã viên.

Dành lao động cho xã viên lấy lâm thổ sản phụ, làm sản xuất phụ gia đình, nghiên cứu hạn chế việc lấy tự do phát nương để làm thêm.

Khuyến khích mỗi gia đình xã viên chăn nuôi riêng từ 5 -7 con trâu, bò sinh sản, một vài con trâu, bò sữa và nhiều hơn nữa. Còn tiểu gia súc chủ yếu chăn nuôi gia đình.

Những cơ sở sản xuất của kinh tế phụ gia đình dù ít dù nhiều không được nhập hợp tác xã.

e) Cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã

Xuất phát từ những đặc điểm của miền núi về lâu dài cần phải tiến tới trang bị máy kéo cũng như máy móc nông nghiệp khác cho hợp tác xã thực hiện một cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp nhưng trước mắt đi đôi với việc nghiên cứu thí điểm dùng máy kéo ở một số nơi có điều kiện, cần xây dựng và phát huy tác dụng của các công trình thủy lợi hơn nữa, mua sắm thêm máy bơm đồng thời chống xói mòn giữ độ ẩm cho diện tích gieo cấy, xây dựng các cơ sở chế biến nông sản, chế biến phân, chọn và giữ giống chăn nuôi tập thể, trồng rừng và cây công nghiệp lâu năm. Xây dựng sân phơi, kho chứa trang bị

phương tiện gặt đập, vận chuyển cải tiến nơi có điều kiện xây dựng các cơ sở thủy điện nhỏ.

Đến năm 1965 những nơi có điều kiện mồi hợp tác xã có một đàn bò trên dưới 50 con, đàn dê trên dưới 150 con (trừ những hợp tác xã khai hoang lớn), có một vườn cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm khoảng 5 đến 10 ha, một, hai ao thả cá.

Những vùng sản xuất quan trọng như Sa Pa vùng chè, thảo quả, đậu tương, mía, lúa, cây ăn quả, chăn nuôi cần được bổ sung cán bộ kỹ thuật kể cả cán bộ cao cấp trước mắt là đối với vùng Sa Pa giải quyết được càng sớm càng tốt.

g) Công tác chính trị và tư tưởng

Công tác chính trị và tư tưởng cần được tăng cường làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu sâu hơn nữa những tinh thần nghị quyết của Trung ương và của tỉnh. Trên cơ sở đó gây thêm lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể, truyền thống đoàn kết tương trợ, cần cù lao động của nhân dân các dân tộc, động viên mọi người đem hết sức của vào phát triển sản xuất.

Cần xác định con đường hợp tác hóa là con đường đúng đắn nhất của Đảng vạch ra cho mỗi người tiến lên ấm no hạnh phúc, xóa bỏ người bóc lột người. Còn những nơi chưa xây dựng hợp tác xã thì trước mắt còn gặp khó khăn về quản lý kế toán trong khi làm đổi công cần bồi dưỡng tạo điều kiện để tiến tới xây dựng hợp tác xã.

Khắc phục tư tưởng chủ quan thỏa mãn và bảo thủ ngại khó, tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, đề cao tinh thần tiết kiệm trong sản xuất, trong xây dựng hợp tác xã. Giáo dục tinh thần đoàn kết, bình đẳng dân tộc, chú ý số đồng bào mới lên khai hoang.

Công tác tư tưởng cần phải đi sâu, nắm vững kịp thời tránh đơn giản, hời hợt máy móc. Trên cơ sở đó động viên mọi người sẵn sàng góp sức mình vào việc thực hiện kế hoạch 1963 và 5 năm.

2. Nông nghiệp

Từ nay đến hết 1965 công nghiệp trung ương tại địa phương, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp ngày càng phát triển có tác dụng thúc đẩy nông nghiệp phát triển mạnh như tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, giúp đỡ kỹ thuật, cải tiến nông cụ, chế biến nông sản. Lào Cai có khả năng về đất đai và đồng bào ở xuôi lên góp phần tạo nên những nhân tố mới làm cho nền kinh tế nông nghiệp của Lào Cai càng phát triển mạnh hơn.

Với yêu cầu chung đòi hỏi nông nghiệp phải phát triển, để bảo đảm nâng cao không ngừng đời sống của nhân dân, của khu phi nông nghiệp ngày càng phát triển, dân số ngày càng tăng nhanh. Phương hướng phát triển nông nghiệp 5 năm lần thứ nhất của Lào Cai là: "Dựa vào hợp tác xã tổ đổi công, sử dụng tốt lao động của địa phương và miền xuôi lên nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp ra sức đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, chống xói mòn, thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, khai hoang phát triển nông nghiệp toàn diện, sát với từng vùng. Tích cực phấn đấu tiến lên giải quyết vấn đề lương thực một cách vững chắc để tự túc lương thực trong phạm vi địa phương. Bước đầu phân vùng sản xuất, chuyên canh một số loại cây trồng chủ yếu, thích hợp với từng vùng, tạo điều kiện thanh toán từng bước chế độ độc canh và du canh. Dựa vào ưu thế của miền núi phát triển chăn nuôi cây công nghiệp, nghề rừng. Biến nền kinh tế nông nghiệp của Lào Cai có tính chất tự cấp, tự túc trở thành nền kinh tế nông nghiệp toàn diện, có nhiều sản phẩm hàng hóa cung cấp cho địa phương, cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và xuất khẩu. Đưa mức sống của nông dân xã viên lên ngang mức sống của nông dân khá giả hiện nay của địa phương.

Dựa vào phương hướng chung, phương hướng sản xuất nông nghiệp của từng vùng trong kế hoạch 5 năm là:

Vùng cao: Cố gắng sản xuất lương thực bao gồm lúa, ngô và các loại hoa màu có chất bột để tự túc và có đôi chút dự trữ ở trong

quỹ nghĩa thương, quỹ hợp tác xã và gia đình, để phòng thiên tai mắng mùa. Trên cơ sở tự túc lương thực, đẩy mạnh chăn nuôi, trồng cây công nghiệp và nghề rừng.

Về nghề rừng: Hai huyện Bắc Hà, Mường Khương lấy việc trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, chống xói mòn, giữ độ ẩm, cải tạo đất là chủ yếu, hai huyện Bát Xát - Sa Pa lấy việc tu bổ cải tạo bảo vệ rừng là chủ yếu, đồng thời tổ chức khai thác có kế hoạch ở những nơi có điều kiện. Cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm cây công nghiệp, trâu, lợn, và một phần lương thực cho Nhà nước.

Vùng giữa: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, cố gắng sản xuất tự túc hoặc tự túc phần lớn lương thực gồm lúa, và các loại hoa màu có chất bột, bỏ dần việc phát nương du canh tiến tới định canh. Trên cơ sở cố gắng tự túc hoặc tự túc phần lớn lương thực phát triển trồng cây công nghiệp, bảo vệ khai thác rừng có kế hoạch sát với tình hình rừng và nhân lực từng nơi. Phần lương thực còn thiếu Nhà nước điều hòa cung cấp thêm và tăng cường thu mua các chỉ tiêu trâu, dê, lợn, sữa, và sản phẩm cây công nghiệp.

Vùng thấp: Sản xuất lương thực là chủ yếu, phải giành từ 75-80% sức lao động và ruộng đất vào việc trồng lúa và hoa màu có chất bột, phát triển chăn nuôi lấy thịt, sữa, cung cấp ngày càng nhiều lương thực thực phẩm cho khu phi nông nghiệp. Nghề rừng và trồng cây công nghiệp tùy điều kiện từng nơi để phát triển cho thích hợp, đồng thời chú trọng hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp tổ chức kinh doanh khai thác, tu bổ trồng rừng có kế hoạch, cân đối nghề rừng và sản xuất nông nghiệp, phát triển mạnh hơn nữa cây ăn quả như: cam, quýt, chuối, dứa, nhãn, mít... Bằng cách chăm bón diện tích săn có, trồng mới, xen kẽ cây ăn quả lâu năm và cây ăn quả ngắn ngày.

Việc trồng cây công nghiệp tập trung thành những vùng rộng lớn chủ yếu là nông trường và các hợp tác xã khai hoang tập trung có khả năng.

Thực hiện phương hướng nhiệm vụ trên một số chỉ tiêu chủ yếu phải đạt được trong kế hoạch 5 năm này:

A. Về trồng trọt

Lương thực ở Lào Cai có năm loại chính: lúa, ngô, đao riêng, khoai, sắn, hướng trồng ở từng vùng:

Vùng cao: Trồng năm loại chính: lúa, ngô, khoai, các loại đao riêng, mỳ mạch, lấy lúa, ngô, đao riêng là chủ yếu.

Vùng giữa: Trồng bốn loại chính: lúa, ngô, khoai, các loại sắn, lấy lúa làm chủ yếu.

Vùng thấp: Trồng năm loại chính: lúa, ngô, khoai, các loại sắn, đao riêng, lấy lúa làm chủ yếu.

Ngoài ra, trồng thâm canh các loại hoa màu có chất bột khác như: sèo, mỳ, mạch, ý dĩ, cao lương, hông mỳ... thích hợp với đất đai khí hậu, tập quán của từng nơi hoặc ở vùng giữa có nơi cũng trồng đao riêng được.

a) Giá trị tổng sản lượng

Đến năm 1965 giá trị tổng sản lượng đạt tới 28.887.000 đồng so với năm 1959-1960 tăng 68,3%, bình quân hàng năm tăng 10,3% (bình quân cả hai năm đầu 1961-1962 so với năm 1958-1960 tăng 9,8%, tăng bình quân của 3 năm 1958-1960 là 3,4%). Trong đó, ngành trồng trọt đạt 16.517.000 đồng so với 1958-1960 tăng 93,0%, bình quân hàng năm tăng 14,1% (bình quân 2 năm 1961-1962 so với 1960 tăng 13,5%, tăng bình quân của 3 năm 1958-1960 là 4%). Ngành chăn nuôi đạt 3.200.000 đồng so với năm 1958-1960 tăng 188,56%, bình quân hàng năm tăng 19% (bình quân 2 năm đầu 1961-1962 tăng 4,3%, bình quân 3 năm 1958-1960 tăng 8,4%).

Nếu lấy giá trị tổng sản lượng năm 1963 so với bình quân 3 năm 1960-1962 những năm gần nhất vừa được mua vừa bị thất bát, số liệu thống kê ta nắm được tương đối chính xác hơn thì tăng 52,30%, bình quân 3 năm tới tăng 8,8% trong đó trồng trọt tăng 70,98%, bình quân tăng 11,3%, chăn nuôi tăng 185,72%, bình quân tăng 13,2%.

Nói về tốc độ tăng giá trị tổng sản lượng như vậy nói chung là nhanh vững chắc 2 năm đầu đã chứng minh ta thực hiện mức độ bình quân của 5 năm. Nhưng từng mặt như chăn nuôi cần phải có cố gắng mới đạt kế hoạch.

Đến năm 1965 tỷ trọng giá trị tổng sản lượng trông trot từ 47,11% năm 1960 lên 55,16% năm 1965, chăn nuôi 9,9% năm 1960 lên 11,07% năm 1965.

b) *Về sản lượng*

- Đến năm 1965 lúa cả năm đạt tới 24.396 tấn so với 1958-1960 tăng 18,9%, bình quân hàng năm tăng 3,5% (2 năm đầu 1961 - 1962 so với 1960 bình quân tăng 3,1%). Bình quân 3 năm 1958-1960 tăng 3,9%. Nếu so với bình quân 3 năm 1960-1962 tăng 21,3%, bình quân 3 năm tăng 6,6%.

Trong đó, chiêm đạt tới 5.000 tấn so với 1958 -1960 tăng 212,2%, bình quân hàng năm tăng 12,4% (2 năm đầu 1961-1962 bình quân tăng 10,8%, 3 năm 1958-1960 bình quân tăng 9,6%) so với bình quân năm 1960-1962 tăng 69,6%, bình quân 3 năm tăng 19,2%; mì đạt 19.852 tấn so với năm 1958-1960 tăng 35,3%, bình quân hàng năm tăng 6,3%, 2 năm đầu bình quân tăng 1,4%, ba năm 1958-1960 bình quân tăng 3,3% so với 1960-1962 tăng 13%, bình quân 3 năm tăng 4,1%¹.

Ngô đạt 11.550 tấn so với 1958-1960 tăng 35.7%, bình quân hàng năm tăng 6,3% (2 năm đầu bình quân tăng 6,8%, 3 năm 1958-1960 bình quân tăng 2,7%).

Khoai các loại đạt 9.750 tấn so với 1958-1960 tăng 700,4%, bình quân hàng năm tăng 47,6% (2 năm đầu bình quân tăng 106%, 3 năm 1958-1960 bình quân tăng 9,1%).

1. Ghi chú: Trong kế hoạch này lấy bình quân 3 năm 1960-1962 làm cơ sở chủ yếu để so sánh các mặt giá trị sản lượng, năng suất, diện tích của chỉ tiêu tốc độ phát triển của 3 năm tới (1963-1965), còn việc so sánh với bình quân 3 năm 1958-1960 chỉ có tính chất làm số liệu lịch sử, vì các năm 1958-1960 số liệu thống kê không chính xác cao hơn thực tế.

Đao riêng đạt 1.500 tấn so với năm 1962 lên 18.000 tấn, tăng gấp 12 lần là loại chỉ tiêu mới được phát triển mạnh (năm 1960 còn trồng rất ít tính gộp cả vào khoai các loại).

Đậu xanh, đậu đen khuyến khích gia đình xã viên phát triển ở vùng thấp để giải quyết nhu cầu thường xuyên ngày lễ, ngày tết.

Về sản lượng nói chung với chỉ tiêu tốc độ trên qua 2 năm đầu thấy rõ ta có khả năng thực hiện được, riêng săn cần phải cố gắng nhiều mới đạt sản lượng phải giải quyết khâu đào dỡ, chế biến cho tốt, kịp thời để giải phóng đất trồng săn đi tới ổn định năng suất săn.

c) Năng suất

Lúa cả năm từ 22,3 tạ (1958-1960) lên 22,48 tạ (1965) tăng 0,80%, bình quân hàng năm tăng 0,2% (2 năm đầu giảm bình quân 1,9%, 3 năm 1958-1960 bình quân tăng 4%). So với 1960-1962 tăng 2,86%, bình quân 3 năm tăng 0,5%.

Trong đó, chiêm từ 23,17 tạ/ha (1958-1960) lên 25 tạ/ha (1965) tăng 9,2%, bình quân hàng năm tăng 1,6%, 2 năm đầu bình quân tăng 0,9%, 3 năm 1958-1960 bình quân tăng 2,5%. So với 1960-1962 tăng 8,55%, bình quân 3 năm tăng 2,7%.

Mùa 26,26 tạ/ha năm 1958-1960 lên 26,5 tạ/ha (1965) tăng 0,9%. So với 1960-1962 tăng 8%, bình quân 3 năm tăng 2,6%.

Lúa nương từ 11,74 tạ/ha (1958-1960) xuống 9,6 tạ/ha (1965) so với 1958-1960 giảm 18,3%. So với 1960-1962 thì tăng 17,88%, bình quân 3 năm giảm 6,4%.

Ngô từ 11,49 tạ/ha (1958-1960) xuống 10,50 tạ/ha (1965) so với 1958-1960 giảm 8,6%. So với 1960-1962 tăng 3,55%, bình quân 3 năm tăng 1,1%.

Khoai các loại từ 62,53 tạ/ha (1958-1960) lên 65 tạ/ha (1965) tăng 4,83%. So với 1960-1962 tăng 20,37%, bình quân 3 năm là 3,8%.

Sắn từ 142 tạ/ha (1958-1960) xuống 100 tạ/ha (1965) giảm 30%. So với 1960-1963 tăng 11,3%, bình quân 3 năm tăng 3,6%.

d) Diện tích

Đưa diện tích trồng trọt từ 19.034 ha (1960) lên 31.890 ha (1965) so với 1958-1960 tăng 70,39%, bình quân hàng năm tăng 11,2%, 2 năm đầu bình quân tăng 30,4%, nếu lấy năm 1962 so với năm 1960 đã tăng 34,1%. Trong đó, lúa tăng 34%, cây công nghiệp tăng 33,6%, tăng nhiều nhất là sắn 445,7%, mía 443,4%, sèo 266%, khoai 184,3%.

Trong diện tích hoa màu đao riêng và sèo cần đẩy mạnh hơn nữa so với kế hoạch để tăng khôi lượng hoa màu. Riêng diện tích lúa nương giảm từ 2.900 ha (1962) xuống 2.400 ha (1965) bằng cách chuyển một số cây trồng cây công nghiệp và làm ruộng bậc thang.

Nếu tính số lượng tuyệt đối thì hết năm 1962 tăng được 6.493 ha trừ số khai hoang đến hết năm 1962 được khoảng 2.827 ha thì tăng vụ được khoảng 3.666 ha. Như vậy, khả năng tăng vụ, tăng diện tích của chúng ta có nhiều. Cần đẩy mạnh diện tích đi đôi với tăng vụ, tăng năng suất một cách mạnh mẽ và vững chắc.

B. Cây công nghiệp

Đậu tương đạt tới 1.375 tấn so với 1958 -1960 tăng 166%, bình quân hàng năm tăng 21,6% (2 năm đầu tăng bình quân 16% lấy sản lượng năm 1962 so với năm 1960 tăng hơn 34,6%).

Chè đạt tới 72 tấn so với 1958 -1960 tăng 41%, bình quân hàng năm tăng 7,1% (2 năm đầu tụt hơn năm 1960 là 2%, (từ 50 xuống 49 tấn), năng suất những năm cao nhất là 4 tạ/ha, nhưng mấy năm qua gần đây tụt từ 3,68 tạ/ha (1960) xuống 2,42 tạ (1962), cần phải có nhiều biện pháp tích cực chăm bón, thu hoạch kịp thời vụ, chế biến tốt mới đạt được kế hoạch sản lượng chè.

Mía đạt 7.980 tấn so với năm 1958 -1960 tăng gấp 8 lần (824%), bình quân hàng năm tăng 55,6%, 2 năm đầu tăng bình quân 26,3%, năm 1962 vượt mức Trung ương giao 185,3% và tăng 591% so với năm 1960, những năm tới giải quyết được vấn đề giống có nhiều triển vọng đạt kế hoạch. Dựa vào kinh nghiệm và giao một phần diện tích trồng mía của đồng bào Hà Nam lên khai hoang để đưa năng suất mía lên cao hơn nữa bảo đảm đủ mía cho nhà máy đường.

Bông đạt 66 tấn so với 1958 -1960 tăng 34,6%, bình quân hàng năm tăng 6,1% (2 năm đầu tăng bình quân 20,5%), lấy năm 1962 so với năm 1960 tăng 45% (từ 34 tấn/1960 lên 45 tấn năm 1962), ta giải quyết tốt việc nhập nội, phát triển bông có khả năng đạt kế hoạch bông.

Thảo quả ngoài việc bảo đảm chỉ tiêu sản lượng của Trung ương cần tích cực phát triển diện tích mới đưa từ 141 ha năm 1960 lên 250 ha năm 1965, để tăng sản lượng hàng hóa cho những năm sau, cần chăm bón bảo vệ tốt để đạt kế hoạch năng suất 11 tạ/ha.

Vừng, lạc, lanh là những chỉ tiêu thực hiện thường không đạt kế hoạch cả về chỉ tiêu sản xuất và thương phẩm cần được đẩy mạnh hơn nữa hướng phát triển vừng, lạc tập trung ở rέo thấp.

Ngoài ra, tích cực đẩy mạnh phát triển các loại cây công nghiệp khác có giá trị kinh tế cao như màng tang, trầu, sở, dọc. Màng tang phát triển mạnh ở xung quanh thị xã gần đường giao thông, trầu, sở, dọc hướng trόng ở rέo thấp, rέo giữa, vừa phát triển tập thể và trόng gia đình.

Phải có hướng lâu dài để việc trồng cây công nghiệp theo quy hoạch khoanh vùng, tiện cho việc vận chuyển, chế biến tạo nên những vùng công nghiệp phát triển sau này.

Các hợp tác xã khai hoang tập trung phải trên cơ sở giải quyết phần lớn nhu cầu lương thực mà chuyển dần sang lấy việc trồng cây công nghiệp là chủ yếu hoặc có những hợp tác xã chuyên canh trồng cây công nghiệp.

Các cây ăn quả khác như cam, quýt, chuối, dứa, cần đi sâu nghiên cứu chính sách công hữu, lương thực, giá cả đẩy mạnh phát triển tránh tình trạng không trόng nom hoặc phá bỏ làm sản lượng ngày một tụt đi.

Đối với những vùng trồng cây công nghiệp tập trung như chè, mía, thảo quả sẽ tùy tình hình mà thu mua một phần hoặc không thu mua có nơi cung cấp thêm lương thực để dành sức lao động phát triển cây công nghiệp.

C. Tăng năng suất, tăng vụ khai hoang

Dựa vào phương hướng chung và tình hình sản xuất của Lào Cai, trước mắt và lâu dài phải tích cực đẩy mạnh việc thâm canh tăng năng suất trên toàn bộ diện tích gieo cấy, phải đặc biệt chú trọng các biện pháp chống xói mòn, giữ độ ẩm, bón phân, tưới nước đúng kỹ thuật, chọn giống tốt, cải tiến gặt đập và chống gia súc, thú rừng, sâu, chuột phá hoại. Phải làm chuyển biến thật nhanh tư tưởng của cán bộ, nhân dân trong việc trữ phân, vận chuyển phân và bón phân để đẩy mạnh tăng năng suất cây trồng.

Đi đôi với tăng năng suất phải đẩy mạnh việc tăng vụ nhất là tăng vụ chiêm ở vùng thấp, tăng vụ đậu tương, đậu răng ngựa, mỳ mạch ở vùng cao và một phần ở nương như sèo, hồng mì và trồng xen kẽ đậu tương.

- Khoai lang, cao lương, ý dĩ. Phải sử dụng một phần nhân lực ở xuôi lên vào việc tăng vụ ở những nơi còn khả năng.

Những vùng xung quanh thị xã, thị trấn, khu công nghiệp cần có kế hoạch khoanh vùng. Tăng vụ trồng rau xanh các loại bằng cách xen canh, gói vụ để cung cấp cho nhu cầu ở những nơi đó.

Dựa hệ số sử dụng ruộng đất từ 1.16 (1960) lên 1.31 (1965), riêng ruộng cần đưa hệ số lên cao hơn nữa, nhất là ruộng ở vùng thấp ta có khả năng tưới nước cho toàn bộ diện tích để cấy chiêm. Dựa diện tích gieo cấy tính theo đầu người từ 2.286 m^2 (1960) lên 2.455 m^2 (1965).

Lào Cai phải bảo đảm một phần nhiệm vụ khai hoang của Trung ương đề ra nhằm mở rộng diện tích, điều chỉnh nhân lực, khai thác những tài nguyên tiềm tàng về nhiều mặt ở miền núi, theo thống kê sơ bộ đất đai của ta còn có thể khai hoang được khoảng 15.914 ha, trong đó có độ 1.756 ha làm ruộng được, còn là nương trồng lương thực và cây công nghiệp được.

Hai năm qua ta đã khai hoang được 2.827 ha tăng gấp hơn 20 lần so với năm 1960. Nhưng so với chỉ tiêu 5 năm tới chúng ta cần tiếp tục trên 2 vạn đồng bào ở xuôi lên để hoàn thành trên 8.000 ha nữa.

Việc khai hoang cần có kế hoạch vững chắc hơn nữa, tránh tình trạng phát rẫy làm lãng phí lao động, hại rừng phải tính toán có hiệu quả kinh tế lâu dài, tổ chức khai hoang tập trung (theo quy mô nhỏ) ở những nơi có điều kiện về đất đai, ngoài việc lập những hợp tác xã khai hoang trồng cây lương thực tùy theo sự cần thiết có thể lập những hợp tác xã chuyên trồng cây công nghiệp. Mặt khác phải coi trọng khai hoang xen kẽ và khai hoang gần chỗ của nhân dân địa phương. Kết hợp đúng đắn giữa khai hoang và bảo vệ phát triển rừng quy hoạch rõ nơi giữ rừng, giữ cây, giữ đồng cỏ chăn nuôi và nơi khai hoang trồng trọt phải có phương hướng sản xuất thích hợp với từng vùng từng loại đất. Đồng bào mới lên khai hoang cũng như đồng bào địa phương hai bên cần học tập, trao đổi kinh nghiệm kỹ thuật làm ăn với nhau để phát triển sản xuất. Việc khai hoang phải có biện pháp chống xói mòn, bạc màu tránh khai hoang ở những nơi nương do độ dốc cao từ 40 - 50 độ trở lên.

Thành lập cơ quan phụ trách khai hoang riêng để chuyên trách nghiên cứu kế hoạch, phương hướng giúp tỉnh chỉ đạo công tác khai hoang, trong thời gian tới, công tác khai hoang là một cuộc vận động lớn thứ ba sau hai cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp và ba xây ba chống.

Hướng mở rộng diện tích chủ yếu là ở vùng thấp, đồng thời phải đẩy mạnh việc tăng vụ (chủ yếu là lúa chiêm) và cải tiến kỹ thuật thâm canh tăng năng suất trên toàn bộ diện tích ở vùng cao và vùng giữa chủ yếu là tăng vụ và cải tiến kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất trên toàn bộ diện tích, thực hiện khai hoang gần, nhỏ ở những nơi có điều kiện.

Hạn chế việc làm nhà, xây dựng khác vào ruộng và đất bằng có thể làm ruộng được trường hợp cần thiết phải được Ủy ban tỉnh, huyện xét duyệt.

D. Chăn nuôi

Chăn nuôi là một ngành lớn trong nông nghiệp nhất là ở miền núi lại có nhiều thuận lợi, cần phải phát triển mạnh để bảo đảm

sức kéo, phân bón, thịt, da tiến lên cung cấp nhiều sữa, mật ong, dần dần làm cho chăn nuôi trở thành một nguồn (...) quan trọng của miền núi.

Để đạt yêu cầu trên chỉ tiêu chăn nuôi trong những năm tới cần nâng lên:

- Trâu từ 26.300 con (1960) lên 31.213 con (1965) tăng 18,6%, bình quân hàng năm tăng 3,4%, qua 2 năm đầu thì 1961 tụt hơn 1960 là 3,2%, năm 1962 tăng hơn 7,9%. Trâu tăng chậm chưa đủ cung cấp cho sức kéo, chuyển về xuôi.

- Bò từ 996 con (1960) lên 3.000 con (1965) tăng 301,2%, bình quân hàng năm tăng 15,3%, 2 năm đầu so với năm 1960 đều tăng nhanh, năm 1961 tăng hơn 47,7%, năm 1962 tăng hơn 135,9%. Bò tăng nhanh chủ yếu là mua từ ngoài vào.

- Ngựa từ 9.883 con (1960) lên 16.061 con (1965) tăng 62,2%, bình quân hàng năm tăng 10,2%, năm 1962 so với năm 1960 tăng 17,5%. Ngựa cần phải tăng nhanh bảo đảm kế hoạch để phục vụ cho sản xuất và vận tải.

- Lợn từ 35.633 con năm 1960 lên 60.000 con/1965 tăng 59%, 2 năm đầu đều tụt từ 35.633 (1960) xuống 39.905 con (1961) và 38.732 con (1962). Giảm 14,4% so với năm gốc.

- Dê hiện nay có 2.841 con, cần tích cực phát triển mạnh mẽ hơn nữa, trước mắt hạn chế giết dê cái, chống thú rừng phá hoại.

Việc phát triển chăn nuôi lợn từ nay đến hết 1965 là một vấn đề rất quan trọng để cung cấp cho nhu cầu của tỉnh. Phải coi trọng phát triển cả hai mặt phát triển đầu lợn và trọng lượng của lợn, nâng mức bình quân từ 30 kg bình quân mỗi con (1960) lên từ 40-45 kg một con (1965). Mặt khác phải phát triển mạnh nuôi lợn nái kề cá giống lợn ở địa phương và lợn xuôi hoặc lai giống giữa lợn địa phương và lợn xuôi để đủ giống cung cấp cho phát triển chăn nuôi và hạ giá lợn giống.

Một chỉ tiêu lớn trong chăn nuôi là vắt sữa trâu, bò, các nơi cần tích cực chuẩn bị điều kiện để thực hiện chỉ tiêu này. Thương nghiệp

nghiên cứu giá cả, thu mua chế biến để phục vụ cho sản xuất phát triển trước mắt là giúp đỡ phương tiện kỹ thuật cho hợp tác xã Thủ Dầu Một. Cố gắng đưa từ 9,3 tấn sữa năm 1962 lên khoảng 100 tấn năm 1965.

Trâu, bò chỉ nuôi chung ở nơi có điều kiện về tổ chức, đồng cỏ nhất là ở vùng giữa. Chăn nuôi chung có lợi là không thả rông hại gia súc, phá hoại sản xuất, nhưng rất coi trọng việc chăn nuôi riêng, mỗi hộ từ 5 đến 7 con hoặc nhiều hơn nữa.

Ngựa không nuôi tập trung, lợn thịt nái chủ yếu là chăn nuôi gia đình, chỉ nên nuôi chung ở những cơ sở quốc doanh còn các hợp tác xã nên phát triển việc chăn nuôi chung lợn nái ở những nơi có điều kiện để cung cấp lợn giống cho xã viên, tổ viên.

Các loại gà, vịt, ngan, ngỗng, chim, thỏ, ong, cá... cần được phát triển mạnh mẽ thích hợp với từng vùng nhất là cá ao, cá ruộng, các ngành nông nghiệp, nông thôn, thủy lợi cần nghiên cứu hướng dẫn kinh nghiệm, giúp đỡ phát triển chăn nuôi.

Cần tập trung lãnh đạo phát triển chăn nuôi nói chung và phát triển chăn nuôi lợn nói riêng ở các vùng gần thị xã, thị trấn, khu mỏ, đường giao thông lớn.

Ty Nông nghiệp nghiên cứu việc thả giống cua, ốc, ếch, ở các ao đầm, ruộng ở rredo thấp, khơi luồng, mua lươn, ba ba để tăng thêm nguồn thực phẩm.

Có kế hoạch bảo vệ cá sông, cá suối, phát triển nghề đánh cá sông.

Cần bảo đảm chỉ tiêu chăn nuôi nói trên để năm 1965 có đủ thịt cung cấp theo tiêu chuẩn chung là: công nhân 18 kg, cán bộ 12 kg, thành thị 6 kg mỗi người trong 1 năm, kể cả cung cấp trong các ngày lễ lớn, ngày tết.

Đặc biệt coi trọng việc bảo vệ sản xuất và cất trữ thức ăn cho gia súc phải giải quyết thích đáng việc dành sức lao động và đất (nơi cần thiết) để phát triển chăn nuôi.

D. Nghề rừng

Rừng và đất rừng là tài sản của nhân dân, thuộc sở hữu toàn dân, phương hướng phát triển nghề rừng phải kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng quốc doanh và lực lượng hợp tác xã kết hợp chặt chẽ việc bảo vệ tu bổ cải tạo và trồng rừng với việc khai thác và chế biến lâm sản.

Cần có một quy hoạch toàn diện lâu dài, giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, khoanh vùng khai hoang và bảo vệ rừng, phát huy tác dụng phòng hộ của rừng đối với sản xuất nông nghiệp, bảo đảm tuyệt đối giữa tu bổ cải tạo trồng rừng đi đôi với khai thác tích cực phòng và chống nạn lửa rừng, điều tra nắm vững các nguồn tài nguyên của rừng. Nghiên cứu tiến tới, khoanh vùng bảo vệ các loại thú rừng quý như: hươu, nai, khỉ...

Phải thực sự dựa vào hợp tác xã, lực lượng sơn trang là chủ yếu trong nghề rừng, việc phát triển lực lượng quốc doanh phải đi từng bước vững chắc chú trọng nâng cao năng suất lao động, rút kinh nghiệm ở những nơi đã làm, áp dụng rộng rãi hình thức khoán khai thác chế biến, tu bổ, cải tạo, trồng rừng cho hợp tác xã và gia đình.

Lãnh đạo những xã trồng rừng điển hình ở vùng cao theo hình vành nón, bậc thang để kết hợp với chống xói mòn, giữ độ ẩm cho đất.

Ty Lâm nghiệp cần có kế hoạch và chuẩn bị giống cây để hướng dẫn cho cơ quan, thị xã, thị trấn trồng theo quy hoạch chung và các hợp tác xã, gia đình trồng ở hai bên đường cái lớn, những nơi đã quy định cho những năm tới nhằm những cây có bóng mát, lấy gỗ và có hiệu quả kinh tế như nhãn, vải, dừa, muỗm, mít, sầu, trầu, sở, dọc, pơ mu, bồ đề, bương, vâu. Nghiên cứu ươm các loại giống cây trồng thích hợp với từng nơi như xung quanh nhà, ven đường, bệnh viện, đô thị, tìm ươm giống dừa để trồng hai bờ sông Hồng từ thị xã đến sân bay.

Khai thác phải đi đôi với việc bảo vệ các cây đặc sản, không để các loại cây này bị tiêu diệt. Phát triển việc nuôi cánh kiến.

Phải nhận thức đúng chức năng vị trí của ngành lâm nghiệp đi sâu lanh đạo chặt chẽ, bảo đảm ba tính chất nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp đều được phát triển vững chắc nhằm đưa diện tích trồng rừng từ 117 ha (1960) lên đến 1.000 ha (1965) tăng 8 lần cải tạo tu bổ từ 20 ha (1960) lên đến 3.128 ha (1965) tăng 155 lần. Chăm sóc rừng từ 20 ha (1960) lên 1.100 ha (1965) tăng 55 lần và giá trị thu nhập của nghề rừng từ 51.284 đồng (1960) lên 220.000 đồng (1965) tăng gấp 4 lần.

E. Một số biện pháp kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp

Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu to lớn của nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm, cần có một số biện pháp:

a) Đối với vùng cao:

Vùng cao của Lào Cai chiếm gần 50% diện tích ruộng mùa trên 80% diện tích trồng ngô của toàn tỉnh, dân số chiếm gần 40% đất đai rộng nhưng độ dốc cao, bị xói mòn, bạc màu nặng, đi lại vận chuyển khó khăn, khí hậu lạnh hay có nhiều sương muối, mưa đá nên việc làm ăn sản xuất gặp nhiều khó khăn những năm bị thiên tai mất mùa, một vài nơi còn bị đói như ở Lùng Phình, Y Tý. Nên đổi với vùng cao cần có một bộ phận chuyên trách đi sâu nghiên cứu về tình hình phát triển và phương hướng sản xuất. Tăng cường việc chỉ đạo sản xuất nông nghiệp ở những nơi này. Với khả năng của tỉnh và đề nghị Trung ương tích cực đầu tư cho vùng cao về các mặt vốn, giống, công cụ cần được giải quyết sớm chính sách ba thu cho thích hợp với vùng cao.

Nghiên cứu chính sách khuyến khích làm ruộng và nương bậc thang ở vùng cao.

Ngoài ra đổi với vùng du canh, cũng phải có chính sách biện pháp tương tự để ổn định sản xuất nâng cao đời sống, giải quyết từng bước chuyển sang định canh, định cư.

b) Công tác kỹ thuật:

Coi trọng và phát huy kinh nghiệm sẵn có của dân tộc kết hợp

với tích cực phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến, chống bão thủ và chống máy móc rập khuôn.

Thủy lợi:

Hết 5 năm phải diệt hạn cho 100% ruộng chiêm là 2.000 ha, 85% ruộng mùa ở vùng thấp là 2.425 ha, 50% ruộng mùa ở vùng cao và giữa là 1.709 ha và 35% diện tích hoa màu và cây công nghiệp là 4.042 ha được tưới nước và giữ độ ẩm bằng mọi biện pháp như làm thêm các công trình mới, dùng hết khả năng của các công trình cũ, làm hồ chứa nước ở vùng cao, lợi dụng tất cả các nơi có điều kiện để đặt máy bơm tự động, máy bơm dầu, máy bơm điện. Đồng thời, tận dụng mọi biện pháp kỹ thuật để chống xói mòn, chống lũ, bảo đảm chiêm 90 ngày, mùa 40 ngày, không mưa vẫn không bị hạn. Tích cực đầu tư thích đáng về vốn hoặc một phần nguyên liệu để nhân dân tự làm hoặc Nhà nước và nhân dân cùng làm. Ở những nơi có điều kiện kết hợp giữa thủy lợi và nuôi cá, làm thủy điện nhỏ. Cố gắng thanh toán nạn thiếu nước ăn và chăn nuôi cho một số nơi ở vùng cao. Những ruộng bậc thang thường bị hạn phải chờ nước mưa, nên chuyển hướng trồng các cây khác thích hợp.

Kỹ thuật trồng trọt:

- **Đất:** Việc nghiên cứu chất đất để áp dụng các biện pháp kỹ thuật trồng trọt, cấu tạo đất là rất quan trọng, và cấp bách, đến hết năm 1965 phải lập được bản đồ thổ nhưỡng ở những vùng thấp và một số nơi ở vùng cao, kết hợp với từng bước đo đạc diện tích, trồng trọt, trước hết là ruộng, tích cực chống xói mòn bằng nhiều biện pháp nhưng chủ yếu là làm ruộng và nương bậc thang, vừa áp dụng biện pháp mới vừa nghiên cứu tổng kết những kinh nghiệm của nhân dân để phổ biến, phải có chỉ đạo trọng điểm để rút kinh nghiệm.

Những nương hiện nay đang trồng trọt cây lương thực có độ dốc cao nên chuyển hướng sang trồng cây công nghiệp.

Việc phát triển thật mạnh đậu tương ở vùng cao đậu xanh, đậu đen ở vùng thấp ngoài tác dụng kinh tế còn có tác dụng bồi dưỡng cải tạo đất.

- *Phân bón:*

Phải tận dụng nguồn phân chuồng kết hợp với việc vệ sinh, chăn nuôi hướng dẫn việc ủ phân, bón phân đúng kỹ thuật đưa mức nước phân từ 2,85 tấn/ha vụ đông - xuân năm 1962 lên 5 tấn/ha năm 1965 sản xuất vôi để cho những nơi thích hợp thanh toán từng bước để chấm dứt nạn cây cháy.

- *Giống:*

Phải được coi trọng, phải có kho chứa tốt, không để lẩn giống, mất phẩm chất, cần có dự trữ một phần những loại giống chủ yếu để phòng thiên tai thiếu giống. Việc chọn giống tốt ở địa phương là chủ yếu việc nhân giống mới phải qua thí nghiệm có kết quả. Phải vận động, hướng dẫn tự chọn giống, giữ giống từ hợp tác xã và tổ đổi công.

Cần tập trung lãnh đạo việc mở rộng diện tích cấy lúa nông nghiệp I, nghiên cứu nhập nội mạnh chiêm tốt ở Yên Bai như Bảo Thắng đã làm và đổi các loại giống giữa các vùng. Tích cực nhập nội đủ các loại giống chủ yếu cho trồng trọt và chăn nuôi.

- *Phòng trừ sâu bệnh, thiên tai, thú rừng:*

Phải tích cực và chủ động trong việc diệt trừ sâu bệnh cầy bừa kĩ và sớm phòng trừ từ khi ngâm và gieo giống, nghiên cứu tính chất thời gian phát sinh của từng loại sâu bệnh phổ biến trước, chuẩn bị sẵn thuốc trừ sâu và dụng cụ cần thiết, v.v. nghiên cứu từng bước tìm biện pháp chống sương muối cho từng nơi từng loại cây có khả năng phượng tiện. Tổ chức bảo vệ hoa màu, khen thưởng những người có thành tích một mặt cần vận động làm nương gần nhau, làm quang cỏ nương và rừng quanh bờ nương để dễ bảo vệ sâu, chuột, thú rừng.

Tích cực phòng trừ sâu bệnh cho cả lúa và hoa màu nhất là vụ mùa, bảo đảm nơi xảy ra sâu bệnh không thiệt hại quá 5% sản lượng.

Thời vụ sản xuất: Cần tính toán thời tiết, kết hợp giữa khoa học với kinh nghiệm của nhân dân nhất là đối với việc gieo mạ chiêm và một số loại cây trồng, còn có nơi gieo trồng không thích hợp với thời tiết, bị chết hoặc không có thu hoạch, giữa nông nghiệp khí tượng và Ủy ban Khoa học kỹ thuật cần phối hợp chặt chẽ, gắn liền với sản xuất hơn nữa để nắm vững nông lịch từng vùng dự đoán thời tiết trước từng thời gian ngắn phổ biến cho nhân dân gieo trồng. Tránh chủ quan mệnh lệnh gây thiệt hại cho sản xuất. Lãnh đạo sản xuất đông xuân phải hết sức tránh không gieo cấy chậm làm ảnh hưởng đến sản xuất vụ mùa, nghiên cứu việc vận chuyển nhập kho lương thực vụ chiêm cho thích hợp để nhân dân có thời gian tranh thủ làm vụ.

Kỹ thuật chăn nuôi:

Việc chăn nuôi đại tiểu gia súc cần chú trọng bốn biện pháp liên hoàn nhất là việc chống rét phòng trừ dịch bệnh, sản xuất dự trữ thức ăn cho gia súc.

Phục hồi giống lợn thuần chủng Mường Khương mà hiện nay đang bị thoái hóa việc lai giống mới rất cần, nhưng chủ yếu vẫn là chọn và nhân giống tốt ở địa phương, thiết củng cố mở rộng các trại chuyên và nhân giống để cung cấp cho chăn nuôi, vận động bò dàn và chấm dứt việc thả rông.

Cần khoanh vùng đồi dốc, dành đất thỏa đáng cho xã viên trồng hoa màu chăn nuôi. Lập quy ước chăn nuôi cấm ngặt mua bán gia súc nơi nghi có bệnh dịch làm lây lan thiệt hại đến chăn nuôi chung.

c) *Cải tiến công cụ:*

Cần đẩy mạnh cải tiến công cụ nhằm tăng năng suất lao động nhất là trong nông nghiệp nhằm giảm nhõ sức người giải phóng đôi vai trước hết là những loại công cụ canh tác, vận chuyển, đạp gạt, chế biến. Trên cơ sở dùng những nông cụ tiến bộ của địa phương và những công cụ nửa cơ giới, dùng thí điểm cơ giới như

máy kéo cho vùng tháp (Bát Xát, Bảo Thắng) và những hợp tác xã khai hoang tập trung vào khoảng năm 1964-1965 trang bị một số máy thích hợp khắc phục vụ cho khai hoang, nghề rừng và chăn nuôi.

Phải coi trọng kinh nghiệm sáng kiến của địa phương, dựa vào những cơ sở sẵn có cải tiến nâng cao dần từng bước.

Cần có tổ chức để chịu trách nhiệm trước tỉnh về việc cải tiến công cụ có đủ phương tiện về người, về vốn để hoạt động và quy định trước nhiệm vụ cho các ngành có liên quan coi việc cải tiến công cụ là mấu chốt để tăng năng suất lao động.

Cần dựa vào lực lượng thanh niên để làm công tác khoa học - kỹ thuật trước mắt là làm sân phơi cải tiến công cụ, trồng cây gây rừng, chống xói mòn.

d) Tổ chức nghiên cứu phổ biến khoa học - kỹ thuật nông nghiệp ở miền núi cần được kiện toàn đề nghị Trung ương cho cán bộ phương tiện để đi sâu nghiên cứu các vấn đề chất đất, chống xói mòn, cải tiến công cụ cơ giới hóa lựa chọn giống cho chăn nuôi và trồng trọt... củng cố các trại thí nghiệm sẵn có của tỉnh và mở rộng việc chỉ đạo sản xuất, chuyển hướng canh tác ở những nơi cần thiết như Lùng Phình, Pha long, Y Tý, v.v. Chuyển hướng tổ chức và hướng dẫn sản xuất của Nông trường Thanh niên cho thích hợp để đi vào ổn định sản xuất, bảo đảm không phải bù lỗ hoặc có lãi tổ chức các tổ khoa học - kỹ thuật ở các xã, các hợp tác xã lớn có điều kiện mở rộng các trạm khí tượng đến hết các huyện và một số khu vực cần thiết.

Các ngành công nghiệp địa phương, nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp nông thôn cần phối hợp với Ủy ban Khoa học - kỹ thuật của tỉnh thống nhất nghiên cứu một số vấn đề rút ra kết luận để chỉ đạo kỹ thuật.

Từng xã cần có quy hoạch sử dụng đất dài lâu để tránh mâu thuẫn giữa phát triển sản xuất với chăn nuôi và nghề rừng.

Một số cây công nghiệp sẽ phát triển mạnh như mía, đại mạch, chè, trầu, v.v. cần đi sâu nghiên cứu chất đất thời vụ, khí hậu thích hợp đặc điểm sinh lý của từng loại, rút ra những kết luận về kỹ thuật gieo trồng để phổ biến rộng rãi.

Cần thành lập Ủy ban Khoa học của tỉnh để nghiên cứu giúp tỉnh lãnh đạo chỉ đạo công tác khoa học - kỹ thuật trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa.

3. Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp

Phương hướng nhiệm vụ của công nghiệp địa phương thủ công nghiệp trong kế hoạch 5 năm đã được Trung ương đề ra: "Phải ra sức phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, làm cho công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trở thành lực lượng bổ sung đắc lực cho công nghiệp Trung ương, chủ yếu nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp và cung cấp một phần quan trọng về hàng tiêu dùng".

Yêu cầu của công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp miền núi thời gian tới là: "Bảo đảm sản xuất và sửa chữa các loại nông cụ thường cung cấp đủ cho nhu cầu và phần lớn công cụ cải tiến về canh tác, tưới nước, vận chuyển, chế biến, gặt đập tiến lên tự cung tự cấp những tư liệu sản xuất cần thiết thích hợp với các dân tộc, do vận chuyển từ xuôi lênh".

Hướng phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp chủ yếu là ở thị xã, thị trấn, đồng thời chú ý một số hợp tác xã khai hoang tập trung, còn các hợp tác xã nông nghiệp nói chung thì phát triển mạnh ngành chế biến và nghề rèn, đúc nhỏ.

Hình thức phát triển với quy mô thủ công, phân tán.

Dựa trên phương hướng và nhiệm vụ chung và tình hình đặc điểm của Lào Cai, phương hướng của công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trong kế hoạch 5 năm là: "Dựa vào khả năng sẵn có và sự hỗ trợ của công nghiệp Trung ương ra sức phát triển công

nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, tích cực khai thác từng bước khả năng tiềm tàng của địa phương, củng cố các cơ sở sẵn có từng bước vững chắc nâng cao hiệu suất lao động, đồng thời phát triển một số cơ sở mới dựa vào nguyên liệu ở địa phương như chế biến nông sản, chất bột chất CO Đ2U, khai hoang, v.v. hình thành mạng lưới cơ khí và thủy điện nhỏ tại các huyện để phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, xây dựng giao thông vận tải khai thác, phụ tùng sửa chữa nhưng trước hết là nông nghiệp, sản xuất ngày càng nhiều hàng tiêu dùng và xuất khẩu".

Do yêu cầu phát triển của công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp cần đưa tốc độ phát triển về giá trị tổng sản lượng.

	Thực hiện năm 1960 (Đồng)	Kế hoạch năm 1963 (Đồng)	So sánh năm 1965 với năm 1960 (Đồng)
TỔNG SỐ	4.217.222	9.165.142	217.33
A	2.615.693	5.030.206	192.69
B	1.604.529	4.125.936	257.71
QUỐC DOANH	1.534.425	5.465.299	356.25
A	360.757	2.541.581	705.83
B	1.173.608	2.923.718	249.19
THỦ CÔNG	2.682.797	3.699.843	137.91
A	2.254.936	2.497.625	110.78
B	427.861	1.202.218	281.49

Nhìn chung vào giá trị tổng sản lượng các thành phần của quốc doanh và thủ công nghiệp thấy những mâu thuẫn không đúng với phương hướng phát triển nhóm B của quốc doanh lớn hơn nhóm A và nhóm B của thủ công nghiệp nhỏ hơn nhóm A. Nhưng nhìn chung về tốc độ phát triển ta thấy nhóm A của quốc doanh tăng gấp bảy lần so với năm 1960 trong khi nhóm B chỉ tăng 2,5 lần. Tốc độ nhóm B của thủ công nghiệp tăng 2,8 lần

trong khi nhóm A tăng 1,1 lần. Đó là vấn đề thực tế ta chưa thể giải quyết được.

Qua 2 năm đầu thực hiện giá trị sản lượng đến năm 1962 là 5.181.000 đồng so với năm 1960 tăng 22,6%. Trong đó, quốc doanh đạt 2.660.000 đồng so với năm 1960 tăng 73,4%, thủ công đạt 2.521.000 đồng so với năm 1960 giảm 6,4% vì năm 1960 hàng thực phẩm xay xát gạo, khai thác gỗ do thủ công đảm nhiệm, đến năm 1962 quốc doanh đã nắm một phần khai thác, thực phẩm, toàn bộ chi tiêu xay xát nên giá trị tổng sản lượng của thủ công giảm sút 6,4%. Do yêu cầu đòi hỏi tốc độ phát triển trong kế hoạch 5 năm khá mạnh, cần được sự lãnh đạo chặt chẽ có nhiều biện pháp cố gắng để đạt chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA TỪNG NGÀNH

a) Ngành chế biến

- Chế biến thực phẩm:

Cần phát huy mạnh mẽ để phục vụ cho nông nghiệp cho đời sống của cán bộ và nhân dân, thời gian tới chất bột phát triển mạnh, công tác chế biến lại càng quan trọng.

Cố gắng đầu tư vốn thích đáng cho ngành chế biến thực phẩm để phục vụ kịp thời việc ăn uống của công nhân, viên chức.

Hướng phát triển một phần dựa vào công nghiệp quốc doanh nhưng chủ yếu là các hợp tác xã và gia đình chế biến để cung cấp tại chỗ. Tập trung chế biến bột ngô, khoai, sắn, đao riêng và sữa chai, (...) để dễ vận chuyển cát trũ phân phôi làm các loại bánh bằng chất bột có thêm mỡ, đường, đậu, sữa, khắc phục mọi khó khăn, cải tiến từng bước việc ăn độn và chất lượng ăn uống.

Chế biến các loại bánh, bún, kẹo tận dụng bã để nấu rượu và phát triển chăn nuôi.

Xây dựng cơ sở chế biến chất bột ở thị xã, khu công nghiệp và ở các huyện có thủy điện, cơ sở sản xuất nước đá, nước ngọt ở thị xã

với quy mô nhỏ đủ cung cấp cho thị xã, khu công nghiệp và ướp lạnh trong việc chế biến thực phẩm. Mở thêm các cơ sở làm bánh kẹo ở thị xã, thị trấn khu công nghiệp. Làm các lò sấy thủ công bằng than, củi ở các nơi có nhiều sắn, sắn củi để sấy sắn lát hoặc sắn củ, những nơi không có khả năng làm sắn lát cũng vận động sấy sắn củ.

Hoàn thành xây dựng hệ thống nhà máy đường, rượu của tỉnh để đi vào sản xuất thường xuyên, giúp đỡ các cơ sở sản xuất mật và đường mỏng lừa bằng thủ công của địa phương ở rẽo cao về các mặt kỹ thuật, tiêu thụ để khuyến khích phát triển thêm mía làm đường, mật thủ công.

Nghiên cứu nấu rượu bằng sắn, đao riêng, hoa quả các loại hoặc phơi sấy hoa quả (cả ở tỉnh và các huyện có điều kiện).

Trước mắt cần nghiên cứu sản xuất các loại cối xay bột dân gian cho trâu, ngựa và nước chảy cối ngàn phát triển rộng rãi đến nông thôn để giảm bớt sức người.

- *Chế biến các loại nông lâm sản:*

Trang bị máy lô cô và các loại máy thông dụng khác để chế biến gỗ bán thành phẩm, gỗ gắn sàn, củi, than hoa, tại cửa rừng, kết hợp với tổ chức chế biến kẹo nấu. Tiến tới xây dựng nhà máy làm bột giấy hoặc giấy bìa bằng bã mía - gắn liền với hệ thống nhà máy đường, sữa, nước đá, nước ngọt, bánh kẹo chế biến thực phẩm để đi vào sản xuất liên hoàn, thuận lợi cho việc bố trí công nhân sản xuất.

- *Chế biến dược phẩm:*

Mở rộng cơ sở trang bị thêm phương tiện để sản xuất và pha chế một số thuốc đông và tây y, dựa vào nguyên liệu địa phương để tăng thêm các loại thuốc bổ, thuốc chữa bệnh thông dụng.

- *Chế biến dầu thảo mộc:*

Mở rộng và trang bị hệ thống lò hơi cho cơ sở nấu dầu cũ, mở thêm các cơ sở chế biến thủ công ở một số nơi có nhiều nguyên liệu. Nghiên cứu thêm chất dầu ở các loại nguyên liệu khác, nâng sản

lượng tinh dầu từ 11,4 tấn (1962) lên 30 tấn (1965) chưa kể sản lượng dầu nhờn đạt khoảng trên 10 tấn/năm.

b) Ngành khai thác

Đẩy mạnh khai thác đi đôi với tu bổ cải tạo trồng rừng, bảo vệ rừng một cách toàn diện. Mức khai thác toàn năm nghiên cứu thích hợp với khả năng nhân lực, phương tiện vận chuyển và mức tăng trưởng của rừng bảo đảm mức tăng trưởng của rừng, bảo đảm mức khai thác đến 1965 là 25.000 m³. Nâng kỹ thuật khai thác của công nhân quốc doanh và hợp tác xã thực hiện... Từng bước thủ công lên nửa cơ khí và cơ khí hóa từng việc, từng khâu trước hết là khâu vấn xuất. Mở thêm đường bộ, sử dụng có kế hoạch đường thủy và mọi phương tiện thô sơ không để ú đọng gỗ ở bãi, nâng tỷ lệ sử dụng cành, ngọn từ 0,86 hiện nay lên 20% bằng mọi hình thức chế biến tại cửa rừng, tiến tới dùng cần trực nhỏ để đưa gỗ lên xe, cơ giới hóa việc vận chuyển gỗ và các khâu cần thiết khác.

Chú trọng việc khai thác nữa, vầu để phục vụ cho nhu cầu chung và nhu cầu của địa phương như xây dựng và nghề thủ công.

c) Mộc xẻ

Ngành mộc xẻ cần nghiên cứu nắm vững khâu tiêu dùng, nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm, trang bị thêm thiết bị đi vào sản xuất có kế hoạch vững chắc, phục vụ tốt cho nông nghiệp, cho tiêu dùng và cho xây dựng.

Sản xuất thêm mặt hàng mới thích hợp với thị hiếu, rẻ tiền, tiết kiệm gỗ. Sản xuất các loại hàng thay thế cho tôn kẽm khan hiếm như thùng, chậu gỗ. Tận dụng gỗ vụn sản xuất các đồ chơi cho trẻ em và văn hóa phẩm.

Cùng các hợp tác xã và giao thông vận tải nghiên cứu sản xuất yên thồ cho trâu, bò, thồ để tăng phương tiện vận tải. Hướng dẫn các hợp tác xã thủ công ở thị xã, thị trấn và một số khu vực sửa chữa và sản xuất tại chỗ những đồ dùng của nhân dân cho sát với thị hiếu, dễ vận chuyển xa.

Sử dụng tốt thiết bị để bảo đảm khối lượng gỗ xẻ cho xây dựng hằng năm, xẻ săn hàng loạt theo quy cách đã quy định đưa vào ngâm tẩm để bảo đảm chất lượng gỗ.

d) Cơ khí

Cần được xây dựng, phát triển cơ sở từ tỉnh đến huyện phân công sản xuất giữa cơ khí tỉnh, huyện và các xí nghiệp của Trung ương tại địa phương vừa củng cố vừa mở rộng từng bước từ thủ công tiến lên nửa cơ khí và cơ khí hóa sản xuất.

Hướng sản xuất của cơ khí tỉnh là thỏa mãn được yêu cầu công cụ thường, công cụ cải tiến thích hợp phục vụ cho nông nghiệp, xây dựng, vận chuyển, chế biến, khai thác như: rìu, dao, cuốc các loại xe trâu, xe bò các loại, máy chế biến thái xát bột, một số vật liệu xây dựng, trùng tu các loại xe vận tải tiến tới không phải nhập một số công cụ từ xuôi lén. Đến năm 1965 các thị trấn một số khu vực có cơ sở sản xuất cơ khí được củng cố mở rộng trên cơ sở săn có theo hình thức hợp tác xã thủ công đều được trang bị về kỹ thuật, thiết bị của cơ khí tỉnh, được giúp đỡ về nguyên liệu, vốn, trường hợp gấp khó khăn hướng sản xuất của cơ khí huyện và khu vực là sản xuất nông cụ thường, sửa chữa nông cụ cải tiến, nghiên cứu cải tiến các loại nông cụ thích hợp với từng vùng.

Xây dựng các tổ sản xuất và sửa chữa nông cụ thường ở một số xã và hợp tác xã lớn, hướng của tổ này chủ yếu là sửa chữa và sản xuất phần nào nông cụ thường tại chỗ tiêu thụ tại chỗ.

Trong sản xuất chú trọng lãnh đạo tốt các khâu bảo đảm quy cách, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

đ) Vật liệu xây dựng

Gạch ngói là vật liệu chủ yếu trong xây dựng cần được đẩy mạnh sản xuất để đáp ứng cho nhu cầu xây dựng của địa phương và trung ương ngày càng nhiều.

Củng cố mở rộng cơ sở gạch ngói săn có tăng vòng quay của lò bảo đảm sản lượng, chất lượng hạ giá thành chuyển dần từng bước

từ thủ công lên nữa cơ khí và cơ khí hóa những khâu cần thiết làm mới một số cơ sở ở các huyện và các nơi cần thiết bằng hình thức thủ công để sản xuất gạch ngói, vôi, cung cấp cho xây dựng tại chỗ.

Với sản xuất nhiều hơn nữa đưa mức sản lượng lên khoảng 2.500 tấn/năm (kể cả vôi tạo đất).

Sản xuất các loại penen, lanh tô để xây dựng một số nhà đơn giản, ống máng săn nước bằng sành... đỡ phải vận chuyển từ xuôi lên và thay thế cho tôn kẽm.

e) *Khai khoáng*

Bước đầu khai thác những thứ cần thiết phục vụ ngay cho yêu cầu của địa phương và trung ương theo quy mô nhỏ, thủ công.

Đưa mức khai thác đolômítte lên khoảng 5.000 tấn/năm để cung cấp cho nhà máy thủy tinh, khu gang thép của Trung ương.

Khai thác mi ca để phục vụ cho xuất khẩu của trung ương đưa mức sản xuất lên thỏa mãn yêu cầu tiêu thụ, đề nghị trung ương giúp đỡ vốn, kỹ thuật, và tiêu thụ.

Trong khai thác phải chú ý cả hai mặt vừa phục vụ cho nhu cầu chung vừa bảo đảm tích lũy cho địa phương hoặc theo hình thức địa phương và trung ương cùng làm.

g) *Điện lực*

Chủ yếu là sử dụng nguồn điện của trung ương cho các xí nghiệp địa phương. Mở rộng Nhà máy thủy điện Sa Pa để đủ điện cung cấp cho sản xuất, sinh hoạt và nghỉ mát nhằm dùng hết lưu lượng nước ở đây.

Xây dựng các trạm thủy điện nhỏ trên dưới 20 kW ở các huyện Mường Khương, Bắc Hà và một vài nơi cần thiết có đủ điều kiện. Dựa vào những công trình thủy lợi, những suối nhỏ, xây dựng các trạm thủy điện độ 4-5 kW để giải quyết ánh sáng, phát thanh bằng hình thức nhân dân tự bỏ vốn, nhân lực. Nhà nước giúp đỡ kỹ thuật. Hoàn thành quy hoạch thủy điện của Lào Cai để chuẩn bị xây dựng cho kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

Nghiên cứu việc kéo đường dây cao thế từ tỉnh về các huyện Bát Xát, Bảo Thắng, để phục vụ cho chế biến, thủy lợi. Mở rộng việc sử dụng điện cho những nơi gần thị xã, thị trấn có điện.

h) Hợp tác xã thủ công nghiệp

Trước hết kiện toàn bộ máy lãnh đạo từ tỉnh đến huyện, xã, quy định trách nhiệm rõ cho từng ngành giải quyết tốt quan hệ với các ngành có liên quan, giúp đỡ cung cấp tốt về vốn, nguyên liệu, kỹ thuật, tiêu thụ...

Hướng dẫn xã và hợp tác xã dựa vào khả năng của mình để phát triển thủ công nghiệp gắn liền với sản xuất để ngoài việc tạo thành hàng hóa còn tự trao đổi trang bị cho xã, cho hợp tác xã nhất là những ngành nghề có sẵn nguyên liệu và thích hợp với thị hiếu.

Củng cố các hợp tác xã thủ công nghiệp, ở thị xã, giúp đỡ giải quyết mọi khó khăn để đi vào sản xuất.

4. Xây dựng cơ bản

Đẩy mạnh tốc độ kiến thiết cơ bản một cách vững chắc hơn nữa về thiết kế thi công bảo đảm tốt chất lượng xây dựng hạ giá thành và phải sử dụng vốn một cách tiết kiệm nhất, đem lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.

Nghiên cứu xây dựng điển hình hóa, tiêu chuẩn hóa cho các loại công trình đơn giản, các loại sân phơi, kho chứa, nhà ở, chuồng gia súc cho thích hợp với từng vùng dân tộc. Về thi công từ thủ công nghiệp tiến lên nửa cơ khí và cơ khí hóa từng bộ phận, từng hạng mục, từng loại công trình như lắp ráp, đầm bê tông, trộn bê tông, san húc... trang bị thêm một số máy thông dụng để nâng cao tốc độ thi công.

Phải kiện toàn bộ máy xây dựng cơ bản ở tỉnh cho mạnh, gọn tảng cường hơn nữa công tác quản lý xây dựng cơ bản.

Phân công hướng dẫn cụ thể trong việc xây dựng giữa tỉnh, huyện, xã để tăng nhanh tốc độ xây dựng. Đối với sân phơi, kho

chứa, chuồng gia súc là yêu cầu cấp bách của hợp tác xã, cần được ưu tiên giúp đỡ đúng mức.

Đối với miền núi một mặt tập trung vốn cho khu vực sản xuất, một mặt cần chiếu cố thích đáng nhu cầu về đời sống chính trị của khu vực không sản xuất như bệnh viện, chợ, nhà ở. Cố gắng tăng dần vốn cho khu vực nông nghiệp, công nghiệp và giao thông vận tải.

Khoảng giữa năm trước đã chuẩn bị kế hoạch xây dựng năm sau. Những năm tới phải chuẩn bị khảo sát, thiết kế cho kế hoạch xây dựng dài hạn hơn. Hướng xây dựng tốt, rẻ, nhanh, thuận lợi chống lãng phí phô trương không cần thiết.

Hoàn thành quy hoạch Thị xã, thị trấn Sa Pa và Bắc Hà và một số hợp tác xã nông nghiệp có điều kiện bước đầu xây dựng nông thôn mới. Bán bếp đun mùn cưa, trấu thay cho những bếp ăn tập thể.

5. Giao thông vận tải, bưu điện và truyền thanh

a) *Giao thông vận tải:* Cần phát triển mạnh để phục vụ cho việc phát triển kinh tế văn hóa và củng cố quốc phòng tạo cho nền kinh tế nông nghiệp của Lào Cai có nhiều hàng hóa, nhất là việc vận tải trong nông thôn hiện nay đến năm 1965 xe vận tải chạy được cả mùa mưa từ tỉnh đến các huyện, tăng thêm chuyến xe ôtô chở khách, xe trâu, xe bò chở hàng chạy trên những chặng đường nhất định để tăng thêm sức lưu thông hàng hóa phục vụ hành khách. Cố gắng làm tốt các mặt đường và hệ thống cống rãnh. Hạ cước phí vận chuyển đối với những loại chưa hợp lý có kế hoạch hướng dẫn thường xuyên tu bổ những con đường từ huyện đi khu vực đi xã cho người, ngựa thồ đi lại dễ dàng.

Ở vùng thấp làm đường nối liền từ đường cái lớn vào xã và hợp tác xã cho ôtô, xe trâu, xe bò đi lại vận chuyển phục vụ cho sản xuất, lưu thông hàng hóa, làm những con đường từ hợp tác xã ra ruộng cho xe quyết, xe môt bánh, trâu, bò thồ, kéo máng đi lại

chuyển phân ra ruộng và lúc về nhà thực hiện từng bước giải phóng đôi vai, giảm bớt sức người vận chuyển, tập trung lao động vào phát triển sản xuất.

Đề nghị trên cho khai thông đường ôtô đi Yên Bai bằng đường số 4 cũ, và đường đi Phong Thổ. Cho chua cầu Cốc Lếu, cầu treo này làm từ năm 1951 đến nay không bảo đảm an toàn làm trở ngại cho xây dựng lưu thông hàng hóa và quốc phòng.

Tăng khối lượng vận chuyển bằng ôtô đường Bắc Hà, Mường Khương, bằng thuyền và ca nô kéo thuyền đường thủy Bát Xát, thêm chuyến xe chạy đường Sa Pa về mùa hè. Việc phát triển giao thông vận tải nhằm kết hợp phục vụ cả ba mặt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và quốc phòng.

b) Bưu điện và truyền thanh

Củng cố mạng lưới bưu điện và truyền thanh để phục vụ kịp thời sự chỉ đạo công tác của các cấp cho sản xuất cho yêu cầu cung cấp quốc phòng và phát triển văn hóa. Mở rộng hệ thống phát thanh ở thị xã, phát triển thêm hệ thống phát thanh ở tất cả các huyện. Nâng cao chất lượng bảo đảm nhanh, bí mật, chính xác, an toàn trong công tác.

Củng cố đường thư từ tỉnh xuống xã cho tốt nhất là từ khu vực xuống xã bảo đảm chất lượng đường dây săn có cải tiến thiết bị để sử dụng đàm thoại hội nghị đàm thoại cả trong giờ dài.

Mở rộng hệ thống loa phát thanh cho các xã gần thị xã, thị trấn kể cả hệ thống phát thanh của tỉnh.

Quản lý chặt hệ thống loa đài không để sử dụng bừa bãi. Tự sửa chữa tốt một số dụng cụ tiến lên sửa chữa tốt máy điện thoại và sản xuất một số dụng cụ thay thế.

Đẩy mạnh công tác phát hành báo chí, chú ý ở nông thôn.

6. Thương nghiệp

Để phục vụ cho nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng của Lào Cai ngày càng phát triển, công tác thương nghiệp cần được củng cố và phát triển hơn nữa.

Ngành thương nghiệp có trách nhiệm rất lớn góp phần tích lũy, thực hiện công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và công nghiệp cải thiện thêm một bước đời sống của nhân dân, củng cố quan hệ sản xuất mới và hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Một mặt củng cố phát triển thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, mặt khác phải hoàn thành cải tạo thương nghiệp tư nhân, đẩy mạnh giao lưu hàng hóa, thắt chặt mối quan hệ có kế hoạch giữa công và nông nghiệp, giữ sản xuất và tiêu dùng. Thu mua và cung cấp tốt các loại hàng nông sản cho khu công nghiệp, thị trấn, thị xã, các loại hàng công nghiệp chủ yếu cho nông nghiệp và công nghiệp địa phương.

Về giá trị thu mua hàng nông sản đưa từ 2.885.000 đồng 1960 lên 6.629.000 đồng 1965¹, tăng 129,77%, bình quân hàng năm tăng 18,1% (năm 1962 ước thực hiện được 3.276.000 đồng). Về mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ từ 12.265.000 đồng (1960) lên khoảng 20.490.000 đồng (1965), tăng 67%, bình quân hàng năm tăng 10,8% (1962 đã thực hiện 13.390.000 đồng). Tỷ trọng của các thành phần trong mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ là:

	1960	1961	1962	1963	1964	1965
Thị trường xã hội chủ nghĩa	83	86,4	86	85,9	85,7	85,5
Trong đó:						
Kinh tế quốc doanh	69,95	62,2	60,8	63,8	67,9	67,8
Kinh tế hợp tác xã	4,93	14,1	14,4	13,2	13,2	13,8
Kinh tế cải tạo	8,4	10,1	10	18,9	4,4	4,4

1. Về tỷ trọng của thành phần kinh tế cải tạo trong thị trường xã hội chủ nghĩa giảm xuống vì từ 1964 - 1965 ta chủ trương giao hàng cho họ bán hưởng tỷ lệ lãi nhất định bảo đảm mức thu bình thường nhưng doanh số bán ra tính vào quốc doanh.

	1960	1961	1962	1963	1964	1965
Thị trường tự do:	17	13,6	14	14,1	14,3	14,5
Trong đó:						
Tư thương	5,42	4,1	4	3,7	3,4	3
Mậu dịch tư nhân	8,2	8,6	9,1	9,1	9,9	10,3

Đối với các cơ sở kinh doanh bên dưới cần được củng cố lãnh đạo chặt chẽ tăng cường cán bộ tốt giáo dục nấm vũng chính sách sản xuất, chính sách phân phối vừa bảo đảm phục vụ vừa góp phần tích lũy cho ngân sách. Phục vụ ăn uống tốt cho đồng bào địa phương nhất là ở huyện và chợ thị xã phục hồi các chợ cũ mở thêm chợ mới ở những nơi cần thiết. Việc này làm tốt ngoài ý nghĩa phục vụ yêu cầu sinh hoạt của quần chúng, nó còn có tác dụng khai thác hàng hóa kích thích phát triển sản xuất của địa phương. Lãnh đạo tốt khu vực thị trường tự do, ổn định giá cả.

Cần ổn định mức thu mua lương thực trong khoảng thời gian từ nay đến 1965 và mua lương thực ngoài nghĩa vụ theo giá khuyến khích để nhân dân yên tâm phát triển sản xuất. Tích cực thu mua các loại sắn, khoai, đao riêng, chế biến cung cấp cho nhu cầu địa phương và xuất khẩu. Những loại nông sản cần thiết cho công nghiệp và xuất khẩu như: bông, lanh, chè, thảo quả, hạt có dầu thì thu mua đại bộ phận hoặc thu mua hết những thứ mà Nhà nước và nhân dân đều cần như thịt, lạc, vừng, đậu tương cần thu mua với tỷ lệ thích đáng bảo đảm chu cấp cho khu công nghiệp, thị xã và xuất khẩu một mặt bảo đảm mức sinh hoạt bình thường của nhân dân. Kiên quyết chống đầu cơ tích trữ.

Nghiên cứu giá cả thu mua đối với một số hàng nông sản nhất là với vùng cao, vùng mới khai hoang, có chiếu cố thích đáng nơi vận chuyển khó khăn điều kiện sản xuất thô sơ, đi sát hướng dẫn hợp đồng cụ thể về quy cách phẩm chất để tránh thời gian lăng phí sức người, hàng hóa. Việc thu mua lợn nên lấy hợp tác xã, tổ đội công làm đơn vị thực hiện nghĩa vụ đơn vị dựa trên cơ sở khả năng lao động để phân cho hộ.

Củng cố xây dựng thêm cơ sở hợp tác xã mua bán ở xã, lấy củng cố là chủ yếu, một mặt kiểm tra quản lý sử dụng tốt vốn cổ phần, tổ chức thêm cửa hàng ở một số xã có điều kiện bán một số ít mặt hàng cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày của nhân dân.

Về ngoại thương:

Thực hiện cân đối giữa xuất và nhập cống gắng tập trung hàng nhập khẩu trước hết là nguyên liệu thiết bị cần thiết và một phần hàng tiêu dùng. Đây mạnh xuất khẩu là khâu chính của công tác ngoại thương.

Tăng cường giải quyết khâu tuyên truyền đến người sản xuất tích cực khai thác nguồn hàng, bảo đảm quy cách phẩm chất các ngành các cấp nhận rõ yêu cầu mục đích của hàng xuất, tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất thu mua hàng. Dựa vào mọi tổ chức mọi hình thức thu nhặt hàng như cơ quan, hợp tác xã, trường học...

Giải quyết tốt khâu kỹ thuật và vận chuyển để bảo đảm chất lượng và khối lượng hàng hóa.

7. Tài chính, ngân hàng

Quản lý tốt việc thu chi tiền mặt, cống gắng cân đối giữa tài chính, tiền tệ, vật tư.

Hướng dẫn sử dụng tốt các quỹ tín dụng nhân dân để phát huy tác dụng của nó. Tiếp tục huy động vốn tiết kiệm hướng dẫn việc tiêu dùng cho hợp tác xã như mua sắm nông cụ đồ dùng trong nhà, xây dựng cơ bản, nhà kho, sân phơi, nhà ở, bể nước, giếng nước ăn, làm đường vận chuyển... phát triển rộng rãi các hình thức lưu thông hàng hóa để khởi động nhiều tiền trong nhân dân. Giảm dần mức bội chi.

Củng cố lại các bộ máy quản lý thu chi, quản lý tài vụ ở các ngành, các xí nghiệp, các địa phương, nâng cao trình độ quản lý thu chi, quản lý tài vụ cho cán bộ các cấp, các ngành cần nhận thức đầy đủ, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ tài chính nhằm tăng

cường tích lũy vốn, tăng thu cho ngân sách địa phương, tôn trọng tài sản chung trong các ngành công tác.

Đề nghị Trung ương chú ý cung cấp thêm hàng hóa vì công nghiệp của Lào Cai phát triển mạnh lại là tỉnh đứng thứ hai trong toàn miền Bắc về cung cấp hàng xuất khẩu bình quân theo đầu người nên khối lượng tiền tung ra nhiều như tổng thu nhập bằng tiền từ 13,7 triệu (1960) lên 25,7 triệu (1965) tăng bình quân hàng năm 13,3% trừ các khoản chi hàng hóa và không hàng hóa số tiền mặt còn lại từ 2 triệu (1960) lên 3,9 triệu (1965) nên cần có nhiều hàng hóa bán ra để thu tiền về mà địa phương chưa tự túc được nhiều mặt hàng.

8. Lao động, đời sống vật chất và văn hóa

Lào Cai cũng như tình hình chung tỷ trọng dân số thành thị và khu không sản xuất nông nghiệp tăng nhanh mà tỷ trọng dân số nông thôn giảm xuống dần, các ngành công nghiệp, giao thông, xây dựng, giáo dục sẽ còn phát triển do đó số nhân khẩu khu phi nông nghiệp của Lào Cai sẽ tăng từ 16% (1960) lên 18,5% (1965). Ở nông thôn nhất là rěo thấp lúc thời vụ rất cảng thẳng trước mắt gặp nhiều khó khăn về lương thực, hàng hóa nên cần quản lý số nhân khẩu thành thị, nhân khẩu phi nông nghiệp không để tăng nhanh quá mức cần thiết quản lý biên chế sắp xếp hợp lý, chấm dứt tình trạng lãng phí lao động trong khu vực hành chính cũng như khu vực sản xuất. Thi hành đúng chế độ bảo hiểm xã hội đối với những người già yếu, mất sức lao động, tăng cường công tác bảo hộ lao động và đẩy mạnh tăng năng suất lao động.

Trong lao động sản xuất nông nghiệp cần tổ chức huy động sử dụng tốt lao động của xã viên, tổ viên, giảm dần mức lao động chưa sử dụng hết và do năng suất lao động thấp gây nên từ khoảng 8.900 người/ngày năm 1961 (rěo cao 7.520 người/ngày, rěo giữa 670 người/ngày, rěo thấp 710 người/ngày) xuống khoảng 2.000 người/ngày 1965. Đưa ngày công lao động bình quân của mỗi xã viên

lên khoảng 150 ngày/năm hoặc cố gắng huy động được 3/5 lao động của xã viên, giá trị ngày công là 1,10 đồng trở lên. Dựa vào thanh niên làm nòng cốt trong lao động, không nên đưa quá nhiều thanh niên nông thôn thoát ly nông nghiệp vào các ngành khác. Việc huy động dân công lao động hết sức tránh lãng phí đi lại nhiều cần chiếu cố nơi ít người.

Việc cải thiện thêm một bước đời sống của cán bộ và nhân dân là một yêu cầu bức thiết, một nhiệm vụ kinh tế chính trị cơ bản gắn liền với toàn bộ nhiệm vụ cách mạng là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc. Trong điều kiện hiện nay, phải tập trung giải quyết một cách thiết thực và có trọng điểm những nhu cầu thiết yếu nhất. Phương hướng chính là dựa trên cơ sở phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm mặt khác phải giải quyết đúng đắn quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng và bảo đảm những yêu cầu to lớn của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa vừa giải quyết đúng mức những yêu cầu về đời sống của quần chúng như ăn, mặc, ở, học tập sức khỏe.

Trên cơ sở đó phải tích cực đẩy mạnh sản xuất mọi mặt trước mắt nông nghiệp phải được phát triển vững chắc, giải quyết tốt khâu ba thu, lưu thông, phân phối và chế biến. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm tư liệu sản xuất của các hợp tác xã để phát huy tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển. Đồng thời, đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí quan liêu.

Cung cấp phân phối có kế hoạch các nông sản thực phẩm và hàng tiêu dùng do Nhà nước quản lý đúng chế độ có trọng điểm đến tay người tiêu thụ, ổn định giá cả thị trường, bảo đảm và tăng thêm thu nhập thực tế của cán bộ, công nhân, viên chức, việc tăng lương chủ yếu là nâng cấp bậc, điều chỉnh những tháng lương, mức lương chưa hợp lý, mở rộng chế độ lương khoán.

Cải thiện phúc lợi xã hội, chú ý các gia đình đồng con, phụ nữ trẻ em giải quyết từng bước nhà ở nơi làm việc của các cơ quan gặp khó khăn bằng cách làm mới, sửa chữa cho vay vốn để xây dựng.

Giải quyết tốt chế độ cung cấp bồi dưỡng học tập cho số cán bộ lưu thông và công tác ở reo cao, nâng thu nhập của nông dân thu nhập từ 201,56 đồng (1960) lên 216,50 đồng (1965) tăng gần 16%. Về lương thực từ 399 kg/người (1960) lên 452 kg (1965). Dân số từ 167,80 đồng (1960) lên 180,50 đồng (1965), lương thực từ 331 kg (1960) lên 378 kg (1965).

Nâng cao trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân là một vấn đề cấp bách có ý nghĩa to lớn tác dụng đến việc thúc đẩy toàn bộ công tác ở miền núi nên cần đẩy mạnh các mặt văn hóa, giáo dục, phát triển đúng phương hướng thích hợp với từng vùng, từng dân tộc. Tiếp tục nghiên cứu về nội dung, tổ chức, giáo dục ở vùng cao cho sát để đẩy mạnh phong trào phát triển mạnh hơn nữa. Nâng cao chất lượng giáo dục đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt làm cho nhà trường gắn liền hơn nữa với đời sống, học tập với lao động, lý luận với thực tiễn. Phải giáo dục toàn diện nhất là giáo dục chính trị và tư tưởng, chú ý đào tạo đội ngũ giáo viên.

Củng cố phát triển mạnh các lớp mẫu giáo, võ lõng, cấp I để làm cơ sở phát triển các cấp II, III theo đúng phương hướng trước hết là con em cán bộ, dân tộc, cán bộ nơi khác đến. Mở các lớp văn hóa tập trung cả ở những xã có điều kiện, ở xã theo hình thức vừa làm vừa học như mỗi tuần mỗi chỗ mấy ngày hoặc nửa ngày học nửa ngày sản xuất. Ở huyện, tỉnh kết hợp học văn hóa với chính trị, kỹ thuật nghiệp vụ.

Củng cố phong trào bồi túc văn hóa mở rộng việc thanh toán và bồi túc bằng chữ Miêu, nghiên cứu sử dụng từng bước vào công tác sinh hoạt và kỹ thuật.

Đại bộ phận cán bộ trung cấp có trình độ lớp 7 toàn diện, cán bộ sơ cấp và nghiên cứu có trình độ tương đương và đạt tới trình độ lớp 7 về một số môn học chính: toán, lý, hóa. Đối với cán bộ

chủ chốt ở xã phấn đấu thanh toán hết, phổi biến phải đạt tới lớp 2, lớp 3, một số ở vùng thấp phải phấn đấu hết cấp 1. Riêng vùng cao thanh toán hết cán bộ chủ chốt, đảng viên, đoàn viên. Vùng thấp thanh toán thêm cả lứa tuổi thanh niên ngoài đoàn. Thanh toán hết 42 xã trong số 48 xã ở vùng thấp và 12 xã trong số 75 xã vùng cao.

Đến năm 1965 huy động khoảng 20% các em trong diện đi lớp mẫu giáo, 50% các em đi học vỡ lòng khoảng trên 9.000 em đi học cấp 1, phát triển trường cấp 1 toàn cấp ở trên 80 xã.

Mở trường phổ thông học nghề (nông nghiệp và công nghiệp) sẽ dài thọ lúc đầu, tiến tới tự túc để học tập.

Cần tập trung lực lượng cho mặt trận văn hóa, giáo dục, phấn đấu thực hiện bằng được các chỉ tiêu đã đề ra để thanh toán từng bước tình trạng văn hóa thấp kém có tính chất nghiêm trọng như hiện nay.

Các đội chiếu bóng, đèn chiếu, văn công đi sâu vào nông thôn rero cao phục vụ nhiều hơn nữa; sáng tạo và nâng cao dần những tác phẩm dân tộc với nội dung mới. Tăng số đội chiếu bóng từ 6 đội (1962) lên 8 đội (1965) đưa số lượt người xem từ 567.000 (1960) lên 890.000 (1965), số lượt người xem văn nghệ từ 41.000 (1960) lên 420.000 (1965). Gây một phong trào nếp sống mới vui tươi lành mạnh, cải tiến từng bước các tập quán cũ không thích hợp.

Củng cố lại hệ thống chòi phát thanh truyền tin ở nông thôn phổ biến tin tức thời sự hằng ngày trong nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao, rèn luyện thân thể bảo vệ sức khỏe phát triển một cách có chọn lọc và nâng cao các môn thể thao dân tộc, làm cho một nội dung và hình thức ngày càng phong phú trở thành thói quen đối với mọi người để góp phần phục vụ tốt sản xuất và xây dựng con người mới.

Trong những năm tới cần dành vốn xây dựng các công trình lợi ích công cộng như các công trình của thiếu niên, nhi đồng, nhà bảo tàng cách mạng, câu lạc bộ, nhà hát, sân vận động, công viên để nâng cao thêm đời sống văn hóa của cán bộ và nhân dân.

Mở rộng pha chế các loại thuốc bổ thuốc bệnh thông dụng dựa vào nguyên liệu địa phương nhằm bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và nhân dân. Tiếp tục tiêu diệt bệnh sốt rét phòng, chống các bệnh khác như hoa liễu, hủi, lao... Nâng cao chất lượng bảo vệ sức khỏe của cán bộ và nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa đông y và tây y trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và sản xuất thuốc.

9. Đấu tranh chống bọn phản cách mạng bảo vệ trị an, bảo vệ sản xuất

Thi hành nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của địa phương. Nhiệm vụ chung của công tác đấu tranh chống phản cách mạng, bảo vệ trị an, bảo vệ sản xuất địa phương là: Lãnh đạo động viên toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tiến hành trấn áp bọn phản cách mạng, cải tạo tề, ngụy, phi cù một cách kiên quyết, chủ động khẩn trương kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch, nhằm bảo vệ nội bộ, bảo vệ sản xuất giữ vững trật tự an ninh của địa phương, góp phần củng cố quốc phòng bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Để làm tốt nhiệm vụ chung nêu trên từ nay đến 1965 phải làm tốt một số nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Tăng cường điều tra nghiên cứu nắm tình hình một cách sâu sát có hệ thống và nhạy bén hơn nhất là những hoạt động bí mật của địch, của bọn gián điệp, đặc vụ bọn phản cách mạng Trung Quốc. Xác minh bổ sung và hệ thống lại những hồ sơ tài liệu đã có. Phải quy định nhiệm vụ và có sự trao đổi thường xuyên giữa các cấp các ngành có liên quan.

- Phải đẩy mạnh công tác vận động quần chúng cùng với nghiệp vụ chung của cơ quan chuyên môn gắn liền với cuộc vận động quần chúng cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật phát triển sản xuất ở nông thôn và cuộc vận động ba xây ba chống

ở xí nghiệp cơ quan để tiến hành trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ trị an, bảo vệ sản xuất.

Trước hết cần làm tốt công tác phòng, chống biệt kích giải quyết tốt bọn còn lẩn trốn ở rừng, tiếp tục tập trung cải tạo những phần tử xét để ở địa phương không có lợi đến an ninh chung. Ở những nơi chúng hoạt động nhiều cần tập trung lực lượng mở rộng cuộc vận động khoanh vùng đánh địch. Không để chúng chum vào phá hoại hợp tác xã, tổ đội công, phong trào sản xuất và xây dựng ở địa phương.

- Tiếp tục cải tạo những tề ngụy, phi cù tổ chức phản và những cơ sở xã hội khác mà địch dễ dàng lợi dụng đi vào thường xuyên, bảo đảm yêu cầu quét sạch căn bản tư tưởng phản động của họ thu hẹp và tiến tới xóa bỏ những cơ sở xã hội mà địch dễ dàng lợi dụng, biến họ thành những người làm ăn lương thiện đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giúp đỡ giáo dục các thành phần phú nông, địa chủ, tư sản hạ thành phần cho những người đủ tiêu chuẩn dựa vào lao động sản xuất để họ trở thành những người mới nhìn thấy tương lai, thực hiện tốt mọi chính sách.

- Phát huy thắng lợi của cuộc phòng gian bảo mật, có kế hoạch giải quyết từng bước làm cho nội bộ được thuần khiết tiến tới xây dựng cơ quan và xí nghiệp an toàn nhất là những cơ quan đầu não, những xí nghiệp quan trọng.

- Phát huy khí thế cách mạng của quần chúng trong cuộc đấu tranh chống phản cách mạng bảo vệ trị an đến 1965 bảo đảm 100% số xã, khu phố có phong trào loại khá, đạt 7 chỉ tiêu bảo vệ trị an, 2/3 số xã thành xã an toàn và liên xã an toàn với ba tiêu chuẩn.

+ Cán bộ, đảng viên đoàn kết nhất trí, quyết tâm lãnh đạo phong trào các ngành các giới thường xuyên sinh hoạt kiểm tra việc thực hiện. Lực lượng dân quân, công an được xây dựng vững mạnh.

+ Nội bộ nhân dân các dân tộc đoàn kết thực hiện tốt bảy chỉ tiêu trị an thi hành tốt các chính sách, luật lệ của Đảng và Chính phủ.

+ Theo dõi giám sát chặt chẽ các đối tượng phản cách mạng, phát hiện trấn áp kịp thời mọi âm mưu hành động phá hoại của chúng đưa công tác cải tạo tề, ngụy, phỉ cù vào thường xuyên.

IV. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Để tạo những điều kiện thuận lợi khả năng hiện thực nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch 5 năm cần có những biện pháp lớn giải quyết có kế hoạch những khâu yếu tồn tại sau đây:

- Về đường lối, nhiệm vụ phát triển kinh tế và văn hóa đã có Nghị quyết Đại hội III, Nghị quyết V, Nghị quyết VII, Nghị quyết phát triển nông nghiệp ở miền núi của Trung ương. Phương hướng nhiệm vụ của Ủy ban Kế hoạch nhà nước, những chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp là những cơ sở cho việc lãnh đạo thực hiện. Năm vũng tinh thần nội dung để vận động cho thích hợp với từng vùng dân tộc, phải nâng cao vai trò của các cấp chính quyền trong việc quản lý kinh tế thực hiện kế hoạch. Trong quá trình thực hiện hàng năm cần tổng kết rút kinh nghiệm bổ sung cho đầy đủ hơn. Yêu cầu trước hết lại phải làm chuyển biến thật mạnh mẽ nhận thức tư tưởng của cán bộ và nhân dân các dân tộc mọi người đều thấy rõ nội dung tinh thần của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và Đại hội Đảng toàn tỉnh lần thứ IV đều nhằm thực hiện môt ý nghĩa lịch sử to lớn là cải tiến quản lý hợp tác xã, chuyển hướng canh tác sản xuất nông nghiệp và xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Mọi người phát huy triệt để khả năng sáng kiến của mình vào việc thực hiện kế hoạch nhà nước tăng cường đoàn kết trong nội bộ cán bộ và nhân dân, nâng cao cảnh giác cách mạng.

- Về lãnh đạo, chỉ đạo phải chặt chẽ, khẩn trương, cụ thể quy định nhiệm vụ phân công giữa tỉnh, huyện, các ngành. Nâng cao tính chất pháp lệnh, tính chất quần chúng của kế hoạch nhà nước.

Tỉnh phải nấm đến xã nhất là những xã chỉ đạo, xã biên giới, huyện phải nấm đến hợp tác xã nhất là những hợp tác xã lớn, hợp tác xã chỉ đạo, các khu vực tăng cường việc truyền đạt, kiểm tra đôn đốc và bồi dưỡng cán bộ, giúp cho tỉnh, huyện nấm tình hình nhanh nhạy hơn nữa. Tăng cường tổ chức lãnh đạo kinh tế nông nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, phải hình thành tổ chức lãnh đạo và mạng lưới cơ sở thủ công nghiệp từ tỉnh đến xã. Lãnh đạo phát triển công nghiệp Trung ương tại địa phương làm hậu thuẫn cho nông nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phát triển mạnh, lãnh đạo phải tập trung tránh phân tán mạn.

- Phát huy thắng lợi to lớn của cả chiến dịch Lê Hồng Phong tấn công vào nghèo khổ và lạc hậu để phát động một phong trào thi đua với đại phong trào trong nông nghiệp; hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, xây dựng các tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp, cải tiến tổ chức cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu suất công tác trong cơ quan hành chính sự nghiệp, ba nhất trong quân đội... làm cho phong trào ngày càng sâu rộng, sôi nổi liên tục trong toàn Đảng, toàn dân mỗi người đều tự giác đem hết nhiệt tình, tri thức, cảnh giác của mình phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, trước mắt là kế hoạch năm 1963 và 5 năm. Động viên cán bộ, công nhân viên chức để anh em xác định nhiệm vụ công tác lâu dài, an tâm cắm rẽ nở hoa ở Lào Cai, cần có chính sách để khuyến khích cán bộ đi sâu học tiếng địa phương, học chữ Miêu.

- Tích cực xây dựng cơ sở đảng vững mạnh hơn nữa để thực hiện đúng vai trò tiên phong, lãnh đạo mọi mặt công tác ở địa phương, dựa vào phát huy lực lượng thanh niên, phụ nữ, công đoàn làm nòng cốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa.

- Phải tập trung lực lượng lãnh đạo tốt các cuộc vận động quần chúng cải thiện quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp, cuộc vận động ba xây ba chống trong

các xí nghiệp, cơ quan cuộc vận động đồng bào ở xuôi lên xây dựng kinh tế ở miền núi để đẩy mạnh phong trào. Nơi nào chưa có hợp tác xã cần phải có nội dung thích hợp để vận động quần chúng cài tiến kỹ thuật chuyển hướng canh tác phát triển sản xuất củng cố tổ đổi công song song với cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã.

- Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành kinh tế, văn hóa nhất là công nghiệp và nông nghiệp để đưa súc sản xuất phát triển nhanh hơn nữa phù hợp với quan hệ sản xuất đã được đổi mới. Tăng cường công tác điều tra cơ bản nắm vững tình hình tài nguyên các mặt để có kế hoạch phát triển từng bước vững chắc.

- Yêu cầu của sự phát triển kinh tế và văn hóa của việc cải thiện đời sống nhân dân ngày càng cao chúng ta phải quyết tâm thực hiện cho được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức tư tưởng của toàn Đảng, toàn dân và trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 1963 tạo điều kiện tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn, bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Lào Cai, ngày 18 tháng 6 năm 1963

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 30-BC/TU, ngày 27-7-1963

**Về tổng kết công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ
từ Đại hội Đảng bộ lần thứ III đến nay**

Từ Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ III đến nay đã được hai năm. Hai năm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cũng là hai năm giành được những thắng lợi vẻ vang trong những năm đầu của kế hoạch 5 năm trên mọi mặt công tác của tỉnh nhà.

Thay mặt cho Ban Chấp hành tỉnh, tôi xin báo cáo trước Đại hội về việc chấp hành chủ trương, đường lối của Trung ương và các Nghị quyết của Đại hội tỉnh lần thứ III đã đề ra.

Thưa các đồng chí!

Dưới ánh sáng của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, và những Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Nghị quyết 39, 40 của Bộ Chính trị, Đảng bộ chúng ta bước vào thực hiện các mặt công tác năm 1961-1962 với tinh thần phấn khởi, sôi nổi để giành lấy những thắng lợi trong những năm đầu của kế hoạch 5 năm.

Đại hội đại biểu tỉnh họp tháng 1-1961 đã đưa vào tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III, vạch ra nhiệm vụ chính trị và những nhiệm vụ cụ thể cho toàn Đảng bộ ta. Những nhiệm vụ cơ bản ấy là:

"Trên cơ sở phát huy những thắng lợi đã đạt được về mọi mặt trong 3 năm qua, và phát huy tinh thần cách mạng xã hội chủ nghĩa, truyền thống đoàn kết đấu tranh của nhân dân các dân tộc, tận dụng một cách có hiệu quả hơn nữa, mọi khả năng phong phú của địa phương, ra sức phát triển kinh tế và văn hóa vượt bậc, tiếp tục hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa; tăng cường đoàn kết dân tộc, tăng cường công nông liên minh, tăng cường củng cố chính quyền dân chủ nhân dân và lực lượng vũ trang cùng các tổ chức quần chúng, ra sức xây dựng củng cố Đảng và đào tạo cán bộ dân tộc, kiên quyết phá tan mọi âm mưu phá hoại của địch, bảo đảm an toàn địa phương làm cho Lào Cai trở thành một tỉnh nông nghiệp, công nghiệp phát triển mạnh mẽ, và có khả năng tự túc lương thực, nâng cao hơn nữa đời sống về mọi mặt của các dân tộc trong tỉnh (chú ý réo cao); tạo điều kiện cho các dân tộc tiến kịp miền xuôi, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bước đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà".

Nghị quyết Đại hội tỉnh còn ghi rõ:

"Muốn đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chung như trên toàn thể đảng viên, đoàn viên, cán bộ, công nhân, bộ đội và nhân dân các dân tộc trong tỉnh cần tập trung mọi khả năng và lực lượng làm tốt những nhiệm vụ cụ thể dưới đây":

1. Tích cực củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời củng cố và hoàn thành hợp tác hóa tiểu thương, tiểu thủ công và tiếp tục cải tạo tư sản.
2. Ra sức phát triển kinh tế và văn hóa, thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1961 thắng lợi toàn diện, vượt bậc và vững chắc.
3. Đẩy mạnh hơn nữa công tác đấu tranh chống phản cách mạng bảo đảm trật tự trị an xã hội.
4. Tăng cường củng cố chính quyền các cấp, củng cố xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng công an, củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng, đẩy mạnh công tác Mặt trận.

5. Tích cực củng cố và phát triển đảng lớn mạnh, xây dựng các chi bộ, ra sức đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là ra sức đào tạo cán bộ địa phương.

Sau Đại hội, Đảng bộ ta đã tiến hành học tập rộng rãi Nghị quyết Đại hội tiến hành chỉnh huấn mùa xuân, trên cơ sở nâng cao nhận thức và nhiệm vụ cách mạng và xây dựng bốn quan điểm mà nâng cao tinh thần trách nhiệm cho đảng viên, đoàn viên, cán bộ, công nhân viên trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước.

Mặt khác, chúng ta nắm vững công tác củng cố hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất làm công tác trung tâm. Từ đầu năm 1961 đến cuối năm 1962 chúng ta đã huy động hàng 100 cán bộ xuống xã tiến hành liên tục các cuộc vận động củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ sản xuất, củng cố cơ sở, chấp hành chính sách lương thực mới của Trung ương... Giữa năm 1962 chúng ta mở cuộc vận động hợp lý hóa sản xuất cải tiến kỹ thuật các cơ quan xí nghiệp, công, lâm, nông trường nhằm phát huy sáng kiến kinh nghiệm cải tiến lề lối làm việc đẩy mạnh sản xuất. Do đó, chúng ta đi sâu vào phong trào, đi sâu vào đặc điểm địa phương, tích cực chuẩn bị cho việc bước đầu xác định phương hướng 5 năm và lâu dài về các mặt công tác cho Lào Cai.

Cuối năm 1961, trên cơ sở tổng kết các cuộc vận động thực hiện kế hoạch nhà nước, chúng ta đã phát động chiến dịch "Lê Hồng Phong", lấy khí thế của chiến dịch Lê Hồng Phong giải phóng Lào Cai năm 1950, để phát huy truyền thống đấu tranh anh dũng, bất khuất của đồng bào các dân tộc tỉnh ta và vụ đông - xuân năm 1961-1962.

Từ những ngày đầu tiên của vụ đông - xuân 1961-1962 tinh thần cán bộ và quần chúng đã có những chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước. Đến tháng 2-1962 Tỉnh ủy bàn sâu một số nghị quyết chuyên đề về củng cố phát triển hợp tác xã, về đấu tranh chống bọn phản cách mạng, về củng cố Đảng, chính quyền và các đoàn thể quân chung, về thủ công nghiệp,

về phát triển chữ Mèo đồng thời tiến hành tổng kết công tác chữ Mèo, công tác cai nghiện và chuyển hướng thuốc phiện, công tác khai hoang, v.v..

Đến tháng 10-1962, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã dự thảo báo cáo về phương hướng sản xuất, nông nghiệp của tỉnh được các huyện, các ngành bàn bạc thảo luận góp ý kiến.

Tóm lại, trong hai năm qua Ban Chấp hành tỉnh đã cố gắng vận dụng chủ trương, đường lối của Trung ương và Nghị quyết của Đại hội tỉnh vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đạt được những thắng lợi trên nhiều mặt công tác, đã tạo ra nhiều thuận lợi, phát triển nhiều nhân tố mới đầy mạnh phong trào nói chung tiến bộ mọi mặt, bước đi được vững vàng hơn. Trong công tác lãnh đạo cũng nhìn xa trông rộng và rút ra được một số kinh nghiệm để chỉ đạo công tác sâu sát và linh hoạt hơn, bồi dưỡng động viên được những khả năng nhân tố tích cực mới để làm cơ sở cho việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất một cách tốt đẹp. Dưới đây Ban Chấp hành tỉnh đi sâu kiểm điểm từng mặt công tác.

I. CÔNG TÁC CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP, TIẾP TỤC CẢI TẠO TIỀU THƯƠNG VÀ TƯ SẢN

Bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, quan hệ sản xuất nông, thương nghiệp ở tỉnh ta căn bản đã thay đổi 12,9% số hộ nông dân lao động, 77,9% số hộ thủ công và 5,8% số tiểu thương đã vào hợp tác xã, đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy mọi mặt phát triển. Trên cơ sở đó hai năm qua chúng ta đã lấy việc củng cố quan hệ sản xuất mới đầy mạnh phát triển sản xuất làm công tác trung tâm thường xuyên.

Từ năm 1961 đến nay, tỉnh ta đã tiến hành liên tục các cuộc vận động củng cố cơ sở, củng cố hợp tác xã đầy mạnh sản xuất,

bảo vệ trị an... nhất là việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp, nhằm mục đích làm cho các hợp tác xã đạt được tiêu chuẩn bốn tốt: "Đoàn kết tốt, sản xuất tốt, quản lý tốt, chấp hành chính sách tốt". Mỗi cuộc vận động tinh đưa hàng trăm cán bộ xuống xã từ 3 tháng trở lên.

Công tác củng cố đẩy mạnh sản xuất trong các hợp tác xã được tiến hành trên nhiều mặt: Hợp nhất liên hiệp, đưa lên cao cấp, ủy thác mua bán hàng, đào tạo cán bộ quản trị, kế toán, công nhân kỹ thuật; đã tổ chức các lớp huấn luyện ngắn ngày hai, ba tháng ở tỉnh, huyện cho 3.668 người trong ban quản trị và ban kế toán hợp tác xã nông nghiệp, cho 97 cán bộ ban quản trị, công nhân, kế toán hợp tác xã, thủ công nghiệp. Đồng thời, cử người về học cơ khí kỹ thuật dài hạn 18 tháng, 2 năm ở Trung ương và cử sang Vân Nam (Trung Quốc) học các ngành nghề làm miến, làm nón sơn...

Ngoài ra, còn tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật, sơ, tổng kết ở huyện, tỉnh. Tổ chức tham quan ở trong và ngoài tỉnh. Đi đôi đẩy mạnh phong trào thi đua với Đại Phong trong nông nghiệp, với Thành Công trong thủ công nghiệp.

Đến nay các hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, các tổ hợp tác tiểu thương đã được củng cố và phát triển thêm một bước: 67,7% số hộ nông dân lao động; 80,9% số hộ thủ công nghiệp; 75% số tiểu thương đã được tổ chức lại và đang có đà chuyển biến tốt, đi dần vào ổn định tổ chức, dần dần có thêm kinh nghiệm về quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý tài vụ, cải tiến kỹ thuật và tăng cường đoàn kết nội bộ. Trình độ quản lý và kế toán được nâng cao hơn trước. Bước đầu xác định phương hướng sản xuất. Nhiều hợp tác xã đã kinh doanh nhiều ngành nghề. Những điển hình tốt ngày càng xuất hiện.

Về nông nghiệp 64% hợp tác xã đã biết khoán việc. Một số hợp tác xã đã thực hiện ba khoán và đáng chú ý là có 57 hợp tác xã đã kinh doanh nhiều ngành nghề. Ngày công lao động bình quân từ 82 công năm 1961 được nâng lên 138 công năm 1962. Giá trị bình

quân ngày công từ 0,81 năm 1961 được nâng lên 0,99 năm 1962. Đó là chưa kể nguồn thu nhập của phần kinh tế phụ gia đình.

Những hợp tác xã nông nghiệp được củng cố như vậy, chủ yếu là ở vùng thấp ruộng, trâu nhiều, xã viên cư trú tương đối gần nhau, trình độ ban quản trị và kế toán nói chung khá, tổ chức lao động tương đối tốt, thu nhập của xã viên được nâng cao hơn trước.

Đối với hợp tác xã vùng cao (kể cả vùng giữa) hai năm qua cũng tiến hành củng cố nhưng gặp rất nhiều khó khăn. Hiện nay, bên cạnh một số hợp tác xã được củng cố tốt hơn nhiều hợp tác xã đã chia nhỏ trên dưới 10 hộ, có nơi nhiều hợp tác xã chuyển xuống tổ đội công hoặc làm ăn cá thể.

Nhìn chung so với khi xây dựng thì tỷ lệ số hộ nông dân lao động tham gia hợp tác xã giảm hơn trước, mà hầu hết là vùng cao.

Nguyên nhân chính của những khuyết điểm và nhược điểm của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tinh ta cũng nhất trí với nhận định của Trung ương nhưng về phần lãnh đạo của Đảng bộ ta còn những khuyết điểm thiếu sót thể hiện trên các mặt như sau:

- Nhiều hợp tác xã vùng cao bị giảm về số hộ tham gia là do không nhận thức được đầy đủ tinh hình đặc điểm và vận dụng xây dựng hợp tác xã tốt nên đã phát triển ở vùng cao quá nhanh. Nhiều hợp tác xã chưa đủ điều kiện tổ chức nên sau khi thành lập cán bộ rút đi thì hợp tác xã không hoạt động nữa.

- Tư tưởng có lúc rập khuôn, máy móc, ham ăn to, muốn lực lượng nhiều để phát triển sản xuất nên vội đưa một số hợp tác xã vào hợp nhất, nhưng trình độ quản lý chưa đáp ứng nay phải chia lại. Trong khi đó việc nghiên cứu thí điểm của chúng ta kết luận vùng thấp từ 50 đến 100 là vừa.

Một số nguyên nhân quan trọng nữa là: Sau khi phổ biến Nghị quyết Hội nghị nông nghiệp miền núi của Trung ương, có nơi do không quán triệt tinh thần cơ bản của nghị quyết nên đã buông lỏng việc củng cố hợp tác xã. Bởi vậy, một số hợp tác xã vùng cao

lúc đó đang lung lay do không được củng cố nên tan vỡ nhiều hơn. Thực tế chứng minh cũng là vùng cao nhưng nơi nào kiên quyết giữ vững, tích cực củng cố thì hợp tác xã được duy trì, ít vỡ hơn.

Song song với việc củng cố phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, công tác củng cố các hợp tác xã thủ công nghiệp, phát triển sản xuất thủ công nghiệp được chú ý. Một số tổ đã được trang bị một phần cơ giới, lao động được cải thiện, giảm bớt được sức người, năng suất được nâng cao có thể tăng 400%. Đời sống của anh chị em trong hợp tác xã thủ công được ổn định, một số ngành nghề được cải thiện.

Nhiều mặt hàng mới đã được sản xuất để cung cấp cho sản xuất, đời sống và xuất khẩu, nhất là nông cụ cho nhân dân các dân tộc đến nay đã tự túc được một phần lớn. Chế biến thực phẩm được đẩy mạnh; 90% gỗ nứa là do thủ công nghiệp cung cấp.

Với số lượng 0,5% dân số và 100.000 đồng tiền vốn bằng 1/9 giá trị sản lượng của Ty Công nghiệp nhưng hàng năm đã sản xuất gấp hai lần giá trị sản lượng cả hai năm 1961-1962 của Ty Công nghiệp, tương đương với tất cả sản lượng công nghiệp quốc doanh. Riêng nhóm A (tư liệu sản xuất) gấp rưỡi công nghiệp quốc doanh, chiếm 11% giá trị tổng sản lượng công, nông nghiệp, giữ một vị trí quan trọng, góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế ở địa phương.

Những kết quả trên, biểu hiện người thợ thủ công và buôn bán nhỏ chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ của Nhà nước mới có thể phát huy khả năng và phát triển sản xuất, cùng với kinh tế quốc doanh tiến lên chủ nghĩa xã hội và chỉ có đi theo con đường duy nhất là làm cho tập thể mới có tiền đồ.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác hóa công thương nghiệp năm qua còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm; công tác củng cố, cải tạo công thương nghiệp không liên tục; trình độ giác ngộ và quản lý còn kém, tư tưởng ỷ lại bảo thủ còn nặng, tham ô khá phổ biến. Công tác quản lý thị trường có thời gian buông lỏng, người ra buôn

lẻ và làm cá thể nhiều, khả năng tiềm tàng của thủ công nghiệp chưa được khai thác và phát huy. Tốc độ phát triển rất chậm. Cái gì tăng? Tăng bình quân hàng năm có 0,7% trong khi đó công nghiệp quốc doanh tăng bình quân 54,3% hàng năm. Hiện nay, thủ công nghiệp còn gấp nhiều khó khăn, sản xuất chưa ổn định.

Chúng ta cần chú ý giúp đỡ để phát huy mọi khả năng của thủ công, tăng thêm hàng hóa phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Tình hình trên thể hiện về phần lãnh đạo, Đảng bộ ta đã chưa quán triệt nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế bao gồm công, nông, thương nghiệp, mà cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp là một trong ba cuộc cải tạo lớn của toàn Đảng, toàn dân trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta chỉ mới tập trung vào nông nghiệp và chú ý thương nghiệp còn thủ công nghiệp chưa được chú ý đầy đủ và đúng mức.

Nguyên nhân chính là chưa nhận thức và đánh giá đúng vị trí và khả năng tiềm tàng của thủ công nghiệp, nên trong và sau khi cải tạo không đi đôi với củng cố, xây dựng. Chưa chú ý giúp đỡ cơ sở đã có về mọi mặt để phát triển sản xuất. Việc tổ chức xây dựng toàn ngành nghề mới còn rất ít, một số ngành trong việc phát triển chỉ chú trọng đến quốc doanh, thậm chí có tư tưởng lấy quốc doanh thay thế thủ công nghiệp.

Việc thi hành các chính sách đối với thủ công nghiệp nhất là các chính sách giá cả, nguyên liệu gia công, thuế thu mua chưa thực hiện được chu đáo. Ta chưa chú ý giúp đỡ đầu tư vốn, kỹ thuật, cán bộ, nguyên liệu... đúng mức đối với thủ công nghiệp nên đã ảnh hưởng và phần nào hạn chế thủ công nghiệp phát triển.

Tóm lại, qua hai năm củng cố, xây dựng phong trào chúng ta có thể đánh giá tình hình hợp tác xã hóa hiện nay như sau:

- Về nông nghiệp, số lượng hợp tác xã tuy có giảm sút nhưng chất lượng nói chung được nâng cao, về công thương nghiệp chưa

phát triển mạnh, nhưng phong trào đang có nhiều chuyển biến tốt, trình độ mọi mặt đều tiến bộ hơn trước.

Phong trào hợp tác hóa không những đem lại những kết quả to lớn về mặt kinh tế mà còn tác dụng ảnh hưởng đến mọi mặt chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, bảo vệ tri an... Những hợp tác xã được củng cố mà mọi mặt công tác nói trên đều được củng cố và nâng cao lên một bước. Tính ưu việt của hợp tác xã bước đầu được phát huy và ngày càng được nhân dân tin tưởng, chúng ta nên có khẳng định rằng làm ăn tập thể là con đường duy nhất đưa nhân dân các dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi. Nhưng trong xây dựng phải nghiên cứu thận trọng, chắc chắn, tránh rập khuôn nóng vội. Phải ra sức tạo điều kiện cho quần chúng các dân tộc có đủ khả năng đảm đương lấy nhiệm vụ, sau khi tổ chức phải chú ý xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý và nghiên cứu các chính sách cụ thể để phát triển sản xuất. Tăng cường quan hệ giữa Nhà nước với tập thể.

Những khuyết điểm tồn tại trong phong trào hợp tác hóa thể hiện với mức độ khác nhau với từng cấp ủy, từng đồng chí trong Đảng bộ.

Hơn hai năm qua nơi nào cấp ủy quán triệt đường lối, chính sách, nắm vững tình hình lãnh đạo sâu sắc thì củng cố được tốt hợp tác và phát triển sản xuất, phản ánh kịp thời tình hình cho cấp trên, khắc phục được khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trên giao. Ngược lại, nơi nào cấp ủy không đi sâu đi sát phong trào, nắm tình hình không vững, không phản ánh đầy đủ tình hình do đó không giải quyết kịp thời khó khăn cho cơ sở. Thậm chí có hợp tác xã khi xây dựng thì có đủ điều kiện, do không được giúp đỡ cụ thể và kịp thời của cấp ủy lãnh đạo trực tiếp, nên khi gặp khó khăn đã bị vỡ hoặc lủng củng, có nơi sản xuất không phát triển mà còn giảm sút.

Hiện nay, còn có đồng chí trong cấp ủy từ tỉnh đến xã chưa thật sự đi sâu nghiên cứu công tác quản lý hợp tác xã, khi kiểm tra

phong trào còn chạy quanh hợp tác xã, chưa nấm được những vấn đề cơ bản để phát hiện được những mâu thuẫn và có biện pháp giải quyết cụ thể bổ khuyết cho hợp tác xã kịp thời.

- Về thủ công nghiệp, còn có một số đồng chí cấp ủy ở tỉnh và đa số các đồng chí ở cấp chỉ đạo các ngành, đặc đáo (ở huyện) và thực hiện ở đơn vị khu vực và xã chưa nấm vững nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết của Ban Chấp hành tỉnh về việc tiếp tục hoàn thành cải tạo và phát triển công nghiệp nên nói chung phong trào hợp tác hóa chưa cân đối và toàn diện. Đối với thủ công nghiệp quan hệ sản xuất đã được thay đổi nhưng sức sản xuất chưa được phát triển.

Đi đôi với phát triển cung cố hợp tác xã nông nghiệp, chúng ta đã chú ý phát triển hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, một trong ba ngọn cờ hồng đưa nông thôn miền núi lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Cuối năm 1960 mới có 28,7% số người từ 16 tuổi trở lên vào hợp tác xã tín dụng. Đến hết 1962 đã nâng tỷ lệ lên 52% sự hoạt động của hợp tác xã tín dụng, đã giải quyết một phần khó khăn trong sinh hoạt, trong sản xuất của một số xã viên thiểu số, tận dụng được khả năng tiềm tàng trong quần chúng đem phục vụ sản xuất.

Hợp tác xã mua bán cuối năm 1960 có 40% số người từ 16 tuổi trở lên tham gia xã viên, đã nâng lên 62,2% vào cuối 1962. Cơ sở hợp tác xã mua bán được mở rộng đã giúp cho đồng bào các dân tộc tiện mua, tiện bán không phải đi chợ xa, dành nhiều thời giờ sản xuất. Do đó mà quần chúng càng gắn bó với hợp tác xã, số người xin vào hợp tác xã mua bán ngày càng tăng.

Với thực tế hiện nay, trước hết chúng ta khẳng định rằng: "Chủ trương xây dựng hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của quần chúng, góp phần đẩy mạnh sản xuất và cải thiện đời sống ở nông thôn thêm một bước".

Song phong trào phát triển tương đối rộng, trình độ quản lý của cán bộ nhất là cán bộ xã còn nhiều lúng túng, sự hướng dẫn giúp đỡ và giải quyết khó khăn của các cấp cho cơ sở thiếu cù thê và kịp thời.

Việc kiểm tra đôn đốc của Tỉnh ủy chưa được thường xuyên, mới chú ý đến hợp tác xã nông nghiệp còn hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán chưa lãnh đạo chặt chẽ. Một số cấp ủy có tư tưởng khoán tráng cho chuyên môn. Về chỉ đạo của chuyên môn một số nơi còn mệnh lệnh gò ép như tùy tiện thu mua chuyển khoán, nhiều nơi thiếu hướng dẫn hoạt động cho các hợp tác xã tín dụng làm cho các hợp tác xã này kém tác dụng và ngân hàng vẫn phải làm thay hợp tác xã.

II. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

Trên cơ sở quan hệ sản xuất được đổi mới 2 năm qua sản xuất nông nghiệp, công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp và mọi ngành kinh tế, văn hóa của tỉnh ta đã phát triển khá mạnh.

1. Về nông nghiệp

a) Trồng trọt:

Đảng bộ ta đã hết sức chú ý phát triển lương thực, tuy vụ mùa năm 1961 có bị thiệt hại vì mưa lũ, sâu bệnh nhưng ta đã phấn đấu thắng lợi, đưa:

- Bình quân tổng giá trị sản lượng nông nghiệp hằng năm trong 2 năm qua tăng là 9,1%.
- Bình quân giá trị sản lượng trồng trọt tăng 12,4%.
- Bình quân giá trị sản lượng lương thực (quy ra thóc) đã tăng 10,1%. Trong đó, sản lượng các loại lúa tăng bình quân 3,1%; riêng lúa chiêm đã tăng bình quân 10,8% và đặc biệt hoa màu, tăng bình quân 89,5%.

- Về diện tích cũng tăng lên khá. Toàn bộ diện tích bình quân trong 2 năm tăng 15,9% và đặc biệt hoa màu tăng 83,6% và diện tích cây công nghiệp bình quân tăng 15,5%.

Đó là một tốc độ đáng chú ý:

- Lúa so với năm mới hòa bình tăng 5.360 tấn.
- Lúa so với năm thuộc Pháp (1939) tăng 8.645 tấn.
- Đặc biệt về hoa màu khoai, sắn chỉ so sánh với năm 1960 đã tăng trên ba lần.

Thắng lợi sản xuất đã giải quyết nạn đói lưu niên vùng cao về cǎn bản và rõ rệt nhất ở vùng Nậm - Lúc (Bắc Hà).

Mấy năm trở về trước, tuy đã có nhấn mạnh nhưng khi chỉ đạo vẫn thường xem nhẹ cây công nghiệp. Từ 1960 cây công nghiệp được chú ý hơn. Diện tích cây công nghiệp hằng năm tăng như sau:

- 1957 có 1.191 ha.
- 1958 có 1.535 ha, tăng 28,9%.
- 1959 có 1.475 ha, tăng 4%.
- 1960 có 1.864 ha, tăng 26%.
- 1961 có 2.440 ha, tăng 30%.
- 1962 có 2.488 ha, tăng 2%.

Nhưng so với yêu cầu và với khả năng đát đai của ta thì cũng chưa thật là mạnh mẽ và vững chắc. Riêng về lạc, vùng thì mỗi năm tụt dần, lanh mèo tăng chậm.

b) Chăn nuôi:

Giá trị chăn nuôi năm 1962 tăng 10% so với năm 1960, bình quân tăng 2 năm là 5%, nhưng từng nơi đàn trâu bị sút do chính sách khuyến khích chăn nuôi chưa được thực hiện đầy đủ. Riêng về đàn lợn có chiều hướng giật chân tại chỗ, chủ yếu do giá cả bất hợp lý.

c) Nghề rừng, nghề phu:

So với năm 1960 tăng 10,4% bình quân trong 2 năm tăng là 5,1%.

Những thắng lợi về nông nghiệp trong 2 năm qua đã góp phần giải quyết nạn đói lưu niên ở vùng cao về cǎn bản và nâng cao

thêm một bước đời sống của nhân dân các dân tộc tỉnh ta, trong điều kiện dân số phát triển nhanh. Đó là những thắng lợi to lớn trong lịch sử sản xuất lương thực ở tỉnh ta từ trước đến nay.

d) Về khai hoang:

Từ năm 1961 đến nay đã có 710 hộ gồm 5.101 nhân khẩu từ các tỉnh Hải Phòng, Nam Định, Hà Nam lên Lào Cai khai hoang. Ngoài 17 hợp tác xã tập trung, đồng bào xuôi lên còn làm ăn xen kẽ với các hợp tác xã địa phương. Riêng 2 năm 1961, 1962 đồng bào đã phát và trồng được 374 ha, bình quân khoảng 1 mẫu/lao động.

Trong tình hình bước đầu mới xây dựng nên có nhiều khó khăn như công tác quản lý của các hợp tác xã khai hoang còn nhiều lúng túng, việc chấp hành các chính sách đối với đồng bào miền xuôi lên khai hoang còn chậm chạp, tổ chức còn xộc xệch, các huyện chưa chịu trách nhiệm việc trực tiếp lãnh đạo các hợp tác xã nay chưa có cán bộ chuyên trách... Nhưng do tinh thần yêu nước nồng nàn và tinh thần chịu đựng gian khổ, lao động cần cù của đồng bào cộng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy các ngành, công tác khai hoang đã đạt được một số thành tích sản xuất và đời sống của đồng bào đã bước đầu được ổn định. Riêng khai hoang của đồng bào địa phương trong hơn 2 năm qua đạt 2.882 ha.

2. Về công nghiệp

a) Công nghiệp Trung ương:

Lào Cai có hai xí nghiệp lớn của Trung ương là mỏ apatít và Nhà máy điện. Về tốc độ phát triển của các xí nghiệp trên nói chung có nhiều tiến bộ. Do đấy mà hai năm qua đều vượt kế hoạch. Năm 1962 sản lượng apatít tăng 5,14 lần so với năm 1958 và 2,42 lần so với năm 1960, công suất thiết kế hàng năm vượt 30%, giá thành giảm dần từ 14,4 đồng (1960) xuống 9,8 đồng (1962) tấn quặng. Do phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng toàn diện, công nhân tham gia quản lý, chính quyền chỉ đạo thực hiện nên năng suất thiết bị tăng 3,9%, năng suất lao động bình quân tăng 29,5%,

công nhân sản xuất tăng 23,4%. Thành tích trên đã đưa đến kết quả bình quân lượng công nhân tăng 0,3%, đời sống thực tế của công nhân tăng từ 67,3 đồng (1960) lên 82,46 đồng (1962). Vê tích lũy cho Nhà nước ngày một nhiều, từ 1.600.000 đồng (1960) lên 9.500.000 đồng (1962).

Một tiến bộ đáng chú ý là sản xuất hạ được khâu chỉ tiêu nguyên vật liệu và lao động. Công tác bảo vệ lao động được tăng cường và có nhiều tiến bộ, hằng năm tai nạn lao động giảm dần, riêng Nhà máy điện đã thực hiện tốt quy trình sản xuất 1962 bảo đảm không xảy ra sự cố trong xí nghiệp. Mỏ apatít đã có nhiều cố gắng trong việc đào tạo cán bộ, công nhân người dân tộc địa phương.

Thành tích trên có nhiều nguyên nhân, nhưng có một nguyên nhân quan trọng là sự lãnh đạo tư tưởng chính trị của Tỉnh ủy được chặt chẽ hơn, sự giúp đỡ giải quyết khó khăn về tài chính, vật tư được tích cực và khẩn trương, đặc biệt lãnh đạo phong trào thi đua được thường xuyên và liên tục đã góp phần vào hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Bên cạnh thành tích trên, các xí nghiệp Trung ương còn những mặt yếu là:

Sử dụng bảo quản máy móc chưa thật tốt, lãng phí tài nguyên, lao động còn nghiêm trọng, năng suất bình quân của công nhân còn thấp, sử dụng công suất máy móc còn để thời giờ máy nghỉ nhiều là hiện tượng phổ biến.

b) Công nghiệp địa phương:

Tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp so với năm 1960 tăng 22,7%, bình quân trong hai năm tăng 10,8%. Nhờ có mở rộng cơ sở và xây dựng mới, tăng cường thiết bị, riêng công nghiệp quốc doanh bình quân trong 2 năm tăng 31,7%. Từ chỗ có 6 cơ sở sản xuất năm 1960 nay đã có 14 cơ sở sản xuất. Mặt hàng đã tăng nhiều đáp ứng một phần cho sản xuất nông nghiệp, cho kiến thiết cơ bản, cho đời sống và đã có mặt hàng phục vụ cho xuất khẩu của Trung ương.

Tỷ trọng nhóm A năm 1962 chiếm 59,7% so với tỷ trọng năm 1960 (66%) thì có giảm. Điều đó nói lên sự đúng mức của công nghiệp tinh ta, đổi chiếu tình hình miền núi cũng cần phải quan tâm đến vấn đề tư liệu dùng. Riêng về công nghiệp quốc doanh, nhóm A mới chỉ chiếm 49,2%. Nhưng cũng đã biểu hiện sự tiến bộ, vì gỗ, gạch, vôi, ngói của quốc doanh đã đảm nhiệm một phần quan trọng trong xây dựng cơ sở bán tải địa phương.

Cụ thể tỷ trọng nhóm A và B trong công nghiệp quốc doanh:

	1959	1960	1961	1962
A =	31,5%	38,6%	27,3%	49,2%
B =	68,5%	61,4%	72,7%	50,8%

- Về đường giao thông, bưu điện được chú ý hơn trước. Qua 2 năm, vốn đầu tư đã tăng 6,5% so với cả 3 năm trước cộng lại. Ta đã tập trung giải quyết những đường kinh tế (như đường Đoàn Khoa) và bước đầu ôtô đã có thể đi tới huyện vào mùa khô. Song, đường nông thôn chưa được chú ý. Việc bảo dưỡng tu bổ đường còn kém.

- Về thủy lợi nhiều công trình thủy lợi được xây dựng và tập trung ở vùng cao. Riêng 2 năm 1961-1962 chưa kể nhân vật lực đóng góp của nhân dân, số vốn của Nhà nước trong 2 năm giúp nhân dân làm thủy lợi đã tăng trên ba lần so với cả 4 năm trước cộng lại.

- Về kiến thiết cơ bản nói chung đã có tiến bộ. Từ những công trình nhỏ, thô sơ, tranh tre, nứa, lá trong năm 1960 trở về trước, nay đã thiết kế thi công các công trình lớn, phức tạp. Chế độ làm khoán theo khối lượng xây lắp, thiết bị thể hiện bằng tiền trong 2 năm đã bằng 4 năm trước cộng lại.

Một biểu hiện sự lớn lên của các ngành quốc doanh là lực lượng công nhân đã tăng hơn. Nếu lấy năm 1962 so với năm 1961 thì toàn bộ công nhân trực tiếp sản xuất đã tăng 47,4% trong đó: Ngành khai thác chế biến gỗ, nứa tăng gấp 2,4 lần, ngành chế biến kim loại tăng 26,5 lần, ngành chế biến thực phẩm tăng 71%.

Trong phong trào thi đua yêu nước, cùng với những cuộc vận động thao diễn kỹ thuật, một số năng suất của bộ phận hay cá nhân đã được nâng cao, như công nghiệp có 87 chỉ tiêu năng suất đã vượt mức quy định từ 20 đến 400%, công nhân đã phát huy 138 sáng kiến đáng kể. Ngành chế biến thực phẩm đã dùng chất bột khác chế biến các mặt hàng ăn uống và tiết kiệm được gần 50 tấn gạo. Ngành in tăng năng suất 100 tờ trên 1 công in. Tuy năng suất tăng nhưng chưa đều, chưa phổ biến, nhưng đó là tiến bộ bước đầu. Đến nay mới có một số ngành có năng suất lao động bình quân tăng hơn năm trước, như ngành vật liệu xây dựng tăng 79%, ngành in tăng 9,7%, ngành điện lực tăng 5% so với năm 1961.

Về cơ cấu trong toàn bộ sản xuất công nghiệp và nông nghiệp cũng có thay đổi chút ít. Tỷ trọng sản xuất công nghiệp địa phương năm 1960 chiếm 19,3% tổng giá trị công nông nghiệp và đến năm 1962 tỷ trọng này chiếm 19,8%. Điều đó nói lên rõ rệt là ở tỉnh ta, nền sản xuất nông nghiệp vẫn là khâu trung tâm quan trọng.

Tình hình thương nghiệp, tài chính, ngân hàng tuy có nhiều khó khăn, nhưng có tiến bộ. Ngành thương nghiệp đã có nhiều cố gắng phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ công nghiệp hóa trên các mặt thu mua, phân phối, xuất khẩu, bình ổn vật giá. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội của năm 1962 so với năm 1960 tăng 7,7%; bình quân trong 2 năm tăng 3,8%. Thu mua bình quân tăng 6,6%. Ngân hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp, riêng năm 1962 đã cho vay tăng hơn năm 1961 là 41%, đồng thời tích cực thu nợ nông nghiệp cũng tăng 43%.

Song song với việc củng cố quan hệ sản xuất mới và phát triển kinh tế, trong 2 năm qua sự nghiệp phát triển giáo dục, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, y tế, thể dục thể thao cũng đã thu được thành tích, bước đầu góp phần vào công cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng.

Về mặt giáo dục, trường sở năm 1962 tăng gấp 2 lần so với năm 1960. Số học sinh phổ thông các cấp tăng trên 2 lần (1962: 5.393 em, 1960: 2.723 em). Nhiều trường cấp II được thành lập mới

các huyện, ở thị xã đã có trường cấp III. Bên cạnh hệ thống trường phổ thông, các trường đào tạo cán bộ tại chỗ đều được thành lập ở các huyện, đến khu vực, có điều kiện nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ xã và lực lượng chủ chốt ở nông thôn ngày càng nhiều. Đặc biệt ở tỉnh ta đã xây dựng chữ Mèo thành công và áp dụng chữ dân tộc đó để thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho đồng bào Mèo, Bản Phố, xã đầu tiên ở nước ta đã xóa nạn mù chữ bằng chữ dân tộc.

Hai năm qua, dân số tăng khá nhanh mà sự nghiệp văn hóa giáo dục đã tương đối đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chung. Tất cả các xã và nhiều khu vực tập thể đã được hưởng thụ nhiều hơn về mặt đời sống tinh thần. Sách báo, tranh ảnh, chiếu bóng, văn nghệ đều tăng và đi sâu rộng hơn một cách rõ rệt. Đáng chú ý là đội văn nghệ tỉnh ta đã đạt được thành tích lớn trong hội diễn toàn miền Bắc năm 1962, bản thân đã nâng cao chất lượng, gây được lòng phấn khởi và tín nhiệm của nhân dân trong tỉnh và ngoài tỉnh. Việc bảo vệ sức khỏe, chống bệnh tật truyền nhiễm đã có kết quả rõ rệt. Tỷ lệ tử vong so với năm 1960 giảm xuống. Số lượng bệnh nhân người dân tộc đến khám và chữa bệnh đã tăng hơn. Huyện đã có bác sĩ, y sĩ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đặc biệt để tiêu diệt sốt rét, ta đã phun thuốc chống bệnh sốt rét tới các xã. Kết hợp với phong trào vệ sinh, sự nghiệp thể dục thể thao đã phát triển xuống huyện, khu vực và một số xã. Số người đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể tăng 49% so với năm 1960, môn võ thuật dân tộc bước đầu được phát triển ở huyện Bắc Hà.

Thưa các đồng chí!

Chúng ta phấn khởi và tự hào với những thắng lợi to lớn mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã giành được trong hai năm qua. Tuy nhiên, chúng ta không say sưa tự mãn, cần phải thấy rõ khó khăn, khuyết nhược điểm của chúng ta trên bước đường tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, đưa các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng triệt để sâu sắc nhất, đòi hỏi nhiệt tình cách mạng cao, sự lãnh đạo rất khoa học. Nhưng trình độ văn hóa, chính trị khoa học và kỹ thuật của cán bộ và nhân dân tỉnh ta còn thấp, có nơi quá thấp. Điều đó đang diễn ra ở tỉnh ta và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xác lập nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật còn non yếu, năng suất lao động còn rất thấp, trình độ quản lý kinh tế còn kém, ta chưa phát huy và sử dụng hết những công suất máy móc đã được trang bị. Tình trạng lãng phí còn xảy ra phổ biến, nạn tham ô còn tồn tại nhiều nơi.

Xuất phát từ một nền kinh tế lạc hậu từ lâu nay trong phát triển kinh tế có kế hoạch còn nhiều mặt mờ đói như công nghiệp mía chung ta chưa phục vụ tốt cho nông nghiệp, còn thiếu nông cụ, công cụ cải tiến... Ngược lại nông nghiệp hiện nay cũng chưa có điều kiện thuận lợi làm cơ sở cho công nghiệp, thiếu nguyên liệu cho Nhà máy đường, dầu, rượu.

Tình trạng sản xuất tinh ta phân tán, nhưng phân phôi thì rất tập trung nên gặp nhiều khó khăn về cân đối hàng hóa, nguồn vật tư và tiền tệ.

Yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đối với tỉnh ta rất lớn mà ngân sách có hạn nên luôn luôn không đáp ứng như xây dựng giao thông vận tải, thủy lợi... Mặt khác, trong công tác chỉ đạo thì chưa quán triệt phương châm toàn diện, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc. Ví dụ như coi trọng sản xuất lương thực là đúng, nhưng chưa chú ý đúng mức đến chăn nuôi. Chú ý xây dựng công nghiệp địa phương là đúng nhưng chưa quan tâm đầy đủ đến thủ công nghiệp. Đề ra được phương hướng cho địa phương là tốt nhưng chưa đi nghiên cứu vận dụng và xây dựng chính sách cụ thể.

- Trong quản lý kinh tế thì việc tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch chưa được tập trung và toàn diện, thiếu sắc bén và khẩn trương. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đưa xuống cơ sở còn chậm, chưa phát huy đầy đủ dân chủ một cách rộng rãi.

Việc củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy còn chậm nên khả năng, chất lượng các bộ phận giúp việc lãnh đạo các cấp chưa được tăng cường về chất lượng, có nơi bộ máy còn chồng kẽm.

Trong việc thực hiện kế hoạch hiện nay khâu quan trọng nhất là cơ sở. Nhưng đến nay chi bộ, Ủy ban hành chính xã còn yếu, có nơi rất yếu chưa tự động được.

Trong các xí nghiệp và cơ quan nhà nước chế độ trách nhiệm chưa được quy định rõ ràng, kỷ luật còn lỏng lẻo, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa còn kém, công tác kiểm tra thường xuyên, thiếu sắc bén, thường phạt chưa thật nghiêm chỉnh, có nơi có người còn tùy tiện trong hành động. Nói chung lề lối làm việc chuyển biến còn chậm so với yêu cầu phát triển kinh tế.

Đảng bộ ta cần ra sức phát huy những thắng lợi to lớn của 2 năm qua, khắc phục những khuyết điểm tồn tại tạm thời tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

III. CÔNG TÁC ĐẤU TRANH CHỐNG PHẢN CÁCH MẠNG BẢO ĐẢM TRẬT TỰ TRỊ AN XÃ HỘI.

Quá trình chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đại hội về việc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, Ban Chấp hành tỉnh đã phân tích nhận định tình hình cụ thể và âm mưu hoạt động của địch và đề ra các chủ trương, biện pháp nhằm cụ thể hóa nghị quyết của Đại hội trong từng thời gian. Nghị quyết số 11 của Tỉnh ủy nhận định: "Các lực lượng thù địch ở Lào Cai gồm bọn gián điệp các nước để quốc tư bản như: Gián điệp Mỹ - Diệm, đặc vụ Tưởng, gián điệp Pháp, gián điệp ẩn nấp trong Ủy ban quốc tế và các bọn phản cách mạng khác. Nhưng nguy hiểm nhất vẫn là bọn gián điệp Mỹ - Diệm. Tuy nhiên, bọn đặc vụ Tưởng, bọn gián điệp Pháp cũng là những loại đối tượng rất nguy hiểm nổi lên ở địa bàn Lào Cai. Ngoài ra, phải hết sức chú ý đến bọn phản cách mạng địa phương tức bọn đầu sỏ phi, biệt kích cũ, bọn phản động trong các giai cấp

bóc lột chưa chịu cải tạo, bọn phản cách mạng Trung Quốc chạy sang và các phần tử phản động đội lốt Thiên Chúa giáo". Cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, bảo vệ an ninh địa phương trong hai năm qua đã chứng minh nhận định trên là hoàn toàn đúng đắn:

Diễn biến hoạt động của địch trong hai năm qua cho chúng ta thấy rằng: Trước những thắng lợi rực rỡ của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam, bọn Mỹ - Diệm ngày càng điên cuồng, ra sức đàn áp phong trào cách mạng ở miền Nam và tăng cường phá hoại miền Bắc. Đối với Lào Cai nhiều lần phi cơ Mỹ - Diệm xâm nhập, nhất là từ đầu năm 1962 tới nay hoạt động phi cơ địch ráo riết hơn và đã hai lần chúng thả truyền đơn xuống một số xã trong tỉnh.

Hoạt động gián điệp, đặc vụ nổi nhất là đi sâu vào các khu vực kinh tế, quốc phòng quan trọng nhằm thu thập tình báo, đồng thời chúng thực hiện chiến tranh tâm lý, xuyên tạc gây hoang mang trong nhân dân.

Bọn phản cách mạng địa phương, bọn phản cách mạng ở Trung Quốc vượt biên sang cũng hoạt động tích cực. Chúng rất chú trọng gây chiến tranh tâm lý, phá hoại phong trào hợp tác hóa, phá hoại sản xuất và việc thực hiện các chính sách của Đảng, lợi dụng lúc mùa màng bị thất bát, chúng kích động tâm lý chống đối chính quyền. Bọn phản cách mạng vẫn luôn cố gắng ngầm ngầm tập hợp lực lượng thực hiện âm mưu gây bạo động (Si Ma Cai, Bắc Hà, Sa Pa).

Trong nội bộ một số cơ quan, xí nghiệp mới phát triển do thiếu cảnh giác cách mạng, lời lỏng công tác bảo vệ đã tuyển lựa nhân viên một cách không thận trọng nên có những phần tử xấu, phần tử phản cách mạng đã lọt vào nội bộ, có tên đã bị kết án tử hình, trốn tránh cải tạo khai man giả mạo lý lịch chui vào cơ quan. Thậm chí có tên vì bất mãn đã trở nên phản động tìm cách liên hệ với đế quốc xin làm gián điệp, tay sai cho chúng.

Qua tình hình trên, chúng ta càng thấy rõ tính chất cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go phức tạp, quyết liệt và lâu dài.

Trước tình hình hoạt động của bọn phản cách mạng, chúng ta đã đấu tranh kiên quyết và chủ động. Hai năm qua ta đã không ngừng mở các cuộc vận động quần chúng đầy mạnh phong trào bảo vệ trị an ở ngoài xã hội, phòng, chống gián điệp, biệt kích, tiến hành ba đợt cải tạo tề ngụy, phi, phản động cũ chưa chịu cải tạo và thu được nhiều kết quả đáng kể. Phong trào quần chúng bảo vệ trị an của tỉnh ta đã có tác dụng thiết thực trong việc bảo vệ sản xuất, bảo vệ an ninh địa phương tiêu biểu là xã Thanh Bình (Muồng Khương) đã xứng đáng nhận Bằng khen của Hồ Chủ tịch.

Công tác cải tạo những người trước kia tham gia tề ngụy phi cũ đã tiến hành dưới nhiều hình thức phong phú và được quần chúng tích cực tiến hành, do đó làm cho hàng ngũ đối tượng chưa chịu cải tạo ngày càng phân hóa. Tỷ lệ đối tượng chống đối từ 13,66% năm 1960 nay giảm xuống còn 7,2% năm 1962.

Việc nắm tình hình địch sâu sắc hơn trước nên ta đã chủ động đánh địch kiên quyết, kịp thời hơn. Đã trùng trị một số tên phản cách mạng, phá hoại, tiến hành kịp thời ngăn chặn âm mưu phá hoại của địch, phát động khí thế cách mạng của quần chúng, thúc đẩy phong trào trong tỉnh tiến lên.

Riêng về công tác bảo vệ nội bộ thi hành Nghị quyết 39, Chỉ thị 40 của Trung ương, chúng ta đã phát động phong trào bảo mật phòng gian ở hầu khắp các cơ quan xí nghiệp. Đợt vận động này đã nâng cao ý thức cảnh giác, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên lên một bước, làm cho công tác bảo vệ nội bộ được tốt hơn. Hiện tượng hư hỏng máy móc trong xí nghiệp giảm nhiều, tình trạng vi phạm quy trình, quy tắc sản xuất được hạn chế, tình trạng làm ẩu, bừa, sơ hở đã giảm rõ rệt do đó đã có tác dụng thực tế đầy mạnh sản xuất.

Thành tích đấu tranh chống bọn phản cách mạng 2 năm qua là to lớn căn bản. Chúng ta đã nâng cao được khí thế cách mạng của quần chúng bảo vệ tốt trại an địa phương, tình hình chính trị ngày càng ổn định, đã ngăn chặn được âm mưu hoạt động phá hoại của địch.

Đến nay ta có thể đánh giá tình hình như sau: Lực lượng cách mạng đã mạnh hẳn và ngày càng phát triển. Bọn phản cách mạng đang ở thế suy yếu và ngày càng tan rã, cô lập. Chỗ dựa của bọn gián điệp đế quốc ngày càng thu hẹp, quần chúng nói chung đã phân biệt ranh giới địch ta. Tổ chức cơ sở căn bản là tốt. Chính vì vậy có những lúc, những nơi ta còn gặp khó khăn về lương thực hoặc trước những sai lầm nghiêm trọng của một vài cán bộ ta, kẻ địch lợi dụng kích động nhưng quần chúng vẫn tin tưởng vào ta không nghe theo địch. Về bọn phản cách mạng nói chung hiện nay đang ở thế yếu, nhưng âm mưu của địch rất thâm độc, táo bạo, điên cuồng. Đối với Lào Cai chúng ta có nhiều khả năng bọn gián điệp, biệt kích Mỹ - Diệm sẽ xâm nhập bằng đường bộ hoặc nhảy dù nhằm xây dựng cơ sở, tập hợp lực lượng, kích động bọn phản cách mạng địa phương, tiến hành phá hoại gây bạo động. Riêng bọn phản cách mạng địa phương so với trước chúng gặp nhiều khó khăn hơn, nhưng bọn này vẫn có khả năng tập hợp với nhau gây rối trật tự an ninh. Chính bọn này là chỗ dựa tốt của bọn gián điệp đế quốc, ta cần tiếp tục nâng cao cảnh giác tích cực trấn áp loại trừ khả năng gây đột suất của chúng.

Cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, bảo vệ trật tự an ninh xã hội cũng còn nhiều thiếu sót tồn tại: Công tác giáo dục, phát động quần chúng một số nơi chưa đầy đủ nên ý thức căm thù địch, tinh thần cảnh giác cách mạng của một số cán bộ và nhân dân chưa sâu sắc. Trong một số quần chúng còn có những biểu hiện tư tưởng sợ thù (...) không kiên quyết đấu tranh với địch. Việc nắm tình hình âm mưu địch, nhất là đối với kẻ địch ẩn nấp bí mật chưa đáp ứng với yêu cầu. Công tác phản gián và nắm tình hình địch hoạt động vào nội bộ ta tiến hành còn chậm. Công tác phòng,

chống gián điệp, biệt kích chưa toàn diện, sâu sát nhất là ở các địa bàn trọng điểm. Những địa bàn xung yếu, hẻo lánh, cơ sở quần chúng còn yếu, hiện tượng phá hoại của địch vẫn còn, ta chưa thật an tâm đối với các vùng này. Việc quét lực lượng phản cách mạng bộc lộ và tương đối bộc lộ tuy khá hơn nhưng so với thực tế số lượng và sự hoạt động phá hoại của chúng thì bọn này còn nhiều. Công tác cải tạo thường xuyên đối với những người trước kia tham gia tề, ngụy, phi phản động chưa thật liên tục sâu sắc. Việc giải quyết bọn phi lẩn trốn thiếu kiên quyết và khẩn trương. Chỉ đạo cuộc đấu tranh chống phản cách mạng có lúc có nơi có bộ phận đấu tranh còn lơi lỏng, thiếu truy kích địch đến cùng. Việc phối hợp giữa các cơ quan Khối Nội chính nhiều lúc thiếu chặt chẽ, khẩn trương.

Để đập tan âm mưu phá hoại của địch, chúng ta cần tăng cường hơn nữa công tác đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng, ra sức khắc phục những tồn tại trên đây. Trước mắt cần tập trung đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng bảo vệ trị an, phòng, chống gián điệp, biệt kích Mỹ - Diệm và hoàn thành tốt công tác tập trung giáo dục cải tạo.

- Đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự và làm giảm sút tai nạn, tệ nạn xã hội.

Tình hình trị an xã hội trong những năm qua cũng gây ra nhiều vấn đề rất phức tạp đã gây thiệt hại đáng kể đến tài sản công cộng, tính mệnh và tài sản của nhân dân. Chúng ta đã kết hợp nhiều biện pháp để ngăn chặn nạn lưu manh trộm cắp, tham ô công quỹ, giải quyết tình hình phức tạp ven biên giới, chúng ta cũng đã thu được những kết quả trong công tác đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự, nạn trộm lớn giảm hẳn, nạn buôn lậu giảm nhiều, các vụ di cư ven biên giới căn bản được giải quyết, đã trừu trị một số tên lưu manh buôn lậu chuyên nghiệp, tập trung cải tạo một số lưu manh và khám phá một số vụ tham ô, nhiều vụ giả mạo.

Tuy vậy, nạn trộm cắp vặt còn xảy ra tương đối nhiều, chưa kiên quyết tập trung cải tạo bọn lưu manh chuyên nghiệp, số

người nghiên hút bán đầu tiêm chưa cải tạo tốt. Tình trạng tham ô công quỹ xảy ra không ít. Những tệ nạn như tự tử, tự sát chưa giảm, nạn cháy nhà, cháy rừng xảy ra còn nghiêm trọng. Tình hình trên đòi hỏi chúng ta phải hết sức chú trọng có biện pháp giải quyết cụ thể và kiên quyết hơn.

- Công tác xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang.

Thông qua việc chấp hành các chính sách và các cuộc vận động quần chúng, chúng ta đã củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang tiến bộ hơn trước. Về tư tưởng đã nâng cao được giác ngộ cho quần chúng lên một bước. Về tổ chức đã được kiện toàn hơn, chất lượng cao hơn. Các lực lượng quân đội chính quy, công an nhân dân vũ trang tiến bộ cả về tư tưởng, chính trị, kỹ thuật, chiến thuật. Các lực lượng dân quân, công an, tự vệ đã qua thử thách và sàng lọc. Lực lượng mạnh nhất được thử thách ở nông thôn là dân quân biếu hiện trong sản xuất, trị an biên giới, tiêu phỉ, trừ đặc vụ, bắt bọn phản cách mạng đi tập trung cải tạo... Những đợt thực tập động viên đều đạt thành tích khá và giỏi.

Về nội dung giáo dục của quân đội thường trực và công an vũ trang đã chú trọng đến giáo dục chất lượng chính trị, quân sự, kỹ thuật, bảo đảm giao cấp tính y trong quân đội, qua các kỳ kiểm tra đều đạt yêu cầu, nhưng cơ bản đều đạt khá và giỏi, tư tưởng quân sự đơn thuần dần dần được khắc phục, tình trạng đào ngũ giảm nhiều, song việc giáo dục tinh thần làm chủ, ý thức căm thù địch trong một số nhân dân người địa phương chưa cao. Việc giáo dục chính trị trong dân quân được coi trọng, tổ chức đảm bảo, tính chiến đấu, kiên quyết loại các phần tử xấu ra khỏi lực lượng vũ trang. Về lực lượng công an xã so với những năm trước đây thì lực lượng này cũng đã được củng cố. Nhưng lực lượng công an xã hiện nay còn yếu chưa đáp ứng được hết chức năng của mình, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh chống phản cách mạng giữ gìn trật tự trị an nông thôn.

Các tổ chức tòa án, kiểm sát ở huyện còn quá yếu chưa bảo đảm hoàn thành chức năng của mình.

Những nhược khuyết điểm tồn tại trên cần được kiên quyết khắc phục.

IV. CÔNG TÁC CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP VÀ CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

Xuất phát từ nhận thức chính quyền và các tổ chức quần chúng là sợi dây chuyền của hệ thống chuyên chính vô sản, từ Đại hội tinh lần thứ III đến nay, song song với nhiệm vụ phát triển sản xuất, công tác củng cố chính quyền, củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng được Đảng bộ ta, các ngành, các cấp quan tâm hơn trước. Cụ thể, hơn 2 năm qua:

- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hành chính từ tỉnh đến xã được thường xuyên chú ý kiện toàn; vai trò của Hội đồng nhân dân cũng như Ủy ban nhân dân hành chính các cấp ngày càng được đề cao. Trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tinh ta, chính quyền ta đã ra sức thực hiện nhiệm vụ chuyên chính vô sản, kiên quyết trấn áp kẻ thù và đem hết sức mình phục vụ quyền lợi của nhân dân. Qua các kỳ bầu cử và qua các đợt vận động củng cố cơ sở nhiều phần tử xấu và ươn lười đã được đưa ra khỏi chính quyền. Tính quần chúng, tính dân tộc trong chính quyền ngày càng được tăng cường. Cán bộ và nhân dân ngày càng có ý thức tôn trọng và bảo vệ chính quyền hơn trước.

- Về các tổ chức quần chúng, thời gian qua đoàn thanh niên lao động đã phát triển với tốc độ nhanh và mạnh. Phong trào thanh niên đang xứng đáng là đội quân xung kích trên các lĩnh vực sản xuất và lao động. Hàng trăm chiến sĩ thi đua và thanh niên; 2.450 thanh niên nam nữ được suy tôn là kiện tướng... Những nhân tố đó đã và đang có tác dụng dần dần, thúc đẩy phong trào mọi mặt tiến lên.

Công tác phụ nữ đã có nhiều cố gắng trong việc phát triển cơ

sở hội, thanh toán xã tráng. Hoạt động của phụ nữ đã góp phần tích cực thực hiện mọi mặt công tác của Đảng, nổi bật là trong vận động phụ nữ cày bừa thực hiện kế hoạch, trồng bông, trong chăn nuôi phụ nữ đã xây dựng được điển hình tốt.

Công tác công đoàn mấy năm qua có nhiều tiến bộ. Tổ chức công đoàn đã phát triển rộng khắp tất cả các cơ quan các huyện, phong trào thi đua do công đoàn tổ chức đã động viên giáo dục quần chúng đẩy mạnh hoàn thành các nhiệm vụ của Đảng, và Nhà nước giao cho; đặc biệt là đã vận dụng thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội có nhiều kết quả tốt, có tác dụng nâng cao tinh thần trách nhiệm và động viên cán bộ, công nhân viên phấn khởi hăng say công tác.

Công tác thiếu niên nhi đồng bước đầu được các cấp, các ngành chú ý và đã có những hoạt động thực tế như tổ chức trại hè thiếu nhi, xây dựng kế hoạch nhỏ...

Về công tác mặt trận đã tập trung làm tốt công tác đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở thị xã, thị trấn. Và vận dụng chính sách mặt trận trong các công tác sản xuất, hợp tác hóa, ba thu, v.v. được các cấp, các ngành chú ý quan tâm.

Tuy nhiên, trong các mặt công tác trên cũng còn nhiều thiếu sót như việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ chính quyền kể cả các đại biểu Hội đồng nhân dân còn ít chưa được thường xuyên do đó hạn chế chức năng của chính quyền đốc đạo thực hiện toàn bộ các công tác của Đảng và Chính phủ; hạn chế nâng cao năng lực quản lý nhà nước nhất là công tác quản lý kinh tế của họ. Về thanh niên chưa tiến quân được mạnh mẽ vào mặt trận khoa học - kỹ thuật, chưa đẩy mạnh được phong trào cải tiến công cụ, cải tiến phương tiện vận chuyển và làm phân bón. Tổ chức của Đoàn thanh niên còn hẹp mới có 27% số thanh niên tham gia đoàn thanh niên. Riêng đoàn viên nông thôn còn quá ít (17%). Công tác thiếu niên nhi đồng bước đầu được chú ý nhưng thiếu cán bộ chuyên trách, một số cán bộ các cấp các ngành còn chưa có nhận thức đầy đủ đối với công tác này. Công tác mẫu giáo, nhà trẻ làm còn yếu. Về mặt

trận, nói chung các cấp các ngành đều có quan tâm nhưng công tác của mặt trận còn yếu như công tác tranh thủ tầng lớp trên, công tác tôn giáo vận. Hiện nay, cơ quan mặt trận các cấp còn xộc xệch, cần sớm được chấn chỉnh củng cố.

V. CÔNG TÁC CỦNG CỐ PHÁT TRIỂN ĐẢNG, XÂY DỰNG CHI BỘ VÀ RA SỨC ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội lần thứ III của tỉnh và Nghị quyết năm 1962 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về công tác củng cố phát triển đảng, xây dựng các chi bộ và công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hai năm qua chúng ta đã đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng tiến lên một bước với tốc độ khá nhanh và nói chung là tốt. Chúng ta đã phát triển 133 chi bộ, với 1.962 đảng viên năm 1960 lên 215 chi bộ gồm 2.875 đảng viên cuối năm 1962. Đến nay 17 dân tộc và toàn bộ các xã trong tỉnh đã có đảng viên, nhiều hợp tác xã, đơn vị bộ đội, đội lao động trong xí nghiệp cũng đã có đảng viên. Nói chung các đảng viên mới kết nạp đều bảo đảm đúng tính chất giai cấp và tính chất tiên phong của Đảng. Các đảng viên mới cùng với đảng viên cũ đang ra sức thực hiện mọi nhiệm vụ của Đảng; hầu hết các đồng chí đã tỏ ra gương mẫu trong công tác. Ưu điểm lớn trong công tác Đảng là chúng ta đã chú trọng công tác củng cố, tích cực bồi dưỡng giáo dục đảng viên, ra sức hướng dẫn các chi bộ biết cách làm việc, biết cách lãnh đạo. Vì vậy, từng loại chi bộ đều có tiến bộ rõ rệt. Các chi bộ và tổ đảng đang phát huy tác dụng lãnh đạo toàn diện của mình, có nhiều chi bộ đã nắm được công tác trung tâm. Đa số các chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến là đảng viên. Do số lượng đảng viên được phát triển, chi bộ được củng cố, hai năm qua các chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng được chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ hơn, đã có chuyển biến mới trong mọi mặt công tác, sản xuất, hợp tác, ba thu, trấn áp cách mạng, v.v..

Về lề lối làm việc và sinh hoạt của các chi bộ nói chung đã đi dần vào nền nếp, nhưng ranh giới quyền hạn của chi bộ nông thôn chưa được quy định rõ ràng, có nơi hợp chi bộ bàn tất cả công việc của chính quyền, có một số chi bộ và tổ đảng chưa nêu cao được vai trò lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng. Công tác phát triển đảng còn chậm, chưa được đều và thường xuyên, nhiều chi bộ và đảng viên chưa sinh hoạt và đóng đảng phí đều kỳ, việc xây dựng chi bộ bốn tốt ta mới làm được quá ít. Đáng chú ý nhất là hiện nay trong Đảng bộ ta còn 383 đảng viên chưa biết chữ, thậm chí còn một vài đồng chí huyện ủy viên đến nay cũng vẫn chưa biết chữ, một số đồng chí khác mới qua lớp 1. Tình hình trên hạn chế rất nhiều các chi bộ và đảng viên phát huy khả năng lãnh đạo của mình trong khi đó công tác gấp khó khăn các đồng chí đó vẫn cứ vin vào hoàn cảnh và đổ tại trình độ của mình.

Công tác cán bộ:

Từ trước đến nay chúng ta rất coi trọng công tác cán bộ, vì chúng ta đều rõ: Cán bộ quyết định hết thảy. Sau khi có đường lối, chủ trương, muốn tổ chức thực hiện tốt, vấn đề cán bộ là khâu quan trọng bậc nhất.

Xuất phát từ nhận định trên, Tỉnh ủy đã coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại trường, tại chức và rèn luyện trong thực tế, chú trọng bồi dưỡng văn hóa, chính trị và nghiệp vụ, chú trọng đào tạo các cán bộ kỹ thuật, khoa học, cán bộ quản lý hợp tác xã... Tích cực cử cán bộ lãnh đạo đi học các lớp chính trị ở Việt Bắc và Trường Đảng Trung ương. Tổng số cán bộ đi học trong 2 năm qua chiếm 22% tổng số cán bộ. Tỉnh cũng đã phân cấp quản lý cán bộ, đặc biệt chú trọng đưa cán bộ dân tộc địa phương vào các cấp lãnh đạo chủ chốt, có huyện có tới năm cấp ủy viên là người địa phương, có huyện đã có bí thư hoặc phó bí thư, thường vụ, v.v. là người địa phương. Việc khen thưởng động viên cán bộ, việc điều động cán bộ làm được tích cực, đáp ứng với yêu cầu

nhiệm vụ sản xuất và phục vụ công tác chính trị. Dân chủ kỷ luật trong Đảng đã được đề cao, và sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng được tăng cường hơn trước. Những sai sót về chấp hành chính sách được chú ý phát hiện và sửa chữa. Lề lối làm việc của các cấp ủy có nhiều tiến bộ. Sinh hoạt thường kỳ đều đặn. Những vấn đề lớn đều được toàn Ban Chấp hành dân chủ quyết định.

Nói chung công tác cán bộ trong hai năm qua có nhiều tiến bộ đã góp phần xây dựng thành tích chung của toàn tỉnh, nhưng cũng có nhiều thiếu sót. Nổi bật là công tác đào tạo, bồi dưỡng, quản lý cán bộ còn quá yếu, thiếu chặt chẽ. Ban Tổ chức và bộ môn nghiên cứu giúp cấp ủy nắm chắc tình hình tư tưởng và sự chuyển biến của từng cán bộ, chưa giúp cấp ủy tìm rõ nguyên nhân để có biện pháp giải quyết những vấn đề cụ thể của từng nơi, từng loại cán bộ, nhất là nội bộ một số huyện ủy và cơ quan có lúc xảy ra xích mích với nhau.

Về tình hình công tác tư tưởng của Đảng bộ trong hai năm qua tư tưởng cán bộ, đảng viên có những lúc còn diễn biến phức tạp như trước khó khăn về đời sống hoặc trước sự bất đồng của một số nước trong phe xã hội chủ nghĩa số đông cán bộ, đảng viên vũng vàng nhưng cũng có một số ít dao động, bi quan không yên tâm công tác. Chúng ta đã thông qua chỉnh huấn mùa xuân 1961, thông qua học tập Điều lệ Đảng và bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn ở Trường Nguyễn Ái Quốc giáo dục nâng cao lập trường tư tưởng cho cán bộ, đảng viên do có những biểu hiện lệch lạc được khắc phục dần, đến nay tuy vẫn còn nhưng không phổ biến. Nội bộ, nói chung đoàn kết nhất trí. Năng lực đội ngũ cán bộ kể cả cán bộ xã nói chung đều trưởng thành, trình độ được nâng lên một bước, ý thức trách nhiệm và lề lối làm việc được nâng cao hơn trước. Tư tưởng của các ngành có nhiều chuyển biến, nhiều ngành đã biết tập trung phục vụ công tác trung tâm và xoay quanh trung tâm kết hợp tốt công tác ngành mình.

Như trên, nhìn chung công tác tư tưởng thời gian qua đã tiến hành được tương đối tốt, song cũng còn một số vấn đề tồn tại cần ra sức khắc phục như:

- Tư tưởng bảo thủ biểu hiện ở từng cấp, từng ngành, từng đồng chí khác nhau và là phổ biến.

- Tư tưởng tự do tản漫 thường xuyên diễn ra, biểu hiện ở chỗ có mở rộng dân chủ nhưng thiếu tập trung. Hiện tượng cá nhân độc đoán vẫn còn, tùy tiện sử lý những việc có quan hệ đến chính sách, đến nhiều mặt, chưa được hoàn toàn tôn trọng dân chủ tập thể.

- Tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi vẫn còn, từng nơi từng lúc có dịp lại bộc lộ, có nơi còn xảy ra những khuyết điểm nghiêm trọng gây tác hại về chính trị, mất đoàn kết giữa cán bộ kinh và cán bộ địa phương.

Nhiều đồng chí có thắc mắc về lương bổng, cấp bậc nhưng vẫn chờ đợi sự giải quyết của cấp ủy.

- Ý thức tổ chức và kỷ luật của một số khá nhiều đồng chí chưa được đề cao: Làm không báo cáo, chỉ thị không thi hành nghiêm chỉnh, tác phong công tác còn quan liêu hời hợt có nơi còn mệnh lệnh. Có một số đồng chí đã tùy tiện trong việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Kỷ luật của Đảng đối với những đồng chí này cũng chưa nghiêm minh.

Đấu tranh nội bộ trong một vài ba huyện ủy chưa cao có nơi để xảy ra xích mích cá nhân, chậtm thanh toán để ảnh hưởng không tốt đến công tác lãnh đạo. Quan hệ của một số đồng chí trong cấp ủy huyện với cán bộ địa phương chưa được cảm thông, hoặc thiếu dân chủ đã gây nên những biểu hiện không tốt cho đoàn kết. Một số cán bộ địa phương có những hiện tượng tiêu cực, thoái thu, xin thôi, hoặc tự động nghỉ công tác.

Nguyên nhân của những tư tưởng trên còn tồn tại và phát triển là sự giáo dục của ta chưa thực triệt để, công tác đấu tranh phê bình và tự phê bình còn chưa liên tục, lãnh đạo có lúc chưa được tập trung. Mặt khác, việc chấp hành chính sách dân tộc của một số cấp ủy chưa được nghiêm chỉnh, vận dụng chưa được đúng đắn.

Về công tác kiểm tra đã được Tỉnh ủy coi trọng. Trong thời gian qua Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra một số đơn vị về dân chủ kỷ luật và tham ô lãng phí, có tác dụng nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, nâng cao ý thức trách nhiệm của đảng viên và quần chúng, đã hạn chế một phần tích cực, uẩn nắn được những lệch lạc làm sai chính sách, sai chế độ, điều lệ của Đảng.

Nhưng công tác kiểm tra chưa được toàn thể các cấp ủy các đồng chí phụ trách các ngành nhận thức đầy đủ, chưa đạt vấn đề tự kiểm tra là chính, công tác kiểm tra của các huyện, thị, đảng ủy làm còn yếu, nội dung kiểm tra chưa chú ý đúng mức đến việc kiểm tra về dân chủ kỷ luật, về đoàn kết nội bộ, vi phạm đến nguyên tắc điều lệ của Đảng.

VI. KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH

Bước vào năm 1961, nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa đã chuyển từ cải tạo sang xây dựng là trung tâm. Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III. Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có nhiều nghị quyết, chỉ thị và chính sách cụ thể để thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III. Những nghị quyết đó rất phù hợp với nguyện vọng nhân dân các dân tộc nhưng cũng còn mồi mỉ trong việc thực hiện ở địa phương ta.

Đảng bộ ta, trong hai năm qua đã cử nhiều đồng chí trong cấp ủy đi học thường xuyên 1/3 vắng mặt, có lúc vắng mặt 1/2 số cấp ủy, đó là chưa kể 2 đồng chí phạm sai lầm mà Ban Chấp hành đã thi hành kỷ luật rút ra khỏi Ban Chấp hành và đã được Trung ương đồng ý. Do đó, số lượng cấp ủy viên trong Ban Chấp hành ở nhà thường rất ít, Thường vụ có lúc có 2,3 người. Số lượng cấp ủy ít, công việc nhiều nhưng trong hai năm qua do được sự giáo dục bồi dưỡng qua các lớp học chính trị, văn hóa, nghiệp vụ qua cuộc chỉnh huấn mùa xuân 1961 nên nói chung trình độ được nâng cao, có những chuyển biến về chất lượng.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết 5, Nghị quyết 7 và Nghị quyết sản xuất nông nghiệp miền núi của Ban Chấp hành Trung ương cùng nhiều chỉ thị khác của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, Ban Chấp hành Tỉnh ủy có những ưu điểm tiến bộ như sau:

Song song với nhận thức về sự chuyển biến từ giai đoạn cải tạo sang lấy xây dựng làm trung tâm trong toàn miền Bắc, ở địa phương ta sau hai năm vận động phong trào hợp tác hóa Ban Chấp hành đã nhận thức quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở Lào Cai đã thay đổi về mặt căn bản, đó là nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sản xuất phát triển. Nhưng Ban Chấp hành cũng thấy rõ ràng phong trào còn mới mẻ chưa vững chắc cho nên đã đem hết mọi cố gắng của mình quyết tâm tiến hành củng cố hợp tác xã làm cơ sở vững chắc thực hiện mọi chính sách của Đảng và Chính phủ.

Đi đôi với việc ra sức củng cố phong trào hợp tác xã, Ban Chấp hành tỉnh đã nhận thức đúng đắn vấn đề bước đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, cụ thể là đã chú ý nhiều đến việc xây dựng cơ khí và các xưởng công nghiệp khác như mở rộng lò dầu, xây dựng nhà máy đường... xây dựng thủy lợi, đường giao thông... Nhưng việc này ta làm gấp nhiều lần các năm trước và ngày càng phát huy nhiều hiệu quả kinh tế.

Do nhận thức đúng đắn về củng cố quan hệ sản xuất mới tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh sản xuất phát triển, Ban Chấp hành tỉnh đã luôn luôn nâng cao cảnh giác cho toàn Đảng, đẩy mạnh trấn áp phản cách mạng, tiến hành cải tạo những phần tử tể ngụy, phỉ chua chịu cải tạo; công tác xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, công tác bảo vệ sản xuất bảo đảm an toàn cho địa phương.

Về lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch Ban Chấp hành đã nắm vững công tác trung tâm củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, bảo vệ sản xuất nên đã tích cực tập trung lực lượng, giải quyết mọi khó khăn để tiến hành công tác trung tâm,

tích cực và quyết tâm đẩy mạnh sản xuất lương thực trong nhân dân cũng như cơ quan, tổ đội công trường, xí nghiệp; đi sâu nghiên cứu Nghị quyết 5, Nghị quyết 7, Nghị quyết sản xuất miền núi, bước đầu đề ra phương hướng sản xuất cho các nơi làm căn cứ giải quyết những vấn đề kinh tế một cách có trọng điểm, như vấn đề làm đường giao thông Đản Khao, vấn đề phân phối giống và giải quyết giống cho các địa phương kịp thời vụ, đồng thời kiên quyết tập trung cải tạo bọn phản cách mạng đầu sỏ nguy hiểm.

Trên đây là những thành tích và là ưu điểm nổi bật nhất trong công tác lãnh đạo của Ban Chấp hành Tỉnh ủy. Những nguyên nhân chính đạt được những thành tích trên là:

1. Nhờ có đường lối của Trung ương, đã nâng cao lập trường tư tưởng của cấp ủy làm cho cấp ủy nhìn nhận sự việc được sâu sắc các nghị quyết của Trung ương, các đồng chí lãnh tụ lên thăm Lào Cai đã cổ vũ rất lớn cho Đảng bộ ta và đã chỉ thị cho chúng ta những phương hướng rõ ràng trong công tác.

2. Sự đoàn kết nhất trí của Ban Chấp hành và Đảng bộ đã lấy dân chủ, bàn bạc những chỉ thị, nghị quyết của Đảng làm cơ sở.

3. Ban Chấp hành và Đảng bộ ta đã nắm vững công tác trung tâm và kiên quyết tập trung lực lượng giải quyết công tác trung tâm và các việc chính.

4. Ban Chấp hành lăn lộn đi sát cơ sở phát hiện bối khuyết và giải quyết kịp thời khó khăn cho cấp dưới.

5. Lãnh đạo công tác tương đối được bao quát và chủ động đối với những việc lớn.

Bên cạnh những ưu điểm, Ban Chấp hành cũng có nhiều thiếu sót khuyết điểm sau đây:

- Công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác tư tưởng tuy có đạt được nhiều tiến bộ so với trước, nhưng chủ trương, chính sách cơ bản được tiến hành học tập rộng rãi, song việc nắm tình hình tư tưởng và công tác cán bộ của Ban Chấp hành không được thường xuyên, nên có lúc chưa chủ động giải quyết được những thắc mắc, không yên tâm công tác của cán bộ.

- Công tác văn xã đã được kết hợp với công tác trung tâm giải quyết tốt một số mặt như về vệ sinh phòng bệnh, thanh toán nạn mù chữ nhưng còn gặp nhiều khó khăn ta chưa đi sâu như việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện còn nhiều khuyết điểm.

- Ban Chấp hành chưa lãnh đạo một cách toàn diện, trong nông nghiệp còn coi nhẹ khâu cải tiến công cụ, thâm canh tăng năng suất, lãnh đạo chăn nuôi chưa đúng mức, lãnh đạo nghề rừng còn yếu.

- Trong công nghiệp thì chưa quan tâm đầy đủ đến việc giúp đỡ phát huy khả năng thủ công nghiệp, chưa nắm được kỹ thuật đi sâu tính toán hiệu quả kinh tế cụ thể các vấn đề đặt ra.

- Lê lối làm việc của cấp ủy cũng chưa quy định chức trách rõ ràng có việc còn dâm chân lên nhau, có việc còn lấn lộn giữa Đảng và chính quyền, quyền hạn và lề lối làm việc giữa Thường vụ và Ban Chấp hành chưa rõ ràng có lúc làm cho các đồng chí lãnh đạo xa vào việc sự vụ hoặc đi quá quyền hạn của mình. Công tác tổng kết kinh nghiệm còn chưa làm được.

Tóm lại, nhiệm kỳ vừa qua nhờ chỉnh huấn mùa xuân, học tập chính trị cơ sở lý luận của Ban Chấp hành đã được nâng cao hơn trước. Đã tích cực đi sâu nghiên cứu tiếp tìm được những cái mới vận dụng được chủ trương nghị quyết Trung ương vào địa phương tương đối tốt, bổ khuyết và đề xuất cho các ngành đẩy mạnh hoạt động của các ngành hơn trước, nhưng khuyết điểm tồn tại còn nhiều, cần phải ra sức khắc phục, sửa chữa.

Thưa các đồng chí!

Qua hai năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm, qua việc vận dụng đường lối của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và các Nghị quyết 5, Nghị quyết 7 của Ban Chấp hành Trung ương và các nghị quyết khác của Bộ Chính trị và Ban Bí thư vào tình hình địa phương, chúng ta có thể rút ra mấy vấn đề lớn có tính chất cơ bản sau đây cần được nêu lên để tiếp tục phát huy những khả năng tiềm tàng

của địa phương ta và ra sức khắc phục những nhược điểm thiếu sót tồn tại tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Với đặc điểm và tình hình đất đai khí hậu, các mặt xã hội khác, tỉnh ta có rất nhiều khả năng phát triển nền nông nghiệp toàn diện, trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, nghề phụ gia đình. Để phát triển nền nông nghiệp toàn diện ở tỉnh ta toàn Đảng bộ cần nhận thức sâu sắc hơn nữa các vấn đề sau đây:

1. Phải xác định vị trí quan trọng của lương thực và có những biện pháp cần thiết tự giải quyết vấn đề tự túc lương thực với mức độ thỏa đáng để có cơ sở phát triển nông nghiệp toàn diện.

Tỉnh ta đất rộng, người thưa, cư trú rất phân tán, 3/4 thuộc vùng cao. Ruộng ít đồi núi nhiều. Đường giao thông từ tỉnh đến huyện và từ huyện xuống cơ sở (khu, xã, thôn) khó khăn hơn từ thị xã đi Hà Nội. Nếu không coi trọng tự túc lương thực hơn để xảy ra thiếu đói thì sức lực của nhân dân phải dồn đi đào cùi rừng không còn khả năng để phát triển các mặt khác và một năm thiếu đói có thể gây nhiều năm khó khăn về sau.

Trước đây gặp năm thiên tai gây ra thiếu đói dù ta có tiếp trợ lương thực ở vùng đồng bằng lên nhưng việc vận chuyển cũng không phải là dễ dàng, đối với các vùng cao nên nạn đói ở vùng cao lưu niên không giải quyết được.

Tiếp tục phát huy những thắng lợi của những năm gần đây nhất là qua ba năm cải tạo, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III của tỉnh ta tháng 1-1961 đã nêu cao vấn đề tự túc lương thực.

Nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết Đại hội về vấn đề lương thực, toàn Đảng đã phấn đấu đưa tốc độ bình quân lương thực đầu người lên cao hơn so với các năm trước. Cải thiện thêm một bước đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Thắng lợi của công tác lương thực còn cho chúng ta thấy tốc độ của hoa màu tăng nhanh hơn lúa và đóng một vị trí ngày càng tăng trong khẩu phần; cho cả về sau này (đại bộ phận đồi trồng khoai sắn, ngô, đao riêng có lợi hơn trồng lúa), cho nên chúng ta

cần giáo dục sâu sắc hơn nữa về nhận thức vấn đề lương thực bao gồm lúa, ngô, khoai, sắn, đao riêng và các loại cây có chất bột khác. Mặt khác, thay thế cho gạo ta cần đẩy mạnh việc chế biến các loại cây có bột cho tốt, ngon, làm cho mọi người ưa thích.

Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng đặt vấn đề tự túc lương thực là đúng, nhưng quan niệm mức độ tự túc chưa sát nêu chúng ta đã không thực hiện được việc cung cấp lương thực cho các xí nghiệp Trung ương như nghị quyết đã đề ra. Mặt khác, tự túc phải kết hợp với khoanh vùng mà có những chính sách cụ thể thì mới phát huy ưu thế đặc điểm tình hình tỉnh ta nhằm phát triển những cây công nghiệp, đặc sản có hiệu quả kinh tế cao và cân đối được tỷ trọng phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và lương thực.

2. Coi trọng hơn nữa công tác chăn nuôi và nghề rừng

Được thiên nhiên ưu đãi, chăn nuôi và nghề rừng ở tỉnh ta có một vị trí rất quan trọng, vì:

a) Tỉnh ta có nhiều bãi cỏ thiên nhiên, có nhiều vùng đất rộng, người thừa, khả năng phát triển chăn nuôi có lợi về kinh tế cho từng vùng hợp lý hơn. Tỉnh ta lại có khu công nghiệp Trung ương tương đối tập trung nếu không coi trọng chăn nuôi thì khả năng cung cấp không đáp ứng cho sản xuất công nghiệp và nhân khẩu phi nông nghiệp tương đối cao. Ngoài ra, có đẩy mạnh được chăn nuôi thì mới có thêm phân bón cho diện tích canh tác ngày càng mở rộng và giữ được năng suất cây trồng ở đồi núi.

b) Tỉnh ta có diện tích rừng rộng, có nhiều lâm đặc sản quý góp phần khá quan trọng trong nguồn thu nhập quốc dân (năm 1961 tổng sản lượng nông nghiệp 18.418.868 đồng thì nghề rừng là 8.050.906 đồng). Nhưng nhân dân các dân tộc tỉnh ta nhận thức chưa thật đầy đủ tác dụng của rừng có ý nghĩa lớn lao đối với cuộc sống của con người, chưa có biện pháp giải quyết cụ thể để tận dụng những tài nguyên, tạo ra của cải vật chất ngày càng nhiều.

Hiện nay, hàng năm nhân dân ta phá khoảng 3.000 ha nương. Nhưng trồng thêm và cải tạo được rất ít, trong hai năm qua ta cải

tạo được 326 ha và trồng thêm được 287,2 ha, chưa bằng 20,4% tổng số rừng đã phá hoang để sản xuất lúa, ngô theo tập quán làm ăn cũ.

Đó là chưa tính nạn cháy rừng hàng năm chưa được chấm dứt mà có nơi có lúc còn gây ra nghiêm trọng như vụ cháy núi Hoàng Liên Sơn 12-1962 cháy 1.600 ha thiệt hại 32.000.000 đồng.

3. Bước đầu đi vào khoanh vùng sản xuất thích hợp về đặc điểm tình hình trong tỉnh, tiến tới định canh định cư cho đồng bào dân tộc ít người vùng cao (kể cả vùng giữa) và trồng xói lở bạc màu trên diện tích gieo trồng ở đồi núi.

Đất đai tinh ta tốt, tài nguyên tinh ta phong phú. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong những năm qua với tinh thần cần cù lao động, nhân dân các dân tộc tinh ta đã đẩy mạnh sản xuất phát triển và cải thiện đời sống hơn nhiều so với trước. Tuy nhiên, nền sản xuất của nhân dân tinh ta cũng còn mang nặng tính chất tự túc tự cấp và hầu hết là chạy theo lương thực, chưa tận dụng được những ưu thế của miền núi để sản xuất những hàng hóa thích hợp với từng vùng có giá trị kinh tế cao góp phần cải thiện đời sống và góp phần vào nền kinh tế chung của toàn quốc.

Kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế có kế hoạch việc đưa tinh ta thực hiện nền kinh tế có kế hoạch đòi hỏi phải thực hiện từng bước khoanh vùng sản xuất nông nghiệp thích hợp với đặc điểm từng nơi.

Khoanh vùng sản xuất được tốt, ta đã dần dần chuyển nền kinh tế độc canh, tự cấp tự túc của đồng bào các dân tộc thành một nền kinh tế có hàng hóa, tạo được cơ sở vật chất và kỹ thuật cho đồng bào các dân tộc (vùng cao, vùng giữa), tiến lên định canh định cư hạn chế dần và đi tới chấm dứt được phá rừng làm nương năm này qua năm khác gây thiệt hại tài nguyên, lũ, lụt, hạn hán cho sản xuất. Thời gian gần đây Đảng bộ ta đã dựa vào tập quán, cơ sở giống sẵn có của đồng bào dân tộc, vào đặc điểm đất đai và khí hậu của từng vùng, kết hợp với việc phân tích khoa học mà đẩy mạnh giao các chỉ tiêu cho địa phương phù hợp với nhu cầu của kế hoạch nhà nước ngày càng tăng.

Năm 1962, 8 xã vùng cao, huyện Bát Xát bán cho mậu dịch quốc doanh 192 tấn thảo quả, 6 xã trồng chè thuộc huyện Bắc Hà bán 44 tấn chè. Vùng cao Mường Khương bán 120 tấn đậu tương. Hợp tác xã Thủ Dầu Một bán 10 tấn hạt rau. Một số xã ven sông Hồng bán hằng năm khoảng 300 đến 500 tấn cam quýt, chuối, dứa. Những sản phẩm ấy đã có một quá trình phát triển nhưng trước đây những thứ vẫn trong phạm vi tự cấp tự túc nay được mở rộng chuyển thành sản phẩm hàng hóa.

Ngoài ra, trong hai năm qua Đảng bộ ta mạnh dạn nhập nội một số giống mới thành công như bò sữa, lê táo, đại mạch, đậu răng ngựa.

Kết quả bước đầu đạt được trên đây tuy còn nhỏ bé, nhưng cũng nói lên sự cần thiết phải khoanh vùng mới tạo ra nhiều hàng hóa nông sản và tỉnh ta có nhiều điều kiện để thực hiện việc khoanh vùng.

4. Đồng thời với việc bước đầu khoanh vùng sản xuất, việc áp dụng khoa học - kỹ thuật nông nghiệp vào tỉnh ta đang đòi hỏi được giải quyết một cách cấp bách:

Trong hai năm qua tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tỉnh ta tăng khá nhất là hoa màu tăng với tốc độ nhanh. Nhưng việc tăng tổng sản lượng hai năm qua chủ yếu là do mở rộng diện tích, còn về năng suất nói chung đều bị giảm sút so với trước vì đại bộ phận diện tích gieo cây thuộc đất đồi núi với độ dốc cao tốc độ bạc màu sói lở rất nhanh, nếu cứ áp dụng phương pháp canh tác cũ mà không kịp thời có biện pháp khoa học - kỹ thuật sẽ gây ra hậu quả không tốt cho sản xuất.

Các giống mới được nhập nội thành công cũng đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu để mở rộng phát triển đến những nơi khác trong tỉnh có nhiều khả năng và điều kiện.

Hiện nay, trình độ hiểu biết khoa học - kỹ thuật để đáp ứng tình hình khoanh vùng như trên của cán bộ ta có hạn. Cán bộ kỹ thuật rất ít và mới. Chúng ta cần đi sâu đi sát với quần chúng

kết hợp với lý luận sách vở để áp dụng và nghiên cứu công tác khoa học - kỹ thuật đối với sản xuất miền núi cho ngày càng phong phú hơn.

5. Tích cực tiếp tục tăng cường hơn nữa việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật để phục vụ tốt hơn cho nông nghiệp phát triển tạo điều kiện thuận lợi làm cơ sở công nghiệp phát triển.

Tỉnh ta có nhiều khả năng phát triển nông nghiệp toàn diện. Nhưng khả năng ấy chỉ có thể trở thành hiện thực nhanh chóng dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng cộng với sự tăng cường xây dựng được cơ sở vật chất và kỹ thuật mạnh mẽ hơn nữa trong lĩnh vực nông nghiệp.

Sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy phải được thể hiện song vấn đề đoàn kết nhất trí trong cấp ủy về tư tưởng và chủ trương, chính sách. Năm vững tình hình phát hiện tích cực bồi dưỡng cán bộ và quần chúng gây tinh thần phấn khởi và phát động được quần chúng vươn lên khắc phục khó khăn giành thắng lợi mới.

Đi đôi với việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phải từng bước tăng cường xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho lĩnh vực nông nghiệp một cách vững chắc như:

- Tiếp tục giải quyết công tác thủy lợi có trọng điểm.
- Tăng cường làm đường giao thông trực và đường nông thôn đi đôi với cải tiến các phương tiện vận chuyển thô sơ từng bước giải phóng đôi vai ở những nơi có điều kiện.
- Tiếp tục nhập những giống mới tốt như bò, dê, lê, táo. Tăng cường cơ sở vật chất cho những hợp tác xã có khả năng và điều kiện tiếp thu.
- Tăng cường xây dựng kho chứa, cơ sở chế biến nông sản, sân phơi cho các ngành nông nghiệp và hợp tác xã cần thiết.
- Một vấn đề cấp bách và cơ bản nhất là việc đào tạo công nhân lành nghề, cán bộ quản lý kinh tế, quản lý hợp tác xã, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, điện cơ, v.v.. Công tác này cần được súc tiến ngay để kịp thời phát huy những thắng lợi của hai năm qua

và khắc phục được khuyết nhược điểm trước mắt tiến lên giành thắng lợi mới.

6. Tăng cường hơn nữa công tác trị an, xây dựng củng cố chính quyền và các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, đẩy mạnh công tác củng cố quốc phòng.

Lào Cai là một tỉnh miền núi, biên giới, nhiều dân tộc, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng. Trải qua nhiều biến cố chính trị, đế quốc Pháp, Nhật và bọn Quốc dân Đảng đều cố chiếm Lào Cai, chúng ra sức thực hiện chính sách dùng người Việt đánh người Việt.

Vì là một tỉnh bị chiếm đóng lâu ngày, cơ sở xã hội của địch ở Lào Cai rất dày, rất phức tạp.

Ngày nay, đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm luôn luôn tìm mọi cách, tung gián điệp, biệt kích phá hoại miền Bắc; tích cực tập hợp bọn phản động để gây bạo loạn quấy rối hậu phương ta hòng đỡ đòn cho chúng đang bị thất bại liên tiếp ở miền Nam, đồng thời gây ảnh hưởng chính trị xấu đối với chế độ ta. Chúng ta cần ra sức đề phòng kẻ địch liều lĩnh tấn công miền Bắc, không ngừng nâng cao cảnh giác cho toàn thể cán bộ và nhân dân, tăng cường công tác trị an, tăng cường xây dựng củng cố chính quyền và các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, đẩy mạnh củng cố quốc phòng, tích cực chuẩn bị và sẵn sàng chuyển mọi mặt công tác từ thời bình sang thời chiến.

7. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Nhưng chúng ta đã biết, trước Cách mạng Tháng Tám Lào Cai chưa có cơ sở đảng. Trong kháng chiến chúng ta mới xây dựng được 7, 8 chi bộ ở nông thôn. Mấy năm gần đây cơ sở đảng của tỉnh ta mới được phát triển mở rộng.

Tuy chúng ta đã cố gắng nhiều trong công tác xây dựng Đảng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu: Số lượng đảng viên của chúng ta còn ít, mới chiếm tỷ lệ 2% dân số, đại bộ phận là đảng viên mới, chất

lượng còn non. Ngày nay chúng ta lại phải bắt tay thực hiện một cuộc cách mạng vĩ đại, sâu sắc và triệt để nhất là từ trước đến nay, nhất là cuộc cách mạng này lại tiến hành ở một vùng miền núi nhiều dân tộc ít người, thực tế khó khăn gian khổ rất nhiều.

Để tư tưởng vô sản và quan điểm lập trường của giai cấp công nhân chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống chính trị của nhân dân các dân tộc, đồng thời tập hợp được đầy đủ nguyện vọng của nhân dân các dân tộc và đưa mọi phong trào tiến tới, chúng ta cần đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, đặc biệt cần chú trọng phát triển đảng viên mới, bồi dưỡng đảng viên cũ, ra sức xây dựng chi bộ bốn tốt và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng hơn nữa.

Thực tiễn những năm qua cho ta thấy trong bất cứ công tác gì, nơi nào có đảng viên tốt và có sự quan tâm lãnh đạo của chi bộ, của cấp ủy thì ở đó mặc dù gặp khó khăn nhưng nhân dân vẫn phấn khởi biến khó khăn thành thuận lợi, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ. Ngược lại, nơi nào thiếu đảng viên làm nòng cốt, chi bộ và cấp ủy thiếu lãnh đạo thì việc dù nhỏ, thuận lợi dù nhiều nhưng trong khi tiến hành thường gặp khó khăn, có khi thất bại.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TỪ NAY ĐẾN CUỐI NĂM 1965

Thực hiện nhiệm vụ, phương hướng chung của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Đại hội toàn quốc lần thứ III nhằm "Phấn khởi xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện tốt một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội".

Từ nay đến 1965, chúng ta phải không ngừng nâng cao truyền thống đoàn kết đấu tranh, nâng cao tinh thần cách mạng xã hội chủ nghĩa, tinh thần lao động cần cù và anh dũng của nhân dân các dân tộc thiểu số, đa số ở tỉnh ta, nhằm phát huy những thắng

lợi đã giành được, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, tập trung sức lực giải quyết yêu cầu cơ bản nhất là từng bước xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân một cách có trọng điểm trước hết là công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, nông nghiệp, giao thông vận tải.

Ra sức củng cố và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sơ bộ phân vùng sản xuất nông nghiệp thích hợp với đặc điểm từng nơi đi đôi với việc bố trí hợp lý lao động trong các ngành kinh tế trong tỉnh, ra sức phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động xã hội nhằm đẩy mạnh kinh tế và văn hóa Lào Cai phát triển nhanh và vững chắc, xây dựng củng cố Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang giữ gìn trật tự trị an ở địa phương làm cho tỉnh ta có công nghiệp địa phương khá, có nông nghiệp toàn diện, có nghề rừng, chăn nuôi (kể cả nuôi cá) nghề phụ gia đình phát triển cân đối. Đến 1965 nhân dân tỉnh ta sẽ tự túc được lương thực và có phần dự trữ trong nhân dân góp phần lương thực cho đồng bào miền xuôi lên tỉnh ta xây dựng kinh tế miền núi (không kể xí nghiệp trung ương tại địa phương), nhân dân ta sẽ có nguồn hàng hóa nông lâm đặc sản bán cho Nhà nước nhiều hơn, tăng cường góp phần tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp xã hội chủ nghĩa, cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân góp phần củng cố miền Bắc làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Để thực hiện phương hướng chung của tỉnh ta đã vạch ra như trên. Tiếp tục hoàn thành kế hoạch 5 năm của địa phương chúng ta có những nhiệm vụ cơ bản như sau:

1. Tiếp tục tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thêm một bước, phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp, các ngành kinh tế khác và phát triển văn hóa giáo dục một cách có trọng điểm, cân đối.

2. Tiếp tục cải tạo và từng bước nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp,

tiểu thương, củng cố thành phần kinh tế quốc doanh, tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, tăng cường quan hệ công nông liên minh.

3. Tiếp tục nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, kinh tế, ý thức cảnh giác và nâng cao tinh thần công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong nhân dân, đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, quản lý hợp tác xã và công nhân lành nghề một cách có trọng điểm và có tỷ lệ cân đối. Vận dụng phổ biến và rút kinh nghiệm công tác khoa học và kỹ thuật trong các ngành sản xuất công, nông nghiệp... nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu phát triển kinh tế và văn hóa xã hội chủ nghĩa.

4. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, làm cho nhân dân ta được ăn no, mặc ấm, tăng thêm sức khỏe, có thêm nhà, thêm đồ dùng trong nhà và được học tập, mở mang sự nghiệp phúc lợi công cộng xây dựng đời sống mới ở nông thôn và thành thị.

5. Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế và văn hóa, cần ra sức củng cố xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang, tăng cường trật tự an ở địa phương góp phần bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Quán triệt những nhiệm vụ trên, toàn Đảng bộ ta phải làm tốt cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc", và cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô lãng phí, quan liêu", tích cực thực hiện cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế tinh ta và chấp hành tốt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Ban Chấp hành Tỉnh ủy.

Dựa vào các chỉ tiêu kiểm tra của Trung ương, giao cho tỉnh ta, căn cứ vào khả năng và điều kiện đặc điểm của tỉnh của hai năm thực hiện, chúng ta cần nhất trí các chỉ tiêu lớn từ nay đến 1965 như sau:

+ Về sản xuất và đời sống Đảng ta phải lãnh đạo toàn dân phấn đấu đạt những chỉ tiêu cơ bản sau đây:

- Tổng giá trị sản lượng công nghiệp và nông nghiệp tăng hơn năm 1960 là 72,9%, đưa tỷ trọng công nghiệp từ năm 1960 là 19,3% đến năm 1965 là 24,3%.

- Tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng hơn năm 1960 gấp 2,1 lần, bình quân hằng năm trong 5 năm tăng 16,8%. Trong đó, nhóm A tăng bình quân 14%, nhóm B tăng bình quân 20,4%. Công nghiệp quốc doanh sẽ tăng hơn năm 1960 gấp 3,5 lần. Riêng về thủ công nghiệp từ trước vẫn yếu, ta phải bảo đảm mức tăng bình quân tối thiểu hằng năm trong 5 năm là trên 6%.

- Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tăng hơn 1960 là 62,2% bình quân hằng năm trong 5 năm tăng 10,1% trong đó: giá trị trồng trọt tăng bình quân là 9,3%, giá trị chăn nuôi tăng bình quân 19,3%, giá trị sản phẩm nghề phụ khác tăng bình quân 9,3%.

Riêng về các loại lúa tới năm 1965 ta cố gắng đạt được 24.300 tấn và ngô, khoai, sắn sẽ đạt gấp 3,8 lần so với năm 1960. Đặc biệt, cây đao riêng là loại cây mới đặt thành một nhiệm vụ chủ yếu khá quan trọng, ta phải có biện pháp tích cực phấn đấu tới năm 1965 sẽ đạt được 15.000 tấn, để hết 5 năm kế hoạch lần thứ nhất ta đạt tới mức bình quân lương thực tính theo đầu người dân số là 356 kg và tính theo đầu người nhân khẩu nông nghiệp là 442 kg.

- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa xã hội tăng 67% so với năm 1960, bình quân hằng năm trong 5 năm tăng là 10,8%.

Thưa các đồng chí!

Để thực hiện những chỉ tiêu cơ bản trên đây về công nghiệp thì bên cạnh việc góp ý kiến lãnh đạo các xí nghiệp công nghiệp Trung ương trên các mặt được phân cấp chúng ta cần hết sức chú ý đến việc xây dựng công nghiệp địa phương (kể cả thủ công nghiệp), trong những năm tới chúng ta ra sức phát huy công suất của những cơ sở vật chất đã được xây dựng như cơ khí, mộc xẻ, dầu, rượu, đường nhằm cung cấp một phần tư liệu sản xuất, vật phẩm

tiêu dùng cho nhân dân địa phương và góp phần hàng xuất khẩu cho Trung ương.

Đi đôi với củng cố phát huy cơ sở sẵn có chúng ta cần tính toán khả năng mọi mặt tiếp tục xây dựng cơ sở chế biến nông, lâm, thô sản, thực phẩm với quy mô nhỏ hoặc vừa phải để phục vụ sản xuất nông nghiệp tốt hơn.

Đồng thời với việc xây dựng củng cố công nghiệp quốc doanh, chúng ta cần chú ý tận dụng mọi khả năng giúp đỡ hơn nữa thủ công nghiệp địa phương phát triển theo kế hoạch, tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới với thủ công nghiệp địa phương. Tăng cường củng cố về mọi mặt các cơ sở hợp tác đã có. Chú ý giáo dục chính trị và chính sách cho thủ công nghiệp. Đi đôi với việc giúp đỡ quản lý tài vụ và kế toán, đồng thời tăng cường thiết bị, cải tiến kỹ thuật đẩy mạnh thi đua, đưa dần hợp tác từ thấp lên cao. Từ thủ công lên nửa cơ giới và cơ giới ở những nơi có điều kiện.

Chuyển dần từ chế độ gia công sang ký kết hợp đồng kinh tế, bán nguyên liệu mua thành phẩm. Những nguyên liệu cho thủ công nghiệp thuộc vật tư cung cấp, quản lý hoặc liên quan đến lương thực cần được đưa vào kế hoạch của Nhà nước, đồng thời giúp đỡ thủ công nghiệp sản xuất và tiêu thụ đi đôi với sửa đổi những điểm chưa hợp lý đã hạn chế việc phát triển sản xuất (giá cả, chế độ, thù lao cho thủ công nghiệp, v.v.).

Tiến hành phân công hợp lý giữa công nghiệp quốc doanh với thủ công nghiệp về mặt hàng sản xuất và phân công cụ thể giữa các ngành các cấp quản lý thủ công nghiệp, đồng thời tăng cường cán bộ cho phong trào thủ công nghiệp.

Muốn cho công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phát triển thuận lợi ta cần đào tạo công nhân lành nghề bảo đảm sử dụng tốt thiết bị hiện có và nâng dần lên có trình độ phát minh chế tạo. Trong đào tạo chú trọng những công nhân ở trong biên chế Nhà nước có thành tích, sáng kiến trong sản xuất; việc đào tạo công nhân mới ngoài biên chế phải có kế hoạch cụ thể theo phương

hướng và khả năng phát triển lâu dài, đi đôi với việc đào tạo chuyên môn cần chú ý bồi dưỡng nhiệt tình lao động của công nhân trên cơ sở tiến hành giáo dục chính trị và tư tưởng, nâng cao trình độ văn hóa và kỹ thuật kết hợp với cải tiến chế độ tích lũy và phát triển phúc lợi công cộng. Cần tăng cường tổ chức lao động, nâng cao kỷ luật sản xuất và an toàn lao động, khuyến khích cải tiến tổ chức, cải tiến kỹ thuật. Từng bước thực hiện chế độ hạch toán tiến tới hạch toán đầy đủ đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm nhằm nâng cao không ngừng sản xuất lao động và hạ giá thành sản phẩm thực hiện "nhiều, nhanh, tốt, rẻ". Đối với lãnh đạo phải tích cực thực hiện ba xây ba chống, thực hiện đầy đủ ba nguyên tắc quản lý xí nghiệp của Đảng giữ vững chế độ thủ trưởng phụ trách dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy xí nghiệp, quần chúng công nhân tham gia quản lý xí nghiệp. Trong hai năm qua kinh nghiệm thống nhất "bộ tứ" (Đảng ủy, Ban Giám đốc, Công đoàn, Thanh niên) có tác dụng lãnh đạo chặt chẽ trong công tác chính trị, tư tưởng và đẩy mạnh sản xuất cần được phát huy rộng rãi, mặt khác trong lãnh đạo phải luôn luôn đi sâu xây dựng phong trào tổ đội lao động tiên tiến, tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa để đưa phong trào tiến lên không ngừng.

Về nông nghiệp, những năm qua trong công tác lãnh đạo chúng ta rất coi trọng nông nghiệp và lấy đẩy mạnh sản xuất, củng cố hợp tác làm công tác trung tâm thường xuyên là đúng, từ nay về sau vị trí nông nghiệp càng cần được tiếp tục coi trọng. Trong nông nghiệp phải hết sức coi trọng lương thực, trong đó lương thực chính cần được xác định là lúa, ngô, khoai, sắn, đao riêng. Trong sản xuất hết sức chú ý đẩy mạnh năng suất lúa, ngô là chủ yếu nhưng hoa màu cũng đứng vị trí rất quan trọng. Cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng có một vị trí rất quan trọng, đi sâu vào từng vùng thì khả năng phát triển các mặt trên phải được hết sức chú trọng đúng mức. Hai năm qua khả năng nông nghiệp toàn diện tinh ta ngày càng thể hiện rõ ràng chúng ta cần ra sức phát huy ưu thế khả năng

toàn diện ấy làm cho nông nghiệp tinh ta góp phần xứng đáng cho cơ sở công nghiệp, ngoài việc ra sức phấn đấu tự túc lương thực (gồm cả lúa, ngô, khoai, sắn, đao riêng, nói chung là chất bột) đi hàng đầu chúng ta còn phấn đấu cung cấp nguyên liệu đầy đủ cho nhà máy đường, cho công nghiệp chế biến thực phẩm có nhiều mặt hàng về lương thực xuất khẩu hơn nữa.

Để thực hiện được nền nông nghiệp toàn diện chúng ta phải ra sức xây dựng hợp tác xã và các tổ đổi công để làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch. Đối với những hợp tác xã trình độ kém, xã viên làm ăn theo cá thể thì phải tích cực hướng dẫn họ tổ chức đổi công, tạo điều kiện để tiến lên tổ chức hợp tác xã sau này, phải hết sức chú ý tăng cường xây dựng kinh tế tập thể của hợp tác xã, đồng thời chú ý đúng mức đến kinh tế phụ gia đình. Dựa tỳ trọng kinh tế hợp tác xã ngày càng cao trên các mặt kinh doanh; tiếp tục tiến hành việc sơ bộ phân vùng sản xuất nông nghiệp thích hợp với đặc điểm tình hình của từng nơi để sản xuất những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, xuất khẩu được nhiều. Đồng thời với việc phân vùng ta xác định phương hướng sản xuất cho các dân tộc ít người vùng cao. Tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cho đồng bào định canh, định cư. Chúng ta sẽ tập trung sức lực, vốn đầu tư, kỹ thuật giải quyết vấn đề phân vùng một cách mạnh mẽ có trọng điểm và vận dụng phương châm tăng diện tích, tăng vụ thâm canh tăng năng suất vào từng vùng, từng loại cây trồng một cách linh hoạt để chuyển mạnh dần nền kinh tế độc canh, tự túc tự cấp thành một nền kinh tế có hàng hóa có kế hoạch.

Đi đôi với phân vùng phải kịp thời cụ thể hóa chính sách của Trung ương vào địa phương cũng như tích cực nghiên cứu tình hình thực tế của địa phương để đặt chính sách với Trung ương để kích thích phát triển sản xuất theo kế hoạch (như chăn nuôi, điều hòa lương thực cho vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, vùng khai thác lâm đặc sản, làm đường giao thông vận chuyển, thủy lợi một cách có trọng điểm).

Những nhiệm vụ và biện pháp kỹ thuật liên hoàn cần được súc tiến khẩn trương và mạnh mẽ hơn. Về nước cần phát huy các nguồn nước làm thủy lợi nhiều hơn nữa để thu hẹp diện hạn đến 1965 phải tưới được 2.425 ha vùng thấp, 1.709 ha vùng cao. Chú ý thủy lợi vùng cao, nơi nào có điều kiện cần thiết thì kết hợp làm thủy lợi với thủy điện để phục vụ sản xuất chế biến xay xát nông sản phẩm và phục vụ điện đèn dùng đem ánh sáng văn minh đi sâu vào các vùng dân tộc. Kết hợp với công tác thủy lợi phải sơ bộ nghiên cứu phân loại thổ nhưỡng vào việc gieo trồng ở đất đồi núi, chống xói lở bạc màu một cách có hiệu quả.

Về phân cần tận dụng nguồn phân chuồng và các nguồn phân khác ở địa phương, phát động quần chúng mạnh mẽ đưa mức phân bón từ 2.800 kg/ha lên 5.000 kg/ha bình quân 1965. Tổ chức lao động hợp lý và cải tiến công cụ, nông cụ là điều rất cấp bách, từ nay đến 1965 phải kết hợp với cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã mà đưa mức áp dụng nông cụ cải tiến vào nông nghiệp khoảng 60% diện tích canh tác ruộng trước hết là cà bừa, gặt đập, vận chuyển... giải phóng đôi vai ở những nơi có điều kiện.

Giống là vấn đề rất quan trọng, trước hết cần chọn giống tốt của những địa phương mà phát triển lên là chủ yếu việc lai tạo giống mới cần tiến hành thí điểm, nhập nội giống mới ở vùng có điều kiện tiếp thu tốt và theo cách từ ít đến nhiều có thí điểm có kinh nghiệm chắc chắn không nhập hàng loạt vào nhiều nơi một lúc.

Vấn đề kịp thời vụ nhất thiết phải được bảo đảm, cần xác định và nắm vững nông lịch từng vùng đối với từng loại cây trồng mà có kế hoạch gieo cấy kịp thời vụ. Đồng thời, bảo đảm thường xuyên chăm sóc đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh và phòng trừ từ khi còn ở trong trứng.

Cuối cùng ta cần tăng cường hơn nữa việc lãnh đạo nông nghiệp. Cần có nhiều đồng chí cấp ủy hơn nữa chuyên trách công tác nông nghiệp, kiện toàn bộ máy chuyên nghiệp nông nghiệp để

có thể đi sâu nấm vũng và phát hiện kịp thời những vấn đề mới và tồn tại cần phải giải quyết. Mặt khác, phải làm cho các ngành thấy rõ vị trí công tác công nghiệp để có kế hoạch phục vụ thích đáng cho nông nghiệp.

Toàn Đảng ta phải nắm thật vững, dựa thật chắc vào cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc mà tích cực giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp ở tỉnh ta.

- Nghề rừng, trước hết các cấp ủy các ủy ban hành chính các cấp, các ngành, các cán bộ của Đảng và Nhà nước cần thấy rõ vị trí rừng của tỉnh ta và tác dụng của rừng đối với cuộc sống của nhân dân (không phải chỉ riêng địa phương mà cả nước) không những chỉ thấy tác dụng trước mắt mà phải thấy cả tác dụng lâu dài của rừng.

Xuất phát từ đó mà giáo dục nhân dân bảo vệ rừng, có phương hướng sản xuất đối với đồng bào dân tộc ít người làm ăn còn lạc hậu, dựa vào thiên nhiên phá rừng già và có nhiều màu mỡ để sản xuất. Đối với vùng cao chủ yếu là bảo vệ trồng rừng, trồng cây công nghiệp kết hợp với làm ruộng bậc thang, chống xói lở bạc màu. Đối với vùng thấp chủ yếu là cải tạo, bảo vệ tu bổ đi đôi với khai thác trồng thêm.

Lâm nghiệp quốc doanh cần đi sâu hơn nữa nghiên cứu tổ chức việc khai thác lâm sản đi đôi với tu bổ cải tạo và trồng thêm cho những vùng có nhiều rừng. Nơi có nhiều rừng nên coi nghề rừng là một nghề chính cần phân cấp thích đáng việc bảo quản rừng, tu bổ, cải tạo và trồng rừng cho các cấp ủy ban hành chính các cấp, khoanh rừng gia dụng cho các hợp tác xã một cách cụ thể.

Ban công tác nông thôn, quốc doanh lâm nghiệp và các cơ quan hữu quan cần nghiên cứu việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở vùng có nhiều rừng nhằm bố trí lực lượng lao động ở vùng này vừa bảo đảm sản xuất lương thực theo kế hoạch, vừa phải khai thác được nghề rừng nhằm thực hiện tốt kế hoạch nhà nước và tăng thu nhập cho xã viên dưới sự chủ trì của Ban công tác nông thôn

quốc doanh lâm nghiệp cần tích cực thực hiện việc này trước hết là tự mình đi lãnh đạo thí điểm rút ra kinh nghiệm và các mặt chính sách cụ thể để tiến tới xây dựng những hợp tác xã nông lâm nghiệp ở vùng có nhiều rừng xét thấy cần thiết.

Việc tổ chức khai thác thu mua lâm đặc sản của các quốc doanh cần có quy cách rõ ràng để tránh tình trạng khai thác bừa bãi làm cho tài nguyên tái sinh không kịp để đi tới chỗ tiêu diệt. Ở các khu vực khai thác có biện pháp tận dụng cành, ngọn với một tỷ lệ cao khoảng 50, hoặc 60%.

Đối với việc giáo dục nhân dân, bảo vệ tài nguyên Tổ quốc. Chính quyền các cấp cùng ngành lâm nghiệp quốc doanh tăng cường hơn nữa việc kiểm tra về chấp hành pháp luật Nhà nước đối với việc bảo vệ rừng và kiên quyết xử lý thích đáng những hành động vi phạm pháp luật Nhà nước về rừng.

- Về chăn nuôi, chăn nuôi ở tỉnh ta có rất nhiều khả năng nhằm thêm khẩu phần thịt trong nhân dân. Đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc nói chung và giống tiểu gia súc. Theo tổng kê trong hai năm qua nói chung tăng, riêng lợn có tụt hơn các năm trước. Xu hướng chăn nuôi hiện nay chưa được đẩy mạnh. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của xu hướng đó là các biện pháp, chính sách chưa được nghiên cứu vận dụng thích hợp vào tình hình cụ thể của địa phương. Tình trạng lạm sát, chưa được giáo dục giải quyết tốt; việc chăn nuôi sinh sản và nuôi đực giống chưa có chính sách khuyến khích. Chúng ta cần đi sâu giải quyết cụ thể những tồn tại trên nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác chăn nuôi. Đến 1965 phải cung cấp nhiều hơn thực phẩm cho khu công nghiệp Trung ương và thị trấn, thị xã và tăng thêm khẩu phần thịt trong nông thôn. Hướng chăn nuôi nhằm đẩy mạnh đàn trâu, bò hợp tác xã, đồng thời khuyến khích chăn nuôi gia đình có điều kiện.

Vận động phong trào nuôi cá rộng rãi ở các hợp tác xã và gia đình. Vận dụng cụ thể chính sách chăn nuôi của Trung ương vào địa phương cho thích hợp.

- Thương nghiệp (kể cả nội ngoại thương), giao thông vận tải, tài chính đều có tác dụng phục vụ đẩy mạnh sản xuất, bình ổn thị trường, góp phần tích lũy cho nền kinh tế của ta và từng bước cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc. Chúng ta cần tiếp tục phát huy những thắng lợi trong các năm qua khắc phục những tồn tại nhằm đưa các mặt công tác tiến lên một bước mới.

Giao thông, vận tải rất quan trọng, nó gắn chặt với phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, từ nay đến 1965 chúng ta cần mở rộng các đường trực (từ tỉnh đến huyện) cho xe chạy tốt hơn. Ra sức từng bước mở rộng những đường từ thôn bản ra liền với đường trực. Mặt khác, tích cực vận động cải tiến xe vận chuyển thô sơ, đóng thêm thuyền trên sông Hồng nhằm giảm phí lưu thông thương nghiệp tiến lên giải phóng đôi vai ở những nơi có điều kiện.

Về thương nghiệp chúng ta cần tăng cường củng cố và phát triển mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã đi đôi với việc quản lý thị trường thật chặt chẽ hơn nữa, nhất là vùng biên giới nhằm ngăn chặn bọn buôn bán đầu cơ và một số người bỏ sản xuất ra buôn bán.

Tiếp tục phát huy những kinh nghiệm tốt trong việc thu mua lương thực đồng thời đẩy mạnh việc thu mua tốt các mặt hàng nông sản thành phẩm khác. Cán bộ, nhân viên thương nghiệp cần nắm vững các chính sách sản xuất, phân phối đi sâu, đi sát xuống cơ sở giáo dục quần chúng nông dân thực hiện tốt các chính sách đó. Vận dụng các chính sách vào địa phương, hoặc nghiên cứu một số chính sách đề nghị trên cho phép ban hành ở địa phương, phải nhằm kích thích sản xuất phát triển. Mặt khác, khâu phân phối phải chú ý đảm bảo đến đối tượng người tiêu thụ. Đối với từng cấp phải cố gắng đảm bảo tiêu chuẩn.

Công tác ngoại thương phải được đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển thêm nguồn thu đáp ứng việc nhập khẩu những tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thật cần thiết mà ta không có và phấn đấu dự trữ được ngoại hối cần thiết.

Về công tác tài chính cần đưa dần vào nền nếp, giữ vững chế độ và kỷ luật thu chi tài chính chặt chẽ, nghiêm khắc thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí và tôn trọng tài sản chung trong mọi ngành công tác. Phải giáo dục cho mỗi cán bộ tích cực tham gia cuộc vận động ba xây ba chống.

Song song với việc phát triển kinh tế như trên, từ nay đến 1965 các công tác giáo dục, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, y tế, thể dục thể thao... cần được tiến hành mạnh mẽ vững chắc để đáp ứng hơn nữa công cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa và kỹ thuật.

Về giáo dục chúng ta tích cực thanh toán nạn mù chữ cho 47 xã, xóa nạn mù chữ cho đảng viên, toàn thể cán bộ kể cả thanh niên lao động ở vùng thấp và 2/3 cán bộ vùng cao kể cả chữ dân tộc. Cố gắng đưa lực lượng chủ chốt được thanh toán phổ biến đến lớp 2, lớp 3 và một số ít hết cấp I.

Kết hợp nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục trường phổ thông với việc học nghề nâng cao quan điểm lao động.

Về bồi túc văn hóa cần bảo đảm đại bộ phận cán bộ trung cấp có trình độ lớp 7 toàn diện, cán bộ sơ cấp và nghiên cứu có trình độ tương đương cũng đạt tới trình độ lớp 7 về một số môn học chính toán, lý, hóa. Việc học tập của mỗi cán bộ phải theo phương châm làm gì học nấy để đi sâu phục vụ được tốt công tác của mình.

Công tác văn hóa cần được xây dựng thêm các câu lạc bộ, mở rộng tổ chức thư viện đến các hợp tác xã có điều kiện và các khu công nghiệp, tăng cường đội chiểu bóng nông thôn và đẩy mạnh sáng tác văn nghệ của đội văn công tỉnh trên cơ sở bản sắc các dân tộc mà nâng cao dần những tác phẩm mang hình thức dân tộc có nội dung xã hội chủ nghĩa.

Bưu điện và truyền thanh nhằm củng cố mở rộng mạng lưới bưu điện và truyền thanh để phục vụ tốt hơn kịp thời chỉ đạo của các cấp, phục vụ tốt cho sản xuất, cho yêu cầu củng cố quốc phòng và phát triển văn hóa.

Khoa học, kỹ thuật là một công tác không thể thiếu được trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề này đặt ra địa phương ta ở mức độ nào và nhằm giải quyết vấn đề gì cần được xác định rõ.

Từ nay đến 1965 chúng ta cần phổ biến rộng rãi những kiến thức khoa học đã được đúc kết trên để phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác ở địa phương. Mặt khác, phải thực tiễn trên các lĩnh vực hoạt động của từng ngành, mà rút ra kinh nghiệm.

Từng ngành phải vận dụng vấn đề khoa học vào lĩnh vực công tác của mình nhằm giảm được thời gian và cường độ lao động, đưa năng suất lên cao trong sản xuất như việc kết luận nông cụ cải tiến, làm xe thô sơ, giữ độ ẩm, chọn giống, v.v. là những vấn đề thiết thân nhất đối với địa phương ta trong công tác khoa học.

Y tế, thể dục, thể thao là hai mặt của việc bảo vệ sức khỏe con người. Chúng ta cần đẩy mạnh việc phòng bệnh rộng rãi, đi đôi với tích cực chữa những bệnh tương đối phổ biến ở tỉnh ta như sốt rét, kiết lỵ... đẩy mạnh phong trào rèn luyện thân thể và vệ sinh phòng bệnh trong cán bộ, nhân dân một cách liên tục.

Tỉnh ta có nhiều khả năng được liệu cần được phát huy để phục vụ sức khỏe nhân dân thay thế một phần cho tây y. Đặc biệt, phải củng cố Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ.

Vấn đề xây dựng củng cố chính quyền, lực lượng vũ trang và các tổ chức quần chúng của Đảng:

Chính quyền là công cụ chủ yếu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta, cải tạo xã hội chủ nghĩa và con người cũ xây dựng xã hội mới, có nhiệm vụ đưa miền núi kịp miền xuôi, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Chính quyền ta đã thực hiện nhiệm vụ chuyên chính vô sản nằm trong hệ thống chuyên chính vô sản, còn có các tổ chức quần chúng. Hai năm qua chính quyền và các tổ chức quần chúng tỉnh ta

cần tiếp tục củng cố chính quyền và các tổ chức quần chúng tinh ta hơn nữa để đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch 5 năm, nâng cao cảnh giác sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của địch giữ vững trật tự an ninh cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Chúng ta cần nâng cao năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế cho cán bộ chính quyền các cấp đi đôi với bồi dưỡng về chính trị và văn hóa cho họ. Giác ngộ ý thức làm chủ của nhân dân các dân tộc và nâng cao ý thức nghĩa vụ của người công dân đối với công cuộc công nghiệp hóa miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đối với củng cố quốc phòng và trị an xã hội chúng ta hết sức coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, giáo dục ý thức cảnh giác, ý thức quốc phòng trong nhân dân, cần tăng cường huấn luyện lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị, nâng cao tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu tiến hành sâu rộng, việc động viên thời chiến, thực tập phòng, chống biệt kích...

Đi đôi với việc xây dựng lực lượng quốc phòng cần tiếp tục kiên quyết tiến hành trấn áp phản cách mạng, khẩn trương và kiên quyết trừng trị bọn phản cách mạng, tương đối bộc lộ và bộc lộ. Đi sâu nắm chắc bọn nằm lỳ, hoàn thành tốt công tác cải tạo những phần tử nguy hiểm ở địa phương và đưa việc cải tạo bọn tề ngụy, phỉ cũ chưa chịu cải tạo đi vào thường xuyên bảo đảm an toàn cho địa phương.

Đối với các tổ chức quần chúng, ta lấy việc củng cố đi đôi với phát triển. Tăng cường giáo dục nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc, tinh thần cách mạng xã hội chủ nghĩa hăng hái, tích cực chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, chú ý đến việc phát triển thanh niên, giáo dục tốt lực lượng đặc lực ấy của Đảng làm cho họ có lập trường quan điểm, vững vàng xứng đáng là chỗ dựa của Đảng và nòng cốt của mọi phong trào.

Công tác xây dựng Đảng:

Đảng là điều kiện cơ bản quyết định mọi thắng lợi của nhân dân ta. Mấy năm gần đây số đảng viên của Đảng ta tuy phát triển

chưa mạnh nhưng ở nơi nào, chỗ nào, ngày nào có đảng viên khá thì đẩy mạnh được phong trào tiến lên.

Đảng bộ ta là một Đảng bộ vùng nhiều dân tộc ít người, trình độ đảng viên không đều, thậm chí có mặt còn chênh lệch quá xa như văn hóa, khoa học - kỹ thuật, số đông đảng viên thuộc Đảng bộ được phát triển trong thời gian gần đây nhưng Đảng bộ ta vẫn vững bước tiến lên dưới lá cờ của Đảng, cố gắng thực hiện những nhiệm vụ của Đảng đề ra. Trước tình hình phát triển của giai đoạn mới nhiều khó khăn có lúc tưởng chừng như không vượt được, nhất là về tư tưởng chuyển biến cũng không kịp với tình hình thực tế. Tính chất mới mẻ và trình độ hiện nay là nhược điểm của Đảng bộ ta. Nhược điểm đó làm cho đảng viên ta nhận thức tình hình không xuất phát từ lập trường của giai cấp công nhân, nên đôi lúc trước thắng lợi thì chủ quan thỏa mãn gấp khó khăn kém phấn khởi thậm chí bi quan thiếu tin tưởng.

Cho nên vấn đề xây dựng Đảng trong thời gian tới phải nhằm củng cố hơn nữa lập trường giai cấp vô sản và nâng cao trình độ lý luận Mác - Lê nin trong cán bộ, đảng viên.

Trên cơ sở củng cố lập trường và nâng cao trình độ lý luận cho đảng viên cũ cần tích cực phát triển đảng viên mới hơn nữa ở những nơi cần thiết và chú ý đúng mức đến đối tượng trẻ, khoa học kỹ thuật.

Đến năm 1965 các xã đều có chi bộ độc lập, các đơn vị sản xuất và hành chính hiện đã có đảng viên đều tiến tới có chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở. Các đơn vị chưa có đảng viên phải tiến tới có tổ đảng.

Về công tác tư tưởng đối với đảng viên trong giai đoạn hiện nay vẫn nhằm bồi dưỡng tư tưởng vô sản trên cơ sở giáo dục một cách có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê nin chống ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, chống tư tưởng tiểu tư sản, tiếp tục xóa bỏ tàn tích của tư tưởng phong kiến và tư tưởng không vô sản khác như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra.

Nhưng trước mắt của Đảng bộ ta là: Phải ra sức phát huy những đức tính và bản chất tốt đẹp của toàn Đảng bộ là chịu đựng gian khổ, đoàn kết nhất trí, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của Đảng, trên cơ sở đó mà ra sức khắc phục những tư tưởng bảo thủ, hẹp hòi, tản漫, thiếu ý thức tổ chức và kỷ luật mặt khác tiếp tục chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ty, v.v. còn biểu hiện một cách phổ biến với mức độ khác nhau ở từng địa phương và từng đồng chí.

Đi đôi với công tác tư tưởng cần đầy mạnh phê bình và tự phê bình, có đấu tranh chống các tư tưởng và khuynh hướng sai lầm khác trong Đảng, tăng cường tính chất giai cấp và tính chất tiền phong của Đảng.

Tăng cường tính tổ chức và kỷ luật của đảng viên làm cho đảng viên tự giác phục tùng tổ chức đảng, kiên quyết chấp hành mọi nghị quyết và chỉ thị của Đảng, kiên quyết bảo vệ sự thống nhất của Đảng như bảo vệ con ngươi của mắt mình.

Song song với việc tăng cường bồi dưỡng tư tưởng cần phải ra sức cải tiến lề lối làm việc. Vài năm qua Đảng bộ ta bước vào lãnh đạo nhân dân các dân tộc tỉnh ta chuyển từ lối làm ăn cá thể, phân tán, tiến lên làm ăn theo tập thể hợp tác xã với quy mô lớn hơn trước. Đó là một sự thay đổi lớn lao trong đời sống của nhân dân ta. Sự chuyển biến ấy đang đòi hỏi Đảng ta có phương hướng cải tiến công tác lãnh đạo của mình làm cho sự lãnh đạo của Đảng ngày càng có hiệu lực nhiều hơn, bảo đảm cho đầy đủ. Chúng ta phải tổ chức công tác lãnh đạo của Đảng theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Thực hiện đúng chế độ lãnh đạo tập thể cá nhân phụ trách, giữ vững nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, phát huy dân chủ, mở rộng phê bình và tự phê bình, định rõ các chế độ công tác, chế độ kiểm tra, chế độ báo cáo và xin chỉ thị, chế độ trách nhiệm, v.v..

Chúng ta hãy ra sức khắc phục khuynh hướng phân tán trong công tác lãnh đạo, đồng thời phải kiên quyết chống khuynh hướng tập trung quan liêu. Các cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo các ngành cần bố trí thời gian đi sâu vào công tác thực tế, nắm vững nhiệm vụ trung tâm đồng thời giữ vững sự lãnh đạo toàn diện.

Mặt khác, phải tăng cường chất lượng các cơ quan giúp việc cấp ủy làm cho tổ chức gọn nhẹ, đắc lực giải quyết nhanh, vững vàng, rút bớt các bộ phận trung gian cồng kềnh.

Đi đôi với cải tiến lãnh đạo trong nội bộ Đảng chúng ta phải tăng cường hơn nữa sự liên hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân lao động tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu mệnh lệnh, giấy tờ xa rời quần chúng.

Vấn đề cán bộ là vấn đề rất quan trọng công tác tổ chức của Đảng, bởi vì cán bộ là người có nhiệm vụ đem đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng tuyên truyền giáo dục quần chúng và tổ chức quần chúng thực hiện, để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay Đảng bộ ta phải ra sức khắc phục những khuyết điểm thiếu sót mà làm tốt công tác cán bộ. Phải ra sức nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác của cán bộ đi đôi với quy định chức trách rõ ràng, phải có chương trình bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ, trước mắt và lâu dài, nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ cân đối với những nhiệm vụ cách mạng, biểu hiện cụ thể ở tỉnh ta như nông nghiệp, nghề rừng, công nghiệp, văn xã... làm cho hàng ngũ cán bộ không ngừng được nâng cao về trình độ chính trị, chuyên môn, văn hóa, kỹ thuật, tiến tới có trình độ chuyên viên "Chuyên sâu, hồng thắm" phục vụ đắc lực hơn cho nhiệm vụ cách mạng.

Ở tỉnh ta cần đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ địa phương kiên trì giáo dục cho anh em về trình độ chính trị, văn hóa, nghiệp vụ đi đôi với quan tâm giải quyết cụ thể những vấn đề khó khăn về gia đình cho anh em.

Việc lựa chọn cán bộ phải chú ý bồi dưỡng để bạt những người ưu tú xuất thân từ công nhân và nông dân, đồng thời cũng chú trọng hàng ngũ những người ưu tú xuất thân từ trí thức có liên hệ chặt chẽ với công nông, một lòng một dạ phục vụ công nông.

Chúng ta cần chú ý hơn nữa đến cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ phụ nữ.

Mặt khác, phải quan tâm và chấp hành đầy đủ chính sách đối với những cán bộ già yếu.

Ở tỉnh ta cần đi sâu nghiên cứu góp ý kiến với cấp trên nhằm xây dựng chính sách cụ thể đối với cán bộ ở xuôi lên công tác miền núi trên nhiều mặt.

Đi đôi với công tác cán bộ, chúng ta phải hết sức chăm lo tăng cường tổ chức cơ sở của Đảng, trong đó điểm mấu chốt là phải xây dựng được chi bộ bốn tốt làm hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở khắp các lĩnh vực hoạt động. Ra sức huấn luyện và giáo dục cho chi bộ không những chỉ biết lãnh đạo quần chúng làm công tác chính trị mà còn làm tốt kỹ thuật; không những chỉ lãnh đạo quần chúng xóa bỏ quan hệ sản xuất để củng cố và phát triển quan hệ sản xuất mới, xây dựng đời sống mới.

Trong công tác hằng ngày, chi bộ cần phải dựa vào chi đoàn thanh niên lao động, sử dụng lực lượng chi đoàn động viên tổ chức quần chúng thanh niên xung phong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và những công tác do chi bộ đề ra, đồng thời phải giáo dục và rèn luyện cho thanh niên trở thành cánh tay đắc lực của Đảng và xứng đáng là những lực lượng mới cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí!

Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ chúng ta họp vào lúc tình hình quốc tế đang biến chuyển có lợi cho phe xã hội chủ nghĩa và cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc dân chủ ở

châu Á, châu Phi và Mỹ - Latinh ngày càng cao. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chống bọn tư bản lũng đoạn, đòi cải thiện đời sống ngày càng phát triển. Phong trào nhân dân, thế giới chống chính sách xâm lược và gây chiến của chủ nghĩa đế quốc để bảo vệ hòa bình ngày càng sâu rộng. Cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản ngày càng trầm trọng.

- Ở miền Bắc nước ta 5 năm qua, kể từ khi nhân dân ta hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế, công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã ghi những biến đổi cách mạng sâu sắc và những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội.

- Ở miền Nam, phong trào yêu nước đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm của đồng bào miền Nam không ngừng lớn mạnh và ngày càng thu được nhiều thắng lợi. Kế hoạch Xtalây - Taylo của đế quốc Mỹ nhằm lập ấp chiến lược để tập trung nhân dân và tăng cường hoạt động quân sự hòng tiêu diệt lực lượng yêu nước của đồng bào miền Nam đến nay đã phá sản. Ảnh hưởng và uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ngày càng lan rộng và ăn sâu trong mọi tầng lớp nhân dân và có tiếng vang trên khắp thế giới.

Ở Lào Cai ta nhiệt liệt chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng nhân dân các dân tộc trong tỉnh ta đã ra sức phát huy những thắng lợi to lớn về mọi mặt của hai năm qua, tiếp tục phấn đấu không mệt mỏi từ đầu năm để lấy thành tích chào mừng Đại hội. Đến nay đối chiếu với nhiệm vụ đông - xuân của Trung ương giao cho ta thì diện tích chiếm bằng 105% kế hoạch, ngô bằng 107% kế hoạch... cây công nghiệp phát triển mạnh hơn nhiều so với các năm trước, chăn nuôi không sút, có huyện số trâu, bò, ngựa, lợn đều tăng. Nói chung sản xuất nông nghiệp tiến bộ và thực hiện được toàn diện hơn các năm trước. Sản xuất thủ công nghiệp

và công nghiệp địa phương cũng phát triển nhanh và ngày càng đi đúng đường hướng phục vụ nông nghiệp và cải thiện đời sống nhân dân địa phương. Các mặt văn hóa, giáo dục, y tế, kiến trúc, giao thông vận tải, v.v. cũng như công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng vũ trang, công tác bảo vệ trị an đều có nhiều tiến bộ.

Chúng ta nhiệt liệt biểu dương tinh thần phấn đấu anh dũng vượt khó khăn và hăng hái trên mặt trận sản xuất của nhân dân các dân tộc tỉnh nhà.

Thưa các đồng chí!

Bên cạnh những thắng lợi to lớn cần cùn được phát huy, hiện nay chúng ta đang còn nhiều khó khăn do lịch sử để lại, đặc điểm địa lý miền núi nhiều vùng cao, nhiều dân tộc có những khó khăn của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện tại mà chúng ta đang phải cố gắng vượt qua.

Mặc dù khó khăn còn nhiều và đòi hỏi phải có thời gian tương đối dài mới khắc phục được những khó khăn trên chỉ là khó khăn tạm thời. Công cuộc cách mạng của chúng ta đang không ngừng phát triển. Cán bộ, công nhân, bộ đội và nhân dân các dân tộc tỉnh ta đang vững bước tiến lên.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và của Bác Hồ, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và ánh sáng các Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 7, Nghị quyết Trung ương 8, Nghị quyết phát triển nông nghiệp miền núi và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương; với tinh thần chịu đựng gian khổ, cần cù lao động, phấn đấu hy sinh của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, với quyết tâm phấn đấu vươn lên hàng đầu nhất định chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1963 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhất định chúng ta sẽ đưa Lào Cai tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa

xã hội góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà.

Chủ nghĩa Mác - Lênin muôn năm!

Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

Hồ Chủ tịch muôn năm!

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
HỌP BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
KHÓA IV (KỲ II)**

Số 04-NQ/TU, ngày 15-10-1963

Ban Chấp hành tỉnh Lào Cai đã họp từ ngày 16 đến 20-9-1963 để học tập Nghị quyết Trung ương lần thứ tám và quyết định một số nhiệm vụ chung của toàn Đảng bộ vào cuối năm 1963 và đầu năm 1964.

I. HỌC TẬP NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ TÁM

Ban Chấp hành tỉnh hoàn toàn nhất trí với Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương. Qua học tập có liên hệ kiểm điểm đã nâng cao trình độ nhận thức của Ban Chấp hành lên một bước, thấy được sâu sắc thêm những đặc điểm, thuận lợi, khó khăn tiến lên chủ nghĩa xã hội của nước ta không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong học tập Tỉnh ủy đã kiểm điểm liên hệ đối chiếu với Nghị quyết IV của Đại hội tỉnh Lào Cai và các biện pháp thực hiện từ đầu năm đến nay. Ban Chấp hành nhận định rằng về đường hướng nhiệm vụ chung của Đại hội IV vạch ra hoàn toàn phù hợp với tinh thần Nghị quyết 8, nhưng về tổ chức thực hiện, biện pháp thực hiện và tốc độ tiến hành chưa thật tập trung, có những chỉ tiêu có khả năng đưa lên nhưng chưa nắm được thực tiễn nên chưa thật quyết tâm, nhất là mặt lãnh đạo xây dựng cơ sở

vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội đối với nông nghiệp có một số vấn đề làm chưa健全 như sân phơi, nhà kho, nông cụ vận chuyển, khâu cải tiến kỹ thuật, chống xói mòn thâm canh tăng năng suất chưa thực sự được coi trọng. Các ngành chuyên môn ở tỉnh và ở huyện chưa thật tập trung phục vụ sản xuất nông nghiệp, chưa có biện pháp rõ ràng.

Về kế hoạch 1964 Ban Chấp hành thấy rằng toàn Đảng bộ phải nỗ lực lãnh đạo nhân dân các dân tộc ra sức thực hiện nhiệm vụ chung mà Nghị quyết Đại hội IV của tỉnh đề ra là "Dựa trên quan hệ sản xuất mới đã được xác lập, không ngừng nâng cao truyền thống đoàn kết đấu tranh, tinh thần đồng cam cộng khổ, lao động cần cù và anh dũng của nhân dân các dân tộc thiểu số, đa số ở tỉnh ta, nhằm phát huy những thắng lợi đã giành được khắc phục mọi khó khăn gian khổ, tập trung sức lực từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân một cách có trọng điểm, trước hết là công nghiệp chế biến (nông, lâm, thực phẩm), nông nghiệp, nghề rừng và giao thông vận tải".

Lào Cai cần phải cố gắng vươn lên để bảo đảm thực hiện tốt các chỉ tiêu của Trung ương và của tỉnh, đặc biệt hai vấn đề sản xuất lương thực và hàng xuất khẩu để không ngừng nâng cao đời sống quần chúng, củng cố quan hệ kinh tế tập thể, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu mua của Nhà nước đã giao.

Điều cơ bản để thực hiện tốt vấn đề này là phải phát động được toàn dân tham gia bàn bạc thực hiện kế hoạch, phải có sự chuyển biến mạnh mẽ khác thường, nỗ lực tìm tòi, khai thác các khả năng tiềm tàng có những mặt phải nhảy vọt về cơ sở vật chất - kỹ thuật và cây công nghiệp. Phải tập trung vốn đầu tư cho sản xuất từ 70 đến 75% cho xây dựng cơ bản, xây dựng kinh tế nhằm sản xuất ra nhiều của cải cho xã hội, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nông nghiệp từ tỉnh đến xã đặc biệt là khâu thâm canh, tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật canh tác, vận chuyển, gặt đập, giống, v.v. làm cho kế hoạch nhà nước 1964 thắng lợi toàn diện mạnh mẽ

vững chắc tạo cơ sở đầy đủ cho 1965 tự túc lương thực trong địa phương và có nhiều hàng hóa nông lâm đặc sản cung cấp cho Trung ương.

Số kiểm tra kế hoạch 1964 tỉnh giao cho đại biểu các huyện, thị trong Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy mở rộng kỳ này mới là số gợi ý để các địa phương chuẩn bị xây dựng, chưa phải là số chính thức mà chỉ chính thức là sau khi các địa phương đã tổ chức học tập tốt Nghị quyết 8 của Trung ương, Nghị quyết IV của Đại hội tỉnh. Các cơ sở sẽ căn cứ vào yêu cầu và khả năng tiềm tàng, tính toán xây dựng các chỉ tiêu tương đối chính xác được tỉnh chuẩn y mới là chính thức.

Điều chú ý: Chỉ tiêu kế hoạch năm 1964 chia ra làm hai loại:

1. Chỉ tiêu có tính chất pháp lệnh phải thực hiện bằng được là chỉ tiêu về tổng sản lượng.
2. Chỉ tiêu có tính chất hướng dẫn như các chỉ tiêu diện tích, năng suất, v.v..

Trách nhiệm hoàn thành kế hoạch chính là các cấp ủy và chính quyền huyện, thị, các ngành ở tỉnh phải chịu trách nhiệm chủ yếu về hoàn thành kế hoạch ngành mình trước Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh.

II. CÔNG TÁC MỞ CUỘC VẬN ĐỘNG CẢI TIẾN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Chấp hành nghị quyết về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp của Trung ương. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh. Sau khi tiến hành kiểm tra thí điểm các hợp tác xã thuộc xã Quang Kim (Bát Xát). Ban Chấp hành tỉnh nhất trí chủ trương mở cuộc vận động thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo đúng tinh thần nghị quyết của Trung ương.

Lào Cai có nhiều vùng khác nhau, quy mô, hình thức, trình độ các hợp tác xã cũng chênh lệch khác nhau, điều kiện cán bộ có hạn, về lãnh đạo tuy đã có một số kinh nghiệm nhất định trong công tác xây dựng hợp tác xã nhưng về mặt cải tiến quản lý hợp tác xã có nhiều vấn đề mới bản thân chưa có kinh nghiệm chỉ mới xem sách vở được một số kinh nghiệm ở đồng bằng.

Để đảm bảo mục đích yêu cầu của cuộc vận động, đảm bảo làm tốt công tác quản lý hợp tác xã ở vùng dân tộc. Ban Chấp hành tỉnh quyết định theo phương châm vững chắc thì không nên làm tràn lan một lúc tất cả các vùng mà sẽ tiến hành làm vùng thấp trước, vùng cao sau trong khi làm vùng thấp phải chuẩn bị điều kiện cho vùng cao.

Muốn đảm bảo sự lãnh đạo vững chắc về cải tiến quản lý hợp tác xã, Ban Chấp hành quyết định trước hết phải làm công tác thí điểm tốt, sau mới mở rộng diện từng đợt theo khả năng và điều kiện cụ thể. Nhưng với tinh thần cố gắng nhất, từ nay đến hết 1965 thì làm xong công tác phát động toàn tỉnh. Trong khi làm công tác cải tiến quản lý hợp tác xã ở một số nơi, thì ở các nơi khác vẫn phải song song tiến hành củng cố và phát triển thường xuyên các hợp tác xã, các hình thức đổi công để không những tạo điều kiện tốt cho công tác quản lý hợp tác xã sau này mà còn để đẩy mạnh sản xuất hoàn thành kế hoạch, bảo đảm chấp hành mọi chính sách khác của Đảng và Chính phủ.

Phương hướng sản xuất chủ yếu của các hợp tác xã này là sản xuất lương thực (chính là cây lúa) nhưng phải coi trọng việc phát triển hoa màu, cây cổ bột, ra sức phát triển cây công nghiệp (cân đối cả cây công nghiệp ngắn ngày và cây công nghiệp dài ngày), đẩy mạnh chăn nuôi, phát triển nghề rừng, lợi dụng các đất đồi bãi hoang để phát triển sản xuất, chú ý phát triển nghề phụ khác đã có tập quán của quần chúng. Phương châm sản xuất lấy thâm canh tăng năng suất là chủ yếu, chú ý tăng vụ những nơi còn khả năng, có điều kiện; đồng thời mở rộng thêm diện tích canh tác bằng khai hoang từng bước có kế hoạch.

Các biện pháp kỹ thuật đều phải được đẩy mạnh, công tác phát động quần chúng thực hiện các biện pháp liên hoàn, nhưng cần hết sức coi trọng công tác thủy lợi, phân bón, phòng trừ sâu bệnh, chọn và nhân giống tốt hợp với địa phương và tránh được lao động khẩn trương dồn dập khi thu hoạch chiêm chen với gieo trồng vụ mùa, khâu sân phơi, kho, cải tiến công cụ gặt, đập, vận chuyển phải tích cực tiến hành.

Thời gian thí điểm tiến hành khoảng trên dưới 2 tháng, trong khi làm phải có sơ kết, sau khi làm có tổng kết. Sự tổ chức chỉ đạo được giao cho Ban Nông nghiệp hoàn toàn trách nhiệm trước cấp ủy từ khi thí điểm cho đến khi tổng kết cuộc vận động.

Về lãnh đạo phương hướng, nội dung và biện pháp trong cuộc vận động Ban Chấp hành tỉnh ủy quyền cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo mọi mặt dựa vào chỉ thị, nghị quyết của Trung ương mà quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn của Ban Chấp hành (trong khi chưa họp được) sau khi quyết định phải có thông báo cho từng cấp ủy viên. Trong lãnh đạo phải coi trọng chỉ đạo thí điểm đầu tiên phải làm tốt, nhanh gọn rút kinh nghiệm khi mở rộng diện vẫn phải tiếp tục theo dõi, giúp đỡ trọng điểm để kết hợp giữa thí điểm, trọng điểm với diện một cách linh hoạt sát với từng vùng trong từng thời gian, tránh rập khuôn, máy móc.

Trước khi làm vùng cao nhất định phải tiến hành thí điểm và phải chuẩn bị từng đợt từng bước một cách chủ động.

III. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 51 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM, TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI CHÍNH, CAI TIẾN KỸ THUẬT, CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, QUAN LIÊU

Ban Chấp hành tỉnh xác định từ nay đến 1965 có ba cuộc vận động cách mạng lớn là cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã

nông nghiệp, cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô lăng phí, quan liêu" và cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi, là những yếu tố quan trọng để đẩy mạnh nền kinh tế nước ta phát triển toàn diện mạnh mẽ, vững chắc và cân đối. Đối chiếu với tình hình tỉnh ta lại càng thấu hiểu sâu sắc đối với ba cuộc vận động này và coi ba cuộc vận động này là đường lối cơ bản phát triển kinh tế nhà nước trong đó có tỉnh ta. Vậy toàn thể Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta phải ra sức thực hiện với tinh thần tích cực vươn lên.

Để đảm bảo thực hiện tốt cuộc vận động ba xây ba chống cần tổng kết tốt công tác thí điểm ở Mỏ apatít và Ty Công nghiệp địa phương trước khi mở rộng diện.

Căn cứ vào tình hình địa phương và khả năng cán bộ có hạn. Ban Chấp hành tỉnh quyết định mở một cuộc vận động ba xây ba chống vào đầu năm 1964 gồm các Ty Kiến trúc, Thương nghiệp, Văn phòng Ủy ban tỉnh, Ủy ban Kế hoạch, Chi cục Thống kê, Ty Tài chính, Chi hàng kiến thiết, Chi nhánh ngân hàng, Ty Lao động. Riêng Ty Thương nghiệp chủ yếu giải quyết trước ở các cơ quan ty và các cửa hàng xung quanh hai thị xã (Lào Cai và Cam Đường). Đợt 2 các cơ quan huyện, thị và các đơn vị xung quanh huyện, thị (kể cả những đơn vị thuộc tỉnh quản lý chưa tiến hành đợt 1 và 2).

Riêng xí nghiệp Trung ương đóng tại địa phương sẽ theo chương trình tiến hành của các bộ quy định.

Để lãnh đạo chung phong trào toàn tỉnh trong cuộc vận động, các đảng viên, chi ủy cơ sở sẽ trực tiếp đứng ra lãnh đạo sát sao từng bước, theo đúng với tinh thần Nghị quyết 51 của Bộ Chính trị. Ban Chấp hành phân công đồng chí Dương Trung, Phó Bí thư kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh phụ trách cuộc vận động, đồng chí Việt Tiến, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy chuyên trách cùng với một số đồng chí Tỉnh ủy viên khác chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành.

Thành phần Ban chỉ đạo cuộc vận động ba xây ba chống của tỉnh gồm:

- Đồng chí Dương Trung, Phó Bí thư kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh làm Trưởng ban.

- Đồng chí Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Phó Ban chuyên trách.

- Đồng chí Hồ Vàng Páo, Tỉnh ủy viên (phụ trách Khối Công nghiệp bên ủy ban), Phó Ban.

- Đồng chí Nguyễn Trí Nghị, Tỉnh ủy viên (thư ký Công đoàn, Phó Ban).

Ngoài ra, Ban Chấp hành giao cho Ban Thường vụ được quyết định một số đồng chí lãnh đạo ở một số ngành chuyên môn khác tham gia Ban chỉ đạo cuộc vận động và một số cán bộ giúp việc với điều kiện công tác và khả năng cán bộ cho phép.

Ban Chấp hành tỉnh giao lại cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định mục đích, yêu cầu kế hoạch, thời gian, từng đợt đối với từng ngành (trong đó kể cả kế hoạch điều động cán bộ).

Ở các cơ sở khi tiến hành cuộc vận động thủ trưởng đơn vị phải phụ trách, đảng ủy lãnh đạo, công đoàn và đoàn thanh niên lao động chịu trách nhiệm tổ chức và động viên cán bộ, đoàn viên, công nhân viên chức tích cực tham gia cuộc vận động.

Sau khi cuộc vận động kết thúc mỗi đơn vị phải có kế hoạch phát huy thắng lợi của cuộc vận động. Phải có kế hoạch chế độ thường kỳ 3 hoặc 6 tháng kiểm điểm một lần thực hiện kế hoạch và những kế hoạch, biện pháp sửa chữa do cuộc vận động đề ra. Một năm sẽ kiểm tra toàn diện công tác ở những đơn vị đã mở cuộc vận động.

IV. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO 1963 VÀ 1964

Ban Chấp hành tỉnh đánh giá công tác tư tưởng của Đảng bộ ta trong thời gian vừa qua đã có nhiều cố gắng: Giáo dục liên tục

về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Trung ương lần thứ 8, Nghị quyết nông nghiệp miền núi của Trung ương, giáo dục đảng viên 1962-1963, v.v. cho cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân lao động trong tỉnh. Kết quả giáo dục đã nâng cao một bước về ý thức lập trường giai cấp, về giác ngộ xã hội chủ nghĩa, về ý thức đấu tranh thống nhất và tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản. Trình độ lãnh đạo nói chung của Đảng bộ đã trưởng thành thêm một bước, tác phong cũng sâu sắc hơn. Những tiến bộ trên nó đã góp phần tích cực vào việc hoàn thành kế hoạch nhà nước, nhiều chỉ tiêu Trung ương giao đã được quần chúng phấn khởi thực hiện vượt mức.

Bên cạnh những ưu điểm thành tích trên, công tác tư tưởng cũng còn nhiều thiếu sót, chưa phản ánh được hết thực tiễn, tính chiến đấu chưa cao, nhiều lúc nhiều nơi chưa chủ động, những thành tích còn nói được ít, những truyền thống tốt của các dân tộc chưa được phát huy, chưa đi mạnh vào quản lý kinh tế và cải tiến kỹ thuật, v.v..

Xuất phát từ nhiệm vụ chung của cả nước, dựa vào Nghị quyết 5, Nghị quyết 7, Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh, đổi chiếu với tình hình tư tưởng của Đảng bộ ta. Ban Chấp hành quyết định một số nhiệm vụ công tác tư tưởng 1963 và 1964:

1. Tổ chức học tập tuyên truyền rộng rãi trong Đảng và ngoài Đảng Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 là văn kiện thể hiện tập trung và cụ thể hóa nội dung của Đại hội III và đánh giá toàn diện đầy đủ thắng lợi khó khăn trong việc lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa của miền Bắc nước ta, nó hướng dẫn toàn bộ công tác của chúng ta trong một thời gian dài. Cho nên cần làm cho các cấp ủy quán triệt và chuyển biến rõ nét về tư tưởng và biến thành hành động mạnh mẽ.

Tinh thần nghị quyết này cần phải được giáo dục sâu rộng trong đảng viên, đoàn viên, cán bộ, công nhân viên, quần chúng

nhân dân, nhằm biến thành hành động cách mạng, phát huy đến cao độ tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng đất nước, biến thành những chỉ tiêu thiết thực, đưa phong trào tinh ta lên một bước mới. Trong quá trình học tập giáo dục tuyên truyền Nghị quyết 8 phải kết hợp tuyên truyền giáo dục Nghị quyết Đại hội IV của tỉnh.

2. Phải đặt nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục sâu rộng việc thực hiện kế hoạch nhà nước 1963 và 1964 nhằm thúc đẩy việc hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước vì kế hoạch nhà nước là cương lĩnh thứ hai của Đảng, toàn Đảng toàn dân phải được giáo dục để ra sức thực hiện.

Các lực lượng tuyên giáo phải ra sức phục vụ tốt cho việc thực hiện kế hoạch. Trên thực tế, thực hiện kế hoạch nhà nước là làm các nhiệm vụ cụ thể của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa tại tỉnh nhà. Cho nên cần phải thông qua việc tuyên truyền thực hiện kế hoạch nhà nước để tuyên truyền sâu hơn nữa đường lối, phương châm công nghiệp hóa để thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch nhà nước.

3. Công tác tuyên giáo phải phục vụ tốt ba cuộc vận động lớn. Trong khi phục vụ các nơi đang tiến hành cuộc vận động, vẫn phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền ở nơi chưa tiến hành cuộc vận động để tạo điều kiện tốt cho cuộc vận động không chờ đợi cuộc vận động đến mới làm, nơi có đồng bào lên phát triển kinh tế ở Lào Cai phải giáo dục rộng rãi chính sách dân tộc và chính sách khai hoang đã ban hành.

4. Coi trọng việc lãnh đạo học tập tại chức, coi đó là hình thức chủ yếu về các mặt lý luận, văn hóa, nghiệp vụ. Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tại chức ở tỉnh, tích cực tiến hành ở các huyện và các công trường, xí nghiệp xa tỉnh. Các cấp ủy kể cả chi ủy phải lãnh đạo chặt chẽ việc học tập tại chức, tích cực tham gia giảng dạy, đôn đốc, kiểm tra thực hiện tốt đợt giáo dục lý luận cơ

bản của đảng viên nông thôn 1963-1964. Các cấp ủy cần nắm vững nội dung chương trình, bồi dưỡng giảng viên, kiểm tra đôn đốc và tham gia giảng dạy.

5. Phải lãnh đạo đợt giáo dục đảng viên để sau đợt giáo dục đảng viên các chi bộ có một chuyển biến mạnh mẽ, xây dựng được một số chi bộ bốn tốt, sinh hoạt chi bộ thường kỳ có chất lượng cao, đi sâu lãnh đạo sản xuất đẩy mạnh công tác phê bình, tự phê bình trong nội bộ Đảng.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về nhiệm vụ cách mạng miền Nam và đấu tranh thống nhất nước nhà, phải giáo dục để cán bộ, nhân dân thấy rõ hơn nữa đường lối cách mạng miền Nam làm cho mọi người có nhận thức sâu sắc về hai mặt thành tích và khó khăn của miền Nam, thấy rõ hình thái đấu tranh cách mạng của cả nước đang ở trạng thái nửa nước hòa bình và nửa nước chiến tranh do đó mà nâng cao căm thù Mỹ - Diệm, học tập tinh thần đấu tranh gian khổ, tự lực cánh sinh, ra sức ủng hộ miền Nam tùy theo từng cương vị mỗi người nhất là vấn đề cống cố quốc phòng, bảo vệ trị an, phòng, chống biệt kích, đẩy mạnh sản xuất.

7. Tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân những quan điểm của Đảng ta về các vấn đề quốc tế và thái độ của Đảng ta đối với vấn đề đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, thực hiện sự nhất trí vững chắc trong và ngoài Đảng về các vấn đề ấy, nâng cao ý thức đoàn kết quốc tế, chống tư tưởng bi quan, ý lại, những thái độ sai nóng nẩy, đả kích bừa bãi, thái độ tự do tản漫, vô kỷ luật phát ngôn những tin đồn không chính xác hại đến tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tuyên giáo và kiện toàn tổ chức bộ máy tuyên giáo. Các cấp ủy từng thời gian nhất định nghe báo cáo về tình hình tư tưởng cán bộ, nhân

dân, bàn và quyết định phương hướng nhiệm vụ công tác tuyên giáo địa phương. Các thủ trưởng các ngành cần thấy rõ nhiệm vụ của mình đối với công tác tuyên truyền giáo dục làm cho mọi người hiểu và tự nguyện thực hiện các chủ trương, chính sách của ngành đồng thời phải biết sử dụng bộ máy tuyên giáo cần hiểu rõ nhiệm vụ Ban Tuyên giáo và phân biệt được nhiệm vụ các bộ môn trong mặt trận tuyên giáo để kiểm tra và bổ khuyết.

Thành lập Ban Tuyên giáo các cấp chú ý củng cố nhất là cấp huyện và cơ sở, Ban Tuyên giáo phải thực hiện việc phối hợp chỉ đạo chặt chẽ các bộ môn trong mặt trận tuyên giáo để phục vụ công tác sản xuất và công tác lớn, trước hết là ba cuộc vận động lớn hiện nay.

Tăng cường lãnh đạo hơn nữa công tác xuất bản báo Đảng (cả báo tiếng Mèo) hướng dẫn đọc và làm theo báo Đảng. Tăng cường lãnh đạo chính trị tư tưởng ở các trường chính trị chuyên môn xung quanh tỉnh. Hợp nhất ba Trường Đảng - Hành chính - Hợp tác xã thành một trường vì cán bộ ở cơ sở là những cán bộ phải lãnh đạo toàn diện, để thống nhất với Trung ương, trường đó lấy tên là Trường Đảng.

V. CÔNG TÁC ĐẢNG

1. Công tác tổ chức bộ máy: Căn cứ vào nhu cầu đòi hỏi sự lãnh đạo ngày càng tập trung phải chỉ đạo sâu sát kịp thời để đáp ứng với tình hình mới. Để bảo đảm đúng vai trò lãnh đạo của Đảng theo Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh vạch ra: "Đảng làm nhiệm vụ nghiên cứu ra chỉ thị, nghị quyết, tăng cường kiểm tra, tổng kết kinh nghiệm". Muốn làm được nhiệm vụ trên nhất định các bộ môn của Đảng phải được kiện toàn, bổ sung củng cố chất lượng. Theo đề nghị dự kiến của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành

xét thấy cần thiết phải lập thêm một số ban chuyên môn giúp việc cấp ủy như sau:

Ban Công nghiệp, Ban Nông nghiệp, Ban Tài mậu, Ban Tuyên giáo, Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban chỉ đạo cuộc vận động củng cố bảo vệ Đảng. Nhiệm vụ quyền hạn chức năng của từng ban có nghị quyết quy định riêng.

2. Công tác đề bạt: Căn cứ vào sự nghiên cứu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xét nhu cầu của phong trào, dựa vào khả năng cán bộ sẵn có, Ban Chấp hành tỉnh quyết định đề bạt một số đồng chí phó ty lên trưởng ty, một số cán bộ nghiên cứu lên phó ty, ban ngành của Đảng và chính quyền (có nghị quyết riêng).

Ngoài số cán bộ Ban Chấp hành đã chính thức quyết định đề bạt, đối chiếu với yêu cầu đòi hỏi còn thiếu nhiều cán bộ lãnh đạo trong các ngành của Đảng cũng như chính quyền. Để đảm bảo chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đảm bảo sự thận trọng chắc chắn, có điều tra nghiên cứu Ban Chấp hành giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy được quyền quyết định đề bạt những cán bộ thuộc vào diện của Ban Chấp hành tỉnh quản lý trong thời gian từ Hội nghị lần thứ tư kỳ 2 đến kỳ 3 sau khi đề bạt phải có thông báo hoặc báo cáo cho Ban Chấp hành vào kỳ họp bất thường gần nhất. Ban Chấp hành tỉnh nhận thấy tỉnh ta là một tỉnh dân tộc, cho nên đề bạt cán bộ lãnh đạo người dân tộc là một yêu cầu cần thiết và phải theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội IV của tỉnh đã chỉ thị về công tác cán bộ "Đặc biệt đội ngũ cán bộ dân tộc địa phương phải có kế hoạch đào tạo cho từng ngành từng cấp theo từng bước tích cực đề bạt cất nhắc vào các cấp lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp. Đảm bảo các cơ quan, xí nghiệp đều có cán bộ dân tộc, có cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan".

3. Công tác xây dựng chi bộ bốn tốt, đảng bộ bốn tốt

Ban Chấp hành tỉnh nhận thấy đây là một công tác lớn có ý nghĩa rất cơ bản đối với công tác xây dựng Đảng. Phương hướng

nhiệm vụ công tác xây dựng chi bộ bốn tốt, đảng bộ bốn tốt và công tác tổ chức đã được Đại hội lần thứ IV của tỉnh nói đầy đủ rõ ràng, chúng ta phải ra sức chấp hành nghiêm chỉnh.

Ban Chấp hành chỉ nhấn mạnh khâu công tác củng cố và xây dựng chi bộ là một trong những khâu công tác yếu nhất hiện nay: Không những chi bộ yếu mà công tác chi bộ ta làm cũng yếu, trong đó các cấp ủy phải nhận trách nhiệm của mình trước Đảng bộ, các Ban Tổ chức phải giúp các cấp ủy đắc lực hơn nữa trong việc chỉ đạo công tác xây dựng chi bộ bốn tốt và đảng bộ bốn tốt. Dựa vào Nghị quyết Đại hội của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần ra một chỉ thị về công tác xây dựng chi bộ bốn tốt, đảng bộ bốn tốt. Công tác xây dựng chi bộ bốn tốt phải được kết hợp với các cuộc vận động lớn và công tác thường xuyên một cách chặt chẽ.

4. Công tác kiểm tra của Đảng

Sau khi nghiên cứu Nghị quyết số 79 của Bộ Chính trị, nghe báo cáo của Ban Kiểm tra tỉnh, Ban Chấp hành tỉnh nhận thấy công tác kiểm tra của tỉnh trong thời gian gần đây có những tiến bộ, thu được một số kết quả trong việc giữ gìn điều lệ và kỷ luật của Đảng.

Hiện nay công tác ngày càng phát triển, cơ sở đảng ngày càng được mở rộng, đội ngũ cán bộ ngày càng lớn, chính sách nghị quyết, nguyên tắc điều lệ của Đảng đòi hỏi phải được nghiêm chỉnh chấp hành, nhưng Ban Kiểm tra lại chưa được kiện toàn đầy đủ nhất là cấp huyện, phần lớn Ủy ban Kiểm tra mới được bầu ra chưa nhận thức đầy đủ vị trí chức năng, tác dụng của công tác kiểm tra cũng như nhiệm vụ quyền hạn chưa được quy định cụ thể đầy đủ nên đã hạn chế một phần kết quả của công tác giữ gìn Điều lệ và kỷ luật của Đảng.

Ban Chấp hành tỉnh quyết định:

1. Từ nay Ban Chấp hành Tỉnh ủy ủy nhiệm cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy được kiểm tra các cấp ủy huyện, thị, đảng ủy, liên chi

và các chi bộ trong toàn tỉnh khi các tổ chức này làm trái điều lệ, trái kỷ luật của Đảng. Khi kiểm tra xong phải báo cáo đầy đủ với Tỉnh ủy giải quyết, Ủy ban Kiểm tra tỉnh không có quyền tự giải quyết những vấn đề được ủy quyền kiểm tra.

2. Các cấp ủy huyện, thị, đảng ủy, liên chi, chi bộ trực thuộc nhất thiết phải có cấp ủy viên chuyên trách công tác kiểm tra và kiên quyết điều động một số cán bộ tối thiểu cần thiết chất lượng cho Ủy ban Kiểm tra để giúp cho công tác của cấp ủy được nhanh chóng, kịp thời, ngăn ngừa được những hành vi trái Điều lệ và kỷ luật của Đảng.

5. Công tác lãnh đạo và sinh hoạt của Tỉnh ủy

1. Sinh hoạt thường lệ của Ban Chấp hành phải làm thường lệ đều đặn. Nội dung sinh hoạt là phải học tập các nghị quyết, chỉ thị, chính sách lớn của Trung ương, bàn bạc những chủ trương, biện pháp lớn thuộc phạm vi toàn tỉnh và những vấn đề thuộc nguyên tắc và quyền hạn của Ban Chấp hành đã quy định trong Điều lệ của Đảng.

2. Tỉnh ta là một tỉnh có khả năng phát triển toàn diện, nhưng hiện nay công nghiệp lớn lại thuộc Trung ương, công nghiệp địa phương phát triển có hạn. Nên hiện nay vấn đề lớn nhất của tỉnh ta là lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, vị trí của nông nghiệp rất rộng lớn vì nó làm cơ sở cho công nghiệp phát triển nên tỉnh và tất cả các ngành cũng phải xuất phát từ tình hình ấy mà đặt công tác cho thích hợp trong nông nghiệp có nhiều vấn đề nhưng vấn đề lớn của tỉnh ta phải được coi trọng là sản xuất lương thực, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi, nghề rừng. Trong chỉ đạo kỹ thuật phải hết sức chú ý đến làm thủy lợi, sân phơi, chọn giống, thảm canh tăng năng suất ruộng, định canh cho nương và đặc biệt nghĩ tới công tác chống xói lở, bắc màu cho vùng cao.

3. Phải tập trung giải quyết vấn đề tồn tại lớn của tỉnh ta là việc tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa thật tập trung, quy định trách

nhiệm cho từng ngành trên dưới chưa thật cụ thể cần được giải quyết triệt để hơn nữa nhằm huy động mọi lực lượng gánh vác những nhiệm vụ nặng nề giải quyết khó khăn để tiến tới mục đích.

Trên đây Ban Chấp hành quyết định một số nhiệm vụ lớn để toàn Đảng bộ thi hành. Nghị quyết này các Ban của Đảng và các bộ môn của chính quyền phải nghiên cứu hướng dẫn chi tiết xuống cấp dưới thi hành nghiêm chỉnh Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**
Số 13-CT/TU, ngày 8-11-1963
Về công tác tháng 11 năm 1963

Tiếp tục hoàn thành những công tác tháng 10 năm 1963 còn lại.

Trong tháng 11 năm 1963 cần tập trung giải quyết một số công tác lớn là:

1. Tập trung lãnh đạo thu hoạch vụ mùa nhanh, gọn, tốt, tiết kiệm kể cả vùng cao và vùng thấp.
2. Tiến hành hội nghị tổng kết đông - xuân... và phát động đông - xuân 1963-1964 ở tỉnh. Giáo dục sâu rộng xuống quần chúng tinh thần chỉ tiêu kế hoạch 1964, trước mắt là chỉ tiêu đông - xuân 1963-1964 để quần chúng tự nguyện được bàn bạc dân chủ. Phát động tư tưởng quần chúng quyết tâm thực hiện nhiệm vụ đông - xuân toàn diện mạnh mẽ.
3. Tăng cường cán bộ có kinh nghiệm cho xã hoặc hợp tác xã yếu để giúp các hợp tác xã lên phương án chia hoa lợi, thanh quyết toán cả năm 1963, đồng thời giúp ban quản trị củng cố hợp tác xã. Những nơi chưa có hợp tác xã phải coi trọng củng cố và xây dựng các tổ đổi công cho tốt, phục vụ cho sản xuất đông - xuân.
4. Tăng cường lãnh đạo công tác ba thu vụ mùa, chú trọng đúng mức đến việc thu ngô, sắn, kể cả thu mua ngoài nghĩa vụ. Đảm bảo công tác thu hoạch tốt, nhưng bảo đảm ba thu cũng tốt, nhanh, gọn, đúng chính sách. Đối với việc ổn định nghĩa vụ vùng

cao cần hoàn thành trong tháng 11 và có kiểm tra đánh giá đúng đắn. Chuẩn bị tổng kết công tác ổn định nghĩa vụ lương thực 1963 vào tháng 12 năm 1963. Đẩy mạnh công tác thu mua toàn diện nhất là thu mua lợn thịt, đậu tương phải được hết sức coi trọng, tích cực vận động thu mua mía cho nhà máy và thu mua các loại hàng cho xuất khẩu. Hoàn thành tổng kiểm tra lương thực. Cần kiểm tra lại toàn bộ hệ thống kho tàng, bộ máy và tổ chức thu mua để bảo đảm khi quần chúng đem bán có tổ chức tiếp nhận bảo quản cho tốt.

5. Đối với ba cuộc vận động lớn phải:

- a) Tiếp tục công tác thí điểm quản lý hợp tác xã nông nghiệp.
- b) Chuẩn bị kế hoạch cho việc mở rộng cuộc vận động ba xây, ba chống trong công nghiệp.

c) Phải chỉnh đốn và có biện pháp tích cực giải quyết những khó khăn hiện nay trong tổ chức khai hoang để chuẩn bị tiếp nhận và hướng dẫn nhân dân dưới xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi cho tốt nhằm bảo đảm thực hiện kế hoạch 1963 đã định.

6. Cần có kế hoạch cụ thể việc đào dỗ chế biến săn, đao riêng và thực hiện kế hoạch thu mua, ăn độn cho từng cơ quan hoặc địa phương. Đảm bảo từ nay đến hết tháng 12-1963 đào dỗ được 50% diện tích săn trong toàn tỉnh. Phải tranh thủ đào săn lưu (1962) trước và đào đến đâu cần trồng lại đến đó.

7. Đẩy mạnh các nguồn thu quốc doanh, thu các loại thuế sát sinh, buôn chuyển, hàng hóa. Tập trung lực lượng hoàn thành vốn kiến thiết cơ bản 1963.

8. Bộ phận vật tư của Ty Nông nghiệp cần chuẩn bị đầy đủ giống các loại cho vụ sản xuất đông - xuân 1963-1964 có kiểm tra thực nghiệm tốt trước khi giao.

9. Tích cực tranh thủ tiến hành công tác giáo dục đảng viên, huấn luyện cán bộ xã trước và sau vụ gặt, nhằm làm cho tư tưởng nhận thức của cán bộ có những chuyển biến mới theo tinh thần Nghị quyết 8, nghị quyết Đại hội IV và Nghị quyết Ban Chấp hành

tỉnh lần thứ IV thành những hành động cách mạng và biến hành động đó thành những của cải vật chất.

Cần tiến hành sơ kết công tác thí điểm xây dựng chi bộ bốn tốt. Tăng cường kiểm tra giúp đỡ các huyện, thị làm thí điểm xây dựng chi bộ bốn tốt. Có kế hoạch củng cố Đảng trong sản xuất đông - xuân 1963-1964.

Trên đây là một số công tác lớn cần phải cố gắng để làm tốt, nhằm hoàn thành tốt kế hoạch 1963 và chuẩn bị tốt cho công tác 1964 một cách thuận lợi.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

PHẠM GIA TUÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**
Số 06-BC/TU, ngày 20-11-1963
Về công tác tháng 10 năm 1963

Trong tháng 10-1963 Tỉnh ủy đã lãnh đạo thực hiện mấy công tác chính sau đây:

1. Thu hoạch vụ mùa: Lúa mùa vùng cao và lúa nương vụ này đều tốt và đang ở thời kỳ gặt rộ, nhưng hay bị mưa cắt quãng. Ở vùng thấp lúa lúc này mới bắt đầu chín. Lúa vùng thấp tuy không tốt lắm nhưng cũng không phải là xấu. Rút kinh nghiệm từ đầu tháng 10, Tỉnh ủy đã đôn đốc nắm trước hướng dẫn các huyện, thị xã tập trung lực lượng thu hoạch vụ mùa đi đôi với việc lập phương án chia hoa lợi các hợp tác xã, cố gắng bảo đảm lập xong phương án trước khi gặt.

Công việc chuẩn bị gặt đập, công việc lập phương án có thể nói là nhanh và tốt. Có khó khăn vì trời mưa nhiều nên tốc độ gặt bị chậm lại, và một số nơi lúa bị đổ, bị mọc mầm thiệt hại ít nhiều. Đối với một số vùng bị sâu phá hoại, tỉnh đã đôn đốc các địa phương và huy động thêm hơn 600 cán bộ, học sinh giúp nhân dân bắt sâu, trừ sâu kịp thời nên số thiệt hại không đáng kể.

Khoảng từ nay đến 20-11-1963 vùng thấp bắt đầu gặt rộ và vùng cao có thể cấn bản hoàn thành.

Về việc chia hoa lợi, đến nay đã có 184 trong số 223 hợp tác xã vùng cao lập xong phương án: Có huyện đã lập xong toàn bộ (Sa Pa).

Ở vùng thấp, các hợp tác xã đang tiến hành và các huyện đã cử nhiều cán bộ về giúp các hợp tác xã lập phương án: Cố gắng bảo đảm lập xong phương án trước khi gặt.

2. Công tác thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã

Sau thời gian điều tra, đầu tháng 10 vừa qua tỉnh đã quyết định tiến hành công tác thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã ở ba hợp tác xã thuộc xã Quang Kim huyện Bát Xát. Đến nay công tác thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã ở ba hợp tác xã này đã xong bước một. Qua sơ kết (...) cán bộ, đảng viên, quản trị hợp tác xã nói chung có chuyển biến nhưng chưa đều và chưa mạnh. Hiện nay tỉnh đang kiểm tra lại, nếu đạt yêu cầu sẽ cho chuyển tiếp sang bước 2.

3. Công tác ba xây, ba chống: Công tác thí điểm ba xây, ba chống ở xí nghiệp công nghiệp địa phương của tỉnh đã hoàn thành và tổng kết. Những kết quả chủ yếu đã đạt được của cuộc phát động đã giúp nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, công nhân lên một bước rõ rệt, và công tác quản lý của xí nghiệp tiến bộ nhiều so với trước. Đáng chú ý các chỉ tiêu sản lượng, năng suất 9 tháng đầu năm đều vượt, duy một số sản phẩm chủ yếu chưa đạt kế hoạch, nhiều phân xưởng (như cơ khí) từ trước ở đây phải bù lỗ nay đã có lãi.

Quá trình cuộc phát động thí điểm trên tuy dài (hơn 1 năm) nhưng Tỉnh ủy luôn luôn theo dõi lãnh đạo, và đã đi sát lãnh đạo việc tổng kết do đó đã rút được một số kinh nghiệm trong việc mở rộng diện, ba xây, ba chống trong các cơ quan xí nghiệp của tỉnh đợt sắp tới.

4. Công tác thu mua: Đáng chú ý thời gian gần đây sau khi Trung ương có những chính sách cụ thể khuyến khích chăn nuôi Tỉnh ủy đã vận dụng các chính sách trên vào hoàn cảnh địa phương, giao theo lao động và mức thích hợp với từng vùng nhằm đẩy mạnh chăn nuôi và đề ra nghĩa vụ hợp tình hợp lý làm cho nhân dân trong tỉnh tích cực hưởng ứng phấn khởi phát triển

chăn nuôi và bán lợn thịt cho Nhà nước. Kết quả bước đầu sau khi có chỉ thị của tỉnh, nhân dân đã bán cho thương nghiệp 793 con lợn. Một số nơi cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động sau khi học tập liên hệ kiểm điểm thấy rõ thiếu sót lãng phí và thiếu trách nhiệm trước đây đã hăng hái xung phong bán lợn to, lợn béo cho Nhà nước. Đó là một sự chuyển biến mới với chiêu hướng tốt. Tuy nhiên cũng có một số người chỉ muốn bán lợn nhỏ, còn lợn to giữ lại. Tỉnh đã bổ khuyết tình hình trên, tiếp tục giáo dục động viên nhân dân làm nghĩa vụ, số lượng thịt triển vọng có thể mua được gấp 3 năm 1962.

5. Công tác kiểm tra lương thực, công tác này đã tiến hành ở một số cơ quan nhưng do nhận thức của cán bộ chưa đầy đủ, kết quả chưa được tốt. Vừa rồi Tỉnh ủy uốn nắn lại, đã tập trung hơn 100 cán bộ vào làm công tác này. Đối với những cơ quan kiểm tra chưa tốt, Tỉnh ủy đặt vấn đề phải làm lại.

Qua báo cáo sơ bộ ở một số đơn vị công tác kiểm tra đã đem lại những kết quả tốt: Số lương thực phân phối không đúng người, không đúng tiêu chuẩn có thể rút bớt khá nhiều (số liệu cụ thể cuối tháng 11 mới tổng hợp được).

6. Công tác tổ chức, về việc chỉ đạo thí điểm xây dựng chi bộ bốn tốt tỉnh đang tiến hành ở ba chi bộ xã (Lê Lợi, Quang Kim, Thanh Bình) và 2 chi bộ xí nghiệp (nhiệt lực Nhà máy điện; phân xưởng ôtô mỏ). Ngoài ra, ở tất cả năm huyện cũng đang xây dựng thí điểm mỗi huyện một chi bộ bốn tốt. Tỉnh ủy cũng đã nghiên cứu thành lập được các Ban chuyên môn giúp việc Tỉnh ủy và đề bạt một số trưởng phó ty và điều động cán bộ xuống tăng cường cho cơ sở để đáp ứng được một phần yêu cầu công tác, công tác tổ chức đã có những cố gắng nhưng nhìn chung công tác còn quá chậm so với yêu cầu nhất là công tác xây dựng chi bộ bốn tốt còn chậm và sự chỉ đạo chưa thật sát sao.

7. Về học tập Nghị quyết 8. Sau Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng tới các đồng chí phụ trách các ngành xung quanh tỉnh học tập

nghị quyết 8; các xí nghiệp cơ quan, các huyện đã liên tiếp tổ chức các lớp học tập Nghị quyết 8. Tính đến 30-10-1963 đã có 2.089 cán bộ, đảng viên và đoàn viên được học.

Kết quả nổi bật trong đợt giáo dục kỳ này là đã làm cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên khẳng định được thành tích to lớn trong công cuộc công nghiệp hóa nước nhà, đồng thời cũng nhận rõ khó khăn trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, qua đó nâng cao được tinh thần trách nhiệm và xác định được đúng đắn thái độ và nhiệm vụ của mình. Nhiều chi bộ, nhiều đảng viên đã biểu lộ quyết tâm của mình sau học tập như Chi bộ Lê Lợi đề ra mức phấn đấu vượt mức chỉ tiêu từ 5.800 lên 9.000 cân giống, lúa chiêm, sản xuất lúa mùa từ 4.109 cân giống lên 4.176 cân giống, quyết định lấy bừa sắt thay toàn bộ bừa gỗ, tích cực làm nghĩa vụ lương thực và bán nông sản cho Nhà nước... Do các cơ sở chuyển biến nên đã ảnh hưởng tốt đến các cấp ủy huyện, thị và các ngành chuyên môn của tỉnh. Nói chung ý thức trách nhiệm tinh thần chịu đựng gian khổ, hăng hái lao động sản xuất của cán bộ, đảng viên, kể cả nông thôn cũng như ở xí nghiệp cơ quan được nâng cao hơn trước.

Hiện nay các huyện, thị, đảng ủy đang tiếp tục mở các lớp giáo dục để cố gắng từ nay đến hết tháng 11 hoàn thành tạo điều kiện đẩy mạnh các mặt sản xuất và công tác cuối năm và đông - xuân 1963-1964.

Ngoài các công tác trên, trong tháng 10 tỉnh đã xúc tiến chuẩn bị tổng kết sản xuất đông - xuân 1963-1964 và tích cực chuẩn bị cho vụ đông - xuân 1963-1964, đã tiến hành xong việc ổn định nghĩa vụ lương thực vùng cao; tiếp nhận 1.042 đồng bào ở Hải Phòng lên Lào Cai xây dựng kinh tế và chuẩn bị tổng kết công tác bảo vệ trị an của 10 xã, việc duyệt các đối tượng tập trung giáo dục cải tạo mới là được một số phải bỏ dở vì có công tác đột suất dồn tới.

Trên đây là những công tác chính tỉnh đã làm trong tháng 10. Tuy trong từng mặt công tác cũng còn những thiếu sót, xong nhờ các cấp ủy tích cực lãnh đạo nên chung đã đạt được những kết quả tốt như trên đã báo cáo.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
PHẠM GIA TUÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**
Số 14-CT/TU, ngày 4-12-1963
Về công tác tháng 12 năm 1963

Tháng 12 năm 1963 cần tập trung hoàn thành một số công tác lớn sau đây:

I. NÔNG NGHIỆP

1. Hoàn thành công tác thu hoạch vụ mùa; Hoàn thành công tác chia hoa lợi, thanh quyết toán cho các hợp tác xã vùng cao; tích cực giúp đỡ hợp tác xã vùng thấp chia được hoa lợi, chuẩn bị cho thanh quyết toán toàn năm 1963.

2. Hoàn thành tốt việc phát động quần chúng xây dựng chỉ tiêu kế hoạch 1964 và trước mắt là đông - xuân 1963-1964. Phê chuẩn chính thức kế hoạch 1964 cho các huyện, thị, và quyết định một số biện pháp lớn đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp về thủy lợi, giống, cải tiến công cụ, v.v..

3. Tổng kết thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp; chuẩn bị điều tra, xác định các điểm cải tiến quản lý chuẩn bị đào tạo cán bộ đợt 1. Tiến hành củng cố hợp tác xã và đổi công một cách thường xuyên.

4. Xúc tiến tổng kết một số hợp tác xã tiên tiến, tổng kết phong trào thi đua sản xuất nông nghiệp 1963; chuẩn bị nội dung kế hoạch

tổ chức cuộc thi đua "Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, làm ruộng bậc thang tích cực".

II. CÔNG NGHIỆP

1. Tổng kết cuộc vận động ba xây, ba chống thí điểm; chuẩn bị mọi mặt cho công tác vận động ba xây, ba chống đợt 1.
2. Tổng kết thực hiện kế hoạch 1963, lập kế hoạch 1964 mở rộng diện hạch toán kinh tế tới một số phân xưởng có điều kiện.
3. Tăng cường công tác kiểm tra, chế biến (sắn) phát triển phong trào cải tiến công cụ vận chuyển.
4. Tập trung lực lượng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng cơ bản và thanh quyết toán 100% số công trình đã làm trong 1963 không để công trình làm 1963 thanh toán sang 1964.

III. TÀI MẬU

1. Tập trung lãnh đạo công tác ba thu toàn diện (cố gắng thu mua ngoài nghĩa vụ), coi trọng việc thu mua lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh hơn nữa công tác thu mua xuất khẩu.
2. Thông qua kế hoạch cân đối ba mặt: hàng hóa, tiền tệ, thu chi tài chính.
3. Tổng kết thanh quyết toán thu chi tài chính 1963, đẩy mạnh việc thu chi cân đối; tích cực vận động tiết kiệm, chuẩn bị những hàng rết, tết để phục vụ quân chúng.

IV. CÔNG TÁC TUYÊN, VĂN, GIÁO

1. Hoàn thành công tác giáo dục đảng viên, cán bộ xã về Nghị quyết 8 và Nghị quyết 4 của Đại hội tỉnh lần thứ IV.

2. Tích cực giáo dục tuyên truyền cho ngày 20-12, ngày đoàn kết nhân dân lao động miền Nam. Tổng kết công tác giáo dục thí điểm hai cuộc vận động ba xây, ba chống và công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

3. Đẩy mạnh việc giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, thanh toán nạn mù chữ trong tỉnh. Tổng kết niên học vùng cao.

4. Ra sức tuyên truyền cho vụ mùa thắng lợi, đẩy mạnh cuộc tuyên truyền vận động giáo dục sâu rộng trong quần chúng nhân dân về chiến dịch "Thi đua Ấp Bắc sản xuất làm giàu" đông - xuân 1963-1964, vận động tiết kiệm lương thực thành phong trào quần chúng rộng rãi.

V. NỘI CHÍNH

1. Cân kết hợp với công tác trung tâm, đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an đi vào bể sâu, trong tháng này, mỗi huyện sẽ phát động phong trào bảo vệ trị an ở thôn ba xã. Riêng huyện Bảo Thắng sẽ tiến hành ở tám xã dọc đường sắt và xung quanh mỏ. Các khu phố thuộc hai thị xã Lào Cai và Cam Đường cũng cần bắt đầu tiến hành trong tháng này.

2. Tiếp tục xét duyệt hồ sơ các đối tượng nguy hiểm cho an ninh xã hội, để đề nghị cho đi tập trung giáo dục cải tạo. Và tiếp tục hoàn thành cuộc vận động bảo mật phòng gian ở các huyện và cơ quan Ty Lương thực (trừ Sa Pa).

Tích cực giải quyết các vụ án còn đọng lại từ mấy năm nay. Các cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án cần phối hợp với nhau để giải quyết tốt công tác này.

3. Chuẩn bị tốt việc khôi phục cửa khẩu mậu dịch tiểu ngạch biên giới ở Mường Khương và việc mở các đường phụ biên giới.

4. Cân lãnh đạo và tổ chức tốt việc vận động thanh niên khám sức khỏe đồng thời chuẩn bị đầy đủ cho công tác tuyển binh, chờ trên có chỉ thị có thể tiến hành gọn, tốt.

VI

1. Tổng kết công tác 1963 của tỉnh, chuẩn bị Hội nghị Ban chấp hành kỳ hai vào tháng 1-1964.
2. Tổng kết công tác tổ chức 1963, chuẩn bị phương hướng công tác tổ chức 1964, sơ kết công tác tổ chức trong thí điểm hai cuộc vận động ba xây, ba chống, cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp.
3. Mở hội nghị, rút kinh nghiệm về công tác Đảng và bồi dưỡng công tác Đảng cho đại biểu các chi bộ toàn tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
PHẠM GIA TUÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 07-BC/TU, ngày 15-12-1963
Về công tác tháng 11-1963

I. NÔNG NGHIỆP

1. Công tác thu hoạch vụ mùa năm 1963: Vùng cao đã hoàn thành, vùng thấp đang gặt rộ, còn khoảng 20% diện tích, triển vọng đến 15-12-1963 sẽ hoàn thành thu hoạch vụ mùa trong toàn tỉnh.

Sơ bộ nhận xét về ưu điểm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Tỉnh và huyện từ đầu đến tháng 10 đã được chú ý đặt công tác giải quyết thu hoạch vụ mùa thành công tác trọng tâm trước mắt, một mặt chỉ thị nhắc nhở các xã và hợp tác xã, mặt khác phân công một số cấp ủy viên xuống cụ thể thực tế kiểm tra đôn đốc đồng thời lại cử cán bộ xuống các nơi yếu giúp đỡ gặt đập và lên phương án chia hoa lợi. Nhưng cũng còn thiếu sót ở chỗ là không nắm được cụ thể tình hình phát triển sản xuất cá thể của quần chúng, nên không đạt kế hoạch lãnh đạo kết hợp chặt chẽ, đã để ảnh hưởng làm chậm chẽ việc thu hoạch của hợp tác xã, về phía các hợp tác xã và xã, nhiều nơi đã làm tốt và biết tính toán, đạt kế hoạch, biện pháp cụ thể, như đăng ký ngày công, phân phối lao động sát sao, tổ chức những đội xung kích của thanh niên và dân quân do đảng viên lãnh đạo làm đầu tàu cho phong trào, huy

động 100% lao động ra gặt đập, xã Cam Đường tranh thủ ngày khô tổ chức gặt đêm, đã biết khoán việc động viên tính tích cực của xã viên; Có nơi chi ủy đã biết nắm sát tình hình, kịp thời rút kinh nghiệm, phân công từ cấp ủy viên xuống để giúp đỡ động viên lanh đạo những tổ, đội tiên tiến. Nét nổi bật vụ mùa năm 1963 là rěo cao thu hoạch gọn hơn rěo thấp vì được sự chú ý lãnh đạo, phuơng án chia hoa lợi cũng xong trước.

Ở rěo thấp đầu vụ gặt mưa nhiều, nhưng các nơi đã tích cực chống úng nên tỷ lệ lúa mọc chậm, thối, rất nhỏ không đáng chú ý.

Bên cạnh những ưu điểm còn có những khuyết và nhược điểm:

- Nhiều hợp tác xã có lúc còn để cho việc làm ăn cá thể lấn áp công việc làm ăn tập thể, để xã viên trốn đi thu hoạch riêng mặc lúa của hợp tác xã nằm lại. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho việc thu hoạch vụ mùa năm nay nói chung chậm hơn năm ngoái.

- Việc quản lý và sử dụng sức lao động tập thể của hợp tác xã chưa tốt, còn để lãng phí nhiều, sử dụng ô ạt mạnh ai nấy làm, không được phân công khoán việc rõ ràng trách nhiệm không rành mạch.

- Gặt còn để rơi rụng nhiều ý thức thu vén tiết kiệm còn kém, tư tưởng chạy theo công điểm còn nặng, đập chưa thật sạch đã bỏ rơm.

Ngoài ra, kết quả thu hoạch vụ mùa này một số nơi kém vì trước đây khi "lúa vào chắc" có nhiều trận gió bẻ cây nầm xuống ảnh hưởng đến hạt bị lép nhiều.

2. Công tác chuẩn bị sản xuất đông - xuân 1963-1964

Song song với việc thu hoạch vụ mùa 1963, công tác chuẩn bị cho sản xuất đông - xuân 1963-1964 cũng được xúc tiến mạnh mẽ. Rút kinh nghiệm của đông - xuân 1962-1963, năm nay công tác chuẩn bị được tiến hành sớm và chu đáo hơn.

- Ở cơ sở, trước khi xây dựng kế hoạch, các nơi đều đẩy mạnh công tác giáo dục Nghị quyết 8 của Trung ương trong cán bộ, đảng viên và quần chúng để gây một nhận thức mới, một khí thế mới trong quần chúng, đẩy mạnh tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần tự lực cánh sinh trong quần chúng các dân tộc; kết quả là hầu hết các chỉ tiêu chính của kế hoạch dự kiến của huyện đều bị phá vỡ và đưa lên. Có nơi biểu hiện tiến bộ rõ rệt, xã viên vừa góp ý kiến cụ thể xây dựng kế hoạch, vừa tự nguyện đăng ký ngày công lao động và tự báo số phần cung cấp cho hợp tác xã.

- Sau khi các hợp tác xã, xã và huyện đã lập được kế hoạch sơ bộ. Tỉnh mở hội nghị phát động đông - xuân 1963-1964, phát huy những thành tích sáng tạo của quần chúng, uốn nắn những lệch lạc, động viên quần chúng lên một bước nữa, gây một không khí hào hứng phấn khởi hạ quyết tâm "Thi đua Áp Bắc, sản xuất làm giàu" tiến lên tự túc hoàn toàn. Qua các báo cáo điển hình, hội nghị nhấn mạnh thêm các khâu chủ yếu: Thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, phát động phong trào hai năm làm thủy lợi, làm ruộng bậc thang chống xói mòn.

Sau hội nghị ở tỉnh về, các huyện cũng đã xúc tiến mở các hội nghị ở từng khu vực để thảo luận xây dựng kế hoạch cụ thể hơn với tinh thần mới hơn, nhiều nơi đã đề nghị xin cung cấp xi măng, sắt, giỗng... để tự sửa đường vận chuyển, làm công cụ cải tiến, phát triển sản xuất tăng vụ.

Trong tháng này tỉnh Lào Cai lại được vinh dự đón đồng chí Nguyễn Chí Thanh, thay mặt Trung ương Đảng lên kiểm tra tình hình sản xuất và hợp tác hóa của tỉnh. Đồng chí đã phân tích giúp đỡ cho các cấp lãnh đạo tỉnh thấy rõ: Sản xuất có khá nhưng chưa giỏi và còn yếu về mặt tiết kiệm đồng chí cũng nhấn mạnh cho các cấp thấy rõ tác dụng quyết định của ruộng bậc thang ở các tỉnh miền núi để đưa năng suất và sản lượng lên cao, đồng chí đã bồi dưỡng thêm quyết tâm cho lãnh đạo các cấp của tỉnh khắc phục khó khăn vươn lên mau chóng tự túc lương thực.

Tỉnh đã phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ và một số đồng chí Tỉnh ủy viên xuống cùng với cấp ủy huyện, đến tận hợp tác xã và xã giúp họ xây dựng cụ thể kế hoạch sản xuất của năm 1964 và kế hoạch đông - xuân 1963-1964 để lấy kinh nghiệm chuẩn bị cho đợt thi đua "Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, làm gỗ cừ" sắp được phát động.

Với tinh thần mới, các địa phương đang tấp nập cày ải ruộng, phát nương màu, làm chuồng phân, làm thủy lợi, khai phá nương ruộng bậc thang...

3. Công tác củng cố hợp tác xã

Trước khi gặt, tỉnh và huyện đã cử một số cán bộ xuống giúp các hợp tác xã: Chuẩn bị gặt, lên phương án chia hoa lợi và chuẩn bị thanh quyết toán cả năm 1963. Đã có 205 hợp tác xã được duyệt phương án chính thức còn 197 hợp tác xã đang tiếp tục hoàn thành. Điểm nổi bật năm nay là các hợp tác xã rěo cao hoàn thành phương án trước ở rěo thấp, vì được các cấp ủy chú ý hơn, ở rěo thấp sở dĩ có tình trạng hơi trì trệ vì một số cấp ủy chưa nhận thức được đầy đủ ý nghĩa quan trọng của công tác tài vụ trong hợp tác xã, không thấy rõ là lên phương án chia hoa lợi được chuẩn bị đầy đủ thì có thể gặt đến đâu tạm chia đến đó, phần của xã viên, phần của Nhà nước. Xã viên thấy cụ thể kết quả việc làm của họ, họ sẽ phấn khởi hăng hái thu hoạch. Vì không nhận thức rõ rệt nên coi nhẹ việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ xuống giúp xã, có nơi bồi dưỡng qua loa chiếu lệ, thậm chí có nơi không nói đả động tới.

Việc giữa huyện và xã chưa nhất trí với nhau về đánh giá năng suất, năng suất chưa được duyệt, cũng là một nguyên nhân làm chậm trễ việc lên phương án.

Qua một số phương án đã lên xong, ta thấy việc quản lý lao động của các hợp tác xã vụ vừa qua quá yếu: Nơi cao nhất như hợp tác xã Lê Lợi mới được 210 ngày công một năm, nơi thấp chỉ được 80, 90 công, nhiều nơi để phát triển làm ăn riêng lẻ quá nhiều,

ảnh hưởng rất xấu đến vụ thu hoạch này. Cần kịp thời uốn nắn xu hướng lệch lạc này, nếu không sẽ ảnh hưởng không tốt đến phát triển sản xuất tập thể và sẽ làm yếu các hợp tác xã.

Chi phí sản xuất vụ chưa rành mạch, chưa công khai thanh toán còn khá phổ biến, cần được giải quyết gấp rút để tránh những nghi ngờ thắc mắc kém phán khởi của xã viên.

Đây là một khâu quan trọng trong công tác củng cố và phát triển hợp tác hóa, các cấp ủy cần đặc biệt chú ý.

4. Công tác thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã

Ba hợp tác xã nông nghiệp Tiên Phong, Mường San, Châu Toòng của xã Quang Kim, được chọn làm thí điểm, đã hoàn thành bước một nay đã sang bước hai. Nói chung đạt yêu cầu, cán bộ và đảng viên thấy rõ cải tiến là cần thiết không cải tiến quản lý hợp tác xã, sản xuất không lên thì hợp tác xã không tiến bộ được. Qua học tập, thảo luận cán bộ, đảng viên thấy rõ được ý nghĩa, mục đích, yêu cầu nội dung của cuộc phát động, nâng cao được tinh thần trách nhiệm, qua những hành động ta có thể kết luận được là trong họ đã có một sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức: Tích cực vận động quần chúng tăng vụ thí nghiệm chiêm rét, cải tiến nông cụ, làm chuồng phân, chuẩn bị làm nhà kho và sân phơi, nhất là công tác thủy lợi được tiến hành mạnh mẽ, tinh thần tự lực cánh sinh cũng được lên một bước: cán bộ địa phương bước đầu đã chịu ngồi bàn bạc tự tính toán lấy công việc.

Nhưng cũng còn một thôn chậm tiến, ta đã phải tập trung lực lượng để đẩy lùn theo kịp các thôn khác, ở đây cán bộ, đảng viên còn mắc mưu nhiều về tiền nong, về làm ăn riêng lẻ, xã viên còn thắc mắc nghi ngờ lãnh đạo, phần tử xấu còn lợi dụng gây hoang mang trong quần chúng, phát ngôn bừa bãi không tán thành cải tiến, phản đối việc tăng vụ chiêm rét, không tham gia phong trào cải tiến công cụ giải phóng đôi vai, v.v..

Kinh nghiệm vừa qua ta thấy phổ biến các nơi xã viên đều thắc mắc về vấn đề tài chính, nên ta biết tập trung lực lượng cần thiết giúp đỡ hợp tác xã làm những vấn đề cụ thể làm rõ được tình hình thu chi, tình hình ai còn ai nợ, đánh tan được những nghi ngờ không căn cứ gây lại sự đoàn kết trong nội bộ hợp tác xã, làm rành rõ được đúng sai, gây lại được uy tín cho các ban quản trị, cán bộ làm việc phấn khởi, quần chúng nhân dân yên tâm thì phong trào cải tiến có phát triển động được. Đây mới chỉ là bước đầu, cho nên chủ trương của ta là tiếp tục phát động tư tưởng giải quyết dần những thắc mắc còn tồn tại ở một số người còn nghi ban quản trị chưa bộc lộ hết. Còn sợ cải tiến sẽ quản lý hết không được tự do và đồng thời cũng bồi dưỡng cho những người tốt tích cực để đấu tranh với những phần tử xấu, gây một phong trào quần chúng tích cực tham gia cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật...

5. Công tác ổn định nghĩa vụ lương thực

Công tác ổn định nghĩa vụ lương thực trong toàn tỉnh đã hoàn thành. Mức cả thuế và thu mua tinh giao cho huyện là 4.012 tấn, khi đưa xuống cơ sở học tập xây dựng vượt lên 25 tấn.

Quần chúng rất hoan nghênh chính sách vì họ được biết dứt khoát nghĩa vụ đóng góp là bao nhiêu để yên tâm phát triển sản xuất.

Nhưng cũng nảy ra một số hiện tượng không tốt là quần chúng đưa nhau đi phát nương riêng lẻ bỏ cả công việc của tập thể hợp tác xã. Tình hình này đã được phát hiện (ta đang tiến hành giáo dục hợp tác xã để uốn nắn lệch lạc này).

6. Công tác ba thu

Đến hết tháng 11, cả thuế và thu mua nhập kho được 600 tấn, nguyên nhân chậm là do:

1. Thời tiết xấu, khi bắt đầu gặt bị mưa kéo dài không gặt, không phơi được.

2. Việc quản lý lao động của các hợp tác xã quá yếu, để xã viên trốn đi thu của phần riêng họ quá nhiều.

3. Một số cấp ủy chủ quan nấm tình hình không chặt nghĩa là đã ổn định nghĩa vụ lương thực rồi thì không cần phải đôn đốc sát sao như mọi năm cũng đạt kế hoạch, không đánh giá được đúng mức độ nghiêm trọng của việc làm ăn riêng lẻ của xã viên.

Tình trạng này đã được phát triển và uốn nắn. Tháng này việc mua các nông sản phẩm khác cũng được đẩy mạnh, các mặt hàng chủ yếu như đồ tương, lợn, chè, bò, thảo quả... có triển vọng đạt và vượt mức kế hoạch.

Kinh nghiệm là mặt nào được cấp ủy địa phương chú ý đôn đốc thì thứ đó đạt hoặc vượt mức dễ dàng như việc thu mua lợn thịt trong tháng 11-1963 huyện Bắc Hà đã mua được bằng cả 9 tháng đầu năm.

II. CÔNG NGHIỆP

- Các Ty Công nghiệp địa phương, Đoàn địa chất 24, Xí nghiệp quốc doanh dược phẩm đã hoàn thành kế hoạch tổng sản lượng cả năm trước một tháng.

- Công tác ba xây, ba chống: Tỉnh đã chuẩn bị tiến hành đợt 1 ba xây, ba chống ở chín cơ sở xung quanh tỉnh: Thương nghiệp, Kiến trúc, Ủy ban kế hoạch tỉnh, Chi cục Thống kê, Ty Tài chính, Chi hàng kiến thiết, Ty Lao động, Chi nhánh ngân hàng, Văn phòng Ủy ban hành chính tỉnh.

Bước đầu đã họp được với các đồng chí lãnh đạo các cơ quan trên để bàn kế hoạch nắm lại tình hình chuẩn bị tư tưởng, báo cáo sắp xếp cán bộ phục vụ cho cuộc vận động. Khoảng trung tuần tháng 12 tỉnh sẽ tổ chức học tập Nghị quyết 51 của Bộ Chính trị và kế hoạch tiến hành cuộc vận động ba xây, ba chống

cho các cán bộ lãnh đạo của các ngành trên và đầu tháng 1-1964 bắt tay vào thực hiện.

III. CÔNG TÁC ĐẢNG

Công tác xây dựng chi bộ bốn tốt: Tỉnh chỉ đạo 5 chi bộ thí điểm xây dựng chi bộ bốn tốt, gồm có ba nông thôn, hai xí nghiệp công nghiệp (ba nông thôn là Lê Lợi, Quang Kim, Thanh Bình, hai xí nghiệp là đoàn xe apatít và nhiệt lực Nhà máy điện). Nay mới sơ kết bước giáo dục và xây dựng kế hoạch ở hai chi bộ: Lê Lợi (nông thôn thuộc huyện Bảo Thắng) và Chi bộ đoàn xe thuộc Đảng ủy apatít, các chi bộ khác đang ở bước giáo dục và xây dựng kế hoạch. Ngoài ra mỗi huyện, Đảng ủy cũng đều tiến hành thí điểm xây dựng một chi bộ bốn tốt để chỉ đạo hiện cũng đang ở bước giáo dục và xây dựng kế hoạch.

Kết quả bước đầu của việc giáo dục chi bộ bốn tốt: Nhìn chung đảng viên có những chuyển biến về tư tưởng và nâng cao được tinh thần phấn đấu thực hiện kế hoạch nhà nước như Chi bộ Lê Lợi đã xây dựng các chỉ tiêu sản xuất chủ yếu vụ chiêm và mùa vượt kế hoạch của huyện giao (chiêm huyện giao 4.100 cân giống, xây dựng 4.176, mùa huyện giao 9.000 cân giống, xây dựng 9.097, nghĩa vụ thu mua huyện giao nhận 100 mà còn xây dựng thêm bán ngoài nghĩa vụ từ 25 đến 30% so với tổng số thu mua huyện giao). Chi bộ đoàn xe Mỏ apatít cũng có những chuyển biến mạnh mẽ: sản xuất vượt 8% kế hoạch, tiết kiệm vượt 3% xăng dầu, đã xây dựng một tổ lao động xã hội chủ nghĩa, đã được Chính phủ công nhận và đang tiếp tục xây dựng hai tổ khác, 75% đảng viên là lao động tiên tiến, công tác khai thác của chi bộ cũng được đẩy mạnh, như bảo vệ trị an khác, tích cực cải tạo những đối tượng phải cải tạo, công tác phát triển đảng làm được thường xuyên, cả năm đã phát triển được 9 đảng viên.

Mặc dầu vừa qua công tác chỉ đạo xây dựng chi bộ bốn tốt của tỉnh và huyện đã có nhiều cố gắng nhưng so với yêu cầu còn quá thấp, các ngành các đơn vị có trách nhiệm cần phải tập trung lực lượng đẩy mạnh thêm để phục vụ cho ba cuộc vận động lớn đắc lực hơn.

IV. CÔNG TÁC THI ĐUA

Hưởng ứng phong trào thi đua "Vì miền Nam ruột thịt" một số công trường xí nghiệp đã hoàn thành kế hoạch tháng trước thời hạn, cơ quan sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất đã được thực hiện.

Nhiều cán bộ, công nhân viên lao động ngoài giờ và ngày chủ nhật để lấy tiền ủng hộ đồng bào miền Nam. Sơ bộ 10 cơ quan báo cáo đã thu được 15.837 đồng.

T/M BAN THUỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

PHẠM GIA TUÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 01-CT/TU, ngày 5-2-1964

Về công tác tháng 2-1964 của Tỉnh ủy Lào Cai

Trong tháng 1 năm 1964 tỉnh ta cần tập trung làm một số công tác lớn là:

1. Tập trung lãnh đạo việc sản xuất đông - xuân, như cày ải, làm ruộng nương bậc thang, làm phân, thủy lợi, chuẩn bị giống các loại. Đi đôi với sản xuất cần vận động tiết kiệm trong dịp Tết ăn chơi vừa phải, tập trung lực lượng sản xuất. Muốn thực hiện tốt sản xuất nông nghiệp phải lấy việc củng cố hợp tác xã, củng cố xây dựng đổi công làm cơ sở.

2. Hoàn thành công tác ba thu, kể cả thu mua ngoài nghĩa vụ, chuẩn bị công tác ổn định nghĩa vụ lương thực. Thực hiện công tác phân phối hàng Tết và tổ chức Tết cho nhân dân một cách tiết kiệm tốt, phấn khởi, vui tươi đoàn kết. Tăng cường công tác quản lý thị trường, cấm nạn đầu cơ tích trữ, hạn chế việc buôn lậu, vận động đẩy mạnh công tác thu và chống thất thu trong dịp Tết.

3. Công tác bảo vệ trị an, cảnh giác cách mạng trong dịp Tết phải được giáo dục cho mọi người để phòng mọi âm mưu hành động của kẻ địch phá rối trị an trong nhân dân. Phải có kế hoạch bố trí mọi mặt, mọi nơi ở mọi địa bàn bằng mọi cách. Phải chú trọng đến âm mưu hoạt động của biệt kích thổ phỉ, phản động khác lợi dụng sơ hở phá hoại chống đối ta. Hoàn thành việc

kiểm điểm thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy từ huyện thị, đảng ủy đến Tỉnh ủy.

4. Các ngành công nghiệp và thủ công nghiệp cần đẩy mạnh sản xuất hơn nữa, đặc biệt thủ công nghiệp phải làm tích cực khâu chế biến. Việc xây dựng cơ bản phải chuẩn bị tốt nguyên vật liệu hoàn thành các thiết kế để tranh thủ xây dựng vào mùa khô.

5. Họp Ban Chấp hành tỉnh để tổng kết công tác 1963, quyết định nhiệm vụ phuơng hướng công tác năm 1964. Học tập Nghị quyết Trung ương lần thứ chín; chuẩn bị lãnh đạo học tập Nghị quyết 9 xuống cơ sở có mức độ theo thông tri của Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương.

6. Cân đẩy mạnh phong trào thi đua chung rộng rãi trong nhân dân, xí nghiệp và cơ quan. Đặc biệt, phong trào thi đua năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, phong trào làm thủy lợi trong nông nghiệp, phong trào thi đua năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, phong trào tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp phải được coi là trọng điểm lãnh đạo.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**
Số 08-BC/TU, ngày 6-2-1964
Về công tác tháng 1-1964

Tháng 1-1964 là tháng phải hoàn thành một số công tác của năm 1963, là tháng giáp tết lại là tháng đang thời vụ phải chuẩn bị gấp cho sản xuất đông - xuân. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định hoãn tất cả những hội nghị có thể hoãn kể cả hội nghị của Ban Chấp hành tỉnh để tập trung cho ba khâu công tác lớn: sản xuất đông - xuân 1963-1964; hoàn thành cẩn bản công tác ba thu, chuẩn bị phân công cán bộ xuống giúp đỡ hợp tác xã làm hai yêu cầu trên và đẩy mạnh công tác bảo vệ trị an vận động sản xuất đi đôi với tiết kiệm trong dịp Tết.

Kết quả trong tháng 1 năm 1964:

I

Về sản xuất nông nghiệp đã đạt được một số kết quả nhất định, song nhìn chung tốc độ thực hiện ở cấp huyện đến xã còn chậm so với thời gian này của 1963 là do tư tưởng chủ quan được mùa của quần chúng, mặt khác quần chúng có chiêu hướng phát triển kinh tế cá thể nhưng các huyện không bồi khuyết kịp thời kế hoạch của huyện giao xuống cơ sở bị chậm trễ, cày ải mới được 288 ha, phân mới thu được 653 tấn, v.v. là những mặt yếu; tỉnh đã họp với

các huyện kiểm điểm vấn đề này và đã có biện pháp phát động để tiếp tục giải quyết từ nay đến Tết và sau Tết âm lịch.

Nổi nhất trong đông - xuân 1963-1964 là làm ruộng bậc thang và công tác thủy lợi, đến nay toàn tỉnh đã khai phá được 2.783 cát giống ruộng bậc thang, bằng 55 ha, huyện Sa Pa làm khá nhất được 25 ha. Công tác thủy lợi đã làm được 10 mương đập mới, sửa chữa được 90 mương phai cũ chuẩn bị cho cấy chiêm; phong trào thủy lợi đang được tỉnh tập trung lãnh đạo và đang có chuyển biến mạnh.

Đạt được thành tích trên là do đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng lên Lào Cai đã giúp cho Lào Cai thấy được đường hướng lâu dài và lãnh đạo của Tỉnh ủy quán triệt tinh thần đó, quần chúng các dân tộc đồng tình và ra sức thực hiện.

Về các mặt sản xuất khác như chăn nuôi, trồng cây công nghiệp cũng được tiếp tục đẩy mạnh. Riêng vùng thấp tỉnh đã cố gắng hoàn thành điều tra cơ bản và chuẩn bị khoanh vùng từng bước.

II

Công tác tài mậu trong tháng 1-1964, tập trung lực lượng hoàn thành công tác ba thu, chủ yếu là công tác thu mùa. Kết quả đến 1-1-1964 toàn tỉnh đã đạt 898% tổng ba thu, thuế đạt 105,4%, mua trong nghĩa vụ 90,2%, mua ngoài nghĩa vụ đạt còn thấp (37%); so với tốc độ năm 1963 chậm là do chưa coi trọng công tác tư tưởng như đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã chỉ thị là 1 tấn lương thực phải có 10 tấn tư tưởng kèm theo. Nhất là đối với việc vận động thu mua ngoài nghĩa vụ chưa tốt nên nhiều xã nhiều hộ còn khả năng thừa thóc không bán cho Nhà nước lại đem bán chợ đen.

Công tác thu mua đậu tương cũng có nhiều cố gắng đặc biệt là thu mua thịt lợn năm nay tuy mới đạt trên 40% kế hoạch của tỉnh, nhưng lại vượt 32 tấn so với kế hoạch của Trung ương và cũng là năm đạt tỷ lệ tuyệt đối cao nhất từ ngày hòa bình lập lại. Có được thành tích trên là do công tác vận động quần chúng giáo dục tư tưởng tốt, biện pháp thu mua được cải tiến. Riêng thu mua xuất khẩu nói chung còn yếu nhất là thu mua cam quýt không đạt đã để một số bán ra thị trường tự do và chuyển về xuôi; phải đi mua của tỉnh bạn 30 tấn để xuất cho Vân Nam.

Công tác phân phối đã chủ động đặt thành vấn đề cho ngành có trách nhiệm phải phân phối từ đầu, tổ chức phân phối có kế hoạch, biện pháp có cải tiến hơn trước, tuy khả năng có hạn nhưng đã phân phối đến tay người tiêu dùng và đúng với chế độ, nhất là dịp Tết đã được chuẩn bị chu đáo.

III

Trước tình hình và âm mưu của kẻ địch hiện nay. Tỉnh nhận thấy cần phải đẩy mạnh công tác đấu tranh trấn áp phản cách mạng và bảo vệ trị an, tiếp tục hoàn thành tốt những yêu cầu của Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị. Công tác này đã được Tỉnh ủy lồng với các công tác trung tâm thường xuyên, tỉnh đã tập trung các đồng chí Tỉnh ủy viên và một số các đồng chí lãnh đạo xung quanh tỉnh, huyện xuống xã để đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành công tác ba thu, đồng thời tiến hành công tác bảo vệ trị an, bảo vệ cho dân ăn Tết an toàn. Đối với những địa bàn xung yếu cán bộ được tăng cường hơn.

Việc giải quyết bọn phi lẩn trốn trên rừng, Tỉnh ủy làm có kiên quyết khẩn trương và tích cực cụ thể hơn. Tỉnh đã quyết định lấy phát động đưa khí thế cách mạng quần chúng lên một bước là chủ yếu để củng cố cơ sở trên cơ sở quần chúng được phát động mà

tranh thủ giáo dục các gia đình có người lẩn trốn, lôi kéo phân hóa bọn chân tay, đả kích bọn đầu sỏ. Thường vụ Tỉnh ủy đã phân công một số đồng chí chuyên trách theo dõi chỉ đạo vấn đề này. Kết quả đến nay hàng ngũ bọn phỉ đã có những dao động, có một số tên muối về hàng, hai tên đã ra hàng, tỉnh đã kịp thời có những đối sách với từng tên. Triển vọng giải quyết số phỉ trên có chiêu hướng tốt.

IV

Công tác xây dựng Đảng: Trong tháng 1-1964. Tỉnh đã tổng kết công tác xây dựng chi bộ bốn tốt 1963. Bàn phương hướng công tác xây dựng chi bộ bốn tốt trong 1964. Tuy hội nghị không đạt được đủ các yêu cầu nhưng cũng làm cho sự chuyển biến về tư tưởng trong Đảng bộ mạnh mẽ thêm, nhận rõ được nguyên nhân và khẳng định được thành tích về mặt công tác trong năm qua có nhiều tiến bộ, một trong những nguyên nhân quan trọng chi bộ được phát triển và được củng cố, chi bộ cơ sở lại càng chứng minh rõ điều đó.

Ngoài ra Ban Thường vụ tập trung chuẩn bị cho Hội nghị Ban Chấp hành tỉnh khóa III và khóa IV để tổng kết công tác 1963, bàn nhiệm vụ công tác 1964, kiểm điểm Nghị quyết 39 của Ban Bí thư và Nghị quyết 14 của Tỉnh ủy, nghiên cứu và chuẩn bị thi hành chỉ thị về cải tiến công cụ, chỉ thị về công tác tuyên giáo đối với các dân tộc thiểu số của Ban Bí thư, nghị quyết về phân phối và quản lý lương thực của Bộ Chính trị, v.v..

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định mở cuộc vận động ba xây, ba chống đợt 1 ra chín cơ quan xung quanh tỉnh và xúc tiến công tác điều tra nắm tình hình và đào tạo huấn luyện cán bộ cho đợt 1 cải tiến quản lý hợp tác xã.

Trong tháng qua sự lãnh đạo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được tập trung hơn, có phân công chuyên trách. Đã chú ý tới khâu tổ chức thực hiện và ra sức khắc phục những biểu hiện tư tưởng hữu huynh ở các cấp, trong cán bộ, đảng viên nên đã đẩy mạnh được một số mặt công tác đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 06-NQ/TU, ngày 13-3-1964
Về phương hướng nhiệm vụ năm 1964*

Năm 1963 phong trào cách mạng thế giới đang ở giai đoạn phát triển mạnh mẽ chưa từng có. Cuộc đấu tranh rộng lớn và sâu sắc của giai cấp công nhân và nhân dân các nước cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội đang diễn ra khắp nơi trên toàn thế giới, liên tiếp tấn công vào chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng.

Cách mạng đang thu được những thắng lợi to lớn và đang mở ra những triển vọng rực rỡ. Bên cạnh những thuận lợi ấy, bọn đế quốc nhất là tên chùm đế quốc Mỹ, đang ra sức huy động lực lượng nhằm củng cố địa vị của chúng, đàn áp phong trào cách mạng, ngăn chặn làn sóng xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, trong phong trào cộng sản quốc tế có sự bất đồng đang diễn ra hai đường lối: chủ nghĩa xét lại hiện đại với chủ nghĩa Mác - Lênin làm cho sự đoàn kết của phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế đang bị uy hiếp nặng nề.

Ở Việt Nam, phong trào cách mạng ở miền Nam đang cuồn cuộn dâng cao, âm mưu của đế quốc Mỹ liên tiếp bị thất bại, Diệm bị tiêu diệt, Khánh đảo chính Minh. Đó là biểu hiện thất bại về

* Nghị quyết của kỳ họp thứ III, khóa IV.

cơ bản chính sách của đế quốc Mỹ. Mặc dù vậy, ý đồ của chúng vẫn không giảm đi đang cố sức đẩy cuộc chiến tranh đặc biệt một cách điên cuồng táo bạo. Đế quốc Mỹ đã và đang có tác động tăng cường phá hoại miền Bắc, liều lĩnh và ráo riết hơn.

Miền Bắc nước ta đang đà phát triển cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực đều giành được những thắng lợi to lớn hết sức quan trọng.

Năm qua trên sự chuyển biến chung của cả nước, tỉnh ta cũng có nhiều thắng lợi:

Về phát triển nông nghiệp với nhịp độ tiến bộ toàn diện hơn các năm trước; nhịp nhàng giữa trồng trọt và chăn nuôi, trồng trọt cây lương thực là chủ yếu, cây công nghiệp được coi trọng. Trong chăn nuôi nhịp nhàng giữa đại gia súc với trung gia súc. Sản phẩm của nông nghiệp từ chỗ chỉ tự túc, tự cấp nay đang trở thành hàng hóa phục vụ cho nông nghiệp nhiều hơn. Tốc độ tăng sản lượng lương thực cao hơn tăng dân số cơ học, thủy lợi tiến bộ hơn, khu vực khoanh vùng kinh tế đang dần dần hình thành. Cụ thể diện tích trồng trọt vượt kế hoạch 2,3%, tăng hơn năm 1962 là 5,8%. Tổng sản lượng nông nghiệp tăng hơn 1962 là 6,2%, trong đó sản lượng lương thực tăng hơn năm 1962 là 4,7%, sản lượng chăn nuôi cũng tăng hơn năm 1962 là 36,6%. Đặc biệt, lợn thịt tăng hơn năm 1962 là 56%, hơn cả năm 1959 là năm phát triển cao nhất. Sản lượng cây công nghiệp cũng tăng hơn năm 1962 là 0,8%.

Trong nông nghiệp vấn đề tồn tại chủ yếu là biện pháp thâm canh tăng năng suất chưa thật coi trọng, năng suất còn quá kém.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp có nhiều cống gắng phấn đấu. Những hợp tác xã còn lại đã tiến bộ rõ rệt về mặt quản lý sản xuất, làm nghĩa vụ với Nhà nước. Số hợp tác xã hiện nay có là 48,5%, số hộ nông dân lao động nhưng vẫn giữ được tác dụng chủ yếu của thành phần kinh tế ở nông thôn trong việc thực hiện kế hoạch. Trong vấn đề củng cố hợp tác xã nông nghiệp còn tồn tại có xu hướng hữu khuynh, hồi đầu năm, cuối năm tuy có bổ khuyết

nhưng việc thực hiện và sự quyết tâm chưa mạnh, chưa cao, vì giải quyết tư tưởng hai con đường chưa triệt để.

Công nghiệp: Tỉnh ta năm qua không ngừng phát triển về cơ sở vật chất và kỹ thuật, sự tiến bộ thể hiện nhịp nhàng hợp lý là: giá trị tổng sản lượng tăng là do tăng năng suất lao động. Công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp đều vượt kế hoạch. Thực hiện chỉ tiêu trong công nghiệp, giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh đạt 107,1% kế hoạch, thủ công nghiệp đạt 114%, so với năm 1962, công nghiệp quốc doanh tăng 40,3%, thủ công nghiệp tăng 3,8%, năng suất lao động tăng hơn năm 1962 bình quân từ 15 đến 20%. Nộp thuế khẩu hao, nộp lợi nhuận có nhiều cố gắng góp phần vào việc thăng bằng thu chi hợp lý nền tài chính địa phương. Tình trạng đọng vốn tồn kho, sản phẩm sai quy cách, phẩm chất kém đã giảm đi nhiều. Công nghiệp phục vụ nông nghiệp đã đi vào thiết thực hơn. Phong trào tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa đang lan rộng.

Vấn đề tồn tại và yếu nhất trong công nghiệp vẫn là quản lý kỹ thuật, quản lý vật tư, quản lý giá thành.

Các mặt khác như thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, văn hóa, giáo dục, y tế, trị an, v.v. đều có những tiến bộ. Các tổ chức quần chúng và bộ máy chuyên chính cũng được củng cố kiện toàn thêm một bước mới, từ cơ sở đến huyện và tỉnh, tổ chức đảng được mở rộng, sâu thêm đến các đơn vị sản xuất, cơ sở chính trị được vững vàng hơn trước.

Nguyên nhân năm 1963 tỉnh ta thu được những thắng lợi lớn lao là do có Nghị quyết 8 của Trung ương là nghị quyết có tính chất chỉ đạo tư tưởng và hành động. Ban Chấp hành tỉnh năm qua đã nắm chắc được tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh và sự quyết tâm đoàn kết nhất trí của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc có tính cần cù, sáng tạo, dũng cảm vượt mọi khó khăn, phấn đấu cắn bản thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng.

Hội nghị toàn Ban Chấp hành tỉnh đã triển khai học tập Nghị quyết 9 của Ban Chấp hành Trung ương, ý thức tư tưởng hoàn toàn nhất trí với Trung ương Đảng trên tinh thần phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm đề ra cho toàn thể Đảng bộ và nhân dân các dân tộc năm 1964 phải tạo ra một khí thế cách mạng mới, sôi nổi vươn lên mạnh mẽ khắc phục mọi khó khăn, nhằm thực hiện nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra là: "*Củng cố xây dựng phát triển hợp tác xã, tổ đổi công, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, làm nhiệm vụ công tác trung tâm thường xuyên ra sức phát huy ưu thế của đặc điểm miền núi, xây dựng nền kinh tế nông nghiệp toàn diện trở thành cơ sở vững chắc cho công nghiệp phát triển. Phải tập trung lực lượng ra sức phấn đấu sản xuất lương thực bao gồm lúa, ngô, khoai, sắn, đao riêng, các loại đậu và cây có chất bột khác. Trên cơ sở đó coi trọng và đẩy mạnh chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, nghề rừng, cố gắng đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp địa phương và tăng thêm hàng hóa cho xuất khẩu và tiêu dùng ở địa phương*".

Để hoàn thành nhiệm vụ ấy Ban Chấp hành tỉnh thấy cần thiết năm nay phải khẩn trương thực hiện ba cuộc vận động lớn là: "Cải tiến quản lý hợp tác hóa nông nghiệp; khai hoang; ba xây ba chống" và phải quán triệt bốn khâu quan trọng trong mọi ngành mọi mặt công tác là:

- Lương thực.
- Lao động.
- Lưu thông phân phôi.
- Nhập xuất khẩu.

Dựa vào tình hình và nhiệm vụ trên đây, Ban Chấp hành tỉnh khóa IV, kỳ III nghị quyết một số nhiệm vụ cụ thể trong năm 1964 như sau:

I. CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÀ TỔ ĐỔI CÔNG

Xuất phát từ yêu cầu nâng cao đời sống quần chúng, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ cho Nhà nước, đẩy mạnh việc phát triển củng cố kinh tế tập thể. Năm 1964 công tác củng cố phát triển hợp tác xã và tổ đổi công có ý nghĩa rất lớn vì nó là cơ sở duy nhất để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên.

a) Đối với hợp tác xã còn lại phải ra sức củng cố nâng cao một bước là chủ yếu, lấy sản xuất tập thể làm nội dung cơ bản. Vì đó là con đường làm ăn tập thể của nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, là con đường duy nhất để chiến thắng nghèo khổ và lạc hậu, giải quyết tận gốc vấn đề dân tộc cần tiếp tục phát động và giáo dục hai con đường cho nông dân và xã viên để xác định củng cố lại tư tưởng làm ăn tập thể. Mỗi hợp tác xã phải định được phương hướng sản xuất của mình cho rõ ràng, cố gắng xây dựng sân phơi cho 30% số hợp tác xã vùng thấp, chú ý đúng mức đến quản lý kỹ thuật, quản lý tài vụ, quản lý lao động thực hiện khẩu hiệu "Trong cải ngoài tiến". Các hợp tác xã cố gắng quản lý 100% sản xuất lương thực chủ yếu là lúa và ngô (kể cả lúa nương), hạn chế tích cực việc làm nương lúa ngô riêng lẻ của xã viên, phải đầu tư lao động vào đầu mẫu Bắc Bộ tối thiểu cũng phải từ 90 đến 100 công, huy động bình quân lao động của một xã viên trong 1 năm là 180 công cho sản xuất hợp tác xã. Các hợp tác xã nông nghiệp phải quán triệt tư tưởng chỉ đạo của tỉnh năm 1964 là thâm canh tăng năng suất, tăng vụ là chủ yếu, các nơi cần phát triển diện tích, phải theo hướng làm ruộng bậc thang, nương bậc thang, lanh đạo hợp tác xã phải hết sức coi trọng việc đào tạo cán bộ kế toán và chủ nhiệm hợp tác xã, phải đẩy mạnh việc ba khoán trong hợp tác xã và thi hành chế độ thưởng phạt trong hợp tác xã một cách chặt chẽ kịp thời. Đối với kinh tế gia đình của xã viên cần tích cực khuyến khích theo các

hướng phát triển thủ công chế biến, trồng trọt hoa màu phụ để phát triển chăn nuôi, kiêm lâm thổ sản, v.v. nhằm không ngừng nâng cao đời sống cho xã viên, không mâu thuẫn với quản lý kinh tế tập thể hợp tác xã.

b) Về phát triển hợp tác xã mới, cần tiến hành một đợt vận động giáo dục tư tưởng cho nông dân các dân tộc sâu rộng hơn nữa về hai con đường. Lấy phát động tư tưởng làm đường lối công tác phải bảo đảm thi hành đầy đủ các điều kiện do Trung ương quy định mới được lập hợp tác xã. Về mức độ cố gắng hết năm 1964 đưa tỷ lệ hợp tác xã từ 48,5% lên 65% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Cách làm theo thường xuyên, huyện lãnh đạo trực tiếp là chủ yếu, tỉnh tăng cường tập trung cho huyện một số cán bộ cần thiết để tiến hành ở vùng cao, với điều kiện là phải làm tốt, phải giúp đỡ từ khi xây dựng cho đến khi thu hoạch 1 vụ mới rút cán bộ về tỉnh. Trong khi xây dựng hợp tác xã phải hết sức coi trọng khâu đào tạo cán bộ chủ nhiệm và kế hoạch, những nơi chưa có kế toán huyện phải lo lắng ngay từ bây giờ.

c) Đối với công tác cải tiến quản lý hợp tác xã phải tổng kết tốt thí điểm, chuẩn bị đầy đủ cho kế hoạch cải tiến quản lý hợp tác xã mở rộng, bảo đảm đồng - xuân năm 1964 - 1965 căn bản hoàn thành cải tiến hợp tác xã vùng thấp. Trong công tác cải tiến quản lý hợp tác xã cần coi trọng hai vấn đề lớn là công tác điều tra nắm tình hình và công tác đào tạo cán bộ. Phương châm cải tiến là: Tỉnh chỉ đạo thí điểm, đến khi mở rộng diện thì huyện trách nhiệm lãnh đạo là chủ yếu, xã trực tiếp làm là chính, tỉnh tăng cường kiểm tra, huyện trực tiếp lãnh đạo và phái viên xuống giúp đỡ.

d) Tổ đổi công là bước quá độ tiến lên hợp tác xã. Song đối với tỉnh ta hiện nay tỷ lệ hợp tác xã mới chiếm 48,5%, chưa vào hợp tác xã chiếm 51,5%, trong số 51,5% thì 64% là ngoài tổ đổi công.

Tình hình trên cho thấy vị trí của củng cố và xây dựng tổ đổi công có bình công, chấm điểm là vấn đề rất quan trọng. Trong năm 1964 phải đưa từ 80 đến 90% số hộ còn làm ăn riêng lẻ vào tổ

đổi công, và đưa từ 50 đến 60% số tổ đổi công lên bình công chấm điểm, có làm được như vậy mới tạo được cơ sở cho hợp tác xã phát triển năm 1965 một cách tích cực, mới có khả năng thực hiện tốt kế hoạch 1964. Ban Nông nghiệp tỉnh cần hướng dẫn các huyện chuẩn bị tích cực cho hội nghị chuyên đề về đổi công từng huyện, phải chuẩn bị tốt về nội dung và điển hình để hội nghị thu được nhiều kết quả, làm cho phong trào đổi công tiến bộ mạnh mẽ vững chắc.

II. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

a) Trồng trọt

- Phương hướng trồng trọt 1964 phải làm toàn diện mạnh mẽ, vững chắc. Đặc biệt, công tác trồng trọt cây lương thực phải được đặt thành công tác số một để trong năm 1964 tỉnh ta có thể tự túc lương thực trong địa phương và có một phần dự trữ cho 1965, chỉ phải xin Trung ương cung cấp lương thực cho những xí nghiệp Trung ương đóng tại địa phương. Phải có tỷ lệ cân đối giữa cây lương thực, cây công nghiệp hoa màu, chăn nuôi, v.v.. Phải thực hiện dân chủ hóa kế hoạch với quần chúng, phải sơ bộ khoanh vùng được sản xuất để tập trung lãnh đạo chuyên canh, và đầu tư kỹ thuật tập trung cho sản xuất. Tỉnh ta phải tập trung làm tốt việc lãnh đạo thăm canh tăng năng suất, tăng vụ, các biện pháp nước, phân, cần, giống, lao động phải hết sức chú trọng làm tốt. Các biện pháp cải tiến nông cụ phải được thực hiện mạnh mẽ trong năm khâu sản xuất: *làm đất, thủy lợi* (kể cả đào đắp, tưới, thoát), *vận chuyển thu hoạch và chế biến*.

Dối với việc bón phân, phải thanh toán được đại bộ phận nạn cấy chay trên diện tích ruộng cả mùa lắn chiêm, và các nương ngô định canh của vùng cao. Đặc biệt các ruộng xấu phải được bón phân 100% và tỷ lệ cao hơn các ruộng khác. Đảm bảo bình quân 1 ha bỏ 4 tấn phân và vận động thí điểm rộng rãi việc dùng phân hóa

học cho các loại đất thích hợp để nâng cao năng suất cây trồng, mặt khác giảm bớt lao động vận chuyển của vùng cao và giải quyết một phần khó khăn xen canh gối vụ vùng thấp. Việc cày ải phải được phát động thành phong trào rộng rãi thường xuyên, ruộng châm chiêm cấy mùa ít nhất phải bảo đảm từ 10 đến 15 ngày từ khi làm đất đến khi cấy. Phải hết sức coi trọng việc làm đúng thời vụ của các loại cây trồng, phải tích cực chọn bình tuyển giống tốt của lúa, ngô, để loại trừ các giống xấu làm cho năng suất cây trồng nâng lên tỷ lệ thích hợp, bảo đảm sau năm 1965 ta có thể tăng vùng hoặc huyện thống nhất một số loại giống tốt nhất định.

Về giá trị tổng sản lượng phải cố gắng phấn đấu bảo đảm tăng bình quân hằng năm là 10%.

Để tập trung vào thâm canh tăng năng suất cho lúa và ngô, trước hết phải giải quyết một số chủ trương lớn là:

- Phải tuyên truyền giáo dục vận động quần chúng để mọi người thấy chỉ có cách thâm canh tăng năng suất trên một diện tích gieo trồng là con đường lâu dài, vững chắc nhất để nâng cao sản lượng và đời sống quần chúng, phải làm cho mọi người thấy rõ tác hại của việc phá rừng làm nương hiện hay trước mắt có lợi nhưng thiệt hại to lớn và lâu dài cho cả miền núi lắn miền xuôi, cả rẽo cao lắn rẽo thấp, phải phê phán thật mạnh vấn đề làm ngô, lúa riêng lẻ.

- Phải có những biện pháp thật tích cực đối với từng vùng: Vùng thấp những địa phương bình quân diện tích tự nhiên theo đầu người từ 4 sào trở lên chúng ta hạn chế không cho phát nương (4 sào bằng 12 cân giống diện tích) để đầu tư lao động và tăng năng suất. Vùng cao và vùng giữa cần để một tỷ lệ thích đáng cho từng nơi còn chủ yếu cũng phải chuyển hướng mạnh mẽ làm ruộng và nương bậc thang.

Cần phát động thực hiện tốt cuộc vận động hai năm làm thủy lợi như nghị quyết của Hội đồng Chính phủ đã quyết định, đảm bảo diệt hạn chấm 84% diện tích cho chiêm, 55% diện tích lúa mùa, 75% cho cây công nghiệp và 35,5% cho hoa màu có độ ẩm.

Cần xúc tiến việc thành lập các đội thủy lợi kết hợp với giao thông ở các hợp tác xã hoặc thôn có điều kiện, để không ngừng phát triển sản xuất và thực hiện một bước giải phóng đôi vai, giải phóng sức lao động của nông thôn.

Công tác giao thông vận chuyển là một vấn đề rất lớn trong sản xuất nông nghiệp, phải có kế hoạch giải quyết từng bước cho tốt để tập trung lực lượng cho sản xuất như làm phân, thủy lợi, tăng vụ, hoặc vận chuyển thóc, ngô, mía cho Nhà nước, v.v.. Ta làm tốt khâu giao thông chắc chắn quần chúng sẽ không sợ sản xuất nhiều và phải bán và gánh nhiều cho Nhà nước.

Ngoài các biện pháp trên, các biện pháp về quản lý rừng, quy định phát nương, chính sách thuế nương, thu mua lúa nương cần được sớm nghiên cứu quy định, đồng thời phải có một số biện pháp hành chính cần thiết để phân cấp quản lý nghề rừng cho các huyện và cho xã một số quyền hạn nhất định để thực hiện các chủ trương trên.

Đi đôi với sản xuất, phải đẩy mạnh việc vận động tiết kiệm và lao động trong sản xuất, tiết kiệm tiêu dùng thực phẩm trong việc làm ma, cưới, té, nấu rượu, v.v.. Tích cực cải tạo những tệ nạn khác có hại cho sản xuất như thả trâu bò, lợn rông, cấm bang, v.v..

b) Trồng cây công nghiệp và nghề rừng phải được coi là một nhiệm vụ quan trọng trong phương hướng sản xuất, vì nó là một chân của kinh tế tập thể, việc trồng rừng, bảo vệ rừng phải được đi đôi với nhiệm vụ khai thác từng bước có kế hoạch, và phải do tập thể các hợp tác xã quản lý. Cây công nghiệp là một ngành kinh tế của hợp tác xã chúng ta đã làm với tỷ lệ trên dưới 10% diện tích trồng trọt. Song lại rất ít cây công nghiệp dài ngày. Cho nên năm 1964 phải phát động quần chúng thật mạnh mẽ trồng cây công nghiệp dài ngày là trầu, sở hoặc màng tang, làm sao mỗi hợp tác xã tùy theo quy mô to hoặc nhỏ mà trồng từ 1 nghìn đến 5 nghìn cây công nghiệp dài ngày. Ngoài ra, nếu những hộ xã viên hoặc nhân dân có thể trồng thêm các loại cây công nghiệp dài ngày

ta khuyến khích và họ được sử dụng riêng của họ, diện tích sản xuất phải do Ủy ban xã quy định không quá 3 sào một hộ. Nếu ta làm tốt việc trồng cây công nghiệp, trồng rừng là đã thực hiện một bước xây dựng cơ sở vật chất cho hợp tác xã, mặt khác còn thiết thực để chống xói mòn trên nương rẫy trong tỉnh ta một cách tích cực nhất, bảo đảm năm 1964 diện tích cây công nghiệp chiếm từ 16 đến 17% diện tích và trong đó cây công nghiệp dài ngày có một tỷ lệ thích đáng.

Đối với việc trồng cây gây rừng cần vận động thành phong trào rộng rãi theo quy hoạch chung của tỉnh và sự hướng dẫn của Ty Lâm nghiệp về kỹ thuật. Trước mắt Ty Lâm nghiệp cần tổ chức tốt các vườn ươm giống cây ở các khu vực vùng cao, để giúp cho các hợp tác xã về kỹ thuật và giống tốt.

c) Chăn nuôi trong năm 1963 có phát triển nhưng chưa được vững chắc, nhất là mặt chăm sóc chưa tốt, trâu, bò còn gầy, tỷ lệ đẻ còn ít, chi tiêu hướng nuôi trâu nái giảm sút, thức ăn chưa đầy đủ nên trọng lượng của lợn chậm lớn, một số nơi để xảy ra dịch lợn kéo dài đã gây một số thiệt hại. Chăn nuôi tập thể của một số cơ sở chưa được củng cố tốt.

Năm 1964 phải phát động thành phong trào toàn dân chăn nuôi, phải chú trọng hơn nữa đến phát triển đàn đại gia súc trâu, bò, ngựa để đảm bảo cày kéo, thồ, lấy phân bón ruộng. Đặc biệt, đàn lợn phải được giải quyết tốt thức ăn để đảm bảo không những tăng đầu lợn và tăng cả trọng lượng, phải kịp thời khẩn trương khoanh vùng chấm dứt tình trạng lợn dịch hiện nay, ra sức phát triển lợn nái trong các hợp tác xã để đảm bảo sản xuất lấy lợn giống chủ động trong công tác chăn nuôi không ngừng phát triển, bước đầu vận động các hợp tác xã chăn nuôi lợn, dê thịt tập thể. Cần vận động làm chuồng trâu, lợn, nhà chứa phân, chấm dứt tình trạng thả rông phá hoại sản xuất gây mênh thuẫn trong nhân dân.

d) Ra sức làm tốt công tác tổ chức tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế ở tỉnh ta, từ 8 nghìn đến 10 nghìn nhân khẩu,

trong đó từ 2.500 đến 3.000 lao động trong năm 1964. Hướng công tác khai hoang vẫn coi trọng cả hai hình thức tập trung và xen kẽ đi đôi với nhau. Phương hướng sản xuất vẫn phải lấy lương thực làm chủ yếu, đồng thời hết sức coi trọng việc phát triển cây công nghiệp chăn nuôi, thủ công. Phương châm của khai hoang là làm đến đâu ăn chắc đến đó, làm đến đâu thâm canh định canh đến đó, lấy khẩu hiệu làm ruộng và nương bậc thang là khẩu hiệu chiến lược. Trong công tác khai hoang phải tăng cường hơn nữa công tác điều tra đất đai nắm vững tình hình, tiến hành giáo dục quần chúng đoàn kết sản xuất tốt ngay từ ban đầu. Chính sách lương thực thực đối với đồng bào khai hoang chúng ta cần nói rõ ngay từ đâu để đồng bào rõ là: 6 tháng đầu chúng ta bán hoàn toàn, và 6 tháng thứ hai đồng bào sẽ tự túc một phần, dần sang các năm sau chúng ta có thể rút hẳn hay cung cấp một phần để quần chúng lo lắng tự túc một cách chủ động.

III. VỀ CÔNG NGHIỆP

Phương hướng Đại hội đã chỉ thị: "Cân ra sức chú ý đến việc xây dựng công nghiệp quốc doanh địa phương, phát triển thủ công nghiệp mạnh mẽ, tranh thủ sự hỗ trợ của công nghiệp trung ương đóng tại địa phương, phát huy tác dụng của công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, phục vụ nông nghiệp ngày càng tốt hơn".

Trên cơ sở công nghiệp sẵn có mà xây dựng nâng cao một bước về chất lượng công nghiệp trên các mặt quản lý, hạch toán kinh tế, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo "năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều và an toàn lao động" đảm bảo công nghiệp phục vụ nông nghiệp đắc lực và có lãi.

Phương hướng phát triển công nghiệp 1964 phải được toàn diện và vững chắc: Cùng với việc phát triển tư liệu sản xuất phục vụ công, nông nghiệp, phải coi trọng đúng mức việc sản xuất vật liệu cho xây dựng cơ bản, xây dựng sân phơi, nhà kho

trong nông nghiệp, đồng thời phải hết sức chú ý đến lãnh đạo củng cố và phát triển thủ công nghiệp, làm cho thủ công nghiệp không những được củng cố phát triển mở rộng cơ sở về mặt hàng và tổng sản lượng tăng với tốc độ nhất định so với công nghiệp quốc doanh. Vấn đề thủ công nghiệp đặt ra tích cực như vậy là do đặc điểm miền núi phát triển kinh tế còn chậm, nông cụ sản xuất tập trung nhiều thì lại thừa, sợ thị trường Lào Cai là thị trường cựt, sản xuất ít thì không lãi, sản xuất tập trung thì lại thừa. Muốn đáp ứng với yêu cầu rộng rãi cho quần chúng thì phải ra sức phát triển thủ công nghiệp, phương hướng của thủ công nghiệp phải được định rõ ràng, những sáng kiến có lợi cho sản xuất phải được kịp thời xét nghiệm và phổ biến. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và chú trọng đến phát triển công cụ sản xuất, cải tiến kỹ thuật và chế biến nông lâm sản, các hợp tác xã ở thị xã, thị trấn cần có phương hướng phát triển thủ công nghiệp, nhiều ngành nghề đảm bảo sản xuất quanh năm, phục vụ sản xuất, xây dựng, xuất khẩu và đời sống quần chúng. Cần tăng cường cán bộ chuyên trách cho thủ công nghiệp từ tỉnh đến huyện, các cấp huyện, thị ủy cần có nghị quyết về thủ công nghiệp trong địa phương và chịu trách nhiệm lãnh đạo phong trào thủ công nghiệp, tranh thủ sự hỗ trợ giúp đỡ của Ban Công nghiệp và Ty Công nghiệp tỉnh một cách tích cực nhất.

Xây dựng cơ bản phải được tập trung lãnh đạo vào khâu xây dựng cơ sở vật chất cho các hợp tác xã đặc biệt là khâu sân phơi, nhà kho, nhà chứa phân, giao thông cho các xã có làm tốt các khâu trên mới tập trung được lao động dành cho sản xuất. Trong sản xuất các xí nghiệp phải định được chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, phải lấy cải tiến tổ chức, cải tiến kỹ thuật phát huy sáng kiến để nâng cao năng suất lao động làm chủ yếu. Các xí nghiệp địa phương đều phải hạch toán kinh tế và phải đẩy mạnh hơn nữa trong việc tiết kiệm, chống lãng phí về nguyên liệu và thời gian lao động.

- Đối với công nghiệp Trung ương cần phát huy mạnh mẽ hơn nữa thắng lợi 1963 để hoàn thành vượt mức kế hoạch 1964 thắng lợi to lớn hơn. Trong sản xuất phải coi trọng việc nâng cao năng suất lao động của con người, tận sử dụng công suất máy một cách triệt để nhằm giảm sức người tăng được sản lượng, tiết kiệm nhiều, đảm bảo an toàn lao động. Cân ra sức giúp đỡ công nghiệp địa phương về kỹ thuật và đào tạo cán bộ, giúp đỡ các hợp tác xã và xã gần công nghiệp trung ương một cách thiết thực như sân phơi, cầu, đường, phương tiện vận chuyển, v.v. để củng cố công nông liên minh.

Phải phát động phong trào thi đua trong công nghiệp (kể cả công nghiệp trung ương và địa phương) mạnh mẽ hơn nữa để xây dựng nhiều tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa. Phải tập trung lãnh đạo thực hiện tốt cuộc vận động ba xây, ba chống ở những nơi chưa làm, và phát huy thắng lợi của hai thí điểm đã hoàn thành cuối 1963, làm cho công nghiệp thực sự là vai trò chỉ đạo trong nền kinh tế quốc dân, phục vụ nông nghiệp phát triển.

IV. CÔNG TÁC TÀI MẬU

Phương hướng công tác tài mậu năm 1964 là "Ra sức phát huy chức năng và tác dụng của các ngành trong khối tài mậu, thực sự là đòn xeo thúc đẩy sản xuất phát triển, góp phần tích cực vào việc tích lũy và tái sản xuất mở rộng, nâng cao từng bước đời sống quần chúng. Tích cực lãnh đạo và chỉ đạo công tác thu mua, khai thác nguồn hàng, chuyên công tác thu mua lương thực, thịt lợn và thường xuyên đi vào nghĩa vụ. Nắm nguồn hàng về kinh tế vào trong tay Nhà nước để có nhiều nguyên liệu cho công nghiệp, nhiều hàng hóa cho xuất khẩu và cải thiện đời sống cho công nhân và nhân dân. Tăng cường chỉ đạo khâu phân phối, tích cực kiểm tra, theo dõi chặt chẽ để phân phối đúng đối tượng, đúng chính sách, mặt khác phải đặc biệt coi trọng việc tiếp tục cải tạo những

người buôn bán nhỏ, tăng cường quản lý thị trường, ổn định giá cả, cố gắng đưa một số giá hàng thực phẩm giảm xuống một tỷ lệ thích hợp, giải quyết những khâu không hợp lý, những sự mất cân đối về vật tư, tiền tệ và thu chi tài chính, kiên quyết chống tham ô, lãng phí quan liêu, tích cực giảm phí lưu thông đến một tỷ lệ thấp nhất, để đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch 1964 tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

1. Thương nghiệp: Phải đạt ba khâu sản xuất thu mua phân phối là ba mặt của công tác kinh tế. Nếu sản xuất khá nhưng thu mua không tốt thì sẽ sinh ra lãng phí kèm hãi sản xuất. Trong thương nghiệp hiện nay yếu nhất là khu thu mua rồi đến phân phối. Năm 1964 yêu cầu lớn nhất của ngành thương nghiệp kể cả nội và ngoại thương là khâu công tác thu mua..., trọng điểm là thu mua lương thực, thực phẩm, nông sản, hàng xuất khẩu. Biện pháp chủ yếu để thu mua là công tác giáo dục giác ngộ tư tưởng quần chúng. Trước hết phải đào tạo, bồi dưỡng tốt đội ngũ cán bộ thu mua có chất lượng về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ, có quan hệ tốt với quần chúng, có quan điểm sản xuất rõ ràng.

Biện pháp thứ hai là thực hiện nguyên tắc hợp đồng kinh tế giữa Nhà nước với nông dân với điều kiện có đi có lại. Lãnh đạo thu mua phải được chỉ đạo tập trung, chỉ tiêu thu mua phải được giao cùng với chỉ tiêu sản xuất từ đầu vụ xuống tận cơ sở; cơ sở thu mua phải được tăng cường mở rộng hợp tác xã mua bán ở nhiều xã, tổ chức nhiều đại lý thu mua thành mạng lưới nhân dân thu mua cho Nhà nước, đội ngũ cán bộ thu mua phải được tăng cường chất lượng, các ngành có hệ thống dọc xuống cơ sở phải coi công tác thu mua là một nhiệm vụ của ngành mình để lấy đó làm nội dung giáo dục thực hiện, vì công tác thu mua là của toàn Đảng, toàn dân, của mọi ngành có trách nhiệm. Các biện pháp kích thích việc sản xuất thu mua phải được thực hiện kịp thời như hàng hóa hoặc giấy khen, bằng khen.

Công tác phân phối phải lãnh đạo chặt chẽ, đảm bảo đến tay người tiêu dùng đúng chế độ, tiêu chuẩn đã quy định, đề cao tinh thần

tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí,... Thực hiện đúng nội quy bán hàng đã được quy định, làm sao thông qua việc phân phối mà gây một nếp sống mới và phấn khởi trong cán bộ và nhân dân.

Muốn đảm bảo phân phối và quản lý tốt phải có tổ chức, phải quy định trách nhiệm đầy đủ, có kiểm tra chặt chẽ, chống tệ tham ô lợi dụng. Đối với khu vực sản xuất phải hết sức vận động tiết kiệm trong thu hoạch, sử dụng đảm bảo lương thực đủ no nhưng đừng lãng phí, thực phẩm dùng vừa phải để có thừa bán cho Nhà nước.

Công tác quản lý thị trường, tiếp tục cải tạo tư sản và thương nghiệp tư nhân, theo hướng cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đối với công tác quản lý lương thực phải chấp hành nghiêm chỉnh, dần tiến tới xóa bỏ thị trường tự do bán gạo. Cần nghiêm cấm nạn đầu cơ tích trữ, hạn chế đi đến xóa bỏ việc buôn không có đăng ký, giữ vững giá cả thị trường. Cần tích cực hơn nữa đưa một số tiểu thương còn lại vào sản xuất thủ công, chăn nuôi, hoặc sản xuất nông nghiệp ở những nơi có điều kiện. Đối với tư sản cần tiếp tục cải tạo họ bằng con đường lao động, đấu tranh tư tưởng với họ và phê phán những mặt tiêu cực không chấp hành chính sách, làm dối, ăn cắp của Nhà nước.

2. Về tài chính: Phải tăng cường lãnh đạo công tác tài chính, đẩy mạnh công tác thu, tiết kiệm chi, thực hiện khẩu hiệu ít tiền mà làm được nhiều việc. Ngành tài chính phải tăng cường chỉ đạo hướng dẫn giúp đỡ các đơn vị sản xuất về khai thác nguồn thu, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý tiết kiệm chi những khoản cần hoãn hoặc không chi để tập trung cho sản xuất, đặc biệt là chú ý đến kiến thiết kinh tế, xây dựng cơ bản nông thôn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp, cho công tác đào tạo cán bộ.

3. Công tác tín dụng và tiền tệ: Cần đẩy mạnh hoạt động quay vòng của tiền nhiều hơn nữa, đảm bảo giảm bớt bội chi đến mức thấp nhất, tích cực thu xí nghiệp sự nghiệp thu lãi, thu khấu hao và thu không hàng hóa.

Ra sức vận động quần chúng thực hiện chính sách tiết kiệm, kể cả nông thôn, thành trấn, và cơ quan xí nghiệp nhà nước, đảm bảo bình quân cán bộ, công nhân viên số dư cuối năm là 70 đồng, thị xã 30 đồng, nông thôn 1 đồng, đối với những tổ chức tín dụng ở xã cần được củng cố hoạt động mạnh hơn và cho phát triển thêm ở những nơi có điều kiện để huy động thêm vốn của nhân dân phục vụ sản xuất, tiêu dùng, đỡ phần khó khăn do Nhà nước bỏ tiền ra cho nhân dân vay. Các quỹ tín dụng phải được giúp đỡ hướng dẫn của ngân hàng để biết hoạt động và sử dụng tiền một cách hợp lý, phục vụ sản xuất và đời sống quần chúng; cần phải thanh toán tình trạng biến tổ chức tín dụng tổ chức thu tiết kiệm cho ngân hàng đơn thuần; Cơ quan ngân hàng cần tiến hành mở đại hội xã viên hợp tác xã tín dụng đến tận cơ sở để thanh quyết toán và dân chủ công khai báo cáo trước xã viên về hoạt động của quỹ tín dụng.

Cần tích cực cho vay vốn vào nông nghiệp hơn nữa như cho vay khai hoang, cho vay mua phân, sắm tư liệu sản xuất cày kéo, sân phơi nhà kho, giống, v.v.. Riêng thủ công nghiệp cần hết sức giúp đỡ cho vay vốn để sản xuất, chế biến, kể cả ngắn và dài hạn tỷ lệ cao hơn năm 1963 với điều kiện dễ dàng không phiền phức cho quần chúng.

Các ngành kinh tế tài chính ở tỉnh cần thông qua cuộc vận động ba xây, ba chống, để giáo dục ý thức trách nhiệm nâng cao trình độ quản lý kinh tế, tài liệu cho cán bộ, công nhân viên, tích cực chống triệt để tệ nạn tham ô lãng phí và quan liêu.

V. CÔNG TÁC VĂN HÓA GIÁO DỤC, Y TẾ - THỂ DỤC THỂ THAO

"Cần cố gắng nhiều hơn nữa để từng bước thanh toán tình trạng thấp kém về văn hóa, khoa học - kỹ thuật, cải tiến phong tục tập quán, tăng cường bảo vệ sức khỏe cho nhân dân các dân tộc".

Năm 1964 các ngành trên cần làm một số nhiệm vụ sau:

- Văn hóa: Cần đẩy mạnh các mặt hoạt động văn hóa văn nghệ, đặc biệt là phong trào văn hóa quần chúng, phục vụ sản xuất và công tác, cần tích cực hướng dẫn khai thác vốn dân tộc, nâng cao chiến đấu, tính hiệu quả của văn nghệ lên một bước, hướng dẫn quần chúng sử dụng văn hóa văn nghệ một cách phong phú vào công tác và sản xuất. Phải phát động phong trào tự biên tự diễn, nghiệp dư mạnh mẽ hơn nữa để có bài hát, điệu múa ngắn, giản đơn phục vụ kịp thời những nội dung sinh hoạt của văn hóa văn nghệ phải lành mạnh, nhiều tiến bộ, phản ảnh người mới, việc mới, tập thể mới chấp hành chính sách của Đảng và kế hoạch Nhà nước, phục vụ công nông binh, cần phản ánh các cuộc vận động của Đảng, cần tích cực tiến hành cải tạo những tập quán xấu, lạc hậu cản trở sản xuất, tiếp tục làm công tác cai nghiện cho những người mắc nghiện đồng thời tuyên truyền sâu rộng tác hại của nghiện có hại cho sản xuất và nòi giống.

- Giáo dục: Cân tích cực thanh toán nạn mù chữ cho các dân tộc bằng chữ phổ thông và chữ Mèo, cố gắng phấn đấu cho vùng thấp đại bộ phận các xã được thanh toán nạn mù chữ, vùng cao những nơi tập trung dân cư phải kiên quyết tập trung khả năng giáo viên để thanh toán một số xã trọng điểm ở từng khu vực. Đối với cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải thanh toán nạn mù chữ, cán bộ chủ chốt vùng cao phải thanh toán lớp 1, vùng thấp lớp 2, thị trấn, thị xã lớp 3.

Đây là nhiệm vụ rất lớn phải động viên toàn dân học tập, cán bộ đảng viên phải quyết tâm gương mẫu, giáo viên và ngành giáo dục phải kiên nhẫn khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Về bồi túc văn hóa phải được đẩy mạnh hơn nữa để thực hiện khẩu hiệu vừa làm vừa học là chủ yếu, cố gắng đảm bảo cho đại đa số cán bộ, công nhân viên mỗi năm lên một lớp. Những đối tượng cán bộ chủ chốt cần phải có biện pháp tích cực hơn nữa để năm 1965 có thể đạt được như Nghị quyết Đại hội IV của tỉnh đã quyết định. Đối với những cán bộ luôn đi công tác lưu động, không có điều kiện

học tập, các cơ quan cần kết hợp chặt chẽ với ngành giáo dục tổ chức học bù cho anh em khi về cơ quan hoặc cho đi học các lớp tập trung với mức độ cần thiết.

Đối với các trường phổ thông phải đẩy mạnh phong trào hai tốt, lãnh đạo phải biến nhà trường là nơi phải tỏa được ánh hưởng ra xung quanh về khoa học - kỹ thuật, vừa phát minh kỹ thuật và phổ biến kỹ thuật sâu rộng, lãnh đạo chặt chẽ hơn nữa về nội dung giảng dạy đảm bảo tỷ lệ lên lớp và mẫn khóa có tỷ lệ cao hơn, chú trọng hơn nữa đến khâu vận động học sinh tới trường để đảm bảo bình quân mỗi lớp ở thị xã từ 40 học sinh trở lên, vùng thấp từ 20 đến 25 học sinh, vùng cao từ 15 đến 20 học sinh một lớp. Riêng vấn đề đào tạo giáo viên người dân tộc phải hết sức coi trọng phải đảm bảo có nhiều giáo viên là người dân tộc và thực hiện người học các năm trước là thầy dạy năm sau, có kế hoạch cố gắng bồi dưỡng nâng cao trình độ của những giáo viên mỗi năm lên một lớp cho phù hợp với yêu cầu đòi hỏi. Cần mở rộng việc phát triển thêm trường, lớp bổ túc văn hóa ở huyện để bồi dưỡng cho các cán bộ chủ chốt xã không có điều kiện học để mau chóng thanh toán hoặc nâng cao trình độ hơn quần chúng. Năm 1964 phải mở cuộc vận động tổng công kích diệt dốt mạnh hơn nữa làm cho phong trào giáo dục chuyển biến mạnh mẽ hơn các năm trước. Cần xúc tiến chuẩn bị lập ký túc xá cho các khu trường cấp II, III nhằm phục vụ các con em nhân dân các dân tộc và con cán bộ. Phải chú ý đầy đủ đến phát triển các lớp mẫu giáo và vở lòng ở cơ sở, tiến hành quy định cụ thể về trách nhiệm giữa hai ngành giáo dục và phụ nữ về vấn đề này một cách cụ thể hơn.

- Về y tế, thể dục thể thao là hai mặt của việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe của con người. Cần đẩy mạnh việc phòng bệnh rộng rãi đi đôi với việc chữa những bệnh thường đổi phổi biến ở tỉnh ta như sốt rét, kiết ly, ỉa chảy, ho gà, nâng cao chất lượng điều trị. Phải đẩy mạnh hoạt động y tế trong các cơ sở xí nghiệp nông thôn và khai hoang, chú trọng bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và quan tâm đầy đủ nữa đến sức khỏe của cán bộ.

Năm 1964 cần phải đẩy phong trào vệ sinh phòng bệnh rộng rãi trong toàn tỉnh. Đặc biệt, vận động phong trào ba sạch "ăn, ở, vệ sinh làng bản", ở nông thôn trước mắt phải vận động phong trào làm chuồng phân, chuồng trâu lớn, hố xí riêng, thu phân ngoài được thực hiện khẩu hiệu "Sạch làng tốt ruộng, sạch bản tốt nương" vận động phong trào quần chúng dùng thuốc để điều trị, vận động các bà mẹ đi đẻ ở các trạm xá, bệnh xá hoặc bệnh viện. Tích cực phát hiện kịp thời các ổ dịch, có biện pháp ngăn chặn dập tắt trong một thời gian ngắn. Tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo tư tưởng tổ chức các bệnh viện, đẩy mạnh hơn nữa việc học tập Bệnh xá Vân Đình và chiến sĩ Trần Xuân Đậu trong ngành y tế. Tích cực củng cố các trạm xá sẵn có hoạt động và cố gắng tổ chức thêm những trạm xá ở những nơi có điều kiện, lương của cán bộ y tế xã phải dựa vào quần chúng và hợp tác xã để giải quyết là chủ yếu. Công tác vệ sinh phòng bệnh phải kết hợp chặt chẽ giữa đông và tây y để phục vụ nhân dân một cách đắc lực, cố gắng sưu tầm và học tập những bài thuốc di truyền của nhân dân để mở rộng khả năng phục vụ, mặt khác tích cực đấu tranh với những mê tín lạc hậu đang hạn chế sản xuất và đời sống quần chúng.

Công tác thể dục thể thao phải được phát động rộng rãi từ thành thị đến nông thôn, đặc biệt trong thanh niên phải làm nòng cốt, cần thực hiện tốt việc thể dục buổi sáng, giữa giờ làm việc trong các xí nghiệp, cơ quan, trường học. Cần phát huy tác dụng thể dục thể thao dân tộc như phi ngựa, bắn súng, đánh vật, đánh đu, v.v. kết hợp với thể thao quốc phòng hợp với từng dân tộc và từng đối tượng.

VI. CÔNG TÁC TRỊ AN

Ra sức xây dựng củng cố các lực lượng chuyên chính vững chắc, phát huy mạnh mẽ khí thế cách mạng của quần chúng, đẩy

mạnh hơn nữa công tác đấu tranh trấn áp phản cách mạng đảm bảo an toàn địa phương, bảo vệ sản xuất.

Xuất phát từ nhận định của Hội nghị Trung ương lần thứ chín về tình hình cách mạng đang sôi sục ở miền Nam - Việt Nam và Đông Nam Á. Kẻ địch trong Nam đang bị thất bại liên tiếp, đang gặp lúng túng. Để gỡ thế bí chúng sẽ tăng cường hoạt động phá hoại miền Bắc quyết liệt hơn, liều lĩnh và táo bạo hơn. Do đó, tình hình năm 1964 sẽ không phải dịu đi mà có tính chất quyết liệt hơn, địch có thể cố sức liều lĩnh hơn.

Để phục vụ tốt việc thực hiện kế hoạch 5 năm, Nghị quyết 4 của Đảng bộ. Tỉnh ta phải làm tốt việc bảo vệ địa phương góp phần đảm bảo an toàn miền Bắc và phục vụ cho cuộc đấu tranh giành thống nhất nước nhà. Phải ra sức phấn đấu tiếp tục hoàn thành thật tốt những yêu cầu đã nêu trong Nghị quyết 39 của Trung ương, Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy. Cần quán triệt tinh thần khẩn trương, chủ động phá trước mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của bọn gián điệp, biệt kích. Bảo vệ tốt nội bộ và bảo vệ tốt xây dựng kinh tế phát triển văn hóa chống phá hoại, chống đầu cơ tham ô buôn lậu.

Cần quán triệt các địa bàn trọng yếu như đã nêu trong Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy, vì là nơi địch chú ý, là nơi ta cần bảo vệ, các cấp ủy Đảng cần phải đặc biệt chú trọng chỉ đạo, phải có kế hoạch toàn diện thường xuyên nắm chắc tình hình trước mắt tìm mọi cách ổn định vùng xung yếu, trước hết và làm trong sạch các địa bàn quan trọng trước hết, tăng cường công tác bảo vệ, tiến hành phát động quần chúng đấu tranh chống phản cách mạng bảo vệ bằng được những nơi đó, *không cho phép chúng ta sơ hở những nơi này*.

Trong năm 1964 các cấp, các ngành cần thực hiện các nhiệm vụ cụ thể dưới đây:

1. Phải phấn đấu đảm bảo loại trừ khả năng gây bạo loạn của kẻ địch và đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an ở những nơi kém,

trung bình thành nơi có phong trào khá. Phải phát động mạnh mẽ khí thế cách mạng của quần chúng, động viên cán bộ, đảng viên, đoàn viên và nhân dân các dân tộc ra sức đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, trong năm 1964 đảm bảo yêu cầu loại trừ xã kém, đưa 90% số xã và khu phố lên loại khá, các địa bàn trọng yếu, các vùng xung yếu đạt 100% phong trào thuộc loại khá. Cần giải quyết tốt công tác sơ hở giáp biên giữa các huyện với nhau và giữa tỉnh ta với các tỉnh bạn một cách thường xuyên.

2. Phải tăng cường giáo dục ý thức cảnh giác căm thù địch sâu sắc trong quần chúng, để nâng cao ý thức chiến đấu mạnh nhất, đề phòng khả năng xấu nhất vẫn vững tin ở thắng lợi, không hoang mang dao động trước tình hình diễn biến phức tạp. Trên cơ sở ưu thế cách mạng của quần chúng được phát động phát huy tốt các biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn, kiên quyết đấu tranh đập tan âm mưu thâm độc và liều lĩnh của bọn gián điệp, biệt kích Mỹ và tay sai, về mặt bối phòng phải hết sức tăng cường như tích cực khẩn trương thực hiện công tác phòng không nhân dân, khi có gián điệp, biệt kích thâm nhập vào địa phương phải khẩn trương truy bắt nhanh gọn bí mật. Mặt khác, phải rất tích cực đi sâu phát hiện và đấu tranh có hiệu quả đối với các loại gián điệp khác ẩn nấp bí mật.

3. Trấn áp kịp thời những hoạt động phá hoại của bọn phản động địa phương nhằm phục vụ đắc lực cho việc thực hiện các chính sách của Đảng và kế hoạch nhà nước. Kiên quyết thanh toán bọn phản động đang lẩn trốn với tinh thần kiên quyết nhất nhưng rất khẩn trương.

4. Để hoàn thành căn bản việc quét được lực lượng phản cách mạng bộc lộ và tương đối bộc lộ như Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị đề ra, cần kiểm tra và tổng kết công tác tập trung cải tạo trong hai năm qua. Trên cơ sở đó, đánh giá đúng mức tình hình tồn tại, đồng thời có kế hoạch cụ thể tiếp tục tiến hành tập trung cải tạo

những phần tử đủ tiêu chuẩn tập trung. Mặt khác, phải quán triệt chính sách tập trung cải tạo một cách sâu sắc trong quần chúng.

5. Đi đôi với công tác trấn áp các bọn phản cách mạng phải ra sức giáo dục, cải tạo, cảm hóa những người trước đây tham gia tề ngụy, phỉ, đảng phái phản động nhằm xóa bỏ cơ sở xã hội mà địch dễ dàng lợi dụng, xóa bỏ diện bất mãn chống đối chế độ ta và tăng cường sự nhất trí về chính trị trong xã hội, yêu cầu công tác này phải đảm bảo nâng cao tỷ lệ tiến bộ, thu hẹp đến mức tối thiểu những phần tử chống đối. Muốn làm tốt công tác giáo dục cải tạo, cảm hóa những đối tượng cải tạo, điều quan trọng là phải quán triệt sâu sắc hơn nữa ý nghĩa mục đích nội dung giáo dục cải tạo trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, phải quán triệt từ trong Đảng ra ngoài quần chúng 6 tiêu chuẩn cải tạo tề ngụy, phỉ, phản động cũ.

6. Để phong trào bảo mật phòng gian trong nội bộ được tốt phải hoàn thành phát động ở cơ sở cấp huyện, đồng thời đưa phong trào bảo mật phòng gian chung trong tỉnh vào thường xuyên, đẩy mạnh phong trào xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn, riêng các cơ quan đầu não các cơ quan, xí nghiệp quan trọng, các lực lượng vũ trang thường trực, các bộ phận thiết yếu trong các cơ quan, xí nghiệp nói chung phải đảm bảo xây dựng thành đơn vị an toàn. Trong công tác bảo vệ nội bộ phải hết sức trú trọng làm giảm tình trạng hư hại về kinh tế, kiên quyết chống tệ nạn tham ô, lãng phí, nạn đầu cơ buôn lậu. Các cấp các ngành phải quán triệt trong cán bộ, công nhân viên về ý thức giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ bảo mật, phòng ngừa mọi sơ hở mà kẻ địch có thể lợi dụng để phá hoại.

7. Tăng cường và củng cố hơn nữa sức mạnh của các cơ quan và các lực lượng chuyên chính của Đảng và Nhà nước, nâng cao quan điểm lập trường kiên định vững vàng trước mọi tình hình và xác định được nhiệm vụ chính trị của mình.

Ủy ban hành chính từ tỉnh đến xã phải được đề cao đúng mức, phát huy đầy đủ chức năng của chính quyền chuyên chính vô sản trong việc lãnh đạo mọi mặt công tác của xã hội, tổ chức đời sống quần chúng và chuyên chính với kẻ thù. Đối với tổ chức Hội đồng nhân dân phải hết sức chú trọng công tác bồi dưỡng, chú trọng hơn nữa để huấn luyện và sinh hoạt đều đặn. Đặc biệt, phải giáo dục và làm tốt việc bầu cử Quốc hội năm 1964. Thông qua việc bầu cử mà nâng cao giác ngộ cho quần chúng các dân tộc lên một bước trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

- Lực lượng công an nhân dân cần chú ý củng cố hơn nữa để được nhạy bén về tình hình, sắc bén trong công tác đảm bảo được chức năng đánh địch tốt và làm tham mưu cho cấp ủy trong công tác đấu tranh chống phản cách mạng ngày càng khẩn trương, quyết liệt. Phải lấy việc giáo dục chính trị tư tưởng làm chính đồng thời coi trọng giáo dục về nghiệp vụ, kỹ thuật.

- Cơ quan tòa án, kiểm sát... cần được bồi dưỡng về mặt quan điểm lập trường của giai cấp vô sản, đảm bảo thực hiện đúng chức năng chuyên chính vô sản, tăng cường và củng cố về tổ chức nhất là cấp huyện để có đủ khả năng phục vụ chính trị, trấn áp kẻ thù được nhanh chóng triệt để, mặt khác giữ đúng được chức năng đảm bảo chấp hành đầy đủ luật pháp của Nhà nước.

- Các lực lượng vũ trang phải lấy giáo dục tư tưởng chính trị, đi đôi với huấn luyện kỹ thuật. Đồng thời, phải giáo dục ý thức thường trực chiến đấu, cảnh giác cách mạng để hoàn thành mọi nhiệm vụ cần thiết do Đảng và cách mạng yêu cầu, trọng điểm huấn luyện là khâu cán bộ. Ở huyện cần chú trọng đầy đủ các B mạnh, các xã phải chú ý đến dân quân loại 1 cả về huấn luyện và trang bị.

Đối với tổ chức công an, dân quân ở cơ sở các cấp ủy phải trực tiếp nắm và chỉ đạo, phải quan tâm đúng mức đến việc củng cố và xây dựng phát triển lực lượng thường xuyên tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho công an,

nâng cao chiến kỹ thuật cho dân quân, kiểm tra loại trừ những phần tử xấu hoặc phần tử địch trong hàng ngũ công an, dân quân. Các chi bộ phải phân công chi ủy hoặc đảng viên nắm dân quân, công an cần có một tỷ lệ đảng viên thích đáng đảm bảo nắm chắc lực lượng chuyên chính ở cơ sở và thường xuyên nghe báo cáo chỉ thị về công tác công an, dân quân.

8. Phải khẩn trương tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 39 trong toàn Đảng bộ. Yêu cầu của tổng kết phải đạt được hai yêu cầu lớn:

- Nâng cao được nhận thức cho cán bộ, đảng viên, bộ đội, công nhân, viên chức thấy được âm mưu của kẻ địch, nhận rõ được đường lối, chủ trương, chính sách đối phó của ta nói chung và Lào Cai nói riêng.

- Rút được kinh nghiệm đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, gìn giữ an ninh nói chung, đánh giá đúng được thành tích, nhận rõ được khuyết điểm, tồn tại, đề ra nhiệm vụ của địa phương mình phải thi hành trong năm 1964 để hoàn thành tốt Nghị quyết 39.

VII. VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN

Công tác dân vận năm 1964 phải được lãnh đạo tốt công tác vận động quần chúng. Vì tất cả mọi chính sách đều do quần chúng thực hiện, vì vậy các chỉ thị, nghị quyết của Đảng phải biến thành hành động cách mạng tự giác của quần chúng, chúng ta phải lấy công tác vận động quần chúng làm khâu then chốt của việc chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Mặt trận phải tăng cường việc giáo dục các tầng lớp trên cũ, giáo dục giai cấp tư sản địa chủ tinh thần yêu nước, yêu dân tộc, yêu chủ nghĩa xã hội, tin tưởng chế độ ta và có ý thức phục tùng chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước; quan tâm giáo dục ý thức hơn nữa đến công tác giáo và hoa vận, giáo dục đến các tầng lớp già, phụ lão và trẻ em từ 7 đến 16 tuổi, đẩy mạnh

cuộc vận động đấu tranh chính trị là cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Tiếp tục vận động cải tạo các phong tục tập quán cũ lạc hậu có hại đến sản xuất, đời sống của nhân dân, khôi phục lại Ban liên lạc mặt trận ở xã và củng cố tốt công tác tổ chức hội phụ huynh hoạt động.

- Phụ nữ kết hợp chặt chẽ phong trào thi đua yêu nước chung mà đẩy mạnh phong trào phụ nữ năm tốt cần phát động rộng rãi từ nông thôn đến thị trấn, cơ quan, xí nghiệp công, nông, lâm trường, cần kết hợp chặt chẽ phong trào thi đua yêu nước. Đẩy mạnh công tác chăn nuôi, thực hiện tốt công tác tiết kiệm, quan tâm và tích cực làm tốt công tác nhà trẻ xuống tận nông thôn để giải phóng sức lao động của phụ nữ phục vụ sản xuất phát triển, mỗi công tác trên cần có chỉ đạo điển hình để phổ biến kinh nghiệm làm tốt, khuyết điểm để khắc phục, giúp cho công tác chỉ đạo được chặt chẽ, đồng thời vận động phụ nữ cơ quan, xí nghiệp thị trấn thi hành việc sinh đẻ có kế hoạch.

- Công đoàn: Đẩy mạnh công tác củng cố xây dựng công đoàn theo tiêu chuẩn bốn tốt, tăng cường hoạt động công đoàn về mặt tư tưởng và tổ chức, đi vào đúng nội dung kinh tế kỹ thuật và tính chất quần chúng, mở rộng phong trào phấn đấu trở thành tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa một cách phổ biến trong các xí nghiệp, công, nông, lâm trường, cơ quan, vận động xây dựng và thực hiện tốt chương trình hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý. Đặc biệt, phải tập trung lực lượng vận động công nhân, viên chức thực hiện tốt cuộc vận động ba xây, ba chống được mở rộng trong năm nay.

- Thanh niên cần củng cố tốt các chi đoàn hiện có, để có thể nhiều chi đoàn trở thành vững mạnh... Tích cực phát triển thêm cơ sở và đoàn viên mới, đảm bảo cố gắng đến các thôn có chi đoàn. Phải giáo dục thanh niên tư tưởng mình vì mọi người, mọi người vì mình, giáo dục ý thức cộng sản cho thanh niên, giáo dục quan điểm lao động cộng sản, giáo dục ý thức truyền thống dân tộc anh

hùng cho thanh niên, làm cho phong trào thanh niên trở thành mạnh mẽ đầu tàu trong phong trào xứng đáng là cánh tay đắc lực cho Đảng. Thanh niên phải là lực lượng chủ yếu xung phong vào mặt trận khoa học - kỹ thuật cụ thể là trong xí nghiệp phải phát huy sáng kiến cải tiến công cụ sản xuất, làm phân, làm thủy lợi, sản xuất, chế biến, làm giao thông vận chuyển, v.v. về xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, mỗi chi đoàn cần có vườn cây công nghiệp dài ngày, hoặc có những khu ruộng nương bậc thang do thanh niên khai phá. Phải xây dựng được nhiều tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa trong xí nghiệp, nhiều đội xung kích trong nông thôn là thanh niên, để góp phần hoàn thành kế hoạch năm 1964, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Cần vận động thanh niên tiền phong gương mẫu đầu tàu thực hiện phong trào đổi mới về mọi mặt và đấu tranh với những tệ tục cũ có hại cho sản xuất và nòi giống. Tổ chức thanh niên phải là trường đào tạo con người mới, đào tạo và giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng Lao động Việt Nam.

- Thiếu niên nhi đồng cần được phát triển tổ chức rộng rãi xuống cơ sở và tăng cường giáo dục các em về mọi mặt, phải kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục ở trường, gia đình và tổ chức của các em để các em trở thành con người tốt có lợi cho xã hội và con ngoan của gia đình.

VIII. CÔNG TÁC ĐẢNG

Phương hướng công tác tư tưởng năm 1964

Nghị quyết về nhiệm vụ công tác tư tưởng năm 1964 của Bộ Chính trị: "Bước vào năm 1964, hướng vào nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chúng ta phải phát huy cao độ tinh thần triệt để cách mạng, phát triển mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước, ra sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh việc cải tiến

công tác quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật, đề cao tinh thần tiết kiệm, tập trung giải quyết tốt bốn vấn đề: lương thực, xuất khẩu, lao động, lưu thông phân phối. Chúng ta phải động viên các tầng lớp nhân dân làm tất cả những việc đó với khí thế vươn lên mạnh mẽ, đảm bảo giành thắng lợi cho kế hoạch nhà nước năm 1964, chuẩn bị tốt để tiến sang năm cuối của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất".

Nhiệm vụ công tác tư tưởng năm 1964:

1. Làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân ở miền Bắc trước hết là cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp trên cơ sở nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và thấu suốt đặc điểm của cách mạng nước ta mà nhận thức một cách có hệ thống và sâu sắc hơn nữa đường lối, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đường lối cách mạng miền Nam và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng. Củng cố lập trường giai cấp, phát huy mạnh mẽ tinh thần hy sinh phấn đấu chịu đựng gian khổ, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa, rèn luyện đạo đức vô sản và tác phong đi sâu đi sát, điều tra, nghiên cứu, dựa vào quần chúng, phát động quần chúng, bồi dưỡng tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản, quyết tâm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng một nền kinh tế tự chủ, đẩy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam. Tích cực tham gia cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa xét lại hiện đại trên phạm vi thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tăng cường đoàn kết quốc tế.

2. Về tổ chức cơ sở cần xây dựng cho bằng được những nơi xa xôi hẻo lánh, những nơi xung yếu, cơ sở trực tiếp sản xuất như các tổ đội trong xí nghiệp, hoặc thôn, hợp tác xã trong nông nghiệp có đảng viên. Cần chú trọng phát triển vào lứa tuổi trẻ, cán bộ khoa học - kỹ thuật, các cán bộ dân tộc ở trong các cơ quan nhà nước. Trong phát triển phải chống tư tưởng hẹp hòi nhưng phải đề phòng

tư tưởng phát triển ẩu, châm chước điều kiện cơ bản của Trung ương quy định. Cố gắng năm 1964 các xã đều có chi bộ độc lập và 50% số chi bộ trở thành bốn tốt. Phải chuyển biến được các đảng viên kém trở thành trung bình hoặc một số chuyển thành đảng viên khá. Phải thanh toán mù chữ cho 100% đảng viên còn tuổi học, kể cả bằng chữ dân tộc, cố gắng tổ chức bổ túc cho các chi ủy viên lên lớp 2, một số lớp 3. Tiến hành mở lớp huấn luyện chính trị thường xuyên, đảm bảo từ 80 đến 90% chi ủy phải qua chương trình sơ cấp, 90 đến 100% đảng viên qua chương trình sơ giải, đảng viên mới kết nạp đến đâu huấn luyện đến đó. Năm 1964 phải hoàn thành việc thi hành Nghị quyết 35 của Ban Bí thư. Ban Tổ chức tỉnh cần phải khẩn trương tổng kết công tác xây dựng Đảng, trọng điểm là xây dựng chi bộ bốn tốt, đào tạo cán bộ dân tộc, địa phương, cải tiến tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc càng sớm càng tốt. Thông qua công tác tổng kết mà bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ của cán bộ tổ chức lên một bước đẩy mạnh công tác Đảng tiến bộ toàn diện.

3. Đি đôi với giáo dục bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, cần phải sử dụng tốt khả năng tiềm tàng sáng kiến của cán bộ, đê trên cơ sở không tăng biên chế nhưng làm được nhiều việc tốt hơn năm 1963. Mặt khác, phải thực hiện tốt việc sắp xếp lại tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc, quy định chức năng cho từng ty, ban, phòng để phân công hợp lý cán bộ, đẩy mạnh năng suất công tác của từng cơ quan, không những nắm tình hình chặt chẽ, tăng cường được kiểm tra chỉ đạo sâu sát cơ sở hơn.

Việc đào tạo cán bộ kỹ thuật phải được xúc tiến, mạnh dạn đưa một số cán bộ chính trị, cán bộ dân tộc đi học kỹ thuật trong các trường trung cao ở trên. Tỉnh tiếp tục mở sơ cấp thủy lợi nông nghiệp, kế toán cho xã và hợp tác xã, tăng cường mở trường bổ túc Làng Giàng, kết hợp giữa nhiệm vụ dạy phổ thông ở xã với bổ túc văn hóa cho cán bộ xã thành một nhiệm vụ giao cho giáo viên ở xã và Ty Giáo dục có trách nhiệm thanh toán hoặc bổ túc văn hóa cho cán bộ chủ chốt xã.

Công tác kiện toàn bổ sung cán bộ cho các Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Ban và Phòng Nông nghiệp phải được khẩn trương tiến hành trong quý I. Phải chú ý hơn nữa đến công tác giáo dục bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tổ chức, tuyên huấn. Tiếp tục tuyển một số cán bộ biết chữ và tiếng Mèo vào một số cơ quan cần thiết.

4. Tiến hành mở Đại hội các huyện, thị một cách thường xuyên theo như Điều lệ đã quy định, phương hướng Đại hội các huyện phải nhằm đẩy mạnh phong trào toàn diện và thực hiện tốt Nghị quyết 4 của tỉnh trước thời hạn.

5. Công tác kiểm tra cần được củng cố và đẩy mạnh sự hoạt động của Ban Kiểm tra, đưa nhiệm vụ kiểm tra đến tận chi bộ cơ sở, phải giáo dục để mọi đảng viên trong toàn Đảng bộ có ý thức về công tác kiểm tra. Phương hướng công tác kiểm tra cần tập trung kiểm tra dân chủ kỷ luật, kiểm tra ý thức việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng, kiểm tra chống tham ô, lãng phí, quan liêu, chống tác phong quân phiệt của đảng viên. Nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường quan hệ giữa Đảng với quần chúng. Đảm bảo giữ gìn kỷ luật Điều lệ, nguyên tắc của Đảng, đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, nghị quyết của Đảng.

6. Tăng cường lãnh đạo tập trung dân chủ của các cấp ủy trên các mặt trận nhưng trọng tâm là kinh tế. Trong lãnh đạo kinh tế phải tập trung cho khâu biện pháp kỹ thuật để thâm canh tăng năng suất, tăng vụ trong nông nghiệp và phấn đấu đưa năng suất lên cao, giá thành hạ, phẩm chất hàng tốt, tiết kiệm nhiều trong công nghiệp.

7. Công tác chỉ đạo riêng về nông nghiệp: Nội dung chủ yếu của chỉ đạo riêng là hợp tác xã và sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo công tác chỉ đạo được toàn diện tỉnh sẽ chỉ đạo ba điểm là: vùng cao xã Lao Chải - Sa Pa; vùng giữa xã Tả Ngảo thuộc huyện Bát Xát, vùng thấp xã Quang Kim huyện Bát Xát.

Ngoài các điểm của tỉnh mỗi huyện tùy theo yêu cầu của phong trào mà quyết định chỉ đạo một điểm cho thích hợp với địa phương.

Yêu cầu của chỉ đạo là phải rút được kinh nghiệm làm tốt khắc phục và giải quyết những khó khăn giúp cho công tác lãnh đạo chung được chặt chẽ, cụ thể sát hợp và kịp thời nhưng phải làm cho cán bộ xã dân tự động được công tác tiến bộ toàn diện. Trách nhiệm làm công tác chỉ đạo là các Ban, Phòng Nông nghiệp phụ trách trước cấp ủy và thường xuyên báo cáo để xuất xin chỉ thị bổ khuyết của cấp ủy.

Để đảm bảo các yêu cầu trên Ban Tổ chức tỉnh, Ban Nông nghiệp có trách nhiệm nghiên cứu dự thảo kế hoạch bố trí cán bộ đảm nhiệm công tác chỉ đạo riêng.

IX. VỀ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO

Cần tăng cường việc tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành tốt những nhiệm vụ công tác năm 1964. Đề cao ý thức tổ chức ý thức kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành những chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Phải coi trọng công tác giáo dục tư tưởng chính, khắc phục tư tưởng hữu khuynh, trong toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân các dân tộc.

Đi đôi với việc phát huy ưu điểm, khắc phục những nhược, khuyết điểm và những mặt yếu của từng nhiệm vụ công tác trong năm qua cần phải chú trọng tới khâu tổ chức thực hiện vì là khâu yếu nhất trong năm qua, trong khâu tổ chức thực hiện phải chú ý giải quyết tốt các công tác như tuyên truyền cổ động, động viên giáo dục việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Việc bố trí sắp xếp lực lượng thực hiện các mặt công tác cụ thể, việc phân công phân nhiệm, tổ chức phối hợp kết hợp giữa các ngành, các mặt công tác với công tác trung tâm của Đảng, trong chỉ đạo thực hiện cần chú ý phối hợp cụ thể các công tác trong từng giai đoạn và phải tập trung lực lượng vào việc tổ chức lãnh đạo sản xuất nông nghiệp tổ chức việc chỉ đạo riêng cả ba vùng thấp, giữa và cao để rút kinh nghiệm phổ biến chung.

Phải chú trọng tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc hướng dẫn và sơ kết, tổng kết động viên thi đua khen thưởng của từng phong trào cho chặt chẽ.

Phải đề cao ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm chỉnh chấp hành chế độ báo cáo thỉnh thị, cần phê phán và nghiêm khắc với thái độ hành động làm vừa, làm ẩu tùy tiện trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra.

Phải coi trọng việc giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin củng cố lập trường quan điểm đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, làm nền tảng để khắc phục tư tưởng hữu khuynh, chống ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Thực hiện tốt phương châm tư tưởng cực hữu phòng tẩy và bảo đảm cho việc hoàn thành tốt những nhiệm vụ công tác của Đảng và Nhà nước trong năm 1964.

Các cấp ủy, các Ban Đảng đoàn, Đảng ủy, các đồng chí phụ trách các ngành cần nghiên cứu kỹ và nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết này và chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành tỉnh về việc hoàn thành những nhiệm vụ và chức năng của cơ quan mình do nghị quyết quy định. Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ căn cứ vào các nhiệm vụ trên để kiểm tra đôn đốc việc thực hiện, trong quá trình chấp hành có những điểm chưa cụ thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm giải thích cho các cấp dưới sáng tỏ và cụ thể thêm tinh thần nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**
Số 09-BC/TU, ngày 17-3-1964
Về công tác tháng 2-1964

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT
VÀ CÙNG CỐ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP**

Tỉnh đã phát động chiến dịch sản xuất đông - xuân từ cuối tháng 12-1963. Sau phát động các địa phương trong tỉnh đã tích cực bắt tay vào màn đầu chiến dịch, đã tích cực cày ải ruộng, làm mới và sửa chữa mương phai, tích cực phát nương và làm ruộng bậc thang đồng thời bắt đầu gieo trồng các loại cây như khoai, sắn, chè, châu, thảo quả, v.v..

Giáp tết tỉnh và các huyện đã tiến hành sơ kết màn một và kế hoạch màn hai chiến dịch, sau đó nhiều đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện và nhiều cán bộ được cử xuống cơ sở để động viên sản xuất, thực hiện ba thu, tăng cường công tác trị an và vận động tiết kiệm...

Tỉnh đến 29-2-1964 các chỉ tiêu gieo cấy đã đạt được như sau:

- Cày ải ruộng 1.666,0 ha = 92,5% kế hoạch.
- Cày ải nương 551,6 ha = 5,5% kế hoạch.
- Phát nương lúa 77,7 ha = 2,5% kế hoạch.
- Phát nương ngô 969,7 ha = 9,7% kế hoạch.
- Mạ đã gieo 25.445,0 kg = 17,6% kế hoạch.
- Cấy chiêm rét 14,3 ha = 0,7% kế hoạch.

- Khai hoang ruộng 83,5 ha = 10,0% kế hoạch.

Trong đó có ruộng bậc thang: 43,1 ha.

- Ngô 277,7 ha = 2,7% kế hoạch.

- Sắn 42,7 ha = 42,7% kế hoạch.

- Chè 56,0 ha = 30,0% kế hoạch.

- Châu 6,6 ha = 7,4% kế hoạch.

Sửa chữa và làm mới được 279 mương phai dài 141 km, tưới 15.500 cân giống ruộng.

Tuy sản xuất đã đạt được những kết quả như trên nhưng tình hình phong trào nhìn chung chưa mạnh, chưa đều và so với cùng kỳ thời gian này năm ngoái thì có mặt thực hiện khá hơn như cày ải, gieo mạ, trồng khoai, trồng chè và khai phục hoang ruộng trong đó ruộng bậc thang được chú ý phát triển nhiều; nhưng có mặt đạt yếu hơn năm trước như làm mương phai (49,6%), trồng ngô (84%); trồng sắn (56,5%), đậu tương (28%), làm phân (53,4%), v.v.. Riêng vấn đề dịch bệnh đã phát triển thêm ra một số xã vùng Bát Xát, có những nơi chết hàng loạt; tỉnh đã chủ trương vận động quần chúng khoanh vùng và cử cán bộ kỹ thuật xuống để tiêu diệt.

- Tình hình rét vừa qua mạ chiêm một số bị chết, Tỉnh ủy có chủ trương phát động quần chúng gieo lại mạ để đảm bảo thực hiện kế hoạch cấy, đẩy mạnh công tác thủy lợi làm phân bón, v.v..

Về củng cố hợp tác xã, các địa phương đã kết hợp với việc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất đông - xuân, kết hợp với việc tổng kết bình bầu đơn vị tiên tiến, chiến sĩ thi đua nông nghiệp năm 1963, đẩy mạnh việc củng cố các hợp tác xã và các tổ đổi công lên một bước. Kết quả củng cố nhiều nơi làm tốt. Từ cuối vụ mùa năm ngoái đến nay các hợp tác xã nói chung vẫn được giữ vững như cuối thu 1963. Hiện nay, toàn tỉnh có 410 hợp tác xã gồm 10.023 hộ với tỷ lệ thấp như vậy, Ban Chấp hành tỉnh đã quyết định phát động quần chúng tiến hành củng cố và phát triển hợp tác xã và đổi công trong tỉnh đưa tỷ lệ từ 48,5% lên 65% số hộ nông dân lao động vào hợp tác xã vụ đông - xuân 1964-1965.

Một thiếu sót lớn trong công tác củng cố hợp tác xã là việc huấn luyện cho quản trị hợp tác xã tuy đã đề ra nhưng đến nay chưa mở được lớp nào. Việc tổng hợp phương án quyết toán năm 1963 của các huyện và việc bình bầu các đơn vị tiên tiến một số huyện chưa làm xong, do đó gây khó khăn cho việc chuẩn bị hội nghị tổng kết của tỉnh và của Trung ương.

II. CÔNG TÁC TÀI MẬU

Đã làm tốt việc phân phối hàng hóa tốt cho cán bộ và nhân dân, đảm bảo yêu cầu tương đối đầy đủ và ít kêu ca thắc mắc.

Công tác quản lý thị trường cũng làm được tốt nên khơi được luồng hàng và giá cả không có gì biến đổi.

Công tác ba thu đã đạt những kết quả khá. So kế hoạch của tỉnh, thuế đạt 105%, mua trong nghĩa vụ đạt 96%. Nếu so với kế hoạch của Trung ương giao thì tổng số ba thu đã đạt 110%. Tuy vậy, mặt thu mua ngoài nghĩa vụ mới đạt 49% kế hoạch, công tác vận động tiết kiệm có được đẩy mạnh hơn những vụ trước nhưng cũng còn yếu.

Việc đào dỗ chế biến và thu mua sắn rất kém, nay đã cuối thời vụ, thu mua sắn lát mới được 57,5 tấn tức 44,2% kế hoạch. Tuy có một số nơi cơ sở thủ công phát triển như thị xã, nhưng nói chung chưa phát triển mạnh, có huyện mới đạt 17% (Bảo Thắng), thậm chí mới đạt 0,3% (Bát Xát). Có nơi không chế biến, không tiêu thụ được sắn bị thú rùng phá hoại rất nhiều như khu Bảo Nhai ước tính thu hoạch 200 tấn chỉ còn 20 tấn, mất 90%.

Thu mua các loại nông sản, thu mua hàng xuất khẩu nói chung cũng kém, chỉ đạt trên dưới 50% kế hoạch tháng trong đó thu mua thịt chỉ đạt 10% kế hoạch quý. Sở dĩ thu mua nông sản kém chủ yếu do Tết Nguyên đán nhân dân ăn tết và cán bộ vắng cơ sở nhiều, ảnh hưởng tới công tác vận động.

III. HỌC TẬP NGHỊ QUYẾT 9 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Thi hành chỉ thị của Trung ương, tỉnh đã tổ chức lớp học đầu tiên cho 81 cán bộ của tỉnh gồm các đồng chí Tỉnh ủy viên, các đồng chí bí thư các huyện, thị, các đồng chí phụ trách các ngành và một số cán bộ nghiên cứu từ cán sự bậc... trở lên.

Qua 10 ngày học tập, toàn thể các đồng chí đều nhất trí với nghị quyết của Trung ương Đảng và đối chiếu với yêu cầu đã đạt được kết quả tốt.

Tỉnh sẽ có báo cáo cụ thể riêng về vấn đề này gửi Trung ương sau.

Ngoài các công tác trên, công tác bảo vệ trị an trong tháng nhất là trong dịp Tết được hết sức chú ý tăng cường do đó các mặt công tác trị an đảm bảo được tốt. Trộm cắp, cờ bạc, hỏa hoạn, buôn lậu kể cả buôn lậu biên giới nói chung đều giảm so với thời gian này năm ngoái. Công tác tiễu phỉ cũng được chú ý do đó trong tháng đã có hai tên phỉ lẩn trốn từ lâu đã ra hàng.

Hiện nay tỉnh đang tập trung lực lượng, tập trung cán bộ đẩy mạnh chiến dịch đông - xuân cung cố hợp tác xã tích cực đảm bảo các chỉ tiêu sản xuất đẩy mạnh tăng năng suất lúa và các loại hoa màu, trồng cây công nghiệp, đẩy mạnh chăn nuôi và công tác khác, cố gắng làm cho vụ đông - xuân đạt nhiều thắng lợi.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 10-BC/TU, ngày 19-3-1964
Về tổng kết công tác năm 1963

Từ khi có Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 và Nghị quyết đại hội IV của tỉnh Lào Cai đến nay, trong tỉnh chúng ta có nhiều biến đổi lớn trên các lĩnh vực công tác kinh tế, chính trị, trị an, v.v.. Những biến đổi đó là những bước tiến bộ rõ rệt trưởng thành của Đảng bộ ta và những vấn đề của lịch sử của Đảng bộ Lào Cai.

Dưới đây là những ưu điểm và tiến bộ từng mặt công tác trong năm qua:

I. VỀ NÔNG NGHIỆP

Năm 1963, Ban Chấp hành tỉnh đã nhận thức và quán triệt được tinh thần Nghị quyết Đại hội tỉnh lần thứ IV về sản xuất nông nghiệp và đặt công tác sản xuất nông nghiệp là công tác trung tâm.

Từ cuối năm 1962 tỉnh đã tập trung lãnh đạo, mở rộng các chiến dịch sản xuất Lê Hồng Phong, tiếp tục tấn công vào nghèo khổ và lạc hậu. Các vụ gieo trồng thu hoạch đã dành nhiều thời gian tập trung cán bộ xuống giúp các hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, kiên quyết khắc phục tình trạng hạn hán, rét kéo dài, lũ lụt phá hoại, khẩn trương tranh thủ gieo trồng lại những thứ bị mưa

lũ phá hoại. Tích cực giải quyết các loại giống kể cả trồng trọt, chăn nuôi và cây công nghiệp, để đảm bảo thực hiện kế hoạch.

Kết quả như sau:

Về diện tích vượt 8,77% kế hoạch, tăng 3,87% so với năm 1962. Đặc biệt, cây lúa, ngô được hết sức coi trọng và phát triển nhanh hơn cả: ngô tăng 2,3%, lúa tăng 9,8% so với kế hoạch Trung ương, giá trị tổng sản lượng tuy mới đạt 89,5% kế hoạch nhưng tăng hơn năm 1962 là 6,2%, tốc độ tăng gấp hai lần tăng dân số bình thường.

Trong giá trị tổng sản lượng thì trồng trọt và chăn nuôi tăng 8,8%, riêng trồng trọt tăng 3,7%, chăn nuôi tăng 35,6% (riêng lợn tăng 56,7%) đã vượt 1959 là năm phát triển cao nhất. Năng suất của các loại cây trồng đều thấp, trừ lúa nương vượt năng suất là do thời tiết mưa nhiều không phải do ta chủ động chăm bón.

Ưu điểm về lãnh đạo sản xuất nông nghiệp trong năm qua tỷ trọng cân đối hơn, toàn diện hơn, đúng với quy luật là chăn nuôi tăng nhanh hơn trồng trọt, và trồng trọt thì cây công nghiệp tăng nhanh hơn cây lương thực.

Về khuyết điểm trong trồng trọt chưa đầy mạnh được trồng cây gây rừng, trồng cây công nghiệp dài ngày có tỷ lệ thích đáng với công tác trồng trọt.

Do sản xuất khá nên tỷ lệ hàng hóa do Nhà nước thu mua được cao hơn, phục vụ công nghiệp nhiều hơn và từ đó đã hình thành những khu vực chuyên canh rõ hơn.

Diện tích săn không đạt kế hoạch và tụt hơn năm 1962 là do ván đề chế biến và vận chuyển chưa tốt, tư tưởng giữ đất để săn lùu còn nặng: Về kế hoạch tuy không đạt nhưng giá trị sản lượng của săn có thể tăng hơn năm 1962 vì săn của 1962 còn tồn tại chưa dỡ cộng lại, mặt khác tinh cung thấy chỉ tiêu giao chưa được tập trung, giao cho vùng làm chiêm chỉ tiêu săn chưa thích hợp nên một phần có ảnh hưởng đến sản xuất chiêm, săn và hàng hóa của săn không được phát triển, chỉ tiêu mía không đạt kế hoạch là do thiếu giống không còn khả năng khắc phục. Đậu tương không đạt

chủ yếu là do thời tiết mưa quá nhiều không gieo được. Khoai lang thiếu giống chủ yếu là lanh đạo chủ quan, thiếu chủ động kế hoạch giống và giá cả mua không sát nên không có giống cho vùng cao sản xuất.

Nguyên nhân giá trị tổng sản lượng không đạt kế hoạch, năng suất lao động không đạt kế hoạch mà còn kém hơn cả năm 1962 là các biện pháp kỹ thuật để thâm canh, tăng năng suất còn kém: phân bình quân 1 ha 1,8 tấn, làm cỏ nói chung một lượt nhiều ruộng châm chiêm và mùa còn cấy chay, cày bừa chưa thật kỹ, công cụ mới cải tiến ở một số vùng thấp, rất ít hợp tác xã chọn lọc giống: Về thủy lợi có khá hơn đủ nước nhưng tưới tiêu chưa có kế hoạch và khoa học để ruộng trên chảy tràn ruộng dưới, bào nước đục đất màu dưới. Mặt khác, việc đầu tư lao động của ta vào đầu mẫu còn thấp (60, 70 công một mẫu Bắc Bộ) quản lý lao động của ta chưa chặt nên chưa dồn sức lao động cho sản xuất thâm canh tăng năng suất, có lúc đã buông lỏng cho sản xuất riêng lẻ phát triển cây lương thực chủ yếu quá mạnh, nhiều hợp tác xã sút cả công đóng góp cho hợp tác xã so với năm 1962.

Công tác khai hoang có đạt một số kết quả nhất định, nhưng làm chưa thật tích cực chủ động và thường xuyên. Đặc biệt là khâu tổ chức thực hiện điều tra năm tình hình, bố trí kế hoạch quan hệ với các tỉnh có người lên Lào Cai không được chặt chẽ.

Những vấn đề tồn tại và mâu thuẫn trong sản xuất nông nghiệp

Chưa nấm thật vững số liệu cơ bản, nên xây dựng kế hoạch ở trên thường dội xuống, nên chủ quan, phân tán chưa phát động được quần chúng sâu rộng bàn bạc xây dựng kế hoạch, thực hiện khẩu hiệu dân chủ hóa kế hoạch còn chưa tốt, chưa làm cho quần chúng coi kế hoạch là của hợp tác xã mình và của mình để tự nguyện tự giác phấn đấu vượt kế hoạch, một số lớn quần chúng còn coi kế hoạch là của trên giao về cho mình phải làm kế hoạch cho trên, cấp huyện do không nắm được kế hoạch nên cũng không cương quyết chỉ đạo kế hoạch đối với xã hoặc hợp tác xã.

Các biện pháp kỹ thuật còn nhiều vướng mắc và thực hiện còn yếu, nhất là khâu làm và bỏ phân còn quá thấp, các biện pháp khác tuy có tiến bộ nhưng chưa đáng kể, chưa đáp ứng với yêu cầu sản xuất đòi hỏi, việc cải tiến công cụ và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hợp tác xã chưa được bao nhiêu như sân phơi, nhà kho, phương tiện làm đất, tưới tát, gặt đập, chế biến và vận chuyển. Tư tưởng quảng canh còn nặng và đang phát triển, tư tưởng thâm canh còn yếu mới có từng nơi chưa thành phong trào. Làm ruộng bậc thang mới được từng nơi chưa được đẩy mạnh.

Đầu tư lao động vào đầu mẩu còn ít quá, quản lý lao động còn chưa chặt, chưa đi đúng hướng của ta, nhiều hợp tác xã để phần lao động làm riêng hơn là làm chung. Đây là khâu tư liệu cơ bản để quyết định sản xuất nông nghiệp đi theo kế hoạch và cũng là khâu để củng cố kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, nên không giải quyết tốt sẽ có ảnh hưởng đến việc giữ vững và phát triển hợp tác xã sau này. Nguyên nhân sâu xa của việc quản lý lao động chưa chặt, hoặc năng suất còn kém là do hợp tác xã chưa thật vững và một số tan vỡ có ảnh hưởng.

Một mâu thuẫn nữa giữa việc chăn nuôi và sản xuất trồng trọt chưa được giải quyết triệt để quy ước với nhau trong hợp tác xã, trong xã và giữa xã này với xã khác để giải quyết sản xuất, tăng cường đoàn kết. Mặt khác, chưa phát động làm cho quần chúng có chuyển biến cách mạng về chăn dắt trâu, bò để đảm bảo sản xuất và chăn nuôi cùng phát triển, chưa biến các ý thức đó thành các tập quán của quần chúng, mâu thuẫn giữa việc tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi với dân tộc địa phương vỡ đất đai cũng thành một vấn đề phải tiếp tục giải quyết thường xuyên.

Một mặt lớn là các chính sách, chỉ thị, nghị quyết của trên xuống đến quần chúng còn chậm, nhiều chính sách chưa được phổ biến xuống quần chúng, có khi mắc ở huyện, ở cán bộ phụ trách xã hoặc cán bộ xã, thậm chí có nơi đến nhưng lại phổ biến sai lạc cả tinh thần chính sách. Các cấp dưới chưa thấy đầy đủ nên xem nhẹ việc

phổ biến chính sách giáo dục tư tưởng mà nặng về giao việc đốc thúc hơn là động viên giáo dục tư tưởng chính trị.

Sự chỉ đạo riêng và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chính sách còn khâu yếu quan trọng. Đồng thời cũng là một nguyên nhân quan trọng làm cho sản xuất chưa được phát triển mạnh mẽ.

II. CÔNG TÁC CỦNG CỐ HỢP TÁC XÃ VÀ TỔ ĐỒI CÔNG

Qua một năm cố gắng phấn đấu về củng cố hợp tác xã đã có những tiến bộ rõ rệt về mặt sản xuất, quản lý, làm nghĩa vụ cho Nhà nước. Nhưng mức độ củng cố và phát triển hợp tác xã vẫn chưa đáp ứng với yêu cầu tiến lên của phong trào. Tư tưởng làm ăn tập thể chưa mạnh, tư tưởng làm ăn cá thể có chiều hướng phát triển, quản lý về lao động sản xuất của hợp tác xã nhiều nơi chưa chặt, nên ngày công làm cho hợp tác xã ít hơn ngày công làm cho gia đình, có nhiều hợp tác xã bình quân lao động còn thấp hơn cả năm 1962.

Về tốc độ phát triển hợp tác xã năm qua đã dừng lại, có nơi tụt lùi, có nơi vỡ hẳn, do đó mà tỷ lệ hợp tác xã cũng tụt xuống một cách nhanh chóng, năm 1962 là 67%, năm 1963 là 48,5%. Những nơi vỡ hợp tác xã hoặc hợp tác xã yếu đã gây cho quần chúng nhiều khó khăn, và lãnh đạo kinh tế thì không đạt kế hoạch, có ảnh hưởng đến củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, nhiệm vụ chính sách khác không được nghiêm chỉnh chấp hành.

Nguyên nhân của việc hợp tác xã chậm tiến bộ và tỷ lệ tụt xuống là do có những lý do chủ quan và khách quan, có lý do của Tỉnh ủy, Huyện ủy và chi bộ, cán bộ, đảng viên với mức độ khác nhau. Song, lý do có tính chất chỉ đạo tư tưởng là sự lãnh đạo của Tỉnh ủy hồi đầu năm không chặt chẽ, có lúc vội vàng thiếu thận trọng, tình hình

hợp tác xã lại gặp khó khăn, tư tưởng cán bộ, đảng viên ở dưới ngại khó, cách đặt vấn đề và tư tưởng giữ hợp tác xã chưa được rõ ràng và kiên quyết do đó có ảnh hưởng đến cấp dưới và cán bộ, đảng viên. Khi có nghị quyết của Bộ Chính trị về hợp tác xã, Ban Chấp hành tỉnh đã nhận thấy vấn đề thì nhiều hợp tác xã đã xuống đổi công và làm ăn riêng lẻ, tuy có tích cực cung cố nhưng chỉ giữ lại được một số hợp tác xã nhất định. Đó là mặt khuyết điểm và bài học kinh nghiệm của chúng ta.

Một nguyên nhân quan trọng là các cấp huyện nắm tình hình không chắc chắn, chưa chủ động việc cung cố hợp tác xã, chưa nhạy bén với sự phát triển của tình hình, đến khi tỉnh phát hiện cũng đã chậm rồi, nhưng huyện cũng chưa có quyết tâm cao lãnh đạo chưa liên tục, kiểm tra không chặt chẽ, chưa thật cụ thể. Giáo dục hai con đường cho cán bộ, đảng viên, xã viên chưa đầy đủ, tư tưởng ngại khó của cán bộ, đảng viên xã không kịp thời giáo dục, khắc phục nên để cho những nhân tố tiêu cực thúc đẩy buông vai trò lãnh đạo cung cố hợp tác xã.

Bên cạnh nguyên nhân trên thì bộ môn giúp việc cho Tỉnh ủy là Ban công tác nông thôn chưa làm được đúng chức năng giúp Tỉnh ủy điều tra nghiên cứu nắm tình hình đề xuất vấn đề cho Tỉnh ủy chỉ đạo phong trào được sâu sắc, nhạy bén kịp thời, có lúc còn hướng dẫn sai lạc cả tinh thần chỉ đạo của tỉnh.

Tỷ lệ hợp tác xã nay còn 48,5% nêu lên một nhiệm vụ quan trọng trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa với nông nghiệp tỉnh ta, vì không có con đường nào khác là con đường làm ăn tập thể là duy nhất đúng đắn mà Đảng ta phải đưa nông dân tiến tới. Đảng ta phải có một quyết tâm cao để giải quyết hai con đường ai thắng ai cho nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể chiến thắng cá thể.

Công tác đổi công ta làm được ít, nhiều tổ đổi công không hoạt động đúng nội dung, trở lại làm mải như trước đây, hoặc làm riêng lẻ. Đây là một khuyết điểm của toàn Đảng bộ không những việc

làm còn yếu mà cả nhận thức vấn đề này cũng chưa đầy đủ, chưa thấy được số lượng 51,5% số hộ nông dân lao động chưa vào hợp tác xã là một lực lượng to lớn mà Đảng bộ ta phải quan tâm lãnh đạo đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể từng bước từ thấp đến cao, từ đổi công tiến lên hợp tác xã.

Công tác cải tiến quản lý hợp tác xã chúng ta đang tiến hành và tổng kết vào đầu 1964. Qua công tác quản lý cho chúng ta thấy vấn đề phải khẩn trương tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã, vì đó là yêu cầu của quần chúng, yêu cầu của sản xuất phát triển, nếu không cải tiến thì tổ chức hợp tác xã và sản xuất có chiêu hướng dừng lại và muốn đưa đời sống nông dân nâng cao một bước, tạo điều kiện xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã đảm bảo kinh tế tập thể phát triển và đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ cho Nhà nước nhất thiết phải cải tiến quản lý cho hợp tác xã. Hiện nay, mặt tốt và tích cực của hợp tác xã vẫn là chủ yếu, công tác lãnh đạo của ta cũng có một số kinh nghiệm nhất định là thuận lợi. Song, mặt khuyết điểm và tiêu cực trong phong trào hợp tác xã cũng đã phát sinh và phát triển phải khắc phục là:

1. Phương hướng sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã chưa thật rõ ràng và tập trung, cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã còn quá ít (sân phơi, nhà kho, nhà chứa phân, v.v..).

2. Vấn đề ruộng đất và tư liệu sản xuất cơ bản của các hợp tác xã phát triển chậm, số hộ sử dụng ruộng đất còn thấp, thậm chí có nơi còn giảm sút vì hợp tác xã không quản lý trả lại xã viên, và mặt khác do nhân khẩu phát triển kéo tụt xuống.

3. Vấn đề năng suất của lúa ruộng và các loại cây trồng khác tụt là do thiếu tích cực đầu tư lao động và các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, ngày công nói chung sản xuất cho hợp tác xã giảm hơn 1962, ngày công đầu mẫu, trên dưới 70 công, ngày công trong tháng trên dưới 10 công.

4. Vấn đề làm ăn riêng lẻ, cây lương thực (lúa, ngô) chiếm tỷ lệ rất lớn, có nơi chiếm 15% trong tổng số diện tích của hợp tác xã. Có

nơi thu lúa cá thể nhiều hơn lúa tập thể, cá biệt có bí thư chi bộ làm 80 cân giống lúa ruộng và lúa nương (Gia Phú) có gia đình thu tới 1.000 đến 1.600kg lúa ruộng, nương riêng.

5. Vấn đề phổ biến là cán bộ quản trị hay cán bộ xã có định đến vấn đề tài chính không minh bạch và thiếu dân chủ với xã viên, những nơi này thường là đảng viên thiếu gương mẫu hoặc thiếu kế toán, quản lý phần tài vụ không được chặt chẽ.

III. CÔNG NGHIỆP

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và nghị quyết 7, Nghị quyết 8 của Trung ương có tính chất chỉ đạo tư tưởng, phương hướng nhiệm vụ. Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh đề ra cho công nghiệp là: Cần chú ý hết sức đến xây dựng công nghiệp quốc doanh địa phương, phát triển thủ công nghiệp mạnh mẽ tranh thủ sự hỗ trợ công nghiệp tập trung ở địa phương để phát huy tác dụng công nghiệp trong nền kinh tế ngày càng tốt hơn.

Bước vào năm 1963, nói chung trong công nghiệp của tỉnh có khó khăn lớn nhất là loại có nguyên liệu thì khó khăn tiêu thụ, khó khăn kỹ thuật. Loại có khả năng tiêu thụ thì nguyên liệu chưa chiếm được ưu thế còn bị động nhiều.

Năm qua đặt ra cho công nghiệp củng cố là chính, xây dựng phải trên cơ sở chắc chắn. Đặc biệt, coi trọng giáo dục ý thức thực hiện kế hoạch nhà nước, ý thức phát huy tinh thần tự lực cánh sinh tăng năng suất lao động, ý thức chống lỗ vốn, chống đọng vốn tồn kho. Nhiệm vụ đề ra cho công nghiệp là phục vụ nông nghiệp, xây dựng cơ bản rồi mới đến xuất khẩu và dân sinh. Năm qua trong công nghiệp đã thí điểm vận động cuộc ba xây ba chống.

Qua một năm phấn đấu kết quả là:

a) Công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp:

Giá trị tổng sản lượng kế hoạch đạt 110,4% so với năm 1962 tăng 15%.

- Công nghiệp quốc doanh kế hoạch đạt 107% so với năm 1962 tăng 40%.

- Thủ công nghiệp kế hoạch đạt 114% so với năm 1962 tăng 3,85.

Năng suất lao động bình quân của công nhân so với năm 1962 tăng 15%, năng suất lao động bình quân riêng công nhân sản xuất so với năm 1962 tăng 20%.

Nộp thuế, khấu hao, nộp lợi nhuận đã có nhiều cố gắng. Nhiều cơ sở từ lỗ phán đấu xấp xỉ hòa vốn hoặc có lãi, riêng Ty Kiến trúc đầu năm lỗ nhiều, nhưng cuối năm đã cố gắng phấn đấu có lãi. Đóng vốn tồn kho tuy còn nhưng cũng có tiến bộ hơn nhiều so với mọi năm: sản phẩm khu vực ba năm qua tăng nhiều so với kế hoạch và năm 1962 để đáp ứng cho yêu cầu dân sinh là cần thiết.

Khuyết điểm chính là công nghiệp quốc doanh địa phương còn tồn tại phải khắc phục là:

- Phục vụ nông nghiệp chưa tốt, ngồi chờ đợi yêu cầu mang đến, ý thức phục vụ chưa mạnh, chưa thật nhiệt tình dễ làm khó không muốn do đó giá trị tổng sản lượng chung thì vượt kế hoạch, nhưng sản phẩm phục vụ nông nghiệp chỉ đạt kế hoạch có 85%.

- Tăng nhân viên gián tiếp quá nhiều nên hạn chế năng suất lao động trong khu vực sản xuất như: nhân viên và công nhân tăng 21%. Riêng công nhân sản xuất chỉ tăng có 4% so với 1962, có tỷ số gián tiếp tăng 12% mà công nhân sản xuất chỉ bằng 90% năm 1962 (lâm nghiệp)...

- Phẩm chất hàng hóa còn chưa tốt, phải tốn công sửa chữa lại nhiều hao tốn nguyên liệu vật tư, để lâu biến chất giá thành còn đắt, chưa gây được tín nhiệm với người tiêu dùng.

- Trình độ quản lý còn quá yếu, nhất là quản lý kỹ thuật, vật tư, giá thành còn nhiều lỏng lẻo.

Thủ công nghiệp đã có nhiều cố gắng phát triển đúng hướng chế biến chất bột như thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường, thị trấn Sa Pa. Nói chung thủ công vượt kế hoạch chủ yếu là ở khâu khai thác lâm sản. Nhưng tốc độ tăng quá chậm so với năm 1962 thủ

công nghiệp tăng có 3,8%. Công nghiệp quốc doanh địa phương tăng trên 40%. Trong khi đó hàng thủ công rất cần thiết hợp thị hiếu của quần chúng lại phát triển chậm. Nguyên nhân thủ công nghiệp phát triển chậm là do nhận thức của các ngành, các cấp chưa thấy hết vị trí tầm quan trọng của thủ công nghiệp, chưa quan tâm đúng mức đến lãnh đạo thủ công nghiệp. Cơ quan đốc đạo thực hiện chưa đi sâu chuyên trách, bộ máy trên dưới chưa kiện toàn.

b) Công nghiệp Trung ương ở địa phương:

Nói chung giữ được truyền thống hoàn thành kế hoạch, năm nay việc hoàn thành kế hoạch thể hiện chắc chắn và toàn diện hơn, vượt kế hoạch cả giá trị tổng sản lượng, sản xuất chủ yếu, hạ giá thành, khấu hao, nộp thuế, nộp lợi nhuận có ý thức. Đặc biệt năm nay an toàn lao động tốt.

Yếu điểm trong công nghiệp Trung ương cần phải cố gắng là khâu sử dụng công suất thiết bị chưa tốt, tình trạng lãng phí còn nghiêm trọng.

c) Phong trào thi đua yêu nước trong công nghiệp đã đi vào bể sâu, chắc. Nội dung có nhiều tiến bộ thi đua gắn được với sản xuất, nhưng nói chung còn chậm, chưa mạnh, chưa lan rộng thành cao trào.

IV. CÔNG TÁC TÀI MẬU

a) Công tác thu mua

Trong công tác tài mậu vấn đề lớn nhất được tỉnh đặt ra là công tác thu mua toàn diện, trọng tâm là công tác thu mua lương thực, thực phẩm. Kế hoạch thu mua năm 1963 nói chung có nhiều tiến bộ, thu mua lương thực vượt 15,7%, thực phẩm vượt 14,8% kế hoạch. Nguyên nhân vượt kế hoạch là sự quyết tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy các ngành chuyên môn và các cấp ủy đã tích cực thực hiện.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác thu mua cũng còn khuyết điểm để kéo dài thời gian, tư tưởng chủ quan của huyện cho là công tác ổn định nghĩa vụ đã làm xong thấy thuận lợi nhiều hơn, chưa lường hết những mặt tiêu cực của hợp tác xã lo lắng việc thu hoạch và phân phôi của gia đình mình trước, nghĩa vụ Nhà nước làm sau. Mặt khác, thời tiết năm nay khi gặt mưa nhiều có ảnh hưởng một phần đến công tác nhập kho của Nhà nước. Về công tác thu mua xuất khẩu, thu mua lâm sản như vầu, tre, nứa, v.v. cũng có những khó khăn khách quan song về tư tưởng chủ quan của thu mua chưa được chuyển biến mạnh mẽ.

Tư tưởng chỉ đạo của các ngành thu mua còn mang nhiều tính chất kinh doanh đơn thuần lỗ lãi, mà xem nhẹ về công tác chính trị là chủ yếu. Cho nên bản thân các cửa hàng và cán bộ thu mua lại càng không thấy được đầy đủ vấn đề này nên chủ yếu là treo cân đợi quần chúng đến bán, hoặc đi xuống cơ sở thu mua thì lãng phí lưu thông ảnh hưởng đến kế hoạch lãi của cửa hàng, có nơi quần chúng đem lúa đến bán phải chờ đợi, hoặc gọi bán lợn, vì bận chờ đợi ở cửa hàng nên không đến mua được, v.v. đó là trở ngại rất lớn ngoài ra còn thiếu cả phần kết hợp công tác thu mua giữa các ngành với nhau chưa chặt nên có lúc ngành này làm khó khăn cho ngành kia.

Tổ chức bộ máy thu mua còn nhiều xộc xệch, tỷ lệ cán bộ lại ít hơn cán bộ bán hàng rất nhiều, trong khi đó chất lượng cán bộ thu mua còn kém, trình độ nắm chính sách còn yếu cũng là một nguyên nhân khó khăn của công tác thu mua.

Sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp huyện, chi bộ chưa thấy được đầy đủ trách nhiệm của mình là phải lãnh đạo cả ba mặt công tác sản xuất, thu mua, phân phối tốt mới là công tác kế hoạch toàn diện và cân đối. Sự giáo dục công nghiệp xã hội chủ nghĩa cho quần chúng chưa mạnh, một số đảng viên, cán bộ còn chưa gương mẫu, công tác quản lý thị trường ta làm chưa thật tích cực còn nhiều tư tưởng hữu khuynh buông lỏng quản lý thị trường.

b) *Công tác bán ra* đạt 101,1% kế hoạch, riêng lương thực bán đạt kế hoạch 94,0% việc bán ra nói chung phân phổi được đúng đối tượng, đúng định lượng và đến tay người tiêu dùng. Nhưng qua kiểm tra một số nơi về cung cấp thiếu vải làm sai sót không phân phổi tới tay người dân, 1963 có một số người chưa được phân phổi vải. Trong lúc đó đã không kiểm tra tổ chức chặt chẽ để mất hàng ngàn thước vải vào tay người đã được phân phổi hoặc những phần tử lợi dụng. Về công tác lương thực qua khâu phân phổi của ta trong nông thôn còn để lại với tỷ lệ cao, tình trạng lãng phí còn nhiều, khâu phân phổi của Nhà nước do tổ chức chưa chặt, tư tưởng của các cơ quan chưa được giải quyết tốt, lãnh đạo thiếu kiểm tra nên đã để ra số cơ quan vi phạm chính sách lương thực, có những cơ quan sai nghiêm trọng gây nên lãng phí lớn lương thực của Nhà nước, tổng kết đã lãng phí mất 61.700 kg gạo, và còn tồn kho trả lại Nhà nước 17.200 kg và đã có 984 trường hợp khai man, khai tăng sai tiêu chuẩn đổi tượng. Nguyên nhân của việc lãng phí này chủ yếu là công tác lãnh đạo tiết kiệm chưa tốt, kiểm tra chưa chặt chẽ và chưa đặt vấn đề phân phổi là một công tác quan trọng trong khâu sản xuất. Kết quả sau kiểm tra lương thực mỗi tháng toàn tỉnh giảm đi được 14.000 kg gạo không phải phân phổi. Một khuyết điểm đồng thời cũng là nhược điểm của ngành thương nghiệp là chưa tích cực phấn đấu giảm phí lưu thông, ngành lương thực kế hoạch lỗ 47,6% nhưng đã thực hiện 13,47%.

c) *Công tác tài chính*: Năm 1963 có nhiều tiến bộ. Kế hoạch 1963 vượt 6,0% và tăng hơn 1962 10,5% kế hoạch thu, chi đạt 96%. Đó là những mặt tốt. Nguyên nhân tiến bộ trên là năm nay sản xuất khá hơn, ý thức các xí nghiệp, ý thức đóng góp của quần chúng được nâng cao một bước, công tác giáo dục Nghị quyết 83 của Bộ Chính trị đã có những chuyển biến bước đầu. Nhưng công tác tài chính cũng còn thiếu sót ít thu thuế bán khoán lâm sản, thuế sát sinh, thuế nương rẫy làm chưa tốt để thất thu

nhiều. Hướng dẫn kinh doanh và khai thác nguồn thu chưa làm được đầy đủ.

Về chi đạt 96% kế hoạch, trong đó lại phân bổ cho các ngành:

- Chi kiến thiết kinh tế 43,2%.
- Chi văn hóa giáo dục 31,0%.
- Chi hành chính 21,1%.
- Chi khác 5,5%.

Số liệu trên cho thấy ta tập trung chi cho kiến thiết kinh tế văn hóa là đúng đắn, vì ta đầu tư vốn cho kiến thiết kinh tế mở rộng thêm xí nghiệp, tăng công tác đào tạo giáo dục cán bộ, nhưng còn thiếu sót là tỷ trọng kiến thiết kinh tế thì khâu phục vụ nông nghiệp tỷ lệ còn thấp. Chi về văn hóa giáo dục ta mới chú ý đến đào tạo mở rộng đội ngũ cán bộ. Về xây dựng trường sở, trạm xá kiên cố hoặc bán kiên cố một vài nơi ở vùng cao ta chưa quan tâm đầy đủ và nhận thức vấn đề chưa được rõ ràng nên trong thời gian dài ta chưa làm được nơi nào trạm xá, hoặc trường học bằng gạch ngói là một khuyết điểm.

d) Công tác ngân hàng - tiền tệ

Về kế hoạch tiền mặt mới thực hiện:

- Thu đạt 98,5% so với 1962 = 110,6%.
- Chi 99,1% so với 1962 = 110,2%.

So thu thấp hơn chi nên kế hoạch bội chi tiền mặt tăng 4% và tăng hơn 1962 là 7,1%. Nguyên nhân của thu không đạt là do ba khâu là thu các ngành phục vụ, thu nợ và thu tiết kiệm còn yếu, thu tiết kiệm mới đạt 81,8%, thu phục vụ 90%.

Nhìn chung công tác ngân hàng về công tác quản lý tiền mặt cho vay có nhiều tiến bộ, nhất là cho vay nông nghiệp, nhưng cho vay về thủ công nghiệp còn thấp quá và chưa tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn cho thủ công nghiệp phát triển và sử dụng vốn vào sản xuất (cho vay cả năm cộng lại là 31.929 đồng). Cho vay khai hoang còn rất thấp vì kế hoạch người lớn khai hoang chỉ đạt 37,8% năm 1963. Đặc biệt, sự hướng dẫn các hợp tác xã tín dụng làm còn

quá yếu, nhiều hợp tác xã tín dụng có tính chất hình thức, có nơi biến thành một tổ chức tiết kiệm đơn thuần thu tiền cho ngân hàng. Nhiều nơi quần chúng thắc mắc từ khi lập hợp tác xã đến nay không được sinh hoạt, không được báo cáo thanh toán công khai và dân chủ bàn bạc.

V. CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC, Y TẾ, BẢO VỆ SỨC KHỎE

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh đã chỉ thị: "Cần cố gắng nhiều hơn để từng bước thanh toán tình trạng thấp kém về văn hóa, khoa học - kỹ thuật, cải tiến phong tục tập quán. Tăng cường bảo vệ sức khỏe cho nhân dân các dân tộc".

Năm 1963 công tác văn hóa, giáo dục, y tế, bảo vệ sức khỏe chúng ta cố gắng phấn đấu đã có những tiến bộ và đi vào bể sâu:

a) Ngành văn hóa:

Các đội chiếu bóng đã xuống phục vụ được 115 xã, có xã chiếu từ 2 đến 3 lần, số buổi chiếu và số người xem tăng hơn 1962. Đặc biệt là phong trào văn nghệ quần chúng được phát triển rộng rãi từ nông thôn, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp, công trường đều phát triển theo một hướng tốt lành mạnh, do anh em tự biên tự diễn phục vụ phong trào hội diễn 1963 đã đánh dấu bước tiến bộ lớn, đã có 50 đơn vị tham gia gồm 161 tiết mục và gồm nhiều dân tộc Mèo, Mán, v.v. lên sân khấu, có cụ già 70 tuổi, em bé 6 tuổi cũng tham gia biểu diễn. Có 105 tiết mục được khen thưởng và một số tiết mục được Bộ Văn hóa khen thưởng. Có được những thành tích trên là do tư tưởng văn nghệ của Đảng đã ăn sâu vào quần chúng và văn nghệ đã đi vào tâm tư đời sống của quần chúng, và đã đi vào phục vụ sản xuất, phục vụ chính trị. Ngành văn hóa đã biết đi vào đường lối quần chúng để phát động phong trào trên những tiến bộ cần được phát huy. Những mặt yếu của công tác văn hóa là việc giáo dục tiết kiệm chống tệ tục tập quán còn kém, nên hiện nay

nhiều đám cưới cũng trở lại ăn to gây lãng phí của cải và lao động trong nhân dân làm chưa được tốt.

b) *Ngành giáo dục:*

Năm 1963 chúng ta dành một khoản tiền rất lớn chi cho công tác giáo dục để tuyển dụng thêm giáo viên, mở thêm trường lớp nhằm cố gắng thanh toán từng bước về văn hóa như Đại hội đã chỉ thị. Kiểm điểm đến nay ta thấy có tiến bộ hơn 1962.

- Ta đã thanh toán nạn mù chữ cho 12 xã (1962 có 1).

- Số học sinh chữ Mèo tăng hơn 1962 là 4,5%. Còn nói chung các trường lớp sơ cấp và bổ túc văn hóa đều tụt so với kế hoạch và kém cả 1962. Đặc biệt, công tác mẫu giáo, võ lồng, lớp một tỷ lệ phát triển chậm hơn các lớp trên, đó là hiện tượng không lành mạnh.

Nguyên nhân việc tụt kế hoạch của cấp I và sơ cấp chủ yếu là công tác vận động quần chúng của ta chưa tốt, tổ chức trường lớp chưa được đầy đủ, tư tưởng giáo viên chưa thật quyết tâm khắc phục khó khăn, lãnh đạo của ngành giáo dục còn nặng về phát triển trường và lấy biện pháp tăng giáo viên làm trọng mà nhẹ về biện pháp củng cố trường lớp sẵn có, số lượng học viên không những tụt kế hoạch 1963 mà còn kém cả số lượng 1962 đã giành được thắng lợi (sơ cấp 1962 bằng 8.113, năm 1963 có 6.720). Một khuyết điểm cần được tích cực khắc phục trong các năm tới là cố gắng thanh toán nạn mù chữ cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động ở xã và đưa một số cán bộ chủ chốt có trình độ lớp 2, 3 vùng 2 và 3, 4 vùng thấp, nhưng một năm qua số cán bộ trên được thanh toán và lên lớp rất ít (vẫn còn 308 đảng viên chưa được thanh toán nạn mù chữ).

c) *Công tác y tế:*

Công tác y tế năm 1963 có những tiến bộ lớn: Công tác phòng, chống bệnh sốt rét được tiến hành khẩn trương hơn 1962, công tác phun thuốc DDT đã hoàn thành trong toàn tỉnh. Trong tháng 7 công tác phòng, chống dịch cũng được kịp thời, hạn chế được thiệt hại tính mạng của nhân dân. Tiến bộ thứ hai là đã tranh thủ và

phổi hợp được tốt với đoàn điện quang của Bộ Y tế chụp phổi được gần 1 vạn cán bộ, công nhân viên trong tỉnh, Công tác điều trị tại các bệnh viện, bệnh xá cũng có tiến bộ. Ba huyện lớn đã có bác sĩ phụ trách, tỷ lệ tử vong của bệnh nhân tương đối thấp (1,23%).

Nguyên nhân kết quả trên là sự lãnh đạo của tỉnh được sát sao, quan tâm, bản thân ngành y tế cũng có nhiều cố gắng về mặt lãnh đạo được tăng cường. Cán bộ trung, cao cấp cũng được bổ sung đó là những lý do chủ yếu.

Nhưng ngành y tế cũng còn những thiếu sót lớn là:

- Kế hoạch xây dựng trạm xá đạt tỷ lệ 65% so với 1962 tỷ lệ phát triển thêm thấp (ba cái) do đó mà tỷ lệ giường cũng thấp. Song, về số 26 trạm xá hiện nay số tốt vẫn là tỷ lệ thấp, có nhiều trạm xá vẫn có tính chất hình thức.

- Công tác vệ sinh trong nông thôn, thị trấn vẫn là vấn đề tồn tại lớn chưa được giải quyết triệt để và đi đôi với công tác sản xuất và cải tạo phong tục tập quán.

- Công tác bảo vệ sức khỏe cho cán bộ tuy đã được lập Ban bảo vệ sức khỏe nhưng hoạt động còn ít và chưa có kế hoạch bảo vệ sức khỏe một cách toàn diện.

VI. CÔNG TÁC TRỊ AN

1. Hoạt động của địch và bọn tội phạm hình sự

Hoạt động của địch nổi bật nhất từ đầu năm đến nay vẫn là hoạt động của bọn gián điệp, biệt kích, tay sai của đế quốc Mỹ. Trong năm nay 35 lần máy bay địch xâm nhập không phận tỉnh ta, trong đó có lần (đêm 4-6-1963) chúng đã thả dù một toán gián điệp, biệt kích cùng đầy đủ vũ khí, điện đàm và những phương tiện phá hoại xuống xã Phú Nhuận huyện Bảo Thắng. Cả toán gián điệp, biệt kích trên đã bị ta bắt gọn và đã bị đưa ra tòa xét xử.

Bọn gián điệp của Pháp cũ, bọn gián điệp đội lốt phái đoàn công khai và nhiều tên đặc vụ Tưởng cũng tích cực hoạt động, tăng

cường liên hệ, tìm cách gây cơ sở và điều tra tình báo. Thực tế chứng minh bọn trên đúng là đối tượng phản cách mạng nguy hiểm nhất ở địa phương Lào Cai.

Đi đôi với bọn gián điệp, biệt kích ngày càng tăng cường hoạt động, bọn phản động địa phương cũng có nhiều biểu hiện chống đối tích cực. Bọn đảng phái phản động phi cũ chưa chịu cải tạo vẫn có hành động chống đối ta còn tới 12%. Một số phần tử phản cách mạng và địa chủ, phú nông chưa chịu cải tạo cũng có hoạt động phá hoại, hoặc đòi lại ruộng đất của nông dân. Bọn phi lẩn trốn trên rừng cao còn 20 tên (7 tên là phi cũ) trong đó có một số tên cầm đầu ngoan cố kiên quyết chống lại ta.

Về mặt trị an xã hội, do kết quả công tác giáo dục tốt, kết hợp với phong trào bảo vệ trị an được phát động ngày càng mạnh và sâu. Do đó, nạn trộm cắp ở nông thôn giảm nhiều và phần lớn là các vụ trộm cắp lặt vặt trong tổng số 493 vụ. Buôn lậu cũng giảm, tuy vậy tình hình trị an xã hội trong năm qua cũng còn nhiều vấn đề phức tạp đã gây khá nhiều thiệt hại về người và tài sản của nhân dân cũng như của Nhà nước: Tham ô phát hiện 41 vụ, cờ bạc 32 vụ, tự tử, tự sát 43 vụ, chết 34 người, cháy nhà 31 vụ, mất 95 nóc nhà... Tình hình tham ô trong các hợp tác xã đang phổ biến. Nạn cháy nhà ngoài nhân dân tăng nhiều, chủ yếu do sơ suất, có vài vụ nghi tự đốt nhưng chưa kết luận được. Nạn tự tử, tự sát chưa giảm và hầu hết do xích mích gia đình.

2. Về công tác trị an của ta

Để đối phó với âm mưu hoạt động của địch và làm tốt công tác trị an xã hội từ đầu năm đến nay nhất là từ sau vụ địch thả dù biệt kích xuống địa phương đêm 4-6-1963, toàn tỉnh càng ra sức đẩy mạnh công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích và công tác bảo vệ trị an, trong đó đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền giáo dục toàn thể cán bộ và quần chúng về âm mưu, thủ đoạn của địch nhằm nâng cao cảnh giác và động viên khí thế đấu tranh của quần

chúng sẵn sàng tiêu diệt địch khi cần thiết. Việc lập phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích cũng như công tác phòng không được chú trọng hơn. Nhiều xã đã thực tập tối hai, ba lần và mở rộng quy mô thực tập liên xã. Phong trào bảo vệ trị an được phát động sâu rộng ở 36 xã trong đó đại bộ phận là các xã vùng cao, cơ sở của ta còn non yếu. Ở những xã phong trào bảo vệ trị an được phát động khá, công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích khá và kết quả chính của phong trào trên là đã phục vụ tốt công tác sản xuất củng cố hợp tác xã, củng cố cơ sở. Hiện nay, các huyện đang tổng kết các thí điểm bảo vệ trị an và chuẩn bị kế hoạch mở rộng cuộc phát động tới. Đi đôi với các công tác trên tỉnh đã tiến hành công tác tập trung giáo dục cải tạo đợt 3, trong đợt này các địa phương đã tập trung giáo dục cải tạo năm 1962 tỉnh đã bắt cho đi tập trung giáo dục cải tạo 112 tên. Cộng là 177 tên. Trừ 5 tên bắt hụt hiện còn trốn tránh. Việc chấp hành chính sách tập trung giáo dục cải tạo nói chung là tốt nên ít có sự phản ứng của đối tượng, cũng như gia đình họ. Về công tác bảo vệ nội bộ có nhiều tiến bộ, ý thức cảnh giác của cán bộ, công nhân viên được nâng cao, các mục tiêu quan trọng được bảo vệ tuyệt đối an toàn, các vụ hư hại kinh tế giảm đi rõ rệt (1962 xảy ra 128 vụ, năm 1963 xảy ra 72 vụ, đặc biệt không xảy ra chết người). Nội bộ xí nghiệp cơ quan thuần khiết hơn một bậc.

Trên đây là một số thành tích trong công tác trị an trong năm qua, trong đó thành tích chủ yếu nhất là đã phát động nâng cao khí thế cách mạng của quần chúng, động viên được đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tham gia đấu tranh chống địch phá hoại, bảo vệ trật tự an ninh, phục vụ tốt công tác trung tâm của địa phương, công tác ngăn ngừa bọn phản cách mạng không xảy ra được bạo loạn và các vụ phá hoại lớn, công tác truy bắt toán gián điệp, biệt kích Mỹ - Diệm tung xuống địa phương được nhanh, kịp thời do đó góp phần làm thất bại âm mưu gián điệp của Mỹ và tay sai đối với miền Bắc nước ta.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích cũng còn những khuyết điểm như: Công tác tiễu phỉ còn thiếu kế hoạch cụ thể, thiếu tinh thần khẩn trương kiên quyết và triệt để, gần đây đã được bổ khuyết, công tác bảo mật phòng gian trong nội bộ chậm mở rộng xuống huyện, đến nay các huyện mới bắt đầu làm. Việc đưa công tác bảo mật phòng gian ở các xí nghiệp cơ quan tỉnh vẫn thường xuyên chưa tốt, đáng chú ý công tác phản gián bảo vệ nội bộ cũng chưa được đẩy mạnh. Công tác trấn áp phản cách mạng và bọn phá hoại hiện hành có lúc có bộ phận trong cơ quan chuyên chính còn thể hiện tư tưởng hữu khuynh, ảnh hưởng máy móc của pháp luật tư sản.

Công tác nắm tình hình địch (kể cả đối với bọn gián điệp, đặc vụ) có tích cực, có tiến bộ nhưng việc kết luận, việc phá án làm còn chậm, còn yếu. Công tác tập trung giáo dục cải tạo tuy đã có những cố gắng nhưng chưa hoàn thành về căn bản, số đối tượng cần phải nghiên cứu xét duyệt còn nhiều. Công tác giáo dục được cải tạo nhưng phần tử ngụy, phi cũ có nhiều xã chưa làm được thường xuyên, công tác đấu tranh trấn áp bọn tội phạm chưa được tăng cường đúng mức, do đó, công tác trị an xã hội còn nhiều phức tạp, thậm chí có mặt còn phức tạp hơn trước. Đó là những thiếu sót tồn tại dần khắc phục trong thời gian tới nhằm phục vụ tốt công tác trung tâm của tỉnh và làm cho tình hình trị an ngày càng ổn định hơn.

VII. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN LỰC LUỢNG VŨ TRANG VÀ CÁC TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG

1. Chính quyền

Đầu năm đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp tỉnh, huyện. Do công tác chuẩn bị được tốt nên Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện khóa này thể hiện đầy đủ tính chất giai cấp, tính chất dân tộc và các tỷ lệ đã quy định. Nhiều ngành, nhiều cơ sở như hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp,

văn hóa, giáo dục, thương nghiệp đã có đại biểu. Số đại biểu thanh niên, phụ nữ, trí thức cũng chiếm tỷ lệ thích đáng.

Trên tiến hành qua học tập luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp đã nâng cao sự hiểu biết cho cán bộ và quần chúng về quyền làm chủ đồng thời thấy rõ trách nhiệm tham gia xây dựng chính quyền của mình hơn trước.

Tuy nhiên, kết quả bầu cử mới là bước đầu, việc bồi dưỡng trình độ mọi mặt cho các đại biểu còn rất nặng nề và mới làm được ít. Việc phát huy năng lực của các đại biểu Hội đồng nhân dân nhất là đại biểu dân tộc thiểu số mới tham gia chính quyền chưa thật sự được đề cao.

2. Về các lực lượng vũ trang

a) *Công tác xây dựng lực lượng hậu bị* trong năm qua tinh làm nhiệm vụ củng cố về chính trị làm chính và củng cố đi đôi với phát triển. Căn cứ nhiệm vụ trên công tác củng cố đã tiến hành tích cực ở tất cả 121 xã. Đi đôi với giáo dục chính trị, nâng cao chất lượng cho dân quân, tự vệ công tác củng cố đã được tiến hành tích cực. Đã bổ sung thêm đảng viên vào các ban chỉ huy xã đội, trung đội và đã thanh thải một số phạm tiêu chuẩn chính trị, phạm chính sách (70 người) và cáo nghỉ 1.164 người thuộc diện già yếu. Về mặt phát triển đã kết nạp thêm 2.656 dân quân tự vệ. Tổng số hiện nay có 12.256 người tức 10% dân số toàn tỉnh, vượt mức quân khu giao về phát triển là 11,4%.

Nhờ quán triệt nhiệm vụ và tích cực xây dựng chất lượng và số lượng dân quân tự vệ đều được tăng cường. Do phong trào dân quân tự vệ đã có nhiều chuyển biến mới, khí thế thi đua được giữ vững và phát triển, công tác huấn luyện quân sự có nhiều tiến bộ, trình độ chiến, kỹ thuật nói chung đạt được yêu cầu, công tác trị an làm được tốt và vai trò nòng cốt của dân quân tự vệ trong sản xuất ngày càng được phát huy.

b) Về công tác động viên và công tác tuyển binh:

Tỉnh đã hoàn thành việc tổ chức sắp xếp các đơn vị bảo đảm bất cứ lúc nào cũng có thể động viên được. Chất lượng động viên tốt hơn năm ngoái. Các chính sách trong động viên như miễn hoàn, kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng, v.v. được chú trọng vận dụng thi hành. Qua khám sức khỏe và xét duyệt đã tuyển được 250 thanh niên tham quân, bảo đảm quân số trên giao. Chất lượng tân binh bảo đảm, tình trạng đảo ngũ giảm đi nhiều so với năm trước. Nhìn chung toàn tỉnh như vậy nhưng nói riêng có những huyện làm tốt như Bát Xát, Sa Pa, Bảo Thắng, có huyện chỉ đạt 10% kế hoạch tuyển binh như Bắc Hà, 30% như Mường Khương.

c) Bộ đội thường trực và công an nhân dân vũ trang: Mặc dù có nhiều khó khăn vì lực lượng phân tán nhiều, hoặc tham gia công tác đột xuất nhưng nói chung công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đều đạt yêu cầu. Công tác huấn luyện nghiệp vụ của công an vũ trang có tiến bộ khá. Qua học tập tình hình nhiệm vụ cách mạng nước ta và nhiệm vụ của quân đội và học tập thời sự chính sách, quan điểm lập trường và ý thức tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ vững vàng hơn nhiều.

Trong huấn luyện quân sự của bộ đội thường trực, phần chiến thuật đạt kết quả tốt hơn phần kỹ thuật. Trong kỹ thuật thì các khoa mục khác đạt được yêu cầu, riêng xạ kích ba bước bắn đều chưa đạt.

Về mặt công tác trị an, cả hai lực lượng đều có nhiều cố gắng nhất là công tác trị an biên phòng do đó tình hình biên giới ngày càng ổn định, số vụ di cư và buôn lậu qua biên giới giảm đi rõ rệt.

3. Công tác mặt trận và các tổ chức quần chúng

Năm qua mặt trận và các tổ chức thanh niên, phụ nữ, công đoàn đã hướng mọi mặt công tác của tổ chức mình phục vụ tốt công tác trung tâm, thực hiện kế hoạch nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh thống nhất đất nước.

Những phong trào thi đua vì miền Nam ruột thịt, phong trào thi đua năm tốt, phong trào xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch phấn đấu trở thành tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa trong thanh niên, phụ nữ, công nhân đã góp phần đẩy mạnh mọi mặt công tác.

Nhờ kết quả các phong trào trên được phát động đã xuất hiện những gương tốt về tự lực cánh sinh như Mỏ apatít đã sản xuất được 70 đến 80% phụ tùng máy móc thay thế trước vẫn phải mua ở nước ngoài, tiết kiệm cho nhà nước 300.000 đồng. Trong 9 tháng đầu năm nay đã bồi dưỡng những đơn vị kém trở thành những đơn vị khá. Phong trào làm phân, chăn nuôi, cải tiến nông cụ phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật cũng có tiến bộ tuy so với yêu cầu đạt được chưa cao.

Công tác thiếu nhi đồng cũng được chú ý hơn năm trước. Phong trào nghìn việc tốt và Đại hội cháu ngoan Bác Hồ đã có tác dụng giáo dục tốt cho thiếu nhi. Công tác trại hè của thiếu nhi tổ chức rất khai, đông đảo thiếu nhi các dân tộc đã tham gia trại hè năm nay. Tuy công tác thiếu nhi còn yếu nhất là đối với thiếu nhi nông thôn.

VIII. CÔNG TÁC ĐẢNG

Nghị quyết Đại hội tỉnh lần thứ IV đã nhấn mạnh: "Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên mọi lĩnh vực hoạt động của địa phương là điều kiện quyết định đảm bảo cho mọi thắng lợi nhiệm vụ đã đề ra. Vì vậy trong thời gian tới phải ra sức củng cố đi đôi với phát triển mạnh mẽ, vững chắc tổ chức đảng, bám rẽ ăn sâu vào phong trào và các tầng lớp nhân dân các dân tộc, tăng cường tính chất giai cấp, tính chất tiên phong và tăng cường sức chiến đấu của Đảng".

Được Đại hội soi sáng về phương hướng công tác Đảng như trên, trong năm qua công tác tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

được hết sức coi trọng và làm tập trung, nhất là công tác chính trị và tư tưởng được quán triệt và làm thường xuyên.

1. Công tác chính trị, tư tưởng

Trong năm qua tỉnh ta đã tổ chức học tập và tuyên truyền có hệ thống các Nghị quyết Trung ương lần thứ 7, Nghị quyết lần thứ 8 và Nghị quyết Đại hội IV của tỉnh. Từ Ban Chấp hành xuống đến các chi bộ, đảng viên, và nhân dân các dân tộc. Nhằm nâng cao một bước ý thức công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và thực hiện đấu tranh thống nhất nước nhà. Từ 70 đến 80% cán bộ, đảng viên được học có tổ chức thành lớp. Kết quả giáo dục đã làm cho nhận thức về đặc điểm của nước ta hiện nay là tạm chia làm hai miền và hai đường lối chiến lược khác nhau, miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, miền Nam đấu tranh giải phóng dân tộc để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ và phải đương đầu với một đế quốc đầu sỏ và tay sai phản động nguy hiểm được rõ ràng hơn. Do nhận thức được nhiệm vụ cách mạng hai miền và những khó khăn hiện nay của miền Bắc và nhiệm vụ nặng nề của miền Bắc nên trên tư tưởng cán bộ, đảng viên, nhân dân có những chuyển biến rõ rệt, biểu hiện trong các chỉ tiêu phấn đấu thực hiện kế hoạch, với tinh thần vươn lên và ý thức tự lực cánh sinh cũng được nâng cao một bước, giải quyết những vấn đề khó khăn trước mắt của Lào Cai là lương thực, thực phẩm sản xuất và thu mua, cung cấp cho Trung ương và một số mặt hàng xuất khẩu đóng góp vào nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Về cảnh giác chính trị cũng được nâng cao, kịp thời tiêu diệt bọn biệt kích của Mỹ - Diệm nhảy dù xuống Lào Cai trong thời gian ngắn. Những tư tưởng xin thôi, xin nghỉ của cán bộ có chiều hướng giảm sút, nhiều cán bộ, đảng viên, công nhân đã xác định công tác miền núi lâu dài và có chuẩn bị di chuyển gia đình lên Lào Cai. Biểu hiện rõ nhất là các ngành công nghiệp, năm nay

nhiều ngành đã đạt và vượt kế hoạch hơn 1962. Trong nông nghiệp cũng vượt nhiều chỉ tiêu hơn 1962, các phong trào quần chúng khác cũng dần từng bước đi vào cống cối vững chắc, bén rễ xuống cơ sở sâu hơn, chất lượng công tác khá hơn.

Có thể đánh giá công tác tư tưởng chính trị năm nay đạt toàn diện có hệ thống và làm tích cực nhiều hơn các năm trước vì Ban Chấp hành cho rằng đây là khâu rất quan trọng có ý nghĩa quyết định, vì muốn làm được mọi việc thì tư tưởng phải đi đầu, nên chừng nào tư tưởng chưa tốt thì chừng đó công tác còn bê trễ và phong trào không thể lên được.

Ngoài việc giáo dục nhiệm vụ trong nước, trong tỉnh, tỉnh ta lại coi trọng giáo dục giải quyết tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về tình hình bất đồng giữa hai đường lối Mác - Lênin và đường lối của chủ nghĩa xét lại. Do giáo dục tốt đã làm cho sự đoàn kết thống nhất giữa toàn đảng viên trong tỉnh thống nhất với quan điểm của Trung ương Đảng ta và kiên quyết bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là thắng lợi to lớn về mặt tư tưởng cơ bản trong Đảng bộ ta.

2. Công tác tổ chức đảng

Xuất phát từ nhận thức là không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Ban Chấp hành tỉnh đã đặt công tác Đảng phải được tập trung làm thường xuyên và các cấp phải bàn và làm công tác xây dựng Đảng với tinh thần cố gắng nhất. Ban Tổ chức các cấp phải ra sức giúp đỡ hướng dẫn các đảng bộ cấp dưới làm công tác tổ chức đảng cho tốt vì đây là bộ phận tham mưu của các cấp.

Kết quả cố gắng của toàn Đảng bộ đến nay đạt những kết quả đáng kể là:

a) Về *tổ chức cơ sở* từ 214 chi bộ 1962 đã giải thể 8 chi bộ, 1963 đến nay đã lập thêm được 51 chi bộ cộng là 257 chi bộ, 122 xã đều có đảng viên, hiện nay chỉ còn 19 xã phải ghép chi bộ hoặc lập tổ đảng, nếu 1964 cố gắng có thể các xã đều lập được chi bộ.

Về hợp tác xã đã có 293 hợp tác xã có đảng viên, đặc biệt 36 hợp tác xã của Bảo Thắng đều có đảng viên đã xây dựng được 37 thôn mới có đảng viên, còn lại 313 thôn xã và 109 hợp tác xã chưa có đảng viên phải cố gắng phấn đấu 1964 và 1965 mới có thể giải quyết được. Về phát triển: Toàn năm phát triển được 402 đảng viên mới bình quân mỗi chi bộ phát triển gần được 2 đảng viên là những cỗ gắng lớn, nhất là 6 tháng cuối năm có những tiến bộ rõ rệt. Tóm lại đã có nhiều chi bộ làm công tác phát triển Đảng, có chi bộ 1 năm đã phát triển được 9 đảng viên (Chi bộ đoàn xe apatít) và bản thân chi bộ đó đã biết sử dụng chi đoàn thanh niên làm công tác tuyên truyền giới thiệu đoàn viên vào Đảng theo đúng điều lệ quy định. Nói chung số đảng viên mới phát triển qua kiểm tra đều đạt tiêu chuẩn và xứng đáng là đầu tàu gương mẫu. Nhưng đối chiếu lại phương châm phát triển, Đảng còn thấy tư tưởng hẹp hòi còn nặng, nhất là những cán bộ dân tộc đi thoát ly công tác. Các chi bộ đòi hỏi anh em điều kiện quá cao như cán bộ xuôi. Do ta còn hẹp hòi như vậy nên cũng thiếu động viên anh em phấn đấu công tác vì mục đích chính trị của anh em đi tìm chưa đạt, có anh em đã viết thư gửi cho Ban Chấp hành tỉnh hỏi tại sao không được kết nạp vào Đảng. Khuyết điểm thứ hai công tác tuyển lựa xét duyệt đối tượng và mở rộng đội ngũ cảm tình ta làm còn chưa được quá ít và chưa biết thông qua các phong trào tổng, sơ kết thi đua hằng năm mà chọn đối tượng và đưa đi bồi dưỡng về Đảng. Mặt khác, phải nghiêm khắc phê bình một số chi bộ có điều kiện có nhiều quần chúng tốt, chi bộ có ít đảng viên mà chưa tích cực làm công tác phát triển đảng.

Công tác sinh hoạt, đóng đảng phí của chi bộ nói chung các chi bộ đều có sinh hoạt hằng tháng, ý thức đóng đảng phí của đảng viên tương đối đầy đủ, do đó mà việc thu nộp đảng phí 1963 đạt kế hoạch đã định. Nhưng trong việc thu nộp gửi lên trên của một số chi ủy và đảng ủy còn chậm có nơi còn để sử dụng không đúng tiêu chuẩn hoặc do không kiểm soát chặt chẽ đã để tình trạng đảng viên tham ô hàng 500 đồng tiền đảng phí (Đảng bộ Mỏ apatít).

Trong năm qua sự tiến bộ của các chi bộ có được nhiều mặt khá hơn trước: Công tác được toàn diện hơn, nhất là công tác thực hiện kế hoạch, công tác bảo vệ trị an, công tác nội bộ Đảng.

Về thực hiện kế hoạch chi bộ đã lãnh đạo sản xuất tương đối khá hơn về các mặt chi tiêu sản xuất nhất là mặt mở rộng diện tích gieo trồng. Có một số xã đã chú trọng đến xây dựng cơ sở vật chất cho các hợp tác xã và mở rộng ngành nghề cho hợp tác xã và sửa chữa một số chấp hành chính sách chưa đầy đủ, như trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, làm sân phơi, trúc lán, cải tiến công cụ sản xuất vận chuyển, v.v..

Về lãnh đạo công tác ba thu đã có một số chi bộ lãnh đạo toàn diện như thu thuế, thu mua, thu nợ, nhất là thu mua lương thực, thực phẩm có kết quả hơn năm 1962. Nhưng còn đa số các chi bộ mới làm được từng mặt, nơi làm được lương thực lại nhẹ về thực phẩm hoặc nông sản. Nhưng đều có tiến bộ hơn năm ngoái về thịt lợn, năm ngoái mới có hai xã làm tốt thu mua thịt lợn, năm nay hàng chục xã làm tốt và vượt kế hoạch.

Bảo vệ trị an năm 1962 có một xã làm tốt, năm nay có hàng chục xã làm tốt, đặc biệt Chi bộ Phú Nhuận khi có biệt kích nhảy dù xuống, chi bộ lãnh đạo chặt chẽ sử dụng ngay dân quân và các binh chủng khác vây lùng bọn biệt kích không để chúng kịp chạy trốn và đã bắt được một tên trước khi bộ đội xuống, đó là những tinh binh cấp chiến đấu của đảng viên được thể hiện rõ ràng.

Những sự lãnh đạo của chi bộ vẫn còn một số mặt còn yếu tồn tại:

Nội dung sinh hoạt chi bộ còn đơn giản quá, chuẩn bị không đầy đủ, ý thức dân chủ của đảng viên chưa được phát huy nhiều, vấn đề đưa ra thường thiếu bàn cãi và thiếu biểu quyết.

Công tác sản xuất chưa coi trọng lãnh đạo các biện pháp kỹ thuật như phân, cày ải, kịp thời vụ, chưa tích cực giải quyết tăng vụ chiêm vùng thấp, vụ màu vùng cao. Đặc biệt là khâu lãnh đạo quản lý sản xuất lương thực chính còn để xã viên làm riêng lẻ

quá nhiều, ngày công lao động làm cho tập thể năm nay giảm hơn năm ngoái. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã chưa có quyết tâm thực hiện làm sân phơi, nhà kho, chuồng trâu, nhà chứa phân, làm ruộng bậc thang, trồng cây công nghiệp dài ngày.

Lãnh đạo được củng cố việc phát triển hợp tác xã quyết tâm chưa cao, lãnh đạo sản xuất trong hợp tác xã và tổ đổi công còn chưa chặt, còn để tình trạng phát nương, phá rừng nghiêm trọng, còn để xã viên làm riêng lẻ nhiều lương thực chính, ngày công bình quân trong tháng, năm của xã viên đóng góp cho hợp tác xã còn ít, một số đảng viên lại thiếu gương mẫu vấn đề này, còn thiếu biện pháp giáo dục tích cực và thái độ kỷ luật thích đáng.

b) Công tác tổ chức bộ máy và cán bộ:

Vấn đề lớn nhất trong năm 1963 là tổ chức Đại hội Đảng, tỉnh, huyện thị và một số đảng ủy: Đây là vấn đề sinh hoạt chính trị và dân chủ lớn nhất trong toàn Đảng bộ, tỉnh đã tập trung nhiều sức lực, thời gian, cán bộ làm công tác này. Kết quả Đại hội các cấp đã có chuyển biến về căn bản tư tưởng tình hình và nhiệm vụ, biểu hiện sự thống nhất trong toàn Đảng bộ, trong các nhiệm vụ 1963, trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, Đảng, v.v. và có những quyết tâm phấn đấu thực hiện nghị quyết bước đầu đã đạt kết quả như các phần trên đã nói:

Nhưng đứng về tổ chức bộ máy và cán bộ cũng phải thấy các tiến bộ lớn:

- Các cấp ủy Đảng tỉnh, huyện, thị, đảng ủy được kiện toàn bổ sung chất lượng bằng tuyển cử dân chủ trong toàn Đảng bộ. Đặc biệt, tỉnh đã vận dụng đúng đường lối với chính sách cán bộ dân tộc một cách đúng đắn, mạnh dạn vẫn kiên quyết đưa một số cán bộ dân tộc địa phương tham gia lãnh đạo Đảng ủy các cấp, đến nay đã thấy rõ kết quả không những đúng đắn về ý nghĩa chính trị và có ý nghĩa thực tiễn đối với phong trào địa phương. Nhất là chủ trương tăng cường đưa một số cấp ủy viên xuống trực tiếp cơ sở làm cho sự lãnh đạo sâu sát và thực tế hơn.

- 1963 ngoài việc mạnh dạn cho cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng 480 người về chính trị, kinh tế, kỹ thuật, trung cao, sơ cấp, trong đó có 59 cán bộ là người dân tộc trong số cán bộ đi cao cấp, trung cấp và cán bộ chính trị còn ít, trong số 18 cán bộ cao cấp, 40 trung cấp mới có 6 người là cán bộ chính trị.

- Điều động cán bộ xuống công tác cơ sở làm tương đối tích cực được 352 cán bộ trong đó có gần 100 do Trung ương điều xuống cơ sở đáp ứng được một phần nhu cầu phong trào đòi hỏi. Nhưng công tác đột xuất như giúp hợp tác xã thu chiêm, làm mưa, chống sâu, chống hạn cũng được kịp thời khẩn trương đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất và bảo vệ sản xuất có kết quả.

Tiến hành thí điểm cải tiến tổ chức ở 5 cơ quan đã bước đầu có những tiến bộ nhất định: Đã giúp được 17 phòng và 37 cán bộ đi làm công tác khác mà công tác vẫn đảm bảo bình thường.

- Vấn đề sinh hoạt dân chủ nội bộ đã được cải tiến, vai trò lãnh đạo tập trung dân chủ được đề cao, nhất là cấp tỉnh đã đi sâu vào từng chuyên đề công tác sâu hơn và chỉ đạo sát sao hơn, các huyện nám cơ sở cũng sát và quan hệ chặt chẽ hơn.

Ngoài ưu điểm trên, trong công tác tổ chức và bộ máy, công tác cán bộ cũng còn một số khuyết nhược điểm:

- Công tác nám cán bộ của ta còn yếu, hiểu cán bộ chưa sâu, nội dung theo dõi cán bộ chưa đi sâu vào mặt chấp hành chính sách, nghị quyết và hoàn thành kế hoạch nhất là nám cán bộ xã và cán bộ khu vực, thậm chí ngay đến cán bộ từng ngành, từng cấp cũng nám không chặt của từng thời gian.

- Công tác sử dụng năng lực của đội ngũ cán bộ còn thấp nhiều cán bộ làm còn chung chung, trách nhiệm chưa rõ, có một số cán bộ có thể gánh vác được thêm một số việc nhưng vì tư tưởng các ngành muốn số lượng nhiều để cho dễ phân công, mà không thấy ta phải mạnh dạn giao việc sử dụng cán bộ trên cơ sở đó mà phải bồi dưỡng cán bộ cho thực tế, thực hiện đúng với tinh thần Đại hội đã chỉ thị là "Ít cán bộ mà làm được nhiều việc".

- Việc thực hiện Nghị quyết 35 của Trung ương gần hai năm nay nhưng mới thực hiện được 13 xã là một khuyết điểm lớn, chính do không thực hiện được như vậy nên những khó khăn về kinh tế của một số cán bộ xã chưa được giải quyết tốt, mặt khác không động viên được cán bộ hăng hái công tác.

Tình trạng hội họp còn nhiều, giấy tờ còn lăm, tốn chúc còn có chiêu hướng muôn phình ra, tinh thần cải tiến tổ chức chưa được quán triệt, nhiều cơ quan muốn thêm cán bộ, chưa nhận thức đầy đủ là cố gắng bồi dưỡng tận dụng khả năng cán bộ sẵn có của mình là chủ yếu để đẩy mạnh công tác.

Chức năng nhiệm vụ của các ngành các cấp chưa được phân ranh giới rõ rệt, tổ chức còn nhiều bất hợp lý chưa phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Nguyên nhân còn tồn tại trên chủ yếu là các cấp ủy huyện, thị, đảng ủy các đồng chí phụ trách các ngành và chuyên môn của Đảng chưa bàn bạc với nhau và phân công cùng nhau bắt tay vào thực hiện. Nguyên nhân thứ hai là Ban Tổ chức chưa làm đầy đủ nhiệm vụ nghiên cứu giúp Tỉnh ủy đề ra những biện pháp tích cực giải quyết các vấn đề này.

3. Công tác kiểm tra

Năm 1963 Đại hội cấp tỉnh, huyện, thị ủy đã tiến hành bầu các ban kiểm tra của Đảng, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy có tín nhiệm. Song, điểm tiến bộ là có cấp ủy viên chuyên trách và cán bộ chuyên trách, riêng Ủy ban Kiểm tra được tăng cường cả số và chất lượng.

Do được tăng cường và kiện toàn về tổ chức nên công tác kiểm tra đã tiến hành được 20 vụ về thiếu dân chủ nội bộ và tham ô, hủ hóa. Qua sự kiểm tra và các đơn khiếu tố của quần chúng, đảng viên cho ta thấy vấn đề dân chủ nội bộ và vấn đề tham ô, hủ hóa là một vấn đề lớn trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên. Cần phải tiếp tục giải quyết một cách khẩn trương và triệt để. Những người bị

tố giác phô biến là cán bộ lãnh đạo, hoặc là đảng viên thường giữ trách nhiệm lãnh đạo, ở các tổ chức quần chúng. Trong số 45 thư khiếu tố thì 13 bị tố về tham ô, lợi dụng và 23 bị tố về quan liêu mệnh lệnh và chấp hành chính sách. Kết quả của các vụ kiểm tra 36 vụ bị kỷ luật trong đó 18 vụ là trường hợp thiếu trách nhiệm trấn áp phê bình, chia rẽ bè phái, sai phạm chính sách, và vụ là tham ô, hủ hóa, tỷ lệ số đảng viên bị xử lý chiếm 1.5%. Tuy số vụ kiểm tra chưa làm được nhiều nhưng cũng là cố gắng lớn của các ban kiểm tra các cấp đã có một số đóng góp vào phần gìn giữ kỷ luật Điều lệ của Đảng, mặt khác cũng có ảnh hưởng tốt đến việc nâng cao trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và hạn chế được một phần những sai lầm về chấp hành chính sách của Đảng.

Bên cạnh ưu điểm trên, các ban kiểm tra của Đảng cũng còn một số thiếu sót cần khắc phục:

- Chưa làm công tác kiểm tra là công tác chung của Đảng bộ, và mỗi đảng viên đều làm công tác kiểm tra, chưa giáo dục tốt công tác kiểm tra trong toàn Đảng bộ.

- Nhiệm vụ của kiểm tra mới thực hiện và đi vào từng việc trước mắt, còn việc kiểm tra ý thức thực hiện các đường lối, chính sách, nghị quyết mới của Đảng mới làm được ít.

IX. KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY TRONG NĂM QUA

Năm 1963 sự lãnh đạo của Tỉnh ủy có những tiến bộ lớn và toàn diện, nhiều vấn đề đã đi sâu vào chuyên đề từng ngành, nông nghiệp, công nghiệp, tài mậu, v.v..

Những tiến bộ lớn đó là:

1. Nông nghiệp đã lãnh đạo thực hiện kế hoạch vượt các chỉ tiêu về diện tích, tích cực phát triển các cây lương thực và cây công nghiệp ở tỉnh ta có điều kiện đặc biệt về công tác thủy lợi được coi

trọng lãnh đạo, việc gieo trồng kịp thời vụ cũng được chú ý đẩy mạnh thành phong trào chung của toàn tỉnh. Công tác chăn nuôi nhất là chăn nuôi lợn thịt được tích cực giải quyết từ đầu năm như giải quyết lợn nái, lợn giống, thức ăn và chính sách thu mua.

2. Công tác lãnh đạo hợp tác xã được coi trọng và quyết tâm thực hiện củng cố giữ vững các hình thức tập thể đó làm cơ sở đẩy mạnh sản xuất và thực hiện các công tác khác. Từng vụ sản xuất thu hoạch kiên quyết tập trung lãnh đạo, tập trung cán bộ xuống giúp hợp tác xã.

3. Công tác công nghiệp sau khi có chỉ tiêu kế hoạch tích cực kiểm tra đôn đốc giải quyết khó khăn về các mặt công tác nên nhiều ngành trong công nghiệp đạt và vượt kế hoạch tổng sản lượng. Việc thực hiện Nghị quyết 83 của Bộ Chính trị được lãnh đạo chặt chẽ trong các xí nghiệp có kiểm điểm liên tục sửa chữa khuyết điểm. Những nơi làm ba xây, ba chống được Tỉnh ủy phân công một Thường vụ Tỉnh ủy, hai Tỉnh ủy viên và một số cán bộ chuyên trách chỉ đạo thực hiện, phong trào đã có những chuyển biến lớn, đã có nhiều tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa 1963.

4. Công tác tài mậu năm nay được đặt toàn diện và sâu sắc hơn năm trước, nhất là việc thu mua thịt lợn vượt kế hoạch của Bộ giao. Tuy lương thực có chậm nhập thóc vào kho nhưng đã vượt 15,7% nhiệm vụ Trung ương giao. Nguyên nhân công tác lương thực làm tốt là tinh ta thực hiện đúng đắn chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực của Trung ương. Do công tác tài mậu làm tương đối khá hơn nên các hàng xuất khẩu đóng góp vào Trung ương cũng có nhiều tiến bộ.

5. Sự lãnh đạo của Ban Chấp hành đã đi vào nghiên cứu quyết định chủ trương phương hướng lớn, sinh hoạt của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ được tương đối đều đặn, nhưng vấn đề lớn quyền hạn của Ban Chấp hành đều được thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Công tác kiểm tra được tăng cường và chú ý kiểm tra về những vấn đề thuộc đường lối, chính sách, dân chủ

nội bộ và tham ô hủ hóa. Đôi với hai cuộc vận động lớn đều có nghị quyết chỉ đạo và phân công một thường vụ chuyên trách cải tiến quản lý hợp tác xã, cuộc vận động ba xây, ba chống. Công tác xây dựng cơ bản của xí nghiệp, cơ quan, thị trấn được coi trọng và lãnh đạo tương đối chặt chẽ. Công tác nội chính được coi trọng, công tác bảo vệ trị an, đặc biệt công tác phòng, chống biêt kích được giáo dục thường xuyên, khi xảy ra biêt kích nhảy dù xuống Phú Nhuận được giải quyết nhanh gọn.

6. Công tác Đảng, văn xã cũng được chú ý đôn đốc và thực hiện một cách thường xuyên. Đặc biệt, công tác tư tưởng được coi trọng và quán triệt trong mọi công tác, đã lấy việc giáo dục các nghị quyết chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước làm tư tưởng giáo dục.

Những khuyết điểm còn tồn tại:

1. Nắm và phát triển tình hình hợp tác xã... (48.5%) quá chậm, do đó mà chủ trương, biện pháp quyết tâm thực hiện việc củng cố và phát triển hợp tác xã cũng không được kịp thời, chỉ đạo diễn hình không được chặt chẽ.

2. Trong nông nghiệp lãnh đạo các biện pháp kỹ thuật còn kém, phân còn thấp, đầu tư lao động vào đầu mẩu còn ít do đó mà năng suất và tổng sản lượng của lúa ruộng, ngô không đạt có chiều hướng giảm sút. Mặt khác, lãnh đạo kinh tế tập thể hợp tác xã còn yếu về mặt quản lý lao động, quản lý sản xuất lương thực chủ yếu chưa chặt chẽ, để tỷ lệ xã viên làm riêng tương đối lớn. Việc xây dựng cơ bản sân phơi, nhà kho, chuồng trại cho trâu, bò, nhà chứa phân còn ít, bón phân còn quá thấp, cải tiến phương tiện gặt đập vận chuyển chưa được bao nhiêu.

3. Trong công nghiệp tuy có tăng sản lượng hơn các năm trước, nhưng lại để lao động tăng nhanh hơn tổng sản lượng mặt khác năng suất lại giảm, đó là hiện tượng không tốt trong quản lý xí nghiệp.

Do năng suất như vậy nên giá thành không hạ được, chất lượng sản phẩm một số còn kém, lãi nộp cho Nhà nước còn thấp.

4. Vấn đề phân phối và tiết kiệm làm còn chưa tốt, nhất là nông thôn còn sử dụng lương thực chủ yếu quá rộng rãi, trong khi đó thu mua của ta còn thấp.

5. Việc giải quyết vấn đề phi lẩn trốn trên rừng, tuy đã có nghị quyết nhưng chỉ đạo và đôn đốc thực hiện còn thiếu quyết tâm khẩn trương và làm thường xuyên.

6. Công tác của Khối Dân vận nói chung còn yếu, kết quả kém, phong trào có nơi tụt lùi. Công tác xây dựng Đảng ở cơ sở làm còn yếu và nấm chua chặt. Công tác cán bộ và sửa đổi lề lối làm việc còn chuyển biến chậm, công tác đào tạo cán bộ chủ chốt xã, cán bộ kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, kế toán hợp tác xã chưa làm được nhiều.

7. Tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy có lúc có vấn đề thiếu bao quát và kiên quyết trong những vấn đề chỉ thị, nghị quyết ban hành nhưng cấp dưới không làm, hoặc không hoàn thành kế hoạch, báo cáo không chính xác cũng chưa có thái độ đúng mức.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 12-BC/TU, ngày 20-4-1964

Về công tác quý I năm 1964

I. VỀ NÔNG NGHIỆP

1. Sản xuất nông - xuân

Sản xuất nông - xuân 1963-1964, Tỉnh ủy đã rút kinh nghiệm các năm trước tổng kết công tác sản xuất năm 1963 và giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm 1964 sớm hơn các năm trước. Tư tưởng chỉ đạo của tỉnh đã coi trọng bốn vấn đề lớn: Lương thực, lao động, lưu thông phân phôi, xuất khẩu là mấu chốt, đã phát động tư tưởng quân chung rộng rãi, thực hiện dân chủ hóa kế hoạch, củng cố và phát triển các hợp tác xã và tổ đội công vững chắc để làm nòng cốt cho việc thực hiện kế hoạch năm 1965. Sản xuất lương thực được coi là công tác số một, việc chuẩn bị tư tưởng về mặt tổ chức cũng tập trung mọi lực lượng đi xuống cơ sở vận động kiểm tra, đôn đốc để thực hiện quyết tâm của Tỉnh ủy đã đề ra. Kết quả cụ thể đến nay:

Mạ đã gieo được 131.637 cân giống, trừ số mạ bị chết, có thể đảm bảo được từ 1.600 đến 1.700 ha diện tích với điều kiện phải lãnh đạo chặt chẽ việc bón cho mạ, điều hòa cây nhỏ rảnh, kịp thời vụ đồng thời chuyển hướng ngay từ bây giờ sang cuộc vận động làm phân bón, làm cỏ, đủ nước thâm canh tăng năng suất có thể

đảm bảo tổng diện tích chiêm đã định. Trong phong trào sản xuất hiện nay có vấn đề khai hoang tương đối nổi bật, trong số 182,5 ha khai hoang thì có 54,1 ha là khai hoang ruộng bậc thang ở vùng cao, một số nơi đã thấy được cách ổn định định canh định cư, củng cố xây dựng được hợp tác xã tốt chính là phát triển ruộng và nương bậc thang, mặt khác cũng có nhiều hợp tác xã đã tiến hành bình chọn giống cuối năm 1963, chuẩn bị giống tốt cho vụ mùa năm 1964, đó là những nhân tố mới. Nhưng có hai vấn đề lớn cần được giải quyết là tư tưởng quần chúng vẫn còn sợ cây nhiều phải làm nghĩa vụ nhiều, sợ cây nhiều ảnh hưởng năng suất lúa vụ mùa nên để lãng phí mạ hoặc cây to để hết mạ không phải cấy; vấn đề chăm bón cho lúa chưa được thật sự chú ý, việc chuẩn bị phân bón còn ít, tính bình quân mỗi hécta hiện nay mới có khoảng từ 1.200 đến 1.500 kg phân, tình trạng đi phát nương riêng lẻ vẫn còn xảy ra.

Các chỉ tiêu hoa màu và cây công nghiệp nói chung tốc độ phát triển chậm: Ngô 58%, đao riêng 56,4%, sản xuất 89%, đậu các loại 64%, lạc 16,5%, lanh 77,7%, mía 13,5%, bông 7,4%, phân 72% đó là so với thời gian này năm 1963.

Nguyên nhân thực hiện kế hoạch chậm vấn đề chủ yếu là công tác giáo dục kế hoạch đông - xuân các huyện làm chưa được đầy mạnh, tư tưởng hữu khuynh của cán bộ và đảng viên chưa được giải quyết tích cực và triệt để, tình trạng buông lỏng việc quản lý hợp tác xã và làm ăn riêng lẻ, xã viên tự phát triển nghề phụ, phát nương rãy nhiều hơn ngày công làm cho hợp tác xã, bản thân một số đảng viên và cán bộ cũng mắc phải khuyết điểm trong vấn đề này do đó không lãnh đạo được quần chúng, nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy họp chậm và chưa được vận động đúng đắn, nghiêm chỉnh ở bên dưới, mặt khác năm số liệu thống kê không chắc chắn, một số nơi có làm nhưng không nắm được số liệu.

2. Vấn đề củng cố và phát triển hợp tác xã, tổ đổi công

Tình hình hợp tác xã nói chung được củng cố, tinh huyệ luôn có cán bộ xuống trực tiếp giúp đỡ, lên phương án chia vụ mùa 1963 nói chung đã hoàn thành, tuy vậy cũng còn một số hợp tác xã có hiện tượng tham ô, hoặc có phần tử xấu phá hoại nên có xu hướng ngả nghiêng chưa thật quyết tâm củng cố. Tỉnh ủy đã có chủ trương kiểm tra và giải quyết tích cực. Đến nay kể cả hợp tác xã và xây dựng lại lớp mới toàn tỉnh đã có 436 hợp tác xã, tỷ lệ 52% tăng hơn cuối năm 1963 là 25 hợp tác xã, tỷ lệ 3,5%.

Trong phong trào hợp tác xã điểm nổi bật là toàn tỉnh đã có 82 hợp tác xã đăng ký thi đua "Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi" là những nhân tố mới đang phát triển nảy nở tiến bộ, mà năm 1963 chưa có.

Vấn đề tồn tại lớn nhất hiện nay là tư tưởng hai con đường, cần được tích cực tuyên truyền, giáo dục để nhân dân thấy được đầy đủ tính chất hơn hẳn của hợp tác xã có như vậy mới có cơ sở củng cố phong trào hợp tác hóa được vững chắc. Công tác quản lý về lao động, tài vụ, sản xuất nói chung vẫn còn ở trình độ thấp kém, cán bộ quản trị hợp tác xã cũng đang gặp nhiều khó khăn trong vấn đề này, song vấn đề chủ yếu vẫn là tư tưởng hữu huynh trong cán bộ chưa giải quyết được triệt để nhất là cơ sở còn lưu luyến con đường làm ăn cá thể.

Trước tình hình hợp tác xã tỷ lệ thấp và còn yếu, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã quyết định mở đợt vận động củng cố và phát triển hợp tác xã và tổ đổi công để ra sức phấn đấu đến cuối năm 1964 sẽ đưa từ 48,5% lên 65% số hộ nông dân cá thể trong tỉnh vào hợp tác xã và những hợp tác xã tan vỡ cương quyết đưa vào tổ đổi công để làm cơ sở cho năm 1965 lên hợp tác xã, về biện pháp lấy phát động tư tưởng làm chủ yếu, đồng thời kiên quyết tập trung một số cán bộ xuống giúp đỡ các xã một thời gian dài kể từ khi bắt đầu xây dựng đến khi hợp tác xã mới đó thu hoạch được một vụ, hoàn thành thanh quyết toán mới rút về tỉnh.

3. Vấn đề tiếp nhận đồng bào khai hoang ở các tỉnh miền xuôi lèn

Hiện nay Lào Cai tiếp nhận đồng bào bốn tỉnh lèn khai hoang là: Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định, Hà Nam, 3 tháng đầu năm 1964 làm tương đối tích cực, đã tiếp nhận 926 hộ bằng 4.836 nhân khẩu, lập 19 hợp tác xã tập trung và đưa 581 khẩu xen kẽ với các hợp tác xã địa phương, nói chung các hợp tác xã đã đi vào sản xuất, song có một số nơi lèn chậm, một số ngành của tỉnh phục vụ khai hoang thiếu kết hợp mà phục vụ chưa tốt nên một số cần được vay tư liệu sản xuất chưa được giải quyết kịp thời nên mặt ổn định sản xuất có phần chậm chạp. Công tác khai hoang hiện nay nổi lên hai vấn đề cần được chú ý giải quyết.

- Hợp tác xã khai hoang tập trung ngày càng phát triển, nhưng Lào Cai không được bàn giao tỉ mỉ, không nắm được tình hình từng người, từng hộ của từng nơi lèn khai hoang lại không cử cán bộ lên giúp đỡ củng cố, bộ phận khai hoang của tỉnh chưa kiện toàn mạnh, cách giải quyết chưa健全.

- Số người lèn khai hoang cấp tỉnh bàn bạc với nhau nên đưa người tốt lèn phát triển kinh tế, nhưng thực tế một số hợp tác xã khai hoang lại có cả địa chủ, phú nông không chịu cải tạo, lưu manh chuyên nghiệp, gián điệp, chỉ điểm cũ, v.v. đó là một vấn đề cần phải được chấm dứt, những nơi đưa người lèn khai hoang đề nghị cần quan tâm đầy đủ và nếu phát hiện những loại trên, Lào Cai yêu cầu các địa phương đưa họ trở về các địa phương cũ.

4. Cải tiến quản lý hợp tác xã

Việc cải tiến quản lý hợp tác xã đã thí điểm một số nơi có nhiều chuyển biến tốt, đang chuẩn bị tổng kết, tỉnh đã có chủ trương mở rộng diện điều tra thí điểm ở các huyện.

II. VỀ CÔNG NGHIỆP

Về việc thực hiện kế hoạch quý I năm 1964 công nghiệp cũng

có nhiều tiến bộ, có nhiều triển vọng, mặc dù hoàn cảnh của các đơn vị chủ quản, các cơ sở sản xuất có những điều kiện khác nhau, nhưng nói chung sau khi tổng kết việc thực hiện kế hoạch năm 1963 đều có những chuyển biến tốt, rõ rệt, sự tiến bộ đó biểu hiện cụ thể như sau:

1. Công nghiệp địa phương

Quý I năm 1964 trong năm đơn vị chủ quản đã thực hiện được kế hoạch như:

	So với quý	So với năm 1964
- Lâm nghiệp đạt	120%	33%
- Bưu điện đạt	104,25%	24,56%
- Công nghiệp địa phương	96%	22,85%
- Kiến trúc không đạt		
- Giao thông vận tải không đạt		

2. Công nghiệp Trung ương

Hưởng ứng chiến dịch "Thi đua Ấp Bắc sản xuất làm giàu" của tỉnh đề ra, các xí nghiệp Trung ương ở địa phương Lào Cai đã vận dụng khẩu hiệu thi đua của tỉnh đề ra cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất, phù hợp với tình hình thực tế của mình, nên quý I năm 1964 các xí nghiệp trung ương nói chung đều vượt kế hoạch. Cụ thể:

- Mỏ apatít đạt 100,40%.
- Sản xuất chủ yếu đạt 105%.
- Địa chất 24 đạt 135,45%.
- Địa chất 5 trừ đào giếng mới đạt 58% kế hoạch còn các chỉ tiêu khác đều đạt từ 100,2% đến 120%.

Trong phần công nghiệp hiện nay có mấy phần tồn tại cần phải đặc biệt chú ý:

- a) Việc thực hiện kế hoạch quý I năm 1964 nói chung có nhiều đơn vị vượt kế hoạch nhưng so với chỉ tiêu kế hoạch cả năm thì

chưa cao. Lâm nghiệp quý này tương đối có nhiều thuận lợi hơn cả mà mới đạt 33% kế hoạch năm. Bưu điện mới đạt 24%, công nghiệp địa phương, giao thông, kiến trúc chưa đạt kế hoạch quý, sang quý II còn gặp nhiều khó khăn nên phải kịp thời kiểm tra toàn bộ kế hoạch, đặt quyết tâm cao, thực sự sâu sát, lãnh đạo chặt chẽ, những mâu thuẫn của những đơn vị chưa đạt kế hoạch là ý thức làm chủ tập thể chưa tốt. Ngoài ra, kế hoạch vận chuyển và trình độ kỹ thuật cũng gặp khó khăn cần phải giải quyết.

b) Vấn đề sản xuất, tiêu thụ cũng chưa được cân đối nguyên nhân: tình trạng sản xuất ra ứ đọng ở nhà máy, nhưng thị trường lại không có để dùng chủ yếu, vừa qua là giá cả ở khâu sản xuất với lưu thông giải quyết còn chậm nên không đẩy mạnh được sản xuất.

c) Công nghiệp phục vụ nông nghiệp tuy có đề ra, đã kiểm điểm nhưng thực tế thực hiện chưa được khẩn trương lăm, nhiệt tình chưa cao như đối với nhà kho, sân chơi, nông cụ cải tiến, v.v..

3. Thủ công nghiệp

Về tỷ lệ thủ công nghiệp năm 1964 là 45,10% (công nghiệp và thủ công nghiệp) xấp xỉ với tỷ lệ công nghiệp quốc doanh địa phương, trong quý I-1964 đã đạt được 25,27% so với kế hoạch năm 1964 đã phát triển thêm một số cơ sở chế biến ở Sa Pa, Phố Lu, Sơn Trà và Thủy tinh, mộc, gạch ở thị xã.

Về phân lãnh đạo thủ công nghiệp đã có quan tâm hơn điểm nổi bật trong quý vừa qua là đã chú ý củng cố và phát triển các cơ sở chế biến hoa màu để phục vụ đời sống nhân dân, những cơ sở chế biến ở Sa Pa, Sơn Hải, Phố Lu, Quyết Thắng đang tiếp tục sản xuất, một số cơ sở khác chuyên trách lãnh đạo thủ công nghiệp, đó là một sự chuyển biến mới và tiến bộ bước đầu.

4. Vận động ba xây ba chống

Công tác ba xây, ba chống đã tiến hành khẩn trương, tổng kết

xong thí điểm của tỉnh và đã mở sang đợt 1 thực hiện ở ba đơn vị với kiến trúc, thương nghiệp, ngân hàng; quý này ba đơn vị đang chuẩn bị gấp hoàn thành chuyển sang bước một.

III. CÔNG TÁC TÀI MẬU

1. Công tác ba thu

Về công tác ba thu từ tỉnh đến các cấp ủy cơ sở nói chung đã tập trung mọi lực lượng đi sát tuyên truyền giáo dục cho nhân dân, đồng thời trực tiếp kiểm tra đôn đốc các cơ sở thực hiện, chú trọng giải quyết những khó khăn cụ thể cho các địa phương trong điều kiện có thể làm được như sân phơi, khâu vận chuyển, cân nhận, v.v. nên tính đến nay công tác ba thu đã căn bản hoàn thành, so với kế hoạch của Trung ương giao cho đã đạt 110,2% so với kế hoạch của tỉnh đã đạt 99,8%.

2. Chế biến hoa màu

Việc đào dỡ chế biến hoa màu: thu mua săn năm nay tuy có phát triển một số cơ sở chế biến mới nhưng so với yêu cầu vẫn không đáp ứng kịp, số săn tươi đã mua được trong năm nay Ty Lương thực mua 340 tấn (1963 mua được 238 tấn), hợp tác xã Quyết Thắng mua được 130 tấn (năm 1963 mua được 68 tấn), Bảo Thắng 14 tấn, Sa Pa 14 tấn, Sơn Hải 57 tấn, đã bán săn lát khô được 62 tấn còn đang thời kỳ chế biến tiếp tục. Khó khăn ở khâu chế biến, chủ yếu vẫn là sản xuất trồng trọt quá phân tán, vận chuyển không giải quyết được, nơi có điều kiện mở cơ sở chế biến thì không có nguyên liệu, nơi có nguyên liệu thì lại ở quá sâu vào nơi hẻo lánh, chế biến ra sản phẩm mất rất nhiều sức lao động để đào rãnh vận chuyển, nhân dân làm thứ khác có nhiều giá trị kinh tế hơn, nên có nơi trồng săn, kết quả thú rừng và gia súc phá hoại gần hết (xã Bảo Nhai gần 106 tấn săn tươi bị gia súc phá).

3. Quản lý thị trường

Việc quản lý thị trường hầu hết các thị xã, thị trấn đều tăng cường quản lý, các ngành thương nghiệp và tài chính đều phân phối chặt chẽ để quản lý nên tình hình thị trường trong dịp Tết ổn định được giá cả không có vấn đề gì lớn, ngoài ra còn tiến hành xét duyệt số buôn bán tự do trong toàn tỉnh, đã chuyển được 400 người về sản xuất.

Ở khâu quản lý phân phối, vấn đề chủ yếu là quản lý một số hàng phục vụ, còn tình trạng bàn lén lút ở thị trường như lạc, vừng, chè, đường, mật, v.v. bảo quản chưa tốt có nơi kho để ẩm ướt, thóc mọc mầm ở trong kho tới 20 phần khói, ngô có số để mốc đen.

4. Ngân hàng, tài chính

- Về Ngân hàng quý này thu tiền mặt đạt 99% nếu so với quý I-1963: 8%, triển vọng có thể bội thu một ít, các loại thu nói chung đều vượt như thu bán hàng vượt 5%, so với quý I năm 1963 vượt 16%; thu nợ tăng 10%; thu phục vụ tăng 12%, thu tài chính tăng 13%, riêng khoản thu tiết kiệm với thời gian này năm ngoái thì kém hơn. Nguyên nhân thu quý này tăng là trong dịp Tết nhân dân tiêu thụ hàng hóa nhiều và giải quyết một số hàng tồn kho, bán một số hàng tự do, bán một số hàng ưu tiên cho thu mua, v.v..

- Việc chi của ngân hàng quý I năm 1964 có vượt 1% so với kế hoạch, nếu so với quý I năm 1963 thì tăng 7%, nguyên nhân chi vượt chủ yếu là công tác thu mua năm 1963 kéo dài sang quý I năm 1964 và chi đồng bào mới lên khai hoang vay để bước đầu ổn định sản xuất và sinh hoạt. Một điểm nóng chú ý là một số dư nợ hàng tồn kho ở xí nghiệp quốc doanh đã cố gắng hạ thấp so với kế hoạch quý, và so với kế hoạch quý I năm 1963 như: thương nghiệp so với quý I năm 1964 thấp 13%, so với quý I năm 1963 thấp 19%, quốc doanh dược phẩm so với kế hoạch quý bằng 52% so với quý I năm 1963 bằng 47%.

- Về công tác tài chính thu trong quý chỉ đạt 81,6% khâu thu xí nghiệp quốc doanh chỉ đạt 66,8%, thu lãi và khấu hao các xí nghiệp đạt 65,3%, nguyên nhân là các xí nghiệp không đạt kế hoạch sản xuất, hoặc có đạt kế hoạch nhưng tiêu thụ còn mắc mứu giá cả với khâu lưu thông.

- Về chi tài chính đạt có 86,6%, chi như vậy chủ yếu là vốn kiến thiết cơ bản quý này thực hiện rất thấp, chỉ đạt 58,57% kế hoạch quý và so với kế hoạch năm chỉ đạt 13,9%, nguyên nhân không đạt kế hoạch là vì lập và duyệt kế hoạch chậm, khảo sát, thiết kế, địa điểm không chuẩn bị trước.

IV. VỀ NỘI CHÍNH

- Trong quý này công tác nội chính có mấy vấn đề chủ yếu như: Tiến hành tổng kết thực hiện Nghị quyết 39, thực hiện chỉ thị phòng không nhân dân và lãnh đạo bầu cử Quốc hội khóa III, công tác bảo vệ trị an được quan tâm đúng mức nên mặc dù quý I năm 1964 tình hình máy bay địch hoạt động nhiều, thả truyền đơn, một số phần tử phản động, phản tuyên truyền nhưng nói chung tình hình trật tự trị an tương đối ổn định không xảy ra vấn đề gì lớn, thông qua công tác quản lý hợp tác xã, đẩy mạnh công tác sản xuất đông - xuân, công tác bảo vệ trị an cũng được củng cố một bước.

- Công tác tổng kết thực hiện Nghị quyết 39 căn bản đã làm xong, các ngành khác như Tỉnh đội, Công an, Tòa án đã tổng kết công tác 1963, xác định nhiệm vụ năm 1964.

- Trong công tác phòng không nhân dân Tỉnh ủy đã chấp hành một cách khẩn trương, công tác giáo dục nói chung có chuyển biến mới.

- Vấn đề vận động bầu cử Quốc hội khóa III cũng được đặc biệt coi trọng, được chỉ đạo chặt cho từ trên xuống dưới, có nhiều triển vọng khả quan, nguyên vọng quần chúng là phù hợp với dự kiến của lãnh đạo.

V. CÔNG TÁC GIÁO DỤC

Tỉnh đã tiến hành tổng kết công tác giáo dục, văn hóa ở rleo cao, đã rút ra được những kinh nghiệm tốt, thiết thực, như công tác vận động con em dân tộc ít người đi học, công tác tổ chức ký túc xá và bán ký túc xá, tổ chức lao động sản xuất cho học sinh ký túc xá tự túc một phần lương thực và học phí hằng năm, v.v. nói chung công tác tổng kết đã đạt được kết quả tốt, đã gây được điều tin tưởng phán khởi cho các giáo viên đồng thời cũng nâng cao được trình độ chính trị, tư tưởng và nghiệp vụ của giáo viên lên một bước.

VI. CÔNG TÁC ĐẢNG

Trong quý I năm 1964 tỉnh đã tập trung lãnh đạo; tổ chức học tập Nghị quyết 9 của Trung ương cho 833 cán bộ trung, sơ cấp là đảng viên xung quanh tỉnh, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, nói chung đạt yêu cầu, làm cho Đảng quán triệt tinh thần cơ bản của Nghị quyết 9. Điều quan trọng nhất là 100% đảng viên đã học đều nhất trí với quan điểm của Trung ương, phân rõ được ranh giới đường lối chủ nghĩa Mác - Lênin với đường lối chủ nghĩa xét lại, tin tưởng vào sự sáng suốt của Trung ương Đảng, mặt khác cũng liên hệ được vào tình hình tư tưởng của Đảng bộ thấy được rõ ràng những tư tưởng hữu khuynh của từng cấp, từng cá nhân trong khi thực hiện một số chủ trương công tác như là: chuyên chính vô sản, hai con đường, quản lý thị trường, v.v. một cách sâu sắc hơn.

Công tác xây dựng chi bộ bốn tốt tỉnh coi là nhiệm vụ lớn mà tập trung để đẩy mạnh, đã tiến hành mở hội nghị bí thư chi bộ toàn tỉnh để kiểm điểm công tác xây dựng Đảng đã có tính ảnh hưởng tốt trong phong trào xây dựng củng cố chi bộ bốn tốt, nơi có chuyển biến mạnh hơn là nông thôn và xí nghiệp.

VII. KẾT LUẬN

Quý I năm 1964 Tỉnh ủy tập trung cao độ vào việc lãnh đạo sản xuất đông - xuân và củng cố xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, triển vọng về diện tích lương thực chính có thể đạt kế hoạch diện tích gieo cây, nhưng các biện pháp thâm canh tăng năng suất vẫn là khâu còn yếu, các loại hoa màu, cây công nghiệp tốc độ trồng trọt chậm hơn cả so với thời gian này năm 1963, chăn nuôi vấp phải khó khăn lớn là bệnh dịch thương hàn lan tràn nên giống lợn con hiện nay đang gặp khó khăn.

Phương hướng bổ khuyết chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp quý tới chính là đẩy mạnh biện pháp thâm canh tăng năng suất, đẩy mạnh gieo trồng hoa màu và cây công nghiệp.

Các mặt khác như củng cố hợp tác xã nông nghiệp, công nghiệp, mậu tài, trị an, nội chính, công tác Đảng tình hình bình thường có nhiều triển vọng tốt hơn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 13-BC/TU, ngày 15-5-1964

Về công tác tháng 4-1964

I. NÔNG NGHIỆP

1. Sản xuất nông - xuân

Cuối tháng 3-1964 Hội nghị Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã nhận định vấn đề sản xuất đông - xuân năm nay việc cấy chiêm và trồng hoa màu tốc độ chậm, việc làm phân chưa được thực sự chú ý, trồng cây công nghiệp đạt chỉ tiêu thấp, cần phải tập trung lãnh đạo đẩy mạnh các vấn đề trên.

- Tháng 4-1964 Thường vụ Tỉnh ủy đã bàn bạc tìm mọi biện pháp để đẩy mạnh sản xuất cụ thể đã có những cuộc họp chuyên đề bàn về nông nghiệp thường xuyên có những chỉ thị nhắc các huyện ủy phải tập trung lãnh đạo chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch nhất là những chỉ tiêu chủ yếu, do đó tính đến nay (5-5-1964) về sản xuất: Lúa chiêm đã cấy được 1.762,2 ha đạt 97,9% kế hoạch của Trung ương giao cho, triển vọng có thể hoàn thành kế hoạch; ngô, đậu các loại, lanh, sắn, mía, lạc, đao riêng đều đạt kế hoạch thấp. Hiện nay, Tỉnh ủy đã chỉ thị cho các huyện tiếp tục đẩy mạnh sản xuất để đạt bằng được chỉ tiêu lúa, đồng thời tiến hành chăm bón, làm cỏ, bón phân kịp thời để đảm bảo năng suất cao, lấy năng suất bù vào diện tích thiếu hụt, điều chỉnh thứ này

bù cho thứ khác để đảm bảo hoàn thành kế hoạch Trung ương giao cho.

- Sự quan tâm đến vấn đề sản xuất nông nghiệp còn biếu hiện ở chỗ chú trọng đến vấn đề cải tiến công cụ, đến biện pháp kỹ thuật liên hoàn, cụ thể trong tháng 4-1964 Thường vụ đã họp với một số ngành để bàn riêng vấn đề cải tiến công cụ để giúp đỡ đắc lực cho hợp tác xã nông nghiệp như cày bừa cải tiến, cào cuốc, xe cải tiến, quạt thóc, sân phơi, v.v. đã cử cán bộ xuống các xã đã thí điểm công cụ cải tiến để xác minh tác dụng năng suất, thị hiếu của xã viên, lấy kinh nghiệm để chỉ đạo chung. Việc sử dụng bừa sắt hiện nay một số xã như Bản Qua, Quang Kim đã dùng các loại cải tiến rút ra được nhiều lao động để làm việc khác, hàng trăm sân phơi đang được thiết kế và làm gấp để kịp thu hoạch vụ chiêm.

- Đối với việc cải tiến nông cụ đang được sử dụng rộng rãi ở vùng thấp, Tỉnh ủy đã chỉ thị cho Tỉnh đoàn thanh niên phát động đợt thi đua làm phân lấy tên là "Điện Biên Phủ - Ấp Bắc" nhằm trong phong trào thi đua chung của toàn tỉnh, phong trào đó đang được hưởng ứng sôi nổi trong thanh niên và nhân dân, theo sơ kết đợt đầu từ 15 đến 30-4-1964 của ba huyện và hai thị xã đã làm tăng thêm được 790,924 kg phân, nhất là ở Bắc Hà đã trở thành phong trào chung của quần chúng, chỉ tiêu 1.000 kg của tỉnh đoàn đề ra nhiều thanh niên đã vượt, ví dụ: ở Nậm Kháp, Bảo Nhai hầu hết thanh niên đã đạt 1.600 kg trở lên, ở Gia Phú (Bảo Thắng) có 27 thanh niên đạt trung bình 2.500 kg trở lên, có một số cá nhân đạt tiêu chuẩn cao như: Lương Văn Cơ ở Phú Nhuận đạt 3.000 kg, đặc biệt chi đoàn Lê Lợi (Bảo Thắng) có ba đoàn viên Ngô Văn Thịnh, Lại, Phạm Văn Đôn đạt trên 5.000 kg, nói chung phong trào (Điện Biên Phủ - Ấp Bắc) đang có nhiều triển vọng tốt, số liệu trên đây cũng nói lên sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt tư tưởng đối với các thanh niên dân tộc ít người cũng nhờ đó số phân châm bón cho lúa cũng được tăng gấp hơn hai lần so với tháng trước, ví dụ:

tháng 3-1964 một hécta chỉ được bón 1.000 kg đến tháng 4-1964 có huyện đã bán 2.200 kg/ha.

- Việc làm thủy lợi càng đặc biệt chú ý, tháng 4-1964 đã sửa chữa, đào thêm được một số mương phai do đó năm nay đã khắc phục được một số ruộng không bị hạn đầm bảo được nước, nhưng công tác thủy lợi khâu yếu nhất vẫn là kỹ thuật nên có nơi đã đắp lại bị vỡ (đập Chiềng) làm lãng phí nhân công và ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân.

- Trong việc sản xuất tháng vừa qua có một số vấn đề đặc biệt là việc phá thuốc phiện ở Bắc Hà, thuốc phiện sắp được thu hoạch lại chủ trương phá. Tỉnh ủy và Ủy ban đã chỉ đạo cho Huyện ủy đình chỉ việc phá, đồng thời cử cán bộ, thanh tra xuống để xác minh vấn đề này (sẽ có báo cáo cụ thể sau).

2. Cải tiến quản lý hợp tác xã

Cải tiến quản lý hợp tác xã cũng rất được coi trọng, thí điểm của tỉnh đã tổng kết xong ở xã, củng cố hợp tác xã và tổ đổi công đang được đẩy mạnh, tháng 4-1964 tỉnh đã cử hơn 50 cán bộ xuống tăng cường cho một số xã yếu để củng cố và xây dựng hợp tác xã, hiện nay những cái vỡ đang được ổn định và đang xây dựng thêm một số cái mới, mặt khác cũng đang chuẩn bị gấp rút cho việc tổng kết công tác cải tiến quản lý ở Hợp tác xã Tiên Tiến, hội nghị tổng kết toàn tỉnh sẽ tiến hành vào cuối tháng 5-1964; qua tổng kết cơ sở đã có tác dụng tốt, đã làm cho cán bộ, cấp ủy và các xã viên thấy được lợi ích thiết thực của công tác cải tiến quản lý hợp tác xã, đã có cơ sở giải quyết về mặt tư tưởng giữa hai con đường, giải quyết về mặt kỹ thuật và tăng năng suất, v.v. cũng do thấy được lợi ích thiết thực như trên nên hiện nay mỗi huyện xin làm thí điểm một hợp tác xã để lấy kinh nghiệm chỉ đạo chung.

3. Chăn nuôi

Việc chăn nuôi hiện nay cũng đang gặp khó khăn là bệnh dịch lợn đang lan tràn tính đến cuối tháng 4-1964 đã chết gần 3.000 con,

hiện nay đang cử cán bộ đi tiêm phòng nhưng chưa dập tắt được hết.

4. Vấn đề khai hoang

Tính đến cuối tháng 4-1964 số đồng bào lên khai hoang gần đạt 50% kế hoạch cả năm, hiện nay đã tạm thời ổn định sinh hoạt và sản xuất, nhưng có mấy vấn đề mới phát sinh cần được giải quyết như sau:

a) *Hiện tượng bán con*: Theo báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng hiện tượng bán con cho dân tộc Mán hiếm con đã xảy ra ở một vài nơi có trẻ em hơn 1 tuổi bán 500 đồng, trước còn bán công khai dần tiến hành bí mật.

b) *Hiện tượng như hình thức buôn người*: Có hiện tượng tuy chưa kết luận chính xác như: Một vài phụ nữ ở xuôi lén có người đã nhận là em một thời gian rồi gả chồng lấy người thiểu số, có trường hợp lấy làm lẽ (khu vực Bảo Thắng, Bát Xát).

c) *Lợi dụng đi lại buôn bán làm ảnh hưởng đến giá cả, đến việc quản lý thị trường*.

Hiện nay ở các chợ như Cốc Lếu, Muồng Khương thường xuất hiện một số người buôn bán như: chó, mèo, cua, cá, v.v. số người này là đồng bào khai hoang thường mang cua, cá ở dưới xuôi lén, mang chó, mèo, gà ở Muồng Khương ra thị xã, v.v..

II. CÔNG NGHIỆP

Tình hình công nghiệp tháng qua vấn đề chủ yếu là tăng cường công tác nghiên cứu và xoay quanh phục vụ cho nông nghiệp, ví dụ:

- Ty Kiến trúc đi sâu xuống các hợp tác xã để nghiên cứu, thiết kế, xây dựng sân phơi cho các hợp tác xã.

- Ty Công nghiệp đi sâu xuống xã để nghiên cứu tác dụng của công cụ cải tiến như cày bừa, xe, cào, cuốc, quạt hòm, v.v..

- Thủy lợi đi đôi với điện lực hiện nay đang tiến hành gấp thí điểm công trình thủy lợi điện lực nhỏ ở Mường Hum có thể hoàn thành trước 19-5 và công trình Bắc Hà đang được xây dựng.

- Thủ công nghiệp ở ba nơi như Sa Pa, Bảo Thắng, thị xã Lào Cai, các cơ sở chế biến săn, đao, kết hợp chế biến miến đã phát huy tác dụng tốt nhưng lại hết săn, đao, mới ở xa thì không chuyển về được.

III. BA XÂY, BA CHỐNG

Công tác ba xây, ba chống đang tiếp tục tiến hành ở ba cơ sở, đang thời kỳ thông qua báo cáo, qua quá trình tiến hành bước đầu đã có chuyển biến tốt như: Ty Kiến trúc đang đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch giảm lỗ, đẩy mạnh phục vụ cho nông nghiệp, Ty Thương nghiệp đã nghiên cứu giải quyết một số hàng ứ đọng, ngân hàng đã có tiến bộ mới về tỷ lệ tăng thu, giảm chi.

IV. TÀI MẬU

- Công tác tài mậu tháng 4-1964 không có vấn đề gì lớn, vấn đề thu mua vét lương thực vượt kế hoạch 38%, thu mua lợn đạt 96%, đã giải quyết được một số giá cả đảm bảo lưu thông được lượng hàng hóa đọng lại ở kho cơ sở sản xuất (miến, đường, mật, rượu), hiện nay đang chuẩn bị cho công tác ba thu vụ chiêm đã cử cán bộ xuống nắm tình hình sản xuất ở các địa phương, để có kế hoạch kịp ký hợp đồng với các địa phương được chính xác.

- Những mặt yếu của công tác tài mậu trong tháng 4 là: Xuất nhập khẩu đạt kế hoạch rất thấp, nông sản đạt 28% kế hoạch so với tháng 4-1963 chỉ bằng 60%, công nghệ phẩm đạt 34%, mậu dịch địa phương nhập cao hơn xuất (xuất 85% nhập 99,9%) chỉ số giá cả tăng 4,3% so với tháng 3-1964 nhưng so với tháng 4-1963 hạ được 6,9%.

V. TÌNH HÌNH NỘI CHÍNH

Công tác nội chính trong tháng 4, trọng tâm là lãnh đạo việc bầu cử Quốc hội khóa III, do việc chỉ đạo được sát sao, lãnh đạo được chặt chẽ do đó việc bầu cử đã đạt kết quả tốt, quần chúng nói chung đều nhất trí với dự kiến của lãnh đạo, kết quả cụ thể như:

- Tổng số cử tri trong danh sách là 75.760.
- Tổng số cử tri đi bầu là 74.101.
- Số phiếu hợp lệ là 73.388.
- Đồng chí Trường Minh nhiều phiếu nhất là 72.369.
- Bà Sùng Seo Pơ La ít nhất là 63.423.

Nói chung số phiếu bầu rất tập trung.

VI. CÔNG TÁC ĐẢNG

Tháng 4-1964 công tác tập trung là tổ chức học tập Nghị quyết Trung ương lần thứ 9, phân nhiệm vụ quốc tế cho cán bộ, đảng viên trung, sơ cấp và công nhân viên, tính đến cuối tháng 4 (trừ thị xã Lào Cai và Bắc Hà còn đang tiếp tục), còn nói chung cán bộ, đảng viên trung, sơ cấp trong toàn tỉnh đã học, đang tổ chức học tập đến cán bộ, công nhân viên ngoài Đảng ở các công, nông trường xí nghiệp và cơ quan xung quanh tỉnh.

Kết quả học tập đã làm cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên có nhận thức đúng đắn, nhận rõ ranh giới giữa chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa xét lại, thấy được thái độ và quan điểm của Đảng ta là đúng, thấy rõ vai trò và vị trí của Đảng trong phong trào cộng sản quốc tế hiện nay, do đó tăng thêm lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đồng thời cũng đã liên hệ thấy được những thiếu sót của cá nhân, tập thể ở mỗi cấp trong thời gian vừa qua về tư tưởng hữu khuynh tiêu cực đối với việc củng cố hợp tác xã và tư tưởng hai con đường, quản lý thị trường, v.v..

Đối với Chỉ thị số 77 của Trung ương về việc phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai", tỉnh đã tổ chức tuyên truyền gây men và thí điểm làm trước ba nơi: một xã vùng cao, một xã vùng thấp, một xí nghiệp để rút kinh nghiệm, đang chuẩn bị học tập và phát động làm chuyển biến tư tưởng từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài nhân dân để tạo điều kiện thuận lợi đưa phong trào đi vào bể sâu.

VII. KẾT LUẬN

- Trong tháng qua Thường vụ Tỉnh ủy đạt trọng tâm là đẩy mạnh gieo trồng, phân nước, lấy thi đua yêu nước chống Mỷ làm động lực đẩy mọi ngành hoàn thành nhiệm vụ; bằng hành động cụ thể, Thường vụ đã phân công nhau xuống từng huyện để kiểm tra trực tiếp, cử cán bộ xuống giúp đỡ, tăng cường cho huyện, xã, thường xuyên nhắc các cấp ủy dưới lãnh đạo thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra do đó cuối tháng 3 mới bắt đầu cấy hết, tháng 4 đã đạt 97,9% kế hoạch về lúa chiêm của Trung ương giao. Ngoài công tác lãnh đạo sản xuất ra, lãnh đạo bầu cử Quốc hội khóa III cũng đạt kết quả tốt.

- Hiện nay còn một số tồn tại cần phải kịp thời khắc phục:

+ Tỉnh ủy có quyết tâm, có chủ trương kế hoạch nhưng quyết tâm và chủ trương kế hoạch đó xuống đến quần chúng thường bị chậm, một số nơi xuống đến cấp ủy xã là bị tắc làm cho quyết tâm chủ trương của Tỉnh ủy biến thành sức mạnh vật chất thường bị hạn chế một phần. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới thiếu sót trên là việc giáo dục và lãnh đạo tư tưởng hai con đường làm chưa được thường xuyên, chưa được sâu sắc, tư tưởng hữu huynh còn xuất hiện ở một số cấp ủy cơ sở, ngại va chạm đến quyền lợi trước mắt của quần chúng lãnh đạo thiếu gương mẫu, thiếu quyết tâm, mệt khát việc bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở biết cách vận dụng chủ trương của trên vào thực tế tình hình địa phương mình có nơi làm chưa

tốt, tình trạng vận dụng chung chung vẫn còn, tình trạng có sát nhưng không sâu, đó là một trở ngại cho việc hoàn thành kế hoạch.

+ Cũng do xuất phát từ chỗ giáo dục hai con đường chưa sâu sắc thường xuyên nên cũng ảnh hưởng đến việc nắm tình hình thiếu chính xác, số liệu thống kê thường sai với thực tế, một mặt do hệ thống nắm tình hình chưa được tốt, chế độ báo cáo chưa được chặt chẽ nhưng việc sản xuất nhiều, báo cáo ít cũng còn nhiều nhất là ngô, sọ sản xuất nhiều bán nghĩa vụ nhiều, sọ thu mua nhiều; chính việc đó cũng làm trở ngại cho việc chỉ đạo giảm phần chính xác.

- Một số hiện tượng mới phát sinh trong vấn đề khai hoang phải được xác minh cần có chủ trương giải quyết.

Hiện nay một số chỉ tiêu còn yếu vẫn là công nghiệp và hoa màu, phân cần được đặc biệt chú ý.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**KẾ HOẠCH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 01-KH/TU, ngày 4-6-1964

**Về thực hiện cao trào thi đua
"Mỗi người làm việc bằng hai"
tại các huyện thị**

Cao trào thi đua này tiến hành ba bước, chia ra như sau:

Bước 1:

I. YÊU CẦU

Yêu cầu chủ yếu của bước 1 là giáo dục phát động tư tưởng cán bộ và nhân dân đồng thời động viên cán bộ và nhân dân các dân tộc bước đầu đi vào cao trào.

II. THỜI GIAN

Thời gian tiến hành 1 tháng từ 1 đến 30-6-1964.

III. GIÁO DỤC TƯ TUỞNG VÀ PHÁT ĐỘNG THI ĐUA

Từ 1 đến 10-6: Hội nghị cấp ủy huyện, thị mở rộng:

Nội dung hội nghị này là:

- Học báo cáo Hồ Chủ tịch.

- Học về cách mạng miền Nam.
- Học về kế hoạch nhà nước 1964.
- Kiểm điểm các cấp ủy về thực hiện kế hoạch sản xuất đông - xuân 1963 - 1964, vụ mùa 1964 và phát động cao trào thi đua.

Tài liệu: Các bài trong thời sự phổ thông số 7, Nghị quyết số 8 của Tỉnh ủy về cao trào thi đua.

Yêu cầu từng bài:

1. Học báo cáo Hồ Chủ tịch đi sâu nhất liên hệ hồi tưởng so sánh miền Bắc, địa phương chúng ta và từng người trong những năm qua đã có những tiến bộ, thành tích to lớn. Trong những thành tích chủ yếu nêu lên thành tích về chính trị, đồng thời nêu lên các thành tích về kinh tế, về đời sống văn hóa - xã hội. Trao đổi về ba nguyên nhân có những thành tích ấy, có chú ý đi sâu cả nguyên nhân thứ hai. Về năm nhiệm vụ chỉ nhắc nhở không bàn nhiều ở phần này.

2. Học về cách mạng Việt Nam: Học bài này cần chú ý đi sâu các điểm:

- Nói rõ âm mưu thâm độc và những hành động tàn ác, khốc liệt của đế quốc Mỹ và tay sai, nhất là nói rõ chúng dùng chế độ thực dân kiểu mới và chiến tranh đặc biệt ở miền Nam nước ta và nói về thế lúng túng bị động của chúng ngày càng tăng, thất bại cả về chiến lược, chiến thuật. Từ đó, nâng cao ý thức căm thù và thấy rõ địch nhất định thất bại.

Nói rõ qua những chiến thắng của ta về các mặt, những trận đấu tranh oanh liệt, dũng cảm, mưu trí của quân đội và nhân dân miền Nam.

Nói rõ phương châm: Trường kỳ đấu tranh cả về chính trị và vũ trang, quan điểm "Trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh, nhất định thắng lợi".

- Âm mưu hiện nay của địch đối với miền Nam, miền Bắc. Xác định nước Việt Nam là một, trách nhiệm của hậu phương đối với tiền tuyến nói rõ miền Nam đã góp phần giải phóng miền Bắc

(kháng chiến) và bảo vệ miền Bắc. Từ đó, mỗi người phải làm việc bằng hai để đền đáp đồng bào miền Nam như Hồ Chủ tịch đã dạy.

3. Học về kế hoạch nhà nước 1964:

Chủ yếu nêu ra vị trí quan trọng của kế hoạch nhà nước 1964 và đi sâu bốn vấn đề lớn (trong bốn vấn đề cần nhắc lại tầm quan trọng, nội dung của từng vấn đề như thế nào).

4. Kiểm điểm của cấp ủy: Nêu lên thành tích, tồn tại xác định cao điểm cần đạt được cho toàn năm, chia thời gian và xác định công tác chủ yếu tập trung vận động thi đua hoàn thành từng thời gian (dựa vào nghị quyết của Tỉnh ủy để kiểm điểm).

Chú ý:

+ Trên đây là nội dung và yêu cầu chung của từng bài, nhưng tùy từng nơi có thể thay đổi cho thích hợp. Ví dụ: Báo cáo Hồ Chủ tịch nếu đã học rồi thì chỉ nhắc lại một số nét lớn mà báo cáo của Bác đã nêu lên chứ không phải làm lại như ở hội nghị tỉnh nữa.

+ Phần kiểm điểm đã làm rồi thì nay chỉ sơ kết lại từ ngày phát động đến tháng 5 rồi đi ngay vào xác định lại cao điểm và phát động thi đua.

+ Thành phần hội nghị cần rộng rãi để đồng thời bồi dưỡng cả báo cáo viên cho xã. Có thể mở rộng một số cán bộ địa phương ở xã nhưng những cán bộ chủ yếu nhất, nhất thiết phải cố gắng triệu tập về đủ. Sau hội nghị có gửi quyết tâm hứa hẹn trước Tỉnh ủy.

Từ 11 đến 20 - 6 Hội nghị cán bộ xã:

(Chú ý: Chi bộ họp trước một tối để nói rõ mục đích ý nghĩa cuộc họp và bàn trách nhiệm lãnh đạo hội nghị, sau đó trước khi kiểm điểm chung về báo cáo nhiệm vụ cụ thể thi đua cần họp chi bộ một tối nữa để bàn bạc góp ý kiến trước).

- Thời gian: 3 ngày 3 đêm.
- Thành phần.
- Đảng viên.

- Ủy ban hành chính xã.
- Cán bộ lãnh đạo các ngành.
- Cán bộ lãnh đạo hợp tác xã.
- Giáo viên và các cán bộ tăng cường.

- Nội dung:

1. Học báo cáo Hồ Chủ tịch.

2. Kế hoạch nhà nước 1964.

3. Kiểm điểm của xã và phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai". Tài liệu học ở đây là tài liệu do Ban Tuyên huấn tỉnh viết.

Nội dung từng bài:

Bài thứ nhất: Học báo cáo Hồ Chủ tịch.

Dựa vào báo cáo Hồ Chủ tịch để truyền đạt thành bốn phần:

1. Phần đầu chủ yếu là thành tích 10 năm qua ở miền Bắc có liên hệ hồi tưởng so sánh đến địa phương và mỗi người. Nêu rõ ba nguyên nhân của thành tích đó, chú ý cả nguyên nhân thứ hai.

2. Phần hai nói về miền Nam, chủ yếu đi vào:

- Nói rõ âm mưu xảo quyệt, thâm độc, tàn ác của Mỹ và tay sai đối với nhân dân miền Nam suốt 10 năm trường trên các mặt, (nhằm nâng cao căm thù sâu sắc địch), nhưng chúng càng đánh, càng thua, càng thua càng bí.

- Đồng bào miền Nam vô cùng anh dũng hy sinh gian khổ đấu tranh với địch về mọi mặt (chú ý mặt chính trị) để bảo vệ miền Bắc và đã thu được thắng lợi to lớn, càng đánh, càng mạnh, càng mạnh càng thắng.

- Gợi lên lòng yêu nước (Tổ quốc ta là một), nêu lên đồng bào miền Nam suốt 20 năm trường đấu tranh góp phần giải phóng miền Bắc (kháng chiến) bảo vệ miền Bắc (hiện nay), nói lên cả nước đang ở trong tình hình vừa hòa bình, vừa chiến tranh, âm mưu của Mỹ hiện nay đối với miền Bắc, xác định trách nhiệm nặng nề và vinh quang của mỗi cán bộ, mỗi người dân "Mỗi người

"làm việc bằng hai" để đền đáp đồng bào miền Nam như Hồ Chủ tịch dạy.

3. Phần ba: Giải thích rõ 10 năm qua trên thế giới đã diễn ra những biến đổi cách mạng vĩ đại, có lợi cho sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Như Hồ Chủ tịch nói cụ thể nêu lên bốn ý của Hồ Chủ tịch sau đây để giải thích thêm:

1. "Phe xã hội chủ nghĩa hình thành ngày càng lớn mạnh".
2. "Chủ nghĩa đế quốc càng thất bại liên tiếp và nặng nề, càng đi vào con đường suy vong thì càng hung ác, liêu lịnh".
3. "Khắp nơi..., các dân tộc đều đứng lên đấu tranh quyết liệt chống lại bọn đế quốc do Mỹ cầm đầu và đã liên tiếp giành được những thắng lợi vẻ vang.
4. Nói rõ năm nhiệm vụ quốc tế Hồ Chủ tịch nêu ra chủ yếu nêu trách nhiệm đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa và ủng hộ cách mạng thế giới.

Chú ý: Khi giải thích không đi vào phân tích đường lối xét lại nhưng mỗi đoạn đều có nhắc chung là bất cứ âm mưu nào địch thỏa hiệp với đế quốc Mỹ, chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa, ngăn cản phá hoại phong trào giải phóng dân tộc (dù nấp dưới hình thức gì) đều phải vạch trần và nhất định âm mưu đó sẽ bị thất bại thảm hại.

5. Cần tổng hợp lại để mọi người thấy rõ:
 - Vì miền Bắc, vì miền Nam, vì cách mạng quốc tế chống đế quốc đứng đầu là Mỹ. Vì vậy mà phải tích cực tham gia cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai".
 - Nêu rõ "Mỗi người làm việc bằng hai" như thế nào?
- Chú ý: Dựa vào kinh nghiệm đã qua bài này nên tiến hành bốn buổi tucus 1 ngày rưỡi kể cả buổi tối. Có thể báo cáo mỗi phần từ 40 phút đến 1 giờ 30, còn cho mọi người thảo luận theo câu hỏi viết kèm theo tài liệu.

Bài thứ hai: Bài kế hoạch nhà nước 1964:

Bài này khi trình bày cần nêu rõ hai điểm:

+ Thấy rõ được vị trí quan trọng của kế hoạch nhà nước năm 1964. Khi nói vị trí phải nêu được những thắng lợi chung rất to lớn và điểm qua những tồn tại chính.

+ Nói được những vấn đề then chốt của kế hoạch nhà nước 1964 nhất là vấn đề lương thực, vấn đề xuất khẩu, và nói về hai con đường ở nông thôn, củng cố hợp tác xã, hợp tác xã quản lý tốt lúa và ngô là một nhiệm vụ rất lớn để củng cố hợp tác xã, phát huy thắng lợi, ưu việt của con đường làm ăn tập thể.

Chú ý: Đây chưa đi vào kiểm điểm các việc cụ thể mà chủ yếu nêu lên được vị trí quan trọng về các vấn đề này về mặt nhận thức.

- Bài này có thể tiến hành hết hai buổi (buổi chiều và tối ngày thứ hai của hội nghị).

Bài thứ ba: Phân kiểm điểm của cấp ủy và phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai".

Phân này có kiểm điểm của xã toàn diện từ đông - xuân đến nay và vụ mùa nhưng vẫn tập trung vào các vấn đề chính nhất ở phần trên: lương thực, xuất khẩu, củng cố hợp tác, kiểm điểm về chi tiêu và biện pháp. Ngoài ra, có tự phê bình của xã trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Sau khi kiểm điểm có nêu lên những cao điểm của xã cần hoàn thành năm 1964 (căn cứ vào cao điểm của tỉnh, huyện mà cụ thể hóa vào địa phương), giao chỉ tiêu cao điểm cho các hợp tác xã, các ngành.

Bàn về hợp tác xã đăng ký thi đua làm mùa đạt năng suất cao theo Trung ương mà phát động.

- Sau đó nêu rõ các biện pháp về chỉ đạo, về tổ chức thực hiện cao trào thi đua như: Tuyên truyền, giáo dục, phân chia thời gian làm các nhiệm vụ cụ thể chủ yếu, phân công cho các ngành chịu trách nhiệm về từng mặt, phân công các báo cáo viên ở thôn, xóm.

Chú ý: Sau khi báo cáo chung cần cho thảo luận để nhất trí rồi sau đó từng ban chấp hành, từng ban quản trị cần họp riêng để bàn kế hoạch thực hiện chỉ tiêu của mình và chuẩn bị ý kiến hứa hẹn thách thức thi đua chung tại hội trường.

- Sau khi thảo luận, cần họp chung để phát động cao trào, động viên thi đua và thách thức thi đua, hô khẩu hiệu, gửi quyết tâm thư hứa hẹn với huyện thực hiện các cao điểm.

Từ 21 đến 30-6: Học tập ngoài nhân dân.

- Thời gian và nội dung tuyên truyền giáo dục:

Thời gian chung là 5 tối chia ra, 3 tối học về báo cáo Hồ Chủ tịch và 2 tối về kế hoạch nhà nước. Cụ thể các buổi như sau:

1. Hồi tưởng so sánh 10 năm ở miền Bắc và nguyên nhân thắng lợi.

2. Hồ Chủ tịch nói về niềm tin.

3. Hồ Chủ tịch nói về trách nhiệm quốc tế - thảo luận vì sao phải thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai".

4. Tầm quan trọng của kế hoạch năm nay và các nhiệm vụ chủ yếu, có liên hệ, luận thành tích và khuyết điểm, bàn bạc kế hoạch cụ thể xã giao chung cho thôn, cho hợp tác xã, cho các gia đình cá thể, bàn kế hoạch ba thu ở vùng thấp.

5. Bàn những việc làm cụ thể trong một tháng, chia thời gian tập trung lực lượng thế nào, thi đua như thế nào ngày phát động đầu tiên làm các việc gì, hình thức động viên thế nào các tổ chức thách thức thi đua và hứa hẹn.

Chú ý: Phải bồi dưỡng mỗi thôn 1 số báo cáo viên rồi về bổ sung cho nhanh phải bồi dưỡng hằng ngày.

Nên học theo đơn vị hợp tác xã để khi kiểm điểm cho dễ, số hộ cá thể nếu ít thì cho dự chung, nếu nhiều thì họp riêng.

Nữ xã viên và người già có thể học vào giờ thích hợp như vậy mỗi bài có thể phải nói hai lần (một lần chung và lần riêng cho phụ nữ và người già).

Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, dân quân cần họp thêm một buổi chủ yếu để bàn về trách nhiệm làm thế nào thi đua thực hiện phần việc chủ yếu của mình cho tốt.

IV. NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

CÂN CHÚ Ý ĐỘNG VIÊN QUẦN CHỨNG TẬP TRUNG LỰC

LƯỢNG THỰC HIỆN BƯỚC ĐẦU ĐI VÀO CAO TRÀO

Để đạt các cao điểm như nghị quyết Tỉnh ủy đã nêu ra, mỗi vùng trong tháng 6 cần tập trung vào các nhiệm vụ lớn sau đây:

Vùng cao:

- Hoàn thành cẩn bản việc cấy mùa, để đảm bảo năng suất cao, phải tập trung lực lượng hoàn thành chỉ tiêu về phân bón, cày bừa ba lượt.
- Hoàn thành đợt 1 trồng khoai lang.
- Hoàn thành làm cỏ đợt 2 cho bắp và làm cỏ đợt 1 lúa nương, hoàn thành thống kê diện tích lúa nương, bắp và các chỉ tiêu diện tích đông - xuân.
- Hoàn thành diện tích đậu tương thu.

Vùng thấp:

- Lúa chiêm:

Chăm sóc, bảo vệ đồng ruộng, giữ nước cho lúa chiêm và họp bàn kế hoạch chuẩn bị thu hoạch, chuẩn bị thu thuế, thu mua, chuẩn bị số liệu lên phương án chia hoa lợi của hợp tác xã, sửa chữa nhà kho, làm sân phơi, sửa chữa đường vận chuyển.

- Lúa mùa: Hoàn thành gieo mạ chân chiêm.

- Cẩn bản hoàn thành cấy mùa chân một vụ, để đảm bảo năng suất cao, tập trung lực lượng làm phân bón cho ruộng sắn cấy, và chuẩn bị sản phẩm cho chân chiêm cày bừa ba lượt cho chân ruộng cấy một vụ mùa.

- Lúa nương: Phát và đốt nương xong.

Làm cỏ và chăm sóc cho các loại hoa màu đông - xuân và cây công nghiệp (sắn, mía,...).

Cả hai vùng: Chú ý phục hồi và phát triển đàn lợn.

V. CÁC HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC KHÁC

- Trong quá trình học tập, phải căn cứ vào các nhiệm vụ của từng vùng để đưa quần chúng vào hành động, do đó công tác động viên cần chú ý:

- Trong khi đi vận động cán bộ xã về họp, phải phát động đợt thi đua lấy thành tích chào mừng hội nghị, báo cáo cho hội nghị, động viên từng ngày.

- Khi học nhân dân cũng vẫn tiến hành thi đua thực hiện các nhiệm vụ do hội nghị cán bộ xã đề ra đồng thời khi học xong lại định ngay ngày cao điểm, hay tuần cao điểm để động viên phong trào.

- Thường xuyên phổ biến các tin tức trong tỉnh, huyện để động viên.

- Sử dụng hình thức giáo dục, tuyên truyền cổ động khác.

VI. SƠ KẾT

Tỉnh sơ kết bước 1 trong 2 ngày: 30-6 và 1-7.

Huyện phải định ngày sơ kết để về báo cáo tỉnh.

Hội nghị sơ kết này gồm hai phần lớn:

1. Kết quả học tập, chuyển biến về tư tưởng, các chỉ tiêu đã thực hiện, kinh nghiệm giáo dục, động viên và rút ra các ưu, khuyết điểm.

2. Định nội dung giáo dục và nội dung nhiệm vụ thi đua tháng 7 (tháng cao trào nhất).

Bước 2:

1. Yêu cầu

Yêu cầu bước 2 chủ yếu là đưa quần chúng vào hành động cách mạng với khí thế sôi nổi nhất nhằm hoàn thành cǎn bản các chỉ tiêu đồng - xuân về các mặt và hoàn thành cǎn bản các chỉ tiêu diện tích vụ mùa, nhất là lúa.

2. Thời gian: 1 tháng từ 1 đến 31-7-1964.

3. Giáo dục tư tưởng và các hình thức tuyên truyền

Nhằm phát huy kết quả giáo dục tháng trước, đưa quần chúng vào hành động cách mạng với tinh thần phấn khởi, nên đợt này cần tiến hành một số việc sau đây:

Từ 1 đến 10-7-1964.

a) *Hội ý một số cán bộ chủ chốt của xã và hợp tác xã để:*

- Sơ kết tháng 6 tuyên dương thành tích các đơn vị.
- Nhắc lại ý nghĩa đợt thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" tức là "Ba vì", ý nghĩa cao trào tháng 7 và phổ biến ý nghĩa nội dung thi đua do huyện phổ biến và cụ thể ở xã, thảo luận kế hoạch động viên thi đua cao trào, mở đợt thi đua tháng 7: "Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt".

b) *Sinh hoạt hợp tác xã:*

Với nội dung như trên nhưng đi sâu thêm vài biện pháp để đạt được kết quả trong cuộc thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai, đạt vụ mùa năng suất cao".

Từ 11 đến 20-7.

- Các đoàn thể: Thanh niên, phụ nữ, dân quân cần họp để thảo luận đi sâu hơn một số đợt học tập tháng 6, xoay quanh thảo luận mấy câu gợi ý:

- + Vì sao có cuộc thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai".
- + Làm thế nào để thực hiện được "Mỗi người làm việc bằng hai" tuyên dương các anh em có thành tích trong phong trào.

Từ 20-7 trở đi:

Đoàn thể thanh niên và dân quân phối hợp tổ chức đọc cuốn "Từ tuyển đầu Tổ quốc".

- Mítinh lớn ở các địa phương nhân dịp 20-7 để nói về tinh thần đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam, lên án đế quốc Mỹ. Sau đó, tuyên dương thành tích của các cá nhân và đơn vị trong cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai". Từ tháng 6, trong cuộc mítinh tổ chức biểu dương lực lượng dân quân, tự vệ toàn xã.

- Chuẩn bị nội dung để phát động đợt thi đua mới chào mừng ngày Quốc khánh 2-9 bắt đầu từ 1-8 đến 2-9.

4. Những cao điểm càn động viên quần chúng tập trung lực lượng thi đua thực hiện

Vùng cao: Lúa ruộng:

+ Thượng tuần tháng 7 cần kiểm tra để hoàn thành cây hoàn toàn chỉ tiêu diện tích ruộng mùa.

+ Làm cỏ và bón thúc xong đợt 1 cho lúa ruộng cây sớm.

+ Chuẩn bị nương bắp tháng 7 và đất trồng khoai lang đợt 2.

+ Làm cỏ cho các cây hoa màu, cây công nghiệp.

+ Tận thu màng tang.

Vùng thấp:

- Tập trung lực lượng thu hoạch chiêm, chia hoa lợi cho nhanh và tiết kiệm chống rói vãi, nộp thuế, thu mua, chuẩn bị giống chiêm năm 1965.

- Cày, bừa và cấy mùa vào chân chiêm, bón lót cho đủ.

- Tra lúa nương xong.

- Thu bắp, bông xong.

- Tận thu màng tang.

- Làm cỏ đợt 1 lúa mùa chân ruộng 1 vụ.

5. Sơ kết

- Tỉnh sẽ họp với các huyện để sơ kết vào 29 và 30-7 và phát động đợt thi đua chào mừng ngày Quốc khánh.

- Trong hội nghị này ngoài sơ kết vụ đông - xuân 1963-1964 và sơ bộ kiểm điểm toàn diện các chỉ tiêu diện tích vụ mùa.

Bước 3: Yêu cầu:

Yêu cầu chủ yếu bước này là hoàn thành hết các chỉ tiêu diện

tích và năng suất vụ mùa, tổng kết khen thưởng vụ đông - xuân 1963-1964, kết thúc đợt vận động.

Thời gian: Từ 1-8 đến 2-9.

Giáo dục tư tưởng và các hình thức tuyên truyền:

Phát động đợt thi đua: Phát huy truyền thống cách mạng tháng 8, thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai".

+ Đầu tháng 8, các xã, các đoàn thể phải họp kiểm điểm các chỉ tiêu diện tích vụ mùa, chăn nuôi, để ra các chủ trương để hoàn thành, vạch chỉ tiêu bù các loại cây trồng còn thiếu, tăng cường các biện pháp để nâng cao năng suất, phát động thi đua ở cơ sở.

+ Và cuối tháng phải họp để kiểm điểm kết thúc cuộc vận động, tuyên dương thành tích rút kinh nghiệm.

+ Trong đợt này các chi bộ phải họp riêng về Nghị quyết 9 phần quốc tế. Nơi nào cũng phải hoàn thành vào đợt này. Khi giáo dục phần quốc tế, quán triệt tinh thần nâng cao cách mạng, thúc đẩy phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" lên một bước nữa.

Tỉnh sẽ họp vào 28 và 29-8 để tổng kết công bố thưởng cho các huyện và các xã vào 1-9-1964.

Các huyện cần họp trước để nghị tỉnh khen thưởng các đơn vị có thành tích.

Các cao điểm thi đua cần làm trong đợt này sẽ bổ sung sau.

Tổ chức mítinh ngày 2-9 để kỷ niệm Quốc khánh, báo cáo tổng kết cao trào và phát động đợt thi đua mới.

VII. PHẦN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC

- Việc chỉ đạo thực hiện, các huyện thị giao cho Ban Chỉ huy chiến dịch sản xuất đông - xuân "Thi đua Ấp Bắc sản xuất làm giàu" nhưng trong Ban Chỉ huy cần phân công cho 2 đồng chí (1 đại diện huyện ủy, thị ủy, 1 ủy ban) làm nhiệm vụ thường trực, chuyên trách theo dõi, sơ kết, tổng kết, chịu trách nhiệm báo cáo đầy đủ với tỉnh.

- Ở xã, cũng phân công 1 đồng chí đại diện chi ủy, 1 đồng chí đại diện Ủy ban hành chính xã chuyên trách theo dõi cao trào thi đua này, sơ kết, tổng kết, chịu trách nhiệm báo cáo lên huyện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 15-BC/TU, ngày 5-6-1964
Về tình hình công tác tháng 5-1964

1. Sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt

Tháng 5-1964 Tỉnh ủy nhận thấy đối với sản xuất nông nghiệp có một vị trí hết sức quan trọng như hoàn thành gieo trồng vụ xuân lúa chiêm thu hoạch bắp sớm, chiêm sớm; chuẩn bị mọi mặt cho vụ mùa, phòng chữa bệnh dịch cho gia súc, sâu bệnh cho hoa màu. Sự lãnh đạo cần chặt chẽ, tăng cường kiểm tra đôn đốc nắm chắc tình hình, đẩy mạnh công tác thủy lợi; nhận thức của lãnh đạo đã biến thành quyết tâm của quần chúng; thanh niên đã phát động phong trào thu phân Ấp Bắc sản xuất làm giàu để thiết thực mừng ngày sinh nhật Hồ Chí Minh, ngày chiến thắng Điện Biên Phủ; có huyện đã mở tuần Điện Biên Phủ bách chiến bách thắng tấn công toàn diện. Tỉnh ủy cũng đã tăng cường chỉ đạo ba xã, mỗi xã có tác dụng cho từng vùng, ngoài ra các đồng chí Thường vụ còn đi xuống các huyện để kiểm tra phong trào.

Đến cuối tháng tỉnh còn mở hội nghị sơ kết đông - xuân với các huyện để đánh giá kết quả tìm ra nguyên nhân tốt, xấu và đề ra biện pháp phấn đấu để hoàn thành vụ mùa thắng lợi.

Những số liệu kết quả đong - xuân:

- Chiêm mùa đạt 97,9% so với 1963: 119,7%.
- Dao riêng đạt 58,2% so với 1963: 125%.
- Sắn đạt 57,2% so với 1963: 135%.
- Đậu tương xuân 85,7%.
- Mía 62,5%.
- Ngô 67,2%.
- Đại mạch đạt 105,5%.

Những số liệu nêu trên không đạt, hiện nay đang có chủ trương đẩy mạnh chăm bón tăng năng suất, đồng thời phải tìm mọi cách tăng vụ để bù, có nơi đã tăng mạnh khoai lang như Sa Pa tích cực chống hạn 3.000 cân, bắt sâu 4.272 cân làm cỏ như Bảo Thắng tăng diện tích làm chiêm như Bắc Hà. Những chỉ tiêu có tính chất đang thời vụ hoặc mới thời vụ cho nên số liệu thống kê chưa đầy đủ như bắp, khoai, sắn; thực tế qua tình hình sản xuất thì triển vọng đảm bảo và vượt kế hoạch.

Tinh thần làm mùa đã và đang mạnh mẽ và vươn lên như vùng cao đã chuẩn bị cấy, vùng thấp đang cày đi làm mạ. Đẩy mạnh tăng vụ mùa để bù vụ xuân.

Sa Pa vượt kế hoạch về khoai lang 25.000 cân giống. Mường Khương phấn đấu vượt chỉ tiêu bắp tinh giao 5.000 cân, lúa nương tăng 2.000 cân giống.

Bát Xát ngô hè kế hoạch 5.000 kg định đưa lên thêm 5.000 kg. Điều mà cho là thắng lợi cũng như triển vọng của phong trào là sau khi học Nghị quyết 9 phần hai, các ngành, các huyện, thị cùng với tỉnh phấn đấu cho bằng được để đảm bảo tổng sản lượng về lương thực và hoa màu; tập trung hết sức đẩy thật mạnh 10 cao điểm (lúa, bắp, khoai, đậu tương, chăn nuôi, lao động, giao thông, vận tải, chế biến, phân).

b) Các biện pháp kỹ thuật

- Thủy lợi đã vận dụng vào đặc điểm sản xuất trong tỉnh nên đã chú trọng biện pháp chống xói mòn nên số diện tích được chống

1.311.880 ha, còn ruộng bậc thang 80.303 ha. Khối lượng đất đào để thực hiện các biện pháp kỹ thuật 50.255 thước khối; nhân lực để thực hiện các biện pháp 39.070 công, trong tháng đã hoàn thành hai công trình thủy lợi Nậm Chì và Mường Hum, như thế mương Nậm Chì đã hoàn thành trước thời hạn 2 tháng.

- Phân: Tháng 5 tập trung cao độ thấp từ trước tới nay, nòng cốt làm phân là thanh niêm, riêng tháng này toàn tỉnh đã làm thêm được 15.000 tấn, trong đó thanh niêm làm được 4.000 tấn, so với cùng thời gian 1963 gấp bốn lần, đây là việc làm mạnh nhất để nhằm đưa năng suất lên cao, lấy năng suất bù cho diện tích thiếu hụt.

- Chuẩn bị thu hoạch cho vụ chiêm như Bát Xát đã hoàn thành 11 sân phơi, các huyện khác cũng đang chuẩn bị làm.

c) *Chăn nuôi:*

Diện tích dịch lợn trong tháng có các huyện Bát Xát, Mường Khương, Bảo Thắng, Bắc Hà và thương nghiệp, số lợn bị chết từ đầu đến nay 2.913 con. Trong tháng đã dùng nhiều biện pháp để phòng và chống疫病 nên ở một số nơi đã ổn định, số lợn được tiêm là 13.242 con.

2. Tình hình công tác, đổi công

Trong tháng đã tích cực củng cố như giáo dục hai con đường, tăng cường cán bộ xuống các xã đẩy mạnh sản xuất củng cố hợp tác xã, đã chuẩn bị nội dung cải tiến 10 hợp tác xã và đang xây dựng chủ yếu vào hợp tác xã Hợp Thành chuẩn bị 12 chuyên đề tiên tiến để chuẩn bị cho hội nghị hợp tác xã tiên tiến tỉnh vào trung tuần tháng 6-1964. Kết quả đến củng cố 463 hợp tác xã gồm 11.129 hộ tỷ lệ 53%. So với quý I đầu năm thì tăng 73 hợp tác xã với 1.184 hộ kể cả củng cố lại và xây dựng mới.

Vừa qua việc quản lý lao động, quản lý sản xuất riêng lẻ và giáo dục tư tưởng, nhưng chưa nhanh, chưa mạnh, nắm tình hình không chặt, nhưng xây dựng đổi công cũng còn yếu, chấp hành

nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy về việc mở hội nghị chuyên đề về đổi công các huyện thì chưa nơi nào làm được.

3. Vấn đề xuất khẩu

Vấn đề xuất khẩu trong tháng này so với tháng trước cũng có nhiều chuyển biến tốt nên đến nay xuất khẩu địa phương trị giá bằng tiền nhân dân tệ xuất khẩu 371.953 đ, đạt 84%. Nhưng xuất khẩu Trung ương mới đạt 48,3%, nguyên nhân đang thời vụ sản xuất nên quân chúng tập trung vào sản xuất nhiều nơi, hay có thứ vận chuyển chậm như thảo quả.

4. Công tác trị an

Trong tháng sự hoạt động của địch không có gì lớn lầm, nhưng hiện tượng đe dọa cán bộ, xuyên tạc chính sách, hiện tượng chết người vẫn có như Bát Xát 1 tháng chết 4 người có một trường hợp ăn lá ngón. Nhưng về phía lãnh đạo có nhiều cố gắng như mở hội nghị trị an tại chỗ (Thanh Bình) hơn 300 đại biểu về dự đã có tác dụng học tập và đưa phong trào những nơi yếu tiến lên mạnh, đã chú ý đến củng cố lực lượng cơ sở như hội nghị thao diễn dân quân luyện tập đầu bờ Thào Chu Phìn, phòng không nhân dân đã làm xuống tới một số huyện, nhưng công tác hộ khẩu còn yếu cho nên số người cư trú bất minh vẫn còn, hiện tượng trộm cắp, hiếp dâm vẫn xảy ra.

5. Công tác Đảng

a) Giáo dục đảng viên

Nghị quyết 9 phân một cơ quan xí nghiệp làm tương đối gọn trong Đảng, riêng ở các huyện mới giáo dục xong cán bộ cơ sở và các đảng viên cơ quan xung quanh xuống huyện.

Nghị quyết 9 phần hai đã tổ chức học Ban Chấp hành Tỉnh ủy, trưởng phó ty, bí thư huyện, thị ủy và bí thư các đoàn thể quần chúng xung quanh tỉnh.

Qua học tập đã nâng cao quan điểm lập trường và nhận thức về đường lối phương châm sách lược cách mạng Việt Nam, cũng như quốc tế, đại bộ phận đều phấn khởi tin tưởng thấy rõ thêm trách nhiệm cho phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" tuy là bước đầu nhưng nó có thể hiện mạnh mẽ và vươn lên trong xí nghiệp và nông thôn.

b) Xây dựng Đảng

Đã tổ chức học tập về việc xây dựng chi bộ bốn tốt các đảng viên đạt 54% đồng thời đã đi sâu xuống các xã để xây dựng và củng cố bốn tốt như xuống Tàu Chu Phìn, Thông Nhất, đã đưa sâu vào chỉ đạo riêng ở xã Quang Kim, Lao Chải, Tả Ngảo để xây dựng và rút kinh nghiệm đồng thời có chú trọng làm điển hình hai chi bộ cơ quan. Việc thi hành Nghị quyết 35 tuy có chuyên nhưng vẫn chậm.

Một vài nét về đời sống quần chúng

Tình hình thiếu đói của quần chúng được xuất hiện hai huyện: Bảo Thắng: tám xã 526 hộ với 2.248 nhân khẩu, Bát Xát 21 xã 526 hộ với 2.250 nhân khẩu. Nhưng qua kiểm tra số đói có thể hẹp hơn và chỉ có tình trạng thiếu gạo còn khoai, sắn vẫn còn nhiều. Số gia đình hết hẳn gạo. Địa phương không điều hòa được gạo đã phải bán gạo là 19.500 kg, hiện nay bắp sớm, lúa chiêm rét đã được thu hoạch, tình hình thiếu đói dần giảm đi.

Nhận xét

Trong tháng có chú trọng nhiều vào công tác sản xuất, giáo dục đảng viên, củng cố Đảng và công tác trị an, nên sản xuất trong tháng có nhiều chuyển biến mạnh, các biện pháp kỹ thuật được chú ý, phân, nước tươi cho nên đã giải quyết kịp thời làm phân, tăng vụ khoai lang, chủ động thiêm tai và sâu bệnh cho nên khi phát hiện kịp thời dập tắt.

Về mặt lãnh đạo có tăng cường kiểm tra đôn đốc, phần lớn các đồng chí trong Thường vụ thường xuống xã.

Triển vọng sản xuất vụ mùa được đẩy mạnh không những hoàn thành mà còn bù cho những chỉ tiêu vụ đông - xuân thiếu hụt.

Bên cạnh cũng còn những mặt yếu như:

- Sự lãnh đạo các cấp các ngành tập trung cho công tác trung tâm chưa cao, chưa liên tục.
- Nắng tình hình không chắc, báo cáo không kịp thời, nhiều huyên, nhiều ngành báo cáo quá chậm (Bắc Hà, Sa Pa, Mường Khương, thị xã).
- Một khó khăn lớn là điều hòa giống để phục hồi đàn lợn đã bị tai dịch.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 11-NQ/TU, ngày 9-7-1964

Về công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích

Trước phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam ngày càng mạnh mẽ, trước những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai càng thêm điên cuồng ráo riết đàn áp phong trào cách mạng ở miền Nam và tăng cường tung gián điệp, biệt kích ra phá hoại miền Bắc, oanh tạc các khu vực kinh tế, quốc phòng quan trọng, tập kích bờ biển, biên giới Việt - Lào, giới tuyến, kích động bọn phản động địa phương nổi dậy chống chính quyền của ta hòng làm yếu lực lượng miền Bắc đỡ đòn cho chúng ở miền Nam. Bọn chúng đã có chương trình và tổ chức một số lớn gián điệp, biệt kích âm mưu mở chiến dịch tung hàng loạt ra miền Bắc, chúng đã và đang thực hiện âm mưu này.

Lào Cai là một trong những địa bàn mà kẻ địch rất chú trọng một số tên phản động trước ở Lào Cai, nay đã được đế quốc Mỹ và tay sai sử dụng và cho giữ những chức vụ chỉ huy quan trọng.

Địch có thể tung bọn gián điệp, biệt kích xâm nhập vào Lào Cai bằng đường bộ và đường không với âm mưu:

1. Tiến hành hoạt động phá hoại các mục tiêu quan trọng như các đường giao thông chiến lược (đường sắt, đường số 4), các cầu cống, kho tàng, các cơ sở kinh tế quan trọng (Mỏ apatít, Nhà máy điện).

Xâm nhập các vùng xung yếu (nơi cơ sở địch có nhiều, cơ sở của ta còn yếu). Nhất là vùng Mèo, Nùng để gây cơ sở lập căn cứ vũ trang gây phỉ đồng thời tiến hành thu thập tình báo để phục vụ âm mưu Bắc tiến của đế quốc và tay sai ở miền Nam.

2. Chúng có thể tung nhiều toán nhỏ (từ 5 đến 12 tên) trong một lúc ở những địa bàn khác nhau (có thể một đợt tung về 2, 3 tên, sau một hai ngày lại tung thêm hai, ba toán nữa, hoặc vừa tung về bằng đường bộ, vừa thả dù) có thể bọn gián điệp, biệt kích xâm nhập đồng thời bọn phản động địa phương nổi lên gây bạo loạn hoặc vừa oanh tạc vừa tung gián điệp, biệt kích.

Địch có thể liều lĩnh thả dù tới một trung đội tập trung ở một điểm để phá hoại.

3. Về địa bàn trọng điểm bọn gián điệp, biệt kích có thể xâm nhập hoặc hoạt động phá hoại là:

- Các xã dọc đường sắt, đường số 4 (Lào Cai - Sa Pa).
- Khu vực mỏ và các xã chung quanh.
- Hai thị xã Lào Cai và Cam Đường.
- Các xã thuộc hạ huyện Bảo Thắng.
- Khu Thanh Phú, khu vực hiện còn phỉ ở Sa Pa. Chú ý nơi có cơ sở của họ Đào.
- Khu Nhạc Sơn và các xã giáp Phong Thổ huyện Bát Xát. Chú ý các xã có cơ sở của Lô Ngán Dùng, họ Tạ và Phan Kỳ Sin.
- Khu vực Mường Khương và các xã giáp sông La Hờ thuộc huyện Mường Khương. Chú ý các xã có cơ sở của Lý Triều Dương và La Văn Đức.
- Khu vực Lùng Phình, các xã giáp Hà Giang thuộc huyện Bắc Hà. Chú ý nơi có cơ sở của Hoàng A Tưởng.

Trên đây là những địa điểm xung yếu chung của tỉnh, kẻ địch có thể nhảy dù ngay xuống đây, hoặc nhảy xuống chỗ khác trở về đây hoạt động. Cho nên chú trọng địa bàn trọng điểm nhưng không coi nhẹ việc đối phó chung toàn diện trong công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích. Các huyện, các xã phải xác định những địa bàn

trọng điểm xung yếu của huyệ, của xã minh một cách cụ thể với hoàn cảnh của địa phương mà làm công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích cho tốt.

Về công tác đối phó của ta, Ban Thường vụ nhận thấy trong thời gian qua, các cấp ủy, các ngành có trách nhiệm đã chú trọng lãnh đạo giáo dục quần chúng nâng cao cảnh giác. Nhiều xã đã đưa phong trào bảo vệ trị an vào bể sâu, các xã đều có phương án và thực tập phương án, các ngành hiệp đồng chiến đấu tốt nên đã đạt một số thành tích nhất định.

Tuy vậy, Ban Thường vụ cũng nhận thấy còn nhiều vấn đề tồn tại cần khắc phục:

1. Tư tưởng chủ quan mất cảnh giác còn thể hiện ở một số cấp ủy và các ngành nên chưa thật chú trọng lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng và chống gián điệp, biệt kích.

2. Chưa quán triệt tinh thần trong công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích là lấy "Phòng" làm chính và "Giữ bên dưới đất là chính". Chưa thấy hết vị trí chiến lược của xã và vai trò của lực lượng quần chúng truy bắt bọn gián điệp, biệt kích. Nhiều xã chưa đưa phong trào bảo vệ trị an vào bể sâu, thậm chí còn có xã kém, nhất là địa bàn trọng điểm việc giáo dục tư tưởng quần chúng chưa thật tốt. Còn có biểu hiện hoang mang, sợ địch, chưa thật tin tưởng vào lực lượng của ta. Cho nên chưa thấy hết trách nhiệm của mỗi người đều phải chú trọng làm nhiệm vụ phòng, chống gián điệp, biệt kích, công tác tập trung giáo dục cải tạo tiến hành chậm, công tác cải tạo còn yếu và chưa thường xuyên. Lực lượng dân quân và công an xã nhiều nơi chưa được củng cố vững chắc.

3. Phương án nhiều xã còn sơ sài chưa đề cập hết các tình huống có thể xảy ra. Việc thực tập nhiều nơi chưa đúng với phương án, phương án đề phòng và đối phó với bọn đi đường bộ về chưa được chú trọng. Còn nhiều sơ hở.

Việc hợp đồng chiến đấu giữa các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng chưa được thật chặt chẽ.

Để đập tan âm mưu điên cuồng, liều lĩnh của đế quốc Mỹ và tay sai tung gián điệp, biệt kích về Lào Cai hoạt động cần phải làm tốt công tác phòng gián điệp, biệt kích và phải lấy xã làm cơ sở, lấy lực lượng dân quân và công an xã làm lực lượng nòng cốt. Phải phát động khích lệ cách mạng của quần chúng nhân dân các dân tộc sẵn sàng đón bắt gián điệp, biệt kích. Khi có gián điệp, biệt kích xâm nhập vào xã nào thì trách nhiệm chính là cấp ủy xã đó phải lãnh đạo toàn dân truy bắt ngay.

Muốn xã trở thành cơ sở phòng, chống gián điệp, biệt kích thì cấp ủy, các ngành phải xây dựng cho xã được vững mạnh, chủ động tiêu diệt địch khi chúng xuất hiện, xã tự động giải quyết được ngay không phải đợi lệnh của cấp trên.

Các cấp ủy và các ngành có trách nhiệm phải tiến hành với một tinh thần rất khẩn trương các mặt công tác sau đây:

I. KHẨN TRƯỞNG TIẾN HÀNH MỌI MẶT CÔNG TÁC SẴN SÀNG ĐỐI PHÓ VỚI ÂM MƯU ĐỊCH

1. Triết lý để phát huy khích lệ cách mạng quần chúng đấu tranh chống phản cách mạng, sẵn sàng truy bắt bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xuất hiện

Các cấp ủy, các ngành cần phải tiến hành giáo dục cán bộ, quần chúng một cách thường xuyên sâu sắc. Làm cho quần chúng nhận rõ do những thắng lợi của ta mà kẻ địch điên cuồng liều lĩnh tung gián điệp, biệt kích ra phá hoại miền Bắc, nhưng nhất định chúng sẽ bị thất bại.

Cần phải nêu cao truyền thống đấu tranh anh dũng của quần chúng. Làm cho tất cả mọi người thật sự tin tưởng vào lực lượng của mình, không hoang mang sợ địch. Không chủ quan, sẵn sàng đấu tranh chống bọn phản cách mạng và truy bắt bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xuất hiện.

Cần phải khẩn trương phát động quần chúng bảo vệ trị an đi vào bể sâu. Nhất là những xã trọng điểm. Các cấp ủy xã cần kiểm điểm phong trào ở xã mình và đặt kế hoạch đẩy mạnh phong trào.

Những xã đã phát động bảo vệ trị an vào bể sâu thì phải củng cố và đẩy mạnh phong trào lên cao và thường xuyên hơn nữa.

Những xã chưa phát động cần tiến hành ngay. Trước hết cần tăng cường chỉ đạo, tăng cường cán bộ phát động tốt ở các xã vùng xung yếu, trọng điểm và các xã kém theo kế hoạch của Đảng đoàn Công an đã hướng dẫn.

Trên cơ sở phát động khí thế cách mạng của quần chúng mà giáo dục nâng cao cảnh giác chống âm mưu tung gián điệp, biệt kích của địch làm cho toàn thể nhân dân tích cực sẵn sàng tham gia truy bắt nếu chúng xâm nhập đến địa phương.

2. Xây dựng, kiểm tra, bổ sung và thực tập phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích

Các cấp ủy xã cần kiểm điểm ngay các phương án và xây dựng một phương án thống nhất của cấp ủy xã và được huyện ủy duyệt trong phương án gồm có phần nhận định tình huống địa bàn trọng điểm. Trên cơ sở đó mà có kế hoạch và bố trí lực lượng đối phó với các mặt công tác:

- Kế hoạch giáo dục quần chúng một cách thường xuyên.
- Tổ chức nắm tình hình ở xã về tư tưởng quần chúng, giám sát các đối tượng, phát hiện bọn gián điệp, biệt kích xâm nhập bằng đường bộ hoặc thả dù.
- Kế hoạch truy lùng theo các tình huống đã nhận định.
- Kế hoạch bảo vệ hậu phương.

Khi đã có phương án, cần tổ chức thực tập theo đúng phương án qua thực tập rút kinh nghiệm bổ sung phương án được hoàn chỉnh hơn.

Huyện đội, huyện công an, công an vũ trang có trách nhiệm giúp cấp ủy xã về xây dựng, thực tập phương án xã dưới sự chỉ đạo

của huyện ủy, huyện đội không được tự động tổ chức thực tập xây dựng phương án theo ý riêng không thông qua huyện ủy.

Các cơ quan, công nông lâm trường, xí nghiệp đều phải xây dựng và thực tập phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích và đề phòng kẻ địch tập kích nếu đóng ở xã nào phải liên hệ với xã đó mà lập phương án hợp đồng chiến đấu với xã, khi ở xã thực tập cũng phải tham gia theo kế hoạch chung.

Các cấp ủy huyện, thị xã cần kiểm tra lại các phương án của xã nhất là địa bàn trọng điểm. Cần chỉ đạo tăng cường cán bộ xuống các xã yếu và trọng điểm để tổ chức thực tập, bổ sung phương án từ xã đến liên xã. Riêng cấp ủy cần có phương án thống nhất của cấp ủy, huyện công an, huyện đội, công an vũ trang (nếu có) có trách nhiệm giúp cấp ủy xây dựng trong phương án cần nhận định các tình huống có thể xảy ra (kể cả tình huống xấu nhất), các địa bàn trọng điểm của huyện. Trên cơ sở đó mà đề ra kế hoạch tiến hành công tác phòng và tổ chức lực lượng đối phó với các tình huống, các cơ quan huyện đội, huyện công an, công an vũ trang các ngành có trách nhiệm phục vụ căn cứ vào phương án chung đó mà xây dựng phương án của ngành mình theo sự hướng dẫn của ngành dọc.

Huyện công an có trách nhiệm làm tham mưu cho cấp ủy về công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích, quản lý, theo dõi việc thực hiện phương án của huyện ủy và phương án của cấp ủy xã.

3. Tổ chức theo dõi, nắm vững tình hình một cách kịp thời

Muốn đảm bảo bắt bọn gián điệp, biệt kích được nhanh, gọn, bí mật, tiết kiệm, vấn đề rất quan trọng là phải phát hiện, xác minh và báo cáo kịp thời hiện tượng bọn gián điệp, biệt kích xâm nhập địa phương bằng đường bộ hoặc thả dù. Do đó, cần phải giáo dục tốt cho toàn thể nhân dân và cán bộ thấy rõ nhiệm vụ báo cáo ngay cho cán bộ xã khi phát hiện thấy bọn biệt kích hoặc phi cơ địch hoạt động.

Để việc đối phó được kịp thời, đối phó được nhanh chóng nay quy định tổ chức nắm tình hình như sau:

Tất cả mọi tin tức về tình hình địch, về gián điệp, biệt kích hoạt động của phi cơ địch đều thống nhất do cấp ủy xã nắm.

Khi có hiện tượng nghi gián điệp, biệt kích cấp ủy phải chỉ đạo công an xã tiến hành xác minh. Khi xác minh đúng thì chỉ đạo truy lùng và báo cáo lên trên, cơ quan công an có trách nhiệm hướng dẫn cho công an xã tổ chức mạng lưới cơ sở tai mắt và cách nắm tình hình ở xã.

Cần tổ chức lực lượng dân quân theo dõi phi cơ nhất là ban đêm nếu có hiện tượng thả dù dù một mặt báo động, tổ chức truy lùng một mặt báo cáo lên trên và các xã lân cận để phối hợp. Cơ quan tỉnh đội có trách nhiệm hướng dẫn các xã tổ chức và cách theo dõi hoạt động phi cơ địch.

Cần chấn chỉnh việc nắm tình hình hộ khẩu. Định kỳ tổ chức kiểm tra hộ khẩu bất thường. Công an phải hướng dẫn biện pháp xử lý đối với những tên nghi vấn, giấy tờ không hợp lệ ở nơi khác đến. Cần chấn chỉnh các tổ nhân dân và bảo vệ dân phố và công an xã nhằm làm cho các lực lượng này trở thành nòng cốt nắm tình hình trong phạm vi mình phụ trách, đối với địa bàn trọng điểm cần tăng cường cán bộ trinh sát để tổ chức mạng lưới nắm tình hình.

Đối với huyện, tỉnh tình hình địch thống nhất báo cáo cho công an, tình hình phi cơ thống nhất vào tỉnh đội. Hàng tháng ba lực lượng công an nhân dân, công an vũ trang, tỉnh đội cần họp kiểm điểm nhận định đánh giá tình hình thống nhất ý kiến báo cáo với cấp ủy Đảng. Cơ quan nào nhận được tin tức quan trọng trước cần báo ngay cho cấp ủy và hai cơ quan bạn biết.

4. Hết sức chú trọng cải tạo tốt những người trước kia là tê ngụy, phi theo sáu tiêu chuẩn chỉ đạo, nhằm làm cho họ quyết tâm theo ta chống lại âm mưu của địch. Cần soát lại các đối tượng ở địa phương nhất là các vùng xung yếu và trọng điểm nếu tên nào đủ tiêu chuẩn đưa đi tập trung cải tạo thì phải lập hồ sơ ngay báo

cáo lên trên duyệt. Xúc tiến ngay việc điều chuyển các đối tượng xét ra nguy hiểm, ra khỏi khu vực trọng điểm, nơi hẻo lánh.

Các cơ quan, xí nghiệp, các ngành cần phải đẩy mạnh công tác bảo mật phòng gian trong nội bộ. Nơi nào chưa làm phải tiến hành gấp. Đồng thời, luôn luôn giáo dục cho đảng viên, cán bộ, ngành mình bất kỳ công tác ở đâu đều phải có trách nhiệm phát hiện tình hình báo cáo với cấp ủy. Nếu bọn gián điệp, biệt kích xâm nhập phải phối hợp với địa phương lùng bắt, nhất là các ngành như lâm nghiệp, địa chất, các công trường, v.v..

Đảng đoàn Công an cần xét duyệt ngay số trong diện K.50 để kịp thời đối phó khi tình hình xảy ra.

Đối với gia đìnhh có người đi Nam, Lào cần giáo dục tốt họ về chính sách làm cho họ đồng tình với ta và báo cáo cho ta khi người nhà họ được tung về, công an phải bố trí cơ sở giám sát theo dõi chắc số này nhất là các địa bàn trọng yếu.

5. Các cấp ủy cần tăng cường chỉ đạo, tập trung cán bộ tiến hành giải quyết số hiện còn đang lẩn trốn với tinh thần khẩn trương tích cực hơn. Phải đảm bảo không để bọn này nhập cục với bọn gián điệp, biệt kích hoặc gây phá hoại khi tình hình biến chuyển.

6. Cần củng cố tốt lực lượng dân quân, công an xã, bảo vệ dân phố làm cho lực lượng này trở thành nòng cốt trong công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích.

II. TỔ CHỨC TỐT LỰC LƯỢNG TRUY BẮT BỌN GIÁN ĐIỆP, BIỆT KÍCH KHI CHÚNG XUẤT HIỆN

1. Trường hợp gián điệp, biệt kích xâm nhập bất ngờ (bằng đường bộ hoặc nhảy dù) mà ta phát hiện được sớm cần phải truy lùng gấp bằng lực lượng vũ trang

Ở xã: Muốn truy bọn gián điệp, biệt kích nhanh, gọn là phải huy động được toàn thể nhân dân, lấy lực lượng dân quân và công an xã làm nòng cốt. Việc truy bắt bọn gián điệp, biệt kích là trách

nhiệm chính của xã, vì vậy khi có gián điệp, biệt kích xâm nhập cấp ủy xã một mặt phải huy động toàn dân, chỉ đạo lực lượng dân quân, công an xã truy lùng, một mặt báo cáo hỏa tốc về khu vực, huyện và báo cho các xã lân cận để huy động lực lượng phối hợp. Trong quá trình truy lùng xã, huyện phải đảm bảo báo cáo đều đặn về tỉnh để tỉnh chỉ đạo và báo cáo lên trên.

Lực lượng của xã tổ chức thành hai bộ phận: Một bộ phận bao vây truy lùng do xã đội trực tiếp chỉ huy, một lực lượng làm nhiệm vụ canh gác tang vật của địch, giam giữ can phạm khi bắt được, giám sát các đối tượng, bảo vệ địa phương, chống hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng, lực lượng này do ban công an xã chỉ huy.

Các công, nông lâm trường đóng ở đó và các xã lân cận khi phát hiện địch xâm nhập hoặc được tin báo phải huy động lực lượng phối hợp ngay theo phương án hiệp đồng chiến đấu không cần chờ lệnh của huyện. Khu vực phải cử ngay cán bộ xuống giúp xã chỉ đạo truy lùng.

Ở huyện: Việc chỉ đạo giúp đỡ xã truy bắt bọn gián điệp, biệt kích là trách nhiệm của huyện. Vì vậy, khi nhận được báo cáo của khu vực hoặc của xã, cấp ủy huyện một mặt báo cáo về tỉnh bằng phương tiện nhanh nhất, một mặt họp ban chỉ huy phòng, chống gián điệp, biệt kích huyện nhận định tình hình và bố trí lực lượng giúp xã truy lùng.

- Trường hợp khả năng xã có thể giải quyết được thì cử cán bộ xuống giúp đỡ có tính chất cố vấn mà không thay thế ban chỉ huy truy lùng xã.

- Trường hợp xã không giải quyết nổi cần phải tăng cường lực lượng chỉ viện và huy động các xã phối hợp thì thành lập ngay ban chỉ huy truy lùng gồm có:

+ Đại diện cấp ủy: Trưởng ban trực tiếp làm chủ nhiệm chính trị.

+ Đại diện ủy ban: Ủy viên phụ trách công tác phục vụ và cung cấp.

- + Đại diện huyện đội: ủy viên chỉ huy lực lượng truy lùng.
- + Đại diện công an huyện: ủy viên phụ trách công tác công an.

Nơi nào có công an vũ trang thì thêm một đồng chí trong ban chỉ huy làm ủy viên phụ trách chỉ huy lực lượng truy lùng ở "điểm".

Về lực lượng chi viện sẽ tùy theo tình hình cần thiết mà quyết định.

Trong khi quyết định về lực lượng chi viện phải dự trữ lực lượng đối phó với các toán gián điệp, biệt kích khác được tung về hoặc bọn phản động địa phương lợi dụng cơ hội gây bạo loạn huyện cần có kế hoạch sẵn sàng đối phó khi có tình huống này xảy ra.

Ở tỉnh: Lực lượng chính của tỉnh có nhiệm vụ bố trí ứng phó với các tình huống nghiêm trọng (khi địch thả dù tập trung một trung đội, các địa bàn trọng điểm xung yếu, khi vụ án diễn biến phức tạp, nghiêm trọng mà huyện không thể giải quyết nổi). Vì vậy, khi nhận được báo cáo thường trực phải triệu tập họp ngay, các đồng chí trong Ban Thường vụ, ban chỉ huy phòng, chống biệt kích để nhận định tình hình, phán đoán tình huống và kế hoạch đối phó. Một mặt báo cáo hỏa tốc lên trên và thông báo cho các huyện khác để đề phòng hoặc ra lệnh đối phó với tình huống có thể xảy ra.

Khi cần thiết tỉnh có thể cử một đồng chí cấp ủy hoặc ở trong ban chỉ huy phòng, chống gián điệp, biệt kích xuống làm cố vấn cho ban chỉ huy truy lùng hoặc tham gia vào ban chỉ huy. Các cán bộ và lực lượng được tăng cường về huyện đều dưới sự chỉ huy của ban chỉ huy truy lùng.

2. Trường hợp cơ quan công an nắm được cụ thể tình hình địch và chủ động bố trí kế hoạch đón bắt gián điệp, biệt kích địch sắp tung đến thì người chỉ huy đơn vị công an nhân dân và công an vũ trang làm nhiệm vụ đón bắt gián điệp, biệt kích ở "điểm" (có thể xã hoặc 2, 3 xã) sẽ liên hệ với huyện đội để chọn lọc lấy dân quân tốt, tổ chức và trang bị theo yêu cầu của công an và sử dụng, chỉ huy lực lượng dân quân nơi đó.

Ngoài "điểm" việc chỉ đạo chỉ huy dân quân ở diện thuộc các xã lân cận "điểm" hoặc các khu vực trong huyện tỉnh có liên quan do huyện đội, tỉnh đội và xã đội phụ trách theo kế hoạch chung.

Cơ quan công an nhân dân có trách nhiệm thảo kế hoạch toàn diện thực hiện khi có trường hợp này xảy ra.

3. Trường hợp gián điệp, biệt kích xâm nhập địa phương nhưng đang ẩn náu bí mật thì công an phải chủ trì chịu trách nhiệm bố trí kế hoạch truy tìm, nếu việc truy tìm ở địa phương nào cần có sự hỗ trợ của dân quân địa phương thì cán bộ công an có trách nhiệm công tác tìm liên lạc với đảng ủy xã và xã đội để sử dụng dân quân trong thời gian cần thiết và lâm thời chỉ huy số dân quân tham gia truy tìm.

III. QUAN HỆ CHỈ HUY VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH

1. Ban chỉ huy truy lùng có trách nhiệm trước cấp ủy chỉ huy toàn bộ lực lượng trong phạm vi phụ trách nhằm truy bắt được toàn bộ bọn gián điệp, biệt kích, thu hồi đầy đủ tang vật.

2. Ban chỉ huy phòng, chống gián điệp, biệt kích có nhiệm vụ giúp cấp ủy tương đương hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra cấp dưới thực hiện phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích, khi có biệt kích xâm nhập có trách nhiệm giúp cấp ủy chỉ huy các ban chỉ huy truy lùng trong phạm vi phụ trách và bố trí đối phó với các tình huống xảy ra, huy động lực lượng và các phương tiện tăng cường cho các ban chỉ huy truy lùng.

3. Các ngành

+ **Công an nhân dân:** Nhiệm vụ chính là đấu tranh trấn áp phản cách mạng để bảo vệ Đảng, chính quyền, quân đội, kinh tế quốc dân... phải đấu tranh chống gián điệp, biệt kích bằng mọi biện pháp công khai, lẩn bí mật trước khi chúng đến nước ta, trong

khi chúng đang lẩn trốn cũng như sau khi đã bắt được chúng. Vì vậy, công an có trách nhiệm làm tham mưu cho cấp ủy phải nắm vững mọi tình hình địch để báo cáo với cấp ủy Đảng. Trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình, cơ quan công an có trách nhiệm đề xuất với cấp ủy chủ trương, kế hoạch đối phó từng thời kỳ hoặc khi cấp ủy hỏi thì cơ quan công an phải tổng kết tình hình địch, công tác đối phó của ta để xuất phương hướng đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống gián điệp, biệt kích nêu mức độ cao hơn. Do đó, từ nay mọi tin tức tình hình địch, các nguồn tin về gián điệp, biệt kích đều thống nhất báo cáo về cơ quan công an.

Công an có trách nhiệm quản lý và theo dõi việc thực hiện các phương án của cấp ủy và của các ngành.

+ **Công an vũ trang:** Là lực lượng vũ trang của Đảng và Nhà nước chuyên trách việc hoạt động vũ trang để trấn áp mọi hoạt động của bọn phản cách mạng trong nước và bọn phản cách mạng ngoài nước xâm nhập phá hoại nước ta, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ an ninh biên giới, bảo vệ an toàn cho các cơ sở kinh tế, văn hóa quan trọng lại được cấu tạo rèn luyện theo nghiệp vụ chuyên môn nên có khả năng và phải làm tròn trách nhiệm của mình trong việc hỗ trợ cho dân quân địa phương truy lùng bắt gián điệp, biệt kích ở những nơi chúng xuất hiện và phải nắm chắc tình hình các xã biên giới.

Đối với 2 trại cải tạo của Trung ương, Ban chỉ huy công an nhân dân vũ trang cùng với Ban giám thị thảo phương án cụ thể báo cáo Thường vụ Tỉnh duyệt.

+ **Tỉnh đội và huyện đội:** Muốn công tác phòng và chống gián điệp, biệt kích có kết quả là phải lấy xã làm cơ sở và lấy dân quân tự vệ công an xã làm lực lượng nòng cốt. Dân quân tự vệ có nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích do đó trách nhiệm của tỉnh đội và huyện đội phải tổ chức huấn luyện, chỉ đạo và chỉ huy tốt lực lượng dân quân tự vệ trong công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích.

Cơ quan tỉnh, huyện đội có hệ thống báo phi cơ từ trên xuống dưới và chỉ huy toàn bộ mạng lưới phòng và đối không nên có nhiệm vụ theo dõi toàn bộ hoạt động của phi cơ địch. Tất cả mọi tin tức phi cơ đều báo cáo thống nhất vào huyện đội và tỉnh đội. Do đó cần phải kiểm tra, củng cố mạng lưới phòng không nhân dân và tổ chức tốt việc theo dõi phi cơ ở xã.

+ **Bưu điện:** Có trách nhiệm tổ chức mạng lưới thông tin liên lạc phục vụ. Cần chuẩn bị sẵn sàng một đài ở Ty và chỉ thị cho các đài ở Sa Pa, Mường Khương, Bắc Hà sẵn sàng phục vụ khi có lệnh (kể cả hiệu thính viên), ở Ty luôn chuẩn bị 2 máy điện thoại.

Công an vũ trang sẽ hợp đồng với Ty Bưu điện và có phương án tổ chức mạng lưới thông tin liên lạc từ trên xuống dưới.

+ **Y tế:** Chuẩn bị sẵn sàng đủ thuốc men, bông băng, cáng và cán bộ để khi có lệnh có thể tập trung ngay kể cả cán bộ kiểm nghiệm chuẩn bị sẵn sàng cho số chiến thương.

+ **Lương thực, Thương nghiệp:** Các kho lương thực huyện, khu vực lúc nào cũng phải dự trữ một số gạo, muối cho 500 người ăn trong 7 ngày, chú ý các kho ở những nơi xung yếu như Lùng Phình, Si Ma Cai, Pha Long, Cao Sơn, Mường Hum, Y Tý, Thanh Phú. Phải chuẩn bị đầy đủ các phương tiện vận chuyển đến nơi yêu cầu.

Cơ quan lương thực, thương nghiệp có trách nhiệm cung cấp lương thực thực phẩm trong thời gian truy lùng.

Huyện đội có trách nhiệm cử người giúp Ủy ban làm tổng cung cấp và tổ chức vận chuyển cho toàn lực lượng truy lùng việc tổ chức bếp do Ban chỉ huy truy lùng quyết định.

+ **Ban Tuyên huấn:** Có kế hoạch tiến hành tuyên truyền, giáo dục cho toàn thể cán bộ và nhân dân về cảnh giác cách mạng và động viên tham gia truy bắt bọn gián điệp, biệt kích cần hướng dẫn xã tổ chức tuyên truyền, giáo dục thường xuyên.

+ **Các ngành khác:** Các cơ quan, đoàn thể có cơ sở ở xã như thanh niên, phụ nữ, nông thôn, mặt trận, v.v. đều phải có trách

nhiệm giáo dục và vận động cán bộ, đoàn viên của mình tham gia phòng, chống gián điệp, biệt kích, trong chương trình hoạt động cần ghi rõ và phải định kỳ báo cáo kết quả.

4. Một số quy định cụ thể khi có gián điệp, biệt kích xâm nhập

+ **Công tác tham mưu tác chiến:** Tham mưu trưởng của Ban chỉ huy truy lùng huyện do huyện đội chịu trách nhiệm. Tỉnh đội và công an vũ trang nếu thấy cần thiết cử cán bộ tham mưu xuống giúp đỡ.

Khi thành lập Ban chỉ huy truy lùng tỉnh thì công an vũ trang làm tham mưu trưởng.

+ **Công tác chính trị:** Đồng chí đại diện cấp ủy làm chủ nhiệm chính trị, Tỉnh đội hoặc huyện đội và công an vũ trang (nếu có) sẽ cử trợ lý chính trị giúp việc.

Công tác chính trị phải nhằm động viên tinh thần chiến đấu và giữ bí mật.

Ở ngoài nhân dân sẽ do cán bộ của huyện và xã tiến hành giáo dục vận động quần chúng tham gia truy lùng biệt kích, gián điệp, giám sát các đối tượng, đấu tranh chống phản tuyên truyền, phá hoại của bọn phản động.

+ **Ty Giao thông và lâm nghiệp** luôn sẵn sàng thường trực 2 xe vận tải, khi có lệnh phải tập trung ngay tại địa điểm đã quy định (kể cả lái xe).

+ **Đối với tang vật của gián điệp, biệt kích bắt được trong khi truy lùng.** Cần nghiêm chỉnh chấp hành quy định của Chỉ thị số 20-CT/TU: "Cần thu hồi và giữ gìn cẩn thận toàn bộ vũ khí, điện đài, tài liệu, dụng cụ, v.v. giao cho cơ quan Công an bảo quản để phục vụ cho đấu tranh chính trị".

Cả ba lực lượng dân quân, công an nhân dân, công an vũ trang đều phải giáo dục đến tận cơ sở nhận thức phân biệt chiến lợi phẩm trong chiến tranh và tang vật trong việc truy lùng gián điệp,

biệt kích làm cho mọi người nhận thức đúng đắn để tự giác chấp hành chỉ thị của Trung ương. Cần giáo dục ý thức giữ bí mật và giữ nguyên hiện trạng tang vật trong các lực lượng và nhân dân vì có nhiều vụ án gián điệp, biệt kích cơ quan công an còn giữ bí mật nên đối với tang vật không được để những người không có trách nhiệm xem xét và càng không được phân tán mà trở ngại cho công tác. Khi bàn giao tang vật cho công an phải cẩn có biên bản.

Cán bộ Ty Công an có trách nhiệm bảo quản tang vật, Ủy ban hành chính huyện có trách nhiệm huy động dân công chuyển. Khi chuyển phải ngụy trang, số dân công phải được chọn lọc và giáo dục ý thức giữ bí mật.

Việc sử dụng những tang vật khi cần thiết sẽ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

Vấn đề giam giữ và hỏi cung can phạm:

Những tên biệt kích bắt được phải dẫn ngay đến địa điểm do ban chỉ huy truy lùng đã quy định, địa điểm bố trí cách nơi truy lùng từ 2 đến 5 cây số, khi giam giữ phải đảm bảo không để chúng biết nhau, nếu có cán bộ xét hỏi của Ty Công an thì giao cho cán bộ đó. Việc cảnh giác dẫn giải sẽ do công an vũ trang và dân quân phụ trách theo kế hoạch của cán bộ công an phụ trách xét hỏi.

Việc hỏi cung can phạm có hai giai đoạn: Hỏi cung phục vụ truy lùng tiếp tục trước mắt và hỏi cung để mở rộng sự hiểu biết về địch tình. Chỉ thị số 66-CT/TU quy định: "Việc hỏi cung can phạm phải thống nhất do ngành công an phụ trách".

Trong giai đoạn cuộc truy lùng đang tiếp tục thì cán bộ công an phải hỏi cung gấp vào những vấn đề để phục vụ việc truy lùng và kết quả hỏi cung phải chuyển ngay để Ban chỉ huy truy lùng sử dụng. Trường hợp việc truy lùng đang khẩn trương mà cán bộ công an chưa đến kịp thì việc hỏi cung phục vụ việc truy lùng có thể do cán bộ chỉ huy việc truy lùng tạm thời hỏi các điểm cần thiết trực tiếp cho việc truy lùng, không nên hỏi rộng ra các vấn đề khác, khi có cán bộ

công an đến thì bàn giao lại, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng tham gia truy lùng không được tự ý hỏi cung hoặc tham gia hỏi cung.

Ty Công an có trách nhiệm hướng dẫn nội dung hỏi cung phục vụ truy lùng cho huyện và xã.

- Vấn đề thông báo, tuyên truyền đối với vụ gián điệp, biệt kích xâm nhập địa phương: Các ngành không được tự động thông báo về bọn gián điệp, biệt kích xuất hiện, tình hình truy lùng, kết quả truy lùng, tên, tuổi, chức vụ của từng tên, v.v. phải hết sức tránh để lộ những chi tiết cụ thể có hại cho việc tiếp tục đấu tranh bí mật với địch.

Từ nay các thông báo, báo cáo, các bài tuyên truyền về vụ án đó phải thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ba cơ quan: Công an nhân dân, công an vũ trang và Tỉnh đội cần có phương án hợp đồng chiến đấu của ngành mình và phân công thống nhất việc quản lý phương tiện, quản lý lực lượng để khi điều động không bị lúng túng. Cần chuẩn bị sẵn sàng lực lượng để khi có lệnh có thể lên đường chiến đấu được ngay.

IV. THỜI GIAN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Nhận được Nghị quyết này, các cấp ủy cần họp kiểm điểm và lập phương án, các huyện ủy, thị ủy cần triệu tập các xã, khu phố để phổ biến kế hoạch và tiến hành ngay các mặt công tác. Đối với các địa bàn trọng điểm cần tăng cường bổ sung giúp đỡ cấp ủy xã.

Đến ngày 15-7-1964 các cấp đã phải hoàn thành và báo cáo kết quả về tỉnh.

- Ngày 8 tháng 7 năm 1964 Ban Thường vụ tỉnh sẽ triệu tập các đồng chí Bí thư huyện ủy, thị ủy, các Đảng ủy, các ban, Đoàn thể phổ biến tình hình và giao nhiệm vụ. Tỉnh sẽ tập trung một số cán bộ để tăng cường các khu vực trọng điểm.

- Các cơ quan Tỉnh đội, công an vũ trang, công an nhân dân cử cán bộ xuống các cơ sở để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết.

Ban Thường vụ tỉnh giao cho Đảng đoàn Công an có trách nhiệm giúp cấp ủy theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 16-BC/TU, ngày 22-7-1964
Về tình hình 6 tháng đầu năm 1964**

**I. SẢN XUẤT ĐÔNG XUÂN
VÀ VẬN ĐỘNG KHAI HOANG**

Bước vào năm 1964, Ban Chấp hành tỉnh đã xác định nhiệm vụ kế hoạch nhà nước phải đảm bảo đạt chỉ tiêu tổng sản lượng do Trung ương giao, tập trung vào khâu thâm canh tăng năng suất lúa, tăng mạnh mẽ diện tích chiêm. Đồng thời, chú trọng hoa màu, chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp, mọi ngành mọi cấp phải quán triệt bốn khâu chính là: Lương thực, lao động, lưu thông, phân phôi, xuất nhập khẩu.

Tình hình thực hiện đến nay kết quả như sau:

1. Trồng trọt

Đến nay đại bộ phận đã kết thúc gieo trồng, đang từng bước thu hoạch: Kết quả đạt được về diện tích:

- Lúa chiêm đạt 98% so với năm 1963 tăng 20,7% (299 ha).
- Ngô mới 1 vụ đạt 51% còn vụ ngô tháng 7.
- Khoai lang 1 vụ đạt 19% so với năm 1963 tăng 15%, còn 2 vụ nữa.
- Sắn đạt 58% so với năm 1963 tăng 25% (hết vụ).

- Đao riêng đạt 63% so với năm 1963 tăng 17% (hết vụ).
- Đậu tương mới 1 vụ hè đạt 51%, còn 1 vụ thu nữa.
- Chè đạt kế hoạch 71%, so với năm 1963 tăng 65%.
- Mía đạt 47% so với năm 1963 tăng 3%, còn đang trồng 1 vụ mía thu.
- Đại mạch hạt đạt 120%.
- Thuốc nam đạt 358%.
- Thảo quả đạt 102%.

Số liệu trên đây chưa cộng kết quả tăng gia của cơ quan và xí nghiệp (10 ha lúa chiêm, 1 ha ngô, gần 200 ha sắn, đao).

Năm nay sản xuất đông - xuân chuẩn bị sớm hơn mọi năm, tinh thần lao động sản xuất hăng hái hơn nhiều. Về mặt phấn đấu thực hiện chỉ tiêu, chiêm tuy mới đạt 98% kế hoạch diện tích, nhưng năng suất năm nay rất khả có thể đạt chỉ tiêu tổng sản lượng, nếu so với năm 1963 tăng 20% là 1 cống gắng rất mạnh so với mọi năm trước đây. Còn ngô, khoai lang, đậu tương mới 1 vụ, còn 1 vụ nữa, triển vọng có thể đạt kế hoạch sắn, đao chỉ tiêu năm nay quá cao tăng 100% so với năm 1963 nên không đạt được kế hoạch, phải bù bằng các hoa màu khác. Nhưng cũng còn mặt khác vì trong diện tổ đổi công, có thể năm không chắc, ngay cả xã viên phần làm riêng cũng chưa kê khai, nguồn gốc chủ yếu là còn sợ ba thu, sợ phải ăn độn hoa màu nhiều, vì vậy số liệu trên chưa đủ với thực tế.

Từ sơ kết sản xuất tháng 5 và phát động phong trào mới, với khí thế bước vào cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" tinh thần lấy mùa bù chiêm, tăng diện tích mùa bù cho chiêm còn hụt, bắp tháng 7 bù cho bắp vụ thu, đậu tương thu bù đậu tương hè, mía thu bù mía chính vụ, đẩy mạnh phần chăm sóc cỏ, trừ sâu để giành năng suất khá bù cho diện tích thiếu hụt các chuyên đề rà lại toàn bộ, định lại các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể, tháng thi đua đợt đầu chứng tỏ tinh thần sản xuất càng hăng hái, huyện Sa Pa dự định trồng 19 tấn dây khoai lang đã trồng hơn 47 tấn vượt kế hoạch tỉnh giao 15%. Một tháng làm phân, thanh niên toàn tỉnh

làm được 15.000 tấn góp phần cho phân đĩa bón toàn tỉnh 24.800 tấn, bình quân 1 ha 2,4 tấn đây là một cống gánh lớn nhất từ trước tới nay. Vụ chiêm năm nay do cống gánh sản xuất kết hợp thời tiết tốt nên nông nghiệp đã gặt có nơi đạt 31 tạ/1ha.

Tin tưởng với khí thế cách mạng đang sôi nổi sản xuất, hội nghị Tỉnh ủy mở rộng hạ quyết tâm thể hiện ở Nghị quyết 6 và Nghị quyết 8 của tỉnh, chắc chắn đảm bảo hoàn thành Trung ương giao cả năm 50.510 tấn.

Để khắc phục những nhược điểm tồn tại, trong chỉ đạo nông nghiệp vừa qua thấy mấy vấn đề cần phải chú ý: Chỉ đạo hợp thời vụ, khí hậu thời tiết chưa tốt, giống má chưa phát triển trước nên chuẩn bị còn có thứ lỗ thời vụ, cấy xong việc đốc đạo chăm bón cỏ trà còn lơi lỏng, trồng cây công nghiệp chưa được chú ý giải quyết khẩn trương.

2. Chăn nuôi: Năm nay được chú ý kết hợp trên ba mặt phát triển đàn gia súc, kết hợp bảo vệ gia súc và bảo vệ hoa màu, đại gia súc thì nạn tai dịch, chết rét, chết lúc mới đẻ năm nay chăm sóc có nhiều tiến bộ, nhân tố mới xuất hiện là một số hợp tác xã đã chăn nuôi đàn gia súc tập thể thành công tốt như chăn nuôi trâu, bò, dê ở Lê Lợi, Nậm Lúc, Lao Chải, Thủ Dầu Một, v.v.. Kết quả hiện nay:

- Trâu có 26.404 con đạt 89% kế hoạch cả năm;
- Ngựa có 10.755 con đạt 75% kế hoạch cả năm;
- Bò có 2.464 con đạt 86% kế hoạch cả năm;
- Lợn có 60.255 con đạt 78% kế hoạch cả năm;
- Dê có 2.905 con đạt 59% kế hoạch cả năm.

Nhìn vào kết quả trên, triển vọng trâu, bò có khả năng hoàn thành kế hoạch cả năm. Riêng ngựa không đạt được vì ngựa phân nhiều là ngựa đực, ngựa cái ít, kế hoạch giao không phù hợp thực tế. Riêng về lợn năm nay xảy ra dịch luôn 3 tháng, chết mất gần 3.000 con là loại đĩa lớn, toàn tỉnh chỉ còn 30 xã không dịch. Hiện đang cố giải quyết giống nhưng giống ở xuôi lên không phù hợp

thời tiết khí hậu, dù tích cực cũng chỉ đạt kế hoạch đầu lợn, còn trọng lượng không thể đạt kế hoạch, từ con lợn con mà 6 tháng nữa không thể đảm bảo tất cả trở thành lợn thịt tiêu chuẩn được. Dê mới nuôi tập thể năm đầu nhưng giá cả chưa phù hợp lăm, nên quần chúng chưa phát triển mạnh.

3. Vận dụng 2 năm làm thủy lợi. Cuộc vận động này đề ra được quần chúng hưởng ứng. Đã bước đầu xây dựng quy hoạch ở những trọng điểm trung thủy nông, đẩy mạnh được phong trào làm tiêu thủy nông cho những lao động nhàn rỗi, kết quả 6 tháng làm được:

- Kế hoạch định cả năm làm 15 công trình trung thủy nông: Đã thi công được 13, làm xong 5 công trình, tiêu thủy nông vừa sửa chữa cũ và làm mới được 908 mương, 11 đập, 101 phai, 38 ao hồ.

- Khối lượng đào đắp được:

171.000 m³ đất: 83% kế hoạch cả năm.

10.330 m³ đá: 86% kế hoạch cả năm.

- Nhân công huy động được:

166.000 công: 52% kế hoạch cả năm.

Kết quả thủy lợi đã tưới nước trên diện tích cho: Chiêm 1.591 ha giữ độ ẩm chống xói mòn cho nương đồi hoa màu, cây công nghiệp 1.931 ha, tưới ruộng bậc thang 114 ha, dùng bơm nước suối tưới trên 200 ha.

Năm nay là năm đầu tiên thí điểm thủy điện nhỏ đã thành công 1 thủy điện 5 kW ở Mường Hum, đang tiến hành thủy điện ở Hang Vai và chuẩn bị tiến hành ở Mường Khương, Bắc Hà thủy điện từ 50-80 kW.

Công tác thủy lợi còn nhược điểm quan trọng nhất là trình độ khảo sát, đo lường, tính toán, thiết kế chưa tốt nên để ra nhiều lãng phí trong xây dựng, chất lượng công trình chưa đảm bảo, sử dụng lao động trên công trường chưa ăn khớp, công tác chính trị trên công trường quá yếu (có nơi làm xong vỡ, có nơi thi công dở cũng phải ngừng, có nơi đang làm hoãn lại).

4. Trồng rừng: Từ đầu năm tới nay tập trung nhiều đợt lớn, nhất là Tết Nguyên đán, đã trở thành tết trồng cây, năm nay nghị quyết của Ban Chấp hành đã chuyển biến lớn đổi với ngành lâm nghiệp, chuyên đề việc trồng rừng, tu bổ, quản lý rừng cho quần chúng làm.

Nhân dân trồng 218.000 cây các loại quy ra được 350 ha trầu, và 150 ha cây ăn quả.

Lâm nghiệp quốc doanh trồng cây đạt 69%, tu bổ rừng đạt 152%, nuôi rừng đạt 75%, cải tạo rừng đạt 525% so với kế hoạch cả năm.

Một cố gắng rất lớn về trồng cây, trồng rừng, tu bổ rừng, nhưng bên cạnh đó còn nhược điểm khá quan trọng là bảo vệ rừng để cỏ, phát nương còn nhiều, phá những đặc sản thiên nhiên còn nặng, thậm chí cả lâm nghiệp cũng chặt phá màng tang, bảo vệ những cây đã trồng chưa tốt, việc chỉ đạo ươm giống, chỉ đạo việc trồng cây nhằm loại có hiệu quả kinh tế, trồng có quy hoạch, chưa có hướng dẫn đến nơi đến chốn nên dân tự trồng theo cảm tính là chính.

5. Giao thông vận tải nông thôn. Vận tải 5 tháng qua đã có cố gắng thực hiện kế hoạch vận tải của quốc doanh ôtô đạt gần 50% kế hoạch cả năm, đã khai thông được xe lớn đi Bắc Hà - Lào Cai cũng là cố gắng lớn.

- Năm nay đã thành lập được hợp tác đoàn thuyền góp phần cho việc vận tải đường sông Lào Cai - Bát Xát.

Đường nông thôn 6 tháng đã huy động tới 12.600 nhân công của dân, kết quả đạt được: Sửa chữa và làm được mới xã và liên xã hơn 60 km. Sửa chữa và làm đường mới huyện hơn 40 km. Bắc lại cầu dài 26 m. Bước đầu lập quy hoạch đường nông thôn của 10 xã vùng thấp.

Tuy có cố gắng, nhưng đối với nhu cầu thực tế vẫn không đáp ứng nổi yêu cầu, nhiều khâu bế tắc của giao thông vận tải chưa giải quyết được: xe thiếu so với kế hoạch, bảo quản xe không tốt,

đường sá xấu, xe đã ít lại hay hỏng, thực hiện kế hoạch đường sá chỗ cần thì lại không tập trung lại dàn đều, cầu cống, đường sá làm mới chất lượng không đảm bảo, các phương tiện chính của nông thôn chưa cố gắng đúng mức phát triển được.

6. Vận động khai hoang. Cuộc vận động khai hoang với tinh thần nghị quyết của Ban Chấp hành tỉnh đề ra trên hai mặt: Khai hoang bằng mỏ ruộng nương bậc thang là một công tác chiến lược quyết định định canh định cư, thâm canh tăng năng suất vùng cao. Vận động đồng bào miền xuôi lên khai hoang xây dựng kinh tế miền núi coi đó là một nhân tố tạo ra lực lượng sản xuất mới ở nông thôn miền núi có ý nghĩa cả kinh tế, chính trị, quốc phòng.

Kết quả: 6 tháng đã đưa từ xuôi lên 388 hộ, gồm 3.087 nhân khẩu, so với kế hoạch cả năm đạt 54% cộng cả số lên cuối năm 1963 là 2.135 hộ gồm 12.540 nhân khẩu.

Số lên đã xen kẽ vào địa phương là 47 hợp tác xã, số lập riêng 29 hợp tác xã. Nói chung đã đi vào ổn định sản xuất, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, củng cố dân quân, tự vệ, xây dựng chi bộ, cỗ vũ lẫn nhau học tập văn hóa.

Làm ruộng bậc thang 6 tháng qua đã làm được 133 ha, tuy còn ít, đây là bước đầu rõ ràng là phương pháp đúng đắn hợp lý để phát triển sản xuất, củng cố hợp tác xã ở vùng cao đi vào định canh định cư vĩnh viễn, thâm canh tăng năng suất chống phá rừng, khắc phục xói lở, v.v..

Trong vấn đề đồng bào xuôi lên cũng để ra một loạt vấn đề mới phải giải quyết như: Lẻ tẻ có chuyện chạy theo buôn bán trao chác.

- Hiện tượng bán con từ công khai trở thành bí mật, con gái dưới xuôi lấy lẽ dân tộc địa phương, hoặc con gái 17, 18 lấy trên 40 tuổi.

- Việc học tập văn hóa thiếu trường, thiếu thầy.
- Quan hệ đoàn kết dân tộc ở nông thôn cũng cần giải quyết.
- Cá biệt có nơi đồng bào công giáo mới lên muốn lập nhà thờ, bọn địa chủ, chỉ điểm cũng lên gây rắc rối một vài nơi.

Trong vấn đề lãnh đạo làm ruộng bậc thang phải đặc biệt coi trọng khâu thủy lợi, phân bón để đảm bảo năng suất, gây tư tưởng ngay thời gian đầu, vụ đầu trong quần chúng.

Phòng khai hoang là tham mưu giúp tỉnh phát hiện vấn đề và chỉ đạo cụ thể thì năng lực còn quá yếu kém nên cách giải quyết còn nhiều chậm chạp, nên diện khoanh vùng khai hoang 1.500 ha, 6 tháng mới khai hoang được 200 ha.

II. CỦNG CỐ XÂY DỰNG ĐỔI CÔNG HỢP TÁC XÃ VÀ VẬN ĐỘNG CẢI TIẾN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

+ Vấn đề củng cố đổi công, xây dựng củng cố hợp tác xã từ thực tế tổng kết công tác năm 1963 tỉnh coi là phải hành động cấp thiết khẩn trương, mấu chốt của vấn đề củng cố nông thôn đặc biệt nhấn mạnh giải quyết tư tưởng hai con đường: Đến học tập Nghị quyết 9 càng nhìn rõ nhược điểm hữu khuynh mập mờ đường lối giai cấp ở nông thôn nhất ở dưới cơ sở. Do đó, toàn Đảng bộ đã có nhiều quyết tâm, đến nay phong trào đã khá hơn cuối năm 1963.

- Tỷ lệ nông dân vào hợp tác xã cuối năm 1963 có 48% nay đã lên tới 59%. Phong trào hiện nay phân loại có 129 hợp tác xã loại khá, 228 hợp tác xã loại trung bình, 106 loại yếu. Phong trào đổi công có chiều hướng khá hơn trước, toàn tỉnh hiện có 358 hộ gồm 1.515 hộ.

- Qua tổng kết các hợp tác xã tiên tiến của tỉnh chứng tỏ phong trào hợp tác xã tuy mới chiếm 59% nhưng đang phát huy tác dụng đẩy mạnh sản xuất, làm thủy lợi, làm phân, cải tiến công cụ, làm ruộng bậc thang. Phong trào thi đua có tổ chức đã bắt đầu có 24 đội sản xuất đăng ký xây dựng đội lao động tiên tiến và 80 hợp tác xã đăng ký thi đua "Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng".

- Trong thực tế củng cố xây dựng phong trào hợp tác hóa còn nhược điểm quan trọng nhất là mấy vấn đề: Quản lý lương thực chính,

lao động đóng góp vào hợp tác xã. Phương hướng sản xuất cho từng hợp tác xã, vấn đề ba khoán, đây là nhiệm vụ hiện nay nhiều cán bộ thậm chí cả huyện và Ban Nông nghiệp của Tỉnh ủy còn nhiều lúng túng. Tư tưởng hữu khuynh mới là bộc lộ ra, còn về giác ngộ sâu sắc đấu tranh triệt để chưa mạnh, nơi nào hiện nay phong trào trì trệ thì đúng là nơi đó tư tưởng hữu khuynh còn nặng.

+ Cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Thí điểm của tỉnh trong ba hợp tác xã ở Quang Kim huyện Bát Xát đến nay đã tổng kết xong ở xã, rút ra thực tế ở thí điểm này, thấy kết quả là:

- Xây dựng được phương hướng sản xuất rõ ràng của hợp tác xã.

- Bước đầu xây dựng và đã thực tế từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã.

- Quản lý lao động có hợp lý hơn nên số ngày công góp cho hợp tác xã và giá trị ngày càng tăng rõ rệt.

- Quản lý tài vụ nhất là về mặt thu nhập, phân phối có chuyển biến mới.

Thấy rõ phải tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ với hợp tác xã là rất cần thiết vì đó là cách thực hiện triệt để đường lối giai cấp ở nông thôn hiện nay.

Một số thành tích đạt được ở thí điểm chứng tỏ việc cải tiến quản lý hợp tác xã phù hợp với yêu cầu xây dựng phát triển kinh tế: sau khi định được phương hướng sản xuất đã đưa diện tích canh tác tăng 5%. Hệ số sử dụng ruộng đất 1,6 lên 1,85. Chăn nuôi trâu tăng 16%, lợn tăng 82%. Có triển vọng năm nay giá trị tổng sản lượng trong nông nghiệp có thể tăng 37%. Hoàn thành quy hoạch thủy lợi năm nay đã đảm bảo 90% diện tích cày cấy có nước tưới không bị hạn, có cơ sở chắc cho năm 1965 tuổi tiêu khoa học, diệt hạn toàn bộ diện tích. Phân năm 1962-1963 mới bón trên 2 tấn cho 1 ha, năm nay đã chuẩn bị đủ trên 4 tấn/ha; giống lần đầu tiên đã dành riêng 3.3 ha gieo trồng theo phương pháp đơn giản ba tốt, đã thí nghiệm trên 34% tổng diện tích cây nông nghiệp 1,

lục mào, triển vọng thu hoạch rất khá. Cải tiến công cụ đã sử dụng quạt hòm, xe quét, máng kéo phân, sân phơi, nhà kho, trục lăn, bừa sắt, cây cải tiến có hiệu quả năng suất cao. Đầu tư lao động vào sản xuất tập thể tăng hơn năm trước 59% bình quân lao động chính trên 200 một năm, giá trị ngày công từ 1,05 lên 1,30. Thu nhập phân phối tăng khá nhanh, bình quân 37% so với năm 1963.

Những kết quả ấy thực tế có ảnh hưởng tốt đến xung quanh, nhiều nơi đề nghị cải tiến. Hiện nay đang chuẩn bị tổng kết ở tỉnh. Tỉnh đã chủ trương nhân rộng thí điểm đợt 2 của tỉnh ở một số hợp tác xã vùng cao, 1 hợp tác xã vùng thấp và 1 hợp tác xã vùng giữa, tuy tình hình đòi hỏi khẩn trương, cấp thiết nhưng thực tế chưa có nhiều kinh nghiệm ở mỗi vùng khác nhau, nên cần phải thí điểm đợt 2 rút kinh nghiệm cho tốt, nhất là thí điểm cải tiến hợp tác xã ở vùng cao. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đặt vấn đề quyết tâm nhưng phải hết sức kiên nhẫn thận trọng chắc chắn.

III. CÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ BA XÂY BA CHỐNG

1. Công nghiệp: Tư tưởng chỉ đạo năm nay đề ra là phấn đấu nhằm chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, năng suất cao, đặc biệt công nghiệp địa phương phải tích cực phục vụ nông nghiệp, khắc phục tư tưởng đầu năm thong thả, cuối năm vội vã.

Qua 6 tháng phấn đấu toàn ngành công nghiệp quốc doanh ở địa phương của tỉnh góp lại đạt kế hoạch cả năm 43,0%, so với cùng thời gian năm 1963 tăng 4%, cả công nghiệp quốc doanh địa phương và thủ công nghiệp 6 tháng đạt kế hoạch 54,3% kế hoạch cả năm, tăng hơn 6 tháng năm 1963 là 13%. Công nghiệp trung ương ở địa phương có ba cơ sở thì hai cơ sở vượt kế hoạch, tình hình chi tiết các cơ sở đạt kế hoạch giá trị tổng sản lượng 6 tháng như sau:

- Ty Công nghiệp địa phương đạt 104%.
- Bưu điện đạt 112%.

- Lâm nghiệp đạt 120%.
- Kiến trúc đạt 93%.
- Mỏ apatít đạt 100%.
- Nhà máy điện đạt 106%.
- Đoàn địa chất 5 đạt 93%.
- Các cơ sở sản xuất thuộc Ty Thương nghiệp đạt 32% kế hoạch cả năm.

Một số cơ sở không đạt kế hoạch như gạch, ngói phải đợi thi công nên gạch ngói đọng lại, vì không có vốn quay, công nhân sản xuất cầm chừng, đường mòn thiếu kỹ thuật, vận tải mía về nhà máy không kịp; dầu xuất khẩu mua rẽ pơ mu kém, đồ gỗm không có hướng tiêu thụ (gạch, ngói, may mặc, gỗm là những cơ sở đạt thấp nhất từ 32 - 35% kế hoạch cả năm).

2. Công nghiệp phục vụ nông nghiệp năm nay có sự cố gắng và chuyển biến mới. Ty Công nghiệp, Ty Kiến trúc, Ty Giao thông đã cử cán bộ công nhân xuống hợp tác xã để thí điểm công cụ đã mang lại kết quả có tác dụng thực tế như sau:

Cày 51 tờ trước đến cuối năm 1963 nông dân sử dụng có 705 chiếc, 6 tháng năm 1964 đã sử dụng thêm 242 chiếc tăng 34%. Bừa sắt sử dụng trước có 1.722 cái, 6 tháng qua đã sử dụng thêm 1.230 cái tăng 44% cào có răng sắt sử dụng trước có 5.106 cái, 6 tháng qua sử dụng thêm 4.458 cái tăng 87%. Xe quét có bánh sử dụng trước có 132 cái, 6 tháng sử dụng thêm 362 cái tăng 273%. Sân phơi từ cuối năm ngoái và 6 tháng qua đã làm 26 cái. Một số nơi đã dùng quạt hòm, trực lăn.

Sự chuyển biến này là do các ngành đã cố gắng đi xuống hợp tác xã nghiên cứu cải tiến mẫu mã, quy cách, phẩm chất, đồng thời có sự hợp tác của Ty Nông nghiệp biết tổng kết tuyên truyền cách sử dụng công cụ mới như Hợp tác xã Xuân Quang dùng 90 bừa sắt đã lợi ra 200 công một vụ, hợp tác xã vẫn có 1 sân phơi lợi ra 240 công và tiết kiệm 8 tạ thóc trong một vụ, so với trước kia đậm phơi thóc bằng trán cốt. Hiện nay, khả năng sản xuất ra không kịp,

sân phơi cần nhiều, nông cụ sản xuất ra cũng không còn ứ đọng nhiều như trước, các cửa hàng tư liệu lại thiếu công cụ, nhiều nơi muốn mua quạt hèm nhưng không vận chuyển đến được.

3. Thủ công nghiệp: Toàn ngành thủ công nghiệp giá trị tổng sản lượng đạt 61,5% kế hoạch cả năm, so với 6 tháng năm 1963 tăng 23%.

Chuyển biến mới là một số nghề phát triển như vôi, gạch, nề, mộc thủy tinh. Đặc biệt, ngành chế biến chất bột năm nay được phát triển ở một số nơi như Sa Pa, Phố Lu, Sơn Hải, Bảo Nhai, nhiều nơi đã bán miến tự do. Sa Pa còn thí nghiệm sản xuất cả miến khoai tây, đậu mèo kết quả. Tổng số sắn chế biến ở các cơ sở tập trung được 300 tấn sắn tươi, thành 8 tấn miến, 10 tấn mạch nha, các loại sản phẩm thủ công sản xuất bán cho thương nghiệp tăng gấp ba lần 6 tháng năm 1963.

Phong trào chế biến gia đình cũng đẩy mạnh toàn tỉnh chế biến trên 500 tấn sắn tươi, bán cho Nhà nước trên 70 tấn sắn khô.

Thực tế sắn tươi tuy thống kê trên diện tích thì thấy số lượng năm 1963 có tới 7.000 tấn, nhưng chế biến chỉ khoảng 10% còn là ăn tươi, phần lớn bán cho đồng bào lèn khai hoang, một phần tư tưởng quần chúng cũng muốn lưu niêm lại để dự trữ cho chăn nuôi, vì đào dỡ chế biến bán giá quá rẻ, sắn khô lại khó bảo quản, vận chuyển mang đi bán xa xôi.

4. Phong trào thi đua trong công nghiệp và cơ quan

Phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa biểu hiện nhất là việc xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, từ sau Đại hội tổng kết của tỉnh và gần đây ý thức thi đua mới bước vào cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai đến nay đã có 357 tổ ghi tên đăng ký phấn đấu, đại bộ phận đã xây dựng được chương trình hợp lý hóa sản xuất, tác dụng đã biểu hiện trên ý thức xây dựng con người mới, 6 tháng qua có 188 tổ có chương trình hợp lý hóa sản xuất, đã đưa 209 vấn đề áp dụng vào sản xuất có hiệu quả kinh tế, góp phần đẩy mạnh thực hiện kế hoạch.

Vấn đề thi đua được đẩy mạnh năm nay có chuyển biến mới là từ sau Đại hội tổng kết của tỉnh các cấp lãnh đạo đã có nhận thức mới, tình trạng khoán trống công tác thi đua cho công đoàn đã giảm bớt, đúng là lãnh đạo bắt tay vào việc thì phong trào quần chúng chuyển biến.

5. Vận động ba xây ba chống: Thực hiện Nghị quyết 83 của Trung ương, nhiệm vụ tỉnh đề ra cho năm nay là phát huy tác dụng thí điểm đã làm đợt 1 và mở rộng thí điểm đợt 2 trong một số đơn vị.

Với hai đơn vị thí điểm đợt 1 năm 1963 đã tổng kết, đến nay vẫn trên đà phát huy tác dụng thực tế đã tiến hành sửa chữa từng bước theo phương án đã xây dựng như vận động xây dựng chương trình hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến kinh doanh tài vụ, tiếp tục giáo dục ý thức làm chủ xây dựng chi bộ bốn tốt. Riêng Mỏ apatít có một số vụ kỷ luật từ cuộc vận động lớn đến nay vẫn tồn tại. Công nghiệp địa phương chuyển biến tốt hơn là ý thức phục vụ nông nghiệp.

Các đơn vị thí điểm đợt 2, sau khi quan hệ với các Bộ, các ngành chủ quan chủ quản của Trung ương tham góp ý kiến nên chỉ tiến hành ở ba cơ sở là Ty Thương nghiệp, Ty Kiến trúc, chi điểm ngân hàng. Tới nay Ty Kiến trúc và Ty Thương nghiệp đã hoàn thành bước chuẩn bị và bước vào bước 1 của cuộc vận động. Chi điểm ngân hàng đang chuẩn bị gấp để hết tháng 7 cùng chuyển vào bước 1.

Tuy mức độ chuyển biến khác nhau, nhưng mỗi cơ sở đều đã chuyển biến bước đầu.

Ty Thương nghiệp phục vụ dịp Tết Nguyên đán có tốt hơn, đã thu hồi một số lớn nợ dây dưa từ lâu được trên 40.000 đồng. Thu hồi hàng ứ đọng được 5.000 đồng. Đã rút được 15 cán bộ ty bổ sung cho các cơ sở, cửa hàng ăn ở thị xã 6 tháng này triển vọng phấn đấu không lỗ, đã ký hợp đồng hai chiều.

Ty Kiến trúc sắp xếp lại hợp lý hóa bộ phận thiết kế, khâu quản lý vật liệu chặt chẽ hơn, lần đầu tiên cử các cán bộ xuống hợp tác xã phục vụ sân phơi tốt, sự lãnh đạo của ty đã sâu sát cơ sở hơn trước.

Chi điểm ngân hàng đã sắp xếp lại bộ máy giao dịch với khách hàng, đã đi sâu nghiên cứu giải quyết việc cho vay vốn nông nghiệp và thủ công nghiệp 6 tháng này tăng gấp đôi cả năm 1963.

Cuộc vận động đang tiếp tục nhưng vấn đề nói lên chính là tư tưởng sợ mất chức quyền, sợ ảnh hưởng uy tín cá nhân, ở diện lãnh đạo ty thì phổ biến; đây vẫn là điểm tiếp tục giải quyết thông suốt mục đích yêu cầu cuộc vận động. Nói chung quần chúng thì phấn khởi, cán bộ thì lo lắng.

Triển vọng từ nay đến cuối năm sẽ hoàn thành xong ba đơn vị trên và tiến hành gối tiếp vận động ở Ty Lâm nghiệp, Ty Lương thực, Nhà máy điện, Đoàn 5... khó khăn nhất hiện nay diện càng mở rộng thì cán bộ của ban vận động lại càng thiếu.

IV. CÔNG TÁC TÀI MẬU

Toàn bộ công tác tài mậu nay chú trọng nhất là thu mua lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh kiểm tra phân phổi đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, nắm chắc nguồn hàng để đẩy mạnh sản xuất phát triển, kiên quyết chống tham ô lăng phí giảm phí lưu thông, cố gắng thu, tiết kiệm chi, 6 tháng kết quả là:

1. Thu mua: Tổng giá trị thu mua đạt 39% kế hoạch cả năm so với 6 tháng năm 1963 tăng 50%, phân tích chi tiết như sau:

- Mua lương thực lúa, ngô vẫn là tiếp tục của vụ mùa năm 1963 kết quả vượt kế hoạch Trung ương 23%. Nhưng nếu tính riêng năm 1964 thì mới đạt 25% kế hoạch cả năm, vì chiêm hiện nay mới bắt đầu gặt, sắn, ngô chỉ đạt 33%, khoai chỉ đạt 81% của 6 tháng.

Mua hàng của công nghiệp địa phương và thủ công đạt 56% kế hoạch cả năm (các loại rượu, đường mật, đồ gang, miến, bạch nha gấp bốn lần so với 6 tháng năm 1963).

- Mua thực phẩm các loại thịt hơi mới đạt 20% kế hoạch cả năm (lợn 18%, bò 13%, trâu 22%).

- Mua nông sản và lâm đặc sản như đậu tương 9%, chè 39%, rẽ pơ mu 40% kế hoạch cả năm.

Tuy vậy, so với cùng thời gian năm 1963 tăng khá: sắn tăng 32%, khoai tăng 6%, thịt lợn hơi tăng 88%, đậu tương tăng gấp năm lần.

- Mua hàng xuất khẩu mới đạt 35% kế hoạch cả năm, tổng số có 24 loại thì 4 loại vượt, 8 loại không đạt, 2 loại chưa mua được ít nào (tre cây, ván sàn) loại hàng địa phương mua để giao ngay cho cửa khẩu địa phương mới đạt 15%.

Nguyên nhân thu mua đạt kế hoạch còn yếu, một phần chưa đến vụ thu mua (lúa, dâu màng tang, đồ tương, thuốc nam, hạt rau). Mặt khác, ý thức thu mua chưa mạnh, phương pháp thu mua chưa tốt.

2. Bán ra: Tổng giá trị lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội đạt 50,3% kế hoạch cả năm, tăng hơn 1963 là 13% chi tiết của khâu bán ra như sau:

- + Tư liệu phục vụ nông nghiệp đạt 51,8% cả năm.
- + Dược phẩm đạt 60,0%.
- + Nội thương bách hóa đạt 50,0%.
- + Lương thực đạt 64,5%.
- + Phát hành sách báo đạt 31-37%.

Nhìn vào bán ra thấy lương thực vượt kế hoạch bán khá cao vì thực tế do nhu cầu mới khi cân đối kế hoạch đề cập chưa đúng mức nên vượt lên, như trại cải tạo khai hoang, công nhân thêm của giao thông, v.v. kế hoạch xây dựng từ 576 tấn lên 925 tấn. Bán gạo cho nông dân thiểu ăn năm nay so với cùng thực hiện thời gian năm 1963 cũng giảm đi 88 tấn.

Khâu phân phối năm nay có nhiều tiến bộ nhưng nói riêng ngành lương thực việc chấp hành chính sách còn nhiều tùy tiện, phần nào còn hạn chế sản xuất phát triển, như cấp phát cho diện khai hoang, vùng trồng cây chuyên canh, ngựa thồ, thủ công, v.v. còn nhiều phản ứng chưa tốt. Khâu lăng phí mất mát lương thực còn

xảy ra trầm trọng, riêng một cửa hàng Bát Xát mất 5 tấn thóc, 4 tấn gạo, 1 tấn ngô không có lý do.

3. Quản lý thị trường: Từ sau Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành tỉnh đến nay hoạt động của quản lý thị trường được đẩy mạnh, sự phối hợp hoạt động có tiến bộ. Một số tiểu thương tự phát cuối năm 1963 nay đã vận động trở về sản xuất nông nghiệp trên 200 người. Giá cả so với năm 1963 thì ổn định, riêng giá rau xanh bình quân giảm xuống từ 0,12 xuống 0,10, gần đây một số như gà, cá, vịt tăng lên chút ít.

Đáng chú ý khâu quản lý thị trường hiện có tình trạng phạt tiền mua thuốc phiện từ khi mới trồng (Bắc Hà), đặt mua thóc non, bán thóc gạo bí mật (ở Bảo Thắng, xung quanh thị xã Lào Cai và Cam Đường).

4. Tài chính: Thu đạt 50% kế hoạch cả năm (đó là cộng cả số thu năm 1963 còn lại). Nếu riêng của năm 1964 thì thu đạt rất thấp. Thu đạt thấp là thu ở các xí nghiệp quốc doanh bị đọng lại, tất cả các đơn vị quốc doanh đều dây dưa, bán khoán lâm sản còn thất thu nhiều, chính là chức năng đốc thu và bám sát hàng hóa quá yếu.

Chi đạt 42% kế hoạch cả năm, chậm nhất ở khâu kiến thiết cơ bản mới chi khoảng 37% kế hoạch cả năm, vì khảo sát thiết kế vừa chậm vừa không đúng kỹ thuật nên ảnh hưởng lớn đến thi công nhất là giao thông và thủy lợi. Tổng chi mới đạt 42%, nhưng thực hiện khối lượng mới đạt 33%. Chi về huấn luyện cũng quá yếu, các trường lớp đều chiêu sinh ít kết quả. Chi kiến thiết cơ bản như vậy biểu hiện quá chậm chạp, ảnh hưởng lớn đến việc đưa công trình vào sản xuất. Mặt khác, tình trạng lãng phí lớn, ngành xây dựng cơ bản đều xảy ra thiết kế sai, tính nhầm, chưa đi làm lại, đang làm phải hoãn, dự toán thiếu phải tăng thêm, v.v. chính là bộ máy nghiên cứu kiến thiết cơ bản của tỉnh chưa được kiện toàn, kỹ thuật chuyên môn không có, các lực lượng xây dựng kiến thiết cơ bản ở các ty thì phân tán mạn.

5. Ngân hàng: Thu đạt 103% kế hoạch 6 tháng, chủ yếu là thu bán hàng, còn thu nợ, thu tiết kiệm không đạt kế hoạch.

Chi đạt 102% kế hoạch 6 tháng, chi về thu không đạt vì thu mua yếu. Riêng chi cho vay vượt 21% đây là cho vay sân phơi, khai hoang. Còn cho vay thực hiện thủ công chưa tốt, mới đạt 32% kế hoạch cả năm.

Tổng quát toàn bộ công tác tài mậu thuẫn hiện soi lại bằng đồng tiền thì thấy: Thu mua đạt thấp hơn bán ra, nhưng so với năm 1963 thì tốc độ thu mua vượt cao hơn bán ra. Thực tế trong thu mua có nhiều khả năng cần đề cao ý thức thu mua ở các cấp các ngành. Thu chi tài chính, thu đạt cao hơn chi, nhưng thu góp cả số còn lại năm 1963, thu ở khâu quốc doanh và bán khoán lâm sản xuất yếu, chi yếu nhất khâu kiến thiết cơ bản có ảnh hưởng lớn đến đầu tư vào cơ sở vật chất và kỹ thuật của kinh tế quốc dân, chi vào huấn luyện quá yếu cũng nói lên đầu tư vào lĩnh vực tư tưởng kỹ thuật chuyên môn yếu. Ngân hàng thu đạt cao hơn chi nhưng thu ở khâu phải vận động thuyết phục thì kết quả rất ít, chi cho vay thủ công còn yếu chi cho vay làm sân phơi tuy đã vượt kế hoạch nhưng cần thiết vẫn phải tăng hơn nữa.

V. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH TRỊ AN, XÂY DỰNG LỰC LUỢNG

1. Tiến hành cuộc bầu cử đã tuyên truyền giáo dục tương đối chu đáo, thông qua cuộc bầu cử có nâng cao thêm một bước về ý thức giác ngộ của quần chúng đối với việc củng cố xây dựng chính quyền. Kết quả toàn tỉnh đạt 99,79% cử tri tham gia bầu cử, trong nông thôn cử tri đi bầu cử càng cao, nhiều xã vùng cao đạt 100%. Toàn huyện Bắc Hà đạt 100% đi bầu cử. Nhưng ngược lại khu Mỏ apatít nơi tập trung đông nhất, có phương tiện đầy đủ nhất mà chỉ đạt trên 87% cử tri đi bầu cử, nói chung phiếu bầu cử đều tập trung, ứng cử viên trúng cử đại biểu thấp nhất 73%, đại biểu đạt cao nhất đạt 97,7%.

2. Qua học tập Nghị quyết 9 của Trung ương, Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành tỉnh, tổng kết thi hành Nghị quyết 39 trong 2 năm qua tổng kết công tác trị an toàn tỉnh, các cấp, các ngành đã thúc đẩy đến tư tưởng chủ quan, hữu khuynh, mất cảnh giác. Hiện nay, phong trào bảo vệ trị an đang đi vào bế tắc, khí thế cách mạng của quần chúng, tinh thần cảnh giác không ngừng được nâng lên.

3. Sáu tháng qua phong trào bảo vệ trị an toàn diện đã được tiến hành ở 25 xã, cộng thêm 35 xã thực hiện năm 1963. Như vậy, còn 50% nữa từ giờ tới cuối năm phải hoàn thành, đó phải là cố gắng rất lớn.

- Trị an xã hội nói chung còn xảy ra nhiều, nhưng về mặt phát hiện, xác minh đã cố gắng giải quyết.

4. Thanh toán phi còn lại, đã gọi hàng 4 phi lẩn trốn, thu 1 súng trường, 1 tiểu liên, tiêu diệt tên Tô A Va đầu sỏ ngoan cố lẩn trốn từ lâu.

5. Bọn tề, phi cũng chưa chịu cải tạo, bọn phản cách mạng hoạt động lén lút, nhiều tên đã bị quần chúng vạch mặt, quần chúng đã đề nghị đưa đi cải tạo 51 tên, tỉnh duyệt 31, trung ương duyệt có 29.

6. Công tác phòng, chống biệt kích đang được đẩy lên mạnh mẽ, nhất là sau vụ xử án bọn biệt kích ở Phú Nhuận, đã có tác dụng làm tăng thêm tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu nhất là các xã thuộc địa bàn trọng điểm đã lập được phương án phòng, chống biệt kích, toàn tỉnh gồm có 100 xã thực tập theo phương án, có nhiều xã thực tập tới 2-3 lần, nhưng việc thực tập còn sơ sài, chưa toàn diện.

7. Các xí nghiệp 6 tháng qua không xảy ra sự cố lớn, về tai nạn lao động tương đối được an toàn.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ trên, cũng còn những vấn đề tồn tại cần phải khắc phục như sau:

- Những vụ xử án chính trị còn tồn tại nhiều, hiện nay còn 22 vụ chưa xử. Vì sự phối hợp điều tra lập hồ sơ, sự quan hệ chức năng giữa

các cơ quan công an, kiểm sát, tòa án, công an vũ trang quá nặng nề, còn ảnh hưởng tư tưởng tác phong máy móc của luật pháp tư sản (nhất là đối với kiểm sát) có tư tưởng pháp chế độc lập, tách rời chính sách, nghị quyết của Đảng, không tôn trọng ý thức cách mạng của quần chúng, thoát ly không nắm được tình hình thực tế, lơi lỏng với kẻ địch, buông trôi với bọn xấu. Sự phối hợp của cấp huyện giữa công an và huyện đội vẫn còn va vấp nhau trong công tác.

- Việc xét duyệt năm nay làm còn chậm, chất lượng lập hồ sơ còn thấp, tình trạng huyền, xã thì tha thiết muốn đưa đi cải tạo, nhưng tinh không đủ hồ sơ chứng lý để xét duyệt.

Nguyên nhân công tác trị an chưa thỏa đáng với yêu cầu, nhất là đối với công tác đánh địch, chủ yếu là tư tưởng hữu khuynh còn nặng, đã thấy hữu khuynh ở đây, tuy chủ trương thì có nhưng cách kiểm tra, cách giải quyết tận gốc, triệt để của Tỉnh ủy đối với các ngành làm nhiệm vụ chuyên chính vô sản chưa nghiêm khắc.

- Phòng không nhân dân. Công tác này Tỉnh ủy nhận thức rất khẩn trương, từ khi có chỉ thị của Trung ương đã được tuyên truyền giáo dục từ trên xuống dưới nhiều lần Tỉnh ủy đã bàn và có chỉ thị nhiều lần.

Đến nay các cơ quan, công trường, xí nghiệp, thị trấn, thị xã đã có phương án phòng không, gần đây Trung ương có chỉ thị về đối phó với âm mưu mới của địch, phong trào càng rầm rộ thôi thúc hơn. Tuy nhiên, tư tưởng chủ quan, ngại khó của cán bộ lãnh đạo vẫn còn, việc chuẩn bị có làm nhưng nhiều nơi còn cẩu thả, ở nông thôn một số nơi chưa giải thích đến nơi đến chốn có phần hoang mang. Đi vào chuẩn bị cụ thể cũng có khó khăn như đào hầm hố ở những nơi công cộng, chợ búa, nhà ga, trường học, bệnh viện, kho tàng lớn lại để ra một số chi tiêu lớn.

8. Xây dựng lực lượng thường trực và hậu bị.

Giáo dục chính trị song song với huấn luyện quân sự cả trong lực lượng thường trực và hậu bị, lực lượng vũ trang trong lĩnh vực giáo dục chính trị nhằm lấy tinh thần cách mạng chiến thắng hòa

bình cầu an ngại khó, tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, chiến thắng chủ quan tê liệt mất cảnh giác, kết quả cụ thể như việc làm 6 tháng qua là:

- Huấn luyện chính trị được 991 cán bộ xã đội, đã củng cố tổ chức được 97 xã đạt 78%, kế hoạch cả năm, các B mạnh ở huyện đều được củng cố.

Công tác tuyển binh năm nay đã đạt kết quả vượt kế hoạch cả năm về số lượng và chất lượng, việc giao quân nhanh gọn.

Phong trào thực hiện thi đua trong lực lượng thường trực và hậu bị toàn tỉnh đã có 36 đơn vị ghi tên đăng ký phấn đấu giành danh hiệu đơn vị tiên tiến và quyết thắng.

Công tác xây dựng lực lượng năm nay so với năm ngoái thì tốc độ nhanh, nhưng so với tình hình chung còn chậm, yêu cầu nhiệm vụ chưa đáp ứng, đặc biệt công tác lãnh đạo động viên chính trị và kết hợp công tác trung tâm để xây dựng lực lượng còn yếu, vì vậy cần thiết các cấp ủy phải quan tâm tới, nắm chắc lực lượng nhất là lực lượng hậu bị trong nông thôn và xí nghiệp, Tỉnh đội phải chủ động mạnh mẽ hơn nữa.

VI. SỰ NGHIỆP VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Công tác giáo dục

Năm nay tổng kết công tác giáo dục chia ra vùng cao và vùng thấp khác nhau: Vùng cao tổng kết nghỉ vụ đông đã khai giảng từ tháng 4, vùng thấp thị trấn, thị xã tổng kết dịp hè, kết quả tổng kết các lớp các vùng như sau:

- Thanh toán mù chữ: Có tiến bộ hơn năm ngoái nhiều cả về chỉ số huy động và thực hiện mãn khóa, 6 tháng qua thanh toán 560 người, công tác thanh toán nạn mù chữ khá là vì diện học chữ Mèo được mở rộng (trên 1.000 người tham gia học văn hóa chữ Mèo).

- Phổ thông cấp I:

+ Lớp vỡ lòng huy động đạt 105%, chất lượng đưa lên lớp 1 kế hoạch định tỷ lệ 39%, thực tế đạt 50%.

+ Phổ thông cấp I huy động đạt 102% so với năm 1963 tăng 29%, chỉ tiêu tốt nghiệp kế hoạch định tỷ lệ 80% thực tế thực hiện đỗ 89% (so với năm 1963, chất lượng thi tỷ lệ có 73%).

+ Các lớp ở vùng cao sau nghỉ đông đã khai giảng, lớp vỡ lòng huy động vượt năm 1963 là 0,33%, phổ thông cấp I vượt năm 1963 là 22%. Một hình thức tương đối thích hợp ký túc xá và nửa ký túc xá đã xây dựng kết quả 25 trường, còn 14 trường nữa đăng ký phần đấu, bình quân các trường ký túc xá 40 em, đột xuất mới có 60 em, có trường tăng gia tự túc được một phần lương thực cho các em. Phong trào giáo dục vùng cao nói chung khá nhất là Sa Pa, trường ký túc xá thì khá nhất Bát Xát, yếu nhất Mường Khuông.

- Phổ thông cấp II: Chỉ số huy động đạt 98%, tăng hơn niên học trước 6,7%, thi cử kế hoạch định tỷ lệ 80% thực tế đạt 84% (năm 1963 có 75%).

- Phổ thông cấp III: Huy động đạt 93%, tăng hơn năm 1963 là 18% thì lớp 10 kế hoạch định tỷ lệ 90% nhưng thực tế đạt 63%, nếu thi thì cũng chỉ đạt kế hoạch 80%.

- Bổ túc văn hóa: Chỉ số huy động chỉ đạt 85% kế hoạch. Riêng chỉ tiêu bổ túc văn hóa tập trung của cán bộ xã đạt 25% kế hoạch so với 6 tháng năm ngoái cũng sụt hơn.

Tình hình giáo dục năm nay vùng cao, phổ thông cấp I, vỡ lòng tiến bộ vượt lên, chất lượng thi cử đều vượt kế hoạch (trừ thực hiện lớp 10), trong thi cử học sinh dân tộc có nhiều tiến bộ: thí sinh dân tộc cấp II đỗ 100%, cấp III đỗ 71%, thanh toán nạn mù chữ cũng có nhiều cố gắng nhất là phong trào học chữ Mèo, yếu nhất là bổ túc văn hóa, thanh toán mù chữ diện cán bộ xã vẫn còn yếu.

2. Công tác y tế: Chất lượng năm nay có chuyển biến mới, bình quân điều trị của bệnh nhân từ 11 ngày năm 1963 nay 9 ngày,

tỷ lệ tử vong 1,5% năm 1963 nay 1,3%. Hai bệnh nguy hiểm ở vùng núi đã giảm xuống với tỷ lệ thấp nhất so với trước tới giờ: ho gà năm 1963 là 2.254 em, nay là 145 em, tỷ lệ tử vong của bệnh này năm 1963 là 8%, nay là 3%; ỉa chảy năm 1963 là 335 em, nay là 133 em.

Năm nay đã cố gắng giải quyết điều trị ngoại trú tốt, số ngoại trú cao hơn năm ở huyện là 7%.

Một cố gắng đáng kể là đã phun thuốc diệt muỗi trong toàn tỉnh trên 17 tấn thuốc và tiêm phòng tả một đợt được 17.000 người gây được tin tưởng trong quần chúng.

Yếu nhất của y tế là sử dụng, bồi dưỡng vệ sinh viên, y tế xã lập tủ thuốc ở xã, đào tạo thì nhiều nhưng về xã không hoạt động.

3. Phong trào văn hóa quần chúng, từ sau hội diễn ở tỉnh đến nay phong trào được sôi nổi hơn: năm 1963 có 12 đội văn nghệ nay lên 19 đội, toàn tỉnh các đội văn nghệ nghiệp dư lớn nhỏ có 400 đội, có đội đã lên sân khấu ở tỉnh, lên Bộ và lên Trung ương biểu diễn, nội dung gắn với thực tế nên cổ vũ được thi đua sản xuất.

Những cố gắng của hoạt động văn hóa 6 tháng qua như mở lớp chèo cho công trường xí nghiệp, tổ chức câu lạc bộ cho học sinh, trại hè cho thiếu nhi, hội diễn dân quân, mở lớp cải tạo mo then, đẩy mạnh phong trào thơ ca, viết báo chí.

Yêu cầu của ngành văn hóa vẫn vị trí cổ động thông tin nội dung cổ động hình thức cổ động còn quá nghèo nàn, chưa phát huy được tính năng động của quần chúng, của cơ sở, hình thức cổ động bề ngoài khô khắt, yếu ớt, thiếu sôi nổi.

VII. CÔNG TÁC ĐẢNG

1. Công tác tư tưởng: Nghị quyết công tác tư tưởng của Bộ Chính trị, Nghị quyết 9, báo cáo chính trị của Hồ Chủ tịch, chỉ thị cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai, chỉ thị đổi phô với âm mưu mới của địch, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1964,

và Nghị quyết 6, Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy là những văn kiện học tập chính trong 6 tháng qua.

Chủ đề giải quyết tư tưởng nhằm: gây một chuyển biến sâu sắc mạnh mẽ về tư tưởng, xây dựng ý thức làm chủ, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa, khắc phục tư tưởng chủ quan hữu khuynh mất cảnh giác, bi quan, ngại khó, bảo thủ, cá nhân chủ nghĩa. Xác lập trong mỗi người tinh thần cần kiệm tự lực cánh sinh, sẵn sàng chiến đấu, quyết chiến quyết thắng, để quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1964 một cách toàn diện vững chắc, thiết thực ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam giành mau chóng thống nhất Tổ quốc.

Ngay từ đầu năm việc tuyên truyền giáo dục đảng viên và quần chúng liên tục có từng đợt kế tiếp phát huy được khí thế cách mạng nhất là từ khi có chỉ thị của Trung ương đề ra cuộc phát động thi đua mới, phong trào càng sôi nổi dồn dập.

Nhưng kết quả biểu hiện có tính chất tập trung từng đợt như:

- Ngay từ đầu bước sang năm mới đã huy động toàn dân ra đồng sản xuất làm thủy lợi, làm ruộng bậc thang, có nơi như Bắc Hà, Mường Khương có ngày đã huy động tới 4, 5 nghìn người.

- Đợt vận động tiết kiệm rầm rộ như Bắc Hà, Quang Kim, Y Tý, Nam Cường, v.v. thành phong trào tiết kiệm dành thóc, gạo, thịt mang bán cho Nhà nước để công nghiệp hóa nước nhà, có nơi như thiếu nhi Cam Đường dành tiền ăn quà gửi vào quỹ tiết kiệm tới trên 600 đồng. Tháng tiết kiệm toàn tỉnh đã thu mua lương thực vượt kế hoạch trên 400 tấn, tiết kiệm ủng hộ đồng bào miền Nam được trên 68.000 đồng.

- Đợt trồng cây toàn tỉnh đóng góp đáng kể rất lớn vào việc trồng cây gây rừng, Mường Khương 18.000, Bắc Hà 15.000, Sa Pa 12.000, các cơ quan, xí nghiệp đều tham gia có ý thức, toàn tỉnh trồng 218.000 cây các loại.

- Đợt làm thủy lợi huy động nhân dân lúc nhàn rỗi, cán bộ và công nhân cùng tham gia từng đợt, vừa làm thủy lợi, giao thông

thôn bản toàn tỉnh huy động tối 178.000 công (chưa kể cơ quan công nhân tham gia).

- Đợt làm phân chỉ tính 1 tháng thanh niên đã huy động làm được 15.000 tấn phân (1 tháng làm bằng cả 6 tháng đầu năm).

- Đợt trồng màu thay thế vụ sau bù vụ trước thiếu hụt, huyện Sa Pa 1 tháng đã trồng gần 15 tấn khoai lang.

Phong trào thực hiện thi đua xã hội chủ nghĩa đưa vào tổ chức 6 tháng qua vượt hẳn lên so với năm trước như: Tổ lao động xã hội chủ nghĩa năm 1963 mới có trên 100 nay lên 357 tổ, phong trào phụ nữ đã từ con số 0 nay có 355 người đăng ký năm tốt, nhiệm vụ tiên tiến và quyết thắng của lực lượng thường trực và hậu bị đã có 35 đơn vị đăng ký phấn đấu. Trong nông nghiệp 24 đội sản xuất đăng ký xây dựng đội lao động tiên tiến, 80 hợp tác xã đăng ký phấn đấu giành bốn cao điểm, xây dựng chi bộ bốn tốt đang đẩy mạnh.

- Việc sẵn sàng chiến đấu cảnh giác với âm mưu địch hâu hết các nơi đã có phương án phòng không, phòng, chống biệt kích, đã tiến hành thực tập gây được khí thế mạnh mẽ trong quần chúng.

- Phong trào hợp tác xã đã duy trì chấm dứt tình trạng tan vỡ đang có xu thế đi lên.

Phong trào thi đua nói chung cả ở xí nghiệp, nông thôn đặc biệt năm nay thi đua ngay trong Đảng, đích thân các cấp ủy làm thi đua đang sôi nổi hướng vào các cao điểm đã đề ra để phấn đấu.

Tuy vậy, vấn đề tuyên truyền giáo dục đối với tư tưởng hữu khuynh, cá nhân chủ nghĩa, bảo thủ, tự do tản漫 mới là liên hệ bộc lộ còn phê phán có tình có lý, cách giải quyết cho thỏa đáng tận gốc triệt để, mạnh mẽ, thì chưa đều.

Vấn đề tuyên truyền giáo dục khai hoang, xuất khẩu còn yếu, không những quần chúng chưa thấy được vấn đề, mà cả ngay cán bộ, nhân viên trực tiếp làm nhiệm vụ này vẫn ngại khó, thiếu quan điểm quần chúng, chấp hành chính sách còn nhiều sai lệch.

2. Học tập nghị quyết 9: Nghị quyết 9 là một đợt học tập tuy lớn nhất trong mấy năm gần đây, đến nay các cơ quan, công trường,

xí nghiệp tinh và huyên căn bản học xong cả trong Đảng và quần chúng đạt 94% số người tham gia học tập (gần 10.000 người). Riêng đảng viên nông thôn hiện nay đang học.

Kết quả nhận thức tuy trình độ có khác nhau, nhưng chung lại thấy rõ sẵn sàng lực lượng ta địch, hai phe. Phân biệt hai đường lối, hai quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin với chủ nghĩa xét lại hiện đại. Thấy được nguồn phát sinh của chủ nghĩa xét lại và tác hại của nó.

Tỏ rõ thái độ nhất trí với Trung ương về đường lối, quan điểm và thái độ đấu tranh của Đảng, biểu thị, phán khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ý thức trách nhiệm của mỗi cấp, mỗi người được nâng thêm một bước với cuộc đấu tranh cách mạng mới, đã liên hệ bộc lộ những tư tưởng hữu khuynh mất cảnh giác, tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tự do tản漫. Những sự bàn tán xôn xao, hoài nghi, hoang mang lo lắng hoặc bàng quan trước kia đã được đẩy lùi.

Tuy nhiên, còn có cá biệt một số nơi còn tồn tại nổi lên là ở Mỏ apattít, vấn đề tồn tại xoay quanh mấy điểm:

- Quần chúng ngoài Đảng khi xem phim chủ nghĩa xét lại (có giải thích) nhưng vẫn ca tụng nghệ thuật cao, phim có nhiều tình tiết tâm lý không khô khan, công thức.

- Trong Đảng còn 2 bí thư chi bộ sau khi học tập vẫn còn thắc mắc nói thảng:

+ Khorútxốp quá Titô, thái độ Đảng ta nói thì như tả, nhưng thực tế rụt rè yếu ớt.

+ Vẫn cho rằng Liên Xô chủ trương Đảng toàn dân, nhà nước toàn dân là đúng, vì không còn giai cấp.

+ Không công nhận phe xã hội chủ nghĩa đang là nhân tố quyết định của phong trào cách mạng thế giới hiện nay, vì phe xã hội chủ nghĩa chưa mạnh hẳn, lại có chủ nghĩa xét lại.

+ Vẫn còn nghi ngờ đường lối cách mạng miền Nam trước đây là sai.

Nói chung các ngành tuy trong học tập đã bộc lộ liên hệ nhưng chưa sâu sắc, ngành kinh tế, quản lý thị trường, quân sự thì liên hệ tốt hơn, riêng văn hóa, giáo dục liên hệ, còn quá chung chung, việc kiểm soát chưa chuyển biến.

3. Công tác chi bộ: Chi bộ toàn tỉnh 6 tháng này tăng thêm 22 chi bộ (hiện có 279, còn 5 chi bộ ghép).

6 tháng qua công tác chi bộ được chú ý hơn, từ cuối năm 1963 tới nay tính cả hai lần sơ kết công tác tổ chức, chủ yếu là công tác xây dựng chi bộ. Những gương điển hình về chi bộ bốn tốt được tham khảo học tập ở các cuộc sơ kết của tỉnh. Hầu hết các chi bộ nông thôn và công trường xí nghiệp cơ quan đã tham khảo kinh nghiệm của chi bộ X40, kết quả việc xây dựng chi bộ đã làm được một số việc như sau:

- Phát triển đảng 6 tháng qua có thêm 365 đồng chí. Riêng nông thôn phát triển được 84 đồng chí (số đảng viên hiện có 390 đồng chí). Nhìn chung việc phát triển vẫn quá chậm, qua 6 tháng còn 82 chi bộ chưa phát triển được một đảng viên nào.

Xây dựng chi bộ bốn tốt đến nay đã có 79 chi bộ đăng ký phấn đấu, chi tiêu hướng phấn đấu chi bộ bốn tốt ở nông thôn có triển vọng mạnh hơn cơ quan, huyện Bắc Hà, Mường Khương ghi vào kế hoạch quyết tâm năm nay xây dựng 60% số chi bộ bốn tốt, đây là một sự chuyển biến có quyết tâm mới.

Trong công tác chi bộ thực chất còn một số cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ vị trí quan trọng của xây dựng chi bộ là vấn đề quyết định củng cố nông thôn, vai trò cốt yếu xây dựng cơ sở kinh tế và cơ quan, nên việc phát triển đảng còn hẹp hòi ngại khó cho rằng vướng mắc về thủ tục, thể thức giấy tờ vì ở nông thôn đối tượng kết nạp không biết chữ, ở cơ quan xí nghiệp thì cho rằng không có người đi thẩm tra lý lịch. Xây dựng chi bộ bốn tốt thì cầu toàn với tiêu chuẩn chung chung, ngại khó lanh đạo quần chúng, cho rằng chi bộ bốn tốt, phải có công đoàn bốn tốt, thanh niên vững mạnh thì khó quá, khó nhưng chưa bắt tay vào làm cứ kêu khó, cá biệt có

nơi chưa bàn bạc gì về chi bộ bốn tốt lần nào với đảng viên. Công tác giáo dục điều lệ cho đảng viên, cử cán bộ chủ chốt ở xã đi dự lớp tập trung ở tỉnh, huyện theo hệ thống Trường Đảng thời gian qua chưa làm được. Chính vì vậy, từ ở chi bộ, lý luận, quan điểm, lập trường chưa có cơ sở để giải quyết tư tưởng hữu khuynh, cá nhân chủ nghĩa trong việc giải quyết hai con đường, sản xuất nhiều kê khai ít. Làm cho cá thể nhiều hơn làm cho kinh tế tập thể, không muốn tập thể quản lý lương thực 100%.

Trong công tác xây dựng Đảng giữa việc tuyên truyền giáo dục với tổ chức hành động là hai mặt của 1 vấn đề chưa kết hợp chặt chẽ được với nhau, còn tách rời từng mảng.

4. Công tác kiểm tra trong Đảng

Sáu tháng qua xử lý 30 vụ án kỷ luật, đã có tác dụng góp phần đẩy mạnh ý thức sinh hoạt dân chủ kỷ luật nội bộ, ý thức chấp hành chính sách nhất là chính sách dân tộc, chính sách chỉ tiêu tài chính.

Vấn đề kiểm tra kết hợp với công tác tổ chức và tuyên huấn là ba mặt của công tác xây dựng Đảng còn yếu, nên việc ngăn trước ngừa sau, phòng bệnh hơn chữa bệnh còn chưa tốt. Mặt khác, kiểm tra về mặt thi hành chỉ thị, nghị quyết công tác trước mắt còn yếu. Có chi bộ 2 năm không thi hành Nghị quyết 39. Có huyện nhiều chỉ thị hỏi đến đều nói là không nhận được, nhưng thực tế ở văn phòng cất đi, cấp ủy không đọc, v.v..

VIII. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH CHUNG VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY 6 THÁNG QUA

Thực hiện nhiệm vụ 6 tháng qua tổng quát là:

- Trong công nghiệp địa phương toàn ngành so với kế hoạch cả năm đạt 54,3%. Nhóm A đạt 46,5%. Nhóm B đạt 61,3%. Tăng hơn 6 tháng năm 1963 là 13%. Các loại sản phẩm công nghiệp phục vụ

nông nghiệp đạt 68,66% kế hoạch cả năm. Sản phẩm phục vụ tiêu dùng tăng hơn 6 tháng năm 1963 là 47%. Riêng về thủ công nghiệp tỷ lệ đạt kế hoạch so với cả năm và tốc độ tăng hơn 6 tháng năm 1963 cũng cao hơn công nghiệp quốc doanh như đạt kế hoạch năm 61,51%. Tăng hơn 6 tháng năm 1963 là 23%. Đó là sự chuyển biến nhíp nhàng rất mới với hoàn cảnh Lào Cai.

- Trong nông nghiệp diện tích cây trồng tăng rất mạnh so với năm trước, chiêm từ 1.469 ha lên 1.768 ha, tăng 20% so với kế hoạch tuy chiêm diện tích mới đạt 98%, nhưng năng suất rất khả có khả năng đạt kế hoạch tổng sản lượng. Một số chỉ tiêu khác như ngô, đậu tương, khoai lang, mía tuy chưa đạt kế hoạch nhưng so với năm 1963 đã tăng từ 3 đến 15% và còn gieo trồng 1 vụ nữa. Sắn và đao riêng chưa đạt kế hoạch, diện tích vì một phần kẽ khai chưa hết, một phần giao chỉ tiêu cũng quá cao, nhưng cũng có triển vọng lấy hoa màu khác bù. Các loại đặc sản như thuốc nam, thảo quả, đại mạch vượt kế hoạch từ 2% đến 200%. Đây là sự tăng về diện tích trồng trọt vượt bậc so với tất cả mọi năm trước đây.

- Chăn nuôi 6 tháng đã đạt kế hoạch 75% cả năm. Nghề rừng vượt kế hoạch cả khai thác, vận chuyển, tu bổ, trồng rừng. Thủy lợi năm đầu tiên thực hiện được với một khối lượng lớn về tưới nước, giữ độ ẩm, chống xói mòn, và cũng là năm đầu tiên thí nghiệm thành công thủy điện nhỏ ở nông thôn.

- Khai hoang đã bước đầu khoanh vùng, có phương hướng, ổn định sản xuất được số đồng bào xuôi lên yên cư lập nghiệp, đồng bào rěo cao đã tỏ rõ tư tưởng định canh định cư để tăng vụ thâm canh tăng năng suất.

- Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đã chấm dứt tình trạng tan vỡ, đang có xu thế đi lên, đang phát huy tác dụng của lực lượng sản xuất của kinh tế tập thể trong phát triển sản xuất, làm phân, cải tiến công cụ, làm ruộng bậc thang, thu mua làm nghĩa vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- Công tác giáo dục đã đánh thức vào những yếu điểm của những năm cũ, đúng mục tiêu là lớp võ lòng, phổ thông cấp I, thanh toán mù chữ, hoặc bằng chữ dân tộc, chất lượng thi cử đều đạt vượt yêu cầu.

- Lưu thông phân phối: Mua và bán thu tiền mặt so với năm ngoái mua tăng 50%, bán tăng 13%, kế hoạch thu chi cân đối tiền tệ, tài chính thu đạt 50%, chi đạt 42% kế hoạch cả năm. Ngân hàng thu đạt 103%, chi đạt 102% kế hoạch 6 tháng.

- Công tác trị an: Biên giới, nội địa, an toàn sản xuất, an toàn lao động được đảm bảo ngày càng củng cố và nâng cao.

- Thi đua xã hội chủ nghĩa đã trở thành phong trào quần chúng có tổ chức, trong công nghiệp, nông nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp, trong Đảng, cán bộ lãnh đạo đều toát ra khí thế mới đang vươn lên, như phong trào tổ lao động xã hội chủ nghĩa, phụ nữ năm tốt, thanh niên thi đua Điện Biên - Ấp Bắc, phong trào xây dựng đội tiên tiến và quyết thắng. Phong trào thi đua giành bốn cao điểm trong nông nghiệp, phong trào xây dựng chi bộ bốn tốt... Các điển hình đang được nhân ra trở thành phổ biến. Có được những thành tích có tính chất chuyển biến về cơ bản trên là do những nguyên nhân sau đây:

1. Đường lối, chính sách đúng đắn của Trung ương thể hiện từ Nghị quyết 5, nghị quyết phát triển kinh tế miền núi, Nghị quyết 8 và Nghị quyết 9, những nghị quyết đó đã thấm dần đến các cấp lãnh đạo ở bên dưới và đến quần chúng. Mới đây cuộc phát động thi đua mỗi người làm việc bằng hai do Hồ Chủ tịch đề xuất có tác dụng vĩ đại thôi thúc được tình cảm cách mạng phát huy khí thế, truyền thống cách mạng trong mọi tầng lớp nhân dân dân tộc. Đó là một yếu tố được phát huy trong cả một quá trình liên tục.

2. Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã bám chắc được tinh thần cơ bản của các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Trung ương cụ thể 6 tháng qua Tỉnh ủy đã xoay quanh ba cuộc vận động toát lên công tác trung tâm lớn nhất là thực hiện kế hoạch nhà nước.

Trong kế hoạch nhà nước từ tập trung bốn khâu chính, hợp tác xã nông nghiệp và chi bộ bốn tốt. Khi nghiên cứu áp dụng vào hoàn cảnh địa phương Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã đi sâu bàn và ra nghị quyết từng chuyên đề có phân công cá nhân phụ trách, có định thời gian thực hiện, như 6 tháng qua đã bàn các chuyên đề về: khoanh vùng kinh tế làm ruộng bậc thang, tăng vụ vùng cao, công tác thủy lợi, kiểm tra quản lý phân phối lương thực, cải tiến công cụ, phát triển thủ công và chế biến chất bột, chăn nuôi, xây dựng tổ lao động xã hội chủ nghĩa, ba xây ba chống, cải tiến quản lý hợp tác xã, xây dựng chi bộ bốn tốt, phòng không nhân dân, phòng, chống biệt kích, giáo dục vùng cao, cao trào thực hiện thi đua mỗi người làm việc bằng hai, v.v.. Mặt khác, trong khi lãnh đạo phong trào, Tỉnh ủy chú trọng công tác tư tưởng đồng thời khi phong trào xuất hiện nhân tố mới đã biết đề lên tham khảo, học tập, làm theo và nhân lên, tạo mọi điều kiện cho nhân tố được phát triển rộng ra.

3. Yếu tố tự nhiên là năm nay thời tiết có thuận lợi, các cơ sở kinh tế bản thân đã có tích lũy kinh nghiệm thực tế về kinh nghiệm từ trước.

Tuy vậy 6 tháng qua cũng thấy còn những nhược điểm lớn tồn tại:

- Chỉ đạo nông nghiệp nhất là chỉ đạo về mặt thời vụ, về mặt giống má, về mặt chăm sóc khi gieo trồng còn chưa đạt, nhiều lúc còn lơi lỏng, trồng cây công nghiệp như mía chưa thật chú ý.

Trong chăn nuôi thì nuôi lợn còn khó khăn lớn là kỹ thuật chăn nuôi tập thể chưa đảm tránh được tai dịch, khi xảy ra dịch cách giải quyết chưa khẩn trương; nuôi ngựa phát triển sinh sản chưa đề cập đúng mức.

Khâu giao thông vận tải, nhất là vận tải nông thôn, các phương tiện vận tải địa phương săn có như ngựa thồ, trâu thồ chưa phát triển được. Chính sách lương thực để khuyến khích các đoàn ngựa thồ, săn có lực lượng ngựa thồ nông nhàn chưa được

nghiên cứu giải quyết. Ty Giao thông chịu trách nhiệm trước tỉnh ủy về vấn đề này thì trách nhiệm còn quá yếu.

Vấn đề thu mua, nhất là mua nông sản xuất khẩu, thực tế thì có nhưng chưa mua được, chủ yếu là ý thức tư tưởng của ngành thu mua chưa đề cao, còn sai lầm nhiều về quan điểm chính sách khi thực hiện thu mua như thái độ mua hàng, bán hàng có thuởng, ngay cả các nguồn hàng trong công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp cũng có rất nhiều nguyên liệu, sản xuất thị trường thì cần nhưng khâu thu mua chưa khởi được nguồn hàng, chưa phát triển được sản xuất, thường cứ tắc lại ở khâu thu mua.

Vấn đề sử dụng vốn kiến thiết cơ bản còn quá chậm chạp và còn để xảy ra lãng phí nghiêm trọng, lãng phí ngay từ khi khảo sát thiết kế đến thi công.

Vấn đề đào tạo cán bộ nhất là cán bộ cho cơ sở, cho kinh tế còn yếu, 6 tháng qua không chiêu sinh được, vấn đề này không sớm được khắc phục thì lý luận, quan điểm của cán bộ sẽ cùn đi, tình hình trì trệ, phong trào còn kéo dài.

Vấn đề giải quyết tư tưởng hai con đường, vấn đề quản lý lương thực chính chưa mạnh, chưa triệt để và cũng chưa sâu, chưa đều, cái cản trở và vướng mắc nhất là tư tưởng hữu khuynh cá nhân chủ nghĩa mới chỉ là sơ bộ bộc lộ, chưa đề cập lên quan điểm lập trường ý thức giai cấp để giải quyết. Đặc biệt, hữu khuynh trong công tác đánh địch, trong việc xử trí với những trường hợp vi phạm pháp luật, vi phạm chính sách, cái cản trở ở đây là ảnh hưởng tác phong của pháp luật tư sản, tư tưởng pháp luật độc lập tách rời tình hình thực tế, thiếu quan điểm quần chúng, nơi mắc nhất hiện nay là Viện Kiểm sát có trường hợp còn tách rời cả sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương.

Sở dĩ còn có những nhược điểm lớn, đứng về phía lãnh đạo của tỉnh mà nói là do tác phong tuy vậy vẫn chưa sâu, có phân công trách nhiệm nhưng thực chất trách nhiệm cá nhân chưa cao, còn nhiều tự ty,ỷ lại vào tập thể, cá nhân đứng trước trách nhiệm

chưa thật mạnh bạo chủ động khẩn trương, khi kiểm tra đôn đốc cấp dưới cũng còn rụt rè nể nang hữu khuynh nội bộ.

Vai trò chính quyền tuy đã có củng cố nhưng chưa thực chất ở vị trí thực hiện, đôn đốc chưa mạnh, từ trên xuống dưới vẫn xô vào bên Đảng nhiều hơn, trong chính quyền khâu còn nhiều vấn đề tồn tại vẫn là khâu kinh tài và khâu chuyên chính vô sản.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 17-BC/TU, ngày 10-8-1964
Về tình hình công tác tháng 7-1964

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Về sản xuất nông nghiệp trong tháng 7 hết sức khẩn trương, vừa gieo trồng các chỉ tiêu vụ mùa như lúa ruộng, lúa nương, vừa thu hoạch lúa chiêm, bắp, các cây công nghiệp (đỗ tương) cây đặc sản (hạt rau, màng tang, v.v.). Rút kinh nghiệm các năm qua và thực tế 6 tháng đầu năm Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời (giáo dục tư tưởng chuẩn bị phương tiện giống má, v.v.). Tăng cường kiểm tra đôn đốc qua các phong trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai đã làm chuyển biến tư tưởng các ngành, các cấp, từ trong ra ngoài, từ trên xuống đến cơ sở nên đã xoay quanh cao điểm phấn đấu, tập trung lực lượng lãnh đạo cho cán bộ xuống cơ sở tập trung đẩy mạnh thu hoạch và sản xuất ở xã, hợp tác xã đã động viên tất cả mọi tầng lớp tham gia phấn đấu trong lúc thời vụ khẩn trương với tinh thần thi đua tháng cao điểm và tuần lễ cao điểm, lấy thành tích góp phần xây dựng xã hội chủ nghĩa miền Bắc và vì sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam ruột thịt. Do đó mà đạt kết quả tốt không những về mặt sản xuất nông nghiệp mà các mặt công nghiệp, thương nghiệp, v.v. cũng có nhiều chuyển biến tốt.

Riêng về nông nghiệp đạt kết quả cụ thể như sau:

A. Thu hoạch chiêm

Diện tích chiêm năm nay tuy tăng hơn năm ngoái trên 300 ha mà thời gian chỉ trong một tháng là thu hoạch xong, nói chung sớm hơn năm 1963 từ 10 đến 20 ngày. Thu hoạch nhanh như vậy là do có sự lãnh đạo sát sao có chuẩn bị có kế hoạch sớm và quán triệt đến tận cơ sở, tư tưởng quần chúng nhân dân được nâng cao, cộng với thời tiết năm nay cũng có phần thuận lợi, so với năm ngoái thì thấy tiến bộ và mạnh mẽ như:

Không nơi nào để thóc bị mọc mầm, gặt đậm nhanh không đánh đống ngoài đồng như nhiều năm trước, đi gặt sớm bố trí đem phơi khô, quạt sạch, nhập kho phân phối nhanh không để tồn kho thóc ẩm thóc mầm như trước. Trong lúc thu hoạch quần chúng và xã viên đã thể hiện tinh thần phấn đấu tích cực và khẩn trương, không còn do dự ỷ lại, trông chờ như năm ngoái (1963 phải huy động hàng 1.000 cán bộ công nhân đi giúp gặt) nhưng chỉ riêng hợp tác xã Bản Qua phải viện trợ năm nay. Nhiều nơi trước đây gặt 4 ngày nay chỉ gặt 1 ngày, cho nên so sánh với việc thu hoạch năm ngoái rút ngắn thời gian 20 ngày.

Về năng suất chiêm nói chung đạt chỉ tiêu kế hoạch ước tính bước đầu khoảng 23 tạ/ha.

Ngoài việc thu chiêm còn đẩy mạnh thu các thứ như: đậu tương xuân ở Mường Khương, Bắc Hà thu hoạch được tốt thị xã Lào Cai thu 200 tấn dứa, 42 tấn màng tang, Sa Pa thu 21.048 kg hạt rau. Do đó, một số hàng thuộc xuất khẩu thì vượt mức chỉ tiêu kế hoạch (dứa, cây chuối) hay có thứ còn đảm bảo phẩm chất giảm những lãng phí (hạt rau).

B. Gieo cấy vụ mùa bao gồm lúa ruộng, lúa nương và khoai đậu tương hè

thì đến nay những chân ruộng mùa 1 vụ đã gieo cấp xong cả những huyện vùng cao có ruộng bậc thang có nơi phải trông chờ vào nước mưa mà đến nay như Sa Pa đã cấy xong 99,71%, Bắc Hà cấy xong 94%, có xã thấp thuộc huyện rẽo cao đã

làm cỏ đợt một (Bắc Hà, Mường Khương). Ruộng hai vụ có 55.284 cân giống đã cày bừa 24.627 cân giống, đã cấy 7.668 cân giống, nói chung tinh thần phán đấu khẩn trương hơn, nhiều hơn gặt đến đâu cày xong đến đấy, còn một số ruộng cấy chậm là do thiếu nước. Về đậu tương cũng sản xuất nhiều như Bắc Hà, Mường Khương, huyện ủy đã tập trung chỉ đạo, tìm mọi cách để vượt những khó khăn (lao động, đất đai, giống) cho nên nhiều nơi đã báo cáo là sản xuất mạnh hơn năm ngoái; có xã năm ngoái trồng 300 cân giống, năm nay trồng 2.000 cân, nhưng số liệu tổng hợp chưa đầy đủ.

Tinh thần chăm sóc đồng ruộng được đề cao, nơi có sâu đã phát hiện kịp thời và đã có ý thức sử dụng thuốc trừ sâu, (...) nhưng hiện tượng sâu đục thân phát hiện nhiều nơi đang còn gặp khó khăn cho đồng ruộng.

Riêng số phân trong tháng các xã thu được là:

- Bắc Hà 362 tấn. Bát Xát... 959 tấn.
- Thị xã Lào Cai 416 tấn. Sa Pa 2.779 tấn.
- Bảo Thắng 293 tấn. Thị xã Cam Đường 186 tấn.

Tổng số phân là 4.995 tấn đã đang bón cho lúa và hoa màu; trong khi bón cỏ tập trung nhiều vào ruộng 2 vụ, tinh thần làm phân được đẩy mạnh và rộng khắp, tuy vậy một số nơi còn yếu và chưa đưa ra ruộng hết, khó khăn nhất là phương tiện vận chuyển chưa giải quyết tốt.

C. Hợp tác xã nông nghiệp

Trong tháng đã chú ý giúp đỡ những hợp tác xã sản xuất chiêm để làm phương án chia hoa lợi, phổ biến tuyên truyền những thắng lợi của các hợp tác xã tiên tiến. Mặt khác, có những đẩy mạnh việc quản lý lao động, quản lý diện tích bắp, lúa nương, chiêm các xã viên làm riêng quá nhiều, có nơi đã nhập vào hợp tác xã 650 cân giống ruộng, 3.724 cân giống nương, 1.771 cân bắp.

Trong tháng đã xây dựng thêm 14 hợp tác xã gồm 224 hộ ở những nơi có điều kiện và kết nạp thêm 54 hộ.

Tóm lại, vụ mùa ở rέo cao và chán ruộng 1 vụ đã cấy xong, cấy chán chiêm được phấn đấu với tinh thần rất khẩn trương, thu hoạch chiêm các loại cây công nghiệp, đặc sản được nhanh gọn tốt, các nông cụ được cải tiến ở một số nơi, biện pháp làm phân, thủy lợi được đẩy mạnh, nhưng phong trào chưa đều, chưa cao; một số nơi cấy chán chiêm còn chậm có khả năng kéo dài quá 10-8, phân chưa đưa ra ruộng hết, còn tư tưởng cấy chạy để kịp thời vụ. Nguyên nhân chính là do sự lãnh đạo các cấp sát sao có chuẩn bị chu đáo đôn đốc kiểm tra kịp thời, tư tưởng quần chúng được chuyển biến, kế hoạch được thông suốt đến quần chúng.

Mặt khác, thời tiết năm nay có phần thuận lợi. Tuy vậy sự lãnh đạo một số nơi chưa thật tập trung tư tưởng một số ngành, một vài nơi quần chúng chuyên biến tốt, cần phải đẩy mạnh hơn và tập trung hơn nữa.

II. CÔNG TÁC BA THU

Qua số liệu nhập kho đến 25-7-1964 thì về thu thuế, thu mua kết quả như sau:

Đơn vị	Thu hết 25-7-1964		Thu hết 25-7-1964		
	Thuế	Mua nghĩa vụ	Thuế	Mua nghĩa vụ	Mua khuyến khích
Bát Xát	21,20%	3,60%	15,8%	4,76%	1,00%
Bắc Hà	58,00%	57,30	89,00	13,40	90,10
Bảo Thắng	2,92	2,04	28,00	18,60	4,60
Mường Khương	11,00	2,20	3,40	1,30	0
Thị xã Lào Cai	24,30	2,8	23,40	3,00	
Cộng toàn tỉnh	11,60%	3,96%	20,54%	8,68%	4,37%

Nói chung cả ba mặt thuế, nghĩa và bán ngoài nghĩa vụ so sánh với thời gian thì tốc độ năm nay nhanh hơn số lượng tỷ lệ cao hơn năm ngoái.

Sở dĩ đạt kết quả như trên là do:

- Lãnh đạo đã đề cập sớm đi trước vấn đề như Nghị quyết số 9 về vấn đề quản lý thị trường, quản lý lương thực... các huyện thông suốt có kiểm tra đôn đốc sát sao.

- Các hợp tác xã được củng cố một bước.

- Qua cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai tư tưởng quần chúng được chuyển biến nâng cao, ý thức làm chủ, nhận rõ nghĩa vụ đối với xây dựng xã hội chủ nghĩa miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Nên có nơi phụ lão đã tiết kiệm lương thực xung phong bán thóc cho Nhà nước mỗi người 4 kg thóc (Nam Cường) (...) Thanh niên xung phong bán đậu tương nhiều huyện nhiều xã để nghị Nhà nước thu mua thịt lợn để hoàn thành dần nghĩa vụ, có nơi để xây dựng chỉ tiêu nghĩa vụ bán cho Nhà nước (đậu tương, thịt lợn). Thị xã Lào Cai tập trung bán dứa cho Nhà nước vượt 33 tấn, giồng thêm 88.000 gốc (kế hoạch là 2 vạn gốc). Năm ngoái giồng 300 cân giồng đậu tương, năm nay giồng 2.000 cân giồng đậu tương. Nhưng bên cạnh cũng còn những mặt yếu như:

- Giáo dục và phổ biến chính sách chưa sâu rộng, cho nên việc bán ngoài nghĩa vụ còn nhiều do dự, tốc độ còn chậm nên không tập trung giáo dục lãnh đạo lơi lỏng sẽ không đạt kế hoạch.

- Còn tư tưởng ỷ lại, chờ đợi sự vận chuyển của nông nghiệp nên tốc độ thu nghĩa vụ nhập kho có phần chậm lại so với tuần cao điểm 20-7.

- Một số ngành, một số cán bộ tinh thần chuyển biến chưa đầy đủ, chưa thấy hết tinh thần khẩn trương hiện nay, có phần chủ quan, một chiều, nếu không được bồi dưỡng tiếp tục uốn nắn kịp thời sẽ ảnh hưởng đến công tác, cho nên trước mắt cần tăng cường lãnh đạo chặt chẽ công tác ba thu, đẩy mạnh cao trào thi đua, phấn đấu đạt ba thu nhanh, gọn, tốt.

III. CÔNG TÁC TRỊ AN

a) *Tình hình hoạt động của địch:* Trong tháng bọn nầm lỳ và các phần tử xấu thường xuyên tặc nói xấu hợp tác xã, xuyên tạc chính sách thu mua, cá biệt có những biểu hiện đả kích cán bộ, có nơi những phần tử xấu bí mật hội họp đì lại với nhau.

b) *Về mặt trị an đã xảy ra:*

- 1 vụ trộm kíp mìn (200 kíp mìn).
- 1 vụ cháy 21 nhà (Tả Thàng - Bảo Thắng) do sự vô ý làm cháy.
- 1 vụ án mạng (3 mạng chết) ở thị xã Lào Cai.
- Hiện tượng buôn lậu hạt rau đã xảy ra.

c) *Trong tháng qua công tác trật tự trị an và phòng không nhân dân được chú ý đúng mức* cho nên đã mở đợt giáo dục sâu rộng trong nhân dân vào tuần 20-7 đã dùng nhiều hình thức cổ vũ và nâng cao giác ngộ cho quần chúng như mítinh kề cả nông thôn và thị trấn, thị xã có trên 1 vạn người dự, nhiều xã đã tổ chức thực tập phòng không. Đã biến giác ngộ và căm thù bằng hành động thực tế như:

- Đã diệt 2 tên lẩn trốn lâu năm (Nàn Sao Ký - Bắc Hà, Tô A Va - Sa Pa), gọi hàng 4 tên, bắn bị thương 1 tên; có một số xã đã đưa phong trào lên cao trào thi đua 50% số xã trong tỉnh đã phát động phong trào bảo vệ trị an toàn diện chấp hành Nghị quyết 39 được tích cực khẩn trương nên đã tập trung cài tạo 29 tên và đang xúc tiến lập hồ sơ. Lực lượng dân quân, công an xã và tự vệ cơ quan được củng cố thêm một bước, công tác giáo dục cài tạo ở cơ sở được chú ý.

- Đã phát hiện phá 1 vụ trộm Mường Khương và bắt vụ buôn bán hạt rau (thị xã Lào Cai), bắt 1 vụ bán kíp mìn (Mường Khương).

- Công tác bảo vệ trị an là một trong cao điểm đã được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt, nhưng còn nhiều cơ sở chưa được chú ý đầy đủ, ý thức chưa đều, việc bảo vệ trị an phòng không nhân dân còn cần được bồi khuyến nhiều, lãnh đạo sát sao hơn, đề phòng tư tưởng chủ quan thỏa mãn.

IV. CÔNG TÁC ĐẢNG

Đẩy mạnh củng cố chi bộ như: Tách chi bộ mở đại hội một số đảng ủy kiểm điểm 6 tháng đầu năm tăng cường chỉ đạo xã trọng điểm để đúc rút kinh nghiệm và xây dựng chi bộ bốn tốt thì đã thu được kết quả như:

- Các cấp ủy Đảng đã chú ý đẩy mạnh xây dựng chi bộ bốn tốt nhưng mức độ không đều trù huyện Bắc Hà có 20 chi bộ có nội dung đăng ký còn một số huyện chỉ mới có nghị quyết chưa có đăng ký cụ thể. Phong trào đăng ký đang chuyển mạnh ở công trường xí nghiệp và cơ quan hành chính sự nghiệp (có xí nghiệp 100% chi bộ có đăng ký 70%, số chi bộ thuộc Dân - Chính - Đảng tỉnh có đăng ký). Chung toàn tỉnh số chi bộ có đăng ký chiếm 40%, tuy vậy các chi bộ đã và đang phấn đấu theo tinh thần bốn tốt nhưng chưa đăng ký cụ thể.

- Tiến hành kiểm tra tài chính đảng ở huyện (Mường Khương), và kiểm tra một số cơ sở nông nghiệp, công trường (Phố Lu).

Nghị quyết 33 đã tiến hành được 60 xã, ngoài Bảo Thắng, Sa Pa ra huyện Bắc Hà triển vọng hết tháng 8-1964 hoàn thành.

Về công tác cán bộ tháng qua đã tuyển dụng thêm 16 và chuyển chính thức 147, giải quyết những trường hợp lương chưa hợp lý cho 220 cán bộ.

Đi đôi với việc củng cố chi bộ và giải quyết một số chính sách thì đã chú ý giáo dục chính trị như tổ chức học tập Nghị quyết 9 phần hai, học tập chính trị tại chức, phổ biến chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy. Do sự quan tâm đúng mức đến công tác Đảng nên đã đẩy mạnh mọi mặt công tác, tinh thần lao động công tác của cán bộ, đảng viên biểu hiện nhiều cống hiến. Về chuyên môn đã tích cực đi xuống xã, huyện để đúc rút kinh nghiệm và chuẩn bị nghị quyết bảo vệ nội bộ sức khỏe, xây dựng chi bộ bốn tốt. Nhưng bên cạnh cũng còn những thiếu sót như: Phổ biến chỉ thị, nghị quyết còn chậm chạp, có những ngành chấp hành chính sách tuyển dụng

cán bộ, công nhân viên còn tùy tiện; sự chuyển biến chưa đều cho nên có huyện chấp hành nghị quyết về phát triển, củng cố đang còn quá chậm và yếu, các huyện thì chưa chú ý đầy đủ việc khen thưởng thành tích kháng chiến cho cán bộ và nhân dân ở cơ sở.

Ngoài ra, các ngành các giới cũng có chuyển biến tốt, tập trung phục vụ các cao điểm phục vụ trung tâm sản xuất tùy theo chức năng của từng ngành như: Y tế chăm lo sức khỏe và tiêm phòng cho nhân dân; thương nghiệp chuẩn bị hàng hóa kiến trúc làm sân phơi, các đoàn thể tập trung giải quyết vấn đề phân và chăn nuôi, v.v..

Nhận xét, đánh giá chung:

- Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy do nắm vững công tác trung tâm và đột xuất về chỉ đạo được chặt chẽ và tăng cường kiểm tra; Tuy vậy tư tưởng quyết tâm chưa được quán triệt.

- Cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai được phát động đến cơ sở có chuyển biến tốt, nhưng chưa đều.

- Về sản xuất vụ mùa và thu chiêm được nhanh gọn, nhưng việc thu mua và thu thuế vẫn chậm nhất là mua ngoài nghĩa vụ.

- Về công tác Đảng được đẩy mạnh có tính chất toàn diện nhưng sự tiến triển chưa đều.

- Về công tác trị an được coi như công tác đột xuất cho nên thu được nhiều kết quả tốt nhất là ý thức cảnh giác cách mạng được nâng cao một bước nhưng còn xảy ra một số vụ lớn đáng tiếc.

Khâu yếu hiện nay là chỉ đạo thực hiện và nắm tình hình số liệu và công tác tư tưởng.

Nhiệm vụ chính trong tháng 8-1964

1. Sản xuất nông nghiệp

- Đẩy mạnh hoàn thành gieo cấy đậu tương, bắp tháng 7 và ruộng châm chiêm để đảm bảo thời vụ đảm bảo chỉ tiêu.

- Đẩy mạnh việc chăm bón lúa và hoa màu, phát hiện sâu bệnh kịp thời làm cỏ đúng lúc.

- Chuẩn bị dần những phương tiện thu hoạch từ giờ.

- Tích cực điêu hòa giống lợn trong địa phương để đảm bảo chỉ tiêu chăn nuôi.

2. Công tác ba thu: tiếp tục phổ biến, giáo dục chính sách cho quần chúng (nhất là thu mua ngoài nghĩa vụ) các ngành như thương nghiệp, giao thông lương thực cần tăng cường tập trung phục vụ cho ba thu yêu cầu hết tháng 8-1964 hoàn thành căn bản ba thu.

3. Công tác trị an phòng không nhân dân

- Nắm chắc những phần tử phản động chưa chịu cải tạo có kế hoạch đối phó từng loại trong từng trường hợp.

- Tích cực thanh toán phi lẩn trốn.

- Đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân.

- Tăng cường giáo dục thời sự, nâng cao hơn nữa tinh thần cảnh giác, biến ý thức thành hành động thực tế trong thị xã, nông thôn.

4. Công tác Đảng: đẩy mạnh xây dựng chi bộ bốn tốt Nghị quyết 33 và khen thưởng thành tích cho những cán bộ cơ sở. Tiếp tục huấn luyện Đảng viên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 12-NQ/TU, ngày 24-8-1964

**Về nhiệm vụ khai thông
mở các tuyến đường trong tỉnh**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 12 tháng 8 năm 1964, có mặt các đồng chí: Trường Minh, Tuân, Khánh Vinh, Trần Long.

Đồng chí Trường Minh báo cáo nhiệm vụ khai thông và mở rộng các tuyến đường trong tỉnh: Mường Khương - Lào Cai, Bát Xát - Lào Cai, Làng Giàng - Phong Niên, Nậm Tôn - Sa Pa và quy định trong một thời gian nhất định phải khai thông và hoàn thành trong năm 1965 và 1966.

Căn cứ vào nhiệm vụ trên giao cho. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy việc mở rộng, khai thông các tuyến đường trong tỉnh là một nhiệm vụ rất khẩn trương, cấp thiết, nặng nề và có tính chất pháp lệnh như thời gian thông xe, thời gian hoàn thiện về tiêu chuẩn kỹ thuật. Nhưng cũng phù hợp với yêu cầu của tình hình phát triển kinh tế, văn hóa nhu cầu đời sống nhân dân trong tỉnh. Tuy với thời gian nhất định phải khai thông, nhưng đối với nhu cầu thực tế của tình hình và nguyện vọng tha thiết mà nhân dân các dân tộc cộng với sự quan tâm giúp đỡ mọi mặt của trên, có sự viện trợ nhân lực của tỉnh bạn và tinh thần quyết tâm của các cấp, các ngành, của cán bộ nhất định ta sẽ hoàn thành được nhiệm vụ.

Khai thông và mở rộng các tuyến đường trên sẽ có tác dụng to lớn cỗ vũ tinh thần nhân dân các dân tộc, động viên phong trào thi đua "mỗi người làm việc bằng hai" đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa và bảo vệ biên giới của ta thêm vững mạnh.

Với một thời gian gấp rút tập trung số người lớn (hơn 3.500 người) với khả năng cung cấp thực phẩm của địa phương cũng sẽ khó khăn và việc chuẩn bị lán trại công trường phải rất khẩn trương; nhân lực xuôi lên thay đổi khí hậu đột ngột, việc bảo vệ sức khỏe và việc tuyên truyền giáo dục chính sách dân tộc, động viên tư tưởng, bố trí tổ chức, v.v. đòi hỏi ta phải lãnh đạo sát sao, bố trí tổ chức chu đáo và chuẩn bị một cách thật tích cực.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY NGHỊ QUYẾT

1. Lập Ban chỉ huy công trường: Toàn tỉnh sẽ lập một Ban chỉ huy công trường gồm các thành phần sau: Thường vụ phụ trách, có các đồng chí trong Ty Giao thông, kỹ sư và kỹ thuật, Ty Lao động và đại biểu các huyện, v.v..

- Đồng chí Trưởng Minh phụ trách theo dõi.

- Đồng chí Cư Hòa Vân Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh trực tiếp phụ trách công trường sẽ làm Trưởng ban.

2. Căn cứ vào tình hình cụ thể, Ban Tổ chức sẽ bố trí cán bộ để thành lập Đảng ủy công trường khi có đủ điều kiện thành lập các tiểu ban chuyên trách.

3. Trước mắt cần chuẩn bị lấy một số cán bộ để đảm nhiệm các công tác cần thiết cho công trường để đảm bảo việc tổ chức, cung cấp, lán trại, v.v. để ổn định nhanh chóng đội ngũ, khởi công đúng ngày quy định (1-10-1964) và liên hệ với trên chuẩn bị bô máy giúp việc cho công trường được tốt.

4. Triệu tập các huyện, thị và các ngành cần thiết để chuẩn bị mọi mặt cần thiết cho công trường, trước mắt là vấn đề dân công gấp rút làm công trường, đến 20-9 phải hoàn thành.

Địa điểm làm công trường Ty Giao thông và đồng chí Vân sẽ phụ trách chọn đất xây dựng sao cho thuận tiện cho mọi hoạt động có nước, thoáng, có đất sản xuất, chú ý những nơi đó có thể trở thành làng xóm sau này.

5. Tổ chức học tập giáo dục nhân dân chính sách dân công đã được quy định để động viên quần chúng tham gia một cách tích cực tự giác đồng thời tuyên truyền ý nghĩa tác dụng quan trọng của nhiệm vụ khai thông mở rộng tuyến đường, nâng cao ý thức phục vụ công trường, ý thức đoàn kết dân tộc, đề phòng, ngăn ngừa những hiện tượng thái độ xấu có thể gây ra và nâng cao ý thức cảnh giác đẩy mạnh việc bảo vệ trị an, phòng không bảo vệ biên giới.

- Tổ chức đẩy mạnh sản xuất, trồng rau, chăn nuôi để cung cấp thực phẩm cho công trường. Nhiệm vụ khẩn thiết phải hoàn thành ba thu mua nghĩa vụ với một tốc độ nhanh, tiếp tục thu mua nghĩa vụ thịt.

Ngoài ra, giao thông có trách nhiệm chính chuẩn bị mọi mặt; các ngành phải bố trí sẵn lực lượng phương tiện nguyên vật liệu để phục vụ cho công trường.

- Ty Lâm nghiệp nghiên cứu bố trí địa điểm lực lượng khai thác gỗ, nứa để làm công trường.

- Ty Lao động phải chịu trách nhiệm về dân tộc làm lán trại và tiếp đón bố trí lực lượng dân công xuôi lên được chu đáo.

- Thị xã ngoài việc làm công trường ở phạm vi địa phương còn phải có trách nhiệm cung cấp lực lượng thợ nề, mộc cho các công trường, và chuẩn bị địa điểm trú chân các đoàn dân công xuôi lên được tốt ngay bước đầu.

- Ty Thương nghiệp bố trí sẵn lực lượng hàng và người, địa điểm phục vụ các công trường (kể cả thực phẩm và các nhu cầu đời sống).

- Ty Lương thực kiểm tra lại lực lượng ở các kho sẵn có và bố trí lực lượng địa điểm cung cấp lương thực cho thuận tiện và kịp

thời, tránh tình trạng không có gạo ngay những ngày đầu gây ấn tượng không tốt về tư tưởng.

- Ty Y tế kiểm tra lại thuốc men và chuẩn bị tổ chức các trạm phát thuốc, các bệnh xá, v.v. có kế hoạch nâng cao mở rộng các bệnh xá Mường Khương, Bảo Nhai, v.v..

- Ty Văn hóa, giáo dục nghiên cứu bố trí các hình thức vui chơi, giải trí học tập ở các công trường.

- Ban Tuyên huấn có trách nhiệm chính trong công tác giáo dục tư tưởng thường xuyên cho nhân dân và các công trường từ thời kỳ chuẩn bị đến khi công trường hoạt động, trước mắt soạn tài liệu học tập cho nhân dân để kịp thời giáo dục, động viên.

- Ban Tổ chức có trách nhiệm chuẩn bị lực lượng cán bộ, phục vụ công trường và chuẩn bị thành lập các tổ chức đảng và tuyên truyền giáo dục phát triển đảng, đoàn ở các công trường.

- Các đoàn thể quần chúng (thanh niên, phụ nữ, mặt trận) nhất là thanh niên phải có cán bộ chuyên trách và động viên tổ chức thanh niên ở các công trường.

- Các lực lượng vũ trang (chuyên chính) làm nhiệm vụ chức trách của mình đối với xung quanh và trong công trường, trước và sau khi công trường hoạt động.

Căn cứ vào tinh thần cụ thể và sự cần thiết các huyện huy động ngay lực lượng làm lán trại và cử 1 đồng chí có trách nhiệm ra lệnh đạo công trường dân công làm lán trại và có thể tham gia Ban chỉ huy chung của công trường.

Các ban, các ngành, các đoàn thể cử cán bộ chuyên trách để tham gia Ban chỉ huy công trường đường Lào Cai làm nhiệm vụ chuẩn bị tốt. Ban chỉ huy công trường có trách nhiệm lãnh đạo các tuyến đường hoàn thành nhiệm vụ như thời gian đã quy định của trên và báo cáo thường xuyên với Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác Đảng, công tác chính trị là trọng yếu nhất, Ban chỉ huy cần đặc biệt quan tâm trước mắt phải chú ý giáo dục cho dân tộc, cho công nhân xuôi lên được đồng bào đoàn kết tốt công trường và quân chúng

xung quanh. Vì điều kiện đặc biệt nhiệm vụ công trường vừa thiết kế vừa thi công và thực hành nên Ban chỉ huy phải đặc biệt quan tâm đến kiểm tra tài chính và đề cao kỷ luật, ý thức chấp hành nguyên tắc, tránh hiện tượng tham ô, lãng phí gây ra tác hại và phải báo cáo thường kỳ với Ban Thường vụ Tỉnh ủy mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng (không kể báo cáo bất thường).

Trên đây Ban Thường vụ Tỉnh ủy mới đề một số vấn đề cần thiết trước mắt của một số ngành, ngoài ra các ngành, các cấp, Ban chỉ huy công trường căn cứ vào yêu cầu cụ thể từng thời gian và nhiệm vụ của ngành mình mà đề ra nhiệm vụ cụ thể và đề đạt ý kiến với Ban Thường vụ để phục vụ được tốt và kịp thời.

Đây là một nhiệm vụ khẩn trương và cấp thiết, rất nặng nề các cấp ủy, các ngành Ban chỉ huy công trường có trách nhiệm nghiên cứu, phải tập trung khả năng và phương tiện đến mức độ cần thiết để đảm bảo yêu cầu, nhưng phải khéo kết hợp để thực hiện tốt các nhiệm vụ khác của kế hoạch nhà nước năm 1964 và các năm sau; về lực lượng làm đường thì lớn và khá lâu cho nên phải tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chế độ đồng thời phải đẩy mạnh tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống và được ổn định dần.

Do tính chất đợt làm đường này khẩn trương, diện thi công rộng, trình độ quản lý có hạn cho nên mong các cấp, các ngành tích cực thực hiện tốt những điểm đã quy định trên một cách nhanh chóng kịp thời.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 19-BC/TU, ngày 11-9-1964
Về tình hình công tác tháng 8-1964

I. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

a) Về sản xuất

Từ đầu tháng 8 những xã vùng cao ruộng một vụ đã cấn bản hoàn thành gieo cấy, những ruộng mùa đại bộ phận tập trung ở vùng thấp, có nhiều ruộng cấy hai vụ thì sự gieo trồng rất khẩn trương gối vụ lên nhau nên Tỉnh ủy đặt vấn đề cần tiếp tục giáo dục quần chúng đẩy mạnh cao trào thi đua "Vụ mùa năng suất cao hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng". Cần chú ý giải quyết những khó khăn trong sản xuất như phương tiện vận chuyển phân, hiện tượng cấy chay, nấm tình hình không chắc, nơi nào có điều kiện tiến hành tổng kết đông - xuân để đúc rút kinh nghiệm. Cho nên các nơi đều tập trung cao độ dốc hết sức lực để khắc phục khó khăn, đấu tranh với thiên nhiên nhằm giành thắng lợi vụ mùa. Cụ thể như Sa Pa phát động cao trào làm phân, làm cỏ sục bùn, kiểm tra đồng ruộng, phòng trừ sâu bệnh, tổng kết đông - xuân: Thị ủy Cam Đường đề ra khẩu hiệu "Gặt đến đâu, cày sâu đến đáy" để động viên lãnh đạo quần chúng; Mường Khương đẩy mạnh học tập nghị quyết và phát động cao trào thi đua xuống tận xã. Nhiều huyện, thị đã phát động

cao trào thi đua mừng ngày 19-8 và 2-9 để đua phong trào từ yếu lên mạnh.

Qua việc tiến hành như vậy, nghị quyết của Đảng biến thành sức mạnh của quần chúng nên đạt được kết quả về mặt sản xuất như sau:

Về lúa mùa:

Có huyện hoàn thành thấp nhất cũng trên 90% diện tích như Mường Khương, có những nơi vượt kế hoạch của diện tích gieo trồng như Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Cam Đường, thị xã Lào Cai.

Về lúa mương:

Không kể hai thị ủy, còn các huyện như Mường Khương, Bát Xát, Sa Pa, Bắc Hà thì diện tích gieo trồng đều vượt và triển vọng lúa nương năm nay tốt được mùa.

Về đậu tương hè:

Chủ yếu giống hai huyện Bắc Hà và Mường Khương thì Bắc Hà đạt 88%, Mường Khương đạt 88,32%. Ngoài những chỉ tiêu chính còn đẩy mạnh các thức khác như:

Bắp tháng 7: Trừ hai thị ủy và Mường Khương không có báo cáo, còn bốn huyện đã trồng 10.128 cân giống, nhưng so với chỉ tiêu còn quá thấp như Bắc Hà chỉ tiêu 10.000 cân mới trồng 2.033 cân giống. Ngoài ra, từng nơi còn tùy theo yêu cầu và khả năng để đẩy mạnh sản xuất như thị xã Lào Cai dứa trồng vượt kế hoạch 25.417 gốc, chuối 2.875 cây. Đẩy mạnh nghề nuôi tằm ăn lá săn, chuẩn bị đất trồng rau vụ thu 135 sào.

Về các biện pháp cũng được đẩy mạnh như:

- Các nơi đều đẩy việc thu phân kết quả: Mường Khương 3.378.878 kg, Sa Pa 223.073 kg, Bảo Thắng 610.800 kg, Bát Xát 753.977 kg. Có nơi như Bát Xát đã sử dụng cả phân lân và phân đạm, số phân thu được như thế so với yêu cầu thì vẫn thấp.

Về các biện pháp kỹ thuật năm nay thấy có nhiều tiến bộ như làm cỏ cho lúa ruộng và nương, có nơi có ruộng cũng làm hai lần (Cam Đường), cỏ ruộng mùa toàn bộ diện tích đều làm cỏ (Sa Pa),

việc kiểm tra đồng ruộng được tăng cường cho nên sâu cuồn lá, sâu đục thân tuy bé nhưng phát hiện và bắt kịp thời, có nơi đã bắt được hàng nghìn con chuột.

b) *Hợp tác hóa nông nghiệp*

Những xã trọng điểm cũng như nơi tiến hành cách quản lý hợp tác xã Quang Kim đang tiếp tục đẩy mạnh phát huy tác dụng và tính chất ưu việt của việc làm tập thể.

Việc củng cố hợp tác xã, các cấp ủy các địa phương đã gắn chặt vào sản xuất để củng cố cho nền tháng qua việc thanh quyết toán chia hoa lợi làm nghĩa vụ ba thu cho Nhà nước thì các hợp tác xã nơi làm chiêm qua việc quyết toán các hợp tác xã đều được củng cố thêm một bước, nhiều hợp tác xã vẫn tiếp tục kết nạp thêm xã viên. Nơi hợp tác xã lên khai hoang, trên cơ sở thu nhập thực tế đời sống được giải quyết dần những khó khăn cho nền về tư tưởng cũng như về tổ chức được ổn định hơn trước.

Những xã vùng cao đã mở lớp bồi dưỡng cho quản trị kế toán chuẩn bị phương án chia bắp vụ mùa.

Trên đây là những kết quả việc vận động sản xuất và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, những kết quả nổi bật như:

- Sản xuất đảm bảo thời vụ, có nơi sản xuất nhiều chiêm hơn năm ngoái mà việc gieo trồng lại được chăm bón hơn, thời gian rút ngắn hơn năm ngoái 7 ngày. Việc chăm bón làm cỏ cũng được đẩy mạnh, nông cụ cũng được cải tiến như Nam Cường, nếu thời tiết thuận hòa thì vụ mùa năm nay có nhiều triển vọng tốt.

Nhưng bên cạnh cũng còn những mặt yếu như:

Khâu chăm bón cần đẩy mạnh hơn thì mới đảm bảo được năng suất vì vừa qua tính tỷ lệ về mức phân bón còn thấp.

Tinh thần làm chủ tập thể của xã viên còn yếu, có nơi làm cỏ thì làm dối, xuống ruộng quấy đục nước bùn cho là đã làm xong. Có nơi 1 ngày đi làm cho tập thể cho cá nhân, có nơi vẫn bỏ ruộng hoang đến 833 cân giống (Bát Xát), Bảo Thắng bỏ 400 cân giống.

Việc xây dựng và củng cố các tổ đổi công thì làm chưa được mấy cũng đang gặp nhiều lúng túng.

Cây công nghiệp như đậu tương đạt kế hoạch diện tích thấp, mía còn có nơi chưa làm cỏ, bọ rệp nhiều.

II. CÔNG TÁC BA THU

Tính theo số liệu nhập kho đến 31-8-1964

Đơn vị	Tính tỷ lệ theo mức phân bổ			Chú thích
	Thu thuế	Mua nghĩa vụ	Mua khuyến khích	
Bắc Hà	139%	146%	591%	Cả bắp mua vụ mùa
Bảo Thắng	97,6	96,9	58,3	
Bát Xát	95,6	92,7	35,5	
Mường Khuông	94,2	181	58	
Thị xã Lào Cai	119,9	69,4		

Qua những số liệu nêu trên mà so sánh với nhiệm vụ Trung ương giao thì đạt được:

- Thuế nông nghiệp 103,2%.
- Mua nghĩa vụ 165,8%.
- Mua khuyến khích 130,1%.

Công tác ba thu năm nay như thế là tốt và mạnh mẽ vì lúc ba thu nhiều công tác dồn dập, mà số lượng nhiều hơn năm ngoái thời gian rút được ngắn hơn nữa cả thu thuế thu mua trong và ngoài nghĩa vụ đều vượt. Không những bảo đảm về mặt kinh tế mà về mặt chính sách cũng đảm bảo tốt, quần chúng nhận rõ và sâu sắc hơn về nghĩa vụ cũng như chính sách phân phối, cho nên quần chúng chấp hành có tính chất tự giác như ngay cả vùng cao có những ngày đã mua được bắp bán ngoài nghĩa vụ đến 4 tấn (Bắc Hà), có xã đã gần hoàn thành nghĩa vụ về bán thịt lợn năm 1964 như Si Ma Cai đạt 90%, Bản Liên 80%, Thào Chu Phìn 90%.

Kết quả nêu trên ta có thể đánh giá ba thu năm nay nhanh, gọn, tốt mà nó cũng thể hiện tinh thần tích cực chấp hành chính sách của quân chúng các dân tộc có nhiều tiến bộ. Thể hiện sự lãnh đạo các cấp các ngành có nhiều tiến bộ hơn nữa nghị quyết về lương thực và quản lý thị trường của Thường vụ đề ra kịp thời đúng lúc.

Bên cạnh cũng còn những tồn tại là tiếp tục thu mua ngoài nghĩa vụ và bắt đầu thu mua vùng cao cho tốt, cần tiếp tục và tăng cường quản lý thị trường.

Mua lợn thịt kết quả tốt, nhưng chuồng trại chết hết, vận tải ra thị trường thị xã không bảo đảm nên có nơi đọng lại.

III. CÔNG TÁC TRỊ AN VÀ PHÒNG KHÔNG

Trên đà thắng lợi công tác trị an tháng 7 ta tiếp tục đẩy mạnh và phát huy những thắng lợi và chấp hành Chỉ thị 81 của Trung ương vào hoàn cảnh địa phương, nên các vấn đề đối phó với âm mưu mới của địch đều được đẩy mạnh, làm chuyển biến sâu rộng trong cán bộ, quân chúng nhân dân như:

Thực tập báo động phòng không nhân dân trong nhiều tình huống (ngày, đêm, ngày chợ), thực tập động viên như Bát Xát đảm bảo 100% rút ngắn được 5 giờ, có những huyện như Mường Khương đã hoàn thành giáo dục chỉ thị triển khai huấn luyện quân sự. Ở tỉnh đã lập và phân công Ban chỉ huy phòng không nhân dân, ở huyện thị cần tăng cường và thống nhất sự lãnh đạo cho nên đã mở hội nghị liên tịch như giữa mỏ vào Thị ủy Cam Đường.

Có những nơi như Thị ủy Lào Cai bỏ hàng nghìn công đào hầm trú ẩn góp tiền mua dụng cụ chữa cháy.

Phương án phòng, chống biệt kích cũng được tăng cường nên có huyện đã có những nghị quyết riêng về phòng không nhân dân, phòng, chống biệt kích, sau ngày 5-8 đã tổ chức nhiều cuộc

nhiều lần mítinh tuần hành, tổ chức tuyên truyền thắng lợi của ta để nâng cao tin tưởng phán khởi và căm thù của quần chúng đối với Mỹ - Khánh. Kết quả ấy có biểu hiện có những xã từ trước vào loại yếu nay cũng xây dựng cao điểm để phán đấu (nỗ lực, ái quốc, tiến bộ Mường Khương) có nơi đã khai báo sự tàng trữ vũ khí của phần tử không tốt ta thu được. Nỗ lực ta thu được 1 súng ngắn giấu ngoài hang đá, có những tên ở trại giam trốn mấy lần đều bắt được (Phìn).

Nhưng bên cạnh cũng còn có những mặt yếu như:

Hiện tượng bi quan xuất hiện ở một số nơi. Việc phòng, chống biệt kích thị thực tập nhiều nhưng mức độ còn thấp. Việc kiểm tra đôn đốc nắm tình hình chưa nhạy bén và cụ thể. Công tác tư tưởng của ta trong cán bộ và quần chúng tuy có làm nhưng chưa toàn diện.

Về sự hoạt động của địch:

Địch chú trọng hoạt động về mặt tình báo.

- Tháng 8 đã ba lần máy bay xâm nhập không phận, tuyên truyền, tung tin tức gây hoang mang, có những hiện tượng càn chúa ý như Nậm Tôn mất 164 kíp mìn, dùng tiền Việt - Mên - Lào cũ để mua bán, viết truyền đơn kích động bọn phản động, thu nạp danh, viết khẩu hiệu.

Hiện tượng trị an xã hội như trộm cắp vặt có vụ đã bắn chết một tên Lô Seo Nhà Hoàng Thu Phố (Bắc Hà), đáng chú ý là bọn lưu manh chuyên nghiệp xuôi lên tới 4 tên, tình hình trộm cắp xảy ra nhiều ở thị xã Cam Đường về Lào Cai. Hiện tượng đi săn bắn nhầm chết người ở xã Nùng Chéng, Cao Sơn, Mường Khương, Bát Xát. Nạn xe cộ đổ chết 1 người bị thương 1 người.

SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÀNH

Các ngành chuyên môn đều có nhiều cố gắng để hoàn thành kế hoạch và phục vụ sản xuất, có những ngành hoàn thành kế hoạch

khá như Bưu điện Truyền thanh và Nhà máy điện. Trong tháng Tỉnh ủy đã đặc biệt chú ý tới một số ngành như:

1. Chuẩn bị tổng kết công tác thủy lợi
2. Tổ chức và chuẩn bị để nâng cấp cũng như sửa chữa đường Lào Cai đi Bát Xát, đi Mường Khương việc chuẩn bị tuy mới là bước đầu nhưng đã có nghị quyết thường vụ và phân công rõ ràng có cử đồng chí chuyên trách.
3. Mở hội nghị chuyên đề về công tác giáo dục, nghị quyết tổng xung kích diệt dốt năm 1964-1965 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
4. Công tác ba xây ba chống đã tiến hành tới hai ty (lâm nghiệp, lương thực).

Bên cạnh cũng còn những tồn tại và khó khăn như: Khâu giao thông vận chuyển kém và chậm cho nên có ảnh hưởng đụng chạm đến nhiều ngành, hiện tượng xe hỏng tới 60%.

CÔNG TÁC ĐẢNG

Kết quả việc thực hiện kế hoạch nhà nước trong tháng qua cũng như các công tác đột xuất thu được thắng lợi, thì một trong nguyên nhân chính là cơ sở đảng được tăng cường củng cố không ngừng, cụ thể trong tháng qua việc khá nhiều, các đồng chí cấp ủy một số đi điều trị, nhưng không vì vậy mà coi nhẹ công tác tổ chức mà chính nhận thức của lãnh đạo thấy càng nhiều việc muốn hoàn thành tốt bí mật là củng cố Đảng, đẩy mạnh cho nên trong tháng đã tiến hành như sau:

- Sau khi có nghị quyết chính thức của Trung ương về công tác tổ chức năm 1964-1965 đã tiến hành tổ chức học tập trong Ban Thường vụ, sau khi học thường vụ đã có nghị quyết và đánh giá tình hình đội ngũ cán bộ, chọn thí điểm làm công tác bảo vệ nội bộ. Nghị quyết phân cấp quản lý cán bộ, chỉ thị xây dựng chi bộ bốn tốt.

Những kết quả đã thu được:

a) *Công tác xây dựng Đảng*: 124 chi bộ xin đăng ký trở thành

chi bộ bốn tốt, đạt 43% tỉnh đã công nhận một số chi bộ đạt tiêu chuẩn bốn tốt.

Tỉnh đã tách 13 chi bộ mà cũng là kết quả đầu tiên có tính chất lịch sử hai huyện vùng cao Bắc Hà - Mường Khương đến nay 100% số xã đều có chi bộ.

Nghị quyết 35 trong tháng có nhiều cố gắng nên đã làm xong 50 xã.

b) *Công tác cán bộ*: Theo yêu cầu công tác đột xuất của công trường giao thông đã lập Ban chỉ huy công trường và điều 7 cán bộ sang công trường, đã quyết định điều chỉnh lương 199 cán bộ.

c) *Công tác kiểm tra*: Trong tháng đã tiến hành kiểm tra dân chủ kỷ luật 8 vụ, đã xét 7 thư khiếu nại, xử lý 11 vụ và kiểm tra tài chính về ngân sách của huyện Mường Khương tới nay coi như căn bản đã hoàn thành.

d) *Công tác Tuyên huấn*: Trong tháng đã tiếp tục tuyên truyền nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho cán bộ và nhân dân được tiến hành mạnh mẽ hơn, như đã tổ chức 23 cuộc mítinh có 12.994 người tham gia, đã sơ kết phong trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai đợt hai, phát huy tác dụng và đẩy mạnh đợt ba, tiến tới tổng kết xác định cao trào, cho nên biểu hiện trong hành động có nhiều chuyển biến mới như:

Hoàn thành nhiệm vụ nhanh gọn tốt, rút ngắn thời gian (ba thu). Trong nông nghiệp đẩy mạnh gieo trồng, chăn bón vụ mùa. Trong cơ quan công trường xí nghiệp thì hết tháng 8 đã có 444 tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa và 1.299 sáng kiến, mới tổng kết 20 sáng kiến thì đã tiết kiệm được 7.478,15 đồng cho Nhà nước.

Qua việc tuyên truyền giáo dục và đẩy mạnh cao trào thi đua đã nâng cao lòng tin tưởng vào lực lượng của quần chúng và dân ta về mặt cảnh giác cách mạng cũng được nâng cao một bước.

Trong tháng ta làm được như vậy là cố gắng và làm được liên tục được rộng rãi.

Tuy vậy, có nơi làm chưa sâu, chưa đều, tư tưởng chủ quan đã được giải quyết nhưng tư tưởng bi quan dao động vẫn còn.

Nhận xét và kết luận

Trong tháng qua về công tác trung tâm cũng như đột xuất về các ngành chuyên môn thu được kết quả như vậy là một cống gánh lớn nên mang so sánh với năm ngoái thì nhiều mặt công tác còn có tính chất nhanh, mạnh, gọn.

Tư tưởng cán bộ và nhân dân cũng như các tổ chức được củng cố và nâng cao một bước cho nên nhìn vào những kết quả có tính chất sâu sắc và chắc.

Sự chỉ đạo của các huyện thị và các ngành có nhiều chuyển biến tốt, việc lãnh đạo của Tỉnh ủy biểu hiện tập trung và toàn diện, coi trọng các mặt công tác như: Sản xuất, ba thu, xây dựng củng cố Đảng, trị an.

Khẩu hiệu hiện nay:

Để phòng tư tưởng chủ quan thỏa mãn, cần chú ý nắm và phát hiện tình hình để đề xuất và giải quyết kịp thời.

Cần đầy mạnh tinh thần và ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết, báo cáo định kỳ.

Tinh thần cảnh giác cách mạng săn sàng chiến đấu cần được đầy mạnh và liên tục hơn nữa.

Vấn đề cần đặc biệt chú ý là chăm sóc vụ mùa để đảm bảo vụ mùa năng suất cao, rút kinh nghiệm mọi mặt vụ chiêm để bồi khuyết cho vụ mùa tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 14-NQ/TU, ngày 12-9-1964
Bổ sung về tổ chức quản lý cán bộ

Thi hành nghị quyết của Trung ương quy định nguyên tắc và chế độ quản lý công tác cán bộ. Tỉnh ủy đã nhận định tình hình nhiệm vụ ngày càng có nhiều chuyển biến mới. Công tác quản lý cán bộ phải chuyển hướng mạnh mẽ để kịp thời phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng và đáp ứng được nhu cầu của tình hình đội ngũ cán bộ ngày càng phát triển. Tháng 6-1961, Tỉnh ủy đã có nghị quyết phân cấp quản lý đội ngũ cán bộ. Qua kiểm điểm thi hành nghị quyết phân cấp quản lý cán bộ từ đầu năm 1961 đến nay, các cấp, các ngành đã có nhận thức thấy được yêu cầu công tác quản lý đội ngũ cán bộ là một yêu cầu cần thiết trong công tác cán bộ.

Trong 3 năm qua việc thi hành công tác phân cấp quản lý cán bộ đã có nhiều cố gắng và tiến bộ, các cấp, các ngành đã nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc thi hành các chính sách, chế độ cán bộ. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ dần dần đã đi vào kế hoạch, nhất là công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc, trong mấy năm qua đã đề bạt nhiều cán bộ dân tộc vào những cương vị lãnh đạo chủ chốt. Việc đề bạt, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, nhân viên đã mạnh dạn và kiên quyết hơn, việc chuyên môn hóa cán bộ dần dần được thực hiện.

Công tác giáo dục, công tác tư tưởng, đời sống cán bộ cũng đã được nâng cao hơn về nhiều mặt, do đó đã làm cho đội ngũ cán bộ nâng cao về chất lượng công tác, ý thức tổ chức, tinh thần trách nhiệm, nhất là mặt chấp hành các chính sách của Đảng và Chính phủ được đề cao hơn.

Về bộ máy tổ chức các ngành, các cấp nhân dân bổ sung tăng cường về số lượng cũng như chất lượng, do đó đã giúp cấp ủy quản lý đội ngũ cán bộ có nhiều tiến bộ. Đảm bảo được yêu cầu phục vụ chính trị và những công tác trung tâm đột xuất của tỉnh.

Tuy nhiên, trong 3 năm qua do yêu cầu của nhiệm vụ chính trị ngày càng đòi hỏi, tổ chức bộ máy cũng ngày càng tăng, số lượng cán bộ, công nhân viên cũng tăng lên rất nhanh từ 3.000 năm 1961 nay đã có trên 5.000 cán bộ, nhân viên.

Do tình hình phát triển quá nhanh như vậy, để ra một số mâu thuẫn mới về tổ chức, về số lượng cán bộ tăng nhanh nhưng tổ chức bộ máy quản lý cán bộ chậm phát triển. Chất lượng cán bộ chưa được bồi dưỡng kịp thời, lề lối làm việc và tổ chức quản lý cán bộ chưa được cải tiến và phân cấp cụ thể, phân phối đều tập trung vào cấp ủy trên.

Về nhận thức công tác quản lý cán bộ của các cấp, các ngành về mức độ không đều nhau, nhưng nói chung là chưa quán triệt được yêu cầu nội dung ý nghĩa của việc phân cấp quản lý cán bộ, chưa coi trọng thường xuyên, chưa dành thời gian, kiện toàn bồi dưỡng cán bộ tổ chức một cách đúng mức, sử dụng cán bộ tổ chức chưa thật hợp lý, sự quan tâm lãnh đạo công tác quản lý cán bộ chưa được đầy đủ.

Về giáo dục tư tưởng cán bộ chưa được liên tục, động viên có lúc không kịp thời, sử dụng năng lực của đội ngũ cán bộ còn chưa cao.

Nội dung quản lý cán bộ, trách nhiệm lề lối làm việc giữa các ngành các cấp với Ban Tổ chức còn lúng túng chưa có sự kết hợp chặt chẽ.

Việc quản lý hồ sơ cán bộ chưa đi vào nền nếp, nhiều cơ quan chưa có người chuyên trách, còn phân tán chưa tập trung. Một số cán bộ thuộc diện tinh giản lý nay chưa có hồ sơ, hoặc chỉ có những bản viết tóm tắt lý lịch, còn những bản kiểm thảo trong chính huấn năm 1952-1953 không có.

Với tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay đang phát triển. Căn cứ vào tinh thần nghị quyết tổ chức của Ban Bí thư đối chiếu với tình hình công tác quản lý đội ngũ cán bộ của tỉnh ta. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy công tác tổ chức quản lý cán bộ là vấn đề trọng yếu của công tác lãnh đạo đảng các cấp.

Vì cán bộ là tài sản quý báu nhất của Đảng; sau khi Đảng đã có chủ trương, đường lối đúng đắn rồi, thì cán bộ là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị ấy. Vì vậy, công tác cán bộ không những phải căn cứ vào nhiệm vụ chính trị mà nghiên cứu để ra phương châm, nguyên tắc chính sách cụ thể để tìm hiểu, lựa chọn, sử dụng cho đúng tài năng, đạo đức của mỗi người cán bộ. Đảng còn phải ra sức chăm sóc đến cán bộ về mọi mặt như mạnh dạn giao trách nhiệm, kiểm tra giúp đỡ làm cho mọi người phát huy được ưu điểm, khắc phục sửa chữa được khuyết điểm, thật sự phát huy hết nhiệt tình và khả năng sáng tạo của họ, đồng thời Đảng không ngừng nâng cao giáo dục bồi dưỡng về trình độ lý luận, văn hóa, nghiệp vụ và xây dựng tư tưởng lập trường vững chắc của giai cấp công nhân. Mặt khác, Đảng lại còn phải hiểu được và giúp đỡ giải quyết những khó khăn về đời sống, sức khỏe của gia đình của cán bộ.

Yêu cầu nhiệm vụ chính trị ngày càng đòi hỏi đội ngũ cán bộ ngày càng được mở rộng cho nên công tác quản lý cán bộ là sự yêu cầu cấp thiết phải đi vào nền nếp và có kế hoạch có như vậy mới đáp ứng được với yêu cầu của công tác tổ chức hiện nay.

Muốn thực hiện tốt được công tác quản lý cán bộ cần phải có nhận thức đúng đắn về công tác phân cấp quản lý cán bộ hiện nay là vấn đề trọng yếu của các cấp lãnh đạo Đảng.

Phải nhận thức sâu sắc quán triệt hơn nữa về công tác quản lý cán bộ chẳng những có quan hệ đến việc hoàn thành nhiệm vụ trước mắt của Đảng và Nhà nước, mà còn có quan hệ đến vấn đề xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng nòng cốt để lãnh đạo cách mạng sau này. Công tác cán bộ còn phải làm tốt để nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật và ý thức cảnh giác cách mạng.

Công tác quản lý cán bộ không phải đơn giản, không như quản lý các tài sản khác tĩnh tại, mà là sự quản lý con người luôn biến động, có nhiều tâm tư uẩn khúc, có nhiều mối quan hệ phức tạp... Do đó, phải có sự nghiên cứu nắm được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng qua từng thời kỳ mà có kế hoạch thực hiện tốt được công tác quản lý cán bộ.

Căn cứ vào những phương châm, nguyên tắc chính cán bộ của Đảng và dựa vào sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương bổ sung về phân cấp quản lý cán bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung một số điểm cụ thể về công tác phân cấp quản lý của tỉnh sau đây:

I. NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁ NHÂN CÁN BỘ

1. Nguyên tắc chung

a) Nguyên tắc cao nhất của việc quản lý công tác cán bộ là Đảng thống nhất quản lý công tác cán bộ một cách toàn diện, bao gồm quản lý về mặt đường lối, chính sách, quản lý đội ngũ cán bộ nói chung và quản lý cá nhân cán bộ kể cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng.

b) Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm và tác dụng của các cơ quan nhà nước và các tổ chức quần chúng trong việc thực hiện công tác cán bộ.

c) Việc phân cấp quản lý cán bộ là xác định rõ chế độ trách nhiệm của tổ chức các cấp theo nguyên tắc phân công phụ trách quản lý cán bộ nhằm phát huy tính tích cực chủ động của các ngành các cấp tránh sự tập trung quan liêu trên, đồng thời tránh

hiện tượng phân tán và tư tưởng bản vị cục bộ, địa phương chủ nghĩa. Trong công tác phân cấp quản lý phải đảm bảo dần dần chuyên môn hóa cán bộ tránh sự điều động xáo lộn không cần thiết.

2. Quản lý cá nhân cán bộ

a) Diện tinh quản lý:

Yêu cầu của nhiệm vụ chính trị ngày càng đòi hỏi cho nên đội ngũ cán bộ ngày càng phát triển. Việc sử dụng đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng phải có kế hoạch, do đó việc quản lý cá nhân cán bộ của tỉnh cũng phải có mức độ.

Căn cứ vào yêu cầu và khả năng hiện nay, tinh trực tiếp quản lý cá nhân cán bộ các loại sau đây:

- Trưởng phó ty, trưởng phó ban, ủy viên các ban của Đảng và các chức vụ tương đương.

- Ban Thường vụ các đoàn thể tỉnh.

- Ban Chấp hành các huyện, thị, đảng ủy.

- Ủy viên Ủy ban hành chính các huyện, thị.

- Chánh, phó bí thư các đoàn thể huyện và các chức vụ tương đương.

- Trưởng, phó phòng các ngành quanh tỉnh.

- Giáo viên cấp III, hiệu trưởng cấp II, bác sĩ, kỹ sư.

- Anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua.

- Cán sự 2 trở lên, ngoài ra tỉnh còn cộng quản với Trung ương số cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Đối với cán sự I, giáo viên cấp II, trưởng phó phòng huyện, kỹ thuật trung cấp tỉnh quản lý danh sách.

Cán bộ thuộc diện tinh quản lý cá nhân, khi điều động để bạt, v.v. do tinh quyết định.

b) Diện cán bộ nhân viên thuộc các cơ quan xung quanh tinh quản lý:

1. Từ cán sự 1, trung cấp kỹ thuật trở xuống đến cán bộ công nhân, viên chức thuộc biên chế ngành nào thì do các ngành, các cơ quan xung quanh tinh quản lý cá nhân về toàn diện.

Cán bộ, nhân viên thuộc biên chế các cơ quan tỉnh về công tác thuộc bộ môn xung quanh huyện, thị từ cán sự 1 trở lên, kỹ thuật trung cấp, giáo viên cấp II và trưởng, phó phòng do ngành dọc quản lý về cá nhân. Đối với nhân viên dưới cán sự 1 trở xuống do cấp ủy huyện, thị quản lý các ngành tỉnh chỉ theo dõi phối hợp với cấp ủy, giúp đỡ bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ của ngành mình.

Riêng các ngành như Công an, thương nghiệp, các ngành dọc vẫn quản lý toàn diện đội ngũ cán bộ, nhân viên về công tác thuộc các cơ quan chuyên môn của huyện. Tuy vậy, các ngành dọc ở tỉnh có sự quan hệ chặt chẽ với các cấp ủy huyện, thị trong việc quản lý số cán bộ, nhân viên của ngành về công tác ở huyện cho tốt.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của ngành trong quản lý cán bộ

- Được điều động cán bộ, nhân viên thuộc phạm vi trong ngành quản lý.

- Tuyển dụng nhân viên mới, cho thôi, cho nghỉ, khen thưởng, kỷ luật trong diện cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan quản lý.

- Lựa chọn cho cán bộ, nhân viên đi đào tạo bồi dưỡng các lớp chuyên môn nghiệp vụ, văn hóa,... từ 1 năm trở xuống.

Đối với cán bộ, nhân viên phạm sai lầm thuộc diện các ngành quản lý nếu phải kỷ luật đến mức cảnh cáo toàn tỉnh và truy tố trước pháp luật phải do tỉnh xét duyệt và quyết định.

Đối với cán bộ từ cán sự 1, trung cấp kỹ thuật và trưởng, phó phòng huyện thuộc các ngành tỉnh quản lý khi cho thôi, cho nghỉ có lý do chính đáng phải có sự thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước khi các ngành ra quyết định.

Các ngành ở tỉnh khi thấy cần thiết phải điều động cán bộ nhân viên (kể cả trưởng, phó phòng) đang công tác các bộ môn xung quanh huyện, thị đi nơi khác phải có sự trao đổi thống nhất với cấp ủy huyện, thị trước khi điều động. Nếu có trường hợp chưa thống nhất thì báo cáo với Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức).

Ngoài nhiệm vụ quản lý cá nhân đội ngũ cán bộ, nhân viên thuộc diện các ngành quản lý, các ngành, các cơ quan có nhiệm vụ

cùng với Ban Tổ chức giúp Tỉnh ủy quản lý số cán bộ thuộc diện tinh quản lý công tác ở trong ngành, trong cơ quan mình.

Đối với các cơ quan đoàn thể quanh tỉnh:

Các cơ quan đoàn thể quanh tỉnh có trách nhiệm cùng với Ban Tổ chức giúp Tỉnh ủy quản lý số cán bộ thuộc diện tinh quản lý công tác ở trong ngành như quy định trên. Được quản lý đến các ủy viên chấp hành tỉnh, huyện và một số cán bộ làm công tác chuyên trách của đoàn thể mình ở các cơ quan, công trường, xí nghiệp. Đối với các ủy viên chấp hành tỉnh, huyện không thuộc biên chế của tổ chức mình thì không được điều động mà chỉ quản lý về mặt như: giáo dục đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ của ngành. Khi những cán bộ này phạm sai lầm về nguyên tắc trong phạm vi tổ chức đoàn thể mình, phải thi hành kỷ luật trong phạm vi nguyên tắc của tổ chức mình quy định, trước khi kỷ luật cần trao đổi thống nhất với cơ quan giới thiệu và quản lý biên chế cán bộ đó.

Diện cán bộ, nhân viên thuộc cấp huyện, thị quản lý:

1. Đối với tất cả những cán bộ nhân viên từ cán sự 1 trở xuống thuộc biên chế của huyện, thị thống nhất do cấp ủy huyện, thị quản lý toàn diện.

Những cán bộ nhân viên thuộc biên chế của các ngành ở tỉnh về công tác ở các cơ quan xung quanh huyện, thị từ nhân viên dưới cán sự 1 trở xuống do huyện, thị quản lý về toàn diện. Từ cán sự 1, kỹ thuật trung cấp và trưởng, phó phòng, giáo viên cấp II, huyện cộng quản với các ngành dọc từ tỉnh (trừ các ngành được quản lý đến nhân viên như đã quy định trên).

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của huyện, thị trong quản lý cán bộ

- Được điều động cán bộ, nhân viên thuộc phạm vi biên chế của huyện, thị quản lý.
- Được tuyển dụng nhân viên mới.
- Cho thôi, cho nghỉ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, nhân viên thuộc huyện, thị quản lý.

- Lựa chọn cho cán bộ nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng các lớp chuyên môn nghiệp vụ văn hóa từ 1 năm trở xuống.

Diện nhân viên thuộc huyện quản lý khi phạm sai lầm phải truy tố trước pháp luật do tỉnh xét duyệt và quyết định.

Đối với cán sự 1, kỹ thuật trung cấp và trưởng, phó phòng thuộc biên chế huyện quản lý khi cho thôi, cho nghỉ có lý do chính đáng phải thống nhất với Ban Tổ chức trước khi ra quyết định.

Khi huyện thấy cần thiết muốn điều động cán bộ của các ngành tỉnh công tác ở các cơ quan quanh huyện từ cán sự 1, trưởng, phó phòng và kỹ thuật trung cấp nhất thiết phải trao đổi thống nhất với ngành dọc quản lý, cá nhân cán bộ có đồng ý mới ra quyết định. Nếu có trường hợp không thống nhất báo cáo với Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức).

3. Quản lý đội ngũ cán bộ chủ chốt xã

Việc quản lý cán bộ chủ chốt ở xa các huyện, thị quản lý cá nhân đến các ban chi ủy chi bộ, ủy viên Ủy ban hành chính xã, trưởng, phó các ngành ở xã, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã, Hội đồng nhân dân xã.

Việc quản lý cán bộ chủ yếu đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, chính trị và văn hóa. Nghiên cứu khả năng cán bộ để phân công sử dụng cho hợp lý. Việc quản lý cán bộ chủ chốt ở xã tương đối rộng, các cấp ủy huyện, thị nghiên cứu có kế hoạch thông qua các tổ chức của các ngành mà nắm số cán bộ này.

Đối với các cơ quan, đoàn thể huyện:

Các cơ quan đoàn thể có nhiệm vụ giúp cấp ủy quản lý số cán bộ nhân viên thuộc diện huyện quản lý công tác trong phạm vi của tổ chức mình được quản lý đến các ủy viên chấp hành xã về các mặt như giáo dục, đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với các xí nghiệp Trung ương:

Đối với các xí nghiệp Trung ương tỉnh quản lý cá nhân các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng ủy và số cán bộ chuyên trách Đảng, đoàn thanh niên và công đoàn. Ngoài ra, tỉnh giúp

Trung ương quản lý diện cán bộ Trung ương quản lý như chánh, phó giám đốc.

Các Đảng ủy xí nghiệp có nhiệm vụ cùng với Ban Tổ chức giúp Tỉnh ủy quản lý số cán bộ thuộc diện tỉnh và Trung ương quản lý. Việc thay đổi điều động số cán bộ thuộc diện tỉnh trực tiếp quản lý phải báo cáo với Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức) và đối với cán bộ nhân viên chuyên trách của các đoàn thể thì có sự liên hệ trao đổi thống nhất với tổ chức ngành dọc ở tỉnh.

3. Ủy ban hành chính tỉnh

Trong nghị quyết của Ban Bí thư về công tác quản lý cán bộ có nói: "Đảng thống nhất quản lý công tác cán bộ không có nghĩa là Nhà nước không làm công tác cán bộ. Các cơ quan các ngành căn cứ vào đường lối, chính sách của Đảng, căn cứ vào nhu cầu công tác của ngành mình và quyết định của cấp ủy Đảng hoặc cơ quan nhà nước cấp trên... mà tổ chức thực hiện việc đào tạo bồi dưỡng... cán bộ nhà nước còn có trách nhiệm đem đường lối, chính sách cán bộ của Đảng biến thành những quy định chế độ, thể lệ Nhà nước để thi hành. Vì vậy đối với cán bộ ở trong Đảng hoặc ngoài Đảng công tác ở cơ quan nhà nước việc bổ nhiệm, điều động tuyển lựa... mặc dù tổ chức Đảng quyết định nhưng khi tiến hành về mặt chính quyền thì phải theo đúng nguyên tắc và quy định của pháp luật Nhà nước và thể lệ của chính quyền".

Dựa vào tinh thần trên, nhiệm vụ của Ủy ban hành chính trong công tác quản lý cán bộ như sau:

- Ra quyết định về mặt chính quyền về công tác cán bộ như đề bạt điều động, cho thôi, cho nghỉ, tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật... đối với công nhân, viên chức như hiện hành.

- Xem xét lương của cán bộ nhà nước đảm bảo đúng chế độ chính sách về vấn đề tiền lương...

- Chỉ đạo đôn đốc các ngành về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ... Theo dõi hệ thống dân cư như Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện

và Ủy ban hành chính huyện, thị... Quản lý cá nhân các Hội đồng nhân dân tỉnh huyện, ngoài ra biên chế của các cơ quan nhà nước.

Trực tiếp quản lý số cán bộ, nhân viên không thuộc diện tinh quản lý công tác ở văn phòng ủy ban và các phòng trực thuộc ủy ban. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp cấp ủy quản lý số cán bộ thuộc diện tinh quản lý công tác ở văn phòng ủy ban và các phòng trực thuộc ủy ban.

Ngoài ra, ủy ban còn nhiều những vấn đề cụ thể trong công tác quản lý cán bộ như về hưu, mất sức lao động, cán bộ miền Nam, theo dõi kiểm tra chiêu sinh, v.v. như hiện nay.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Ban Tổ chức Tỉnh ủy là cơ quan trung tâm giúp cấp ủy làm nhiệm vụ quản lý đội ngũ cán bộ của tỉnh, có trách nhiệm cùng với các ngành, các cơ quan và các cấp ủy cấp dưới giúp tinh quản lý đội ngũ cán bộ. Hiện nay, diện cán bộ thuộc tinh quản lý có trên 500 người nên tất cả đều tập trung vào cấp ủy xét duyệt cụ thể như trước đây có nhiều khó khăn. Để đảm bảo tốt công tác quản lý đội ngũ cán bộ và cẩn cứ vào nhiệm vụ của Ban Tổ chức. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định giao nhiệm vụ cho Ban Tổ chức giúp Tỉnh ủy được quản lý một số cán bộ sau đây:

- Trưởng, phó phòng các ngành xung quanh tinh.
- Chánh, phó bí thư các đoàn thể huyện, thị (không phải là cấp ủy viên).
- Giáo viên cấp II, hiệu trưởng cấp II, bác sĩ, kỹ sư.
- Cán sự 2 đến cán sự 4.
- Chiến sĩ thi đua.
- Số cán bộ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao nhiệm vụ cho Ban Tổ chức trực tiếp quản lý cá nhân. Ban Tổ chức được những quyền hạn như sau:
 - Quyết định điều động cán bộ.
 - Xét duyệt cho đi học các lớp chuyên môn, nghiệp vụ dài hạn.

- Cho thôi, cho nghỉ những trường hợp có lý do chính đáng.
 - Ban Tổ chức có nhiệm vụ thường xuyên báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quản lý cán bộ.
- 5. Công tác để bạt cán bộ và xử trí cán bộ là đảng viên có vấn đề về chính trị vẫn do tỉnh xét duyệt và quyết định như hiện nay.**

II. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Để đảm bảo thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý cán bộ, các cấp, các ngành phải quán triệt và nhận thức đầy đủ công tác cán bộ là khâu trọng yếu trong việc tổ chức thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng trong quần chúng nhân dân. Các cấp, các ngành phải phân công đồng chí cấp ủy phụ trách chuyên trách công tác tổ chức; phải tăng cường bổ sung đủ cán bộ tổ chức theo biên chế và bố trí để cho cán bộ tổ chức đi sâu vào nghiệp vụ và chuyên môn hóa cán bộ tổ chức.

2. Củng cố kiện toàn lại các "Tiểu ban quản lý cán bộ" của các ngành các cơ quan xung quanh tỉnh. Mỗi tiểu ban chỉ định từ 3 đến 5 người, thành phần gồm có thủ trưởng cơ quan, ban chi ủy và cán bộ tổ chức.

Tiểu ban quản lý cán bộ của các ngành các cơ quan trực tiếp dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy. Có nhiệm vụ cùng với Ban Tổ chức giúp Tỉnh ủy quản lý đội ngũ cán bộ.

3. Thành lập Ban Tổ chức huyện, thị do 1 đồng chí cấp ủy là trưởng ban, nếu cần có thể chỉ định thêm một phó ban. Mỗi ban tổ chức huyện có từ 3 đến 5 cán bộ. Huyện trên 30 xã có thể được cử 6 cán bộ kể cả cấp ủy chuyên trách. Số cán bộ tổ chức của Ủy ban hành chính huyện thì do Ban Tổ chức huyện, thị quản lý về công tác.

4. Ban tổ chức tỉnh có kế hoạch họp với các tiểu ban quản lý cán bộ của các ngành các cơ quan tỉnh và Ban Tổ chức huyện để

bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết quản lý cán bộ của tỉnh.

5. Tất cả những cán bộ tổ chức của các ngành, các cơ quan và các huyện, thị do Ban Tổ chức quản lý. Trường hợp thay đổi cán bộ tổ chức phải được Ban Tổ chức đồng ý.

6. Căn cứ vào những quy định trên, Ban Tổ chức có nhiệm vụ hướng dẫn cụ thể, kiểm tra, đôn đốc các cấp các ngành thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh. Nghiên cứu quy định nhiệm vụ cho các tiểu ban quản lý cán bộ các ngành.

Việc phân cấp quản lý cán bộ nhằm thực hiện tốt mọi chính sách của Đảng và Chính phủ về công tác cán bộ. Các ngành, các cấp đề cao tinh thần phụ trách trước tỉnh đảm bảo những nguyên tắc, thủ tục đã quy định. Lê lối làm việc dựa trên cơ sở tập thể, có kế hoạch dần dần chuyên môn hóa cán bộ, tránh điều động xáo lộn không cần thiết.

Các cấp, các ngành căn cứ vào nghị quyết này mà thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý cán bộ

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 20-BC/TU, ngày 14-10-1964

Về việc phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai, ra sức xây dựng và bảo vệ miền Bắc, tích cực ủng hộ cách mạng giải phóng miền Nam"

Báo cáo gồm hai phần:

- I. Những kết quả đã đạt được từ khi phát động cao trào thi đua đến nay.
- II. Nhận xét chung về nguyên nhân những ưu điểm, những tồn tại của tình hình cao trào thi đua.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TỪ KHI PHÁT ĐỘNG CAO TRÀO THI ĐUA ĐẾN NAY

Qua 5 tháng (từ ngày 1-5 đến 30-9) thi hành Chỉ thị số 77 của Trung ương Đảng và Nghị quyết số 8 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về việc phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai, ra sức xây dựng và bảo vệ miền Bắc, tích cực ủng hộ cách mạng giải phóng miền Nam" nhìn chung đã tạo được một sự chuyển biến rõ rệt về mọi mặt tình hình công tác trong tỉnh.

a) Về tư tưởng

Cuộc phát động này như chỉ thị Trung ương đã nêu rõ: "Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhận thức một cách có hệ thống và nhất trí sâu sắc hơn về đường lối cách mạng của Đảng

(cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng giải phóng miền Nam và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, đường lối đối ngoại), do đó mà nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và lòng yêu nước, bồi dưỡng chí khí phấn đấu, tinh thần triệt để cách mạng, truyền thống quyết chiến quyết thắng không sợ khó khăn gian khổ, phát huy ý thức làm chủ tập thể, tự lực cánh sinh, dám nghĩ, dám làm, dũng cảm vươn lên hoàn thành ba nhiệm vụ mà Hồ Chủ tịch đã đề ra".

Thực hiện nhiệm vụ đó, toàn tỉnh đã tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị với quy mô tập trung và rộng lớn và chia làm nhiều đợt trong các cấp ủy từ tỉnh trở xuống, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, từ xí nghiệp cơ quan đến nông thôn nhằm nghiên cứu các vấn kiện:

- Báo cáo của Hồ Chủ tịch tại hội nghị chính trị đặc biệt.
- Nghị quyết 9 của Trung ương.
- Kế hoạch nhà nước năm 1964.
- Ý nghĩa cao trào thi đua.
- Nghị quyết 6 và 8 của Tỉnh ủy.

Ngoài việc nghiên cứu các vấn kiện trên, tỉnh đã tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, động viên giáo dục xoáy vào các nội dung trên nhằm các ngày kỷ niệm lớn, nhất là dịp 20-7, đợt đấu tranh chống đế quốc Mỹ khiêu khích bắn phá miền Bắc ngày 5-8 và kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9.

Chúng ta còn tổ chức đọc rộng rãi, nhất là trong thanh niên cơ quan, xí nghiệp cuốn *Từ tuyến đầu Tổ quốc* đã có tác dụng giáo dục tư tưởng và giáo dục tình cảm rất tốt.

Trong toàn bộ đợt sinh hoạt chính trị này, các cấp lãnh đạo đã được trực tiếp tham gia và chỉ đạo việc diễn giải, thảo luận, nghiên cứu cá nhân đọc sách, kết hợp chặt chẽ với hồi tưởng, so sánh hoàn cảnh trước đây của địa phương, của cá nhân từng người do đó tác dụng động viên mạnh mẽ sâu sắc.

Hầu hết các cơ quan, xí nghiệp 100% cán bộ, công nhân đã

tham gia học tập, nghiên cứu các văn kiện chính. Các xã kể cả các xã rẽo cao từ 60 đến 90% số người đến tuổi trưởng thành đã tham gia sinh hoạt.

Trên cơ sở kết quả giáo dục của nghị quyết Trung ương trước đây, nhất là Nghị quyết Trung ương lần thứ 7, 8, sau khi tiến hành các đợt giáo dục này, kết quả toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ hơn về thắng lợi và yêu cầu của cách mạng miền Bắc, miền Nam và quốc tế, nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của mỗi người đối với yêu cầu của cách mạng trong nước và quốc tế, nâng cao lòng căm thù địch. Khẩu hiệu ba vì và mỗi người làm việc bằng hai, sẵn sàng chiến đấu đã trở thành tiếng nói phổ biến trong quần chúng. Riêng cán bộ sơ cấp trở lên thì nhận thức được một cách tương đối có hệ thống về đường lối cách mạng miền Nam và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Do tư tưởng được nâng cao, một phong trào thi đua rộng rãi, từ các cơ quan, xí nghiệp đến nông thôn đã được phát triển, khí thế cách mạng của cao trào thi đua đã xuất hiện tại nhiều xã và cơ quan, xí nghiệp. Trong cán bộ, công nhân cơ quan, xí nghiệp tinh thần công tác, nội quy giờ giấc làm việc, hội họp ý thức tham gia lao động và ý thức xuống cơ sở được nâng lên rõ rệt. Nhiều hiện tượng mỏi mệt, nghỉ ngơi, sinh hoạt đảng, đoàn thể, hợp tác xã, học tập văn hóa không đều, tư tưởng cá nhân chủ nghĩa chạy theo làm ăn riêng lẻ ở cơ sở được khắc phục khá mạnh, ý thức tổ chức, kỷ luật, cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế bất trắc được tăng cường rõ rệt.

b) Về tổ chức chỉ đạo

Đặc điểm cuộc phát động thi đua lần này là các cấp, các ngành đã chú ý ngày càng đầy đủ đến việc kết hợp chặt chẽ việc phát động giáo dục tư tưởng với tổ chức quần chúng hành động thể hiện trên các mặt dưới đây:

1. Các cấp ủy, các cán bộ lãnh đạo các ngành trực tiếp chỉ đạo thi đua đó là một chuyển biến mới trong tác phong lãnh đạo của tỉnh ta. Từ tỉnh đến các ngành, các huyện, các xã đã nhận thức được những vấn đề then chốt của kế hoạch nhà nước năm 1964 và một số năm sau nữa (lương thực, xuất khẩu, lao động, lưu thông phân phối), đồng thời căn cứ vào tình hình cụ thể của các địa phương để kiểm điểm sâu sắc những ưu khuyết điểm trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước và của các (...) quyết nghị riêng quy định các cao điểm về nhiệm vụ, về biện pháp phải đạt được trong từng thời gian nhất định cho thật sát, do đó đã hướng được quần chúng vào những mục tiêu cụ thể để phấn đấu hoàn thành. Sau khi có nghị quyết tiến hành, các cấp ủy các ngành đã có phân công cấp ủy viên theo dõi thi đua. Sơ kết các đợt công tác của các cấp, các ngành đồng thời là sơ kết thi đua có khen thưởng, động viên mạnh mẽ. Nhiều đồng chí trong các cấp ủy các ngành đã đi kiểm tra, đôn đốc phong trào như đợt sinh hoạt chính trị, đợt ba thu làm mùa, làm phân, xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, xây dựng chi bộ bốn tốt... Sự chỉ đạo tập trung mạnh mẽ như vậy thực sự đã có những chuyển biến rất lớn, tạo cho phong trào khí thế mạnh mẽ. Có những việc rõ ràng lúc đầu có nhiều khó khăn như phân bón cho vụ đông - xuân đến cuối tháng 4 còn rất ít khi có sự chỉ đạo mạnh thì kết quả tốt, công tác ba thu làm mùa nhất là ba thu một số nơi có khó khăn nhưng được các cấp, từ tỉnh trở xuống tập trung chỉ đạo cũng đã thu được kết quả khá tốt. Việc chỉ đạo trồng khoai lang ở Sa Pa cũng là một tiến bộ lớn.

2. Muốn có hành động cách mạng mạnh mẽ, quần chúng phải được tổ chức và phải có ý thức sâu sắc đối với việc củng cố và việc phát triển tổ chức của mình. Quá trình phát động quần chúng đấu tranh thực hiện kế hoạch, các cấp các ngành ngày càng thấy rõ rệt phải chỉ đạo phát động thi đua xây dựng, tổ chức, xây dựng con người mới gắn liền với những tổ chức ấy để làm động lực của phong trào thi đua được phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc.

Được sự chỉ đạo của các cấp, các ngành, xu hướng càng mạnh. Phong trào thi đua xây dựng hợp tác xã tiến lên trong nông nghiệp, thi đua xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp, phong trào thi đua xây dựng chi đoàn thanh niên bốn tốt, phụ nữ năm tốt, dân quân tự vệ quyết thắng và tiên tiến, công đoàn bốn tốt ngày càng mở rộng. Đặc biệt, việc xây dựng chi bộ bốn tốt phát triển rất nhanh.

Tác dụng của việc đăng ký thi đua xây dựng tổ chức cơ sở rất sâu vì nó đòi hỏi việc giáo dục tư tưởng và hành động phải đi đến từng người trong các tổ chức ấy và rất rộng vì hầu hết nhân dân trong tỉnh là ở trong các tổ chức quần chúng, tổ chức kinh tế - xã hội chủ nghĩa.

Nhiều điển hình của việc xây dựng tổ chức đã xuất hiện và lôi kéo, thúc đẩy phong trào lên rất nhanh như:

- Sau khi hội nghị hợp tác xã tiên tiến, những hợp tác xã tiên tiến như: Phố Lu, Lê Lợi, Lý Lao Chải, Tả Van, Seo Pờ Hồ, Bản Vược, Thào Chu Phìn, Xíu Chải, Tà Chải, Nậm Kha, Nậm Lử được công nhận thì phong trào hợp tác xã nói chung được củng cố và phát động, ý thức thi đua xây dựng hợp tác xã của mình theo các hợp tác xã tiên tiến được ăn sâu xuống khá đồng đảo xã viên. Trong ba tháng qua, hầu như không có xã viên xin ra mà tỷ lệ số hộ tham gia hợp tác xã vẫn tăng lên trong cả ba vùng. Chỉ tiêu cả năm là đưa từ 48% lên 65% số hộ vào hợp tác xã, đến nay đã đạt được 58,8%. Nhiều hợp tác xã từ kém về mặt này hay mặt khác đã tiến vọt lên như hợp tác xã Lê Lợi, Làng Dạ, xã Cam Cọn, vượt mức trên giao thu thóc và có tiến bộ nhiều về thu mua thực phẩm. Nhiều hợp tác xã được đề nghị khen thưởng trong dịp thi đua "vụ đông - xuân năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi" như Tiên Phong, Châu Toòng, Bản Hang, Bản Vược, Bản Vai, Bản Láng.

- Từ khi phát động cao trào thi đua, việc vận động các chi bộ phấn đấu giành danh hiệu chi bộ bốn tốt được các cấp ủy Đảng dần dần thấy rõ đó là một trong các nội dung chủ yếu để lãnh đạo cao

trào, khắc phục được tư tưởng rụt rè, không kiên quyết lúc đầu. Từ con số 20 chi bộ đã lên tới 146 chi bộ xin đăng ký phấn đấu trở thành chi bộ bốn tốt. Nhìn vào các chi bộ xin đăng ký, ta thấy phong trào tiến mạnh từ các cơ quan, công trường, xí nghiệp (70% số chi bộ xin đăng ký) đến nông thôn (Sa Pa, Bắc Hà có gần 100% chi bộ xin đăng ký), mà điển hình là Chi bộ xã Thống Nhất (Muồng Khương), Chi bộ Thào Chu Phìn (Bắc Hà). Chẳng những các chi bộ ở nông thôn địa phương có phong trào mà các đơn vị mới khai hoang cũng có chi bộ xin đăng ký như chi bộ khai hoang An Trà (Bảo Thắng). Hiện nay, phong trào này đang đi vào bờ sâu và nhiều chi bộ đang tiếp tục học tập để đăng ký. Nhiều chi bộ có những chuyển biến rõ rệt, như:

- Chi bộ phân xưởng sửa chữa ôtô thuộc Mỏ apatít, trước đây luôn luôn không hoàn thành kế hoạch sửa chữa và bảo dưỡng vì thiếu nguyên liệu. Bước vào cuộc vận động phong trào chi bộ bốn tốt, các đảng viên đã phát huy trách nhiệm lãnh đạo của mình, giáo dục tốt tinh thần tự lực cánh sinh, ý thức làm chủ, nên đã tận dụng được mọi nguyên liệu sẵn có, phát huy được nhiều sáng kiến nên những tháng qua kế hoạch đại tu đã hoàn thành 100%, kế hoạch bảo dưỡng vượt 7%. Toàn thể 16 cơ sở sản xuất đã ghi tên xin đăng ký tổ lao động xã hội chủ nghĩa và được tinh công nhận trong đó có một tổ được Trung ương công nhận, 58% đảng viên là lao động tiên tiến. Việc đảm bảo an toàn lao động tốt, chất lượng cao.

- Trong nông nghiệp, Chi bộ Thào Chu Phìn vẫn tiếp tục phát huy mạnh mẽ truyền thống của mình. Trong vụ mùa này, qua kiểm điểm đã vượt 9 chỉ tiêu sản xuất, các chỉ tiêu khác đạt xấp xỉ và đang phấn đấu vượt. 750 cân giống ruộng bậc thang đã được gieo trồng và chăm sóc tốt trên cơ sở chi bộ giải quyết được tư tưởng cho là ruộng bậc thang mới khai phá năm đầu gieo trồng không được ăn. Việc bán lợn trong và ngoài nghĩa vụ đến tháng 7 đã đạt 76%.

Các chi bộ khác như Tả Ngǎo, Lao Chải, Lê Lợi, Bản Vược... cũng có nhiều chuyển biến mạnh mẽ trên mọi mặt công tác.

- Do công tác củng cố cơ sở đảng và phong trào đăng ký chi bộ bốn tốt có nhiều chuyển biến nhanh mạnh mẽ nên việc lãnh đạo bồi dưỡng và phát huy tác dụng của các tổ chức quần chúng ở xã và các cơ sở đã có nhiều tiến bộ. Lực lượng thanh niên do đoàn viên làm nòng cốt đã mở đầu cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai, bằng một phong trào thi đua giành danh hiệu Điện Biên - Ấp Bắc nhằm tấn công mạnh mẽ vào cao điểm làm và bón phân cho lúa chiêm. Từ phong trào thi đua này đã xuất hiện 1.040 thanh niên Điện Biên - Ấp Bắc và 273 nam, nữ đoàn viên làm vượt chỉ tiêu kiện tướng 1.000 cân đạt tiêu chuẩn cao từ 3.000 đến 5.000 cân phân một người. Hiện đã có 122 chi đoàn đăng ký phấn đấu trở thành chi đoàn bốn tốt.

- Sau hội nghị chiến sĩ thi đua tổ đội lao động tiên tiến trong công nghiệp (1-5), phong trào thi đua giành danh hiệu tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa với khí thế sôi nổi hăng hái trong khẩu hiệu "Mỗi người làm việc bằng hai" giành bốn cao điểm: năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều và an toàn lao động. Nếu trong đại hội liên hoan 1-5 mới có 17 cơ sở gồm 74 đội thì đến nay đã có 323 tổ đội xin đăng ký phấn đấu, đã được tỉnh công nhận 142 và Trung ương công nhận 14 bản làm đầu tàu đã mang lại kết quả tốt. Từ chỗ mức phân bón còn rất ít, đã đưa lên 36 kg một cân giống. Tổng số phân đạt 16.505 tấn tăng hơn vụ đông - xuân 1963 gấp ba lần. Phong trào lan đến các nơi chưa làm phân bao giờ như đồng bào Mán Cốc Ly, có nơi chưa bón phân cho lúa bao giờ cũng đã bón (Nậm - Kráp Bắc Hà). Trong thanh niên, học sinh, cơ quan, xí nghiệp, thị xã có phong trào làm phân và ủng hộ phân cho nông thôn. Phong trào này đã đạt hiệu quả kinh tế rõ rệt và nó đã góp phần làm cho tổng sản lượng lúa chiêm vượt kế hoạch Trung ương giao là 695 tạ, mặc dù diện tích lúa chiêm mới đạt 90% kế hoạch. Vụ mùa này toàn tỉnh đã được 9.216 tấn phân, bình quân bón cho riêng lúa được 1,4 tấn trên một hécta.

3. Thủy lợi: Phong trào làm thủy lợi hai năm đã được phát động từ trước và tỉnh đã đạt được nhiều thành tích về sửa chữa, làm mới mương phai, làm các công trình trung thủy nông, chống xói mòn... Phát động cao trào thi đua đã thúc đẩy phong trào lên một bước mới. Đáng chú ý là việc huy động nhân công được nhanh hơn. Cán bộ, công nhân viên, bộ đội đã tham gia với ý thức rất tốt. Công tác động viên tiếp tục làm mương bậc thang và cày cấy ruộng bậc thang đã khai phá đầu năm đạt kết quả tốt, khắc phục được những tư tưởng ngại khó ngại khổ.

4. Quản lý lao động: Việc quản lý lao động có tiến bộ khá, thể hiện việc tập trung được lao động để phát triển kinh tế tập thể giảm làm riêng lẻ, để thâm canh tăng năng suất như làm phân, cày cấy ruộng bậc thang, làm thủy lợi để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã như sân phơi, nhà kho.

5. Về giao thông vận tải: Việc mở rộng các đường giao thông nhỏ ở nông thôn để phục vụ cho sản xuất đã được chú ý. Nhiều xã đã huy động lao động trong xã đi làm đường để người, ngựa, xe thô sơ đi lại được dễ dàng. Số xe vận tải đơn giản được một số xã chú ý làm được nhiều như Lê Lợi, Bản Vền, v.v. và 6 tháng đầu năm đã đạt 129% kế hoạch về tổng số xe cải tiến thô sơ.

6. Về bảo vệ hoa màu và chăm sóc gia súc: Năm 1963 là năm ta có nhiều thiệt hại vì sâu chuột, gia súc phá hoại mùa màng. Năm nay, nhiều biện pháp đã được tiến hành, tập trung trừ rệp cho mía, tăng cường phân phôi thuốc trừ sâu chuột, thông báo thường xuyên về tình hình sâu bệnh, phát hiện và tập trung trừ sâu kịp thời ngay khi mới xuất hiện, đẩy mạnh phong trào làm chuồng trại, một số nơi đã quy định vùng chăn nuôi và trồng trọt, chỉ đạo trọng điểm rút kinh nghiệm tăng cường và kiên quyết chống dịch lợn, chú ý cung cấp điều hòa giống lợn ngay sau khi dịch chấm dứt, lập quy ước chăn nuôi gia súc, bảo vệ mùa màng cùng với cải tạo phong tục tập quán... đã có tác dụng rõ rệt. Nhiều cơ sở chăn nuôi tập thể do được chú ý chăm sóc và chỉ đạo nên

khắc phục được tình trạng tư tưởng dao động và đang có chiêu hướng phát triển (Cam Đường, Lê Lợi...) Sự thiệt hại về sâu chuột, già súc phá hoại trong vụ chiêm vừa qua và vụ mùa này đã giảm đi nhiều.

Các cao điểm về chỉ tiêu sản lượng

1. Về nông nghiệp

- *Cao điểm về cây trồng:* Đến nay chưa kiểm được tất cả các chỉ tiêu sản lượng của năm cao điểm do tinh đê ra vì còn đợi.

Nhiều cơ sở trước chưa có tổ nào xin đăng ký nay đã có phong trào khá như kiến trúc đã có 10 tổ, giáo dục đã có 9 tổ. Về cơ quan hành chính sự nghiệp trước chỉ còn 1 tổ xin đăng ký nay đã lên tới 29 tổ. Ngành lâm nghiệp và trạm lâm sản Phố Lu đã họp được hội nghị những người đạt ba cao điểm. Có người đã đạt tiêu chuẩn với 178 sáng kiến tiết kiệm được 61,166 đồng. Các ngành khác như Mỏ apatít, Nhà máy điện, Bưu điện đang tích cực chuẩn bị cho hội nghị những người đạt ba cao điểm tại cơ sở. Nói chung trong cơ quan công trường, xí nghiệp 9 tháng nay đã có 969 sáng kiến, trong đó có nhiều sáng kiến có giá trị cao.

- Trong dân quân tự vệ trước khi phát động toàn tỉnh mới có 35 đơn vị đăng ký phấn đấu trở thành đơn vị tiên tiến và 7 đơn vị phấn đấu thành đơn vị quyết thắng, đến nay đã có 16 đơn vị ghi tên phấn đấu trở thành đơn vị quyết thắng và 66 đơn vị phấn đấu trở thành đơn vị tiên tiến. Đặc điểm nổi bật của phong trào dân quân tự vệ là nhiều xã thuộc rẽo cao, xung yếu cũng tham gia mạnh mẽ. Tinh thần hăng hái luyện tập quân sự, chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng sẵn sàng chiến đấu được nâng lên một bước mới, nhất là từ sau ngày 5-8-1964, 83 đơn vị đã được tiến hành điểm tập, báo động kiểm tra tại chỗ và 62 xã đã tiến hành thực tập bổ sung theo kế hoạch phương án tác chiến, phòng, chống biệt kích. Việc xóa bόng hờ ở những nơi tiếp giáp các tỉnh, huyện bạn, các vùng xung yếu rẽo cao được chú trọng kiểm tra và củng cố. Với ý thức xây dựng đơn vị

ngày càng cao, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh nhà đã được củng cố thêm một bước về mặt tư tưởng, tổ chức và khả năng chiến đấu, ý thức sẵn sàng đợi lệnh có giặc là đánh, đánh là phải thắng đã góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng chiến đấu và đối phó với những tình huống do phương án của các cơ sở đã dự kiến và qua thực tập, bổ sung nhiều lần.

Về hành động

Chỉ thị của Trung ương nói: "Phong trào hành động cách mạng của quần chúng là mục tiêu và thước đo kết quả của cuộc phát động này" và chỉ ra phương hướng để cho các địa phương, các ngành định ra các cao điểm cho hành động cách mạng là trước mắt cần định ra các chỉ tiêu và biện pháp cụ thể nhằm hoàn thành tốt và toàn diện vụ sản xuất đông - xuân trong nông nghiệp, hoàn thành kế hoạch công nghiệp 6 tháng đầu năm cả về chất lượng và số lượng nhất là về những sản phẩm và công trình có tầm quan trọng then chốt về nền kinh tế trong nước và xuất khẩu, triệt để thực hành tiết kiệm lương thực, nông sản quý và một số mặt hàng tiêu dùng, tích cực đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân, củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an.

Căn cứ vào những chỉ tiêu trên đây, Ban Chấp hành tỉnh ủy đã định ra các cao điểm trên các mặt nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa xã hội, trị an quốc phòng, kiểm điểm tổng quát, hiện nay đã đạt được.

Về mặt trận nông nghiệp

- Các cao điểm và biện pháp:

1. Phân: Phong trào làm phân rộng lớn trong toàn tỉnh để thực hiện khẩu hiệu "Lấy năng suất bù diện tích", sau khi diện tích lúa chiêm không đạt do tỉnh phát động lấy thành vụ thu hoạch mùa. Riêng về lúa chiêm ta đã thu hoạch và vượt kế hoạch 1964 là 695 tạ. Năng suất so với năm 1963 tăng 3,8%. Kế hoạch 1964 năng suất là 23 tạ/ha ta thực hiện 23,57 tạ/ha kiểm điểm về kế hoạch diện tích thì ta thấy:

Lúa đạt 102,4% kế hoạch so với 1963 tăng 6,31%.

Ngô đạt 102% kế hoạch so với 1963 bằng 97,8%.

Đậu tương 110,8% kế hoạch so với 1963 tăng 19,8%.

Khoai lang 58% kế hoạch so với 1963 tăng 20,7%.

Tuy khoai lang chưa đạt kế hoạch nhưng đặc điểm của tỉnh ta là vùng cao trước chưa biết trồng khoai lang phải vận chuyển khoai lang giống lên vùng cao, vì ở đó không dễ được dây khoai lang giống qua mùa rét, chỉ tiêu đạt được như vậy là một cố gắng lớn và so với năm 1963 ta đã tăng tới 20,7%.

Cây lương thực nói chung diện tích đến nay vượt kế hoạch 3,7% (dự kiến sẽ vượt tới 4,5%) trong đó cây lương thực chính (lúa, ngô) vượt 3,2%, đáng chú ý nhất là diện tích cây lương thực tăng tới 906 ha. Trong toàn bộ diện tích cây trồng năm nay tăng 21.848 ha so với kế hoạch năm 1964.

Diện tích cây công nghiệp đạt 186% kế hoạch năm 1964, chiếm 12% tổng số diện tích trồng trọt.

Nhìn chung về toàn bộ diện tích cây trồng rõ ràng ta đã có một bước tiến vọt lớn, tuy có một số chỉ tiêu chưa đạt.

Ngay những chỉ tiêu chưa đạt nhìn vào phong trào thi đua, từng nơi vẫn thể hiện một khí thế mạnh mẽ, ví như phong trào, từ ngày 19-5 đến ngày 10-6 tức là 21 ngày nhân dân Sa Pa đã trồng 35 tấn khoai lang giống bằng hơn một tháng trước đó. Và với đà thi đua này, huyện Sa Pa đã vượt kế hoạch khoai lang tới 59% kế hoạch năm 1964.

Trong khí thế thi đua của quần chúng về mặt này ta còn chú ý đến phong trào thu chiêm, làm mía sôi nổi trong toàn tỉnh. Yêu cầu sự viện trợ về sức lao động của cơ quan thị trấn, các xã không đặt ra lớn như mọi năm nữa vẫn thu hoạch nhanh, gọn. Phong trào gặt đến đâu, đập và mang về nhà đến đó đã thành phố biển. Đập thóc, gánh thóc về đêm rất sôi nổi ở nhiều xã. Vụ mùa năm nay là vụ mùa làm kịp thời vụ nhất kể từ khi ta có phong trào hợp tác hóa đến giờ, chứng tỏ khí thế thi đua của quần chúng và tác phong lãnh đạo của cán bộ cơ sở có chuyển biến mạnh.

Cao điểm về chăn nuôi gia súc: Tính đến tháng 4-1964:

- Trâu đạt 94,7% so kế hoạch cả năm.
- Bò đạt 82,1% so kế hoạch cả năm.
- Ngựa đạt 67% so kế hoạch cả năm.
- Lợn đạt 84,5% so kế hoạch cả năm.

Do đầu năm có dịch lợn lớn cho nên so với kế hoạch, lợn đạt được còn thấp. Trong mấy tháng gần đây, số đầu lợn đã tăng lên nhanh. Chăn nuôi tập thể đang phát triển và công tác quản lý ngày càng tiến bộ có kinh nghiệm tốt. Tuy nhiên về mặt chăn nuôi vẫn là mặt phải chú trọng hơn nữa.

2. Về công nghiệp và thủ công nghiệp

Qua số liệu chúng ta thấy:

- *Về công nghiệp địa phương:* Tổng giá trị sản lượng 9 tháng đạt 75,3% kế hoạch, ước tính cả năm sẽ đạt 102,5% kế hoạch. Nổi bật là các sản phẩm chủ yếu phục vụ cho xây dựng, cho cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp được thực hiện tốt như:

Cà bừa vượt 9,8% kế hoạch.

Dao phát vượt 10,1% kế hoạch.

Gạch vượt 61,8% kế hoạch.

Vôi vượt 44,9% kế hoạch.

Và phục vụ các hợp tác xã làm được 26 sân phơi...

- *Về thủ công nghiệp:* Tổng giá trị sản lượng 9 tháng đạt 67,7% kế hoạch cả năm. So với 9 tháng năm 1964 vượt 4,7%. Đáng chú ý là ngành thủ công nghiệp đã góp phần lớn vào việc chế biến chất bột. Có những sản phẩm mới đã sản xuất được nhiều như miến, mạch nha.

Phong trào thi đua trong công nghiệp đã có tác dụng mạnh mẽ về các mặt sau đây: Có khả năng đảm bảo hoàn thành kế hoạch cả năm, phục vụ cho nông nghiệp, mạnh mẽ hơn các năm trước nhiều mở rộng được phong trào "Năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, an toàn lao động", xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa.

Trong các ngành, chúng ta đều thấy có chuyển biến. Có những ngành có phong trào cũ và vẫn tiến đều toàn diện như Bưu điện, Nhà máy điện, Mỏ apatít... Một số ngành như Ty Công nghiệp địa phương, quốc doanh dược phẩm, lâm nghiệp... có nhiều bước tiến mới, có ngành như kiến trúc, giao thông trong những tháng gần đây cũng đang có biến chuyển bước đầu.

3. Về mậu tài

Thu mua lương thực, tỷ lệ sản lượng lúa chiêm chỉ chiếm 17,7% tổng sản lượng lúa, nhưng kế hoạch thu mua thóc chiêm đã thực hiện được 69% kế hoạch thu mua thóc cả năm. Ngô đại bộ phận là thu vào vụ mùa này nhưng cũng đã đạt kế hoạch thu mua là 38,4% cả năm. Sắn thu mua đạt 74,6%. Đây là một trong những chuyển biến mạnh nhất của cao trào thi đua. Chẳng những ta thu mua vượt kế hoạch thóc chiêm do Trung ương giao, tốc độ rất nhanh vượt thời gian tĩnh giao mà nói chung đảm bảo chính sách, tư tưởng quần chúng trong quá trình đóng góp biểu hiện tốt hơn mọi năm và thóc nhập kho cũng tốt hơn.

Về *thu mua thực phẩm*, so với kế hoạch 9 tháng việc thu mua thực phẩm đạt còn thấp. Riêng rau xanh đã thu mua vượt 7% kế hoạch cả năm. Về tư tưởng ta thấy nhiều nơi mọi năm việc thu mua lợn rất khó, năm nay có biến chuyển rõ như xã Lê Lợi, xã Cam Đường (Bảo Thắng) và so với 8 tháng năm 1963 thì 8 tháng năm 1964 thu mua lợn bằng 193,1%.

Thu mua, các mặt hàng xuất khẩu. Tính trong bảy mặt hàng thu mua xuất khẩu của địa phương (cần câu, gậy trúc, thảo quả, dầu màng tang, dầu pơ mu, gừng khô, cây sặt) thì trong 8 tháng đầu năm 1964 mới đạt 46,3% kế hoạch cả năm nhưng so với 8 tháng năm 1963 thì đều vượt. Có thứ vượt 431% như dầu màng tang. Rõ ràng công tác giáo dục về kế hoạch nhà nước trong cao trào thi đua về ý nghĩa của xuất khẩu có tác dụng khá tốt trong tư tưởng cán bộ và nhân dân.

Tài chính, ngân hàng. Chúng ta đã chú ý tận thu, phấn đấu thăng bằng thu chi, 9 tháng về tổng thu ta đạt 80% kế hoạch. Tổng chi đạt 67% kế hoạch. Nếu so với 9 tháng năm 1963 thì tổng thu tăng 24%, tổng chi chỉ tăng 21%. Đó rõ ràng là cố gắng của tỉnh ta về mặt này.

4. Về y tế, giáo dục, văn hóa

- Giáo dục, bước vào cao trào thi đua, ngành giáo dục đã đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng, chính trị cho giáo viên, học sinh. Nhận thức của giáo viên, học sinh về đường lối giáo dục của Đảng có biến chuyển khá hơn trước từ dịp hè đến nay. Chiến dịch tổng công kích diệt dốt đã phát động. Chỉ riêng 9 tháng vừa qua đã có chín xã báo cáo thanh toán nạn mù chữ trong tổng số 20 đơn vị (trong đó có hai thị xã) đã báo cáo thanh toán nạn mù chữ. 26 trường ở vùng cao đã có ký túc xá, 16 trường nữa đang phấn đấu tổ chức thực hiện. Đó là những cơ sở rất chắc chắn cho sự nghiệp giáo dục phát triển ở vùng cao của tỉnh ta.

Từ đầu năm đến nay, ngành giáo dục có cố gắng lớn về huy động học sinh tới lớp, nhất là ở cấp thấp.

- Sơ cấp bình dân vượt 2% kế hoạch trong đó số người đi học chữ Mèo là 2.500 vượt 15% kế hoạch.

- Bổ túc văn hóa cấp II vượt 11%.

So 9 tháng năm 1963 chỉ số huy động tới lớp là:

Sơ cấp bình dân tăng 69%, bổ túc văn hóa tăng 49%, phổ thông cấp I tăng 14%, phổ thông cấp II tăng 23%. Phổ thông công nghiệp tăng 28%, mẫu giáo tăng 23%, võ lõng tăng 10% và số người thanh toán nạn mù chữ tăng 62%.

Về y tế. Phong trào vệ sinh phòng bệnh mùa hè được phát động và thực hiện tốt. Có những đơn vị thực hiện khá như mỏ địa chất, xã Dân Chủ.

Việc tiêm trừ tả tuy diện rộng và có khó khăn nhiều về vận động quần chúng và huy động cán bộ phục vụ nhưng đã đạt 55,3%

số dân cần phải tiêm phòng. Việc phun thuốc DDT năm nay làm nhanh gọn và đã thành nền nếp. Việc hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch mới tiến hành nhưng đã thu được một số kết quả bước đầu về các mặt tuyên truyền, giáo dục và thực hiện. Số người điều trị tại các bệnh viện tăng lên nhưng số ngày bình quân điều trị giảm xuống. Số tử vong ở các bệnh viện cũng giảm xuống. Số khám thai, số đẻ tại bệnh viện tăng lên, nhưng số tử vong trẻ sơ sinh cũng được giảm xuống.

Về văn hóa: Trong cao trào thi đua đáng chú ý là cuộc vận động mở đại hội diễn văn nghệ trong dân quân tự vệ đã thu hút được 1.082 diễn viên, có 542 tiết mục biểu diễn. Nhiều anh chị em dân quân thuộc các dân tộc Mèo, Mán, Nhắng đã tích cực tham gia. Môn kịch nói đã bắt đầu xuất hiện trong các dân tộc Mèo, Nhắng, 70% tiết mục là tự biên, tự diễn. Đại hội đã phục vụ tốt cho nhiệm vụ chính trị, gây được không khí phấn khởi trong dân quân và nhân dân, góp phần đẩy mạnh sản xuất, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và đẩy mạnh cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai.

Việc cải tạo phong tục tập quán được nhiều địa phương tiến hành có sự lãnh đạo của các cấp ủy, nên đã mang lại kết quả tốt, tiết kiệm về nhân, vật, tài lực và hạn chế được giao súc phá hoại mùa màng.

5. Trị an, quốc phòng

Gắn liền với giáo dục tình hình nhiệm vụ miền Bắc, miền Nam, quốc tế, toàn tỉnh đã tăng cường việc giáo dục phát động tư tưởng cán bộ và nhân dân, dân quân tự vệ và nâng cao cảnh giác, đẩy mạnh phòng không nhân dân, bảo vệ tri an nhất là từ sau ngày 5-8. Việc xây dựng và củng cố lực lượng bảo vệ tri an, dân quân tự vệ, việc tăng cường thực tập và bổ sung các phương án phòng, chống biệt kích, truy lùng bọn lẩn trốn đều được thực tiễn tích cực và đã thu được nhiều kết quả tốt, kế hoạch huấn luyện giáo dục chính trị cho dân quân tự vệ đã hoàn thành cả về số và chất lượng. Khí thế

của quần chúng nhất là dân quân, công an được thể hiện rõ ở nhiều xã. Ví dụ: tại một địa phương khi dân quân, công an và nhân dân thực tập phương án truy lùng biệt kích, phát hiện dấu vết địch liền biến thành cuộc bao vây lùng sục suốt 3 ngày và đã bắt được tên lẩn trốn ở địa phương. Chỉ còn trên 20 xã chưa phát động bảo vệ trị an vào bờ sâu và ba xã nơi trọng điểm, xung yếu còn thuộc loại kém cho nên cuối năm toàn tỉnh có thể đạt kế hoạch như Nghị quyết số 8 của Tỉnh ủy đã định.

*

* * *

NHẬN XÉT CHUNG VÀ NGUYÊN NHÂN NHỮNG ƯU ĐIỂM, NHỮNG TỐN TẠI CỦA PHONG TRÀO THI ĐUA

a) *Qua một thời gian tiến hành phát động cao trào thi đua trong toàn tỉnh, nhìn chung ta đã đạt được những thắng lợi lớn:*

1- Toàn tỉnh đã phát động được một đợt giáo dục tập trung với quy mô lớn bằng nhiều hình thức, nhiều bước kế tiếp nhau liên tục ngày càng sôi nổi. Tư tưởng được phát động từ thấp đến cao biến thành hành động của quần chúng nhằm vào các nhiệm vụ then chốt của kế hoạch nhà nước và củng cố quốc phòng. Nội dung giáo dục "Ba vì", "Mỗi người làm việc bằng hai", "Sẵn sàng chiến đấu" ngày càng được kết hợp chặt chẽ đã đưa được phong trào thi đua lên mạnh và sâu, khí thế của cao trào đã phát hiện tại một số xã, hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp và đang phát triển.

2- Biểu hiện quan trọng nhất là việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước.

Nông nghiệp:

- Tổng sản lượng lúa chiêm so với kế hoạch năm 1964 vượt 695 tạ.
- Tổng diện tích cây trồng tăng 2.848 ha trong đó diện tích cây lương thực tăng 906 ha.

Tổng diện tích lúa vượt kế hoạch năm 1963 là 2,4%, ngô vượt 2% và đậu tương vượt 10,8%.

Công nghiệp:

- Tổng giá trị sản lượng công nghiệp địa phương 9 tháng đạt 75,3% kế hoạch cả năm chủ yếu là đảm bảo các chỉ tiêu sản phẩm chính và phục vụ nông nghiệp được nhiều hơn trước.

- Tổng giá trị sản lượng thủ công nghiệp 9 tháng đạt 67,7% kế hoạch cả năm và nổi nhất là có nhiều tiến bộ về chế biến tinh bột.

Tài mậu: Thu mua thóc chiêm vượt kế hoạch Trung ương giao, vượt tốc độ thời gian tỉnh giao. Các mặt thu mua thực phẩm, xuất khẩu so với năm 1963 đều cao hơn nhiều. Phấn đấu thăng bằng thu chi đạt kế hoạch kết quả tốt hơn năm 1963.

Văn xã:

- Ngành giáo dục với khí thế mới đã thanh toán mù chữ cho 20 đơn vị vượt chỉ tiêu về huy động học sinh đến lớp và đang phấn đấu vươn lên trong chiến dịch tổng công kích diệt dốt.

- Ngành y tế đã có những cố gắng lớn về chống dịch về tiêu diệt sốt rét và điều trị.

- Phong trào văn nghệ quần chúng ngày càng phát triển rộng rãi trong đồng bào các dân tộc. Việc cải tạo phong tục tập quán đã thu được nhiều kết quả.

3- Phong trào xây dựng tổ chức cơ sở ở xã, cơ quan, xí nghiệp xây dựng con người mới đã bước một bước dài. Nó đưa phong trào thi đua vào bề rộng và bề sâu, là cơ sở vững chắc cho cao trào thi đua tiến lên không ngừng.

Hiện tại có 146 chi bộ đã đăng ký xây dựng chi bộ bốn tốt, 323 tổ đội đăng ký xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, 11 hợp tác xã tiên tiến, 16 đơn vị dân quân tự vệ đăng ký xây dựng đơn vị tiên tiến, 122 chi đoàn thanh niên lao động đăng ký xây dựng chi đoàn thanh niên bốn tốt và hàng nghìn chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến, kiện tướng, đảng viên bốn tốt, phụ nữ năm tốt... là do những vốn quý, những điển hình về người mới, việc mới, đơn vị mới mà nhân cho phong trào thi đua của tỉnh ta.

4- Tác phong lãnh đạo của các cấp ủy, các ngành có chuyển biến mạnh, các cấp, các ngành nắm chắc tình hình cơ sở trong phạm vi phụ trách hơn, nhất là các trọng điểm, chỉ đạo sát hơn, tăng cường kiểm tra, đôn đốc hơn, biểu dương kịp thời các điển hình tiên tiến để đẩy phong trào lên hơn trước, bước đầu đã tìm ra những chỗ yếu nhất và những việc lớn nhất nổi lên từng thời gian để tập trung lực lượng giải quyết.

b) *Nguyên nhân của những ưu điểm và những tồn tại của phong trào thi đua của chúng ta là:*

1- Chúng ta đã quan tâm hơn công tác giáo dục tư tưởng, coi công tác tư tưởng là công tác đi đầu. Chúng ta đã nắm chắc và kết hợp chặt chẽ nội dung giáo dục, đường lối, chính sách cách mạng ở miền Bắc, miền Nam và quốc tế (Ba vì) trách nhiệm thi đua mỗi người làm việc bằng hai, sẵn sàng chiến đấu, lấy nội dung trên để phát động tư tưởng quần chúng. Điều kiện khách quan của cách mạng hai miền và quốc tế rất thuận lợi cho chúng ta phát huy tác dụng của mọi nội dung giáo dục trên. Chúng ta đã biết triệt để sử dụng thuận lợi đó, đem nội dung trên giáo dục cho quần chúng một cách toàn diện với nhiều hình thức khác nhau, thích hợp với các đối tượng trong toàn tỉnh, thích hợp với tình hình đổi mới và ngày càng nâng dần lên. Chúng ta đã biết lấy cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai để thúc đẩy các phong trào thi đua của các ngành, các địa phương và lấy phong trào thi đua từng ngành làm cơ sở đẩy mạnh cao trào thi đua chung. Chính khi quần chúng được phát động về tư tưởng sâu sắc, tự quản chúng đã phát huy được sáng kiến giải quyết được những vấn đề mà tưởng như bình thường không thể giải quyết được.

Khí thế của cao trào thi đua chưa được thể hiện phổ biến trong toàn tỉnh rõ ràng có một nguyên nhân là công tác tư tưởng còn có mặt yếu, mặt thiếu sót. Việc giáo dục tình hình nhiệm vụ cách mạng miền Nam ta đã làm được tốt, các mặt giáo dục về tình hình nhiệm vụ cách mạng miền Bắc, quốc tế còn yếu. Ý thức sẵn sàng

chiến đấu đã có nhưng chưa được thường xuyên, chưa đủ. Ý thức tự giác cao của quần chúng đối với các nhiệm vụ cách mạng chưa thật chắc chắn ở nhiều nơi. Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, hữu khuynh, tự do chủ nghĩa tuy đã được đấu tranh khắc phục nhiều nhưng vẫn còn nặng nề nhất là mặt tư tưởng làm riêng lẻ trong xã viên, tư tưởng đối với việc làm nghĩa vụ đóng góp cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Một số cấp ủy địa phương và ngành không triệt để nắm lấy những thời cơ thuận lợi để giáo dục và phát động tư tưởng quần chúng căm thù địch, để phát động khí thế thi đua, nhất là cơ sở xã.

2- Chúng ta đã kết hợp được chặt chẽ việc giáo dục phát động tư tưởng quần chúng, tổ chức quần chúng đấu tranh thực hiện các chỉ tiêu đó. Vạch ra những chỉ tiêu phấn đấu cụ thể.

Trong những cuộc hội nghị học tập, các cấp ủy, các ngành đã liên hệ được tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước, đã quyết định những cao điểm, những mục tiêu phấn đấu, quyết định thời gian hoàn thành cho các nhiệm vụ cụ thể. Từng thời gian đã sơ kết tìm ra những khâu yếu cả về mặt giáo dục và mặt tổ chức, phát hiện những việc lớn mới xuất hiện của địa phương, của ngành để tập trung lực lượng giải quyết. Sau đó, chúng ta đã biết tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương đã đề ra, chỉ đạo trọng điểm để rút ra những phương pháp, kế hoạch để giáo dục và vận động quần chúng. Đó là mặt tốt để góp phần đưa phong trào tiến mạnh, song còn một số ngành, địa phương chưa kết hợp được chặt chẽ hai mặt giáo dục quần chúng và tổ chức quần chúng đấu tranh thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra như khi sơ kết không sơ kết phần giáo dục tư tưởng, vạch ra những thiếu sót về mặt này chỉ sơ kết phần tổ chức thực hiện hoặc ngược lại chỉ sơ kết phần giáo dục tư tưởng quần chúng mà không sơ kết cụ thể phần thực hiện chỉ tiêu kế hoạch. Có nơi khi phổ biến chính sách cụ thể chỉ nói những việc cần làm ngay, không chú ý tới ý nghĩa chính trị của vấn đề, đến công tác giáo dục tư tưởng, thực tế đó là chủ nghĩa mệnh lệnh.

3- Nhiều cấp ủy và thủ trưởng lãnh đạo các ngành đã biết nắm bắt và thực sự chủ trì toàn bộ cuộc phát động. Chúng ta đã thấy được đây là một cuộc thi đua thực hiện toàn diện các chỉ tiêu công tác của địa phương với một khí thế cao, nếu không có sự chủ trì của cấp ủy kết hợp các mặt, các phong trào thi đua của địa phương thì phong trào sẽ chệch choạc, mạnh ai nấy làm. Hiện tượng việc nào cũng quan trọng nhất, lúc nào cũng quan trọng nhất làm cho hành động của quần chúng cơ sở phân tán đã giảm bớt. Tuy nhiên, chúng ta vẫn thấy hiện tượng đó vẫn còn ở một số nơi do các cấp ủy chưa thực sự đề ra và nắm chắc được những công tác lớn nhất của địa phương (nếu thực hiện được sẽ làm rung chuyển toàn bộ việc thực hiện kế hoạch nhà nước) để chuẩn bị kế hoạch, để tập trung lực lượng của cán bộ, lực lượng các ngành phục vụ và phát động quần chúng tập trung thực hiện. Hiện tượng rõ nhất là lúc thời vụ khẩn trương về ba thu. Làm mùa một số ngành không phục vụ tích cực cho công tác đó, chỉ nhìn một chiều công tác riêng của mình hoặc hội họp quá nhiều, ngay cả những ngành thương nghiệp, lương thực tuy có cố gắng chuẩn bị cho ta thu, làm mùa hơn những năm trước nhưng nhiều bộ phận vẫn chưa thể hiện được khí thế cao trào thi đua. Một số cấp ủy không chuẩn bị được kế hoạch cụ thể tiến hành sớm, đến khi quần chúng đã bắt đầu gặt mới họp để phân phối mức, hướng dẫn cách lập phương án phân phối của hợp tác xã, v.v..

Hiện tượng thi đua riêng, cô độc của một số ngành vẫn còn do cấp ủy ở nơi đó không nắm chắc để kết hợp với phong trào thi đua chung, ý nghĩa của nhiều ngành phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp còn kém. Một số cấp ủy và thủ trưởng các ngành nắm bắt phong trào thi đua không chắc, biểu dương khen thưởng không kịp thời, ý thức chấp hành nghị quyết chưa được triệt để.

4- Chúng ta đã biết nắm bắt tương đối chắc việc xây dựng tổ chức cơ sở, xây dựng con người mới làm động lực và cơ sở chắc chắn

cho phong trào thi đua phát triển thông qua việc thi đua xây dựng chi bộ bốn tốt, phụ nữ năm tốt... từ phong trào đó còn nói rõ chúng ta biết nắm điển hình tiên tiến để mở rộng phong trào lên. Cao trào thi đua cũng như bất cứ phong trào thi đua nào không thể nhất loạt cùng tiến lên mà phải đi từ điểm đến diện, từ một ngành đến nhiều ngành, từ một xã đến nhiều xã, từ cá biệt đến phổ biến. Việc nắm điển hình tiên tiến để mở rộng phong trào lên là một thực tế kinh nghiệm lãnh đạo cao trào thi đua của tỉnh ta đã chứng minh rất tốt. Tuy nhiên, ta thấy rõ một số ngành chưa làm được tốt vì chưa nhận thức được rõ vấn đề hoặc vì thiếu tinh thần trách nhiệm. Phong trào xây dựng chi bộ bốn tốt tại Bảo Thắng và một số ngành còn kém, việc đăng ký thi đua vụ mùa năng suất cao kém hơn vụ đông, việc chậm đề ra phong trào đăng ký thi đua xây dựng hợp tác xã tiên tiến, là những dẫn chứng nói rõ thiếu sót về mặt này. Những địa phương, những ngành thiếu quan tâm đến việc xây dựng tổ chức cơ sở, xây dựng điển hình tiên tiến rõ ràng phong trào thi đua có kém hơn, thậm chí có nơi phong trào còn trì trệ, nội bộ mâu thuẫn. Chúng ta phải khẳng định những nơi dù trước mắt việc thực hiện kế hoạch khá nhưng việc xây dựng và phát triển tổ chức cơ sở kém là phong trào nơi đó không chắc chắn, ít nhiều việc lãnh đạo ở đó còn mắc mệnh lệnh, tác động của cán bộ trên về đối với phong trào nhiều hơn là quần chúng ở địa phương tự động, tự giác làm tốt.

Trên cơ sở những thắng lợi về các mặt của tỉnh ta trước đây, qua 5 tháng thực hiện Chỉ thị số 77 của Trung ương và Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, tỉnh ta đã có những chuyển biến lớn về các mặt tư tưởng, chính trị, kinh tế, tác phong lãnh đạo và tổ chức thực hiện. Các cấp, các ngành đã tự bồi bổ cho mình một số kinh nghiệm về lãnh đạo cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai". Tuy nhiên, về mặt khuyết điểm thiếu sót còn tồn tại chủ yếu là: một số cấp ủy và cán bộ lãnh đạo các ngành chưa thật sự

chuyển biến tư tưởng nấm phong trào thi đua không chắc, không đề ra được chỉ tiêu, biện pháp phấn đấu trong từng thời gian, sơ kết rút kinh nghiệm. Động viên, khen thưởng các điển hình tiên tiến làm không đều và có nơi, có ngành không làm. Phân công cá nhân lãnh đạo nấm phong trào thi đua không rõ, bộ môn giúp việc thiếu hoặc không tổ chức. Trong Nghị quyết số 8 của Tỉnh ủy có nêu rõ phần tổ chức chỉ đạo là "Ban Chấp hành Tỉnh ủy xác định đây là một cuộc phát động, Đẩy ra tay, phóng tay phát động quần chúng, các cấp ủy phải trực tiếp chỉ đạo. Cần có bộ môn giúp việc nấm tình hình. Phải có kế hoạch từng bước, có yêu cầu, có sơ tổng kết, dân chủ rộng rãi nhưng phải tập trung cao độ". Đoạn nói về "xây" trong nghị quyết lại ghi: "Xây dựng ý thức làm chủ tập thể, tinh thần quyết chiến, quyết thắng, lạc quan phấn khởi cách mạng, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, ý thức chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết, ý thức cần kiệm, tự lực cánh sinh, xây dựng tác phong mới chuyển biến mạnh mẽ, nấm tình hình cụ thể, thỉnh thị bổ khuyết kịp thời, dứt khoát, đề cao trách nhiệm các cấp, cá nhân phụ trách".

Đối chiếu với nghị quyết rõ ràng nhiều thiếu sót tồn tại của chúng ta là do chấp hành nghị quyết chưa triệt để. Một số cấp ủy và cán bộ lãnh đạo các ngành thi hành nghị quyết không nghiêm chỉnh làm cho phong trào địa phương và ngành đó trì trệ, phong trào chưa chuyển biến mạnh kịp phong trào chung.

Cuộc phát động cao trào thi đua có tính chất toàn diện và có yêu cầu cao. Chúng ta phải đạt được sự chuyển biến mạnh mẽ và đều khắp tại tất cả các địa phương, các ngành và về các mặt: tư tưởng chính trị, kinh tế, quốc phòng, tổ chức và tác phong lãnh đạo. Quá trình hình thành cao trào là quá trình từ điểm đến diện, từ một nơi điển hình tiên tiến tới phong trào tiên tiến rộng rãi... phải qua nhiều đợt phát động kế tiếp nhau và phát triển theo hướng đi lên. Cho nên cuộc phát động của chúng ta chưa phải là

kết thúc mà mới là bước đầu. Chúng ta còn phải đưa những nhân tố mới, những đơn vị tiên tiến trở thành phổi biển ở tất cả các địa phương, các ngành, chúng ta phải làm được như vậy mới đưa được khí thế của cao trào thi đua trở thành khí thế chung của toàn tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 18-BC/TU, ngày 20-7-1964

Về sơ kết cao trào thi đua bước hai tháng 7 năm 1964

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC CAO TRÀO THI ĐUA THÁNG 7

1. Nội dung tuyên truyền và kết quả nhận thức tư tưởng

Tháng 7 là tháng phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai", phấn đấu lấy thành tích kỷ niệm ngày 20-7. Nội dung giáo dục chính là nghị quyết phân miền Nam và nâng cao cảnh giác, lấy đó làm nội dung tư tưởng thúc đẩy phong trào sản xuất và đẩy mạnh những nơi chưa học tập báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng tiếp tục kết hợp vào. Ngoài ra còn tổ chức nói chuyện rộng rãi về cuốn *Từ tuyển đầu Tổ quốc*.

Kết quả về số lượng tham gia học tập và cổ động trong tháng 7 (con số thống kê chưa đầy đủ):

- + Cấp ủy huyện, Đảng ủy học tập có 245 đồng chí.
- + Đảng viên, cán bộ tham gia học tập có 1.851 đồng chí.
- + Công nhân và nhân dân các dân tộc có 21.886 người.
- + Số người tham gia mítinh, biểu tình trên 25.000 người.

Về nhận thức tư tưởng được chuyển biến:

- Trong cán bộ đảng viên: Càng nhận thức rõ về cách mạng miền Nam, thắng lợi của cách mạng miền Nam gắn liền với cách mạng

miền Bắc. Đã nhận thức rõ mỗi hành động làm ở miền Bắc, ở mỗi cán bộ đảng viên đều gắn liền với miền Nam; thấy rõ âm mưu mới của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam và đối với miền Bắc. Do đó, tư tưởng chủ quan và bàng quan được giải quyết thêm một bước, ý thức cảnh giác, ý thức giai cấp được nâng lên rõ rệt. Không khí thi đua làm việc có khác trước là phần tự nguyện tự giác được đề cao, kêu ca khó khăn giảm thiểu, nhiều đồng chí so sánh khó khăn của ta ở miền Bắc không thua kém gì ở miền Nam.

Thể hiện cụ thể:

+ Các công nhân, viên chức cơ quan hành chính sự nghiệp đã có phong trào thi đua phấn đấu thực hiện bốn tốt trong cơ quan, cải tiến lề lối làm việc, xác định chức trách, tham gia lao động xây dựng thủy lợi, sản xuất nông nghiệp, sản xuất tự túc, bố trí phòng không nhân dân, v.v.. Trong 34 chi bộ cơ quan Đảng ủy Dân Chính Đảng đã có 25 chi bộ đăng ký phấn đấu chi bộ bốn tốt.

+ Các công trường xí nghiệp, phong trào đăng ký xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa. Có xí nghiệp 100% số chi bộ đăng ký phấn đấu xây dựng chi bộ bốn tốt, có xí nghiệp yếu nay cũng đã phấn đấu. Do đó, những xí nghiệp đã phấn đấu thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch tháng 7, công nhân đã phát huy sáng kiến dám nghĩ dám làm, đưa năng suất lên cao như mỏ, v.v. Thực hiện phòng không nhân dân, tiến hành tập dượt, có dự kiến chuẩn bị lực lượng sẵn sàng viện trợ cho mặt trận nông nghiệp lúc khẩn trương về thời vụ và tham gia việc xây dựng sân phơi, nhà kho cho hợp tác xã, v.v..

+ Nhân dân các thị xã, thị trấn cũng đẩy mạnh một bước ý thức chấp hành chính sách của Đảng, Chính phủ và đẩy mạnh sản xuất, làm công tác vệ sinh, bảo vệ khu phố, thị xã, v.v.. Do đó mà việc tập dượt phòng không, hầm hố làm tốt.

+ Nhân dân các dân tộc: Phong trào tham gia học tập nhiều nơi đạt tỷ lệ khá cao 80-85%, nhiều xã đã tự tổ chức mít tinh ngay tại xã sau đó đoàn người xuống đồng sản xuất, đẩy mạnh phong

trào thu phân, bón phân, thu hoạch chiêm, chuyển thóc thuế, nghĩa vụ, v.v.. Có nơi đã có phong trào phụ lão tự họp quyết nghị mỗi người sẽ tiết kiệm bán thêm cho Nhà nước 4 kg thóc ngoài nghĩa vụ (Nam Cường); thanh niên lao động ở Bắc Hà đã có quyết nghị mỗi người bán thêm 5 kg đỗ tương. Ngoài ra đã có xã huy động làm đường mới, sửa đường cũ, chống hạn, bắt sâu, v.v.. Kết quả đợt đầu có xã tốc độ thóc nhập kho gấp hai lần rưỡi năm ngoái và gặt nhanh hơn năm 1963 từ 10 đến 20 ngày, v.v..

2. Về hình thức tuyên truyền cổ động

Trong tháng các hình thức tuyên truyền cổ động lân này khẩu hiệu được kẻ, viết phổ biến rộng rãi đến nông thôn. Các trò chơi đánh đập Mỹ và tay sai, đọc *Từ tuyển đầu Tổ quốc*, báo tường rồi míttinh biểu tình, tuần hành các đoàn thể cơ quan, xí nghiệp cũng được tổ chức để phục vụ cho các cao điểm của địa phương.

Tóm lại là công tác tuyên truyền cổ động cao trào thi đua tháng qua đã nắm chắc lấy nội dung Nghị quyết 9 phần hai về miền Nam và nâng cao cảnh giác sẵn sàng đối phó với âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai để giáo dục, cổ động. Nội dung Nghị quyết 9 và khẩu hiệu vì miền Nam ruột thịt đã trở thành động cơ thúc đẩy phong trào thực hiện tốt các cao điểm.

Các hình thức cổ động cũng được tăng cường nên đã góp phần cổ động tinh thần quần chúng thực hiện cao điểm. Đặc biệt, đoàn đại biểu tỉnh kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một đến tham gia tuần lễ cao điểm có xuống tận cơ sở nói các câu chuyện thực tế về tình hình miền Nam đã làm cho khí thế phấn đấu thêm sôi nổi.

II. KẾT QUẢ VỀ HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CAO ĐIỂM

a) Kết quả các mặt trong sản xuất:

- Trong sản xuất:

Vùng thấp đến ngày 25-7-1964 đã căn bản thu hoạch xong vụ chiêm 1964, tốc độ thu hoạch nhanh hơn mọi năm từ 17 đến 20 ngày.

Đặc biệt, năm nay thu đến đâu đập và vận chuyển vào kho đến đó, không để đồng lúa ngoài đồng như mọi năm. Bát Xát coi như cǎn bản được giải quyết. Bảo Thắng tiến bộ rất lớn ở nhiều xã thu chiêm xong cày ngay để kịp thời vụ để đến ngày 10-8 có thể cǎn bản cấy xong chân chiêm.

- Về *thu mua và làm nghĩa vụ* tốc độ về thời gian so với năm ngoái nhanh gấp đôi. Có xã đã cǎn bản làm xong nghĩa vụ trong tháng 7; Bản Vược (Bát Xát), Nam Cường, Cam Đường, Quang Trung, Phố Lu (Bảo Thắng), Bảo Nhai (Bắc Hà).

- Mua thực phẩm: Lợn hơi Nhà nước mua được gấp ba lần tháng 7-1963. Đỗ tương và chè cũng mua được nhiều hơn, tăng cường ký hợp đồng hai chiều: mua dứa xuất khẩu tăng hơn kế hoạch 3,66 tấn (kế hoạch 50 tấn).

- Về sản xuất mùa: Cấy mùa đến ngày 20-7 coi như cǎn bản xong.

Bắc Hà 94%; Bảo Thắng 90%.

Sa Pa 99%; Bát Xát 100% vùng cao.

Đặc biệt, Sa Pa đã phán đấu cấy 2.000 cân giống ruộng bậc thang, Bắc Hà cũng phán đấu cấy ruộng bậc thang, Bắc Hà có phong trào trồng đậu tương hè mạnh, tốc độ cấy mùa nay nhanh hơn năm ngoái khoảng 20 ngày nhưng nói chung toàn tỉnh thì tốc độ cấy mùa chỉ là trung bình so với năm trước do một số nơi hạn, lãnh đạo thời vụ chưa tốt và kịp thời.

- Phong trào làm phân bón vẫn tiếp tục ở các nơi có làm phân và có chuyển phân ra bón đạt bình quân từ 800 kg đến 1.000 kg một ha ruộng, như thế mới đạt kế hoạch phân bón, làm phân thì nhiều nhưng chuyển ra bón còn ít.

Trong sản xuất công trường xí nghiệp:

Về sản xuất:

- Công nghiệp địa phương kế hoạch tháng 7: đến ngày 20-7 giá trị tổng sản lượng bằng 105,56%, năng suất 109,62%; chất lượng hàng phục vụ nông nghiệp được nâng lên một bước.

- Mở kế hoạch sản xuất có mặt vượt, phát huy sáng kiến của công nhân đã mạnh dạn dám nghĩ dám làm.

- Địa chất 3 về chất lượng khoán từ 60 tăng 90%.

- Bưu điện truyền thanh vượt 4,16% kế hoạch tháng 7.

- Vận chuyển ôtô Ty Lâm nghiệp đạt 117% kế hoạch.

- Nông trường chuẩn bị đất trồng sả vượt 1 ha, v.v..

- Địa chất 24 tăng năng suất vượt 6%, v.v.. Nói chung các ngành đều có cố gắng vươn lên thực hiện cao điểm.

+ Về xây dựng tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa: phong trào thi đua tập thể có 831 tổ đăng ký 302 tổ, có xã 100% cơ sở đăng ký phấn đấu tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa.

+ Về cải tiến hợp lý hóa sản xuất có 237 tổ cải tiến sản xuất, 5 tổ cải tiến kinh doanh.

+ Các cơ quan hành chính sự nghiệp đã chuyển mình, phong trào phấn đấu thực hiện khẩu hiệu 8 giờ vàng ngọc và giúp dân làm thủy lợi, đi gặt và lao động xã hội chủ nghĩa. Một số xí nghiệp đã có kế hoạch chuẩn bị sẵn lực lượng viện trợ cho mặt trận nông nghiệp trong lúc khẩn trương về thời vụ.

- Về bảo vệ tri an nâng cao cảnh giác:

Các cơ quan, xí nghiệp, thị xã đều được chuẩn bị hầm hố phòng không và tập dượt báo động kiểm tra, ở nông thôn cũng tập dượt kiểm tra lại phương án chống biệt kích và báo động 87 xã; động viên kiểm tra ở huyện Sa Pa, Bảo Thắng, Bắc Hà, thị xã đạt yêu cầu 90 đến 100% vượt thời gian từ 3 đến 5 giờ, đặc biệt dân quân tự vệ Bắc Hà, Sa Pa, Mường Khương đã diệt 2 tên lẩn trốn và bắt 1 tên phản và bắt 3 tên ra hàng.

Đã khám phá và bắt một số trộm cắp buôn lậu, v.v.. Do đó, cũng cố thêm lòng tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, nâng cao thêm ý thức cảnh giác trong nhân dân các dân tộc, các công trường, xí nghiệp.

- Về xây dựng Đảng: Trong tháng 7 con số đăng ký phấn đấu xây dựng chi bộ bốn tốt tăng lên. Tổng số 40% số chi bộ đã có

đăng ký phán đấu cụ thể, số lớn chi bộ đã quyết nghị phán đấu nhưng do trình độ cụ thể nên chưa có đăng ký bằng văn bản, đặc biệt các cơ sở yếu nhất lần này đã có chiêu hướng vươn lên, như giao thông, kiến trúc, đã có đăng ký phán đấu. Các chi bộ hành chính sự nghiệp tìm ra phương hướng phán đấu và đã có tới 70% số chi bộ đăng ký. Tuy vậy, một số chi bộ ở nông thôn và chi bộ hành chính sự nghiệp ở huyện chưa chuyển biến tốt; một số lãnh đạo tư tưởng chưa quán triệt tinh thần phán đấu xây dựng Đảng bốn tốt. Hoặc còn coi nhẹ hoặc cầu toàn, chưa dám mạnh dạn phán đấu. Trong bốn tiêu chuẩn bốn tốt thì khâu xây dựng Đảng, phát triển đảng chuyển chưa đều chưa tốt.

Tóm lại, về sản xuất thực hiện cao điểm tháng qua thấy nổi bật vấn đề thu vụ chiêm và tiến hành thu lúa mùa lương thực với tốc độ nhanh. Trong công nghiệp, cơ quan thi nổi lên về chất lượng công tác làm tốt hơn, chất lượng sản phẩm tiến bộ và có nhiều đơn vị đăng ký thi đua tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, nhân tố mới xuất hiện là dám nghĩ dám làm được đề cao hơn.

b) *Sơ bộ nhận xét những nơi có thể tiến tới là cao trào thi đua:*

Trong hội nghị sơ kết các huyện đã sơ bộ nhận xét:

1- Huyện Bắc Hà: các xã: Thào Chu Phìn, Hồ Mù Chải, Tả Chải, Bảo Nhai.

2- Huyện Mường Khương: các xã: Chiềng Thắng, Cứu Quốc, Đồng Tâm, Thanh Bình, Thống Nhất, Kiến Thiết, Độc Lập.

3- Huyện Bát Xát: các xã: Bản Vược, Tả Ngảo, Bản Qua, Mường Hum, Quang Kim, Sảng Ma Sáo, Cốc San.

4- Huyện Bảo Thắng: các xã: Nam Cường, Lê Lợi, Quang Trung.

5- Huyện Sa Pa: từng mặt có xã Lao Chải, khai hoang ruộng bậc thang.

+ Suối Thầu cày ải.

+ Thanh Kim trồng cây công nghiệp.

+ Hòa Bình.

+ Tả Van.

Trong các xã trên, nói chung đều có từng hợp tác xã nổi hơn cả.

Về công trường xí nghiệp, cơ quan: Việc nhận xét đánh giá trong mỗi đơn vị đều có những tổ những bộ phận khá so với trước khi phát động; còn so với tiêu chuẩn của cao trào thì chưa đơn vị nào đạt, có những đơn vị nổi lên như công nghiệp địa phương, bưu điện truyền thanh và địa chất 5 mỏ từng mặt có vươn lên như cơ khí, chuyển vận máy móc, lâm nghiệp cũng vươn lên mặt vận chuyển.

Nói chung, để sơ bộ đánh giá những nơi nào có thể là bước vào cao trào và trở thành cao trào thi đua thường xuyên thì chưa đơn vị nào khẳng định một cách toàn diện mà chỉ thấy có từng mặt nổi lên.

III. KẾT LUẬN, NHẬN XÉT ƯU KHUYẾT ĐIỂM CÒN TỒN TẠI

Qua bước hai cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" thấy nổi hơn mấy mặt sau đây:

- Các huyện, các đơn vị Đảng ủy đều có bàn bạc có kế hoạch phát động từ trên xuống.

- Kế hoạch ấy tập trung vào hai vấn đề lớn là đẩy mạnh cao điểm trong sản xuất và bảo vệ trị an.

- Về tư tưởng chính trị: Được chú ý giáo dục phát động nội dung Nghị quyết 9 phẫn miên Nam và nâng cao cảnh giác cách mạng trong dịp 20-7, đặc biệt được coi trọng giáo dục giác ngộ giai cấp lên một bước, quần chúng phấn khởi, ý thức tự lực cánh sinh trong sản xuất tăng lên rõ rệt hơn, tư tưởng bi quan dao động, chủ quan đều được giải quyết thêm một bước.

- Tư tưởng chuyển biến đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt ở cả nông thôn và công trường, xí nghiệp. Những việc như mọi năm thu hoạch gặt đập chiêm gấp nhiều khó khăn kéo dài thời gian, năm nay vươn lên rõ rệt. Trồng khoai lang, đậu tương, rồi thu mua lương thực, thực phẩm chuyển biến rõ so với năm trước cũng thời kỳ này,

xí nghiệp cơ quan 8 giờ vàng ngọc bước đầu chấp hành tốt, chất lượng sản xuất sản phẩm khá, kế hoạch đều đạt hoặc vượt phần lớn.

- Tổ chức đảng được tăng cường củng cố sinh hoạt đầy mạnh phẩn đấu thực hiện phẩn đấu chi bộ năm tốt. Các nơi đều có kế hoạch phẩn đấu từ nay đến cuối năm đạt tới 60-65% chi bộ bốn tốt.

Nguyên nhân đạt được là:

1- Tư tưởng cấp ủy đã có chuyển biến tốt có tập thể bàn bạc, xác định được cao điểm địa phương để phẩn đấu.

2- Sự lãnh đạo của các cấp ủy đã tập trung xoay quanh cao điểm phẩn đấu, đã sử dụng động viên được các ngành chuyên môn đi sâu vào phục vụ cơ sở, các ngành các đoàn thể đã có hướng là xoay quanh cao điểm phẩn đấu một cách tích cực, đặc biệt các chi bộ xã đề cao vai trò lãnh đạo Đảng ở cơ sở. Qua phương pháp ôn nghèo gợi khổ, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức giai cấp của các tầng lớp nhân dân các dân tộc, do đó không những các giới, các lứa tuổi có hoạt động đều mà các mặt công tác cũng được cơ sở chú ý.

3- Công tác tư tưởng phát động được sâu hơn và kết hợp với công tác tổ chức thực hiện tức là chi bộ lãnh đạo thực hiện được chú ý hơn trước.

Một số vấn đề còn tồn tại:

- Qua sơ kết thấy phong trào chưa đều khắp, có nơi làm tốt có nơi làm chưa tốt về mặt sản xuất, ví dụ như phân làm con số nhiều, nhưng bón còn ít, bình quân còn thấp. Trong sản xuất về diện tích lương thực có nơi chưa đạt: chăn nuôi đợt này ta chưa có biện pháp tích cực phẩn đấu.

Đối ngoại nghĩa vụ:

Tuy trong tuần cao điểm có chuyển tốt, nhưng còn xuất hiện chờ đợi, ỷ lại vào phương tiện Nhà nước. Nhất là đối ngoại nghĩa vụ chưa thực sự quán triệt, cấp ủy chưa nhất trí, chưa quyết tâm phẩn đấu, giao chỉ tiêu phẩn đấu chưa xuống đến cơ sở, hoặc giải quyết tư tưởng quần chúng chưa tốt, do đó tốc độ nhập kho gần đây chậm lại.

- Các ngành chuyên môn tuy có chuyển nhưng sự phục vụ nông nghiệp còn chưa tốt, ngay trong công nghiệp cũng chuyển không đều ở các bộ phận trong một đơn vị, khi phát động quần chúng lên lãnh đạo không kịp thời giải quyết những khâu mắc mứu, ví dụ về cơ sở vật chất chưa được chuẩn bị thì khi phát động quần chúng lên thì cán bộ chạy giải quyết không kịp.

- Về tổ chức và chính sách còn có nơi chưa được giải quyết triệt để. Ví dụ như Nghị quyết số 9 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nơi chấp hành còn chậm, chưa quán triệt, chưa nghiên cứu học tập trong cán bộ, chưa phổ biến đến cơ sở.

- Chưa sử dụng được nhiều điển hình để động viên phong trào, việc đăng ký thi đua vụ mùa năng suất cao còn quá ít.

Nguyên nhân của những tồn tại:

- Tư tưởng lãnh đạo chưa có quyết tâm cao, quyết tâm chưa đều; tác phong lãnh đạo còn chung chung, nám chưa sâu thực tế, cao điểm đúng nhưng lãnh đạo chưa thật sát sao, biện pháp có nơi chưa cụ thể.

- Tư tưởng về tổ chức với chính sách chưa được giải quyết triệt để.

Những vấn đề tồn tại trên đây đầu tháng 8 phải tiếp tục giải quyết thì mới đưa cao trào vào thường xuyên sau khi kết thúc bước 3.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 15-NQ/TU, ngày 5-11-1964

Về nhiệm vụ phương hướng củng cố và phát triển phong trào hợp tác xã và tổ đổi công năm 1965*

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ NĂM 1964

1. Công tác giáo dục tư tưởng, chính trị trong chiến dịch đông - xuân thi đua Ấp Bắc và trong cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai đã đem lại kết quả có tính chất quyết định đến việc củng cố phong trào hợp tác hóa năm 1964: Công tác tư tưởng và chính trị được tiến hành liên tục và thường xuyên, bất cứ nơi nào, lúc nào đều đề cao tư tưởng xây dựng và gắn bó tha thiết với hợp tác xã, tích cực củng cố hợp tác xã để làm cơ sở thực hiện kế hoạch nông nghiệp năm 1964, mặt khác cũng đã tiến hành phê phán sâu sắc tư tưởng hữu khuynh trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, đấu tranh giữa hai con đường, để từ bỏ làm ăn riêng lẻ, tổ chức lại hợp tác xã để đi vào con đường làm ăn tập thể do Đảng lãnh đạo là con đường đúng đắn nhất ở nông thôn để tiến lên xã hội chủ nghĩa. Cá biệt có nơi, giai cấp bóc lột ngóc đầu dậy, hoặc phản tử phản cách mạng có âm mưu phá hợp tác xã, tìm cách chui vào hợp tác xã, chúng ta cũng đã kịp thời phát hiện để ngăn chặn góp phần bảo vệ củng cố hợp tác xã.

* Nghị quyết đã được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ ngày 19 đến 24-10-1964.

2. Công tác củng cố tổ chức hợp tác xã đã có những cố gắng đáng kể: cuối năm 1963 chỉ có 410 hợp tác xã với 10.025 hộ, tỷ lệ 48,8%. Đến cuối tháng 8-1964 đã có 491 hợp tác xã với 12.439 hộ, tỷ lệ 58,8%, tăng 2.886 hộ, tỷ lệ tăng 10%, trong đó kể cả các hợp tác xã khai hoang tập trung và xen kẽ đến đã cùng với hợp tác xã địa phương góp phần củng cố cơ sở, đoàn kết dân tộc và thúc đẩy sản xuất phát triển. Năm nay số hộ xin ra lẻ té rất ít, số hộ xin vào lại nhiều hơn, các hợp tác xã vỡ hoặc yếu được củng cố lại, tỷ lệ hợp tác xã các vùng đều tăng rõ rệt, vùng cao từ 33,2 lên 49,1%, vùng giữa từ 49,5 lên 55%, vùng thấp hiện nay đạt tỷ lệ 72,8% (có bản phụ lục kèm theo).

3. Công tác quản lý của các hợp tác xã có những tiến bộ rõ rệt, nhất là mặt quản lý sản xuất, đã uốn nắn những lệch lạc về phát triển sản xuất riêng lẻ, ảnh hưởng đến củng cố hợp tác xã. Ví dụ 76 hợp tác xã thuộc huyện Sa Pa đã quản lý được 92,4% diện tích lúa ruộng, nếu kể chung cả diện tích lúa và bắp đã quản lý được 74,4%. Huyện Mường Khương qua việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên, chỉ trong bảy xã đã tự nguyện đưa vào hợp tác xã 435 cân giống ruộng, 4.284 cân giống lúa nương, 2.472 cân giống bắp, quy thành 109 ha.

Lao động của các hợp tác xã bước đầu đi vào phương hướng thâm canh, định canh thể hiện trong các phong trào vận động làm ruộng bậc thang, nương bậc thang, thực hiện kế hoạch 2 năm làm thủy lợi, phong trào cày ải trước Tết, phong trào làm phân bón trong hai vụ chiêm và mùa.

Thắng lợi của phong trào hợp tác xã được củng cố, thể hiện rõ nhất là thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 1964 đã vượt 10 chỉ tiêu, nếu so năm 1963 hầu hết các chỉ tiêu sản xuất, thu mua đều tăng từ 3 đến 46%. Một số hợp tác xã đã nâng cao tỷ suất nông phẩm hàng hóa bán cho Nhà nước rõ rệt như lương thực, thực phẩm, chè, mía, hạt rau, v.v..

4. Từ khi có Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, sự lãnh đạo của các cấp, các ngành đã quan tâm đến hình thành hợp tác xã và sản xuất, đóng góp cán bộ, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, phát hiện sai lệnh để uốn nắn giáo dục kịp thời. Đại hội hợp tác xã tiên tiến đã có tác dụng thực tế, đúc kết những kinh nghiệm tốt để làm bài học chung cho phong trào hợp tác hóa từ sau cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đến nay, cuộc vận động thí điểm cải tiến đã mở ra triển vọng và có tác dụng thúc đẩy vùng thấp, càng thấy rõ phải củng cố các hợp tác xã vùng vũng mạnh hơn để chuẩn bị đi vào cải tiến quản lý.

Hiện nay, phong trào còn có những mặt tồn tại và nhược điểm cần phải tích cực giải quyết:

1. Công tác giáo dục tư tưởng chưa được rộng, chuyển biến chưa mạnh nhất là chuyển biến ở xã còn chậm. Tình trạng sản xuất riêng lẻ của xã viên tuy có sửa chữa nhưng còn chậm, chưa kiên quyết quản lý chặt chẽ trong điều kiện ở một số hợp tác xã có khả năng quản lý chặt và tốt hơn nữa, trái lại có nơi còn buông lỏng quản lý, do đó chưa thực hiện được mức phấn đấu cố gắng quản lý 100% các chỉ tiêu lương thực chính. Công tác đấu tranh tư tưởng giữa hai con đường trong các hợp tác xã thể hiện nhiều diễn biến phức tạp tinh vi ta chưa kịp thời phát hiện và uốn nắn ngay từ lúc mới xuất hiện.

2. Chất lượng các hợp tác xã tuy đã được củng cố, nhưng mức độ đạt còn thấp, tỷ lệ loại khá 22%, loại vừa 50%, nhưng loại kém còn 28% là quá nhiều. Việc vận động bổ thêm công lao động và phương hướng thâm canh chưa quán triệt đầy đủ nên chưa đạt mức phấn đấu của Tỉnh ủy đề ra là bình quân 180 ngày công lao động làm cho hợp tác xã và từ 90 đến 100 công vào một mẫu Bắc Bộ. Hiện nay, qua phân phối vụ chiêm, bình quân mới đạt 50 công. Công tác tài vụ chưa chú ý đúng mức, nhất là đào tạo kế toán cho hợp tác xã vùng cao.

3. Công tác lãnh đạo còn thể hiện phân tán, lãnh đạo chỉ đạo chưa tập trung, thiếu phối hợp chặt chẽ giữa các ngành của tỉnh, giữa tỉnh và huyện. Vấn đề đào tạo bồi dưỡng về nghiệp vụ cho cán bộ còn yếu và chậm, bồi dưỡng không kịp thời, chưa đi trước thời vụ hoặc chưa tranh thủ thời gian một cách khẩn trương tích cực. Kế hoạch củng cố hợp tác xã chưa được cụ thể từng thời gian tới từng xã, từng hợp tác xã. Sơ kết rút kinh nghiệm từng mặt, từng vấn đề làm chậm, ví dụ việc thi đua vụ đông - xuân, các điển hình tốt mới xuất hiện trong năm 1964. Nhiều đảng viên chưa quán triệt đầy đủ tinh thần về các nghị quyết của Tỉnh ủy nên vận dụng còn lúng túng, hoặc chấp hành chưa nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng. Chưa nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa củng cố phong trào đổi công và hợp tác xã nên nói chung các cấp còn coi nhẹ củng cố và phát triển tổ đổi công.

Tóm lại, trước tình hình trên, cần khẳng định rõ ràng thắng lợi đạt được trong việc củng cố hợp tác xã năm nay là căn bản, phong trào đang có chiều hướng phát triển lành mạnh và tốt tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi làm đà cho việc củng cố phong trào được nhanh, mạnh và vững chắc hơn nữa trong năm 1965.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN NĂM 1965

Mặc dù phong trào hợp tác xã có những nhược điểm và tồn tại như trên đã nhận định, bước sang năm 1965, năm kết thúc của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất có nhiều thuận lợi mới sẽ có tác dụng cỗ vũ thúc đẩy phong trào như: khí thế cách mạng của cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai, những sự kiện chính trị to lớn trong năm kết thúc kế hoạch, những cơ sở vật chất và kỹ thuật đó từng bước được tăng cường và củng cố thêm; công tác lãnh đạo của các cấp đã rút ra một bài học sâu sắc để giải quyết tư tưởng hưu khuynh, nâng cao ý chí quyết tâm thực hiện Nghị quyết 5, 8 của Trung ương và Nghị quyết 4 và 6 của Tỉnh ủy.

Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ trong năm 1965, phương hướng nhiệm vụ hợp tác xã nông nghiệp trong năm 1965 là:

"Ra sức phát huy tính hồn hảm của hợp tác xã về các mặt kinh tế tổ chức và tư tưởng để làm cơ sở vững chắc thực hiện thắng lợi vượt mức kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo phương hướng của Nghị quyết 4 và kế hoạch nhà nước năm 1965; đồng thời tiếp tục hoàn thiện về mặt cải tạo quan hệ sản xuất đã đạt được trong cuộc vận động hợp hóa kết hợp cải cách dân chủ".

a) Mục tiêu phấn đấu hết năm 1965, từng huyện tối thiểu phải đạt 75% số hộ nông dân vào hợp tác xã (kể cả các hộ khai hoang tiếp tục lên trong năm 1965), đạt mức trên toàn tỉnh đến cuối năm 1965 sẽ có 15.855 hộ so với 21.133 hộ nông dân toàn tỉnh (75%), hiện nay đã vào hợp tác xã là 12.439 hộ, sẽ củng cố và phát triển 3.427 hộ.

Trong 3 tháng cuối năm 1964, các huyện phải có tinh thần tích cực thực hiện Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy đưa 65% số hộ vào hợp tác xã, đồng thời chuẩn bị sớm hơn về việc phát triển củng cố hợp tác xã cho vụ đông - xuân 1964-1965, cố gắng đưa thêm khoảng 5 đến 6% tức từ 1.000 đến 1.200 hộ từ nay cho đến hết quý I năm 1965. Nếu thực hiện được như vậy thì thu - đông cuối năm 1965 chỉ tiếp tục đưa thêm 1.117 hộ, sẽ có nhiều thời gian để củng cố tốt hợp tác xã, sau khi phát triển.

Mức chỉ đạo phấn đấu từng vùng để đạt mức phấn đấu chung 75% của tỉnh như sau:

Vùng	Tổng số hộ	Tỷ lệ	Số hộ vào hợp tác xã đến 1965
Cao và giữa	13.033	68,7%	8.963 hộ
Thấp	8.120	85,0%	6.902 hộ
Toàn tỉnh	21.135	75%	15.8652 hộ

Căn cứ mức phấn đấu trên, từng huyện phải có tinh thần phấn đấu vươn lên, nhất là các huyện có nhiều xã vùng thấp như Bảo Thắng và một số huyện trước đã đạt số hộ vào hợp tác xã tương đối

cao như Mường Khương (82%), v.v., huyện Bắc Hà đạt mức phán đấu 75% hiện nay khó khăn hơn, phải có sự nỗ lực của toàn đảng bộ huyện, đồng thời có sự giúp đỡ thích đáng của tỉnh. Phải quán triệt tinh thần củng cố và phát triển hợp tác xã là hai công tác khăng khít với nhau. Vùng thấp tiếp tục phát triển hợp tác xã là chính. Vùng cao và giữa phải coi trọng công tác củng cố tổ đổi công và hợp tác xã ngang nhau, đồng thời chú ý xây dựng hợp tác xã ở những nơi có đủ điều kiện. Đối với hợp tác xã mới xây dựng thì công tác củng cố thường xuyên có ý nghĩa rất quan trọng, mặt khác việc củng cố được tốt các hợp tác xã cũ và mới càng có tác dụng thúc đẩy cho hợp tác xã phát triển sản xuất tốt và rút được kinh nghiệm để củng cố lòng tin của xã viên và nông dân, góp phần cho công tác xây dựng thêm hợp tác xã mới ở những nơi có điều kiện.

b) Đưa hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao:

Tỷ lệ hợp tác xã bậc cao hiện nay là 22,8%. Do thời gian ở hợp tác xã bậc thấp kéo dài, đã 3, 5 năm cho nên trong nhiều hợp tác xã đã để ra mâu thuẫn có ảnh hưởng đến tính tích cực lao động và ý thức tập thể của xã viên, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển sản xuất kinh tế tập thể. Mâu thuẫn nổi nhất là giữa người có ít và người có nhiều tư liệu sản xuất (ruộng đất, trâu bò góp vào hợp tác xã). Để giải quyết mâu thuẫn trên cần cố gắng tạo điều kiện để chuyển hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao. Hướng chủ yếu nhằm vào các hợp tác xã vùng thấp, các hợp tác xã khai hoang thì xây dựng thẳng lên bậc cao ngay từ khi thành lập. Khi chuyển lên bậc cao nhất thiết phải nắm vững ba điều kiện quy định của Trung ương là:

1- Năng suất của hợp tác xã được nâng cao, phân chia cho lao động được tăng lên khá nhiều và những xã viên già yếu, ít sức lao động cũng được đảm bảo về đời sống.

2- Việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho xã viên làm được tốt, nâng cao được ý thức đoàn kết giúp nhau giải quyết trong nội bộ khi gặp khó khăn.

3- Việc quản lý hợp tác xã làm được tốt, cán bộ quản lý được bồi dưỡng về nghiệp vụ, thực hiện đúng nguyên tắc quản lý dân chủ, được quần chúng xã viên tín nhiệm.

Ba điều kiện trên gắn liền với nhau đảm bảo cho việc chuyển từ bậc thấp lên bậc cao được tốt trong điều kiện tăng năng suất là cơ bản nhất.

Một số hợp tác xã chưa có đủ điều kiện chuyển từ bậc thấp lên bậc cao, nhưng lại bộc lộ những mâu thuẫn giữa lao động với việc quản lý hoa lợi ruộng đất, hoặc mâu thuẫn giữa lao động với người có trâu nhiều cho hợp tác xã thuê, cần thực hiện từng bước giải quyết từng việc cụ thể bằng cách giảm dần tỷ lệ lấy hoa lợi ruộng đất, hoặc tiến hành công hữu hóa số trâu cày kéo trong hợp tác xã, v.v..

Ban Nông nghiệp chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về việc vận dụng điều kiện, chính sách và phương pháp tiến hành.

c) Hợp nhất các hợp tác xã:

Một số hợp tác xã hoạt động qua nhiều năm đã có kinh nghiệm về lãnh đạo; quản lý kinh doanh đã tương đối vững vàng, nhưng hiện nay quy mô còn nhỏ, chỉ trên dưới 20 đến 40 hộ, do đó lực lượng sản xuất bị hạn chế. Cần rút kinh nghiệm của một số hợp tác xã đã hợp nhất để mở rộng quy mô hợp tác xã, thuận lợi cho việc quy vùng sản xuất, hỗ trợ nhau giữa hợp tác xã khá và kém sử dụng và phân công hợp lý về lao động và xây dựng cơ sở vật chất của các hợp tác xã.

d) Củng cố phát triển tổ đổi công:

Các cấp ủy cần quan tâm đúng mức đến công tác củng cố và phát triển tổ đổi công để tạo điều kiện tốt cho việc xây dựng hợp tác xã, xây dựng tổ đổi công tốt tức là bước đầu chuẩn bị tốt về điều kiện học tập, quản lý trong thời kỳ quá độ tiến lên hợp tác xã. Khắc phục tư tưởng coi nhẹ tổ đổi công, không muốn vào đổi công, chờ đợi bao giờ hợp tác xã tốt sẽ vào hoặc lập ngay hợp tác xã trong khi chưa có đủ điều kiện. Phải làm cho cán bộ, đảng viên nắm vững đường lối giai cấp và nguyên tắc xây dựng tổ đổi công. Chú ý đưa lên tổ đổi công thường xuyên có bình công, chấm điểm.

Mức phán đấu đạt 90 đến 95% số hộ là tổ đổi công thường xuyên bình công chấm điểm.

III. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Củng cố phải đi đôi với phát triển, củng cố phải chú ý đến các hợp tác xã kém nát và kết nạp thêm xã viên mới, phát triển phải coi trọng bốn điều kiện đã tổng kết của hợp tác xã Lý Lao Chải để xây dựng hợp tác xã mới vững chắc

a) Những hợp tác xã vỡ hoặc các thôn bản dân cư tập trung tương đối đông xấp xỉ trên dưới 10 hộ, nếu có đủ điều kiện thì xây dựng hợp tác xã mới, nếu vì thiếu cán bộ đưa vào Ban quản trị thì tổ chức thành một đội sản xuất thuộc một hợp tác xã gần nhất có quản trị làm tổ trưởng và cử thêm một tổ phó để lãnh đạo. Khi xây dựng phải tổ chức học tập điều lệ thật chu đáo, phải giải quyết tốt về mặt giáo dục tư tưởng, chính trị, thực hiện đúng việc đưa ruộng đất, trâu bò, nông cụ, cổ phần, xây dựng kế hoạch và lề lối làm việc của hợp tác xã hay của tổ sản xuất. Thực hiện đúng nguyên tắc thống nhất sử dụng tư liệu sản xuất để kinh doanh và thống nhất phân phối hoa lợi trong tổ chức hợp tác xã.

- Những hộ ở lẻ tẻ ngoài hợp tác xã, nay nay cần tích cực tuyên truyền kết nạp vào các hợp tác xã gần nhất.

- Các thành phần địa chủ, phú nông chưa thay đổi thành phần, nên đưa ra nhân dân toàn thôn nhận xét đủ tiêu chuẩn được thay đổi thành phần thì đề nghị lên huyện xét duyệt. Sau đó giáo dục kết nạp làm xã viên dự bị, nếu chưa đủ tiêu chuẩn thì phải bắt y phải nghiêm khắc kiểm điểm, sau đó hợp tác xã sẽ quản lý để tiếp tục giám sát và cải tạo lao động. Về điều kiện xây dựng hợp tác xã, Trung ương đã quy định rõ. Nhưng để vận dụng cụ thể những điều kiện đó vào các hợp tác xã vùng cao của tỉnh ta, mỗi khi định xây dựng hợp tác xã phải nắm vững 4 điều kiện đã được tổng kết ở hợp tác xã Lý Lao Chải là: có ruộng đất ổn định (cùng nhiều ruộng nước

càng tốt), cư trú tương đối tập trung; quần chúng được giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa và có cốt cán lãnh đạo.

Nơi chưa có đủ điều kiện phải tích cực tạo đủ điều kiện để xây dựng, không thể chờ điều kiện tự đến. Vùng cao phải mở một đợt học tập kinh nghiệm và đã đúc kết ở hợp tác xã Lý Lao Chải để giúp cho công tác củng cố và phát triển đều được vững chắc.

b) Củng cố phải đạt yêu cầu nâng cao chất lượng các hợp tác xã, rút hẹp loại hợp tác xã kém và trung bình, đưa lên loại khá, loại trừ hợp tác xã quá kém nát. Tiêu chuẩn phân loại hợp tác xã có bản kèm theo. Mức phấn đấu đến cuối năm 1965 phải đạt các loại hợp tác xã như sau:

- Hợp tác xã thuộc loại khá từ 22,2% tăng lên 50%.
- Hợp tác xã loại trung bình từ 48,9% xuống 38%.
- Hợp tác xã loại kém 28,9% còn 12%.

Phấn đấu đạt được các loại hợp tác xã trên, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy về mọi mặt giáo dục tư tưởng và bồi dưỡng về nghiệp vụ. Cơ sở để đưa hợp tác xã từ kém và trung bình lên loại khá bắt nguồn từ cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã ở vùng thấp và công tác xây dựng chi bộ bốn tốt hiện nay đang có một đà chuyển biến mới khắp các chi bộ nông thôn.

Củng cố hợp tác xã phải đi vào cụ thể thực hiện tốt các công tác sau đây:

1. Về mặt phát triển sản xuất: Các hợp tác xã đều tiếp tục bổ sung và xác định rõ phương hướng sản xuất cho từng hợp tác xã phù hợp với đặc điểm của từng vùng. Hợp tác xã vùng thấp và vùng cao phải quản lý toàn bộ diện tích lúa ruộng, lúa nương và bắp. Trong chỉ tiêu bắp có chiếu cố được làm riêng một diện tích nhỏ trên 5% đất để lại cho xã viên căn cứ theo lao động từ 3 lạng hay 5 lạng, mỗi hộ tối đa không quá 2 cân giống. Riêng vùng giữa, dân tộc Mán hầu hết còn phát nương du canh, sản xuất chưa được ổn định, các hợp tác xã phải cố gắng trên cơ sở lao động và chỉ tiêu giao cho xã viên làm cho hợp tác xã đảm bảo một năm làm từ 180

đến 200 ngày công cho hợp tác xã. Ngoài ra xã viên được phát riêng về lúa hoặc bắp với một diện tích quy định rõ ràng, nếu làm quá mức quy định mà hợp tác xã quản lý và có tính công điểm hợp lý theo nguyên tắc tính chung trong hợp tác xã.

2. Về quản lý lao động phải phấn đấu tối thiểu 180 ngày công một năm, muốn đạt được số ngày công trên các hợp tác xã phải quản lý nhiều chỉ tiêu hơn năm trước và kinh doanh mở rộng các ngành nghề hơn năm trước đồng thời bỏ thêm ngày công vào phương hướng thâm canh tăng năng suất. Mức bỏ thêm ngày công vào 1 ha (từ 80 cây giống diện tích) phấn đấu đạt từ 270 đến 300 công một vụ.

3. Thực hiện ba khoán về lúa ruộng và nương định canh, đảm bảo 80% số hợp tác xã ở vùng thấp và 50% hợp tác xã ở vùng cao thực hiện ba khoán. Các chỉ tiêu khác chưa có cơ sở và kinh nghiệm ba khoán thì thực hiện hai khoán, khoán công điểm và khoán sản lượng nhưng phải có các tiêu chuẩn kỹ thuật hướng dẫn để thực hiện mới đảm bảo sản lượng giao khoán.

4. Xây dựng kế hoạch chủ yếu là kế hoạch từng vụ, phải thực hiện dân chủ bàn bạc từ xã viên từ tổ, đội trở lên, thông qua đại hội xã viên trở thành nghị quyết chính thức của hợp tác xã về thực hiện kế hoạch.

5. Kế hoạch cung cố phải cụ thể từng hợp tác xã, từng xã, về mặt xây dựng, kết nạp xã viên phân loại đưa từ loại kém lên khá, thời gian nào bắt đầu, thời gian nào kết thúc và có bố trí cán bộ xuống xã để giúp đỡ hợp tác xã.

6. Có kế hoạch mở lớp bồi dưỡng về chính sách và nghiệp vụ cho cán bộ. Điều kiện mở lớp nên kết hợp có tham quan hoặc thực tập tại các hợp tác xã tiên tiến để phát huy tác dụng, sử dụng học tập trao đổi kinh nghiệm giữa các hợp tác xã với nhau.

7. Từng huyện tổng kết được kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến mới xuất hiện trong năm 1964, kinh nghiệm bồi dưỡng giữ vững hợp tác xã tiên tiến cũ. Phát động phong trào học tập thi đua đuổi kịp và vượt vùng cao.

2. Mở rộng từng bước một cách tích cực và vững chắc cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã căn bản hoàn thành vùng thấp và chuẩn bị thí điểm 1, 2 hợp tác xã vùng cao

Trong năm 1965 thực hiện căn bản hoàn thành các hợp tác xã vùng thấp vào khoảng 100 hợp tác xã của địa phương bước đầu thí điểm 1, 2 hợp tác xã vùng cao.

Phải nắm vững tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị và nghị quyết của Tỉnh ủy, các ngành các cấp đề cao trách nhiệm tham gia cuộc vận động lớn của tỉnh.

Trong cuộc vận động năm 1965, Tỉnh ủy nắm trọng điểm để lãnh đạo diện, duyệt chủ trương, phương hướng địa bàn, giúp đỡ các huyện về bồi dưỡng cán bộ đi làm cải tiến, tập trung một số cán bộ để kiểm tra và bổ sung cho huyện nào còn thiếu và cần thiết.

Huyện chịu trách nhiệm quản lý cán bộ, trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động cải tiến hợp tác xã thuộc địa phương mình, sơ kết rút kinh nghiệm từng bước và cả đợt. Cuộc vận động sẽ tiến hành liên tục, việc điều tra tình hình các địa bàn chuẩn bị cho cải tiến cần làm khẩn trương và kết hợp chặt chẽ với công tác củng cố thường xuyên các hợp tác xã về mặt tổ chức và quản lý, v.v..

3. Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng

Phát huy kinh nghiệm tốt của năm 1964 là thực hiện tốt phương pháp giáo dục tư tưởng và củng cố hợp tác xã liên tục, đề xuất các mặt còn yếu về tư tưởng và các vấn đề tồn tại cụ thể về chính sách và công tác quản lý để kịp thời giải quyết ngay, không để những mặt nhược điểm tồn tại có cơ hội phục hồi và phát triển rộng từ hợp tác xã này tới hợp tác xã khác, từ nơi này đến nơi khác. Cụ thể là:

- Tiếp tục tập trung giáo dục phân tích tư tưởng đấu tranh giữa hai con đường xây dựng kinh tế tập thể hợp tác xã, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã, khắc phục tư tưởng

sản xuất cá thể tự do phân tán tản mạn không theo đúng kế hoạch, gây ảnh hưởng không tốt đến hợp tác xã.

- Trong nội bộ Đảng, trong cấp ủy, trong cán bộ phụ trách xã phải đấu tranh giải quyết triệt để với tư tưởng hữu khuynh biểu hiện không tích cực lãnh đạo hợp tác xã, lãnh đạo chung chung, ngại mở rộng quản lý kinh doanh các ngành nghề do sự thiếu tin tưởng với chủ trương phấn đấu quản lý 100% lương thực, còn theo đuổi quần chúng, thiếu tích cực tạo điều kiện để củng cố và phát triển hợp tác xã ở những nơi kém nát, mơ hồ về lập trường giai cấp và quy luật đấu tranh giữa hai con đường tập thể và cá thể. Nâng cao giác ngộ giai cấp và cảnh giác cách mạng, nắm chắc tay cày tay súng, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ thôn bản, bảo vệ hợp tác xã. Xác định tư tưởng kiên trì phấn đấu thực hiện đường lối hợp tác hóa của Đảng. Mỗi cấp ủy, mỗi đảng viên đều phải nâng cao tính tổ chức, tính kỷ luật để chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng.

- Đối với xã viên, phát huy tư tưởng cách mạng của quần chúng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tư tưởng tự lực cánh sinh giải quyết tư tưởng bảo thủ, tự ti,ỷ lại, mơ hồ về con đường sản xuất tập thể nên chưa dứt khoát tin tưởng vào hợp tác xã, còn luyến tiếc cảnh làm riêng lẻ. Trong sản xuất lao động và phân phối còn thể hiện tư tưởng cá nhân ích kỷ, cục bộ, tự tư tự lợi, chỉ nghĩ đến cá nhân, đến tổ hay hợp tác xã của mình mà không lo lắng đến nhiệm vụ chung trước mắt và lâu dài, không chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Chấp hành đúng đắn và nghiêm chỉnh các chính sách có liên quan đến củng cố hợp tác xã

Hiện nay, có một số hợp tác xã còn tồn tại một số chính sách chấp hành chưa nghiêm chỉnh nên có ảnh hưởng đến tư tưởng và tính tích cực lao động của xã viên. Từng địa phương từng thời gian phải tổ chức các đợt kiểm tra việc chấp hành các chính sách của

Đảng nói chung và của hợp tác xã nói riêng để uốn nắn giải quyết kịp thời. Một số chính sách còn có những điểm tồn tại cần được chú ý sửa chữa ngay là:

- *Chính sách công hữu hóa trâu, bò*, nơi nào trước đã công hữu hóa nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán thu cổ phần của người thiểu trả tiền cho người được lấy tiền thừa, nay chỉ cần tiến hành công hữu hóa đủ số trâu cày kéo cho hợp tác xã, còn đều thanh toán trả lại cho xã viên tiền hoặc hiện vật trước đã góp vào hợp tác xã.

- *Chính sách góp cổ phần*, kiểm tra các hộ vào sau, các xã viên miền xuôi lên Lào Cai ở xen kẽ trong các hợp tác xã đều phải góp đủ cổ phần sản xuất mà khi lập hợp tác xã, đại hội xã viên đã quy định. Những hộ thuộc thành phần bóc lột, hợp tác xã quản lý lao động để giám sát và cải tạo đều phải góp tư liệu và một số tiền và hiện vật (thóc giống, phân) tương đương với cổ phần của xã viên đã góp.

- *Chính sách để lại 5% đất cho xã viên làm riêng*, phải được nghiêm chỉnh chấp hành, các cấp ủy phải nghiên cứu nắm chắc tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy, thực hiện đúng đắn để đất 5% cho xã viên làm riêng. Chỉ để đất, không để lại ruộng cấy lúa, nên để đất gần nhà, nếu không có đất gần nhà thì hợp tác xã nên quy vùng đất cho xã viên được làm riêng, khi quy vùng cũng nên chọn nơi gần nhà nhất, để hướng dẫn xã viên làm riêng có kế hoạch thuận lợi quản lý lao động. Trên đất làm riêng chủ yếu là trồng rau, hoa màu để chăn nuôi và dùng trong sinh hoạt hằng ngày. Trường hợp có một số hợp tác xã chiếu cố đến tập quán của dân tộc yêu cầu được trồng lúa hoặc bắp trên đất 5% để lại, thì căn cứ vào lao động để giải quyết. Mỗi lao động có thể được trồng từ 3 lạng đến nửa cân giống, nhưng mỗi hộ dù nhiều lao động cũng trồng tối đa không quá 2 cân giống. Đối với vùng thấp thì nhất thiết chỉ trồng bắp, không trồng lúa. Như vậy, không nhất thiết hộ nào cũng trồng bình quân 2 cân giống, mà hộ ít lao động thì trồng ít, chỉ trên dưới 1 cân giống. Phải quan triệt tinh thần đất để lại nhằm sử dụng lao động nhàn rỗi của xã viên để tăng thêm phần thu nhập

bổ sung cho kinh tế tập thể của hợp tác xã, không thể để hiểu sai lệch về chính sách để 5% đất làm riêng rồi chạy theo phát triển kinh tế cá thể quá mức quy định về diện tích để ảnh hưởng đến công tác quản lý hợp tác xã và ảnh hưởng đến thu nhập về phần kinh tế tập thể thì sút kém hơn kinh tế phụ của xã viên.

Trong việc thực hiện đất để lại 5% cho xã viên cũng cần thấy rõ một nhược điểm của các hợp tác xã hiện nay là mặt quản lý còn yếu, các hợp tác xã nói chung mới quản lý được một số chỉ tiêu chính là lương thực. Các chỉ tiêu khác như hoa màu, cây công nghiệp, chăn nuôi vẫn giao cho xã viên thực hiện theo kế hoạch của hợp tác xã hướng dẫn. Do đó phải tính toán lao động cho cân đối với kế hoạch của hợp tác xã để triệt để sử dụng được sức lao động của xã viên phát triển kinh tế tập thể. Ngoài đất 5% để lại, hợp tác xã có thể giao thêm đất cho xã viên trồng một số cây công nghiệp, v.v.. để bán cho Nhà nước hoặc trồng cây lấy gỗ, v.v.. Số diện tích đất giao thêm không quá 3 sào (Nghị quyết phát triển nông nghiệp miền núi của Bộ Chính trị). Ban Chấp hành giao cho Ban Thường vụ chỉ đạo cụ thể vấn đề này trong các hợp tác xã cải tiến để rút kinh nghiệm.

- *Chính sách phụ cấp công cho cán bộ*, năm 1962 Tỉnh ủy đã ban hành một bản quy định tạm thời trong đó có quy định một số nguyên tắc để tính công trợ cấp cho cán bộ đảm bảo cán bộ an tâm hoạt động, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, đảm bảo cán bộ hoạt động công tác nhưng không thoát ly sản xuất, đảm bảo đoàn kết tương trợ nhau giải quyết khó khăn. Qua một thời gian thi hành xét thấy vẫn phù hợp, chính sách đặt ra là đúng. Cá biệt có một số hợp tác xã tỷ lệ công trợ cấp cao gấp rưỡi hoặc gấp đôi tỷ lệ 2% tổng số công đã quy định để trợ cấp, hoặc có hợp tác xã trích hẳn một số thóc theo tỷ lệ công để chi cho cán bộ, công giàn tiếp phi lao động nhiều nên đã ảnh hưởng đến giá trị ngày công ăn chia của hợp tác xã bị hạ thấp, xã viên thiếu phấn khởi. Những trường hợp trên đều phải uốn nắn theo đúng bản quy định công trợ cấp cán bộ của tỉnh trước đã quy định. Những hợp tác xã để tỷ lệ

công quá nhiều cần bàn bạc với cán bộ để rút bớt những công gián tiếp tính công với hợp tác xã một cách tràn lan không đúng với thực tế 1 ngày công lao động của xã viên, tỷ lệ công có thể trên 2% đối với những hợp tác xã quy mô nhỏ, và chỉ 2% trả lại đối với hợp tác xã quy mô lớn trên 50 hộ.

- *Một số chính sách khác* dù hợp tác xã, tổ đổi công hay cá thể phải triệt để chấp hành là: Cấm chỉ tự do phát triển nương bừa bãi, chính sách thuế, chính sách bán nghĩa vụ lương thực, thực phẩm và bán khuyến khích với Nhà nước, chính sách thuế đối với ruộng và nương bậc thang cần được phổ biến sâu rộng để khuyến khích động viên các dân tộc từ vùng cao đến vùng thấp đều nhất trí thực hiện phương hướng thâm canh định canh để tăng năng suất. Hợp tác xã phải gương mẫu thực hiện quy ước chống thả rông trâu, bò, chống cây chay, chống không làm cỏ lúa.

- Tích cực xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho các hợp tác xã.

Năm 1964 đã có những chuyển biến tốt, nhưng phải đẩy mạnh hơn nữa gấp bội mới đạt yêu cầu phục vụ cho các hợp tác xã, các ngành thuộc khối công nghiệp, nông nghiệp cần có kế hoạch cụ thể thống nhất tập trung vào việc làm sân phơi, nhà kho, đồi cây công nghiệp hoặc cây ăn quả, đàn gia súc chăn nuôi tập thể (trâu, bò, lợn), ao cá, đầu tư lao động làm ruộng bậc thang ở vùng cao. Mở rộng cơ sở kỹ thuật của hợp tác xã như ruộng chọn lọc và nhân giống, tổ khoa học - kỹ thuật trong hợp tác xã để phục vụ cho phương hướng thâm canh. Xây dựng cơ sở vật chất phải thích hợp với từng vùng, phải nghĩ tới phương hướng tốc độ quy mô hợp tác xã phát triển trong các năm tới. Mỗi vùng cần nghiên cứu rút kinh nghiệm những việc đã làm, việc nào cần thiết thì làm trước, xây dựng cho hợp tác xã và xã viên có tư tưởng tự lực cánh sinh và cần kiệm làm cho kinh tế tập thể của hợp tác xã luôn luôn phát triển không ngừng và sẽ chiếm ưu thế so với thu nhập của xã viên hiện nay, hết sức tránh tham ô, lãng phí.

5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Phải đặc biệt coi trọng công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản trị của các hợp tác xã. Đào tạo cán bộ phải tập trung vào các cán bộ đầu ban, đầu ngành của xã. Bốn loại cán bộ cần đặc biệt chú ý là cán bộ lãnh đạo, quản trị, kế toán, kỹ thuật. Nếu tính bình quân mỗi hợp tác xã 30 hộ thì trong năm 1965 ta có khoảng 530 hợp tác xã. Loại cán bộ cũ phải được bồi dưỡng để nâng cao thêm về kiến thức và nghiệp vụ, loại cán bộ mới phải được huấn luyện các nguyên tắc cơ bản, điều lệ chính sách của hợp tác xã và chủ trương, chính sách thuộc về nông nghiệp. Kể cả các lớp dài ngày và ngắn ngày bình quân mỗi hợp tác xã có khoảng 5 người được bồi dưỡng và huấn luyện thì phải mở lớp cho 2.650 người. Các ngành của tỉnh như trưởng Đảng, Ty Nông nghiệp, Ty Tài chính đảm bảo mở lớp bồi dưỡng và đào tạo cho bí thư chi bộ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã, cán bộ học về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, kế toán của hợp tác xã.

Các huyện phải đảm bảo bồi dưỡng về nghiệp vụ và chính sách cho các quản trị, đội trưởng, đội phó hợp tác xã.

Các ngành công nghiệp, kiến trúc, kiến thiết, giúp đỡ cụ thể các hợp tác xã, đào tạo một lớp thợ trẻ học về các nghề mộc, rèn, nung vôi, làm gạch, kỹ thuật sân phơi, phát triển nghề thủ công của dân tộc hiện có (đan lát, làm đồ gỗ). Trong việc đào tạo cán bộ hợp tác xã vùng cao hết sức chú ý đến hình thức mở lớp tại các huyện và khu vực là tốt và thích hợp nhất.

6. Công tác lãnh đạo

Chúng ta đã tích lũy được một số kinh nghiệm tốt về công tác lãnh đạo hợp tác xã như kết hợp chặt chẽ ba mặt sản xuất, hợp tác và bảo vệ trật tự; xây dựng chi bộ bốn tốt làm hạt nhân lãnh đạo ở nông thôn, xây dựng các điển hình tốt của từng mặt hoặc toàn diện của các hợp tác xã. Công tác củng cố và giải quyết tư tưởng liên tục không ngừng trong năm 1964. Nhưng kiểm điểm về công tác

lãnh đạo của các cấp, các ngành hiện nay yếu nhất vẫn là việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chỉ thị và nghị quyết của Tỉnh ủy đã công bố, chưa phát hiện, đề xuất đúng lúc và kịp thời để giải quyết được thật tốt. Các cấp các ngành đều dựa vào chức năng của mình, thấy rõ phương hướng, nhiệm vụ cung cấp hợp tác xã và tổ đổi công, phát triển sản xuất nông nghiệp năm 1965 để cung cấp nông thôn thực sự vững mạnh. Cán bộ lãnh đạo phải có thời giờ xuống hợp tác xã để nắm thực tế và góp cán bộ tham gia các đợt cung cấp thường xuyên, tham gia cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, tham gia các đợt kiểm tra có hệ thống của Tỉnh ủy về việc chấp hành các chủ trương, chính sách để kịp thời giúp đỡ các hợp tác xã phát triển vững mạnh.

Bộ môn giúp Tỉnh ủy và Ủy ban tỉnh là Ban Nông nghiệp và Phòng Nông nghiệp cần được kiện toàn để thực hiện đúng chức năng như nghị quyết Ban Bí thư đã quy định, điều kiện không đủ cán bộ tăng cường thì cần nghiên cứu, sắp xếp cho phù hợp với tình hình hiện nay, đơn giản bộ máy ở trên đã có cán bộ đi sâu xuống cơ sở giúp Tỉnh ủy và Ủy ban về mặt chỉ đạo thực hiện. Các Phòng Nông nghiệp ở các huyện cần được bố trí những cán bộ có khả năng và có trình độ vững vàng. Mỗi huyện cần phân công hai cấp ủy phụ trách, trong đó có một là Phó Bí thư hoặc Thường trực.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 22-BC/TU, ngày 11-11-1964

Về công tác tháng 10 năm 1964

I. NÔNG NGHIỆP

1. Thu hoạch vụ mùa

- Trong tháng 10-1964, tình hình lúa vùng cao đã chín rõ và đang tiến hành thu hoạch, lúa sớm vùng thấp cũng đã chín và đã thu hoạch, còn lúa muộn cũng đã trổ đều, lúa nương cũng lẻ tẻ chín. Bắp hiện nay có nơi cũng đã thu hoạch xong, có nơi mới bắt đầu thu.

- Việc thu hoạch nay ở vùng cao gặp nhiều khó khăn, nhất là mưa nhiều do có lúa chín không gặt được, hoặc có nơi gặt được, nhưng không đập được, theo số liệu đến ngày 31-10-1964 của một số huyện có vùng cao thì tình hình gặt như sau:

- Tổng số cân giống gieo trồng lúa ruộng: 59.910.
- Số cân giống đã gặt được: 8.984.
- Số cân giống đã đập được: 3.300.

Đây là một khó khăn do thời tiết, hiện đang tập trung vào thu hoạch, triển vọng việc thu hoạch có thể sa sút một phần.

2. Chuẩn bị sản xuất đông - xuân 1964-1965

- Trong tháng 10-1964, Tỉnh ủy cũng như các ngành, các huyện đang gấp rút chuẩn bị cho chiến dịch đông - xuân 1964-1965 cụ thể

hạ tuần tháng 10-1964, Tỉnh ủy đã họp và có quyết nghị riêng về sản xuất. Đi đôi với việc họp Ban Chấp hành, tỉnh đã triệu tập một cuộc hội nghị tổng kết sản xuất đông - xuân 1963-1964 để rút ra những kinh nghiệm chỉ đạo phong trào sản xuất năm tới đồng thời ngày 31-10-1964, nhân dịp kỷ niệm ngày giải phóng Lào Cai, tỉnh đã tiến hành phát động chiến dịch sản xuất đông - xuân 1964-1965, mở đầu chiến dịch sản xuất bằng một cuộc vận động cán bộ, công nhân viên xung quanh tinh thần phát đồi trồng cây công nghiệp lấy tên là đồi cây anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, lấy tiền ủng hộ nhân dân Thủ Dầu Một, cuộc vận động đó được 1.163 cán bộ, công nhân viên tham gia thật sôi nổi và đã phát được 11.440 m² đồi núi để chuẩn bị trồng cây.

II. CÔNG NGHIỆP

Tình hình sản xuất nông nghiệp quốc doanh địa phương trong tháng 10-1964 có nhiều tiến bộ, nếu so với giá trị tổng sản lượng của tháng 9-1964 thì kết quả sản xuất tháng 10-1964 nói chung tăng 8,4%, trong đó nhóm 1 tăng 1,5% và nhóm B tăng 15,3%, giá trị sản lượng thương phẩm cũng tăng 4,7%.

- Trong số 15 đơn vị xí nghiệp thì 11 đơn vị xí nghiệp đã thực hiện tăng giá trị tổng sản lượng giữa tháng này so với tháng trước, ví dụ: mộc xe vượt 2,4%; đồ lô mít vượt 2,9%; bánh kẹo vượt 7,8%; xay xát gạo vượt 6%; nhà in vượt 4,6%, v.v..

Sở dĩ đạt được như trên là do những nguyên nhân:

- Tháng 10-1964 nằm trong quý IV của kế hoạch năm, ý thức khẩn trương, gấp rút hoàn thành kế hoạch đã được giáo dục tốt, do đó đã tập trung cản bản lực lượng để đẩy mạnh sản xuất.

- Những xí nghiệp chiếm giá trị tổng sản lượng lớn đã cố gắng khắc phục khó khăn về thiết bị, nguyên vật liệu, nhân lực nên việc sản xuất đã có nhiều tiến bộ.

III. TÀI MẬU

Mua vào:

1. Thương nghiệp

- Tổng số mua vào trong tháng 10 là 197.100 đồng nếu so với tháng 9-1964 thì chỉ bằng 92% nhưng nếu so với tháng 10-1963 thì bằng 177%. Đã tương hiện nay đang bước vào chính vụ, lợn hơi so với tháng trước giảm mất 7 tấn, lý do chính là khó khăn vận chuyển và thiếu chuồng trại nhốt, v.v.. Trâu, bò hơi mua xấp sỉ tháng trước, riêng trâu, bò cày so với tháng trước thu mua tăng gấp 2 lần rưỡi, cá tươi vượt hơn tháng 9-1964 là 200 kg, rau và hoa quả tươi hơn tháng trước là 2.000 đồng; hai chỉ tiêu cá tươi và hoa quả tươi tính từ đầu năm đến nay đã vượt kế hoạch của Bộ giao.

2. Ba thu

- Tình hình thu thuế và thu mua lương thực tháng 10-1964 không phải tháng chính vẫn tiếp tục đạt:

- + Thóc: 23,5 tấn.
- + Bắp: 135 tấn.

Bán ra:

Tình hình bán lẻ trong tháng 10-1964 là:

- Thương nghiệp 900.000 đồng bằng 100% so với tháng 9-1964.
- Lương thực 361.500 đồng bằng 177,9 so với tháng 9-1964.
- Dược phẩm 65.000 đồng bằng 100,6% so với tháng trước.

Nhìn vào số liệu trên thấy rằng số lương thực quy ra gạo bán ra so với tháng trước tăng $77,9\% = 177$ tấn gạo, ngành thương nghiệp bán tăng 7 tấn rau xanh so với tháng trước. Sở dĩ có tình trạng bán ra tăng nhanh như vậy là do số công nhân làm cầu đường ngày càng lên nhiều do đó cũng ảnh hưởng một phần đến giá cả thị trường.

Vật giá thị trường:

Tháng 10-1964, một số lương thực như khoai lang và sắn so với tháng 9-1964 được hạ 15% các loại rau xanh trừ rau cải hạ

được 25,6%, còn nói chung đều tăng hơn như gà, vịt, cá, trứng nói chung đều tăng. Ví dụ:

	Đơn vị	Tháng 9-1964	Tháng 10-1964	Tỷ lệ so với tháng	
				Cao	Hà
Khoai lang	kg	0,20	0,17		25%
Sắn tươi	kg	0,14	0,12		24,3
Rau muống	kg	0,17	0,30	75%	
Bí đao	kg	0,28	0,32	14	
Rau cải		0,47	0,35,		25,6
Gà xô		4,95	5,00	1%	
Vịt		4,00	4,1	2,5	
Cá tươi		3,5	3,8	8,5	
Trứng vịt quẩy (10 quả)		2,90	3,00	1,6	

Nhìn vào một số nhóm thực phẩm trên so với tháng 9-1964 thấy rằng cá, vịt, gà, trứng lưu lượng đã ít, Nhà nước năm cũng ít, nhu cầu càng ngày càng đòi hỏi nhiều do đó giá cả vẫn đang lên, còn rau xanh đang chuyển vụ nhưng có triển vọng giá cả hạ hơn.

Đi vào chỉ số giá cả thì thấy rằng:

	So với tháng 9-1964	So với tháng 10-1963
Chỉ số chung	106,7%	110,4%
- Lương thực	96,2%	95%
- Thực phẩm	108,1%	109,6%
- Phí thực phẩm	104,1%	118,9%

Nhìn thấy giá cả thị trường tự do tăng hơn tháng trước 6,7%, trong đó chủ yếu hàng thực phẩm tăng 6,1% còn hàng lương thực đã có chiều hướng giảm.

Tài chính:

Đơn vị: 1.000 đồng

Thu	Thực hiện tháng 10-1964	Tỷ lệ kế hoạch quý %	Chi	Thực hiện tháng 10-1964	Tỷ lệ kế hoạch quý %
Tổng thu	588,3	31,4	Kiến thiết 2 văn hóa, xã hội, quản lý hành chính, chi khác	305,5	22,9
1 trợ cấp	350,0	30,5		172,2	27,5
Thu địa phương	238,3	32,6		151,8	35,6
Trong đó:				31,0	16,1
Thu 3	96,7	36,6	Công chi		
Lợi nhuận khấu hao	89,6	37,5			
Sự nghiệp	28,2	23,6			
Thuế tập thể, cá nhân	22,9	22,4			
Thu khác	0,9	15			

Nhìn vào tình hình thu tài chính tháng vừa qua có tiến bộ hơn, một số cơ sở quốc doanh còn lại quý trước bây giờ đã nộp, riêng phần thu sự nghiệp, thu cá nhân và tập thể còn yếu cần phải có kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa.

Tình hình chi cũng chưa đạt yêu cầu tỷ lệ chi 25,6% so với quý như vậy là thấp, vì vậy một số công trình kiến thiết cơ bản gấp khó khăn trong vấn đề thi công một số chi khác như huấn luyện và nghĩa vụ quân sự chưa làm v.v..

Ngân hàng:

Đơn vị: 1.000 đồng

Thu	Thực hiện tháng 10-1964	Tỷ lệ so với quý	Chi	Thực hiện tháng 10-1964	Tỷ lệ so với quý
Tổng thu	1.220	24	Tổng chi	1.474	25
Thu bán hàng	910	29	Chi lương nhân lực	840	32
Thu phục vụ	38	10	Chi tiết kiệm	175	36
Thu tiết kiệm	180	29	Thu mua	250	18
Bội chi	254	36			

Nhìn vào tình hình thu chi tiền mặt tháng 10-1964 thấy rằng thu đạt kế hoạch thấp, do đó số bội chi tăng lên, thu phục vụ đạt quá thấp, việc phát triển phục vụ còn yếu, tình hình chi thu mua cũng còn thấp vì mới bắt đầu tháng 11, 12-1964 tình hình chi sẽ vượt lên quá nhiều so với kế hoạch. Số tiền cho nông nghiệp vay dài hạn mới đạt 11% kế hoạch quý quá thấp như vậy số tiền chi vào những tháng sau càng ngày càng nhiều hơn.

Giáo dục:

a) Nhận xét tình hình giáo dục tháng 10 năm 1964:

Trong tháng 10-1964 các mặt công tác vẫn tiếp tục phát triển, số người đi học các trường lớp tăng hơn tháng 9-1964 làm cho nhiều chỉ tiêu chủ yếu về giáo dục đã vượt kế hoạch cả năm. Ví dụ:

Cấp học	Số người đi học	Số người tăng so 1964	So với kế hoạch năm
Huy động đi học sơ cấp	8.542	+ 1.270	105,8%
Môn khóa sơ cấp	1.942	+346	50%
Võ lòng	5.607	+ 773	116,8%
Cấp I phổ thông	5.655		103%
Cấp II phổ thông	1.154		
Cấp III phổ thông	281		
Bổ túc văn hóa	8.509	+ 271	109%
Mẫu giáo	224		

b) Học chữ Mèo:

Đặc biệt, năm nay phong trào học chữ Mèo phát triển mạnh đạt chỉ tiêu cao nhất từ trước đến nay, hiện có 3.342 người đi học sơ cấp tăng 572 người so với năm cao nhất trước kia (năm 1961 có 2.770 người học chữ Mèo), huyện Bát Xát trước kia có 100 bây giờ đã có 400, huyện Sa Pa xã nào có người Mèo là có lớp học dạy chữ Mèo.

c) Phong trào thanh toán đơn vị:

Phong trào tháng 10-1964 đã có thêm 4 xã thanh toán đơn vị, như vậy hiện nay toàn tỉnh đã có 29 xã và thị xã đã thanh toán xong,

triển vọng tới ngày 20-11-1964 có thể thanh toán thêm 12 xã nữa, huyện Bảo Thắng và Sa Pa có triển vọng thanh toán xong trong năm 1964.

d) Đối với Nghị quyết về tổng công kích giặc dốt đã được tiếp tục phổ biến sâu rộng xuống cơ sở, gây được một khí thế học tập văn hóa mạnh mẽ, đó cũng là một nguyên nhân làm cho tình hình giáo dục trong tháng 10-1964 phát triển tốt, các huyện, thị đều đã có Nghị quyết về vấn đề tổng công kích giặc dốt, do đó đã làm công tác giáo dục chuyển biến mạnh xuống đến tận cơ sở.

IV. CÔNG TÁC TRỊ AN

1. Hoạt động của địch trong tháng 10-1964 không có gì đặc biệt, bọn phỉ lẩn trốn còn lại ở Sa Pa đe dọa cán bộ xã, nếu tích cực hoạt động chúng sẽ giết; bọn phản động tung tin biệt kích về, làm một số nhân dân hoang mang, đang xác minh.

2. Tình hình trị an xã hội

- Tình hình trộm cắp giảm, tự tử, tự sát không xảy ra vụ nào, chỉ có hai trường hợp xảy ra làm ảnh hưởng đến tư tưởng quần chúng và đoàn kết dân tộc như:

+ Hợp tác xã khai hoang Tân Tiến bắt trói một phụ nữ Nhắng vì nghi chị này lấy trộm săn, việc này nhân dân địa phương có một số phản ứng, có người nói: "Thế nào chúng nó cũng bị trói lại và còn bị trói nhiều hơn".

+ Một người ở thị xã vào khu rừng cấm lấy trộm vầu bị dân quân bắn chết.

Hai việc trên đang được tích cực giải quyết.

3. Công tác đã làm trong tháng 10-1964

- Để đẩy mạnh hơn nữa công tác tập trung cải tạo, trong tháng tinh đã xét đề nghị Trung ương duyệt 36 tên, cộng 21 cho xây dựng cơ bản, chủ yếu là thiếu ôtô, đường xấu.

Các mặt khác như công nghiệp, giáo dục thông qua có nhiều nét nổi bật, tốc độ tiến nhanh hơn mọi tháng trước.

Công tác chính của tháng tới là tập trung vào thu hoạch mùa, ba thu cuối năm. Đại hội Đảng các cấp xã, huyện; phát động thi đua đông - xuân 1964-1965 với khí thế trả thù cho anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi và đẩy mạnh thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã vùng thấp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 16-NQ/TU, ngày 22-11-1964

**Về nhiệm vụ bảo vệ nội bộ các cơ quan, công trường,
xí nghiệp**

**I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CÁC CƠ QUAN, CÔNG TRƯỜNG,
XÍ NGHIỆP QUA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 39
CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ NGHỊ QUYẾT 11 CỦA TỈNH ỦY**

Thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ nội bộ; Ban Chấp hành tỉnh đã đề ra yêu cầu về công tác bảo vệ nội bộ trong Nghị quyết 11 là: "Hết năm 1962 đảm bảo làm cho các cơ quan đầu não từ tỉnh đến xã, các cơ quan, xí nghiệp quan trọng, các bộ phận thiết yếu trong các cơ quan, xí nghiệp nói chung, các đơn vị vũ trang thường trực và dân quân tự vệ có vũ trang được thuần khiết và được bảo vệ một cách nghiêm ngặt".

Phấn đấu thực hiện yêu cầu trên, hơn hai năm qua chúng ta đã tiến hành nhiều biện pháp và đã thu được nhiều kết quả.

Trước hết, chấp hành Chỉ thị 40 của Ban Bí thư Trung ương, tỉnh ta đã phát động phong trào bảo mật phòng gian, cho đến nay 44 cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, các lực lượng vũ trang và hai thị xã đã kết thúc. Đợt vận động và từng bước đã hướng dẫn phong trào tiến lên xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn, hiện nay xí nghiệp nhà máy điện và Mỏ apatít đã vận động

xây dựng làm cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên chức nâng cao thêm giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tính cảnh giác cách mạng. Nhận thức rõ hơn trách nhiệm của mỗi người trong công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ sản xuất và bảo vệ cơ quan, xí nghiệp. Đấu tranh chống các bọn gián điệp và bọn phản cách mạng khác.

Trong phong trào bảo mật phòng gian xây dựng đơn vị an toàn đã động viên được đông đảo cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức xây dựng và chấp hành các chế độ, nội quy, đã hạn chế được nhiều những sơ hở mà kẻ địch có thể lợi dụng để phá hoại. Đã làm cho các vụ vi phạm quy trình sản xuất hư hại kinh tế, tai nạn lao động giảm rõ rệt (năm 1962 xảy ra 228 vụ, năm 1963 xảy ra 72 vụ, năm 1964 có nhiều đơn vị giảm và hầu như không xảy ra vụ nào hư hại đáng kể).

Phong trào bảo mật phòng gian đã góp phần tích cực chống tham ô lãng phí, đẩy mạnh sản xuất, củng cố sự nhất trí trong nội bộ và tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc vận động ba xây ba chống. Rất rõ ràng như nhà máy điện nhò có phong trào bảo mật phòng gian tiến lên xây dựng an toàn công tác bảo vệ xí nghiệp được tăng cường nên đã đảm bảo an toàn sản xuất liên tục, an toàn lao động, an toàn thiết bị; do đó toàn bộ chỉ tiêu kế hoạch, chỉ tiêu kinh tế năm 1963 và đầu năm 1964 đều hoàn thành vượt mức toàn diện, thực hiện tốt khẩu hiệu "Sản xuất nhanh, nhiều, tốt rẻ".

Trên cơ sở khí thế và cảnh giác chính trị của cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức được nâng lên, với nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn, chúng ta đã hiểu biết tình hình chính trị trong nội bộ sâu sắc hơn.

Cho đến nay, ta đã nắm được trong tổng số cán bộ, công nhân viên ở các xí nghiệp, cơ quan cấp tỉnh và Trung ương quản lý (trừ công trường cầu đường) có 11,1% thuộc loại đối tượng cải tạo và đối tượng cần điều tra nghiên cứu. Riêng số đối tượng thuộc diện cải tạo có 2,68%, hiện nay còn biểu hiện chống đối chiếm 0,3%.

Qua từng năm thấy số tiến bộ ngày càng tăng, số chống đối ngày càng giảm. Những đối tượng trốn tập trung vào xí nghiệp và cơ quan kinh tế mới được phát triển, mở rộng, sau hòa bình như mỗ, giao thông...

Tất cả những số liệu trên đây tuy chưa hoàn toàn đầy đủ, nhưng cũng đã nói lên tình hình chính trị phức tạp ngoài xã hội đã phản ánh vào trong nội bộ cán bộ, công nhân, viên chức. Mặt khác, chúng ta còn thấy rằng do yêu cầu phát triển kinh tế, một số không nhỏ cán bộ, công nhân, viên chức các địa phương khác được điều đến địa phương ta, chúng ta nắm chưa được chắc. Việc giới thiệu của các địa phương khác lại thiếu cụ thể rõ ràng. Đồng thời, việc tuyển dụng có lúc, có trường hợp thiếu thận trọng không chấp hành nguyên tắc, công tác quản lý nội bộ của ta còn yếu chưa nắm được thật chắc cán bộ, công nhân viên (về lịch sử, lý lịch, quan điểm, lập trường tư tưởng và quan hệ, sinh hoạt của mỗi cán bộ, công nhân viên).

Từ chỗ hiểu biết tình hình cán bộ, công nhân, viên chức được sâu hơn trước nên một mặt đã tăng cường công tác giáo dục rèn luyện bồi dưỡng về lập trường quan điểm giai cấp vô sản, tính cảnh giác cách mạng cho mỗi cán bộ, công nhân viên; giáo dục cai tạo những người cần phải cải tạo và đã xử lý những trường hợp cần xử lý bằng nhiều hình thức như truy tố, tập trung cải tạo, điều chuyển, góp phần làm thuần khiết nội bộ, phòng ngừa những sơ hở mà kẻ địch có thể lợi dụng chui vào nội bộ để phá hoại.

Cho đến nay, căn cứ vào yêu cầu cụ thể của công tác bảo vệ nội bộ dựa trên những kết quả đã giành được trong hơn hai năm qua của từng cơ quan, xí nghiệp, đơn vị vũ trang thường trực. Chúng ta nhận thấy rằng ánh sáng Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 40 của Ban Bí thư Trung ương đã gây chuyển biến tốt trong công tác bảo vệ nội bộ.

Về phong trào bảo mật phòng gian 44 cơ quan, xí nghiệp, đơn vị đến nay ta có thể sơ bộ phân loại như sau:

- + Loại khá 18 (cơ quan đầu não quan trọng).
- + Loại trung bình 18 (thiết yếu chiếm 50% ở loại khá).
- + Loại kém 4.

Về mặt đảm bảo yêu cầu thuần khiết nội bộ cho đến nay ở những cơ quan đầu não cơ mật thiết yếu và những bộ phận quan trọng thiết yếu căn bản đã được thuần khiết như một số trường hợp có vấn đề chính trị, lịch sử ta chưa điều chuyển được nhưng cũng nắm được có giáo dục và giám sát chặt chẽ, riêng về mặt tư tưởng thì một số nơi còn có những biểu hiện phức tạp chưa thật thuần khiết.

Nói chung các cơ quan xí nghiệp, so với năm yêu cầu của công tác bảo vệ nội bộ (trong Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy) thì đến nay mức độ mỗi cơ quan, xí nghiệp đạt được có khác nhau nhưng chưa cơ quan, xí nghiệp nào hoàn chỉnh tốt được cả năm yêu cầu.

Tóm lại, công tác bảo vệ nội bộ trong hơn hai năm qua tuy ta có nhiều cố gắng đã đạt được nhiều thành tích, nhưng đối chiếu với Nghị quyết 39 của Trung ương và Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy, thì chưa hoàn thành, còn tồn tại một số vấn đề lớn:

- Công tác thẩm tra chính trị nội bộ để hiểu kỹ lịch sử từng cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức như nghị quyết của Tỉnh ủy đã đề ra cụ thể thì đến nay một số cấp ủy, một số ngành chưa thực hiện được đầy đủ, ngay những cán bộ, đảng viên, công nhân viên ở những bộ phận cơ mật thiết yếu quan trọng cũng chưa thẩm tra được hết. Việc đánh giá về chất lượng để phân loại trong nội bộ nhiều đơn vị chưa tiến hành được tốt, có thể nói rất ít các đảng ủy, chi ủy, cơ quan xí nghiệp báo cáo đã đảm bảo nắm được vững tình hình chính trị nội bộ. Từ đó, làm cán bộ phụ trách chưa thật vững tâm hoặc lúng túng trong việc giáo dục, sử dụng, đề bạt cán bộ, công nhân viên trên các mặt công tác. Do đó, càng không thể đảm bảo nắm chắc tình hình kẻ địch ẩn náu trong nội bộ.

- Công tác rèn luyện giáo dục về quan điểm đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản và tính cảnh giác cách mạng trong cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức chưa được thường xuyên sâu sắc. Có những cơ quan, xí nghiệp cấp tỉnh chưa phát huy mạnh mẽ kết quả của phong trào bảo mật phòng gian tiến lên xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn. Có cơ quan có bộ phận sau phát động buông lỏng, để phong trào "giảm chân tại chỗ" thậm chí đến nay còn ba huyện tuy đã tiến hành nhưng còn qua loa hời hợt. Do vậy mà nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên, công nhân viên còn thể hiện hữu khuynh mất cảnh giác, ý thức quan tâm đấu tranh chống địch, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ bí mật quốc gia, bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ chưa thật tốt, nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa sôi nổi, trước khó khăn gian khổ thiếu dũng khí phấn đấu.

- Việc thẩm xét chính trị đưa vào cơ quan, xí nghiệp và các lực lượng vũ trang còn sót lọt nhất là mặt quan hệ gia đình thân thuộc có vấn đề chính trị chưa xem xét được kỹ càng.

- Trong cán bộ, công nhân còn xuất hiện tư tưởng hòa bình hưởng lạc, tham ô, hủ hóa, công thần, địa vị. Còn biểu hiện chủ quan mất cảnh giác, khi tình hình xảy ra lại dễ bị quan thiếu tin tưởng. Hiện nay, đúng trước tình hình cuộc đấu tranh giai cấp đang diễn ra gay go, quyết liệt. Trước tình hình xảy ra sự bất đồng trong phong trào cộng sản quốc tế về hai đường lối, thì việc đấu tranh chống hữu khuynh, chống mầm mống phát sinh chủ nghĩa xét lại bên trong nội bộ là điều phải chú trọng. Đòi hỏi chúng ta phải hết sức chú trọng nắm vững đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải tăng cường rèn luyện bồi dưỡng về lập trường quan điểm vô sản thật vững vàng, làm cho cán bộ, đảng viên luôn luôn tinh táo săn sàng đấu tranh chống kẻ địch, chống ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại.

Nguyên nhân chính của những tồn tại trên là do:

- Nhận thức tính chất về đấu tranh giai cấp, đấu tranh chống phản cách mạng của cán bộ, đảng viên, công nhân viên chưa sâu.

Chưa thấy hết được âm mưu phương thức hoạt động của kẻ địch ngày càng tinh vi nham hiểm, nhất là hoạt động xâm nhập vào nội bộ. Cho nên cảnh giác cách mạng thiếu nhạy bén, sơ hở trong công tác bảo vệ nội bộ trong mỗi người, mỗi cán bộ, đảng viên còn nhiều.

- Lãnh đạo công tác bảo vệ nội bộ của thủ trưởng và đảng ủy nhiều nơi chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ, có lúc có nơi còn lỏng chưa gắn chặt nhiệm vụ công tác của ngành mình với việc thực hiện Nghị quyết 39 và Nghị quyết 11 xoay vào công tác trung tâm của địa phương và cơ quan, xí nghiệp để thực hiện.

Công tác bảo vệ nội bộ chưa gắn chặt và phục vụ việc hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu kinh tế của Nhà nước và củng cố nội bộ, trong chỉ đạo chưa tận dụng được các hình thức phong phú và huy động được các tổ chức chuyên môn, các đoàn thể quần chúng tham gia và thực hiện được chức năng của mình trong công tác bảo vệ. Chưa gắn chặt giữa phong trào bảo mật phòng gian trong nội bộ với phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, việc quan hệ trao đổi và hỗ trợ lẫn nhau giữa cấp ủy trong nội bộ và ngoài, nhiều nơi chưa làm được, việc phân công trách nhiệm đối với công tác bảo vệ nội bộ giữa cấp ủy, thủ trưởng, với các tổ chức quần chúng trong cơ quan, xí nghiệp chưa được rõ ràng.

Việc quản lý cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức về quan điểm lập trường, sinh hoạt và quan hệ xã hội thiếu chặt chẽ, có nơi rất lỏng lẻo. Chẳng những không nắm được diễn biến tâm trạng của cán bộ, công nhân, viên chức qua từng thời gian, đồng thời cũng không hiểu kỹ được lý lịch, mối quan hệ từng người mình phụ trách.

Việc chấp hành những quy định trong Nghị quyết 11 cũng thiếu nghiêm chỉnh "hàng tháng các cấp ủy, thủ trưởng phải kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết 11, tổ chức kiểm tra thường xuyên ở các cơ sở để tiếp tục đẩy mạnh công tác và nắm những lệch lạc xảy ra". Quy định trên nhiều khi trong cấp ủy, thủ trưởng chưa chú ý thực hiện. Việc thực hiện nghị quyết còn mang theo tính chất tùy tiện, tổ chức kỷ luật tính chưa cao.

- Các ban các Đảng đoàn mà Nghị quyết 14 Tỉnh ủy có giao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn công tác bảo vệ nội bộ cũng chưa phát huy đầy đủ chức năng đã quy định. Chưa đề cao trách nhiệm trước Đảng bộ, chưa đi sâu xuống cơ sở để nghiên cứu phát hiện những mắc mớ và giúp đỡ cấp ủy hướng dẫn đầy mạnh công tác.

Những thiếu sót trên làm trở ngại cho việc phát huy thắng lợi, phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, giành lấy những thắng lợi hơn nữa. Những thiếu sót đó phản ánh một xu hướng hữu khuynh trong đấu tranh chống phản cách mạng bảo vệ nội bộ. Nó cũng phản ánh nhận thức của chúng ta về đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản chưa đầy đủ.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÔNG TÁC BẢO VỆ NỘI BỘ HIỆN NAY

Trước những thắng lợi của công tác cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong toàn miền Bắc và ở Lào Cai, nguy cơ thất bại nặng nề ở miền Nam Việt Nam bọn gián điệp, biệt kích Mỹ - Khánh; bọn gián điệp Pháp, bọn gián điệp Gia - Án trong tổ cố định và các nước đế quốc khác, bọn đặc vụ, phản cách mạng Trung Quốc. Bọn phỉ lẩn trốn, cùng các bọn phản cách mạng khác, càng điên cuồng, liều lĩnh trắng trợn với quy mô lớn hơn trước, bằng nhiều thủ đoạn tinh vi xảo quyết, chúng lợi dụng những khó khăn và sơ hở của ta ráo riết phá hoại về mọi mặt ở miền Bắc nói chung và ở Lào Cai nói riêng. Chúng đang tìm mọi cách tấn công vào nội bộ nhằm: Xây dựng cơ sở bí mật, điều tra tình báo, đánh cắp bí mật, ám hại cán bộ và phá hoại về tinh thần và vật chất khoa học - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp là nơi tập trung cán bộ lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật, tập trung bí mật của nước ta và phe ta, tập trung cơ sở vật chất khoa học - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Nước ta đang trong tình trạng còn chia cắt, và Lào Cai lại là một tỉnh hậu phương, giữ một vị trí quan trọng cho nên công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp phải được

tăng cường nghiêm mật. Công tác đấu tranh chống gián điệp, nhất là gián điệp Mỹ và tay sai, và phản cách mạng khác giữ một vị trí quan trọng, không những là một nhiệm vụ khẩn trương trước mắt mà còn mang tính chất lâu dài.

Để phá tan âm mưu của kẻ địch đảm bảo cho công tác chống gián điệp và phản cách mạng, bảo vệ nội bộ được kết quả. Căn cứ vào yêu cầu nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy về đấu tranh trấn áp phản cách mạng và những chỉ thị tiếp theo của Tỉnh ủy số 33, 54, 56. Ngày 7-8-1964, Bộ Chính trị Trung ương lại ra Chỉ thị 81 về tăng cường săn sàng chiến đấu chống âm mưu của địch khiêu khích và phá hoại miền Bắc. Trong chỉ thị đề cập công tác bảo vệ nội bộ phải đảm bảo là: "Phải đẩy mạnh trong cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ, trong phong trào bảo mật, phòng gian phải xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn, nhằm bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, kho tàng và lực lượng vũ trang, không để địch ẩn nấp đánh cắp tài liệu, thu thập tin tức tình báo, phá hoại cơ sở vật chất hoặc ám hại cán bộ, phải chú trọng nhanh chóng làm sạch các cơ quan đầu não, cơ quan xí nghiệp quan trọng, bộ phận cơ mật thiết yếu, đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ Đảng, phải tiếp tục phấn đấu thực hiện đầy đủ các yêu cầu về việc bảo vệ nội bộ đã nêu trong Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị...".

Để thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy về đấu tranh trấn áp phản cách mạng bảo vệ trật tự trị an, nhất là Chỉ thị 81 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết nghị về nhiệm vụ bảo vệ nội bộ trong các cơ quan, công trường, xí nghiệp từ tỉnh đến huyện sẽ làm tốt những nhiệm vụ và công tác chủ yếu dưới đây:

A. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào bảo mật phòng gian nói chung cụ thể là hoàn thành cuộc vận động bảo mật phòng gian ở ba huyện và công trường cầu (mới thành lập) riêng các cơ quan, xí nghiệp đã qua cuộc vận động bảo mật phòng gian phải phấn đấu

để trở thành lá cờ đầu tiên tiến của cơ quan, xí nghiệp an toàn, trước mắt là đưa các cơ quan đầu não, quan trọng, thiết yếu, cơ mật và các bộ phận thiết yếu quan trọng trong các cơ quan, xí nghiệp nói chung đến hết năm 1964 trở thành đơn vị đảm bảo an toàn. Phong trào này là một cuộc động viên khí thế cách mạng của quần chúng nhằm tiếp tục giải quyết những vấn đề tồn tại của phong trào bảo mật phòng gian và ba xây ba chống, nó hỗ trợ đắc lực cho đợt vận động bảo vệ Đảng, xây dựng chi bộ bốn tốt, nó có tính chất thường xuyên, liên tục và toàn diện sâu sắc, chủ yếu đấu tranh trên hai mặt giữa ta, địch và tiên tiến, lạc hậu cho nên nội dung yêu cầu của phong trào này Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra bảy nội dung dưới đây:

1. Đảng ủy, thủ trưởng thường xuyên nắm vững tình hình cán bộ, công nhân viên và tình hình chính trị phức tạp khác có liên quan đến việc bảo vệ nội bộ và lãnh đạo tốt công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp đơn vị mình.

Cụ thể phải đạt được là:

- Theo phân cấp quản lý thủ trưởng các cấp và chấp hành các cấp ủy như: Đảng, Đoàn, Công đoàn, Phụ nữ phải nắm chắc được:

+ Lý lịch lịch sử cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên.

+ Nắm chắc được quan điểm, tư tưởng lập trường, thái độ chấp hành các chính sách của mỗi cán bộ, công nhân viên diễn biến hằng ngày.

+ Nắm vững được quan hệ xã hội, sinh hoạt chính trị và kinh tế của mỗi cán bộ và công nhân viên kể cả lúc làm việc trong cơ quan và khi về nhà, ngoài xã hội.

+ Riêng các đối tượng cần điều tra nghiên cứu thì phải thẩm tra xác minh và có biện pháp giáo dục, sử dụng, giám sát một cách chặt chẽ, kịp thời trấn áp khi có hành động xấu.

Qua các thời kỳ 3 tháng, 6 tháng có phân loại đảng viên, và quần chúng tiến bộ, lùng chùng, lạc hậu theo tiêu chuẩn quy định của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, còn các đối tượng cần điều tra

nghiên cứu và cải tạo dựa vào tiêu chuẩn của công an hướng dẫn để phân loại.

Tóm lại, thực hiện ba quản cho tốt đối với mỗi cán bộ, đảng viên, công nhân viên hết năm 1964 phải đảm bảo năm được và phân loại xong, kể cả đối tượng điều tra nghiên cứu.

Riêng phần lãnh đạo công tác bảo vệ nội bộ thì phải đảm bảo cấp ủy, thủ trưởng có chương trình kế hoạch và công tác bảo vệ nội bộ có kiểm tra đôn đốc, biết gắn liền với sản xuất công tác chuyên môn và sinh hoạt chính trị của đơn vị mà phổ biến và kiểm điểm công tác bảo vệ với một thái độ thường xuyên, chặt chẽ.

2. Thường xuyên giáo dục nâng cao cảnh giác khí thế cách mạng của cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ trong việc đấu tranh bảo vệ nội bộ và trấn áp phản cách mạng làm cho mỗi người thường xuyên có ý thức nghiêm chỉnh chấp hành chế độ, nội quy, điều lệnh bảo vệ và thực sự trở thành chỗ dựa chắc chắn trong công tác bảo vệ nội bộ.

Cụ thể phải làm:

- Có nội dung giáo dục cảnh giác từng thời kỳ phù hợp với tình hình âm mưu địch, tư tưởng và thời sự chính sách.

- Có mục tiêu và phương hướng để anh em bí mật phát giác, phát hiện tình hình bất bình thường trong nội bộ với một không khí thường xuyên liên tục, và đấu tranh vạch mặt, trấn áp với mọi hành vi của kẻ địch và các phần tử xấu, đề cao phê bình và tự phê bình trong nội bộ cho thật tốt, lãnh đạo phải thận trọng, chắc chắn trong khi tiến hành.

Có các chế độ quy định, quy trình, quy tắc thật đầy đủ, dùng mọi biện pháp thúc đẩy cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ chấp hành một cách thường xuyên nghiêm mật coi là điều lệnh của cơ sở.

- Đảm bảo huy động được các ngành tuyên văn, giáo huấn các tổ chức quần chúng và chuyên môn, các hình thức tuyên truyền vận động gắn liền các phong trào thi đua với các cuộc vận động chính trị và kinh tế, để giáo dục và động viên hướng dẫn quần chúng phấn đấu thực hiện tốt nội dung đã nêu ở trên.

3. Tích cực phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả chống phản cách mạng, chống những luận điệu phản tuyên truyền, truyền đơn, khẩu hiệu, chống hư hại kinh tế, đề phòng tai nạn lao động, phòng chống cháy, chống tham ô, lãng phí, chống trộm cắp... trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp mình.

Cụ thể phải làm:

- Phải tiến hành các biện pháp phòng ngừa cho thật tốt như tổng hợp người tốt, việc tốt, người xấu, việc xấu để đưa ra giáo dục phòng ngừa (việc nêu người xấu là tùy điều kiện từng nơi, từng lúc xét thấy thật sự có lợi), đồng thời phải giáo dục cho anh em biết các hình thức, thủ đoạn của các bọn tội phạm và các hình thức đấu tranh để cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ biết cách phát hiện và đấu tranh. Mặt khác, phải có chế độ quy cho thật tốt làm cho mỗi người đều chấp hành để ngăn chặn hoạt động của bọn chúng.

- Khi phát hiện các đối tượng xấu và có sự việc xảy ra thì phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, có biện pháp đấu tranh giải quyết kịp thời không để tồn đọng hoặc bỏ qua, đảm bảo ngăn ngừa không để địch hoặc ta gây nên những hư hại lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất và công tác.

4. Bảo vệ giữ gìn tốt tài liệu và bí mật Nhà nước, chống đánh cắp, chống mất tài liệu và tiết lộ bí mật Nhà nước

Cụ thể phải làm:

- Giáo dục cho cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ hiểu về phương thức, thủ đoạn đánh cắp bí mật của kẻ địch và các sắc lệnh, nghị định về quy định chế độ bảo mật quốc gia.

- Có bản quy định các vấn đề thuộc phạm trù bí mật của cơ quan, xí nghiệp mình.

- Có một chế độ bảo vệ bí mật thật đầy đủ và cụ thể như: Lưu trữ, dự thảo, sao chép, nghe, phô biến, vận chuyển... tủ, khóa, cẩn thận, phải niêm phong thế nào, ai mở, ai kiểm tra...

Tóm lại, ta phải có một ý thức bảo mật với yêu cầu là đấu tranh chống gián điệp có một kinh nghiệm lâu năm với phương

tiện hiện đại cho nên mỗi người phải coi bảo mật là nhiệm vụ chủ yếu không thể thiếu được mà phải bảo vệ không để mất và lộ bí mật.

5. Thuần khiết và bảo vệ nghiêm mật các bộ phận thiết yếu, quan trọng trong cơ quan, xí nghiệp, đơn vị

Cụ thể phải làm:

- Phải dựa vào những tiêu chuẩn như những nơi tập trung bí mật Nhà nước và giữ vị trí chủ yếu trong dây chuyền sản xuất và trong việc thực hiện chủ trương, kế hoạch nhà nước nếu để kẻ địch phá hoại hoặc đánh cắp bí mật hoặc ta sơ suất gây nên thì sẽ ngừng trệ trong dây chuyền sản xuất và thực hiện kế hoạch nhà nước. Dựa vào tiêu chuẩn trên mà quy định xem cơ quan, xí nghiệp mình có bao nhiêu bộ phận cơ mật, thiết yếu quan trọng.

- Các cán bộ, đảng viên và công nhân viên ở bộ phận được quy định là cơ mật thiết yếu phải được thẩm tra, lựa chọn thật chặt chẽ nếu người nào không tin cậy về chính trị và có một hệ thống về tác phong sinh hoạt xấu thì phải điều ra các bộ phận khác không quan trọng, trừ trường hợp đặc biệt mà để lại thì phải đảm bảo giáo dục giám sát thật tốt, mau chóng làm cho họ trở thành người thật tin cậy được.

- Các chế độ nội quy ở đây phải được chặt chẽ, mỗi người làm việc ra vào phải chấp hành thật nghiêm mật tuần tra canh gác và các biện pháp để phòng địch oanh tạc và lúc có lộn xộn đảm bảo dù trong hoàn cảnh nào bộ phận này vẫn bảo vệ an toàn.

- Từ nay trở đi nếu tuyển hoặc điều chuyển người đến các bộ phận này phải qua Tỉnh ủy thẩm duyệt.

6. Thường xuyên giáo dục, cải tạo những đối tượng cần cải tạo và tập trung giáo dục cải tạo những phần tử nguy hiểm trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp

Cụ thể phải làm:

- Các đối tượng thuộc diện cải tạo như tể ngụy, đảng phái phản động cũ, phải qua thẩm tra xác minh, tổng hợp nghiên cứu có phân hạng và phân loại tiến bộ, lùng chừng, chống đối. Qua đó mà có đối

sách với từng người, phân công cán bộ, đảng viên đi sát giáo dục, cảm hóa họ một cách thường xuyên, liên tục nhằm mau chóng làm cho họ đạt được 6 tiêu chuẩn của các người nầm trong diện cải tạo để xóa bỏ mặt tiêu cực, biến họ trở thành các nhân tố tích cực tham gia xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đảm bảo hết năm 1964 các người là tê, ngụy đều được học sáu tiêu chuẩn cải tạo chủ yếu là những nơi có nhiều đối tượng.

- Phải nghiên cứu các người trong diện cải tạo và các phần tử phức tạp khác đối chiếu với tiêu chuẩn các đối tượng đáng phải đi tập trung cải tạo, phải mau chóng lập hồ sơ đề nghị tinh duyệt cho đi tập trung đảm bảo hết năm 1964 không còn một đối tượng nào đủ tiêu chuẩn tập trung mà còn ở lại trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp.

7. Xây dựng, củng cố bồi dưỡng và lãnh đạo tốt các lực lượng bảo vệ trong cơ quan, xí nghiệp làm cho các lực lượng này trở thành nòng cốt trong công tác bảo vệ nội bộ

Cụ thể phải làm:

- Các ban bảo vệ, các bảo vệ viên trong cơ quan, xí nghiệp phải được bổ sung và xây dựng xuống đến đơn vị sản xuất có quyết định của lãnh đạo rõ ràng.

- Các anh em tham gia ban bảo vệ là bảo vệ viên phải được thảo luận thông suốt chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ trong công văn hướng dẫn của Ủy ban hành chính tỉnh đã gửi xuống năm 1963.

- Các anh em này phải được bồi dưỡng về kiến thức nghiệp vụ và đấu tranh phản gián, hằng tháng phải có sinh hoạt.

- Làm việc phải có chương trình và nội dung công tác cụ thể, chế độ thỉnh thị, báo cáo với tỉnh và cơ quan chuyên môn hướng dẫn phải đều và đầy đủ.

Riêng các cơ quan, xí nghiệp có đông người thì phải cử người làm chuyên trách theo đúng Thông tư 63 của Thủ tướng Chính phủ

đã quy định từ 2 đến 5% so với cán bộ, công nhân viên mà đồng chí này sẽ là thường trực của ban bảo vệ cơ sở.

Các tổ chức khác có trách nhiệm làm công tác bảo vệ như tự vệ cơ quan, đội phòng, chống cháy cũng phải được củng cố và bồi dưỡng giáo dục thường xuyên làm cho anh em đảm bảo được chức năng của mình.

Bảy nội dung nêu trên là chỉ tiêu của mỗi cơ quan, xí nghiệp cần phấn đấu để thực hiện tốt mà cũng là các mặt công tác phải làm trong các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và tỉnh về bảo vệ nội bộ. Nếu cơ quan, xí nghiệp nào thực hiện được tốt tức là hoàn thành được các chỉ thị, nghị quyết của trên và cũng được xác định là cơ quan xí nghiệp an toàn. Tuy bảy chỉ tiêu nêu trên nhưng vận dụng vào những đơn vị cụ thể thì có cơ quan, xí nghiệp không phải thực hiện 1 hoặc 2 chỉ tiêu.

B. Phải làm cho tổ chức cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường thích ứng dân với yêu cầu sẵn sàng chiến đấu

- Tổ chức thành từng bộ phận, từng đội có người chỉ huy, sắp xếp chỗ làm việc, chỗ ở, tài liệu và phương tiện gọn, nhẹ có kế hoạch tập dượt để khi có sơ tán được dễ dàng, nhanh chóng.

- Tổ chức canh gác, tăng cường phòng gian, giữ bí mật về nghiêm mật cơ quan, bảo vệ an toàn cho người, tài liệu, tài sản các cơ quan trong mọi tình huống.

- Thực hiện chặt chẽ chế độ thường trực cơ quan ngày nghỉ, giờ nghỉ, củng cố vững chắc hệ thống thông tin liên lạc trong nội bộ cơ quan và các cơ quan bạn, đặc biệt với các cơ quan lãnh đạo và quân sự như Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, tỉnh đội, công an, đảm bảo việc thông báo, báo cáo và truyền đạt chỉ thị được kịp thời, nhanh chóng, chính xác và bí mật.

- Giữ gìn nghiêm ngặt chế độ thường trực và kỷ luật chiến đấu trong những cơ quan trọng yếu như (quân sự, công an, bưu điện, y tế, cứu hỏa, điện nước) để sẵn sàng đối phó với mọi trường hợp bất trắc xảy ra.

Căn cứ vào các việc nêu trên các cấp ủy cần phải đổi chiếu ngay với phương án phòng không, phòng, chống gián điệp, biệt kích của cơ quan mình kiểm điểm lại xem còn vấn đề gì chưa làm tốt phải tiếp tục làm ngay để ứng phó với tình hình hiện tại. Việc lãnh đạo phong trào bảo mật phòng gian trong nội bộ phải khéo kết hợp với phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, phải giáo dục cho cán bộ, công nhân viên chấp hành các luật lệ nội quy ngoài thị xã, thị trấn và có trách nhiệm tham gia phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội. Những người có gia đình ở ngoài thì ít nhất 3 tháng sinh hoạt với nhân dân một lần, riêng các đối tượng cần điều tra nghiên cứu và cải tạo ra ở ngoài xã hội thì cấp ủy trong cơ quan, xí nghiệp phải liên hệ chặt chẽ với cấp ủy bên ngoài để trao đổi hỗ trợ lẫn nhau theo dõi, giám sát, đấu tranh cải tạo họ, các cấp ủy trong cơ quan phải định kỳ 3 tháng một lần có sự trao đổi tình hình với cấp ủy bên ngoài nơi có cán bộ nhân viên cư trú.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy và thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp sẽ tiến hành tổ chức thực hiện nghị quyết này đúng phương châm "Thận trọng, chắc chắn" và trên nguyên tắc thông suốt từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, cụ thể là:

a) Các cấp ủy, thủ trưởng họp để nghe phổ biến nghị quyết này liên hệ kiểm điểm xem cơ quan, xí nghiệp mình từ trước đến nay đã thực hiện Nghị quyết 39 của Trung ương và Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy đến đâu trên cơ sở ấy rồi có kế hoạch phấn đấu thực hiện cơ quan, xí nghiệp an toàn.

Phân công làm báo cáo kiểm điểm và kế hoạch thực hiện cơ quan xí nghiệp an toàn, để đưa ra toàn chi bộ thông qua.

b) Họp hội nghị chi bộ nghe báo cáo kiểm điểm của chi ủy và liên hệ sai sót của mỗi đảng viên để phấn đấu khắc phục.

Tham gia ý kiến vào bản kế hoạch xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn của chi ủy đã dự thảo.

Bàn cách đưa ra quần chúng và xác định trách nhiệm của mỗi đảng viên phải làm trước quần chúng như thế nào.

c) Họp toàn cơ quan báo cáo kiểm điểm của lãnh đạo và kế hoạch xây dựng đơn vị an toàn của lãnh đạo đã dự thảo.

- Về phòng ban thảo luận báo cáo và bổ sung kế hoạch xây dựng an toàn chủ yếu đi vào các vấn đề cụ thể mà đơn vị mình phải làm để trở thành an toàn.

d) Lãnh đạo họp để tập hợp các ý kiến của quần chúng tổng hợp lại thành một phương án đầy đủ cụ thể rồi tổ chức cán bộ, công nhân viên họp để chính thức công bố kế hoạch phấn đấu trở thành đơn vị an toàn có mức độ thời gian cụ thể. Đơn vị hạ quyết tâm phấn đấu thực hiện.

Lãnh đạo có kế hoạch kiểm tra và đôn đốc thật chặt chẽ và thường xuyên liên tục cứ 3 tháng, 6 tháng lại sơ kết để đẩy mạnh phong trào.

2. Các ban Đảng đoàn như Tuyên huấn, Tổ chức, Kiểm tra, Đảng đoàn thanh niên, phụ nữ, công đoàn có nhiệm vụ hướng dẫn cấp dưới và giúp các cấp ủy chỉ đạo thực hiện nghị quyết này.

Riêng Đảng đoàn Công an có trách nhiệm làm tham mưu cho Tỉnh ủy, có trách nhiệm hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện nghị quyết này, cứ 3 tháng phải tổng hợp báo cáo với cấp ủy tỉnh một lần để kịp thời uốn nắn và bổ khuyết.

Hàng năm có tổ chức tổng kết để biểu dương khen thưởng nhằm đưa phong trào thực hiện ở cơ quan, xí nghiệp an toàn vào thường xuyên càng ngày càng lên cao.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 24-BC/TU, ngày 8-12-1964

Về tình hình công tác tháng 11-1964

I. VỀ NÔNG NGHIỆP

1. Tình hình sản xuất

- Tình hình sản xuất tháng 11-1964 chủ yếu là thu hoạch lúa, ngô vụ mùa, tính đến ngày 25-11-1964 vùng cao đã thu hoạch xong, đến ngày 30-11-1964 vùng thấp cũng cǎn bản hoàn thành, mỗi huyện còn lě tẻ một ít lúa ruộng và lúa nương, chậm nhất đến ngày 3-12-1964 thì gặt xong hoàn toàn.

- Năm nay thu hoạch gấp nhiều khó khăn về thời tiết, có nơi mưa kéo dài hằng tháng (vùng cao). Do công tác tư tưởng làm được tốt ngay từ bước đầu nên tinh thần tranh thủ thu hoạch có nhiều chuyển biến tốt, có nơi đã gặt đêm như hợp tác xã Bản Qua, Cam Đường, có nơi mưa cũng đi gặt như hợp tác xã Thác Dạ Vạch, v.v.. Tinh thần "Mỗi người làm việc bằng hai", thi đua trả thù cho anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, kết nạp anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi làm xã viên danh dự, làm thêm phần việc của anh Trỗi đã được lan rộng ở một số xã, ở các huyện, cũng là động cơ thúc đẩy phong trào, làm cho việc thu hoạch tương đối được nhanh gọn, khắc phục được khó khăn, giảm bớt được thiệt hại do thời tiết gây ra; ví dụ: Gặt đêm, gặt trời mưa, gặt trưa không nghỉ là một chuyển biến chưa từng có đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Cũng do tình hình thời tiết không thuận lợi, mặc dù đã có tinh thần tranh thủ thu hoạch nhưng sự thiệt hại không tránh khỏi, do đó lúa năm nay so với năm ngoái tuy có tốt hơn trước nhưng cũng bị thiệt hại vì rụng, mọc mầm, theo số liệu điều tra bước đầu có một số xã bị thiệt hại từ 1 đến 2% như huyện Bắc Hà, cá biệt có xã vùng cao thiệt hại tới 5% như Bát Xát, v.v.. Cũng do tình hình mưa như vậy nên ảnh hưởng đến công tác ba thu (vì không phơi được).

- Trong tháng này Tỉnh ủy có đầy mạnh đợt trồng khoai lang ở vùng thấp và cơ quan, công trường, xí nghiệp để thực hiện cao điểm trồng khoai lang chưa hoàn thành, tuy chưa thống kê đầy đủ, có triển vọng thêm được số lượng khá lớn về khoai lang.

2. Chuẩn bị sản xuất đông - xuân 1964-1965

- Để chuẩn bị tốt chiến dịch sản xuất đông - xuân 1964-1965 tỉnh đã tổ chức hội nghị tổng kết sản xuất đông - xuân 1963-1965 ở các vùng khác nhau, số đại biểu ở vùng cao về dự hội nghị là 160 đại biểu xã và hợp tác xã, cộng 20 đại biểu huyện, đại biểu vùng thấp về dự hội nghị là 240 đại biểu xã và hợp tác xã, cộng 20 đại biểu huyện. Kết quả hai cuộc hội nghị nói chung các đại biểu đã thấy được thắng lợi của phong trào hợp tác xã nông thôn, thấy được tính hơn hẳn của hợp tác xã, củng cố được niềm tin vững vàng hơn, về mặt sản xuất của từng vùng, thấy được rõ hơn phương hướng thâm canh tăng năng suất, có một điểm chuyển biến tương đối mới là một số lớn đại biểu vùng cao đã thấy được tác dụng to lớn của cày ải, bón phân. Qua cuộc hội nghị này đã củng cố thêm nhiều niềm tin về chính sách, chế độ, kỹ thuật canh tác, phương hướng sản xuất, đã giải quyết được một phần những tập quán canh tác cũ kỹ đồng thời cũng định thêm trách nhiệm qua từng đại biểu đối với phong trào hợp tác xã ở nông thôn hiện nay.

II. CÔNG NGHIỆP

Tháng 11-1964 tình hình sản xuất công nghiệp quốc doanh

nói chung, các xí nghiệp hoạt động tốt, khẩn trương, nhằm gấp rút hoàn thành kế hoạch năm 1964 trước thời hạn và tăng cường phục vụ các ngành sản xuất khác cũng như phục vụ tiêu dùng cho nhân dân các dân tộc.

Theo ước tính thì giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương tăng hơn tháng 10-1964 là 3,3%. Trong đó, nhóm A tăng hơn 14,5%, nhóm B giảm 7,1%, riêng về giá trị sản lượng thương phẩm tăng hơn tháng 10-1964 là 6,2%. Nói chung các ngành đều tăng, riêng thực phẩm giảm 8,8% vì trạm xay xát gạo không đạt được kế hoạch như tháng trước và xưởng bánh gạo thiếu nguyên vật liệu (riêng xưởng bánh kẹo bị sụt giá trị sản lượng).

Đặc biệt, tình hình bưu điện tháng này có nhiều ưu điểm, tất cả các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch, đơn vị thấp nhất là 105%, đơn vị đạt cao nhất là 160%.

Tình hình công nghiệp Trung ương nói chung cũng đang khẩn trương sản xuất để hoàn thành vượt mức thời gian quy định, theo báo cáo ngày 4-12 của Đoàn địa chất 24 thì ngày 30-11-1964 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1964, cụ thể:

- Khoi lượng vượt 1,32%.
- Trữ lượng vượt 20%.
- Tổng giá trị vượt 3,14%.
- Năng suất vượt 6%.
- Nhân lực giảm 10,88%.

III. TÀI MẬU

Ba thu:

- Do tình hình mưa nhiều, thóc chưa phơi được cho nên tốc độ nhập kho bị chậm, theo số liệu đến ngày 30-11-1964 tình hình ba thu như sau:

- + Thuế đạt 18,5% kế hoạch Trung ương, 16,5% kế hoạch của tỉnh.
- + Mua nghĩa vụ 9,1% kế hoạch Trung ương, 8,9% kế hoạch của tỉnh.
- + Mua khuyến khích 2% kế hoạch Trung ương.

IV. VĂN XÃ

1. Giáo dục

- Từ khi có nghị quyết của thường vụ về chiến dịch tổng công kích giặc dốt tình hình giáo dục - văn hóa miền núi có nhiều chuyển biến tốt, cụ thể sau khi Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết, các huyện, thị ủy đều có nghị quyết thực hiện, việc kiểm tra đôn đốc đã được tăng cường, lãnh đạo được chặt chẽ hơn, do đó một số người đi học ngày càng đông, phong trào thanh toán nạn mù chữ ngày càng có nhiều tiến bộ, so với tháng 10-1964 số người đi học sơ cấp là 8.571 người, tăng hơn tháng trước là 2.141 người. Trong đó, số người đi học chữ Mèo là 2.342 người, tăng hơn tháng trước là 107 người.

- Đến nay toàn tỉnh đã thanh toán cho 1.942 người, đạt 48,5% kế hoạch cả năm. Riêng tháng 11-1964 đã thanh toán thêm được 346 người. Triển vọng có thể hoàn thành kế hoạch cả năm.

- Việc thanh toán đơn vị hiện nay cũng đang tiến hành tích cực, đến ngày 20-11-1964 thanh toán thêm được 12 đơn vị nữa cộng là 41 đơn vị, riêng huyện Bảo Thắng năm 1964 triển vọng sẽ thanh toán xong căn bản.

- Số người đi học lớp bổ túc văn hóa ngoài giờ làm việc ngày càng đông, tháng 11-1964 có tất cả là 8.814 người, so với tháng trước riêng cấp III giảm vì số người đi học chính trị tại chức.

2. Văn hóa

- Công tác văn hóa tháng 11-1964 đặc biệt đoàn văn công của ba tỉnh Lào Cai, Hà Giang và Lai Châu đã hoàn thành việc đi thăm hữu nghị và mừng ngày Quốc khánh nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Vân Nam đã trở về nước và đã tổ chức biểu diễn cho 6.000 lượt người xem ở hai thị xã Lào Cai và Cam Đường. Cũng trong tháng 11-1964 đoàn văn nghệ nghiệp dư của dân quân tự vệ đi tham gia hội diễn của quân khu về, kết quả của cuộc tham

gia hội diễñ này đã có tác dụng động viên mạnh mẽ đối với phong trào dân quân tự vệ trong toàn tỉnh, nhất là đa số diễñ viên lần đầu tiên được về biểñ diễñ ở Thủ đô, thấy được đời sống tươi đẹp, kiến thiết to lớn, có tác dụng tuyên truyền mạnh mẽ chế độ ta trong nhân dân các dân tộc miền núi.

V. NỘI CHÍNH

1. Tình hình chung trong tháng

Do phong trào bảo vệ trị an trong tỉnh ngày càng được đẩy mạnh nên tình hình nói chung được ổn định, sự hoạt động của địch không có gì lớn.

Song đáng chú ý là sự hoạt động phản tuyên truyền đã xuất hiện ở một số tuyến đường ở công trường làm đường, đã gây ảnh hưởng xấu, ví dụ: Ở tuyến đường Lào Cai - Mường Khương địch tung khẩu hiệu "Ở đây có nhiều phi, hổ báo, nước độc, nếu ai đi rừng sẽ bị bắt và nhân dân ở xuôi lên nhiều người bị hùi, ốm, nam giới mặt bung da chì, phụ nữ rụng hết tóc..." làm tư tưởng một số công nhân bị dao động, có đơn vị đã có tới 13 người trốn về xuôi.

Hai ngày 21 và 22-11-1964 đã có máy bay phản lực bay từ phía Lào qua xã Bản Khoang, Tả Giàng Phình huyện Sa Pa và khu vực Mường Hum thuộc Bát Xát, các chuyến bay đó đều ở độ cao và không thấy hành động gì.

Về tai nạn. Tối 23 và sáng 25-11-1964 một số người xã Tự Do và Thanh Bình thuộc huyện Mường Khương đi săn đã bắn nhầm phải nhau làm 2 người chết và một người bị thương, tai nạn săn bắn đã xảy ra có tính chất nghiêm trọng, tỉnh đã có chỉ thị nhắc các cấp ủy và chính quyền các địa phương cần có biện pháp tích cực để ngăn chặn khỏi xảy ra những tình trạng đáng tiếc như trên.

Về tự tử, tự sát.

Ngày 17-11 sau khi thị xã Lào Cai phát động phong trào bảo vệ trị an đã xảy ra một vụ tự sát dùng thuốc bả chuột nhưng đã kịp thời cấp cứu nên chưa được, hiện nay công an đang tiến hành điều tra tìm ra manh mối vụ này.

2. Công việc đang làm

- Công tác động viên nghĩa vụ quân sự đang được tiến hành từng bước khẩn trương và có nhiều triển vọng hoàn thành tốt nhiệm vụ trên giao, thanh niên các dân tộc đang hăng hái tham gia khám sức khỏe.

- Công tác tổ chức; Luyện tập đề phòng chống gián điệp, biệt kích và phong trào bảo vệ trị an đi vào bê sâu cũng được tiến hành mạnh mẽ nhằm thực hiện tốt Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 06 của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đầu năm.

- Thực hiện Chỉ thị 81 của Trung ương, Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã nghiên cứu và có kế hoạch tiến hành công tác bảo vệ nội bộ đang được xúc tiến từng bước ở các cơ sở.

- Đang xúc tiến từng bước cuộc đấu tranh tư tưởng nhằm khắc phục tư tưởng hữu khuynh, tư sản trong các lực lượng nội chính nhằm quán triệt thêm một bước quan điểm chuyên chính của Đảng trong công tác trấn áp bọn phản cách mạng.

IV. CÔNG TÁC ĐẢNG

1. Chuẩn bị Đại hội Đảng cấp huyện

Tháng 11-1964 chủ yếu là tiến hành chuẩn bị đại hội Đảng cấp huyện, sau cuộc họp Tỉnh ủy tháng 10-1964 căn cứ vào Nghị quyết Tỉnh ủy đã đề ra làm mấu chốt cho việc nhận định tình hình 1 năm qua và vạch ra phương hướng nhiệm vụ cho năm tới, Thường vụ Tỉnh ủy đã vạch ra đề cương cho các huyện, tỉnh đến

nay đã duyệt song báo cáo đề án và phần nhân sự của ba huyện, triển vọng hết tháng 12-1964 thì hoàn thành Đại hội Đảng các huyện thị (trừ Thị ủy Cam Đường).

2. Bồi dưỡng đảng viên ở nông thôn

Hiện nay các huyện đang tiến hành mở lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho các đảng viên ở nông thôn nhằm đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa, thực hiện kế hoạch nhà nước và xây dựng chi bộ bốn tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo thực hiện kế hoạch năm 1965.

VII. NHẬN XÉT KẾT LUẬN

Tháng 11-1964 công việc chủ yếu là thu hoạch và ba thu vụ mùa, với tinh thần dựa vào bề sâu phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai", tinh thần phát động khí thế cách mạng, học tập tinh thần anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi. Toàn dân tập trung cao độ vào thu hoạch rất khẩn trương, việc thu hoạch đã xong về căn bản nhưng công tác ba thu tuy rất khẩn trương nhưng gấp phải thời tiết mưa nhiều nên kết quả đạt còn thấp so với yêu cầu. Nhưng so với thời gian năm ngoái có nhiều tiến bộ hơn.

Trong công nghiệp, những đơn vị quan trọng tiến hành thi đua ba cao điểm có đơn vị đã và đang chuẩn bị tổng kết, có nhiều triển vọng tốt thực hiện kế hoạch.

Việc giao kế hoạch năm 1963 kết hợp với Đại hội Đảng các cấp đang tiến hành khẩn trương, nhiều nơi đã hướng vào Đại hội Đảng tập trung chuẩn bị tiến hành các công việc lớn phục vụ cho sản xuất đông - xuân 1964-1965 như ruộng bậc thang, thủy lợi, trồng cây công nghiệp.

Những công tác lớn tháng 12-1964 tới rất khẩn trương, nhằm hoàn thành nhiệm vụ năm 1964 và bước sang năm 1965 là:

- Hoàn thành ba thu xong trước Tết âm lịch.
- Tập trung cao độ nhân lực chuẩn bị ruộng bậc thang, thủy lợi, đất, giống trồng cây công nghiệp.
- Hoàn thành Đại hội Đảng các cấp.
- Tiến hành gấp giáo dục đảng viên nông thôn, cán bộ xã để đẩy mạnh khí thế củng cố xây dựng hợp tác xã, chi bộ bốn tốt, thực hiện kế hoạch nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 25-BC/TU, ngày 10-12-1964

Về phương hướng phân vùng kinh tế, phân phối đất đai nông lâm nghiệp*

Nội dung báo cáo:

I. MẤY NÉT CƠ BẢN VỀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ TỪ NGÀY HÒA BÌNH LẬP LẠI ĐẾN NAY

a) Sơ bộ về những đặc điểm tự nhiên có liên quan đến sản xuất nông, lâm nghiệp.

b) Tình hình phát triển kinh tế nông lâm nghiệp từ ngày hòa bình lập lại đến nay:

1. Về sản xuất nông nghiệp.

2. Về sản xuất lâm nghiệp.

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÂN VÙNG KINH TẾ VÀ PHÂN PHỐI ĐẤT ĐAI NÔNG, LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 1970

A. Phương hướng phát triển kinh tế nông lâm nghiệp từ nay đến năm 1970

a) Phương hướng chung.

b) Phương hướng cụ thể cho từng vùng.

B. Phương án phân phối đất đai và phân vùng kinh tế nông nghiệp**

* Báo cáo đã được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tháng 10-1964.

** Trong mục này chỉ có mục a - BT.

a) Những căn cứ chính cần dựa vào để tiến hành phân phối đất đai và phân vùng kinh tế nông nghiệp.

C. Phương án phân vùng nông nghiệp cụ thể:

a) Vùng chuyên môn hóa trồng lúa.

b) Vùng chuyên môn hóa trồng mía.

c) Vùng chuyên môn hóa trồng rau xanh, cây ăn quả và chăn nuôi lợn thịt.

d) Vùng chuyên môn hóa trồng chè.

đ) Vùng chuyên môn hóa trồng đậu tương.

e) Vùng chuyên môn hóa trồng cây đặc sản.

D. Phương án phân phối đất đai cụ thể cho các ngành sản xuất nông, lâm nghiệp.

a) Xác định quy mô dân số.

b) Tiêu chuẩn bình quân nhân khẩu nông nghiệp về đất đai nông nghiệp để làm cơ sở tính toán.

c) Tỷ lệ phân phối đất đai ước tính đến năm 1970.

d) Tỷ lệ phân phối đất đai ước tính đến năm 1980.

đ) Ước tính phân phối đất đai ước tính đến năm 1970.

e) Ước tính phân phối đất đai ước tính đến năm 1980.

g) Ước tính phân phối đất đai lâm nghiệp, công nghiệp và các ngành khác.

III. CÁC BIỆN PHÁP TIẾN HÀNH CỤ THỂ

IV. KẾT LUẬN

I. MẤY NÉT CƠ BẢN VỀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VÀ NHIỆM VỤ KINH TẾ TỈNH ỦY TỪ NGÀY HÒA BÌNH LẬP LẠI ĐẾN NAY

a) Sơ bộ về những đặc điểm tự nhiên có liên quan đến sản xuất nông, lâm nghiệp

Lào Cai là một tỉnh miền núi ở về phía tây Bắc Bộ, bắc giáp Trung Quốc, đông và nam giáp tỉnh Hà Giang, Yên Bai, tây giáp khu tự trị Thái - Mèo. Diện tích toàn tỉnh có 413.302 ha. Trong đó 86% là rừng và đất rừng.

Tỉnh Lào Cai có nhiều dân tộc thiểu số sống xen kẽ với nhau, nhưng đã sơ bộ chia thành ba vùng rõ rệt. Trong đó, dân tộc Mèo là đông nhất chiếm 29,90% tổng số dân tộc của tỉnh, cư trú tập trung ở rèo cao (độ cao so với mặt biển trên 800 mét trở lên). Dân tộc Mán cư trú rải rác ở rèo giữa (độ cao so với mặt biển từ 500 đến 800 mét). Dân tộc Nhắng, Kinh, Thổ, Hoa cư trú tập trung và xen kẽ với nhau ở rèo thấp (độ cao so với mặt biển 500 mét trở lên).

- *Về địa hình:*

Hình thái các cấu tạo đất của Lào Cai rất phức tạp, đại bộ phận đất đai là đồi núi, có độ cao rất lớn và gần như nghiêng hẳn một chiều từ hai phía đông - tây tập trung đổ dồn nước vào khu trung tâm của tỉnh nằm dọc trên bờ hai dòng sông Hồng và sông Chảy. Diện tích núi đất, đá có độ cao trên 2.000 mét (so với mặt biển) chỉ có tác dụng phòng hộ, ít tác dụng đối với kinh doanh nông, lâm nghiệp, chiếm 26,6% tổng số đất đai của tỉnh.

- *Về khí hậu thủy văn:*

Do có nhiều dãy núi cao và cơ cấu địa hình thấp dần như trên đã nói, khí hậu của Lào Cai có thể chia làm hai vùng khí hậu nhiệt đới và ôn đới.

- Vùng khí hậu nhiệt đới, nhiệt độ trung bình hằng năm 26°C , tháng cao nhất trung bình 37 độ, tháng thấp nhất trung bình 14 độ, độ ẩm trung bình 70 đến 75%, vùng khí hậu này có thể tính từ đường đồng mức 500 mét so với mặt biển trở xuống bao gồm huyện Bảo Thắng, chín xã dọc ven sông Hồng của huyện Bát Xát, xã Bảo Nhai, Nậm Lúc, Cốc Lầu (huyện Bắc Hà), khu vực Bản Lầu (huyện Mường Khương) và hai thị xã Lào Cai và Cam Đường.

- Vùng khí hậu nhiệt đới và ôn đới: Nhiệt độ trung bình hằng năm của vùng này là 25 độ trở xuống, tháng trung bình thấp nhất 4 độ có khi xuống 2 độ, tháng trung bình cao nhất 27 độ, độ ẩm trung bình hằng năm từ 75 đến 90%. Vùng này có thể tính từ đường đồng mức 700 mét trở lên so với mặt biển, bao gồm hầu hết đất đai của ba huyện Sa Pa, Mường Khương, Bắc Hà và 17 xã vùng cao của huyện Bát Xát.

- *Lượng mưa:*

Hàng năm ở các vùng tiểu khí hậu có lượng mưa cách biệt rõ rệt. Vùng cao lượng mưa trung bình 2.800 ly/mét, cao nhất 3.300 ly (Sa Pa). Vùng thấp lượng mưa trung bình 2.000 ly/mét ít nhất 1.688 ly (Bảo Thắng).

Mưa tập trung vào các tháng 6, 7, 8, mưa ít nhất vào các tháng 12, 1, 2.

- *Về thổ nhưỡng:*

Nói chung đất đai của Lào Cai rất nhiều màu mỡ và thuộc vào loại đất tốt so với các tỉnh miền núi khác. Đất đai ở vùng thấp phần lớn là đất thịt và đất sét pha cát, đất nhẹ, cơ cấu tương vien, nhiều mùn, độ PH phần lớn gần trung tính, thêm vào đó là những bãi phù sa đã được thường xuyên bồi đắp dọc theo hai bờ sông Hồng, sông Chảy, sông Nậm Thi, rất thuận lợi cho việc trồng lúa, cây ăn quả cam quýt, rau xanh và chăn nuôi lợn. Đất đai ở rèo giữa và rèo cao đại bộ phận là đất Latôritich có mùn trên núi và đất Latôritich nằm trên đá mẹ phiến thạch, diệp thạch lâu ngày bị phong hóa thành vùng đất do nâu có tầng đất mùn sâu, từ 0,5 đến 1 mét, có nơi từ 5 đến 10 mét, đất xốp, có cấu tượng, độ PH từ 4 đến 6 rất thích hợp cho việc trồng màu, cây công nghiệp ngắn và dài ngày.

b) Tình hình phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp từ ngày hòa bình lập lại đến nay

Từ ngày hòa bình lập lại đến nay, nhờ vận dụng đúng đắn đường lối phát triển kinh tế miền núi của Trung ương Đảng vào hoàn cảnh thực tiễn của tỉnh ta, nhờ nhiệt tình cách mạng, sức lao động cần cù và sáng tạo của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nêu sản xuất nông nghiệp qua các kế hoạch khôi phục phát triển kinh tế, văn hóa đã và đang thu được nhiều thắng lợi liên tiếp.

Từ một nền sản xuất có tính chất tự cấp tự túc, nhỏ bé của quần chúng tính chất xã hội hóa toàn diện. Các vùng chuyên môn hóa sản xuất đang được dần dần hình thành, sản phẩm

hàng hóa nông, lâm đặc sản cung cấp cho công nghiệp (địa phương và Trung ương) và cho xuất khẩu đã được tăng tiến nhanh chóng. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc đã được cải thiện rõ rệt, bệnh tật và sự lạc hậu về văn hóa đang được đẩy lùi từng bước.

Nạn đói lưu niên chu kỳ thường xảy ra hằng năm trước ngày giải phóng thì giờ đây đã được vĩnh viễn xóa bỏ và coi là dĩ vãng.

1. Về sản xuất nông nghiệp

- Diện tích đất để trồng trọt kể cả nương rẫy năm 1963 là: 22.294 ha. Bình quân nhân khẩu nông nghiệp là 5 sào 12 thước năm 1965 chưa có số liệu về bình quân diện tích canh tác.

Nếu so với năm 1960, năm gốc của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất tăng 36,76%, bình quân hằng năm tăng 11%. Trong đó:

- Diện tích gieo cấy cây lương thực 23.934 ha so với năm 1955 tăng 63,76%, tăng bình quân hằng năm là 5,1%.

- Nếu so với năm 1960 (17.151 ha) tăng 39%, tăng bình quân hằng năm 11,7%. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp 2.585 ha so với năm 1955 (974 ha) tăng 165,70%, tăng bình quân hằng năm 10,24% so với năm 1960 (1.864 ha) tăng 38,68%, bình quân hằng năm tăng 11,5%.

Trồng cây lương thực:

- Diện tích gieo cấy lúa mùa 6.376 ha, so với 1955 tăng 28,34%, bình quân hằng năm tăng 2,5%. Diện tích tăng tuyệt đối 1.406 ha tăng bình quân hằng năm 156,2 ha, so với năm 1960 tăng 10%, tăng bình quân năm 3,3%, bình quân mỗi năm tăng diện tích tuyệt đối 196 ha.

- Diện tích gieo cấy lúa chiêm 1.469 ha so với 1955 tăng 74,46%, tăng bình quân hằng năm 5,7%. Diện tích tăng tuyệt đối 627 ha. Bình quân mỗi năm tăng 70 ha. So với năm 1960 tăng 31,98%, bình quân hằng năm tăng 9,6%. Bình quân mỗi năm tăng tuyệt đối 118 ha.

- Diện tích gieo cấy ngô: 10.547 ha so với năm 1955 tăng 83,52%, tăng bình quân hàng năm 6,3%, diện tích tăng tuyệt đối 4.800 ha, bình quân mỗi năm tăng 533,3 ha, so với năm 1960 tăng 42%, tăng bình quân hàng năm 12,4%, tăng tuyệt đối hàng năm 1.041 ha.

Về sản xuất lương thực bình quân theo đầu người 1963 là 336 kg trong đó lúa 175 kg, hoa màu quy thóc 161 kg.

Bình quân nhân khẩu nông nghiệp 405 kg so với năm 1955 tăng 60,70%, tăng bình quân hàng năm 4,8%, so với năm 1960 tăng bình quân hàng năm 1,1%.

Trong đó, lúa 211 kg so với năm 1955 tăng 3,4%, tăng bình quân hàng năm 0,3% so với năm 1960 giảm 9,9%, giảm bình quân hàng năm 3,4%.

Hoa màu quy thóc 194 kg so với năm 1955 tăng 280,3%, tăng bình quân hàng năm 14,28%, so với năm 1960 tăng 22,7%, tăng bình quân hàng năm 7%.

Với bình quân sản lượng trên, từ năm 1963 chúng ta tự túc được lương thực trong phạm vi nhân khẩu nông nghiệp và phi nông nghiệp của địa phương, không kể nhân khẩu phi nông nghiệp ở các xí nghiệp của địa phương và công trường lớn của Trung ương đóng tại địa phương.

Về chăn nuôi:

Tính đến ngày 1-10-1963, tổng số các loại gia súc có:

- Trâu 29.178 con, so với năm 1955 tăng 66,43%, tăng bình quân hàng năm 5,2%, so với năm 1960 tăng 10,9%, tăng bình quân hàng năm 3,5%.

- Bò 2.775 con so với năm 1955 tăng 434,68%, tăng bình quân hàng năm 18,24%, so với năm 1960 tăng 178,6%, tăng bình quân hàng năm 40,7%.

- Ngựa 12.735 con, so với năm 1955 tăng 156,8%, tăng bình quân hàng năm 9,8%, so với năm 1960 tăng 28,85%, tăng bình quân hàng năm 8,8%.

- Lợn 45.604 con so với năm 1955 tăng 49,30%, tăng bình quân hằng năm 4%, so với năm 1960 tăng 27,98%, tăng bình quân hằng năm 8,5%.

2. Về sản xuất lâm nghiệp

Như trên đã nói, tỉnh ta là một tỉnh miền núi có nhiều núi cao, đại bộ phận đất đai của tỉnh ta là rừng và đất rừng. Nhìn chung rừng của chúng ta có nhiều lâm đặc sản quý như gỗ pơ mu, chò chỉ, lát hoa, tán mật, bồ đề, vầu nứa, song mây, thảo quả, nấm hương, trúc và nhiều loại thuốc quý trữ lượng và sản lượng cao.

Chỉ tính được từ 1958 đến 1963 theo thống kê chưa đầy đủ, ngành sản xuất lâm nghiệp của tỉnh đã khai thác:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------|
| - Gỗ 109.763 m ³ | - Nứa giấy 2.266.049 cây |
| - Củi 48.407 | - Song trường 1.756.156 mét |
| - Than 2.945 tấn | - Tre 809.812 cây |
| - Nứa 8.585.468 cây | - Vầu 1.121.618 cây |
| - Củ nâu 1.589.687 kg | - Song đoan, mây 297.268 kg |
| - Lá cọ 129.100 tấn | |

Ngoài ra, hàng năm nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã khai thác hàng ngàn mét gỗ, hàng triệu cây vầu, nứa, hàng vạn ôtô củi để dùng vào công việc sản xuất và kiến thiết gia dụng nữa.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được về các mặt tăng diện tích gieo trồng, sản lượng cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, tăng nhanh số đầu con trong đàn trâu, bò, tăng nhanh khai thác lâm sản, v.v. chúng ta cũng cần phải đánh giá đúng mức và có biện pháp tích cực khắc phục nhanh chóng những thiếu sót của chúng ta về các mặt như:

1. Năng suất tất cả các loại cây trồng nói chung suốt trong khoảng 1-8 năm nay, lúc nhích lên, lúc giảm xuống rất iạch và gần như bị giãm chân tại chỗ.

2. Diện tích cây công nghiệp dài ngày, diện tích cây ăn quả lưu niêm (chè, cam quýt) phát triển quá chậm, không cân xứng so

với tốc độ phát triển diện tích cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày.

3. Một số cây ăn quả có giá trị xuất khẩu (chuối, dứa) thì lại giảm quá nhanh, kể cả về diện tích và sản lượng.

4. Tình trạng đốt phá rừng bừa bãi (phá rừng thông, rừng già có nhiều gỗ quý để làm nương bắp theo tập quán du canh) đốt rừng màng tang, rừng vầu nứa để trồng sản, đốt rừng gianh để lấy cỏ chăn nuôi đã và đang gây ra biết bao nhiêu tai họa như xói lở, bạc màu, hạn, lũ, thiếu nước ăn, thiếu củi ở vùng miền đông suốt trong 7-8 năm nay mà tới nay chúng ta vẫn chưa có những biện pháp khắc phục được.

Mặt khác, một phần cũng do tốc độ khai thác bỏ quá xa so với tốc độ tu bổ, cải tạo trồng rừng nên diện tích rừng có cây hằng năm bị thu hẹp lại hàng ngàn hécta, cũng vì vậy mà rừng cây hiện nay diện tích chỉ còn lại khoảng 21% tổng số đất rừng chung của tỉnh. Trong đó, huyện Bảo Thắng còn 50%, Bắc Hà 4%, Sa Pa 29%, Mường Khương 17%, Bát Xát 15%.

Trong diện tích rừng có cây thì diện tích rừng có thể khai thác được chỉ chiếm 5,7% (20.560 ha). Đó là một nguy cơ có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển về mọi mặt của các ngành kinh tế khác và trực tiếp đến đời sống của nhân dân trong tỉnh nói chung.

Nếu trong những năm tới chúng ta không có những biện pháp thật tích cực để mau chóng khắc phục thì chẳng bao lâu nữa toàn tỉnh ta cũng sẽ phải chịu cảnh thiếu gỗ, thiếu củi, thiếu nước như hàng vạn nhân dân vùng cao huyện Bắc Hà, Mường Khương hiện nay đang vất vả chịu đựng.

Dưới đây là phương hướng phân vùng kinh tế, phân phối đất đai nhằm mau chóng khắc phục những nhược điểm, khuyết điểm mà chúng ta đã vấp phải.

Mặt khác, cũng nhằm lợi dụng triệt để mọi điều kiện thuận lợi do thiên nhiên ưu đãi và sử dụng hợp lý những vùng đất đai

màu mỡ để làm cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh và làm giàu cho Tổ quốc.

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÂN VÙNG KINH TẾ VÀ PHÂN PHỐI ĐẤT ĐAI NÔNG, LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 1980

A. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP TỪ NAY ĐẾN NĂM 1970

Dựa vào yêu cầu cách mạng chung của Đảng, yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương, các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV. Dựa vào những đặc điểm tự nhiên, tập quán canh tác, sức lao động của nhân dân các dân tộc, phương hướng phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp từ nay đến năm 1970 là:

a) Phương hướng chung

Ra sức phấn đấu bằng mọi biện pháp, kể cả biện pháp chế biến hoa màu thay cho gạo, ngô để giải quyết vũng chắc ván đề tự túc lương thực cho cả nhân dân địa phương và các xí nghiệp công nông trường lớn của Trung ương tại địa phương và có một phần dự trữ trong kho Nhà nước trong nhân dân.

- Lợi dụng triệt để mọi thuận lợi về đất đai, khí hậu, tập quán canh tác để phát triển mạnh trồng cây công nghiệp dài ngày (chè, châu), cây đặc sản (hạt rau, thảo quả, đậu tương), cây ăn quả xuất khẩu (chuối, cam, quýt), cây ăn quả vùng cao (đào, mận, lê, táo).

- Đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò sinh sản, ngựa, lợn, tích cực trồng lại rừng ở vùng cao, đẩy mạnh kinh doanh hợp lý nghề rừng ở rέo thấp, tiến hành phân vùng kinh tế nông nghiệp để chuyên môn hóa sản xuất một số cây trồng thích hợp với mọi điều kiện thiên nhiên và tập quán canh tác đối với nó, để từ năm 1965 đến

năm 1970, tỉnh ta có thể tăng nhanh không ngừng sản lượng hàng hóa nông lâm đặc sản cung cấp cho nhu cầu địa phương, nhu cầu của trung ương và xuất khẩu.

b) Phương hướng cụ thể cho từng vùng

- *Vùng thấp:* Vùng thấp có đầy đủ mọi điều kiện để phát triển nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, nhưng trong đó thì khả năng phát triển cây lương thực và kinh doanh nghề rừng là to lớn và thuận lợi hơn cả.

Vì vậy phương hướng sản xuất nông lâm nghiệp cụ thể cho vùng thấp là:

- Tận dụng mọi khả năng đất đai có thể trồng được lương thực để khai hoang tăng vụ, mở rộng nhanh diện tích cây lương thực, đưa năng suất và hệ số sử dụng ruộng đất tăng nhanh với khả năng cao nhất để có một tổng sản lượng lương thực lớn đảm bảo đủ cung cấp cho nhu cầu lương thực của vùng và nhu cầu lương thực cả của khu phi sản xuất nông nghiệp của tỉnh nữa.

- Lợi dụng vùng đất đai màu mỡ dọc theo hai bờ sông Hồng, sông Chảy để trồng thêm nhiều cam, quýt, chuối phục vụ cho xuất khẩu, trồng mía công nghiệp phục vụ cho nhà máy đường, đẩy mạnh trồng rau, hoa màu, chăn nuôi lợn, nuôi cá cung cấp đủ thực phẩm cho phi nông nghiệp.

- Có kế hoạch kinh doanh khoa học hợp lý hóa những rừng hiện có, khôi phục mau chóng rừng gỗ, vầu, nứa bị tàn phá chết khụy, nhằm đưa tổng trữ lượng và sản lượng rừng đạt mức cao nhất, nhằm thỏa mãn nhu cầu lâm thổ sản phục vụ cho kiến thiết, cho sản xuất, dân dụng và cung cấp được nhiều gỗ cho Trung ương và đến năm 1980 phải đạt mức sản xuất hằng năm 300.000 mét khối, tăng gấp 10 lần năm 1964.

- *Vùng giữa:* Cần chuyển hướng nhanh chóng tập quán canh tác du canh, du cư, xây dựng cơ sở định cư, từng bước đẩy mạnh việc làm ruộng bậc thang, trồng cây công nghiệp dài ngày (chè nhân) đi đôi với việc trồng cây công nghiệp ngắn ngày (cây họ đậu,

đậu thiều thả cánh kiến) để cải tạo đất ở những ruộng nương bậc thang, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây lương thực để cố gắng tự túc một phần đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò đàm cung cấp được nhiều sức kéo cho miền xuôi và tiến tới làm giàu bằng sản phẩm chăn nuôi và sản phẩm cây công nghiệp dài ngày.

- *Vùng cao:* Tích cực trồng lại rừng, trước hết là rừng cây chỏm đồi, mạnh dạn lợi dụng những vùng rừng núi cao trên 1.500 mét trở lên để trồng thảo quả kết hợp với việc bảo vệ rừng phòng hộ, đẩy mạnh việc làm ruộng và nương bậc thang, làm rãnh nước, hồ, vây cá giữ độ ẩm và thực hiện tốt các biện pháp cây lương thực, chống xói mòn khác. Đẩy mạnh tăng vụ, thâm canh tăng năng suất cây lương thực, tập trung mọi khả năng vào việc chăm sóc và mở rộng nhanh chóng diện tích cây công nghiệp dài ngày (chè, thảo quả), kết hợp với cây công nghiệp ngắn ngày (đậu tương, các loại thuốc quý) để lâu dài vùng cao vẫn tự túc được lương thực và có nhiều chè, đậu tương, thảo quả nhất là cung cấp cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI ĐẤT ĐAI VÀ PHÂN VÙNG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

a) Những căn cứ chính cần dựa để tiến hành phân phối đất đai và phân vùng kinh tế nông nghiệp

Đối tượng lao động của con người trong các ngành sản xuất nông, lâm nghiệp là những sinh vật.

- Sinh vật (mỗi loại cây trồng, mỗi loại gia súc) chẳng những chúng chỉ chịu mọi tác động của con người để có một sản lượng cao, mà những sinh vật đó còn phải chịu mọi tác động của thiên nhiên và tác dụng giữa chúng với nhau nữa.

Muốn cho các ngành sản xuất nông, lâm nghiệp có sản lượng cao nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất, con người cần phải tạo cho sinh vật đó thích nghi một cách thuận lợi nhất với mọi điều kiện ngoại cảnh trong môi trường sống của nó. Tiến hành phân phối

đất đai, phân vùng kinh tế nông nghiệp để chuyên môn hóa sản xuất một ngành nào, để trong các ngành sản xuất nông lâm nghiệp, cũng chính là để tạo cho chúng một ngoại cảnh thuận lợi cần thiết đó.

Vì vậy, khi tiến hành phân phối đất đai, phân vùng kinh tế nông nghiệp cần dựa vào những căn cứ chủ yếu sau đây:

1) Xác định phương hướng sản xuất chuyên môn hóa mỗi vùng, trước hết cần phải dựa vào yêu cầu cách mạng chung của Đảng, yêu cầu phát triển kinh tế riêng của tỉnh, đồng thời phải đặc biệt coi trọng mọi điều kiện tự nhiên như địa hình, thổ nhưỡng, khoáng sản, lượng mưa, nguồn nước, độ ẩm và nhiệt độ, tập quán canh tác, sinh vật hiện có, v.v. để xác định phương hướng sản xuất chuyên môn hóa chủ yếu vùng cao được sát.

2) Tính chất của sản xuất nông nghiệp là rải rộng thời vụ, tương hỗ giữa chăn nuôi, trồng trọt, giữa một số cây với nhau, do đó khi đề ra phương hướng sản xuất chuyên môn hóa ở mỗi vùng cần đặc biệt chú ý đến tính chất tổng hợp của từng vùng để bố trí các ngành kinh tế hỗ trợ cho thích hợp. Trên nguyên tắc ngành chuyên môn hóa phải làm nòng cốt, ngành hỗ trợ phải phục vụ đắc lực cho ngành chuyên môn hóa. Tránh tình trạng chỉ chú ý đến ngành chuyên môn hóa coi nhẹ ngành hỗ trợ và ngược lại, tránh tình trạng chung chung sản xuất tràn lan mỗi thứ một ít.

3) Tỉnh ta nằm ở thượng lưu hai con sông lớn là sông Hồng và sông Chảy, đất đai của tỉnh ta đại bộ phận là đồi núi dốc, độ cao tuyệt đối từ 100 đến 3.000 mét so với mặt biển. Với lượng mưa hằng năm rất lớn, tập trung đổ vào sông Hồng và sông Chảy, do đó khi tiến hành phân phối đất đai giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, phân phối rừng kinh doanh, rừng phòng hộ, chúng ta cần phải đảm bảo dành một tỷ lệ diện tích rừng cần thiết cho phòng hộ, cho quốc phòng và tỷ lệ giữa rừng, đất rừng, đất rừng với đất nông nghiệp cho thích hợp. Tránh tình trạng đất rừng quá nhiều, hoặc phân phối đất đai nông nghiệp vào cả những khu rừng phòng hộ, rừng già có nhiều gỗ, lâm đặc sản quý.

4) Phân phối và sử dụng hợp lý đất đai là một trong những khâu đầu tiên để đi vào tổ chức chỉ đạo sản xuất cho tốt. Hiện nay, đất đai là cơ sở để phát triển của mọi ngành kinh tế quốc dân, trong công nghiệp nó là đối tượng của ngành khai thác mới để xây dựng các xí nghiệp, trong nông nghiệp là tư liệu sản xuất chủ yếu, thiếu nó thì không thể có quá trình tái sản xuất mở rộng.

Từ trước đến nay chưa có sự phân phối hợp lý cho các ngành, nên thường xảy ra tình trạng tranh chấp, nhất là tranh chấp giữa đất đai nông nghiệp và lâm nghiệp, giữa khai hoang và các lâm trường. Để giải quyết những mâu thuẫn trên và đáp ứng được yêu cầu phát triển của các ngành sản xuất, việc phân phối đất đai cần phải nhìn xa trông rộng và phải tuân theo quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch cân đối để phân phối cho được hợp lý.

C. PHƯƠNG HUỚNG PHÂN VÙNG NÔNG NGHIỆP CỤ THỂ

Căn cứ và các điều kiện tự nhiên, địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, căn cứ vào tập quán canh tác sẵn sàng có ở các vùng tiểu khí hậu khác nhau. Dựa vào các đường đồng mức cao 500 mét, 700 mét, 1.000 mét so với mặt biển, dự kiến phân chia toàn bộ đất đai nông nghiệp của tỉnh thành sáu tiểu vùng chuyên môn hóa như sau:

1. Vùng chuyên môn hóa trồng lúa

Nhiệm vụ chủ yếu của vùng là phải áp dụng mọi biện pháp kỹ thuật thực hiện thâm canh tăng năng suất, không những để sản xuất ra nhiều lúa và cây hoa màu lương thực có chất bột để ngoài phần tự túc của nhân dân trong vùng, còn nhiều lương thực bán cho Nhà nước, do Nhà nước lại cung cấp cho các khu phi sản xuất nông nghiệp, đảm bảo cho tỉnh ta có thể tự túc lương thực kê cả các xí nghiệp của Trung ương đóng tại địa phương.

Kinh tế hỗ trợ của vùng là đẩy mạnh chăn nuôi lợn thịt, trâu sinh sản để vừa lấy phân bón cho lúa, tăng thêm sức kéo, tăng thêm sản lượng thịt và có thêm trâu cung cấp cho Trung ương và các

tỉnh bạn. Ngoài ra, sê khoanh ba xã Bản Vược, Bản Qua, Quang Kim (huyện Bát Xát) là những xã nằm xung quanh trại nhân giống huyện Bát Xát và có đủ điều kiện thuận lợi để xây dựng thành vùng lợn giống cơ bản nhằm cung cấp lợn đực, lợn nái giống tốt cho tất cả các xã trong tỉnh.

Phạm vi của vùng này bao gồm huyện Bảo Thắng, tam xã huyện Bát Xát (Cốc San, Đồng Tuyền, Quang Kim, Bản Vược, Trịnh Tường, Mường Vy, Cốc Mỳ), năm xã huyện Mường Khương là Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ, Hạnh Phúc, Cộng Hòa, hai xã huyện Bắc Hà là Bảo Nhai và Cốc Lầu.

- Tổng diện tích đất đai của vùng là 123.656 ha, diện tích đất nông nghiệp 7.488 ha chiếm 6% trong tổng số đất đai của vùng.

- Diện tích có khả năng khai hoang lúa nước 832 ha.
- Diện tích có khả năng tăng vụ 689 ha.
- Đất trồng màu 1.294,5 ha.
- Diện tích có khả năng tăng vụ màu 424,4 ha.
- Diện tích canh tác lúa 3.514 ha chiếm 46,9% tổng số đất đai nông nghiệp của vùng.

- Tổng sản lượng lúa hiện nay là 9.442 tấn, bằng 42,40% tổng sản lượng lúa của toàn tỉnh.

Căn cứ vào khả năng đầu tư vốn kiến thiết cơ bản của Nhà nước vào các công trình thủy lợi lớn và phong trào thủy lợi nhân dân hai năm, mức độ phấn đấu diện tích của vùng này đến năm 1970 là:

- Khai hoang ruộng lúa nước hai vụ 832 ha.
- Khả năng tăng thêm một vụ lúa nữa trên chân ruộng một vụ hiện nay để đến năm 1970 có diện tích chiêm là 3.200 ha.

Năng suất lúa sê phấn đấu:

- Lúa mùa 26,5 tạ/ha.
- Lúa chiêm 25 tạ/ha.

Nếu phấn đấu để đạt được mức độ trên thì đến năm 1970 tổng sản lượng lúa của vùng này sẽ có là 19.082 tấn.

Trừ ăn và chi phí của 85.112 nhân khẩu nông nghiệp trong vùng (tốc độ chung bình quân hằng năm lớn hơn 9%) thì Nhà nước sẽ còn có thể huy động được 2.737 tấn.

Như vậy tỷ lệ huy động sẽ là 14,34%, mức còn để lại cho dân dùng là 16.345 tấn.

2. Vùng chuyên môn hóa trồng mía

- Nhiệm vụ chủ yếu của vùng là đảm bảo đủ sản lượng mía cung cấp cho Nhà máy đường với công suất 50 tấn/ngày, chạy liên tục 6 đến 7 tháng trong một năm. Ngoài ra, vùng mía cần áp dụng một chế độ luân canh cho thích hợp. Nếu trồng luân canh mía với đậu, lạc, khoai để phát triển chăn nuôi vừa lấy phân cây họ đậu làm phân xanh bón cho mía tăng cường nguồn thức ăn cho gia súc, vừa để lấy thịt và có hoa màu, chất bột ăn độn.

Phạm vi vùng trồng mía gồm đất ven sông Hồng, từ suối Trịnh Quyền cho đến hết thôn Tân Lập xã Nam Cường (gồm các xã Bản Vược, Bản Qua, Quang Kim, Đồng Tuyển, Cốc San (Bát Xát), thị xã Lào Cai, xã Nam Cường (Bảo Thắng).

Tổng diện tích đất có thể trồng mía được khoảng 500 ha, thường xuyên hằng năm trên diện tích này cần đảm bảo có khoảng 250 đến 300 ha trồng mía để cung cấp cho nhà máy (kể cả mía thu) phần diện tích còn lại sẽ để nhân dân trồng luân canh bồi dưỡng đất bằng các loại cây đậu, lạc và ngay từ năm 1965 vùng mía sẽ phải cung cấp cho Nhà nước khoảng 7.300 tấn mía công nghiệp, 75 tấn đậu, lạc, 6 tấn thịt và Nhà nước cung cấp thêm tiêu chuẩn vùng trồng cây công nghiệp để cung cấp lại hàng hóa bán cho nhân dân.

3. Vùng chuyên môn hóa trồng rau, cây ăn quả và chăn nuôi lợn thịt

Nhiệm vụ chuyên môn hóa sản xuất của vùng này là lợi dụng triệt để phù sa ven sông Hồng để trồng cam quýt, chuối phục vụ cho xuất khẩu, trồng rau, nuôi lợn, cung cấp cho khu phi sản xuất nông nghiệp ở thị xã và các công trường lớn.

Phạm vi của vùng này bao gồm: Xã Thái Niên, Sơn Hà, Phố Lu, thôn Xuân Tăng, Cửa Ngòi, Soi Lân (Cam Đường), An Lạc, Bắc Tà, Phú Thịnh (Nam Cường), hai thị xã Lào Cai, Cam Đường thôn Ngòi Nhò xã Quang Kim.

Diện tích gieo trồng vùng này có 1.019 ha. Trong đó:

- Lúa các loại 277 ha bằng 27,8%.
- Hoa màu 363 ha, bằng 38,06%.
- Cây công nghiệp và ăn quả 208,5 ha bằng 19%.

Mức phán đấu đến năm 1970, cam, quýt của vùng phải đạt tới 270 ha so với hiện nay thì diện tích cam sẽ tăng 462% so với năm 1963.

Ngay từ năm 1965 vùng này sẽ phải cung cấp cho Nhà nước được khoảng 108 tấn thịt, 1.000 tấn rau xanh, 208 tấn cam, quýt, 300 tấn chuối dứa, 650 tấn mía.

Ngược lại, sau khi cân đối lương thực Nhà nước sẽ cung cấp lại cho nhân dân trong vùng theo tiêu chuẩn cung cấp được quy định.

4. Vùng chuyên môn hóa sản xuất chè

Nhiệm vụ chủ yếu của vùng là trên cơ sở tự túc lương thực trong phạm vi cả vùng. Dựa vào tập quán trồng chè đã có từ lâu đời, sẵn có giống chè tốt và điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi cho việc phát triển chè nhanh trên một diện tích lớn (kể cả chè trồng mới và phát chè rậm) chú ý thích đáng đến vấn đề chăm sóc kỹ thuật, đốn, hái đối với diện tích chè cũ để nâng cao năng suất chè và đưa sản lượng chè của vùng không ngừng tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng.

Phạm vi quy vùng chè trước mắt là 15 xã vùng cao, vùng giữa huyện Bắc Hà bao gồm xã Bản Phố, Hoàng Thu Phố, Na Hồi, Tả Văn Chư, Lầu Thí Ngài, Bản Liền, Thái Giang Phố, Lùng Phình, Lùng Chín, Cửa Cải, Bản Già, Tả Cù Tỷ, Sang Sui, Lử Thản Sín, khu vực Cao Sơn (Mường Khuông).

Tổng số đất đai của vùng là 43.627 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 3.845 ha bằng 8,9% tổng số đất đai chung của vùng.

Diện tích có khả năng khai hoang 2.837 ha trong đó khai hoang trồng màu 2.770 ha.

Diện tích chè hiện nay của vùng này mới có khoảng 110 ha, năng suất rất thấp, chỉ 4 đến 5 tạ/ha. Từ nay đến năm 1970 cần phấn đấu tăng diện tích chè của vùng mỗi năm 100 ha và đưa năng suất lên 7 tạ/ha. Như vậy thì đến năm 1970 tổng diện tích chè của vùng sẽ là 700 ha. Trong đó, có 500 ha để thu hoạch được và sản lượng chè ước tới 330 tấn/năm, tăng gấp bảy lần năm 1964 và với tốc độ đó thì đến năm 1970 vùng chè của chúng ta sẽ hoàn thiện với quy mô khoảng 2.200 ha chè và hằng năm sẽ sản xuất khoảng trên 1.000 tấn chè có giá trị xuất khẩu. Kinh tế hỗ trợ của vùng là đậu tương và chăn nuôi lợn thịt.

5. Vùng chuyên môn hóa trồng đậu tương

Nhiệm vụ chủ yếu của vùng là đẩy mạnh mọi biện pháp kỹ thuật tiên tiến, phân bón nhằm đưa năng suất đậu tương hiện nay quá thấp lên mức năng suất tiên tiến và đẩy mạnh tăng vụ, xen canh gối vụ cây đậu tương với cây ngô để đưa diện tích sản xuất đậu tương đến năm 1970 là 2.000 ha và sản lượng là 1.200 tấn. Kinh tế hỗ trợ và là cơ sở vật chất lâu dài của vùng là cây công nghiệp dài ngày, chè, cây óc chó xuất khẩu.

Phạm vi của vùng này bao gồm cả khu vực Si Ma Cai, Bắc Hà, khu Pha Long, Mường Khương (huyện Mường Khương).

Tổng diện tích là 32.657 ha. Tổng diện tích có khả năng khai hoang 190 ha, đất đai có khả năng tăng vụ trồng đậu tương có khoảng 2.000 đến 2.500 ha.

6. Vùng trồng cây đặc sản

Nhiệm vụ chủ yếu của vùng là trên cơ sở tự túc lương thực trong phạm vi chung của cả vùng để đẩy mạnh sản xuất theo hướng công nghiệp hóa hạt rau, thảo quả và các loại cây thuốc quý, trọng tâm là phải lợi dụng mọi khả năng đất rừng săn có để đẩy

mạnh trồng cây thảo quả, tăng cường sự chăm sóc để đẩy mạnh trồng cây thảo quả, cây thuốc quý để hằng năm chúng ta có nhiều thảo quả xuất khẩu, nhiều hạt rau cung cấp thỏa mãn cho nhu cầu trong nước và nâng dần chất lượng hạt rau của ta lên đạt tiêu chuẩn quốc tế để sau này ta sẽ có thể xuất khẩu được nhiều hạt rau quý và giảm bớt được hạn ngạch nhập khẩu một số loại thuốc quý mà khí hậu đất đai của tỉnh cho phép chúng ta trồng được. Kinh tế hỗ trợ là chăn nuôi lợn thịt và tận dụng các vùng đồi có vừa và lớn để phát triển đàn bò mèo, chú ý gây đàn bò giống lớn ở Tả Phìn, Seo Múng tự Dền Thàng.

Phạm vi của vùng bao gồm toàn huyện Sa Pa, 17 xã rẽ cao vùng các huyện Bát Xát. Tổng diện tích của vùng 141.443 ha, diện tích có khả năng trồng thảo quả là 83.942 ha.

Diện tích có khả năng trồng hạt rau, cây thuốc là 500 ha. Mức độ phấn đấu từ nay đến năm 1970 là phải trồng cho được 1.686 ha thảo quả để hằng năm thu khoảng trên 1.000 tấn thảo quả cung cấp cho xuất khẩu.

D. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI ĐẤT ĐAI CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP

1. Xác định quy mô dân số

Căn cứ vào tài liệu điều tra dân số ngày 1-10-1963, căn cứ vào tốc độ phát triển bình quân cả cơ học và tự nhiên năm 1963 là 6,4%. Căn cứ vào khả năng đất đai và yêu cầu phát triển kinh tế. Dự kiến quy mô dân số đến năm 1970 và 1980 là:

- Dân số có từ ngày 1-10-1963:

Tổng số nhân khẩu 133.746 người, bằng 100%. Trong đó, nhân khẩu nông nghiệp là 106.730 người bằng 79,9%, nhân khẩu phi nông nghiệp là 27.116 người bằng 20,1%.

Trong nhân khẩu nông nghiệp thì: Nhân khẩu nông nghiệp rẽ cao nhất là 70.976 người bằng 66,6%; nhân khẩu nông nghiệp vùng thấp là 35.754 người bằng 33,4%.

- *Ước tính đến năm 1970:*

- Tổng số nhân khẩu là 232.452 người, bằng 100%.

- Trong đó nhân khẩu Nông nghiệp 194.448 người bằng 83,66%, so với năm 1963 tăng 82%, tăng bình quân (...).

- Nhân khẩu phi sản xuất nông nghiệp 38.004 người bằng 16,34%, so với năm 1963 tăng 40,6%, tăng bình quân 5%.

Trong nhân khẩu nông nghiệp thì:

- Nhân khẩu nông nghiệp vùng cao là 109.326 người, so với 1963 tăng 125%, tăng bình quân hằng năm khoảng lớn hơn 9%.

- So với năm 1963 tỷ lệ trong nhân khẩu phi nông nghiệp giảm từ 20,1% xuống 16,34%.

Nhân khẩu nông nghiệp từ thấp tăng nhiều nhất bình quân hằng năm lớn hơn 9%. Nguyên nhân là:

- Có dựa khoảng 4 vạn nhân khẩu ở xuôi lên khai hoang miền núi vào những năm 1965, 1966, 1967 mỗi năm tăng trên một vạn nhân khẩu cộng với những nhân khẩu đã lên 1962-1963 là 5 vạn 5 nghìn người.

- Tỷ lệ tăng ở thành thị hạn chế trong khoảng 5% cả cơ học và tự nhiên.

- *Ước tính năm 1980:*

Tổng số nhân khẩu là 325.204 người, bằng 100%, trong đó:

- Nhân khẩu phi sản xuất nông nghiệp là 56.187 người, bằng 17% so với năm 1970 tăng 47,8%, bình quân hằng năm tăng 4%.

- Nhân khẩu nông nghiệp là 269.144 người bằng 82,94% so với năm 1970 tăng 38%, bình quân hằng năm tăng 3,32%, trong đó:

+ Nhân khẩu nông nghiệp rẽo thấp là 117.638 người, tăng so với năm 1963 là 38%.

+ Nhân khẩu nông nghiệp rẽo cao là 151.376 người, tăng so với năm 1963 là 38,4%.

2. Tiêu chuẩn bình quân nhân khẩu nông nghiệp và đất đai nông nghiệp để làm cơ sở tính toán

Ước tính đến năm 1970:

Bình quân về diện tích đất trống trọt cho một nhân khẩu nông nghiệp là 8 sào 8 thước, trong đó:

- Bình quân nhân khẩu nông nghiệp vùng thấp là 5 sào (4 sào trồng cây lương thực, 1 sào trồng cây công nghiệp).

Hệ số sử dụng ruộng lúa nước vùng thấp là 2 lần.

Hệ số sử dụng ở rèo cao là 1,5 lần.

Hệ số sử dụng ruộng đất trồng màu ở rèo thấp là 2,5 lần.

Hệ số sử dụng ruộng đất trồng màu ở rèo cao là 1,5 lần.

- *Ước tính đến năm 1980:*

Bình quân về diện tích đất trồng trọt cho một nhân khẩu nông nghiệp là 6 sào 2 thước, trong đó:

- Bình quân nhân khẩu nông nghiệp cho vùng thấp là 5 sào (4 sào trồng cây lương thực, 1 sào trồng cây công nghiệp).

- Bình quân nhân khẩu nông nghiệp cho vùng cao là 7 sào (4 sào trồng cây lương thực, 3 sào trồng cây công nghiệp).

- Hệ số sử dụng ruộng lúa nước vùng thấp là 2,5 lần.

- Hệ số sử dụng đất trồng màu ở vùng thấp là 3 lần.

- Hệ số sử dụng ruộng lúa nước vùng cao là 1,8 lần.

- Hệ số sử dụng đất trồng màu ở vùng cao là 2 lần.

3. Tỷ lệ phân phối đất đai ước tính đến năm 1970

- Đất Nông nghiệp chiếm 17,5%.

- Đất dành cho công nghiệp 5%.

- Đất dành cho các ngành khác 5%.

- Đất dự trữ 17%.

4. Tỷ lệ phân phối đất đai ước tính đến năm 1980

- Đất Nông nghiệp chiếm 26%.

- Đất Lâm nghiệp chiếm 55%.

- Đất dành cho công nghiệp chiếm 5%.

- Đất dành cho các ngành khác 5%.

- Đất dự trữ 8,6%.

5. Ước tính phân phối đất đai nông nghiệp đến năm 1970

a) *Đất trồng trọt:*

- Vùng thấp 85.122 nhân khẩu x 1.800 m², bằng 15.321 ha. Cơ quan công nông trường 1.500 ha. Cộng là 16.821 ha.

- Đất dự trữ 8.353 ha.

- Vùng cao 109.326 nhân khẩu x 2.160 m², bằng 23.614 ha, cơ quan công trường nông trường 500 ha. Cộng 24.114 ha.

- Đất dự trữ 14.230 ha.

Tổng số đất dành cho trồng trọt 63.518 ha, chiếm tỷ lệ 15,36%, diện tích chung. So với năm 1963 tăng 2,35 lần.

Nhưng đến năm 1970 mới chỉ sử dụng hết có 40.935 ha chiếm 9,9% diện tích chung của toàn tỉnh so với năm 1963 tăng 81%, trong đó:

Diện tích cây lương thực:

- Vùng thấp 12.257 ha so với năm 1963 là 4.951 ha, diện tích sẽ tăng gấp 2,47 lần.

- Vùng cao 19.776 ha so với năm 1963 là diện tích 16.200 ha, tăng là 22%.

Diện tích cây công nghiệp:

- Vùng thấp 3.060 ha so với năm 1963 là 645 ha, tăng 4,7 lần.

- Vùng cao 3.935 ha so với năm 1963 là 754 ha, tăng gấp 5,2 lần.

b) *Đất chăn nuôi:*

Hiện nay, trâu, bò, ngựa có là 44.688 con (1963), dự kiến phát triển năm 1970 đàn trâu, bò, ngựa sẽ có khoảng 64.000 con so với năm 1963 tăng 43%, trung bình hằng năm 4%.

Diện tích đồng cỏ dành cho chăn nuôi tập trung ước khoảng 32.000 ha chiếm 7,6% tổng số diện tích chung của toàn tỉnh.

Đồng cỏ dự tính đến năm 1980 là 12.000 ha, chiếm 10,6%. Cộng diện tích dành cho nông nghiệp (có dự trữ) là 108.518 ha, chiếm 26% diện tích chung của toàn tỉnh. Trong đó mới sử dụng 72.935 ha chiếm 17,6% diện tích chung của toàn tỉnh (so với năm 1963 là 29.109 ha) thì diện tích năm 1970 tăng gấp 2,5 lần so với năm 1963 (diện tích đất nông nghiệp năm 1963 chỉ chiếm 7% so với tổng số diện tích chung toàn tỉnh).

6. Ước tính phân phối đất đai nông nghiệp đến năm 1980

a) *Đất trồng trọt:*

- Vùng thấp là 117.638 x 1.800 m² là 21.174 ha. Cơ quan công nông lâm trường 3.000 ha. Đất dự trữ 1.000 ha, cộng 25.174 ha.

- Vùng cao: 151.376 nhân khẩu x 2.500 m² là 37.404 ha. Cơ quan nông lâm trường 500 ha. Cộng 38.344 ha.

Tổng cộng đất dành cho trồng trọt 63.518 ha chiếm khoảng 15,36% diện tích chung.

b) Đất đồng cỏ chăn nuôi:

Hiện có trâu, bò, ngựa là 44.688 con (1963). Dự kiến phát triển đến năm 1980 bằng 100.000 con tăng gấp hơn 2 lần, tăng bình quân 7% (1963) tăng 9,8%. Diện tích dành cho đồng cỏ tập trung bằng 44.000 ha, chiếm 10,6% diện tích chung, ước gần 7 lần diện tích hiện có.

Tổng cộng đất nông nghiệp: Đất trồng trọt 63.518 ha, đất chăn nuôi 44.000 ha. Cộng là 107.518 ha, chiếm 26% diện tích chung của toàn tỉnh.

7. Phân phối đất lâm công nghiệp và các ngành khác

1. Đất lâm nghiệp

a) Đất rừng Nhà nước quản lý và kinh doanh:

- Những rừng phòng hộ và văn hóa khoa học bao gồm:
- Rừng phòng hộ quốc gia 88.030 ha.
- Rừng nghiên cứu khoa học văn hóa 3.760 ha.
- Rừng phòng hộ địa phương 18.200 ha.

Tổng cộng là 110.000 ha, chiếm 26,6% tổng diện tích chung.

- Đất rừng kinh tế quốc doanh: Gần rừng kinh doanh của Nhà nước, chủ yếu là kinh doanh gỗ, cùi và một phần các loại đặc sản lâm nghiệp, Nhà nước sẽ bỏ vốn đầu tư để phát triển tài nguyên rừng và khai thác lâm sản. Trong vùng này Nhà nước cũng có thể khoán cho các hợp tác xã khai thác, trồng cây, tu bổ cải tạo rừng, các sản phẩm lâm nghiệp thuộc sở hữu toàn dân.

Diện tích vùng này phần lớn tập trung ở các vùng dọc sông Hồng và sông Chảy vùng gần các đường vận chuyển lớn như hai bên đường ôtô Bản Lầu và đường ôtô đi Sa Pa, ngoài ra còn các vùng điện khai thác sẽ mở thêm (Mường Hum, Bảo Nhai) và gần vùng công nghiệp tập trung (mỏ đồng, apatít).

Diện tích phân phối gỗ rừng bằng 60.000 ha.

Rừng vầu, nứa 10.000 ha. Cộng 70.000 ha bằng 17% diện tích chung.

b) *Đất rừng kinh tế giáo dục cho hợp tác xã kinh doanh* (rừng kinh tế hợp tác xã) gồm các loại đất rừng giao cho hợp tác xã, trồng cây để tự túc gỗ củi gia dụng là chủ yếu, một phần dành cho việc kinh doanh đặc sản và trồng cây công nghiệp dài ngày như châub, v.v. phù hợp với khả năng kinh doanh của hợp tác xã.

Cần phải xác định rõ cây thuộc sở hữu của hợp tác xã nhưng đất đai vẫn thuộc sở hữu toàn dân, trước mắt cần phải nghiên cứu đề nghị chế độ nghĩa vụ trồng cây công cộng và trồng cây tự túc gỗ, củi của các hợp tác xã.

Diện tích phân phối:

Đất trồng cây tự túc gỗ, củi 40.000 ha, đất trồng cây đặc sản 10.000 ha, cộng 50.000 ha, chiếm 12,1% diện tích chung.

Loại rừng này cũng rất phân tán tùy theo sự phân bố của dân cư, do đặc điểm sản xuất (cây đặc sản chủ yếu ở vùng cao) và đặc điểm tự nhiên (vùng thấp cây cối mọc nhanh hơn vùng cao) cho nên tiêu chuẩn phân phối là:

- Vùng thấp bình quân đầu người nông nghiệp 0,12 ha.
- Vùng cao 0,26 ha.

Tổng cộng đất lâm nghiệp 230.000 ha, chiếm 55,7% diện tích chung toàn tỉnh.

2. *Đất công nghiệp Mỏ*

Mỏ apatít 12.000 ha. Các mỏ khác 8.000 ha (gồm mỏ đồng, chì, mi ca, dolômít, amiăng). Cộng 20.000 ha chiếm 4,8% diện tích chung.

3. *Đất dành cho các ngành khác*

Gồm đất thành thị, nông thôn, nhà máy, đường sá, sông ngòi, hồ chứa nước, v.v.. Diện tích phần lớn là 20.000 ha chiếm 4,8% diện tích chung.

4. *Đất dự trữ*: 35.802 ha chiếm 8,6% gồm đất ở các vùng xa xôi, dốc cao hiểm trở (kể cả núi đá không cây nằm trong vùng này). Hiện nay chưa phân phối cho ngành nào.

Sau này sẽ tùy theo tình hình phát triển kinh tế mà tiếp tục phân phối cho các ngành. Tổng diện tích này của toàn tỉnh là 413.320 ha.

III. BIỆN PHÁP TIẾN HÀNH CỤ THỂ

Như phần trên đã báo cáo, vấn đề phân vùng kinh tế, phân phối sử dụng hợp lý đất đai là cơ sở đầu tiên để đưa nền sản xuất đi vào kế hoạch cân đối, toàn diện và có hiệu quả kinh tế cao nhất.

Từ năm 1960 đến nay, nhất là từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, chúng ta đã rất coi trọng công tác này. Trong các ngành, từng bộ phận cũng đã bước đầu đi vào quy hoạch riêng của ngành mình, bộ phận mình phù hợp với quy vùng kinh tế chung của tỉnh.

Nhưng nhìn chung thì chúng ta chưa làm được mấy và tình trạng sử dụng bất hợp lý những vùng đất đai phì nhiêu và lãng phí những tài nguyên phong phú còn tiềm năng ở trên rừng, dưới đất mà thiên nhiên đã ưu đãi cho chúng ta còn rất phổ biến.

Để đạt tới mục đích hướng dẫn cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh, hướng dẫn cho các ngành kinh tế đang sử dụng hợp lý nhất, đất đai và những tài nguyên phong phú của tỉnh để biến nghị quyết về công tác phân vùng kinh tế, phân phối đất đai của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thành hiện thực.

Những biện pháp cần tiến hành gấp rút kịp thời là:

1. Ngay từ bây giờ khi bước vào vụ sản xuất đông - xuân 1964-1965 nghĩa là ngay từ khi bước vào thực hiện kế hoạch 1965 kế hoạch cuối cùng của kế hoạch dài hạn 5 năm lần thứ nhất, chúng ta cần mở một đợt tuyên truyền sâu rộng trong vùng, cho tất cả mọi tầng lớp cán bộ, công nhân và nhân dân các dân tộc về ý nghĩa, triển vọng và phương hướng cụ thể còn các phương án phân vùng kinh tế và phân phối đất đai của tỉnh (sau khi đã được hội nghị toàn Ban Chấp hành Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua).

Đồng thời, tập trung một số cán bộ cần thiết của các ngành có liên quan đến công tác này, tiến hành một đợt phân chia đất đai ngoài thực địa, theo tiêu chuẩn và mức độ đã được xác định.

Yêu cầu của đợt phân chia ngoài thực địa phải đảm bảo:

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về ý nghĩa và lợi ích của việc xây dựng vùng chuyên môn hóa sản xuất, ý nghĩa của việc phân chia đất đai, làm cho mọi người dân đều nhận thấy rõ được tầm quan trọng và ý nghĩa lớn lao của nó để tự giác cùng với cán bộ làm công tác phân chia được tốt và sau đó thực hiện tốt quyết định phân chia theo sự hướng dẫn của cơ quan chuyên trách quản lý.

- Thực hành việc phân chia ranh giới giữa các loại đất nông nghiệp của nhân dân, đất lâm trường, đất lâm nghiệp chung, đất kinh doanh của các lâm trường, đất công nghiệp và các loại đất khác, v.v..

Khi tiến hành phân chia ở những lâm trường, nông trường quốc doanh có thể đóng thành cột mốc, rừng cấm phải có bảng báo, v.v. để tiện cho các hợp tác xã và các cơ quan căn cứ vào đó lên được kế hoạch và quy hoạch sử dụng đất đai của họ.

- Song song với công tác tuyên truyền và tổ chức việc phân chia đất đai cần thành lập ngay một cơ quan chuyên trách quản lý ở xã, nhiệm vụ, quyền hạn và hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan chuyên trách này sẽ do Ty Nông nghiệp, Lâm nghiệp đảm nhiệm.

2. Song song và tiếp ngay sau công tác phân phối đất đai ngoài thực địa, các địa phương, các ngành cần căn cứ vào chức năng và quyền hạn của mình để đề ra kế hoạch tham gia thiết thực của ngành mình vào kế hoạch xây dựng vùng chuyên môn hóa sản xuất chung của tỉnh và ngay từ bây giờ một số ngành cần tiến hành một số công việc cụ thể:

- Ủy ban kế hoạch cần nghiên cứu tiến hành tính toán cân đối toàn diện các phần nhân lực, tài lực của các vùng để đề ra các chỉ tiêu thiết thực cụ thể theo hướng chuyên môn hóa của các vùng để

báo cáo với Tỉnh ủy, Ủy ban nghiên cứu và hướng dẫn cho nhân dân các vùng thực hiện.

- Phòng khai hoang cần dựa vào phương án đât đai được phân chia để đưa người miền xuôi lên khai hoang và hướng dẫn họ sản xuất theo đúng hướng của tỉnh đã định.

- Ty Lâm nghiệp cần có kế hoạch xây dựng các lâm trường quốc doanh và có kế hoạch hướng dẫn trồng rừng tu bổ cải tạo rừng cho sát.

- Ty Nông nghiệp, Ty Lương thực, Thương nghiệp, Ty Công nghiệp, Công ty Xuất nhập khẩu cần công tác để tiến hành việc tuyên truyền lợi ích, hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp phân giống và ký hợp đồng hai chiều với nông dân ở các vùng chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả (xuất khẩu) chè, hạt rau và thảo quả.

- Ty Giao thông, thủy lợi, kiến trúc cần cộng tác chặt chẽ và thống nhất với nhau để tiến hành việc lập và hướng dẫn thực hiện các quy hoạch giao thông, thủy lợi, kiến trúc, phục vụ đắc lực cho các vùng chuyên môn sản xuất đó.

3. Từ một nền sản xuất chưa có kế hoạch cân đối toàn diện và chưa có một hướng chuyên môn hóa sản xuất nhất định, nay ta chuyển sang một nền sản xuất mới có chuyên môn hóa và có kế hoạch bước đầu nhất định sẽ để ra một khó khăn cụ thể cần được giải quyết kịp thời. Vì vậy, trong quá trình thực hiện phương án phân vùng kinh tế đã được xác định, các địa phương và các ngành phải hết sức thận trọng trong việc giải quyết và phản ánh kịp thời những khó khăn đó cho Tỉnh ủy và trước mắt Ban Nông nghiệp, Ban Công nghiệp, Tài mậu của Tỉnh ủy cần kịp thời nghiên cứu để đề xuất cho Tỉnh ủy, giải quyết một số chính sách có liên quan trực tiếp đến sản xuất như:

- Vận dụng chính sách cung cấp lương thực cho các vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, rau xanh ở tỉnh ta như thế nào cho hợp lý. Tiêu chuẩn cung cấp và mức độ bán các loại hàng nông sản nông dân bán cho Nhà nước thế nào cho sát và thỏa đáng.

- Chính sách và biện pháp khuyến khích chăn nuôi trâu, bò ở miền núi cho các hợp tác xã và xã viên nên như thế nào để vừa củng cố được hợp tác xã, vừa phát triển được đàn trâu, bò sinh sản.

- Chính sách và biện pháp đối với người làm nương rẫy có thể riêng lẻ nên như thế nào để hợp tác xã quản lý được lao động, tập trung được lao động vào thâm canh năng suất và hạn chế được việc phá rừng bừa bãi.

- Chính sách, cách tính công điểm như thế nào cho hợp lý để các hợp tác xã rěo cao đầu tư lao động được nhiều vào việc mở rộng diện tích cây thảo quả và chè.

- Chính sách giá cả đối với thảo quả và chuối hiện nay đã là hợp lý chưa, đã khuyến khích được sản xuất chưa... giá cả đối với việc thu mua hạt chè giống như thế nào cho hợp lý, khuyến khích được vùng để đất chè giống.

4. Vấn đề cơ giới hóa sản xuất:

Tỉnh ta có nhiều khả năng và nhiều điều kiện đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa hơn nữa.

Nhưng hiện nay, với điều kiện sản xuất thủ công nghiệp hai bàn tay làm ra chỉ vừa đủ ăn và thừa chút ít, do đó chúng ta không thể nào tăng nhanh tốc độ cung cấp nông sản hàng hóa cho Trung ương và xuất khẩu được.

Để giành được nhiều nhân lực dựa vào thâm canh tăng năng suất và mở rộng diện tích cây công nghiệp, cây có giá trị xuất khẩu và mở rộng diện tích cây công nghiệp, cây có giá trị xuất khẩu, vấn đề cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp theo quy mô nhỏ và sử dụng tổng hợp từng bước cần được nghiên cứu gấp và báo cáo với Trung ương để xin trang bị.

Trước mắt đề nghị Trung ương trang bị cho một số máy kéo nhỏ để cơ giới hóa ở khu sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày (mía), Trại nhân giống Bát Xát, Nông trường Thanh niên của tỉnh và sử dụng tổng hợp trong việc làm đường, thủy lợi và dùng động cơ trong việc chế biến hoa màu nữa.

IV. KẾT LUẬN

Chúng ta khẳng định nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai của tỉnh ta còn rất lớn, cần phải có kế hoạch từng bước điều chỉnh nhân lực, phân phối đất đai, phân vùng kinh tế xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để khai thác đầy đủ những khả năng tiềm tàng đó.

Căn cứ vào phương án phân vùng kinh tế và phân phối đất đai để đầu tư như trên và sẽ được hoàn chỉnh dần trong quá trình xây dựng và thực hiện.

Chúng ta tin rằng với tinh thần lạc quan cách mạng, truyền thống phấn đấu, tính lao động cần cù của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, với sự lãnh đạo nhất trí và kiên quyết của các cấp trong tỉnh, Đảng bộ, nhất định chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn và thực hiện tốt các phương án phân vùng kinh tế, phân phối đất đai để đưa nền kinh tế của tỉnh ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng cho tỉnh ta trong vòng từ 10 đến 15 năm nữa sẽ trở thành một tỉnh khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, mạnh mẽ về quốc phòng như Nghị quyết về phát triển nông nghiệp miền núi của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 26-BC/TU, ngày 26-12-1964

Về kiểm điểm sự thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp miền núi của tỉnh Lào Cai

Thi hành chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Lào Cai kiểm điểm sau đây việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất nông nghiệp miền núi nhằm đánh giá một cách toàn diện phong trào hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp của tỉnh trong thời gian vừa qua, rút ra những kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất nông nghiệp 5 năm lần thứ nhất trong năm 1965 và chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm lần thứ hai. Báo cáo này đã được tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và thông qua trong hai ngày 1 và 2 tháng 12- 1964 và gồm những phần sau đây:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NÔNG NGHIỆP CỦA LÀO CAI
II. KIỂM ĐIỂM KẾT QUẢ VỀ HỢP TÁC XÃ VÀ SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỪ SAU KHI CÓ NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

III. MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ
IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHẦN ĐẦU HOÀN THÀNH
KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT TRONG NĂM 1965 VÀ
MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ ĐỀ RA CHO
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 5 NĂM LẦN THỨ HAI
(1966-1970) CỦA LÀO CAI

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NÔNG NGHIỆP CỦA LÀO CAI

Lào Cai là một tỉnh miền núi có nhiều dân tộc (theo điều tra dân số có 26 dân tộc) ở xen kẽ với nhau. Theo địa lý cũng như theo khu vực cư trú, tỉnh Lào Cai chia làm ba vùng rõ rệt: Vùng dân tộc Mèo là dân tộc đông nhất trong tỉnh tập trung ở vùng cao, dân tộc Mán cư trú rải rác ở vùng giữa và các dân tộc Nhăng, Tày, Kinh sống xen kẽ với nhau ở vùng thấp.

Đến nay dân số toàn tỉnh là 140.502 người, so với năm 1960 là 104.547 người. Tốc độ tăng dân số hằng năm là 3,5% về tăng tự nhiên và 6% kể cả tự nhiên và cơ học. Mật độ dân số đã từ 24 người/km² năm 1961 lên 30 người/km² năm 1964.

Về khí hậu, Lào Cai chia ra làm hai vùng: Vùng khí hậu nhiệt đới bao gồm huyện Bảo Thắng, chín xã ven sông Hồng của huyện Bát Xát, ba xã của Bắc Hà, năm xã của Mường Khương và hai thị xã Cam Đường, Lào Cai.

- Vùng khí hậu á nhiệt đới bao gồm hầu hết đất đai của huyện Sa Pa, Mường Khương, Bắc Hà và 17 xã vùng cao huyện Bát Xát.

Đất đai nói chung là tốt, màu mỡ, ít chua. Vùng thấp thích hợp cho việc trồng lúa, cây ăn quả, rau xanh và chăn nuôi, vùng cao thích hợp cho việc trồng màu, cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày.

Do mỗi vùng có một số dân tộc khác nhau cư trú cho nên có những đặc điểm về tập quán canh tác khác nhau. Vùng cao sinh sống bằng nương rẫy định canh và một phần ruộng, ở đây các loại lương thực được trồng nhiều là ngô, lúa nương, lúa nước, cấy trên ruộng bậc thang (trước đây hầu hết có trồng thuốc phiện), các loại cây công nghiệp thì có lanh, dỗ tương, một số vùng (Bắc Hà) có chè. Về chăn nuôi thông thường có bò, ngựa, trâu cày kéo, lợn, gà... có tính chất tự túc...

Vùng giữa nguồn sống chủ yếu dựa vào việc phát nương, đốt nương rẫy trồng ngô, lúa nương và các hoa màu khác. Phần lớn còn sống du canh du cư.

Vùng thấp sinh sống bằng lúa nước, trồng hoa màu là chủ yếu. Kỹ thuật của vùng này có tiến bộ ở hai vùng trên. Chăn nuôi có trâu, lợn, gia cầm. Có nơi đã phát triển nghề nuôi cá, tằm. So với hai vùng cao và giữa vùng thấp kinh tế có phát triển khá hơn.

Tất cả các vùng trước Cách mạng Tháng Tám và trong thời kỳ Pháp thống trị, kinh tế đều chưa được phát triển, còn dựa vào thiên nhiên và độc canh, sản xuất lương thực lúa, ngô là chủ yếu có tính chất tự cấp, tự túc.

II. KIỂM ĐIỂM KẾT QUẢ VỀ HỢP TÁC VÀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỪ SAU KHI CÓ NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ ĐẾN NAY

A. Kết quả về mặt hợp tác hóa nông nghiệp

1. Số lượng hợp tác xã

Từ sau khi hoàn thành cải cách dân chủ, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của Lào Cai đã phát triển khá mạnh. Năm 1958 bắt đầu thành lập hợp tác xã thí điểm đầu tiên với 21 hộ tại Làng Dạ (huyện Bảo Thắng), đến nay (9-1964) toàn tỉnh đã có 491 hợp tác xã bao gồm 12.439 hộ chiếm 58,8% số hộ nông dân. Số lượng hợp tác xã diễn biến qua các năm như sau:

Năm	Số hợp tác xã	Số hộ tham gia hợp tác xã	Tỷ lệ so với hộ nông dân
1959	96	1.970	12,3%
1960	547	11.723	72,9%
1961	545	12.550	76,2%
1962	450	11.317	67%
1963	404	9.467	48,5%
1964	491	12.439	58,8%

Trong tổng số hợp tác xã trên đây có 55 hợp tác xã cấp cao bao gồm 2.840 hộ chiếm 22,8% số hộ tham gia hợp tác xã (năm 1961 có 50 hợp tác xã cấp cao, chiếm 2.390 hộ và 19,1% tổng số hộ vào hợp tác xã). Đến nay, cơ sở hợp tác xã đã có ở 108 xã trong tỉnh, chỉ còn 14 xã chưa có hợp tác xã đều ở vùng cao và giữa. Nếu tính theo từng tỷ lệ số hộ tham gia hợp tác xã như sau: Vùng cao 49%, vùng giữa 55%, vùng thấp 72% so với hộ nông dân từng vùng.

Bên cạnh các hợp tác xã nông nghiệp, nhiều vùng nhất là ở những vùng cao còn có các tổ đổi công. Đến nay, toàn tỉnh có 364 tổ bao gồm 2.918 hộ, tức là 33% tổng số hộ ngoài hợp tác xã tham gia (năm tổ đổi công phát triển cao nhất là năm 1959). Số tổ đổi công có 1.259 tổ bao gồm 11.013 hộ tức là 68,6% hộ nông dân trong đó 776 tổ thường xuyên và bình công chấm điểm bao gồm 5.892 hộ.

2. Tình hình các dân tộc vào hợp tác xã

Tính đến tháng 9-1964 số lượng từng dân tộc vào hợp tác xã như sau:

- Dân tộc Mèo 155 hợp tác xã, gồm 1.840 hộ, bình quân 12 hộ.
- Dân tộc Mán 94 hợp tác xã, gồm 1.262 hộ, bình quân 13 hộ.
- Dân tộc Kinh 46 hợp tác xã, gồm 1.476 hộ, bình quân 32 hộ.
- Dân tộc Nhắng 37 hợp tác xã, gồm 1.010 hộ, bình quân 27 hộ.
- Dân tộc Nùng 24 hợp tác xã, gồm 503 hộ, bình quân 21 hộ.
- Dân tộc Tày 14 hợp tác xã, gồm 322 hộ, bình quân 21 hộ.
- Dân tộc Hán 13 hợp tác xã, gồm 181 hộ, bình quân 14 hộ.
- Dân tộc Phù Lá 7 hợp tác xã, gồm 95 hộ, bình quân 13 hộ.
- Dân tộc Xa Phó 3 hợp tác xã, gồm 49 hộ, bình quân 16 hộ.
- Dân tộc Thù Lao 2 hợp tác xã, gồm 50 hộ, bình quân 25 hộ.
- Dân tộc Phù Dí 1 hợp tác xã, gồm 10 hộ, bình quân 10 hộ.
- Dân tộc Tu Dí 1 hợp tác xã, gồm 8 hộ, bình quân 8 hộ.

Trên đây là số lượng hợp tác xã riêng của từng dân tộc, ngoài ra còn 99 hợp tác xã xen kẽ các dân tộc với nhau gồm 3.782 hộ = 38 hộ/hợp tác xã.

Như vậy là cho đến nay, hầu hết các dân tộc ở Lào Cai đều đã tham gia hợp tác xã tuy rằng tỷ lệ tham gia có khác nhau (riêng dân tộc U Ní ở Bát Xát có 1.197 người trước đây có hợp tác xã nhưng bị vỡ chưa thành lập lại được).

3. Quy mô hợp tác xã

Đến nay, quy mô chung của các hợp tác xã trong toàn tỉnh như sau:

	Số hợp tác xã	Số hộ tham gia
Dưới 10 hộ	71	557
Từ 11 đến 20 hộ	131	2.876
Từ 21 đến 30 hộ	180	2.788
Từ 31 đến 40 hộ	59	1.874
Từ 41 đến 50 hộ	30	1.286
Từ 51 đến 60 hộ	11	600
Từ 61 đến 70 hộ	10	510
Từ 71 đến 99 hộ	13	2.267
Từ 100 hộ trở lên	4	661

Quy mô trung bình hợp tác xã của toàn tỉnh nếu không kể hợp tác xã khai hoang là 28 hộ (ở vùng thấp là 34 hộ một hợp tác xã, ở vùng giữa là 18 hộ và ở vùng cao là 21 hộ). Như vậy, quy mô nói chung là vừa phải, thích hợp với điều kiện cư trú và trình độ quản lý. So sánh các vùng thì vùng giữa có quy mô bé nhất vì vùng này cư trú phân tán từng chõ xóm nhỏ, sản xuất chưa định canh, quản lý ở trong hợp tác xã còn đơn giản hơn ở vùng thấp và vùng cao. Vùng thấp quy mô lớn hơn cả vì ở đây điều kiện sản xuất đã ổn định, hợp tác xã đã bắt đầu kinh doanh toàn diện và trình độ quản lý khác hơn hai vùng trên.

4. Phân loại hợp tác xã

Theo sự phân loại trong năm 1964:

- Số hợp tác xã khá có 109 cái, chiếm 22,2%.

- Số hợp tác xã trung bình 239 cái, chiếm 48,7%.
- Số hợp tác xã kém có 321 cái, chiếm 24,4%.
- Số hợp tác xã kém nát 22 cái, chiếm 4,4%.

Số hợp tác xã kém và kém nát còn chiếm gần 30% tổng số hợp tác xã. Những hợp tác xã kém phần lớn có quy mô quá nhỏ (số hợp tác xã kém và kém nát có gần 30% nhưng chỉ bao gồm khoảng 20% số hộ). Hoặc do điều kiện vì thiếu cán bộ và cốt cán có trình độ lãnh đạo và phần lớn nằm ở vùng cao và vùng giữa.

5. Phương hướng kinh doanh trong hợp tác xã

Về mặt kinh doanh, các hợp tác xã không giống nhau, tùy thuộc không những về trình độ quản lý, về quy mô mà còn tùy theo vùng. Ở vùng thấp đã có nhiều hợp tác xã kinh doanh nhiều ngành như khai thác gỗ, trồng cây công nghiệp (có một số hợp tác xã đã bán 100% số mía trồng cho Nhà nước); trồng cam quýt, chuối, dứa và bắt đầu chăn nuôi tập thể (tính riêng trong 41 hợp tác xã ở Bảo Thắng tỷ lệ tiền thu về ngành nghề chiếm đến 6,9% tổng số thu của hợp tác xã).

Ở vùng cao, vùng giữa phần đông chỉ quản lý lương thực chính: Lúa và ngô, có nơi chỉ quản lý có diện tích ruộng còn nương thì xã viên vẫn làm riêng. Một số hợp tác xã ở Bắc Hà, Mường Khương đã quản lý cả đỗ tương, chè, đại mạch... Hiện nay, phần lớn các hợp tác xã vùng giữa và vùng cao phần thu về kinh tế tập thể còn thấp so với phần thu của kinh tế gia đình.

6. Công tác quản lý lao động

Trong năm 1961, tính trung bình mỗi lao động làm 82 ngày công với giá trị ngày công là 0đ81, năm 1962 làm 138 ngày công với giá trị ngày công là 0đ99. Năm 1963 do buông lỏng công tác quản lý sản xuất, một số hợp tác xã rút bớt ruộng kinh doanh giao cho xã viên làm riêng, một số hợp tác xã nhất là ở vùng cao, chuyển xuống kinh doanh đơn giản nên số ngày công so với 1962 có thấp

hơn, nhưng giá trị ngày công có tăng chút ít: Bình quân cả năm làm 105 ngày công và giá trị ngày công là 1đ07. Tình hình ngày công trong từng vùng cũng có khác nhau: Vùng cao bình quân 86 công, giá trị ngày công 0đ94 (3kg5); vùng giữa 65 công, giá trị ngày công 0đ84 (3kg1); vùng thấp 127 ngày công, giá trị ngày công 1đ19 (4kg4).

So với trước, đến nay công tác quản lý trong hợp tác xã có tiến bộ: Đã có 30 hợp tác xã (3%) thực hiện ba khoán, 63 hợp tác xã (12%) khoán từng việc, và 397 hợp tác xã (82%) bình công chấm điểm phần lớn tập trung ở vùng cao và giữa, hiện tượng phân phối bình quân đã giảm nhiều, nhưng tình trạng khoán cho gia đình hiện nay vẫn còn, việc đầu tư thêm lao động cho kinh tế tập thể và trên một đơn vị diện tích làm còn yếu. Vụ chiêm năm 1964 trong số 70 hợp tác xã quyết toán chỉ có 50 hợp tác xã đạt 81 công bình quân cho một lao động, còn 65 hợp tác xã làm dưới 80 công, trong đó có 47 hợp tác xã làm dưới 50 công. Tính bình quân trên 1 ha lúa ruộng vụ chiêm hiện nay chung toàn tỉnh mới đầu tư vào khoảng 239 công.

7. Chấp hành chính sách trong hợp tác xã

- Công hữu hóa trâu, bò trước khi chưa có Thông tư 35 TTP của Thủ Tướng phủ, toàn tỉnh đã có 63 hợp tác xã công hữu hóa 1.584 trâu, bò. Nhưng đại bộ phận các hợp tác xã sau khi công hữu hóa xong, vì chăn dắt chưa có kinh nghiệm tổ chức tập thể nên trâu nhà ai lại cứ giao cho nhà ấy chăn mà không thanh toán cổ phần như đã quy định. Vì vậy cho nên trâu, bò đõ chết. Hiện nay, số trâu, bò do hợp tác xã trực tiếp quản lý chỉ chiếm 3% tổng số, số xã viên nuôi chiếm 57% và số do cá thể nuôi chiếm 40%.

- Cây lưu niên: Đối với cây lưu niên, nói chung chưa công hữu hóa. Có nơi hợp tác xã quản lý và trả hoa lợi hằng năm, một số hợp tác xã ở ven sông Hồng để hoa lợi 35% theo thực thu (cam ở hợp tác xã Phú Long), ở Phú Thịnh lại để hoa lợi của chuối theo 25% sản lượng cố định.

- Đất 5%. Việc để lại đất 5% quy định chưa cụ thể, chưa thống nhất ở các địa phương, có nơi để có nơi không để. Hiện nay, việc làm nương đang còn ở tình trạng du canh, đất nương chưa cố định được, cho nên nhiều nơi không để lại đất mà để lại ruộng. Số ruộng để lại phần đông vượt 5% (ở huyện tính ra đến 5,7%). Về cách để lại, có nơi tính theo số nhân khẩu trong gia đình hàng năm mà để thêm mỗi năm mỗi ít.

8. Chấp hành đường lối giai cấp trong hợp tác xã

Trước đây, khi chưa tiến hành cải cách dân chủ, địa chủ còn nhiều ở trong các cơ quan của xã, phú nông còn thao túng các tổ đổi công để bóc lột nhân công. Cơ sở đảng, đoàn ở các huyện chưa được thành lập. Sau cải cách dân chủ đã xây dựng được 32 chi bộ với 497 đảng viên và 113 xã đã có đảng viên. Số đoàn viên đã lên tới 930 người và xã nào cũng có chi đoàn. Từ đó đến nay cơ sở đảng và đoàn ngày càng được phát triển đúng hướng vào quần chúng cơ bản. Ngoài ra, tỷ lệ thành phần giai cấp trong các tổ chức cũng được thay đổi. Trước cải cách dân chủ số bần và trung nông dưới trong các tổ chức ở xã là 2.669 người chiếm 67%, sau cải cách dân chủ số này lên đến 4.383 người và chiếm 76% trong các tổ chức ở xã: Ủy ban, xã đội, ban quản trị hợp tác xã.

Trong các Ban quản trị, đại bộ phận đã đảm bảo 2/3 số ủy viên là bần, cống và trung nông lớp dưới.

Nhưng việc kết nạp đảng viên xã viên cũng như đưa người vào Ban quản trị hợp tác xã cá biệt vẫn còn hiện tượng thiếu thận trọng để cho những phần tử xấu, bóc lột lọt vào, có nơi nói là đưa địa chủ vào để quản lý, nhưng thực ra vẫn để họ sinh hoạt, tham gia ý kiến chung trong các buổi họp của hợp tác xã như những xã viên khác.

9. Vấn đề đào tạo cán bộ cho hợp tác xã

Từ năm 1960 đến nay đã mở 15 lớp để đào tạo 967 cán bộ cho các hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 329 người được huấn luyện

dài hạn (từ 1 đến 3 tháng). Về thành phần dân tộc số người được huấn luyện gồm có: 330 Mèo, 149 Nùng và 141 Mán, 99 Kinh, 77 Tày, 65 Nhăng, 32 Mán và Xã Phó, 21 Phù Lá, 10 Hoa, 9 Thủ Lao, 8 U Ní, 6 Tu Dí. Về giai cấp thì có 700 bần, cố và trung nông dưới, 200 trung nông, 60 trung nông trên và 7 dân nghèo. Như vậy là về mặt huấn luyện đã chú trọng đến những dân tộc đồng nhất (Mèo, Mán, Nùng, Nhăng, Kinh) và những thành phần cơ bản.

Ngoài ra, đã đào tạo từ năm 1960 đến 1964 tất cả 290 kế toán, trong đó số có trình độ văn hóa lớp 4 là 120 người, phần lớn tập trung ở vùng thấp.

Nhưng công tác huấn luyện hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và củng cố hợp tác xã. Ở vùng cao và giữa do chưa quy định chính sách một cách thỏa đáng cho cán bộ xã và hợp tác xã đi huấn luyện cho nên chỉ tiêu huấn luyện hàng năm không bao giờ đạt, kinh phí huấn luyện chưa sử dụng hết. Việc theo dõi và bồi dưỡng cán bộ đã huấn luyện để giúp họ làm được việc cũng còn những mặt thiếu sót.

10. Về mặt Nhà nước giúp đỡ hợp tác xã

Từ năm 1961 đến hết 1963, tổng cộng về số tiền ngân hàng đã cho vay:

- Vay ngắn hạn 416.327 đồng.
- Vay dài hạn 1.349.467 đồng (kể cả cho vay khai hoang).
- Trong số vay ngắn hạn chia ra:
 - + Hợp tác xã vay 294.438 đồng.
 - + Cá thể vay 121.989 đồng.
- Trong số vay dài hạn chia ra:
 - + Hợp tác xã địa phương vay 599.337 đồng.
 - + Khai hoang vay 663.941 đồng.
 - + Cá thể vay 86.196 đồng.

Số tiền hợp tác xã vay đã dùng để mua 1.180 trâu cày, 182 trâu kéo khai thác gỗ, 177.600 đồng đầu tư vào chăn nuôi tập thể, 108.869 đồng kinh doanh cây công nghiệp, cây ăn quả.

B. Đánh giá kết quả cuộc vận động hợp tác hóa của tỉnh Lào Cai

Phong trào hợp tác hóa của Lào Cai qua quá trình xây dựng và phát triển, thực sự là một cuộc vận động cách mạng kết hợp làm song song hai nhiệm vụ chiến lược. Cuộc vận động cải cách dân chủ tiến hành từ tháng 3-1959 đến tháng 6-1960 đã đưa 24,4% số hộ nông dân lao động vào hợp tác xã. Thực tiễn đã chứng minh là chủ trương của Đảng kết hợp tiến hành vận động hợp tác hóa với cải cách dân chủ là một chủ trương hoàn toàn đúng. Hai cuộc vận động đó là một cuộc cách mạng sâu sắc trong nông thôn miền núi, không những chỉ tăng cường đoàn kết dân tộc trên cơ sở nội dung giai cấp cụ thể mà còn có tác dụng phát triển sản xuất, tạo điều kiện để cải tiến kỹ thuật và nâng cao dần đời sống của các dân tộc.

Đến nay có thể nói là hợp tác xã đã bắt rẽ sâu trong đời sống của nhân dân Lào Cai. Các dân tộc không những ở vùng thấp mà cả ở vùng cao và vùng giữa đều đã gắn bó, tha thiết với hợp tác xã. Tuy rằng hợp tác xã đang còn những mặt yêu cầu giải quyết, nhưng quần chúng đã biết phân tích một cách sâu sắc lợi ích của hợp tác xã về nhiều mặt. Năm 1963 sau khi các hợp tác xã ở khu vực Lùng Phình huyện Bắc Hà bị vỡ nhiều, một tổ cán bộ của Trường Đảng xuống nghiên cứu tình hình và nêu vấn đề so sánh giữa việc làm ăn tập thể và làm riêng lẻ thì chi bộ Đảng và quần chúng ở đây xác nhận rằng: "Lợi ích của hợp tác xã rất nhiều, có hợp tác xã thì có người buôn lậu, không có trộm cắp, không còn người trông thuốc phiện, các chính sách của Đảng và Chính phủ được chấp hành đầy đủ hơn, hội họp đông đúc và dễ dàng hơn, trị an tốt hơn, phát hiện tình hình địch và những phần tử xấu nhanh hơn. Những hợp tác xã cũng còn những mặt chưa tốt là chưa phát triển sản xuất được nhiều, vì còn có tình trạng làm ẩu, để lỡ thời vụ, dựa dẫm vào nhau, không ai chịu nghe ai. Làm ăn riêng lẻ thì năng suất cao hơn và làm của nhà mình ai cũng chịu khó làm kỹ,

chăm bón tích cực. Nhưng nếu làm riêng, không có hợp tác xã thì lại xảy ra nhiều việc không tốt như thuốc phiện đã bỏ nay lại có người trồng, có kẻ đi buôn lậu, địa chủ bị đánh đổ lại ngóc đầu dậy, đòi lại trâu, bò, thậm chí đòi lại quả thực đã chia cho nông dân, trật tự trị an không tốt, mất trâu, mất vai, những phần tử xấu tuyên truyền, nói xấu chính sách không có ai báo cáo cho chính quyền xã, một số gia đình neo đơn, túng thiếu nay lại gặp khó khăn".

Nhận xét về hợp tác xã hiện nay căn bản vẫn có thể nêu lên như nhận định của Bộ Chính trị đánh giá chung phong trào của miền núi là: Phong trào đã phát triển nhanh, lành mạnh, nói chung là tốt, nhưng chưa thật vững. Tuy rằng có khác thời gian trước đây về mức độ. Trải qua thời kỳ một số tan vỡ hoặc chuyển xuống tổ đổi công trong những năm 1962, 1963 đến nay, các hợp tác xã trong toàn tỉnh kể cả ở vùng cao và vùng giữa đều đã được củng cố hơn so với trước.

Tỷ lệ đó nói chung chưa phải là cao (58,8%) nhưng Lào Cai là một tỉnh có một khu vực vùng cao và vùng giữa rộng chiếm đến 61% số hộ trong toàn tỉnh thì tỷ lệ trên đây cũng không phải là thấp. Hơn nữa đến nay, tất cả các vùng đều có hợp tác xã và tỷ lệ hợp tác hóa giữa các vùng cũng không chênh lệch nhau mấy (vùng cao 49%, vùng giữa 55% và vùng thấp 75%). Trong việc chấp hành các chính sách tuy còn có ảnh hưởng đến sản xuất. Không có hiện tượng công hữu trâu, bò tràn lan hoặc đưa cây lâu năm vào hợp tác xã một cách không cân nhắc. Hợp tác xã dần dần phát huy tính hơn hẳn của mình: bước đầu có tác dụng đẩy mạnh sản xuất, giáo dục chính sách và giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tăng cường đoàn kết giai cấp và dân tộc. Nhiều vùng, nhiều dân tộc đã có những hợp tác xã tiên tiến thực sự có tác dụng lôi cuốn các hợp tác xã khác: Hợp tác xã Lý Lao Chải của đồng bào Mèo vùng cao về làm ruộng bậc thang, hợp tác xã Seo Pờ Hồ (Mán đỏ, vùng cao) về làm thủy lợi, Hợp tác xã Tà Chải (Tày vùng cao) về kinh doanh toàn diện, hợp

tác xã Tiên Phong và Bản Vược (Nhắng, vùng thấp) về thâm canh tăng năng suất...

Nguyên nhân của kết quả trên đây là do phương hướng và nhiệm vụ mà các nghị quyết của Đảng: Nghị quyết 5 của Trung ương và nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất miền núi là đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của địa phương; mặt khác Tỉnh ủy Lào Cai trong khi chấp hành các nghị quyết của Trung ương đã liên tục mở đợt học tập trong cán bộ và quần chúng, coi trọng thường xuyên công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao giác ngộ giai cấp và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ ba khâu củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất và bảo vệ trị an, đi sâu phát hiện những điển hình tốt của phong trào để đúc kết thành những bài học cho công tác chỉ đạo. Tỉnh ủy cũng đã chú trọng đến việc xây dựng hợp tác và phát triển kinh tế của hợp tác xã. Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ Lào Cai lần thứ bốn có ghi: "Phải tiếp tục xây dựng hợp tác xã các tổ đổi công làm cơ sở để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch". Đối với những hợp tác xã trình độ kém, xã viên làm ăn cá thể thì tích cực hướng dẫn tổ chức đổi công, tạo điều kiện tiến lên tổ chức hợp tác xã sau này. Chú trọng tăng cường xây dựng kinh tế của hợp tác xã, đồng thời chú ý đúng mức đến kinh tế phụ gia đình, đưa tỷ trọng kinh tế hợp tác xã ngày càng cao trên các mặt kinh doanh một cách vững chắc.

Một nguyên nhân quan trọng nữa là các dân tộc của Lào Cai trước đây bị khống chế nhiều dưới những năm Pháp và phỉ thống trị, đã được giác ngộ một cách sâu sắc về giai cấp trong thời kỳ cải cách dân chủ và vốn có truyền thống đoàn kết tương trợ giúp nhau, đã hưởng ứng một cách tích cực chủ trương của Đảng đưa các dân tộc đi theo con đường hợp tác hóa nông nghiệp.

Tuy nhiên, phong trào chưa thật vững và còn nhiều mặt yếu phải tiếp tục giải quyết. Công tác quản lý tuy đã có nhiều tiến bộ, nhưng nhiều nơi còn rất lúng túng, nhất là ở vùng cao và vùng giữa.

Phần đông cán bộ và kế toán của những vùng này mới biết ghi công điểm một cách đơn giản, việc chép sổ sách, quyết toán còn phải nhờ cán bộ trên giúp, có nơi mới quản lý hoặc một bộ phận nhỏ cây lương thực còn nương vẩn để xã viên làm riêng, thậm chí có nơi chỉ còn hình thức hợp tác xã nhưng thực sự đã phân tán ruộng đất cho các gia đình làm riêng chỉ giữ lại một số diện tích để đóng thuế, làm nghĩa vụ (Bắc Hà)... Do đó, cho nên hợp tác xã còn có nhiều mặt yếu và chưa đủ điều kiện cho xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật. Về mặt chấp hành chính sách tuy không có những lệch lạc lớn nhưng việc thanh toán cổ phần công hữu không dứt khoát, xử lý không đúng các quỹ tích lũy, việc đất để 5% không thống nhất, có nơi có quá nhiều nhưng cũng có nơi gò ép không để đủ, cũng còn là một hiện tượng phổ biến đã làm cho một bộ phận xã viên không yên tâm sản xuất.

Những khuyết điểm trên đây là do trong công tác chỉ đạo trước đây đã có một số thiếu sót như đã gượng ép tổ chức một số hợp tác xã ở vùng cao chưa qua tổ đổi công hoặc không có đủ điều kiện và hợp nhất một số hợp tác xã quy mô quá to ở vùng thấp. Khi có nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất miền núi, chưa đánh giá đúng tình hình phong trào, chưa hiểu rõ nguyện vọng của quần chúng một cách sâu sắc nên đã đưa một số hợp tác xã xuống tổ đổi công (nhưng mặt khác cán bộ ở trên khi truyền đạt nghị quyết của Bộ Chính trị cũng chỉ nhận một chiêu đến việc chuyển hợp tác xã xuống tổ đổi công). Sau khi chuyển một số hợp tác xã xuống tổ đổi công, quần chúng phản ứng cũng chậm phát hiện để uốn nắn. Đối với vùng cao cũng còn có hiện tượng xem nhẹ cung cố các hợp tác xã đã thành lập và chuẩn bị điều kiện để phát triển sau này.

Một mặt khác cũng phải thừa nhận rằng do ở vùng cao và vùng giữa, trình độ văn hóa của cán bộ cơ sở và quần chúng còn kém, cho nên đã gây những trở ngại không nhỏ cho việc quản lý hợp tác xã, không ít nơi giao ruộng cho xã viên làm tự tư lợi mà là

do trình độ văn hóa còn kém nên rất lúng túng trong việc quản lý, mà lại không được sự giúp đỡ thiết thực của trên.

C. Kết quả về mặt thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp

Dưới đây kiểm điểm sự thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp về các mặt trong hai năm 1963-1964 là hai năm sau khi có nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất nông nghiệp miền núi và đổi chiếu với các thời trước.

1. Sản xuất lương thực

Lấy bình quân hai năm 1963-1964 thì diện tích cấp lúa ruộng tăng 19% so với bình quân ba năm 1958-1960 và tăng 6,5% so với bình quân hai năm 1961-1962, trong đó lúa chiếm mở rộng nhiều nhất đã tăng 59,6% so với bình quân ba năm 1958-1960 và 20,5% so với bình quân hai năm 1961-1962. Đáng chú ý là diện tích hoa màu được mở rộng nhanh từ 11.086 ha năm 1961 lên 13.525 ha năm 1964 (bình quân hai năm 1963-1964 tăng 63,8% so với bình quân hai năm 1958-1960 và tăng 13% so với bình quân hai năm 1961-1962). Đến nay, diện tích hoa màu đã chiếm tỷ trọng 56% trong diện tích cây lương thực. Về sản lượng lương thực quy ra thóc đến năm 1964 đã đạt 39.750 tấn so với 30.078 tấn năm 1961 (trong đó riêng thóc là 24.273 tấn năm 1964 so với 19.102 tấn năm 1961) và bình quân của hai năm 1963-1964 tăng 28% so với bình quân ba năm 1958-1960 và tăng 14,8% so với bình quân hai năm 1961-1962. Sản lượng lương thực tăng đều đặn từng năm một và tốc độ tăng hằng năm là 6,5%, cao hơn tốc độ tăng dân số tự nhiên và cơ học (6%). Đến nay, bình quân đầu người một năm được 337,3 kg lương thực, trong đó 205,9 kg thóc so với 335 kg lương thực trong đó có 207,9 kg thóc trong năm 1961.

2. Cây công nghiệp

Diện tích cây công nghiệp cũng ngày càng được mở rộng đã từ 2.440 ha năm 1961 tăng lên 3.054 ha năm 1964. Tính ra bình quân

hai năm 1963-1964 tăng 57,8% so với bình quân ba năm 1958-1960 và tăng 14,3% so với bình quân hai năm 1961-1962. Nếu tính tốc độ tăng thì cây công nghiệp dài ngày tăng nhanh hơn cây công nghiệp ngắn ngày. Đặc biệt là diện tích chè và thảo quả tăng nhanh: Chè từ 155 ha năm 1961 tăng lên 340 ha năm 1964 và thảo quả từ 154 ha năm 1961 tăng lên 346 ha năm 1964. Về cây công nghiệp ngắn ngày hiện nay đỡ tương là cây được trồng nhiều: 1.552 ha trong năm 1964 và hằng năm có sản lượng tối trên dưới 600 tấn. Tỷ trọng diện tích cây công nghiệp so với toàn bộ diện tích gieo cấy đến năm 1964 là 10,8%.

3. Sản xuất rau

Lào Cai trước đây không đủ rau xanh cung cấp cho các xí nghiệp, cơ quan, hằng năm phải tiếp tế rau ở xuôi lén. Nhưng từ năm 1962-1963 đến nay đã đảm bảo rau cung cấp tại chỗ. Bước đầu đã hình thành các vùng rau ở quanh các khu công nghiệp thị trấn như Mỏ apatít Cam Đường và Sa Pa.

Ngoài rau xanh, số lượng hạt ra sản xuất hằng năm cũng tăng dần, nhất là hạt su hào (năm 1961 sản xuất 10 tấn nhưng chủ yếu là hạt su hào, năm 1964 sản xuất 21 tấn trong đó chỉ có 800 kg là hạt bắp cải còn lại là hạt su hào).

4. Chăn nuôi

Chăn nuôi trong mấy năm qua đã phát triển khá nhất là bò, ngựa và lợn. Tỷ trọng giá trị sản lượng chăn nuôi hiện nay (1964) chiếm 17,4% trong tổng giá trị trồng trọt, chăn nuôi. Tổng số trâu toàn tỉnh hiện có 30.375 con so với 25.315 con năm 1961 (bình quân số trâu trong hai năm 1963-1964 tăng 20% so với bình quân ba năm 1958-1960 và tăng 10,6% so với bình quân hai năm 1961-1962). Tổng số bò năm 1964 là 2.633 con so với năm 1961 là 1.591 con (bình quân bò hai năm 1963-1964 tăng 130,3% so với bình quân ba năm 1958-1960 và tăng 37,2% so với bình quân

hai năm 1961-1962). Về ngựa, năm 1964 toàn tỉnh có 11.524 con so với 10.505 con năm 1961 (bình quân hai năm 1963-1964 tăng 37,7% so với bình quân ba năm 1958-1960 và 9,6% so với bình quân hai năm 1961-1962). Lợn năm 1964 có 54.390 con so với năm 1961 là 39.905 con (bình quân số lợn của ba năm 1958-1960 là 45.552 con), bình quân lợn của hai năm 1963-1964 tăng 9,7% so với bình quân ba năm 1958-1960 và tăng 27,1% so với bình quân hai năm 1961-1962.

5. Tổ chức nhân dân miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế miền núi

Từ tháng 8-1961, Lào Cai bắt đầu tiếp nhận nhân dân miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế. Trong 2 năm 1961-1962 mới nhận có đồng bào ở Hải Phòng, đến năm 1963 nhận thêm đồng bào ở Nam Định và Hà Nam. Tổng cộng từ tháng 8-1961 đến 31-1-1964 đã lên được 2.139 hộ với 12.417 nhân khẩu, tổ chức thành 48 hợp tác xã tập trung gồm 1.419 hộ với 8.585 nhân khẩu và 55 hộ số xen ghép gồm 720 hộ với 3.808 nhân khẩu. Phần lớn các cơ sở khai hoang đều tập trung ở vùng thấp trừ một số hợp tác xã chuyên sản xuất hạt rau ở huyện Sa Pa.

Đến nay, 40 cơ sở khai hoang tập trung đã khai phá được 1.068, nhưng bỏ rãm mất 141 ha, còn sản xuất 919 ha, bình quân mỗi người được 3 sào 5 thước không kể số ruộng của địa phương nhường lại. Diện tích gieo trồng tính đến tháng 6-1964 là 1.522 ha và 91% số diện tích đó được dùng để trồng cây lương thực.

Công tác khai hoang bước đầu đã có tác dụng thiết thực. Nhiều cơ sở đã tự túc lương thực, một số ít đã mở rộng kinh doanh nhiều mặt, các cơ sở khai hoang bước đầu đã phát huy tác dụng về kinh tế, chính trị, văn hóa và quốc phòng đối với địa phương và được nhân dân các dân tộc tham gia ủng hộ.

Nhưng khó khăn hiện nay là đời sống chưa thật sự chắc chắn, mức ăn về lương thực có nơi còn thấp và vì có địa phương khi đưa người đi không chọn kỹ càng nên một số lên không an tâm, tìm cách bỏ về. Đến nay đã có 1.765 người về, chiếm tỷ lệ 14,2% số người lên.

6. Nghề rừng

Tổng cộng diện tích đất rừng toàn tỉnh là 356.313 ha, trong đó rừng cỏ gianh là 200.080 ha, rừng bị tàn phá là 8.407 ha, rừng đang khai thác là 8.245 ha, rừng kiệt là 13.520 ha, rừng nguyên là 15.362 ha, rừng vâu nứa 14.195, rừng núi đá có cây là 1.988 ha, rừng núi đá không cây là 9.579 ha, rừng phòng hộ là 83.942 ha.

Từ khi hòa bình lập lại đến nay, tình hình rừng núi ở vùng thấp bị tàn phá kiệt quệ khá nhiều.

Về mặt khai thác, bình quân hai năm 1963-1964 khai thác được 25.340 m³, tăng so với bình quân 3 năm 1958-1960 là 59,6% giá trị tổng số lượng gỗ khai thác bình quân hai năm 1963-1964 là 1.647.100 đồng. Lực lượng khai thác gồm phần lớn là lực lượng của nhân dân, trong đó 3/3 là người miền xuôi lên còn 1/3 là người của địa phương đã được tổ chức.

Công tác trồng cây, cải tạo rừng trước đây làm được ít nhũng năm gần đây đã được chú trọng hơn, trong hai năm 1960-1961 mỗi năm cải tạo 20 ha rừng, năm 1960 làm được 6 ha, năm 1961 20 ha, năm 1962 là 200 ha, năm 1963 là 370 ha và năm 1964 là 600 ha. Về mặt trồng cây trong năm 1962 lực lượng quốc doanh trồng 20 ha và năm 1963 trồng 60 ha. Ngoài ra, nhân dân có trồng cây phân tán mỗi năm.

Hiện nay tình trạng phát rừng bừa bãi và nạn cháy rừng vẫn thường xuyên xảy ra. Trong hai năm 1962 và 1963 đã phát nương vào 314 ha rừng cây tốt và có 106 vụ cháy tàn phá 2.311 ha rừng trong đó có vụ cháy rừng ở Hoàng Liên Sơn, Sa Pa làm thiệt hại 1.600 ha là vụ cháy lớn nhất.

7. Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp

Hiện nay (1964) toàn tỉnh đã có bảy cơ sở công nghiệp địa phương quốc doanh với số vốn là 2.072.000 đồng so với một cơ sở năm 1960. Tính trong 4 năm (1961-1964), giá trị sản lượng công nghiệp phục vụ công nghiệp là 1.447.960 đồng chiếm 13% giá trị

sản lượng phục vụ xuất khẩu là 2.750.000 đồng chiếm 25%, phục vụ giao thông thủy lợi là 550.270 đồng chiếm 4,9% phục vụ dân sinh, tiêu dùng là 3.052.000 đồng chiếm 31,100%.

Những mặt hàng sản xuất phục vụ nông nghiệp phần lớn là nông cụ, dao phát, lưỡi cày, cày cải tiến. Trong các mặt hàng phục vụ, đã chú trọng đến vùng cao về các loại nông vụ và nguyên liệu để sản xuất nông cụ. Tuy nhiên, hàng sản xuất ra đang còn kém, chưa hợp với yêu cầu của quân chúng, phần công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương phục vụ chế biến chưa làm được gì mấy. Đây là một mặt yếu cần phải bổ khuyết trong thời gian tới.

8. Tình hình sản xuất vùng cao

Vùng cao là vùng đại bộ phận do đồng bào Mèo là dân tộc đông người nhất của tỉnh Lào Cai cư trú, có diện tích gieo cấy chiếm từ 61 đến 63% tổng số diện tích gieo cấy toàn tỉnh. Vùng cao tuy đã định canh, nhưng ruộng lúa nước có ít nhất trong tất cả các vùng. Nếu tính bình quân diện tích gieo cấy đầu người thì vùng cao mỗi người có đến 7 sào 9 thước (vùng thấp có 6 sào 4 thước, vùng giữa có 6 sào 9 thước). Nhưng nếu tính riêng diện tích ruộng lúa nước thì vùng cao mỗi người chỉ bình quân 1 sào 5 thước (vùng thấp có 3 sào vùng giữa có 2 sào 8 thước). Nhưng tính riêng về diện tích trồng cây công nghiệp thì bình quân mỗi người ở vùng cao có 13 thước (vùng thấp có 5 thước và vùng giữa có 3 thước rưỡi). So với trước đây tình hình sản xuất vùng cao đã có nhiều chuyển biến, diện tích trồng hoa màu cũng như cây công nghiệp được mở rộng thêm, do đó sản lượng lương thực tăng hơn so với trước, một số sản phẩm cây công nghiệp như đỗ tương trước đây chỉ đủ dùng cho địa phương nay đã có bán cho Nhà nước (số lượng đỗ tương bán cho Nhà nước thu mua năm 1963 là 158 tấn, năm 1964 là 222 tấn). Về chăn nuôi thì đàn bò tăng nhanh và chiếm đến 70% tổng số bò trong tỉnh. Lợn cũng tăng nhanh hơn so với trước. Qua điều tra điển hình trong hai năm 1962 và 1963

thì thấy khoảng 20% tổng giá trị nông lâm sản phẩm chăn nuôi của người Mèo đã thành hàng hóa.

Nhưng mặc dù so với trước đã có nhiều tiến bộ, sản xuất của vùng cao hiện nay cũng đang gặp khó khăn mà chủ yếu là:

- Ít có diện tích ruộng nước do đó tình hình sản xuất lương thực không ổn định (trong hai miền của vùng cao thì miền Đông lại ít ruộng hơn miền Tây).

- Tình hình xói mòn nghiêm trọng. Vùng cao phần lớn gieo trồng trên đất đồi có độ dốc cao và là khu vực hằng năm có lượng mưa lớn gây nên tình trạng xói mòn. Trừ ruộng bậc thang có năng suất ổn định còn đất nương ngày càng mất màu làm cho năng suất giảm sút nhanh.

- Tập quán làm ăn thiếu kế hoạch và ma chay, cúng bái của đồng bào vùng cao cũng gây những khó khăn cho sản xuất. Những khoản chi tiêu vào những việc cúng bái cưới xin hằng năm chiếm một phần lớn số thu hoạch làm ảnh hưởng đến đời sống.

Tóm lại, công tác vận động sản xuất vùng cao, đòi hỏi phải tiếp tục giải quyết nhiều khó khăn hiện đang tồn tại. Nhiệm vụ đưa các dân tộc vùng cao tiến kịp các dân tộc vùng thấp đòi hỏi phải coi trọng việc vận động định canh định cư, làm cho sản xuất ngày càng ổn định, trên cơ sở đó tạo điều kiện để thâm canh, tăng năng suất, phát triển sản xuất lương thực, chăn nuôi, nghề rừng và cây công nghiệp.

9. Đánh giá kết quả sản xuất nông nghiệp

Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết 5 về phát triển sản xuất nông nghiệp của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển sản xuất nông nghiệp miền núi, sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lào Cai đã có những chuyển biến về mọi mặt.

- Kết quả rõ rệt nhất và nổi bật nhất trong thời gian qua là đã cố gắng phấn đấu để giải quyết vấn đề lương thực. Tuy dân số mỗi năm mỗi đông do tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia

phát triển kinh tế miền núi, do số người phi nông nghiệp tăng nhanh, nhưng Lào Cai đã cố gắng tăng sản lượng lúa và các loại hoa màu hằng năm một cách đều đặn. Nhờ vậy mà các dân tộc ở các vùng, nhất là vùng cao, đều đã thanh toán được nạn đói lưu niên từ trước. So với vùng thấp thì vùng cao và giữa tuy đang còn gập khó khăn về lương thực nhưng so với trước đây thì đã tiến bộ rất nhiều. Mỗi năm số lương thực bán ra cho nông dân địa phương mỗi giảm và số lương thực mà nông dân đóng góp cho nghĩa vụ mỗi tăng (năm 1961 số thóc bán ra cho nông dân là 523 tấn, năm 1962 là 398 tấn, năm 1963 là 325 tấn). Mặt khác, số lượng thóc huy động hằng năm là: năm 1961 là 3.766 tấn, tỷ lệ huy động là 19,7%; năm 1962 là 4.523 tấn, tỷ lệ huy động là 21,1%; năm 1963 là 2.906 tấn, tỷ lệ huy động là 13%; năm 1964 là 4.808 tấn, tỷ lệ huy động là 19,8%.

Trong sản xuất lương thực những năm gần đây đã bước đầu coi trọng thâm canh, đã có chủ trương hạn chế dần việc phát nương bừa bãi và có chú ý đến chỉ đạo diễn hình về công tác chống xói mòn, làm ruộng bậc thang.

- Sản xuất nông nghiệp của Lào Cai đã bắt đầu phát triển theo hướng toàn diện. Nhiều vùng sản xuất đã dần dần hình thành: Vùng lúa ở Bảo Thắng, vùng đỗ tương ở Mường Khương; vùng chè ở Bắc Hà, Mường Khương; vùng thảo quả ở Bát Xát, vùng sản xuất hạt rau ở huyện ly Sa Pa. Khối lượng sản phẩm hàng hóa tuy chưa nhiều nhưng từ chỗ trước đây là một nền nông nghiệp tự cấp, tự túc trở thành một nền kinh tế có hàng hóa là một chuyển biến quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lào Cai.

Ngoài cây công nghiệp, chăn nuôi cũng đã phát triển khá, đã giải quyết một phần lớn việc cung cấp thực phẩm cho nhu cầu của địa phương nhờ việc quy định làm nghĩa vụ thực phẩm không những ở vùng thấp mà cả ở vùng cao, đã có kết quả tốt về mặt chăn nuôi và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước hằng năm.

- Công tác tăng vụ khai hoang đã có một số kết quả nhất định, tốc độ tăng về mặt mở rộng diện tích lúa chiêm bằng tăng vụ là một thành tích đáng kể. Hiện nay, diện tích lúa chiêm đã xấp xỉ bằng 1/3 diện tích lúa mùa và tăng hơn hai lần so với năm 1965. Ngoài ra đã chú trọng tăng vụ nhất là tăng vụ vùng cao như trồng khoai lang, ngô tháng 7, vận động trồng xen đỗ tương với bắp. Các cơ sở khai hoang tuy đang còn gặp một số khó khăn phải giải quyết nhưng đại bộ phận đã dần dần ổn định.

Chính nhờ những tiến bộ trên đây mà giá trị tổng sản lượng trồng trọt, chăn nuôi mỗi năm mỗi tăng: Năm 1961 là 10.269.000 đồng, năm 1964 đã lên 13.939.000 đồng. Tổng giá trị sản lượng nông lâm nghiệp năm 1961 là 18.419.000 đồng, năm 1964 là 21.846.000 đồng.

Nhờ có sản xuất phát triển cho nên đời sống các dân tộc đều được cải thiện rõ rệt hơn so với trước. Nếu tính bình quân thu nhập trong toàn tỉnh thì mỗi nhân khẩu 1 tháng năm 1960 được 10,81 đồng, năm 1961 được 11,62 đồng, năm 1963 được 13,50 đồng (năm 1963 tăng 24,8% so với năm 1960).

Sở dĩ sản xuất nông nghiệp đã có nhiều biến chuyển tốt là do Tỉnh ủy Lào Cai đã biết dựa vào đường lối và các nghị quyết của Trung ương Đảng, tập trung giải quyết vấn đề lương thực và bước đầu xác định phương hướng sản xuất cho từng vùng nhằm khai thác một cách có lợi những khả năng của địa phương. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III của Lào Cai đã đề ra "Phải tập trung lực lượng, ra sức phấn đấu sản xuất cây lương thực bao gồm lúa, ngô, sắn, đao riêng, các loại đậu và các cây có chất bột khác. Trên cơ sở đó coi trọng và đẩy mạnh chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, nghề rừng, cố gắng đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp địa phương và có thêm sản phẩm hàng hóa xuất khẩu".

Để thực hiện nền nông nghiệp phát triển toàn diện, phải tiếp tục tiến hành sơ bộ việc phân vùng sản xuất nông nghiệp thích hợp với đặc điểm tình hình từng nơi, phải xác định tạo cơ sở vật chất

kỹ thuật cho các dân tộc ít người vùng cao tiến tới thực hiện định canh, định cư.

Ngoài ra, một nhân tố quan trọng đã góp phần làm cho sản xuất nông nghiệp có chuyển biến là tinh thần phục vụ của các cấp, các ngành và các cán bộ trong thời gian vừa qua đều có tiến bộ hơn so với trước, đã chịu khó khắc phục khó khăn để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ trong phạm vi mình phụ trách.

Nhưng ngoài những kết quả trên đây, sản xuất nông nghiệp của Lào Cai hiện cũng đang còn những khó khăn và thiếu sót:

- Việc xác định phương hướng sản xuất chung cho toàn tỉnh tuy đã có bắt đầu làm, nhưng việc hướng dẫn các huyện và nhất là các hợp tác xã để ra phương hướng sản xuất của mình làm còn được ít và chưa được cụ thể, do đó mà nhiều nơi ở vùng cao, vùng giữa rất lúng túng trong việc lập kế hoạch sản xuất hằng năm. Việc giúp đỡ các hợp tác xã khai hoang về phương hướng sản xuất cũng chưa được đầy đủ.

- Tổng sản lượng lương thực hằng năm tuy có tăng đều, diện tích gieo trồng tuy có được mở rộng, nhưng có một tình trạng cần phải lưu ý là năng suất các loại cây trồng trên nương như lúa nương, ngô, sắn, đều giảm sút. Công tác chống xói mòn, giữ độ ẩm, tăng năng suất ở trên nương tuy là một công tác lâu dài, nhưng đến nay tỉnh cũng chưa phát huy và phổ biến những kinh nghiệm chống xói mòn đã đúc kết được ở những nơi chỉ đạo điển hình. Ngoài ra, tình trạng phá rừng, đốt nương mà việc trồng rừng và tu bổ rừng không đi theo kịp làm cho diện tích rừng có thể khai thác được mỗi năm mỗi giảm sút. Vì vậy, cho nên từ nay về sau, nếu không tìm cách khắc phục tình trạng xói mòn và áp dụng các biện pháp tăng năng suất không những trên ruộng mà cả trên nương thì sản xuất ở vùng cao và vùng giữa sẽ gặp nhiều khó khăn hơn nữa.

- Trong vấn đề lương thực thì việc hướng dẫn các hợp tác xã làm công tác chế biến và dự trữ hoa màu tại chỗ đang còn yếu cho

nên tốc độ phát triển các loại này trong những năm sau đây có chững lại.

Về chăn nuôi thì chưa tạo điều kiện để phát triển các loại giống quý ở địa phương và còn để dịch bệnh xảy ra thường xuyên làm giảm một phần tốc độ phát triển của chăn nuôi hằng năm.

D. Kiểm điểm công tác kỹ thuật

Trong thời gian gần đây một số công tác kỹ thuật cũng có những tiến bộ hơn so với trước và đã góp phần thúc đẩy sản xuất và cung cố hợp tác xã.

1. Công tác thủy lợi

Tính trong 4 năm, từ năm 1961 đến 1964 toàn tỉnh làm được 832.714 khối đất và huy động được 1.011.339 nhân công cho công tác thủy lợi.

Từ năm 1961 đến 1964 đã làm được 16 công trình loại vừa (so với 5 công trình làm từ 1958-1960) và đã có 13 công trình được đưa vào phục vụ sản xuất. Về thủy lợi nhỏ, trong mấy năm qua đã làm được 4.038 công trình gồm có 3.536 mương, 270 ao giếng, 185 phai, 2 hồ, 36 đập, 9 cọn, trong đó có 2.136 cái ở vùng cao, 823 cái ở vùng giữa và 1.076 cái ở vùng thấp. Riêng số nhân công tự túc làm thủy lợi nhỏ là 585.136 công.

Đến nay, nhờ các công trình trên đây, đã đảm bảo đủ nước tưới cho 1.590 ha lúa chiêm (trong số 1.769 ha) và 3.318 ha lúa mùa (trong số 6.546 ha), phục vụ khai hoang và cung cấp nước cho một số khu vực trồng rau, ngoài ra đã thực nghiệm chống xói mòn cho 3.838 ha đất đồi nương, bước đầu thí nghiệm tưới, tiêu theo phương pháp khoa học cho 116 ha vùng lúa và cung cấp nước ăn cho 7.600 nhân khẩu vùng cao.

Công tác thủy lợi bước đầu đã trở thành một phong trào có tính chất quần chúng. Kết quả thủy lợi không những chỉ có tác dụng phát triển sản xuất, cung cố hợp tác xã mà còn góp phần tăng cường thêm sự đoàn kết giữa các dân tộc, cổ vũ thêm tinh

thần lao động tập thể của quần chúng. Từ trong phong trào thủy lợi đã xuất hiện nhiều xã, hợp tác xã tiên tiến, từ chỗ thiếu ăn và sản xuất đang còn gặp khó khăn, nhờ làm thủy lợi đã dần dần định canh, định cư, có đủ ăn và còn làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đó là trường hợp các hợp tác xã Seo Pờ Hô (Bát Xát), Nậm Trì (Bắc Hà), hợp tác khai hoang An Tháng (Bảo Thắng).

Công tác thủy lợi sở dĩ đạt được một số kết quả là do đã biết vận dụng phương châm chung về thủy lợi và hoàn cảnh của Lào Cai. Đã chú trọng đến những công trình loại vừa và loại nhỏ. Tuy nhiên, kết quả vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của sản xuất. Trong thời gian tới phải tiếp tục công tác thủy lợi với mức độ cao hơn nữa, chú ý nhiều hơn đến các công trình loại nhỏ và cả loại vừa đến vùng cao là vùng đang gặp khó khăn về nước hơn các vùng khác.

2. Kỹ thuật trồng trọt

Trong thời gian gần đây, công tác vận động làm ruộng và nương bậc thang đã bắt đầu có kết quả, nhất là ở hai huyện Sa Pa và Bắc Hà.

Sau khi tổng kết kinh nghiệm của xã Lao Chải, sau khi đồng chí Nguyễn Chí Thanh lên chỉ thị cho Đảng bộ địa phương trong tháng 11-1963, huyện Sa Pa đã mở hội nghị bàn bạc tổ chức làm ruộng bậc thang trong các xã. Từ trung tuần tháng 12-1963 đến 1-1964, toàn huyện đã hoàn thành 31 ha và toàn tỉnh trong hai năm 1963-1964 đã khai phá thêm được 114 ha ruộng bậc thang.

Diện tích khai phá ruộng bậc thang tuy chưa phải là nhiều, nhưng ý nghĩa các công tác này rất lớn. Tạo thêm ruộng và nương bậc thang đối với vùng cao và vùng giữa thực sự là tạo thêm cơ sở vật chất cho hợp tác xã, làm cho quần chúng gắn bó với nhau và thấy rõ thêm sức mạnh của lề lối làm ăn tập thể. Qua việc làm ruộng bậc thang, thấy rằng nhân lực của vùng cao tuy ít, cư trú không tập trung nhưng nếu được tổ chức lại được chỉ đạo cụ thể thì vẫn có thể tạo ra sức mạnh để phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật làm cho hợp tác xã được củng cố thêm, thu nhập của xã viên

tăng thêm và thông qua đó mà giáo dục ý thức lao động tập thể cho quần chúng.

Về công tác phân bón từ khi mở rộng diện tích gieo cấy, tăng vụ lúa chiêm ở vùng thấp, vụ ngô tháng 7 và trồng thêm màu ở vùng cao, việc dùng phân bón đã có những chuyển biến vùng thấp đến nay vào khoảng 60% diện tích lúa chiêm và từ 40 đến 50% diện tích lúa mùa đã được bón phân. Mức phân ở trên diện tích được bón là từ 3 đến 3 tấn rưỡi cho lúa chiêm và từ 1 tấn rưỡi đến 2 tấn đối với lúa mùa. Về phân hóa học: phân đậm đã bắt đầu quen dùng và đã được các nơi đòi hỏi kể¹ cả vùng cao và vùng thấp. Số lượng phân hóa học tiêu thụ từng năm như sau năm 1960 là 62 tấn, năm 1961 là 118 tấn, năm 1963 là 157 tấn, 6 tháng đầu năm là 80 tấn.

Về giống, ngoài việc cung cấp một số giống mới thì việc hướng dẫn chọn lọc giống mới thực hiện ở phạm vi hẹp, 25 xã ở vùng thấp mới bắt đầu chọn theo hai tốt (24% số hợp tác xã ở vùng thấp). Về ruộng chuyên sản xuất giống, trong toàn tỉnh mới có hợp tác xã Lý Lao Chải (Sa Pa) thực hiện.

Về công cụ cải tiến đến năm 1964 toàn tỉnh đã phổ biến 1.226 cày 51, phần lớn dùng ở vùng thấp; 1.065 cày cải tiến (loại này dùng cho cả vùng thấp, vùng cao); 3.147 bừa sắt (phần lớn có tác dụng ở vùng thấp, vùng cao chê nặng, gấp đá ngầm gãy răng không kịp sửa chữa để dùng); bừa cải tiến 1.853 cái (loại bừa mà gỗ nhưng răng sắt, dùng cho vùng cao). Ngoài ra đã phổ biến 16.924 cào có sắt, 260 bừa Nghệ An và 2.498 xe quyết vận chuyển, những loại nông cụ này phần lớn dùng cho vùng thấp.

3. Kỹ thuật chăn nuôi

Chăn nuôi trâu, bò: Trước đây trâu, bò thường thả rông trong vụ đông - xuân, ở vùng cao chuồng trại phần lớn không bị hạn chế, nhiều nơi đã làm chuồng. Do đó, tỷ lệ đẻ và số đẻ ra nuôi được

1. Đẻ cù: kể cù - BT.

nhiều hơn trước (tỷ lệ trâu đẻ trong đàn cái là 46,5%, số đẻ ra nuôi được là 75,3%, số bò đẻ trong đàn cái là 42,8% và số đẻ ra nuôi được là 83,3%).

Chăn nuôi trâu, bò đàn mới bắt đầu thực hiện. Đến nay có tám hợp tác xã nuôi bò đàn với số lượng là 350 con, hợp tác xã nuôi nhiều nhất là Thủ Dầu Một ở Sa Pa nuôi 79 bò đàm và 59 bò sữa, còn các hợp tác khác nuôi từ 30 đến 50 con, hình thức nuôi bò đàm vào khoảng từ 30 đến 50 con ở những nơi có đồng cỏ nhỏ để chăn dắt là một khả năng có thể mở rộng được trong các hợp tác xã hiện nay.

Về nuôi trâu tập trung hiện nay có 5 hợp tác xã nuôi 124 con, nơi nhiều nhất là 35 con, nơi ít nhất là 12 con.

Việc chăn nuôi sinh sản trong thời gian qua phát triển chậm là do giống đang thiếu nhất là giống bò, nạn dịch lợn còn xảy ra đã làm cho chăn nuôi lợn phát triển chưa ổn định. Về kỹ thuật chăn nuôi lợn thì ngoài việc tiêm phòng gia súc hằng năm, chưa có gì tiến bộ đáng kể, giống lợn chưa được cải tạo, còn phổ biến là lợn con nhảy lợn mẹ.

D. Tình hình xuất nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp

Lào Cai là một tỉnh biên giới có nhiều lâm đặc sản, lại có cửa khẩu cho nên hoạt động ngoại thương trong mấy năm qua có phát triển.

Trong 4 năm (1960 đến 1963) tổng số kim ngạch xuất ở cả Trung ương và địa phương đã lên tới 4.952.376 đồng nhân dân tệ, trong đó kim ngạch xuất của hàng địa phương là 511.708 đồng (của Trung ương là 4.440.667 đồng), hàng xuất của địa phương gồm có hoa quả, cây giống dược liệu, lâm sản. Về nhập, cũng trong 4 năm đã nhập cho địa phương hàng hóa giá trị 3.390.000 đồng nhân dân tệ, gồm các loại vải, vải hoa cho người Mèo, Mán, Nhăng, trị giá 2.274.629 đồng nhân dân tệ; tư liệu sản xuất chủ yếu là các loại giống (lê, táo, bò sữa...) hết 154.146 đồng nhân dân tệ, bách hóa, dược liệu 941.303 đồng nhân dân tệ.

Ngoài ra, địa phương còn thu mua chuyển xuôi cho Trung ương xuất những mặt hàng như cần câu, gậy trượt tuyết, thảo quả... giá trị mỗi năm mỗi tăng (năm 1960 là 556.800 đồng, năm 1963 là 77.980 đồng và tổng cộng trong 4 năm là 2.852.110 đồng tiền Việt Nam).

Việc thu mua và kinh doanh xuất, nhập khẩu trong thời gian qua đã góp phần thúc đẩy sản xuất, đã mua những sản phẩm mà nông dân có thể khai thác được và nhận những hàng hóa cần dùng cho nông nghiệp, tư liệu sản xuất, và cho tiêu dùng của nông dân. Tuy nhiên, so với khả năng và yêu cầu thì công tác xuất nhập khẩu chưa đáp ứng đầy đủ nhiệm vụ thúc đẩy sản xuất phát triển. Kim ngạch xuất mỗi năm mỗi sút và kim ngạch nhập mỗi năm mỗi tăng. Nguyên nhân của tình trạng này là do những hàng xuất của địa phương ngày càng sụt (chuối tiêu năm 1960 xuất 336 tấn, năm 1963 chỉ còn 70 tấn, dứa năm 1960 xuất 119 tấn, năm 1963 chỉ còn 60 tấn...) và những hàng khai thác lâm sản dựa vào thiên nhiên thì cũng mỗi năm một cạn dần.

Trong thời gian tới, việc đẩy mạnh xuất khẩu phải gắn liền với việc phát triển cây công nghiệp và cây đặc sản. Ngoài ra, vấn đề giao thông cũng đóng góp một phần thúc đẩy quan trọng. Hiện nay mới mở đường ôtô từ tỉnh xuống huyện lỵ, còn các đường từ huyện xuống các khu vực, xuống xã vẫn dùng ngựa thồ, người thồ. Những đường ôtô cũng chỉ đi lại thuận tiện trong mùa khô, còn mùa mưa gấp nhiều khăn, làm trở ngại cho sự vận chuyển hàng hóa và điều hòa lương thực từ nơi này sang nơi khác.

III. MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Qua việc kiểm điểm tình hình trên đây thấy rằng sau hai năm thực hiện Nghị quyết của Bộ chính trị về sản xuất nông nghiệp miền núi, chúng ta đã thu được một số kết quả nhất định, đồng thời cũng đã làm sáng tỏ thêm những vấn đề mà Nghị quyết đã nêu ra.

A. Về mặt phát triển và củng cố hợp tác xã

Thực tế trong thời gian vừa qua đã xác nhận rằng nhân dân các dân tộc rất tha thiết với hợp tác xã và mong muốn được tổ chức hợp tác xã đi lên chủ nghĩa xã hội, đi theo con đường hợp tác hóa nông nghiệp là nguyện vọng chân thành và chính đáng của nhân dân các dân tộc. Vì vậy, cho nên nếu để kéo dài chậm lập hợp tác xã thì sẽ ảnh hưởng đến tinh thần phấn khởi của quần chúng và khó có khả năng để tập trung lực lượng sản xuất đẩy mạnh. Do đó, phải chuẩn bị dần các điều kiện để phát triển hợp tác xã ở tất cả các vùng trong tỉnh kể cả vùng thấp, vùng cao (kể cả vùng giữa).

1. Quy mô hợp tác xã

Điều kiện để xác định quy mô hợp tác xã là Trung ương nêu ra là phải thích hợp với hoàn cảnh địa lý, cư trú của nhân dân và trình độ quản lý của cán bộ là hoàn toàn đúng.

Về mặt địa lý: Các dân tộc ở phân tán hay tập trung quyết định một phần rất quan trọng đến quy mô hợp tác xã xét về tình hình cư trú trong tỉnh Lào Cai có 847 thôn chia ra làm 350 thôn có dưới 15 hộ, 225 thôn, từ 16 đến 25 hộ, 288 thôn từ 26 đến 50 hộ, 44 thôn trên 50 hộ. Nhưng vùng thấp, các dân tộc ở trong từng thôn tương đối tập trung và thôn nọ cách thôn kia trong cùng một xã không xa nhau lắm nên có thể lấy thôn hoặc hai ba thôn ở gần nhau làm một đơn vị hợp tác xã. Còn ở vùng cao và vùng giữa mỗi thôn chỉ bao gồm từ 15 đến 25 hộ, hoặc có nơi cư trú từng chòm xóm trên dưới 10 hộ, cách biệt với các khu vực khác cho nên quy mô hợp tác phải nhỏ hơn vùng thấp.

Về trình độ quản lý của cán bộ địa phương nếu có cán bộ khá và có sự giúp đỡ trực tiếp của huyện thì hợp tác xã có thể lớn hơn ở nơi trình độ cán bộ yếu. Ví dụ hợp tác xã Tà Chải (Bắc Hà), Sảng Chải (Muồng Khương) tuy là một hợp tác xã xen kẽ 6, 7 dân tộc nhưng vẫn liên cả 6 thôn thành lập một hợp tác xã và

mỗi thôn là một đội sản xuất. Nếu cán bộ còn yếu thì quy mô hợp tác xã chỉ nên trong phạm vi một thôn từ 20 đến 30 hộ là thích hợp. Nói chung ở vùng thấp quy mô phổ biến hiện nay có thể từ 50 đến 100 hộ. Nếu quy mô bé hơn thì khó có điều kiện để phát triển sản xuất và kinh doanh toàn diện ở vùng cao và vùng giữa, quy mô phổ biến nên từ 20 đến 30 hộ. Còn những chòm xóm nhỏ ở phân tán trên dưới 10 gia đình nếu có đủ điều kiện và quần chúng yêu cầu thì cũng thành lập những hợp tác xã nhỏ và đảm bảo những nguyên tắc quản lý và phân phối như những hợp tác xã khác.

2. Tốc độ hợp tác hóa

Hiện nay ở cả ba vùng cao, thấp, giữa, quần chúng đều đã yêu cầu hợp tác hóa nhưng điều kiện từng vùng không giống nhau, nên bước đi của ba vùng cũng không giống nhau, vùng giữa còn du cư, du canh, cho nên hiện nay còn nhiều khó khăn để phát triển hợp tác xã so với vùng cao và vùng thấp. Vùng thấp và vùng cao tuy đều đã định canh, nhưng vùng thấp có nhiều ruộng nước hơn nên sản xuất ổn định hơn, do đó tốc độ hợp tác hóa phải nhanh hơn so với vùng cao.

Tuy nhiên, đối với vùng cao và vùng giữa, cần phải chuẩn bị một cách tích cực cho các dân tộc đi vào con đường hợp tác hóa bằng những công tác sau đây tạo thêm ruộng và nương bậc thang, đặc biệt chú trọng đến ruộng bậc thang có thể dẫn nước. Nếu có ruộng thì sản xuất sẽ ổn định hơn, sẽ trồng được lúa là loại lương thực chủ yếu, dân cư sẽ tập trung hơn và khi thành lập hợp tác xã công tác quản lý cũng sẽ dễ dàng hơn. Phải tiến hành túi từng huyện, từng xã đạt chỉ tiêu phấn đấu làm thêm ruộng và nương bậc thang trong túi năm một và xem đó là một công tác hàng đầu để chuẩn bị điều kiện thành lập hợp tác xã.

Đào tạo cho địa phương có đủ cán bộ quản lý, kỹ thuật và kế toán để lãnh đạo hợp tác xã.

Thường xuyên giáo dục và nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho các dân tộc, cụ thể là gây tinh thần đoàn kết tương trợ, giúp đỡ

nhau trong sản xuất, nơi chưa có đủ điều kiện thành lập hợp tác xã thì xây dựng tổ đổi công để cho quần chúng quen dần với cách làm ăn tập thể.

Hết năm 1965 có thể đưa tỷ lệ số hộ nông dân lao động vào hợp tác xã lên khoảng 75% trong đó tỷ lệ của vùng thấp 85% vùng cao và vùng giữa là 68%, đến hết kế hoạch 5 năm lần thứ hai tỷ lệ hợp tác xã hóa sẽ vào khoảng 90%, trong đó vùng thấp coi như căn bản hoàn thành (xấp xỉ 100%) vùng cao 80 đến 85% và vùng giữa có thể thấp hơn.

3. Vấn đề đưa hợp tác xã lên bậc cao

Thời gian trước đây, trong khi thành lập, có một số từ tổ đổi công chuyển thẳng lên công hữu hóa ngay những tư liệu sản xuất chủ yếu như ruộng đất, trâu, bò, khi mới xây dựng hợp tác xã. Cũng có những nơi do tình hình cụ thể của địa phương, quần chúng yêu cầu công hữu hóa ruộng đất mà chưa yêu cầu công hữu hóa trâu, bò (phần lớn ở vùng cao) hoặc công hữu hóa trâu, bò mà không công hữu hóa ruộng đất (phần lớn ở vùng thấp). Đến nay một tình trạng tương đối phổ biến ở các vùng cao là tuy chưa phải hợp tác xã cấp cao, nhưng quần chúng đã tự nguyện không lấy hoa lợi ruộng đất. Nguyên nhân quá trình này là: tỷ lệ chiếm hữu ruộng đất giữa các thành phần sau cải cách dân chủ không chênh lệch nhau mấy, ruộng đất ở vùng cao lại ít và xấu, trong sản xuất phải đấu tranh vật lộn với thiên nhiên, tốn nhiều công lao mới tạo ra được của cải cho nên lao động là cái vốn quý giá nhất và được đề cao. Hơn nữa, trong điều kiện sản xuất hiện nay của cùng cao, khả năng lao động giữa nam và nữ cũng không chênh lệch nhau nhiều, phụ nữ bận con, ông bà già vẫn có thể tham gia lao động được. Do đó, cho nên quần chúng rất tán thành công hữu hóa ruộng đất.

Đến nay, có nhiều hợp tác xã đã thành lập từ lâu, cán bộ đã có kinh nghiệm quản lý, nhưng vẫn còn kéo dài thời gian ở vùng thấp cho nên không có điều kiện phát triển sản xuất, đang đòi hỏi phải dần dần công hữu hóa những tư liệu sản xuất để chuyển lên cấp cao.

Qua tình hình thực tế trên đây thì hình thức công hữu hóa dần dần và từng phần những tư liệu sản xuất là hình thức thích hợp nhất để chuyển các hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, thực tế đã chứng minh là nếu nôn nóng, công hữu hóa tràn lan thì sẽ ảnh hưởng không tốt đến sản xuất nhưng ngược lại, nếu dãm chân tại chỗ, không kịp thời chuyển lên cấp cao một số hợp tác xã đã có đủ điều kiện thì cũng không phát huy đầy đủ tính chất ưu việt của lề lối làm ăn tập thể. Ở nhiều nơi, việc chuyển những hợp tác xã có đủ điều kiện lên cấp cao đã có rất nhiều tác dụng: ngày công lao động nhiều hơn, thu nhập của hợp tác xã và của xã viên được cao hơn, tăng thêm tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho hợp tác xã.

Trong việc chuyển các hợp tác xã ở vùng cao và vùng giữa lên cấp cao, ngoài việc dùng hình thức công hữu hóa từng phần, giải quyết từng vấn đề để tiến tới công hữu hóa toàn bộ tư liệu sản xuất thì phải chú ý đến một hình thức thực tế là vì quy mô hợp tác xã quá nhỏ, có nơi chỉ trồng ngô là chủ yếu, cho nên việc giải quyết những khó khăn cho những người neo đơn, thiếu sức lao động, phụ cấp công cho cán bộ phải coi là một vấn đề xã hội thuộc phạm vi nhân dân cả xã cùng hợp sức nhau giải quyết chứ không nên quy một mình hợp tác xã chịu, có như vậy mới tạo điều kiện cho hợp tác xã vùng này chuyển lên vùng cao được.

4. Nội dung của phong trào hợp tác hóa

Vì điều kiện sản xuất khác nhau cho nên nội dung của phong trào hợp tác hóa và của công tác củng cố hợp tác xã trong từng vùng cũng không giống nhau.

Ở vùng thấp, có nhiều ruộng lúa nước, thì cần phải lấy nội dung là việc làm thủy lợi, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ để tăng cường củng cố hợp tác xã. Đó là con đường nhằm tăng thu nhập cho hợp tác xã, tạo cơ sở để kinh doanh toàn diện, phát triển ngành nghề, làm cho hợp tác xã ngày càng lớn mạnh.

Ở vùng cao, mặc dù đã định canh, nhưng vì diện tích ruộng lúa nước còn ít, phải làm nương nhiều vì vậy mà sản xuất chưa thật sự ổn định, thu hoạch còn bấp bênh. Để tạo điều kiện thành lập hợp tác xã cũng như để củng cố tốt các hợp tác xã đã có, cần phải lấy việc tạo thêm ruộng và nương bậc thang, trồng thêm cây công nghiệp làm nội dung của phong trào hợp tác hóa. Có thêm ruộng, sản xuất mới chắc chắn, quản lý lao động mới thuận lợi, hợp tác xã mới vững được. Ngoài ra, phát triển thêm diện tích cây công nghiệp tức là tăng cường thêm của cải cho hợp tác xã, làm cho xã viên gắn bó lâu dài với nền kinh tế tập thể.

Ở vùng giữa hiện còn du canh du cư, phải coi công tác định canh, định cư tại chỗ là nội dung cơ bản nhất để xây dựng và củng cố hợp tác xã. Kinh nghiệm thực tế đã chỉ cho thấy rằng việc đưa đồng bào vùng giữa xuống định canh ở vùng thấp là một công tác vô cùng khó khăn, phức tạp, chỉ thực hiện được trong một phạm vi rất hạn chế. Vì vậy, cho nên phải tạo thêm ruộng nương bậc thang để định canh tại chỗ mới làm cho hợp tác xã phát triển và củng cố, trên cơ sở đó mà thúc đẩy chăn nuôi và mở rộng diện tích cây công nghiệp.

5. Công tác quản lý của hợp tác xã

Do tập quán sản xuất và trình độ cán bộ mỗi vùng khác nhau cho nên công tác quản lý hợp tác xã cũng không thể nhất loạt giống nhau. Ở vùng thấp quy mô hợp tác xã đã được mở rộng, cán bộ đã tương đối vững, nhất thiết hợp tác xã phải nắm cho được các ngành sản xuất chính và những loại sản xuất chính, cụ thể phải quản lý cho được toàn bộ diện tích trồng lương thực, dần dần mở rộng quản lý các loại cây công nghiệp chủ yếu và trâu, bò cày kéo, nhưng đối với vùng cao và vùng giữa, vấn đề phải đặt ra một cách khác hơn. Quá trình mở rộng phạm vi công tác quản lý hợp tác xã là một quá trình để tập dượt cho cán bộ. Vì vậy, cho nên cần phân loại hợp tác xã tùy theo khả, kém mà quyết định phạm vi quản lý. Trong một thời gian không xa, chúng ta phải tiến tới quản lý cho

được toàn bộ các lương thực chính là lúa và ngô, đồng thời mở rộng quản lý cả cây công nghiệp và chăn nuôi... nhưng trước mắt đối với các hợp tác xã kém thì nên quản lý toàn bộ diện tích lúa ruộng và một phần lớn diện tích lúa nương và bắp để rồi dần dần tiến lên quản lý toàn bộ lương thực và cây công nghiệp, v.v.. Vì vậy, cho nên đổi mới công tác quản lý hợp tác xã cần phải rất cụ thể, huyện phải giúp đỡ thiết thực cho từng nơi chứ không nên rập khuôn, nhất loạt mọi nơi mọi chỗ đều giống nhau.

Trải qua 6 năm vận động thành lập hợp tác xã, chúng ta đã thấy rất rõ ràng nhân dân ở tất cả các vùng đều rất tha thiết với đường lối tập thể hóa nông nghiệp của Đảng. Các dân tộc trong tỉnh ta, thông qua việc thành lập và xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp sẽ cùng với nhân dân toàn miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, tất cả các cán bộ các ngành, các cấp có trách nhiệm với tương lai và đời sống các dân tộc trong tỉnh phải thấy rõ nguyện vọng sâu xa đó của quần chúng mà tích cực tạo mọi điều kiện để tiếp tục mở rộng phong trào hợp hóa sau này. Nhưng kinh nghiệm thực tế trong thời gian qua chúng ta phải đi sâu hơn nữa vào đặc điểm của từng dân tộc, từng vùng để tránh những khuyết điểm, sai lầm đã mắc phải trước đây. Chúng ta cần phải tích cực, nhưng phải đi từng bước một cách thận trọng, bước trước chuẩn bị cho bước sau, tuyệt đối không chủ quan, không nóng vội, nhưng cũng tuyệt đối không dãm chân tại chỗ, không chịu khắc phục khó khăn để tiến lên.

B. Về mặt sản xuất nông nghiệp

1. Việc giải quyết vấn đề lương thực: Nhân dân các dân tộc của Lào Cai trước đây vốn rất nghèo đói khổ cực tự túc lương thực là mối lo lắng thường xuyên của mỗi người dân, cho nên thấy rõ lương thực là vấn đề cơ bản nhất của nông nghiệp. Gần đây tình hình lương thực trong tỉnh mỗi năm đều có tiến bộ, nhưng cần khẳng định rằng không thể nào chủ quan trước sự tiến bộ đó. Phải làm

cho từng vùng, từng xã, từng hợp tác xã nhận rõ trách nhiệm là phải tiếp tục giải quyết cho tốt vấn đề lương thực, làm cho Lào Cai có một cơ sở lương thực vững chắc trên cơ sở đó mà phát triển chăn nuôi, mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp và kinh doanh nghề rừng.

Đối với vùng thấp phải tiến tới không những tự túc lương thực mà còn có thừa để dự trữ cho địa phương và cung cấp cho nhu cầu của nhân dân lên phát triển kinh tế miền núi, cho nhân khẩu phi nông nghiệp trong tỉnh và cho yêu cầu phát triển cây công nghiệp. Đối với vùng cao và vùng giữa phải cố gắng tự túc lương thực tại chỗ, điều hòa trong nội bộ, dành một phần để làm nghĩa vụ đối với Nhà nước và tiến tới có dự trữ vững vàng khi bất trắc. Đối với các hợp tác xã khai hoang, nói chung cũng phải đặt vấn đề tự túc lương thực, nhưng trong trường hợp cụ thể, xét thấy nếu dành khả năng để chăn nuôi hoặc trồng cây công nghiệp, cây đặc sản lợi hơn thì có thể được cung cấp một phần lương thực.

Trong lương thực vị trí thứ tự các loại như sau: Lúa, ngô, khoai lang, sắn, còn dong riêng thì tùy tình hình từng nơi mà đặt kế hoạch phát triển. Ngoài ra, phải chú trọng trồng thêm nhiều đậu đỗ nhất là ở vùng cao và trồng thật nhiều rau để tăng thêm nguồn lương thực và thực phẩm cho nhân dân.

2. Cây công nghiệp

Ưu thế của cây công nghiệp là ở vùng cao và vùng giữa. Nhưng ở các vùng này nhân lực còn thiếu, dân cư ít, ở phân tán và giao thông đi lại khó khăn. Vì vậy, cho nên việc phát triển cây công nghiệp phải gắn liền với việc bổ sung nhân lực: Dần dần tiến tới thành lập các hợp tác xã khai hoang ở vùng chuyên trồng cây công nghiệp. Như vậy, sẽ có những khu vực cây công nghiệp mới hình thành của hợp tác xã khai hoang mới xây dựng, ngoài ra là các khu vực trồng phân tán do các hợp tác xã địa phương mỗi năm trồng thêm một ít. Về các loại cây phải chú trọng tăng thêm diện tích cây dài ngày, nhưng cũng phải quan tâm đầy đủ đến cây ngắn

ngày để có thể thu hoạch nhanh, phải phối hợp giữa những loại cây đòi hỏi kỹ thuật cao với những loại cây cần ít công chăm sóc (ví dụ màng tang) và về chuyển vận (ví dụ hạt rau giống). Ngoài ra, phải chú ý phối hợp giữa các loại cây dùng ở địa phương và những loại cây có giá trị xuất khẩu. Như vậy, về mặt cây công nghiệp sẽ có những khu vực mới trồng tương đối tập trung và những khu vực trồng phân tán có cây dài ngày và cây ngắn ngày, cây đòi hỏi kỹ thuật cao và cây ít tốn công chăm sóc, cây dùng trong nước và cây có giá trị xuất khẩu.

3. Chăn nuôi

Khả năng chăn nuôi của Lào Cai rất toàn diện nhưng chưa được khai thác hết. Trâu, bò, ngựa, lợn và cả gia cầm đều có thể nuôi nhiều hơn nữa. Việc phát triển chăn nuôi phải gắn liền với việc khuyến khích cùng một lúc hai hình thức: chăn nuôi của các hợp tác xã và của gia đình xã viên. Cần phải tạo điều kiện chăn nuôi tập thể trong hợp tác xã. Lợn có thể dần dần tổ chức chăn nuôi tập thể ở vùng thấp. Đối với trâu, bò cần tận dụng và cải tạo những đồng cỏ, tổ chức nuôi có chăn dắt thì có thể đưa đàn ra súc tăng nhanh lên được.

Trong từng vùng, khả năng chăn nuôi cũng không giống nhau. Vùng thấp cần hướng vào việc nuôi lợn để cung cấp thực phẩm, vùng giữa cần phát triển nuôi trâu, lợn để cung cấp sức kéo và thịt, vùng cao ngoài việc nuôi trâu để cày kéo, nuôi lợn để có phân bón, cung cấp thịt và giống; cần phát triển nuôi bò đàm và ngựa thồ.

4. Nghề rừng

Lào Cai là một tỉnh có nhiều rừng và đất rừng, nhưng rừng đã bị tàn phá khá nhiều. Nếu không coi trọng hơn nữa việc bảo vệ diện tích rừng hiện có và gây lại rừng thì trong một thời gian không lâu, sản xuất nông nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn. Đối với vùng thấp phải coi việc tăng năng suất, tăng vụ trên diện tích canh tác hiện có để tăng sản lượng thu hoạch, các hợp tác xã và cơ quan nông nghiệp phải quản lý chặt chẽ việc khai thác rừng,

hướng dẫn việc làm thêm nương rẫy có kế hoạch. Đối với vùng giữa phải dần dần hạn chế việc phát triển thêm nương mới bằng cách luân canh trồng lại trên nương cũ và mở rộng thêm diện tích ruộng và nương bậc thang.

Ở vùng cao rừng đã bị tàn phá khá nhiều, phải nghĩ đến việc trồng cây để gây lại rừng. Cần kết hợp với việc trồng cây công nghiệp dài ngày để chống xói mòn. Tiến tới quy định nghĩa vụ trồng cây gây rừng cho nhân dân vùng cao, bắt đầu bằng việc trồng lại cây ở các đầu nguồn nước, các chỏm đồi và xung quanh thôn, xóm. Công việc gây lại rừng ở vùng cao là một công tác khó khăn, đòi hỏi nhiều nhẫn耐, song ngay từ bây giờ các cấp, các hợp tác xã và ngành lâm nghiệp cần phải xây dựng kế hoạch từng bước để chuẩn bị thực hiện công tác lớn lao này.

Ngoài ra, phải chú trọng xây dựng lực lượng kinh doanh nghề rừng của các hợp tác xã nông nghiệp ở những khu vực có rừng để có thể phối hợp một cách chặt chẽ các mặt tu bổ, cải tạo và trồng rừng với việc khai thác và chế biến lâm sản.

5. Phương hướng sản xuất rừng của từng vùng

Lào Cai chia ra làm ba vùng, mỗi vùng có một dân tộc chủ thể cùng một số dân tộc khác cư trú xen kẽ với nhau. Việc xác định phương hướng sản xuất của từng vùng không những chỉ nhận khai thác một cách có lợi điều kiện thiên nhiên và khả năng nông nghiệp của mỗi vùng mà còn có tác dụng động viên các dân tộc đem sức lực và trí tuệ của mình cùng nhau xây dựng một đời sống no ấm và tốt đẹp hơn.

- Đối với vùng cao tiếp tục mạnh mẽ và liên tục công tác vận động làm ruộng bậc thang và nương bậc thang. Tiến tới quy hoạch vùng chè, thảo quả mới châm bón chè cũ và thảo quả đã trồng. Phát triển hơn nữa trồng đỗ tương, hướng dẫn trồng đỗ tương xen vào những nương bắp. Dần dần hướng dẫn việc tăng vụ, gặt mùa trong mùa đông như trồng khoai lang, sắn, bắp tháng 7, đậu răng ngựa; phát triển đại mạch ở Bắc Hà, đưa dân lành xuống ruộng.

Phát triển chăn nuôi trâu, bò đàm, ngựa thồ của hợp tác xã và gia đình xã viên.

Tiến hành trồng cây ở đồi núi trọc, tiến tới quy định nghĩa vụ trồng cây gây rừng trong các hợp tác xã.

Tập trung nghiên cứu và phổ biến các biện pháp chống xói mòn để đưa dần năng suất lên.

- Đổi với vùng giáp chuyền dần việc làm nương du canh sang làm nương cấy, tổ chức việc làm ruộng bậc thang và nương bậc thang, mở rộng diện tích trồng các loại cây công nghiệp, chè, chầu, sở, dọc...

Phát triển chăn nuôi trâu, bò đàm trong hợp tác xã. Hướng dẫn việc bảo vệ rừng và tái sinh rừng. Làm tốt các công tác thủy lợi, chú trọng các công trình loại nhỏ và loại vừa để giải quyết dần việc định canh, định cư.

- Đổi với vùng thấp. Hết sức coi trọng công tác tăng vụ và thăm canh, tăng năng suất. Phát triển rộng rãi khoai lang trên ruộng mùa chưa cấy hết chiêm và trên diện tích nương mộ. Mở rộng thêm diện tích cấy chiêm bằng giống nông nghiệp I và chiêm rét để đỡ ảnh hưởng về nhân lực thời vụ cấy mùa. Trồng thêm các loại cây ăn quả có giá trị xuất khẩu (cam, quýt, dứa, chuối).

Phát triển rau và chăn nuôi lợn.

Để thực hiện được phương hướng và những nhiệm vụ sản xuất trên đây phải coi trọng hơn nữa việc chỉ đạo khoa học - kỹ thuật. Trong thời gian tới phải thực hiện cho tốt các biện pháp chống xói mòn, thăm canh tăng năng suất không những ở trên ruộng mà cả trên nương. Cần làm tốt hơn nữa các công tác thủy lợi, hướng dẫn dùng phân, chọn giống, bảo vệ sản xuất ở tất cả các vùng. Phải tổ chức tốt việc đào tạo cán bộ kỹ thuật cho các hợp tác xã nông nghiệp. Tăng cường hơn nữa hoạt động công nghiệp và thủ công nghiệp, thương nghiệp phục vụ chế biến, cung cấp tư liệu sản xuất và sinh hoạt cho nông dân. Công tác giao thông, mở rộng lực lượng vận tải cần phải được đẩy mạnh hơn trong thời gian tới.

Những mặt công tác trên đây phải nhằm phục vụ thiết thực cho việc thúc đẩy sản xuất phân phôi để có thể hoàn thành một cách toàn diện các nhiệm vụ của sản xuất nông nghiệp.

C. Một số đề nghị cụ thể

Thực hiện tốt những nhiệm vụ và Nghị quyết của Bộ Chính trị đề ra cho sản xuất nông nghiệp miền núi được tốt trước hết thuộc về trách nhiệm của các cấp bộ địa phương. Nhưng chúng tôi đề nghị với các ngành và cơ quan Trung ương cần tăng cường giúp đỡ địa phương để giải quyết một số vấn đề thuộc về chính sách và một số công tác cụ thể:

1. Chính sách thuế nương rẫy áp dụng cho miền núi trước đây nay xét thấy không còn thích hợp nữa, chúng tôi cho rằng nếu áp dụng cách tính thuế như trước thì vô hình trung khuyến khích việc phát nương du canh, chúng tôi đề nghị xây dựng một điều lệ thuế mới về nương rẫy, có chiếu cố đến tập quán còn du canh của một số dân tộc miền núi, nhưng mặt khác phải có tác dụng khuyến khích việc định canh, khuyến khích nông dân làm ăn tập thể.

2. Công tác làm ruộng bậc thang và nương bậc thang là một sự nghiệp lớn lao và lâu dài của nhiều dân tộc ở miền núi, đề nghị nên có một sự đầu tư mạnh dạn thêm cho công tác này về mọi mặt giống như việc đầu tư làm thủy lợi ở miền xuôi.

3. Về mặt đào tạo cán bộ quản lý và kỹ thuật cho các hợp tác xã nông nghiệp, chúng tôi xét thấy rằng cần đầu tư cho miền núi nhiều hơn nữa và mạnh dạn hơn nữa. Ngoài ra, đề nghị với Trung ương tăng cường cho biên chế của địa phương một số cán bộ quản lý kinh tế có trình độ nghiệp vụ, để đưa về công tác lâu dài ở vùng giữa và vùng cao, giúp các hợp tác xã xây dựng và quản lý kế hoạch sản xuất và công tác nghiệp vụ về quản lý của hợp tác xã.

4. Đề nghị một số ngành liên quan (Tổng cục Lương thực, Bộ Nội thương...) giúp đỡ địa phương giải quyết một phần việc

tiêu thụ hoa màu. Hiện nay tỷ trọng hoa màu trong lương thực của Lào Cai đã khá cao mà việc tiêu thụ ở ngay địa phương cũng chỉ đến một chừng mực nhất định, nếu không được giúp đỡ trong việc tiêu thụ thì việc vận động phát triển hoa màu sẽ bị ảnh hưởng.

5. Lào Cai có nhiều loại giống quý; hạt rau Sa Pa, giống lợn Mường Khương, giống ngựa Bắc Hà... đề nghị Bộ Nông nghiệp tăng cường đầu tư và giúp đỡ cán bộ kỹ thuật để xây dựng các cơ quan nhân giống và phổ biến giống. Đề nghị với Bộ Công nghiệp nặng giúp đỡ trong việc tận dụng năng lực điện về phục vụ cho khu vực trọng điểm lúa của tỉnh.

Trên đây là một số ý kiến cụ thể, còn nói chung, chúng tôi đề nghị với tất cả các ngành là hiện nay thực tiễn của sản xuất nông nghiệp đang đặt ra cho địa phương nhiều vấn đề phải giải quyết, chúng tôi mong được sự quan tâm giúp đỡ hơn nữa của các ngành để làm cho sản xuất của miền núi được tiến lên hơn nữa.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ PHẤN ĐẦU HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ ĐỀ RA CHO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 5 NĂM LẦN THỨ HAI

Để tiếp tục thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị, tranh thủ giành thêm những thắng lợi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp nhằm hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, sau đây nêu lên những nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong năm 1965.

A. Phương hướng, nhiệm vụ phấn đấu hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất

1. Về mặt hợp tác hóa

Để có thể phát huy tính hồn của hợp tác xã nông nghiệp về các mặt kinh tế, tổ chức và tư tưởng, làm cơ sở vững chắc cho

việc thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp thì trong năm 1965 phải coi trọng cả công tác phát triển và công tác củng cố hợp tác xã.

Đến hết năm 1965 toàn tỉnh phải đạt 75% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Như vậy, sẽ có 15.865 hộ vào hợp tác xã so với 21.153 hộ nông dân toàn tỉnh. Mức độ phấn đấu cho từng vùng là: vùng cao và vùng giữa 68,7%, vùng thấp 85%.

Trong năm 1965 ở vùng thấp, trên cơ sở của việc mở rộng cải tiến quản lý cần đưa một số hợp tác xã lên bậc cao. Ngoài ra, cần tiến hành hợp nhất một số hợp tác xã ở vùng thấp có quy mô quá nhỏ (dưới 20, 30 hộ) đã hoạt động qua nhiều năm, đã có kinh nghiệm về quản lý, để có thể có điều kiện kinh doanh về nhiều mặt hơn.

Đối với vùng cao, ở những nơi đã lập hợp tác xã trước đây nhưng bị vỡ hoặc chưa lập, dân cư tập trung xấp xỉ 10 hộ nếu có điều kiện thì xây dựng hợp tác xã, hoặc tổ chức thành một đội của một hợp tác xã gần do một quản trị làm tổ trưởng và cử thêm một tổ phó để lãnh đạo. Nhưng trong việc xây dựng phải chú ý học tập chính sách, giáo dục tư tưởng cho chu đáo. Ở vùng cao trong khi thành lập hợp tác xã phải nắm vững bốn điều kiện đã tổng kết ở Lý Lao Chải - có ruộng đất ổn định (càng nhiều ruộng nước càng tốt), cư trú tương đối tập trung, quần chúng được giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có cốt cán lãnh đạo.

Những nơi chưa có đủ điều kiện thì phải rất coi trọng việc tạo điều kiện. Tổ chức các tổ đổi công tác là chuẩn bị điều kiện để thành lập hợp tác xã một cách tích cực nhất. Cần phải quan tâm đến công tác xây dựng tổ đổi công ở vùng cao và nhất là vùng giữa. Phấn đấu đưa từ 90% đến 95% số hộ nông dân ngoài hợp tác xã vào tổ đổi công, trong đó 70% là tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm.

Để củng cố hợp tác xã, phải chú trọng công tác bồi dưỡng cán bộ, thông qua cuộc vận động cải tiến quản lý. Cần huấn luyện cho

mỗi hợp tác xã đều ba cán bộ: Chủ nhiệm, phụ trách kế toán và cán bộ kỹ thuật. Ngoài ra, các huyện cần thường xuyên bồi dưỡng chính sách, nghiệp vụ cho các quản trị, đội trưởng, đội phó hợp tác xã.

2. Về sản xuất nông nghiệp

Nhiệm vụ chung về sản xuất nông nghiệp năm 1965 của Lào Cai là "Dựa vào hợp tác xã và tổ đổi công, sử dụng tốt nhân lực ở miền xuôi lén, phát huy thắng lợi bước đầu của cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh chống xói mòn, thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, mở rộng diện tích ruộng và nương bậc thang. Xác định phương hướng sản xuất cho từng vùng và cho hợp tác xã khai hoang, tiến tới quy hoạch các vùng sản xuất. Hoàn thành cẩn bản việc đo đạc ruộng đất, tiến hành bước đầu việc khảo sát, chuẩn bị lập bản đồ thổ nhưỡng để có kế hoạch cải tạo đất đai và xây dựng quy hoạch gieo trồng cho một số loại cây chủ yếu. Trên cơ sở tiến hành những công tác trên đây mà đẩy mạnh sản xuất lương thực, phát triển trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nhằm sản xuất ngày càng nhiều nông sản tiêu dùng và nông sản hàng hóa để nâng cao đời sống nhân dân, cung cấp cho công nghiệp hóa và cho xuất khẩu".

Dưới đây là một số chỉ tiêu cụ thể:

- Tổng sản lượng lúa cả năm sẽ đưa lên 25.000 tấn so với 24.273 tấn trong năm 1964.
- Tổng sản lượng lương thực sẽ là 51.759 tấn, so với 49.453 tấn trong năm 1964.

Như vậy, diện tích lúa chiêm sẽ là 2.000 ha, lúa mùa 9.685 ha (lúa nương 2.900 ha), ngô 11.600 ha, và diện tích màu các loại là 2.477 ha.

- | | |
|-----------|--|
| Năng suất | <ul style="list-style-type: none">- Chiêm 24 tạ/ha.- Mùa 25,50 tạ/ha.- Lúa nương 10 tạ/ha.- Ngô 10 tạ/ha. |
|-----------|--|

Về chăn nuôi sê phán đấu: trâu 31.700 con, bò 3.070 con, ngựa 12.924 con, lợn (trên 2 tháng) 60.000 con.

Về diện tích cây công nghiệp ngắn ngày sê đưa lên 3.118 ha so với 2.418 ha năm 1964. Như vậy năm 1969 sê có 2.000 ha đồ tương, 300 ha mía.

Về cây công nghiệp dài ngày sê đưa lên 1.000 ha so với 734 ha năm 1964 như vậy năm 1965 sê có 500 ha chè.

Về cây đặc sản và dược thảo sê đưa lên 1.156 ha so với 907 ha năm 1964, như vậy năm 1965 sê có 348 ha thảo quả.

Bình quân diện tích gieo trồng theo nhân khẩu năm 1965 sê là 2.352 m², và diện tích đất tự nhiên 1.879 m², hệ số sử dụng ruộng đất là 1,32.

Bình quân lương thực theo nhân khẩu nông nghiệp (sau khi nộp thuế, bán nghĩa vụ) là 23,1 kg trong một tháng.

Về mặt các biện pháp phải chú trọng tiến hành những công tác sau đây:

Thủy lợi: Phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi chú trọng làm những công trình mới nhưng phải củng cố và phát huy tác dụng của những công trình cũ. Cung cấp vật liệu và giúp đỡ kinh phí để quần chúng tự làm lấy những công trình có tác dụng trong phạm vi một xã, một hợp tác xã.

Đề cao việc thu mua và chế biến. Cơ cấu hoa màu trong thành phần lương thực của Lào Cai hiện đã cao và sê còn cao hơn nữa. Vì vậy, cần phải giải quyết khâu thu mua và chế biến mới thúc đẩy được sản xuất. Ngành công nghiệp và thủ công nghiệp cần hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp làm công tác chế biến, chú trọng khâu chế biến đơn giản dễ làm nhất. Ngành lương thực phải đảm bảo thu mua, bảo quản và có kế hoạch phân phối tốt ngô, khoai, sắn.

Công tác kỹ thuật. Hướng dẫn việc dùng phân và bón phân với mức độ 4 tấn cho 1 ha diện tích gieo cấy lúa, ngô dùng vôi nhiều hơn nữa để cải tạo đất chua. Phổ biến rộng rãi việc chọn giống theo

hai tốt đối với lúa, ngô và mỏ rộng dần diện tích chuyên để chọn giống theo kinh nghiệm của Lý Lao Chải, chú trọng hơn nữa đến các công tác: cải tiến công cụ, thời vụ, chăm sóc và bảo vệ.

Cần phải phổ biến những biện pháp chống xói mòn, điều tra và tổng kết kinh nghiệm cụ thể để chỉ đạo chung cho sát.

Về mặt chăn nuôi, hạn chế dần việc thả rông trâu, bò, hướng dẫn làm chuồng trại, dự trữ và chế biến thức ăn cho gia súc, hướng dẫn chăn nuôi sinh sản, tổ chức phòng trừ và chống dịch bệnh.

Giao thông vận tải: Tu sửa những đường từ tỉnh xuống huyện để có thể đi lại được bốn mùa, làm và mở rộng dần những đường từ huyện xuống các khu vực. Tăng cường thêm công cụ vận chuyển cải tiến.

Công tác giáo dục tư tưởng. Năm 1965 sẽ cấn bản hoàn thành cải tiến quản lý ở vùng thấp. Đi đôi với công tác cải tiến quản lý phải tiến hành giáo dục sâu rộng trong cán bộ cơ sở và quần chúng để họ xác định một cách dứt khoát là chỉ có con đường làm ăn tập thể mới là con đường đưa các dân tộc đi đến ấm no hạnh phúc. Phải bằng thực tế mà làm cho cán bộ và quần chúng nâng cao lòng tin tưởng vào đường lối của Đảng, và triệt để chấp hành các chủ trương, chính sách mà Đảng đã đề ra. Cần tăng cường cảnh giác của quần chúng nhằm đập tan những âm mưu của kẻ thù giai cấp đang còn lén lút hòng phá hoại thành quả của cách mạng.

Đối với cán bộ các ngành, các cấp cần xác định rõ trách nhiệm phục vụ các dân tộc và phải quan tâm hơn nữa đến mọi mặt công tác của vùng cao và vùng giữa.

B. Một số ý kiến về phương hướng, nhiệm vụ về sản xuất nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai của Lào Cai (1966-1970)

Trong 5 năm sau của kế hoạch 5 năm lần thứ hai, cần phải phấn đấu đạt được nhiều kết quả hơn nữa trong việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất nông nghiệp miền núi,

do đó nhiệm vụ phấn đấu chung của Lào Cai là sẽ "Dựa vào hợp tác xã, tiến hành hai cuộc vận động lớn trong nông nghiệp, hoàn thành tốt việc phân vùng sản xuất, phân phôi đất đai sử dụng cho trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, đất mỏ. Giải quyết về căn bản việc đo đạc ruộng đất, lập bản đồ thổ nhưỡng cho những vùng cần thiết để có cơ sở xây dựng quy hoạch sản xuất. Đẩy mạnh các công tác chống xói mòn, thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ, đặc biệt coi trọng làm nương và ruộng bậc thang giải quyết một cách vững chắc vấn đề lương thực, không những để tự túc mà phải có dự trữ. Trên cơ sở đó tiếp tục đẩy mạnh việc trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng để ngày càng sản xuất nhiều nông sản tiêu dùng và hàng hóa, nhằm nâng cao thêm một bước đời sống của các dân tộc, góp phần tích cực của Lào Cai vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà".

Để thực hiện được nhiệm vụ chung trên đây, vấn đề phân vùng sản xuất và phát huy khả năng của từng vùng một cách toàn diện là một công tác có một tác dụng rất lớn và hết sức quan trọng, thời gian tới sẽ hình thành các vùng sản xuất sau đây:

1. Vùng chuyên môn hóa trồng lúa

Tổng diện tích đất đai của vùng này là 123.656 ha, trong đó có 7.488 ha là đất đai nông nghiệp, gồm 29 xã, của các khu vực thuộc huyện Bảo Thắng, tám xã của Bát Xát, năm xã của Mường Khương và hai xã của Bắc Hà.

Nhiệm vụ của vùng này là phải áp dụng mọi biện pháp thủy lợi và thâm canh tăng năng suất để tăng sản lượng lúa và các loại hoa màu để có lương thực cung cấp cho nhân dân trong vùng và còn thừa bán cho Nhà nước để đảm bảo cho nhân khẩu phi nông nghiệp và các nhu cầu phát triển khác. Ngoài lương thực ra, phải đẩy mạnh chăn nuôi lợn thịt để có thực phẩm và phân bón, trâu sinh sản để tiếp tế sức kéo cho miền xuôi. Khoanh một khu vực ba xã xung quanh Trại nhân giống Bát Xát để lập một vùng lợn giống nhằm cung cấp giống tốt cho các nơi trong tỉnh.

Trong vùng này, phần đầu đạt năng suất lúa mùa 26 tạ 5 một ha, lúa chiêm 25 tạ/ha để có tổng sản lượng lúa 19.080 tấn, trừ ăn và chi phí, mỗi năm có thể huy động từ 3.000 đến 4.000 tấn.

Trong vùng chuyên môn trồng lúa trên đây có phân công một khu vực tám xã ven sông Hồng thuộc huyện Bát Xát, Bảo Thắng và thị xã Lào Cai chịu trách nhiệm trông mía để cung cấp cho Nhà máy đường có công suất là 50 tấn/ngày chạy liên tục từ 6 đến 7 tháng trong một năm. Ngoài ra, khoanh một khu vực năm xã của huyện Bảo Thắng và hai thị xã để trồng rau, nuôi lợn thịt cung cấp cho nhu cầu trong tỉnh và các loại cây ăn quả (cam quýt, chuối, dứa) xuất khẩu.

Như vậy là từ năm 1965 trở đi ngoài lúa vùng này mỗi năm sẽ cung cấp cho Nhà nước khoảng 100 tấn thịt, 1.000 tấn rau xanh, 200 tấn cam quýt, 300 tấn chuối, dứa, 650 tấn mía.

2. Vùng sản xuất chè

Tổng số diện tích của vùng này là 43.627 ha, và đất đai nông nghiệp hiện nay là 3.845 ha, gồm 30 xã của huyện Bắc Hà và Mường Khương.

Nhiệm vụ của vùng này là trên cơ sở tự túc lương thực, mở rộng diện tích chè đã có từ trước thành một khu vực chuyên hóa trồng chè diện tích chè hiện có khoảng 110 ha từ nay đến năm 1970 phần đầu tăng diện tích chè mỗi năm 100 ha và đưa năng suất chè lên 7 tạ/ha. Như vậy đến năm 1970 diện tích chè sẽ lên 700 ha trong đó có 500 ha được thu hoạch với sản lượng hằng năm là 350 tấn.

3. Vùng trồng đỗ tương

Tổng diện tích vùng này là 32.657 ha, đất đai có khả năng trồng đỗ tương vào khoảng từ 2 đến 2.500 ha bao gồm 40 xã của hai huyện Mường Khương và Bắc Hà.

Đến năm 1970 có thể mở rộng diện tích đỗ tương lên 2.000 ha và có sản lượng hằng năm 1.200 tấn. Ngoài đỗ tương ra trong vùng này còn có thể trồng chè, cây óc chó, lê, táo, đào, mận. Về chăn nuôi có thể phát triển ngựa, lợn.

4. Vùng trồng cây đặc sản

Tổng diện tích của vùng này là 141.443 ha bao gồm toàn huyện Sa Pa và 17 xã vùng cao của huyện Bát Xát. Diện tích có thể trồng thảo quả ở trong vùng là 83.900 ha và trồng hạt rau, cây thuốc là 500 ha.

Nhiệm vụ sản xuất của vùng này là trên cơ sở tự túc lương thực tại chỗ, đẩy mạnh trồng các loại cây đặc sản, cây được tháo phát triển chăn nuôi để có nhiều sản phẩm xuất khẩu. Phấn đấu để đến năm 1970 trồng được 1.680 ha thảo quả và mỗi năm thu khoảng 1.000 tấn hạt. Chú trọng sản xuất nhiều hạt rau, phải tiếp đến có tiêu chuẩn quốc tế để có thể xuất khẩu. Vùng này lại là vùng có thể phát triển các loại cây ăn quả ôn đới như táo, lê, đào, mận... Đây là một loại sản phẩm để phục vụ cho nhu cầu trong nước mà Lào Cai có nhiều ưu thế hơn so với các tỉnh khác. Ngoài ra, phát triển chăn nuôi lợn thịt và tận dụng cải tạo các đồi cỏ săn có để nuôi thêm bò đàm trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Ngoài các loại sản xuất có tính chất chuyên môn hóa cho từng vùng trên đây cần phải chú trọng đến các mặt có khả năng phát triển để tự túc trong nhân dân và tăng thêm thu nhập cho đời sống, ví dụ nuôi ong, thả cá, trồng bông ở vùng giữa và lanh mèo ở vùng cao để tự túc về mặc.

Nếu thực hiện được việc phân vùng trên đây thì sau kế hoạch 5 năm lần thứ hai, việc phân phối sử dụng đất đai của các ngành sẽ như sau:

- Đất nông nghiệp chiếm khoảng 17,5% diện tích chung.
- Đất lâm nghiệp chiếm khoảng 55%.
- Đất dùng cho công nghiệp mía 5%.
- Đất dùng cho các ngành khác 5%.
- Đất dự trữ 17,5% diện tích chung.

Để thực hiện những phương hướng sản xuất nêu trên đây, biến những nhiệm vụ đề ra thành hiện thực thì điều quan trọng vào bậc nhất là phải tiến hành hàng loạt biện pháp tích cực và cụ thể.

Phải tăng cường thêm việc đầu tư vào thủy lợi, vào công tác định canh, định cư, vào việc xây dựng hệ thống các đường trục giao thông từ tỉnh đến huyện và tới các khu vực. Cần quan tâm hơn nữa đến việc trang bị kỹ thuật vào xây dựng cơ sở vật chất cho các hợp tác xã nhất là ở vùng giữa và vùng cao: Làm đường vận chuyển và kiến thiết cơ bản, xây dựng các cơ sở vật chất và kỹ thuật, chọn giống, gây giống và phổ biến giống, các chuồng trại chăn nuôi. Phải ra sức đào tạo một đội ngũ cán bộ dân tộc am hiểu tình hình địa phương, thông thạo nghiệp vụ và nhiệt tình với công tác ở miền núi.

Phải coi trọng công tác tổ chức, ra sức kiện toàn cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và coi đó là công tác có tầm quan trọng quyết định đến việc hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Qua việc xác định khả năng nông nghiệp của toàn tỉnh, chúng ta ngày càng thấy rõ vị trí quan trọng của vùng giữa và vùng cao. Cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng đều có rất nhiều triển vọng ở các vùng đó. Vì vậy, cho nên có thể nói rằng, sự giàu có của tỉnh ta sau này sẽ tùy thuộc một phần lớn vào vùng giữa và vùng cao. Ngoài ra, vùng giữa và vùng cao lại là những nơi có vị trí rất xung yếu về mặt chính trị và quốc phòng. Vì vậy, trong thời gian tới cần phải tăng cường hơn nữa mọi công tác của vùng giữa và vùng cao, nhằm biến những vùng này thành những vị trí then chốt về tất cả các mặt: Kinh tế, chính trị, quốc phòng, có như vậy mới thực hiện được nhiệm vụ chung mà Đại hội Đảng lần thứ III đã đề ra cho toàn bộ công tác dân tộc là "Làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, biên cương tiến kịp nội địa, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số".

Sau khi kiểm điểm một cách toàn diện các mặt hoạt động của sản xuất nông nghiệp từ khi có Nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất miền núi, chúng ta rất lấy làm phấn khởi. Qua một thời gian dài phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, vất vả, chúng ta càng ngày càng thấy thấm thía rằng sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng là nguồn gốc của mọi thắng lợi, mọi thành tích của chúng ta, chính nhờ những nghị quyết có tính chất lịch sử về nông nghiệp: Nghị quyết 5,

Nghị quyết 8, Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển sản xuất nông nghiệp miền núi mà các dân tộc trong tỉnh ta đã dần dần tiến lên có một đời sống no ấm hơn, hạnh phúc hơn. Ngày nay, không một bản làng xa xôi hẻo lánh nào, không một người dân bình thường nào mà không thấy rõ sự biến đổi lớn lao về mọi mặt trong địa phương và trong đời sống của mình.

Tuy nhiên, trong khi phấn khởi về những kết quả đã thu được, chúng ta phải thấy rằng những khuyết điểm, thiếu sót và những khó khăn còn lại không phải là ít, trong thời gian tới đây, thay mặt Tỉnh ủy, chúng tôi đề nghị tất cả các cấp, các ngành với khí thế của năm 1965, năm phấn đấu hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, hãy ra sức phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những khuyết điểm và thiếu sót, làm cho năm nay trở thành một năm đánh dấu nhiều thắng lợi mới hơn và to lớn hơn. Chúng ta hãy cùng nhau nâng cao nhiệt tình phục vụ các dân tộc trong tỉnh hơn nữa để hoàn thành nhiệm vụ lớn lao mà nghị quyết của Bộ Chính trị đã đề ra là "Phấn đấu trong vòng từ 10 đến 15 năm, làm cho kinh tế miền núi trở lên tương đối phồn vinh, tức là dân cư đông đúc hơn, trình độ văn hóa cao hơn, giao thông liên lạc thuận tiện hơn, và có các thị trấn mới xuất hiện, làm cho miền núi thành một vị trí khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, mạnh mẽ về quốc phòng".

Tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, đặt hy vọng vào sự giúp đỡ của các ngành ở Trung ương, toàn thể các cấp bộ Đảng, chính quyền và các dân tộc của tỉnh Lào Cai nguyện đóng góp phần của mình vào nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra trên đây cho miền núi.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 39
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
NHẰM TĂNG CƯỜNG HƠN NỮA CÔNG TÁC
ĐẤU TRANH CHỐNG BỌN PHẢN CÁCH MẠNG,
GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN NINH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 1964

Trong những năm 1945-1946 sau khi Nhật đầu hàng, bọn quân Tưởng đã vào tước vũ khí Nhật. Theo gót quân Tưởng bọn Việt Nam Quốc dân Đảng do Vũ Hồng Khanh cầm đầu về chiếm đóng Lào Cai, đến cuối năm 1947 Pháp tái chiếm. Là nơi bọn đặc vụ Tưởng chú trọng tăng cường tổ chức mạng lưới tình báo để đối phó với âm mưu xâm lấn của đế quốc Pháp và Nhật, sau khi giải phóng quân Nam - Hạ sau những đợt trấn phản ở Hoa Nam, Trung Quốc, Lào Cai lại là nơi chứa đựng qua lại của bọn đặc vụ, bọn phản cách mạng Trung Quốc. Hòa bình lập lại, Ủy ban Giám sát kiểm soát quốc tế được phái lập ngay tại Lào Cai.

Tháng 11-1950 ta giải phóng Lào Cai lần thứ hai. Trước khi rút lui, kẻ địch, một mặt chúng gài lại bọn gián điệp, đặc vụ và những tên đầu sỏ phản động ở địa phương để quấy rối, một mặt chúng đem theo tất cả lớn, nhỏ, nam nữ gồm 464 người (383 nam, 81 nữ) đi Nam, đi Lào. Trong số này có nhiều tên tay sai đắc lực để huấn luyện thành gián điệp, biệt kích.

Thời gian từ năm 1951 đến 1954 địch đã thả dù xuống Lào Cai 18 lần trên 200 gián điệp biệt kích và đặc vụ. Bọn này cùng những tên cài lại ở địa phương gây thành phong trào thổ phỉ hóa nhân dân, có lúc số phỉ lên tới 5.000 tên, có nơi đã trở thành khu vực phỉ rất lớn (Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương).

Sau khi ta đánh tan lực lượng phỉ, đế quốc Pháp lại tiếp tục đưa một số tay chân đắc lực di Nam. Đồng thời chúng tổ chức, giao nhiệm vụ cho bọn gián điệp, biệt kích, bọn đầu sỏ phỉ ở lại địa phương xây dựng căn cứ để chống lại ta lâu dài.

Từ sau khi đường sắt được khôi phục, Nhà máy điện và khu Mỏ apatít... mọc lên, bọn gián điệp các nước đế quốc, gián điệp Mỹ và tay sai của chúng càng chú trọng địa bàn Lào Cai rất rõ ràng. Từ hòa bình lập lại, dưới mọi hình thức bọn phản cách mạng đã chống phá ta một cách liên tục và quyết liệt. Tháng 5-1959 chúng gây vụ bạo loạn ở A Lù (Bát Xát) và đến tháng 9-1960 lại nổ ra vụ bạo loạn ở Pha Long (Mường Khương).

Đặc điểm tình hình trên cho ta thấy Lào Cai là một tỉnh biên giới (cửa ngõ tây nam Trung Quốc) miền núi, réo cao, có một vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng nên là nơi tranh chấp quốc tế của các tổ chức gián điệp Mỹ, Nhật, Quốc dân Đảng Tưởng. Cơ sở địch ở Lào Cai nhìn chung rất phức tạp.

Suốt thời kỳ kháng chiến và những năm hòa bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Lào Cai mặc dầu gặp trăm ngàn khó khăn gian khổ. Nhưng quần chúng các dân tộc đã nêu cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội chiến đấu anh dũng, đập tan mọi âm mưu của địch. Qua nhiều cuộc vận động chính trị, giác ngộ cách mạng của quần chúng ngày càng được nâng lên, các tổ chức của ta nhất là cơ sở Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương ngày càng phát triển và củng cố. Nạn đói lưu niêm đã cản bản giải quyết, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập và củng cố. Lực lượng cách mạng lớn mạnh không ngừng, lực lượng phản cách mạng

ngày càng tan rã và suy yếu. Hoạt động của địch ngày càng gấp khó khăn. Tình hình trật tự trị an của Lào Cai ngày càng ổn định.

Trước những thắng lợi của công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn miền Bắc và ở Lào Cai, bọn Mỹ và tay sai đế quốc, bọn phản cách mạng địa phương càng điên cuồng và bàng nhiều thủ đoạn tinh vi quỷ quyết, lợi dụng những khó khăn và sơ hở của ta ráo riết phá hoại.

Nhận định tình hình địch và các đối tượng cải tạo:

1. Đế quốc Mỹ và tay sai tăng cường hoạt động gián điệp, biệt kích ở địa bàn Lào Cai

Nằm trong âm mưu chung đối với miền Bắc, bọn Mỹ và tay sai sử dụng số tay chân người Lào Cai như Đào Vĩnh Lộc, Lý Chiêu Dương, Lê Ngân Dung... đi tuyển mộ, huấn luyện và tổ chức tung gián điệp, biệt kích về Lào Cai hoạt động. Đối tượng mà chúng tuyển mộ gồm bọn gián điệp, cốt cán phản động và trong số người Lào Cai chạy theo Pháp trước đây hiện có mặt ở Nam. Đồng thời chúng còn chú trọng tuyển mộ những người Lào Cai hiện ở Lào, Thái Lan.

Mặt khác địch đã cho phi cơ hoạt động ráo riết trên không phận tỉnh ta. Trong 2 năm qua có tới 50 lần phi cơ xâm phạm. Riêng 9 tháng đầu năm 1964 đã 17 lần phi cơ qua không phận Lào Cai, có lần nghi có phản lực. Đường bay tập trung nhiều ở vùng Bảo Thắng, Sa Pa, Bát Xát. Đã 3 lần phi cơ rải truyền đơn phản động. Riêng chuyến bay đêm 15-3-1964 địch rải trên 3.000 truyền đơn và 7 túi đồ vật trẻ em. Hoạt động phi cơ địch nhằm quan sát, chụp ảnh các vị trí để tiến hành tung gián điệp, biệt kích hoặc ném bom. Thả đồ vật nhằm lung lạc về tâm lý đối với quần chúng lạc hậu, hám loli, hòng chia rẽ giữa chính quyền với nhân dân. Rải truyền đơn phản động xuyên tạc, đả kích chế độ ta, kích động phản cách mạng địa phương chống đối, nổi loạn. Gây tâm lý chiến tranh hòng làm cho quần chúng hoang mang không an tâm sản xuất.

Cuối năm 1963 đầu năm 1964 xảy ra các vụ tổ chức người đi Lào (Bắc Hà), vụ đi Nam ở Mỏ apatít và thị xã Lào Cai

Đêm 4-6-1963 một toán gián điệp, biệt kích gồm 5 tên có trang bị đầy đủ phương tiện thông tin và phá hoại, nhảy dù xuống Phú Nhuận (Bảo Thắng). Tất cả tình hình trên ta thấy rõ đối với Lào Cai bọn Mỹ và tay sai tích cực tung gián điệp, biệt kích về địa phương chúng ta, nhằm tiến hành hoạt động phá hoại, gây cơ sở, lập các "mật khu", kích động bọn phản cách mạng địa phương vũ trang gây bạo loạn. Đồng thời chúng ta cũng phải hết sức đề phòng ý đồ ném bom phá hoại của kẻ địch.

Trước mắt, để gỡ thế bí ở chiến trường miền Nam và thế bị động trong âm mưu phá hoại nền hòa bình trung lập ở Lào. Đế quốc Mỹ và tay sai đang ra sức tăng cường hoạt động phá hoại miền Bắc một cách táo bạo, trắng trợn quy mô hơn. Chúng ráo riết tung hàng loạt gián điệp, biệt kích ra Bắc một cách dồn dập ở nhiều nơi, trong cùng một lúc. Thậm chí tiến hành tập kích phá hoại bất ngờ dọc bờ biển, giới tuyến, biên giới hoặc ném bom một số khu vực quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng nhằm kích động bọn phản cách mạng địa phương nổi dậy hoạt động, hòng gây thiệt hại về chính trị, kinh tế, quân sự ở miền Bắc đối với cách mạng miền Nam. Đồng thời tạo điều kiện để tấn công xâm lược miền Bắc khi có thời cơ.

Do đó việc đối phó với âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai với tỉnh ta là nhiệm vụ rất khẩn trương. Toàn tỉnh nhất là các khu vực trọng điểm xung yếu phải tăng cường hơn nữa việc chuẩn bị sẵn sàng chống âm mưu gián điệp, biệt kích, bắn phá oanh tạc, kích động phản cách mạng gây bạo loạn.

- *Bọn gián điệp Pháp:* Có vị trí rất quan trọng cơ sở xã hội của chúng ở địa phương rất dày, ngoài những tên Âu - Phi ra, ta còn thấy bọn gián điệp, chỉ điểm của Pháp khá đông. Qua nghiên cứu ta thấy chúng đã tổ chức 3 luồng điệp viên gồm 13 tổ 136 tên. Ta mới phát hiện được 11 tổ 36 tên (đã bắt 8 tên và phá 1 tổ). Nhiệm vụ

của bọn này là tìm cách bình thường hóa cuộc sống ở một nơi nhất định để hoạt động, bí mật điều tra tình báo, gây cơ sở. Một số tên khác ta được biết ở trong Nam, Campuchia, Lào và chúng vẫn được Pháp nuôi dưỡng, huấn luyện. Hiện nay có những tên gián điệp cũ, công chức trí thức cũ, có mối quan hệ với Pháp, Thái Lan, Campuchia... Địa bàn trọng điểm đấu tranh chống gián điệp Pháp là thị xã Lào Cai và Cam Đường, khu vực Mường Hum và Trịnh Tường (Bát Xát).

- *Bọn đặc vụ Tưởng* cấu kết với bọn tay sai Mỹ ở miền Nam nhằm tung tay chân ra phá hoại miền Bắc. Chúng chú trọng niềm núi, biên giới Việt - Trung, đồng thời qua đó để xâm nhập vào lục địa Trung Quốc. Đầu năm 1963 một số đặc vụ từ Lào phái về biên giới ta hiện đang truy tìm.

Còn số đặc vụ năm lỳ ở Lào Cai trong thời gian qua chúng thường tụ tập xuyên tạc chính sách, nói xấu chế độ, lợi dụng sự bất đồng giữa Trung Quốc và Liên Xô để tuyên truyền chiến tranh hòng làm giảm tin tưởng phe xã hội chủ nghĩa. Nhân cơ hội xung đột giữa biên giới Trung - Án, chúng xuyên tạc và mong chờ chiến tranh nổ ra để hoạt động. Về mối liên hệ của bọn này, qua theo dõi ta thấy có nhiều đường dây, nhất là đường dây từ Hồng Kông về Lào Cai. Mặt khác một số tên phản cách mạng ở Trung Quốc lén lút qua biên giới trà trộn trong số dân Trung Quốc vượt biên giới, cấu kết với bọn phản cách mạng ở địa phương để chống phá phong trào hợp tác xã, việc thực hiện chính sách và âm mưu gây bạo động. Địa bàn nổi lên hoạt động của đặc vụ và phản cách mạng Trung Quốc là thị xã Lào Cai và một số xã thuộc biên giới Mường Khương và Bát Xát.

- *Đối với bọn gián điệp núp trong Ủy ban quốc tế*. Bọn chúng chú trọng tăng cường các phương tiện nhằm tích cực hoạt động thu thập tin tức tình báo. Lợi dụng công khai hợp pháp, chúng đòi mở rộng phạm vi kiểm soát để quan sát và tích cực tranh thủ mua chuộc đại biểu Ba Lan, hòng để đồng tình với âm mưu đòi mở rộng phạm vi kiểm soát. Bọn Gia An rất chú trọng theo dõi sự vận chuyển

của Trung Quốc sang ta và sự viễn trợ cách mạng miền Bắc vào miền Nam. Đồng thời chúng thông qua hình thức chuyển tin tức, thư từ trong Nam ra ngoài Bắc để liên hệ, bắt mối gây cơ sở. Bọn chúng tìm mọi cách nhằm vu khống ta vi phạm Hiệp nghị Giơnevơ, hòng tạo thế cân bằng ở Bắc và Nam, vu khống ta âm mưu lật đổ chính quyền miền Nam nhằm phục vụ âm mưu mới hiện nay của Mỹ và tay sai đối với miền Bắc. Những hoạt động của bọn Gia An thấy phù hợp ăn khớp với âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam. Địa bàn mà chúng hoạt động là thị xã Lào Cai, dọc tuyến đường sắt.

- *Bọn phản động địa phương:* Do ta trấn áp mạnh và tích cực cai tạo nên hoạt động của chúng nói chung không dám tráng trộn như trước mà đi vào hoạt động tinh vi. Đối với bọn phỉ lẩn trốn trước khí thế của quần chúng và hoạt động lùng bắt của lực lượng dân quân, công an xã nên chúng không dám lộ liễu, tìm cách ẩn náu tránh sự truy bắt của ta. Một số tên đầu sỏ ý thức chính trị phản động rất sâu sắc với thái độ mong chờ gián điệp biệt kích về có cơ hội hoạt động. Bọn này khống chế số tay chân đồng thời thông qua bọn ngụy phỉ ở địa phương để phản tuyên truyền chống chính sách, tranh chấp quần chúng với chúng ta, đe dọa cán bộ cơ sở đợi thời cơ nổi loạn (San Sa Hô). Còn số tên khác do chưa tin chính sách, sợ đi tù và bị đầu sỏ khống chế nên chưa chịu về hàng.

Đối với bọn đầu sỏ tè ngụy, phỉ tích cực phản tuyên truyền chiến tranh, chống chính sách, cố gắng tập hợp lực lượng gây bạo loạn, nhưng bị quần chúng phát hiện và ngăn chặn kịp thời (1962: 4 vụ; 1963: 2 vụ) ở Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khuông. Một thủ đoạn rất tinh vi và nguy hiểm là bọn chúng tìm mọi cách mua chuộc cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở xã, nếu không mua chuộc được thì chúng xuyên tạc đả kích làm mất uy tín trước quần chúng, tráng trộn hơn, có nơi chúng họp bàn kế hoạch thay thế cán bộ lãnh đạo chủ chốt dân quân, hợp tác xã (Bản Già, Bắc Hà) hòng biến chất chính quyền cấp xã. Riêng bọn địa chủ phản động có nơi, có lúc do ta sơ

hở cảnh giác, không tích cực đấu tranh và thường xuyên cải tạo nên chúng đã ngóc đầu dậy, phá hoại hợp tác xã, phá hoại sản xuất, đòi ruộng trâu của nông dân (nhất là thời gian cuối 1962 sang đầu 1963). Nếu lấy Bắc Hà để chứng minh ta thấy: trong số 73 địa chủ, 23 phú nông (chưa hạ thành phần) sau khi mở lớp học cải tạo, thì bọn này đã liên hệ kiểm điểm hành vi của chúng tổng hợp lại có tới 80% chống đối.

- *Bọn phản động trong đạo Thiên Chúa* một mặt tích cực vận động xin linh mục lên Lào Cai, vận động xây dựng nhà thờ phát triển đạo vào vùng dân tộc (Sa Pa), mặt khác chúng hoạt động phản tuyên truyền xuyên tạc chính sách hợp tác xã, chính sách ba thu, chính sách lương thực. Năm 1963 chúng đã lôi kéo được 3 hộ 14 nhân khẩu dân tộc Mèo ở Lao Chải, 4 hộ xã Đoàn Kết theo đạo. Trong đó có Bí thư phụ nữ xã và giáo viên bình dân học vụ xã. Hiện nay ở vùng Đản Khao đồng bào Thiên Chúa giáo dưới xuôi lên tập hợp quần chúng duy trì đạo và phát triển việc (...).

2. Tình hình chuyển biến và phân hóa các loại đối tượng cải tạo chủ yếu

Tính riêng ngoài xã hội tổng số các đối tượng nằm trong diện cải tạo chủ yếu là 4.728 so với cuối năm 1961 thì tụt xuống 28 đối tượng (trong số này có một số ta trùng trị, một số tập trung giáo dục, cải tạo, đồng thời lại có thêm số mới ở xuôi chuyển lên).

So với đối tượng cải tạo chủ yếu thì:

- Hạng A chiếm tỷ lệ 22,1%;
- Hạng B chiếm tỷ lệ 77,9%;

Nếu tính riêng từng hộ đối tượng so với tổng số đối tượng cải tạo thì:

- Gián điệp chỉ chiếm 6,5%;
- Ngụy quân 13,1%;
- Ngụy quyền 6,9%;
- Phỉ cũ 69,8%;
- Đảng phái phản động cũ 2,6%.

Sự phân hóa trong các đối tượng cải tạo là:

- Loại tiến bộ chiếm 64,5%;
- Loại lùng chừng 24,3%;
- Loại chống đối 11,2%;

Nếu tính tỷ lệ phân loại trong từng hạng ta thấy:

Hạng A: - Tiến bộ chiếm 31,4%;
- Loại lùng chừng 44,8%;
- Loại chống đối 23,4%.

Hạng B: - Tiến bộ chiếm 73,9%;
- Loại lùng chừng 18,6%;
- Loại chống đối 7,5%.

Nếu đi sâu vào 10 xã: Thanh Bình, Chiến Thắng, Đồng Tâm, Thống Nhất (Mường Khương) Tà Chải, Nậm Lúc, Nậm Khánh, Cốc Lâu, Nậm Đét (Bắc Hà), Sảng Ma Sao (Bát Xát), ta thấy tổng số đối tượng có 5/4 gồm:

- Thổ phỉ có 303.
- Ngụy quân có 81.
- Ngụy quyên có 74.
- Biệt kích có 12.
- Phản cách mạng Trung Quốc có 8.
- Gián điệp có 3.
- Hiêm nghi đặc vụ 2.
- Địa chủ 10.
- Phú nông 11.

So với tổng số đối tượng trên thì hạng A có 68 chiếm 13,23% hạng B có 446 chiếm 86,77%.

Phân loại ta thấy số đối tượng trên gồm cả A và B thì:

- Loại tiến bộ 361, tỷ lệ 50,76%;
- Lùng chừng 198, tỷ lệ 38,54%;
- Loại chống đối 5, tỷ lệ 10,7%.

Phân loại riêng hạng A (so với tổng số hạng A):

- Loại tiến bộ có 2, tỷ lệ 13,2%;

- Lùng chùng 29, tỷ lệ 42,7%;
- Chống đối 30, tỷ lệ 44,1%.

Những số liệu trên chứng minh hàng ngũ đối tượng cải tạo chủ yếu có sự chuyển biến rõ rệt, năm 1960 tỷ lệ đối tượng chống đối là 13,7%. Đến nay, tỷ lệ chống đối nói chung là 11,2%. Riêng 10 xã thì tỷ lệ chống đối là 10,7%. Tuy vậy tỷ lệ chống đối còn khá nghiêm trọng và chính bọn này chẳng những là chỗ dựa rất tốt cho các loại gián điệp, đồng thời bọn chúng đã gây cho ta nhiều khó khăn trong việc xây dựng củng cố hợp tác xã, thực hiện chính sách ba thu và các chính sách khác của Đảng và Nhà nước.

Tóm lại hai năm qua nhìn chung sự hoạt động phá hoại của các bọn phản cách mạng rất ráo riết và liên tục. Âm mưu chủ yếu là kẻ địch lợi dụng lúc ta gặp khó khăn, lợi dụng những sơ hở tiến hành phá hoại, kích động bọn phản động địa phương gây cơ sở tập hợp lực lượng hòng vũ trang bạo loạn. Hoạt động của chúng rất phù hợp với tình hình diễn biến trong nước và trên thế giới. Lợi dụng sự bất đồng trong phong trào cộng sản quốc tế, giữa Trung Quốc và Liên Xô, vấn đề biên giới Trung - Án, chúng tung nhiều luận điệu xuyên tạc, tỏ ra hí hứng, mong chiến tranh nổ ra để gõ thế bí ở chiến trường miền Nam. Đế quốc Mỹ và tay sai tăng cường hoạt động phá hoại miền Bắc, thì Lào Cai là nơi bọn chúng hết sức chú ý. Bọn phản động địa phương tỏ ra mong chờ đế quốc Mỹ đi tìm gián điệp biệt kích để bắt liên lạc hoạt động, chúng tung nhiều luận điệu chiến tranh tâm lý gây hoang mang trong nhân dân.

Nhưng khi ta tiến hành trấn áp mạnh, nhất là sau các đợt tập trung cải tạo sau khi bắt gọn và trừng trị toán gián điệp, biệt kích thì hoạt động của địch có xẹp đi. Những hành vi trắng trợn, những luận điệu phản tuyên truyền giảm xuống, thủ đoạn hoạt động của địch lại đi vào hoạt động bí mật tinh vi.

Thực tiễn cuộc đấu tranh chống các bọn phản cách mạng ở tỉnh ta trong hai năm qua đã chứng minh nhận định của Ban Chấp hành tỉnh trong Nghị quyết 11 ngày 26-3-1962 là đúng đắn: "Cuộc

đấu tranh chống các bọn phản cách mạng ở Lào Cai là một cuộc đấu tranh giai cấp phức tạp, gay go, quyết liệt và lâu dài... Âm mưu nổi bật của bọn phản cách mạng ở Lào Cai là luôn luôn tìm mọi cách gây bạo loạn" Các lực lượng thù địch ở Lào Cai gồm bọn gián điệp các nước tư bản như gián điệp Mỹ - Diệm, đặc vụ Tưởng, gián điệp Pháp, gián điệp núp trong ủy ban quốc tế và các bọn phản cách mạng khác. Nhưng nguy hiểm nhất vẫn là bọn gián điệp Mỹ - Diệm. Tuy nhiên bọn đặc vụ Tưởng, bọn gián điệp Pháp cũng là những loại đối tượng rất nguy hiểm nổi lên ở địa bàn Lào Cai. Ngoài ra phải hết sức chú ý bọn phản động địa phương (tức bọn đầu sỏ phỉ, biệt kích cũ, bọn phản động trong các giai cấp bóc lột chưa chịu cải tạo, bọn phản cách mạng ở Trung Quốc chạy sang và các phần tử phản động đội lốt Thiên Chúa giáo).

I. KIỂM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 39

Chấp hành Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, nhằm tăng cường hơn nữa công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh địa phương. Ban Chấp hành đã ra Nghị quyết số 11 đề ra nhiệm vụ chung cho toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc: "Phải mạnh bạo động viên toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tiến hành trấn áp phản cách mạng kiên quyết, chủ động, khẩn trương, tích cực hơn, kịp thời đập tan mọi âm mưu gây bạo động phá hoại mọi khiêu khích của kẻ địch, giữ vững trật tự an ninh địa phương, tích cực bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và phục vụ đắc lực cho công cuộc đấu tranh nhằm thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà". Nghị quyết 11 lại nêu rõ từng yêu cầu cụ thể và một số công tác lớn nhằm phấn đấu hoàn thành 5 yêu cầu mà Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị đề ra. Tiếp theo Nghị quyết 11 Ban Thường vụ Tỉnh ủy lại ra các chỉ thị quan trọng nhằm hướng dẫn các ngành, các cấp đẩy mạnh các mặt công tác đấu tranh chống

các bọn phản cách mạng, bảo vệ trật tự an ninh. Như các Chỉ thị số 33, 42, 54, 56... qua hai năm phấn đấu thực hiện, toàn Đảng, toàn dân đã giành được nhiều kết quả to lớn trong cuộc đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, bảo vệ sản xuất, bảo vệ trật tự trị an. Nhưng đối chiếu 5 yêu cầu mà Bộ Chính trị đề ra trong Nghị quyết 39 thì mức độ đạt được của từng yêu cầu, ở từng địa bàn, từng ngành, từng đơn vị có khác nhau. Nhìn chung thì chúng ta chưa hoàn thành được đầy đủ. Dưới đây đi sâu kiểm điểm đánh giá những mặt công tác chủ yếu đề ra trong Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 11 của tỉnh:

1. Phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an

Là nhiệm vụ rất cơ bản, có ý nghĩa chiến lược, nó thể hiện đường lối quần chúng của Đảng trong cuộc đấu tranh chống các bọn phản cách mạng; còn là hình thức vận động thích hợp nhất nhằm tuyên truyền giáo dục sâu rộng về tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và ý thức cảnh giác cách mạng nhằm phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, động viên quần chúng tích cực tham gia công tác đấu tranh, trấn áp bọn phản cách mạng. Xuất phát từ nhận thức đó, Nghị quyết 11 tỉnh ủy đã chỉ rõ việc phát huy khí thế cách mạng quần chúng đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an là một nhiệm vụ quan trọng. Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lại ra Chỉ thị 42 nhằm đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an tiến triển.

Trong các năm qua các cấp, các ngành chẳng những đã chú ý giáo dục ý thức đấu tranh giai cấp, tiếp tục giáo dục 2 con đường. Đồng thời đã chú trọng giáo dục ý thức căm thù đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, phát huy tinh thần yêu nước ủng hộ phong trào cách mạng giải phóng miền Nam. Mặt khác đã coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục cảnh giác cách mạng, hướng dẫn quần chúng đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an. Phong trào này được

phát triển từ điểm đến diện, từ nông đến sâu, nó đã xoáy chặt vào nhiệm vụ trung tâm là củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất đi đôi với bảo vệ sản xuất. Từ cuộc vận động 3 phòng (phòng gian, phòng hỏa, phòng tai nạn) xuất hiện lề tẻ trên một số xã và khu phố hồi cuối năm 1960 sang 1961 cho đến nay hầu khắp các xã và khu phố đều có phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích.

Nội dung của phong trào rất phong phú, chẳng những đã phát động quần chúng phòng, chống gián điệp, biệt kích chống địch phá hoại, cải tạo những đối tượng cần cải tạo, đồng thời đã động viên quần chúng đề cao ý thức bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản quốc gia, tài sản công cộng và tính mạng của nhân dân. Phong trào này còn góp phần tích cực cải tạo những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, xây dựng con người mới, nếp sống mới trong quần chúng. Phong trào bảo vệ trị an đã đi đúng trọng tâm là phát huy khí thế cách mạng của nhân dân các dân tộc, đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, chống âm mưu gián điệp, biệt kích bảo vệ sản xuất, bảo vệ an ninh địa phương.

Rất rõ ràng phong trào bảo vệ trị an đã góp phần tích cực trong việc tuyên truyền giáo dục quần chúng nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội bồi dưỡng quan điểm đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản và ý thức cảnh giác cách mạng cho đảng viên và quần chúng, làm cho quần chúng phân biệt ranh giới bạn thù, nâng cao ý thức căm thù địch, nhận rõ hơn trách nhiệm của mỗi người dân trong cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, bảo vệ trật tự an ninh. Đồng thời qua phong trào bảo vệ trị an làm cho đường lối, chính sách trấn áp phản cách mạng, cải tạo những người cần cải tạo, thâm nhập ngày càng sâu trong cán bộ và nhân dân.

Trên cơ sở đó đã giải quyết với mức độ nhất định những biểu hiện tư tưởng chủ quan tê liệt cảnh giác, bi quan, sợ địch, biểu hiện rụt rè, hữu khuynh, biểu hiện sợ thù oán tự ti dân tộc trong cán bộ và quần chúng.

Chính nhờ có khí thế cách mạng của quần chúng được phát huy nên phong trào bảo vệ trị an đã đưa lại nhiều tác dụng thiết thực. Đã cổ vũ được quần chúng các dân tộc tham gia chống địch phá hoại, chẳng những đã hạn chế được nhiều hoạt động chống phá của bọn phản cách mạng và loại tội phạm khác làm cho tình hình trật tự trị an địa phương ngày càng ổn định. Nhiều vụ kẻ địch lẩn lút âm mưu phá hoại, hoặc đã gây ra mất trật tự trị an đã bị quần chúng phát hiện và truy bắt thủ phạm. Điển hình một vài vụ như: Nhân dân Ma Hoàng Sin (xã Thanh Bình) từ chối bị tên Nùng Khái Sờ, một tên đầu sỏ phản cách mạng Trung Quốc nguy hiểm mua chuộc khống chế suốt hai năm trời đến chối dân Ma Hoàng Sin đã nhìn rõ bộ mặt gian ác nham hiểm của Nùng Khái Sờ nên đã quyết tâm tiêu diệt. Vụ hai tên phản cách mạng Trung Quốc vượt biên lẩn vào làng Hang xã Quang Kim đã bị quần chúng truy bắt. Hoặc vụ hai tên phản cách mạng Trung Quốc trốn cải tạo sang biên giới ta đã bị một tổ phụ nữ thôn Vi Cạp (Bát Xát) phát hiện báo cho dân quân truy bắt. Vụ máy bay thả dù 5 tên gián điệp biệt kích xuống Kho Cọ xã (Phú Nhuận) bị nhân dân vùng này phát hiện kịp thời và truy bắt...

Phong trào bảo vệ trị an đã thường xuyên giáo dục quần chúng đề cao ý thức bảo vệ, tránh được nhiều sơ hở mà kẻ địch nhầm lợi dụng. Các vụ phạm pháp, các vụ tệ nạn xã hội và tai nạn lao động ngày càng giám rõ rệt. Phong trào bảo vệ trị an đã thiết thực phục vụ nhiệm vụ trung tâm của địa phương góp phần thúc đẩy sản xuất, đưa phong trào chung ở cơ sở tiến triển. Ví như xã Thanh Bình từ chối phong trào bảo vệ trị an phát triển tốt đến nay đã thúc đẩy các mặt khác cũng phát triển đang trở thành xã khá toàn diện của Mường Khương.

Đến nay chúng ta có thể đánh giá phong trào bảo vệ trị an ở tỉnh ta đã trở thành phong trào cách mạng quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhiều nơi phong trào đã gắn chặt với sinh hoạt và đời sống hằng ngày của nhân dân. Phong trào bảo vệ trị an

đang vươn lên một cách vững chắc lành mạnh, phong trào không những chỉ có bề rộng mà bước đầu đã có bề sâu, ở những xã khá phong trào đã đi vào thường xuyên. Cụ thể sự tiến triển của phong trào ta thấy:

Loại xã	Năm 1962	1963	
- Số xã loại khá	53	165	53,7%
- Số xã trung bình	41	44	33,3%
- Số xã còn kém	27	12	10,0%

Xã Thanh Bình, Mường Khương là cờ đầu của phong trào bảo vệ trị an trong tỉnh đang phát triển mạnh mẽ và vững chắc, đã được Chính phủ tặng Huân chương Chiến công hạng Ba và Hồ Chủ tịch tặng Bằng khen. Đến nay Thanh Bình đã được huyện Mường Khương xác nhận là xã khá toàn diện của huyện.

Qua thực tế phong trào đòi hỏi sự lãnh đạo của cấp ủy và Đảng bộ cơ sở phải thường xuyên toàn diện và sâu sắc. Trong hai năm qua trên cơ sở quán triệt tinh thần Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy, các chi bộ và chi ủy nói chung đã thấy rõ hơn trách nhiệm của mình đối với cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, chống âm mưu gián điệp, biệt kích. Các chi bộ đã quan tâm đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, đẩy mạnh công tác phòng, chống gián điệp biệt kích, tập trung cải tạo và cải tạo tề ngụy, phi... do nhận thức về âm mưu hoạt động của địch, nhận thức về chuyên chính với kẻ thù được nâng lên một bước, nên các chi ủy, chi bộ đã biết dựa vào quần chúng để đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ sản xuất; có những xã sau khi tiếp thu chủ trương của huyện, chi ủy và chi bộ đã tự động bàn kế hoạch rồi đưa ra vận động quần chúng đẩy mạnh công tác trị an như Cốc Lâu (Bắc Hà), Tả Ngao (Bát Xát)... nhiều xã đã bàn bạc xây dựng và chỉ huy thực tập công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích, đã biết gắn phong trào bảo vệ trị an với việc thực hiện chính sách để vận động quần chúng thực hiện. Quan trọng hơn là khi phát hiện hành vi hoạt động của địch, của các đối tượng chưa chịu cải tạo, cán bộ xã đã biết dựa vào quần chúng, hoặc sử dụng biện pháp chính

quyền để kiểm thảo, cảnh cáo, trấn áp. Nhiều nơi khi phát hiện tin tức địch, tỉnh đã chỉ đạo lực lượng dân quân, công an xã truy quét Sảng Ma Sao (Bát Xát), Tả Giang Phình (Sa Pa) hoặc khi gián điệp, biệt kích xâm nhập, cấp ủy đã chỉ đạo dân quân truy bắt (Phú Nhuận). Điều đó chứng minh rằng trình độ lãnh đạo công tác đấu tranh trấn áp các bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh của các cấp ủy và Đảng bộ cơ sở đã được nâng lên một bước. Khí thế cách mạng của quần chúng nói chung đã được phát huy, làm cho phong trào ở cơ sở đang tiến bước vững chắc.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục vận động quần chúng bảo vệ trị an. Chúng ta cũng thấy bộc lộ rõ những nhược điểm, khuyết điểm và đối chiếu yêu cầu nêu trong Nghị quyết 11 thì chưa được đầy đủ:

- Nghị quyết 11 Ban Chấp hành tỉnh đề ra mức độ phấn đấu hết năm 1962 đảm bảo 2/3 số xã và khu phố có phong trào bảo vệ trị an đạt 7 chỉ tiêu.

Nhưng qua hai năm thực hiện mới đạt 53,7% số xã và khu phố có phong trào bảo vệ trị an khá. Phong trào phát triển không đồng đều ngay trong một huyện, một xã cũng có nơi khá nơi kém. Nhiều xã khu phố có bề rộng chưa đi vào bề sâu. Điều quan trọng là đến nay ta chưa loại trừ được hết xã kém. Số xã kém lại tập trung ở vùng cao, vùng xung yếu.

- Khí thế cách mạng của quần chúng chưa được nâng lên một cách liên tục việc giáo dục hai con đường, giáo dục lòng yêu nước, yêu xã hội chủ nghĩa và quan điểm đấu tranh giai cấp có noi, có lúc lơi lỏng. Cảnh giác cách mạng của cán bộ và nhân dân nói chung chưa đáp ứng với sự phát triển của tình hình, với những âm mưu thủ đoạn ngày càng tinh vi, quyết định của kẻ địch. Khí thế và cảnh giác chính trị của cán bộ, đảng viên chưa thật nhạy bén, do đó có ảnh hưởng hạn chế khí thế cách mạng của quần chúng các dân tộc. Những nhận thức đấu tranh chống kẻ địch ẩn nấp bí mật, kẻ địch xâm nhập vào nội bộ thì lại yếu.

Nguyên nhân kết quả và tồn tại ta có thể rút ra mấy vấn đề:

- Nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng có lúc, có nơi còn xuất hiện nhiều lêch lạc trong cuộc đấu tranh vật lộn giữa chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể đang diễn biến gay gắt, nhiều cán bộ đảng viên lập trường chưa kiên định nên để chủ nghĩa cá nhân lấn dần. Do vậy mà nhiệt tình tham gia cách mạng xã hội chủ nghĩa thiếu sôi sục, quan điểm giai cấp trong cán bộ, đảng viên và quần chúng còn nhiều biểu hiện mơ hồ. Nhiều cán bộ, đảng viên nhận thức tính chất phản kháng ngúc đầu dậy của địa chủ, tư sản rất hời hợt không rõ ràng nên biểu lộ xóa nhòa ranh giới giai cấp. Còn lẩn lộn giữa tình cảm anh em họ hàng, ý thức dân tộc với ranh giới giai cấp nên quan hệ giao dịch, thái độ đối xử nhiều trường hợp tỏ ra mất cảnh giác, cá biệt còn nhiều nghiêm trọng.

Đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn nhiều cán bộ, đảng viên vận dụng có nhiều sai phạm. Nhận thức về âm mưu của bọn phản cách mạng và tính chất cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay của nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng chưa sâu sắc, quan điểm chuyên chính vô sản chưa vững vàng. Chính vì vậy mà tư tưởng hữu khuynh còn nhiều, biểu hiện trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, ngay trong các cấp ủy đảng, trong lực lượng chuyên chính chủ yếu cũng còn nhiều biểu hiện. Có những cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ mới hạ phong còn tỏ ra chủ quan mất cảnh giác hoặc bi quan sợ địch, tư tưởng sợ thù oán đối với đảng viên, quần chúng ở cơ sở cần phải chú ý tiếp tục giải quyết. Có những đảng viên, cán bộ xã nhiều lúc tỏ ra dao động trước diễn biến của tình hình. Thậm chí có người còn bị địch lừa gạt, mua chuộc, khống chế nên che giấu cho chúng.

- Thực tiễn chỉ đạo phong trào đã cho ta kinh nghiệm ở xã nào mà đội ngũ đảng viên được củng cố, chi bộ và chi ủy quan tâm lãnh đạo, Ủy ban hành chính, lực lượng dân quân, công an xã, thanh niên được tăng cường. Đồng thời các chi bộ quán triệt ba khâu:

củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, củng cố tổ chức bảo vệ trị an thì nơi đó phong trào lên mạnh. Thanh Bình, Thống Nhất (Mường Khương), Thào Chu Phìn (Bắc Hà), Nam Cường (Bảo Thắng), Sảng Ma Sáu, Bản Vược (Bát Xát)... đã chứng minh rõ rệt. Trái lại nơi nào mà tách rời phong trào bảo vệ trị an, không gắn chặt với nhiệm vụ củng cố hợp tác xã sản xuất, củng cố tổ chức thì phong trào bảo vệ trị an khó phát triển hoặc phong trào không vững vàng như xã Quang Kim (Bát Xát), Hợp Thành, Sơn Hà (Bảo Thắng), Tiến Bộ (Mường Khương), Tả Cù Tỷ (Bắc Hà), Sán Sả Hồ (Sa Pa).

Trên thực tế nhiều cán bộ, đảng viên khi chỉ đạo phong trào chưa quán triệt nội dung do chưa thấy hết mục đích, ý nghĩa của phong trào bảo vệ trị an nên còn coi nhẹ. Chưa thấu suốt bảo vệ trị an là phong trào cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, có đồng chí với cương vị là huyện ủy viên còn cho rằng bảo vệ trị an là công tác của công an, là công tác kết hợp. Từ đó dẫn tới chỗ thiếu nhiệt tình phong trào. Một vấn đề quan trọng trong công tác chỉ đạo nuôi dưỡng phong trào là cần sáng tạo điển hình đi sâu vào trọng điểm xây dựng lá cờ đầu như Nghị quyết 11 đã đề ra. Kiểm điểm lại các huyện thì các khu vực chưa thật chú ý xây dựng lá cờ đầu. Có nơi còn biểu hiện tư tưởng ngồi chờ, ăn sẵn, chưa quyết tâm tập trung chỉ đạo trọng điểm, xây dựng điển hình. Thậm chí có nơi còn buông lơi, thiếu kiểm tra hướng dẫn, giúp đỡ lá cờ đầu của phong trào bảo vệ trị an phát triển.

Tóm lại để tiếp tục phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an một mặt chúng ta cần chú trọng giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cảnh giác cách mạng, quan điểm đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản.

Mặt khác phải hết sức xây dựng bồi dưỡng cho Đảng bộ cơ sở, cấp ủy và cốt cán xã để có trình độ quán xuyến và chỉ đạo phong trào một cách toàn diện và cụ thể, phải đặt phong trào bảo vệ trị an thành một chỉ tiêu phấn đấu của chi bộ bốn tốt.

Phải tăng cường hơn nữa công tác rèn luyện lực lượng dân quân, công an xã, chi đoàn thanh niên, làm cho các lực lượng này có đầy đủ khả năng làm nòng cốt trong công tác trị an nông thôn. Trong chỉ đạo phong trào xã phải xoắn chặt ba khâu công tác: Hợp tác xã sản xuất, củng cố cơ sở, bảo vệ trị an để đưa phong trào đi vào bê sâu. Ở địa bàn thị xã, thị trấn phải kết hợp chặt phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội với phong trào bảo mật phòng gian, xây dựng cơ quan xí nghiệp an toàn.

2. Công tác điều tra nghiên cứu nắm tình hình

Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành tỉnh và Chỉ thị 54 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đặt công tác điều tra, nghiên cứu nắm tình hình địch là một khâu quan trọng, ở vị trí hàng đầu trong cuộc đấu tranh chống các bọn gián điệp và các loại phản cách mạng khác.

Trong hai năm qua, dựa trên cơ sở khí thế cách mạng và tinh thần cảnh giác của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên kết hợp với các biện pháp nghiệp vụ của các ngành chuyên môn. Nên công tác điều tra nghiên cứu nắm địch tình so với những năm trước đây có nhiều tiến bộ rõ rệt.

Đối với các tin tức địch tình và những hiện tượng trị an xã hội, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đã phát hiện được nhiều. Đối với các phần tử hiềm nghi chính trị, các đối tượng cải tạo ở địa phương quần chúng đã có ý thức theo dõi; giám sát và phát hiện những hành vi chống đối của chúng. Hầu khắp các xã đã lập và thực tập phương án phòng, chống gián điệp biệt kích, 88 xã đã xây dựng hồ sơ chính trị và 62 xã tiến hành cải tạo tề ngụy, phi theo 6 tiêu chuẩn có phân tích đánh giá phân loại từng đối tượng. Trên cơ sở đó mà sự hiểu biết của ta về âm mưu, hoạt động của địch, về thái độ chính trị các đối tượng được sâu hơn, đặt cơ sở cho các biện pháp đấu tranh và cải tạo của ta ngày càng cụ thể.

Đến nay có thể sơ bộ phân loại một cách khái quát về tình hình các đối tượng so với tỷ lệ dân số trong tỉnh như sau:

- Tổng số đối tượng cần điều tra nghiên cứu và đối tượng cải tạo cả trong nội bộ và ngoài xã hội so với dân số toàn tỉnh chiếm tỷ lệ 4,4%.

+ Số đối tượng lùng chùng so với dân số toàn tỉnh chiếm 1,2%

+ Số đối tượng chống đối so với dân số toàn tỉnh chiếm 0,5%.

- *Riêng trong nội bộ:*

+ Số đối tượng cần điều tra nghiên cứu và đối tượng cải tạo so với tổng số cán bộ công nhân viên chức chiếm tỷ lệ 7,6%.

+ Loại đối tượng còn lùng chùng so với cán bộ, công nhân viên chức chiếm tỷ lệ 2,8%.

+ Loại đối tượng còn chống đối so với cán bộ, công nhân viên chức chiếm tỷ lệ 0,5%.

- *Ngoài xã hội:*

+ Số đối tượng cần điều tra nghiên cứu và đối tượng cải tạo so với dân số (đã trừ cán bộ, công nhân, viên chức) chiếm tỷ lệ 4,1%.

+ Loại đối tượng lùng chùng so với nhân dân chiếm tỷ lệ 1,07%.

+ Loại chống đối so với nhân dân chiếm tỷ lệ 0,5%.

- Đối với quần chúng nhân dân qua nghiên cứu 10 xã Thanh Bình, Chiến Thắng, Thống Nhất, Đông Tâm (Mường Khương), Tà Chải, Nậm Lúc, Nậm Khánh, Nậm Đét, Cốc Lâu (Bắc Hà), Sang Ma Sáo (Bát Xát), sơ bộ phân loại như sau:

+ Loại tiến bộ chiếm tỷ lệ 23,5%.

+ Loại trung bình 51,16%.

+ Loại chậm tiến 25,5%.

Những số liệu trên đây tuy chưa hoàn toàn đầy đủ và chính xác, nhưng đã giúp ta có cơ sở đánh giá thái độ chính trị của các đối tượng, của quần chúng hiện nay; đặt cơ sở cho các chủ trương biện pháp vận động quần chúng thực hiện các chính sách của Đảng và đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, cải tạo những phần tử lạc hậu.

Từ những hiện tượng phát hiện lẻ tẻ của quần chúng kết hợp với biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn, chúng ta đã

đi sâu nghiên cứu hệ thống lại các luồng gián điệp của Pháp trước đây, hệ thống lại tổ chức đặc vụ ở Lào Cai, nhất là đối với tổ chức gián điệp biệt kích trước đây cũng đã được thẩm tra và hệ thống lại, đồng thời đã phát hiện được một số phần tử hiềm nghi chính trị ở các nơi khác đến. Phát hiện các mối liên hệ giữa bọn gián điệp, đặc vụ ở Lào Cai với Pháp, Thái Lan, Campuchia, Hồng Kông, Lào... giúp ta đi sâu nghiên cứu có kế hoạch đấu tranh phản gián. Dựa trên cơ sở hiểu biết về thái độ chính trị các đối tượng, hiểu biết về âm mưu hoạt động của địch nên hai năm qua công tác bảo vệ trật tự an được tăng cường, việc trấn áp bọn phản cách mạng bộc lộ và tương đối bộc lộ có đẩy mạnh hơn trước. Đã ngăn chặn được âm mưu gây bạo loạn và phá hoại của kẻ địch.

Tuy nhiên, trước công cuộc xây dựng địa phương ngày càng phát triển mạnh, di biến động của xã hội ngày càng lớn. Âm mưu thủ đoạn và phương thức hoạt động của địch ngày càng tinh vi. Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với tính chất, và xảo quyệt của kẻ địch lại chưa sâu sắc. Việc tổ chức nắm tình hình chính trị ở ngoài xã hội và trong nội bộ chưa tốt, còn lúng túng, so với yêu cầu phát triển của tình hình, với thực tế âm mưu hoạt động của bọn phản động cách mạng ta nắm chưa kịp thời, chưa thật hệ thống và vững chắc nên đối chiếu với yêu cầu thứ 5 trong Nghị quyết 39 và Nghị quyết 11, đến nay ta chưa thể kết luận đảm bảo căn bản, nắm được tình hình địch, nhất là kẻ địch ẩn nấp bí mật. Kẻ địch gian ngoan dùng mọi thủ đoạn để trà trộn ẩn náu trong quần chúng, nhưng ta chưa làm cho cán bộ và nhân dân có đầy đủ kiến thức để phát hiện kịp thời. Chưa biết thông qua việc thực hiện các chính sách và kế hoạch nhà nước mà xem xét thái độ diễn biến, hành vi chống phá của kẻ địch. Hoặc khi hướng dẫn vận động quần chúng thực hiện các chính sách còn thiếu chủ động phán đoán âm mưu phá hoại của bọn phản cách mạng để có kế hoạch phòng ngừa. Ngay những biện pháp quản lý công khai có tác dụng phát hiện địch và đánh địch của quần chúng

ta chưa biết sử dụng, ý thức cảnh giác của quần chúng chưa phát huy liên tục. Kiến thức địch tình của lực lượng dân quân, công an xã, bảo vệ dân phố ta chưa bồi dưỡng được đầy đủ. Bản thân các cơ quan phụ trách công tác địch tình cũng chưa sắc sảo và nhạy bén, chưa phối hợp chặt chẽ thống nhất địch, ta. Tình hình hoạt động của địch thì nhiều, còn bị tản mạn, chưa tập trung vào một mối để đi sâu nghiên cứu. Cho nên kẻ địch còn lợi dụng được những sơ hở của ta để ẩn náu hoạt động.

3. Công tác trấn áp, quét bọn phản cách mạng

Để bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương, để đập tan âm mưu gián điệp, biệt kích của đế quốc Mỹ và tay sai, đồng thời phán đấu nhằm loại trừ khả năng gây bạo loạn của địch. Một trong nhiệm vụ quan trọng bậc nhất mà Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành đề ra: "Tiến hành trấn áp phản cách mạng một cách kiên quyết, chủ động, khẩn trương, tích cực hơn, kịp thời đập tan mọi âm mưu gây bạo loạn, phá hoại hoặc khiêu khích của kẻ địch". Đồng thời Ban Thường vụ tỉnh ủy lại ra Chỉ thị số 33, số 54, số 56 nhằm hướng dẫn các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác trấn áp bọn phản cách mạng, công tác tập trung cải tạo, công tác đối phó với âm mưu gián điệp, biệt kích.

Qua hai năm thực hiện, công tác trấn áp các bọn phản cách mạng nói chung đã được nâng lên, trấn áp mạnh hơn trước đó với bọn đầu sỏ hoạt động bộc lộ và tương đối bộc lộ. Ngoài các hình thức chính quyền ở cơ sở dựa vào quần chúng tiến hành kiểm thảo, cảnh báo những phần tử chống đối, phần tử không chịu tiếp thu cải tạo. Chúng ta đã bắt và trừng trị tất cả 47 tên phản cách mạng phá hoại hiện hành. Trong đó có 8 gián điệp biệt kích, chỉ điểm, phỉ, ngụy quyền, 14 phản cách mạng Trung Quốc và nghị phản cách mạng Trung Quốc về giai cấp trong đó có 3 địa chủ, 3 phú nông.

Việc trừng trị những phần tử phản cách mạng hiện hành trên đây là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Mặt khác trong hai năm chúng ta đã tiến hành tập trung cải tạo (...) gồm những phần tử đầu sỏ, cốt cán phản động không chịu cải tạo, những phần tử nguy hiểm cho an ninh xã hội, trong đó có:

49 tên biệt kích không chịu cải tạo;

22 tên gián điệp chỉ điểm;

85 tên đầu sỏ, cốt cán phỉ;

9 tên ngụy quân;

15 tên ngụy quyên;

5 tên đảng phái quản động.

Về dân tộc có:

4 tên thuộc dân tộc Mèo;

34 tên thuộc dân tộc Nhăng;

29 tên thuộc dân tộc Mán;

27 tên thuộc dân tộc Thổ.

Về giai cấp thì có:

25 tên là địa chủ;

14 tên là phú nông.

Qua kiểm tra ở cơ sở thì việc đưa các đối tượng trên đi tập trung giáo dục cải tạo là đúng người, đúng tội, đủ tiêu chuẩn quy định. Trong quá trình thực hiện ta đã quán triệt phương châm kiên quyết thận trọng và vững chắc đã nghiên cứu thí điểm đề ra kế hoạch thực hiện. Đồng thời khi tiến hành tập trung cải tạo đã coi trọng công tác chính trị tư tưởng trong quần chúng, dựa hẵn vào cơ sở nên việc bắt đi tập trung cải tạo nói chung tốt. Mặc dù tiến hành tập trung hàng loạt trong một thời gian nhất định, nhưng tình hình nông thôn ổn định, không gây ra những rung động không cần thiết. Trước khí thế của quần chúng và chính sách nhân đạo của Đảng ta, nên có những tên đã xác định thái độ đi cải tạo, ta không cần trói. Nhưng cũng có tên chống lại quyết liệt, tìm cách lánh lên rừng.

Công tác trấn áp các bọn phản cách mạng trong hai năm qua chẳng những đã ngăn chặn âm mưu bạo loạn của địch năm 1962:

4 vụ, năm 1963: 2 vụ; đồng thời còn phòng ngừa âm mưu đâm cuồng của đế quốc Mỹ và tay sai. Xã Phú Nhuận ta đã nhanh tay đưa 7 đối tượng nguy hiểm đi tập trung cải tạo, nên khi toán gián điệp, biệt kích nhảy dù xuống, chố dựa của chúng đã bị quét, quân chúng nhân dân truy bắt rất tích cực.

- Mặt khác việc trấn áp bọn phản cách mạng trong hai năm qua đã có tác dụng phát huy khí thế của quân chúng, thúc đẩy các đối tượng cải tạo đi vào con đường tiếp thu cải tạo và đã góp phần tích cực củng cố cơ sở, đẩy mạnh sản xuất và các mặt công tác ở địa phương.

Nhìn chung công tác trấn áp bọn phản cách mạng trong hai năm qua, ta thấy việc trấn áp bọn phản cách mạng bộc lộ và tương đối bộc lộ có nhiều cố gắng và mạnh hơn trước. Nhưng việc trấn áp bọn phản cách mạng hoạt động bí mật, ẩn nấp còn yếu. Đối chiếu yêu cầu thứ ba đề ra trong Nghị quyết 39, Nghị quyết 11 ta chưa hoàn thành đầy đủ.

- Việc quét lực lượng phản cách mạng, bộc lộ và tương đối bộc lộ tuy đã có nhiều cố gắng. Nhưng so với trước, hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng và số đối tượng cần nghiên cứu xét duyệt đưa đi tập trung cải tạo còn một số đáng kể (11,2% trong tổng số đối tượng cải tạo chủ yếu). Việc tập trung cải tạo những phần tử nguy hiểm ở trong xí nghiệp, cơ quan tiến hành còn quá chậm.

- Vấn đề giải quyết số phi hiện đang lẩn trốn tuy đã bước đầu chuyển biến, nhưng còn thiếu quyết tâm. Chưa phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng, mọi biện pháp để đấu tranh với tinh thần khẩn trương mà Nghị quyết 11 của tỉnh đã đề ra.

- Công tác truy tố, xét xử trấn áp bọn phản cách mạng hiện hành nhiều vụ không kịp thời phục vụ cho nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Việc vận dụng đường lối xét xử có những vụ chưa thật vững vàng. Nhận thức của cơ quan luật pháp trong việc giải quyết mâu thuẫn địch, ta, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân có thường hợp chưa rõ ràng, thiếu sắc bén. Có vụ cơ quan luật pháp còn nặng

về chứng lý nên để quá chậm. Hoặc mức án chưa thật thỏa đáng, còn thiếu chủ động trong công tác xét xử trấn áp địch. Nhận thức vấn đề ức chế lẫn nhau giữa các cơ quan công an nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân cũng chưa được đầy đủ, sâu sắc nên thiếu sự phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau còn chưa thật chặt chẽ.

Nguyên nhân của sự tồn tại là do:

- Nhận thức của một số cán bộ ở các cấp, các ngành kể cả các cơ quan trong lực lượng chuyên chính chủ yếu đối với âm mưu hoạt động của bọn phản cách mạng chưa sâu sắc. Chưa thật quán triệt tính chất liều lĩnh, điên cuồng của kẻ địch, tính chất gay go, quyết liệt của cuộc đấu tranh chống các bọn phản cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Ý thức căm thù địch chưa sục sôi. Quan điểm đấu tranh giai cấp, quan điểm chuyên chính vô sản chưa vững vàng. Biểu hiện tư tưởng rụt rè, hữu khuynh còn phổ biến. Chính vì vậy mà tinh thần đấu tranh chống địch thiếu kiên quyết, chưa khẩn trương, nhạy bén và sắc bén.

- Việc giáo dục phương châm chính sách trấn áp phản cách mạng của Đảng, việc phổ biến luật pháp trong quần chúng nhân dân chưa sâu rộng, không thường xuyên. Chính vì vậy mà cán bộ quần chúng nhiều người chưa thấu hiểu và chưa biết sử dụng luật pháp để tiến hành đấu tranh trấn áp phản cách mạng. Nhất là việc bồi dưỡng cho cơ quan chính quyền cấp xã về mặt chuyên chính dân chủ nhân dân, về các biện pháp đấu tranh trấn áp kẻ địch hãy còn yếu. Do đó chưa phát huy đầy đủ tác dụng chính quyền cấp xã trong cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, gìn giữ trật tự trị an xã hội.

- Đối với lực lượng công an nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong hai năm qua tuy đã có được tăng cường cả về mặt tổ chức và tư tưởng. Nhưng trước tình hình phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp nói chung, chống phản cách mạng nói riêng thì lực lượng này chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ. Về mặt lập trường, quan điểm giai cấp và ý thức chuyên

chính vô sản, nhiều cán bộ chiến sĩ chưa thật vững vàng biểu hiện hữu khuynh chưa giải quyết tốt, tinh thần trấn áp địch thiếu triệt để, thiếu chủ động phối hợp để tiến hành đấu tranh chống bọn phản cách mạng một cách mạnh mẽ. Về mặt nghiệp vụ nói chung cũng còn yếu, nhất là cấp huyện.

Về mặt lãnh đạo cấp ủy tỉnh, huyện đối với lực lượng chuyên chính có lúc có nơi cũng chưa thật chặt chẽ. Việc huy động và phối hợp các lực lượng trấn áp phản cách mạng sẵn sàng chiến đấu còn lơi lỏng. Sinh hoạt kiểm điểm không thường xuyên vì vậy mối quan hệ công tác giữa các ngành công an nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Tỉnh đội, và công an nhân dân vũ trang có những va vấp chưa được giải quyết kịp thời.

4. Công tác giáo dục cải tạo những người trước đây tham gia tề ngụy, phi, đảng phái phản động

Song song với công tác trấn áp các bọn phản cách mạng hiện hành, trong hai năm ta đã chú ý đẩy mạnh công tác giáo dục cải tạo những người trước đây tham gia tề, ngụy, phi, đảng phái phản động. Năm 1960 - 1961 chúng ta tiến hành mở đợt giáo dục cải tạo tề, ngụy, phi ở những nơi tập trung đối tượng. Sang năm 1962 lại đây thì công tác giáo dục cải tạo tề, ngụy, phi... đã lồng vào việc thực hiện các chính sách đã tiến hành thường xuyên, nhất là đã xoáy chặt vào nhiệm vụ xây dựng củng cố hợp tác xã và phong trào bảo vệ trị an để giáo dục cải tạo. Đã áp dụng hai biện pháp: Biện pháp quần chúng và biện pháp chính quyền, lấy biện pháp quần chúng làm chính, trong biện pháp quần chúng thì kết hợp giáo dục rộng rãi và giáo dục đối tượng cá biệt. Về nội dung cải tạo thì lấy việc giáo dục tư tưởng đi đôi với lao động sản xuất và việc thực hiện các chính sách. Đồng thời đã áp dụng nhiều hình thức giáo dục cải tạo linh hoạt phù hợp với đặc điểm từng nơi.

Thông qua các đợt giáo dục hai con đường, cuộc vận động xây dựng củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, đợt giáo dục đấu tranh

chống Mỹ, ủng hộ phong trào cách mạng ở miền Nam và nhất là thông qua phong trào bảo vệ trị an để tiến hành giáo dục, cải tạo tinh thần, phỉ một cách rộng rãi.

Trong các đợt tập trung cải tạo đối tượng nguy hiểm cho an ninh xã hội, cũng như khi xét xử các vụ án nhất là án gián điệp, biệt kích. Tháng 8-1963 chúng ta đã kết hợp tuyên truyền giáo dục nâng cao cảnh giác cho quần chúng đồng thời đẩy mạnh công tác giáo dục cải tạo tinh thần, phỉ ở địa phương. Để việc giám đốc, quản lý, cải tạo đối tượng được chặt chẽ, đối với những thôn xã xây dựng hợp tác xã. Khẩu hiệu "Trở thành xã viên chính thức của hợp tác xã" là mục tiêu phấn đấu của các đối tượng cải tạo:

- Đối tượng đã tiến bộ cho vào hợp tác xã kết nạp xã viên chính thức.
- Loại chưa thật tiến bộ thì công nhận là xã viên dự bị.
- Với những phần tử còn chống đối thì giám đốc lao động trong hợp tác xã. Hướng thụ về lao động có khuyến khích, về mặt chính trị và hưởng thụ phúc lợi có phân biệt đối xử. Chính sách đến nay về căn bản vẫn thấy đúng nhưng cần kiểm tra và tổng kết.

Với những nơi chưa xây dựng hợp tác xã thì đưa vào các tổ đối công để giám đốc, giáo dục cải tạo.

Mặt khác chúng ta lại vận dụng các hình thức như dựa vào việc quản lý lao động của hợp tác xã, điều kiện canh tác và biện pháp quản lý trị an để tiến hành điều chuyển các đối tượng từ "nơi hẻo lánh về nơi tập trung, từ nơi cơ sở yếu về nơi cơ sở mạnh" để việc giám đốc, cải tạo đối tượng chặt chẽ. Đồng thời phòng ngừa các hành vi hoạt động phá hoại của kẻ địch. Nhiều xã như Thanh Bình, Chiến Thắng, Cốc Lâu... thực hiện chủ trương điều chuyển rất nhẹ nhàng, không tổn kém chi phí. Phương châm điều chuyển đối tượng trên thấy phù hợp với đặc điểm tỉnh Lào Cai, tỉnh biên giới có nhiều dân tộc.

Đối với hình thức giáo dục, cải tạo cá biệt có những xã đã phân công đảng viên, cán bộ và những người có tín nhiệm đi sâu giáo dục

thuyết phục. Đồng thời sử dụng quần chúng là anh em thân thuộc, là vợ con đối tượng để giáo dục cải tạo đối tượng. Với những tên có biểu hiện chống đối thì chính quyền cấp xã dựa vào quần chúng để tiến hành kiểm thảo, cảnh cáo, trấn áp.

Ngoài ra với những người thuộc tầng lớp trên, thông qua Mặt trận Tổ quốc để giáo dục thuyết phục cải tạo họ. Mặt khác giao cho họ có trách nhiệm động viên, giáo dục các đối tượng cải tạo đi vào con đường tiếp thu cải tạo.

Để đưa công tác giáo dục cải tạo các đối tượng cần cải tạo được sâu sắc hơn, nên năm 1963 đã cho học tập 6 tiêu chuẩn cải tạo sâu rộng ở 36 xã và quần chúng, năm 1964 tiến hành ở 63 xã và Mỏ apatít.

Việc làm này đã có tác dụng làm cho đối tượng cải tạo tin tưởng vào chính sách của ta, thấy rõ mục tiêu cải tạo để tiếp tục phấn đấu. Các đối tượng đã hứa hẹn quyết tâm cải tạo. Đối với quần chúng nhân dân qua học tập càng nâng cao quan điểm, lập trường giai cấp, ý thức cảnh giác, nắm vững hơn nội dung và tiêu chuẩn cải tạo của các đối tượng, đồng thời quần chúng đã nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc giám sát và giáo dục cải tạo đối tượng.

Đi đôi với việc áp dụng các hình thức giáo dục cải tạo trên đây, ta đã chú ý mặt đời sống của các đối tượng cải tạo. Chẳng những tạo điều kiện giúp đỡ họ sản xuất, trong các trường hợp gia đình họ gặp khó khăn, nhất là lúc mất mùa, thiếu đói xuất hiện ta đã chú ý vận động quần chúng giúp đỡ như mọi người dân lương thiện khác. Về mặt đời sống tinh thần tùy theo thái độ cải tạo của từng đối tượng và mức độ tiến bộ của từng người, quần chúng sau khi phân tích đánh giá và đã giao cho những đối tượng tiến bộ những công tác xã hội để họ làm.

Thái độ đối xử của ta như vậy cũng làm cho các đối tượng cải tạo tin tưởng thật sự vào chính sách của Đảng để đi vào con đường tiếp thu cải tạo.

Tóm lại, qua hai năm tiếp tục giáo dục cải tạo những người trước đây tham gia tề ngụy, phi và các tổ chức phản động địa phương, chẳng những làm cho họ tin tưởng vào chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào chính sách của Đảng, phòng ngừa và ngăn ngừa được nhiều những hoạt động chống đối của họ. Làm cho hàng ngũ tề ngụy, phi... ngày càng phân hóa, số chống đối ngày càng giảm, số tiến bộ ngày tăng lên. Cơ sở xã hội mà kẻ địch dễ dàng lợi dụng ngày bị thu hẹp. Kết quả công tác giáo dục cải tạo tề ngụy, phi... còn thể hiện ở chỗ góp phần củng cố sự nhất trí về chính trị trong quần chúng, củng cố cơ sở và tác động tới việc phát triển sản xuất, thực hiện các chính sách của Đảng ở nông thôn.

Đứng trước tình hình căng thẳng do âm mưu đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai gây ra; trước yêu cầu củng cố cơ sở và xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa, chúng ta thấy công tác giáo dục cải tạo tề ngụy, phi, phản động cũ... chưa đáp ứng với tình hình đòi hỏi. Công tác này còn là một quá trình đấu tranh lâu dài. Vì số người này họ đã bị tiêm nhiễm tư tưởng của địch khá sâu, không phải chỉ làm một vài năm là được.

- So với tổng số đối tượng cải tạo chủ yếu thì:

Diện đối tượng chống đối còn chiếm tỷ lệ 11,2%;

Diện lùng chùng còn chiếm tỷ lệ 24,3%.

Nhiều xã chưa đưa công tác giáo dục cải tạo tề ngụy, phi... vào bê sâu và chưa thường xuyên, chưa tiến hành cải tạo theo 6 tiêu chuẩn.

- Việc quản lý đối tượng cải tạo còn chưa tốt, không nắm vững động thái của họ qua từng thời gian nên việc đánh giá phân loại chưa chính xác nhất là những nơi hợp tác xã bị vỡ, việc giám đốc, quản lý đối tượng cải tạo cũng bị lỏng lẻo.

Điều chuyển đổi tượng là hình thức cần thiết và phù hợp với đặc điểm địa phương nhiều nơi chưa thực hiện. Việc kết nạp các đối tượng cải tạo làm xã viên chính thức, còn nhiều hiện tượng ẩn là có những trường hợp kết nạp họ vào Đảng, giao cho họ giữ các chức vụ trọng trách trong xã hoặc đưa họ vào dân quân, công an

cũng thiếu thận trọng, mất cảnh giác. Đối với những phần tử tê ngụy ở xuôi chuyển lên, nhất là những tên trốn tránh giáo dục cải tạo, tự động di chuyển lên địa phương ta, chúng ta chưa phát hiện và nắm được vững.

- Nội dung công tác giáo dục, thuyết phục cải tạo các đối tượng nhiều nơi còn chung chung chưa đi sâu vào tâm tư, tình cảm của họ để cảm hóa họ. Chưa chú ý giáo dục cá biệt và nhiều lúc bỏ thời cơ, chưa xoáy chặt công tác giáo dục, cải tạo tê ngụy vào việc thực hiện mọi chính sách của Đảng để tiến hành. Có nơi cán bộ xã có xu hướng mệnh lệnh, nôn nóng thiếu kiên nhẫn.

- Việc tổ chức nắm tình hình công tác giáo dục cải tạo tê ngụy, phỉ... chưa sâu, từ chối theo dõi nắm diễn biến thái độ của từng đối tượng chưa chặt nên việc phân tích đánh giá sự chuyên hóa của các đối tượng trong từng thời gian chưa hoàn toàn chính xác. Cho nên nhiều trường hợp đưa đối tượng cải tạo vào hợp tác xã, vào lực lượng dân quân, công an xã còn ẩn.

- Về đối tượng cải tạo trong thời gian qua còn coi nhẹ việc cải tạo địa chủ, phú nông. Do tính chất phản ứng giai cấp, đồng thời việc cải tạo của ta lại xem nhẹ việc phân hóa để có sách lược đối xử với từng lớp này làm chưa tốt nên hiện tượng địa chủ ngóc đầu dậy, phú nông chống đối tương đối phổ biến, cần kịp thời bồi khuyết.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Nhận thức của nhiều cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên ở nông thôn chưa thấy hết âm mưu thâm độc của bọn phản cách mạng đối với việc nuôi dưỡng các cơ sở xã hội của chúng. Chưa quán triệt tính chất đấu tranh tư tưởng và đấu tranh chính trị. Đồng thời chưa nhận thức sâu sắc ý nghĩa chính trị, kinh tế, trị an và quốc phòng trong công tác cải tạo tê ngụy, phỉ... chính vì vậy mà chưa thường xuyên quyết tâm lãnh đạo quần chúng tiến hành công tác cải tạo.

Nhiều cán bộ, đảng viên biểu hiện lập trường quan điểm mơ hồ nên sự phân tích đánh giá các đối tượng cần cải tạo một cách hời

hợt, nồng cạn. Chưa thấy hết tính chất dai dẳng của cuộc đấu tranh tư tưởng gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh trấn áp phản cách mạng. Cho rằng công tác cải tạo làm nhiều lần, bao giờ mới cất mõm cho họ... do đó mà việc kết nạp vào hợp tác xã có nơi còn ẩy, việc đưa vào lực lượng dân quân, công an xã, có trường hợp mất cảnh giác. Có nơi đổi tượng cải tạo trở thành xã viên, địa phú hạ thành phần vào hợp tác xã coi như không còn vấn đề gì phải tiếp tục giám sát theo dõi sự cải tạo của họ nữa.

- Về mặt chỉ đạo công tác này cũng còn thiếu chặt chẽ, chưa sâu. Chưa phát huy được tốt tổ chức thanh niên, phụ nữ trong công tác giáo dục cải tạo tề ngụy, phi... Việc bồi dưỡng cho chi bộ, đảng viên, chính quyền, dân quân và công an xã về nội dung, biện pháp và hình thức giáo dục cải tạo chưa sâu, thiếu liên tục. Cho nên ở cơ sở còn gặp lúng túng hoặc có chỗ buông lỏng.

Tóm lại, trong hai năm qua chúng ta đã cố gắng đầy mạnh bối mặt công tác trên đây, đã đảm bảo không cho bọn phản cách mạng gây được bạo loạn, đồng thời đã tích cực phấn đấu giành chủ động và loại trừ khả năng gây bạo động của địch. Cho đến nay ta có thể đánh giá đại bộ phận các xã dù kẻ địch có tích cực chống phá nhưng cũng không thể gây được bạo loạn.

Nhưng trước âm mưu liều lĩnh và táo bạo của đế quốc và tay sai, trước sự hoạt động chống đối của bọn phản động địa phương; hiện ở một số xã thuộc vùng cao, nơi giáp ranh giáp cư, nếu chúng ta không quyết tâm cống cỗ thật mạnh, nếu chúng ta để sơ hở kẻ địch còn điều kiện ẩn nấp và liên hệ tập hợp được lực lượng thì chúng còn khả năng gây được bạo loạn khi có tình hình mới khó khăn, phức tạp xảy ra. Vì ở những nơi này hiện nay đổi tượng chống đối còn, giác ngộ của quần chúng chưa cao, kẻ địch còn điều kiện ẩn náu, còn lợi dụng được tình cảm dòng họ, dân tộc, một bộ phận quần chúng còn bị kẻ địch lừa gạt, xuyên tạc, khống chế, mua chuộc. Chi bộ Đảng, chính quyền ở đây còn yếu. Lực lượng dân quân, công an xã chưa củng cố mạnh, thậm chí có người còn bị

kẻ địch mua chuộc, lôi kéo. Một vấn đề nữa cũng phải hết sức quan tâm là tình hình hợp tác xã ở những nơi này có nơi chưa xây dựng được, có nơi tuy đã xây dựng nhưng cống cối chưa kịp, sản xuất chưa phát triển mạnh, đời sống quần chúng còn gặp nhiều khó khăn, vị trí lại ở vùng hẻo lánh. Tất cả những điều kiện trên chứng minh rằng khả năng gây bạo động của kẻ địch ở các địa bàn này hiện đang tồn tại.

5. Công tác bảo vệ nội bộ

Thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ nội bộ, Ban Chấp hành tỉnh đã đề ra yêu cầu công tác bảo vệ nội bộ trong Nghị quyết 11 là: "Hết năm 1962 đảm bảo làm cho các cơ quan đầu não từ tỉnh đến xã, các cơ quan, xí nghiệp quan trọng, các bộ phận thiết yếu trong các cơ quan, xí nghiệp nói chung, các đơn vị vũ trang thường trực và dân quân tự vệ có vũ trang được thuần khiết và được bảo vệ một cách nghiêm mật".

Phấn đấu thực hiện yêu cầu trên hai năm qua chúng ta đã tiến hành nhiều biện pháp và đã thu được nhiều kết quả.

Trước hết, chấp hành Chỉ thị số 40 của Ban Bí thư Trung ương, tỉnh ta đã phát động phong trào bảo mật phòng gian cho đến nay 44 cơ quan xí nghiệp công, nông, lâm trường và các đơn vị vũ trang đã kết thúc đợt vận động và từng bước đã hướng dẫn phong trào tiến lên xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn. Hiện nay xí nghiệp Nhà máy điện và Mỏ apatít đã vận động xây dựng đơn vị an toàn. Cuộc vận động này chẳng những làm cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức nâng cao thêm giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tính cảnh giác cách mạng. Nhận thức rõ hơn trách nhiệm của mỗi người trong công tác đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước và tài sản quốc gia, bảo vệ sản xuất và bảo vệ cơ quan, xí nghiệp.

Trong phong trào bảo mật phòng gian, xây dựng đơn vị an toàn đã động viên được đông đảo cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức

xây dựng và chấp hành các chế độ, nội quy, đã hạn chế được nhiều những sơ hở mà kẻ địch có thể lợi dụng phá hoại. Đã làm cho các vụ vi phạm, quy trình sản xuất, hư hại kinh tế, tai nạn lao động giảm rõ rệt (năm 1962 xảy 128 vụ, năm 1963 xảy ra 72 vụ).

Phong trào bảo mật phòng gian đã góp phần tích cực chống tham ô, lãng phí, thúc đẩy sản xuất phát triển, củng cố sự nhất trí trong nội bộ và tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc vận động ba xây ba chống, xây dựng chi bộ bốn tốt. Rất rõ ràng Nhà máy điện Lào Cai nhờ phong trào bảo mật phòng gian tiến triển tốt, công tác bảo vệ xí nghiệp được tăng cường nên đã đảm bảo an toàn sản xuất liên tục, an toàn lao động, an toàn thiết bị. Do đó toàn bộ chỉ tiêu kế hoạch, toàn bộ chỉ tiêu kinh tế năm 1963 đều hoàn thành vượt mức toàn diện, thực hiện tốt khẩu hiệu sản xuất nhanh, nhiều, tốt rẻ.

Trên cơ sở khí thế và cảnh giác chính trị của cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức được nâng cao, chúng ta cũng đã hiểu biết tình hình chính trị trong nội bộ sâu hơn trước.

Cho đến nay ta nắm được trong tổng số cán bộ, công nhân viên ở các cơ quan, xí nghiệp cấp tỉnh có 7,6% thuộc loại đối tượng cải tạo và đối tượng cần điều tra nghiên cứu.

Số đối tượng trên sơ bộ phân loại ta thấy:

- | | |
|---|--------|
| - Loại tiến bộ so tổng số đối tượng chiếm | 55,6%; |
| So tổng số cán bộ, công nhân, viên chức | 4,2%. |
| - Loại lùng chừng so tổng số đối tượng | 36,6%; |
| So tổng số cán bộ, công nhân, viên chức | 2,8%. |
| - Loại còn biểu hiện chống đối so tổng số đối tượng | 7,7%; |
| So tổng số cán bộ, công nhân, viên chức | 0,5%. |

Nếu phân tích ra từng hệ so tổng số đối tượng cải tạo trong xí nghiệp, cơ quan ta thấy:

- | | |
|---|--------|
| - Gián điệp, biệt kích, chỉ điểm phi cũ chiếm | 6,13%; |
| - Ngụy quân, hàng binh Âu Phi | 77,0%; |
| - Ngụy quyền, cai ký, công an ngụy chiếm | 5,36%; |
| - Phản động cũ chiếm | 9,9%. |

Riêng trong nội bộ Đảng, qua công tác thẩm tra đến nay sơ bộ nắm được, thì còn một số đảng viên lịch sử chính trị chưa rõ ràng. Về mặt hồ sơ lý lịch thì còn tới 48,5% số đảng viên lý lịch chưa rõ ràng, sơ sài hoặc có những trường hợp đảng viên chưa có lý lịch. Trong tổng số đảng viên toàn tỉnh (trừ Bát Xát chưa có báo cáo) thì có 7,51% đảng viên có vấn đề lịch sử tham gia tề ngụy, phi, đảng phái phản động cũ. Trong đó có 25,3% là chi ủy viên, Đảng ủy viên. Trong 7,51% số đảng viên có vấn đề lịch sử thì có 29,6% chưa thẩm tra, chưa rõ ràng tội ác.

Trong 647 đảng viên ở các cơ quan tỉnh, huyện thì có 2,4% đảng viên có những vấn đề lịch sử như: tham gia ngụy quân, ngụy quyền, đảng phái phản động cũ. Riêng đảng viên ở nông thôn có 14,6% đảng viên trước đây có tham gia tề ngụy, phi, phản động cũ (so với tổng số đảng viên nông thôn).

Tất cả những số liệu trên đây tuy chưa hoàn toàn đầy đủ, nhưng cũng đã nói lên tình hình chính trị phức tạp ngoài xã hội, đã phản ánh vào nội bộ cán bộ, công nhân, viên chức và nội bộ Đảng. Mặt khác chúng ta còn thấy rằng do yêu cầu phát triển kinh tế, một số không nhỏ cán bộ, công nhân, viên chức và đảng viên ở các địa phương khác được điều đến địa phương ta, chúng ta nắm chưa được chắc, việc giới thiệu của các địa phương khác lại thiếu cụ thể rõ ràng. Đồng thời việc tuyển dụng cán bộ, công nhân, viên chức, việc kết nạp Đảng có những trường hợp thiếu thận trọng. Công tác quản lý Đảng tịch của ta còn yếu chưa nắm được thật chắc chắn lực lượng đảng viên.

Từ chỗ hiểu biết tình hình cán bộ, công nhân, viên chức, hiểu biết đảng viên được sâu hơn trước, nên một mặt đã tăng cường công tác giáo dục rèn luyện bồi dưỡng về lập trường, quan điểm giai cấp vô sản, bồi dưỡng tính Đảng cho đảng viên, giáo dục cải tạo những người cần cải tạo. Mặt khác ta đã xử lý các trường hợp cần xử lý nhằm thuần khiết nội bộ. Đối với cán bộ, công nhân,

viên chức trong hai năm qua đã xử lý 220 trường hợp dưới các hình thức.

- Kiểm thảo, cảnh cáo 16 người
- Chuyển khỏi bộ phận thiết yếu cơ quan, xí nghiệp quan trọng 82 người
- Sa thải cho thôi việc 101 người
- Tập trung cải tạo 1 người
- Truy tố 20 người

Đối với lực lượng vũ trang thường trực:

- Bộ đội thường trực chuyển khỏi lực lượng (...) sĩ quan (...) chiến sĩ không đảm bảo tiêu chuẩn chính trị. Còn (...) trường hợp đang tiếp tục nghiên cứu.

- Chuyển khỏi lực lượng Công an nhân dân vũ trang (...) sĩ quan (...) hạ sĩ quan, (...) chiến sĩ đảm bảo tiêu chuẩn. Còn (...) trường hợp đang nghiên cứu.

Đối với dân quân tự vệ có vũ trang:

- Loại khỏi ban chỉ huy xã đội 24 người;
- Loại khỏi cán bộ trung tiểu đội 21 người;
- Loại khỏi dân quân I 23 người.

Hiện còn 11 trường hợp đang tiếp tục thẩm tra (Sa Pa 7, Bắc Hà 3, Mường Khương 1).

Đối với đảng viên: trong hai năm qua đã xử trí 88 trường hợp, trong đó có 30 trường hợp khai trừ, 28 trường hợp lưu Đảng. Còn là hình thức cảnh cáo. Các trường hợp xử trí trên chưa có trường hợp nào thuộc về chính trị, thường là sai phạm về đường lối, chính sách 26 người, tổ chức kỷ luật kém 33 người. Còn là sai phạm về đạo đức.

Việc xử lý các trường hợp nêu trên chẳng những có tác dụng nhằm đảm bảo yêu cầu thuần khiết nội bộ. Đồng thời còn phòng ngừa những sơ hở mà kẻ địch có thể lợi dụng chui vào nội bộ để phá hoại.

Cho đến nay căn cứ vào yêu cầu cụ thể của công tác bảo vệ nội bộ, dựa trên những kết quả đã giành được trong 2 năm qua của từng cơ quan, xí nghiệp đơn vị vũ trang thường trực, chúng ta thấy rằng ánh sáng Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 40 của Ban Bí thư Trung ương đã gây chuyển biến tốt trong công tác bảo vệ nội bộ.

Về phong trào bảo mật phòng gian 44 cơ quan, xí nghiệp, đơn vị ta có thể phân loại như sau:

- Loại phong trào khá có 19 (cơ quan đầu não).
- Loại phong trào trung bình có 19.
- Loại phong trào còn kém có 6.

(Cơ quan đầu não quan trọng thiết yếu chiếm 50% ở loại khá. Không có loại kém)¹.

Về mặt đảm bảo yêu cầu thuần khiết nội bộ cho đến nay có thể đánh giá các đơn vị dưới đây đã đảm bảo yêu cầu:

- Cơ quan đầu não tỉnh gồm: Văn phòng tỉnh ủy, các ban của tỉnh ủy như: Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên huấn.
- Về chính quyền có các bộ môn: Ủy ban Kế hoạch, Chi cục Thống kê, Ban Thanh tra.
- Các xí nghiệp: Nhà máy điện, Ty Bưu điện.
- Trong số 168 các phòng, ban, phân xưởng, bộ phận cơ mật, thiết yếu, quan trọng, đến nay có 117 đơn vị đảm bảo đạt yêu cầu.
- Lực lượng công an nhân dân và các lực lượng công an nhân dân vũ trang, bộ đội thường trực cũng đã đảm bảo yêu cầu thuần khiết.

Ngoài ra đi sâu vào từng xí nghiệp, cơ quan ta thấy có bộ phận phòng, ban đạt yêu cầu và có bộ phận phòng, ban chưa đạt yêu cầu hoặc có cơ quan, xí nghiệp chỉ đạt 2 hoặc 3 yêu cầu trong 5 yêu cầu của công tác bảo vệ nội bộ.

1. Chúng tôi chỉnh sửa cách trình bày - BT.

Đối với cơ quan đầu não cấp huyện, thị cụ thể là các cơ quan huyện ủy, thị ủy và Ủy ban hành chính huyện nói chung là đảm bảo thuần khiết.

Riêng cấp xã qua các cuộc bầu cử cấp ủy và Ủy ban hành chính ta đã chú ý hướng dẫn và xét duyệt thận trọng. Đồng thời qua thực tế công tác đã chú trọng rèn luyện, bồi dưỡng về lập trường, quan điểm giai cấp và tính cảnh giác cách mạng. Quá trình củng cố Đảng bộ cơ sở và chính quyền cấp xã ta cũng loại ra những người không đảm bảo tiêu chuẩn. Cho nên đến nay nhìn chung chi ủy và Ủy ban hành chính xã căn bản tốt. Tuy vậy việc thuần khiết cơ quan đầu não cấp xã nhiều nơi chưa đảm bảo. Lẽ té trong chi ủy và Ủy ban xã còn có những người mà trước đây làm biệt kích và cốt cán phản, nay giữ trọng trách: Bí thư hoặc Phó Bí thư chi bộ như Thào Chu Phìn, Hợp Thành, Phong Niên, Trịnh Tường, Muồng Hum, Quang Kim.

Về tình hình kết nạp đảng viên từ năm 1962 lại đây việc xét duyệt chặt chẽ hơn, có thẩm tra cẩn thận.

- Đối với lực lượng dân quân hiện nay là lực lượng mạnh nhất ở nông thôn trên mặt trận sản xuất và bảo vệ sản xuất. Nói chung là lực lượng tin cậy của Đảng và chính quyền. Nhưng về mặt thuần khiết lực lượng mà nói thì hiện nay mới đảm bảo về căn bản. Còn nhiều trường hợp cần đi sâu thẩm tra để tiếp tục thuần khiết. Riêng về công an xã nhìn chung là lực lượng tin cậy đã phát huy tác dụng trong việc gìn giữ trị an nông thôn. Nhưng so với yêu cầu nhiệm vụ thì lực lượng này còn yếu.

Tóm lại công tác bảo vệ nội bộ trong hai năm qua tuy đã có sự cố gắng, nhưng đối chiếu yêu cầu của Nghị quyết 39 và Nghị quyết 11 thì chưa hoàn thành, còn tồn tại một số vấn đề lớn:

- Công tác thẩm tra chính trị nội bộ để hiểu kỹ lịch sử từng cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, Nghị quyết 11 của tỉnh đã đề ra cụ thể nhưng đến nay một số cấp ủy, một số ngành chưa thực hiện đầy đủ. Ngay những cán bộ, đảng viên, công nhân viên ở các

bộ phận cơ mật, thiết yếu, quan trọng cũng chưa thẩm tra được nhiều. Việc đánh giá về chất lượng để phân loại trong nội bộ nhiều đơn vị chưa tiến hành được. Có thể nói rất ít các Đảng ủy, chi ủy, cơ quan, xí nghiệp báo cáo đảm bảo đã năm được vững tình hình chính trị nội bộ. Từ đó làm cho cán bộ phụ trách chưa thật vững tâm hoặc lúng túng trong việc giáo dục, sử dụng, đề bạt cán bộ, công nhân viên trên các mặt công tác.

- Công tác rèn luyện, giáo dục về quan điểm đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản và tính cảnh giác cách mạng trong cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức chưa thường xuyên, sâu sắc. Một số cơ quan, xí nghiệp cấp tỉnh chưa phát huy mạnh mẽ kết quả của phong trào bảo mật phòng gian tiến lên xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn. Có cơ quan có bộ phận sau phát động buông lỏng, để phong trào "giãm chân tại chỗ". Thậm chí hết năm 1963 mà Ty Lương thực và cơ quan cấp huyện chưa phát động phong trào bảo mật phòng gian. Có huyện tuy đã tiến hành nhưng còn qua loa, hời hợt. Do vậy mà nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên, công nhân viên còn thè hiện hữu khuynh, mất cảnh giác. Ý thức quan tâm đấu tranh chống địch, nhất là chống kẻ địch ẩn nấp bí mật, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ bí mật quốc gia, bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ chưa thật tốt, nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa sôi sục, trước khó khăn gian khổ thiếu dũng khí phấn đấu.

- Về việc thẩm tra đảm bảo tiêu chuẩn chính trị, đối với công tác tuyển binh làm tốt đã loại ngũ một số trường hợp, nhưng việc xét duyệt chính trị còn sót lọt, nhất là đối với trường hợp có liên quan gia đình thân thuộc có vấn đề chính trị nghiêm trọng.

Trong cán bộ, công nhân viên còn xuất hiện tư tưởng hòa bình hưởng lạc, tham ô hủ hóa, công thần, địa vị, nên còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, hữu khuynh. Khi tình hình xảy ra lại dễ bị quan, dao động. Hiện nay đứng trước tình hình cuộc đấu tranh giai cấp đang diễn ra gay gắt, quyết liệt. Trước tình hình xảy ra sự bất

đồng trong phong trào cộng sản quốc tế về hai đường lối, đấu tranh chống hữu khuynh, chống mầm mống phát sinh chủ nghĩa xét lại bên trong nội bộ là điều quan trọng. Đòi hỏi chúng ta phải hết sức chú trọng nắm vững đội ngũ cán bộ, đảng viên. Phải tăng cường rèn luyện bồi dưỡng về lập trường quan điểm vô sản cho vững vàng. Làm cho cán bộ, đảng viên luôn luôn tinh túc, sẵn sàng đấu tranh chống địch, chống chủ nghĩa xét lại.

Nguyên nhân chính là do:

- Nhận thức về tính chất cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh chống phản cách mạng của cán bộ, đảng viên, công nhân viên chưa sâu. Chưa thấy hết được âm mưu, phương thức hoạt động của kẻ địch ngày càng tinh vi nham hiểm nhất là hoạt động thâm nhập vào nội bộ. Cho nên cảnh giác cách mạng thiếu nhạy bén, sơ hở trong công tác bảo vệ nội bộ trong mỗi con người cán bộ, đảng viên còn nhiều.

- Việc lãnh đạo công tác bảo vệ nội bộ của Đảng ủy và thủ trưởng nhiều nơi chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ có lúc có nơi lỏng lẻo. Chưa gắn chặt nhiệm vụ công tác của ngành mình với việc thực hiện Nghị quyết 39, Nghị quyết 11 xoáy vào công tác trung tâm của địa phương để thực hiện, chưa gắn chặt giữa phong trào bảo mật phòng gian trong nội bộ với phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, việc quan hệ trao đổi và hỗ trợ lẫn nhau giữa cấp ủy trong nội bộ và ngoài nhiều nơi chưa làm được. Trong chỉ đạo chưa tận dụng được các hình thức phong phú, chưa huy động được các tổ chức chuyên môn, các đoàn thể quần chúng tham gia và thực hiện chức năng của mình trong công tác bảo vệ, việc phân công trách nhiệm giữa cấp ủy, thủ trưởng với các tổ chức quần chúng trong công tác bảo vệ nội bộ chưa rõ ràng. Việc quản lý cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức về quan điểm lập trường, sinh hoạt và quan hệ xã hội thiếu chặt chẽ, có nơi rất lỏng lẻo. Chẳng những không nắm vững diễn biến tư tưởng tâm trạng của cán bộ, công nhân, viên chức qua từng thời gian, đồng thời cũng không hiểu kỹ được lý lịch mỗi quan hệ từng người thuộc quyền phụ trách.

Việc chấp hành những điều quy định trong Nghị quyết cũng thiếu nghiêm chỉnh "hàng tháng các cấp ủy, các đồng chí thủ trưởng phải kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết 11, tổ chức, kiểm tra thường xuyên ở cơ sở để tiếp tục đẩy mạnh công tác và uốn nắn những lệch lạc xảy ra". Quy định đó nhiều khi trong cấp ủy và thủ trưởng chưa chú ý thực hiện. Việc thực hiện Nghị quyết còn mang tính chất tùy tiện, tổ chức kỷ luật tính chưa đề cao.

- Các ban, Đảng đoàn mà Nghị quyết 11 Tỉnh ủy giao có trách nhiệm theo dõi hướng dẫn công tác bảo vệ nội bộ cũng chưa phát huy đầy đủ chức năng đã quy định, chưa đề cao trách nhiệm trước Đảng bộ, chưa đi sâu xuống cơ sở để nghiên cứu phát hiện những mắc mớ và giúp cấp ủy hướng dẫn đẩy mạnh công tác.

II. KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

1. Đối với cấp ủy và chi bộ cơ sở

Trong quá trình vận động quần chúng tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng là quá trình mà chi bộ cơ sở được phát triển và củng cố cả về số lượng cũng như về chất lượng. Làm cho hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở ngày càng vững mạnh. Rất rõ ràng là ở thôn xóm nào chưa có đảng viên thì việc chấp hành các chính sách của Đảng có gặp khó khăn. Ở những xã nào đảng viên được phát triển, chi bộ được củng cố tốt thì phong trào ở đó tiến triển tốt. Qua việc giáo dục rèn luyện và nhất là trải qua cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường làm cho giác ngộ xã hội chủ nghĩa của đảng viên được nâng lên, trình độ lãnh đạo của chi ủy, chi bộ xã có nhiều tiến bộ hơn trước. Riêng về mặt lãnh đạo quần chúng đấu tranh áp phản cách mạng, giữ gìn trị an nông thôn mà nói thì hiện nay chi ủy và chi bộ đã nhận thức được nhiệm vụ đấu tranh chống phản cách mạng, biết cách vận động quần chúng bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp biệt kích,

tiến hành cải tạo tề, ngụy, phỉ,... và tập trung cải tạo. Nhiều nơi đã biết sử dụng biện pháp quản lý hộ khẩu để phát hiện tình hình. Nhiều chi ủy đã lãnh đạo tốt lực lượng dân quân, công an xã truy xét thủ phạm gây ra các vụ trộm cắp, mất trật tự nông thôn. Tuy vậy trình độ lãnh đạo của các cấp ủy, chi bộ xã đối với công tác trị an cũng không đồng đều, số chi bộ và chi ủy có trình độ tiếp thu chủ trương của trên rồi đặt kế hoạch thi hành ở xã mới vào khoảng 50%. Điển hình như chi bộ Thanh Bình, Thống Nhất, Sảng Ma Sáo, Quang Kim, Trung Chải, Na Hồi, Tà Chải, Thào Chu Phìn, Nam Cường, Lê Lợi... Còn nói chung chưa có trình độ tự động công tác, quán xuyến phong trào.

Đối với yêu cầu cuộc đấu tranh chống phản cách mạng gìn giữ trật tự nông thôn đang đòi hỏi thì trình độ chi ủy, chi bộ xã hiện nay chưa theo kịp, nói chung là yếu.

- Chưa nhận thức sâu sắc âm mưu thâm độc, tinh vi của bọn phản cách mạng, chưa thấy hết tính chất phức tạp, gay go quyết liệt và lâu dài của cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay. Kẻ địch hoạt động bộc lộ thì thấy được, nhưng kẻ địch ẩn nấp bí mật thì khó thấy. Do lập trường, quan điểm giai cấp còn mơ hồ nên nhìn nhận bọn địa chủ ngóc đầu dậy, những phần tử phú nông phản động chưa nhạy bén. Thậm chí có đảng viên hoặc cấp ủy viên còn bị địa chủ, phú nông mua chuộc, bao che cho chúng. Quan hệ với địa chủ, phú nông bừa bãi. Có chi ủy viên che giấu lý lịch cho một tên chi điểm, có nhiều tội ác phá hoại cơ sở mà địa phương dự định tập trung cải tạo (thị trấn Sa Pa), biểu hiện tư tưởng hữu khuynh, tư tưởng sợ thù oán còn phổ biến.

- Trình độ lãnh đạo của chi ủy và chi bộ xã chưa toàn diện, chưa biết phối hợp, kết hợp các mặt công tác, chưa biết sử dụng các biện pháp quản lý công khai để phát hiện địch và đánh địch trong từng thời gian. Thậm chí có nơi khi cấp trên nhắc nhở vấn đề nào thì làm, không nhắc đến thì thôi. Có nơi cấp trên đôn đốc cũng không cố gắng. Lẽ lối tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách còn chưa rõ ràng.

- Trình độ tiếp thu và vận dụng chính sách của chi ủy xã nói chung yếu. Kiến thức về luật pháp lại kém. Do đó việc phổ biến chính sách và luật pháp trong nhân dân chưa thật chú ý, quần chúng nhiều xã chưa biết sử dụng luật pháp để đấu tranh chống địch, bảo vệ trị an.

Tóm lại so với yêu cầu nhiệm vụ đấu tranh trấn áp phản cách mạng thì trình độ chi bộ và chi ủy xã hiện nay còn yếu. Nhiều xã chưa tự động được công tác.

2. Đối với các huyện, thị ủy

Dưới ánh sáng Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành tỉnh, các huyện, thị ủy đều chuyển biến và tăng cường lãnh đạo công tác đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, bảo vệ trật tự an ninh, thể hiện trong việc lãnh đạo phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích, tập trung cải tạo và cải tạo tề ngụy, phỉ. Riêng về mặt xây dựng lực lượng chuyên chính cũng đã được chú ý nhiều hơn, nhất là đối với lực lượng dân quân.

Nhưng qua việc theo dõi thực hiện Nghị quyết 39 và Nghị quyết 11 thấy rằng nhận thức của các cấp ủy huyện, thị đối với tình hình âm mưu của địch và tính chất cuộc đấu tranh chống các bọn phản cách mạng hiện nay chưa sâu sắc. Do đó việc quán triệt nhiệm vụ đấu tranh giai cấp, đấu tranh chống phản cách mạng xuống các chi bộ và quần chúng không liên tục, quán triệt quan điểm chuyên chính vô sản không sâu. Vì vậy khi lãnh đạo công tác chưa quán triệt ba khâu củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, củng cố tổ chức, bảo vệ trị an.

Trong việc trấn áp bọn phản cách mạng, bọn địa chủ ngóc đầu dậy và những phần tử phú nông chống đối có lúc, có nơi còn thè hiện hữu khuynh, việc giải quyết bọn phỉ lẩn trốn thiếu quyết tâm liên tục. Việc kiểm tra nắm địch tình trong địa phương không vững, không kịp thời. Việc xây dựng lực lượng công an xã chưa quan tâm đầy đủ.

Ý thức chấp hành Nghị quyết 39, Nghị quyết 11 của các huyện, thị cũng chưa thật nghiêm túc. Có nơi còn thể hiện ý thức chấp hành tùy tiện, từng tháng, từng quý tập thể cấp ủy thiếu kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 39, Nghị quyết 11 để phát hiện những mắc mớ và đề ra kế hoạch giải quyết. Việc báo cáo lên tỉnh như Nghị quyết 11 đã quy định nhiều nơi thiếu tôn trọng.

Trong việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 39, Nghị quyết 11 của huyện, thị thiếu sự phối hợp, kết hợp mọi biện pháp, sử dụng mọi lực lượng vào cuộc đấu tranh trấn áp phản cách mạng, chỉ đạo chưa toàn diện vì vậy coi nhẹ công tác bảo vệ nội bộ. Cho đến nay các huyện mới tiến hành phát động phong trào bảo mật phòng gian, có nơi lại chưa phát động. Đi sâu vào sự lãnh đạo của tập thể huyện, thị ủy còn biểu lộ rõ sự chuyển biến Nghị quyết 39, Nghị quyết 11 của các cấp ủy viên cũng khác nhau. Đáng chú ý là các cấp ủy viên phụ trách từng ngành của huyện như nông thôn, thương nghiệp... còn ít quan tâm đến công tác đấu tranh chống phản cách mạng.

3. Đối với lực lượng vũ trang

Trong hai năm qua đối với bộ đội thường trực, công an nhân dân vũ trang, lực lượng dân quân tự vệ nói chung được tăng cường đã chú trọng rèn luyện về lập trường, quan điểm đấu tranh giai cấp và cảnh giác cách mạng. Bởi dường ý chí chiến đấu, chịu đựng gian khổ và quyết tâm chống các bọn phản cách mạng gìn giữ an ninh địa phương. Mặt khác chú trọng rèn luyện chiến kỹ thuật, sẵn sàng chiến đấu.

Song song với mặt rèn luyện đã coi trọng công tác nắm tình hình chính trị trong nội bộ, loại ra những người không đảm bảo tiêu chuẩn, đồng thời tăng cường quân số. Cho đến nay lực lượng vũ trang địa phương nói chung đảm bảo tính chất thuần khiết, đảm bảo nhiệm vụ chiến đấu chống âm mưu gián điệp biệt kích và chống bọn phản cách mạng địa phương.

Đứng trước tình hình khẩn trương do âm mưu của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, trước những âm mưu hoạt động phá hoại của bọn phản động địa phương; lực lượng vũ trang cần được tăng cường hơn, nhất là mặt rèn luyện lập trường, quan điểm đấu tranh giai cấp, quan điểm chuyên chính vô sản, chống tư tưởng hữu khuynh mất cảnh giác, chú trọng rèn luyện chiến, kỹ thuật để nâng cao trình độ, sẵn sàng ứng phó, đập tan mọi âm mưu của bọn phản cách mạng.

Việc thuần khiết lực lượng cần tiếp tục đẩy mạnh, nhất là đối với lực lượng dân quân cần đặc biệt chú trọng thẩm tra nắm vững từng chiến sĩ đảm bảo tính chất thuần khiết lực lượng.

- Đối với các ngành công an nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân trong hai năm qua cũng đã được củng cố thêm một bước, lực lượng công an nhân dân đã đảm bảo yêu cầu thuần khiết, cơ sở Đảng trong các đơn vị công an nhân dân được phát triển, đồng thời đã phát huy tính chất chiến đấu thường xuyên với bọn phản cách mạng, bảo vệ an ninh xã hội. Tuy vậy, với yêu cầu nhiệm vụ của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh chống phản cách mạng ngày càng phức tạp, gay go, quyết liệt, yêu cầu bảo vệ thành quả của cách mạng ngày càng nặng nề. Cần phải tăng cường hơn nữa đối với lực lượng công an nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân. Trước hết cần bồi dưỡng lập trường quan điểm đấu tranh giai cấp, quan điểm chuyên chính vô sản, quan điểm quần chúng. Chống tư tưởng hữu khuynh hiện đang tồn tại, ngăn ngừa những biểu hiện luật pháp đơn thuần, tách rời nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Mặt khác cần ra sức giáo dục nâng cao trình độ nghiệp vụ và kiến thức luật pháp cho cán bộ. Vì hiện nay trình độ nghiệp vụ và sự hiểu biết luật pháp của cán bộ các ngành hãy còn yếu chưa đáp ứng yêu cầu cuộc đấu tranh. Trong việc tăng cường lực lượng công an nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân, cần chú trọng cấp huyện và nhất là cần củng cố lực lượng công an xã. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với

các ngành này. Phải có cấp ủy viên trực tiếp phụ trách công tác công an, quân sự các cấp trước mắt là cấp xã, huyện, thị.

4. Kiểm điểm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, căn cứ vào sự phân tích tình hình đặc điểm của tỉnh nhà một cách chính xác, Ban Chấp hành tỉnh đã xác định rõ tính chất cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, nhận định lực lượng thù địch. Từ đó đề ra nhiệm vụ yêu cầu, những biện pháp lớn nhằm tăng cường công tác đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự trị an địa phương. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra những chỉ thị cần thiết nhằm đẩy mạnh một số công tác chủ yếu như Chỉ thị 33 về công tác tập trung cải tạo, Chỉ thị 42 đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, Chỉ thị 54, 56 tăng cường các biện pháp phòng, chống gián điệp, biệt kích để phòng âm mưu đột xuất của địch, chỉ thị về phát động phong trào bảo mật, phòng gian tăng cường công tác bảo vệ trị an, Chỉ thị 50 về tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ...

Kiểm điểm lại hai năm đấu tranh chống phản cách mạng, thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, ta thấy những chủ trương biện pháp đề ra trong Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành tỉnh và các chỉ thị của Ban Thường vụ tỉnh nói chung là đúng đắn, sát hợp. Việc vận dụng đường lối, phương châm, nguyên tắc đấu tranh trấn áp phản cách mạng vào hoàn cảnh cụ thể của tỉnh ta có những nét sáng tạo ví như: Ban Chấp hành tỉnh đã xác định "nhiệm vụ củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất đi đôi với bảo vệ sản xuất là nhiệm vụ trung tâm, xác định công tác củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, củng cố tổ chức cơ sở, đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an là ba khâu khăng khít gắn chặt với nhau ở cơ sở để vận động quần chúng thực hiện. Đề ra biện pháp điều chuyển đổi tượng chưa

chịu cải tạo từ nơi hẻo lánh về nơi tập trung, từ nơi cơ sở yếu về nơi cơ sở mạnh nhằm tăng cường công tác giám sát, cải tạo các đối tượng cần cải tạo. Như vậy là phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Lào Cai, tỉnh dân tộc biên giới rẽo cao.

Về mặt lãnh đạo tư tưởng, Tỉnh ủy đã coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, chống tư tưởng chủ quan mất cảnh giác, rụt rè hữu khuynh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng thời chống những biểu hiện bi quan, sợ địch, tư tưởng sợ thù oán trong quần chúng. Chú trọng giáo dục lòng yêu nước, yêu xã hội chủ nghĩa và tính cảnh giác cách mạng. Tiến hành giáo dục quan điểm lập trường giai cấp và đấu tranh giai cấp trong cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Về mặt tổ chức Tỉnh ủy chú trọng tăng cường các công cụ chuyên chính của Đảng như Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp. Tăng cường lực lượng vũ trang và các lực lượng chuyên chính chủ yếu như công an nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân.

Riêng đối với cấp xã cũng đã chú ý củng cố chi bộ, chính quyền và lực lượng dân quân, công an xã, chi đoàn thanh niên.

Qua quá trình thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy. Kiểm điểm lại sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy cũng còn có những khuyết điểm nhất là về mặt tổ chức thực hiện và ý thức chấp hành chế độ báo cáo kiểm điểm thường kỳ như những quy định trong Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị chưa thật nghiêm chỉnh nên có ảnh hưởng tới việc hoàn thành nghị quyết. *Nguyên nhân chính là do tư tưởng hữu khuynh. Trước hết là của các ngành nội chính với chức năng của mình và làm tham mưu cho cấp ủy còn thiếu sót. Một số cấp ủy huyện chưa triệt để đấu tranh giải quyết những tình hình còn tồn tại ở địa phương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra việc chấp hành Nghị quyết 39 và 11 có lúc còn yếu. Biểu hiện cụ thể như sau:*

- Nghị quyết 11 đề ra yêu cầu trong năm 1962 đảm bảo loại trừ khả năng gây bạo loạn của kẻ địch: "đề ra mức độ yêu cầu này là xuất phát từ tình hình khẩn trương trong cuộc đấu tranh chống phản cách mạng, xuất phát từ sự phân tích khả năng hiện thực, đồng thời có tính toán cụ thể từng địa bàn. Qua hai năm phấn đấu, tuy nhiên đã có nhiều cố gắng, nhưng đến năm 1964 chưa thể kết luận là đã loại trừ được khả năng gây bạo loạn của địch, điều đó một mặt do Tỉnh ủy chưa thật quyết tâm lãnh đạo một cách sát sao nên có ảnh hưởng tới sự quyết tâm của các ngành các cấp, mặt khác các ngành, các cấp chưa quán triệt sâu sắc yêu cầu nêu thiếu quyết tâm tập trung lực lượng phát huy mọi biện pháp để thực hiện.

Về mặt chỉ đạo thực hiện của tỉnh cũng còn nhiều thiếu sót:

- Chỉ đạo công tác giải quyết bọn phỉ lẩn trốn thiếu kiên quyết có những lúc lợi lỏng, đối với những địa bàn xung yếu trọng điểm chưa quyết tâm tập trung lực lượng, tập trung chỉ đạo chặt chẽ củng cố một cách toàn diện nhất là một số xã vùng cao hẻo lánh.

- Việc chỉ đạo đấu tranh với đối tượng đảng phái phản động còn xem nhẹ.

- Đối với lực lượng công an xã, một lực lượng chiến lược ở cơ sở nông thôn chưa được xây dựng, củng cố vững mạnh, chưa phát huy đầy đủ lực lượng này làm nòng cốt trong phong trào bảo vệ trị an.

- Việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Nghị quyết 39, Nghị quyết 11 thiếu chặt chẽ. Một số ngành mà Nghị quyết 11 quy định có trách nhiệm giúp cấp ủy theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện Nghị quyết, không thực hiện đầy đủ chức năng, tỉnh cũng thiếu kiểm tra, đôn đốc. Các ngành đó thiếu báo cáo, tỉnh cũng thiếu nhắc nhở, buông lỏng. Việc chấp hành những quy định trong Nghị quyết 39, Ban Chấp hành tỉnh cũng chưa thực hiện một cách nghiêm túc, ví dụ: Nghị quyết 39 quy định: "Ít nhất 3 tháng một kỳ, cấp ủy phải kiểm điểm tình hình thực hiện công tác này, tổ chức kiểm tra thường xuyên tận cơ sở để tiếp tục đầy mạnh công tác...".

Đối với một số đồng chí trong cấp ủy và lãnh đạo các ngành trong phạm vi phụ trách của mình ở mức độ khác nhau thì còn có nơi, có lúc, có việc, có người do nhận thức việc đấu tranh giai cấp, về chức năng chuyên chính vô sản trong tình hình đất nước còn tạm chia cắt chưa thật sâu sắc và đầy đủ nên về mặt này, mặt khác còn có biểu hiện hữu khuynh mất cảnh giác.

- Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, giữa các ngành công an nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, công an nhân dân vũ trang và tỉnh đội có những va vấp trong công tác có ảnh hưởng tới hiệp đồng chiến đấu, tỉnh cũng chưa thật quan tâm giải quyết kịp thời. Khối nội chính sinh hoạt không đều, nhiều lúc rất lỏng lẻo do đó những mắc mớ trong quan hệ công tác giữa các ngành không được giải quyết ngay kịp thời.

- Các ban, Đảng đoàn cụ thể là Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Ủy ban Kiểm tra, Đảng đoàn công an với chức năng tham mưu cho cấp ủy như Nghị quyết đã quy định. Cũng chưa có sự phán đoán quyết tâm, chưa theo dõi kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành một cách chặt chẽ. Chưa đi sâu đề xuất với cấp ủy những biện pháp cụ thể để hoàn thành Nghị quyết 39, Nghị quyết 11.

III. NHẬN XÉT CHUNG VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM LỚN

Trong hai năm qua trước những thắng lợi của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, bọn đế quốc xâm lược, đứng đầu là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, một mặt ra sức khủng bố đàn áp phong trào cách mạng ở miền Nam, chúng đẩy mạnh hoạt động phá hoại miền Bắc nhằm gõ thẻ diện của chúng ở miền Nam, ngăn trở bước tiến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Riêng đối với Lào Cai, một vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng nên đế quốc Mỹ và tay sai hết sức chú ý tăng cường tung giàn điệp, biệt kích về địa phương ta để phá hoại, thu thập tình báo.

Bọn phản cách mạng địa phương, bọn ngụy, phỉ chưa chịu cải tạo những phần tử phản động trong giai cấp bóc lột đã tích cực chống phá ta trên các mặt.

Hoạt động của kẻ địch nhằm phá hoại các cơ sở kinh tế, phá hoại sản xuất, phá hoại việc thực hiện các chính sách và kế hoạch nhà nước, nhất là chính sách ba thu, chính sách lương thực, chính sách nghĩa vụ quân sự. Reo tâm lý chiến tranh lũng đoạn tư tưởng quần chúng.

Âm mưu chung và nổi bật của bọn phản cách mạng đối với Lào Cai đã tiến hành hoạt động phá hoại, gây (...) lực lượng phản động bọn phản động địa phương (...)

Để đập tan mọi âm mưu hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng, để chấp hành Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị. Trong hai năm qua Đảng bộ Lào Cai đã coi trọng việc lãnh đạo quần chúng các dân tộc đấu tranh trấn áp các bọn phản cách mạng. Đã đẩy mạnh phong trào bảo vệ tri an một cách rộng rãi và bước đầu đã đi vào bờ sâu. Đã tiến hành và tập trung cải tạo một số đối tượng nguy hiểm cho an ninh xã hội.

Công tác giáo dục cải tạo tề ngụy, phỉ... cũng đã coi trọng. Đồng thời đã chú trọng hơn trước công tác đấu tranh chống địch bảo vệ nội bộ, bảo vệ xí nghiệp, cơ quan.

Những thành tích chủ yếu là đã tiếp tục phát huy khí thế cách mạng của quần chúng các dân tộc, tiến hành đấu tranh trấn áp các bọn phản cách mạng, ngăn chặn không cho kẻ địch gây được bạo loạn, bảo đảm trật tự an ninh địa phương phục vụ tốt cho việc thực hiện các chính sách và kế hoạch nhà nước.

Đối chiếu ba yêu cầu mà Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành tỉnh đề ra thì mức độ đạt được của từng yêu cầu, ở từng địa bàn, từng đơn vị có khác nhau. Nhìn chung thì chúng ta chưa hoàn thành đầy đủ. Nhất là đối với yêu cầu thứ tư: "Đảm bảo loại trừ khả năng gây bạo loạn của địch...". Yêu cầu thứ năm: "Đảm bảo căn bản nắm được tình hình địch

ẩn nấp ở trong nội bộ và ở ngoài xã hội...". Hai yêu cầu này hiện còn tồn tại nhiều vấn đề nên cần phải tập trung ra sức phấn đấu trong thời gian tới.

Thực hiện cuộc đấu tranh chống các bọn phản cách mạng hai năm qua, tuy nhiên chúng ta cũng thấy rõ còn bộc lộ một số nhược điểm và khuyết điểm. Những thành tích là chủ yếu là căn bản. Qua những nguyên nhân của thành tích và tồn tại, chúng ta có thể rút ra mấy kinh nghiệm lớn dưới đây:

1- Thực tiễn qua quá trình cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Lào Cai, trong tình hình đất nước còn bị chia cắt đã chứng minh nhiệm vụ đấu tranh chống phản cách mạng rất nặng nề, thể hiện rõ ràng tính chất của cuộc đấu tranh giai cấp diễn biến rất gay go, quyết liệt, phức tạp và còn lâu dài, vì vậy chúng ta không thể xem nhẹ trong quá trình thực hiện chức năng của chuyên chính vô sản.

Miền Bắc nói chung, Lào Cai nói riêng đang tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước vào thời kỳ lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm nhiệm vụ trung tâm. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường diễn biến rất phức tạp và gay gắt; biểu hiện rất rõ ràng trên lĩnh vực đấu tranh tư tưởng, giữa tiên tiến và lạc hậu, đấu tranh chính trị giữa địch và ta. Cuộc đấu tranh đó lại ở trong điều kiện nước ta còn tạm thời chia cắt làm hai miền. Để gõ thế bí ở chiến trường miền Nam và Lào, đế quốc Mỹ và tay sai đang ráo riết hoạt động phá hoại miền Bắc, tung hàng loạt gián điệp biệt kích ra miền Bắc và địa phương ta một cách dồn dập và quy mô hơn. Chúng định thực hiện ý đồ ném bom một số khu vực quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng; kích động bọn phản cách mạng ở địa phương nổi dậy, phá hoại và gây bạo loạn. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng triệt để và sâu sắc. Do chỗ ý thức làm tay sai cho đế quốc chưa bị quét sạch, do chỗ quyền lợi giai cấp bị đụng chạm, nên bọn phản cách mạng địa phương, bọn tê ngụy, phỉ chưa chịu chịu cải tạo càng thể hiện tính chất

chống đối lại cách mạng xã hội chủ nghĩa một cách tích cực. Bọn phản cách mạng nói chung, chúng chống phá cách mạng một cách liên tục và trên các lĩnh vực, xuyên qua việc thực hiện các chính sách và kế hoạch nhà nước. Nhưng không phải kẻ địch nào, nơi nào, lúc nào chúng cũng phá hoại một cách trắng trợn, lô liếu. Thủ đoạn hoạt động của chúng ngày càng tinh vi, quyết liệt. Thường thường kẻ địch lợi dụng những nơi, những lúc ta sơ hở, mất cảnh giác để chống phá. Nham hiểm hơn là chúng lợi dụng tình trạng lạc hậu của quần chúng, lợi dụng tình cảm dòng họ, dân tộc, lợi dụng trình độ non kém, mê tín dị đoan và ý thức thiếu trách nhiệm... để len lỏi những hoạt động phá hoại của chúng một cách tinh vi. Ngoài ra, chủ nghĩa xét lại đang tìm cách phá hoại làm cho cuộc đấu tranh thêm phức tạp. Chính vì vậy, muốn hoàn thành cài tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất định chúng ta phải trấn áp phản cách mạng, phải quét hết bọn phản cách mạng xây dựng lực lượng ta, nhằm loại trừ khả năng phá hoại gây bạo loạn của địch.

Thực tiễn hoạt động phá hoại của các bọn phản cách mạng trong thời gian qua đã gây cho ta nhiều khó khăn. Do ta kịp thời phát hiện và trấn áp nên chúng không gây được những tổn thất nghiêm trọng cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Tuy nhiên có nơi, có lúc địch còn khống chế được quần chúng, kìm hãm sự phát triển phong trào, chúng còn bí mật tập hợp được lực lượng hòng thực hiện âm mưu gây bạo loạn. Nếu không nhận thấy hết tính chất gay go quyết liệt của cuộc đấu tranh, không nhận rõ nhiệm vụ đấu tranh chống phản cách mạng rất nặng nề, dẫn tới chủ quan, sinh do dự, không quyết tâm, phạm sai lầm "hữu khuynh" trong công tác. Đấu tranh chống phản cách mạng bản thân nó đã mang theo tính chất phức tạp, âm mưu hoạt động của địch ngày một tinh vi. Vì vậy cuộc đấu tranh chống phản cách mạng, nó liên quan đến nhiều mặt công tác, nhiều ngành hoạt động. Nó đòi hỏi chúng ta mỗi khi vận động

quần chúng thực hiện các chính sách thực hiện kế hoạch nhà nước, xây dựng tổ chức, củng cố nội bộ... đều phải quán triệt tinh thần đầy mạnh sản xuất đi đôi với bảo vệ sản xuất, bảo vệ xí nghiệp, cơ quan, đơn vị. Phải nhạy bén về cảnh giác chính trị, phải phán đoán âm mưu hoạt động của địch để chủ động phòng ngừa, không để một kẽ hở nào mà kẻ địch có thể lợi dụng để phá hoại. Nếu không thấy vấn đề đó thì ta sẽ bị động, hoặc không thấy hết tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh dẫn tới chố thiếu thận trọng phạm lêch lạc "tả khuynh".

2- Muốn đấu tranh thắng lợi với các bọn phản cách mạng, một trong những nhân tố quyết định là phải luôn luôn phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, phải kết hợp chặt chẽ ba khâu ở cơ sở: đầy mạnh sản xuất, củng cố tổ chức, bảo vệ trị an.

Muốn phát huy khí thế cách mạng của quần chúng trong cuộc đấu tranh chống địch, bảo vệ trật tự trị an một cách thường xuyên, liên tục, muốn giáo dục nâng cao quan điểm đấu tranh giai cấp, quan điểm chuyên chính vô sản và tính cảnh giác cách mạng cho cán bộ đảng viên và quần chúng ngày thêm sâu sắc, thực tiễn hai năm qua đã chứng minh rằng hình thức vận động quần chúng thích hợp nhất là đầy mạnh phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, phong trào xây dựng đơn vị an toàn trong xí nghiệp, cơ quan. Phải làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức đầy đủ ý nghĩa nội dung và tác dụng của các phong trào này. Đứng về mặt chỉ đạo phải luôn luôn quán triệt nội dung chủ yếu của phong trào bảo vệ trị an, bảo mật phòng gian, xây dựng đơn vị an toàn là: "Giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, động viên quần chúng tích cực tham gia công tác đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ sản xuất, bảo vệ bí mật Nhà nước, trên cơ sở giáo dục quan điểm lập trường giai cấp và ý thức đấu tranh giai cấp".

Muốn cho phong trào tiến bước vững chắc, từ thấp đến cao, từ nông đến sâu, kinh nghiệm cho ta thấy phong trào bảo vệ trị an phải gắn chặt giải quyết ba khâu: củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất; củng cố tổ chức; đẩy mạnh bảo vệ trị an. Tùy tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà nhấn mạnh khâu này hay khâu kia. Trong khi nhấn mạnh khâu nào đó thì hai khâu kia vẫn đồng thời thực hiện, không nên tách rời (Thanh Bình đã chứng minh rõ rệt), phong trào an toàn xí nghiệp, cơ quan phải gắn liền sản xuất với công tác với việc hoàn thành kế hoạch nhà nước. Nội dung an toàn bao hàm nhiều mặt: an toàn sản xuất, an toàn lao động, an toàn thiết bị. Nhưng phải rất chú ý đến mặt chống địch phá hoại, bảo vệ nội bộ xí nghiệp, cơ quan an toàn (xí nghiệp Nhà máy điện Lào Cai đã thực hiện tốt như vậy). Một vấn đề quan trọng nữa là phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, xây dựng đơn vị an toàn trong xí nghiệp, cơ quan phải được xác định là một trong các nội dung xây dựng chi bộ bốn tốt để phấn đấu (xã Thống Nhất, Mường Khuông) đã chứng minh rất rõ.

Nơi nào thực hiện đúng như trên thì chẳng những công tác đấu tranh chống địch, bảo vệ trị an, bảo vệ xí nghiệp, cơ quan được tốt mà việc thực hiện kế hoạch nhà nước cũng như các chính sách của Đảng cũng tốt.

Nơi nào tách rời công tác trị an với sản xuất, với củng cố tổ chức, với việc xây dựng chi bộ bốn tốt thì các mặt sản xuất, củng cố hợp tác xã gặp khó khăn, đồng thời phong trào bảo vệ trị an cũng khó phát triển vững chắc.

3- Phải luôn luôn nắm vững đặc điểm địa phương, nắm vững đường lối, chính sách trấn áp phản cách mạng của Đảng để vận dụng đúng đắn, đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi.

Lào Cai chúng ta nằm trong tình hình chung miền Bắc, còn ở giai đoạn hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, nên hiện nay và những năm tới đi đôi với xây dựng xã hội chủ nghĩa và hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa phải có một xã hội chủ yếu hay về cơ bản

là nhân dân lao động, một xã hội thuần nhất, đòi hỏi phải quét sạch những phần tử đối địch với chế độ ta, với chủ nghĩa xã hội đó là một yêu cầu rất cơ bản, rất cấp bách. Cuộc đấu tranh chống phản cách mạng ở điều kiện tỉnh ta thuộc vùng núi, biên giới, đại bộ phận đất đai thuộc rẽ cao, nhiều dân tộc xen kẽ, có truyền thống đấu tranh chống địch. Nhưng cơ sở xã hội mà địch dễ dàng lợi dụng còn dày.

Quá trình đấu tranh trấn áp các bọn phản cách mạng, bảo vệ trật tự trị an địa phương đã chứng minh chính sách trấn áp phản cách mạng của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp.

Một mặt chúng ta phải tiến hành trường tri bọn phản cách mạng phá hoại hiện hành, bọn chủ mưu, thủ ác ngoan cố chống lại cách mạng. Đồng thời ta đã kiên quyết đưa đi tập trung cải tạo những phần tử nguy hiểm cho an ninh xã hội. Đối với những người trước kia là tể ngụy, phi và những phần tử đã tham gia các tổ chức phản động ta đã kiên trì giáo dục cải tạo ở địa phương. Việc làm đó đã thể hiện rõ chính sách "trấn áp kết hợp với khoan hồng, trường tri kết hợp với giáo dục cải tạo". Tiến hành như vậy chẳng những đã phân hóa cao độ lực lượng thù địch, làm tan rã hàng ngũ phản cách mạng, chính việc trường tri những phần tử phản cách mạng hiện hành và tập trung cải tạo những phần tử nguy hiểm nên chúng ta đã quét được đại bộ phận bọn phản cách mạng đầu sỏ, cốt cán. Làm tê liệt hoạt động phá hoại của địch. Do ta kiên trì đẩy mạnh công tác giáo dục cải tạo tể ngụy, phi... nên đã nâng cao tỷ lệ số tiến bộ, loại chống đối ngày càng giảm xuống. Cơ sở xã hội của địch ngày càng bị thu hẹp. Nhân tố tích cực ủng hộ và tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển, góp phần củng cố sự nhất trí về chính trị trong nhân dân.

Do chỗ quán triệt tinh thần chính sách trấn áp bọn phản cách mạng của Đảng nên cuộc đấu tranh chống địch, bảo vệ trật tự trị an ở tỉnh ta hai năm qua được đẩy mạnh hơn trước. Cuộc đấu tranh đó chẳng những đã ngăn chặn kịp thời âm mưu phá hoại của

bọn phản cách mạng, bảo vệ tốt trật tự an ninh, đồng thời đã phục vụ đắc lực cho việc thực hiện kế hoạch nhà nước, củng cố cơ sở. Từ chỗ nhận thức bảo vệ cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nên quá trình tiến hành trấn áp phản cách mạng, cải tạo tê ngụy, phỉ... chúng ta đã dựa hẳn vào quần chúng, phát huy được khí thế cách mạng của quần chúng, động viên được quần chúng tham gia công tác chống phản cách mạng, bảo vệ trật tự trị an. Chính do chú trọng phát động tư tưởng quần chúng, giáo dục chính sách cho quần chúng; tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh, trấn áp phản cách mạng nên khi tiến hành tập trung cải tạo hàng loạt chẳng những không gây rung động không cần thiết mà quần chúng hết sức đồng tình và tích cực đấu tranh.

Tuy vậy đi sâu vào từng vùng, từng địa phương, từng ngành ta thấy có những cán bộ, đảng viên chưa thấm sâu chính sách trấn áp phản cách mạng của Đảng. Cho nên khi vận dụng không được vững, nặng mặt này nhẹ mặt khác. Có nơi chưa quyết tâm giải quyết bọn phỉ lẩn trốn, có nơi chưa kiên quyết tiến hành tập trung cải tạo những phần tử nguy hiểm cho an ninh xã hội. Có những vụ phản cách mạng phá hoại nghiêm trọng, địa chủ ngóc đầu dậy, không phát động quần chúng trấn áp. Nhất là về mặt xét xử, trừng trị bọn phản cách mạng hiện hành, nhiều vụ không kịp thời phục vụ cho nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Cũng có nơi thiếu kiên trì giáo dục, cải tạo những người trước đây là tê ngụy, phỉ đi tới chỗ buông lỏng hoặc nôn nóng. Cũng do đó mà dẫn tới chỗ thiếu chủ động trước âm mưu hoạt động của địch.

Trong tình hình cụ thể ở tỉnh ta hiện nay, giữa vấn đề trừng trị bọn phản cách mạng hiện hành, tập trung cải tạo những phần tử nguy hiểm và cải tạo tê ngụy, phỉ, nhìn chung toàn tỉnh, toàn huyện, thị mà nói thì cả ba mặt đó đều cần thiết, liên quan với nhau trong đấu tranh trấn áp phản cách mạng. Trong hoàn cảnh đất nước còn bị tạm thời chia cắt, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc vượt qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Vì vậy chưa nên nhán mạnh mặt này hay mặt khác. Nhưng đi sâu vào từng xã, từng khu phố thì tùy tình hình yêu cầu ở từng nơi mà vận dụng một cách linh hoạt, tất nhiên không vận dụng cứng nhắc, máy móc.

4- Một trong những nhân tố quyết định nhất của kết quả đấu tranh trấn áp phản cách mạng hai năm qua ở địa phương ta là sự lãnh đạo của Đảng, khâu cơ bản là đảng bộ cơ sở.

Ánh sáng Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành tỉnh đã gây chuyển biến lớn trong toàn Đảng bộ. Quá trình thực hiện Nghị quyết, nhìn chung công tác đấu tranh chống phản cách mạng trên khắp các địa bàn trong hai năm qua đều được đẩy mạnh hơn trước, tuy nhiên mức độ không đồng đều. Rất rõ ràng nơi nào mà đảng bộ cơ sở được phát triển cả số lượng và chất lượng, đảng viên năm được chính sách, sách lược, mạnh dạn phát động quần chúng biết kết hợp đúng mức, đúng việc và dựa vào các lực lượng của quần chúng thời nơi đó đấu tranh chống phản cách mạng thu được nhiều thành tích. Phong trào bảo vệ tri an, phòng chống gián điệp, biệt kích, bảo mật phòng gian lên cao, tình hình được ổn định, chính sách của Đảng thực hiện tốt như chi bộ Thanh Bình, Thống Nhất (Mường Khương), Đảng ủy Nhà máy điện... Từ chỗ quan tâm lãnh đạo đấu tranh chống phản cách mạng nên đã chú trọng tăng cường củng cố lực lượng chuyên chính (dân quân, công an xã, lực lượng bảo vệ xí nghiệp, cơ quan. Đã phát huy chức năng tham mưu của lực lượng này trong công tác đấu tranh chống địch, bảo vệ sản xuất, bảo vệ trật tự tri an. Đồng thời đã huy động được lực lượng của đồng bào quần chúng tham gia chống phản cách mạng, bảo vệ trật tự tri an.

Trái lại nhiều nơi do Đảng bộ cơ sở chưa được phát triển tốt, nhiều thôn chưa có đảng viên, lại chưa làm cho đảng viên chuyển biến về nhiệm vụ đấu tranh chống địch, bảo vệ sản xuất, bảo vệ địa phương. Cảnh giác cách mạng còn lơi là, lập trường tư tưởng hữu khuynh, dè dặt trước hoạt động chống phá của địch. Thậm chí

còn bị kẻ địch mua chuộc, lôi kéo. Do đó phong trào trong xã ì ạch, các chính sách khi thực hiện gặp khó khăn, quần chúng kém tin tưởng như Tiến Bộ, Pa Cheo Phìn, Hạnh Phúc, Sơn Hà, Tả Cử Tỷ, San Sả Hồ... Trong các đảng bộ cơ quan, nhiều nơi chưa thường xuyên giáo dục đảng viên, công nhân, viên chức để cao ý thức chống địch, bảo vệ xí nghiệp cơ quan. Do đó phong trào bảo mật, phòng gian có nơi bị giãm chân tại chỗ. Phong trào xây dựng đơn vị an toàn tiến triển chậm. Từ chỗ đảng bộ cơ sở chuyên biến chưa được tốt nên việc xây dựng lực lượng trị an, nhất là lực lượng dân quân, công an xã, các chi đoàn thanh niên, chi bộ chưa chú ý lãnh đạo chặt chẽ, làm cho lực lượng nòng cốt của phong trào được củng cố vững mạnh, ảnh hưởng tới phong trào cơ sở (như Đồng Tuyên, Bát Xát).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC ĐẤU TRANH CHỐNG PHẢN CÁCH MẠNG TỪ NAY ĐẾN HẾT NĂM 1964

Đối với tình hình âm mưu hoạt động của địch trong thời gian tới, Trung ương đã nhận định: "Do chỗ đế quốc Mỹ và tay sai ngày càng thất bại và sa vào thế bị động, lúng túng trong cuộc chiến tranh đặc biệt ở miền Nam và trong âm mưu phá hoại chính sách hòa bình trung lập ở Lào nên chúng sẽ *càng ra sức hoạt động phá hoại, khiêu khích miền Bắc một cách điên cuồng, liều lĩnh trắng trợn và quy mô hơn nữa, bằng cách tung hàng loạt gián điệp, biệt kích ra Bắc* cùng một lúc và ở nhiều nơi, thậm chí tiến hành tập kích phá hoại bất ngờ dọc bờ biển tuyến, biên giới hoặc ném bom một số khu vực quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng, nhằm kích động bọn phản cách mạng nổi dậy hoạt động, hòng gây thiệt hại về chính trị, kinh tế, quân sự cho ta ở miền Bắc, làm giảm sức ủng hộ của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam, đồng thời tạo điều kiện để tấn công xâm lược miền Bắc khi có thời cơ".

Từ nhận định trên, Trung ương lại chỉ rõ: "Đi song song với cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt trên thế giới, cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng ở miền Bắc trong thời gian tới vẫn còn rất gay go, quyết liệt, phức tạp. Vì vậy nhiệm vụ đấu tranh chống phản cách mạng trong thời gian tới vẫn còn là một nhiệm vụ hết sức cấp thiết, nặng nề đối với toàn Đảng, toàn dân ta".

Đối với Lào Cai là một vị trí mà đế quốc Mỹ và tay sai hết sức chú ý. Vì là một tỉnh thuộc vùng núi, rẽo cao, nhiều dân tộc xen kẽ, đông nhất là dân tộc Mèo. Cơ sở xã hội của địch tương đối dày, lại là nơi có đường sắt chiến lược, nền kinh tế công nghiệp đang phát triển. Kẻ địch sẽ tung hàng loạt gián điệp, biệt kích (có thể đến một trung đội) trong một lúc ở nhiều địa bàn trong tỉnh, nhằm phá hoại đường sắt, cầu cống, xí nghiệp đồng thời gây cơ sở kích động phản cách mạng địa phương, vũ trang bạo loạn. Cũng có thể trong cùng một lúc địch tung gián điệp, biệt kích nơi này, nơi kia; địch ném bom, rải truyền đơn phản động kích phản cách mạng địa phương gây bạo loạn.

Bọn phản cách mạng địa phương trong thời gian qua ta đã trấn áp mạnh hơn trước, đã chú trọng tăng cường công tác cải tạo tê ngụy, phi. Đã không để cho bọn chúng gây được bạo loạn. Nhưng tỷ lệ đối tượng chống đối còn nhiều và ở một số xã địch còn khả năng tập hợp lực lượng để phá hoại, gây bạo loạn.

Đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng các dân tộc do được học tập thấm nhuần các Nghị quyết 7, 8, 9 của Trung ương, Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ bốn, nên khí thế cách mạng của quần chúng đã được phát huy trong sản xuất và bảo vệ sản xuất, đang vươn lên giành thắng lợi mới to lớn hơn. Riêng về mặt cảnh giác chính trị, ý thức trách nhiệm trong cuộc đấu tranh chống địch, bảo vệ địa phương cũng đã được nâng lên.

Tuy vậy, những biểu hiện tư tưởng rụt rè, hữu huynh, chủ quan, mất cảnh giác còn chưa được giải quyết tốt. Những biểu hiện sợ địch, bi quan, dao động còn xuất hiện. Nhận thức về chuyên chính vô sản, đấu tranh giai cấp chưa sắc bén, ý thức quyết tâm tiêu diệt địch, bảo vệ thành quả cách mạng chưa thật sâu. Công tác bảo vệ nội bộ còn nhiều sơ hở.

Để có thể đập tan được mọi âm mưu thâm độc của kẻ địch, để gìn giữ trật tự an ninh địa phương trong lúc bình thường và chủ động đối phó với âm mưu mới của đế quốc Mỹ và tay sai, toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta phải ra sức phấn đấu hoàn thành thật tốt 5 yêu cầu mà Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 11 của tỉnh đề ra, thực hiện tốt nhiệm vụ công tác trị an mà Nghị quyết số 6 của Tỉnh ủy đã vạch rõ: "Ra sức xây dựng củng cố các lực lượng chuyên chính vững chắc, phát huy mạnh mẽ khí thế cách mạng của quần chúng, đẩy mạnh hơn nữa công tác đấu tranh trấn áp phản cách mạng, đảm bảo an toàn địa phương bảo vệ sản xuất".

Trước mắt, từ nay đến hết năm 1964 phải đảm bảo phát hiện kịp thời và huy động quần chúng truy bắt nhanh, gọn, bí mật bọn gián điệp biệt kích xâm nhập về địa phương, nhất là biệt kích thâm nhập bằng đường bộ. Đảm bảo không để cho bọn phản cách mạng tập hợp được lực lượng để phá hoại, gây bạo loạn.

Cuộc đấu tranh trấn áp bọn gián điệp biệt kích và các loại phản cách mạng khác phải xoay quanh việc bảo vệ công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố lực lượng quốc phòng và bảo vệ Đảng, bảo vệ an ninh địa phương phục vụ cho sản xuất phát triển và hoàn thành kế hoạch nhà nước.

Phải thực hiện đúng phương hướng đấu tranh mà Trung ương đã đề ra "giữ bên dưới là chính, giữ bên trên là chính", đồng thời phải quán triệt tinh thần khẩn trương, chủ động trong mọi tình hình mà Nghị quyết 6 của tỉnh đã nêu ra.

Để đảm bảo phấn đấu đạt yêu cầu trên, căn cứ mức độ chấp hành Nghị quyết 6 của tỉnh trong 6 tháng đầu năm, đồng thời

để đổi mới cách khẩn trương với âm mưu mới của đế quốc Mỹ và tay sai. Chúng ta cần ra sức làm tốt những công tác lớn dưới đây.

1. Quyết tâm đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp biệt kích trở thành phong trào quần chúng mạnh mẽ sâu sắc

Để đảm bảo yêu cầu hết năm 1964 phải loại trừ xã kém, đưa 90% số xã và khu phố lên loại khá, các địa bàn trọng yếu, các vùng xung yếu đạt 100% phong trào thuộc loại khá như Nghị quyết 6 đã đề ra:

Trong quý III cần hoàn thành cuộc vận động đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an vào bề sâu ở 65 xã còn lại, đồng thời phải đảm bảo sau khi tiến hành vận động phong trào vào bề sâu thì những xã đó phải chuyển biến thành loại khá. Tối thiểu phải đạt loại trung bình và đủ điều kiện vươn lên thành loại khá.

Ở những xã tiến hành vận động phong trào vào bề sâu phải đạt ba yêu cầu:

- Nắm chắc được tình hình một cách toàn diện, hệ thống và sâu sắc.

- Gây chuyển biến mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích.

- Đảng viên được các ngành, các giới, các tầng lớp quần chúng thi đua thực hiện tốt 7 nội dung của phong trào.

Riêng đối với 56 xã đã phát động phong trào vào bề sâu thì phải xoay chặt trong cao trào thi đua "mỗi người làm việc bằng hai" để động viên đảng viên, cán bộ và nhân dân thực hiện tốt 7 nội dung của phong trào bảo vệ trị an.

Trong việc chỉ đạo phong trào, phải làm cho Đảng bộ cơ sở quán triệt và phát huy kinh nghiệm đã rút ra trong thực hiện là kết hợp chặt 3 khâu: củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất; bảo vệ trị an;

củng cố tổ chức. Phải chỉ đạo trọng điểm, sáng tạo điển hình huyện và tỉnh phải chú trọng xây dựng lá cờ đầu.

2. Nhiệm vụ bảo vệ nội bộ từ nay đến hết năm 1964 phải phấn đấu đạt được những yêu cầu cụ thể dưới đây

a) Các cơ quan đầu não, các bộ phận cơ mật, thiết yếu quan trọng các cơ quan xí nghiệp từ tỉnh đến huyện phải được thẩm tra lựa chọn đảm bảo điều chuyển hết đối tượng cải tạo và nghi vấn cần điều tra nghiên cứu có những biểu hiện xấu ra khỏi các bộ phận cơ quan này. Trừ trường hợp đặc biệt không điều chuyển được phải có phương án dự kiến điều chuyển, đến hết quý I-1965 phải hoàn thành điều chuyển tốt.

b) Các cơ quan, công trường từ tỉnh đến huyện nói chung phải được bảo vệ nghiêm mật, cụ thể phải đạt được hai nội dung:

- Giữ gìn bí mật, bảo vệ tốt được việc thực hiện tốt kế hoạch và các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ không để bọn gián điệp, phản động, bọn theo chủ nghĩa xét lại xâm nhập và phá hoại bằng mọi hình thức.

- Chống tham ô, lãng phí, lưu manh trộm cắp và hỏa hoạn..., đảm bảo các chế độ nội quy xây dựng đầy đủ đồng thời chấp hành nghiêm ngặt.

Để đạt được hai yêu cầu trên trong mỗi cơ quan công, nông, lâm trường, xí nghiệp phải đạt được bốn nội dung dưới đây:

1- Đảng ủy, thủ trưởng, chi bộ trực tiếp lãnh đạo công tác bảo vệ nội bộ, nắm chắc tình hình tổ chức chính trị, phύt tạp trong nội bộ cụ thể là:

- Nắm chắc lý lịch, lịch sử cán bộ, công nhân viên.
- Nắm chắc quan điểm lập trường tư tưởng và thái độ diễn biến của cán bộ, công nhân viên.
- Nắm chắc sự quan hệ giao dịch của cán bộ, công nhân viên trong cơ quan và ngoài xã hội.

- Năm chắc sự sinh hoạt về kinh tế, đời sống của cán bộ, công nhân viên.

- Năm được tình hình hoạt động của kẻ địch ẩn nấp trong nội bộ và các phần tử xét lại nếu có.

2- Mạnh bạo phát động khí thế cách mạng của quần chúng trong các cơ quan, xí nghiệp cụ thể là:

- Hết quý III năm 1964 phải đảm bảo trong các cơ quan, công trường, xí nghiệp tiến hành kiểm điểm Nghị quyết 39 được tốt, đồng thời phát động phán đấu xây dựng các cơ quan, xí nghiệp an toàn theo hướng và kinh nghiệm Nhà máy điện. Nhằm đảm bảo đạt bảy nội dung trong dự thảo chỉ thị phát động xí nghiệp an toàn của Trung ương, riêng các cơ quan đầu não, bộ phận quan trọng thiết yếu năm 1964 phải đảm bảo đạt bảy nội dung ấy (Nhà máy điện, Ty Bưu điện, khu vực Tỉnh ủy, Ủy ban, công an nhân dân vũ trang, Ty Công an, Tỉnh đội). Phong trào này phải được gắn chặt với phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, có biện pháp phối hợp liên hệ chặt chẽ với nhau đảm bảo hai cuộc vận động song song đạt được yêu cầu tốt. Ngoài ra phải lồng trong các cuộc vận động lớn của Đảng (ba xây ba chống, bảo vệ Đảng...).

3- Các tổ chức bảo vệ chuyên trách, bán chuyên trách và bảo vệ quần chúng, dân quân tự vệ, phòng, chống cháy phải được củng cố và bồi dưỡng về tư tưởng, quan điểm, lập trường và kiến thức nghiệp vụ, làm cho lực lượng này trở thành nòng cốt thúc đẩy phong trào, riêng tổ chức bảo vệ phải có cấp ủy viên phụ trách đảm nhiệm làm tròn nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy trong công tác bảo vệ.

4- Trong công tác nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn như: công an, tổ chức... phải đảm bảo làm tròn nhiệm vụ tham mưu giúp cấp ủy Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác bảo vệ nội bộ nhằm đạt được những yêu cầu và nội dung nêu trên.

Các chế độ thỉnh thị báo cáo đối với các cấp ủy về công tác bảo vệ nội bộ phải được chấp hành nghiêm chỉnh theo như Nghị quyết 39 đã quy định.

3. Kiên quyết trấn áp phản cách mạng phá hoại hiện hành

- Khẩn trương tiến hành chuẩn bị chiến trường, sẵn sàng truy bắt bọn gián điệp, biệt kích nếu chúng xâm nhập bất kỳ ở địa bàn nào trong tỉnh. Ngoài việc giáo dục sâu rộng trong quần chúng về âm mưu, thủ đoạn của gián điệp biệt kích, cần tổ chức thực tập phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích, cần tổ chức thực tập phương án phòng, chống biệt kích ở từng khu vực, trước hết là địa bàn trọng điểm. Phải giải quyết tốt nhận thức công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Gián điệp, biệt kích xâm nhập về xã nào thì trước hết Đảng bộ cơ sở nơi đó phải huy động lực lượng truy bắt nhanh, gọn, không ỷ lại vào lực lượng hỗ trợ của huyện hoặc của tỉnh (công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích có nghị quyết cụ thể riêng).

- Đối với những tên phản động phải tập trung chỉ đạo, kiên quyết thanh toán với tinh thần khẩn trương. Đảng đoàn công an, Đảng ủy công an vũ trang, Ban Cán sự Tỉnh đội cùng các huyện ủy thống nhất kế hoạch chỉ đạo thật chặt chẽ.

- Đối với những hoạt động phá hoại của các phần tử phản cách mạng, những phần tử địa chủ, phú nông ngóc đầu dày phải kiên quyết trấn áp, phục vụ kịp thời cho việc thực hiện các chính sách và kế hoạch nhà nước.

4. Khẩn trương tiến hành tập trung cải tạo các đối tượng nguy hiểm cho an ninh xã hội

Hiện nay số đối tượng cần nghiên cứu xét duyệt còn tới trên 200 mà yêu cầu phải hoàn thành từ nay đến hết tháng 10 năm 1964.

Đối với số đối tượng vừa qua đã duyệt, các huyện, xã phải nắm chắc diễn biến của từng đối tượng để khi có lệnh tập trung thi hành được ngay. Đối với những đối tượng cần nghiên cứu xét duyệt đi tập trung cải tạo, các huyện, thị cần xem xét lại các đối tượng trong từng xã và khu phố lên danh sách cụ thể. Phân công cán bộ

sưu tập hệ thống lập hồ sơ, tận dụng hết các nguồn tài liệu có xác định chính xác và xét duyệt kịp thời.

Đối với các địa bàn trọng điểm đảm bảo hết tháng 8-1964 duyệt xong. Còn các địa bàn khác sẽ hoàn thành trong tháng 10-1964.

Mặt khác, phải rất chú ý làm tốt công tác chính trị và thi hành tốt các chính sách đối với gia đình chúng.

5. Đẩy mạnh công tác giáo dục, cải tạo tề ngụy phi theo 6 tiêu chuẩn

- Trước hết, phải làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy sự cần thiết và trách nhiệm của mọi người trong công tác giáo dục cải tạo tề ngụy, phi để quần chúng nhiệt tình kiên trì cải tạo các đối tượng cần cải tạo.

- Chi bộ cơ sở nắm vững từng đối tượng để phân loại, định hạng chính xác. Nghiên cứu nắm vững nội dung, biện pháp giáo dục cải tạo để hướng dẫn quần chúng thực hiện.

- Công tác giáo dục cải tạo tề ngụy, phi... phải được coi là nội dung trong (...) bảo mật phòng gian để động viên quần chúng thực hiện.

6. Tăng cường hơn nữa việc nắm vững tình hình địch, tình hình trị an xã hội

Vấn đề này là khâu yếu cần được chú trọng bồi khuyết. Điều quan trọng muốn nắm vững tình hình, một mặt, phải nâng cao cảnh giác cho nhân dân. Đảng bộ cơ sở phải lãnh đạo chặt chẽ lực lượng dân quân, công an và thường xuyên sinh hoạt kiểm điểm tình hình trong thôn xã, tình hình các đối tượng để có kế hoạch giải quyết, đồng thời phản ánh lên trên. Mặt khác, các ngành chuyên môn phải tăng cường hơn nữa các biện pháp nghiệp vụ và tổ chức tốt lưới nắm tình hình từ cơ sở đến tỉnh.

7. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng không nhân dân

- Điều quan trọng là tiếp tục giáo dục nâng cao ý thức phòng

không trong nhân dân, tránh tư tưởng chủ quan, đồng thời giải quyết tốt biểu hiện hoang mang trong quần chúng kể cả địa bàn nông thôn.

- Kiểm tra lại toàn bộ kế hoạch phòng không ở hai thị xã và tuyến đường sắt, đồng thời tổ chức thực tập kế hoạch phòng không để bồi khuyết những thiếu sót, nhằm đảm bảo nếu trường hợp có máy bay ném bom bắn phá phải đánh lại bằng mọi phương tiện sẵn có, đồng thời phải thi hành nghiêm túc các biện pháp để phòng và tránh, vừa cố gắng hạ máy bay địch vừa làm giảm đến mức ít nhất sự thiệt hại của ta. Mặt khác trật tự trị an vẫn giữ vững, các mặt công tác tiến hành đều đặn. Cán bộ và nhân dân không hoang mang.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
NGÀY 26-2-1964**

**Về kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc
ở Lào Cai từ 1960 đến 1963**

***Phần thứ nhất*
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA TỈNH LÀO CAI**

**1. Lào Cai là một tỉnh miền núi, biên giới, đất rộng người
thưa, nhiều dân tộc và đa số là các dân tộc vùng cao, ít
người sống xen kẽ**

Lào Cai có diện tích 4.217 km², dân số Lào Cai có 127.623 người, so với năm 1960 tăng 25.126 người, mật độ dân số hiện nay mới chiếm 24,7 người/km² nhưng phân bố không đều: miền Đông khoảng 33,4 và miền Tây khoảng 12,7. Lào Cai có 5 huyện và 2 thị xã trong đó có 121 xã thì 91 xã thuộc vùng cao và giữa. Lào Cai có 26 dân tộc, đông nhất là dân tộc Mèo 40.626 người rồi đến Kinh 32.227 người, Mán 18.587 người, Thổ 7.147 người, Nhắng 9.671 người, Nùng 7.776 người, Hoa 4.285 người. Các dân tộc thiểu số¹ nhất như U Ní 1.197 người, La Chí 875 người, Tu Dí 818 người,

1, 2. Từ chúng tôi thêm vào - BT.

Pa Dí 733 người, Lô Lô 41 người, trong đó có 11 dân tộc sống ở vùng cao và chiếm khoảng 2/3 dân số.

Các dân tộc ở Lào Cai sống rất xen kẽ, các huyện có từ 7 dân tộc đến 10 dân tộc. Làng bản thưa thớt và cư trú rất phân tán, như Bắc Hà có 286 thôn thì 127 thôn có từ 15 hộ trở xuống, 90 thôn thì có từ 16 đến 25 hộ, còn 50 hộ trở lên chỉ có 11 thôn. Nhiều thôn chỉ có từ 5 - 7 hộ. Trình độ các dân tộc chênh lệch nhau, phong tục tập quán cũng khác nhau, nhiều tập tục lạc hậu còn tồn tại.

Từ năm 1945 đến nay Lào Cai trải qua nhiều biến cố chính trị, đặc biệt trong những năm kháng chiến do âm mưu chia để trị, âm mưu thổi phồng hóa nhân dân của địch làm cho tình hình chính trị ở Lào Cai rất phức tạp.

Lào Cai có 250 km đường biên giới giáp với Trung Quốc và có đường xe lửa liên vận Vân Nam - Hà Nội chạy qua, do đó Lào Cai trở thành cửa ngõ nối liền Việt Nam với Trung Quốc nên bọn đế quốc càng hết sức nhòm ngó.

2. Lào Cai là một tỉnh có nhiều tài nguyên phong phú, có nhiều khả năng phát triển công, nông, lâm nghiệp một cách toàn diện phục vụ nâng cao đời sống nhân dân, nhưng trình độ sản xuất còn thấp kém, trình độ kỹ thuật còn lạc hậu

Theo số liệu thống kê, diện tích trồng trọt toàn tỉnh đến nay có 10.730 ha (ruộng: (...) ha, nương: (...) ha; gần 2/3 diện tích trồng lúa, còn trồng ngô và các hoa màu khác. Rừng núi chiếm khoảng (...) tổng diện tích của Lào Cai, do đó nói lên khả năng tăng diện tích và khả năng phát triển nghề rừng còn nhiều.

Khả năng tăng vụ và tăng năng suất cũng còn nhiều vì phần lớn các diện tích ruộng của vùng cao mới chỉ trồng một vụ, trình độ canh tác nhìn chung còn thấp.

Lâm sản ở Lào Cai rất giàu, ngoài gỗ, nứa... còn nhiều vị thuốc quý. Các đặc sản như chè, thảo quả, đậu tương thường tập trung từng vùng, thuận lợi cho việc cải tiến kỹ thuật và sản xuất hàng hóa.

Chăn nuôi cũng khá phát triển, trong đó đàn trâu, ngựa tương đối nhiều đã góp phần quan trọng giải quyết sức kéo và việc vận tải nông thôn miền núi.

Sự phân bố đất đai và khí hậu chia Lào Cai thành 3 vùng: cao, giữa, thấp, rất thuận lợi cho việc phát triển các loại cây của nhiệt đới và ôn đới, song canh tác còn phụ thuộc vào thiên nhiên rất nhiều và trình độ kỹ thuật còn rất lạc hậu.

Về mặt công nghiệp, Lào Cai có nhiều sông suối có khả năng phát triển mạnh thủy lợi, qua thăm dò địa chất Lào Cai có những mỏ quý như apatít, đồng, chì, mica,... có thể mở rộng khai thác công nghiệp địa phương phát triển nhanh và mạnh, song thủ công nghiệp còn ít và thường chưa tách khỏi nông nghiệp, mấy năm qua có phát triển nhưng còn yếu.

3. Lào Cai là một tỉnh phong trào mọi mặt còn yếu nhưng qua cải cách dân chủ, qua cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, Lào Cai đã có nhiều tiến bộ lớn về mọi mặt và đang có nhiều triển vọng tốt

Lào Cai là một tỉnh hầu như không có cơ sở bí mật trước Cách mạng Tháng Tám, trong Cách mạng Tháng Tám trong một thời gian dài, Lào Cai bị Quốc dân Đảng chiếm cứ. Cuối năm 1946 ta giải phóng Lào Cai khỏi Quốc dân Đảng thì cuối năm 1947 Pháp lại tái chiếm. Cho mãi tới cuối năm 1950, Lào Cai mới được giải phóng khỏi đế quốc Pháp, nhưng sau đó Lào Cai luôn luôn có những vụ nổi phỉ kéo dài trong nhiều địa phương trong tỉnh.

Từ sau ngày Lào Cai giải phóng, nhiều chính sách của Đảng được ban hành đã có tác dụng đẩy mạnh sản xuất và làm thay đổi một phần quan hệ sản xuất ở nông thôn Lào Cai. Đặc biệt từ giữa 1959 trở lại đây Lào Cai đã tiến hành nhiều đợt vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở nông thôn, đồng thời tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, cải tạo tiểu thương và tiểu

thủ công ở các thị xã, thị trấn, sau đó lại tiếp tục tăng cường nhiều cán bộ xuống củng cố hợp tác xã, củng cố cơ sở, đẩy mạnh sản xuất.

Thắng lợi qua các cuộc cải tạo trên cùng với những thắng lợi của mặt phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố trật tự trị an, củng cố và xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, các lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng trong mấy năm qua đã làm cho bộ mặt của Lào Cai biến đổi hết sức lớn lao và đang có nhiều triển vọng tốt.

Tuy nhiên, nếu so với yêu cầu của công cuộc cách mạng hiện nay, nếu so với các tỉnh miền xuôi và nhiều tỉnh miền núi khác thì phong trào mọi mặt của Lào Cai vẫn còn non yếu, cần phải cố gắng rất nhiều hơn nữa mới có thể theo kịp.

Phần thứ hai

NHỮNG KẾT QUẢ VÀ NHỮNG ƯU KHUYẾT ĐIỂM CHÍNH TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở LÀO CAI

Từ năm 1960 đến nay, nhờ thắng lợi của cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ, nhờ sự quan tâm lãnh đạo của Trung ương theo phương hướng các Nghị quyết lần thứ 5, lần thứ 7 và Nghị quyết về sản xuất nông nghiệp miền núi... cộng với sự quyết tâm của các ngành, các cấp, của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước những năm đầu của kế hoạch 5 năm ở Lào Cai đã có những thắng lợi lớn.

I. VỀ KINH TẾ

1. Về hợp tác hóa

Phát huy thắng lợi của cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp

hoàn thành cải cách dân chủ, để chuẩn bị bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bắt đầu từ mùa thu 1960 tỉnh đã mở một cuộc vận động quần chúng tiến lên căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, củng cố cơ sở, bảo vệ trật tự an ninh ở nông thôn, đồng thời đẩy mạnh công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các thị xã, thị trấn. Tính đến cuối năm 1961: 76,7% số hộ nông dân lao động đã vào hợp tác xã nông nghiệp, cuối năm 1962 có 80,9% số hộ thủ công và 75% số tiểu thương đã vào hợp tác xã; 52% nhân khẩu nông nghiệp từ 16 tuổi trở lên vào hợp tác xã tín dụng và 62% nhân khẩu đã tham gia hợp tác xã mua bán.

Tốc độ phát triển hợp tác xã như trên rất nhanh. Quan hệ sản xuất căn bản đã thắng lợi. Đó là một thắng lợi lớn, một nhân tố cực kỳ quan trọng thúc đẩy sản xuất và mọi mặt công tác khác tiến hành thuận lợi.

Về mặt củng cố hợp tác xã, tỉnh rất chú trọng. Ba năm qua tỉnh đã lấy việc củng cố hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất làm nhiệm vụ trung tâm thường xuyên. Nhờ vậy, tuy tỷ số hợp tác xã có giảm nhưng nhìn chung các hợp tác xã vững mạnh hơn trước nhiều và công tác quản lý hợp tác xã có nhiều tiến bộ. So sánh mấy năm qua:

Năm	Tổng số hộ nông dân	Số hợp tác xã	Số hộ nông dân đã vào hợp tác xã	Tỷ lệ (%)
1960	15.808	547	11.723	72,9
1961	16.001	545	12.550	76,2
1962	16.223	450	11.317	67
1963	20.086	435	9.726	48

Ngoài số hợp tác xã bị vỡ và số hộ xin ra, đáng chú ý số hộ nông dân tăng nhanh nên tỷ số giảm nhiều.

Phân loại hợp tác xã nông nghiệp hiện nay: loại khá chiếm 30,3%, loại trung bình chiếm 44,2%, loại kém chiếm 25%.

Một số hợp tác xã bước đầu xây dựng một số cơ sở vật chất như có 25 hợp tác xã nuôi trâu, bò, lợn, dê; 7 hợp tác xã trồng cây ăn quả và cây công nghiệp; 7 hợp tác xã làm lò rèn; 20 hợp tác xã khai thác lâm sản; 6 hợp tác xã làm cối ngàn; 15 hợp tác xã có sân phơi, 5 hợp tác xã có trục lăn lúa.

Nhiều hợp tác xã đã xây dựng được kế hoạch sản xuất, đã biết khoán việc hoặc ba khoán, đã thanh quyết toán được tài vụ hoặc chia hoa lợi sòng phẳng, đã lập được quỹ tuy số vốn tích lũy còn ít.

Về quy mô hợp tác xã qua điều chỉnh, nay tương đối ổn định tuy có một số còn nhỏ bé quá trên dưới 10 hộ. Trong công tác củng cố, tỉnh đã chú ý các đặc điểm từng vùng như hợp tác xã vùng cao chưa vững, tốt nhất chưa nên mở rộng quá một xóm và không nên nhiều dân tộc, quy mô trung bình từ 15 đến 35 hộ ở vùng thấp, quy mô hợp tác xã khoảng 30 đến 50 hộ. Những hợp tác xã có quy mô lớn cũng không nên quá 150 hộ. Tỉnh củng luôn chú ý giáo dục vấn đề đoàn kết dân tộc, đôi nơi có xích mích về quyền lợi và tập quán sinh hoạt của dân tộc trong hợp tác xã, tỉnh đã chú ý giải quyết.

Về hoạt động của hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán đã khắc phục được một phần khó khăn trong sản xuất và sinh hoạt của quần chúng, đã giúp đỡ được một số xã viên thiếu thốn và đã giúp đồng bào tiện mua, tiện bán không phải đi xa. Do đó số xã viên xin vào hợp tác xã tín dụng và mua bán ngày càng nhiều.

Về hợp tác xã thủ công và các tổ hợp tác tiểu thương cũng được củng cố hơn và đời sống được ổn định vững chắc hơn trước. Sản xuất thủ công nghiệp có tiến bộ đã góp phần quan trọng phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất. Cụ thể với số thợ thủ công chỉ bằng 0,5 = dân số với 100.000 đồng tiền vốn tức chỉ bằng 1/9 số tiền vốn của Ty Công nghiệp nhưng hằng năm đã sản xuất gấp hai lần giá trị sản lượng cả 2 năm 1961-1962 của Ty Công nghiệp cộng lại, và chiếm 11% tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn tỉnh.

Hoạt động của thợ thủ công và tiểu thương hợp tác hóa đã góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế ở địa phương, đồng

thời đã làm giảm bớt những va chạm, xích mích giữa các dân tộc trong tỉnh mà chủ yếu giữa thương nhân với nông dân và giữa dân tộc Kinh với các dân tộc khác.

Ngoài những nguyên nhân chung như Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 đã nêu, Lào Cai thấy còn có thêm mấy nguyên nhân sau:

1- Lòng tin tưởng tuyệt đối của đồng bào các dân tộc với sự lãnh đạo của Đảng, chính phủ và Hồ Chủ tịch. Đây là một nguyên nhân quan trọng nhất.

2- Sự nỗ lực chủ quan, tập trung lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền cộng với quyết tâm của toàn thể cán bộ, đảng viên và tinh thần đoàn kết tương trợ sẵn có trong đồng bào các dân tộc.

3- Nhờ đà phán khởi của nhân dân các dân tộc do việc hoàn thành tốt cải cách dân chủ và ảnh hưởng thúc đẩy của phong trào hợp tác hóa miền xuôi cùng với ảnh hưởng của phong trào hợp tác hóa bên Trung Quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt thắng lợi, mặt chủ yếu của phong trào, công tác xây dựng, củng cố hợp tác xã đã mắc những thiếu sót, khuyết điểm:

1/ Việc chuẩn bị cơ sở, chuẩn bị điều kiện nhiều nơi chưa tốt, tư tưởng chỉ đạo nóng vội, giản đơn chạy theo số lượng, hình thức, chưa thấy hết những đặc điểm từng vùng, cho nên đã có lúc gượng ép tổ chức cả những hợp tác xã chưa đủ điều kiện hoặc đưa lên quy mô lớn, lên cấp cao quá nhanh. Cuối năm 1961 vùng cao đã đưa 77,85% và vùng giáp 72,08% số hộ vào hợp tác xã. Có những hợp tác xã chỉ xây dựng khung nhưng thiếu chuẩn bị cán bộ quản lý hoặc sau khi xây dựng hợp tác xã việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không theo kịp với yêu cầu. Vì vậy trải qua thử thách sản xuất và quản lý - trừ những hợp tác xã vùng thấp còn giữ nguyên được và phát triển thêm một số hợp tác xã của đồng bào miền xuôi mới lên - nhiều hợp tác xã vùng cao và giữa đã chuyển xuống hình thức đổi công hoặc mải giúp nhau theo

tập quán cũ. Nay tỉ số hộ vùng cao giảm xuống còn 51,9% và vùng giữa còn 65,7%.

2/ Đối với công tác quản lý hợp tác xã, tuy tỉnh đã có nhiều cố gắng như cử hàng trăm cán bộ xuống xã, tổ chức nhiều đợt củng cố liên tục trong mấy năm qua nhưng sự giúp đỡ của tỉnh về xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật để tăng cường kinh tế tập thể của hợp tác xã còn ít, trong đó cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã vùng cao và giữa gần như chưa có gì đáng kể, cụ thể trong 82 hợp tác xã vùng cao và giữa huyện Bắc Hà, chỉ có 10 hợp tác xã có ít cào cỏ cải tiến, ngoài ra chưa có thứ gì mới. Hoặc trong tổng số 106 hợp tác xã của huyện thì 27 hợp tác xã chưa có đồng quỹ nào. Sở dĩ như vậy vì nhận thức về cải tạo quan hệ sản xuất với cải tiến kỹ thuật phát triển sản xuất chưa được quán triệt, nội dung cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất chưa được coi trọng đúng mức.

3/ Việc chấp hành chính sách còn nhiều thiếu sót đã gây ra những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất, nhất là vấn đề chăn nuôi và 5% đất để lại không công bố rõ ràng nên phần kinh tế gia đình ngày càng phát triển, công hữu tràn lan, nơi quá cao, nơi quá thấp, không phù hợp với tình hình và đặc điểm địa phương.

Về mặt sản xuất, nhiều hợp tác xã chưa xác định được phương hướng sản xuất lâu dài và cụ thể, một số chưa có kế hoạch sản xuất. Quản lý lao động còn lỏng lẻo, số công lao động đầu tư vào mỗi hécta khoảng 70 công, ngày công làm cho hợp tác xã mỗi tháng mới khoảng 10 công. Số ngày công làm riêng cho gia đình chiếm nhiều hơn, do đó đã gây nhiều khó khăn cho hợp tác xã. Quản lý tài vụ còn nhiều chỗ không minh bạch; việc phân phối còn nặng lối bình quân, thiếu dân chủ, tham ô, lãng phí còn phổ biến, do đó hạn chế tinh thần phấn khởi tích cực của xã viên.

4/ Trong công tác củng cố, tỉnh rất chú trọng và tập trung lực lượng củng cố hợp tác xã nông nghiệp là đúng, nhưng các hợp tác xã tín dụng, mua bán, hợp tác xã thủ công và các tổ hợp tác xã tiểu thương chưa được chú ý đúng mức, vì vậy kết quả hoạt động thực tế

của các hợp tác xã này bị hạn chế. Nhiều hợp tác xã tín dụng có vốn không biết kinh doanh, tiền cổ phần của xã viên nhiều nơi lại đem gửi vào ngân hàng nhà nước như những cơ sở vận động tiết kiệm. Lê lối làm ăn và thái độ của nhiều thợ thủ công và tiểu thương đối với đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều biểu hiện xấu. Việc xây dựng củng cố các tổ đổi công nhiều giúp đỡ các tổ đổi công nhiều lúc cũng bị xem nhẹ.

Ngoài những khuyết điểm trên, Lào Cai còn có những nhược điểm là sản xuất còn mang nặng tính tự cấp, tự túc, chưa phổ biến thành hàng hóa, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, trình độ văn hóa còn thấp, năng lực cán bộ có hạn và cơ sở, nhất là cơ sở nông thôn nhiều vùng còn yếu.

Do những khuyết điểm và nhược điểm trên, phong trào hợp tác hóa ở Lào Cai tuy đã đạt được những thắng lợi to lớn và căn bản nhưng cũng còn nhiều mặt yếu, tồn tại cần tích cực khắc phục để đáp ứng yêu cầu mới.

2. Về sản xuất

Trên cơ sở các hợp tác xã được xây dựng và củng cố, 4 năm qua sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp và các ngành kinh tế ở Lào Cai đã phát triển khá nhanh.

Về nông nghiệp, Lào Cai đã hết sức chú ý đẩy mạnh phát triển cây lương thực, đã nâng diện tích gieo trồng cây lương thực trong toàn tỉnh từ 17.152 ha năm 1960 lên 23.934 ha năm 1963 tăng 34,7%, trong đó vùng thấp tăng 11,1%, vùng giữa tăng 11,5%, vùng cao tăng 12,1%. So sánh diện tích mấy loại cây lương thực chính:

	1960	1963	Tỷ lệ (%)
Lúa	9.018 ha	10.876 ha	120
Ngô	7.423 ha	10.547 ha	142
Khoai	275 ha	1.110 ha	400
Sắn	154 ha	775 ha	500

Về sản lượng, bình quân giá trị sản lượng trồng trọt tăng (...) bình quân sản lượng lương thực quy ra thóc tăng (...).

Tốc độ phát triển về diện tích và sản lượng các loại cây trồng như trên là khá nhanh. Vì vậy:

- Lúa so với năm mới hòa bình tăng 5.360 tấn,
- Lúa so với năm 1939 (thuộc Pháp) tăng 8.645 tấn,
- Đặc biệt hoa màu (khoai, sắn,...) so với 1960 tăng từ 4 đến 5 lần.

Những thắng lợi trên đã giải quyết về cǎn bản nạn đói lưu niêm ở vùng cao và rõ rệt nhất là ở các vùng đồng bào Mán ở Nậm Lúc (Bắc Hà), vùng đồng bào Mèo ở Cao Sơn, Muồng Khuong, nhân dân không sợ bị nạn đói đe dọa năm này sang năm khác nữa. Hơn thế nữa, một số nơi thuộc vùng cao không những tự túc được mà còn bán một phần lương thực cho Nhà nước. Thắng lợi thứ hai về sản xuất lương thực là trước đây Lào Cai vẫn phải xin tiếp trợ của Trung ương hằng năm khoảng 3.000 tấn gạo, nhưng đến 1963 do sản xuất lương thực khá, chỉ xin 1.781 tấn và triển vọng năm 1964 Lào Cai có thể tự túc được.

Tuy vậy khả năng trồng cây lương thực ở Lào Cai còn nhiều, không những ở vùng thấp mà cả ở vùng cao, không những về hoa màu mà cả về thóc lúa. Ngoài khả năng tăng diện... Lào Cai còn có nhiều khả năng tăng vụ, tăng năng suất và còn nhiều ruộng đất (trong đó đại bộ phận ruộng đất vùng cao) mới cấy một vụ và tác dụng về kỹ thuật nói chung còn ít, năng suất còn thấp.

Về cây công nghiệp cũng được chú ý đẩy mạnh phát triển. Có những loại phát triển mạnh như đậu tương, chè, mía, trầu, thảo quả... Bình quân hằng năm diện tích cây công nghiệp tăng khoảng (...).

Về chăn nuôi, giá trị chăn nuôi năm 1962 tăng 10% so với năm 1960 và năm 1963 tăng hơn mấy năm trước nhiều. Đáng chú ý đàn lợn tăng từ 28.852 con năm 1961 lên 38.732 con năm 1962 và lên 45.600 con năm 1963 (tính đến cuối kỳ kế hoạch). Riêng đàn bò, dê tăng nhanh gấp đôi, gấp ba vì gần đây bắt đầu được chú ý.

Về nghề rừng, ở Lào Cai cũng rất quan trọng; vì rừng núi chiếm tới (...) tổng số diện tích. Tài nguyên rừng còn rất phong phú chưa được khai thác mấy. Nên làm tốt nghề rừng không những nâng cao đời sống nhân dân, phục vụ tốt xuất khẩu, chống được xói mòn, bạc màu, giữ gìn độ ẩm cho đất. Làm tốt nghề rừng còn phát huy được khả năng tiềm tàng sẵn có của địa phương để xây dựng cơ sở vật chất cho hợp tác xã góp phần củng cố hợp tác xã. Ví dụ hợp tác xã Mỏ Sinh có 16 hộ trồng được 6.000 trầu hiện nay trầu mới lớn đã đáng giá mỗi cây 2đ5. May mắn nữa hợp tác xã sẽ thu hoạch hàng vụ khá nhiều tiền về trầu và do đó xã viên càng gắn bó với hợp tác xã hơn.

Mấy năm qua tỉnh đã chú trọng phát triển nghề rừng, vì vậy tốc độ phát triển bình quân nghề rừng tăng trong 3 năm là (...)% và so với năm 1960 tăng (...)% . Công tác bảo vệ cải tạo và trồng rừng đã được chú ý và có tiến bộ hơn trước.

Công tác vận động đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế văn hóa miền núi cũng được tiến hành tích cực. Ba năm qua đã có 7.178 đồng bào ở miền xuôi lên ở Lào Cai, đồng bào đã khai hoang được (...) ha ruộng đất, ngoài ra còn sản xuất xen kẽ vào các hợp tác xã địa phương. Trừ 1.182 người trở về quê cũ, số đồng bào ở lại nói chung đã ổn định nhà cửa, sản xuất, nhiều người có thu nhập khá và có quan hệ tốt với đồng bào địa phương. Một số những va chạm giữa đồng bào xuôi lên và nhân dân địa phương đã được chú ý giải quyết.

Công tác vận động định cư định canh đã thực hiện có kết quả ở một số nơi và đã có ít nhiều kinh nghiệm. Vấn đề này hiện nay đang trở thành một yêu cầu cấp bách, song sự chú ý cũng chưa được đầy đủ.

Về công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp: tổng sản lượng so với năm 1960 tăng (...) %, bình quân trong 3 năm tăng (...) %. Nhờ mở rộng cơ sở và tăng cường thiết bị, riêng công nghiệp quốc doanh tăng bình quân trong 3 năm là (...) %, từ chỗ

có 6 cơ sở sản xuất năm 1960 nay đã có (...) cơ sở sản xuất. Các mặt hàng tăng nhiều.

Về *giao thông, bưu điện*: hai năm 1961 - 1962 vốn đầu tư đã tăng 6,5% so với số vốn cả 3 năm trước cộng lại. Tỉnh đã tập trung lực lượng giải quyết những đường kinh tế quan trọng và hiện nay ôtô đã có thể đi tới các huyện trong tỉnh. Điện thoại đã nối liền từ tỉnh tới các khu vực và đã chạy suốt dọc biên giới.

Về *thủy lợi*: thủy lợi được đẩy mạnh cả vùng thấp và vùng cao. Riêng hai năm 1961, 1962 không kể nhân vật lực đóng góp của nhân dân, số vốn của Nhà nước đầu tư làm thủy lợi đã tăng hơn 3 lần so với cả 4 năm trước cộng lại.

Công tác thương nghiệp, tài chính, ngân hàng cũng có nhiều tiến bộ. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội hằng năm so với 1960 tăng 3,8%. Thu mua bình quân tăng 6,6%, cho vay và thu nợ hằng năm tăng khoảng 40%, lương thực được ổn định, nghĩa vụ thuế được ổn định. Đặc biệt tỉnh đã nghiên cứu hoàn cảnh điều kiện từng vùng để quy định mức thu mua hợp lý đã làm cho nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Như huyện Bắc Hà thu mua lớn trong tháng 11-1963 bằng trọng lượng mua được trong cả năm 1962.

Mấy năm qua trong lãnh đạo sản xuất tỉnh còn có những ưu điểm nổi bật như đã xác định được phương hướng sản xuất phù hợp với đặc điểm từng vùng theo tinh thần Nghị quyết về sản xuất nông nghiệp miền núi của Trung ương và đang tiến tới xác định phương hướng sản xuất cho từng vùng nhỏ trong mỗi địa phương. Trong phương hướng sản xuất, tỉnh rất chú trọng phát triển các loại cây trồng đã có tập quán trong địa phương, đồng thời tích cực nhập nội một số giống nước ngoài như bò sữa, cây lê, táo, đậu răng ngựa, lúa đại mạch, v.v. hoặc tích cực chuyển các loại giống từ vùng này sang vùng khác như lúa chiêm, đậu tương, khoai, sắn. Đối với thuốc phiện tỉnh cũng đã kiên quyết vận động bỏ trồng, thăng lợi đã hầu khắp các xã trong tỉnh và thay thế bằng

các cây khác. Về mặt kỹ thuật, tỉnh cố gắng xây dựng một số trạm, trại thí nghiệm, đào tạo nhiều cán bộ kỹ thuật cung cấp cho các huyện, các xã; đã chú trọng phát triển mạnh mạng lưới thủy lợi và bước đầu gây được chuyển biến trong công tác chống xói lở bờ kè, tích cực khai hoang nhiều nương ruộng bậc thang và bước đầu thu được kết quả tốt trong vấn đề cải tiến công cụ và sử dụng nông cụ cải tiến.

Tuy nhiên, tỉnh vẫn còn những khuyết điểm, nhược điểm: chú ý trong tăng diện tích nhưng ít chú trọng tăng năng suất tốt vì vậy năng suất nhiều loại cây trồng ngày càng bị tụt, vấn đề tăng vụ cũng chưa được lưu ý đúng mức. Công tác cải tiến nông cụ nói chung còn yếu và riêng vùng cao yếu hơn, cụ thể trong 58 hợp tác xã vùng cao huyện Bắc Hà chỉ có 10 hợp tác xã có ít cao cổ cải tiến, ngoài ra không có một thứ nông cụ cải tiến nào khác. Trong vận động cải tiến kỹ thuật, trừ thủy lợi làm tương đối mạnh, các biện pháp khác còn kém. Vài năm gần đây, tỉnh đã chú trọng nghề rừng và cây công nghiệp nhưng chưa đầy đủ. Trong nghề rừng còn xem nhẹ. Trong vận động trồng cây công nghiệp có vùng chưa được chú ý như vùng thấp tăng 27% diện tích, vùng cao tăng 7%, nhưng vùng giữa chỉ tăng có 1,7%. Trong công nghiệp, công nghiệp quốc doanh được quan tâm lãnh đạo nhưng thủ công nghiệp còn bị coi nhẹ vì vậy sản lượng công nghiệp quốc doanh bình quân hằng năm tăng 54,3%, nhưng sản lượng thủ công nghiệp chỉ tăng có 0,7%. Các đường giao thông nông thôn và các phương tiện vận tải thô sơ hợp với miền núi chưa phát triển. Về kiến thiết cơ bản ở các thị xã, thị trấn tăng nhanh khối lượng xây lắp thiết bị thể hiện bằng tiền hai năm 61, 62 bằng 4 năm trước cộng lại, nhưng kiến thiết cơ bản ở nông thôn gần như chưa có gì; trường học, trạm xá, sân phơi, nhà kho bằng gạch rất ít.

Về thương nghiệp đã vận dụng phương châm lấy gần bù xa, lấy lãi bù lỗ tương đối tốt, đã cung cấp nhiều thứ hàng hóa hợp thị hiếu các dân tộc nhưng việc phổ biến tiêu chuẩn chính sách

như vấn đề cung cấp vải cho những gia đình có đám ma, đám cưới làm rất chậm, thậm chí Chính phủ giao cho Ủy ban hành chính, xã có quyền cấp giấy chứng nhận cho những gia đình có đám ma, đám cưới, sinh đẻ nhưng thương nghiệp không chấp hành, gây khó khăn cho những gia đình trên khi cần đến. Thái độ của cán bộ, nhân viên mậu dịch trong khi mua bán với đồng bào các dân tộc có tiến bộ hơn trước nhưng còn nhiều biểu hiện xấu làm cho nhân dân hiểu lầm và các phần tử xấu lợi dụng chia rẽ dân tộc.

II. VĂN HÓA, XÃ HỘI

Trên cơ sở các hợp tác xã được củng cố, sản xuất phát triển mấy năm qua sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, thể dục thể thao đầy mạnh và đã thu được nhiều thành tích:

Về văn hóa: Phong trào văn hóa quần chúng đã đạt những bước tiến mới. Ngày nay hầu khắp các xã đã có những tổ, nhóm văn nghệ, nhiều cơ quan, xí nghiệp đã có những đội văn nghệ nghiệp dư, văn công chuyên nghiệp đã phát huy tác dụng nòng cốt hướng dẫn và khai thác vốn văn nghệ dân tộc, mà đỉnh cao nhất là hội diễn tháng 11-63 vừa qua có tới 50 đội tổ văn nghệ của 14 dân tộc khác nhau trong tỉnh, biểu diễn 150 tiết mục với nhiều màu sắc dân tộc khác nhau.

Chiếu bóng từ 3 đội 1960 nay tăng lên 7 đội. Bình quân mỗi người ở nông thôn được xem chiếu bóng gần 3 lần một năm. Phim đèn chiếu phù hợp với trình độ nhân dân nhất là vùng cao và tiện đi sâu vào những làng bản xa xôi, hẻo lánh được sử dụng tốt mấy năm trước, nhưng gần đây bị coi thường và hoạt động giảm sút. Các hình thức tham quan triển lãm, thao diễn kỹ thuật được tăng cường các hình thức thông tin, phổ biến sách báo, làm được tuy còn ít đã giúp nâng cao hiểu biết của nhân dân cả về chính sách, thời sự, khoa học.

Công tác cải tạo phong tục tập quán có nhiều kết quả tuy có lúc giáo dục không liên tục, một số hủ tục lại trở lại. Công tác cải tạo và sử dụng mo then ở một số xã đã làm tốt.

Về giáo dục trong hai năm 1962, 1963, số trường và số học sinh tăng gấp hai lần so với năm 1960 (1960 có 2.897 em; 1962 có 5.605 em; 1963 có 5.700 em). Đầu năm 1960 trong tỉnh còn 50 xã trống chưa có cơ sở nhưng đến nay xã nào cũng có trường phổ thông cấp I và đại đa số các thôn đã có lớp vỡ lòng. Năm 1960 có 33% số em trong tuổi đi học được đến trường, sang 1963 đã tăng lên 55%. Bên cạnh hệ thống trường phổ thông, các trường đào tạo cán bộ tại chỗ đều được thành lập ở các huyện và một số khu vực, tạo điều kiện nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ xã. Trường ký túc xá của con em các dân tộc ở tỉnh được duy trì, đồng thời tỉnh đã mở hàng loạt ký túc xá dân lập ở các xã để thuận lợi cho con em các dân tộc theo học. Trường sư phạm đào tạo các giáo viên người địa phương được tiến hành tích cực, toàn tỉnh đã có 17 xã thanh toán xong nạn mù chữ. Đặc biệt Lào Cai đã xây dựng chữ Mèo cho một xã đầu tiên trên miền Bắc (xã Bản Phố, Bắc Hà). Năm 1963 số học sinh chữ Mèo tăng hơn 1962 là 4,5%, chữ Mèo được bắt đầu sử dụng trên báo và được sử dụng rộng rãi hơn. Số học sinh dân tộc ở các trường ngày càng đông:

	NK¹ 60 - 61	NK 61 - 62	NK 62 - 63	NK 63 - 64
Phổ thông	1.423	2.617	2.183	2.195
Võ lòng	2.530	2.557	3.051	3.316
Sư phạm	30	48	117	Chưa có số liệu

Về y tế: mấy năm qua đã có nhiều cố gắng, nhất là trong công tác phòng bệnh và phòng dịch. Nhờ công tác giáo dục, vận động

1. NK: Niên khóa - BT.

hiện nay đã có tới 80% số người uống nước đun sôi, 95% số người vùng thấp nằm mìn, về việc giữ gìn vệ sinh nói chung có nhiều tiến bộ, 3 năm qua việc phun thuốc muỗi lại tiến hành liên tục, số người sốt rét giảm xuống từ 60% (so với người ốm 1960) chỉ còn 25% năm 1962. Tiêm chủng phòng lao đạt tới 97% dân số. Chữa bệnh da liễu hai xã vùng đồng bào Mán có kết quả tốt, các bệnh dịch nguy hiểm không xảy ra. Một số bệnh dịch như sởi, ho gà... được phát hiện và dập tắt kịp thời hạn chế được tác hại. Công tác chữa bệnh có nhiều thành tích, mặc dù đường sá khó khăn nhưng các trường hợp cấp cứu thường được tiến hành tích cực. Tỷ lệ tử vong chỉ khoảng 1,2 bằng số người điều trị tại bệnh viện do đó làm cho đồng bào các dân tộc nhiều người đã tin ở thuốc và giảm bớt cúng bái. Cơ sở y tế được mở rộng, hiện nay các huyện đều có bệnh xá, 32 xã đã có trạm xá, cán bộ y tế lưu động được tăng cường phù hợp với hoàn cảnh làng bản xa bệnh xá, trạm xá, phù hợp với trình độ của đa số đồng bào chưa thật tin ở thuốc và tìm thuốc. Đôi công tác vệ sinh phòng bệnh, công tác thể dục thể thao cũng được phát triển và đã phát triển xuống huyện, khu vực và một số xã. Số người đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể năm 1962 tăng 49% so với 1960. Môn võ thuật dân tộc bước đầu được chú ý khai thác.

Tuy nhiên, trong các mặt công tác trên cũng còn nhiều khuyết nhược điểm:

- Việc nghiên cứu khai thác phát huy vốn văn học dân tộc chưa được đặt ra một cách thích đáng và thiếu người có khả năng. Nhiều vốn quý của nền văn học dân tộc đang có nguy cơ bị mai một. Công tác thông tin xã bị bỏ rơi một thời gian dài nay đang phục hồi. Tranh ảnh màu và tranh liên hoàn quần chúng các dân tộc rất ưa thích nhưng còn ít. Phim tài liệu, phim thời sự có tác dụng rất tốt giúp đồng bào các dân tộc tìm hiểu về mọi mặt đấu tranh, sản xuất của cả nước và thông qua đó mở rộng hiểu biết về Tổ quốc Việt Nam, nhưng những phim trên không vừa với cỡ máy lưu động (phim 16 ly) nên không chiếu được. Đáng chú ý một số xã

từ ngày có chính quyền ta đến nay mới được đội chiểu bóng đến một lần, có hai xã chưa được đội đến lần nào. Các Ban Văn hóa thông tin xã có ít và lại chưa được chú trọng lãnh đạo và giúp đỡ phương tiện hoạt động, nhiều phong tục tập quán lạc hậu có hại cho sản xuất, cho công tác học tập và cho sự phát triển nói giống còn tồn tại, có nơi còn tồn tại nghiêm trọng như nạn loạn đâm trong đồng bào Mán, đồng bào U Ní, nạn tảo hôn còn phổ biến. Nạn tự tử, tự sát trong đồng bào Mèo; có tập tục dã man như hẽ cữ để sinh đôi là đập chết con hoặc cho nhịn đói chết trong đồng bào U Ní. Ma chay, cưới xin tuy so với trước có giảm nhưng vẫn còn tốn kém rất nhiều. Đa số mo then chưa được cải tạo tốt; ảnh hưởng mê tín dị đoan trong đồng bào các dân tộc còn nặng. Nhìn chung công tác cải tạo phong tục tập quán, việc phổ biến khoa học kỹ thuật, việc tuyên truyền, vận động thực hiện đời sống mới trong đồng bào các dân tộc còn rất nặng nề.

Công tác giáo dục phổ thông phát triển nhanh, con em các dân tộc đi học ngày càng đông nhưng tỷ lệ mới chiếm 40% trong tổng số học sinh cấp I, II, III và điều đáng chú ý học sinh cấp II, III còn quá ít. Cụ thể: niên khóa 1963-1964 tổng số học sinh cấp I, II, III có 5.700 nhưng học sinh các dân tộc chỉ có 2.195, trong đó cấp I có 2.195, cấp II có 50 và cấp III chỉ có 7. Sinh viên đại học là con em các dân tộc Lào Cai.

Trường ký túc của con em các dân tộc ở huyện không có, đây là điều rất khó khăn trở ngại cho con em các dân tộc học hết cấp I lên cấp II. Trường ký túc của tỉnh hàng năm chiêu sinh nhưng học sinh bỏ về nhà nhiều, mãn khóa chỉ được độ 1/3, 1/4; nhiều học sinh không biết tiếng phổ thông, do đó biết chữ nhưng không biết nghĩa; học không tác dụng, sinh chán. Bài vở nhiều khi lắp nguyễn văn như miền xuôi nên học sinh khó hiểu, kém hứng thú. Công tác bổ túc văn hóa cho cán bộ xã còn ít kết quả, đến nay còn 308 đảng viên, cán bộ Ủy ban hành chính xã, quản trị, kế toán hợp tác xã chưa được thanh toán nạn mù chữ. Sử dụng chữ Mèo còn nhiều

lúng túng trong đó có vấn đề mượn tiếng dân tộc chưa được khẳng định dứt khoát. Công tác xây dựng trường lớp còn nặng phát triển, nhẹ củng cố, hiện nay mỗi lớp bình quân chỉ có 13 học sinh.

Công tác vệ sinh phòng bệnh còn nhiều tồn tại lớn. Việc phổ biến cách ăn ở, mặc hợp khoa học vệ sinh còn ít. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em ở nông thôn và các dân tộc ít người chưa được chú trọng, số trẻ sơ sinh vùng đồng bào Mèo, Mán chết còn nhiều. Bệnh di truyền làm hại nòi giống ở một số nơi chưa được giải quyết triệt để, chế độ chữa bệnh cho các cán bộ chủ chốt ở xã như tiêu chuẩn cán bộ trong biên chế Nhà nước chưa được thực hiện. Thái độ phân biệt đối xử đối với bệnh nhân người đa số và những dân tộc thiểu số còn tồn tại trong nhiều cán bộ, nhân viên ngành y tế.

III. VỀ CHÍNH TRỊ

Mấy năm qua công tác xây dựng Đảng đã có thành tích lớn: tổng số chi bộ và tổng số đảng viên trong tỉnh tăng gấp hai lần, riêng chi bộ nông thôn và đảng viên các dân tộc tăng trên hai lần so với năm 1960. Năm 1960 có 133 chi bộ, 1956 đảng viên trong đó có 46 chi bộ nông thôn và 640 đảng viên dân tộc; năm 1963 có 255 chi bộ, 3.540 đảng viên, trong đó có 101 chi bộ nông thôn và 1.500 đảng viên dân tộc.

Công tác phát triển Đảng hàng năm được tiến hành tích cực, trong đó có chú ý đến thành phần dân tộc. Đến nay 19 dân tộc và toàn bộ các xã trong tỉnh đã có đảng viên và trong tổng số 121 xã chỉ còn 19 xã là chi bộ ghép. Nói chung các đảng viên mới kết nạp đều được đảm bảo đúng tính chất giai cấp, tính chất tiên phong của Đảng.

Về mặt củng cố, qua các đợt giáo dục và thực hiện các chính sách, trình độ giác ngộ của đảng viên được nâng lên một bước. Một số ít chi bộ nông thôn đã làm nổi bật vai trò lãnh đạo toàn diện và

một số khác đã làm nổi bật vai trò lãnh đạo từng mặt công tác. Nhiều chi bộ đã nám được công tác trung tâm, số chi bộ kém và đảng viên kém giảm dần.

Trong công tác xây dựng Đảng, tinh thần tích cực đấu tranh với các tư tưởng hẹp hòi, tư tưởng cầu toàn đối với các đối tượng người dân tộc ít người và đã vận dụng linh hoạt đặc điểm địa phương, đã kết nạp một số khá đông đối tượng có liên quan đến vấn đề phi. Trong số đảng viên kết nạp lớp 6-1 có 30% có liên quan đến vấn đề này, nhưng qua thẩm tra nói chung đều tốt.

Về công tác xây dựng, củng cố chính quyền từ 1960 đến nay, Lào Cai đã tiến hành 5 kỳ bầu cử từ xã đến tỉnh, công tác kiện toàn được chú ý thường xuyên. Đại biểu các tầng lớp nhân dân và đại biểu các dân tộc đã chiếm tỷ lệ thích đáng trong chính quyền các cấp, Tỉnh ủy luôn luôn quan tâm tăng cường chất lượng cho chính quyền nhằm làm cho bộ máy chính quyền ngày càng vững mạnh. Số đảng viên có 816 người chiếm 30,8% trong tổng số đại biểu hội đồng nhân dân, cũng vì vậy uy tín của chính quyền càng ngày được đề cao, ý thức xây dựng, tôn trọng và bảo vệ chính quyền của nhân dân các dân tộc có nhiều tiến bộ. Sinh hoạt của hội đồng nhân dân tỉnh, huyện đảm bảo tương đối đều kỵ. Nhiều Ủy ban hành chính xã đã có khả năng vận dụng chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ được tốt và một số ít xã đã tự động công tác được.

Công tác thanh niên, phụ nữ, công tác thiếu niên, nhi đồng và công tác mặt trận mấy năm qua cũng có nhiều cố gắng trong xây dựng, củng cố tổ chức và trong vận động thực hiện các công tác chủ yếu của ngành, giới mình. Đoàn thanh niên đã phát triển với tốc độ nhanh và mạnh. Riêng nông thôn năm 1960 chỉ mới có 7 chi đoàn với hơn 7 chục đoàn viên. Nay đã lên tới (...) chi đoàn và (...) đoàn viên, trong tổng số 355 chi đoàn và 6.984 đoàn viên toàn tỉnh. Hoạt động của phụ nữ nổi bật nhất là trong vận động phụ nữ cày bừa và thực hiện chăn nuôi. Số phụ nữ biết cày bừa có (...) người.

Công tác thiếu niên nhi đồng bước đầu được các cấp, các ngành chú ý và đã có những hoạt động tích cực như tổ chức trại hè, động viên thiếu niên thi đua làm việc tốt thực hiện kế hoạch nhỏ... Về mặt trận trong cải cách dân chủ, công tác mặt trận làm tốt việc tranh thủ cải tạo và sử dụng lớp trên khiến họ tiếp thu, cải tạo tương đối tốt và do đó trong các phần tử lớp trên ít nhiều đều còn có thắc mắc với ta nhưng họ không dám có hành động trảng trợn chống phá ta. Lâu nay công tác phụ lão bị lãng quên nhưng đến gần đây có huyện đã chú trọng công tác này, làm tốt công tác phụ lão không những phát huy được trí tuệ và khả năng của phụ lão trong sản xuất và trong đấu tranh, làm tốt công tác này còn có tác dụng tranh thủ những người tốt, những người đứng đầu gia đình, đứng đầu dòng họ và tranh thủ tầng lớp trên một cách tinh tế và có kết quả.

- Các lực lượng vũ trang, bán vũ trang cũng được xây dựng củng cố vững mạnh hơn trước nhiều. Riêng dân quân tự vệ năm 1956 mới có 2.000 người, nay đã phát triển tới 12.259 người tức 10% dân số và hiện nay 100% số thôn, xã đã có dân quân tự vệ. Về lực lượng dân quân từ trong kháng chiến đến nay vẫn xứng đáng là lực lượng nòng cốt thực hiện các chính sách, xứng đáng là đầu tàu trong sản xuất và gìn giữ trật tự an ở nông thôn. Về lực lượng công an xã mới được chú ý xây dựng từ 1960 đến nay lực lượng này đã trải qua thử thách, kiện toàn và nói chung đảm bảo tốt.

- Các lực lượng thường trực, công an vũ trang đều có những tiến bộ vượt bậc. Năm 1960 còn phải tuyển thêm từ các tỉnh miền xuôi lên, đến 1963 tỉnh đã có khả năng tuyển bổ sung cho một số đơn vị khác. Mặc dù trong các lực lượng có tới trên 10 dân tộc, trình độ rất chênh lệch nhau, nhưng các chương trình giáo dục chính trị, huấn luyện chiến kỹ thuật hàng năm đều đạt được kết quả tốt, tình trạng đào ngũ mấy năm trước rất nhiều nay chỉ còn lẻ tẻ.

Công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng bảo vệ trật tự trị an xã hội cũng có nhiều chuyển biến tốt. Mặc dù đế quốc Mỹ

và bọn tay sai cùng nhiều bọn phản cách mạng khác ra sức lợi dụng các đặc điểm của địa phương miền núi tích cực tăng cường các hoạt động phá hoại, đặc biệt âm mưu tung gián điệp, biệt kích ra phá hoại ngày càng trở nên ráo riết, gay gắt và âm mưu của bọn phản động địa phương luôn tìm mọi cách gây vũ trang bạo loạn nhưng do các cố gắng của ta, tình hình địa phương vẫn ngày càng ổn định hơn trước.

Năm 1959 xảy ra vụ bạo loạn ở A Lù (Bát Xát), năm 1960 lại xảy ra vụ bạo loạn ở Pha Long (Mường Khương) nhưng từ bấy đến nay tỉnh đã kịp thời ngăn ngừa và đập tan từ trong trứng một số vụ khác. Đầu tháng 6-1963 vừa qua bọn Mỹ - Diệm tung một toán gián điệp, biệt kích xuống Phú Nhuận (Bảo Thắng) đã bị các lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương bắt gọn. Trong khoảng những năm 1958-1960, bọn đặc vụ và phản cách mạng Trung Quốc chạy sang biên giới Lào Cai rất nhiều, cũng trong thời gian trên bọn phản động địa phương cũng hoạt động mạnh. Bọn phi lẩn trốn trong rừng đầu năm 1960 còn (...)¹ tên. Bọn tề ngụy, phi đảng phái phản động cũ chưa chịu cải tạo còn nhiều, số chống đối chiếm tới 14,7% trong tổng số đối tượng.

Trước tình hình trên, 4 năm qua tỉnh đã kết hợp chặt chẽ với các cuộc vận động lớn, liên tục mở các cuộc vận động quần chúng đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, tăng cường công tác phòng chống gián điệp, biệt kích, tích cực trấn áp bọn phá hoại hiện hành, đặc biệt hai năm gần đây tỉnh đã tiến hành 3 đợt tập trung cải tạo những phần tử nguy hiểm cho an ninh xã hội, đã quét được một bộ phận quan trọng về lực lượng của địch, các cơ quan, xí nghiệp ý thức bảo mật phòng gian cũng có nhiều tiến bộ, tình hình nội bộ được sàng lọc trong sạch hơn một bước, mục tiêu quan trọng được bảo vệ tuyệt đối an toàn, các vụ hư hại kinh tế

1. Bản gốc mò - BT.

giảm đi rõ rệt (năm 1962 xảy ra 128 vụ, năm 1963 chỉ xảy ra có 72 vụ, đặc biệt không để xảy ra một vụ tai nạn chết người nào).

Về mặt trị an xã hội, trộm cắp, buôn lậu giảm nhiều. Việc phổ biến pháp luật và việc giải quyết các vấn đề về tranh chấp ruộng đất, tài sản, về hôn nhân gia đình... đã giảm, nhân dân yên tâm sản xuất và góp phần quan trọng củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc. Các vụ giết người vì ma chài xảy ra khá phổ biến những năm trước đến nay đã được chấm dứt. Trong các thành tích trên, thành tích nổi bật nhất của công tác trị an mấy năm qua là đã phát động và nâng cao khí thế cách mạng của quần chúng, động viên được đông đảo cán bộ và nhân dân các dân tộc tích cực tham gia đấu tranh chống địch phá hoại, bảo vệ trật tự an ninh và phục vụ tốt công tác trung tâm địa phương mà tiêu biểu là xã Thanh Bình, một xã có phong trào bảo vệ trị an tốt nhất trong các xã vùng cao trên toàn miền Bắc (1963) đã xứng đáng nhận Bằng khen của Hồ Chủ tịch.

Nhìn chung các mặt công tác trên đều đạt được những thành tích lớn đáng kể. Song cũng còn những mặt yếu:

- Trong công tác xây dựng Đảng, công tác củng cố chưa theo kịp công tác phát triển, việc giáo dục bồi dưỡng huấn luyện đảng viên sau khi kết nạp còn ít, hầu hết các đảng viên nông thôn đến nay chưa được học Điều lệ mới của Đảng. Nhìn chung công tác phát triển có tích cực nhưng còn một số khá nhiều cơ sở còn xem nhẹ công tác phát triển Đảng. Như huyện Bắc Hà có 39 xã thì 22 xã trong năm 1963 không phát triển được đảng viên nào và 14 xã cả 2 năm 1961-1962 cũng không phát triển được đảng viên nào.

- Trong công tác phát triển có 2 khuynh hướng: hoặc chặt quá hoặc lỏng quá. Khuynh hướng thứ nhất này nặng hơn thường đòi hỏi các đối tượng kết nạp những điều kiện quá cao, không phù hợp với hoàn cảnh như đòi hỏi, quá khả năng sự hiểu biết về lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin hoặc đòi hỏi phải có thành tích kháng chiến... hẹp hòi, cầu toàn, không tích cực tạo điều kiện khắc phục

những mặt yếu nào đó của đối tượng như vấn đề còn mê tín dị đoan, đi công tác còn hay tạt về nhà... để có thể tiến tới kết nạp được. Khuynh hướng thứ hai biểu hiện ở sự chiểu cố quá mức như đã kết nạp một số thuộc loại xấu, quá kém hoặc không đủ tiêu chuẩn vào Đảng như thầy cúng chuyên nghiệp, người nghiện hút hoặc có vấn đề chính trị phức tạp.

Công tác phát triển Đảng có tiến bộ, nhìn chung tất cả các xã đều có đảng viên nhưng chất lượng còn yếu và số lượng còn ít, lực lượng đảng viên nói chung còn mỏng, chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng hiện nay như 8 xã thuộc khu vực Lùng Phình huyện Bắc Hà, mỗi xã có từ 700 đến 900 nhân khẩu nhưng mới chỉ 1 chi bộ có 11 đảng viên, còn 7 chi bộ khác chỉ có 2 - 5 đảng viên vì đến nay trong toàn tỉnh còn 313 thôn và 109 hợp tác xã chưa có đảng viên. Tỷ lệ đảng viên so với dân số trong từng dân tộc cũng có vấn đề chênh lệch: Tày 2,66%, Nùng 1,3%, Nhăng 1,2% nhưng Mán có 0,9% và Mèo có 0,7%... Năm năm trước đây cơ sở Đảng ở nông thôn chỉ có vén vẹn ở một số ít xã vùng thấp, nay ở cao và giữa đã phát triển được như trên là có sự cố gắng lớn nhưng cần chú ý hơn đến công tác xây dựng Đảng vùng rẽo cao và giữa vì ở 2 vùng này số lượng và chất lượng đảng viên đều còn yếu hơn so với vùng thấp. Chính quyền các cấp đã được kiện toàn, củng cố hơn một bước nhưng các thành phần dân tộc trong chính quyền còn nặng tượng trưng, số đại biểu tích cực hoạt động còn ít. Vấn đề thực chức, thực quyền nhất là đối với các đại biểu dân tộc ít người còn là vấn đề khó khăn lâu dài. Việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chính quyền kể cả các đại biểu Hội đồng nhân dân làm còn kém như năm 1963 không mở được lớp huấn luyện nào cho cán bộ huyện, xã, giữa huấn luyện cán bộ chính quyền huyện, xã không được dùng đến, do đó hạn chế phát huy chức năng của chính quyền đốc đạo thực hiện toàn bộ các công tác của Đảng, Chính phủ.

Công tác dân vận nói chung có nhiều ưu điểm đã xoay quanh và phục vụ tốt công tác trung tâm nhưng đối chiếu với những

nhiệm vụ chủ yếu tinh giao cho thanh niên, phụ nữ thì nhiều mặt đạt còn yếu. Công tác vận động cải tiến nông cụ, cải tiến kỹ thuật canh tác, vận động cải tiến nông cụ còn kém nhất là ở vùng cao và giữa càng quá kém, một phần do đó năng suất các loại cây trồng ngày càng sụt, ở một số nơi thanh niên, phụ nữ đã xây dựng được điển hình tốt về làm phân bón phân, chăn nuôi, cải tiến giao thông vận tải như dùng trâu, bò thồ. Xây dựng nhóm trẻ lưu động trông trẻ tại nương... phù hợp với điều kiện làm ăn vùng cao nhưng chưa phát huy được tốt tác dụng các điển hình này. Đại bộ phận phụ nữ vùng cao chưa biết cày bừa và chưa thể đảm nhiệm những công việc chính trong gia đình nên rất kìm hãm nam giới thoát ly công tác. Việc khâu vá của phụ nữ còn mất quá nhiều thời giờ chưa được nghiên cứu cải tiến, chiếc váy Mèo phải mất khoảng một năm mới xong tốn mất nhiều thời giờ có thể làm việc khác.

Công tác thiếu niên nhi đồng chưa được chú ý đúng mức, tổ chức thiếu niên nhi đồng mới được xây dựng quanh các thị xã, thị trấn khoảng 1/2 số thiếu nhi đến tuổi học chưa được đi học. Nhiều thói hư tật xấu đang tồn tại trong thiếu nhi như trai gái, tảo hôn do đó giảm bớt tinh thần ham học và không muôn xa nhà đi học những lớp dài ngày.

Sau cải cách dân chủ, công tác mặt trận bị xem nhẹ hẳn. Nhiều cán bộ chưa thấy nếu làm tốt công tác mặt trận sẽ giảm bớt trách nhiệm trong công tác. Đối với lớp trên, có một số đồng chí tỏ thái độ căm ghét, không tôn trọng chức quyền của họ, không giáo dục sử dụng họ, không bàn bạc để họ tự làm, hễ thấy họ có phản ứng không muốn dùng phương thức đấu tranh để đoàn kết họ mà chỉ muốn trấn áp, quát tháo, xử phạt bắt đi cải tạo hoặc cho thôi việc về nhà, ngại làm công tác tranh thủ, ngại phát động quần chúng, lấy quần chúng làm chỗ dựa đấu tranh cải tạo họ.

Mo then ít nhiều còn uy tín vì ảnh hưởng mâu thuẫn trong quần chúng còn nặng, có nơi giáo dục và sử dụng tốt mo then

nhưng có nơi không dùng hình thức mặt trận mà công an gọi mo then đến lớp học, quần chúng sợ bắt mắng mo then kéo nhau về huyện xin thả họ về.

Địa chủ, phú nông không được chú ý cải tạo thường xuyên. Việc thay đổi thành phần cho địa, phú nơi làm nơi không làm, nói chung nhiều địa phú đã quá thời gian được thay đổi thành phần nhưng chưa được thay đổi. Việc thanh toán các khoản trung mua trong cải cách dân chủ chưa được giải quyết, một số địa chủ tỏ ý mong đợi. Ranh giới giai cấp ở nông thôn đến nay mờ đi nhiều có thể do chỗ nhấn mạnh vấn đề đoàn kết dân tộc nhưng lâu nay ít giáo dục quan điểm lập trường giai cấp. Nhiều nơi cho địa phú và những phần tử tinh nguy, phỉ chưa chịu cải tạo vào hợp tác xã làm xã viên dự bị hoặc để giám đốc lao động nhưng trong thực tế không có ranh giới gì rõ rệt giữa xã viên dự bị với xã viên chính thức vì vậy bọn này đã gây nhiều khó khăn cho hợp tác xã, chúng đã lợi dụng một số sơ hở để phá hợp tác xã.

Về công tác trị an cũng còn nhiều vấn đề tồn tại cần chú ý. Việc giáo dục âm mưu địch và tinh thần cảnh giác cách mạng cán bộ và quần chúng một số nơi chưa được sâu sắc, cũng vì vậy kẻ địch vẫn còn lợi dụng được chiêu bài dân tộc để đả kích chế độ ta, chúng thường chia rẽ giữa dân tộc này với dân tộc khác chủ yếu giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số. Việc nắm tình hình địch nhất là đối với kẻ địch ẩn náu bí mật chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác củng cố những vùng quan trọng, hẻo lánh, cơ sở yếu làm còn chậm do đó chúng ta chưa thật yên tâm đối với những vùng này; công tác tập trung giáo dục cải tạo những phần tử nguy hiểm cho an ninh xã hội chưa hoàn thành về căn bản. Công tác cải tạo tinh nguy, phỉ dù chưa thường xuyên, liên tục. Việc thanh toán số phỉ còn lẩn trốn trên rừng chưa kiên quyết, khẩn trương và triệt để. Đấu tranh chống các tai nạn, tệ nạn xã hội có mặt chưa được tăng cường đúng mức do đó làm cho tình hình chưa bớt phức tạp như vấn đề trộm cắp, cũng có vấn đề do lịch sử để lại như vấn đề tự tử,

tự sát còn thường xảy ra ở vùng đồng bào Mèo. Ở đây có thể chỉ vì một xích mích nhỏ cũng dẫn đến tự sát.

Những vấn đề trên cần được tiếp tục khắc phục, giải quyết nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ sản xuất bảo vệ tốt tính mạng, tài sản của nhân dân và làm cho tình hình trị an ngày càng ổn định hơn.

Về đời sống:

Trên cơ sở sản xuất và văn hóa phát triển, đời sống nhân dân các dân tộc được nâng cao rõ rệt. Dưới đây là thống kê điều tra thu nhập ở một số dân tộc:

Dân tộc	1960		1962		% 1962 so 1960		Tăng bình quân 2 năm	
	Tổng thu	Thu thực tế	Tổng thu	Thu thực tế	Tổng thu	Thu thực tế	Tổng thu	Thu thực tế
Mèo	11,24	9,77	13,03	10,87	115,92	110,64	7,7	5,2
Mán	14,17	12,50	10,99	9,77	77,53	78,16	11,9	11,6
Thổ	14,19	10,86	15,67	13,65	110,42	125,69	5,1	12,1
Nhắng			17,90	15,46				

Như trên thu nhập hàng năm của đồng bào các dân tộc đều tăng. Trong đó có những xã hợp tác xã có những nguồn đặc sản như: thảo quả, hạt rau,... thu nhập rất cao, các mặt ăn, mặc, ở sinh hoạt của nhân dân đã thay đổi rất nhiều. Cụ thể tình hình một số xã dưới đây:

- Xã Lao Chải (đồng bào Mèo ở Sa Pa) hồi Pháp chiếm nhiều người bị chết đói, nhiều khi không có cơm, phải ăn đào trù bữa. Sau giải phóng chính quyền luôn phải cứu tế vải, gạo. Mấy năm trước đây 2/3 số hộ trong xã còn phải đói từ 3 tháng đến 5 tháng, đến 1962 bình quân nhân khẩu thu 288 kg thóc và nếu tính đến cả hoa màu chất bột thu 321 kg. Nay trong xã chỉ còn 1/3 số hộ thiếu từ 1/2 tháng đến 1 tháng.

- Xã Lao Chải (đồng bào U Ní huyện Bát Xát) trước giải phóng 80% số hộ trong xã thường thiếu đói từ 4 đến 8 tháng phải ăn củ nâu, củ báu thay cơm. Sau hòa bình Chính phủ phải cứu tế vải, gạo và hàng năm phải vận chuyển khoảng 10 tấn gạo lên bán cho xã này. Ngày nay việc ăn nâu báu gần chấm dứt hẳn, năm 1963 Lao Chải đã nộp 7 tấn thóc thuế và bán 5 tấn thóc nghĩa vụ cho Nhà nước.

Trước đây có nhiều người U Ní phải đi làm thuê các nơi xa, sau cải cách dân chủ được chia ruộng đất, trâu, ngựa và nay đời sống đã được cải thiện rất nhiều, có một số gia đình bần nông đã theo kịp mức sống trung nông.

- Xã Gia Phú (đồng bào Tày huyện Bảo Thắng) trong xã có 300 nhà, trước kia chỉ có 20 nhà gỗ lớn nay đã có tới 200 nhà gỗ lớn cột kê; đồ dùng trong nhà nói chung rất đầy đủ.

Về mặt học tập, sinh hoạt văn hóa cũng thay đổi, tiến bộ hơn trước rất nhiều. Năm 1960 còn (...) xã chưa có trường học nay tất cả các xã đều có trường, số học sinh (riêng phổ thông) tăng hơn 2 lần so với trước. Các bệnh xá, trạm xá được mở rộng, nhiều người đã bớt tin cúng bái mà tin thuốc, tìm thuốc. Công tác vệ sinh phòng bệnh, chữa bệnh có nhiều kết quả. Văn nghệ quần chúng phát triển mạnh; bình quân số người ở nông thôn xem chiếu bóng đã lên tới 3 lần 1 năm... Các tai nạn, tệ nạn, các phong tục tập quán lạc hậu có hại cho sản xuất và sức khỏe nhân dân giảm dần. Tình hình trị an ngày càng ổn định. Nói chung những cố gắng của tỉnh đã làm cho đời sống nhân dân ngày càng no ấm, tiến bộ và ngày càng yên vui, thanh bình hơn mấy năm trước.

Tuy nhiên so với miền xuôi thì đời sống của nhân dân Lào Cai còn những mặt thấp kém, nhất là về mặt văn hóa và so giữa vùng cao với vùng thấp cũng còn nhiều những lệch lạc.

Hiện nay tuy tài nguyên trong tỉnh còn rất phong phú nhưng về vấn đề sản xuất và đời sống của nhân dân Lào Cai còn phụ

thuộc rất lớn vào thiên nhiên, hơn nữa trình độ kỹ thuật nói chung còn rất lạc hậu vì vậy cần phấn đấu rất nhiều hơn nữa mới có thể nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc trong tinh tiến lên nhanh chóng được.

IV. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Do yêu cầu cách mạng ngày càng phát triển, nhất là từ khi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tinh rất coi trọng công tác đào tạo cán bộ, giáo dục, bồi dưỡng cán bộ. Là một tỉnh miền núi nhiều dân tộc, tinh rất chú trọng đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số và coi đó là then chốt để mở rộng mọi mặt công tác. Vì những cán bộ xuất thân trong dân tộc thiểu số nói chung đều có quan hệ xương máu và quan hệ quen thuộc với sinh hoạt phong tục tập quán, ngôn ngữ dân tộc đó. Do đó họ dễ tiếp xúc được với quần chúng, hiểu rõ nguyện vọng quần chúng và được quần chúng tín nhiệm, đồng thời tinh cũng chú trọng đúng mức đào tạo cán bộ nơi khác đến.

Mấy năm qua công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục cán bộ đã đạt được những kết quả tốt đẹp. Cụ thể năm 1960 tổng số cán bộ, công nhân, viên chức trong tinh có 4.250 người, đến 1963 đã tăng lên gấp hơn 2 lần gồm tất cả 8.966 người. Như vậy nói lên sự cố gắng lớn về công tác đào tạo cán bộ để cung cấp cho phong trào. Mấy năm qua tinh đã mạnh dạn cử nhiều cán bộ đi học, đa số các cán bộ lãnh đạo tinh, huyện đã được đi học các lớp huấn luyện do Trung ương và Khu mở. Riêng năm 1963 tinh đã cử 480 cán bộ đi học các lớp kinh tế, văn hóa, kỹ thuật. Cũng vì vậy, từ một tinh chỉ có dăm ba cán bộ kỹ thuật hồi mới giải phóng (1950) đến nay toàn tinh đã có (...) cán bộ sơ cấp, 369 cán bộ trung cấp, 61 cán bộ cao cấp kỹ thuật các ngành và trong 4 năm từ 1960 đến 1963 không kể các trường chuyên nghiệp, chỉ riêng 3 trường: Trường Đảng,

Trường Hành chính, Trường Hợp tác xã của tỉnh đã mở được 43 lớp huấn luyện cho 1.924 học viên thuộc 16 dân tộc trong đó có trên 50% là cán bộ các dân tộc vùng cao, kết quả các lớp huấn luyện này đã cung cấp một số đông cán bộ cho phong trào, đã nâng cao trình độ lý luận, nâng cao nhận thức tư tưởng, nhận thức chính sách và nhiệt tình cách mạng cho cán bộ góp phần tích cực đẩy mạnh các mặt của địa phương.

Về mặt đề bài, tỉnh đã mạnh dạn đề bài nhiều cán bộ, trong đó đặc biệt lưu ý đưa cán bộ dân tộc địa phương vào các cấp lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện như sau:

	Tỉnh ủy	Ủy ban hành chính tỉnh	Huyện ủy	Ủy ban hành chính huyện
Tổng số	23	11	86	51
Dân tộc thiểu số	6	7	32	35

Có huyện đã có tới 5 cấp ủy viên và có huyện có Bí thư hoặc Phó Bí thư là người dân tộc địa phương. Đáng chú ý những năm gần đây nhất là sau cải cách dân chủ, đường lối giai cấp trong công tác cán bộ được quán triệt hơn, tỉnh rất chú ý đào tạo các cán bộ xuất thân từ các thành phần cơ bản có phẩm chất chính trị tốt, có lập trường quan điểm vững vàng và kết hợp với các cuộc vận động lớn thông qua phát động quần chúng, tỉnh đã chú trọng sàng lọc cán bộ làm cho hàng ngũ cán bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh hơn.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tỉnh đã chú ý từng loại:

- Đối với cán bộ dân tộc địa phương, hết sức kiên trì đào tạo giáo dục, bồi dưỡng, kiên trì vận dụng phương châm "anh ngã tôi nâng, anh lại ngã tôi lại nâng", tích cực đề bài, mạnh dạn giao việc và hết sức giúp đỡ về mọi mặt để tự anh em đảm đương lấy công việc của mình. Cũng vì vậy có nhiều cán bộ địa phương tự ý bỏ việc

về nhà lâu ngày, cơ quan vẫn gửi lương đến và cử người về tận nhà giúp đỡ giải quyết khó khăn, động viên đi công tác. Thái độ kiên trì đó nhiều khi đã đem lại kết quả tốt.

- Đối với cán bộ nơi khác đến, tinh tích cực bồi dưỡng để nâng cao trình độ mọi mặt, tích cực giáo dục nâng cao tinh thần quốc tế vô sản, giáo dục chính sách dân tộc, động viên anh em an tâm phục vụ lâu dài ở miền núi, khuyến khích học tập ngôn ngữ và tìm hiểu sâu tình hình phong tục tập quán địa phương, hòa mình với nhân dân địa phương. Tỉnh đã luôn giáo dục tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau giữa cán bộ dân tộc địa phương với cán bộ nơi khác đến, giữa cán bộ cũ với cán bộ mới. Đồng thời tỉnh cũng rất chú ý khắc phục những biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi do đó quan hệ nội bộ nói chung là tốt.

Trên đây là một số những thành tích trong công tác đào tạo cán bộ. Bên cạnh những thành tích trên cũng còn những thiếu sót:

Trong công tác đào tạo cán bộ, việc đào tạo cán bộ chuyên môn kỹ thuật có ngành còn yếu, trong đào tạo cán bộ chuyên môn kỹ thuật thì việc đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số còn quá yếu. Cụ thể trong 430 cán bộ kỹ thuật trung, cao cấp của tỉnh chưa có đến 10 cán bộ người dân tộc địa phương và trong số 10 người này chưa có một người Mèo, người Mán nào. Đáng chú ý đào tạo từ trong kháng chiến đến nay ngành y tế có được một y sỹ là người dân tộc thiểu số ở Lào Cai. Nhiều ngành có quan hệ tiếp xúc rộng rãi với nhân dân nhưng việc đào tạo cán bộ địa phương cũng rất chậm.

- Đối với tốc độ phát triển năm 1960 có 12,7% cán bộ dân tộc thiểu số, năm 1963 chỉ còn 8% trong tổng số cán bộ, công nhân viên toàn tỉnh. Như vậy nói lên việc đào tạo cán bộ địa phương còn chậm so với yêu cầu phát triển của phong trào.

- Sở dĩ việc đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số chậm cũng có nguyên nhân: do nỗ lực chủ quan chưa đủ, nhưng có khó khăn vì yêu cầu nhiệm vụ nặng, kế hoạch của từng cơ quan, từng bộ phận thì lớn, biên chế lại có hạn không có chế độ kèm cặp vì vậy không

thể tuyển người địa phương vào để dùn dắt đào tạo lâu dài được. Khó khăn trên đến nay vẫn chưa có lối thoát và cũng vì vậy phải tuyển nhiều cán bộ xuôi lên để đáp ứng yêu cầu trước mắt và do đó tỷ lệ cán bộ, công nhân ở xuôi lên ngày càng cao.

Đối với cán bộ xuôi lên ngày càng nhiều lẽ ra phải xứng đáng làm gương mẫu cho cán bộ và nhân dân địa phương, nhưng có một số ít chất lượng kém, tác phong xấu, việc giáo dục lại chưa kịp do đó làm sai phạm nhiều chính sách, bao biện, quan liêu, mệnh lệnh. Có một số có thái độ coi thường cán bộ địa phương, có thái độ khinh rẻ đối với đồng bào dân tộc, không hòa mình được với quần chúng, không đi đúng đường lối quần chúng, bị cán bộ và nhân dân địa phương ghét, công tác rất ít kết quả.

Việc huấn luyện bồi dưỡng cán bộ tuy tỉnh có quan tâm nhưng cách thức huấn luyện bồi dưỡng có chỗ chưa phù hợp với điều kiện làm ăn và tâm lý cán bộ địa phương nên kết quả còn bị hạn chế. Các lớp huấn luyện thường tập trung mở ở tỉnh, vừa dài ngày vừa xa nhà, nếu mở thêm các lớp ở huyện hoặc khu vực và học ngắn ngày có thể đạt nhiều kết quả hơn.

Một số đại biểu các dân tộc đưa lên các cơ quan tỉnh, huyện nhưng thiếu giúp đỡ, thiếu bàn bạc và hướng dẫn cách làm việc, vẫn mang nặng tính chất tượng trưng, thiếu năng lực thực tế giải quyết công việc nên kém phán khởi, có một số muốn rút lui công tác. Tình trạng bao biện làm thay đã giảm nhưng vẫn còn tồn tại và hiện đang còn phổ biến ở cấp xã. Trong việc điều động có nhiều trường hợp chưa được cân nhắc kỹ không nắm được tình hình địa phương và có liên hệ tốt với cán bộ và quần chúng dân tộc nơi đó. Việc săn sóc đời sống và sức khỏe cán bộ cũng có thiếu sót, việc chấp hành Nghị quyết 35 của Trung ương Đảng có chậm chạp, đến nay mới tiến hành được có 13 xã. Do đó phần nào cán bộ chưa được yên tâm và tích cực phát huy năng lực công tác.

Vấn đề đấu tranh nội bộ phê bình, tự phê bình là quy luật thúc đẩy mọi người tiến bộ nhưng việc vận dụng quy luật này đối

với cán bộ dân tộc có chỗ chưa thích hợp. Vừa qua ở một số nơi, trong một số trường hợp, vấn đề đấu tranh nội bộ, phê bình, tự phê bình đối với cán bộ địa phương đã có hai thái độ: một là cứng rắn quá không xem xét chiểu cố trình độ của từng người, hai là xuề xòa, nhu nhược, không phê bình, không đấu tranh, số cán bộ địa phương không tiếp thu được, đôi khi có sai lầm nghiêm trọng cũng không kỷ luật thích đáng.

Cả hai thái độ trên đều không đúng đã dẫn đến một số cán bộ ngày càng hư hỏng, thậm chí đi đến chỗ bất mãn, xa rời đội ngũ.

Nghiêm khắc kiểm điểm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cũng còn có nhiều thiếu sót, những thiếu sót này đã hạn chế một phần kết quả đạt được, nhưng những thành tích đạt được là cơ bản, những thành tích trong công tác đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng cán bộ đã góp phần quyết định thúc đẩy mọi mặt công tác ở Lào Cai tiến bộ tương đối nhanh chóng. Riêng về mặt tổ chức bộ máy các cấp bộ Đảng, chính quyền từ tỉnh đến xã đã được dân tộc hóa một bước quan trọng. Cũng vì vậy nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhất là nhân dân các dân tộc ít người trước bị chèn ép nhiều nay rất phấn khởi thấy dân tộc mình được giải phóng, thấy mình thực sự làm chủ đất nước mình do đó càng rất gắn bó với Đảng, Chính phủ.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN

Kiểm điểm lại việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng trong 4 năm qua, tuy trên nhiều mặt công tác Lào Cai còn có nhiều thiếu sót, khuyết điểm song đã đạt được nhiều thành tích lớn:

Về công tác xây dựng củng cố cơ sở năm 1960 ở nông thôn cơ sở Đảng, cơ sở đoàn thanh niên gần như chưa có gì, đến nay đã phát triển rộng khắp trong cả tỉnh. Tổ chức chính quyền và các lực lượng vũ trang, bán vũ trang được kiện toàn, củng cố trong sạch

vững mạnh hơn trước nhiều. Tình hình trị an hàng ngày được ổn định, lực lượng ta ngày càng mạnh, lực lượng địch ngày càng yếu. Đến nay ta đã có khả năng ngăn ngừa không để cho các vụ bạo loạn vũ trang có thể xảy ra.

Về kinh tế: sản xuất công nông nghiệp phát triển mạnh. Thắng lợi lớn của sản xuất ở Lào Cai mấy năm qua là đã giải quyết được về căn bản nạn đói lưu niên ở vùng cao, đã dần dần tự túc về lương thực, đã tiến hành khoanh vùng sản xuất biến dần kinh tế độc canh, tự cấp tự túc thành một nền kinh tế có hàng hóa, tạo cơ sở vật chất và kỹ thuật cho đồng bào các dân tộc phát triển sản xuất nâng cao đời sống, đồng thời giúp đồng bào vùng cao và giữa tiến tới định cư định canh, hạn chế phá rừng và chống được xói mòn, hạn, lũ... Thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương đã sản xuất được nhiều mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân và cung cấp một phần cho xuất khẩu. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp được củng cố và nâng cao một bước trình độ quản lý.

Về văn hóa xã hội: tuy so với công tác kinh tế tiến bộ chậm hơn nhưng cũng đã phát triển với tốc độ nhanh và mạnh. Bộ mặt nông thôn đã thay đổi nhiều so với khi mới bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm. Đời sống của nhân dân các dân tộc được cải thiện và nâng cao hơn 4 năm trước đây một bước dài.

Công tác đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng cán bộ đã có những cố gắng lớn, đã đáp ứng được tương đối yêu cầu đòi hỏi của phong trào.

Những thành tích trên mới là bước đầu nhưng là những cơ sở rất tốt để phát triển mọi mặt công tác những năm tới và có ảnh hưởng chính trị sâu sắc trong đồng bào các dân tộc làm cho đồng bào ngày càng nhận rõ chỉ có dưới chế độ ta các dân tộc mới được hoàn toàn giải phóng, mới được tự do bình đẳng và mới được ấm no hạnh phúc.

Nguyên nhân đạt được những thành tích trên chủ yếu nhờ có ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và các

chỉ thị nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là nhờ chủ trương tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ rất hợp tình, hợp lý được nhân dân các dân tộc hết sức hoan nghênh và hăng hái chấp hành. Từ đó mở đường cho Lào Cai tiến lên xây dựng quan hệ sản xuất mới và tạo cơ sở đầy mạnh mẽ mặt công tác phát triển thuận lợi.

Hai là, nhờ làm tốt công tác chính trị tư tưởng, hầu hết các cán bộ từ tỉnh đến xã đã được qua các lớp huấn luyện và chỉnh huấn, được bồi dưỡng về lý luận và chính trị, được nâng cao lập trường tư tưởng, nâng cao tinh thần làm chủ, xác định được quyết tâm tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, quyết tâm đưa miền núi tiến kịp miền xuôi và tinh thần phục vụ nhân dân các dân tộc miền núi vô điều kiện.

Ba là, nhờ tinh thần kiên quyết cách mạng, tinh thần phán đấu không mệt mỏi của toàn thể cán bộ, đảng viên, nhờ tinh thần lao động cần cù và đặc biệt là nhờ có lòng tin tưởng tuyệt đối của toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch cộng với sự nỗ lực chủ quan của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vận dụng tích cực và linh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng vào hoàn cảnh địa phương, sự chú ý quán triệt chính sách dân tộc trong các ngành, các cấp, đồng thời tích cực phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần phán đấu dũng cảm của nhân dân các dân tộc đã được bồi dưỡng từ trong kháng chiến, do đó đã khắc phục được nhiều khó khăn và đẩy mạnh được quyết tâm vươn lên giành những thắng lợi mới.

Trong những năm tới, tuy khó khăn còn nhiều và đòi hỏi phải có thời gian tương đối lâu dài mới khắc phục được, nhưng Lào Cai có nhiều thuận lợi và mặt thuận lợi là chủ yếu. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và của Bác, Lào Cai cố gắng phát huy tốt những nhân tố tích cực trên, những nguyên nhân thắng lợi, quyết tâm vượt mọi khó khăn, đẩy mạnh hoàn thành và hoàn

thành vượt mức kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, quyết tâm đưa Lào Cai tiến kịp miền xuôi, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**Về tổng kết cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt
ở các xí nghiệp, công, nông, lâm trường năm 1964
và nhiệm vụ xây dựng chi bộ Đảng bốn tốt năm 1965**

I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG Ở CÁC XÍ NGHIỆP, CÔNG, NÔNG, LÂM TRƯỜNG VÀ YÊU CẦU KHÁCH QUAN BỨC THIẾT PHẢI XÂY DỰNG CHI BỘ BỐN TỐT

A. Tình hình đặc điểm hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng ở các xí nghiệp công, nông, lâm trường

Lào Cai là một tỉnh trước ngày giải phóng cơ sở công nghiệp không có gì. Từ sau hòa bình lập lại cho đến năm 1955, 1956, Trung ương cho tiến hành thăm dò đánh giá trữ lượng apatít và phục hồi khai thác khu Mỏ. Đó là nền móng công nghiệp đầu tiên ở tỉnh Lào Cai. Tiếp đến việc tiến hành xây dựng Nhà máy điện và từ khi Trung ương ban hành Nghị quyết 7 về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thì tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa trong tỉnh ngày càng tăng, kể cả các cơ sở công nghiệp Trung ương và công nghiệp quốc doanh địa phương. Nhất là trong các năm qua do yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng thì các cơ sở xí nghiệp, công trường tăng lên nhanh chóng. Đến nay đã có 6 cơ sở công nghiệp lớn của Trung ương tại địa phương và 12 cơ sở của

công nghiệp quốc doanh địa phương, với số lượng công nhân có trên 11.429 người.

Song song với việc hình thành và phát triển các sở sở công nghiệp, tổ chức Đảng cũng được thành lập và ngày càng được củng cố, phát triển lớn mạnh. Tới cuối năm 1964, tổng số các xí nghiệp công, nông, lâm trường (gồm cả giao thông, điện, địa chất có 82 chi bộ với số lượng 1.318 đảng viên chiếm tỷ lệ 29,8% so với tổng số đảng viên trong toàn tỉnh). Có 8 nơi lớn được thành lập Đảng ủy cơ sở hai cấp, trong đó có 1 nơi thành lập Đảng ủy cơ sở có ba cấp (Mỏ apatít).

Một đặc điểm cơ bản đồng thời cũng là điều kiện thuận lợi của tổ chức cơ sở Đảng trong các xí nghiệp, công trường, lâm trường là đảng viên tập trung và tương đối tập trung. Đại bộ phận có một trình độ giáo dục về chính trị, kiến thức về khoa học kỹ thuật nhất định do yêu cầu của công tác và sản xuất đòi hỏi. Đồng thời trong công nghiệp lại là những nơi tập trung tương đối nhiều đảng viên có chất lượng.

Công nghiệp lại đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, lĩnh trách nhiệm đi đầu trong mặt trận kinh tế, văn hóa. Cho nên vị trí hoạt động của tổ chức Đảng trong các xí nghiệp, công, nông, lâm trường cũng giữ vị trí đi hàng đầu do đó mà có được các điều kiện khác các cơ sở ở nông thôn như: sự hoạt động tương đối tập trung và tập trung, tổ chức sản xuất chặt chẽ và có mối quan hệ khăng khít trong một khâu dây truyền kỹ thuật lao động cao, sự chỉ đạo được tập trung và nhanh chóng. Sinh hoạt và làm việc của người đảng viên và công nhân là tập thể có tổ chức gắn liền với nền sản xuất cơ khí, hiện đại.

Về địa dư thì được ở vào những nơi giao thông thuận lợi, quan hệ với sự lãnh đạo với cấp trên, cũng như với tỉnh được nhanh chóng hơn các nơi khác, các chủ trương, chính sách, tin tức thời sự được truyền đạt xuống cơ sở nhanh chóng, các phương tiện về công tác, thông tin tuyên truyền cũng được đầy đủ hơn (như loa đài,

truyền thanh, v.v.). Đó là chưa kể những cơ sở lại ở vào những nơi trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa trong tỉnh có thêm được những thuận lợi khác. Nói chung các cơ sở xí nghiệp công, nông, lâm trường có được nhiều những thuận lợi hơn hẳn các vùng nông thôn trong tỉnh.

B. Những yêu cầu khách quan của nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi các tổ chức cơ sở Đảng phải trở thành bốn tốt

Xuất phát từ nhiệm vụ cách mạng cấp bách của nhân dân ta ở miền Bắc hiện nay là: *Vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam để mau chóng đánh bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam.*

Xuất phát từ ba nhiệm vụ lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc:

1. Cuộc cách mạng cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa,
2. Cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật,
3. Cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng.

Xuất phát từ bốn cuộc vận động lớn của Đảng hiện nay:

1. Cuộc vận động ba xây ba chống,
2. Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp,
3. Cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế văn hóa ở miền núi,

4. Cuộc vận động củng cố, bảo vệ Đảng.

Đối với các cơ sở Đảng ở các xí nghiệp công, nông, lâm trường thì một yêu cầu cơ bản nữa là xuất phát từ chỗ công nghiệp là chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, công nghiệp phải đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Trong Nghị quyết 7 của Trung ương đã xác định rõ nhiệm vụ to lớn cho nhân dân ta là ra sức thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, nhằm củng cố quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh sản xuất phát triển, nâng cao

đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và tăng cường củng cố quốc phòng...

Ngày nay trước tình hình khẩn trương của cuộc cách mạng, (...) vừa sản xuất vừa chiến đấu, đẩy mạnh tốc độ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đẩy mạnh cuộc đấu tranh để giải phóng miền Nam đòi hỏi trong công nghiệp phải quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ, sản xuất tốt, chiến đấu tốt, nắm chắc tay búa tay súng. Phải đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai, nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành, đảm bảo an toàn sản xuất, an toàn thiết bị, an toàn lao động nhằm đạt tới hiệu quả kinh tế cao hơn nữa, tốt hơn nữa. Đặc biệt trước mắt các ngành công nghiệp phải nghĩ và làm gì để phục vụ nông nghiệp Lào Cai phát triển mạnh mẽ vững chắc, làm cho Lào Cai xứng đáng với nhiệm vụ của hậu phương lớn và lại là hậu phương của căn cứ địa đầu cầu mà được Trung ương giao phó và tin cậy.

Do những yêu cầu cấp bách trên đòi hỏi các tổ chức cơ sở Đảng phải được tăng cường củng cố phát triển hơn nữa, các tổ chức cơ sở Đảng phải đạt được yêu cầu bốn tốt, vì Đảng là nhân tố quyết định. Tổ chức Đảng trong công nghiệp được xây dựng, củng cố vững mạnh thì sản xuất mới phát triển làm cho vai trò của công nghiệp mới đạt tới trách nhiệm của mình là chủ đạo, là đi đầu, là động lực thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển, thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc vững mạnh, tăng cường chi viện cho miền Nam để đẩy mạnh hơn nữa, để mau chóng đánh bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thống nhất đất nước.

Cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt là một cuộc vận động chính trị trong Đảng nhằm kiện toàn tổ chức cơ sở của Đảng, phát huy vai trò tiền phong gương mẫu của đồng đảo đảng viên, làm cho tổ chức cơ sở của Đảng trở thành hạt nhân lãnh đạo vững chắc ở cơ sở, đủ sức tổ chức và lãnh đạo quần chúng hoàn thành tốt các

nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Từ khi có Nghị quyết V vấn đề xây dựng chi bộ bốn tốt đã được quán triệt vào Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh tháng 3-1963. Ban Chấp hành tỉnh ra Nghị quyết 6 tháng 6-1964, Nghị quyết 8 tháng 8-1964, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 30 nói về công tác xây dựng chi bộ bốn tốt trong Đảng bộ và đặt vấn đề xây dựng Đảng là một điểm cao trong chương trình hành động của toàn Đảng bộ: "Cuối năm 1964 phải đạt 50% chi bộ trở thành bốn tốt là yêu cầu bức thiết khách quan".

Ban Chấp hành tỉnh lại khẳng định sâu sắc rằng: "Sự lãnh đạo của Đảng ta là điều kiện cơ bản quyết định mọi thắng lợi của nhân dân ta. Vì vậy muốn cho Đảng ta làm tròn trách nhiệm của mình trong giai đoạn cách mạng hiện nay, vấn đề mấu chốt vẫn là không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng". Cho nên Tỉnh ủy đặt vấn đề xây dựng chi bộ bốn tốt là trọng tâm của công tác tổ chức và coi đó là những khâu có tính chất mấu chốt bao trùm trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự, v.v..

II. QUÁ TRÌNH TIẾN HÀNH VÀ KẾT QUẢ CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

Cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt được tiến hành từ đầu năm 1963, dấu hiệu quan trọng lớn nhất ghi vào sự chuyển biến của Đảng bộ ta là Đại hội V đã quyết nghị một đề án chuyên đề về tổ chức và đã giành nhiều thời gian để bàn về công tác xây dựng chi bộ bốn tốt, Đảng bộ bốn tốt.

Công tác tuyên truyền tinh thần Nghị quyết 4 được tiến hành từng bước đến tận cơ sở chi bộ, đảng viên (100% số chi bộ được giáo dục). Sự giáo dục trên đã có một ý nghĩa rất lớn, giáo dục thúc đẩy đảng viên, chi bộ tiến lên, nâng cao thêm chí khí phán đấu của đảng viên, nâng cao tính chất giao cấp, tính chất tiền phong chiến

đáu trong Đảng, đã làm cho sự chuyển biến về công tác xây dựng Đảng thể hiện rõ rệt.

Ở trong công nghiệp đối với cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt thì nhận thức có nhanh và nhạy bén hơn ở nông thôn. Nếu so với 1963 thì sự chuyển biến cũng khá hơn. Năm 1963 tuy đã tiến hành cuộc vận động nhưng nhiều chi bộ mới chỉ lên tiếng đăng ký mà chưa xây dựng được nội dung chương trình hành động hoặc có chi bộ tuy có xây dựng được nhưng không cụ thể. Năm 1963 hầu hết đảng viên không xây dựng chương trình đăng ký cá nhân, thì năm nay đã có một số khá đông xây dựng được chương trình hành động cụ thể của mình. Đây là sự tiến bộ lớn cả về mặt tư tưởng, tổ chức và lề lối làm việc. Thực chất việc tiến hành đăng ký là một cuộc vận động tự phê bình và phê bình một cách tự giác, thoái mái và sâu sắc; là những hứa hẹn quyết tâm, chí khí phấn đấu mới của từng Đảng bộ trước quần chúng và cấp trên của từng nhiệm kỳ của một cấp ủy mới. Qua đăng ký các chi bộ tự thấy mình đã lớn lên một bước về mặt trình độ lãnh đạo và lề lối làm việc đã tiến bộ, mặt khác về tổ chức và tư tưởng cũng được đoàn kết tốt hơn, chí khí phấn đấu cũng thấy vươn lên mạnh mẽ hơn vì đã có một chương trình hành động cụ thể, rõ ràng, có mức độ, xác định được các điểm cao để tập trung lực lượng phấn đấu. Những chi bộ nào xây dựng được chương trình hành động cụ thể thì đồng thời nội dung sinh hoạt của chi bộ cũng được cải tiến, đưa sự lãnh đạo của chi bộ đi sâu vào sản xuất kỹ thuật, đi sâu nắm chắc được công tác quản lý xí nghiệp và công tác xây dựng, củng cố Đảng cũng có phương hướng và mức độ cụ thể.

Do những cố gắng và quyết tâm chung của Đảng bộ, đặc biệt là sự quyết tâm riêng của mọi chi bộ, đến nay toàn tỉnh đã có 75 chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt, chiếm tỷ lệ 29% so với tổng số chi bộ trong toàn tỉnh khi tiến hành đăng ký hồi đầu năm 1964. Trong đó có 19 chi bộ bốn tốt của các Đảng bộ xí nghiệp công, nông, lâm trường. Nếu tính riêng số chi bộ bốn tốt của khối xí nghiệp công, nông, lâm

trường so với tổng số chi bộ của khối này thì chiếm tỷ lệ 40% (không kể các chi bộ thuộc Đảng bộ công trường làm đường vì mới được thành lập).

Do kết quả cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt được tiến hành rộng rãi làm cho các công trường, xí nghiệp trong năm qua hầu hết đều phấn đấu thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước trước thời hạn. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh địa phương năm 1964 so với 1963 tăng 23,6%, quốc doanh Trung ương tăng 4%. Đó là một năm thực hiện kế hoạch bốn tốt hơn các năm trước cả về số lượng, chất lượng và thời gian.

Thành tích chung và nổi bật nhất là qua cuộc vận động này đã nâng cao chất lượng lãnh đạo toàn diện của các chi bộ hiện ở các mặt như:

- Chi bộ đã đi sâu và nắm vững hơn về sản xuất, quản lý xí nghiệp và khâu kỹ thuật. Đã nắm chắc các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước làm mục tiêu phấn đấu. Khâu xây dựng chương trình hợp lý hóa sản xuất bước đầu được thực hiện, đồng thời đã chú ý đẩy mạnh việc thực hiện hạch toán kinh tế xuống tổ sản xuất và xây dựng các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật. Đặc biệt là đã biết tập trung lãnh đạo phong trào xây dựng tổ, đội, do đó phong trào thi đua phát triển mạnh mẽ, sâu rộng; rất nhiều sáng kiến được phát huy các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước đều đảm bảo hoàn thành vượt mức và nhiều nơi còn vượt mức toàn diện; chất lượng, sản phẩm, kỹ thuật có nhiều tiến bộ.

Các cơ sở công nghiệp địa phương trong việc xây dựng chi bộ bốn tốt đã có nhiều chuyển biến lớn so với mọi năm, trên nhiều mặt. Đặc biệt về khâu lãnh đạo sản xuất có nhiều nỗ lực chủ quan, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ, xuống cơ khí, xuống gạch và lâm trường được thảo đã có lãi, ngành giao thông, đã có nhiều cố gắng vươn lên. Xí nghiệp bưu điện truyền thanh sản xuất vượt kế hoạch toàn diện trước thời hạn. Công nghiệp địa phương đi đôi với việc phục vụ nông nghiệp đã chú trọng thực hiện tốt khâu

sản xuất hàng xuất khẩu, đóng góp một phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- Đã quán triệt giữa sản xuất với bảo vệ sản xuất, an toàn lao động, an toàn sản xuất, nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu có nhiều tiến bộ. Một số chi bộ trong năm qua không những đã đảm bảo tuyệt đối an toàn sản xuất, lao động mà còn xây dựng được trung đội tự vệ đạt tiêu chuẩn đơn vị tiên tiến. Các chi bộ, nhiệt lực điện (Nhà máy điện) chi bộ đoàn xe 3, 5, 6, 9, công trình xưởng sửa chữa (Mỏ apatít) chi bộ bưu điện truyền thanh đều xây dựng được trung đội tự vệ được công nhận là đơn vị tiên tiến, v.v..

- Các chi bộ đã lãnh đạo tốt phong trào thi đua, lấy việc xây dựng tổ đội làm nòng cốt. Cho nên phong trào tổ đội trong năm qua được phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng. Nhưng vấn đề đặc biệt ở đây là chi bộ đã biến nội dung đăng ký xây dựng chi bộ bốn tốt thành những hành động thực tế của đồng đảo quần chúng trong xí nghiệp, phát động được lực lượng tập thể của quần chúng cũng phấn đấu xây dựng chi bộ bốn tốt. Cho nên các chi bộ đã đạt bốn tốt vừa qua thì hầu hết mỗi chi bộ đều có ít nhất là một tổ lao động đã đạt danh hiệu tổ lao động xã hội chủ nghĩa hoặc đang đề nghị trên công nhận. Các tổ chức công đoàn và chi đoàn thanh niên lao động ở đó đều đạt bốn tốt hoặc khá.

Năm 1963 mới có 15 tổ đội được công nhận là tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, năm 1964 đang đề nghị Trung ương công nhận 35 tổ đội.

Năm 1963 chưa có công đoàn và chi đoàn thanh niên nào được công nhận bốn tốt thì năm nay đã có 14 công đoàn và 13 chi đoàn thanh niên đạt bốn tốt.

- Qua cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt đã nâng cao trình độ lãnh đạo của các chi bộ lên một bước, đã có tác dụng tiếp tục quán triệt hơn nữa tinh thần Nghị quyết 11 của Trung ương. Sự lãnh đạo của Đảng ủy đã được tăng cường và phát huy toàn diện, chức năng phụ trách của thủ trưởng được đề cao, vai trò công nhân

tham gia quản lý xí nghiệp được phát huy. Ý thức làm chủ xí nghiệp của cán bộ, công nhân, viên chức được nâng cao hơn và thể hiện nổi bật trong các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm, phong trào ba điểm cao, v.v.. Khí thế cách mạng của quần chúng đang vươn lên, như đồng chí Lê Thanh Nghị đã nói "cái hoa chính trị phải kết thành cái quả kinh tế". Xét trong năm qua một số chi bộ cơ sở công nghiệp trong tỉnh ta cũng đã đạt được kết quả này.

- Về công tác tuyên truyền phát triển Đảng cũng được tiến hành tích cực hơn, làm tốt hơn. Các chi bộ đều có kế hoạch phát triển Đảng, có mức độ phấn đấu cụ thể, có thẩm tra kỹ càng. Kết quả trong năm 1964 các cơ sở Đảng ở xí nghiệp, công, nông, lâm trường đã kết nạp được 166 đảng viên chiếm tỷ lệ 33% so với tổng số đảng viên mới kết nạp của toàn tỉnh trong năm 1964 (Năm 1963 tỷ lệ là 25%).

Số chi bộ làm công tác tuyên truyền phát triển Đảng cũng nhiều hơn năm 1963, năm 1963 có 39 chi bộ làm công tác phát triển Đảng thì năm 1964 có 47 chi bộ (99% chi bộ làm công tác phát triển Đảng).

Sinh hoạt chi bộ được giữ vững thường xuyên, nội dung được cải tiến và có chất lượng hơn 1963. Đấu tranh, phê bình, tự phê bình đã được chú ý phát huy, do đó mà tính chất lãnh đạo, tính chất giáo dục, tính chất chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ được thể hiện rõ rệt, đã có tác dụng giáo dục rèn luyện nâng cao chất lượng đảng viên. Tuyệt đại bộ phận đảng viên đều phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu của mình, phát huy được tác dụng lãnh đạo quần chúng. Số đảng viên kém và lạc hậu có chuyển biến vươn lên.

Cuối năm 1963 tỷ lệ đảng viên khá chiếm 62,2%, trung bình 31,8%, kém và quá kém 5,4%. Tới nay số đảng viên đạt bốn tốt và khá chiếm tỷ lệ 72,3%, trung bình chiếm tỷ lệ 24,5%, kém chiếm tỷ lệ 3%. (...), chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến năm 1963 có

(...) đồng chí, năm 1964 lên tới 756 đồng chí, chiếm tỷ lệ 75% so với tổng số đảng viên.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong năm qua cũng được coi trọng và đạt kết quả tốt. Tổng số đã đào tạo nâng cấp bậc cho công nhân được 297 người. Ngoài ra còn nhiều cán bộ đã được học qua trường lý luận của Đảng, trường cán bộ công đoàn, thanh niên, nữ công do Trung ương và tỉnh mở.

Nhưng một kết quả đáng chú ý là trình độ lãnh đạo của cán bộ và cấp ủy Đảng ở cơ sở trong năm qua đã có những sự tiến bộ trưởng thành mới kể cả các xí nghiệp Trung ương và địa phương. Lãnh đạo sản xuất trước đây thường mới chỉ nặng về nhầm phấn đấu vượt giá trị tổng sản lượng, chưa coi trọng vượt chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu và chưa đi sâu vào sản xuất, kỹ thuật. Trong năm qua trình độ lãnh đạo quản lý kinh tế, kỹ thuật có tiến bộ rất nhiều. Nhiều cơ sở đã biết tập trung lãnh đạo khâu nâng cao năng suất lao động, công suất thiết bị máy móc, tăng giờ máy ra sản phẩm, đấu tranh chống tham ô, lãng phí. Năng suất lao động của công nghiệp địa phương năm 1964 tăng 6,8%, Mỏ apatít 7,6%, Nhà máy điện 9,8%.

Dưới đây là tỷ lệ đạt bốn tốt của từng Đảng bộ:

Đảng bộ	Tổng số chi bộ khi phát động (đầu năm 1964)	Số chi bộ đạt bốn tốt	Tỷ lệ
Chi bộ bưu điện truyền thanh	1	1	100%
Chi bộ địa chất 24	1	1	100%
Đảng ủy Nhà máy điện	6	3	50%
Đảng ủy công nghiệp địa phương	4	2	50%
Đảng ủy địa chất 5	5	2	40%
Đảng ủy Ty Giao thông	5	2	40%
Đảng ủy Mỏ apatít	18	6	33%
Chi bộ lâm trường dược thảo Sa Pa	1	1	

Chi bộ lâm sản Phố Lu	1	1	
Chi bộ Kiến trúc	1	0	
Chi bộ nông trường Thanh niên	1	0	
Đảng ủy Ty Lâm nghiệp	3	0	
Cộng	47	19	41%

Bốn yêu cầu của nội dung xây dựng chi bộ bốn tốt là sự tổng kết và tổng quát những nhiệm vụ cơ bản của chi bộ cơ sở; trong giai đoạn cách mạng hiện nay nó đã toát lên vấn đề chủ yếu trong bảy nhiệm vụ (chương VI) do Điều lệ Đảng đã quy định.

Nói chung các chi bộ (kể cả các chi bộ chưa đạt yêu cầu bốn tốt) đã biết bám lấy nội dung để xây dựng chương trình hành động của mình và biết lấy nội dung yêu cầu thứ nhất và những điểm cơ bản như trong Chỉ thị số 30 của Tỉnh ủy để phấn đấu, làm nội dung chủ yếu nhất. Qua quá trình tiến hành cuộc vận động có một số chi bộ không những đã giữ vững được truyền thống chi bộ bốn tốt từ 1963 mà năm 1964 còn phấn đấu đạt được chất lượng cao hơn, toàn diện hơn. Có những chi bộ từ chỗ chỉ là loại trung bình đã phấn đấu trở thành bốn tốt. Đặc biệt là có chi bộ từ chỗ kém nát cũng đã phấn đấu tiến vọt lên chi bộ bốn tốt.

Các chi bộ cần khẳng định: muốn đưa chi bộ mình trở thành chi bộ bốn tốt thì điều trước tiên phải biết bám chặt lấy nhiệm vụ *lãnh đạo xí nghiệp, thực hiện vượt kế hoạch giá trị tổng sản lượng, sản phẩm chủ yếu, đảm bảo chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo an toàn sản xuất, an toàn lao động, xây dựng và thực hiện tốt chương trình hợp lý hóa sản xuất làm nội dung phấn đấu cơ bản nhất, trọng tâm nhất*. Những chi bộ đã đạt yêu cầu bốn tốt vừa qua đều đạt được các mặt chủ yếu này.

- Chi bộ phân xưởng nhiệt lực (thuộc Đảng bộ Nhà máy điện) là một điển hình tốt về sản xuất và an toàn. Từ chỗ chi bộ đã quán triệt sâu sắc phương châm sản xuất phải an toàn, an toàn để đẩy mạnh sản xuất nên đã lãnh đạo tới nay đã đảm bảo trên 1.216 ngày

vận hành an toàn. Kết quả đó đã đóng góp vào việc làm cho Nhà máy điện là một xí nghiệp điển hình tốt về sản xuất an toàn của Bộ Công nghiệp nặng năm 1963 - 1964. Giá thành của phân xưởng chiếm 60% giá thành của toàn Nhà máy và chủ yếu quyết định nhất là vấn đề tiết kiệm than đốt. Cho nên chi bộ đã rất coi trọng vấn đề tiết kiệm than. Kết quả chỉ tiêu kế hoạch giao 1 kg 013 than 1 kW/h đã phấn đấu hạ 0 kg 993, do đó trong năm qua đã tiết kiệm được 186.608 kg than. Hạ chỉ tiêu sử dụng điện từ dùng được 106, 248 kW/h, v.v., chi bộ đã giữ vững truyền thống 2 năm nay là chi bộ bốn tốt.

- Chi bộ xí nghiệp bưu điện, truyền thanh đã lãnh đạo phát động tư tưởng nâng cao tinh thần làm chủ xí nghiệp, phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, mạnh dạn dám nghĩ dám làm, tiếp thu ý kiến quần chúng, trong năm qua đã khắc phục được nhiều khó khăn thực hiện vượt mức toàn diện kế hoạch nhà nước trước thời gian 40 ngày với tỷ lệ 14%. Không những đã vượt kế hoạch của Trung ương giao mà còn vượt hơn cả mức độ mà chi bộ đã đăng ký với tỉnh hồi đầu năm 1964. Đã phấn đấu đạt được yêu cầu là: nhanh chóng, chính xác, an toàn và tiện lợi. Mạng lưới bưu điện truyền thanh trong năm qua đã chú ý chuyển sâu xuống nông thôn, phục vụ sản xuất, phục vụ chính trị và các công tác đột xuất của tỉnh có nhiều tiến bộ không ngừng. Do đó chi bộ đã giữ vững và phát huy truyền thống là chi bộ bốn tốt từ năm 1963 tới nay.

- Chi bộ phân xưởng sửa chữa (thuộc Đảng bộ Mỏ apatít) là một điển hình về phấn đấu vượt kế hoạch nhà nước. Nhiệm vụ chính của phân xưởng là sửa chữa ôtô và sản xuất gia công một số phụ tùng máy móc theo khả năng của xí nghiệp. Điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn từ trước tới nay như thiếu nguyên liệu, thiếu phụ tùng thay thế vì phải mua của nước ngoài nên gặp nhiều khó khăn, đồng thời trình độ kỹ thuật lại có hạn cho nên từ trước tới nay chưa năm nào hoàn thành được kế hoạch của xí nghiệp. Nhưng năm 1964 chi bộ đã lãnh đạo, giáo dục cán bộ, công nhân

nâng cao hơn nữa tinh thần làm chủ xí nghiệp, nâng cao ý thức tự lực cánh sinh do đó phát huy được nhiều sáng kiến vượt qua được nhiều khó khăn nên đã phấn đấu vượt kế hoạch toàn năm như trung đại tu đạt 102,63%, bảo dưỡng ba đạt 103,35%, kỹ thuật và chất lượng sửa chữa cũng tốt hơn.

- Chi bộ công trường Trạm tôn Sa Pa (thuộc Đảng ủy Giao thông) là một điển hình về mặt quyết tâm phấn đấu đưa chi bộ từ chõ kém nát trở thành bốn tốt. Thời gian đầu năm 1964 nội bộ chi bộ mất đoàn kết. Các nguyên tắc xây dựng Đảng, nguyên tắc phê bình và tự phê bình không được tôn trọng, vai trò lãnh đạo tập thể bị lu mờ, nạn tham ô, lãng phí xảy ra nghiêm trọng và phổ biến. Công nhân hoang mang dao động không tin tưởng vào chi bộ. Tình hình sản xuất bị sa sút, cả 6 tháng đầu năm 1964 chỉ thực hiện được 14% kế hoạch của toàn năm. Nhưng tới 6 tháng cuối năm được tiến hành kiểm tra, tư tưởng đảng viên và quần chúng được phát động. Các nguyên tắc sinh hoạt Đảng được khôi phục, đẩy mạnh đấu tranh nội bộ, tiến hành đăng ký xây dựng chi bộ bốn tốt và các mặt khác đều được củng cố kết quả 6 tháng cuối năm đã lãnh đạo thực hiện vượt mức kế hoạch của toàn năm, các chỉ tiêu đều hoàn thành từ 100% trở lên cho tới 111%. Các mặt công tác khác đều phát triển tốt. Do đó đã đưa chi bộ từ chõ kém nát lên bốn tốt.

Trong Chỉ thị số 30 của Tỉnh ủy có nói: các chi bộ đều có thể từ chõ kém tiến thẳng lên bốn tốt không nhất thiết phải trải qua các bước theo tuần tự bậc thang, nếu đảng viên ở chi bộ đó có quyết tâm cao hay không, tư tưởng quần chúng có được phát động hay không. Tư tưởng chỉ đạo đó của Tỉnh ủy là rất đúng đắn và biện chứng, ngày nay cũng đã có thực tế chứng minh. Quan điểm tiến từ từ theo tuần tự bậc thang của một số cán bộ, đảng viên, một số cấp ủy hiện nay là không thực tế mà nguồn gốc của quan điểm này vẫn là tư tưởng hữu khuynh, cầu toàn, ngại khó.

Chi bộ Công trình (thuộc Đảng ủy Mỏ apatít) là một điển hình tốt về công tác lãnh đạo chính trị tư tưởng và xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cụ thể. Nhiệm vụ của đơn vị là làm sao sửa chữa đường sá, đảm bảo cho việc xe cộ vận chuyển quặng trên các tuyến tảng, kể cả việc sửa chữa đường cũ khai thông đường mới theo yêu cầu của việc khai thác. Công việc thì thủ công và phức tạp, công nhân đại bộ phận là phụ nữ và thường xuyên phải tiếp thu những người lục hậu của các phán xưởng bạn chuyển sang đây làm với mục đích là để cải tạo lao động. Do đó sự lãnh đạo của chi bộ gấp nhiều khăn vải sản xuất và tư tưởng. Về mặt sản xuất, chi bộ đã nhầm giải quyết vấn đề là phải xây dựng bằng được các định mức cho từng công việc làm để nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng. Kết quả các công việc từ lớn đến nhỏ, từ bình thường đến công việc nặng nhọc đều xây dựng, được định mức cụ thể về khối lượng sản phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tổng số 68 định mức thì 62 định mức đảm bảo và vượt từ 10% cho đến 68%. Năng suất lao động tăng từ (...)% đến (...)% . Phát huy được nhiều sáng kiến có giá trị lớn về tiết kiệm. Trong toàn năm đã tiết kiệm cho Nhà nước được trên 17.000 đồng. Đặc biệt là chi bộ đã làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, tinh thần làm chủ xí nghiệp cho công nhân, vai trò công đoàn và đoàn thanh niên lao động hoạt động mạnh mẽ. Một vấn đề rút ra ở các chi bộ trong công nghiệp là: chi bộ lãnh đạo sản xuất phải đi sâu vào công tác quản lý kinh tế kỹ thuật và chỉ có khi nào sự lãnh đạo của chi bộ có thực sự đi sâu được vào khâu này thì mới nâng cao được năng suất lao động vì đây là một vấn đề *then chốt nhất* trong lãnh đạo sản xuất và đó cũng là một quy luật cơ bản của sự phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa. Một vấn đề thứ hai rút ra cho ta thấy rằng bất kỳ một chi bộ xí nghiệp nào dù điều kiện sản xuất bằng cơ khí hiện đại, hoặc sản xuất thủ công cũng đều tiến lên bốn tốt được miễn là phải có được hai yếu tố là quyết tâm của chi bộ cao và tư tưởng quần chúng được phát động.

Vấn đề lãnh đạo xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật của chi bộ Công trình là một bài học và kinh nghiệm tốt mà tất cả các chi bộ công trường Giao thông khác cần phải tới tham khảo học tập.

- Chi bộ Xưởng dầu hương liệu (thuộc Đảng bộ Công nghiệp địa phương), do nhận thức rõ nhiệm vụ sản xuất hàng hóa phục vụ cho xuất khẩu đóng góp vào công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ rất vẻ vang đã giáo dục nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần tự lực cánh sinh cho cán bộ công nhân. Đã khắc phục được nhiều khó khăn trong điều kiện sản xuất thủ công, trình độ kỹ thuật rất hạn chế. Nhưng vẫn đảm bảo sản xuất vượt kế hoạch, giá trị thương phẩm đạt 101%; năng suất lao động tăng 11,2%, chất lượng đảm bảo đúng tiêu chuẩn quốc tế. Các đồng chí nước bạn khi vào tham quan có phát biểu: nếu như ở xí nghiệp các nước muốn sản xuất được loại dầu có chất lượng như ở đây thì xí nghiệp phải có kỹ sư mới làm nổi, mà ở đây chỉ có công nhân bậc hai, thật là dũng cảm. Đó là lòng tự hào của chúng ta và kết quả đó nói lên tinh thần cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam đã phát huy cao độ tinh thần tự lực cánh sinh, đã biến từ chối không thành có, từ khó thành dễ.

Nhìn chung tỷ lệ chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt so với nông thôn, cơ quan thì xí nghiệp khá hơn. Nhưng so với công nghiệp mới có 19 chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt và chiếm tỷ lệ 41% là còn thấp. Nhưng đó là thành tích mới của Đảng bộ, là những con chim đầu đàn đã đủ lông đủ cánh tung bay tiến lên chủ nghĩa xã hội đang có tác dụng phát huy tính chất tiên phong, giai cấp, chiến đấu trong sản xuất, quản lý xí nghiệp và các mặt công tác khác. *Đặc biệt là trong lĩnh vực cách mạng khoa học kỹ thuật, đang có khí thế vươn lên làm cho công nghiệp sẽ xứng đáng với vai trò chủ đạo và đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.*

Những khuyết điểm và tồn tại trong cuộc vận động:

Trước hết phải kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 6, 8 của Ban Chấp hành tỉnh và Chỉ thị 30 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy,

kiểm tra xem sự nhận thức, chỉ đạo biện pháp của các Đảng bộ đã đúng đắn, quyết tâm, tích cực chưa? Và việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết đã nghiêm chỉnh chưa?

Chúng ta tự nghiêm khắc kiểm điểm bốn vấn đề trên thấy rằng: Nhận thức chưa đầy đủ, quyết tâm mới ở bước đầu chưa cao, biện pháp mới được từng mặt và có từng lúc, có noi ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết chưa được nghiêm chỉnh. Phong trào phát triển chưa đồng đều.

Trong Chỉ thị 30 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có phê phán và uốn nắn bốn quan điểm lệch lạc trong công tác xây dựng Đảng:

- 1- Câu toàn, ngại khó,
- 2- Tuân tự bậc thang,
- 3- Xây dựng đảng là của tổ chức và của cấp ủy,
- 4- Đóng cửa xây dựng Đảng trong nội bộ.

Nhưng nay phải phê phán thêm vấn đề ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết chưa được nghiêm chỉnh; chí khí phấn đấu chưa cao; còn hữu khuynh buông lỏng công tác xây dựng Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy khẳng định nghị quyết và chỉ thị của Tỉnh ủy là hoàn toàn đúng đắn, chặt chẽ có mức độ cụ thể và mức độ 50% chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt là có khả năng và có điều kiện thực hiện được. Mức độ 50% là chung nhất, riêng xí nghiệp mức 50% chỉ là mức tối thiểu. Nhưng có một số nơi lại đạt quá thấp hoặc thậm chí một Đảng bộ lại không được một chi bộ nào đạt yêu cầu bốn tốt là một khuyết điểm lớn phải nghiêm khắc phê phán.

Phần tình hình đặc điểm ở trên đã nói. Các tổ chức cơ sở đảng ở trong xí nghiệp công, nông, lâm trường có nhiều điều kiện thuận lợi hơn ở nông thôn như: có điều kiện sản xuất tập trung hoặc tương đối tập trung, tổ chức sản xuất chặt chẽ, chỉ đạo tập trung, giao thông thuận lợi, điều kiện tranh thủ sự lãnh đạo của trên được nhanh chóng hơn, lại tập trung nhiều đảng viên có chất lượng, trình độ giác ngộ và kiến thức về khoa học kỹ thuật cao hơn, v.v.. Trong Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nói hết năm 1964 phải đưa 50%

chi bộ đạt bốn tốt đó là mức độ chung cho toàn tỉnh. Ở các xí nghiệp, công trường có những đặc điểm và có điều kiện hơn các Đảng bộ khác thì đáng lẽ mức độ phấn đấu phải đạt cao hơn mức độ 50% mới đúng. Vậy tại sao lại không đạt tới mức độ tối thiểu đó, hoặc có nơi còn không đạt được mức độ đó, thậm chí có Đảng bộ không được một phần trăm bốn tốt nào. Nguyên nhân tại sao? Đó là một vấn đề chúng ta phải nghiêm khắc kiểm điểm trước Đảng, kiểm điểm về ý thức, tư tưởng đối với công tác xây dựng Đảng, kiểm điểm về tinh thần trách nhiệm đối với việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy. Thậm chí có đồng chí lãnh đạo ở xí nghiệp còn cho rằng sản xuất là pháp lệnh của Nhà nước không làm thì bị truy tố còn công tác Đảng không làm tháng này thì tháng sau làm cũng không chết ai. Đó là quan điểm tách rời, là quan điểm giải quyết vấn đề không giải quyết từ gốc. Các đồng chí không thấy rằng chính sản xuất không đạt kế hoạch và thường xuyên mắc mưu hết khó khăn này đến vấn đề khác có một nguyên nhân chủ yếu chính là do cơ sở Đảng ở đây chưa tốt. Vì Đảng là nhân tố quyết định cho nên củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong sản xuất là điều kiện trước hết. Cho nên nói công nghiệp là chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, công nghiệp phải đi trước trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, lẽ tất nhiên công tác Đảng trong công nghiệp cũng phải làm với tinh thần chủ đạo và phải có tư tưởng và hành động chủ đạo, phải đi trước. Nhưng ngược lại, chúng ta chưa làm được như vậy là chưa phát huy được tính chất tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân. Cơ sở Đảng trực tiếp ở trong tổ chức của giai cấp công nhân mà lại không phát huy được tính chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân là một khuyết điểm lớn.

Chúng ta kịch liệt phê phán những biện luận làm trì trệ công tác xây dựng Đảng, vin bất cứ lý do nào, ở đâu, cho rằng không có khả năng xây dựng được chi bộ bốn tốt là sai lầm. Bất cứ cá nhân tập thể, Đảng bộ nào cho rằng xây dựng chi bộ bốn tốt là gò bó,

công thức, làm cản trở đến công tác chuyên môn, sản xuất đều là sai lầm và sai lầm nguy hiểm. Những chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt vừa qua trả lời những quan điểm không đúng ở trên một cách thực tế và còn chứng minh rằng bất cứ chi bộ nào cũng cần phải và nhất định phải trở thành chi bộ bốn tốt và chỉ có đạt được danh hiệu chi bộ bốn tốt thì toàn bộ sự lãnh đạo ở đơn vị mới có được sự chuyển biến cơ bản. Việc phấn đấu trở thành chi bộ bốn tốt cũng không phải dễ dàng mà phải ra sức phấn đấu cao và phấn đấu liên tục, nhưng nhất định có thể làm được.

- Trong công nghiệp nhận thức về cuộc vận động này thì tuy có nhận thức được sớm hơn nhưng chưa quán triệt được sâu sắc, chưa khẩn trương, chưa tập trung sức lực để phấn đấu, quyết tâm chưa cao.

- Bước một là bước học tập, đăng ký nói chung các chi bộ đều làm được, 100% chi bộ đều có đăng ký nhưng bước hai là bước quyết định nhất, bước phấn đấu thực hiện thì lại lơi lỏng cho nên kết quả lại kém; có thể nói vấn đề này kém hơn ở nông thôn (ở nông thôn tuy mới có 44% chi bộ đăng ký thì 24% đạt bốn tốt, ở xí nghiệp 100% chi bộ đăng ký nhưng cũng chỉ có 41% đạt bốn tốt). Đồng thời nhiều cơ sở cũng còn tới 50% đảng viên không xây dựng nội dung đăng ký cá nhân cho nên nhiều công nhân cũng không làm đăng ký cá nhân.

Có một điều rất mâu thuẫn là 100% chi bộ đăng ký phấn đấu bốn tốt nhưng lại rất nhiều chi đoàn thanh niên và công đoàn không đăng ký phấn đấu bốn tốt, vậy ai có trách nhiệm hoàn thành sự nghiệp bốn tốt của Đảng, phải chăng là hai tổ chức trên có một vai trò quan trọng bậc nhất trong khâu tổ chức thực hiện các nghị quyết, chương trình hành động của chi bộ trong tổ chức mình. Ở đây ta không phê phán hai tổ chức quần chúng mà ta phải phê phán sự lãnh đạo của Đảng ở đây còn yếu, chưa toàn diện, chưa bám chắc được đường lối quần chúng của Đảng, chưa lãnh đạo chặt chẽ các tổ chức quần chúng, thoát ly quần chúng.

Việc xây dựng chi bộ bốn tốt là nhiệm vụ và quyền lợi chung cho tất cả các tổ chức quần chúng, cho nên chi bộ phải giao cho quần chúng và ngược lại các tổ chức quần chúng phải đòi hỏi Đảng giao nhiệm vụ này để làm mới đúng với vị trí của tổ chức mình và có làm tốt khâu lãnh đạo 2 tổ chức quần chúng trên được tốt chi bộ mới gọi là làm trọn nhiệm vụ lãnh đạo.

Ở các xí nghiệp, công, nông, lâm trường tuy có nhiều điều kiện và khả năng sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm thường xuyên nhưng ít chịu làm, hoặc làm chậm. Lãnh đạo của các Đảng ủy chưa được sát sao, chặt chẽ sự tập trung chỉ đạo có lúc buông lỏng.

Những vấn đề trên đây là một khuyết điểm và tồn tại lớn cần phải giải quyết triệt để vì nó là yếu tố tinh thần, yếu tố tư tưởng chính trị thuộc về chủ quan hoàn toàn có thể khắc phục được.

Nhiệm vụ cách mạng ngày càng lớn, yêu cầu ngày càng khẩn trương. Ngày nay tình thế đã thay đổi, nhiệm vụ của chúng ta là: vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống Mỹ, vừa tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam, đẩy mạnh cách mạng ở miền Nam tiến vượt mạnh hơn nữa để chiến thắng đế quốc Mỹ ngay trong cuộc chiến tranh đặc biệt cao nhất này, hoặc nếu chúng liều lĩnh điên rồ mà mở chiến tranh cục bộ thì ta cũng nhất định đánh thắng chúng. Để đáp ứng được yêu cầu ấy chúng ta phải đẩy mạnh mọi hoạt động hơn nữa, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế hơn nữa, tích trữ tiềm lực của chúng ta hơn nữa. Chúng ta phải chuyển từ phương thức hoạt động thời bình sang phương thức hoạt động thời chiến. Mọi hoạt động phải nhằm mục tiêu là phục vụ tốt cho sản xuất và chiến đấu. Đứng trước tình hình và nhiệm vụ mới nếu chi bộ cứ ở trình độ như cũ không được, phải có chuyển biến mới, tức là chi bộ phải là bốn tốt. Ta phải khắc phục thật mạnh mẽ các quan điểm lệch lạc trên, song phải xây cho được chí khí phấn đấu cách mạng cao trong các chi bộ, đồng thời phải chống các tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ trong công tác xây dựng Đảng như thiếu tin tưởng hoặc sợ khó không dám xây dựng chi bộ bốn tốt và vin nhiều

lý do không chính đáng để từ chối việc xây dựng chi bộ bốn tốt. Không thấy trách nhiệm của mình là phải vươn lên hàng đầu, tiến lên phía trước, không thể có chi bộ nào ngồi đợi điều kiện để lên bốn tốt. Chúng ta phải khẳng định hiện nay chi bộ nào cũng phải xây dựng được chương trình hành động của mình và ra sức quyết tâm phấn đấu để trở thành chi bộ bốn tốt.

Những vấn đề cụ thể về phấn đấu để thực hiện bốn yêu cầu chi bộ bốn tốt và dựa theo tinh thần Chỉ thị số 30 của Tỉnh ủy đối với các chi bộ xí nghiệp công, nông, lâm trường trong năm qua còn những mặt yếu kém và tồn tại:

- Vấn đề an toàn sản xuất và an toàn lao động nói chung có được chú ý nhưng mới chỉ được một số nơi và một số mặt chưa được coi trọng đúng mức do lãnh đạo còn chủ quan và vấn đề giáo dục cho cán bộ, công nhân làm còn kém; trong các cơ sở công nghiệp nặng còn để xảy ra tai nạn chết người (Lâm nghiệp quý IV năm 1964 bị chết 2 người, Mỏ apatít quý I năm 1965 bị chết 2 người). Một số chi bộ thuộc đoàn xe Mỏ apatít và chi bộ Khai thác các mặt công tác khác đều khá nhưng không được là chi bộ bốn tốt vì phạm vào khuyết điểm không an toàn sản xuất, thậm chí có hiện tượng nghiêm trọng như để trôi máy xúc, bắn mìn không đúng kỹ thuật, quy định gây hư hại máy móc, va quệt làm hỏng xe cộ, v.v.. Nếu một xí nghiệp nào đó tuy kinh doanh có lãi được một vạn đồng chăng nữa nhưng nếu để chết một công nhân thì cũng không tốt, vì không những thiệt hại đến tính mạng của người đã mất mà còn sẽ ảnh hưởng về chính trị và tư tưởng những người còn sống. Chúng ta phải phê phán nghiêm khắc những hiện tượng thiếu tinh thần phụ trách của những người có trách nhiệm trước tính mạng của công nhân và tài sản của Nhà nước.

- Vấn đề xây dựng chương trình hợp lý hóa sản xuất các nơi có chú ý cải tiến một số lề lối làm việc, xong chưa làm tốt, chưa thành một phong trào sâu rộng trong quần chúng, chưa có sự ràng buộc chặt chẽ trong khâu dây chuyền sản xuất, tinh thần cộng đồng hợp

tác xã hội chủ nghĩa giữa các bộ phận sản xuất trong một xí nghiệp và giữa các xí nghiệp với nhau chưa chặt chẽ. Nói chung vấn đề xây dựng chương trình hợp lý hóa sản xuất chưa phải tất cả các chi bộ đã lãnh đạo xây dựng được mà ngay những nơi đã xây dựng rồi nhưng thực hiện chưa tốt, chưa chặt chẽ. Do đó tình trạng lãng phí còn nhiều, năng suất lao động chưa cao, chất lượng chưa tốt, giá thành còn cao, thực hiện chi tiêu tiết kiệm chưa phải là phổ biến ở trình độ cao, tuy có tiến bộ nhưng không đồng đều, chưa có cơ sở chắc chắn.

Cách mạng kỹ thuật là then chốt nhưng chưa được quán triệt sâu sắc và triệt để. Mục tiêu phấn đấu cho: "*Năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều*", chưa được thẩm nhuần sâu sắc trong mọi hành động của cán bộ, công nhân, nhân viên. Có những nơi chỉ biết vận động hô hào công nhân phát huy sáng kiến nhưng còn vấn đề trách nhiệm phải tổng kết, xét duyệt, phổ biến áp dụng rộng rãi thì lại coi thường, ít chú ý hoặc làm không kịp thời.

- Các ngành của công nghiệp địa phương nói chung mới thực hiện tốt ở khâu giá trị tổng sản lượng và kinh doanh, còn vấn đề nhiệm vụ phục vụ cơ sở, phục vụ cho nông nghiệp thì còn yếu và nấm khâu này chưa chắc, còn ngại phán đấu.

Ngành cơ khí của công nghiệp địa phương phục vụ nông nghiệp, chủ yếu là phục vụ cho cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp tuy có tiến bộ hơn năm trước nhưng vẫn còn nhiều thiếu sót. Xưởng cơ khí là xưởng chủ yếu của ngành công nghiệp địa phương không thực hiện được kế hoạch năm 1964 về sản phẩm chủ yếu (công cụ phục vụ nông nghiệp) tuy có đạt về giá trị sản lượng nhưng do làm nhanh cho mỏ; còn về nhiệm vụ phục vụ cho nông nghiệp thì chưa tốt, hàng hóa sản xuất ra chất lượng chưa cao, giá thành lại đắt, phục vụ lại không kịp thời vụ và đôi khi có khuynh hướng chạy theo lợi nhuận một chiều.

Giao thông nông thôn phục vụ giải phóng đồi vai, giải phóng sức lao động còn yếu. Kiến trúc đồi với việc xây dựng sân phơi,

nhà kho, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho các hợp tác xã nông nghiệp cũng chưa được chú ý đúng mức, nhiệm vụ bao trùm nhất của công nghiệp địa phương là phấn đấu cho sản xuất công nghiệp có năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, phục vụ cho nông nghiệp được nhiều. Nhiệm vụ giúp đỡ các hợp tác xã nông nghiệp chỉ có một số nơi làm tốt còn nói chung là yếu, chưa phục vụ cơ sở được kịp thời và đắc lực để từ đó mà đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho hợp tác xã thắt chặt liên minh công nông.

- Trong công tác củng cố xây dựng Đảng nói chung các chi bộ đều làm tốt, có nhiều ưu điểm, nhưng cũng còn tồn tại ở một số ít chi bộ nội bộ chưa thực đoàn kết nhất trí, tự phê bình và phê bình làm chưa thường xuyên, chưa mạnh, chưa kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tư tưởng tự do tản漫, kèn cựa địa vị trong phạm trù của tư tưởng cá nhân chủ nghĩa cho nên có chi bộ hiện tượng thiếu đoàn kết trong cán bộ lãnh đạo kéo dài hàng năm nay mà vẫn chưa được triệt để thanh toán (chi bộ Cơ khí công nghiệp địa phương).

Một số Đảng bộ tốc độ phát triển Đảng chưa thực đẩy mạnh. Trong công tác phát triển Đảng tuy có ưu điểm là đã chú trọng phát triển vào công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ kỹ thuật và thanh niên lao động nhưng vẫn còn yếu ở mặt chưa kiên quyết và chưa có biện pháp phát triển vào các tổ sản xuất, công tác chủ yếu chưa có hoặc mới có ít đảng viên. Các nơi hiện nay còn (...), tổ sản xuất chưa có đảng viên, trong đó có (...) là tổ sản xuất và công tác chủ yếu chưa có đảng viên. Đồng thời vấn đề phát triển vào phụ nữ cũng chưa được thực sự chú ý.

- Công tác tăng cường lãnh đạo, củng cố xây dựng các tổ chức quần chúng, trong năm qua vấn đề này làm còn yếu. Nhiều chi bộ chưa quan tâm lãnh đạo chặt chẽ tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên lao động, có khía cạnh còn ỷ lại vào tổ chức ngành dọc cấp trên mà chi bộ thiếu sự chủ động. Nhiều nơi chi bộ đã đăng ký

xây dựng chi bộ bốn tốt rồi mà công đoàn và thanh niên chưa đăng ký gì cả. Do đó làm cho tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên chưa phát huy và làm hết khả năng tác dụng của mình. Chế độ đảng viên làm công tác quần chúng của Đảng chưa được nghiêm chỉnh thực hiện. Qua đăng ký cá nhân đảng viên bốn tốt thì thấy có một số đảng viên ở Mỏ apatít và Nhà máy điện có thực hiện chế độ này vì có kết quả tốt nhưng còn nhiều nơi chưa làm được. Thậm chí cá biệt cũng có đồng chí lãnh đạo ở một xí nghiệp nọ bị công nhân làm đơn báo cáo cáo lên Tỉnh ủy về bệnh quan liêu, xa rời quần chúng của đồng chí đó. Cho nên trong việc xây dựng chương trình hành động để đăng ký bốn tốt 1965 phải bắt buộc tất cả 100% đảng viên phải thực hiện chế độ làm công tác quần chúng. Chúng ta phải ra sức học tập áp dụng kinh nghiệm của Đảng bộ Nhà máy X 40.

- Một khuyết điểm lớn phổ biến trong các Đảng ủy cơ sở là nhận thức có chuyển nhưng chưa mạnh trong toàn thể cấp ủy, mới được một số đồng chí trong thường vụ hoặc thường trực chuyên trách làm công tác xây dựng chi bộ bốn tốt. Các nghị quyết của Đảng ủy có phân công nhưng thiếu kiểm điểm đôn đốc, có nơi có thể nói là phân công hình thức, đánh trống bỏ dùi, ở dưới làm đến đâu hay đến đó, thiếu sự lo lắng trách nhiệm với cơ sở, thiếu trách nhiệm với trên, thiếu nghiêm khắc với mình. Nhiều cấp ủy viên phụ trách một đơn vị, hoặc thậm chí lại sinh hoạt ngay với chi bộ đó mà chi bộ đó không đạt bốn tốt cũng cảm thấy trách nhiệm bình thường như các đảng viên khác là không đúng. Bản thân các cấp ủy trong sinh hoạt thường kỳ cũng ít kiểm điểm trách nhiệm của từng cấp ủy viên và phê phán những quan điểm hành động trì trệ công tác xây dựng Đảng. Đặc biệt lực lượng đồng đảo xung quanh cấp ủy là các chi bộ hành chính có nhiều khả năng, có tác dụng thúc đẩy chi bộ cơ sở bên dưới lại không được coi trọng giáo dục bồi dưỡng động viên sử dụng, nên rất ít chi bộ hành chính trong công nghiệp đạt yêu cầu bốn tốt.

III. NHỮNG YẾU TỐ CĂN BẢN ĐỒNG THỜI CŨNG LÀ NHỮNG KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHI BỘ BỐN TỐT

1. Phải giáo dục một cách sâu sắc và triệt để làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức rõ vấn đề xây dựng chi bộ, Đảng bộ trở thành bốn tốt là một yêu cầu bức thiết và khách quan của nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi; công tác giáo dục phải đạt tới chất lượng làm cho tư tưởng được chuyển biến một cách căn bản

Một vấn đề đầu tiên và cơ bản nhất là phải làm cho sự chuyển biến về nhận thức từ lãnh đạo đến đến đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng và nhận rõ xây dựng Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của phong trào. Phải quán triệt công tác xây dựng Đảng với công tác trung tâm và nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay phải xoay làm một mối. Công tác củng cố xây dựng Đảng phải tập trung nhằm vào mục tiêu là phục vụ cho công tác trung tâm chính trị, đồng thời phải thông qua công tác trung tâm chính trị đó làm nội dung để củng cố xây dựng Đảng. Mọi hiện tượng tách rời đều phạm sai lầm không đúng với phương châm và đường lối, nguyên tắc xây dựng Đảng. Trong công tác củng cố xây dựng Đảng trước hết phải xây dựng lập trường giai cấp tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lenin cho đảng viên. Chi bộ nào, đảng viên nào làm tốt cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt là đã làm được đầy đủ bảy nhiệm vụ của tổ chức cơ sở và 10 nhiệm vụ của đảng viên trong Điều lệ Đảng đã quy định. Nhiều chi bộ và đảng viên không làm đúng tinh thần này là một khuyết điểm. Cho nên toàn Đảng bộ ta phải giáo dục cho thật tốt làm cho có sự chuyển biến sâu sắc về ý nghĩa mục đích, vai trò vị trí của việc xây dựng chi bộ bốn tốt trong giai đoạn hiện nay là bức thiết, là yêu cầu khách quan của nhiệm vụ chính trị đòi hỏi. Vấn đề mấu chốt vẫn là không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Công tác

này phải được tuyên truyền giáo dục giác ngộ chuyển biến từ cấp trên xuống cấp dưới, từ chi ủy đến đảng viên, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng nhận rõ và có một quyết tâm đầy đủ, thường xuyên từ những ngày đầu, tháng đầu.

2. Coi trọng giáo dục tư tưởng, phóng tay phát động quần chúng nâng cao quyết tâm, dựa hẳn vào quần chúng, bám sát sản xuất và nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên

Xuất phát từ yếu tố thứ nhất ở trên ta xét xem những chi bộ đã đạt yêu cầu bốn tốt vừa qua là do yếu tố gì quyết định. Có phải vì được trang bị cơ giới hiện đại nhiều mới lên được bốn tốt không? Có phải vì ở đó có nhiều kỹ sư, đại học, hoặc có đồng đảng viên có nhiều quần chúng không? Hoặc vì có nhiều quỹ phúc lợi mới phấn đấu được bốn tốt không? Thực tế vừa qua đã chứng minh là không phải. Thí dụ: như chi bộ Công trường trạm tôn đã từ chối kém nát mà phấn đấu đạt bốn tốt (công trường Làm đường). Không phải ở đó có nhiều kỹ sư, đại học, có nhiều đảng viên, có nhiều quỹ phúc lợi mà yếu tố chủ yếu quyết định vẫn là vấn đề tư tưởng và lòng quyết tâm, tức là đảng viên và chi bộ có quyết tâm không? Có đấu tranh nội bộ tốt hay không? Và quần chúng có được phát động tư tưởng hay không? Ở trong các công trường, xí nghiệp tuy cũng có mặt khó khăn nhưng so sánh thì còn có rất nhiều điều kiện hơn ở nông thôn mà lại không làm được mạnh hơn ở nông thôn vì nguyên nhân chủ yếu là chưa có được yếu tố này. Nếu như quỹ phúc lợi chỉ có một ngàn đồng thôi nhưng nếu công tác giáo dục chính trị tư tưởng của quần chúng được tốt thì số tiền phúc lợi này có ít nhưng quần chúng vẫn phấn khởi đoàn kết, sản xuất vẫn đầy mạnh. Nhưng nếu quỹ phúc lợi đó tuy có hàng chục ngàn nhưng ở đó công tác chính trị tư tưởng làm chưa tốt thì nội bộ vẫn lục đục, quần chúng không phấn khởi, sản xuất vẫn ì ạch.

Một vấn đề nữa mà vừa qua các chi bộ đạt được bốn tốt đã cho thấy thêm mấy kinh nghiệm thực tế khác như:

- Chi bộ nắm vững chỉ tiêu sản xuất, nắm chắc các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật. Do đó sự lãnh đạo của chi bộ tránh được tình trạng chạy quanh sản xuất, chạy ở vòng ngoài của sản xuất.

- Phóng tay phát động quần chúng, dựa hẳn vào quần chúng, biến nghị quyết của chi bộ thành hành động thực tế của đồng đảo quần chúng là một yếu tố rất quan trọng. Vì sự nghiệp cách mạng là của quần chúng mà Đảng là người lãnh đạo. Cho nên vấn đề xây dựng chi bộ bốn tốt phải do sức lực tập thể của đồng đảo quần chúng phấn đấu mới tạo thành. Cho nên chi bộ phải xác lập một cách vững chắc về quan điểm quần chúng, đường lối quần chúng trong công tác lãnh đạo của mình.

Tóm lại, phải vận dụng cho đúng đắn tinh thần Nghị quyết 11 của Trung ương Đảng lãnh đạo toàn diện, thủ trưởng phụ trách, công nhân tham gia quản lý làm cho thật tốt thì phong trào nhất định chuyển biến, kế hoạch nhất định vượt mức vượt thời gian và đảm bảo chất lượng.

Một chứng minh rất cụ thể là chi bộ Bưu điện truyền thanh, chi bộ dự kiến năm 1964 sẽ vượt kế hoạch trước thời hạn 15 ngày, với tỷ lệ vượt 4% về giá trị tổng sản lượng, khi ra tới quần chúng nghị quyết nâng lên vượt 25 ngày với tỷ lệ 9,9%. Nhưng kết quả đã phấn đấu vượt được 40 ngày với tỷ lệ vượt 14% về giá trị tổng sản lượng. Điều đó chứng tỏ rằng khi quần chúng được phát động tư tưởng thì có một quyết tâm rất cao, là chỗ dựa vững chắc của chi bộ. Hoặc như chi bộ Công trường trạm tôn đã từ chỗ kém nát mà chỉ trong 6 tháng trời đã phấn đấu đạt bốn tốt cũng do yếu tố phóng tay phát động quần chúng mà đưa tới kết quả. Cho nên trong công tác lãnh đạo chi bộ phải nắm cho thật chắc khâu xây dựng củng cố công đoàn, đoàn thanh niên lao động chống tư tưởng bảo thủ, hữu khuynh, chống tác phong quan liêu độc đoán.

- Muốn đẩy mạnh được mọi mặt công tác trong xí nghiệp thì trước hết phải phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu của đồng đảo đảng viên, đồng thời tăng cường sự kiểm tra của Đảng trong sản xuất, phát hiện được các khâu yếu và giải quyết được kịp thời.

3. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong quá trình tiến hành cuộc vận động và đảm bảo 100% đảng viên đều có chương trình hành động (đăng ký cá nhân)

Yếu tố thứ ba là vấn đề tự phê bình trong đăng ký mang tính chất quy luật trong xây dựng Đảng. Lấy nội dung của việc tự phê bình và phê bình để vận dụng vào công tác đăng ký xây dựng chương trình hành động, kiểm tra, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm đều phải vận dụng quy luật này vào làm nội dung công tác chỉ đạo tư tưởng. Nhưng nội dung đăng ký phải bám cho thật chắc những nhiệm vụ chính trị, các nhiệm vụ lớn trong sản xuất, kinh doanh, quản lý xí nghiệp làm cơ sở chủ yếu để nâng cao chi bộ, củng cố xây dựng chi bộ. Đặc biệt phải quán triệt thật sâu sắc ý nghĩa của cách mạng kỹ thuật làm then chốt trong sản xuất hiện nay để thể hiện sự tập trung lãnh đạo của chi bộ và từ đó mà xây dựng nội dung sinh hoạt của chi bộ có chất lượng, đều đặn bổ ích cho đảng viên. Kinh nghiệm việc tự phê bình muốn làm tốt kể cả tập thể và cá nhân đều phải có chuẩn bị tự mình xác định trước. Cụ thể là hội nghị chi bộ thì chi ủy chuẩn bị trước, tổ Đảng thì tổ trưởng chuẩn bị trước, đảng viên thì chủ động tự mình chuẩn bị trước; có làm đúng như vậy mới nâng cao được tinh thần tự phê bình, chủ động, tự giác của đảng viên. Phải đạt tới yêu cầu là 100% đảng viên phải xây dựng được chương trình hành động cá nhân (đăng ký cá nhân), nếu chi bộ nào không làm được như vậy tức là đảng viên ở đó chưa được phát động tư tưởng. Những nơi chưa đạt được yêu cầu bốn tốt vừa qua chính là chưa thực hiện làm đúng với tinh thần trên.

4. Coi trọng chỉ đạo điển hình cho tốt và triển khai phong trào rộng rãi

Yếu tố chỉ đạo thực hiện là khâu có ý nghĩa quan trọng sau khi có chủ trương đúng, có quyết tâm cao, quần chúng được giác ngộ. Kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện ở đây không phải là biện pháp đơn thuần về tổ chức mà phải quán triệt từ bước đầu là tổ chức việc phổ biến truyền đạt tinh thần chỉ thị nghị quyết cho thật sâu rộng, phải chỉ đạo điển hình cho tốt để giới thiệu sử dụng kinh nghiệm điển hình, triển khai phong trào; có kế hoạch và mức độ cụ thể cho từng nơi, từng thời gian, làm có trọng điểm, có phân công cụ thể, quy trách nhiệm cho từng người hoặc từng bộ phận, tăng cường kiểm tra sự phân công, sơ kết rút kinh nghiệm những ý nghĩa việc làm thực tế để làm cho lý luận nhận thức được sâu sắc, kết quả được cao hơn. Một kinh nghiệm rõ nhất là sự chỉ đạo điển hình để triển khai phong trào là điều rất tốt nhưng nhiều nơi chưa coi trọng. Cách báo cáo điển hình quần chúng dễ tiếp thu hơn là nói lý luận, sách vở trừu tượng. Cũng phải rút ra bài học kinh nghiệm thực tế là bản thân các cấp ủy, hay các cán bộ tổ chức, đảng viên phải bắt tay vào làm thực tế, từ chi bộ mình sinh hoạt, từ chi bộ mình phụ trách trọng điểm mà rút ra những kết luận, chỉ đạo phong trào mới sâu sát và mới có cơ sở để chứng minh sự tiếp thu chỉ thị nghị quyết của cấp trên và hiểu chân lý một cách sâu sắc và tự giác.

Muốn có được sự chỉ đạo tốt thì trước hết tập thể của các cấp đảng ủy phải có sự chuyển biến về nhận thức trước. Sự chuyển biến về nhận thức của các ban Đảng ủy có ý nghĩa xoay chuyển tình thế hướng đi của các chi bộ. Kinh nghiệm vừa qua cho thấy rằng những Đảng bộ có chuyển biến từ lãnh đạo của Đảng ủy mạnh mẽ từ bao giờ thì lúc đó là những bước ngoặt đánh dấu sự tiến bộ và chuyển mình của cấp dưới vì các mặt hoạt động của các tổ chức trong xí nghiệp có thể khẳng định chắc chắn rằng nếu sự chuyển biến tư tưởng và quyết tâm của các Đảng ủy nào cao hơn

thì tỷ lệ số chi bộ bốn tốt còn cao hơn còn mạnh mẽ hơn, thành tích còn lớn hơn.

Tỉnh ta hoàn toàn nhất trí với sự đánh giá của Bộ Chính trị về công cuộc xây dựng chi bộ bốn tốt: "Cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt các Đảng bộ đã có nhiều cố gắng, đang phát huy tác dụng bước đầu trong sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế, quốc phòng, v.v.. Qua thực tế cuộc vận động càng thấy rõ ý nghĩa lớn lao của công tác xây dựng Đảng nhất là tổ chức cơ sở.

5. Kinh nghiệm lãnh đạo của các Đảng ủy phải thường xuyên liên tục, kiểm tra chương trình hành động của cấp dưới và chỉ đạo điển hình một cách chặt chẽ và kịp thời

Trong thực tế đã chứng minh các chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt không phải tự riêng chi bộ làm được mà phải có sự lãnh đạo chỉ đạo, kiểm tra của cấp trên một cách sát sao. Những chi bộ đạt bốn tốt cũng nói lên hai điều quan trọng là: sự nỗ lực bản thân của chi bộ đó phải có quyết tâm cao và liên tục phấn đấu và biết tổ chức thực hiện đăng ký, bổ sung đăng ký cho hoàn chỉnh và nâng cao là chủ yếu nhất. Mặt khác sự chỉ đạo của Đảng ủy, giám đốc hoặc trưởng ty, cấp trên phải được chặt chẽ, công đoàn và đoàn thanh niên cấp trên quan tâm hướng dẫn giúp đỡ là những yếu tố khách quan rất quan trọng không thể thiếu được. Đặc biệt yếu tố lãnh đạo của Đảng ủy còn là yếu tố quyết định về sự xoay chuyển tình hình tư tưởng và hành động của cấp dưới. Phải khẳng định cuộc vận động bốn tốt có được đẩy mạnh hay không là do các Ban Chấp hành Đảng ủy quyết định và tỷ lệ cao hay thấp là tùy thuộc ở sự chuyển biến và sự lãnh đạo của các Đảng ủy cao hay thấp.

Bộ Chính trị nhấn mạnh: chỉ trên cơ sở xây dựng Đảng được vững mạnh mới phát huy được tinh thần ý thức cách mạng; biến nghị quyết của Đảng thành thực tế.

Vừa qua nơi nào quyết tâm xây dựng Đảng bao nhiêu thì phong trào phát triển mạnh bấy nhiêu. Trái lại nơi nào thiếu quan tâm, tách rời giữa sản xuất với xây dựng Đảng thì phong trào không lên, thành tích không lớn.

Phải làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận rõ tình hình mới và khả năng mới, sự chuyển biến mới của cuộc cách mạng, phục vụ tốt cho nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu đó là điều quan trọng bậc nhất trong năm 1965 này. Cần làm tập trung và khẩn trương hơn nữa đối với công tác củng cố xây dựng Đảng, tăng cường và đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng là điều quyết định nhất.

Tóm lại, cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt của tỉnh ta trong năm qua đã có những chuyển biến rộng rãi trong toàn Đảng bộ, trong công nghiệp, nông nghiệp, cơ quan, quân đội, v.v.. Bước đầu đã thu được những thắng lợi mới và mở ra một triển vọng mới.

Trong một năm phấn đấu Đảng bộ ta đã có một số kinh nghiệm nhất định, cộng với sự phấn khởi chung của toàn Đảng, toàn dân cả Bắc và Nam đang thu được những thắng lợi to lớn và dồn dập. Chúng ta có thể khắc phục được những khó khăn tồn tại trên và có quyết tâm cao đưa phong trào xây dựng chi bộ bốn tốt năm 1965 mạnh mẽ hơn năm 1964 và hoàn thành và hoàn thành vượt mức Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh ta trong năm 1965.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG CHI BỘ VÀ ĐẢNG BỘ BỐN TỐT NĂM 1965

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV đã chỉ thị: phải đẩy mạnh công tác củng cố xây dựng Đảng hơn nữa, đến hết năm 1965 phải đạt đại bộ phận chi bộ và Đảng bộ đạt yêu cầu bốn tốt.

Dưới đây Ban Thường vụ xác định rõ yêu cầu và mức độ của chi bộ, Đảng bộ bốn tốt năm 1965 như sau:

Các Đảng bộ trong công nghiệp cuối 1965 tối thiểu phải đạt 60% số chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt:

1. Nội dung tiêu chuẩn bốn tốt năm 1965

a) Lãnh đạo và kiểm tra sản xuất chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu tốt

Theo đúng chức năng của Đảng ở đơn vị, chi bộ cần nắm vững tình hình chung và tình hình sản xuất (kinh doanh chuyên môn) của đơn vị và trên cơ sở quán triệt đường lối chung, đường lối, chính sách, phương hướng phát triển của từng Đảng bộ, từng chi bộ, quán triệt yêu cầu của kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa từng năm của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao cho đơn vị từng thời gian, lãnh đạo tốt việc xây dựng phương hướng, kế hoạch sản xuất của đơn vị và lãnh đạo đảm bảo hoàn thành vượt kế hoạch đó. Trong lãnh đạo sản xuất cần:

+ Chú trọng lãnh đạo cải tiến kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật.

+ Chú trọng lãnh đạo củng cố quan hệ sản xuất mới và công tác quản lý kinh tế hoặc chuyên môn của đơn vị.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo sản xuất, bảo vệ sản xuất với lãnh đạo chiến đấu và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

+ Coi trọng giáo dục đảng viên, phân công cụ thể cho đảng viên, đảm bảo phát huy vai trò của đồng đảo đảng viên trong chiến đấu và sản xuất.

+ Chú trọng nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng của đảng viên và quần chúng, coi trọng lãnh đạo bảo vệ sản xuất củng cố tốt lực lượng công an, bảo vệ, dân quân, tự vệ; lãnh đạo tốt việc bảo vệ trật tự trị an, củng cố quốc phòng (đặc biệt việc bảo vệ xí nghiệp, những bộ phận quan trọng, thiết yếu), với tinh thần chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

+ Khi xảy ra chiến đấu tùy theo cương vị và trách nhiệm của từng đơn vị mà lãnh đạo tốt nhiệm vụ chiến đấu chống địch bảo vệ tính mệnh, tài sản của Nhà nước, đơn vị tập thể và nhân dân; phục vụ tốt chiến đấu, sau chiến đấu phải kịp thời giải quyết

những vấn đề do chiến đấu đê ra; tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, công tác, ổn định sinh hoạt của quần chúng.

b) Quán triệt và lãnh đạo việc chấp hành các chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước

- Tổ chức nghiên cứu học tập, làm quán triệt chính sách và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; đấu tranh kiên quyết chống những lêch lạc, khuynh hủu hoặc "tả" đi chệch đường lối, chính sách của Đảng.

- Tùy theo nhiệm vụ cụ thể của từng loại đơn vị cơ sở và trong từng thời gian cần đặc biệt nhấn mạnh việc chấp hành tốt các chính sách cụ thể cần thực hiện ở đơn vị, kiên quyết đấu tranh chống lãng phí, tham ô và mọi hành động vi phạm chính sách.

- Đảng viên phải gương mẫu chấp hành chính sách và những nghĩa vụ đối với Nhà nước và vận động thuyết phục quần chúng chấp hành, tránh mệnh lệnh, gò ép.

- Giáo dục đảng viên và quần chúng nâng cao tính tổ chức và kỷ luật chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, các chế độ, thể lệ về quản lý kinh tế và tôn trọng thực hiện các kỷ luật, nội quy của các đoàn thể quần chúng.

c) Lãnh đạo tốt việc xây dựng đời sống tinh thần và vật chất của quần chúng, củng cố tốt các tổ chức quần chúng

- Coi trọng giáo dục tư tưởng chính trị, động viên quần chúng đoàn kết nâng cao tính hữu ái giai cấp, phấn khởi thi đua đẩy mạnh sản xuất tham gia củng cố quốc phòng trị an, đảm bảo chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, xây dựng tốt đời sống, chống quan liêu mệnh lệnh với quần chúng.

- Chăm lo lãnh đạo đời sống vật chất và tinh thần (ăn, ở, làm việc, văn hóa - văn nghệ) đặc biệt là đời sống chính trị tư tưởng của quần chúng, trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm trong điều kiện chiến đấu và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, sơ tán, v.v.. Quan tâm lãnh đạo giải quyết đời sống cán bộ, công nhân viên trong đơn vị, chú trọng giúp đồng bào sơ tán nếu có, kịp thời lãnh đạo việc ổn định đời sống quần chúng ở nơi có chiến đấu xảy ra.

- Xây dựng củng cố lãnh đạo tốt hoạt động của các tổ chức quần chúng, nhất là đoàn thanh niên, công đoàn phong trào xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, nữ công theo đúng chức năng của từng tổ chức, chú trọng lãnh đạo tốt các phong trào ba sẵn sàng, ba đảm nhiệm, ba điểm cao (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều), kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng chi đoàn, công đoàn bốn tốt, tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, phụ nữ năm tốt.

- Cán bộ đảng viên thực hiện tốt chế độ đảng viên làm công tác vận động quần chúng, đi sát học tập quần chúng, tìm hiểu thu thập ý kiến và kinh nghiệm của quần chúng, tuyên truyền vận động, giúp đỡ quần chúng, nhưng cũng chống việc theo đuôi quần chúng một chiều.

d) Củng cố Đảng về tư tưởng, tổ chức; làm tốt công tác phát triển Đảng

Chi bộ cần coi trọng nâng cao phẩm chất cách mạng, tinh thần chiến đấu, trình độ chính trị, trình độ văn hóa, kỹ thuật và nghiệp vụ của đảng viên.

Chú trọng:

+ Thông qua đấu tranh thực tế nhất là qua việc thực hiện ba yêu cầu trên đây, qua học tập và phê bình tự phê bình, ra sức nâng cao giác ngộ giai cấp vô sản, nhiệt tình yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ tập thể, v.v. của đảng viên. Tùy theo tình hình tư tưởng cụ thể của đảng viên và tính chất công tác của từng đơn vị có kế hoạch, biện pháp cụ thể, giáo dục giúp đỡ từng loại đảng viên, khắc phục những biểu hiện trở ngại đến sản xuất và công tác, đến nhiệm vụ chiến đấu, mơ hồ về giai cấp, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần cầu an, ngại khó, các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tác phong quan liêu mệnh lệnh, xa thực tế, xa quần chúng.

+ Tổ chức cho đảng viên học tập văn hóa, kỹ thuật nghiệp vụ và kinh nghiệm công tác.

Củng cố tốt các chi ủy đảm bảo yêu cầu về chất lượng tập thể lãnh đạo của Đảng ủy, chi ủy, đồng thời cải tiến sinh hoạt chi bộ,

đề cao dân chủ nội bộ phát huy vai trò lãnh đạo tập thể của chi bộ, quản lý tốt đảng viên, giữ vững kỷ luật nghiêm minh của Đảng, phát huy đầy đủ vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong lãnh đạo sản xuất, trong chiến đấu, trong công tác, trong sinh hoạt, tích cực giáo dục giúp đỡ đảng viên kém.

+ Tiến hành công tác phát triển Đảng thường xuyên theo đúng phương châm, phương hướng, nguyên tắc, thủ tục đảm bảo chất lượng, chú trọng thông qua sản xuất, chiến đấu, công tác mà tiến hành lựa chọn đối tượng, phát triển đảng viên, sử dụng tốt đoàn thanh niên lao động làm nhiệm vụ giới thiệu tốt đoàn viên ưu tú vào Đảng.

2. Yêu cầu cơ bản của chi bộ bốn tốt năm 1965

1. Bảo đảm lãnh đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước một cách toàn diện trước thời hạn ít nhất là 10 ngày. Đối với công nghiệp địa phương phải làm tốt nhiệm vụ phục vụ sản xuất vận chuyển trong nông nghiệp.

2. Bảo đảm an toàn sản xuất, không để hư hại máy móc, đảm bảo an toàn lao động không để xảy ra tình trạng chết người và các tai nạn nặng.

3. Phải có chương trình cải tiến hợp lý hóa sản xuất và thực hiện chương trình đó được tốt.

4. Tối thiểu phải có một tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa đã được Trung ương công nhận, hoặc tối thiểu phải có một tổ đội có nhiều thành tích đã được hội đồng thi đua của toàn xí nghiệp thừa nhận và đề nghị lên Trung ương công nhận.

5. Công đoàn phải đạt bốn tốt, thanh niên bốn tốt, phụ nữ năm tốt, đơn vị tự vệ là đơn vị quyết thắng hoặc đơn vị tiên tiến.

6. Phải chấp hành tốt chính sách, chế độ và các quy trình, quy tắc trong sản xuất, không để xảy ra tình trạng vi phạm nghiêm trọng.

7. Phát triển Đảng ít nhất từ 4 đảng viên trở lên, công tác phát triển làm đúng phương châm, phương hướng. Các tổ sản xuất và công tác chủ yếu tối thiểu phải có đảng viên, xóa tổ trống.

8. Chi bộ phải đoàn kết nhất trí, trong chi bộ không còn đảng viên kém (hoặc nếu còn chỉ là trường hợp cá biệt), đảng viên đạt bốn tốt phải chiếm tuyệt đại bộ phận trong chi bộ (khoảng từ 70 đến 80% trở lên).

9. Mỗi chi bộ phải kết nghĩa giúp đỡ hợp tác xã ở địa phương được một việc có ý nghĩa hay một vấn đề gì về mặt xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho hợp tác xã.

3. Yêu cầu cơ bản của đảng bộ bốn tốt năm 1965

1- Đảng bộ lãnh đạo mọi mặt công tác theo với chức năng của mình có nhiều tiến bộ đồng đều phải đạt và vượt những chỉ tiêu về sản xuất và nhiệm vụ công tác chủ yếu mà cấp trên giao cho.

2- Tối thiểu phải có từ 60% số chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt trở lên, không để một chi bộ nào vào loại kém. Nội bộ cấp ủy của Đảng bộ phải thực sự đoàn kết nhất trí.

3- Bảo đảm chấp hành các đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên giao cho được tốt, đúng với phương hướng, phương châm của Đảng bộ và Nhà nước. Đặc biệt phải quán triệt và làm tốt các vấn đề lớn như: cách mạng kỹ thuật trong sản xuất, sản xuất và an toàn sản xuất, an toàn lao động tốt, đảm bảo sản xuất và chiến đấu tốt, vấn đề phát triển đảng viên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 18-NQ/TU, ngày 16-1-1965

**Về công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị
ở các trường, lớp chính trị và huyên**

Trong những năm cai trị của thực dân Pháp ở Lào Cai, chúng đã không ngừng lợi dụng vùng rừng núi hiểm trở, biên giới phức tạp, gây cơ sở phản động chống lại ta. Đồng thời chúng còn lợi dụng vấn đề dân tộc gây chia rẽ, thù oán, chém giết lẫn nhau, hòng đánh lạc mục tiêu đấu tranh của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, được giáo dục lâu dài, nhân dân các dân tộc đã trải qua những cuộc kháng chiến gian khổ chống Pháp, tiễn phỉ và những năm xây dựng hòa bình, Lào Cai có nhiều đổi mới đáng kể. Nhất là cán bộ cơ sở, tinh ta là những người trung thực với Đảng, với cách mạng, có tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, hăng hái tích cực nhất trong quần chúng. Nó đã thể hiện rõ trong cuộc đấu tranh sinh tử, trong cải cách dân chủ, trong xây dựng hợp tác xã phát triển sản xuất.

Sau khi hòa bình lập lại, nước ta tạm chia làm hai miền, miền Bắc chuyển sang giai đoạn quá độ xã hội chủ nghĩa, công tác tư tưởng, giáo dục ý thức làm chủ, tinh thần trách nhiệm, nâng cao nhiệt tình cách mạng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, v.v. được coi trọng đúng mức. Trong năm năm (1960 - 1964) tỉnh đã bồi dưỡng lý luận chính trị cho 20.680 cán bộ cơ sở là sự cố gắng lớn.

Nhưng với điều kiện tổ chức cũng như khả năng giảng dạy, ta mới chỉ là có hạn, không đủ đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của cách mạng trên lĩnh vực chính trị tư tưởng. Nhất là đặc điểm tinh ta là một tinh miền núi, nhiều dân tộc, nên kinh tế nặng tính tự cung tự cấp, tư tưởng sản xuất nhỏ, quan điểm lập trường thiếu kiên định, hữu khuynh cá nhân chủ nghĩa xuất hiện khi cách mạng tiến lên trong cán bộ cơ sở càng rõ. Do đó đã ảnh hưởng không ít đến chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và phong trào quần chúng ở địa phương.

Hiện nay cách mạng miền Bắc nước ta đã bước một bước dài trong thời kỳ quá độ xây dựng xã hội chủ nghĩa. *Nhiệm vụ chiến lược cách mạng hai miền đã và đang trong hình thế mới*, đòi hỏi có lòng quyết tâm cao, nhiệt tình lớn mới có thể đưa cách mạng sang một bước mới. Do đó nhận thức tư tưởng cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ cơ sở càng đòi hỏi cấp thiết hơn lúc nào hết, tới vấn đề lý luận chính trị. Nhưng nhìn lại vấn đề này đa số cán bộ cơ sở chưa được bồi dưỡng, cho nên đặt ra cho tinh ta phải tiến hành giáo dục lý luận Mác - Lê nin một cách khẩn trương, nhưng phải có từng bước và có trọng điểm. Sơ bộ căn cứ vào số cán bộ cơ sở được quy định quản lý giáo dục giữa huyện và trường Đảng tỉnh, nghĩa là trường Đảng tỉnh quản lý từ bí thư, phó bí thư, chi ủy viên các chi bộ, trưởng ngành chính quyền, đoàn thể và hợp tác xã thì cũng phải hoàn thành trong 2 năm. Số cán bộ cơ sở còn lại 65% từ cấp phó chính quyền, đoàn thể và hợp tác xã trở xuống phân cấp cho huyện, trung bình mỗi huyện tiến hành ít nhất trong 3 năm (chưa kể số mới qua xây dựng hợp tác xã) mới có thể hoàn thành việc bồi dưỡng lý luận chính trị sơ giải cho cán bộ cơ sở. Tình hình đó, đòi hỏi tinh ta phải phân cấp cho huyện để tiến hành song song với trường Đảng tỉnh mới có thể làm tốt được lĩnh vực giáo dục lý luận chính trị.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy căn cứ vào Chỉ thị 62-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn

tỉnh lần thứ II, căn cứ trình độ nhận thức và yêu cầu đòi hỏi giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ cơ sở quy định về trường, lớp chính trị tỉnh và huyện như sau:

Mục đích đào tạo, yêu cầu giáo dục và nội dung chương trình trường, lớp chính trị tỉnh, huyện:

Mục đích trường Đảng tỉnh nhằm đào tạo ra số cán bộ lãnh đạo chủ chốt xã, hợp tác xã là những người dân đi đầu trong phong trào, còn đối với¹ các lớp chính trị ở huyện, nhằm đào tạo ra lớp cán bộ cốt cán giúp việc đắc lực cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở xã và hợp tác xã.

Do đó yêu cầu mức độ lý luận và khả năng tiếp thu khác nhau. Đối với cán bộ chủ chốt giáo dục phải biết lãnh đạo ba cuộc cách mạng ở nông thôn, biết lãnh đạo lực lượng bán vũ trang ở địa phương, biết lãnh đạo và xây dựng chi bộ bốn tốt. Đối với² cán bộ giúp việc tức là những người làm công tác cụ thể đứng về mặt nhận thức lý luận cũng như thực tế phải đặt ra cán bộ chủ chốt xã, nhưng mức độ hẹp hơn và phát huy kết quả cũng không bằng cán bộ chủ chốt.

Nội dung chương trình dựa vào chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương cần quán triệt các phần cơ bản là: thường thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin, đường lối chính sách lớn của Đảng, quản lý hợp tác xã và sản xuất nông nghiệp hoặc quản lý kinh nghiệp công nghiệp xã hội chủ nghĩa, lịch sử tóm tắt Đảng ta và công tác xây dựng Đảng. Một mặt căn cứ vào sự hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, đồng thời căn cứ vào đặc điểm tinh ta để vạch chương trình cho thích hợp, nhưng chủ yếu nội dung chương trình phải quán triệt vấn đề sau đây: một mặt vừa nâng cao trình độ chính trị, vừa nâng cao phẩm chất cách mạng, vừa nâng cao lực lượng công tác, nhất là quản lý kinh tế. Do đó lý luận phải gắn liền với thực tế, có lý luận để thực hiện tốt nhiệm vụ của Đảng.

1, 2. Từ chúng tôi thêm vào - BT.

- Trong nội dung chương trình phải đảm bảo tốt yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của công nông nghiệp và phục vụ cho ba cuộc vận động (cải tiến quản lý hợp tác xã, ba xây ba chống, vận động đồng bào miền xuôi lên khai hoang, phát triển kinh tế, văn hóa miền núi). Riêng ở tỉnh ta cần chú ý một số vấn đề là:

- Một mặt qua giáo dục phải nâng cao trình độ công tác quản lý kinh tế, với nâng cao trình độ xây dựng chi bộ bốn tốt, đồng thời phải nâng cao khả năng nắm lực lượng quốc phòng như lực lượng quân vũ trang địa phương và nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu.

- Phải quán triệt vấn đề công nghiệp hóa nhưng một mặt phải hoàn thành việc cải tạo quan hệ sản xuất nông nghiệp.

- Yêu cầu mức độ của chương trình phải quán triệt: Vùng cao đơn giản hơn vùng thấp, vùng thấp đơn giản hơn công trường xí nghiệp.

- Vì vậy, thời gian của chương trình cũng khác nhau: (trường Đảng tỉnh) 3 tháng cho công trường xí nghiệp, 2 tháng cho vùng thấp, (trường chính trị huyện) 20 ngày cho vùng cao, 25 ngày cho vùng thấp.

Nhiệm vụ giáo dục lý luận ở trường lớp chính trị tỉnh, huyện

Trường Đảng tỉnh có nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ cơ sở (kể cả nông thôn, thành thị, nông lâm trường, xí nghiệp, cơ quan), là cán bộ chủ chốt xã, hợp tác xã như bí thư, phó bí thư, chi ủy viên chi bộ, chủ tịch xã, bí thư thanh niên, bí thư phụ nữ, xã đội trưởng, chính trị viên xã đội, trưởng công an, chủ nhiệm hợp tác xã, trưởng ban kiểm sát.

Nhưng trước mắt năm 1965, trường Đảng tỉnh cần hoàn thành 1/2 cán bộ cơ sở thông qua thống kê thuộc trong diện quản lý với thành phần: 5 định xuất lượng cán bộ mỗi xã, chủ nhiệm hợp tác xã có từ 50 hộ trở lên và chủ nhiệm hợp tác xã nơi sắp tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã.

Ở huyện có nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ cơ sở (ngoài đối tượng trường Đảng tỉnh quản lý) như: Phó chủ tịch, ủy viên ủy ban, phó các ngành, giới xã, phó chủ nhiệm, ủy viên quản trị, kế toán, tổ trưởng sản xuất, tiểu đội trưởng dân quân.

Nhưng cụ thể nhiệm vụ năm 1965, mỗi huyện cần đảm bảo hoàn thành 1/3 số lượng cán bộ cơ sở thông qua thống kê thuộc huyện quản lý giáo dục ở địa phương, tập trung vào thành phần ủy viên ủy ban, ủy viên quản trị, kiểm soát hợp tác xã có từ 50 hộ trở lên và làm hết những nơi sắp tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã.

Phương hướng tổ chức trường lớp chính trị tỉnh, huyện

Căn cứ mục đích yêu cầu, nội dung nhiệm vụ thì trường Đảng tỉnh chia làm hai phân hiệu: Một phân hiệu mở lớp tinh tại ở trường Đảng tỉnh cho cán bộ cơ sở vùng thấp, 2 thị xã, khai hoang, công trường xí nghiệp và cơ quan. Một phân lưu động mở tại các huyện cho cán bộ vùng cao và lung chừng. Xuất phát từ đó lập ban giám đốc chung chỉ đạo.

Đối với các huyện chỉ mang tính chất là một trường Đảng nằm trong hệ thống trường Đảng. Nếu Ban Tuyên huấn huyện chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành huyện ủy, nhưng cần phân công một cán bộ có khả năng lý luận, có đạo đức tư tưởng tốt để chuyên làm công tác trường Đảng huyện, không lập ban giám đốc mà chỉ tổ chức ra ban giám hiệu trường. Hiệu trưởng là đồng chí thường vụ huyện ủy, hiệu phó đồng chí cấp ủy phụ trách tuyên huấn đảm nhiệm.

Giảng viên ở các trường chính trị tỉnh, huyện do các cấp ủy giảng. Các ngành có liên quan đến nội dung chương trình thì trưởng, phó hoặc cán bộ trong ngành nhưng phải nắm chắc được vấn đề, nhất là đạo đức lập trường, tư tưởng phải hoàn toàn tốt, phải qua cấp ủy xét duyệt mới được giảng dạy.

Tổ chức trường lớp cần phải hợp với yêu cầu, đối tượng, đặc điểm địa phương. Năm 1965 trường Đảng tỉnh, lớp chính trị huyện cần có chương trình cụ thể, thích hợp để tổ chức lớp vùng cao và thấp. Song cần đi vào lớp chuyên bí thư, chuyên chính quyền, chuyên hợp tác xã,

tạo điều kiện thuận lợi trong khi giảng dạy và trong tiếp thu cán bộ cơ sở đạt kết quả tốt. Đặc biệt chú ý khi đã là trường lớp mở lưu động thì phải đảm bảo được tính chất của trường Đảng hay lớp chính trị lý luận, song đồng thời ít nhiều mang tính chất địa phương. Do đó, địa điểm mở lớp phải là ở khu vực hoặc huyện lỵ, chứ không thể một hợp tác xã không có sự trực tiếp lãnh đạo khu vực, phải dựa hẳn vào địa phương, trách nhiệm chung là phải có chỗ giảng đường, nơi ăn, ngủ chu đáo. Thông qua tổ chức học tập, sinh hoạt làm rõ nhận thức đây là trường lớp chính trị giáo dục lý luận Mác - Lênin, khác với những hội nghị bình thường (...)¹ ranh giới đó đi đến coi thường.

Một số điểm quy định quyền hạn nhiệm vụ một số ngành liên quan

Công tác giáo dục lý luận chính trị là vấn đề rất lớn, quan trọng, Ban Tuyên giáo tỉnh giúp Tỉnh ủy chỉ đạo nội dung, chương trình các lớp lý luận chính trị ở huyện. Ban Tuyên giáo tỉnh có chức năng giáo dục công tác tư tưởng nên có nhiệm vụ theo dõi, góp ý với Ban Giám đốc trường Đảng tỉnh về đường lối, phương châm chung, còn chỉ đạo trực tiếp vẫn là Ban Chấp hành Tỉnh ủy.

Trường Đảng tỉnh không có trách nhiệm chỉ đạo nội dung, chương trình của các lớp chính trị huyện, chỉ có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đảng viên, cung cấp kinh nghiệm, tài liệu và bài giảng.

Kinh phí lớp chính trị huyện, căn cứ vào Chỉ thị 22-CT/TU ngày 22-1-1964 của Tỉnh ủy đã nói về trường Đảng.

Đối với các trường hành chính, chuyên môn nghiệp vụ quy định là: chỉ thành lập trường kế toán hợp tác xã nhưng do tỉnh đảm nhiệm và giao Ty Tài chính chủ chì cùng với Ban Nông nghiệp, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo nghiên cứu để tiến hành mở những lớp chính trị tại tỉnh và các lớp lưu động ở vùng cao các huyện. Việc bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn các ngành như thanh niên, phụ nữ, tòa án, v.v. kết hợp với các lớp chính trị huyện bằng cách giành từ 2 đến

1. Bản gốc mờ - BT.

3 ngày về cuối lớp làm riêng. Như vậy kết quả của kế hoạch giáo dục chính trị hoàn thành trong 3 năm thì bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cũng hoàn thành.

QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐẢNG, ĐỘI TRƯỞNG LỚP CHÍNH TRỊ TỈNH, HUYỆN

Đối với trường chính trị tỉnh, ngoài việc cấp ủy giảng dạy ra, Tỉnh ủy sẽ nghiên cứu một số cán bộ (kể cả cán bộ dân tộc) có khả năng, triển vọng để tăng cường đội ngũ giảng viên. Nhưng muốn để giảng dạy tốt, trường Đảng tỉnh có trách nhiệm tổ chức đi nghiên cứu thực tế công nghiệp, nông nghiệp trong tỉnh để bổ sung và nâng cao không ngừng chất lượng giảng dạy (kể cả giảng viên trường huyện, tại chúc).

Công tác giáo dục lý luận chính trị rất quan trọng và diện trường lớp ngày càng trở nên rộng lớn, các cấp ủy Đảng cần quan tâm hơn việc tổ chức, tư tưởng học tập, có sự kiểm tra đôn đốc thường xuyên. Nhất là đối với các huyện, chẳng những phải quan tâm đến lớp chính trị tại huyện mà chú ý cả những lớp do trường Đảng tỉnh quản lý lưu động ở vùng cao các huyện. Nó là vấn đề mới mẻ, ít có kinh nghiệm, nhưng đúng trước yêu cầu mới, việc giáo dục nâng cao lý luận cách mạng không thể thiếu được. Đòi hỏi các cấp ủy tăng cường lãnh đạo, kiểm tra nội dung lý luận, tư tưởng của chương trình. Quan tâm đầy đủ về tổ chức trường lớp, chất lượng cán bộ giảng dạy. Thường xuyên bồi dưỡng giảng viên mới được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, của địa phương, từng giai đoạn, từng thời kỳ và tình hình cụ thể của địa phương, có đánh giá cụ thể để rút ra những kinh nghiệm tốt, xấu trong lĩnh vực giáo dục lý luận chính trị, để có cơ sở giảng dạy tốt và đạt chất lượng cao hơn về sau.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**
Số 29-BC/TU, ngày 23-2-1965

Về tình hình mọi mặt công tác năm 1964

Bước vào thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1964, đồng thời tiến hành củng cố hợp tác xã và xây dựng Đảng về mọi mặt, ngay từ cuộc Hội nghị Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đầu năm đã xác định quyết tâm: Phấn đấu hoàn thành toàn bộ kế hoạch với yêu cầu nhiệm vụ rất cao như chỉ tiêu cây lương thực và cây công nghiệp phải tăng từ 8 đến 46% so với năm 1963, trong đó lúa tăng 8,2%, riêng lúa chiêm tăng 23%, ngô tăng 10,3%, đậu tương tăng 19%, chè tăng 26, đại mạch tăng 28%, sắn tăng 47%.

Trong quá trình thực hiện gặp rất nhiều khó khăn trở ngại song với quyết tâm được xác định ngay từ bước đầu từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng nhân dân, Đảng bộ Lào Cai đã không ngừng lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống đấu tranh bất khuất, tinh thần phấn đấu dũng cảm, lao động cần cù, với khí thế cách mạng phấn khởi trong phong trào thi đua "mỗi người làm việc bằng hai", với tinh thần căm thù địch luôn luôn được khơi động, quyết tâm trả thù cho anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi. Đến nay kiểm điểm về công tác lãnh đạo toàn diện, trong một năm phấn đấu đã giành được thắng lợi như sau:

I. NÔNG NGHIỆP

A. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Phương hướng chung về sản xuất nông nghiệp năm 1964 Tỉnh ủy đã đề ra như sau:

"Dựa vào hợp tác xã và tổ đổi công sử dụng tốt lao động ở địa phương và ở dưới xuôi lên, ra sức cải tiến kỹ thuật, chống xói mòn, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ trên toàn bộ diện tích ruộng và một phần ở nương, hướng dẫn mở rộng diện tích có kế hoạch, phát triển nông nghiệp toàn diện sát với từng vùng, phấn đấu giải quyết tốt vấn đề lương thực để đảm bảo cung cấp trong phạm vi địa phương, giảm dần mức cung cấp của Trung ương, tích cực hạn chế phát nương vào rừng già, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và nghề rừng, làm tăng thêm khối lượng nông sản hàng hóa xuất khẩu và tiêu dùng, nhằm nâng cao đời sống nhân dân, cung cấp cho công nghiệp và xuất khẩu".

Qua từng thời kỳ, từng giai đoạn, từng nhiệm vụ kết hợp với phong trào vận động chính trị chung, tỉnh luôn luôn có những cuộc vận động ngắn từng đợt: qua canh tác vụ chiêm vấp phải khó khăn vẫn là tư tưởng, Tỉnh ủy đã họp quyết định bước vào cuộc thi đua "mỗi người làm việc bằng hai" để đền đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt với tinh thần lấy mùa bù chiêm, lấy hoa màu bù cho lương thực, lấy năng suất bù cho diện tích chiêm thiếu hụt, đã đề ra các cao điểm, các biện pháp tích cực nhất xoay quanh vào phương hướng thâm canh tăng vụ, tăng năng suất như phong trào làm thủy lợi, làm ruộng nương bậc thang, làm phân bón, cà ải, cung cố hợp tác xã, thí điểm cải tiến quản lý, cải tiến nông cụ, giao thông vận tải...

Do công tác vận động chính trị được tiến hành liên tục, công tác tư tưởng được coi trọng đúng mức, biện pháp kỹ thuật liên hoàn đã được chú ý, một năm qua, kiểm điểm về mặt phát triển

sản xuất nông nghiệp đã có nhiều tiến bộ. Dưới đây là thành tích cụ thể về các mặt:

1. Thực hiện các chỉ tiêu diện tích cây trồng

	Trung ương giao	Đạt
- Diện tích cây lương thực	27.700 ha	25.966 ha
Lúa cả năm	11.200	11.648
Lúa chiêm	1.800	1.765
Lúa mùa	9.400	9.887
Ngô	10.500	11.058
Khoai lang	800	569
Sắn	1.300	1.134
Đao riêng	600	928
Đậu các loại	120	132
- Diện tích cây công nghiệp		23.706/13.821
Đậu tương	1.400	1.770
Đại mạch	30	37,7
Chè	400	365
- Cây ăn quả		
Cam quýt	100	52
Dứa	120	95
- Cây khác		
Cây thuốc	24 ha	10 ha

Nhìn vào chỉ tiêu trên đây, nói chung những chỉ tiêu chủ yếu Trung ương giao đều vượt.

- Lương thực nói chung vượt 0,9%
- Lúa cả năm vượt 4%
- Ngô cả năm vượt 10,6%
- Đao riêng đạt vượt 54%
- Đậu các loại đạt vượt 10%
- Đậu tương đạt vượt 18%
- Đại mạch đạt vượt 25,6%

Nếu so với năm 1963 thì các chỉ tiêu chính các loại cây trồng có tới 15 loại tăng hơn năm 1963 thấp nhất là 3% như lúa ruộng, cao nhất là 67% như dao riêng đó là một bước tiến bộ về phát triển diện tích. Đặc biệt diện tích lúa chiêm năm nay tuy chỉ đạt xấp xỉ kế hoạch Trung ương giao cho nhưng so với năm 1963 tăng được 300 ha, riêng các thứ như khoai lang, chè, cam, do yêu cầu địa phương tự đặt như bông, lanh, mía, vừng, lạc, khoai sọ, sèo, khoai tây đều đạt kế hoạch khá.

2. Thực hiện chỉ tiêu sản lượng

	Trung ương giao	Đạt
- Cây lương thực	40.719 tấn	40.542 tấn
Riêng lúa	24.100	23.996
Hoa màu quy ra lúa	16.619	16.596

Cây lương thực ngoài kế hoạch Trung ương giao quy ra lúa đạt 1.278 tấn. Nếu cộng cả trong và ngoài kế hoạch Trung ương giao thì tổng sản lượng tất cả đạt 40.925 tấn.

- Cây công nghiệp	700 tấn	767 tấn
Đậu tương	32	36
Đại mạch	70	70
Chè		
- Cây ăn quả		
Cam quýt	170 tấn	270 tấn
Dứa	330	350

- Cây khác như hạt rau, cây thuốc, đã vượt kế hoạch Trung ương giao.

Trong chỉ tiêu tổng sản lượng cây trồng so với kế hoạch Trung ương giao cho tỉnh tất cả các chỉ tiêu chính nói chung đều vượt kế hoạch như:

- Hoa màu quy ra lúa cộng cả trong và ngoài kế hoạch Trung ương giao vượt 0,5%.

- Lúa vụ chiêm vượt	1,65%
- Sắn vượt	6%
- Đậu các loại vượt	103,3%
- Dao riêng vượt	16,7%
- Đậu tương cả năm vượt	9,57%
- Đại mạch vượt	12,5%
- Cam quýt vượt	86,6%
- Dứa vượt kế hoạch	6%

Tuy lúa so với kế hoạch Trung ương giao chỉ đạt có 99,36% nhưng với tinh thần hoa màu bù lúa, làm ngoài kế hoạch bù trong kế hoạch nên chung lại tổng sản lượng vượt 0,5%.

Còn nếu so với chỉ tiêu tổng sản lượng cây trồng năm 1963 thì hầu hết các chỉ tiêu đều tăng, chỉ tiêu tăng ít nhất là 7,5% (lúa), tăng nhiều nhất lúa chiêm 25,2%, hoa màu tăng 20% cộng cả hoa màu với lúa quy ra lúa tăng 11%.

3. Năng suất cây trồng năm 1964

	Trung ương giao	Đạt
<i>- Cây lương thực</i>		
Lúa cả năm	21,2	20,6
Lúa vụ chiêm	23	23,6
Ngô cả năm	10,5	9,3
Khoai lang	50	52
Sắn	80	96,6
Dao riêng	100	75,5
Đậu các loại	5	9
<i>- Cây công nghiệp</i>		
Đậu tương cả năm	5	4,3
Đại mạch	10,6	9,5
Chè	4	3,4

Nói chung về năng suất cây trồng so với kế hoạch Trung ương giao có 4 chỉ tiêu vượt như lúa chiêm vượt 2,6%; khoai lang vượt

0,4%; sắn vượt 11; đậu các loại vượt 84%, nhưng so với năm 1963 thì hầu hết năng suất các chỉ tiêu cây trồng đều tăng như lúa cả năm tăng 0,8%; lúa chiêm tăng 4,4%; đại mạch tăng 12,5%, v.v. còn các chỉ tiêu khác nói chung đều đạt xấp xỉ, riêng lúa mùa năm nay năng suất bị giảm sút vì những nguyên nhân sau:

Một số ruộng bậc thang mới khai phá đất còn mới, chất mùn bị mất đi, phân bón chưa đầy đủ, hơn nữa vụ mùa cộng cả diện tích nương năng suất lúa nương quá bấp bênh, kế hoạch chống xói mòn, lở lũ chưa chủ động được thiên nhiên, nên năng suất sụt xuống, kéo cả năng suất lúa chung cả năm không đạt kế hoạch.

4. Các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo phương hướng thâm canh tăng năng suất tăng vụ

- Thủy lợi:

Công tác thủy lợi là biện pháp hàng đầu đối với sản xuất nông nghiệp. Bước vào chiến dịch sản xuất đông - xuân 1963-1964 các huyện, các ngành đã tích cực xây dựng và sửa chữa nhiều công trình trung, tiểu thủy nông để đảm bảo tưới chiêm năm nay không bị hạn, tưới mùa đầy đủ đồng thời kết hợp làm thủy điện, nuôi cá, dùng nước ăn cho nhân dân.

Làm thủy lợi nhân dân các dân tộc đã tích cực hưởng ứng đã vận động làm được một khối lượng lớn là 250.000 mét khối đất đá và đã huy động gần 250.000 công trong toàn tỉnh. Công tác quy hoạch thủy lợi và tưới tiêu khoa học cũng được tiến hành có kết quả, ở một số trọng điểm rõ ràng là năng suất đã tăng từ 21 đến 25% mỗi công mẫu tăng từ 500 đến 700 kg thóc.

Qua một năm vận động nhân dân các dân tộc làm công tác thủy lợi đã có tác dụng thực tế là làm cho nhân dân có ý thức chống thiên nhiên, khắc phục được một phần tập quán canh tác cũ, do đó một năm qua hàng nghìn hécta ruộng đã được tưới nước, một số thủy điện nhỏ đã được tiến hành để phục vụ đời sống cho nhân dân. Trong phong trào làm thủy lợi, ruộng bậc thang đã có những

diễn hình tốt như hợp tác xã Nậm Trì, Lao Chải, Thào Chu Phìn, Cốc Ly, Quang Kim, rút ra được bài học thực tế ổn định định canh định cư, thâm canh tăng năng suất, v.v..

- *Làm phân bón:*

Công tác làm phân bón năm nay cũng được đặc biệt chú ý với quyết tâm là thanh toán nạn cầy chay trên diện tích ruộng cả mùa lắn chiêm và các nương ngô định canh ở vùng cao, đã có nhiều tiến bộ như trong cuộc vận động làm phân năm nay của Thanh niên, riêng đợt thi đua Điện Biên - Ấp Bắc tháng 5-64 hàng nghìn tấn phân đã được đem ra chăm bón cho lúa, khẩu hiệu "thanh niên nghìn cân" đã được phá vỡ, có nhiều thanh niên dân tộc đã làm gấp 3, 4 yêu cầu đề ra, có thanh niên đã làm đến 5 tấn phân, phong trào làm phân bón đã trở thành phong trào của quần chúng rộng rãi, thanh niên là nòng cốt, đó là một sự chuyển biến lớn chưa từng có đối với Lào Cai từ trước đến nay. Cũng do việc vận động làm phân được tiến bộ nên trung bình một hécta vụ chiêm đã bón được 3 tấn, một hécta vụ mùa đã bón được 2,3 tấn. Nhìn vào mức độ chăm bón hiện nay thì chưa đạt yêu cầu nhưng so với năm 1963 đã có tiến bộ nhiều, số phân bón năm 1964 so với 1963 đã tăng gần 2.000 tấn, diện tích bón đã tăng hơn 21%. Ngoài vấn đề làm phân chuồng ra đồng bào đã chú ý hơn việc sử dụng phân xanh, phân hóa học, có nơi đã đi tìm kiếm được hàng 16 tấn phân dơi để bón cho lúa và hoa màu cây công nghiệp. Tuy vậy nhưng chưa đạt kế hoạch bón phân, phong trào chưa đều.

Đi đôi với việc làm phân, việc làm cỏ cũng đã có nhiều tiến bộ, nhiều nơi đã làm cỏ lúa chiêm được 2 lượt, phát hiện sâu bệnh kịp thời, việc làm cỏ đúng lúc, đúng kỹ thuật đã nhiều nơi tiến bộ.

- *Cải tiến công cụ:*

Việc cải tiến nông cụ năm nay đã được chú ý từ đầu năm, đã cử cán bộ, công nhân kỹ thuật đi sâu xuống một số xã để nghiên cứu cải tiến nông cụ mang lại kết quả, một số điểm ở hợp tác xã Bản Vèn đã sử dụng 54 bữa sắt, tiết kiệm được 100 công một vụ, sử dụng

50 xe quét tiệt kiệm được 500 công, giảm nhẹ sức gánh nặng của xã viên. Việc sử dụng xe quét, máng kéo đã giải phóng được đôi vai, quần chúng rất hoan nghênh nhất là phụ nữ, nhờ tiết kiệm sức lao động ở khâu vận chuyển, cầy bừa mà nhiều hợp tác xã đã tập trung vào khâu thâm canh tăng năng suất tốt như Lao Chải, Nam Cường, Bản Náng, Phong Niên, Bản Vược, Lê Lợi, một số hợp tác xã ở vùng thấp đã có sân phơi, máng kéo phân, xe quét, quạt hòm, trục lan, v.v..

B. VỀ CHĂN NUÔI

Vấn đề chăn nuôi, rút kinh nghiệm năm 1963 còn yếu nhất nên năm nay đặt vấn đề phải phát động thành phong trào toàn dân chăn nuôi, chú trọng hơn nữa đến phát triển đàn đại gia súc, trâu bò, ngựa để đảm bảo cây, kéo, thồ, lấy phân bón ruộng, đặc biệt đàn lợn phải được giải quyết tốt thức ăn để đảm bảo không những tăng về đầu lợn và tăng cả trong lương.

Thực hiện chỉ tiêu về chăn nuôi năm 1964 gặp một số khó khăn ngay từ đầu năm, một số gia súc bị bệnh dịch như là lợn nên đã thiệt hại mất gần 3.000 con. Nhưng đã hạ quyết tâm cao độ, khoanh vùng chống dịch, không cho bệnh dịch lan rộng, nhờ đó đến nay kiểm điểm lại chỉ tiêu chăn nuôi Trung ương giao cho tỉnh tính đến 1-10-1964 đã thực hiện được như sau:

- Tổng số trâu Trung ương giao 30.000 đạt 30.375 con
 - Tổng số bò 3.000 đạt 2.633 con
 - Tổng số ngựa 16.000 đạt 11.524 con
 - Tổng số lợn 47.000 đạt 54.390 con
 - Tổng số dê 4.200 đạt 3.305 con

Như vậy, chỉ tiêu trâu và lợn vượt kế hoạch, đây là một cống gắng rất lớn, nhất là đàn lợn nạn dịch to lớn đã dập tắt được mà còn vượt kế hoạch. Riêng bò và ngựa không đạt kế hoạch sau khi kiểm tra lại là do thống kê sai từ năm 1963 nên con số mâu thuẫn như ngựa năm 1964 tut đi tới 4.000 con không phải chết dịch, cũng

không bán đi đâu, thực tế trong đàm thi tăng, nhưng số liệu thống kê lại tụt.

C. VỀ NGHỀ RỪNG

Trong nghề rừng được coi trọng, là một trong ba khâu lương thực, chăn nuôi, nghề rừng; dồn dập tiến hành ngay từ đầu Xuân, Tết nguyên đán trở thành tập quán Tết trồng cây.

Thực hiện chỉ tiêu trồng rừng năm nay đã trồng được 218.000 cây các loại, chủ yếu là cây công nghiệp và cây ăn quả.

Về lâm nghiệp gỗ, tu bổ, nuôi rừng, cải tạo nói chung đều vượt kế hoạch, nhưng phần vượt kế hoạch là ở khâu tu bổ, cải tạo, còn khâu trồng rừng mới thuộc quốc doanh lâm nghiệp thì chưa đạt kế hoạch.

Hợp tác xã lâm nghiệp tuy có đề ra, khoanh vùng trồng, bảo vệ rừng có đề ra, nhưng chưa rút được kinh nghiệm, chưa giải quyết được vấn đề dân quản lý rừng là chính.

D. HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP, CẢI TIẾN QUẢN LÝ

1. Hợp tác hóa nông nghiệp

Trong tinh thần Nghị quyết 6 của Tỉnh ủy đầu năm đã nêu cung cố và xây dựng hợp tác xã, tổ đổi công ở nông thôn nhằm mục đích cung cố cơ sở cách mạng ở nông thôn ngày càng vững chắc, đảm bảo hoàn thành mọi kế hoạch nhà nước và chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, đẩy mạnh sản xuất phát triển.

Để thực hiện Nghị quyết trên, từ đầu năm đến nay tỉnh đã cử hai đợt cán bộ xuống để tăng cường cho các huyện, các xã để cung cố và xây dựng hợp tác xã và tổ đổi công, về chỉ tiêu xây dựng trong Nghị quyết 6 cũng đề ra cụ thể, phải đưa tổng số nông dân vào hợp tác xã từ 48 lên đến 65%. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết tuy có gặp khó khăn, nhưng đã chú trọng đến việc giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng được tốt, cụ thể là tích cực giáo dục

hai con đường và đấu tranh với tư tưởng hữu khuynh, quyết tâm duy trì phát triển hợp tác xã, tình hình hợp tác xã đã được như sau:

- Từ cuối năm 1963 số hợp tác xã có 410 cái gồm 10.050 hộ.
- Cuối năm 1964 kể cả hợp tác xã khai hoang đã có 491 cái gồm 12.439 hộ.
- Đã đưa tỷ lệ từ 48,5% lên 58,8%.
- Số hợp tác xã cao cấp đã có 55 cái gồm 2.840 hộ.
- Hợp tác xã hợp nhất liên thôn đã có 8 cái gồm 1.195 hộ.

Mặc dù hợp tác xã ở tỷ lệ 58,8% nhưng vẫn là tác dụng chủ yếu trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước, phát triển kinh tế ở nông thôn, hợp tác xã đã tiến bộ rõ rệt về mặt quản lý lao động, thâm canh tăng vụ tăng năng suất, quản lý phân phối lương thực, hợp tác xã năm qua giữ được đã có tác dụng mạnh mẽ đấu tranh hai con đường, đấu tranh đường lối giai cấp ở nông thôn.

Yếu nhất vẫn là trình độ quản lý sản xuất.

2. Cải tiến quản lý

- Công tác cải tiến quản lý hợp tác xã là một công tác tương đối mới mẻ, còn thiếu kinh nghiệm, nhưng do nghị quyết đầu năm của Tỉnh ủy đã đề ra rõ ràng, việc kiểm tra đôn đốc, theo dõi nắm tình hình được chặt chẽ, uốn nắn được kịp thời để giải quyết đúng mức những khó khăn phức tạp, đối với các ngành cũng có nhiều cố gắng tham gia làm cho công tác cải tiến quản lý hợp tác xã đã thu được kết quả tốt, rút ra được những kinh nghiệm quý báu để vận dụng cho thích hợp vào địa phương có nhiều dân tộc.

- Mặc dầu thời gian tiến hành có kéo dài nhưng công tác vận động được tiến hành thận trọng, bước đi được vững vàng.

- Nói chung các hợp tác xã sau cải tiến đều tiến bộ rõ rệt, chuyển biến nhiều về tư tưởng, tổ chức, quản lý kế hoạch, trong việc sản xuất đã chú ý đi vào phương hướng lâu dài của tỉnh nhờ đó trong cuộc hội nghị tổng kết đã làm cho các ngành, các cấp nhận thấy sâu sắc nghị quyết của Bộ Chính trị và chủ trương của Tỉnh ủy về cuộc vận động cải tiến.

Sau khi kết thúc thắng lợi thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 1, đã tiến hành đợt 2 ở 4 xã thuộc 2 huyện Bảo Thắng và Bát Xát là huyện có nhiều lúa, song song với đợt 2 đã tiến hành điều tra tình hình của 19 hợp tác xã khác thuộc 5 huyện để chuẩn bị cho đợt 3 đầu năm 1965; đồng thời tiến hành tập trung, bồi dưỡng cán bộ để tăng cường cho các xã được thí điểm trong đợt mở rộng.

Nói chung thí điểm cải tiến tốt, việc mở rộng thí điểm đợt 2 tiến hành thận trọng chắc chắn, nhưng tuyên truyền cải tiến chưa rộng chưa sâu, ý thức mong muốn cải tiến chưa đòi hỏi thành phong trào.

D. VỀ KHAI HOANG

Thực hiện nghị quyết việc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế, văn hóa miền núi. Tính đến nay đã có 5.825 người lên đạt kế hoạch 58,25% (kế hoạch 10.000 người) so với năm 1963 tăng 58,7%. Về lao động đạt 50,1% đã thành lập được 25 hợp tác xã tập trung mới và 22 hợp tác xã xen kẽ. Số nhân lực dựa vào hợp tác xã tập trung có 4.900 người chiếm tỷ lệ hơn 84% còn 925 người đưa vào hợp tác xã xen kẽ ở các địa phương chiếm tỷ lệ 15,88%.

- Về đời sống hằng ngày của hợp tác xã khai hoang nói chung tuy còn gặp khó khăn nhưng thực tế có một số hợp tác xã khá, đã tự túc được lương thực, tinh thần đoàn kết nội bộ đoàn kết dân tộc trong sản xuất ngày càng tăng, năng suất thu nhập tương đối cao như hợp tác xã Đông Du, Đông Xá, Tân Khai sản xuất hạt rau ngày công lao động được 3 đồng, hợp tác xã Sơn Hải, Vĩnh Phong sản xuất lương thực ngày công bình quân thu nhập 1đ20.

Nói chung công tác này năm nay đã có nhiều cố gắng, tuy lúc đầu lúng túng nhưng dần dần đã ổn định, đồng bào lên đã yên tâm an cư lạc nghiệp, riêng đồng bào mới lên khai hoang đã khai phá được thêm 1.000 ha ruộng đất, đã bước đầu có tác dụng kích thích kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, hòa hợp miền xuôi với miền núi thúc đẩy nhau phát triển.

Còn thực hiện chưa đạt kế hoạch số người lên chính là miền xuôi được mùa nên các tỉnh không vận động được đồng bào lên, mặt khác, số bỏ về trên 10% cũng là một nguyên nhân gây thêm khó khăn cho việc vận động số mới lên tiếp.

II. PHẦN CÔNG NGHIỆP

Lãnh đạo và chỉ đạo công nghiệp năm nay nhằm giải quyết tư tưởng hoàn thành kế hoạch toàn diện công nghiệp Trung ương nhằm năm chỉ tiêu chính, công nghiệp địa phương nhằm ba chỉ tiêu chính; đặc biệt công nghiệp địa phương nhấn mạnh phục vụ nông nghiệp, chống lỗ, phát triển mạnh thủ công nghiệp nhằm chế biến chất bột qua một năm phấn đấu kết quả như sau:

A. CÔNG NGHIỆP TRUNG ƯƠNG

Mỏ apatít, Địa chất 5, 24, Nhà máy điện, nói chung đều hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 chỉ tiêu chính do Trung ương đề ra là: giá trị tổng sản lượng, sản phẩm chủ yếu, năng suất lao động, giá thành, nộp trả lại các khoản cho Nhà nước, đơn vị hoàn thành kế hoạch thấp nhất là Mỏ apatít vượt 2,29%, cao nhất là Địa chất 24 là 20%.

B. CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH ĐỊA PHƯƠNG

Quốc doanh địa phương kế hoạch 4.151.000 đồng, đạt 4.123.000 đồng.

Đi sâu vào tình hình sản xuất của từng cơ sở thì mức độ thực hiện kế hoạch có khác nhau, cụ thể:

- Ty Công nghiệp đạt 106,66%.
- Lâm nghiệp đạt 100,2%.

Còn 2 Ty Kiến trúc, Giao thông tuy về cuối năm đã có rất nhiều cố gắng nhưng chưa đạt được kế hoạch năm 1964 đã đề ra.

Đối với công nghiệp quốc doanh tuy đạt xấp xỉ kế hoạch nhưng so với năm 1963 thì tốc độ phát triển đều tăng, chất lượng sản phẩm

có nhiều tiến bộ, đã hợp với một phần thị hiếu của nhân dân, tình trạng hàng công nghiệp sản xuất ra ứ đọng lại càng ngày giảm, phần đầu chống lỗ quốc doanh địa phương có nhiều tiến bộ, chỉ còn 1 cơ sở đường là còn lỗ.

C. THỦ CÔNG NGHIỆP

Tình hình thủ công nghiệp năm 1964 đã được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, nhờ đó giá trị tổng sản lượng đã đạt được 2.831/2.433 đồng, bằng 116,3%.

Về lao động đến nay đã có 1.572 người, so với 1963 tăng hơn 50%. Riêng ngành chế biến tăng hơn 1963 là 82%.

Về sản xuất năm 1963 nổi bật là vấn đề chế biến có nhiều quyết tâm đi đúng hướng, đã tiêu thụ trên 600 tấn sắn, dao trong đó giải phóng đất cho gần 300 tấn từ năm 1962 còn lưu niên lại. Ngoài các mặt hàng cũ đã cung cấp cho thị trường 23 tấn miến và trên 20 mặt hàng mới khác, giá cả có thứ hạ hơn lấy ở dưới xuôi lên 20% như miến đao, 30% như thủy tinh, phẩm chất cũng đảm bảo chất lượng, đã giải quyết công ăn việc làm cho 532 người trong đó có 114 người làm chế biến thực phẩm.

Các cơ sở thủ công nghiệp cũng đã được củng cố, trình độ được nâng lên một bước, đời sống được cải thiện, vốn tích lũy ngày càng được tăng cường (cơ sở gạch Bắc Hà tích lũy được 8,500 đồng; hợp tác xã Quyết Thắng 30.000 đồng, đã có 4 cơ sở trang bị một phần cơ khí có 3 động cơ điện gồm 17,8 kW, riêng hợp tác xã Quyết Thắng đã được tăng cường một cán bộ trung cấp về chế biến thực phẩm.

D. CÔNG NGHIỆP PHỤC VỤ CHO NÔNG NGHIỆP

Trong tinh thần Nghị quyết 6 của Tỉnh ủy đầu năm đã nêu "công nghiệp phải thực sự phục vụ đắc lực cho nông nghiệp", sự lãnh đạo và chỉ đạo của tỉnh đã tiến bộ hơn về phương hướng phục vụ nông nghiệp, các ngành đã kết hợp cử các cán bộ xuống tận cơ sở nghiên cứu vấn đề cải tiến nông cụ như cày, bừa, cào cỏ, xe cải tiến,

nhà kho, sân phơi, quạt hòm, đường vận chuyển, v.v.. Do thực sự đi sâu ở một số trọng điểm nên đã mang lại kết quả bước đầu.

- Về sản xuất nông cụ phục vụ cho nông nghiệp, Ty Công nghiệp đã đạt 101,5% kế hoạch đề ra, về phẩm chất, quy cách đã có nhiều mặt hàng đáp ứng được yêu cầu của nhân dân. Ty Nông nghiệp đã hướng dẫn cách sử dụng nông cụ cải tiến có tiến bộ.

- Giao thông vận tải tỉnh, huyện, xã đã sửa chữa 51,5 km đường trực chính của các huyện, mặt đường rộng từ 2 đến 4 mét, đã sử dụng 40.419 công, làm và sửa chữa 205 km đường trong xã đã sử dụng mất 15.915 ngày công. Đã vận động và giúp đỡ xã Lê Lợi, Hợp Thành quy hoạch 20 km đường, vận động xã Lê Lợi làm 3 km đường mới, chữa 3 km đường cũ và 8 cái cầu, làm 7 km đường to cho xã Hợp Thành có thể cho ôtô đi được.

- Ty Kiến trúc đã làm và hướng dẫn các hợp tác xã làm được 25 sân phơi và 9 nhà kho.

Ngoài ra các ngành đã đào tạo cho hợp tác xã hàng trăm xã viên về kỹ thuật làm nhà kho, sân phơi, giao thông và cải tiến nông cụ, có tác dụng thực tế.

- Ngoài việc giúp đỡ của công nghiệp địa phương ra, các xí nghiệp Trung ương ở địa phương cũng đã tích cực đóng góp phần mình vào việc phục vụ nông nghiệp như Đoàn địa chất 5 đã chở ximăng cho 4 hợp tác xã để làm sân phơi, chở mía cho hợp tác xã, ủng hộ cuốc, thường xuyên giúp đỡ hợp tác xã gần nơi ở, sửa chữa nông cụ không lấy tiền, gặt giúp được 200 công... Mỏ apatít lấy lao động xã hội chủ nghĩa giúp đỡ gặt đường cho xã Hợp Thành, vận chuyển 150 mét khối cát, xa 11 km; 207 mét khối đá hộc xa từ 3 đến 12 km cho hợp tác xã Mỏ Sinh làm thủy lợi.

Đặc biệt phong trào thi đua yêu nước, cả công nghiệp Trung ương và địa phương năm nay việc xây dựng tổ lao động xã hội chủ nghĩa gắn với phong trào xây dựng chương trình cải tiến sản xuất, cải tiến kỹ thuật, phong trào thi đua giành ba điểm cao, tiến hành đều đặn liên tục cả về bề rộng và bề sâu.

Tồn tại, trong công nghiệp nói chung vẫn là phẩm chất hàng hóa còn kém, riêng công nghiệp địa phương vấn đề phục vụ nông nghiệp tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn bị động, lúng túng, nhiệt tình chưa cao.

D. BA XÂY BA CHỐNG

Thi hành Nghị quyết 83 của Trung ương, nhiệm vụ của tỉnh đề ra năm nay là phát huy tác dụng thí điểm đã làm đợt 1 và mở rộng thí điểm đợt 2 trong một số đơn vị. Đến nay kiểm điểm lại kết quả đối với 2 đơn vị như Công nghiệp địa phương, Mỏ apatít vẫn trên đà phát huy thắng lợi của ba xây ba chống, đang sửa chữa từng bước theo phương án đã xây dựng như đã xây dựng. Song chương trình hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý kinh doanh tài vụ, đang đẩy mạnh xây dựng ý thức làm chủ và chi bộ bốn tốt.

Các đơn vị thí điểm đợt 2 Ty Thương nghiệp, Ngân hàng, Kiến trúc đến nay đang đi vào bước 2, có nơi gần kết thúc bước 3, các đơn vị này ý thức phục vụ nông nghiệp ngày càng tiến bộ, mức độ hoàn thành kế hoạch đã có chuyển biến tốt, chống lỗ (kiến trúc) quản lý lao động, quản lý tài vụ, quản lý vật liệu ngày càng chặt chẽ hơn; đặc biệt ý thức xây dựng con người mới có nhiều chuyển biến tốt.

Thực hiện Nghị quyết 83 có tác dụng tốt ở các đơn vị đã vận động, đồng thời cũng có tác động ảnh hưởng đến các đơn vị chưa vận động, nhiều đơn vị mong muốn được vận động.

Thực hiện cuộc vận động này tuy thận trọng, vững chắc nhưng so với thời gian không đảm bảo, bị kéo dài, chính là chuẩn bị kế hoạch chưa tốt.

III. PHẦN TÀI MẬU

A. NỘI THƯƠNG

1. Mua vào

Nếu so với năm 1963 tổng doanh số mua vào tăng 50%. Trong đó:

thóc tăng 58,2%, ngô tăng 105,3%, khoai tăng 118,4%, thịt lợn tăng 48,8%, cá tươi tăng 35%.

Nhưng nếu so sánh kế hoạch năm 1964 thì việc mua vào như thóc ba thu vượt 2,1% và ngô vượt 4,2%, dược liệu vượt 2%, bông vượt 24% còn các loại khác như sắn, khoai chưa đạt kế hoạch.

2. Bán ra

Tổng số bán lẻ ước thực hiện đạt 111,2% kế hoạch.

3. Thương nghiệp phục vụ nông nghiệp

Ngành thương nghiệp đã có nhiều chuyển biến tốt, đã tăng cường hơn trước việc đi sâu đi sát nông thôn để nắm tình hình cơ sở sản xuất để phục vụ trong những ngày mùa, ba thu, v.v.. Trong năm qua ngành tư liệu sản xuất đã cung cấp cho các hợp tác xã được 27 tấn lúa giống (trong đó có 10 tấn nông nghiệp 1 và 3 tấn chiêm rét thay cho chiêm Xuân địa phương và cung cấp cho hợp tác xã được 18 tấn khoai tây, 39 tấn dây lang, 5,7 tấn đại mạch, 300 trâu, bò cày cho miền xuôi lên khai hoang, 40 trâu cày cho địa phương, 1.200 lợn giống, 150 tấn phân đậm, 7 tấn phân lân, 4 tấn thuốc trừ sâu, 300 cày cải tiến, 670 bừa sắt và hơn 6.000 nông cụ khác, tất cả tăng gấp 10 lần so với năm 1963.

Về hàng tiêu dùng phục vụ cho đời sống nhân dân cung cấp này tăng hơn năm 1963 là 18,29% và sức mua của nông dân cũng cao nhất là từ khi được thành lập lại đến nay.

B. NGOẠI THƯƠNG

Tổng doanh số hàng giao cho Trung ương năm 1964 tăng 29,5% so với năm 1963, nhưng so với kế hoạch 1964 thì chưa đạt.

Về nhập nói chung thực hiện được 90% kế hoạch hợp đồng mậu dịch địa phương, 48% hợp đồng mậu dịch cửa khẩu. Về xuất so với kế hoạch xuất của Trung ương đạt 82,3%, hàng xuất mậu dịch địa phương đạt 83%.

C. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CẢI TẠO TIỂU THƯƠNG, GIÁ CÁ

- *Quản lý thị trường:*

Việc quản lý thị trường từ sau Nghị quyết 9 của Trung ương được phổ cập, đã có sự chuyển biến mạnh chống tư tưởng hưu khuynh, buông lỏng quản lý thị trường, thực tế trong chức năng quản lý thị trường quản lý chặt chẽ hơn, năm qua đã bắt 564 vụ mang hàng lậu trái phép, buôn lậu trị giá 17.264 đồng, nhờ công tác quản lý thị trường làm có nhiều tiến bộ góp phần làm cho tình hình thị trường tương đối ổn định.

- *Cải tạo tiểu thương:*

Trong năm qua lại một lần nữa tiến hành cuộc giáo dục đưa tiểu thương cá thể trở về sản xuất nông nghiệp có nghề nghiệp được 484 người, đổi với các hợp tác xã tiểu thương chỉ để lại vừa với yêu cầu, nói chung năm tình hình và phương hướng cải tạo tiểu thương đúng hướng và có tiến bộ hơn trước.

- *Tình hình vật giá:*

Hoàn cảnh Lào Cai 6 tháng cuối năm dân số tăng nhiều vì Công trường cầu đường mới phát triển, công nhân đông, nhưng do công tác quản lý thị trường được chặt chẽ, cải tạo tiểu thương làm được tốt nên tình hình vật giá so với năm 1963 tuy có tăng chút ít nhưng tình hình vật giá ở thị trường nói chung vẫn tương đối ổn định. Cụ thể tình hình vật giá năm 1964 như sau:

Chỉ số vật giá 11 tháng 1964 so với năm 1963 nói chung tăng 4,6%, trong đó lương thực giảm 2,4%, thực phẩm tăng 4,7%.

Hàng phi thực phẩm tăng 7,7%, cùi tăng 5,8%, lợn giống tăng 12,9%.

D. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Về thu tài chính:

- Tổng mức thu của địa phương vượt kế hoạch Trung ương giao là 13,3%.

- Đặc biệt là thu ở khu vực quốc doanh ngày một nhiều, chiếm 68% tổng số thu trong tỉnh, vượt kế hoạch cả năm 15,2%, tăng hơn năm 1963 là 20,7%; trong đó thu lãi của các xí nghiệp địa phương đã tăng với một tốc độ khá nhanh so với các năm trước như công nghiệp địa phương tăng 51%, các xí nghiệp văn hóa tăng 30,1%, quốc doanh vận tải tăng 80,8%. Đây là một tiến bộ mới trong chức năng giám sát sản xuất bằng đồng tiền của tài chính địa phương.

Ngân hàng:

Đối với công thương nghiệp một mặt cung cấp vốn kịp thời cho mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, mặt khác tăng cường giám đốc, giúp đỡ quản lý tài vụ nên nhiều khoản sử dụng hợp lý và tốc độ quay của đồng tiền được nhanh hơn.

Đối với khu vực nông nghiệp đã cho vay 812.483đ, trong đó dài hạn chiếm 43%, hợp tác xã nói chung chiếm 96,6% và khai hoang 83,4% phần nhiều số tiền cho vay đã sử dụng đúng phương hướng, đúng trọng tâm nhằm đẩy mạnh sản xuất phát triển, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng vụ.

Về thu nợ năm nay cũng đã chú trọng hơn các loại nợ (...) đọng giảm đi nhiều.

- Tổng số thu tiền mặt ước thực hiện 17.652 ngàn đồng, đạt 105,4% kế hoạch, trong đó chủ yếu là thu bán hàng chiếm 67,8%.

- Số bội chi năm 1964 ước là 3.243.000 đồng so với kế hoạch vượt 10%.

- Vấn đề bội chi trong năm qua chủ yếu là do số công nhân cầu đường lên nhiều, một số ngành biên chế tăng, chi lương nhân lực tăng, chi thu mua cũng tăng.

Nếu so với năm 1963 tổng số thu tăng 15,7%, tổng chi tăng 19,1%, bội chi tăng 41,5%.

Nói chung khâu mậu tài năm qua nổi bật tiến bộ là thu mua lương thực, phấn đấu thăng bằng thu chi khá, phục vụ nông nghiệp có tiến bộ, nhưng chưa đáp ứng với yêu cầu theo vụ, theo vùng, phương thức thu mua phân phôi còn nhiều khâu chưa thật hợp lý.

IV. VỀ VĂN XÃ

A. VĂN HÓA

Sự nghiệp văn hóa quần chúng năm qua đã động viên được đông đảo quần chúng tham gia kể cả nông thôn, công trường, xí nghiệp, cơ quan. Đặc biệt các dân tộc ít người cũng xuất hiện những tiết mục tự biên tự diễn nói chung sự nghiệp văn hóa phát triển lành mạnh, bước đầu có tác dụng cổ động tuyên truyền chủ trương chính sách thâm nhập vào quần chúng trên mọi mặt sản xuất, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ trị an.

Hoạt động văn hóa quần chúng nghiệp dư có chiều hướng mạnh hơn văn hóa chuyên môn.

Năm qua đã sáng tạo được một số tác phẩm dân tộc dân gian có kết quả tốt, công tác cải tạo mo then một số nơi có tiến bộ nhưng chưa mạnh, chưa rộng khắp.

B. GIÁO DỤC

Chủ trương công tác giáo dục năm qua nhằm tích cực thanh toán nạn mù chữ cho các dân tộc bằng chữ phổ thông và chữ Mèo, cố gắng phấn đấu cho vùng thấp đai bộ phận các xã được thanh toán nạn mù chữ, vùng cao những nơi tập trung dân cư phải kiên quyết tập trung khả năng giáo viên để thanh toán một số xã trọng điểm ở từng khu vực. Đối với cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải thanh toán nạn mù chữ, cán bộ chủ chốt vùng cao phải thanh toán lớp 1, vùng thấp lớp 2, thị xã và thị trấn lớp 3.

Để đôn đốc thực hiện tốt chủ trương ấy, tháng 9-1964 Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Nghị quyết 13, mở chiến dịch tổng công kích giặc dốt trong toàn tỉnh. Quá trình phấn đấu công tác giáo dục đã:

- Huy động được 19.103 người đi học các lớp sơ cấp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, riêng về sơ cấp số người đi học 10.536/7.880 người đạt 133% kế hoạch, trong số này có 5.208 người đi học chữ Mèo chiếm 50% tổng số.

- Về bồ túc văn hóa: cấp I đạt 107%, cấp II đạt 121%, cấp III đạt 66% so với kế hoạch.

- Đặc biệt trong số bồ túc văn hóa thì người thuộc địa bàn nông thôn chiếm tỷ lệ 73%.

- Về xóa nạn mù chữ năm 1964 đã xóa xong cho 6.598/4.000 người so với kế hoạch đạt 163%. Trong số này có 2.538 người mẫn khóa chữ Mèo tỷ lệ 38% so với tổng số.

- Về thanh toán đơn vị, năm 1964 đã thanh toán thêm được 48 xã và 2 thị xã, tính đến nay toàn tỉnh đã có 64 xã và hai thị xã gồm 36.000 người được thanh toán nạn mù chữ. Riêng huyện Bảo Thắng là một huyện vùng thấp đã căn bản xóa xong nạn mù chữ, đang có triển vọng huyện Sa Pa và Bát Xát có thể khẩn trương thanh toán nạn mù chữ nhanh chóng.

C. CÔNG TÁC Y TẾ, BẢO VỆ SỨC KHỎE

- Điểm nổi bật trong công tác y tế năm qua là đã đi sâu xuống cơ sở để tiến hành giáo dục, tuyên truyền vận động vệ sinh phòng dịch, đồng thời kiểm tra sức khỏe và chữa bệnh cho nhân dân, tiến hành tiêm phòng bệnh cho 17 nghìn người từ vùng thấp đến rèo cao và phun thuốc trừ muỗi cho nhân dân các dân tộc được gần hai chục tấn, tạo được niềm tin cho nhân dân các dân tộc, Ban Bảo vệ sức khỏe của tỉnh đã bước đầu hoạt động.

- Riêng vấn đề điều trị năm nay cũng có nhiều tiến bộ, năm qua đã điều trị khỏi bệnh cho 6.944 người, thời gian điều trị bình quân năm 1963 là từ 11 ngày, đến năm 1964 rút xuống còn 5 ngày, tỷ lệ tử vong ngày càng giảm.

Trạm xá ở xã được mở rộng, y tá, hộ sinh đào tạo được khá, nhưng việc quản lý sử dụng chưa tốt.

V. TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Quán triệt quan điểm đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản

trong đặc điểm tình hình năm 1964, đi đôi với nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng kinh tế là chủ yếu, đồng thời coi trọng lãnh đạo nhiệm vụ trị an quốc phòng và xây dựng lực lượng sẵn sàng đập tan mọi âm mưu khiêu khích và xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, bảo vệ an toàn địa phương.

Trên cơ sở học tập Nghị quyết 9 của Ban Chấp hành Trung ương, tổng kết thực hiện Nghị quyết 39 và 11, thực hiện Chỉ thị 81 của Ban Bí thư và Nghị quyết 06 đầu năm của Ban Chấp hành đã khắc phục một bước tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, mất cảnh giác trong các cấp ủy, đảng viên, cán bộ và nhân dân các dân tộc. Sự nghiệp bảo vệ trị an, củng cố quốc phòng thu thêm nhiều thành tích và tiến bộ mới như:

A. CÔNG TÁC TRỊ AN, TRẤN ÁP PHẢN CÁCH MẠNG

+ Phong trào bảo vệ trị an đã phát triển mạnh mẽ và sâu rộng ở 116 xã và 2 thị xã (1963 mới có 36 xã). Theo những tiêu chuẩn của Trung ương, phong trào bảo vệ trị an có nhiều tác dụng tốt trong việc nâng cao giác ngộ cách mạng cho quần chúng, một số xã đã chấm dứt nạn trộm cắp, đẩy mạnh công tác phòng, chống biệt kích, giữ gìn tốt trật tự an ninh địa phương, góp phần đẩy mạnh sản xuất.

Hiện nay đã có 67 xã đạt tiêu chuẩn loại khá, bằng 55,3% trong đó xã Thanh Bình (Mường Khương) lá cờ đầu trong phong trào bảo vệ trị an miền núi đã được Chính phủ thưởng huân chương, 51 xã trung bình bằng 42,14%. Còn 3 xã kém bằng 2,5%. So với 1963, số xã khá đã tăng thêm, số xã kém nay đã tiến lên là hơn năm lần. Tuy nhiên phong trào chưa thật vững chắc, chất lượng chưa cao, nơi héo lánh nếu không đôn đốc vẫn còn tình trạng sơ hở mất cảnh giác.

+ Việc trấn áp phản cách mạng nói chung đúng người, đúng tội, nhưng cũng có trường hợp xử lý còn chậm, tư tưởng hữu khuynh ngại khó vẫn còn.

+ Phòng, chống gián điệp, biệt kích và phòng không nhân dân, Tỉnh và các cấp ủy đã có nghị quyết toàn diện về công tác này. Đã lấy dân quân và xã làm lực lượng chiến lược, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Đi đôi với giáo dục, đã lãnh đạo xây dựng xong hệ thống phương án chiến đấu từ tỉnh đến xã. Đã có hơn 92% số xã thực tập, nhiều xã thực tập hai ba lần. Một số nơi đã tập liên hoàn nhiều xã. Một số địa bàn trọng điểm được tập kỹ, có sự chỉ đạo trực tiếp của huyện và tỉnh; khả năng phòng, chống biệt kích của xã được nâng lên rõ rệt. Nhưng phong trào chưa đều, chất lượng còn thấp, tư tưởng chủ quan, sơ hở vẫn còn nhiều.

Tỉnh ủy đã khẩn trương lãnh đạo công tác phòng không. Đi đôi với giáo dục sâu rộng trong Đảng và ngoài nhân dân, đã chú trọng lãnh đạo tổ chức và kế hoạch thực hiện. Tuy nhiên còn nhiều khó khăn, phức tạp phải tích cực giải quyết từng bước để đưa công tác phòng không tiến lên chủ động, mạnh mẽ và vững chắc, hiện nay tư tưởng chủ quan, ỷ lại còn biểu hiện nhiều.

+ Giải quyết bọn phi lẩn trốn và cải tạo bọn tê ngụy, phi cũ.

Đầu năm 1964 toàn tỉnh có 20 tên phi lẩn trốn, trong năm qua quần chúng đã diệt 2 tên quan trọng (Tô A Va, Hâu Seo Ký) bắt sống tên Sùng Chẩn Dỉ, bức ra hàng 6 tên, thu 1 súng, hiện còn 11 tên. Trong nhiệm vụ này, lực lượng dân quân và công an xã đã đóng vai trò nòng cốt xứng đáng.

Việc lập danh sách các đối tượng nguy hiểm cần cải tạo (gồm 470 tên) đã có kế hoạch xử lý khi cần thiết. Đồng thời đã xét duyệt và được Trung ương chuẩn y, đã bắt đưa đi tập trung cải tạo 29 tên. Công tác cải tạo tê ngụy phi cũ được chú ý nên tỷ lệ chống đối đã giảm từ 12,58% (1963) xuống 8,9% năm 1964.

+ Bảo vệ nội bộ cơ quan, xí nghiệp:

Công tác bảo vệ cơ quan, xí nghiệp tiếp sau Nhà máy điện, Mỏ apatít đang đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn và đã thu được nhiều kết quả tốt. Cuộc vận động bảo mật phòng gian được phát động khắp các cơ quan, xí nghiệp quanh tỉnh

và bước đầu mở rộng đến huyên, kết hợp chặt chẽ với cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật đã phát hiện, xác minh, kết luận một số vụ tham ô phá hoại. Hiện tượng phá hoại kinh tế giảm hơn trước, các cơ quan chuyên chính đã nghiêm trị một số vụ phá hoại mang tính chất nghiêm trọng, đã có tác dụng tốt trong việc giáo dục công nhân, viên chức. Nhưng cuộc vận động xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn làm còn chậm, nhiều cấp ủy nhận thức chưa đúng mức. Do đó việc quản lý thẩm tra nội bộ một số nơi chưa chú ý đầy đủ, tham ô, lãng phí còn nhiều, an toàn lao động cá biệt có nơi còn để xảy ra thương vong...

+ Về trị an xã hội:

Nói chung đã ngăn chặn hoặc xác minh, xử lý kịp thời hơn trước. Các cơ quan chuyên chính kết hợp với quần chúng đã nghiêm trị thích đáng bọn lưu manh, buôn lậu chuyên nghiệp và bọn buôn bán trẻ con. Công tác kiểm sát, tòa án giải quyết các việc dân sự đã gọn và đúng đắn hơn trước. Quản lý biên giới có nhiều tiến bộ chặt chẽ. Nạn buôn lậu, vượt biên trái phép đã giảm và xử lý kịp thời.

B. CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, XÂY DỰNG LỰC LUỢNG

- *Xây dựng quân thường trực, dân quân tự vệ, quân hậu bị:*

Công tác giáo dục tư tưởng được coi trọng nêu trình độ giác ngộ giai cấp, giác ngộ cách mạng của quân thường trực (kể cả công an nhân dân vũ trang) và dân quân tự vệ đã tiến bộ rõ rệt. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ, bộ đội thường trực (kể cả công an nhân dân vũ trang) đều sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ chiến đấu nào do Đảng giao cho. Dân quân tự vệ vẫn phát huy truyền thống cách mạng, giữ vững vai trò nòng cốt trong mọi lĩnh vực sản xuất, hợp tác hóa, chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo vệ trị an ở địa phương... Hiện nay 94% dân quân đã tham gia hợp tác xã, còn lại đều tham gia tổ đổi công ở những nơi chưa tổ chức hợp tác xã. Phong trào thi đua giành danh hiệu "đơn vị tiên tiến" và "đơn vị quyết thắng" đang đà phát triển. Hiện nay đã có 14 đơn vị đăng ký

quyết thắng và 66 đơn vị đăng ký tiên tiến (chưa kể các đơn vị thường trực).

Về huấn luyện, đã đi đúng phương hướng lấy huấn luyện cán bộ làm trung tâm và huấn luyện sát với yêu cầu chiến đấu ở địa phương. Đội ngũ đã trong sạch thêm một bước, cả năm đã phát triển được 1.412 người, chất lượng được tăng cường khá; đảng viên tham gia dân quân tự vệ chiếm 12,96%, đoàn viên 22,8%, quân nhân xuất ngũ 12,96% và hầu hết các xã đều có cấp ủy hoặc đảng viên trực tiếp phụ trách xã đội.

Tuy vậy phong trào thi đua giành danh hiệu tiên tiến và quyết thắng chưa rộng khắp, phát triển chỉ em phụ nữ còn yếu, chất lượng huấn luyện tự vệ còn thấp, một số nơi còn tách rời nhiệm vụ xây dựng dân quân tự vệ với việc phục vụ các nhiệm vụ trung tâm của Đảng ở địa phương.

+ *Tuyển binh và động viên:*

Tuyển binh đều vượt yêu cầu của trên về số lượng, chất lượng và thời gian giao quân, hiện nay đang tuyển quân cho kế hoạch 1965, số lượng lớn hơn nhiều so với 1964. Do quán triệt tình hình nhiệm vụ, các cấp ủy lãnh đạo chặt chẽ, nhân dân các dân tộc hăng hái thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nên triển vọng hoàn thành kế hoạch tốt hơn 1964. Đây là bước tiến lớn về chính trị của nhân dân các dân tộc ta.

Công tác vận động đã động viên, kiểm tra ở một số huyện và các cơ quan, xí nghiệp. Hầu hết dân quân tự vệ, quân dự nhiệm đều nghiêm túc chấp hành lệnh động viên và sẵn sàng cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

VI. CÔNG TÁC CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG

+ *Hệ thống chính quyền các cấp:*

Năm qua, tiến hành cuộc bầu cử Quốc hội khóa III là một bước

giáo dục nâng cao thêm một bước của quần chúng đối với việc xây dựng củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, số cử tri đi bỏ phiếu đạt 99,79%, nhiều xã vùng cao số cử tri đi bỏ phiếu đạt 100%, phiếu bầu cử rất tập trung.

Ủy ban hành chính xã, huyện, tỉnh đã có nhiều tiến bộ hơn, vai trò chính quyền ngày càng được nâng lên trong chức năng lãnh đạo đôn đốc trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng. Tuy vậy ranh giới giữa Đảng và Nhà nước ở các cấp vẫn còn nhập nhằng, lúng túng, công tác vẫn xô vào bên Đảng nhiều hơn, nhất là cấp huyện.

+ Các đoàn thể quần chúng:

- Phong trào thanh niên năm qua nổi bật xây dựng chi đoàn bốn tốt, đã có tác dụng nòng cốt trong việc làm phân, thủy lợi, cải tiến nông cụ, ruộng nương bậc thang, tòng quân. Ở cơ quan, công trường, xí nghiệp có tác dụng thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, văn hóa quần chúng.

- Phụ nữ đã có nhiều cố gắng hoạt động đi vào giới tính như chăn nuôi, cấy kỹ thuật, sử dụng công cụ cải tiến, nuôi dạy con cái, sinh đẻ có kế hoạch, làm phân.

Nói chung thanh niên, phụ nữ phong trào không đều, dưới cơ sở có nơi rất sôi nổi, nhưng sự lãnh đạo và chỉ đạo các cấp hệ thống đọc còn quá yếu so với yêu cầu đòi hỏi.

- Phụ lão thông qua công tác Mặt trận tổ quốc năm qua nhiều nơi đã thành lập các tổ chức phụ lão, có tác dụng rất tốt động viên thôi thúc phong trào học tập văn hóa, công tác ba thu, công tác làm thủy lợi, ruộng nương bậc thang và cải tạo mo then.

VII. XÂY DỰNG ĐẢNG

A. GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, LÃNH ĐẠO TƯ TUỔNG, ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT, ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA "MỖI NGƯỜI LÀM VIỆC BẰNG HAI"

Thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng công tác

tư tưởng năm 1964 và Nghị quyết 77 của Trung ương Đảng về việc phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai", Tỉnh ủy đã có Nghị quyết 6 và Nghị quyết 8 để vận dụng vào tình hình thực tế ở Lào Cai, trong năm qua công tác giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng được luôn luôn coi trọng, các chế độ học tập tại chức cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức được duy trì đều đặn, ngoài vấn đề học tập thường xuyên ra, toàn tỉnh đã tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị với quy mô tập trung và rộng lớn, cuộc sinh hoạt này chia làm nhiều đợt, làm từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng nhân dân, từ xí nghiệp, cơ quan đến nông thôn.

Đợt học tập này đã được đông đảo cán bộ và đảng viên tham gia; đảng viên ở cơ quan, công trường, xí nghiệp đạt tỷ lệ 92%, cán bộ trung sơ cấp trong Đảng học tập 100%; đảng viên ở nông thôn chiếm tỷ lệ 80% và 6.314 cán bộ, công nhân viên ngoài Đảng.

Ngoài việc nghiên cứu các văn kiện trên, căn cứ vào tình hình thực tế từng thời kỳ, từng giai đoạn, từng ngày kỷ niệm lớn như: Chiến thắng Điện Biên Phủ, sinh nhật Bác, 20-7, Quốc khánh 2-9, đọc *Từ tuyển đầu Tổ quốc*, học tập gương hy sinh của anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi...

Qua cuộc học tập các văn kiện và học tập thường xuyên về thời sự, chính sách đã làm cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, nhân dân các dân tộc nâng cao thêm một bước về nhận thức đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đối với sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà và nghĩa vụ quốc tế của toàn Đảng toàn dân ta, do đó ý thức phấn đấu cách mạng cũng được bồi dưỡng thêm một bước, đồng thời cũng phê phán đấu tranh không khoan nhượng, có tác động chuyển biến mạnh, tư tưởng hữu khuynh, ngại gian khổ, tư lợi hai con đường, bảo thủ, công thần, cá nhân chủ nghĩa trong nội bộ Đảng và ngoài nhân dân.

Đi đôi với việc giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng, việc lãnh đạo phong trào thi đua yêu nước đã đưa phong trào có tổ chức vào

bề rộng và sâu như phong trào xây dựng tổ lao động xã hội chủ nghĩa, Thanh niên bốn tốt, công đoàn bốn tốt, đơn vị tiên tiến và quyết thắng, hợp tác xã tiên tiến đã đem lại tác động mạnh mẽ, đoàn kết, phấn khởi quyết tâm vượt mọi khó khăn hoàn thành kế hoạch nhà nước.

B. HUẤN LUYỆN TẬP TRUNG

Năm qua hệ thống trường Đảng đã mở lớp liên tục, cải tiến phương pháp giảng dạy, chất lượng giảng dạy tốt, nhưng trong hệ thống trường lớp khó khăn nhất vẫn là chiêu sinh không đạt kế hoạch.

C. HỌC TẬP TẠI CHỨC

Vấn đề học tập tại chức năm nay so với năm 1963 có nhiều tiến bộ, số lượng học viên năm nay đông hơn, đi học được đều hơn, và chế độ học tập được duy trì thường xuyên hơn.

Năm nay một tiến bộ đặc biệt là hầu hết các đồng chí trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Đảng ủy đều tham gia giảng dạy lớp A, B; chính vì vậy mà duy trì được số lượng ngày càng đông và có tác dụng rất lớn nâng cao ý thức tư tưởng, lý luận cho cán bộ góp phần đắc lực vào công tác và thi đua.

D. XÂY DỰNG ĐẢNG

Công tác xây dựng chi bộ bốn tốt năm qua là một chuyển biến rất lớn trong Đảng, phong trào này đã trở thành ý thức ở các chi bộ xí nghiệp, nông thôn, cửa hàng, cơ quan. Toàn tỉnh đã có trên 60 chi bộ đạt tiêu chuẩn bốn tốt, hầu hết các chi bộ đã quyết tâm phấn đấu giành danh hiệu bốn tốt.

Tác dụng của phong trào chi bộ bốn tốt đã nâng cao tính chiến đấu trong Đảng, tăng cường khối thống nhất đoàn kết mạnh mẽ, vai trò Đảng lãnh đạo càng được đề cao, chi bộ đã đi vào lĩnh vực

lãnh đạo chỉ đạo kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn và xây dựng con người mới. Phong trào phấn đấu xây dựng chi bộ bốn tốt xứng đáng là nòng cốt trong phong trào thi đua yêu nước xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, thanh niên bốn tốt, công đoàn bốn tốt, phụ nữ năm tốt, dân quân tự vệ tiên tiến và quyết thắng, hợp tác xã tiên tiến.

Nói chung là tốt, nhưng cũng còn có cá biệt ở một số cấp ủy còn cầu toàn, ngại khó, chưa có quyết tâm xây dựng chi bộ bốn tốt.

Việc bầu cử cấp ủy huyện năm nay tiến hành tốt, các Đảng bộ huyện nói chung số lượng trúng cử vào cấp ủy, đảng viên dân tộc địa phương đạt tới tỷ lệ 53%, đó là sự tiến bộ mới có ý nghĩa lịch sử của Đảng bộ Lào Cai.

D. CÔNG TÁC KIỂM TRA ĐẢNG

Qua một năm tiến hành công tác kiểm tra so với năm 1963 đã có nhiều tiến bộ, nói chung năm vừa qua công tác kiểm tra đã tiến hành mọi mặt, nhưng đi sâu có mấy điểm nổi bật như sau:

- Đã đi sâu kiểm tra công tác dân chủ kỷ luật trong Đảng thông qua kiểm tra đã có tác dụng nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật trong Đảng, đồng thời góp phần thúc đẩy hoàn thành công tác trung tâm của Đảng hiện nay.

Trong số 22 vụ kiểm tra về nội dung có khoảng 2/3 vụ hướng vào kiểm tra các sai phạm đối với chấp hành đường lối, chính sách và các nguyên tắc Đảng là chủ yếu, trong đó có kết hợp kiểm tra cả việc tham ô.

Nhìn chung việc thực hiện nhiệm vụ trên đây đã đi đúng phương hướng đề ra, qua các vụ kiểm tra, điểm nổi lên có tính chất phổ biến chung về tình hình sai lầm là sự thiếu dân chủ, thể hiện mọi chủ trương ít có bàn bạc tập thể mà do cá nhân quyết định, trong đó có một số vụ đã đi đến trấn áp lỏng quyền khá nghiêm trọng, một sai lầm phổ biến nữa là việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng thiếu nghiêm chỉnh, còn do dự tùy tiện (biểu

hiện ở cơ quan) ở cơ sở là việc tự tư, tự lợi nặng gây nên, việc tham ô tiền, thóc, công điểm của hợp tác xã.

- Thông qua việc xét thư tố giác đã tăng cường việc chống người xấu việc xấu, bảo vệ người tốt việc tốt, đồng thời tăng thêm mối liên hệ giữa Đảng với cơ quan lãnh đạo của Đảng, giữa đảng viên và quần chúng.

Năm qua tỉnh đã nhận được 14 thư tố giác, trong số 14 thư đó có 14 thư đối tượng bị tố gồm 1 huyện ủy viên, 1 Đảng ủy viên, 7 chi ủy viên tại chức, còn lại 5 đồng chí đảng viên thường là 2 phó ty, phó ngành của tỉnh, 1 là chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp.

Qua thư tố giác chỉ có 15% số thư không hoàn toàn đúng sự thực còn hầu hết quần chúng đã phản ánh một cách trung thực tình hình thực tế lên cơ quan lãnh đạo của Đảng, điều đó cũng nói lên sự tin tưởng tuyệt đối của quần chúng đối với Đảng, nhờ đó làm cho Đảng... tiến hành công tác được thuận lợi. Từ việc giải quyết các thư tố giác nói chung đã làm cho đảng viên và quần chúng càng tin tưởng vào sự xét xử công minh của Đảng.

- Công tác xử lý kỷ luật đối với những đảng viên vi phạm kỷ luật được nghiêm minh đã có tác dụng củng cố nội bộ Đảng ngày càng vững mạnh.

Năm vừa qua tỉnh đã kiên quyết xử lý một số vụ kỷ luật, số đảng viên phải xử lý kỷ luật trong toàn Đảng bộ là 60 vụ về cá nhân, 3 vụ khác xử lý thuộc về tổ chức, trong số đảng viên phải xử lý có 12 đồng chí là người dân tộc thiểu số ở địa phương; khiển trách 8%, cảnh cáo 35%, cách chức trong Đảng 5%, lưu Đảng 25%, khai trừ ra khỏi Đảng 26%. Về chức vụ những đồng chí (...) 13 chi ủy viên. Về chức vụ chính quyền gồm có 2 phó ty, 3 phó ngành hoặc xuống dưới ty, 4 là trưởng phó phòng và tương đương, 9 là chủ tịch và phó chủ tịch, 10 là chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm hợp tác xã. Sai lầm về mặt dân chủ, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật chiếm tỷ lệ 56%, về mặt tham ô, hủ hóa, dâm ô chiếm tỷ lệ 44% (riêng hủ hóa, dâm ô chiếm tỷ lệ cao là 40%).

VIII. NHẬN XÉT KẾT LUẬN

Thực hiện kế hoạch nhà nước trong nông nghiệp so với chỉ tiêu Trung ương giao vượt cả diện tích và sản lượng:

- Diện tích cây lương thực đạt 0,9%.
- Sản lượng lương thực vượt 0,5%.
- Diện tích cây công nghiệp có 3 loại thì 2 loại vượt từ 18 đến 25%. Sản lượng của cả 3 loại này cũng vượt, chè đạt 100%, đậu tương, đại mạch vượt 9 đến 12%.
- Chăn nuôi trâu vượt 1%, lợn vượt 14%.

Phong trào hợp tác hóa là cơ sở để phát triển kinh tế, đã đưa từ 48% lên xấp xỉ 60%. Có tác dụng quyết định cho việc khai phá hàng 100 ha ruộng bậc thang và công tác thủy lợi đảm bảo nước cho trên 1.000 ha, trước đây thiếu nước, tác dụng đến việc an cư lạc nghiệp của số đồng bào xuôi lên xây dựng kinh tế văn hóa miền núi.

Trong công nghiệp, các xí nghiệp Trung ương ở địa phương đều vượt 5 chỉ tiêu chính, các xí nghiệp địa phương đạt kế hoạch (trừ giao thông, kiến trúc) đặc biệt tinh thần chống lỗ nói chung tốt, ý thức phục vụ nông nghiệp có nhiều tiến bộ. Thủ công phát triển mạnh hơn công nghiệp quốc doanh về tốc độ, phấn đấu hoàn thành kế hoạch cũng cao hơn, đi sâu vào chế biến chất bột đó là phương hướng rất đúng đắn.

Tài mậu, khâu thu mua chuyên biến mạnh, đặc biệt mua lương thực thực vượt kế hoạch của Trung ương. Thu vượt kế hoạch khá, thu chủ yếu ở khâu sản xuất phát triển vật giá tương đối ổn định.

Sự nghiệp giáo dục, chỉ số huy động ở các mục tiêu chủ yếu: hệ thống phổ thông, hệ thống bổ túc văn hóa, hệ thống bình dân học vụ, chữ dân tộc đều vượt kế hoạch, chất lượng thi cử vượt khá.

Trị an quốc phòng biên giới, nội địa an toàn sản xuất, an toàn lao động được đảm bảo ngày càng củng cố và nâng cao.

Ba cuộc vận động lớn: Ba xây ba chống, cải tiến quản lý hợp tác xã, vận động khai hoang có bước đi vững chắc, có tác dụng thiết thực

quản lý kinh tế, phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật trong các đơn vị đang tiến hành và có tác động, ảnh hưởng phong trào chung.

Thi đua yêu nước đã trở thành phong trào quần chúng rộng lớn có tổ chức cả trong nông nghiệp, công nghiệp, cơ quan, cửa hàng, bệnh viện, thể hiện của phong trào là tổ lao động xã hội chủ nghĩa, chi bộ bốn tốt, đơn vị tiên tiến quyết thắng, chi đoàn bốn tốt, phụ nữ năm tốt, hợp tác xã tiên tiến. Sự tiến bộ đặc biệt là phong trào thi đua năm nay các cán bộ lãnh đạo hăng hái nhiệt tình tham gia. Các điển hình mới ngày một xuất hiện.

Nói chung sự tiến bộ năm qua có tính chất toàn diện, nhịp nhàng, nông nghiệp đều vượt kế hoạch cả về diện tích và sản lượng, vượt cả cây công nghiệp, cây lương thực, nghề rừng và chăn nuôi; công nghiệp cả công nghiệp trung ương, công nghiệp quốc doanh địa phương, thủ công nghiệp đều vượt kế hoạch. Sản xuất phát triển đi đôi với mậu tài ổn định vật giá, thu vượt khá hơn chi, thu mua chủ yếu là lương thực, thịt đạt kết quả tốt.

Khối đoàn kết thống nhất càng tăng cường, tinh thần lạc quan, phấn khởi thi đua sản xuất, công tác cảnh giác săn sàng chiến đấu nâng lên rõ rệt.

Sở dĩ có những chuyển biến cơ bản lớn lao ấy là do những nguyên nhân sau:

1- Tinh thần Nghị quyết 5, 8, 9 của Trung ương và Nghị quyết 4 của Đại hội Đảng tỉnh ngày càng thấm sâu đến toàn Đảng bộ và đông đảo quần chúng nhân dân các dân tộc, đặc biệt cuộc sinh hoạt chính trị với quy mô rộng lớn năm nay có tác động cỗ vũ tinh thần phấn đấu cách mạng và phê phán mạnh tư tưởng hữu khuynh ngại khó đã tạo thành yếu tố tích cực quyết tâm; khẳng định rằng trong thực tế có thắng lợi đó là do thấm nhuần đường lối, có quyết tâm cao, coi trọng công tác tư tưởng, biết nắm khâu chính.

2- Sự lãnh đạo và chỉ đạo năm nay có một ý thức mới là bám chắc được tinh thần cơ bản nghị quyết, chỉ thị, chính sách, xoay

quanh ba cuộc vận động khai hoang, ba xây ba chống, cải tiến quản lý, toát lên công tác trung tâm lớn nhất là thực hiện kế hoạch nhà nước. Trong thực hiện kế hoạch thì tập trung vào bốn khâu chính, đặc biệt khâu lương thực, lao động được đề lên hàng đầu. Trong củng cố cơ sở thì chủ yếu là quyết tâm khắc phục sự suy yếu hợp tác xã, đẩy tiến lên và xây dựng chi bộ bốn tốt làm nền tảng trong mọi mặt công tác. Năm qua sự lãnh đạo, chỉ đạo rất mạnh bạo, kiên quyết xây dựng một số chính sách cụ thể ở địa phương như định nghĩa vụ bán thịt lợn, ổn định nghĩa vụ lương thực cả vùng cao, quản lý lương thực, khuyến khích làm ruộng nương bậc thang, hạn chế phát nương phá rừng, định giá cá lợn giống.

3- Trong phương pháp công tác của lãnh đạo chỉ đạo năm nay có sự tiến bộ lớn đi vào bề sâu cụ thể là vận dụng phương hướng sản xuất từng vùng từng loại, có sự lãnh đạo chỉ đạo chuyên đề, điểm như: việc khoanh vùng sản xuất, làm ruộng bậc thang, thủy lợi, tăng vụ vùng cao, cải tiến công cụ, thu mua, phân phối lương thực, thực phẩm, chế biến chất bột, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, củng cố hợp tác xã, cải tiến quản lý hợp tác xã, xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, xây dựng chi bộ bốn tốt, công tác tri an... Nói chung đều có thí điểm những nhân tố điển hình đều có kiểm tra tham khảo rút kinh nghiệm.

4- Một yếu tố khác nữa là năm nay thời tiết tương đối thuận lợi, đồng thời trong công tác của bản thân đã có tích lũy được một số kinh nghiệm thực tế của quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật những năm qua.

Tuy vậy, qua một năm phấn đấu vẫn còn bộc lộ nhiều nhược điểm cần cố gắng khắc phục năm tới như:

+ Chỉ đạo nông nghiệp về mặt thời vụ chưa sát sao, nhất là vụ gieo trồng đông - xuân nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện kế hoạch diện tích như lúa chiêm, bắp sớm, khoai lang.

+ Về mặt giao kế hoạch có chậm, thiếu kiên quyết dứt khoát, dân chủ hóa kế hoạch yếu, nhất huyện với xã nên tư tưởng dễ làm khó bở, rụt rè cầm chừng, khi kiểm tra phát hiện đã quá thời vụ (vụ chiêm).

+ Công nghiệp, thương nghiệp phục vụ cơ sở phục vụ nông nghiệp còn bị động, lúng túng, chưa đáp ứng kịp yêu cầu đặc điểm sản xuất theo vụ, theo vùng, nhất là phục vụ cho phong trào cải tiến kỹ thuật, phục vụ cho lúc dồn dập làm mùa, thu hoạch ngày Tết.

+ Công tác thu mua, nhất là thu mua nông sản xuất khẩu không phải không có khả năng, chính là chưa khắc phục được vấn đề giao thông vận tải, tư tưởng ỷ lại, trông chờ cơ giới rất nặng do đó ảnh hưởng đến việc thu mua về xuất khẩu không đạt kế hoạch.

+ Vấn đề giải quyết tư tưởng nói chung chuyển biến mạnh mẽ nhưng nói riêng có đơn vị chưa hoàn thành kế hoạch nhà nước, hợp tác xã còn yếu, nội bộ còn lủng củng thì chính nơi đó tư tưởng ngại khó, hữu khuynh còn nặng, tác phong còn quan liêu, trách nhiệm cá nhân không rõ ràng, tự ti, bảo thủ nặng, đấu tranh giai cấp còn mơ hồ.

+ Mọi mặt công tác năm nay đều xuất hiện nhiều nhân tố điển hình tốt, có kiểm tra rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, nhưng việc phổ biến áp dụng kinh nghiệm, tổ chức cho quần chúng tham quan học tập kinh nghiệm còn quá yếu, nên các nhân tố điển hình trở thành phong trào phổ biến quá chậm chạp (thủy lợi Nậm Chì, ruộng bậc thang Lao Chải, ổn định định canh định cư ở Cốc Ly, chăn nuôi ở Cam Đường, chi bộ bốn tốt ở Thống Nhất, Trường ký túc xá Sảng Ma Sáo; bảo vệ trị an xã Thanh Bình; chọn giống lúa hợp tác xã Tiên Phong; làm ba thu Bản Qua; cải tiến công cụ Quang Kim; chế biến chất bột hợp tác xã Quyết Thắng...).

Trong việc lãnh đạo và chỉ đạo với việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước còn tản漫 (kể cả ở tỉnh và huyện), có nhiều

loại không cần quản lý, phân phối, điều hoà, thu mua cũng đưa vào chỉ tiêu, nên việc kiểm tra đôn đốc rất khó khăn, phức tạp, vì vậy mà tình cũng như huyện vẫn còn tình trạng như hai số giao kế hoạch chỉ tiêu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 30-BC/TU, ngày 23-2-1965
Về công tác tháng 1-1965

Trong tháng giêng Tỉnh ủy có tập trung giải quyết một số công tác chính:

- Sản xuất đông xuân.
- Ba thu.
- Trị an trong dịp Tết.
- Tổng kết công tác xây dựng củng cố Đảng năm 1965.

Đến nay có mặt thu được kết quả như sau:

I. SẢN XUẤT ĐÔNG - XUÂN

Bước vào tháng 1 thì có những thuận lợi: Phong trào hợp tác đang trên đà được củng cố và phát triển đại bộ phận đã xây dựng kế hoạch và xác định hướng sản xuất, vụ mùa thu được thăng lợi, phong trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai đã cổ vũ thêm khí thế cách mạng.

Trước thăng lợi ấy, Tỉnh ủy vẫn luôn chú ý giải quyết tư tưởng chủ quan thỏa mãn, hiện tượng buông lơi sản xuất, các cấp ủy Đảng đã tập trung lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ ngay từ đầu, đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục sản xuất đông - xuân xoáy vào ba nội dung chủ yếu tình thế mới, nông nghiệp,

xuất khẩu, căn cứ địa. Đợt tuyên truyền giáo dục tiến hành khẩn trương và liên tục. Ngoài ra còn tiến hành tổng kết hợp tác hóa xây dựng cùng Đảng, v.v.. Trên cơ sở tổng kết những việc đã qua, những thắng lợi đã đạt được cho nên đã có những chuyển biến như sau:

- Nhận rõ vụ đông - xuân năm nay ở trong tình thế cách mạng mới.
- Qua đợt tuyên truyền giáo dục đảng viên và cán bộ tăng thêm phần khởi và tin tưởng, nhận rõ trách nhiệm của mình để cao tinh thần tự lực cánh sinh.

Do tư tưởng được tương đối thông suốt cho nên vừa qua thấy nổi bật những quyết tâm của quần chúng trong sản xuất nông nghiệp như:

- Cày ải ruộng cho (...) với cùng thời gian này năm ngoái (...) phong trào làm ruộng bậc thang (...) trồng hoa màu khoai lang gấp 20 lần, trồng chè gấp 6 lần.

Trên đây là kết quả đã làm so sánh với cùng thời gian năm ngoái, vụ đông - xuân năm nay có mạnh hơn năm ngoái về diện tích chiêm tăng hơn năm 1964 là 259 ha, nhưng đến nay so với yêu cầu kết quả còn chậm.

Ruộng chiêm vùng thấp dồn 20-1 mới cầy bừa 57%. Ruộng chiêm Bảo Thắng mới cầy được 50%, Bát Xát 52%, Mường Khuông 49%.

- Về phân bón năm nay đã thu 742 tấn thì nhiều hơn năm ngoái nhưng so với yêu cầu thì còn thấp, nếu so với kế hoạch phân bón cho chiêm mới đạt 10%. Việc cày vỡ chậm, thu phân còn yếu, thì nguyên nhân lãnh đạo chưa chặt chẽ, chỉ đạo chưa cụ thể. Quần chúng thì bận rộn làm nhà, cuối xin và chuẩn bị Tết.

Hiện nay sản xuất đang vụ gieo trồng bắp ở vùng cao và chiêm ở vùng thấp nhưng ít mưa cũng gặp nhiều khó khăn.

Tóm lại sản xuất nông nghiệp trong tháng qua nổi bật những kết quả là khai ruộng bậc thang, làm thủy lợi, bảo vệ gia súc mùa đông, cầy chiêm rét, cày bừa chiêm xuân, giống bắp sớm, nhưng so

với yêu cầu còn thấp, còn phải cố gắng nhiều hơn mới đảm bảo được thời vụ.

Hợp tác hóa nông nghiệp: trong tháng tinh đã hoàn thành tổng kết hợp tác xã, kết quả đã khẳng định được những ưu điểm của phong trào hợp tác xã trong mấy năm qua và cung cấp những thiếu sót và tồn tại qua việc tổng kết này để được nhiều phấn khởi, tin tưởng trong các cấp các ngành và trong nhân dân.

Tỉnh ủy đã khẳng định những mặt tốt về phương châm đường lối tốc độ và sự cần thiết phải xây dựng củng cố hợp tác xã, phương hướng Tỉnh ủy đề ra được rõ ràng nên trong tháng qua có nhiều tiến bộ như: nhiều hợp tác từ chõ kém nát nay cũng trở thành khá (Đoàn Kết, Vạn Hòa, Sa Pa; Sín Chéng, Bắc Hà).

Số hợp tác xã trong tháng phát triển thêm 78 hợp tác xã với 1.560 hộ, như vậy đến nay toàn tỉnh có 569 hợp tác xã gồm 13.999 hộ đạt tỷ lệ 66,17%.

Số hợp tác xã phát triển trong tháng qua có huyện làm mạnh như Bắc Hà 54 hợp tác xã, còn có nhiều nơi tuy đều có phát triển chậm như Bát Xát xây dựng được 4, Bảo Thắng 2, Sa Pa 7, Mường Khương 10, bên cạnh tiến bộ cũng cần đẩy mạnh những mặt còn yếu.

Hoàn thành gọn việc làm phương án thanh kết quả vụ mùa tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ cho các Ban Quản trị. Việc giáo dục tư tưởng về hai con đường phải được thường xuyên.

II. BA THU

Tính hết ngày 20-1 thu thuế và thu mua được 2.538,4 tấn, đạt 82,5% kế hoạch. Trong đó thu mua 1.397,8 tấn đạt 76,7% kế hoạch, thu thuế 1.140,6 tấn đạt 90,8% kế hoạch. Thóc và ngô mua ngoài nghĩa vụ 610,5 tấn đạt 43,6% kế hoạch.

Trong tháng qua vào lúc giáp Tết âm lịch nhưng công tác ba thu đạt được số liệu nêu trên biểu hiện nhiều cố gắng của các địa phương. Ngoài công tác ba thu Tỉnh ủy còn chú ý lãnh đạo

quần chúng tiết kiệm trong dịp Tết, tăng cường phân phối những nhu cầu thiết yếu cho quần chúng trong dịp Tết, các ngành thương nghiệp đẩy mạnh ổn định giá cả và thăng bằng thu chi cho nên nhiều mặt hàng cung cấp đủ cho quần chúng mà giá cả còn giữ vững, bắp cải tháng 12-1964 một kg là 0đ57 sang tháng 1-1965 0đ49, cà chua tháng 12-1964 một kg là 1đ80, sang tháng 1-1965 là 1đ26; vịt tháng 12 một kg là 3đ55 sang tháng 1-1965 là 2đ75.

Nhưng bên cạnh kết quả thì khâu vận chuyển vẫn gặp nhiều khó khăn có ảnh hưởng tới lưu thông hàng hóa mà lại sắp sang mùa mưa đang vụ sản xuất nông nghiệp nếu việc vận chuyển không đẩy mạnh thì còn gặp nhiều khó khăn hơn.

III. CÔNG TÁC TRỊ AN

Thông thường thì tháng giáp Tết thường phát sinh nạn cờ bạc buôn lậu, trộm cắp, hỏa hoạn. Nhưng năm nay trật tự trị an được ổn định cả nông thôn, thành thị, tình hình phức tạp được giảm thiểu. Hơn nữa ta đã (...) kêu gọi 2 tên đã lẩn trốn trong rừng mây năm về hàng (Giang Ta Lô, Lu Sai Sin) thu 1 súng trường.

Đi đôi với việc trị an có đẩy mạnh việc giáo dục và tổng kết các lực lượng vũ trang, vận động nghĩa vụ quân sự nhiều nơi đạt kết quả, về yêu cầu đảm bảo chất lượng tốt.

Kết quả đó là do lãnh đạo quan tâm đúng mức đến công tác trị an, dùng nhiều hình thức biện pháp để củng cố cơ sở như: phát động thi đua sản xuất, tuyên truyền chiến thắng miền Nam. Hội nghị cơ sở cũ (Bảo Thắng), động viên cán bộ ở lại ăn Tết cùng nhân dân, các đồng chí trong Tỉnh ủy tăng cường xuống các cơ sở trong dịp Tết.

IV. CÔNG TÁC ĐẢNG

Đã hoàn thành Đại hội Đảng 5 huyện 1 thị và 5 Đảng ủy 1 chi bộ trực thuộc, sau khi bầu cử cấp chi ủy mới chỉ là bước đầu

nhưng nhiều nơi gắn chặt vào công tác trung tâm, trước và sau Đại hội nhiều nơi phong trào thi đua sản xuất được đẩy mạnh, trong tháng cũng đã tổng kết công tác tổ chức năm 1964, tổng kết chi bộ bốn tốt, kết quả 62 chi bộ đạt tiêu chuẩn bốn tốt thì nông thôn 26 chi bộ, công trường 17 chi bộ, hành chính sự nghiệp 15, Công an 4.

Tóm lại công tác Đảng trong tháng qua vừa tổng kết chi bộ 4 tốt từ cơ sở sau tiến hành Đại hội huyện thị và Đảng ủy qua đó cũng nâng cao tính chất chiến đấu và tiên phong trong Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí nội bộ, các cấp lãnh đạo cũng nâng cao nhận thức về vị trí và tầm quan trọng của chi bộ trong giai đoạn hiện nay, nếu nơi nào biết nắm chắc công tác Đảng chăm lo xây dựng, củng cố thì nơi đó các mặt công tác đều thu kết quả tốt.

KẾT LUẬN

Trong tháng qua ngoài việc hoàn thành những công tác thường xuyên Tỉnh ủy đã chú trọng lãnh đạo công tác chính trị, công tác tư tưởng để gây một chuyển biến mới trong quần chúng các dân tộc để tranh thủ từ tháng đầu, khắc phục tư tưởng thỏa mãn, đủng đỉnh nghỉ ngơi, đồng thời cũng nắm vững công tác trung tâm sản xuất đông - xuân. Trong công tác trung tâm có chú ý nhiều về khai ruộng bậc thang, làm thủy lợi, thu phân.

Bên cạnh công tác trung tâm vẫn chú ý đúng mức đến công tác trị an củng cố Đảng và xây dựng hợp tác xã.

Về mặt lãnh đạo cũng tăng cường kiểm tra đôn đốc, đi sâu phát hiện những khả năng mới trong nhân dân.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 32-BC/TU, ngày 10-3-1965

**Về kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc
do Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III
đề ra qua các mặt công tác lớn của tỉnh Lào Cai
từ năm 1960 đến 1964**

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960) đã đề ra nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu cho miền núi là "Đảng và Nhà nước dân chủ nhân dân cần phải làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao và vùng biên giới tiến kịp vùng nội địa, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc Kinh, giúp các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và năng lực to lớn của mình, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ để tiến lên chủ nghĩa xã hội".

Thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu ấy, mấy năm qua Lào Cai đã tiến hành nhiều công tác. Để đánh giá sự tiến bộ và tồn tại, mức độ khắc phục sự chênh lệch giữa các vùng và các dân tộc, rút ra những kinh nghiệm lớn trong việc chấp hành chính sách dân tộc của Đảng. Trên cơ sở đó mà đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những biện pháp lớn để phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm và tồn tại, tạo mọi điều kiện đưa các dân tộc trong tỉnh tiến kịp nhau trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tỉnh ủy Lào Cai đã sâu kiểm điểm và báo cáo các phần chính như sau:

- I. Những nét chính của tình hình Lào Cai trước khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III
- II. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III qua các mặt công tác của tỉnh
- III. Kết luận chung, mấy bài học kinh nghiệm
- IV. Phương hướng, nhiệm vụ sắp tới

I. NHỮNG NÉT CHÍNH CỦA TÌNH HÌNH LÀO CAI TRƯỚC KHI BUỚC VÀO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ III

Tỉnh Lào Cai có 25 dân tộc theo tiếng gọi thông thường, nhưng sơ bộ điều tra thì có bốn ngũ hệ khác nhau: Mèo - Dao, Tày - Nùng; Tạng - Miến, Hán. Đi sâu vào từng hệ thì mỗi hệ có nhiều dân tộc khác nhau và mỗi dân tộc lại có nhiều nhánh khác nhau rất phức tạp.

Trong 25 dân tộc thì dân tộc Mèo là đông nhất chiếm tới 30% so với dân số chung.

Căn cứ theo địa lý, tập quán sản xuất và điều kiện tự nhiên thì Lào Cai chia làm ba vùng rõ rệt: Vùng cao chủ yếu là đồng bào Mèo, vùng giữa chủ yếu là đồng bào Mán, vùng thấp chủ yếu là đồng bào Tày, Kinh, Nhắng.

Về mặt khí hậu cũng chia làm hai vùng: Vùng nhiệt đới bao gồm huyện Bảo Thắng, 9 xã ven sông Hồng (Bát Xát), 3 xã ở Bắc Hà và 5 xã ở Mường Khương. Vùng á nhiệt đới bao gồm 3 huyện Sa Pa, Mường Khương, Bắc Hà và 17 xã vùng cao huyện Bát Xát.

Sau ngày giải phóng, Lào Cai đã tiến hành nhiều cuộc vận động đoàn kết tiêu phỉ, vận động thành lập Khu tự trị, vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, v.v.. Trải qua các cuộc vận động ấy, nhân dân các dân tộc Lào Cai đã có nhiều biến đổi to lớn: Trình độ giác ngộ chính trị và giác ngộ giai cấp được nâng cao một bước; đời sống vật chất và văn hóa được cải

thiện hơn trước, tình đoàn kết giữa các dân tộc ngày một được tăng cường. Nhưng trước khi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Lào Cai còn nhiều tồn tại và khó khăn: hợp tác xã mới bắt đầu xây dựng được một số ít; sản xuất chưa phát triển toàn diện, nạn đói lưu niên vẫn còn, phương hướng và nhiệm vụ sản xuất cho từng vùng chưa rõ ràng; tình hình trị an còn rất phức tạp; trình độ mọi mặt của các dân tộc còn rất thấp, cơ sở đảng còn rất yếu và nhiều nơi chưa có, đội ngũ cán bộ dân tộc rất ít, v.v..

Tình hình đó nói lên sự chênh lệch nghiêm trọng giữa các vùng và các dân tộc, nói lên những khó khăn và tồn tại mà Đảng bộ Lào Cai cần phải khắc phục. Hơn nữa Lào Cai là tỉnh biên giới tập trung nhiều dân tộc thiểu số ở vùng cao do đó nhiệm vụ làm cho vùng cao tiến kịp vùng thấp, biên giới tiến kịp nội địa, miền núi tiến kịp miền xuôi rất nặng nề.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ III QUA CÁC MẶT CÔNG TÁC CỦA TỈNH

A. TÌNH HÌNH CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT Ở NÔNG THÔN

Mấy năm qua quan hệ sản xuất cũ ở các vùng dân tộc Lào Cai đã được cải tạo triệt để và quan hệ sản xuất mới đã từng bước xây dựng và ngày càng củng cố. Cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ tiến hành 1959 - 1960 đã chia cho nông dân 405 ha ruộng và thổ canh; 630 con trâu; 172 con bò, 256 con ngựa. Quy 289 địa chủ và 209 phú nông. Triệt để xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột của giai cấp phong kiến, làm cho ranh giới giữa giai cấp bóc lột và nông dân lao động được phân ra rõ ràng; thông qua cuộc vận động này, đồng thời xây dựng một hợp tác xã ở nhiều nơi có điều kiện và tiếp tục củng cố tổ đổi công; xây dựng cơ sở đảng, củng cố chính quyền và các tổ chức quần chúng... Đó là một thắng lợi lịch sử vĩ đại, là tiền đề chính

trị và kinh tế, tạo điều kiện để các dân tộc Lào Cai đi vào con đường hợp tác hóa, thay đổi quan hệ sản xuất ở nông thôn một cách sâu sắc.

Đến nay, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp có những chuyển biến căn bản; phong trào có lúc lên rất cao, chiếm tới 70% số hộ nông dân lao động tham gia hợp tác xã, có lúc lại tụt xuống còn 48% nhưng rồi lại đưa dần lên 58% (tính đến tháng 9-1964). Hiện nay, số hộ nông dân lao động đã vào hợp tác xã ở các vùng là: Vùng cao 49%, vùng giữa 58%, vùng thấp 72%.

Qua phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, chúng ta thấy rằng: Phong trào khi lên, khi xuống chủ yếu ở vùng cao các dân tộc ít người. Hầu hết các dân tộc đã đi vào con đường làm ăn tập thể tuy mức độ khác nhau. Các vùng và một số dân tộc đều có hợp tác xã tiên tiến. Như vậy, về mặt quan hệ sản xuất các dân tộc đã tiến kịp nhau, tuy số lượng, chất lượng chưa đều nhau. Hiện nay, các cơ sở hợp tác xã đã có đà dần ổn định và tiến bộ vững chắc. Ở các vùng và trong nhiều dân tộc đã có những hợp tác xã phát huy tác dụng tốt, số lượng hợp tác xã khá là 22,2%, trung bình 48,7%, kém 28,8%. Nói chung dân tộc nào cũng có hợp tác xã khá. Hợp tác xã ở vùng dân tộc không những có tác dụng đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống mà còn có tác dụng chính trị, tăng cường đoàn kết dân tộc, duy trì những thành quả đã giành được trong cải cách dân chủ, góp phần đẩy mạnh mọi mặt công tác ở xã.

Những thành tích trên đây trước hết là do sự lãnh đạo của Đảng bộ. Đại hội Đảng bộ tháng 3-1959 đã phê phán tư tưởng hữu khuynh, mơ hồ cho rằng vùng dân tộc giai cấp chưa phân hóa rõ rệt. Đại hội đã khẳng định, nông thôn Lào Cai giai cấp đã phân hóa rõ rệt và sâu sắc, đề ra việc xây dựng hợp tác hóa, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Tỉnh ủy quyết tâm tạo điều kiện để xây dựng hợp tác xã nên đã vận dụng đường lối, chính sách của Trung ương vào hoàn cảnh địa phương một cách sáng tạo: Có lúc ở một số nơi do gặp nhiều khó khăn quan phong trào hợp tác

xã bị tan vỡ nhưng Tỉnh ủy vẫn kiên quyết củng cố và giữ vững phong trào vì xuất phát từ đặc điểm là Lào Cai đã phân hóa giai cấp, đã trải qua nhiều cuộc vận động chính trị, quần chúng các dân tộc đã giác ngộ và đòi hỏi hợp tác hóa, nên Tỉnh ủy đã kiên quyết giữ vững chủ trương *xây dựng hợp tác xã ở các vùng*, không vận dụng một cách máy móc nghị quyết sản xuất miền núi của Bộ Chính trị mà áp dụng nó với tinh thần là kiên quyết đưa các dân tộc tiến lên hợp tác xã, trong quá trình thực hiện Tỉnh ủy đã tiến hành nhiều biện pháp tích cực, thí điểm ở từng vùng, đào tạo cán bộ cho hợp tác xã, đưa cán bộ xuống xã giúp đỡ hợp tác xã, đẩy mạnh phong trào tham quan trao đổi kinh nghiệm. Ngoài ra, Lào Cai có biên giới với Trung Quốc nên ảnh hưởng của công xã, nhân dân Trung Quốc thâm nhập vào các vùng biên giới làm cho các dân tộc ở Lào Cai thấy rằng con đường làm ăn tập thể là con đường duy nhất để các dân tộc thoát khỏi đói nghèo, họ đã nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương hợp tác hóa của Đảng đề ra, ở một số nơi quần chúng đã tự động thành lập hợp tác xã và kiên quyết củng cố hợp tác xã của mình mặc dầu gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

Những thành tích, những thắng lợi của phong trào hợp tác hóa là căn bản nhưng phong trào ở các vùng và các dân tộc còn nhiều chênh lệch. Tuy hầu hết các dân tộc đều có hợp tác xã nhưng mức độ hợp tác cũng không đều nhau, thậm chí có dân tộc như dân tộc U Ní trước kia đã có hợp tác xã nhưng sau bị vỡ vẫn chưa dựng lại được. Quy mô giữa các vùng và các dân tộc không đều nhau: Quy mô vùng cao, người Mèo thì còn nhỏ hơn Tày, Kinh, Nhắng ở vùng thấp, quy mô vùng giữa người Mán lại còn nhỏ hơn nữa. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã vùng cao và vùng giữa còn kém và ít hơn vùng thấp. Kinh doanh và quản lý của vùng cao và vùng giữa còn đơn giản hơn vùng thấp. Vùng cao và vùng giữa còn có xu hướng chia nhỏ, muốn khoán theo hộ, muốn lên cấp cao ngay khi chưa đủ điều kiện. Thu nhập của kinh tế tập thể so với kinh tế phụ gia đình nói chung còn ít hơn; vùng cao và vùng giữa thu nhập về

kinh tế tập thể lại còn ít hơn. Trình độ văn hóa của cán bộ hợp tác xã ở vùng cao và vùng giữa cũng kém hơn vùng thấp. Hiện nay còn một số dân tộc chưa có hợp tác xã điển hình, có một số hợp tác xã có cơ sở vật chất đã khá xây dựng tương đối lâu mà vẫn bị vỡ như Khe Hạ (Bắc Hà), Mỏ Sinh (Bảo Thắng)... các địa phương hợp tác xã đã tan vỡ nhưng vẫn báo cáo lên trên, vẫn giữ hình thức Ban quản trị như Sín Chéng (Bắc Hà). Cho đến hết tháng 9-1964 còn 14 xã chưa có hợp tác xã.

Những chênh lệch trên đây chính cũng là những nhược điểm và khuyết điểm của phong trào hợp tác hóa của tỉnh ta. Nhìn chung hợp tác xã vùng cao, vùng giữa so với vùng thấp còn nhiều mặt yếu.

Những tồn tại, sự chênh lệch giữa các vùng và các dân tộc, những khuyết điểm và nhược điểm của phong trào hợp tác hóa là do nguyên nhân khách quan và chủ quan sau đây:

Về mặt khách quan, do tự nhiên và lịch sử để lại, vùng cao ruộng đất ít, cư trú phân tán, trình độ văn hóa kém... sự chênh lệch về một số mặt nào đó là tất yếu khách quan, không thể một lúc xóa bỏ ngay được. Nhận thức đúng điểm này chúng ta sẽ không bao giờ bi quan với phong trào hợp tác xã vùng cao. Trái lại, thấy phong trào gặp khó khăn thì kiên quyết đưa phong trào tiến lên từng bước.

Về mặt chủ quan, tức là mặt lãnh đạo và nhất là về mặt chỉ đạo của chúng ta còn nhiều khuyết điểm. Có lúc chúng ta đã có tư tưởng hữu khuynh, ngại khó, đi thí điểm để đưa phong trào xuống chứ không tìm cách khắc phục khó khăn để đưa phong trào lên, cho nên có nơi bị tan vỡ nhiều như khu vực Lùng Phình. Những hợp tác xã nào không đủ điều kiện thì đã vỡ trước khi có Nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất miền núi. Những cái vỡ sau Nghị quyết của Bộ Chính trị là do hữu khuynh. Hiện nay dân tộc U Ní chưa có hợp tác xã, không phải vì dân tộc đó không muốn mà chính do thiếu sót của lãnh đạo và chỉ đạo thiếu giúp đỡ. Cụ thể: *Đã có lúc nhận thức của chúng ta... chủ quan chưa thấy hết đủ*

khó khăn lâu dài gian khổ của đấu tranh hai con đường đưa nông dân các dân tộc vào hợp tác *giải phóng các dân tộc khỏi bóc lột, nghèo đói*. Do đó, có lúc ta thiếu quyết tâm tạo điều kiện, tích cực phái cán bộ xuống cơ sở để củng cố và xây dựng hợp tác xã. Đôi khi còn vin vào khó khăn khách quan, để giảm bớt cống gắng chủ quan của mình. Vì thế, nhiều hợp tác xã điển hình tốt chưa được phát huy rộng rãi, chưa được áp dụng ở các vùng, các dân tộc. Nhiều hợp tác xã tan vỡ chưa được xây dựng lại. Nhiều hợp tác xã lúng túng về quản lý chưa kịp thời phát hiện và có biện pháp tích cực giúp đỡ; nhiều xã tráng chưa tích cực tạo điều kiện để xây dựng hợp tác xã. Việc chấp hành đường lối giải cấp của Đảng ở nông thôn trong khi xây dựng hợp tác xã có lúc chưa nắm chắc, nhất là khi phong trào phát triển ô ạt. Vì vậy, một số hợp tác xã tan vỡ còn do trong Ban quản trị, các đội trưởng sản xuất phần lớn là trung nông khá nên khi gặp khó khăn là họ giải tán hợp tác xã; cũng có hợp tác xã về hình thức thì bần nông và trung nông dưới chiếm số đông trong ban quản trị, nhưng vì ở nông thôn miền núi còn có quan hệ họ hàng, tộc trưởng, thân quen nên một số trung nông khá giả là trưởng họ, là thầy cúng, thầy mo có uy tín chi phối Ban quản trị hợp tác xã, lái Ban quản trị theo đường lối trung nông. Quan hệ dân tộc ở trong các hợp tác xã xen kẽ trong quá trình xây dựng và củng cố chưa được chú ý đúng mức, những hợp tác xã xen kẽ nhiều dân tộc thường va chạm với nhau trong tập quán sản xuất, trong sinh hoạt... nên mất đoàn kết, thậm chí dẫn tới xu hướng chia nhỏ hoặc chia hoa lợi theo tổ.

Qua mấy năm xây dựng và củng cố hợp tác xã, chúng ta có thể rút ra mấy kinh nghiệm sau đây:

1. *Tất cả các dân tộc đều có thể xây dựng hợp tác xã được*. Các dân tộc đông người hay ít người, cư trú ở vùng thấp hay vùng cao, trình độ phát triển xã hội cao hay thấp trình độ chính trị văn hóa cao hay thấp, đều có thể đồng thời tiến lên chủ nghĩa xã hội. Không nhất định vùng thấp, dân tộc đông người có trình độ phát

triển xã hội cao là có đủ điều kiện để xây dựng hợp tác xã sớm hơn vùng cao dân tộc ít người, có trình độ phát triển xã hội thấp. Vì quần chúng cơ bản của các dân tộc, nhất là các dân tộc ít người ở vùng cao do bị áp bức bóc lột nhiều, nghèo khó túng đói lâu đời, nên khi được Đảng giáo dục họ dễ giác ngộ giai cấp, tiếp thu chính sách muốn đi vào con đường làm ăn tập thể; về tâm lý, mỗi dân tộc đều có lòng tự hào, không muốn thua kém dân tộc khác. Hơn nữa mỗi dân tộc đều có truyền thống đoàn kết tương trợ lâu đời, ta có thể phát huy truyền thống tốt đẹp ấy để xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn miền núi.

2. Nếu chậm đưa các dân tộc đi vào con đường làm ăn tập thể thì quần chúng cơ bản sẽ gặp khó khăn trong sản xuất và đời sống, ưu thế chính trị do cải cách dân chủ đem lại sẽ bị mất dần, giai cấp bóc lột vừa bị đánh đổ sẽ lại ngóc đầu dậy, nông dân lao động sẽ phân hóa. Ở xã Sín Chéng một tên địa chủ đã đòi và lấy lại 5 kg giống ruộng (0,1 ha) của nông dân. Lợi dụng lúc thiếu đói, trung nông khá và phú nông đã cho bần nông vay bắp phải trả bằng công lao động, mỗi công trị giá bằng 2 kg bắp. Thôn Sín Chéng (xã Sín Chéng) có 108 hộ, có 30,9 ha ruộng, trong đó có 0,76 ha chiếm 2,4% tổng số ruộng đã đem bán với giá tiền là 2.000 đồng, số ruộng bán này là của 6 hộ bần nông trong 49 hộ bần nông. Như vậy, 12% số hộ bần nông đã bán ruộng đất. Ở thôn Ngải Phóng Chồ (xã Sín Chéng) nếu diện tích canh tác của 3 hộ bần nông bằng 1 thì 3 hộ trung nông khá bằng 3,7; 3 hộ địa chủ bằng 3,3. Về trâu, nếu 3 hộ bần nông bằng 1 thì 3 hộ trung nông khá bằng 2,3; 3 hộ địa chủ bằng 2,6. Về ngựa, nếu 3 hộ bần nông bằng không thì 3 hộ trung nông khá bằng 1, 3 hộ địa chủ bằng 2,6. Đó là tình hình ở những nơi không có hợp tác xã hoặc hợp tác xã bị tan vỡ. Điều đó chứng minh rằng, nếu không tạo điều kiện nhanh chóng đưa nông dân các dân tộc đi vào con đường làm ăn tập thể thì theo quy luật chung, nông thôn sẽ phân hóa và quần chúng cơ bản sẽ trở lại bị bóc lột, nghèo đói như cũ.

3. Vì đặc điểm từng vùng, từng dân tộc có chỗ khác nhau nên tốc độ, quy mô, bước đi của phong trào hợp tác hóa không thể rập khuôn như nhau: Quy mô to hay nhỏ, quản lý đơn giản hay phức tạp phải căn cứ vào điều kiện cư trú, cơ sở vật chất (ruộng đất tập trung hay phân tán, nhiều hay ít) và trình độ quản lý của cán bộ (trình độ lãnh đạo, trình độ văn hóa...). Nói chung, quy mô nên từ nhỏ rồi đến lớn, quản lý từ đơn giản đến phức tạp. Ở Lào Cai, có nơi tập trung ruộng đất, cư trú tập trung hàng trăm hộ, nhưng vì trình độ quản lý còn kém nên lúc đầu không thể lập hợp tác xã to được.

Bước đi của hợp tác xã có thể bằng nhiều cách. Có nơi từ tổ đổi công lên hợp tác xã, có nơi phải xây dựng cơ sở vật chất như cùng làm thủy lợi, khai phá ruộng bậc thang mà xây dựng hợp tác xã. Có nơi tổ chức chăn nuôi tập thể, trồng cây công nghiệp dài ngày mà xây dựng hợp tác xã. Có nơi giữ lại ruộng đất, cây công nghiệp làm chung do tịch thu của địa chủ trong cải cách dân chủ, sau đó xây dựng hợp tác xã, v.v.. Sau khi xây dựng phải chú ý củng cố mọi mặt nhất là tạo thêm cơ sở vật chất và kỹ thuật để phát triển sản xuất, nâng cao mức thu nhập của xã viên, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng: giáo dục hai con đường, gọi khổ, so sánh, phát huy tính ưu việt, nâng cao cảnh giác với địch và bọn bóc lột. Quá trình xây dựng hợp tác xã vùng cao, chúng ta đã rút ra bốn điều kiện:

- Ruộng đất ổn định (càng nhiều ruộng nước càng tốt).
- Cư trú tương đối tập trung.
- Quản chúng giặc ngộ xã hội chủ nghĩa.
- Có cốt cán lãnh đạo.

Bốn điều kiện trên không tự nó đến, mà lãnh đạo và chỉ đạo phải có những biện pháp kiên quyết, chủ động tạo điều kiện, nếu bị động chờ đợi thì vùng cao không bao giờ có đủ điều kiện để xây dựng hợp tác xã.

4. Phải quán triệt đường lối giai cấp và chính sách dân tộc trong quá trình xây dựng và củng cố hợp tác xã thì hợp tác xã mới vững vàng.

Đường lối giai cấp trong việc xây dựng và củng cố hợp tác xã đều áp dụng với tất cả các vùng dân tộc, không trừ vùng nào, dân tộc nào. Đó là nguyên tắc bất di, bất dịch. Nhưng khi vận dụng thì có thể linh hoạt vào từng hoàn cảnh cụ thể: nơi đã phân hóa giai cấp rõ rệt, nơi chưa phân hóa rõ rệt. Song linh hoạt không được vi phạm nguyên tắc là: phải do quần chúng cơ bản nghèo khổ nhất nắm đại bộ phận các vai trò chủ chốt trong cơ quan lãnh đạo hợp tác xã. Điều này đã được thực tế kiểm nghiệm: trong lúc sóng gió mà hợp tác xã vẫn vững và các hợp tác xã tiên tiến hiện nay đều do các cốt cán tốt lãnh đạo cả. Cần phải khắc phục nhận thức một chiêu, cho rằng hợp tác xã tan vỡ hoặc kém nát là do lúc xây dựng không đủ điều kiện, hoặc lúng túng về quản lý... mà không chú ý kiểm tra việc chấp hành đường lối giai cấp trong quá trình xây dựng và củng cố hợp tác xã. Mặt khác, cũng phải chú ý việc chấp hành chính sách dân tộc, đặc điểm dân tộc. Mỗi dân tộc đều có tâm lý tự hào có truyền thống đấu tranh, có tập quán và kinh nghiệm sản xuất của mình. Vì vậy, dân tộc này đều không muốn thua kém dân tộc khác. Khi tham gia hợp tác xã, mỗi dân tộc đều đem theo những tập quán xấu do thói quen làm ăn riêng lẻ lâu đời; đồng thời mỗi dân tộc đều có kinh nghiệm sản xuất của mình. Do đó ở những hợp tác xã xen kẽ, lãnh đạo và chỉ đạo phải chú ý phát huy những mặt tốt của từng dân tộc, cổ vũ học tập kinh nghiệm làm ăn của nhau, đúc kết rút ra những kinh nghiệm chung nhất để áp dụng trong hợp tác xã. Đồng thời, chú ý khắc phục dân những tập quán cũ, lối làm ăn cá thể, tự do không phù hợp với quan hệ sản xuất mới. Đối với hợp tác xã xen kẽ, chúng ta không thể lơ là công tác giáo dục tư tưởng. Rồi đây sức sản xuất của hợp tác xã ngày càng phát triển, trình độ quản lý ngày càng nâng cao, những hợp tác xã quy mô nhỏ sẽ sát nhập lại thành hợp tác xã quy mô lớn,

tính chất xen kẽ dân tộc còn nhiều và rộng hơn nữa. Vì vậy, phải tiến hành tốt công tác tư tưởng, giáo dục tinh thần đoàn kết sản xuất, tinh thần học hỏi lẫn nhau. Đối với đồng bào Mán không đơn thuần hễ đem lại đời sống vật chất khá cho họ là hợp tác xã sẽ vững vàng. Thực tế có những hợp tác xã người Mán đã xây dựng lâu mà vẫn tan vỡ chính vì họ có tập quán du canh, du cư, muốn sống tự do thoái mái, không muốn va chạm với dân tộc khác. Do đó, chúng ta phải chú ý giáo dục người Mán, đồng thời đề phòng mặt sen lấn của dân tộc khác đối với họ.

Tóm lại, trong việc xây dựng và củng cố hợp tác xã, chúng ta phải chú ý chấp hành đường lối giai cấp, đồng thời cũng phải chú ý trình độ của mỗi dân tộc, quan hệ dân tộc. Nếu vội xóa nhòa ranh giới giai cấp hay coi nhẹ việc chấp hành đường lối giai cấp, cường điệu đặc điểm dân tộc là sai lầm. Nhưng nếu không chú ý đặc điểm dân tộc thì khi vận dụng đường lối, chính sách của Đảng dễ cứng nhắc, rập khuôn máy móc, thậm chí có lúc bi quan với phong trào, khi tình hình khó khăn.

B. VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC.

Mấy năm qua các mặt sản xuất đều phát triển, ở đây chủ yếu kiểm điểm mặt sản xuất nông nghiệp.

1. Sản xuất nông nghiệp

Theo phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Tỉnh ủy chủ trương *phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc sát với từng vùng, đảm bảo vai trò nông nghiệp là thành phần kinh tế chủ yếu của Lào Cai*. Chú trọng chống xói mòn, thâm canh tăng năng suất lúa, ngô một cách vững chắc, đồng thời phát triển mạnh hoa màu lương thực, đẩy mạnh tăng vụ trên toàn bộ diện tích, nhất là ruộng. Trên cơ sở tự túc lương thực, đẩy

mạnh chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, nghề rừng, tạo cơ sở cho những năm sau này tiến tới lấy chăn nuôi, trồng cây công nghiệp là hướng chính trong sản xuất nông nghiệp vùng cao.

Để thực hiện những nhiệm vụ đó, trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, có nêu lên mấy mục tiêu phấn đấu:

- Tích cực phấn đấu tiến lên giải quyết vấn đề lương thực một cách vững chắc để tự túc lương thực.

- Bước đầu phân vùng kinh tế chuyên canh một số loại cây trồng chủ yếu thích hợp với từng vùng, tạo điều kiện thanh toán từng bước chế độ độc canh và du canh.

- Biến nền kinh tế nông nghiệp của Lào Cai có tính chất tự túc, tự cấp trở thành nền kinh tế nông nghiệp toàn diện có nhiều sản phẩm hàng hóa cung cấp cho địa phương, cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và xuất khẩu.

- Đưa mức sống của nông dân xã viên lên ngang mức sống của nông dân khá giả hiện nay của địa phương.

Trong bốn năm qua, tình hình sản xuất nông nghiệp Lào Cai như sau:

Trồng trọt:

Diện tích các loại cây trồng so với năm 1960 đều tăng. Bình quân nhân khẩu về diện tích canh tác cũng tăng so với năm 1960, mặc dù nhân khẩu cả tăng tự nhiên và cơ học là 6%. Bình quân diện tích gieo trồng (chưa kể cây dài ngày) một nhân khẩu năm 1964 là 0,23 ha bằng 6 sào 5 thước.

Lúa chiêm 1964 đã gieo cấy 1.769 ha gấp 2 lần so với 1955 (841 ha) gấp 9 lần so với năm 1939 (214 ha).

Tổng sản lượng quy thóc từ 1955 đến 1964 bình quân hằng năm tăng 7,5%. Riêng từ 1955 đến 1960 bình quân tăng hằng năm là 6,4%. Từ 1961 đến 1964 tăng bình quân là 8,6%.

Năng suất các loại cây trồng căn bản ổn định hoặc có tăng chút ít. Riêng lúa nương thì giảm, vì chủ trương không phát triển lúa nương.

Những kết quả nổi bật nhất là:

- *Căn bản đã giải quyết được vấn đề lương thực.* Dân số tự nhiên tăng 3,5% kể cả cơ học tăng 6%, nhân khẩu phi nông nghiệp càng tăng nhanh, thế mà đã từng bước tăng sản lượng lúa và các loại hoa màu một cách đều đặn (tổng sản lượng 1961-1964 tăng 8,6%). Nhờ vậy, mà căn bản đã thanh toán nạn đói lưu niêm. So với vùng thấp thì vùng giữa và vùng cao còn khó khăn hơn nhưng đã tiến bộ rất nhiều. Từ chỗ phải cứu tế đến chỗ tự túc được lương thực, đó là một chuyển biến rất căn bản. Số lương thực Nhà nước bán ra cho nông dân ngày càng giảm mà nông dân đóng góp cho Nhà nước ngày càng tăng. Vùng cao năm 1961 đóng góp 945 tấn (thóc và bắp) đến năm 1963 là 1.508 tấn (thóc và bắp). Nhà nước bán ra 1961 là 561 tấn gạo, 1963 là 324 tấn gạo.

- *Cơ cấu của nền sản xuất đã thay đổi:* Không độc canh, không chỉ một vụ mà rải vụ. Tăng vụ trên nương cả vùng thấp và vùng cao, cả mùa hạ và mùa đông. Đã hình thành những vùng chuyên canh.

Kết quả cụ thể một số loại cây như sau: Diện tích cây công nghiệp chung toàn tỉnh từ 2.440 ha năm 1961 tăng lên 3.054 ha năm 1964. Chè từ 155 ha năm 1961 lên 346 ha năm 1964; thảo quả từ 154 ha năm 1961 lên 346 ha năm 1964; dỗ tương năm 1964 là 1.552 ha với sản lượng trên dưới 600 tấn. Từ tự cấp, tự túc đã có kinh tế hàng hóa (theo số liệu điều tra năm 1962, tỷ lệ hàng hóa nông nghiệp đạt 21%).

- *Nền sản xuất ở vùng cao trước đây kém, nay tiến bộ nhiều, khắc phục được một phần sự chênh lệch, bước đầu phát huy ưu thế sản xuất miền núi như:* Bỏ trồng thuốc phiện, thay bằng cây lương thực và cây công nghiệp (ngô tháng 7, đại mạch mùa đông, đậu tương xuân và hè, chè, hạt rau, thảo quả, đào riêng). Vùng cao đã xác định được phương hướng có tính chiến lược là ruộng bậc thang. Vùng cao không những tự túc được lương thực mà còn đóng góp được cho Nhà nước, làm giàu cho Tổ quốc. Thí dụ: Tổng số hàng xuất khẩu của Lào Cai là 100 thì vùng cao chiếm 79%. Diện tích cây công nghiệp là 100 thì chia ra như sau:

1959:	Vùng thấp chiếm	14,5%.
	Vùng giữa chiếm	4,4%.
	Vùng cao chiếm	81,06%.
1961:	Vùng thấp chiếm	11,5%.
	Vùng giữa chiếm	2,74%.
	Vùng cao chiếm	85,75%.
1964:	Vùng cao chiếm	73%.

Năm 1962-1963 khoảng 20% tổng giá trị nông lâm sản và sản phẩm chăn nuôi của người Mèo đã trở thành hàng hóa.

- Có dân tộc ít người như dân tộc Xa Phó cũng đã thay đổi căn bản tập quán canh tác: Trước kia người Xa Phó ở Gia Phú (Bảo Thắng) chỉ bán công, câu cá, săn thú. Lúc đó thì kiểm củ rừng, hầu như không trồng trọt, chăn nuôi. Từ năm 1960, 13 hộ trong 27 hộ ở xã này đã lập hợp tác xã, phá hoang 950 kg giống (350 cân giống làm được...). Người ta đã trồng hoa màu, trồng cây ăn quả. Đến nay trung bình nhà nào cũng có 2 lợn, 17 gà, 5-10 dê, 3 ao cá. Năm 1963 bình quân diện tích gieo cấy lúa ruộng tính đầu người đạt 1.088 m^2 , so với vùng thấp chỉ kém 13 m (vùng thấp bình quân 1.101 m) và bình quân lương thực được 348 kg (261 kg bằng thóc) chỉ kém vùng thấp có 73 kg (vùng thấp bình quân có 421 kg).

Ngoài ra, việc tiếp thu nhân lực miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế và văn hóa ở Lào Cai bước đầu thu được một số kết quả tốt.

Chăn nuôi:

Tỷ trọng giá trị sản lượng chăn nuôi hiện nay chiếm 17,4% trong tổng giá trị trồng trọt, chăn nuôi.

Tổng số trâu toàn tỉnh là 30.375 con năm 1964, năm 1961 chỉ có 25.315 con. Bình quân số trâu 2 năm 1963-1964 tăng 20% so với bình quân 3 năm 1958-1960 và tăng 10% so với bình quân 1961-1962. Tổng số bò 1964 là 2.633 con, năm 1961 là 1.591 con, bình quân bò 2 năm 1963-1964 tăng 130,3% so với bình quân 3 năm 1958-1960, tăng 37,2% so với bình quân 1961-1962.

Ngựa 1964 toàn tỉnh có 11.524 con tăng 37,7% so với bình quân 3 năm 1958-1960 và tăng 9% so với bình quân 2 năm 1961-1962.

Lợn năm 1964 có 54.390 con so với năm 1961 là 39.905 con, bình quân 2 năm 1963-1964 tăng 9,7% so với bình quân 3 năm 1958-1960 và tăng 27% so với bình quân 2 năm 1961-1962.

Sự sinh đẻ của đàn gia súc cũng đạt tỷ lệ cao hơn tỷ lệ Trung ương quy định. Tỷ lệ bò đẻ trong đàn cái là 42,8% (Trung ương quy định tỷ lệ bò đẻ trong đàn cái 42%). Tỷ lệ trâu đẻ trong đàn cái là 46,5% (Trung ương quy định 30%). Tỷ lệ ngựa đẻ trong đàn cái là 31,4% (Trung ương quy định là 27%). Tỷ lệ đẻ nuôi được cao: bò 83,3%, trâu 75,3%, ngựa 93,1%).

Đàn gia súc ở vùng cao cũng chiếm tỷ lệ cao hơn vùng thấp.

Trâu vùng thấp chiếm 28,8%, vùng cao chiếm 59%.

Bò 37,6% 62%.

Ngựa 16,4 77,8%.

Lợn 33,9% 55,2%.

Các loại thịt nông dân bán cho Nhà nước ngày một tăng. Năm 1959 bán cho Nhà nước 279 tấn, năm 1963 là 563 tấn.

Trong cả ba vùng cũng đã xuất hiện những hợp tác xã chăn nuôi tập thể lợn, dê, trâu, bò, cá... Nhà nước cũng đã xây dựng được một số cơ sở chăn nuôi để truyền giống ngựa, lợn ở vùng cao.

Nghề rừng:

Giá trị sản xuất lâm nghiệp do quốc doanh khai thác ngày một tăng: 1962 là 121.000 đồng, 1963 là 276.599 đồng.

Mấy năm qua chúng ta đã đẩy mạnh trồng thêm các loại cây ăn quả, cây đặc sản có giá trị kinh tế cao, đồng thời cải tạo, tu bổ thêm rừng. Về mặt cải tạo, năm 1960-1961 mỗi năm 20 ha, 1962 là 50 ha, 1963 là 140 ha. Về tu bổ, 1962 là 6 ha, năm 1964 là 600 ha.

Mặt công nghiệp và thủ công nghiệp:

Sau ngày giải phóng Lào Cai 1950, cơ sở công nghiệp coi như không có gì. Trong khoảng hơn 10 năm đến 1964 đã có 16 cơ sở công nghiệp quốc doanh với số vốn là 2.310.648 đồng (vốn cố định) giá

trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh địa phương 1961 bằng 2.316.081 đồng, năm 1964 bằng 4.122.704 đồng. Tỷ lệ 1964 so với 1961 bằng 178%, tốc độ phát triển bình quân 1961-1964 là 21,2%.

Về hợp tác thủ công đến cuối năm 1964 toàn tỉnh có:

- 24 cơ sở hợp tác thủ công chuyên nghiệp.
- 6 cơ sở thuộc tổ sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp kiêm.

Giá trị tổng sản lượng thủ công nghiệp năm 1961 là 2.218.648 đồng, năm 1964 là 2.831.351 đồng, tỷ lệ năm 1964 so với năm 1961 là 27,6% tốc độ phát triển bình quân 1961-1964 bằng 8,5%.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương (gồm công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp 4 năm là 22.838.198 đồng.

Phục vụ các ngành:

- Phục vụ nông nghiệp 1961 bằng 123.637 đồng, 4 năm 1961-1964 là 560.551 đồng.
- Phục vụ nông nghiệp 1961 là 123.637 đồng, 4 năm 1961-1964 là 550.551 đồng chiếm 24% tổng số.
- Phục vụ công nghiệp 1961 là 1.720.149 đồng, 4 năm 1961-1964 là 9.017.870 đồng chiếm 39,4%.
- Phục vụ xuất khẩu 1961 là 61.321 đồng, 4 năm 1961-1964 là 413.694 đồng chiếm 1,8%.
- Phục vụ giao thông vận tải 1961 là 25.550 đồng, 4 năm 1961-1964 là 200.325 đồng, chiếm 0,8%.

Những thắng lợi trên đây là do Tỉnh ủy Lào Cai dựa vào đường lối và các nghị quyết của Trung ương Đảng, tập trung khả năng giải quyết vấn đề lương thực, bước đầu xác định phương hướng sản xuất cho từng vùng, nhằm khai thác một cách có lợi những khả năng địa phương, tạo điều kiện phát huy ưu thế của miền núi. Công tác chỉ đạo đã chú ý từng vùng, có chỉ đạo riêng để rút kinh nghiệm. Kết hợp chặt chẽ công tác phát triển sản xuất và cải tạo quan hệ sản xuất. Có nhiều biện pháp cụ thể sát với đặc điểm địa phương trong công tác chỉ đạo sản xuất, cải tiến kỹ thuật, giáo dục tư tưởng.

Trong sản xuất nông nghiệp hiện nay còn tồn tại nhiều vấn đề:

- Diện tích ruộng ít hơn nương. Ruộng mùa 6.546 ha, ruộng chiếm 1.781 ha. Nương lúa 3.248 ha. Tỷ trọng hoa màu trong sản lượng lương thực chiếm 38,9% (theo cách tính mới). Vùng cao chiếm từ 61 đến 63% diện tích cây mà diện tích cấy lúa chỉ chiếm 40% (kể cả nương và ruộng bậc thang). Vùng thấp diện tích gieo cấy chiếm chưa tới 30% nhưng diện tích lúa đã chiếm hơn 1/2 đại bộ phận là ruộng nước. Vùng cao tuy căn bản đã tự túc được lương thực nhưng chưa vững chắc. Bình quân đầu người về diện tích gieo trồng 1963 có 2.726 mét vuông ruộng. Diện tích ngô vùng cao chiếm tới 58%. Ngoài ra còn gặp nhiều khó khăn về khí hậu, nguồn nước và giao thông.

- Tập quán phát nương ở vùng giữa (Mán) còn nhiều và nghiêm trọng làm cho rừng ngày càng bị phá hoại (năm 1960 diện tích phát nương là 2.126 ha, 1961 là 2.445 ha, 1962 là 2.867 ha, 1963 là 3.128 ha). Tỷ xuất hàng hóa còn thấp 1962 chỉ khoảng 21,4% trong số sản phẩm trồng trọt là 16%, chăn nuôi 33,6%, nghề phụ 24,4%. Sản xuất phát triển nhưng thu mua sản phẩm có những thứ lại giảm đi như thảo quả và màng tang chính vì còn là kinh tế tự nhiên còn phụ thuộc vào thiên nhiên bên cạnh cũng (...).

- Chăn nuôi là một trong những ưu thế của miền núi nhưng chưa trở thành một nguồn lương thực quan trọng. Chăn nuôi hằng năm tuy có tăng nhưng rất chậm. Tổng số lợn bình quân 3 năm 1958-1960 là 45.552 con mà hết năm 1964 mới có 45.650 con, số lợn bình quân 1 ha gieo cấy 1958-1960 là 2,44 mà 1964 chỉ 1,66. Các cơ sở chăn nuôi tập thể còn rất yếu và ít, các loại giống đều thiếu.

- Việc khai thác, tu bổ, bảo vệ rừng và trồng cây gây rừng chưa đi đôi với nhau, chưa phát động được toàn dân, các hợp tác xã trồng cây gây rừng. Trong khi đó diện tích phát nương ngày một tăng.

- Công nghiệp và thủ công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến còn kém, công nghiệp hiện đại của Trung ương ở Lào Cai chưa phát huy hết khả năng và tác dụng để giúp nông nghiệp địa phương phát triển.

Trên đây là những tồn tại, những khuyết điểm và nhược điểm chính trong công tác sản xuất nông nghiệp ở Lào Cai. Những tồn tại đó về khách quan là do điều kiện tự nhiên và do xã hội cũ để lại không thể một thời gian ngắn khắc phục ngay được, chúng ta biết rằng miền núi có ưu thế về cây công nghiệp và chăn nuôi, ở Lào Cai thì những ưu thế đó lại nằm ở vùng cao, song vùng cao lương thực chưa vững chắc để làm bàn đạp phát huy những ưu thế đó. Nhưng về mặt chủ quan, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc nông nghiệp là cơ sở của công nghiệp. Chỉ thấy trước mắt mà chưa nhìn xa thấy rộng lâu dài, chưa nhận rõ tầm quan trọng từng mặt, từng khâu trong sản xuất, vấn đề ngựa, vấn đề giao thông phục vụ sản xuất, cải thiện đời sống cho các dân tộc, thậm chí cho từng dân tộc như thế nào cũng chưa thấy hết. Những truyền thống tốt, những kinh nghiệm tốt trong sản xuất cũng chưa được phát huy. Nhiều hợp tác xã, nhất là ở vùng cao và vùng giữa còn yếu nén chưa phát huy sức sản xuất. Sự chỉ đạo của các ngành chưa quán triệt tinh thần phục vụ sản xuất nông nghiệp ở từng vùng. Các biện pháp kỹ thuật cho từng vùng, từng loại cây trồng... chưa được chú ý đúng mức. Tổ chức thu mua, vận chuyển, chế biến chưa đáp ứng được yêu cầu. Các mặt trồng trọt, chăn nuôi, cây công nghiệp, nghề rừng có lúc, có nơi coi trọng không cân đối. Qua tình hình sản xuất nông nghiệp trên, ta có thể rút ra mấy kết luận:

- *Vấn đề lương thực có tầm quan trọng đặc biệt quyết định mọi mặt công tác ở địa phương*: Nó không những có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa về quốc phòng. Vì Lào Cai là một tỉnh miền núi xa Trung ương, nếu để quốc Mỹ xâm lược miền Bắc, giao thông sẽ gặp khó khăn, Lào Cai phải hoàn toàn tự túc lương thực để đánh giặc bảo vệ địa phương. Chúng ta phải ra sức phấn đấu để giải quyết vấn đề này, khả năng tỉnh ta có thể giải quyết tốt vấn đề này tiến tới tự túc được lương thực; vấn đề quyết định là chúng ta phải giải quyết tốt các khâu phương hướng, biện pháp của tỉnh đã đề ra.

- Ưu thế của miền núi là chăn nuôi, Lào Cai có nhiều khả năng phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển các mặt công nghiệp và nghề rừng. Hiện nay, việc phát huy còn bị hạn chế. Vì ở Lào Cai những ưu thế đó lại tập trung ở vùng cao, mà vùng cao thì vấn đề lương thực còn bấp bênh, muốn phát huy được những ưu thế đó, thì vùng cao phải tự túc được lương thực một cách vững chắc có dự trữ. Muốn có lương thực vững chắc thì phải có cơ sở để tạo ra nó, mà trong tình hình cụ thể ở tỉnh ta hiện nay, cơ sở tốt nhất là ruộng, càng nhiều ruộng nước càng tốt. Nhưng vùng cao hiện nay rất ít ruộng. Do đó, việc phát huy phương hướng, chiến lược vùng cao là khai phá ruộng bậc thang là nhiệm vụ cấp bách và thường xuyên tăng vụ, chống xói mòn thảm canh tăng năng suất. Để khai phá ruộng bậc thang phải tiến hành công tác thủy lợi, trồng cây gây rừng. Thủy lợi, ruộng bậc thang, trồng cây gây rừng là ba việc kết hợp chặt chẽ với nhau. Ruộng bậc thang càng nhiều thì cơ sở tự túc lương thực càng vững chắc. Vì vậy, chúng ta phải nghiên cứu, có quy hoạch, có chỉ tiêu cụ thể, từng bước phát triển ruộng bậc thang để phục vụ cho nhiệm vụ cơ bản này cần phải nghiên cứu một loạt chính sách liên quan: Thuế nương rẫy, thuế ruộng bậc thang, chính sách dân công, chính sách lương thực... nhằm khuyến khích làm ruộng bậc thang. Phải đào tạo hàng loạt cán bộ vừa biết thủy lợi vừa biết làm ruộng bậc thang. Phương châm chung là: Dựa vào dân là chính (quần chúng có nhiều khả năng và kinh nghiệm), Nhà nước giúp đỡ rất quan trọng (Nhà nước phải đầu tư tiền, cán bộ, phương tiện). Sự giúp đỡ của Nhà nước là cốt để địa phương tự lực cánh sinh.

Việc tiếp thu đồng bào miền xuôi lên, chủ yếu cũng là để phát huy ưu thế của miền núi, ưu thế của tỉnh ta như trên đã nói tập trung nhiều ở vùng cao, do đó sắp tới phải có kế hoạch phân phôi sức lao động ở miền xuôi lên vào vùng này từng bước thích hợp.

Việc thảm canh tăng năng suất cây trồng từng vùng theo địa dư và vùng chuyên canh, phải nghiên cứu, thí nghiệm rút kinh nghiệm, chỉ đạo thực hiện chu đáo.

- Lãnh đạo và chỉ đạo phải chuyển biến nhận thức đổi mới vùng cao cho phù hợp với tình hình mới. Vùng cao ngày nay ngoài ý nghĩa quan trọng về chính trị và quốc phòng, còn nổi bật về khả năng kinh tế, ưu thế kinh tế, mà ưu thế đó đổi mới với Lào Cai chủ yếu là dân tộc Mèo. Tăng cường chỉ đạo sản xuất ở vùng cao có ý nghĩa tạo mọi điều kiện để phát huy ưu thế của miền núi mà Nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất nông nghiệp miền núi đã đề ra. Đồng thời, cũng là làm cho dân tộc Mèo, một dân tộc đông nhất ở tỉnh ta, phát huy khả năng của mình sớm tiến kịp trình độ chung. Vấn đề thay thế cây thuốc phiện bằng cây lương thực địa phương khẳng định là tốt, nhưng Trung ương vẫn thu mua nằm trong kế hoạch đây là vấn đề cần dứt khoát giữa địa phương với Trung ương, giữa sản xuất với thu mua.

2. Về giáo dục, văn hóa và y tế

Mấy năm qua công tác giáo dục văn hóa đã thu được nhiều kết quả tốt.

Công tác giáo dục đem lại nhiều thành tích lớn:

Việc thanh toán nạn mù chữ cho các dân tộc từ 1960 đến 1964 là 15.497 cán bộ và nhân dân (trong đó có 4.000 người Mèo) gấp rưỡi kết quả của tất cả thời gian từ trước đến nay cộng lại (1950-1960) mới chỉ thanh toán được 10.969 người. Cuối năm 1964 đã có 49 xã và hai thị trấn căn bản thanh toán xong nạn mù chữ.

Đã bố túc văn hóa cho cán bộ cốt cán và nhân dân 27.645 người, cán bộ, đảng viên ở xã hầu hết đã biết chữ và có trình độ phổ biến lớp 1, 2.

Các xã có trường phổ thông, 14 dân tộc đã có con em đi học. Số học sinh dân tộc ít người nhiều nhất là Mèo, Mán tăng hơn trước (1959-1960) mới có 25 học sinh Mèo, 116 học sinh Mán nay có 422 học sinh Mèo, 294 học sinh Mán.

Các huyện và một số xã đã có trường cấp II, tỉnh lỵ có trường cấp III, học sinh các dân tộc đã có người vào học cấp II, III.

Đội ngũ giáo viên dân tộc, nhất là giáo viên không thoát ly tăng lên hơn trước.

Các dân tộc ít người như Xa Phó ở xã Phú Nhuận trước kia không ai biết chữ nay có 2 lớp 1 (50 người theo học), 1 người học lớp 4, 1 người học lớp 3, 3 người học lớp 2. Và đã thanh toán xong mù chữ.

Tóm lại, về mặt giáo dục sự chênh lệch giữa các vùng và các dân tộc thu hẹp lại. Có dân tộc đã đuổi kịp hoặc gần đuổi kịp dân tộc khác về từng mặt: Chống nạn mù chữ, bổ túc văn hóa, học sinh phổ thông.

Những thành tích trên trước hết là do Trung ương chú ý tăng cường giáo viên miền xuôi lên. Nhưng chủ yếu là Đảng bộ địa phương tiếp thu chủ trương của Đảng về chữ Mèo nhạy bén và tích cực thực hiện chủ trương ấy. Tỉnh ủy đã có Nghị quyết 18 về chữ Mèo và các chỉ thị về công tác giáo dục nói chung. Ngành giáo dục đã nghiên cứu và áp dụng một số biện pháp thích hợp với từng vùng, thí điểm rồi mới mở rộng diện, việc mở các trường có ký túc xá là một sáng kiến để tạo điều kiện cho học sinh vùng cao tham gia học tập và nâng cao được chất lượng giáo dục cho học sinh.

Tuy thành tích công tác giáo dục lớn nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của quần chúng trong đời sống và sản xuất. Những khó khăn trong việc quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật... chính là do trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân còn quá thấp kém. Hiện nay công tác giáo dục còn tồn tại nhiều:

Nạn mù chữ còn trầm trọng, trình độ văn hóa của các dân tộc còn thấp. Số người và số xã còn mù chữ nhiều hâu hết ở vùng cao (Y Tý, Si Ma Cai, Lùng Phình, Pha Long...) một số địa phương nhiều người đã quay lại mù chữ.

Số trẻ em đến tuổi đi học nhưng chưa đi học còn khá đông (21.150/23.000).

Học sinh dân tộc đến trường còn quá ít nhất là các dân tộc Mèo, Mán và các dân tộc ít người khác ở vùng cao. Tình trạng học

nửa chừng bỏ dở còn nhiều. Vì vậy, số học sinh dân tộc hằng năm tăng rất chậm, có khi lại giảm sút.

Số học sinh dân tộc vùng cao học hết cấp còn ít, thường là mấy dân tộc vùng thấp như Tày, Nhăng, Hoa...

Việc tổ chức thực hiện chủ trương phổ biến và sử dụng chữ Mèo hãy còn lúng túng trong việc mượn từ; chuẩn bị đội ngũ giáo viên để đưa phong trào lên còn yếu. Việc sử dụng chữ trong lĩnh vực còn kém do đó thiếu tác dụng hỗ trợ cho việc học.

Chính sách đối với trường có ký túc xá chưa định được cụ thể (đối với giáo viên, Nhà nước đầu tư, các ngành và các đoàn thể quần chúng đỡ đầu)...

Đó là những tồn tại và là sự chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc. Các dân tộc chưa thật sự bình đẳng về mặt này.

Những tồn tại đó có nguyên nhân khách quan của nó như: Đời sống của các dân tộc ít người vùng cao còn nhiều khó khăn, cư trú phân tán, đi lại khó khăn, nhiều người ít biết hoặc không biết tiếng phổ thông... Nhưng nguyên nhân chủ yếu là mặt chỉ đạo, tổ chức thực hiện của ngành giáo dục. Bản thân ngành giáo dục tự thấy mình chưa quán triệt được tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và chính sách dân tộc. Có chú ý dân tộc nhưng chỉ chú ý chung chung, chưa đi vào cụ thể từng dân tộc. Sự kiểm tra, đôn đốc của cấp ủy chưa chặt chẽ. Nghị quyết 18 của Thường vụ Tỉnh ủy về chữ dân tộc đề ra từ cuối 1962 đến nay vẫn chưa kiểm điểm xem đã tiến hành đến đâu. Về chữ Mèo, các ngành các cấp chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa chính trị của nó nên chưa quyết tâm khắc phục khó khăn để thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy.

Tình hình trên đề ra cho chúng ta mấy việc cần phải chú ý:

- Lãnh đạo và chỉ đạo cần thấy rõ ý nghĩa công tác giáo dục trong việc xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới. Từ đó, có kế hoạch cụ thể tạo điều kiện cho từng dân tộc tiến kịp nhau trên lĩnh vực giáo dục (tiến kịp nhau từng mặt, chống nạn mù chữ, bổ túc văn hóa, học phổ thông các cấp...).

- Tăng cường công tác đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên dân tộc ít người. Vì đó là khâu quyết định để đẩy công tác giáo dục phát triển liên tục từ thấp lên cao.

- Dạy chữ và sử dụng chữ, chống mù chữ và bổ túc văn hóa phải đi đôi với nhau.

- Bộ phận chữ Mèo trong Ty Giáo dục phải được chấn chỉnh lại để có khả năng biên soạn và hướng dẫn các dân tộc, các địa phương.

- Cần phải tổ chức một cuộc họp liên tịch giữa các ngành có liên quan để kiểm điểm Nghị quyết 18 của Tỉnh ủy về việc phổ biến và sử dụng chữ dân tộc và những biện pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện nghị quyết ấy.

Công tác văn hóa, y tế mấy năm qua cũng đem lại kết quả tốt:

- Về văn hóa đáng chú ý việc giáo dục cải tạo mo then đã được chú ý (gần 200 mo then đã được học tập), nạn nghiện hút đã được bài trừ về căn bản. Nhiều phong tục tập quán có hại đã được kết hợp với công tác trung tâm để khắc phục dần dần.

Phong trào văn nghệ quần chúng được phát triển thêm một bước, khả năng văn nghệ quần chúng các dân tộc đã bước đầu phát huy, đã khai thác và phổ biến một số vốn văn nghệ dân tộc đồng thời cũng xây dựng được một số cơ sở văn nghệ quần chúng (120 đội). Cơ sở thông tin văn hóa đã được lập ở 65 xã/462 dien viên, lần đầu tiên có kịch nói người Mèo.

Các lực lượng văn hóa của Nhà nước đã được phát triển củng cố hơn trước và tăng cường hoạt động sâu xuống cơ sở. Văn công, điện ảnh đều đã đi vào phục vụ từng vùng. Ở những xã dân tộc ở vùng cao ít nhất 1 năm cũng được xem chiếu bóng hai lần. Các hình thức triển lãm, phim đèn chiếu, sách, báo, tranh vẽ đã được chú ý sử dụng làm cho hoạt động văn hóa nói chung được phong phú và bổ sung được nhiều chỗ các hình thức khác không đến được.

Về y tế, một số bệnh tật ở các vùng đã được khắc phục, vùng thấp cǎn bản chống được bệnh sốt rét, vùng cao chống được bệnh ỉa

chảy, ho gà, thủy đậu, vùng giữa chổng được bệnh hoa liễu. Hiện nay đã có bốn xã có y sĩ người dân tộc, có 10 y sĩ ở các khu vực rẽo cao. Bốn huyện xa xôi đã có bác sĩ, 10 trạm xã quốc lập, 24 trạm xã dân lập đã được xây dựng. Đã tổ chức được bốn đội y tế lưu động để đi vào những nơi hẻo lánh hoặc những nơi xảy ra bệnh đột xuất.

Sự phát triển của công tác y tế và văn hóa đã có tác dụng tốt trong việc nâng cao đời sống và trình độ của các dân tộc, tạo thêm điều kiện cho các dân tộc tiến bộ và thực sự bình đẳng. Nhưng các dân tộc, nhất là các dân tộc ở vùng cao còn ít được hưởng các hoạt động văn hóa của Nhà nước. Các lực lượng văn hóa của Nhà nước cũng chưa đi sâu được vào khắp các vùng và những nơi hẻo lánh xa xôi. Nhiều tinh hoa cũng như nhược điểm của từng dân tộc ta cũng chưa nắm được để ra sức khai thác, phát huy mặt tốt, tìm cách khắc phục mặt xấu. Đặc biệt về y tế, còn rất ít người dân tộc vùng cao đến khám bệnh và điều trị (thống kê 10 tháng 1964 ở bệnh xá Bát Xát chỉ có 17 bệnh nhân Mèo bằng 1,34% tổng số bệnh nhân. Ở bệnh viện tỉnh thì chỉ có 39 người Mèo bằng 0,87%). Một nhược điểm rất lớn hiện nay là chúng ta chưa có được một đội ngũ cán bộ văn hóa, y tế người dân tộc để thâm nhập vào quần chúng các dân tộc. Số cán bộ đào tạo được ở cơ sở thường vẫn không duy trì được, do đó sắp tới chúng ta cần chú ý:

- Nghiên cứu từng dân tộc để có biện pháp cụ thể, có hình thức thích hợp với trình độ quần chúng và tình hình cư trú phân tán. Về y tế nên chú ý tăng cường các đội lưu động các bệnh xá khu vực. Về văn hóa thì đối với các phong tục tập quán cần nghiên cứu tỉ mỉ để có biện pháp khắc phục dần dần và xem xét vấn đề gì cần phải cấp bách khắc phục ngay. Đối với văn hóa của dân tộc cần nghiên cứu mỗi dân tộc có những tinh hoa gì để chủ trương biện pháp khai thác phát huy và các lực lượng văn nghệ Nhà nước cần phải kiểm tra rút kinh nghiệm xem những hình thức nào thích hợp với dân tộc nào. Các dân tộc vùng cao

trình độ văn hóa còn thấp, cư trú phân tán... vì vậy phải có tổ, đội công tác văn hóa gọn nhẹ, sử dụng nhiều hình thức: Tuyên truyền miệng, triển lãm tranh ảnh, kịch ngắn, xiếc, làm thơ ca hát, múa... để có thể đi sâu vào các vùng xa xôi hẻo lánh. Sách, báo in bằng chữ dân tộc cũng đã đến lúc cần chú ý sử dụng nhiều hơn.

- Cần phải có kế hoạch toàn diện xây dựng nếp sống mới ở vùng nông thôn cho phù hợp với từng vùng, từng dân tộc, bao gồm nhiều mặt: Cải tạo phong tục tập quán, cải tạo mo then, vệ sinh phòng bệnh, sinh hoạt văn hóa, thái độ đối với lao động, thái độ đối với cửa công và cửa tập thể... Tóm lại, phải xây dựng nếp sống mới, giáo dục đạo đức mới cho các dân tộc phù hợp với quan hệ sản xuất mới ngày càng phát triển. Việc xây dựng nếp sống mới ở nông thôn không riêng các ngành văn hóa, y tế mà cả các tổ chức quần chúng phụ nữ, thanh niên... đều có trách nhiệm.

- Phải ra sức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ văn hóa, y tế người dân tộc thì mới đẩy mạnh được các mặt công tác này.

3. Về đời sống

Do sản xuất ngày càng phát triển, sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế ngày càng thu nhiều kết quả nên đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc Lào Cai được nâng lên rõ rệt.

Trước kia các dân tộc, nhất là các dân tộc ít người ở vùng cao và vùng giữa nạn đói rét thường xuyên đe dọa. Từ 1960 trở về trước, hằng năm Nhà nước phải cứu đói, cứu rách nhưng mấy năm nay nạn đói lưu niên cǎn bản đã bị xóa bỏ; các dân tộc đã ăn no, mặc ấm hơn. Nạn chết đói, chết rét đã đi vào dĩ vãng rồi.

Thu nhập thực tế của các dân tộc, các tầng lớp ngày một tăng: Bình quân thu nhập mỗi tháng năm 1960 là 10,81 đồng; năm 1963 là 13,5 đồng. Bình quân thu nhập từng vùng một tháng: vùng thấp năm 1960 là 10,68 đồng, năm 1963 là 15,38 đồng; vùng giữa năm 1960 là 12,50 đồng, năm 1963 là 12,89 đồng; vùng cao năm 1960 là 9,78 đồng, năm 1963 là 12,57 đồng.

Thu nhập của ba dân tộc điển hình ở ba vùng là Tày, Mán, Mèo:

- Tày 1 tháng thu: 1960 là 10,86 đồng, 1963 là 15,35 đồng;
- Mán 1 tháng thu: 1960 là 12,50 đồng, 1963 là 12,99 đồng;
- Mèo 1 tháng thu: 1960 là 9,75 đồng, 1963 là 11,70 đồng.

Tốc độ thu nhập của bần nông ba dân tộc ngày càng tăng rất nhanh.

- Bần nông Thổ 1963 thu mỗi khẩu 1 tháng là 14,78 đồng, gần đuổi kịp trung nông khá 1960 (trung nông khá 1960 là 11,91 đồng).
- Bần nông Mèo 1963 thu mỗi nhân khẩu 1 tháng là 9,12 đồng, gần đuổi kịp trung nông thường Mèo 1960 (trung nông thường Mèo 1960 là 9,66 đồng).

- Dân tộc ít người như Xa Phó ở Gia Phú cũng thay đổi căn bản, bình quân lương thực hằng năm thu được 348 kg (261 kg thóc) chỉ kém dân tộc đông người vùng thấp khoảng 73 kg (vùng thấp thu được 421 kg). Hiện nay, nhà nào cũng có chǎn đắp, có bát đĩa, ấm chén và những đồ dùng cần thiết.

Nhân dân mua bán tư liệu sinh hoạt ngày một tăng: muối bán ra năm 1960 là 449 tấn 721; 1963 là 646,470 tấn. Dầu hỏa bán ra năm 1960 là 108.458 kg, năm 1963 là 169.620 kg.

Cần phải chú ý một điểm là dân tộc Lào Cai dân số tự nhiên tăng hằng năm 3,5%, có dân tộc tăng nhanh hơn mức chung này chứng tỏ đời sống các dân tộc được cải thiện rõ rệt.

Tóm lại, trên những mặt thiết yếu nhất của đời sống như ăn, mặc, đồ dùng gia đình đã được cải thiện hơn trước, làm cho mức chênh lệch giữa các vùng và các dân tộc, các tầng lớp thu hẹp lại. Nhưng các dân tộc ít người vùng cao và vùng giữa mức sống còn thấp so với các dân tộc đông người vùng thấp.

Trong việc cải thiện đời sống, ta có nhiều cố gắng xong còn nhiều khuyết điểm, nhiều ngành có trách nhiệm trực tiếp phải chăm lo đời sống các dân tộc nhưng lại chưa quan tâm đến nhu cầu cấp thiết của từng dân tộc. Những vấn đề như tiêu chuẩn vải, tiêu chuẩn lương thực ở miền núi nói chung, ở từng vùng, từng dân tộc như thế nào cũng chưa được các ngành có liên quan nghiên cứu kỹ để xuất chính sách.

Vấn đề cần thiết là mỗi ngành tự mình nghiên cứu biện pháp cụ thể góp phần nâng cao đời sống tùng dân tộc với chức năng và trách nhiệm của mình.

C. TĂNG CƯỜNG LỰC LUỢNG QUỐC PHÒNG, BẢO VỆ TRẬT TỰ TRỊ AN

Mấy năm qua nổi bật ở Lào Cai là đối phó với âm mưu của đế quốc và bọn phản cách mạng địa phương bao gồm tê ngụy, phỉ cũ, giai cấp bóc lột chưa chịu cải tạo.

Bọn đế quốc tăng cường hoạt động gián điệp, ra sức xây dựng cơ sở để gây bạo loạn, đồng thời thả biệt kích xuống những vùng xung yếu (Phú Nhuận năm 1963).

Bọn phản động địa phương bao gồm hai loại. Loại đầu sỏ tê ngụy phỉ thì ra sức phản tuyên truyền, âm mưu ngoặc với bọn gián điệp, biệt kích của đế quốc để gây bạo loạn. Loại địa chủ phản động cũng ngóc đầu dậy ở một số nơi để phá hoại sản xuất, chống phá chính sách.

Để đối phó với tình hình trên, Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chỉ thị, nghị quyết: Nghị quyết 11 "Đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an...", Chỉ thị 54 nhấn mạnh việc nắm tình hình địch là khâu quan trọng ở vị trí hàng đầu của cuộc đấu tranh giai cấp.

Kết quả lớn là đã tiến hành phát động tri an ở thôn, xã có kết quả tốt. Số xã khá từ 53 xã 1962 đến 71 xã năm 1964, số xã kém 1962 là 27 đến 1964 chỉ còn ba xã. Hơn 10 vụ âm mưu bạo loạn đã bị dập tắt ngay từ trong trứng nước. Bọn biệt kích nhảy dù xuống Phú Nhuận ta bắt gọn, diệt và gọi hàng thêm một số phỉ lẩn trốn trong rừng.

Việc cải tạo bọn tê ngụy, phỉ cũ thu được kết quả tốt, các đối tượng cải tạo đã có sự chuyển biến rõ rệt.

Việc tập trung cải tạo những phần tử nằm trong diện cải tạo cũng được tiến hành tốt.

Những thắng lợi trên đây đã làm cho âm mưu phá hoại của kẻ địch thời gian qua bị thất bại, trật tự an ninh căn bản được đảm bảo, nhân dân các dân tộc yên vui làm ăn, công việc xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa thuận lợi.

Nhưng công tác trị an còn tồn tại nhiều vấn đề đáng chú ý:

- Âm mưu phá hoại của địch, nhất là âm mưu gây bạo loạn còn lâu dài. May mắn qua chúng ta đẩy mạnh công tác trị an, đã đảm bảo không cho bọn phản cách mạng gây bạo loạn và đến nay đại bộ phận các xã dù kẻ địch tích cực chống phá cũng không thể gây được bạo loạn. Nhưng trước âm mưu liều lĩnh, tàn bạo của bọn đế quốc tay sai, trước sự hoạt động chống đối của bọn phản động địa phương, hiện nay ở một số xã vùng cao nơi giáp ranh giáp cư nếu chúng ta không quyết tâm củng cố thật mạnh, nếu chúng ta sơ hở, kẻ địch còn điều kiện ẩn nấp và liên hệ tập hợp được lực lượng thì chúng còn có khả năng gây được bạo loạn khi có tình hình mới, khó khăn phức tạp xảy ra.

- Nếu đi vào từng mặt cụ thể, chúng ta thấy rằng vẫn còn phải lẩn trốn trong rừng. Tỷ lệ đối tượng chống đối còn cao, nhất là trong Mèo, Mán. Năm tình hình địch tương đối tốt nhưng đến nay ta chưa thể kết luận là 100% đã nắm chắc, nhất là bọn ẩn nấp bí mật. Phong trào trị an nhân dân có bề rộng, hữu khuynh, nể nang, dụt dè, mất cảnh giác, sợ oán thù... vẫn còn do trình độ giác ngộ giai cấp của quần chúng còn yếu, bọn phản cách mạng theo địch đi Nam cũng khá đông, Thiên Chúa giáo trong đồng bào Mèo vẫn còn phát triển.

Trong công tác trị an, Tỉnh ủy có quyết tâm, biết căn cứ vào đặc điểm dân tộc để ra chủ trương, biện pháp thích hợp khéo vận dụng các chính sách của trên, tin tưởng, dựa và phát huy khả năng cách mạng của quần chúng, vẫn luôn luôn nắm vững phương châm "Kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn" trong quá trình nghiên cứu thí điểm.

Trong chỉ đạo thực hiện còn có thiếu sót: Thiếu quyết tâm tiêu diệt bọn phản loạn trong rừng. Các địa bàn xung yếu, trọng điểm có lúc bị lơi lỏng, chưa quyết tâm tập trung sức để củng cố những nơi ấy. Tư tưởng cán bộ có lúc còn biểu hiện hữu khuynh.

Qua tình hình trên đây, chúng ta có thể rút ra mấy vấn đề lưu ý trong công tác như sau:

Do tỉnh ta là một tỉnh biên giới có nhiều dân tộc, cơ sở xã hội mà địch có thể lợi dụng được còn nhiều nên công tác trị an phải được chú ý thường xuyên. Nhiệm vụ hàng đầu là phải luôn luôn giáo dục tinh thần cảnh giác; tích cực chống âm mưu phá hoại của bọn đế quốc và tay sai.

Vùng cao, đặc biệt là dân tộc Mèo, ta còn gặp nhiều khó khăn mà địch thì tập trung phá hoại ở đó, vì vậy muốn làm tốt công tác trị an, trước hết phải tăng cường mọi mặt công tác vùng cao, đặc biệt là dân tộc Mèo.

Công tác trị an cũng như mọi công tác khác phải quán triệt phương châm kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn.

Cùng với công tác trị an chống địch, chúng ta đã xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, kết quả nổi bật là:

- Việc xây dựng lực lượng dân quân từ 1960 đến nay đạt kết quả tốt. Hầu hết các dân tộc đều có người tham gia vào dân quân, số lượng dân quân ngày một tăng, ví dụ:

Mèo		Mán		Tày		Xa Phó	
1960	1964	1960	1964	1960	1964	1960	1964
(1) 870	1.153	485	737	166	223	23	24
(2) 1.103	1.175	487	644	186	200	25	32

(1): Dân quân 1; (2): Dân quân 2.

Hàng năm công tác huấn luyện dân quân đều bảo đảm đúng thời hạn, chất lượng tốt. Các lực lượng dân quân có nhiều thành tích trong công tác trị an, đặc biệt trong việc giải quyết những việc

đột xuất như vụ Pha Long, vụ Phú Nhuận... đến nay có thể đánh giá là lực lượng dân quân của các dân tộc có thể đảm đương được công tác trị an ở địa phương. Lực lượng dân quân vẫn là lực lượng mạnh nhất của Đảng ở nông thôn.

- Thanh niên các dân tộc tham gia nghĩa vụ quân sự so với trước cũng tiến bộ hơn trước. Từ 1960 đến nay thanh niên các dân tộc tham gia bộ đội thường trực là 703 người. Số phục viên về xã là 1.430 người trong đó có 145 sĩ quan, 345 hạ sĩ quan, 949 chiến sĩ. Đó là một lực lượng rất quan trọng để củng cố dân quân.

- Các xã đã có Ban công an, công an viên bao gồm 15 dân tộc tham gia. Nói chung công an xã phát huy tác dụng chống địch, bảo vệ trị an có kết quả. Trình độ công an xã có nơi tự động được công tác.

Lực lượng công an thoát ly đã trưởng thành hơn trước. Số cán bộ và chiến sĩ người dân tộc địa phương tăng hơn trước (1960 chỉ có 44, 1964 có 50 gồm 16 Mèo, 11 Tày, 5 Nhắng, 5 Hoa, 5 Xạ Phang, 3 Mán, 3 Nùng, 1 Phù Lá, 1 Mường) và được bồi dưỡng về chính trị, văn hóa và nghiệp vụ. Các cán bộ địa phương đã phát huy được nhiều tác dụng tốt trong công tác.

Nhìn chung việc xây dựng các lực lượng ở trên, mấy năm qua có nhiều kết quả, chứng tỏ các dân tộc đều có khả năng tham gia mọi công tác và chúng ta bước đầu phát huy được những khả năng ấy.

Những công tác xây dựng lực lượng còn tồn tại:

- Công tác giáo dục nâng cao trình độ giác ngộ, tinh thần làm chủ, tinh thần trách nhiệm của các dân tộc trong việc bảo vệ địa phương, làm chủ địa phương mình còn chưa sâu rộng. Đến nay còn nhiều dân tộc chưa có thanh niên tham gia bộ đội. Dân tộc Mán họ còn quan niệm sai lầm: Chỉ biết làm ăn, không thù hận ai, không cầm súng giết người... còn có tình trạng khi thanh niên tòng quân gia đình lại ngăn cản, vợ trả con cho chồng. Năm 1964 có 16% thanh niên trúng tuyển mà không chịu đi bộ đội.

- Một số chế độ chính sách còn có điểm chưa thích hợp nên ảnh hưởng đến việc xây dựng lực lượng. Thực hiện chế độ tiền ăn

đường khi lên huyện báo cáo, tiền thưởng, trang bị vũ khí... trong ngành công an chưa giải quyết được thỏa đáng. Việc nói rộng chế độ của ngành công an để có thể đào tạo được cán bộ dân tộc cũng chưa được cụ thể.

Để phát huy khả năng các dân tộc hơn nữa và khắc phục những tồn tại, chúng ta phải tin vào khả năng của các dân tộc, giáo dục tinh thần cảnh giác tập trung sức xây dựng cơ sở của ta cho thật vững chắc ở những nơi xung yếu, cải tiến tổ chức của ta cho phù hợp với tình hình địa phương.

D. CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ CỦNG CỐ CÁC CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ

1. Công tác xây dựng Đảng

Công tác xây dựng và củng cố các cơ sở chính trị ở nông thôn miền núi, việc quan trọng bậc nhất là xây dựng Đảng. Công tác này mấy năm qua đã thu được kết quả lớn lao:

- Đã phát triển thêm nhiều đảng viên, năm 1960 toàn tỉnh có 132 chi bộ gồm 1.961 đảng viên trong đó có 624 đảng viên người dân tộc thiểu số. Đến tháng 6-1964 đã có 283 chi bộ gồm 3.905 đảng viên, trong đó có 1.177 đảng viên các dân tộc thiểu số. Số đảng viên các vùng tăng:

Vùng thấp	1960 có 259
	1964 có 622, tăng 155%,
vùng giữa	1960 có 55
	1964 có 181, tăng 230%,
Vùng cao	1960 có 280
	1964 có 652, tăng 232%,

Tỷ lệ đảng viên từng dân tộc so với dân số dân tộc ấy cũng tăng, ví dụ:

- Tày, 1960 là 2,6%; tháng 6-1964 là 3,5%,
- Mèo, 1960 là 0,4%; tháng 6-1964 là 0,78%,

- Mán, 1960 là 0,6%; tháng 6-1964 là 1%,
- Xa Phó, 1960 là 0%; tháng 6-1964 là 3%.

Kết quả công tác phát triển đảng trên đây đã làm cho cơ sở đảng rộng khắp trong các thôn xã. Năm 1960, toàn tỉnh có 9 xã tráng và nhiều thôn tráng chưa có đảng viên, đến nay đã xóa hết xã tráng và xóa 482 thôn tráng. Năm 1960 toàn tỉnh có 46 chi bộ nông thôn, trong đó có 26 chi bộ ghép, có chi bộ ghép 16 xã trong một khu vực gồm tới 2 vạn dân (Si Ma Cai). Và rất nhiều chi bộ ghép ba, bốn xã. Nay toàn tỉnh có 128 chi bộ nông thôn, mà chỉ có 4 chi bộ ghép. Tỷ lệ đảng viên so với dân số toàn tỉnh 1960 là 1,9%, 1964 là 3%.

- Chất lượng đảng viên ngày một nâng cao. Tỷ lệ đảng viên kém ngày càng giảm. Tỷ lệ đảng viên khá ngày càng tăng. Năm 1963 đảng viên khá chiếm 39,5%, năm 1964 chiếm 47%, đảng viên trung bình 1963 chiếm 48,7%, năm 1964 chiếm 42%; số đảng viên kém 1963 chiếm 11,6%, 1964 chiếm 11%. Số chi bộ bốn tốt ngày một nhiều, năm 1963 có 2 chi bộ bốn tốt là Thào Chư Phìn và Thống Nhất (vùng cao), đến 1964 có 62 chi bộ bốn tốt. Ngoài ra còn nhiều chi bộ đã tự động được từng mặt công tác.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng còn những mặt yếu và tồn tại:

- Tuy cơ sở đảng có ở tất cả các xã nhưng lực lượng đảng viên rất mỏng. Số xã có số lượng đảng viên từ 10 người trở xuống còn tới 69 xã chiếm trên 50% tổng số xã toàn tỉnh. Còn 90 hợp tác xã, đại bộ phận ở vùng cao chưa có đảng viên, còn 298 thôn tráng, đại bộ phận ở vùng cao. Tốc độ phát triển còn chậm. Tỷ lệ đảng viên vùng cao mới chiếm 1% so với dân số vùng cao, trong khi đó vùng giữa chiếm 1,9% so với dân số dân tộc đó: Mèo 0,78%, trong khi người Mèo chiếm gần 30% dân số toàn tỉnh.

- Trình độ văn hóa của đảng viên còn thấp. Hiện còn 279 đảng viên mù chữ (185) phần lớn cũng ở vùng cao.

- Trình độ chính trị và tư tưởng còn nhiều mặt yếu, còn nhiều đảng viên mê tín nặng. Nhiều đảng viên còn nặng tự tư, tự lợi, xu hướng làm ăn riêng lẻ, ý thức chấp hành chính sách không đầy đủ, đảng viên mơ hồ đối với giai cấp bóc lột cũng còn diễn ra trong các dân tộc.

- Chi bộ ở vùng cao nhiều nơi sinh hoạt không đều, chưa tự động làm tốt công tác phát triển đảng (1963 có 59 xã không phát triển được đảng viên nào, trong đó có 41 xã vùng cao, dân tộc Mèo).

Nhìn chung công tác xây dựng Đảng ở Lào Cai có nhiều kết quả tốt. Điều nổi bật là cơ sở đảng đã bắt đẽ vào các vùng mà hầu hết các dân tộc. Trình độ giác ngộ và công tác của đảng viên nâng cao hơn trước. Nhưng những kết quả ấy vẫn chưa đáp ứng yêu cầu công tác ngày càng phát triển. Việc xây dựng đảng về mặt chất lượng còn yếu. Vì cơ sở đảng ở Lào Cai mới xây dựng, thường lại được phát triển nhiều trong các đợt vận động, thời gian bồi dưỡng giáo dục đối tượng khi chuẩn bị kết nạp còn ít nên nhận thức của đảng viên trong nhiều mặt chưa sâu. Sau khi kết nạp, công tác giáo dục thường xuyên còn yếu, trong khi đó các chính sách của Đảng nhiều và phức tạp. Đặc biệt, cơ sở đảng ở vùng cao còn chênh lệch nhiều so với vùng thấp, đòi hỏi phải được quan tâm nhiều hơn nhưng chúng ta chưa tìm được cách thích hợp để khắc phục khó khăn giúp đỡ các dân tộc này.

Qua công tác xây dựng Đảng ở Lào Cai, chúng ta rút ra mấy điểm đáng chú ý là:

- Do âm mưu thổi phỉ hóa nhân dân của địch trước đây, nên nhân dân có nơi hầu hết cầm súng theo phỉ. Vì vậy, việc vận dụng các tiêu chuẩn kết nạp đảng viên của Trung ương phải hết sức thận trọng. Năm tiêu chuẩn kết nạp đảng viên của Trung ương hoàn toàn thích hợp với Lào Cai, không bỏ tiêu chuẩn nào cả, nhưng khi vận dụng vào tình hình cụ thể: Xem xét lý lịch lịch sử chính trị, đánh giá trình độ giác ngộ của từng đối tượng để kết nạp thì phải đứng trên lập trường giai cấp và quan điểm quần chúng,

phải phân biệt quần chúng cơ bản với giai cấp bóc lột, phân biệt người bị bắt buộc với người tự giác theo phỉ... công tác phát triển đảng viên ở các xã cần có sự giúp đỡ thật sát của cán bộ trên nếu không thì cán bộ cơ sở đảng sẽ không thể ăn sâu vào các dân tộc được.

Công tác giáo dục tư tưởng cho đảng viên các dân tộc phải làm thường xuyên. Thông qua việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều đảng viên trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ rất hăng hái tích cực, nhưng trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong khi chấp hành các chính sách đã không được tích cực như trước. Vì những chính sách đó ít nhiều động chạm đến quyền lợi cá nhân và gia đình của mình (chính sách ba thu). Đừng quá nhấn mạnh đặc điểm: miền núi tư hữu không nặng, mà lơ là công tác giáo dục tư tưởng, giáo dục nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, nhiều đồng chí trước kia là thành phần cơ bản, rất nghèo khổ, nay cơ sở vật chất ngày một khá, đời sống ngày một nâng cao, lẽ ra các đồng chí đó phải hăng hái tích cực hơn trước nhưng trái lại xu hướng thỏa mãn không muốn vươn lên. Nếu không tăng cường giáo dục xã hội chủ nghĩa, ý thức tập thể, ý thức tổ chức và kỷ luật cho đảng viên thì xu hướng làm ăn riêng lẻ, tư tưởng tư hữu... sẽ phát triển gây trở ngại cho việc chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước. Vừa qua một số địa phương thực hiện chính sách ba thu rất khó khăn chính vì đảng viên ở đây chưa đặt lợi ích của Nhà nước, lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân và gia đình mình. Tóm lại, dù thành phần xuất thân của đảng viên tốt, dù chi bộ có nhiều thành tích trong cách mạng dân tộc dân chủ nhưng trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nếu không giáo dục thì các đảng viên ở nông thôn không thể tiếp tục vươn lên được. Việc nắm vững tư tưởng của đảng viên ở từng vùng, từng dân tộc trong từng thời kỳ để có biện pháp giáo dục thích hợp và kịp thời là rất quan trọng.

2. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ

Cán bộ dân tộc:

Mấy năm qua đội ngũ cán bộ dân tộc tăng hơn trước:

- Năm 1960 tổng số cán bộ trong biên chế Nhà nước là 2.417 người thì chỉ có 328 cán bộ và nhân viên dân tộc thiểu số (người ở Lào Cai chỉ có 273 người). So với biên chế chung thì cán bộ dân tộc chỉ chiếm 13,5%. Đến tháng 6-1964, đội ngũ cán bộ, nhân viên người dân tộc đã có 534 người trong tổng số 5.279 người của biên chế chung. So với 1960 tăng 62%. Cán bộ, nhân viên người thiểu số ở Lào Cai nay đã có 483 người. Hiện nay, có 12 dân tộc có người tham gia công tác trong biên chế chung của Nhà nước. Nhiều dân tộc năm 1960 không có cán bộ, nhân viên thoát ly nay đã có.

- Đội ngũ cán bộ ngày càng tăng. Tất cả các xã đều đã có cán bộ chủ chốt làm các nhiệm vụ lãnh đạo trong các tổ chức. Ngoài cán bộ dân sự, cán bộ chuyên môn các ngành cũng đào tạo được một số (2.007 cán bộ dân tộc).

- Năng lực công tác và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ dân tộc ngày một nâng cao. Hiện nay, số cán bộ dân tộc tham gia vào cơ quan lãnh đạo ở tỉnh, huyện và làm công tác nghiên cứu ở tỉnh, huyện chiếm tỷ lệ khá (85 đồng chí tham gia lãnh đạo, 116 đồng chí có trình độ cán sự 1 và 2; 325 nhân viên). Đã có một số cán bộ trong ngành khoa học - kỹ thuật trung sơ cấp (trung cấp cán bộ dân tộc chiếm 2,5% và chiếm 10% trong cán bộ sơ cấp).

- Trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc, ta có nhiều biện pháp tích cực: củng cố và phát triển hệ thống các trường, tích cực sáp xếp cho cán bộ đi học, mở lớp ở khu vực, xuống tận cơ sở vận động chiêu sinh, tổ chức học tập tại chức.

Hiện nay, vấn đề đào tạo cán bộ dân tộc còn nhiều khó khăn, tồn tại:

- Đội ngũ cán bộ thoát ly còn ít, mới chỉ chiếm 10,5% trong tổng số cán bộ, nhân viên và so với dân số dân tộc thiểu số mới chỉ chiếm 0,5% mà dân số dân tộc thiểu số là 74%. Cán bộ, nhân viên

của mỗi dân tộc so với tổng số cán bộ nói chung và dân số riêng của dân tộc ấy lại càng ít (Mán chiếm 6,1% trong biên chế chung, tỷ lệ so với dân số dân tộc Mán là 0,17%. Mèo chiếm 11,6% trong biên chế chung, tỷ lệ so với dân tộc Mèo là 0,15%...). Hiện còn 11 dân tộc chưa có cán bộ thoát ly trong đó có những dân tộc dân số tương đối đông như Xa Phó, Pa Dí...

- Trong nhiều ngành công tác quan trọng vẫn chưa có hoặc có rất ít cán bộ dân tộc. Ngành lâm nghiệp có 716 cán bộ, nhân viên chỉ có 13 người dân tộc. Ngành thương nghiệp có 671 chỉ có 52 người dân tộc, trong đó có 2 người Mèo. Ngành lương thực có trên 300 người mỗi, có 5-6 người là người Lào Cai và cũng chỉ có 2 người Mèo. Ngay ở ty có hơn 50 người mà cũng chỉ có 1 người dân tộc địa phương. Hiện còn nhiều ngành chưa có cán bộ dân tộc (lao động, xuất khẩu, khí tượng và công đoàn...).

- Trình độ văn hóa, trình độ chính trị của cán bộ dân tộc phần lớn còn thấp. 71% còn ở trình độ cấp một, đại bộ phận là lớp 1, 2, 3.

- Tư tưởng của nhiều cán bộ dân tộc chưa thật yên tâm công tác. Số cán bộ dân tộc đã ít nhưng tỷ lệ bỏ về lại nhiều. May mắn qua số bỏ về là 47 người nhiều nhất là Mèo. Trong các trường đào tạo cán bộ dân tộc hằng năm cũng sút dần.

- Đội ngũ cán bộ xã còn yếu và thiếu nhiều so với yêu cầu. Do đó, nhiều nơi cán bộ chủ chốt kiêm nhiệm nhiều chức vụ. Ở một số nơi xung yếu ta chưa có một số cốt cán tin cậy làm chỗ dựa vững chắc để thi hành các chủ trương, chính sách. Vì vậy, tuy có nơi đã phát hiện những cán bộ chủ chốt không đủ tiêu chuẩn cần thay mà không tìm được người (thí dụ: Sín Chéng, Cán Cấu, Thải Giàng Phố...).

Nguyên nhân của những tồn tại trên là:

- Nhận thức của các ngành, các cấp về vị trí, vai trò, tác dụng, năng lực của cán bộ chưa đầy đủ, sâu sắc. Có ngành nhiều cán bộ dân tộc kém quá không dám cho vào biên chế, tuy biên chế vẫn còn. Có người thấy đang cất nhắc để bạt cán bộ dân tộc thì cho là "ưu tiên, chiêu cỗ".

- Việc tổ chức thực hiện chưa tốt, chưa có biện pháp thích hợp với từng vùng, từng dân tộc.

- Chính sách cán bộ của Đảng còn có những điểm thiếu sót, chưa thật sát hợp. Việc vận dụng những chính sách đã có vẫn còn lúng túng.

Tóm lại, vẫn chưa quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc.

Qua công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc, chúng ta rút ra mấy vấn đề đáng chú ý:

- Vấn đề cán bộ dân tộc có tầm quan trọng trong việc thực hiện chính sách dân tộc và các chính sách khác của Đảng ở vùng dân tộc. Trước nay, Đảng rất coi trọng cán bộ dân tộc và giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành đào tạo. Nhưng việc thực hiện chưa tốt, nhất là việc đào tạo cán bộ ít người ở vùng cao. Hiện nay, vấn đề này phải được đặt ra với tinh thần nỗ lực gấp bội để đáp ứng với yêu cầu của cách mạng. *Phải làm cho toàn Đảng, toàn dân thật sự tham gia vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc cũng như các công tác trung tâm khác của Đảng và Nhà nước.* Cân xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, làm cho mỗi cơ quan nhận rõ ràng: công tác tốt nhưng chưa đào tạo được cán bộ dân tộc thì cũng chưa tốt, vì không có cán bộ dân tộc công tác của ngành mình, cơ quan mình không thể hoàn hảo được.

- Về tổ chức thực hiện, kinh nghiệm cho thấy biện pháp tốt nhất có hiệu quả nhất cần đem áp dụng một cách tích cực là biện pháp kèm cặp bồi dưỡng đào tạo trong công tác thực tế. Để vận dụng thực hiện tốt biện pháp này cần giải quyết tốt vấn đề biên chế, đề nghị Đảng và Nhà nước có chính sách thích đáng về mặt này.

Cán bộ nơi khác đến:

Do nhu cầu công tác ở vùng dân tộc ngày càng phát triển, do việc đào tạo cán bộ dân tộc còn yếu, nên mấy năm qua ở Lào Cai số cán bộ nơi khác tăng lên nhiều. Năm 1960 có 2.079 cán bộ, nhân viên,

năm 1964 có 4.744, so với năm 1960 tăng 128%. Hiện nay, cán bộ nơi khác chiếm 89% tổng số biên chế chung. Cán bộ nơi khác đến tuyệt đại đa số là an tâm công tác, có quan hệ tốt với địa phương.

Nhờ có đội ngũ cán bộ đó, Lào Cai mới có người đảm đương nhiệm vụ trong các ngành, các cấp (...) phụ trách xã. Nhiều cán bộ nơi khác đến được chú ý đề bạt, bồi dưỡng. Từ 1960 đến nay đề bạt 198 cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo các ngành của tỉnh, huyện, 132 cán bộ được đi học chính trị sơ cấp, 476 cán bộ học tập trong các trường văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ.

Hiện nay có mấy vấn đề đáng chú ý là:

- Đại đa số (83%) anh chị em mới lên từ sau hòa bình lập lại, trong đó có khoảng 60% mới lên từ 1960, do đó họ thiếu kinh nghiệm hoạt động ở vùng dân tộc, chưa thông thạo phong tục tập quán, số cán bộ biết tiếng địa phương còn ít (6%). Vì vậy, trong công tác họ còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng.

- Số cán bộ hoạt động lâu năm ở địa phương, có nhiều kinh nghiệm công tác, nhưng sức khỏe giảm sút, một số mắc bệnh kinh niên nặng nên ảnh hưởng đến công tác.

- Việc bồi dưỡng giáo dục cán bộ nơi khác đến còn thiếu sót: Chưa làm đầy đủ việc giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng chính sách và kinh nghiệm cho anh chị em, nhất là số mới lên. Một số chính sách đãi ngộ hiện nay chưa thỏa đáng, còn hạn chế tác dụng khuyến khích tinh thần phục vụ, chưa tạo được đầy đủ điều kiện cho anh chị em phát huy khả năng. Bên cạnh đó, việc thực hiện chính sách đã có cũng chưa được chu đáo.

Vấn đề cán bộ nơi khác đến, cần đặt lại một số điểm về mặt nhận thức để chỉ đạo việc thực hiện các chính sách cụ thể:

- Xuất phát từ vị trí quan trọng của miền núi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ yêu cầu tăng cường công tác dân tộc mà đặt vấn đề giải quyết đúng đắn đối với cán bộ nơi khác đến. Vì phải đưa miền núi nhanh chóng tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số trong khi cán bộ dân tộc còn ít và

yếu thì không thể không tăng cường cán bộ nơi khác đến. Vì yêu cầu phải có nhiều cán bộ dân tộc và phải làm cho cán bộ dân tộc trưởng thành nhanh chóng nên cần nhiều cán bộ nơi khác đến để giúp đỡ. Do đó, cán bộ nơi khác đến có thể giữ những cương vị không hoàn toàn hợp với năng lực của mình, có khi năng lực khá vẫn phải giữ cương vị không tương xứng. Vì miền núi có nhiều khó khăn mà lại là nơi Đảng đang yêu cầu tăng cường công tác, do đó chính sách đối với cán bộ nơi khác đến cần thiết phải có *sự khuyến khích thích đáng để tạo điều kiện (chứ không phải là chiếu cố) cho họ hoạt động tốt hơn*. *Mặt khác, cán bộ nơi khác đến cũng phải nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của mình*, đề cao tinh thần đấu tranh cách mạng, ra sức khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.

- Từ trên nhận thức ấy mà kiểm tra lại chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ hoạt động ở miền núi, điểm nào đúng thì tích cực thực hiện, điểm nào chưa thỏa đáng thì đề nghị bổ sung thêm, chú ý cả các mặt nâng cao trình độ khả năng nghiệp vụ, cung cấp các phương tiện công tác, giúp đỡ giải quyết gia đình đối với những người cần thiết.

3. Củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng

Mấy năm nay cán bộ chính quyền được củng cố trên nhiều mặt: Vừa tăng cường thành phần cơ bản, đảng viên, vừa tăng cường thành phần dân tộc, vừa bảo đảm chất lượng, vừa bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc về mặt tham chính. Tổng số hội viên Hội đồng nhân dân các cấp có 2.702 (cấp xã), 183 (cấp huyện), 59 (cấp tỉnh). Trong đó số đảng viên chiếm 30,8%. Các dân tộc đều có người tham gia Hội đồng nhân dân các cấp: Mèo 976 (cấp xã), 54 (cấp huyện), 16 (cấp tỉnh); Mán 501 (cấp xã), 34 (cấp huyện), 9 (cấp tỉnh); Tày 149 (cấp xã), 17 (cấp huyện), 4 (cấp tỉnh); U Ní 22 (cấp xã), 1 (cấp huyện), 1 (cấp tỉnh)... Tổng số ủy viên Ủy ban hành

chính các cấp là 865 cấp xã, 51 cấp huyện, 11 cấp tỉnh. Trong đó 13 dân tộc có đại biểu vào Ủy ban hành chính cấp xã, chín dân tộc có đại biểu vào Ủy ban hành chính cấp huyện, bảy dân tộc có đại biểu vào Ủy ban hành chính cấp tỉnh. Toàn tỉnh có 4 đại biểu Quốc hội (Mèo, Nhắng, Kinh, Tày). Hiện nay, trong vấn đề tham chính của các dân tộc còn có những nhược điểm như: nhiều đại biểu vấn đề thực chức thực quyền còn bị hạn chế bởi trình độ khả năng còn thấp hơn yêu cầu nhiệm vụ, chưa phát huy được khả năng và vai trò của mình trong các cơ quan chính quyền các cấp. Chưa sử dụng đúng đắn và hợp lý năng lực của cán bộ dân tộc, phát huy tác dụng của họ trong dân tộc họ... để giải quyết những điểm này, chúng ta cần coi trọng bồi dưỡng văn hóa, chính trị cho các ủy viên dân tộc ít người, mặt khác cần phân công hợp khả năng cán bộ dân tộc, đa số phải tận tình giúp đỡ cán bộ dân tộc thiểu số làm tròn nhiệm vụ. Các cơ quan của Đảng và Nhà nước thì phải có kế hoạch cụ thể thiết thực hơn nữa để làm cho các đại biểu dân tộc thật sự đem được hết khả năng đóng góp vào công tác. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ... cũng được phát triển và củng cố hơn trước. Năm 1960 Đoàn Thanh niên lao động ở nông thôn có 7 chi đoàn với hơn 70 đoàn viên, nay có tới 227 chi đoàn và 34 ban chấp hành xã đoàn. Thanh niên lao động bước đầu đã phát huy tác dụng đầu tàu trong nhiều mặt: sản xuất, làm thủy lợi, khai phá ruộng bậc thang, áp dụng kỹ thuật, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng... tổ chức phụ nữ 1960 có 29.720 hội viên, 111 ban chấp hành xã, nay tất cả các xã đều có ban chấp hành và 34.612 hội viên. Phong trào phụ nữ có nhiều tiến bộ trong việc đẩy lùi mê tín và xây dựng gia đình năm tốt. Hiện nay, vấn đề giải phóng phụ nữ, nội dung cụ thể trong việc giải phóng phụ nữ từng dân tộc phải được nghiên cứu và có biện pháp tiến hành từng bước.

Trong công tác mặt trận, ngoài việc tiến hành các biện pháp để đoàn kết nhân dân lao động các dân tộc còn có vấn đề tranh thủ cải tạo lớp trên. Nhân vật lớp trên ở Lào Cai chia làm ba loại:

- Loại gồm chức vụ trong bộ máy chính quyền cũ.
- Loại đứng đầu các dòng họ.
- Loại thầy mo, thầy cúng, đầu họ thiên chúa.

Phần lớn lớp trên ở bộ máy thống trị cũ chống đối cách mạng, có tội ác với nhân dân thì bị đả kích qua các cuộc vận động lớn, nên ảnh hưởng và giảm sút nhanh chóng. Những tên đầu sỏ thì hoặc bị tiêu diệt hoặc chạy theo đế quốc vào Nam. Còn một số rất ít tham gia kháng chiến, nay vẫn là nhân vật tiêu biểu nhưng nhân dân lao động ngày một giác ngộ thì ảnh hưởng của họ càng giảm sút, tuy vậy họ vẫn còn ảnh hưởng trong lớp người già và chức dịch cũ, những người có tham gia tề ngụy, phỉ cũ. Số này ta vẫn tranh thủ tiếp tục giáo dục cải tạo họ. Tùy theo khả năng và tác dụng của từng người mà ta giao việc cho họ làm.

Những người đứng đầu dòng họ, đến nay là loại nhiều ảnh hưởng trong quần chúng. Tuy phạm vi ảnh hưởng của họ hẹp trong một thôn, vài thôn, thậm chí là một họ ở thôn đó, nhưng khi thi hành các chính sách cán bộ và đảng viên vẫn xin ý kiến họ. Vì phần đông họ là những người lao động, gia đình tương đối khá giả, ít nhiều lại có kinh nghiệm sản xuất và có uy tín trong một số quần chúng nhất định.

Lớp thầy mo, thầy cúng, tùy theo ưu thế của thần quyền của từng người mà họ có ảnh hưởng trong quần chúng. Trong số này có những phần tử mê tín rất nặng và cũng có những phần tử xấu địch thường lợi dụng chúng để phản tuyên truyền phá chính sách.

Sau cải cách dân chủ, công tác tranh thủ tầng lớp trên có phần lúng túng và coi nhẹ. Mấy năm qua nảy ra hai nhận thức:

- Cho lớp trên đã hết vai trò và tác dụng, không cần tranh thủ nữa.
- Vẫn đánh giá cao vai trò và tác dụng của lớp trên như cũ, không thấy tình hình mới, giai đoạn mới phải có nhận thức mới về lớp trên.

Chúng ta phải khắc phục hai nhận thức không đúng đó, phủ định hoàn toàn vai trò và tác dụng của lớp trên sẽ thoát ly tình hình, đặc điểm dân tộc, nhưng coi tranh thủ lớp trên giống như trong cách mạng dân tộc dân chủ thì không thấy được sự biến chuyển trong nội bộ tầng lớp trên và trình độ giác ngộ của quần chúng cơ bản.

Trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta vẫn phải tiếp tục tranh thủ cải tạo số lớp trên xuất thân là thành phần bóc lột nhưng đáng chú ý nhất là tranh thủ loại lớp trên là đầu dòng họ, thầy mo, thầy cúng ở nông thôn. Vì họ là những người có quan hệ trực tiếp với quần chúng. Nếu tranh thủ giáo dục được họ thì họ sẽ góp phần vào việc thực hiện các chính sách của Đảng và Chính phủ. Nếu coi thường giáo dục các chính sách của Đảng và Chính phủ, coi thường tranh thủ họ thì họ làm trở ngại công tác của ta. Mấy năm qua Lào Cai có kinh nghiệm tranh thủ giáo dục số này thông qua hình thức tổ phụ lão ở xã. Các tổ phụ lão có tác dụng động viên con cháu thôn bản thực hiện các chính sách ba thu, chống mù chữ, làm thủy lợi, ruộng bậc thang...

Dấu tranh giai cấp và đoàn kết dân tộc là cơ sở, là sức mạnh để thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong các cuộc vận động thành lập Khu tự trị, vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ... Nhân dân lao động các dân tộc đã thanh toán các xích mích dân tộc để tập trung đánh đổ đế quốc và phong kiến. Mấy năm qua quan hệ dân tộc có nhiều chuyển biến tốt: nhiều dân tộc ở trong cùng thôn, bản đã xây dựng hợp tác xã với nhau, cùng nhau làm thủy lợi, khai phá ruộng bậc thang, mở đường giao thông, xây dựng trường học... các dân tộc giúp đỡ nhau, học tập kinh nghiệm sản xuất của nhau. Giữa các dân tộc ở địa phương và đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế, văn hóa miền núi cũng đoàn kết tương trợ nhau và học tập lẫn nhau.

Nhưng bên cạnh mặt tốt, cũng nảy ra những xích mích mới: Giữa các dân tộc trong nội bộ hợp tác xã, giữa hợp tác xã dân tộc này với hợp tác xã dân tộc khác, giữa đồng bào địa phương và đồng bào miền xuôi lên... Những xích mích này để ra trong quá trình xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, do tư tưởng hẹp hòi, do tập quán khác nhau trong sản xuất và sinh hoạt của mỗi dân tộc. Trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội vấn đề đoàn kết dân tộc có một nội dung mới: *Đoàn kết các dân tộc để xây dựng củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất, tiến công vào nghèo nàn lạc hậu, đăng nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc, làm cho các dân tộc tiến kịp nhau, thực hiện bình đẳng trên thực tế.* Dựa theo tinh thần này mà tìm mọi biện pháp giải quyết những xích mích, tăng cường giáo dục tư tưởng, phát huy tinh thần học tập mặt tốt của nhau, khắc phục mặt lạc hậu, đề cao ý thức làm chủ tập thể của các dân tộc. Nhưng không sao nhăng đấu tranh giai cấp, đấu tranh với phản động vì đoàn kết dân tộc với đấu tranh giai cấp là một, dân tộc đoàn kết giải quyết tư tưởng hai con đường với đấu tranh giai cấp tuy nội dung khác nhau nhưng gắn chặt tác động với nhau.

III. KẾT LUẬN VÀ MẤY KINH NGHIỆM LỚN

Lào Cai là một tỉnh miền núi có nhiều dân tộc đại bộ phận ở vùng cao biên giới, ruộng đất ít, quan hệ dân tộc rất phức tạp nhưng mấy năm qua tất cả các mặt đã chuyển biến to lớn: Căn bản đã tự túc được lương thực, xóa bỏ nạn đói lưu niên, bước đầu phát huy ưu thế kinh tế miền núi, đời sống vật chất tinh thần được nâng cao một bước, tình đoàn kết giữa các dân tộc địa phương, giữa các dân tộc với người Kinh ngày một chặt chẽ hơn. Các dân tộc hoàn toàn tin tưởng Đảng và Chính phủ. Sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc, giữa các vùng đã thu hẹp lại. *Yếu tố quyết định sự thắng lợi là Đảng bộ Lào Cai đã biết phát huy tinh thần và khả năng của các dân tộc,*

để cao ý thức tự lực cánh sinh. Nhưng hiện nay trên mọi mặt giữa các dân tộc và các vùng còn nhiều sự chênh lệch. Để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, sắp tới chúng ta phải *đi sâu vào từng dân tộc để có chủ trương, biện pháp tích cực hơn tạo mọi điều kiện cho từng dân tộc vươn lên.*

Mấy năm qua trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc và chính sách khác của Đảng, chúng ta có thể rút ra mấy bài học kinh nghiệm lớn như sau:

**1. Nhận thức chính sách đoàn kết với vấn đề đấu tranh
giai cấp gắn chặt với nhau**

2. Sự phát triển các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... ở Lào Cai có tác dụng quyết định sự thực hiện bình đẳng trên thực tế giữa các dân tộc và làm cho các dân tộc tiến kịp nhau. Điều này chúng tổ ở chỗ, hợp tác xã được xây dựng và củng cố, các dân tộc đều tham gia, tức là các dân tộc đã tiến kịp nhau về quan hệ sản xuất, tuy mức độ có khác nhau. Do sản xuất phát triển, đời sống được cải thiện, nhân dân các dân tộc khắc phục thêm một bước sự chênh lệch về kinh tế. Công tác văn hóa giáo dục được phát triển thì đời sống tinh thần của các dân tộc được nâng cao, sự bình đẳng lại càng tốt hơn. Đào tạo bồi dưỡng được nhiều cán bộ dân tộc, mỗi dân tộc đều có cán bộ của mình, có đại biểu của mình trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể thì càng được bình đẳng thực sự về chính trị... Vì vậy, muốn thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước, các cấp các ngành phải tiến hành tốt các mặt công tác này trong từng cấp, từng vùng, từng dân tộc. Mỗi dân tộc muốn tiến bộ, bình đẳng thực sự với các dân tộc anh em thì phải ra sức thực hiện các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa của Đảng và Nhà nước.

3. Nhân dân các dân tộc có tinh thần cách mạng và khả năng to lớn về các mặt. Vì vậy, trên mọi lĩnh vực hoạt động cán bộ ta ở các cấp, các ngành phải tin tưởng vào quần chúng và tích cực phát huy khả năng của các dân tộc. Bản thân các dân tộc cũng phải tin ở khả năng của mình, đem hết sức mình cùng với Đảng và

Nhà nước hoàn thành mọi sự nghiệp chung để mau chóng tiến kịp nhau và tiến kịp miền xuôi. Vừa qua chính do thấy rõ, tin tưởng vào khả năng của quần chúng và biết phát huy khả năng của dân tộc mà Lào Cai giải quyết được nhiều mặt công tác tốt như: giải quyết vấn đề lương thực, làm thủy lợi, khai phá ruộng bậc thang, chính sách ba thu và bản thân các dân tộc thực hiện những nhiệm vụ đó chính là thiết thực tạo cơ sở để tiến lên thực hiện bình đẳng hoàn toàn với các dân tộc anh em.

4. Trong việc thực hiện chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước, các cấp các ngành phải **xuất phát từ tình hình đặc điểm từng vùng, từng dân tộc** để có những biện pháp thích hợp bảo đảm làm cho công tác tốt. Khi nói đặc điểm không chỉ nhìn vào khó khăn mà phải thấy cả khó khăn và thuận lợi. Nhiều khi thuận lợi lại là căn bản. Nhiều mặt công tác của ta chưa tốt, có thể do chưa có biện pháp thích hợp với đặc điểm. Chính vì xuất phát từ đặc điểm địa phương mình, mà Đảng bộ ta đã duy trì và phát triển hợp tác xã vùng cao. Các công tác trị an tốt, công tác vùng Mèo tốt, chính vì ta thấy được đặc điểm mà có biện pháp thích hợp. Trong công tác dân tộc Mán có nhiều mặt chưa tốt, chính cũng vì chưa thấy hết đặc điểm dân tộc Mán để có chủ trương sát hợp.

5. Để nắm được tình hình đặc điểm dân tộc, các ngành các cấp nhất thiết **phải nghiên cứu kỹ từng dân tộc**. Mỗi ngành, mỗi cấp phải nghiên cứu từng dân tộc mà ngành mình, cấp mình chịu trách nhiệm. Tỉnh ta là một tỉnh nhiều dân tộc, càng phải đặt vấn đề này một cách nghiêm khắc. Không thể nói rằng hễ tỉnh dân tộc thì tự nhiên mọi việc đã quán triệt chính sách dân tộc rồi đâu. Hiện nay, nhiều ngành chưa nắm được công tác của ngành mình ở từng vùng, từng dân tộc ra sao; đã cảm thấy nếu không đi sâu vào từng dân tộc thì kết quả công tác của ngành mình không được tốt và trách nhiệm của ngành mình đối với từng dân tộc không rõ ràng, như vậy không hoàn thành được nhiệm vụ của ngành mình trước Đảng và Nhà nước. Đứng về lãnh đạo chung, cũng cần có một bộ

môn giúp việc cấp ủy để nghiên cứu tổng hợp tình hình, đặc điểm các dân tộc làm cơ sở để đề ra chủ trương chính sách. Do đó, việc kiện toàn bộ phận dân tộc trong văn phòng Tỉnh ủy rất cấp thiết.

6. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III về công tác dân tộc, căn bản phải nắm vững mục tiêu phấn đấu: *Làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số...* Muốn thực hiện được mục tiêu ấy, *mỗi ngành, mỗi cấp đều phải có trách nhiệm trên lĩnh vực* mà mình phụ trách. Nếu các ngành, các cấp không quán triệt được tinh thần này thì Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III sẽ không được chấp hành nghiêm chỉnh. Vừa qua rất nhiều cơ quan, nhiều ngành chưa làm đúng tinh thần này.

Qua việc tổng kết mọi mặt công tác ở Lào Cai từ 1960 đến nay, thấy rõ phương hướng, nhiệm vụ công tác dân tộc mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra là hoàn toàn đúng đắn. Đảng bộ Lào Cai nguyện phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm và khuyết điểm để chấp hành nghiêm chỉnh tinh thần và nội dung nghị quyết ấy.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã đề ra Đảng và Nhà nước cần làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao và biên giới tiến kịp nội địa, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc Kinh.

Mấy năm qua thực hiện nghị quyết, Lào Cai đã có nhiều biến đổi to lớn, trình độ giác ngộ chính trị và giác ngộ giai cấp được nâng cao một bước, đời sống vật chất và văn hóa được cải thiện hơn trước, tình hình đoàn kết giữa các dân tộc ngày một tăng cường, những chênh lệch đã dần dần được giải quyết nhưng chưa phải đã hết những chênh lệch, những khó khăn và những tồn tại cũng không phải là ít vì Lào Cai là tỉnh nhiều dân tộc, tỉnh biên giới. Do đó,

thực hiện tốt Nghị quyết III còn rất nặng nề. Để tiếp tục thực hiện nghị quyết và phát huy những thắng lợi đã đạt được, sau đây nêu lên những nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong mấy năm tới:

1. Sản xuất nông nghiệp

Lào Cai có nhiều khả năng phát triển nông nghiệp toàn diện và phải tích cực phấn đấu tiến lên để giải quyết vấn đề lương thực một cách vững chắc, do đó nhiệm vụ phấn đấu chung của Lào Cai là "Dựa vào hợp tác xã và tổ đổi công, sử dụng tốt nhân lực miền xuôi lên, tiến hành tốt cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật. Đẩy mạnh chống xói mòn, thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, mở rộng diện tích, có kế hoạch đặc biệt là ruộng và nương bậc thang, hoàn thành tốt việc phân vùng sản xuất, phân phối đất đai sử dụng cho trồng trọt, chăn nuôi nghề rừng, đất mỏ, giải quyết cẩn bản đo đạc ruộng đất lập bản đồ thổ nhưỡng cho những vùng cần thiết để có cơ sở xây dựng quy hoạch sản xuất, giải quyết một cách vững chắc vấn đề lương thực, không những để tự túc mà phải có dự trữ. Trên cơ sở đó tiếp tục đẩy mạnh việc trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi nghề rừng để ngày càng sản xuất nhiều nông sản hàng hóa và nông sản tiêu dùng nhằm nâng cao thêm một bước đời sống của các dân tộc, góp phần tích cực của Lào Cai vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà".

Để thực hiện nhiệm vụ chung trên cần giải quyết tốt các vấn đề sau đây:

a) *Phân vùng sản xuất để chiều cố đặc điểm và phát huy khả năng truyền thống của từng vùng trồng lúa, chè, dỗ tương, cây đặc sản.*

b) *Tăng cường đầu tư vào thủy lợi, vào công tác định canh, định cư, vào việc xây dựng hệ thống các đường giao thông từ tỉnh đến huyện và các khu vực.*

c) *Không ngừng củng cố và nâng cao hợp tác xã nông nghiệp*

cần quan tâm đến việc trang bị kỹ thuật và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã nhất là ở vùng cao và vùng giềng.

d) Cần nghiên cứu đề nghị bổ sung một số chính sách: Thuế nương rẫy, thuế ruộng bậc thang, chính sách dân công, chính sách lương thực nhằm khuyến khích làm ruộng bậc thang, định canh định cư.

đ) Đào tạo một số cán bộ vừa biết thủy lợi vừa biết chống xói mòn và làm ruộng bậc thang.

Việc tiếp thu đồng bào miền xuôi lên chủ yếu là phát huy ưu thế miền núi cho nên sức lao động cần phân phối cho cả vùng cao.

Về quan hệ sản xuất:

Kết quả và kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã mấy năm qua thì tất cả các dân tộc đều xây dựng hợp tác xã được, các dân tộc đông người hay ít người, cư trú ở vùng thấp hay vùng cao, trình độ phát triển xã hội cao hay thấp, trình độ chính trị cao hay thấp đều có thể đồng thời tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chậm đưa các dân tộc đi vào con đường làm ăn tập thể thì quần chúng cơ bản sẽ gặp khó khăn trong sản xuất và đời sống. Nông dân lao động sẽ phân hóa thành hai đầu.

Khi xây dựng vì xuất phát từ tỉnh biên giới nhiều dân tộc sản xuất cũng chia ba vùng cho nên chú ý:

- Đặc điểm từng vùng, từng dân tộc có chỗ khác nhau, nên tốc độ, quy mô, bước đi của phong trào hợp tác hóa không thể rập khuôn như nhau.

- Phải quán triệt đường lối giai cấp và chính sách dân tộc trong quá trình xây dựng và củng cố hợp tác xã thì hợp tác xã mới vững vàng. Việc áp dụng đường lối giai cấp không trừ vùng nào, dân tộc nào.

- Tiến hành tốt công tác tư tưởng, giáo dục tinh thần đoàn kết sản xuất, tinh thần học hỏi lẫn nhau, phát huy tinh thần tự hào dân tộc, truyền thống đấu tranh.

- Phải coi trọng việc tạo điều kiện như bồi dưỡng cốt cán, xây dựng tổ đổi công và chuẩn bị điều kiện để thành lập hợp tác xã ở những nơi chưa có hợp tác xã một cách tích cực nhất.

Về đời sống:

Tình hình dân số tốc độ tăng khá cao và vấn đề lương thực chưa vững chắc, những tập quán mê tín còn có ảnh hưởng tới quần chúng các dân tộc. Mặt khác, yêu cầu của quần chúng ngày càng cao cho nên ngoài việc đẩy mạnh sản xuất phát triển để nâng cao đời sống thì cần:

- Có kế hoạch toàn diện xây dựng nếp sống mới ở nông thôn cho phù hợp với tư tưởng từng vùng, từng dân tộc bao gồm cải tạo phong tục tập quán, cải tạo mo then, vệ sinh phòng bệnh, sinh hoạt văn hóa, thái độ lao động, thái độ đối với của công và tập thể.
- Phải ra sức đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc.
- Các ngành, các giới phải tự nghiên cứu biện pháp cụ thể góp phần nâng cao đời sống từng dân tộc.
- Cần xây dựng những xã kiểu mẫu điển hình từng vùng để lấy những thực tế thuyết phục quần chúng.

Tóm lại, làm sao khắc phục sự chênh lệch về sản xuất, đời sống và chính trị về văn hóa giữa miền núi với miền xuôi, giữa vùng cao với vùng thấp, giữa biên giới với nội địa nhưng phải đặc biệt chú ý vấn đề kinh tế vì nó là cơ sở vững chắc để bình đẳng về chính trị.

2. Vấn đề xây dựng, củng cố Đảng, bồi dưỡng đào tạo cán bộ:

Một trong những nguyên nhân quan trọng thu được kết quả trong mấy năm qua có tính chất mạnh mẽ là cơ sở đảng ngày càng được củng cố và mở rộng, đội ngũ cán bộ ngày càng được tăng cường nhưng sự chênh lệch giữa vùng cao và vùng thấp về cơ sở đảng còn nhiều cho nên công tác giáo dục tư tưởng đảng viên các dân tộc phải làm thường xuyên, hình thức cũng phải linh hoạt.

Cần nắm vững tư tưởng của đảng viên ở từng vùng, từng dân tộc trong từng thời kỳ để có biện pháp giáo dục thích hợp và kịp thời.

Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc, cán bộ ở xã còn yếu và thiếu so với yêu cầu, phải làm cho toàn Đảng, toàn dân thật sự

tham gia vào công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc cũng như công tác trung tâm khác của Đảng và Nhà nước.

Cần xác định rõ trách nhiệm, có chỉ tiêu rõ ràng cho các cấp các ngành về việc bồi dưỡng đào tạo cán bộ, kinh nghiệm mấy năm qua thấy tốt nhất, hiệu quả nhất là kèm cặp bồi dưỡng đào tạo trong công tác thực tế.

Qua việc kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc của tỉnh ta chúng ta rất lấy làm phấn khởi, chúng ta càng ngày càng thấm thía rằng sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng là nguồn gốc của mọi thắng lợi. Nhưng phải thấy rằng khuyết điểm, thiếu sót và những khó khăn còn lại không phải là ít cho nên phải phát huy cao độ những thắng lợi đã giành được, phải đẩy mạnh công tác dân tộc theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã đề ra, thì ngoài những nhiệm vụ đã nêu trên chúng ta cần:

- Tiếp tục tổng kết từng dân tộc trước mắt là Mán và chuẩn bị tổng kết dân tộc Tày ở vùng thấp, cố gắng hoàn thành trong năm 1965.

- Qua kỳ tổng kết các ngành cần đề xuất chính sách và phương hướng phục vụ các dân tộc đặc biệt chú trọng dân tộc thiểu số vùng cao.

- Cân chấn chỉnh bộ phận theo dõi giúp cấp ủy và mỗi ngành, mỗi giới phải phân công một lãnh đạo phụ trách dân tộc.

- Có kế hoạch thường xuyên tuyên truyền những thành tích của các dân tộc để gây tự hào dân tộc trên cơ sở đó giảm dần tư tưởng tự ty.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 33-BC/TU, ngày 11-3-1965
Về công tác tháng 2 năm 1965

I. PHẦN NÔNG NGHIỆP

1. Sản xuất đông - xuân

- Tháng 2-1965 công tác chủ yếu của tỉnh là đi sâu lanh đạo, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch sản xuất đông - xuân 1964-1965, một số Ủy viên Thường vụ tỉnh đã trực tiếp xuống kiểm tra một số huyện đồng thời tổ chức một phái đoàn xuống kiểm tra 8 xã chủ yếu ở huyện Bảo Thắng là một huyện vùng thấp có nhiều lúc (...) rút kinh nghiệm chỉ đạo kịp thời.

- Việc giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng để bảo đảm sản xuất đông - xuân giành thắng lợi cũng được hết sức chú ý, tỉnh đã tiến hành giáo dục rộng rãi cho cán bộ, công nhân viên xung quanh tỉnh, và đảng viên nông thôn về tình thế cách mạng mới, giáo dục ý nghĩa giành thắng lợi về sản xuất đông - xuân 1964-1965 đối với việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1965 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đồng thời thiết thực đóng góp vào việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng hai miền và nghĩa vụ quốc tế của Đảng hiện nay.

- Qua quá trình giáo dục đã làm cho cán bộ, cấp ủy, đảng viên có những chuyển biến tốt về tư tưởng, thông suốt về nhiệm vụ đã

tập trung vào việc lãnh đạo sản xuất đong - xuân cụ thể: Tính đến ngày 28-2-1965 và so với thời kỳ này năm ngoái một số chỉ tiêu đã đạt được như sau:

- Cây chiêm rét so với 1-1964 bằng:	1033,5%.
- Ngô đã trồng:	109,2%.
- Khoai lang:	322,3%.
- Sắn đã trồng:	158,8%.
- Đậu tương:	262,4%.
- Sèo:	1140%.
- Lạc:	260%.
- Trầu:	335,7%.
- Cây lấy gỗ đã trồng:	507,7%.
- Gieo mạ chiêm:	337,6%.
- Cà ải chiêm:	108,2%.
- Phân bón lúa màu:	262,4%.
- Phân bón dự trữ:	518%.
- Diện tích khai hoang:	177%.
- Làm ruộng bậc thang:	343,9%.

Nhìn vào số liệu trên thấy rằng phần sản xuất nông nghiệp năm nay đã có nhiều cố gắng, đã tập trung vào những phương hướng chủ yếu, chỉ tiêu chủ yếu, đồng thời cũng quan tâm đúng mức đến những chỉ tiêu sản xuất khác, công tác chỉ đạo sản xuất có tính chất toàn diện hơn.

2. Củng cố hợp tác xã

Đi đôi với việc lãnh đạo phong trào sản xuất đong - xuân 1964-1965 việc củng cố xây dựng hợp tác xã cũng được chú ý, tháng 2-1965 nói chung các hợp tác xã đều tiếp tục tiến hành tổng kết năm 1964, có sự chỉ đạo chặt chẽ của huyện và tỉnh, những hợp tác xã vẫn trước đây cũng đang tạo điều kiện để xây dựng lại, chỉ tính riêng một huyện vùng cao (Mường Khương) hợp tác xã gồm 152 hộ, tính chung toàn huyện đã có 70% số hộ nông dân vào hợp tác xã.

Về mặt cải tiến quản lý hợp tác xã cũng đang tiến hành, các huyện đưa cán bộ xuống điều tra chuẩn bị mọi mặt cho các xã được tiến hành cải tiến.

Nhìn chung phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong toàn tỉnh đang ở hướng đi lên, tính chung tỷ lệ trong toàn tỉnh hiện nay đã chiếm 66,17% số hộ nông dân vào hợp tác xã.

II. TÀI MÂU

Công tác tài mậu tháng 2-1965 nói chung không có gì đặc biệt, tổng hợp tình hình chung về tài mậu, quý I-1965 báo cáo cụ thể sau, riêng tháng 2 có hai vấn đề tương đối nổi bật là vấn đề ba thu và giá cả, cụ thể như:

1. Ba thu

Tính đến ngày 2-3-1965 công tác ba thu đã đạt được.

a) Thuế: Thóc: 1.217.049 kg

Ngo: 24.001 kg

Công: 1.241.050 kg

b) Mua nghĩa vụ: Thúc: 1.452.838 kg

Ngô: 265.018 kg

Công: 1.717.856 kg

c) *Mua khuyến khích*: Thúc: 546.261 kg

Ngô: 242.703 kg

Công: 788.964 kg

Nhìn vào số liệu trên thấy rằng nếu so với kế hoạch Trung ương giao cho tỉnh thì số thóc, ngô phải đạt được trong ba thu là 3.400 tấn, tỉnh đã thực hiện được 3.747 tấn 870 như vậy đạt tỷ lệ là 110,2% kế hoạch Trung ương, nếu so chỉ tiêu tinh giao cho các

huyện là 4.504.089 kg thì mới đạt được 83,53% kế hoạch, triển vọng có thể đạt được xấp xỉ kế hoạch của tỉnh trong tháng 3-1965.

Ngoài vấn đề tìm mua thóc ngô ra đã thu mua được khối lượng sắn bằng 67,65% kế hoạch của Trung ương giao cho cụ thể là:

- Sắn lát khô: 109 tấn 678.
- Bột sắn: 3 tấn 678.
- Sắn tươi: 8 tấn 759.
- Tổng cộng quy ra tươi: 338 tấn 273.

Nhìn chung số liệu trên thấy rằng công tác ba thu năm nay các cấp các ngành đã có nhiều cố gắng và quyết tâm thực hiện chỉ tiêu kế hoạch của trên giao, song còn phải nâng cao quyết tâm hơn nữa, tích cực giáo dục động viên hơn nữa có như vậy mới hoàn thành chỉ tiêu của tỉnh.

2. Giá cả và quản lý thị trường

- Tháng 2-1965 nằm trong dịp Tết Nguyên đán, số người qua lại biên giới nhiều do công tác giáo dục được tiến hành tốt, có biện pháp kiểm tra chặt chẽ nên đã ngăn chặn được những hành động buôn bán, bón lót, nói chung tháng 2-1965 tình hình thị trường không có gì đột biến xảy ra.

- Đối với một số hộ tiểu thương đang có phương hướng trong quý I-1965 sẽ chuyển về sản xuất.

- Về giá cả, tuy số người càng ngày càng nhiều lên, nhưng giá cả thị trường vẫn tương đối ổn định, về mặt lương thực như khoai sắn tháng 2 so với tháng 1-1965 có xu hướng hàng về thực phẩm thì đứng hoặc lên cụ thể dưới đây:

Loại	Đơn vị	Tháng 1-1965	tháng 2-1965
Sắn tươi	kg	0,08	0,075
Khoai lang	kg	0,23	0,18
Bắp cải	kg	0,23	0,27
Bắp cải	kg	0,39	0,34

Loại	Đơn vị	Tháng 1-1965	tháng 2-1965
Xu hào	kg	0,50	0,34
Cà chua	kg	1,26	1,26
Gà loại 1	kg	4,50	5,06
Gà loại 2	kg	4,37	4,68
Trứng gà	10 quả	2,14	2,36
Trứng vịt	10 quả	2,46	2,73

Nhìn chung một số mặt hàng phục vụ đời sống hằng ngày của cán bộ, công nhân và nhân dân thấy rằng nhóm gà, cá, trứng thường xuyên là khan hiếm hơn các mặt hàng khác do đó giá cả cũng thường tăng nhiều hơn, nếu không có biện pháp tích cực là đẩy mạnh chăn nuôi trong địa phương đồng thời thương nghiệp có biện pháp khắc phục tốt hơn nữa mới khỏi ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày của địa phương nhất là các cơ quan, xí nghiệp...

III. TÌNH HÌNH CÔNG NGHIỆP (Báo cáo cụ thể vào quý I-1965)

IV. TÌNH HÌNH NỘI CHÍNH

Công tác trị an, xây dựng lực lượng.

Đến đầu tháng 2-1965 Thường vụ Tỉnh ủy đã triệu tập Hội nghị Nội chính nhằm nâng cao quan điểm đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản trong tình hình hiện nay cho các cấp ủy, và cán bộ phụ trách các ngành nội chính. Hội nghị đã đạt được kết quả tốt, sau hội nghị của tỉnh các huyện đang tiến hành mở Hội nghị Khối Nội chính để giải quyết hơn 30 vụ án còn ứ đọng lâu năm.

Công tác phòng không, phòng, chống gián điệp, biệt kích được đặc biệt chú trọng từ tỉnh đến xã, trong các vụ bắn phá của địch ngày 9 và 11-2 cũng nâng cao cẩm thù và ý thức cảnh giác trong nhân dân, công tác nghĩa vụ quân sự tiến hành tốt hơn các đợt

trước, việc đấu tranh đòi Tổ quốc tế cố định rút khỏi địa phương đạt được kế hoạch quy định, các tội phạm hình sự có xảy ra một số việc nhưng hầu hết đều xác minh, giải quyết kịp thời, đang xúc tiến việc vận động tiến hành bầu cử, Hội đồng nhân dân từ cấp tỉnh đến xã vào tháng 4-1965 các cơ quan tòa án, tỉnh đội, công an đã tổng kết xong công tác năm 1964 đang triển khai công tác năm 1965.

- Tình hình trị an toàn tỉnh vẫn ổn định không xảy ra việc gì lớn, tuy nhiên đáng chú ý là nạn cháy nhà xảy ra tương đối nhiều, cháy lớn đã xảy ra ở cổng trường giao thông đơn vị thuộc cây số 32 đường Mường Khương, cháy hết lán của công nhân, cháy lan ra một số nhà dân gây nên thiệt hại về kinh tế và nảy sinh những thắc mắc giữa nhân dân địa phương với công trường và Nhà nước, hiện tượng phản tuyên truyền còn nhiều nhưng xác minh đấu tranh trấn áp còn ít, chưa mạnh.

V. XÂY DỰNG ĐẢNG

Công tác xây dựng Đảng tháng qua đang tập trung chuẩn bị cho chỉnh huấn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp để phổ biến về tình hình Nghị quyết 10 và phân công chuẩn bị cho chỉnh huấn.

- Tiếp tục tiến hành tổng kết chi bộ bốn tốt và vận động đăng ký chi bộ bốn tốt năm 1965.

Đang tiến hành chuẩn bị tổng kết công tác tổ chức năm 1964 để kịp thời phục vụ cho công tác chỉnh huấn.

VI. NHẬN XÉT KẾT LUẬN

Phong trào sản xuất đông - xuân đã có nhiều chuyển biến tiến bộ theo hướng thâm canh, biểu hiện ở các khâu thời vụ, kỹ thuật và lao động, việc thực hiện các chỉ tiêu gieo trồng, cày ải, phân bón, phát triển giống mới (chiêm rét) so cùng thời kỳ này năm ngoái thì vượt rất nhiều, phong trào thi đua cải tiến công cụ (bỏ

bừa gỗ làm bừa sắt, cào cỏ cải tiến) làm ruộng cao sản cây đúng kỹ thuật, đang được đẩy mạnh.

Nhiều hợp tác xã qua cảng cổ đã tích cực mở rộng kinh doanh, không những quản lý lương thực chính (lúa, bắp mà còn quản lý rộng ra các ngành khác, nhiều hợp tác xã đã tổ chức đăng ký lao động (mỗi xã viên đăng ký đi làm cho hợp tác xã 150 công hay 200 công một năm) do đó đã tập trung được lao động vào sản xuất tập thể.

Công tác ba thu đã hoàn thành vượt mức, giá cả thị trường tuy dịp Tết và số công nhân công trường lên nhiều, sức mua của nhân dân có tăng, nhờ có sự lãnh đạo phân phối và chuẩn bị hàng hóa cân thiết tương đối tốt, đồng thời việc quản lý tiền tệ cũng được tăng cường giúp cho việc ổn định giá cả được tốt (trừ một vài thứ gà, cá có lén).

Trị an nói chung ổn định, nghĩa vụ quân sự tiến hành tốt có dân tộc chưa từng có người đi nghĩa vụ quân sự, nhưng kỳ này cũng tham gia tích cực (6 thanh niên dân tộc Xa Phó ở Bảo Thắng). Công tác phòng không, phòng, chống gián điệp, biệt kích đã được coi trọng, sau các vụ địch xâm phạm miền Bắc nước ta, thì lòng căm thù đế quốc Mỹ và ý thức cảnh giác của lãnh đạo và nhân dân được nâng cao, các việc bố phòng đã được kiểm tra lại và tăng cường chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

Các mặt công tác đông - xuân cũng như tháng 2 này tiến triển tốt, trước hết là do công tác tuyên truyền giáo dục được coi trọng, nhiệm vụ, kế hoạch, chỉ tiêu được phổ biến bàn bạc đến nhân dân, tình thế cách mạng mới đã được giáo dục trong cán bộ, đảng viên cơ quan, xí nghiệp và nông thôn. Đặc biệt, vấn đề chống tư tưởng hữu khuynh trong sản xuất hợp tác hóa, các mặt công tác khác vẫn được tiếp tục liên hệ phân tích trong các cuộc học tập của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, lấy việc xây dựng chi bộ bốn tốt làm hạt nhân đẩy mạnh sản xuất và các công tác khác.

Việc tổ chức, kiểm tra đôn đốc được tăng cường, lòng căm thù địch, sự phẫn khởi trước thành tích chiến thắng của ta, nêu tinh thần sẵn sàng chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam của nhân dân các dân tộc đã được thể hiện trong sản xuất cũng như làm các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Tuy vậy cũng gặp một số khó khăn, thiếu sót, việc thực hiện các tiêu chí so với kế hoạch còn yếu, tốc độ chậm, tư tưởng một vài chi bộ chưa tích cực đổi với chỉ tiêu tăng vụ chiêm, tháng này ít mưa một vài nơi thiếu nước cấy cày, việc chuẩn bị tư liệu sản xuất một vài nơi còn chậm (lưỡi cày, cuốc...), chưa giải quyết được, chuẩn bị trong tết và biện pháp thu tiền mặt ở một vài trọng điểm cũng bị chậm, giao thông thường gặp khó khăn vì thiếu phương tiện chuyên chở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

LÊ BÁ HỘI

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 052-CT/TU, ngày 2-4-1965
Về cuộc vận động "ba xây ba chống"
tiến hành xuống các huyện, thị

Thi hành Nghị quyết 83 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô lãng phí quan liêu", sau khi làm cơ sở thí điểm, tỉnh đã mở rộng thêm trọng điểm và đang mở rộng phong trào để cấn bản hoàn thành trong năm 1965 ở các cơ quan quản lý kinh tế tài chính.

Bước đi của các ngành không đều. Có cơ sở đã kết thúc đợt vận động tập trung ở thị xã và đang chuẩn bị triển khai xuống các huyện, thị vào tháng 4-1965 như Ty Thương nghiệp, có cơ sở đang chuẩn bị chuyển sang bước 2, có cơ sở đang ở bước 1, một số lớn đang ở bước chuẩn bị.

Qua hơn 2 năm tiến hành cuộc vận động, đến nay hầu hết các thí điểm và trọng điểm đã có nhiều chuyển biến tốt, kết quả đó chứng tỏ cuộc vận động "ba xây ba chống" do Trung ương đề ra rất phù hợp và cần thiết đối với tỉnh nhà.

Như Trung ương đã chỉ rõ "Đối với ngành công nghiệp và các ngành kinh tế quốc doanh, cuộc vận động này có tác dụng to lớn, vừa đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và kinh tế quốc doanh phát triển,

vừa góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp, củng cố khối công nông liên minh, đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Mục đích của cuộc vận động:

Tăng cường và cải tiến quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, nhằm đẩy mạnh sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động xã hội, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tích cực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống của nhân dân.

Trước mắt, cuộc vận động này nhằm động viên toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất.

Yêu cầu chung của cuộc vận động:

Trong khoảng thời gian từ nay đến cuối năm 1965 làm cho các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, đến các cơ sở quán triệt đường lối và nhiệm vụ cách mạng hiện nay, *ra sức thực hiện một sự chuyển biến cách mạng trên các mặt tư tưởng và tổ chức, đưa công tác quản lý kinh tế, tài chính tiến lên trình độ mới, theo đúng quan điểm và nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa*. Đây là một cuộc đấu tranh cách mạng nhằm xóa bỏ những tư tưởng, những thói hư tật xấu của giai cấp tư sản, những tàn dư của chế độ bóc lột, khắc phục ảnh hưởng của những tập quán kinh doanh cá thể, nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế toàn diện và *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước*.

Yêu cầu đối với các cơ sở sản xuất và kinh doanh:

- Xác định rõ ràng nhiệm vụ và phương hướng sản xuất, kinh doanh của các cơ sở. Chấn chỉnh và củng cố tổ chức sản xuất và kinh doanh cho hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới của đơn vị và của ngành.

- Tăng cường và cải tiến các mặt quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ, xúc tiến việc xây dựng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các định mức lao động... nhằm tận dụng năng lực sẵn có, khai thác khả năng tiềm tàng của cơ sở. Tích cực củng cố và mở rộng việc thực hiện hạch toán kinh tế.

- Tăng cường đoàn kết nhất trí, ra sức thi đua hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nhằm hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch nhà nước.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở xí nghiệp. Hết sức đề cao trách nhiệm và quyền lực của giám đốc. Phát huy đầy đủ vai trò của công đoàn trong việc hướng dẫn quần chúng công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp.

- Ra sức củng cố và phát triển tốt chi bộ đảng, chi đoàn thanh niên lao động và công đoàn cơ sở.

- Đẩy mạnh cuộc vận động "ba xây ba chống" lên một bước mới, triển khai xuống các huyện, thị, chủ yếu trong năm 1965, hoàn thành ở các đơn vị quản lý kinh tế tài chính.

Từ ngày hòa bình lập lại đến nay, nhất là những năm gần đây các ngành kinh tế, văn hóa đã phát triển rất nhanh ở tỉnh và huyện. Sự phát triển của các ngành kinh tế tài chính, văn hóa đã có tác động tích cực đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân ở các huyện, tuy nhiên còn nhiều vấn đề tồn tại. Sự lãnh đạo của cấp ủy đối với các ngành ở huyện ngày càng chặt chẽ và có nhiều tiến bộ, tuy nhiên có ngành, có mặt công tác sự lãnh đạo của Đảng chưa được tăng cường.

Trong cuộc vận động này là dịp rất tốt để tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của huyện, thị ủy đối với các ngành chuyên môn của huyện, thị.

Tỉnh ủy chỉ thị:

1. Các huyện, thị ủy trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động "ba xây ba chống" ở tất cả các đơn vị thuộc huyện, thị ủy quản lý, từ lúc

bắt đầu cho tới khi kết thúc cuộc vận động, đặc biệt cần chú trọng các cơ quan quản lý kinh tế, tài chính, trước mắt lấy Ty Thương nghiệp, Chi nhánh Ngân hàng, Ty Lương thực... sẽ tiến hành xuống đến các huyện thị. Những cơ quan này nắm những mặt hàng chiến lược trong tay, có tầm quan trọng, chẳng những về kinh tế, về sản xuất mà còn thiết yếu cho nhu cầu đời sống của nhân dân, nên cần đảm bảo cho các đơn vị này xây chống tốt, công tác tốt, đạt yêu cầu của Trung ương và tỉnh đề ra.

2. Đối với các đơn vị của Trung ương ở địa phương, huyện, thị ủy có trách nhiệm lãnh đạo đảng viên và quần chúng làm tốt cuộc vận động, công tác chặt chẽ với tỉnh và các Bộ, Cục chủ quản để giải quyết những yêu cầu có liên quan đến địa phương.

3. Ban Thường vụ Huyện ủy chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy về cuộc vận động "ba xây ba chống" ở các huyện. Để giúp huyện ủy chỉ đạo cuộc vận động, cần cử ra một đồng chí thường vụ Ủy viên phụ trách "ba xây ba chống" công tác chặt chẽ với ngành dọc chủ quản có sự tham gia của Ban chỉ đạo tỉnh để giải quyết những yêu cầu có liên quan đến địa phương.

4. Các ngành dọc trên tỉnh đã làm xong bước 2, tiến hành đến các huyện, thị chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn và trực tiếp thực hiện cuộc vận động "ba xây ba chống" ở các đơn vị trực thuộc dưới sự lãnh đạo của huyện, thị ủy có sự tham gia giúp đỡ của Ban chỉ đạo tỉnh.

5. Sự phối hợp công tác giữa các cơ quan chuyên môn tỉnh với các huyện, thị tuy đã có nhiều tiến bộ, nhưng có ngành, có việc chưa chặt chẽ. Trong cuộc vận động này cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn. Nói chung huyện, thị ủy trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động nhưng cần phối hợp chặt chẽ với ngành chủ quản nhất là trong việc kiểm điểm công tác và phương án sửa chữa. Huyện ủy, thị ủy cùng cơ quan chuyên môn chủ quản cùng duyệt báo cáo kiểm điểm và phương án sửa chữa của đơn vị.

6. Ban chỉ đạo cuộc vận động "ba xây ba chống" của tỉnh sẽ liên hệ chặt chẽ với huyện ủy, thị ủy giúp đỡ về nghiệp vụ "xây chống" đảm bảo yêu cầu của cuộc vận động, truyền đạt chủ trương của Tỉnh ủy đến các huyện, thị ủy về cuộc vận động. Kiểm tra đôn đốc tiến hành cuộc vận động ở các huyện, thị thường xuyên báo cáo và thỉnh thị Tỉnh ủy.

7. Các cơ quan tổng hợp huyện, các Ban của Đảng, các tổ chức quần chúng, các cơ quan hành chính ở huyện, các cơ quan thông tin văn hoá, khoa học - kỹ thuật có kế hoạch tham gia cuộc vận động gửi về huyện, thị ủy, đồng thời chuẩn bị kế hoạch "xây chống" ở các cơ quan mình khi có chủ trương của tỉnh cho huyện, thị thông qua Ban chỉ đạo tỉnh.

8. Các đoàn thể huyện, trực tiếp với các cơ sở quần chúng ở các đơn vị "xây chống" giúp cho các cơ sở đó tham gia tốt cuộc vận động, phục vụ theo đúng nguyên tắc quản lý xí nghiệp của Đảng.

9. Các đơn vị chủ quản làm "ba xây ba chống" đồng chí thủ trưởng đơn vị (là đảng viên) chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở đó có công đoàn và thanh niên tham gia cuộc vận động, qua đó mà sửa chữa và cải tiến nghiệp vụ của mình, có sự giúp đỡ của ngành dọc và sự lãnh đạo của huyện ủy.

10. Đồng chí Thường vụ Ủy viên phụ trách "ba xây ba chống" có nhiệm vụ giúp huyện, thị ủy chỉ đạo cuộc vận động cho thật tốt, hướng dẫn kiểm tra các ngành các đơn vị tiến hành "xây chống" từng bước có báo cáo, cùng với các ngành giải quyết những vấn đề chung do các đơn vị đề ra trong cuộc vận động sau khi đã có ý kiến của tập thể lãnh đạo huyện, thị ủy.

- Cùng tập thể lãnh đạo huyện, thị ủy phối hợp chặt chẽ cùng ngành dọc của đơn vị chủ quản làm "xây chống" duyệt báo cáo kiểm điểm, phương án sửa chữa và cải tiến quản lý cũng như duyệt kế hoạch tiến hành cuộc vận động và thông qua kiểm thảo cá nhân của thủ trưởng, thủ phó đơn vị.

- Cử cán bộ tuyên huấn và tổ chức theo dõi giúp đỡ toàn bộ cuộc vận động, chú trọng bước học tập, bước kiểm điểm cá nhân và kiện toàn tổ chức thực hiện phương án sửa chữa.

11. Chế độ báo cáo thỉnh thị phải được giữ vững. Báo cáo thường kỳ phải có tóm tắt sự tiến hành cuộc vận động lên Tỉnh ủy đồng gửi Ban chỉ đạo tỉnh.

12. Những vấn đề gì thuộc phạm vi cuộc vận động mà huyện, thị ủy chưa có chủ trương, đồng chí thường vụ phụ trách "xây chống" của huyện, thị ủy phải báo cáo với huyện, thị ủy xin quyết định có tham khảo thêm ý kiến của Ban chỉ đạo cuộc vận động "ba xây ba chống" tỉnh.

13. Sau khi đợt tập trung kết thúc, kết hợp với báo cáo thường lệ 3 tháng, 6 tháng, năm, báo cáo kết quả tiếp tục sửa chữa và cải tiến quản lý lên Tỉnh ủy.

14. Do đặc điểm của các ngành có tính chất riêng biệt khác nhau các huyện, thị ủy cần quan tâm chú trọng lãnh đạo đảm bảo kế hoạch tiến hành đảm bảo thời gian cũng như các bước đi do các ngành chủ quản đề ra vì đã có sự tham gia ý kiến của Ban chỉ đạo tỉnh, đảm bảo trong năm 1965 hoàn thành về căn bản của các cơ quan quản lý kinh tế tài chính.

15. Ngoài yêu cầu mục đích chung trên đây, Tỉnh ủy đề ra yêu cầu riêng cho các huyện, thị ủy: Lãnh đạo tốt cuộc vận động "xây chống" ở các đơn vị quản lý kinh tế là tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị đó phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp phát triển ở các địa phương.

Để thực hiện tốt cuộc vận động "ba xây ba chống" trước hết các huyện, thị cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Phải ra sức phấn đấu thực hiện một sự chuyển biến mạnh mẽ lớn lao về chính trị và kinh tế, về tư tưởng và tổ chức, về nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm hoàn thành vượt mức và trước thời hạn kế hoạch

nhà nước 5 năm lần thứ nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

Các huyện, thị ủy, các ngành quản lý kinh tế tài chính tổ chức nghiên cứu phổ biến chỉ thị này và báo cáo việc thực hiện chỉ thị lên Tỉnh ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 35-BC/TU, ngày 6-4-1965

**Về việc tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt nông thôn
năm 1964**

**I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ (CHI BỘ) NÔNG THÔN
TỪ TRƯỚC TỐI NAY**

Tỉnh Lào Cai có 26 dân tộc anh em, đông nhất là dân tộc Mèo, Mán, rồi đến dân tộc Kinh. Địa dư và khí hậu hình thành ba vùng thấp, giữa, cao. Giáp biên giới các tỉnh Hà Giang, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Lai Châu, đặc biệt có khoảng trên dưới 200 km đường biên giới với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 chế độ đế quốc Pháp với thổ ty phong kiến cát cứ bóc lột nhân dân cùng cực, đói rét về kinh tế, lạc hậu về chính trị và văn hóa. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ta giải phóng không được bao lâu, nạn Quốc dân Đảng, Pháp trở lại tái chiếm và bóc lột nhân dân, nạn thổ phỉ do đế quốc gây nên kéo dài liên miên đến năm 1956 mới căn bản được giải quyết. Năm 1960 lại gây ra vụ bạo loạn cướp đồn Công an Pha Long (Mường Khương) nay vẫn còn một số tên phản lẩn trốn trên rừng thuộc huyện Sa Pa, Bắc Hà.

Cơ sở Đảng trước 8-1945 chưa có, sau tháng 8-1945 một số ít đảng viên (9 đảng viên) được Trung ương điều lên công tác Lào Cai và cũng từ đó công tác Đảng được bước đầu xây dựng. Năm 1948 Đảng đã bắt rẽ xuống vùng nông thôn Bảo Thắng và xây dựng khu du kích Cam Đường, năm 1950 thi hành Chỉ thị tạm ngừng phát triển đảng của Trung ương hiểu một cách máy móc nên không phát triển đảng viên cả những vùng cơ sở còn trống. Năm 1954 khi hòa bình lập lại toàn tỉnh ta mới có 32 chi bộ (trong đó nông thôn có 8 chi bộ) gồm 323 đảng viên.

Từ năm 1960 đến nay mới thực ráo riết tiến hành công tác xây dựng Đảng và cũng là những bước phát triển mới trong lịch sử Đảng bộ Lào Cai.

Tổng số chi bộ:

Năm 1954 = 32 chi bộ (trong đó nông thôn có 8 chi bộ).

Năm 1960 = 133 chi bộ (trong đó nông thôn có 46 chi bộ).

Năm 1964 = 345 chi bộ (trong đó nông thôn có 124 chi bộ).

Tổng số đảng viên: Năm 1954 = 323 đảng viên.

Năm 1960 = 1.939 đảng viên.

Năm 1964 = 4.446 đảng viên.

Kết quả 10 năm hòa bình ta làm gấp 10 lần trong thời kỳ kháng chiến và tốc độ nhanh nhất là từ khi có phong trào hợp tác xã kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ đến nay, đặc biệt là nông thôn ta đã thanh toán được xã trống và chỉ còn hai xã chưa đủ điều kiện lập chi bộ (Tòng Sành, Pa Cheo Phìn thuộc huyện Bát Xát).

Sự thành lập các chi bộ hầu khắp các xã trong tỉnh là một cống gắng và thành tích lớn của Đảng bộ ta. Do thắng lợi ấy đã có những chuyển biến về chất lượng của phong trào.

Bên cạnh thành tích là to lớn các chi bộ hiện nay cũng còn nhiều tồn tại và nhược điểm lớn: Loại chi bộ có từ 3 đến 10 đảng viên còn nhiều tới 68 chi bộ nông thôn. Sự phân bố lại không đều, nhiều nơi còn chưa có đảng viên (289 thôn) nhiều chi bộ mới có bí thư hoặc một phó bí thư, chưa có Ban chi ủy. Trình độ văn hóa còn

thấp, gần 300 đảng viên còn mù chữ trong đó có tới 40 là trong chi ủy. Trình độ lãnh đạo bao quát của chi bộ nhất là lãnh đạo kinh tế hợp tác xã còn nhiều lúng túng, đặc biệt lãnh đạo về kỹ thuật trong sản xuất hoàn toàn như mới mẻ với chi bộ. Vai trò của chi bộ chưa đủ khả năng để hoàn thành nhiệm vụ mới, một số chi bộ khá cũng mới chỉ được từng mặt chưa phải là toàn diện, chưa tự động được công tác, đặc biệt lại có một số chi bộ kém, không nêu được vai trò tiên phong, tính chiến đấu của chi bộ cơ sở.

II. NHỮNG CƠ SỞ KHÁCH QUAN QUY ĐỊNH TỔ CHỨC CƠ SỞ PHẢI TRỞ THÀNH CHI BỘ BỐN TỐT

Xuất phát từ tình hình nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay có hai nhiệm vụ chiến lược:

1. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
2. Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập dân chủ trong cả nước.

Xuất phát từ ba nhiệm vụ lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc:

1. Cuộc cách mạng cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.
2. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật.
3. Cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng.

Xuất phát từ ba cuộc vận động lớn của Đảng:

1. Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã trong nông nghiệp.
2. Cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế văn hóa ở miền núi.
3. Cuộc vận động ba xây, chống trong công nghiệp và xí nghiệp và ý nghĩa to lớn của việc phải hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất chung của cả miền Bắc và nói riêng của tỉnh Lào Cai. Đồng thời, phải khẩn trương sẵn sàng chiến đấu, chống đế quốc Mỹ và lũ tay sai ở miền Nam và bọn

phản động, phản cách mạng ở miền Bắc hiện nay, đã quyết định vai trò, vị trí của chi bộ phải là chi bộ bốn tốt.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 30 khẳng định đây là yêu cầu bức thiết và khách quan đòi hỏi các chi bộ phải có một trình độ khả năng mới, để đảm đương nhiệm vụ mới. Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã khẳng định rằng nếu chúng ta không có trên 50% số chi bộ trở thành bốn tốt thì không thể hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Từ khi có Nghị quyết 5, vấn đề xây dựng chi bộ bốn tốt đã được quán triệt vào Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh. Tháng 3 năm 1964 Ban Chấp hành tỉnh ra Nghị quyết 6; tháng 6 năm 1964 Ban Chấp hành tỉnh ra Nghị quyết 8; tháng 8 năm 1964 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị 30 nói về công tác xây dựng chi bộ bốn tốt trong Đảng bộ và coi vấn đề xây dựng Đảng là một điểm cao trong chương trình hành động của toàn Đảng bộ. "Cuối 1964 phải đạt 50% chi bộ trở thành bốn tốt".

Ban Chấp hành tỉnh lại khẳng định sâu sắc rằng "Sự lãnh đạo của Đảng ta là điều kiện cơ bản quyết định mọi thắng lợi của nhân dân ta. Vì vậy muốn cho Đảng ta làm tròn trách nhiệm của mình trong giai đoạn cách mạng hiện nay, vấn đề mấu chốt vẫn là không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng "cho nên Tỉnh ủy đặt vấn đề xây dựng chi bộ bốn tốt là trọng tâm của công tác tổ chức và coi đó là những khâu có tính chất mấu chốt bao trùm trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự..."

Tiếp theo và quán triệt tinh thần trên Đại hội các đảng bộ huyện, thị ủy, đã có những quyết định mạnh mẽ, nhiều đảng bộ đã quyết định 50%, 60% có đảng bộ đã quyết định 70% số chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt trong năm 1964, là những tư tưởng chỉ đạo rất đúng đắn và kiên quyết.

Ban Tổ chức tỉnh đã có những nhạy bén về tinh thần chấp hành chỉ thị, nghị quyết công tác xây dựng Đảng, đã có những cố gắng đáng kể truyền đạt tinh thần chỉ đạo của trên xuống các

đảng bộ bên dưới, mặt khác đã chủ động vạch ra kế hoạch có yêu cầu bước đi cụ thể và hết sức coi trọng giới thiệu điển hình, trao đổi kinh nghiệm tăng cường kiểm tra đôn đốc giúp cấp ủy tiến hành theo dõi cuộc vận động. Đã góp phần đáng kể đưa cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt có những bước tiến quan trọng, đóng góp vào sự chuyển biến tình hình chung của toàn tỉnh trong năm 1964.

III. QUÁ TRÌNH TIẾN HÀNH VÀ KẾT QUẢ CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

Cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt được tiến hành từ đầu 1963, dấu hiệu quan trọng lớn nhất ghi vào sự chuyển biến của Đảng bộ ta là Đại hội IV đã quyết nghị một đề án chuyên đề về tổ chức và đã dành nhiều thời gian để bàn về công tác xây dựng chi bộ bốn tốt, đảng bộ bốn tốt.

Công tác giáo dục tuyên truyền tinh thần Nghị quyết 4 được tiến hành từng bước đến tận cơ sở chi bộ đảng viên (100% số chi bộ được giáo dục) sự giáo dục trên đã có ý nghĩa rất lớn thúc đẩy đảng viên chi bộ tiến lên, nâng cao thêm chí khí phấn đấu của đảng viên, nâng cao tính chất tiên phong giai cấp, chiến đấu trong Đảng. Đã làm cho sự chuyển biến về công tác xây dựng Đảng có những bước tiến rõ rệt: Đã có 188 chi bộ đăng ký phấn đấu đạt yêu cầu bốn tốt mà 1963 chưa có. Đây là sự tiến bộ lớn cả về mặt tư tưởng, tổ chức và lề lối làm việc có ý nghĩa quan trọng. Thực chất việc tiến hành đăng ký xây dựng chi bộ bốn tốt là một cuộc vận động tự phê bình và phê bình một cách tự giác, thoải mái và sâu sắc. Qua đăng ký các chi bộ tự thấy mình đã lớn lên một bước về mặt trình độ lãnh đạo và lề lối làm việc, đã tiến bộ. Vì đã có những chương trình hành động tác phong công tác quán triệt đường lối quần chúng của Đảng về vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, chi bộ nào cũng cảm thấy còn yếu, và phải có những cố gắng mới đáp ứng với nhu cầu

cách mạng, xứng đáng với lòng tin cậy của dân và làm đúng với vị trí vai trò lãnh đạo chính trị của tổ chức cơ sở. Đặc biệt, việc tuyên truyền xây dựng chi bộ bốn tốt được rộng rãi ra các tổ chức quần chúng do đó mà đã cổ vũ tinh thần hăng hái cách mạng của quần chúng tích cực phấn đấu góp phần xây dựng chi bộ bốn tốt.

Cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt bắt đầu từ năm 1963 nhưng sự chuyển biến rõ rệt hơn là từ năm 1964 đặc biệt là 6 tháng cuối năm 1964 có những chuyển biến mạnh mẽ hơn và quyết tâm cũng cao hơn năm 1963.

Do những cố gắng và quyết tâm chung của Đảng bộ, đặc biệt là sự quyết tâm riêng của từng chi bộ đến nay chung toàn tỉnh có 75 chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt (trong đó có 29 chi bộ nông thôn đạt yêu cầu bốn tốt bằng 23% số chi bộ đầu năm 1964).

Do kết quả của cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt được tiến hành rộng rãi, đã góp phần làm cho phong trào hợp tác xã của tỉnh ta được củng cố một bước, sản xuất nông nghiệp đã có tiến bộ rõ rệt, đặc biệt là công tác sản xuất lương thực, thực phẩm, căn bản giải quyết được vấn đề nước chảy ngược chiều (gạo thịt không phải do Chính phủ bán cho dân vùng cao nữa, nay đã từ vùng cao chở ra bán cho Nhà nước) các phong trào thi đua trong hợp tác xã (năng suất cao), phong trào làm thủy lợi, làm ruộng bậc thang trồng cây công nghiệp, thanh toán nạn mù chữ, văn nghệ, quần chúng, bảo vệ tri an đang được đẩy mạnh.

Đặc biệt về công tác lãnh đạo của chi bộ đã có bước tiến mới nhiều chi bộ đã biết bám chặt lấy chỉ thị, nghị quyết của trên để vận dụng vào địa phương mình, đã có nhiều cố gắng vận động quần chúng, chi bộ đang phát huy tính chất giai cấp, chiến đấu, tiên phong của tổ chức cơ sở, đã có nhiều sáng kiến, phát huy nhiều nhân tố mới trên nhiều mặt, có nhiều điển hình được công nhận là nhân tố mới trên nhiều mặt, có nhiều điển hình được công nhận là lá cờ đầu của tỉnh, và được suy tôn trong các tỉnh miền núi toàn miền Bắc.

Những thành tích to lớn trên chứng minh chân lý "Đảng ta là điều kiện cơ bản quyết định mọi thắng lợi của nhân dân ta" và Đảng đã ra tay và quyết tâm thì quần chúng nhất định phải được phát động, và quần chúng được phát động thì dễ dẫn tới kết quả là hành động cách mạng của quần chúng được tổ chức và phát huy.

Có được những thành tích trên là do chi bộ đã làm đúng vai trò lãnh đạo toàn diện của mình. Trong khi chấp hành biết xoay quanh các nghị quyết, chỉ thị chính sách của Đảng. Nhiều đảng viên đã tỏ ra hăng hái, gương mẫu nêu cao ý thức tổ chức, kỷ luật, đoàn kết lãnh đạo quần chúng cùng thực hiện chính sách, không thoát ly quần chúng cũng không theo đuôi quần chúng.

Nhìn chung số liệu chi bộ nông thôn mới đạt 23,9% số chi bộ đầu năm 1964, đạt yêu cầu bốn tốt là còn thấp. Nhưng đó là thành tích mới của Đảng bộ ta, là những con chim đầu đàn đã đú lông cánh tung bay tiến lên chủ nghĩa xã hội, đang có tác dụng phát huy tính chất tiên phong, giai cấp, chiến đấu trong các lĩnh vực công tác. *Đặc biệt là trong lĩnh vực cách mạng khoa học - kỹ thuật, trong sản xuất nông nghiệp, trong bảo vệ trị an sẵn sàng chiến đấu.*

Dưới đây là tỷ lệ đạt bốn tốt của từng đảng bộ:

Huyện, thị	Đầu năm 1964 số lượng chi bộ nông thôn	Cuối năm 1964 Tổng số chi bộ đạt bốn tốt	Tỷ lệ
Bảo Thắng	19	4	22%
Bắc Hà	38	13	34,4%
Mường Khương	23	4	17%
Bát Xát	24	3	12,5%
Sa Pa	16	5	31%
Thị xã Lào Cai	1		
Thị xã Cam Đường			
Tổng	121	29	23,9%

Những mâu thuẫn tồn tại khuyết điểm lớn trong cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt:

1. Trước hết phải kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 6, 8 của Ban Chấp hành tỉnh và Chỉ thị số 30 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: *là nhận thức của các đảng bộ đã đúng chưa; chỉ đạo đã quyết tâm chưa; biện pháp đã tích cực chưa; và chấp hành chỉ thị, nghị quyết đã nghiêm chỉnh chưa?*

Ban Thường vụ Tỉnh ủy khẳng định nghị quyết và chỉ thị của tỉnh là hoàn toàn đúng đắn, chặt chẽ có mức độ cụ thể và yêu cầu 50% số chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt là có khả năng và có điều kiện.

Bốn vấn đề trên nói cho nghiêm khắc: Nhận thức còn chưa đầy đủ quyết tâm mới ở bước đầu, biện pháp mới được từng mặt và từng lúc ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết chưa được nghiêm chỉnh.

Trong Chỉ thị 30 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có phê phán và uốn nắn bốn quan điểm lệnh lạc trong công tác xây dựng Đảng:

1. Cầu toàn, ngại khó.
2. Tuần tự bậc thang.
3. Xây dựng Đảng là của Ban Tổ chức và của cấp ủy.
4. Đóng cửa xây dựng Đảng trong nội bộ.

Nhưng nay phải phê phán, thêm vấn đề ý thức chấp hành chỉ thị chưa được nghiêm chỉnh, chí khí phấn đấu chưa cao, còn hữu khuynh, buông lỏng công tác xây dựng Đảng.

Đây là một khuyết điểm lớn đồng thời cũng là tồn tại phải giải quyết triệt để vì nó là yếu tố tinh thần, yếu tố tư tưởng, chính trị, thuộc về chủ quan, hoàn toàn có khả năng khắc phục được.

Nhiệm vụ cách mạng ngày càng lớn, thời đại lấy xây dựng xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm, và lấy cách mạng kỹ thuật làm then chốt, lấy sản xuất làm mục tiêu nếu chi bộ cứ ở trình độ như cũ không được, phải có chuyển biến mức, tức là chi bộ phải là chi bộ bốn tốt. Các chi bộ phải khắc phục thật mạnh mẽ các quan điểm lệch lạc trên, phải xây dựng cho được chí khí phấn đấu cách mạng cao trong các chi bộ, đồng thời phải chống *các tư tưởng hữu khuynh*,

bảo thủ trong công tác xây dựng Đảng; không tin hoặc sợ khó không dám xây dựng chi bộ bốn tốt và vì nhiều lý do không chính đáng để từ chối phải vươn lên hàng đầu, tiến lên phía trước, không thể có chi bộ nào ngồi đợi điều kiện để lên bốn tốt. Chúng ta phải khẳng định hiện nay chi bộ nào cũng phải xây dựng được chương trình hành động của mình và ra sức quyết tâm phấn đấu để trở thành chi bộ bốn tốt.

Các chi bộ Bản Qua, Na Hồi, Quang Trung là những chi bộ kém, thậm chí là quá kém như Chi bộ Bản Qua đã chứng minh rất chính xác Chỉ thị 30 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy là đúng đắn và nói lên khả năng tất cả các chi bộ đều có thể trở thành chi bộ bốn tốt mà chỉ cần có một chí khí phấn đấu cách mạng cao, quyết tâm đầy đủ không phải trải qua các giai đoạn từng bước, từ kém lên khá, trung bình rồi mới lên được chi bộ bốn tốt và cũng không đợi điều kiện có sẵn khách quan mới là do chủ quan của các chi bộ quyết định. Phải xây dựng cho các chi bộ tư tưởng phấn đấu đạt chi bộ bốn tốt như bộ đội ra trận tiêu diệt đồn địch hoặc bắn máy bay ngày 7, 8, 11 tháng 2 năm 1965 và ngày 2-3-1965 của quân và dân ta hạ máy bay của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thì chắc chắn rằng đạt chi bộ bốn tốt là khó khăn nhưng không phải là ta không có khả năng làm được. Việc xây dựng chi bộ bốn tốt không hại gì đến tính mạnh, tài sản của đảng viên và nhân dân, mà trái lại chỉ có nâng cao đời sống cho quần chúng, tăng thành tích cho Nhà nước, làm giàu cho Tổ quốc mà thôi. Đồng thời cũng phải loại trừ tư tưởng hoài nghi, không tin, hữu khuynh ngại khổ, thoái thủ trong việc xây dựng chi bộ bốn tốt.

Nguyên nhân chủ yếu không đạt được 50% số chi bộ trở thành chi bộ bốn tốt là do chí khí phấn đấu cách mạng của các chi bộ chưa cao, quyết tâm chưa đầy đủ là lý do chủ yếu nhất, và cũng là những điều kiện trước tiên phải giải quyết từ các cấp ủy đến các đảng viên quán triệt thông suốt, là nhân tố quyết định nhất. Đồng thời, chi bộ cũng phải hết sức chú trọng.

Giải quyết là cho các tổ chức quần chúng tích cực phấn đấu bốn tốt hoặc năm tốt của ngành mình, vì các ngành là tổ chức quần chúng của Đảng, đặc biệt đoàn thanh niên lao động là cánh tay đắc lực của Đảng, các chi bộ còn xem nhẹ khâu công tác này, chưa làm cho các tổ chức quần chúng cùng bước đi, cùng nhịp thở với Đảng trong mọi nhiệm vụ và yêu cầu của cách mạng. Nếu chừng nào ta chưa giải quyết tốt khâu tổ chức quần chúng thì chừng đó số chi bộ bốn tốt vẫn bị hạn chế, và cũng không thể nâng cao chất lượng của các tổ chức quần chúng.

2. Nội dung cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt

Bốn yêu cầu của nội dung xây dựng chi bộ bốn tốt là sự tổng kết và tổng quát nhiệm vụ cơ bản của chi bộ cơ sở trong giai đoạn cách mạng hiện nay nó đã toát lên vấn đề chủ yếu trong bảy nhiệm vụ (chương VI) do Điều lệ Đảng đã quy định.

Nói chung các chi bộ (kể cả các chi bộ chưa đạt yêu cầu bốn tốt đã biết bám lấy yêu cầu bốn tốt để xây dựng chương trình hành động của chi bộ mình, và biết lấy yêu cầu thứ nhất, theo hướng dẫn của Ban tổ chức để phấn đấu, làm nội dung chủ yếu nhất. Do cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt được mở rộng đã làm cho sự lãnh đạo của chi bộ về sản xuất có nhiều tiến bộ và từng chi bộ từng vùng khác nhau đã có những mặt và những chỉ đạo sâu hơn, kết quả cụ thể đã đem lại lợi ích kinh tế cao hơn, đã đóng góp phần đáng kể vào việc thực hiện đạt các mục tiêu sản xuất, thực hiện một bước cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng văn hóa tư tưởng, đã có những chi bộ là lá cờ đầu của tỉnh, đồng thời còn được các tỉnh miền núi trong toàn miền Bắc suy tôn học tập.

Những chi bộ bốn tốt cần rút ra một kinh nghiệm rằng: Chính các đồng chí đã biết bám chặt lấy sản xuất *củng cố hợp tác xã đẩy mạnh năng suất cao, làm mục tiêu; lấy các biện pháp làm then chốt, và lấy các yêu cầu trên làm nội dung để củng cố và nâng cao trình độ lãnh đạo của chi bộ.*

Chi bộ Bảo Nhai đã lãnh đạo công tác thủy lợi hóa, đảm bảo đủ nước cho lúa hai vụ, cộng với việc cải tiến kỹ thuật sản xuất khác nên đã vượt năng suất lúa, ngô 1 cân giống 5 kilô so với kế hoạch. Chính nhờ có thâm canh tăng năng suất bằng các biện pháp chủ động do con người tạo nên ấy mà đã đưa tổng sản lượng của xã Bảo Nhai tăng một cách nhanh chóng. Không những đảm bảo cho dân địa phương đủ no mà còn đảm bảo cho sự phát triển tăng dân số thường xuyên và tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi cũng được tăng không ngừng về đời sống chính là khâu then chốt kỹ thuật đã được giải quyết và công cho ta tiên đề khả năng đưa năng suất lên cao hơn và đời sống không ngừng được cải thiện, đóng góp cho Nhà nước phần công nghiệp hóa, và làm nhiều hơn sản phẩm hàng hóa cho xuất khẩu. "Dân số có 1.641 dân miền xuôi lên 759 nhân khẩu, địa phương 882 nhân khẩu".

- Chi bộ Bản Qua đã thông qua lãnh đạo sản xuất mà củng cố đưa được hai hợp tác xã đạt năng suất cao, lãnh đạo cải tiến công cụ sản xuất, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất vận chuyển đã làm được chuyển biến tình hình sản xuất đạt và vượt kế hoạch, mà lại nhanh gọn hơn năm 1963 từ 15 đến 17 ngày, về thời vụ và vận chuyển thóc nghĩa vụ cho Nhà nước với khối lượng lớn hơn năm 1963.

Đã phát động quần chúng cải tiến và sử dụng 100% xe quyết chuyển phân ra đồng, thóc về nhà, vào kho, nộp thuế bán lương thực cho Nhà nước. Vận động sử dụng 308 bừa sắt, cày cải tiến, 396 cào cỏ sắt, 8 quạt hòm, 7 sân phoi, 13 kho, 170 máng đập lúa để giải phóng sức lao động đẩy mạnh sản xuất phát triển.

Chi bộ đã biết dựa vào đoàn thanh niên lao động để làm nòng cốt trong các phong trào làm phân, cải thiện công cụ sản xuất, phương tiện vận chuyển, thi cấy, v.v. mang tên anh Nguyễn Văn Trỗi.

Chi bộ Quang Trung là vùng dân tộc Mán làm ruộng định canh và một phần làm nương, chi bộ đã coi trọng lãnh đạo sản xuất, đặc biệt đã chú trọng đến khâu tăng năng suất lúa ruộng. Do sản xuất tăng, đời sống không ngừng cải thiện. Mặt khác chi bộ đã nhận rõ

việc làm nghĩa vụ cho Nhà nước là thực hiện việc đóng góp sức mình cho việc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Chi bộ đã lãnh đạo và tổ chức quần chúng hoàn thành trong và ngoài nghĩa vụ lương thực và thực phẩm trong khoảng thời gian 10 ngày. Ngoài ra còn chú trọng đến thu thuế sát sinh, bán trâu, gà vịt, v.v. cho Nhà nước.

Chi bộ Nam Cường là chi bộ lãnh đạo phát triển nông nghiệp toàn diện, đã coi trọng phát triển kinh tế hàng hóa, trừ lúa ngô ở đây đã chú trọng phát triển cây công nghiệp mía, phát triển rau nuôi lợn cung cấp cho thị xã, sản xuất hoa quả để phục vụ cho xuất khẩu. Trên cơ sở có cải tiến công cụ và cải tiến canh tác trong sản xuất, đưa năng suất cây trồng đều đạt và vượt mức, chăn nuôi được công nhận là lá cờ đầu của tỉnh, bán các hàng nông sản, thực phẩm, lương thực, trái cây cho Nhà nước đều đảm bảo vượt mức kế hoạch có truyền thống.

Chi bộ Tả Ngáo là những điển hình tích cực lãnh đạo thanh toán nạn mù chữ, và sự lãnh đạo đấu tranh tấn công triệt để vào mặt tập quán lạc hậu cũ như ma chay, cưới xin lãng phí, nay đã có những bước tiến quan trọng, thay đổi đời sống dân tộc Mán, sức khỏe được đảm bảo, văn hóa được thanh toán nạn mù chữ, cúng bái ma chay giảm một cách căn bản, nay đã có hai đám cưới mổ gà thay trâu, lợn, ốm đều đã biết dùng thuốc, những tệ tục cản trở sản xuất đã được xóa bỏ.

Chi bộ Lao Chải vùng Mèo Sa Pa có những nét điển hình về phương hướng sản xuất, đã coi trọng khâu thâm canh tăng năng suất, đồng thời là lá cờ đầu của toàn tỉnh làm ruộng bậc thang xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã, và đã đầu tư lao động kỹ thuật vào ruộng bậc thang mới, có *năng suất ngang với ruộng thuộc* trước đây là những nhân tố mới, có tính chất chiến lược của vùng cao mà Chi bộ Lao Chải đã tập trung lãnh đạo và giải quyết thắng lợi, đã được tổng kết, thành kinh nghiệm phổ biến hội nghị vùng cao toàn tỉnh miền Bắc.

Chi bộ Thanh Bình là những điển hình kết hợp giữa sản xuất và bảo vệ trị an sẵn sàng chiến đấu tốt đã được Chính phủ tặng Huân chương và được suy tôn là cờ đầu bảo vệ trị an toàn miền Bắc. Có thể nói sự thể hiện tính giai cấp, tính chiến đấu tiên phong cảnh giác cách mạng của Chi bộ Thanh Bình, tiêu biểu cho tư tưởng chuyên chính vô sản của Đảng trong giai đoạn hiện nay là hoàn toàn phù hợp và cần thiết, khẩu hiệu tay cày, tay súng của xã Thanh Bình đã thành sức mạnh của toàn dân toàn Đảng bộ, Thanh Bình dám báo cáo với Đảng rằng dù khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào đến cũng đánh và đánh nhất định thắng, nếu 1 nhóm hoặc 1 tiểu đội biệt kích xuống Thanh Bình có khả năng tiêu diệt gọn.

Chi bộ Thống Nhất là những điển hình độc đáo của vùng cao của tỉnh ta, đồng thời cũng là của cả các chi bộ miền núi toàn miền Bắc, về mọi mặt:

Về cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất chi bộ làm rất triệt để, 95% nhân dân lao động vào hợp tác xã 100% hộ (116 hộ) tiểu thương đã cải tạo sang sản xuất nông nghiệp. Những người nghiện hút, mo then được cải tạo tích cực và triệt để. Những lúc khó khăn, sóng gió nhất đã thể hiện lập trường vững vàng và kiên định của Chi bộ Thống Nhất giữ vững hợp tác xã không ngừng được củng cố và phát triển.

Thời kỳ cải tạo làm trọng tâm các đồng chí Thống Nhất, đã biết gắn nội dung xây dựng kết hợp chặt chẽ. Đã kiên quyết tăng vụ lên vùng cao đưa nền kinh tế từ độc canh đến đa canh, đã thay thế cây đậu tương thành cây hàng hóa. Quay vòng đất tối 1,8 lần, các biện pháp kỹ thuật đều được thực hiện đặc biệt là biện pháp làm phân; bón phân cho lúa vụ mùa 1964 bình quân 1 ha 6.300 kg, 1 ha ngô 2.600 kg, các loại hoa màu cây công nghiệp khác đều bón phân. Quản lý lãnh đạo hợp tác xã được chặt chẽ: Hợp tác xã Sín Chải 3 năm liên là hợp tác xã tiên tiến bình quân lúa vụ 1 ha

9.600 kg phân, ngô 1 ha 4.800 kg, ngày công của hợp tác xã bình quân là 230 công 1 lao động, giá trị ngày công cũng tăng từ:

Năm 1961	1 ngày công lao động	Năm 1964	1 ngày công lao động
	2,7 kg lương thực		3,23
	0,093 tiền		0,27
	không lạc		0,16
	không đậu tương		0,70
	không đường		0,27
Năm 1961	Lúa 22 kg 1 cân giống	Năm 1964	25 kg
	Bắp 22 kg 1 cân giống		23 kg
	Đỗ tương 4,5 kg 1 cân giống		5 kg

Do toàn xã đã coi trọng việc thăm canh tăng năng suất bằng biện pháp kỹ thuật nên đã đưa sản lượng lương thực tăng từ 367.000 kilô năm 1961 đến 493.000 kg năm 1964. Các loại nghĩa vụ lương thực thực phẩm ngày càng tăng đều hoàn thành. Các chính sách dân tộc được coi trọng.

Về công tác xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ được hết sức chú ý và làm đúng với đường lối xây dựng Đảng và đúng đường lối cán bộ của Đảng.

Trước hết các đồng chí Thống Nhất không những coi trọng về tổ chức phát triển của Đảng trong những năm qua tích cực đã làm cho số lượng chi bộ từ 2 đảng viên nông thôn 1959 đến nay đã có 18 đảng viên. Trong phát triển các đồng chí còn hết sức coi trọng về mặt lập trường giai cấp của đối tượng lấy công tác hợp tác xã, chấp hành chính sách, đối với địch, v.v. làm chuẩn để xem xét. Nhưng một điều đáng chú ý về xây dựng Đảng các đồng chí Thống Nhất đã xem trọng việc xây dựng lập trường tư tưởng và đoàn kết trong chi bộ thành khối thống nhất và giải quyết đảng viên kém. Đến nay chi bộ Thống Nhất có thể nói lên sự tiêu biểu cho sự đoàn kết nhất trí trong chi bộ. Các đồng chí Thống Nhất đã tích cực giải quyết không còn đảng viên kém, và nói lên một điểm hùng hồn rằng

không có một việc gì trên giao mà Chi bộ Thống Nhất không làm nổi mà còn làm với tinh thần chất lượng và triệt để cách mạng.

Đối với công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ các đồng chí làm rất tích cực và thiết thực cho nên các đồng chí đã có một đội ngũ cán bộ xã, thôn, xóm tương đối chất lượng. Nhiều cán bộ xã đã tự động được công tác và đào tạo cung cấp cho huyện, tỉnh, 24 cán bộ đã thoát ly trong đó có 3 đồng chí đã tham gia huyện ủy, các đồng chí đã có nhiều cách giải quyết tốt cho 24 gia đình cán bộ trên nên đã góp phần làm yên tâm những cán bộ thoát ly là những kinh nghiệm và thành tích đáng kể đóng góp vào công tác xây dựng Đảng.

Ngoài các chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt, những chi bộ khá tuy chưa đạt danh hiệu bốn tốt nhưng cũng có những điển hình từng mặt và có những tiến bộ lớn 1963. Đặc biệt, số chi bộ vào loại nát đã được thanh toán, kém đã được thu hẹp.

Do cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt, được tiến hành rộng rãi đã có một sức mạnh lớn đóng góp phần đẩy mạnh mọi mặt công tác của tỉnh ta không những tiến bộ nhanh chóng, vững chắc hơn hẳn, vượt bậc hơn các năm trước. Đặc biệt là sản xuất nông nghiệp vượt tổng sản lượng Trung ương giao kể cả trồng trọt, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, và hoàn thành nhiệm vụ lương thực thực phẩm cao và nhanh sớm hơn các năm trước. Thanh toán nạn mù chữ cũng được đẩy mạnh cả ở 3 vùng thấp, giữa, cao đều có tiến bộ hai huyện Bảo Thắng, Sa Pa đã hoàn thành căn bản thanh toán nạn mù chữ.

Bên cạnh những thành tích ưu điểm tiến bộ trên, đối chiếu với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng mới, các chi bộ nông thôn cũng còn một số khuyết nhược điểm và tồn tại lớn phải tập trung giải quyết trong năm 1965.

Khuyết điểm lớn nhất của cơ sở vẫn là nấm mục tiêu sản xuất chưa chắc (cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi) lãnh đạo quản lý hợp tác xã chưa chặt, cách mạng kỹ thuật là then chốt

chưa được coi trọng (kể cả các vấn đề thời vụ, giống, cải thiện công cụ sản xuất, vận chuyển các biện pháp kỹ thuật, phân bón, đào tạo cán bộ, v.v.) mới là ban đầu và bậc thấp. Vừa qua có đạt sản lượng chủ yếu là tăng diện tích.

Khuyết điểm thứ hai: Sự quan tâm đến đời sống quần chúng về vật chất, với sự đóng góp cho công nghiệp hóa tích lũy cho Nhà nước còn chưa được hợp lý, làm tốt mặt tiết kiệm tiêu dùng để bán nông sản thực phẩm cho Nhà nước một cách tốt hơn, quan điểm quần chúng một chiêu còn nặng.

Khuyết điểm thứ ba: Sự lãnh đạo chi bộ đối với các tổ chức quần chúng còn yếu chưa lãnh đạo phối hợp, kết hợp đoàn kết chặt chẽ giữa các lực lượng quần chúng, chưa biết biến quyết tâm của Đảng thành của quần chúng, biến giác ngộ của quần chúng thành hành động cách mạng thực tế sôi nổi. Một bộ phận quần chúng ngoài tổ chức là một lực lượng đáng kể và thường là những người ít được học tập giáo dục thậm chí một số còn chưa vào hợp tác xã, là tồn tại lớn chưa được quan tâm lãnh đạo.

Khuyết điểm thứ bốn là: Một số chi bộ chưa coi trọng xây dựng lập trường tư tưởng cho đảng viên xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong Đảng. Công tác phát triển đảng làm chưa tích cực và thường xuyên (nhiều thôn và hợp tác xã trắng chưa có đảng viên). Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cung cấp cho phong trào nói chung, đặc biệt loại cán bộ kinh tế kỹ thuật còn kém.

Khuyết điểm thứ năm là: Tư tưởng chuyển biến chưa mạnh, quyết tâm chưa cao đối với cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt.

3. Các biện pháp bước đi của cuộc vận động

Qua một năm tiến hành cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt các chi bộ có nhiều biện pháp khắc phục và tốc độ bước đi cũng khác nhau. Nhưng có một biện pháp lớn nhất là cần phải tổng kết lại là, biện pháp giáo dục làm cho sự chuyển biến từ cấp ủy đến đảng viên thông suốt nhất trí, quyết tâm (đăng ký) xây dựng được

chương trình hành động của chi bộ, tổ đảng, đảng viên là biện pháp trước tiên, đăng ký là một biện pháp mới nghe qua chưa thấy hết được ý nghĩa sâu sắc của nó, thực chất đây là một cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng, vì đăng ký không phải là muốn viết hay nói thế nào thì nói mà phải trải qua sự tự phê bình và suy nghĩ cá nhân hoặc tập thể mới có được nội dung đầy đủ, tuy không khó nhưng không thể qua loa đại khái hình thức. Những nơi đã tiến hành đăng ký cả ở các tổ chức quần chúng đó là chúng ta đã mở rộng cuộc tự phê bình và vận dụng quy luật xây dựng Đảng vào công tác xây dựng các tổ chức quần chúng một bước, có một điều ai cũng phải thừa nhận rằng qua đăng ký cá nhân là một bước nâng cao tính tự giác phê bình, nâng cao tư tưởng cho đảng viên, mặt khác các ban chỉ ủy năm sâu hơn về mặt tư tưởng công tác của đảng viên và cán bộ, trên cơ sở đó mà sử dụng cán bộ, đảng viên được tốt hơn. Nhưng vừa qua một số đăng ký còn hình thức chung chung hoặc nhiều cá nhân không đăng ký phấn đấu là một khuyết điểm, nhưng cũng phải chỉ ra rằng không dám đăng ký là chí khí phấn đấu chưa cao, ngại khó khăn gian khổ, ngại ghép mình vào khuôn khổ tổ chức mà thoái thác không dũng cảm đăng ký phấn đấu là thoái thủ, là lạc hậu, dám nói nhưng không dám làm.

Nội dung của đăng ký cá nhân hay tập thể không phải điều gì xa lạ bí hiểm mà là những nhiệm vụ chức năng điểm yếu hoặc khuyết điểm của mình cần khắc phục sửa chữa thì nêu lên để làm đích sửa chữa hoặc phấn đấu. Về phương pháp đăng ký là cần thiết nhưng chỉ là thứ yếu, còn phần chủ yếu vẫn là sự giác ngộ và quyết tâm là chính. Ta tôn trọng nội dung là chủ yếu chất lượng là chủ yếu, chỉ cốt những bản đăng ký đó nói được nội dung gạch đầu dòng cũng được hoặc những chi bộ kém chữ, quyết nghị ghi vào biên bản lên báo cáo bằng miệng cho huyện cũng được.

Bước đi của từng đợt vận động trong một năm cần thiết có ba bước:

Bước 1: Là bước giáo dục tuyên truyền vận động xây dựng

chương trình hành động từ trong Đảng đến ngoài các tổ chức quần chúng.

Bước 2: Là bước tổ chức chỉ đạo thực hiện, đăng ký bổ sung chương trình, và bước này cũng là bước quyết định nhất.

Bước 3: Là bước tổng kết động viên phong trào chuẩn bị cho hành động của chi bộ năm sau.

Năm qua đã có 188 chi bộ có đăng ký chương trình hành động, còn 157 chi bộ chưa đăng ký phấn đấu (ở đây bao gồm 100 chi bộ mới được thành lập hoặc mới tách ra vào các tháng cuối năm). Thời gian đăng ký phấn đấu phần lớn là thuộc về 6 tháng cuối năm, như vậy là quá chậm, không đảm bảo tính chất thời vụ của sản xuất và không nêu cao tinh thần phấn đấu từ những ngày tháng đầu của kế hoạch, những đăng ký của chi bộ nông thôn mới có 48 chi bộ có nội dung chính thức bằng 42% số chi bộ đầu năm nếu tính đến nay mới bằng 30% là còn quá ít và chậm hơn xí nghiệp, cơ quan. Nội dung đăng ký nhiều chi bộ còn ghi chung chung và chưa nêu được những điểm cao của chi bộ phải phấn đấu một cách cụ thể.

Nhiều tổ đảng, đảng viên chưa có chương trình cá nhân, ai hăng hái thì phấn đấu nhiều, ai không tích cực cũng thiếu một chương trình cá nhân cụ thể để làm cơ sở để kiểm tra công tác của đảng viên. Đối với các tổ chức quần chúng chưa giao được nhiệm vụ cụ thể cho từng ngạch giới để tập trung sức lực giải quyết những mục tiêu chính.

Bước hai là bước phấn đấu quyết định nhất nhưng vẫn chưa được đại đa số chi bộ dồn sức phấn đấu thực hiện chương trình hành động của mình cho nên trong số 48 chi bộ nông thôn đăng ký mới có 29 chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt và mức độ đạt cũng có mức độ khác nhau, những chi bộ đạt khá, và giỏi nhiều mặt còn là số ít. Đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp mà nhiều chi bộ không lãnh đạo đạt và vượt kế hoạch năng suất, phần lớn tuy còn đạt tổng

sản lượng là do phát triển diện tích bù lại hoặc lấy hoa màu bù cho lương thực chủ yếu. Có thể nói việc lãnh đạo khâu tăng vụ vùng cao còn kém, khâu cách mạng kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp bao gồm: Công cụ sản xuất, giống, phần thủy lợi, gặt đập, vận chuyển giải phóng đôi vai, giải phóng sức lao động... là khâu tồn tại lớn nhất và cũng là khâu then chốt nhất chưa được tập trung giải quyết. Vấn đề bảo vệ sản xuất chống địch phá hoại có được chú ý hơn nhưng chống nạn thả rông gia súc phá hoại sản xuất còn là tồn tại lớn.

- Việc lãnh đạo chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước nói chung có tiến bộ. Điều nổi bật nhất là chính sách thuế và thu mua lương thực trong nghĩa vụ hoàn thành nhanh gọn đạt mức đã định. Song còn chính sách tiết kiệm lương thực bán ngoài nghĩa vụ còn yếu, chính sách thực phẩm một số xã đạt kế hoạch nhưng đơn vị vẫn có nhiều quần chúng chưa tham gia đóng góp nghĩa vụ. Bán sản phẩm khác như chè, bông, lanh, đậu tương đang còn ở mức độ thấp. Tư tưởng hữu khuynh còn nặng một số địa phương địa chủ ngóc đầu dậy trấn áp chưa kịp thời, cảnh giác cách mạng chưa cao.

- Chấp hành đường lối công tác quần chúng của Đảng, năm qua đã đi vào bê rộng tuyên truyền giáo dục quần chúng, làm cho quần chúng phấn khởi sản xuất, chấp hành chính sách là hiện tượng và chiêu hướng tốt. Nhưng cũng phải nhìn thấy chưa đi vào thường xuyên mới được từng lúc từng đợt, chưa chủ động xây dựng bồi dưỡng tốt các điển hình và sử dụng điểm để chỉ đạo diện một cách có hiệu quả.

- Thậm chí những nhiệm vụ trọng điểm cũng chưa giao cho từng ngành trọng điểm, do đó có lúc ngành nào cũng nói tầm quan trọng của giới ngành mình mà không tập trung vào giải quyết nhiệm vụ chính trị trung tâm của Đảng. Đó là sự chỉ đạo của chi bộ chưa tập trung và chưa thật sát sao chặt chẽ công tác này.

Nguyên nhân sự chỉ đạo chưa tập trung một phần còn do các ngành giới dọc ở trên hướng dẫn chỉ đạo tư tưởng công tác của các ngành bên dưới có lúc cũng chưa quán triệt nhiệm vụ chính trị và cũng chưa biết lấy nhiệm vụ chính trị làm nội dung hoạt động củng cố ngành mình.

Trong công tác lãnh đạo tư tưởng quần chúng có hai vấn đề giữa lợi ích tập thể và toàn dân chưa được làm cho đảng viên chi bộ quán triệt. Cho nên hiện tượng phổ biến là nặng về lợi ích tập thể hợp tác xã nhẹ về lợi ích toàn dân, không nhìn thấy rõ hai lợi ích đó là thể thống nhất, và trong điều kiện miền Bắc được hòa bình phải nêu cao chí khí phấn đấu, ra sức sản xuất đi đôi với tiết kiệm để nâng cao đời sống vào đóng góp cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và phải kiên quyết dành những sản phẩm mà có thể tiết kiệm để bán cho Nhà nước phục vụ công nghiệp hóa cho xuất khẩu, không những xây miền Bắc mà còn phải có ý thức làm hết sức mình để chi viện cho cách mạng miền Nam, trên cơ sở đó mà khắc phục những tư tưởng ngại khó, khổ, bảo thủ, cục bộ, xem nhẹ... lợi ích toàn dân lo sản xuất nhiều lại phải bán nhiều, v.v..

Mặt khác cũng phải nói rằng các chi bộ mới quan tâm đến đời sống quần chúng về ăn và trước mắt, chứ chưa lo đời sống quần chúng về mọi mặt, lâu dài và phải bằng cách vận động quần chúng và để quần chúng tự giải quyết lấy là chủ yếu.

Do nhận thức chưa đầy đủ ấy mà trong sản xuất chưa mạnh dạn tiến hành cách mạng kỹ thuật để không ngừng đưa năng suất sản lượng tăng nhanh kể cả trồng trọt, chăn nuôi, và các khâu liên quan sản xuất khác, về các mặt đời sống tư tưởng chính trị về văn hóa, sức khỏe, v.v. chưa được thường xuyên đồng thời tiến hành cùng sản xuất.

Về công tác củng cố xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ "Sự lãnh đạo của Đảng ta là điều kiện cơ bản quyết định mọi thắng lợi của nhân dân ta. Vì vậy, muốn cho Đảng ta làm tròn trách nhiệm của

mình trong giai đoạn cách mạng hiện nay, vấn đề mấu chốt nhất vẫn là không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng".

Nhận thức này đã phổ biến giáo dục đến chi bộ, nhưng chưa quán triệt vào nhận thức của từng đảng viên đầy đủ, chưa thành hành động cách mạng triệt để phổ biến trong các chi bộ. Chưa lo lắng bàn bạc quyết tâm xây dựng cho bằng được, chi bộ tham mưu không những đồng về số lượng, vững về tư tưởng, mạnh về chính trị có tầm quan trọng làm trụ cột đoàn kết lãnh đạo quần chúng tiến bước vững chắc. Đến nay nông thôn mới có 29 chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt là còn quá ít so với yêu cầu.

Đối chiếu với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đòi hỏi chi bộ rất cao nhưng nhiều chi bộ còn phải phấn đấu kiên quyết hơn mới kịp nhu cầu đòi hỏi. Chưa lo đầy đủ đến quan điểm, lập trường của chi bộ trong thực hiện kế hoạch, lấy năng suất cao làm mục tiêu phấn đấu, lấy cuộc cách mạng kỹ thuật làm then chốt để tăng nhanh tổng sản lượng, nâng cao đời sống quần chúng, tích cực đóng góp cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời phải quán triệt các yêu cầu, nhiệm vụ khác và chỉ thị, nghị quyết, chính sách của cấp trên làm nội dung củng cố, rèn luyện chi bộ, đưa chi bộ mình phải trở thành chi bộ bốn tốt.

Phải lo việc thứ hai là củng cố kiện toàn sinh hoạt của chi bộ có nội dung chính trị đi vào nền nếp. Vừa qua có đi vào nền nếp hơn nhưng nội dung còn nghèo nàn, chưa làm tốt khâu giáo dục chính sách nghị quyết cho đảng viên, mới nặng về phổ biến công tác cho đảng viên về làm, chưa làm tốt khâu kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết của chi bộ, chi ủy, đối với đảng viên. Chưa tăng cường kiểm tra và động viên tư tưởng và hành động đúng, giáo dục kỷ luật những đảng viên không gương mẫu, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết, vi phạm nguyên tắc, chính sách của Đảng.

Phải lo đến phát triển đội ngũ đảng viên, công tác này làm có tiến bộ hơn năm 1963 nhưng mức độ còn thấp, phát triển khá mới

ở từng khu vực hoặc được một số xã, còn nói chung làm chưa mạnh, đặc biệt có 20 xã 2 năm không phát triển được đảng viên nào, có 298 thôn và 100 hợp tác xã chưa có đảng viên trong khi đó lực lượng đảng viên ở 68 chi bộ mới có từ 3 đến 10 đảng viên là còn quá ít.

Tiêu chuẩn đảng viên kết nạp nói chung đảm bảo, lực lượng trẻ được chú ý (60% đảng viên mới kết nạp là thanh niên). Nguyên nhân phát triển chậm là do nhận thức không đầy đủ, biện pháp không tích cực, mặt khác ở chi bộ lại đơn giản, sơ sài, trên huyện thị nguyên tắc giấy tờ thiếu sự kiểm tra, hướng dẫn giải quyết cụ thể, có huyện còn tới 20%-30% số đề nghị của chi bộ không được giải quyết, cũng không được trả lời, hướng dẫn cụ thể.

Việc vận dụng bốn tiêu chuẩn của một đối tượng để kết nạp còn chưa được chú trọng đầy đủ, và vận dụng linh hoạt, các chi bộ thường chỉ nhìn vào tiêu chuẩn chấp hành chính sách, công tác là chủ yếu mà không xem đến ba tiêu chuẩn khác như lịch sử, chính trị rõ ràng, hoạt động và tác dụng đầu tàu trong tổ chức quần chúng, giác ngộ về Đảng và giai cấp.

Biện pháp làm còn đóng khung trong một số đồng chí làm chưa phải là tất cả đảng viên đều làm, tập thể làm, chưa sử dụng tốt đoàn thanh niên lao động, giáo dục, giới thiệu đoàn viên ưu tú có đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Một bài học cho thấy chi bộ nào làm tốt công tác giáo dục tư tưởng đồng thời coi trọng công tác phát triển đảng để cải thiện thành phần trong Đảng, tăng thêm sức chiến đấu trong Đảng thì mọi mặt phong trào ở đó đều tiến bộ và ngược lại nơi nào làm không tốt thì gặp nhiều khó khăn.

Công tác đào tạo cán bộ là vấn đề rất lớn các chi bộ đã đào tạo và trên đào tạo cho các loại cán bộ được rất nhiều, nói chung anh em là tốt. Nhưng năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ còn thấp. Sự bồi dưỡng giao việc của chi bộ cho từng đảng viên, cán bộ còn chung chung, chưa cụ thể, thiếu kiểm tra, đôn đốc, bồi khuyết,

giúp đỡ kịp thời. Đặc biệt, khâu quản lý kinh tế và chỉ đạo kỹ thuật chi bộ còn nhiều lúng túng, bỡ ngỡ chưa thông thạo, lãnh đạo việc thanh toán bối túc văn hóa cho cán bộ còn là khâu yếu.

Đối với loại cán bộ chủ chốt của xã, thôn, hợp tác xã còn mỏng, nhiều xã chưa tự động được. Vấn đề này chi bộ cũng ít chú ý rút kinh nghiệm và có kế hoạch bồi dưỡng thực tế trong công tác. Nhiều cán bộ chuyên môn kỹ thuật trên đào tạo cho cũng ít chú ý sử dụng hợp lý và phát huy khả năng chuyên môn của anh em.

Về trách nhiệm đào tạo, cung cấp cán bộ thoát ly cho các ngành ở huyện, tỉnh có tiến bộ về số lượng (580 cán bộ dân tộc toàn tỉnh), nhưng so với đội ngũ cán bộ nói chung mới chiếm 10% và tỷ lệ này càng giảm xuống so với cán bộ Kinh là biểu hiện chưa mạnh mẽ. Nguyên nhân việc đào tạo cán bộ đi thoát ly chậm một lý do quan trọng là chi bộ chưa làm hết trách nhiệm của mình về đào tạo, giới thiệu, gìn giữ đội ngũ cán bộ dân tộc. Do không nhận rõ trách nhiệm một số nơi còn xem nhẹ cả công tác tuyên truyền, giải quyết khó khăn cho những gia đình cán bộ đi thoát ly, chứng thực với trên để cán bộ trở về địa phương... cần được rút kinh nghiệm.

Một điểm đáng chú ý là công tác sơ kết, và tổng kết làm còn chậm, có những chi bộ khi đăng ký chưa thấy hết được đầy đủ, qua sơ kết có thể đăng ký bổ sung (vừa qua không có nơi nào đăng ký bổ sung), hoặc nhìn thấy các vấn đề mắc mưu, tồn tại, mặt yếu để tập trung phấn đấu khắc phục. Qua sơ kết, tổng kết là một dịp để giáo dục nâng cao chi bộ, đảng viên, phát huy truyền thống của chi bộ, bổ sung kinh nghiệm lãnh đạo của chi bộ hoặc để xuất với trên những vấn đề cần thiết bổ ích. Việc chưa coi trọng này không những ở xã mà cả ở huyện cũng chưa chú ý làm tốt và kịp thời. Cho nên đã hạn chế một phần kết quả của cuộc vận động và hạn chế sự phát huy mạnh mẽ vai trò tín nhiệm của chi bộ trong quần chúng. Rút kinh nghiệm việc tổng kết vừa qua một số chi bộ làm còn sơ sài, có nơi không dám tự phong, cứ báo cáo để trên xét, hoặc

chỉ tự phong chi bộ bốn tốt không tự phong đảng viên bốn tốt. Nhất là những nơi tự so sánh tiêu chuẩn thấy không đạt, thì đồng thời cũng không muốn tổng kết và tự phong cho đảng viên và đảng bộ bốn tốt là một thiệt thòi cho Đảng.

III. NHỮNG YẾU TỐ CĂN BẢN ĐỒNG THỜI CŨNG LÀ NHỮNG BÀI HỌC TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHI BỘ BỐN TỐT

1. Bài học đầu tiên nhất là: Phải làm cho sự chuyển biến về nhận thức từ lãnh đạo đến đảng viên, đối với công tác xây dựng Đảng và nhân tố xây dựng Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của phong trào. Phải quán triệt công tác xây dựng Đảng với công tác trung tâm và nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng giai đoạn phải xoắn làm một mối, chi bộ, đảng viên phải xoay quanh trung tâm chính trị và lấy đó làm nội dung xây dựng Đảng, mà trước hết phải xây dựng lập trường giai cấp tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lenin cho đảng viên, chi bộ, đảng viên làm tốt cuộc vận động bốn tốt là đã làm được đầy đủ 7 nhiệm vụ của tổ chức cơ sở và 10 nhiệm vụ của đảng viên do điều lệ của Đảng quy định. Nhiều chi bộ đảng không làm đúng tinh thần này là một khuyết điểm. Cho nên toàn Đảng bộ ta phải giáo dục cho thật tốt làm cho sự chuyển biến sâu sắc về ý nghĩa mục đích vai trò, vị trí của việc xây dựng chi bộ bốn tốt trong giai đoạn hiện nay là bức thiết, khách quan quy định "Vấn đề mấu chốt vẫn là không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng", công tác này phải được tuyên truyền giáo dục giác ngộ chuyển biến từ cấp trên xuống cấp dưới từ chi ủy đến đảng viên, từ trong Đảng ra ngoài Đảng nhận rõ và có một quyết tâm đầy đủ thường xuyên từ những ngày tháng đầu. Phải khắc phục cho tốt bốn quan điểm không đúng đắn mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phê phán trong Chỉ thị số 30. Phải làm cho mỗi chi bộ thấy mình phải ở trong giai đoạn khẩn trương cách mạng, phải là

bộ tham mưu có chí khí cách mạng cao của dân tộc anh hùng, của một đảng Mác xít chân chính, đã gương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bách chiến bách thắng, phải xây dựng cho mỗi chi bộ còn nhận thấy mình là vị trí của tổ chức cơ sở là đơn vị chủ lực ở mũi chủ công, ngoài tiền tuyến, phải có tư tưởng quyết thắng xây dựng bằng được chi bộ bốn tốt. Không để cho tư tưởng (hữu khuynh) nước chảy bèo trôi từ từ đến đâu hay đến đó không dốc sức phấn đấu tạo lấy thuận lợi về phần mình tiến lên phía trước.

2. Bài học thứ hai là: *Phải xây dựng được chương trình hành động các chi bộ mình* (đăng ký) nếu thực hiện tốt đăng ký là ta đã thực hiện một bước tốt tự phê bình trong đăng ký; phê bình theo quy luật trong xây dựng Đảng: Lấy nội dung của việc tự phê bình và phê bình để vận dụng vào công tác đăng ký, xây dựng chương trình công tác; kiểm tra, sơ kết, tổng kết, kinh nghiệm là rất tốt là đúng với nguyên tắc của Đảng. Nhưng nội dung đăng ký phải bám cho thật chắc những nhiệm vụ chính trị, các cuộc vận động cách mạng lớn của Đảng, của chi bộ nông thôn làm cơ sở chủ yếu để nâng cao chi bộ củng cố xây dựng chi bộ. Đặc biệt, phải quán triệt thật sâu sắc ý nghĩa cuộc cách mạng kỹ thuật làm then chốt trong sản xuất hiện nay. Để thể hiện sự tập trung sự lãnh đạo của chi bộ, và từ đó mà xây dựng nội dung sinh hoạt của chi bộ có chất lượng đều đặn bổ ích cho đảng viên. Kinh nghiệm việc tự phê bình muốn làm tốt kể cả một tập thể, cá nhân đều phải có chuẩn bị, tự mình xác định trước. Cụ thể là hội nghị chi bộ thì chi ủy phải chuẩn bị trước, tổ đảng thì tổ trưởng phải chuẩn bị trước, đảng viên thì tự mình phải chuẩn bị chủ động trước, có làm đúng như vậy mới nâng cao được tinh thần tự phê bình chủ động tự giác của đảng viên. Những nơi chưa đạt yêu cầu bốn tốt vừa qua chính là chưa thực hiện và chưa đúng với tinh thần trên. Chưa tập trung vào vấn đề chủ yếu là còn chạy vòng ngoài của sản xuất hợp tác xã và kỹ thuật, hay nói một cách khác là cách mạng có chuyển biến nhưng chi bộ lại chưa chuyển biến kịp với tình hình.

3. Bài học thứ ba là: *Vận động quần chúng bám chắc và thực hiện cho tốt các chỉ thị, nghị quyết của trên, không được lơi lỏng tùy tiện.* Kinh nghiệm cho thấy những chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt điều cần bản là nắm chắc các chỉ thị, nghị quyết của trên làm mục tiêu, đồng thời ra sức vận động được đông đảo quần chúng tham gia với ý thức tự giác, thường xuyên thành phong trào quần chúng. Các phong trào làm thủy lợi (Bảo Nhai), cải tiến công cụ sản xuất (Lê Lợi), cải tiến phương tiện vận chuyển (Bản Qua), cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, quay vòng đất; đào tạo cán bộ (Thống Nhất); làm ruộng bậc thang (Lao Chải), bảo vệ trị an (Thanh Bình)... chứng minh rằng quần chúng là sức mạnh vô địch, nếu chi bộ biết dựa vào quần chúng thì mọi việc đều có thể hoàn thành và hoàn thành thắng lợi. Và thấy rõ những chỉ thị, nghị quyết của trên là phù hợp với nguyện vọng của quần chúng, nên việc chi bộ biết bám chặt lấy chỉ thị, nghị quyết của trên mà lãnh đạo, giáo dục quần chúng thì nhất định làm tốt và còn làm mạnh hơn cả những ý định của chi bộ. Kinh nghiệm vận động quần chúng vừa qua là phải giải quyết cho tốt tư tưởng ngại khó, ngại hoạt động, sợ quần chúng được phát động nên càng mệt mỏi của đảng viên mà không thấy được chính chỉ có dựa trên cơ sở phát động được đông đảo quần chúng theo đường lối của Đảng thì quần chúng sẽ đào tạo ra nhiều cán bộ, và những cán bộ ấy là những cốt cán của phong trào, đảng viên không những không nặng nề như lúc quần chúng chưa được phát động mà còn cảm thấy phấn khởi, thoái mái, kết quả hơn trước.

4. Bài học thứ tư là: *Tổ chức chỉ đạo thực hiện là khâu có ý nghĩa quan trọng sau khi có chủ trương đúng, có quyết tâm cao, quần chúng được giác ngộ.* Kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện ở đây không phải là biện pháp đơn thuần về tổ chức mà phải quán triệt từ bước đầu là việc tổ chức việc phổ biến tuyên truyền đạt tinh thần chỉ thị, nghị quyết cho thật sâu rộng, phải chỉ đạo điển hình cho tốt, để giới thiệu sử dụng, kinh nghiệm điển hình triển khai phong trào, có kế hoạch và mức độ cụ thể cho từng nơi, từng

thời gian làm có trọng điểm, có phân công cụ thể, quy trách nhiệm cho từng người hoặc từng bộ phận, tăng cường kiểm tra, phân công, sơ kết rút kinh nghiệm những ý nghĩ, việc làm thực tế để làm cho lý luận nhận thức được sâu sắc, kết quả được cao hơn. Một kinh nghiệm rõ nhất là sự chỉ đạo điển hình để triển khai phong trào là điều rất tốt, nhưng nhiều nơi chưa coi trọng. Cách báo cáo điển hình quần chúng dễ tiếp thu hơn nói lý luận sách vở, trừu tượng. Cũng phải rút ra bài học kinh nghiệm thực tế là bản thân các cấp ủy, hay các cán bộ tổ chức, đảng viên phải bắt tay vào làm thực tế, từ chi bộ mình sinh hoạt, từ chi bộ mình phụ trách trọng điểm mà rút ra các kết luận, chỉ đạo phong trào mới sâu sắc và mới có cơ sở để chứng minh sự tiếp thu chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và hiểu chân lý một cách sâu sắc và tự giác.

5. Bài học thứ năm là: *Yếu tố về lãnh đạo của các huyện, thị có ý nghĩa xoay chuyển tình thế hướng đi của các chi bộ tập trung vào những vấn đề lớn có tính chất then chốt*. Kinh nghiệm vừa qua cho thấy những chi bộ có chuyển biến từ lãnh đạo huyện thị mạnh mẽ từ bao giờ thì lúc đó là những bước ngoặt đánh dấu sự tiến bộ và chuyển mình của cấp dưới và các mặt hoạt động của các ngành có những thay đổi, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng được mạnh bạo. Có thể khẳng định chắc chắn rằng nếu sự chuyển biến tư tưởng và quyết tâm của các huyện, thị cao hơn thì tỷ lệ chi bộ bốn tốt còn cao hơn, càng mạnh mẽ hơn, thành tích còn lớn hơn.

Tỉnh ta hoàn toàn nhất trí sự đánh giá của Bộ Chính trị về công cuộc xây dựng chi bộ bốn tốt, "Cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt các đảng bộ đã có nhiều cố gắng, đang phát huy tác dụng bước đầu trong sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế, quốc phòng... Qua thực tế cuộc vận động càng thấy rõ ý nghĩa lớn lao của công tác xây dựng Đảng nhất là tổ chức cơ sở".

Bộ Chính trị nhấn mạnh: Chỉ trên cơ sở xây dựng Đảng được vững mạnh mới phát huy được tinh thần ý thức cách mạng, biến nghị quyết của Đảng thành thực tế.

Vừa qua nơi nào quyết tâm xây dựng Đảng bao nhiêu thì phong trào phát triển mạnh bấy nhiêu, nơi nào không quan tâm, tách rời giữa sản xuất với xây dựng Đảng thì trái lại phong trào không lên, thành tích không lớn.

Phải làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức rõ tình hình mới, khả năng mới, để ra sức phấn đấu là điều quan trọng bậc nhất, trong năm 1965 này, nhất là công tác xây dựng Đảng phải hết sức coi trọng.

Tóm lại, cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt của tỉnh ta trong năm qua đã có những chuyển biến lớn một cách rộng rãi trong toàn Đảng bộ. Trong nông nghiệp, công nghiệp, cơ quan, quân đội... Đặc biệt, cuộc vận động này đã phát triển sâu xuống các vùng, các nơi rẽo cao, thấp, giữa đến với các dân tộc. Nhưng cuộc vận động chưa đều, chưa sâu. Nhưng bước đầu đã thu được nhiều thắng lợi mới, mở ra triển vọng mới, đưa công tác tổng kết ở cơ sở các chi bộ đều thấy phải tiến lên chi bộ bốn tốt, không thể có chi bộ đi sau phong trào.

Trong một năm phấn đấu Đảng bộ ta đã có được một số kinh nghiệm nhất định, cộng với sự phấn khởi chung của toàn Đảng, toàn dân cả Bắc và Nam đang thu được những thắng lợi to lớn trên mọi mặt. Chúng ta có thể khắc phục được các khó khăn tồn tại trên và có quyết tâm cao đưa phong trào xây dựng chi bộ bốn tốt năm 1965 mạnh mẽ hơn năm 1964 và hoàn thành, hoàn thành vượt mức nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh ta trong năm 1965.

PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHI BỘ BỐN TỐT, ĐẢNG BỘ BỐN TỐT NĂM 1965

Cần ra sức củng cố đi đôi với phát triển đảng mạnh mẽ, vững chắc, đảm bảo các đơn vị sản xuất, vũ trang, nơi hẻo lánh, vùng xung yếu đều có đảng viên. Cố gắng thanh toán các hợp tác xã thôn trảng còn lại có đảng viên. Đảm bảo thanh toán nốt 2 xã nay

là chi bộ ghép thành chi bộ độc lập. Đảm bảo mỗi chi bộ đều phải xây dựng được chương trình hành động của mình và đến hết năm 1965 có 60% số chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt.

YÊU CẦU CHI BỘ BỐN TỐT CỦA NĂM 1965

1. Đảm bảo lãnh đạo vượt mức kế hoạch năng suất, sản lượng của các huyện thị đã giao làm mức phấn đấu tối thiểu. Nhất thiết mỗi chi bộ phải có 1 hợp tác xã tiêu biểu của tỉnh. Đảm bảo hợp tác xã quản lý 100% lúa ngô, hợp tác xã vùng thấp đạt bình quân 180 đến 200 công, vùng cao từ 150 đến 180 công 1 năm của xã viên.

2. Đảm bảo thực hiện một bước về cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, trước mắt là việc làm thủy lợi đủ nước cho lúa, phân đạm đạt bình quân 5 tấn/ha cho lúa và hoa màu đều bón phân. Căn bản hoàn thành cải tiến công cụ sản xuất như cày bừa, cạo cỏ, công cụ vận chuyển vùng thấp và thực hiện một bước với vùng cao về tăng vụ, chọn giống, bón phân, cày ải, cào cỏ, gieo giống kịp thời vụ.

3. Đi đôi với sản xuất đảm bảo tinh thần sẵn sàng chiến đấu, không để kẻ địch gây ra đột xuất, không để địa chủ, phú nông ngóc đầu dậy phá hoại, biệt kích về địa phương đảm bảo tiêu diệt ngay, nơi có thổ phỉ phải được thanh toán, nạn thả rông trâu, bò phải được chấm dứt, thanh toán nạn mù chữ trong nhân dân và bổ túc văn hóa cho cán bộ.

4. Chấp hành chính sách đúng đắn, đầy đủ, đặc biệt chính sách lương thực, thực phẩm đảm bảo hoàn thành vượt mức quy định về số lượng và thời gian (đối với thực phẩm thịt đảm bảo số lượng người được bán 100% có khả năng) và tiết kiệm tiêu dùng, thu nhặt các nông sản khác bán cho Nhà nước theo đúng hợp đồng quy định. Chính sách đoàn kết dân tộc phải hết sức coi trọng và làm tốt.

5. Đảm bảo các tổ chức quần chúng đều hoạt động, thanh niên cần phải đảm bảo cải tiến kỹ thuật làm phân thành phong trào khá, phụ nữ phải làm tốt khâu gieo cấy hợp thời vụ, đảm bảo đàn lợn

tăng số lượng và trọng lượng theo đầu hộ. Các tổ chức khác phải có nội dung và kết quả cụ thể về phục vụ sản xuất.

6. Chi bộ phải đoàn kết nhất trí, công tác phát triển phải được ít nhất 4 đảng viên trở lên. Đại bộ phận đảng viên phải là bốn tốt. Đảng viên kém chỉ còn là cá biệt, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ nói chung hoạt động mạnh: Có từ 5 đến 10 cán bộ chủ chốt lãnh đạo các ngành, các hợp tác xã vững chắc, cùng cho giới thiệu tối thiểu được 1 cán bộ đi thoát ly công tác, không xin về địa phương theo yêu cầu của trên quy định.

Đảm bảo ở đâu có đảng viên là ở đó có hợp tác xã, và không còn đảng viên làm riêng lẻ ngoài hợp tác xã, đảng viên phải thanh toán nạn mù chữ, chi bộ nào cũng phải có đảng viên là phụ nữ.

YÊU CẦU ĐẢNG BỘ BỐN TỐT NĂM 1965

1. Đảng bộ lãnh đạo mọi mặt công tác theo với chức năng của mình có nhiều tiến bộ đồng đều, và phải đạt và vượt những nhiệm vụ chủ yếu được cấp trên giao cho.

2. Tối thiểu phải có 60% số chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt trở lên, không được để một chi bộ nào vào loại quá kém, chi bộ kém là trường hợp đặc biệt.

3. Đảm bảo chấp hành các đường lối, chính sách chỉ thị, nghị quyết chỉ tiêu của cấp trên giao cho được tốt, đúng với phương hướng, phương châm của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, phải quán triệt những vấn đề lớn như: Cách mạng kỹ thuật trong sản xuất, vấn đề thu mua, vấn đề săn sàng chiến đấu, vấn đề phát triển đảng viên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 47-BC/TU, ngày 20-7-1965

Về tình hình tư tưởng và nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh Lào Cai từ năm 1961 đến nay

I. Đặc điểm tình hình trong nước, quốc tế, trong tỉnh có quan hệ đến tư tưởng toàn Đảng bộ tỉnh ta

II. Những chuyển biến lớn về tư tưởng, nhiệm vụ của toàn Đảng bộ từ 1961 lại đây

III. Khuyết điểm và nguyên nhân của vấn đề tồn tại

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRONG NUỐC, QUỐC TẾ, TRONG TỈNH CÓ QUAN HỆ ĐẾN TƯ TUỞNG TOÀN ĐẢNG BỘ

Chỉnh huấn mùa xuân năm 1961 trở lại đây, những diễn biến có quan hệ đến tư tưởng cán bộ, đảng viên là:

+ Trên thế giới: Phong trào đấu tranh vì hòa bình độc lập dân chủ phát triển mạnh mẽ, phe xã hội chủ nghĩa thu được nhiều thành tích trong công cuộc xây dựng cách mạng chủ nghĩa xã hội. Nhất là Trung Quốc thử thành công bom nguyên tử quả thứ nhất; tiếp quả thứ hai là những đòn đánh mạnh vào chủ nghĩa đế quốc - đứng đầu là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, làm cho chúng ngày càng khủng hoảng, mâu thuẫn, suy yếu, trước nguy cơ tiêu diệt hoàn toàn, bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đã và đang hung hăng,

trắng trợn, điên cuồng, liều lĩnh phá hoại cách mạng, mong giữ những vị trí còn lại, tìm mọi cách để phân công hòng chiếm lại vị trí đã mất.

+ Mặt khác, chủ nghĩa xét lại hiện đại, hệ tư tưởng của giai cấp tư sản, phù hợp với chủ nghĩa đế quốc đang thất bại trước phong trào cộng sản quốc tế, cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin chống chủ nghĩa xét lại hiện đại đã thu được những thắng lợi to lớn. Nhưng vẫn còn phải tiếp tục, chủ nghĩa xét lại đã bị thất bại với việc Khơ rút xốp đổ, tuy mặt tích cực đã xuất hiện, nhưng mặt tiêu cực còn nhiều vẫn chưa phải tan rã hoàn toàn.

+ Ở miền Nam, cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai liên tiếp giành thắng lợi to lớn quyết liệt, ta đã giành được thế chủ động, tấn công địch. Kẻ địch đang lâm vào tình trạng suy sụp, tan rã nghiêm trọng và nhất định cũng phải dẫn tới thất bại hoàn toàn. Song chúng đang liều lĩnh, trắng trợn để gỡ thế bí càng tỏ ra lúng túng, bị động, chúng cố sức đẩy cuộc chiến tranh đặc biệt ở miền Bắc hòng mở rộng chiến tranh ở cả Đông Dương. Nhưng kẻ địch càng cố sức thì càng thua đau, muốn gỡ thế bí nhưng càng dẫn chúng tới thất bại.

+ Ở miền Bắc, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã giành được nhiều thắng lợi đáng kể và to lớn trong công cuộc cải tạo, phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật,... Nhất là gần đây quân dân miền Bắc đã đánh trả lại đế quốc Mỹ giành được nhiều chiến thắng rất anh hùng, càng làm cho quân dân miền Bắc sục sôi, phẫn nộ đẩy mạnh xây dựng, củng cố, phát triển kinh tế, quốc phòng, quyết tâm chiến thắng giặc Mỹ.

+ Ở tỉnh ta sau khi tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết 5, 7, 8, 9 và 11 của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn tỉnh lần thứ IV đã soi sáng cho toàn Đảng bộ và nhân dân, đã thôi thúc được lòng nhiệt tình cách

mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân tiến lên những bước mới mạnh mẽ hơn.

Vấn đề cơ bản nhất mấy năm qua của Lào Cai là: Hoàn thành nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất đã thiết lập được quan hệ sản xuất mới đang được phát huy, tác dụng chấm dứt được nạn đói lưu niên từ ngàn đời xưa để lại, Nhà nước không phải cứu đói nữa, nông sản bước đầu trở thành hàng hóa để bổ sung vào kinh tế chung. Ngăn chặn và dập tắt kịp thời các vụ bạo loạn, biệt kích thả xuống đã diệt gọn.

Nhưng Lào Cai cũng còn nhiều khó khăn như:

- Giao thông vận tải còn khó khăn.
- Trình độ văn hóa nói chung còn thấp do đó ảnh hưởng rất lớn đến trình độ quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật.
- Phong tục tập quán, mê tín dị đoan còn nhiều.
- Cán bộ người địa phương còn ít.

II. NHỮNG CHUYỂN BIẾN LỚN VỀ TƯ TUỞNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA TOÀN ĐẢNG BỘ TỈNH TA

Năm 1961 mở đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trong cuộc chỉnh huấn mùa xuân năm đó, vấn đề được đề cập giải quyết là quan điểm: Tất cả cho sản xuất cần kiệm, tự lực cánh sinh, tiến nhanh, tiến mạnh vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, nói chung là xây dựng quan hệ sản xuất mới đi đôi với quan điểm làm chủ tập thể.

Những năm qua toàn Đảng bộ tỉnh ta đã giáo dục tình hình nhiệm vụ mới theo tinh thần các Nghị quyết 5, 7, 8, 9 của Trung ương, tỉnh ta đã phát động quần chúng thực hiện những cuộc vận động chính trị lớn như:

- Hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp cải cách dân chủ;
- Phát động quản lý xí nghiệp;

- Vận động bảo vệ trị an theo tinh thần Nghị quyết 39;
- Gần đây đang tiếp tục phát động cuộc vận động ba xây ba chống, cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, chi bộ bốn tốt, phong trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai, thi đua chống Mỹ.

Kết quả nổi bật nhất về mặt tư tưởng đã được giải quyết là:

1. Tinh thần tự lực cánh sinh, phấn đấu trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước, nhất là phấn đấu về mặt lương thực,... tập trung mọi sức lực để xây dựng cơ sở vật chất gắn liền với xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, công nghiệp, doanh nghiệp.

2. Phát huy truyền thống cách mạng chịu đựng gian khổ, tận tụy công tác, nhất là mặt yên tâm phục vụ, gắn bó với miền núi.

3. Phân biệt được rõ đường lối của chủ nghĩa Mác-Lênin với đường lối của chủ nghĩa xét lại hiện đại, căn bản khắc phục được tư tưởng mơ hồ với chủ nghĩa xét lại, đẩy lùi một bước ý thức mơ hồ, hữu khuynh giải quyết hai con đường.

4. Phát huy truyền thống đoàn kết có đấu tranh ngày càng đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng, trong nội bộ các dân tộc anh em, đoàn kết công nông.

5. Cảnh giác cách mạng với âm mưu hành động của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, với giai cấp phản động ngóc đầu dập, ngày thêm sắc bén, đã đẩy lùi một bước mới về tư tưởng hòa bình, hữu khuynh, mất cảnh giác.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, về phương hướng, nhiệm vụ, Đảng bộ Lào Cai mấy năm qua đã phát huy mạnh mẽ các ưu điểm; cán bộ, đảng viên đã nêu cao ý thức phấn đấu cách mạng mới cao hơn trên tất cả các mặt công tác. Đảng bộ ta trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã có nhiều mạnh bạo với mức cống hiến tự lực cánh sinh của sức mình, nên đã thu được những *thắng lợi lớn, nổi bật trong hành động của nhiệm vụ* như:

1. Sản xuất nông nghiệp

Phấn đấu trên mặt trận lương thực: Từ một hoàn cảnh quá

thiếu đói, trước đây hằng năm Nhà nước phải cứu đói hàng trăm tấn gạo, nạn đói lưu niên diễn ra trong các dân tộc, đói sinh ra ốm đau bệnh tật, đói cản trở sản xuất. Đến nay đã phần đói chấm dứt nạn đói đó - Nhà nước không phải cứu đói nữa.

Trong 4 năm qua lương thực tăng về sản lượng khá lớn, lúa tăng gấp hai lần, hoa màu quy ra thóc tăng gấp ba lần. Sản lượng tăng nhanh chính là tăng vụ, tăng diện, riêng lúa chiêm tăng 58%, bước đầu phá chế độ độc canh ở vùng cao, trồng thêm vụ màu xuống ruộng và nương như bắp tháng 7, khoai lang, mì mạch, đậu tương...

Do cố gắng phấn đấu, lương thực hiện nay đã có nhiều vùng lương thực thành sản phẩm hàng hóa. Trong toàn tỉnh mà nói trước đây Nhà nước phải cứu đói, nay Nhà nước không phải cứu đói nữa, giảm dần Nhà nước phải bán lại cho nông dân và Nhà nước lại thu mua ngày càng khích lệ hơn (năm 1961 ba thu được 1.900 tấn nhưng bán lại cho nông dân 800 tấn, 1962 Nhà nước ba thu được 6.000 không bán lại cho nông dân nữa).

Tỉnh ta đại bộ phận là vùng cao, tự cấp tự túc thiếu, nay bước đầu biến sản phẩm thành hàng hóa ngày càng nhiều góp phần bổ sung vào nền kinh tế chung.

Tỉnh ta cũng đã tổng kết Nghị quyết 5, đã khẳng định việc khoanh vùng kinh tế có phương hướng sản xuất đúng đắn, ngày càng đi vào phát huy tác dụng tốt, định được phương hướng, giải quyết kinh tế của từng vùng, nói chung tốc độ tăng nhịp nhàng đều đặn.

4 năm qua bình quân sản lượng lương thực hằng năm tăng 8,6% (so với tăng dân số cả tự nhiên và cơ học là 6%); chăn nuôi trâu tăng 24%, đóng góp một phần sức kéo về xuôi; lợn tăng 33%, giảm dần sự viễn trợ thịt từ miền xuôi đưa lên.

Các loại nông phẩm thành hàng hóa Nhà nước thu mua về mặt nội thương để cung cấp về xuôi tăng 7,5%; các loại nông sản Nhà nước thu mua để xuất khẩu tăng tới 80%, các loại nông phẩm là

nguyên liệu thu mua để phục vụ cho việc phát triển công nghiệp và thu mua công nghiệp tương đối khá, làm cho giá trị công nghệ phẩm của địa phương phục vụ địa phương tăng 50%.

Do sản xuất nông nghiệp được phát triển hàng hóa có thêm nhiều, làm cho đời sống nông dân tăng lên rõ rệt, thu nhập thực tế của một nông dân bình quân 4 năm qua chung toàn tỉnh tăng 24%; vùng thấp tăng 41%; vùng giữa tăng 3%; vùng cao tăng 28%.

2. Xây dựng quan hệ sản xuất mới ở nông thôn

Năm 1960, phong trào hợp tác hóa ở tỉnh ta mới còn là thí điểm, đến cuối năm 1962 đã đưa phong trào hợp tác hóa tới đỉnh cao nhất, nông dân tham gia hợp tác xã chiếm tỷ lệ 76%. Tới cuối năm 1963, phong trào bị sụt xuống còn 48%, nhưng đã sớm phát hiện, bổ khuyết nhanh chóng nên đến đầu năm 1965 phong trào hợp tác xã đã đưa lên trên 60%.

Đã thí điểm cải tiến xong đợt đầu, đang tiến hành đợt hai mở rộng.

Phong trào hợp tác xã có một thời kỳ có sút xuống, nhưng giữ được ở 48% lại nhanh chóng củng cố đưa lên, trên 20 dân tộc anh em đều tham gia hợp tác xã, các hợp tác xã vùng thấp, cao, giữa đều có hợp tác xã tiên tiến, các hợp tác xã đang phát huy tính ưu việt tập thể trong vấn đề khai hoang, làm thủy lợi, trồng cây công nghiệp, công tác ba thu, v.v.. Nói chung phong trào hợp tác hóa lành mạnh, đã tạo ra những nhân tố mới là cơ sở đoàn kết dân tộc, đoàn kết đấu tranh trong lao động.

3. Xây dựng công nghiệp địa phương

Cơ sở công nghiệp địa phương bước trước năm 1960 coi như chưa có gì, mới qua 4 năm tỉnh ta đã phấn đấu xây dựng có cơ sở vật chất của công nghiệp địa phương khá mạnh. Từ chỗ tỷ trọng mới có khoảng 8% trong tổng giá trị công nông nghiệp toàn tỉnh nay đã lên tới trên dưới 30% (không kể công nghiệp trung ương ở địa phương). Từ chỗ các mặt hàng, công nghệ phẩm cho tiêu dùng,

nông cụ cho nông nghiệp đều phải mua ở xuôi lén, đến nay so với năm 1957 tổng giá trị sản lượng tăng gấp 10 lần; đã đưa tỷ trọng phục vụ nông nghiệp 13%, xuất khẩu 25%, giao thông, thủy lợi 5%, tiêu dùng dân sinh 31%, phần đầu nộp ngân sách ngày một tiến bộ. Đó là một cống gắng lớn về phát triển công nghiệp địa phương đúng đắn từ hai bàn tay trắng, với tinh thần tự lực cánh sinh đã hình thành mạng lưới công nghiệp địa phương song song với sự phát triển của nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, đang phát huy tác dụng phục vụ cho nông nghiệp có hiệu quả.

4. Thương nghiệp và cải tạo thị trường

Đã căn bản hoàn thành đúng đắn công tác cải tạo tư bản tư doanh, cải tạo tiểu thương. Mấy năm qua đã sắp xếp lại được hơn 1.000 hộ tiểu thương về sản xuất nông nghiệp, sản xuất thủ công, ổn định ngành nghề.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành một mạng lưới chiếm ưu thế tuyệt đối trên thị trường toàn tỉnh, kể cả ở những khu vực rẽo cao, biên giới đều có cửa hàng mậu dịch, nhiều xã trọng điểm đã đưa được hợp tác xã mua bán về xã, có cả ở vùng cao, thấp, giữa, hợp tác xã mua bán đang phát huy tác dụng tốt.

5. Sự nghiệp giáo dục

4 năm qua đã thanh toán nạn mù chữ được 2 huyện và 2 thị xã.

Đặc biệt đã thành công trong việc giảng dạy chữ Mèo, hiện nay các xã có dân tộc Mèo đều có lớp chữ Mèo.

Hệ thống trường phổ thông ở hầu hết các xã từ rẽo cao, thấp, giữa đều có trường phổ thông. Các huyện đã có trường cấp II, tỉnh có trường cấp III.

6. Bảo vệ trật an

Năm 1960 còn xảy ra vụ bạo loạn ở Pha Long, đó là điều báo

hiệu kẻ địch còn khả năng gây bạo loạn nếu ta chủ quan, mất cảnh giác.

Chúng ta đã liên tục xây dựng được một lực lượng lớn mạnh cả về số lượng cũng như chất lượng dân quân rộng khắp, vì vậy bọn biệt kích nhảy dù xuống Phú Nhuận ta đã diệt gọn, nhanh chóng, đã ngăn chặn âm mưu không để cho bạo loạn xảy ra. Công tác cải tạo các đối tượng tể, phỉ, giai cấp bóc lột ngóc đầu dậy ta tiến hành nhanh gọn đúng đường lối chính sách, sẵn sàng chiến đấu ngày càng được nâng cao.

7. Công tác xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ

Công tác chi bộ, năm 1960 toàn tỉnh mới có 8 chi bộ gồm 82 đảng viên nông thôn, đầu năm 1965 đã có 124 chi bộ gồm 1.400 đảng viên, thanh toán được tình trạng xã trăng không có đảng viên. Trên 20 dân tộc anh em, cả đến những dân tộc ít người nhất đều có tham gia Đảng. Phong trào chi bộ bốn tốt đang phát triển mạnh mẽ ở hầu hết các vùng, cả nông thôn, xí nghiệp, cơ quan, công trường.

Công tác đào tạo cán bộ tối nay trong các cấp ủy, những ngành chủ yếu ở huyện tỉnh... đều có cán bộ dân tộc tham gia. Cũng là lần đầu tiên và có một ý nghĩa lịch sử chính trị khóa bầu cử trong Đảng cấp huyện 1964-1965 đảng viên địa phương tham gia cấp ủy tối 50%.

Lào Cai là một tỉnh miền núi, có nhiều dân tộc, đại bộ phận là vùng cao, ruộng ít, hầu hết kinh tế trước đây tự cấp, tự túc nên thiếu đói, năm 1958 vẫn còn làm nhiệm vụ tiều phỉ ở địa phương.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ 5 năm lần thứ nhất, với khí thế phấn đấu cách mạng của toàn Đảng bộ, đến nay đã đạt được thành tích đáng kể là:

+ Tập trung cao độ, phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực, kể cả lúa, ngô, hoa màu, chất bột ở cả ba vùng, mỗi năm tăng sản lượng tương đối mạnh và đều đặn do đó *thanh toán được nạn đói*

lưu niên, lương thực bán lại cho nông dân gần như giảm hẳn, số lượng Nhà nước huy động làm nghĩa vụ mỗi năm tăng nhanh.

+ Biết phát huy được ưu thế miền núi, tuy khôi lượng sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp chưa thật giàu có nhưng từ *một nền kinh tế không có hàng hóa nay đã có hàng hóa, hàng hóa ngày càng nhiều, nhất là sản phẩm ở các loại cây công nghiệp, cây đặc sản.*

+ Bước đầu phá chế độ độc canh ở cả ba vùng, đưa thêm vụ màu xuống ruộng, làm nương cũng là vấn đề có ý nghĩa quyết định *thâm canh tăng năng suất bằng con đường tăng vụ, định canh định cư.*

+ Bước đầu công nghiệp thực phẩm thành công phát triển nông nghiệp toàn diện với ý nghĩa sát hợp khả năng từng vùng, đã dần từng bước hình thành vùng lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả vùng ôn, nhiệt đới, vùng chăn nuôi, nghề rừng.

+ Đảng bộ Lào Cai đã bám chắc tinh thần phát triển nông nghiệp toàn diện đưa vào cơ sở xây dựng, củng cố hợp tác xã nông nghiệp, thực tế đã xác định phong trào hợp tác xã là cuộc cách mạng sâu sắc, triệt để song song với hai nhiệm vụ cơ bản: Hợp tác hóa với cải cách dân chủ, cải tạo quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất, vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc. Vấn đề này cực kỳ khó khăn, tuy hiện nay nhân dân tham gia hợp tác xã hóa có trên 60%, với một thời gian hơn 4 năm lại vấp phải mất mùa nhưng giữ được, đẩy được lên ở cả ba vùng. Các dân tộc đều tha thiết gắn bó với hợp tác xã, hợp tác xã đã bắt rẽ, ăn sâu trong đời sống của nhân dân.

Khi chưa có Nghị quyết 9 về vấn đề phong trào cộng sản quốc tế, trong nội bộ cũng có khía cạnh nở rộ ở mức độ khác nhau. Nhưng nói chung càng về gần đây hơn lúc nào hết Đảng bộ Lào Cai vẫn phát huy và giữ vững đoàn kết nông thôn, đoàn kết dân tộc, nội bộ Đảng đoàn kết làm trụ cột. Tuyệt đối tin tưởng ở Trung ương Đảng, tin tưởng quần chúng các dân tộc mà động viên được

quần chúng phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, chấp hành các chính sách tốt, các cán bộ nơi khác đến ngày càng xác định yên tâm phục vụ miền núi lâu dài, cán bộ địa phương với cán bộ nơi khác đến ngày càng gắn bó với nhau hơn.

III. NHỮNG KHUYẾT, NHƯỢC ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI

Mấy năm qua Đảng bộ Lào Cai về mặt ưu điểm là căn bản, là chủ yếu. Nhưng khuyết điểm và nhược điểm cũng còn là vấn đề quan trọng, những khuyết, nhược điểm còn tồn tại lại một mặt là nhận thức tư tưởng chưa quán triệt nhiệm vụ cách mạng nhất là trong khi vận dụng các phương châm. Mặt khác, cũng do hoàn cảnh khách quan, những khó khăn mới nảy sinh chưa khắc phục được triệt để.

Những khuyết điểm biểu hiện trong hành động nhiệm kỳ là:

1. Lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất, nhất là thực hiện phương châm thâm canh tăng năng suất mới làm được việc tăng vụ đưa hệ số sử dụng ruộng đất dần tiến lên. Nhưng mặt tăng năng suất các loại cây trồng còn yếu, các loại cây trồng trừ lúa chiêm năng suất mỗi năm vẫn tăng, còn các loại khác *năng suất có xu hướng giảm sút* (1964 so với năm 1961 lúa mùa tăng năng suất sụt 5%, ngô tụt 22%, lúa nương tụt 9%, đậu tương tụt 1%).

Sở dĩ tổng sản lượng tinh ta tăng được 41,99% là vì tăng diện, tăng vụ 54,5%.

Năng suất các loại cây trồng sụt là vì *hầu hết các biện pháp kỹ thuật ta có để ra không năm nào đạt được yêu cầu như:*

- Kế hoạch phát động 2 năm làm thủy lợi để ra yêu cầu rất cao, nhưng đến năm nay vẫn còn *1/6 diện tích chiếm 1/3 diện tích mùa chưa chủ động được nước*.

- Mấy năm nay chỉ tiêu phân nêu lên phải bón cho toàn bộ diện tích canh tác các loại lương thực hoa màu 4 tấn 1 ha, năm 1964 đã là năm cố gắng, cũng chỉ mới đạt được bón cho lúa chiêm 3 tấn,

lúa mùa 2 tấn cho mỗi ha, toàn tỉnh năm 1964 còn gần 50 tổng diện tích cấy chay.

- Ngày công lao động đưa vào... đã nhiều lần tinh phái đầu tư vào một hécta mỗi vụ 300 công. Mỗi xã viên một năm phấn đấu từ 200 đến 250 công. Nhưng cũng từ năm 1962 tới nay chưa năm nào đạt được, vụ chiêm năm 1964 thí điểm điều tra thì: 70 hợp tác xã bình quân 81 ngày công của 4 lao động, 654 hợp tác xã dưới 80 ngày công, và 47 hợp tác xã dưới 80 công. Như vậy một năm mỗi lao động bình quân chưa vượt được 150 công, cũng ở vùng chiêm 1964 bình quân mỗi hộ mới đầu tư được khoảng 230 công.

- Ruộng nương bậc thang đã đề ra là nhiệm vụ chiến lược từ năm 1962 cho tới nay bình quân mỗi nhân khẩu ở vùng cao diện tích canh tác trên 7 sào Bắc bộ, nhưng ruộng, nương bậc thang mới có khoảng 1 sào 5.

- Các biện pháp kỹ thuật khác như: Sân phơi, búa sắt, quạt hom, xe vận tải thô sơ,... cũng chỉ mới ở diện thí điểm điển hình. Vấn đề giống mới kết luận được giống lúa nông nghiệp I là loại lúa có năng suất cao nhưng chưa áp dụng phổ biến. Các loại giống khác như ngô, đậu tương, khoai lang, chè, thảo quả, lúa mùa chưa có kết luận loại giống nào tốt.

Điều đó nói lên sự lãnh đạo, chỉ đạo thâm canh tăng năng suất chưa kiên quyết chỉ đạo điển hình để lãnh đạo toàn diện, nhất là chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

Chăn nuôi:

- Ngựa là phương tiện vận tải chủ yếu ở vùng núi, không những có ý nghĩa thiết thực với nông dân mà còn có ý nghĩa cả với Nhà nước trong việc vận chuyển ở vùng núi, nhưng chưa được chú ý phát triển đàn ngựa, nhất là giống cái để sinh sản, chọn giống tốt chưa chú ý. Hợp tác xã chưa quản lý ngựa ở địa phương thiếu, nhưng vẫn có tình trạng có thể bán ngựa ra nơi khác, vận tải nông thôn là vấn đề cực kỳ khó khăn trong khi đó chưa được chú ý đúng mức, phát triển đàn ngựa thồ, xe trâu, xe ngựa lại có thiên hướng trông đợi cơ giới.

- Lợn địa phương có giống tốt, nhưng *chưa tự túc được giống lấy ở địa phương* năm nào cũng khùng hoảng thiếu lợn giống. Nạn tai, dịch còn liên tiếp xảy ra, có lúc chết tới 3,3 ngàn con, chưa quan tâm đàn lợn nái, về kỹ thuật nuôi lợn chưa có gì. Lợn của thương nghiệp, lợn của tập thể chưa tốt bằng lợn của cá thể; thức ăn cho đàn lợn chưa có cải tiến gì mới.

- Đặc biệt mâu thuẫn giữa sản xuất và chăn nuôi đã đề ra phải kiên quyết *chống tệ thả rông gia súc phá hoại sản xuất* nhưng chưa thực hiện triệt để.

2. Nghề rừng

Chưa quán triệt sâu sắc phương hướng phát triển nghề rừng là phải kết hợp chặt chẽ lực lượng quốc doanh với lực lượng hợp tác xã, kết hợp việc bảo vệ, tu bổ, cải tạo, trồng rừng với khai thác, chế biến lâm sản.

Chủ trương đề ra là chống nạn phát nương, phá rừng, đẩy mạnh tu bổ, bảo vệ trồng rừng. Kế hoạch lúa nương đề ra thì mỗi năm có giảm đi, nhưng *thực tế diện tích lúa nương tự nhiên hàng năm vẫn cứ vượt kế hoạch*.

Chỉ chú trọng mặt khai thác để kinh doanh, còn mặt tu bổ, trồng rừng, bảo vệ rừng thì khuyết điểm nghiêm trọng như:

+ Nạn phá rừng làm nương mẩy năm gần đây tới 2.600 ha, rừng kiệt lên tới 21.000 ha, có năm xảy ra cháy rừng ở núi Phanxipang tới 11.600 ha, trong khi đó việc tu bổ, trồng rừng, cải tạo chỉ mới đạt khoảng 2100 ha.

+ Quản lý rừng chưa phân cấp giữa hợp tác xã với quốc gia, trồng rừng chưa có trạm, trại ươm giống.

+ Tình trạng có nơi đào mương đắp đập trước cồn có nước, dân nước nguồn cạn khô, vì đầu nguồn cây đã phá trọc.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hợp tác xã nông nghiệp

Phong trào hợp tác xã nông nghiệp đang có xu thế đi lên, đã

qua thử thách, nhưng *thực chất chưa thật vững chắc* vì còn một số khuyết điểm lớn:

Ý thức tập thể chưa cao, đuôi cá thể còn dài, tốc độ phát triển kinh tế gia đình vẫn nhanh hơn tốc độ phát triển kinh tế tập thể, điển hình của lúc phong trào hợp tác xã sụt xuống, lấy năm 1961 với 1963 để so sánh trong thành phần cơ cấu kinh tế:

Kinh tế tập thể năm 1961 là 43%, năm 1963 là 34%.

Kinh tế phụ gia đình năm 1961 là 57%, năm 1963 là 66%.

Đây là lanh đạo và chỉ đạo lúc đó ở vào cuối năm 1962 chủ quan, *chưa thấy hết đầy đủ khó khăn lâu dài, gian khổ của đấu tranh hai con đường*, thiếu quyết tâm tạo điều kiện phái cán bộ xuống cung cấp phong trào hợp tác xã. Ngược lại có đồng chí trong chỉ đạo đã chủ trương thí điểm đưa hợp tác xã xuống tổ đội công, *đó là bộc lộ mặt tiêu cực, tụt lùi trong mặt chỉ đạo trực tiếp*, nên đã ảnh hưởng rất lớn, đã tác động làm cho phong trào sụt từ trên 70% còn lại có 48%.

4. Các ngành khác phục vụ nông nghiệp là cơ sở

+ Công nghiệp địa phương *chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ nông nghiệp, số lượng ít, chất lượng còn kém, chạy theo số lượng* đối với phục vụ nông nghiệp còn xuất hiện dễ làm, khó bỏ.

+ Thủ công nghiệp phát triển quá chậm, cùng thời gian công nghiệp quốc doanh phát triển tăng gấp 10 lần trong khi đó thủ công nghiệp mới phát triển tăng ba lần; có lúc muốn teo hết thủ công nghiệp để đưa vào quốc doanh. Muốn khai thác nguyên liệu địa phương, muốn có nhiều mặt hàng hợp với thị hiếu, nhu cầu dân tộc, nhưng mặt khác tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo chưa tập trung, kiên quyết khắc phục khó khăn về nguyên liệu, giá cả, tổ chức, chỉ đạo.

+ Khâu thu mua, phân phối, nói chung việc phân phối bán ra vẫn gấp nhiều lần mua vào, phần lớn còn *ỷ lại vào hàng của Trung ương, chưa khai thác được đầy đủ nguồn hàng hóa ở địa phương*,

chưa bám chắc từ khâu sản xuất để giúp đỡ khó khăn trong sản xuất, tạo mọi điều kiện để sản xuất tốt, thu mua tốt.

+ Công tác xây dựng chi bộ và lãnh đạo chi bộ còn là một khuyết điểm quan trọng, *nói chung thiếu, ít cả số lượng, yếu về chất lượng*:

- Hiện còn trên 100 hợp tác xã chưa có đảng viên;

- Đảng viên dân tộc so với dân số còn quá ít;

- Cán bộ dân tộc địa phương còn quá thiếu, nhất là ở các ngành kinh tế, kỹ thuật;

- Một số lớn cán bộ chủ chốt ở xã còn mù chữ.

+ Việc xây dựng chi bộ, đào tạo cán bộ địa phương *nói chung chưa kiên định, còn ngại khó, cầu toàn, hẹp hòi*.

+ Công tác bảo vệ trị an cơ sở là công an xã thì còn yếu, đánh địch hoạt động bí mật còn yếu, việc phá án một số vụ phản động làm còn chậm, chưa kiên quyết. Nói chung một số vụ án còn đọng lại chưa xử được hầu hết là những vụ chính trị quan trọng (có nợ máu, có liên quan nhiều đâu mối), cần phải phối hợp với nhiều ngành, những vụ này thường là đọng lại trong ba lực lượng chuyên chính vô sản đổ tại trách nhiệm lẫn cho nhau).

+ Công tác giáo dục khuyết điểm lớn nhất là *con em dân tộc đến tuổi đi học chưa đến trường, còn một số lượng rất lớn, gần một nửa* so với tổng số các trường lớp. Càng lên các lớp trên thì tỷ lệ con em dân tộc càng ít đi, tốc độ con em dân tộc lên lớp trên rất chậm. Đây là việc vận dụng phương châm "Trường gần dân, thầy gần trò, giáo viên là cán bộ chính trị" chưa triệt để, sâu sắc.

Trên đây là những khuyết, nhược điểm trong hành động nhiệm vụ, những tồn tại ấy tập trung và phổ biến nhất là *hiếu khuynh, ngại khó, tự ty, bảo thủ, rụt rè tuy mức độ có khác nhau, nhưng ở đâu, công việc gì cũng đều diễn ra, biểu hiện ấy là do chủ nghĩa cá nhân mà ra*.

Những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân áy thời gian qua đã diễn ra trên ba mặt như:

1. Ý thức phán đấu cách mạng, vươn lên hàng đầu, tinh thần trách nhiệm, tính chủ động trong công tác còn thấp, cán bộ, đảng viên còn tư tưởng ngại gian khổ, sợ hy sinh, thiếu cảnh giác cách mạng:

Hoàn cảnh hiện nay do yêu cầu nhiều mặt của công cuộc xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải hiểu biết sâu sắc, cụ thể nhiều việc trong phạm vi công tác, không thể chỉ hô hào chung chung. Trong khi đó nhiều cán bộ, đảng viên được phân công vào một số công tác mới, nhưng chưa qua trường đào tạo nào hoặc cũng chỉ là có một số lý luận ở nhà trường hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa của thời kỳ cá thể... Đó là khó khăn lớn, khó khăn ấy số đông cán bộ đã lao vào thực tế để học tập. Nhưng còn một số khá phổ biến hoặc là bảo thủ, kinh nghiệm chủ nghĩa hoặc là tự cao với một số lý luận học được ở trường, không xả thân đi sâu vào thực tế, khi gặp khó khăn thì ngại khó, hữu khuynh tiêu cực, không tìm được lối thoát, biểu hiện rõ nét nhất là chỉ đạo thâm canh tăng năng suất, chỉ đạo kinh tế thì "chạy quanh kỹ thuật", tự ty không tin ở khả năng của mình, chưa tập hợp được sáng kiến của quần chúng chính là chưa quán triệt sâu sắc thâm canh tăng năng suất, chưa thấy ý nghĩa kỹ thuật là then chốt chưa thực sự lăn lộn trong kỹ thuật, chưa thật coi trọng thí điểm để rút kinh nghiệm, có phân tích khoa học, kinh tế, lãnh đạo chỉ đạo còn hời hợt đại khái.

Tư tưởng ỷ lại, hễ nói đến việc gì thì trước hết đặt điều kiện ngay "tiền, người" nếu không có hầu như bế tắc hết, thiếu sự suy nghĩ, tự mình, tự lực đến đâu, dựa vào quần chúng đến đâu, chỉ năng xin trên nào tiền, vốn, vật tư, nào kỹ thuật, nào cán bộ, v.v..

Ở các cơ quan các ngành phục vụ nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa hễ vấp phải khó khăn thì lùi lại "nhường" cho nhau, vuông trách nhiệm, đổ tại khách quan chưa dũng cảm nhận lấy khó khăn về phần mình. Xuống cơ sở nông thôn thì phổ biến là "chạy quanh hợp tác xã" có

nhiều cán bộ cả ở diện phụ trách tỉnh, huyện đến nay chưa hiểu ba quản, ba khoán là gì.

Còn có số cán bộ không phải là ít, nói về lý luận thì tưởng như thông thái lăm, khi bắt tay vào làm thì tinh thần nguội lạnh, hoặc khi bắt tay vào làm thì hiểu sai chính sách, nhưng ngược lại không chịu học, không chịu nghiên cứu, đi học, đi họp không chịu nghe, ghi, nghĩ... Khi làm sai lệch lại cho là không hợp khả năng hoặc khó khăn trên thiển cận tình, giúp đỡ thông cảm.

Tư tưởng trung bình chủ nghĩa, thi đua chưa dám mạnh bạo, kiên quyết đuổi kịp, vượt tiên tiến. Rõ nét nhất là ủng hộ cái mới, đấu tranh cho cái mới, từ cá biệt thành phổ biến còn yếu, điển hình ở các mặt công tác ở tỉnh ta xuất hiện rất nhiều: Sản lượng cao trên một diện tích; chăn nuôi giỏi; quản lý nhiều ngành nghề khá; làm thủy lợi tốt; bảo vệ trị an tốt... những điển hình ấy có cái còn là điển hình, ngọn cờ đầu chung cho cả miền núi, nơi khác đến học tập ta thì họ áp dụng được, ngược lại của mình đối với mình thì coi thường, hoặc tự ty không nhạy cảm, không mạnh dạn áp dụng, vì vậy những điển hình nhân ra thành phổ biến thì quá ì ạch chậm chạp, có loại lại còn tụt lùi như trồng cây công nghiệp lấy ngắn nuôi dài ở hợp tác xã Mỏ Sinh, nuôi dê ở Nậm Lúc, trồng đại mạch ở Bắc Hà,...

Trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên có một số tuy chỉ cá biệt từ ngại hy sinh gian khổ đã đến mức độ suy sụp phẩm chất phấn đấu cách mạng, cán bộ về tăng cường củng cố cho cơ sở nông thôn thì mang theo trách nhiệm "cố vấn chung chung" làm việc qua ngày "3 năm hết hạn để về" công tác ở xa thì luôn đặt điều kiện với Đảng, đòi hỏi chế độ học tập chính trị, văn hóa, chế độ nghỉ chủ nhật, nghỉ bù trừ ra sao, quan niệm đi củng cố cơ sở xã là Đảng bắt đi cải tạo lao động mà luôn bi quan buồn nản, đánh giá phong trào chỉ thấy đen ngòm không tin ở quần chúng.

Những biểu hiện chưa vươn lên hàng đầu, thậm chí có trường hợp ý chí phấn đấu cách mạng có phần giảm sút nói trên là một

trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho phong trào tuy đang có khí thế mới nhưng chưa thật sôi nổi, sâu sắc, rộng khắp. Nếu không khắc phục những biểu hiện ấy thì không thể đáp ứng yêu cầu cách mạng mới, yêu cầu cách mạng đòi hỏi tất cả mọi người phải xả thân vào mọi khó khăn, tất cả để cứu nước, chiến thắng đế quốc Mỹ.

2. Ý thức tổ chức và kỷ luật còn nhiều, tính tùy tiện, tự do, tản漫, nhận thức về chủ nghĩa tập thể còn kém, bản vị cục bộ còn nặng:

Ý thức tổ chức và kỷ luật trong phạm vi Đảng bộ chúng ta còn tồn tại nặng nhất là tùy tiện, tự do, tản漫, chỉ thi, nghị quyết trên xuống không chịu nghiên cứu kỹ để áp dụng (...) khẩn trương, có nơi không thi hành cả một thời gian khá dài như Nghị quyết 39 - thực hiện chính sách ruộng đất 5% trong hợp tác xã, có lúc thi hành sai đi như đưa hợp tác xã xuống tổ đổi công thi hành quá chậm chạp như xây dựng chi bộ bốn tốt, thi hành không nghiêm chỉnh, như quản lý lương thực 100% - cả trường hợp pháp lệnh Nhà nước cũng chưa thật tôn trọng như thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước ở một số huyện và xã.

Tự do, tùy tiện là một bệnh còn rất rộng lớn bao la, không những trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết, mà còn biểu hiện phổ biến là mặt sinh hoạt, công tác và sản xuất hằng ngày:

- Về nhà về khu phố không tôn trọng chính sách lương thực, thực phẩm, bảo vệ rừng, có khi thì bắn thân cán bộ, đảng viên mặc phải có khi phụ họa, dung túng cho gia đình làm sai.

- Trong cơ quan, xí nghiệp không tôn trọng, tuân theo nội quy công tác, sản xuất, không tôn trọng kỷ luật lao động.

- Ý thức tự do, vô tổ chức khá nguy hiểm là còn nhiều cấp ủy, nhiều ngành không báo cáo, thỉnh thị, quy định nữa và thời gian cũng không báo cáo.

- Một hiện tượng rất phổ biến là thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước mặc nhiên để tụt không báo cáo hoặc để qua vụ mới báo cáo, nhất là ở xã, huyện ủy, v.v..

Trường hợp cán bộ, đảng viên sai phái, dọa nạt (...) xã và quần chúng, đánh trói người, có chức có quyền thì ưu tiên (...) cho bản thân mình tuy chỉ là cá biệt nhưng vẫn còn, ai hẫu cho mình thì bất chấp chính sách, chế độ nào quy định, ai không hẫu hoặc có va chạm cá nhân thì nguyên tắc, máy móc, giữ miếng, cản trở trong công tác, bệnh tự do tản mạn có trường hợp trưởng phòng cao hơn quyền cả trưởng, phó ty...

3. Bệnh tự tư tự lợi, địa vị, hiếu danh còn phổ biến. Tệ tham ô, hủ hóa khá nghiêm trọng, thậm chí còn có một số cán bộ, đảng viên truy lạc, sa ngã, biến chất:

Trong cơ quan, công trường, xí nghiệp, trên các lĩnh vực công tác vẫn xuất hiện nhiều những lối xoay xở, lấy của công làm của tư khi cấp phát, mua bán dành phần tốt hơn, ưu tiên hơn cho mình, cho người thân, cảm tình riêng. Có trường hợp có cán bộ khi được mua loại cung cấp để phục vụ công tác lại đem bán giá tự do lấy lãi, rồi lại khai mua cung cấp lần khác.

Bệnh tự tư tự lợi có trường hợp thuộc về tham ô cá nhân có trường hợp tham ô tập thể, qua 7 đơn vị ở tỉnh tiến hành ba xây ba chống, nói chung 75% cán bộ, nhân viên tham ô, 95% gây ra lãng phí, có vụ tham ô rất trắng trợn, khai hóa đơn giả liên tục nhiều lần tối trên 2000 đồng có vụ tham ô cả 700 đồng tiền Đảng phí.

Trong nông thôn bệnh tự tư tự lợi phổ biến nhất là coi nhẹ công việc hợp tác xã để làm riêng lẻ, hầu hết các hợp tác xã đều có hiện tượng nhập nhằng công điểm, vốn, quỹ, hiện tượng kê khai giấu giếm diện tích, sản lượng để giảm thuế, nhẹ nghĩa vụ cũng còn nhiều, không muốn sản xuất loại Nhà nước quản lý, chạy theo sản xuất loại không quản lý để bán lúa cho ngoài thị trường. Số đảng viên và cán bộ lên khai hoang có nhiều nơi có khả năng tự túc được lương thực nhưng vẫn khai man để ăn đong gạo của Nhà nước, không muốn quản lý lương thực 100%, lạm sát gia súc, trốn tránh làm nghĩa vụ thực phẩm, tự tư tự lợi trở thành hữu khuynh với chính sách.

Bệnh địa vị, suy bì ty nạnh tuy không phổi biến nhưng có đơn vị còn nghiêm trọng từ địa vị, suy bì ty nạnh sinh ra mất đoàn kết bằng mặt không bằng lòng, tiêu cực, bất mãn trở thành như kinh niên.

Bệnh hủ hóa cũng phát sinh, từ 1961 đến 1964 cán bộ và đảng viên đã phải xử lý tới 34 vụ - phần lớn là ở diện cán bộ sơ cấp và cơ sở, có cả ở diện cán bộ lãnh đạo là trưởng, phó ty, huyện ủy... có trường hợp hiếp dâm, cưỡng dâm cả thiếu niên, có trường hợp đổi vợ, chơi gái điếm...

Tham ô, hủ hóa là bệnh phổi biến nhất, năm 1964 số cán bộ, đảng viên bị kỷ luật bằng 1,3% so với tổng số đảng viên. Tổng số bị kỷ luật thì tham ô và hủ hóa là trên 60%, riêng về hủ hóa 41%.

KẾT LUẬN

Nhìn chung các khuyết điểm bộc lộ mấy năm qua, biểu hiện dù mặt này hay khía cạnh khác nhưng tựu trung lại là chủ nghĩa cá nhân.

Đảng viên, cán bộ thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp thì nặng về ngoại hy sinh, gian khổ, chưa toàn tâm, toàn ý phục vụ cơ sở, phục vụ nông thôn, cầu an hưởng lạc.

Đảng viên thuộc xí nghiệp, công trường, doanh nghiệp nặng về tham ô, lăng phí cục bộ, bản vị chạy theo số lượng sản phẩm kinh doanh đơn thuần.

Đảng viên, cán bộ thuộc nông thôn nặng về tự tư tự lợi, kém ý thức tổ chức kỷ luật, tự ty, bảo thủ, hữu khuynh.

Những biểu hiện của cá nhân chủ nghĩa trên đây là tồn tại của tư tưởng tiểu tư sản và có ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, trong chừng mực nào đó cũng có ảnh hưởng tư tưởng của giai cấp phong kiến, địa chủ, nó đang tồn tại trong Đảng bộ chúng ta. Tình hình ấy đã làm tổn thương đến tính chất tiên phong, gương mẫu

của đảng viên, gây ảnh hưởng xấu trong Đảng trong nhân dân và thiệt hại lớn đến sự nghiệp cách mạng.

Vì vậy, chủ nghĩa cá nhân là một trong những trở ngại chính hiện nay cho việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

Sở dĩ có tình trạng ấy, trước hết do cán bộ, đảng viên chưa quán triệt đầy đủ yêu cầu khách quan của cách mạng trong thời kỳ hiện tại, lập trường, tư tưởng chưa tiến kịp với yêu cầu chung.

Trong điều kiện Đảng ta nắm chính quyền ở vào hoàn cảnh xây dựng hòa bình. Một số cán bộ, đảng viên chưa thật nghiêm túc rèn luyện mình theo tư tưởng và đạo đức của giai cấp vô sản, thiếu tinh thần kiên quyết sửa chữa những thói hư tật xấu của giai cấp tiểu tư sản và có trường hợp bị ảnh hưởng của tư tưởng giai cấp tư sản xâm nhập.

Mặt khác, công tác giáo dục của Đảng về mặt này chưa làm được đúng mức, vận dụng pháp chế xã hội chủ nghĩa của chúng ta cũng còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo. Việc quy định và thực hiện một số chế độ chưa được chặt chẽ. Việc quản lý cán bộ, đảng viên các mặt công tác tư tưởng, sinh hoạt ở cơ sở là chi bộ còn yếu. Tinh thần phê bình và tự phê bình, nhất là về đạo đức, phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên thiếu nền nếp, thường xuyên.

Đứng trước tình hình, nhiệm vụ toàn quốc hiện nay phong trào cách mạng phát triển sôi nổi, thắng lợi rất lớn nhưng cũng rất quyết liệt, gay gắt và khẩn trương.

Nhân dân ta đang tất cả chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc là hậu phương lớn của cách mạng cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn chống Mỹ.

Miền Bắc phải đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của cách mạng xã hội chủ nghĩa để nâng cao tiềm lực kinh tế, tăng cường năng lực quốc phòng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc, tận lực chi viện cách mạng miền Nam với mức cao nhất.

Lào Cai chúng ta phải đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật để thực sự củng cố hậu phương, củng cố căn cứ địa

làm cho Lào Cai nông nghiệp phát triển nhanh, công nghiệp mạnh, xuất khẩu khá, nghề rừng có nhiều chuyển biến.

Muốn làm tròn nhiệm vụ vở vang lớn lao ấy, chúng ta nhầm đúng những biểu hiện tồn tại của chủ nghĩa cá nhân để chống: Những biểu hiện tập trung nổi bật nhất là tự do, bảo thủ, hữu khuynh, ngại khó, ỷ lại, thiếu cảnh giác, vô tổ chức, vô trách nhiệm.

Đồng thời phải xây: Bồi dưỡng mạnh tính tiền phong, chiến đấu vươn lên hàng đầu, cỗ vũ, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy truyền thống đoàn kết, quyết chiến quyết thắng trong kinh tế, quốc phòng, sản xuất và chiến đấu. Đồng thời, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, tin tưởng tuyệt đối ở đường lối của Trung ương Đảng, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, sáng tạo, đức tính cần cù, giản dị, tiết kiệm.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 45-BC/TU, ngày 26-7-1965

Về tình hình 6 tháng năm 1965

I. NÔNG NGHIỆP

1. Sản xuất đồng - xuân

Năm 1965 năm kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị cho kế hoạch năm 1966-1967 cũng là năm mà việc xây dựng kinh tế phải kết hợp chặt chẽ với yêu cầu quốc phòng, tăng cường quốc phòng sẵn sàng chiến đấu với ý chí và tinh thần quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của quân và dân ta, với ánh sáng Nghị quyết 11 của Trung ương. Mặc dù từ đầu năm tới nay thời tiết không thuận hòa như nắng hạn kéo dài, lúc mưa nhiều. Giao thông vận tải gặp nhiều khó khăn, tuy lúc ấy nhân lực ở xuôi lên kiến thiết kinh tế miền núi về giao thông cầu đường, thủy lợi khai hoang cũng là thuận lợi nhưng việc phân phối cung cấp cũng gặp nhiều khó khăn. Nhưng dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy vụ sản xuất đồng - xuân năm nay được phát động sớm với cao trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt, thi đua với Thủ Dầu Một chiến thắng để quốc Mỹ xâm lược. Bên cạnh có nhiều biện pháp tích cực chú trọng thâm canh tăng năng suất đồng thời chú trọng tăng vụ đưa hoa màu xuống ruộng, khai ruộng bậc thang đi đôi với công tác thủy lợi chống xói mòn và coi trọng công tác tư tưởng cho nên đã thu được kết quả như sau:

a) Trồng trọt

Kết quả 6 tháng đầu năm 1965 đã thực hiện các chỉ tiêu sản xuất đông - xuân 1964-1965 cũng như chỉ tiêu sản xuất vụ mùa:

Chỉ tiêu	Kế hoạch tỉnh giao	Kế hoạch Trung ương	Thực hiện	So với kế hoạch Trung ương
Lúa chiêm	2.000	2.000	2.002	100,1%
Ngô xuân	11.093	9.600	9.717	101,2%
Khoai lang	679	800	406	50,7%
Đại mạch	50	120	48	40,2%
Đậu các loại	200			
Sắn	1.357	1.300	1.080	83,1%
Đào giống	636	600	518	86,3%
Đậu tương xuân	987	400	545	136,3%
Chè	400			
Bông	262		263	
Lanh	283		211	
Thảo quả	120		148	
Mía	160		123,8	
Cây ăn quả	155	250	172	
Cây lấy gỗ			282	
Chăn nuôi				
Trâu		31.000	31.362	101,1%
Bò		3.300	2.541	77,4%
Ngựa		15.000	11.840	78,9%
Lợn		60.000	44.763	74,6%

Qua số liệu chỉ tiêu nêu trên ta có thể nhận định lúa năm nay năng suất có triển vọng đạt kế hoạch vì thời vụ được chuẩn bị sớm so với mọi năm có nhiều tiến bộ, cày ải trước Tết 72% diện tích gấp hơn 2 lần năm trước, cấy đúng thời vụ, làm cỏ kịp thời, phân bón cũng nhiều đạt 3 tấn/ha.

- Vẽ ngô hiện nay đã vượt kế hoạch một ít nhưng thực tế cũng như triển vọng vượt cao hơn vì số liệu nêu trên là mới kê khai trong các hợp tác xã còn cá thể và làm riêng cũng như cơ quan công trường chưa kê khai được đầy đủ ngoài ra còn có vụ bắp tháng 7 nữa.

- Khoai hiện nay chưa đạt kế hoạch nhưng còn vụ khoai lang thu có nhiều triển vọng đạt và vượt kế hoạch vì vùng cao giống khoai lang thu tương đối mạnh.

- Sắn mới đạt 83% nhưng nếu tính cả săn các cơ quan và trại cải tạo 1 và 2 thì vượt kế hoạch Trung ương giao.

- Đại mạch đã nhập nội, mấy năm nay ở trên vùng cao đã được thu hoạch nhưng việc mở rộng diện tích thì chậm, năm nay chỉ đạt kế hoạch 40% năng suất, so với kế hoạch cũng chỉ đạt 50% việc sản xuất chưa rộng rãi, gia súc cũng phá hoại nhiều, tư tưởng của quần chúng chưa thật tích cực sản xuất. Chỉ tiêu này sang năm không nên giao mà cần tập trung phát triển đậu tương xuống ruộng.

- Đậu tương so kế hoạch Trung ương giao thì vượt 36,3% nhưng năng suất kém vì hạn hán kéo dài, nơi nhiều đậu tương như Mường Khương mức độ thiệt hại tới 80 ha. Hiện nay đang có kế hoạch phấn đấu vụ hè cả về diện tích và sản lượng nhưng giống lại thiếu đã có kế hoạch điều hòa nhưng việc vận tải gặp khó khăn.

- Chè Trung ương giao 42 ha nhưng đã thực hiện 100 ha, tóm lại:

Các chỉ tiêu gieo trồng Trung ương giao 8 chỉ tiêu nhưng mới đạt và vượt 5 còn 3 chỉ tiêu không đạt: đao riêng, đại mạch, cây ăn quả. Nguyên nhân không đạt ở khâu chế biến, thu mua và chuẩn bị giống, như đại mạch Bắc Hà đã thu xong mấy tháng nay và hiện giờ vẫn chưa bán được. Nhưng ngược lại phấn đấu đạt và vượt 5 chỉ tiêu là do có những biện pháp tích cực như:

- Vẽ thủy lợi đẩy mạnh lá cờ đầu Nậm Chì tích cực tiếp nhận các chi thủy lợi miền xuôi đưa lên miền núi, đẩy mạnh trung về tiêu thụ nông bảo đảm mức cấy 2/3 diện tích chiêm. Đã sửa chữa 595 mương phải tưới 674 ha và làm mới 40 cái dài 47 km tưới 177 ha.

Công tác thủy lợi có nhiều tiến bộ, nhiều hợp tác xã đã xây dựng đội thủy lợi, tổ tưới nước (30 đội thủy lợi, 59 tổ tưới tiêu nước).

- Phân: Phong trào làm phân bón được chú ý ngay từ lúc đầu so với mọi năm có nhiều tiến bộ, nhiều hợp tác xã đã tích cực trong việc sử dụng phân bón, nhưng so với yêu cầu chưa đáp ứng kế hoạch phân bón cho chiêm là 4 tấn 8 mới bón được 3 tấn 3.

- Về thâm canh tăng năng suất, tăng vụ cũng được đặc biệt chú trọng cả ba vùng.

b) *Chăn nuôi*

Tình hình chăn nuôi về đại gia súc từ cuối năm 1964 đến nay không xảy ra hiện tượng dịch và chết rét như mọi năm đó là một tiến bộ là cố gắng của cơ quan chuyên môn, cho nên nói chung đại gia súc phát triển bình thường. Riêng lợn bị ảnh hưởng kỳ dịch năm 1964 còn triền miên đến đầu năm nay có chết một số lợn nái nên tình trạng thiếu lợn giống nghiêm trọng. Trước tình hình ấy Ty Thương nghiệp cũng có nhiều cố gắng trong việc điều hòa giống, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Đến nay so với kế hoạch Trung ương:

Trâu đạt 101,1%, bò đạt 77,4%.

Ngựa đạt 78,9%. Riêng về lợn đạt 74,6%.

Còn gia cầm như gà, vịt, ngan ngỗng cũng phát triển tốt.

c) *Tình hình khai hoang*

Sáu tháng đầu năm đã khai phục hoang 509 ha trong đó có 332 ha ruộng cấy còn là nương bậc thang. Nhưng nếu so với kế hoạch đề ra 820 tấn như vậy mới đạt 62%, nguyên nhân không đạt kế hoạch vì miền xuôi lên khai hoang miền núi không theo đúng kế hoạch còn thiếu tới 2 vạn người, 6 tháng mới tiếp nhận 841 hộ, 4.428 nhân khẩu đạt 61,75%. Tuy nhiên, vấn đề khai hoang không đạt kế hoạch nhưng cũng là cố gắng lớn lao của các địa phương.

d) *Tình hình vụ mùa*

Lúa ruộng và lúa nương ở vùng cao đã hoàn thành gieo cấy nhiều nơi đã làm cỏ đợt 1 và bón phân thúc, nhưng vừa qua có gặp mấy trận mưa lớn nên có nơi bị úng cũng có thiệt hại. Ở vùng thấp

đang thu chiêm và làm mùa, kế hoạch thu chiêm làm mùa đã được gắn chặt vào nội dung chỉnh huấn có tăng cường lãnh đạo đôn đốc. Nhưng việc kết hợp giữa sản xuất và chiến đấu có nơi kết hợp chưa nhịp nhàng có thể ảnh hưởng đến vụ mùa. Hiện nay, đang ở thời vụ gieo trồng vụ mùa như lúa, ngô, đậu tương hè.

đ) Công tác trồng rừng

Vấn đề bảo vệ và trồng rừng được đặc biệt coi trọng đã dùng nhiều biện pháp để đẩy mạnh công tác trồng rừng, ngay từ đầu năm đã mở chiến dịch trồng rừng đến nay kết quả đã trồng 665.792 gốc các loại quy ra 1.110 ha so với năm 1964 gấp 3 lần.

Trồng rừng quốc doanh được 40 ha 6 đạt 406,7%, tu bổ rừng 248 ha đạt 165,5%, chăm sóc rừng 96 ha 5 đạt 64,2%.

2. Củng cố xây dựng đổi công hợp tác vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp

Vấn đề củng cố đổi công xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ngay từ đầu năm toàn Đảng bộ có nhiều quyết tâm. Đã tiến hành họp rút kinh nghiệm để xuất phương hướng mức độ cho từng tháng, thời điểm sau đó Thường vụ lại có những chỉ thị, nghị quyết để hướng dẫn thi hành cho (...) có sự chuyển biến tới các cấp bộ Đảng. Các huyện thị, các ngành đều có nhiều cố gắng trong việc xây dựng hợp tác xã, 6 tháng đầu năm đã xây dựng mới 168 hợp tác xã với 3.741 hộ cộng với số cũ là 659 hợp tác xã với 16.080 hộ đạt tỷ lệ 72,6% hộ nông dân lao động vào hợp tác xã trong đó có 99 hợp tác xã bậc cao, 4.586 hộ đạt 15% tổng số hợp tác xã và 28,3% tổng số hộ nông dân lao động vào hợp tác xã.

Việc củng cố hợp tác xã có nhiều tiến bộ như quản lý kinh tế quốc doanh có 427 hợp tác xã đã phát triển ngành nghề để tăng thu nhập cho xã viên (chăn nuôi, khai thác, chế biến, sản xuất, vôi gạch, ngói, đan lát, trồng cây công nghiệp, v.v..). Nhiều hợp tác xã đã đẩy mạnh khai phá ruộng nương bậc thang tăng vụ thảm canh tăng năng suất áp dụng các biện pháp kỹ thuật làm ruộng cao sản,

sử dụng nông cụ cải tiến, đầu tư lao động vào sản xuất nông nghiệp cao hơn năm ngoái, phong trào thi đua năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi đã được đẩy mạnh, nhiều hợp tác xã vùng thấp đang phấn đấu đạt 5 tấn/ha trên ruộng hai vụ và đăng ký đội lao động xã hội chủ nghĩa. Việc trước tiên quản lý hợp tác xã. Những nơi hoàn thành đang phát huy tác dụng nay đang tập trung hơn 200 cán bộ mở rộng diện tập trung thấp. Nhưng bên cạnh còn những mặt yếu như: nhiều hợp tác xã còn lúng túng về ba khoán về quản lý lao động và thanh quyết toán quy mô nhỏ còn chiếm nhiều, việc đưa hợp tác xã lên cấp cao còn chậm.

Tóm tắt về phần sản xuất và hợp tác xã qua các số liệu và kết quả nêu trên thì thấy 6 tháng đầu năm về lãnh đạo có những tiến bộ như:

- + Chú trọng công tác tư tưởng và các biện pháp thực hiện nên đã liên tục giáo dục tư tưởng, mở đợt thi đua, sơ tổng kết để đúc rút kinh nghiệm. Mở hội nghị chuyên đề về nhiệm vụ.
- + Có phương hướng sản xuất cho từng vùng tương đối rõ ràng chuyển hướng phù hợp với tình hình mới.
- + Coi trọng thâm canh tăng năng suất tăng vụ, cố gắng xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật trong các hợp tác xã.
- + Về quan hệ sản xuất được thường xuyên củng cố.
- + Lãnh đạo có quyết tâm cao, tăng cường kiểm tra đôn đốc tin tưởng vào khả năng quần chúng cho nên đến nay tuy vụ màu còn đang thời kỳ gieo trồng nhưng 6 tháng qua về sản xuất nông nghiệp đạt được. Như vậy là mạnh mẽ toàn diện có những mặt đã đi vào vững chắc.

Bên cạnh cũng còn những khuyết điểm:

Hiện tượng phá rừng và đốt rừng cũng còn nghiêm trọng. Khâu chăm sóc và bảo vệ còn yếu nên năng suất thấp có thứ trồng rồi bị hỏng.

Giữa chăn nuôi với sản xuất có mâu thuẫn như nạn thả rông trâu bò, phá hoại hoa màu đã phát hiện từ lâu nhưng việc tổ chức thực hiện quá chậm.

II. CÔNG NGHIỆP

a) Công nghiệp địa phương*

Nhiệm vụ ngành công nghiệp thời gian qua tinh đẽ ra tích cực phục vụ sản xuất nông nghiệp phát triển, phục vụ cải thiện đời sống nhân dân lao động, phục vụ cho công cuộc công nghiệp cải tiến quản lý kỹ thuật, về nông nghiệp chủ yếu là nông cụ cải tiến, phân bón, về giao thông vận tải sản xuất và nghiên cứu các loại xe cải tiến, về xuất khẩu chú ý đến các loại tinh dầu, tận dụng gỗ (...) về hàng hóa tiêu dùng để phục vụ cải thiện đời sống dân sinh và dự trữ với giá trị tổng sản lượng là 8.489.549 so với năm 1964 tăng (...), thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm về giá trị tổng sản lượng là 3.799.227 đồng so với cả năm đạt 43,8% so với cùng thời gian năm trước đạt 117%. Quốc doanh đạt 41,1%, thủ công đạt 50% mức so với cùng thời kỳ năm ngoái thì quốc doanh tăng 50,7%, thủ công tăng 4,1%.

Nhìn chung về công nghiệp địa phương 6 tháng qua có những ưu điểm như về mặt quản lý sản xuất của nhiều xí nghiệp quốc doanh cũng như hợp tác xã so với năm 1964 đã có nhiều tiến bộ rõ rệt như việc thực hiện hạch toán kinh tế nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, quản lý kỹ thuật nhân lực lao động bước đầu đã bảo đảm hợp đồng kinh tế và một số sản phẩm hàng hóa sản xuất phục vụ kịp thời cho thời vụ nông nghiệp.

Sản phẩm hàng hóa so với năm 1964 đã có nhiều tiến bộ chất lượng kỹ thuật đã nâng lên một bước riêng về giá thành của một số mặt hàng: quạt hòm, xe cải tiến có ổ bi, vật liệu xây dựng và một số nông cụ khác:

Cụ thể xuống gạch ngói 6 tháng đầu năm 1965 so với 6 tháng đầu năm 1964 tăng 43,9%, năm 1964 cháy mứt 3 (...) lò ngói sản phẩm ra lò không bảo đảm thành phẩm gạch nhiều chiếm từ 50

* Bản gốc chỉ có mục a - BT.

đến 60%, năm nay đã cải tiến nên gạch A đạt 90%, ngói loại A đạt 65%, vôi chiếm 98%. Ngoài ra còn hợp lý hóa sản xuất tăng năng suất, trước đây 1 máy dập ngói phải 7 người nay chỉ có 4 người.

Nhưng bên cạnh cũng còn những thiếu sót như:

Do yêu cầu ngày càng cao nên vai trò công nghiệp và thủ công nghiệp phục vụ cho các ngành nghề chưa đáp ứng kịp thời, sản phẩm hàng hóa làm ra ít so với yêu cầu phục vụ cho nền kinh tế phát triển thì chưa thấm vào đâu.

Sự lãnh đạo chưa thật sâu sát phát hiện giải quyết chưa kịp thời, việc quản lý sản xuất nhân lực năng suất chưa toàn diện. Phương pháp phát triển thúc đẩy sản xuất chưa mạnh việc duy trì nguyên tắc chế độ hợp tác tương trợ không thường xuyên.

III. THƯƠNG NGHIỆP TÀI CHÍNH

Sáu tháng qua đòi hỏi ngành thương nghiệp phải có nhiều cố gắng để đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới, dân số ngày càng tăng nhanh như cầu đường, thủy lợi, đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi, nhu cầu quần chúng ngày càng lớn. Nhưng được sự cố gắng của ngành thương nghiệp nên 6 tháng qua đã đạt được những kết quả sau đây:

1. Tình hình thu mua

a) Tình hình thu mua lương thực

	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh%	
			Kế hoạch	6 tháng 1964
Thóc	1.500 tấn	1.376,8 tấn	91,8%	117,1%
Ngô	100 tấn	100,8 tấn	100,8%	63%
Khoai tươi	60 tấn	60,1 tấn	100,2%	286%
Sắn tươi	630 tấn	630,3 tấn	100 %	284%

Trên đây là so với kế hoạch địa phương nếu so sánh với kế hoạch Trung ương giao thì tổng số ba thu thóc ngô đạt 107,4% về thu ba vụ chiêm 1965 nay đang tiến hành.

b) Tình hình thu mua thực phẩm

Tổng số thu mua 1.354,4 đồng. Trong đó Ty Thương nghiệp thực hiện 6 tháng là 1.271.000 đồng so với kế hoạch của Bộ giao đạt 239,8% nếu so cùng thời gian năm ngoái đạt 263,4% như vậy tăng 168,4%.

Công tác thu mua nông sản thực phẩm có nhiều cố gắng, nhân dân chấp hành chính sách một cách tích cực cho nên có một số mặt hàng mấy năm trước đây thu mua có khó khăn thì năm nay đạt và vượt như:

- Cá tươi vượt kế hoạch 40% so với 6 tháng năm 1964.
- Thịt lợn tăng 96,6% so với 6 tháng năm 1964.
- Thịt bò tăng 56,0% so với 6 tháng năm 1964.
- Thịt trâu tăng 142,9% so với 6 tháng năm 1964.

Nếu tính 6 tháng đầu năm nay theo kế hoạch thì thịt trâu vượt 81,8% còn thịt lợn, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng thì không đạt kế hoạch.

Đặc biệt 6 tháng qua có đẩy mạnh thu mua lợn giống được 1.706 con 6 tháng đầu năm 1964 chỉ mua được 113 con.

Về chè thu mua so với kế hoạch đạt 97%.

Đậu tương thu mua so với kế hoạch đạt 33,3%, diện tích đậu tương năm nay có tăng nhưng năng suất thấp vì phần lớn bị đổ non.

Thảo quả 6 tháng đầu năm nay so với 6 tháng đầu năm 1964 vượt 261%.

+ Công ty tư liệu sản xuất thực hiện thu mua nông sản là 74,4 ngàn đồng so với kế hoạch đạt 100% so với 6 tháng đầu năm tăng 235%.

+ Thu mua dược liệu: Quốc doanh dược phẩm thực hiện so với kế hoạch vượt 51% nhưng nếu so với năm ngoái chỉ bằng 66,4%.

c) *Thu mua hàng công nghệ phẩm*

Tổng giá trị hàng công nghệ phẩm thu mua đạt 598.3 ngàn đồng. Trong đó riêng Ty Thương nghiệp vượt là 526 ngàn đồng, như vậy là tăng 5,7%. Nhưng một số mặt hàng chủ yếu như đường mật thủ công, một số hàng về tư liệu sản xuất nông nghiệp, vật liệu xây dựng, than cùi, v.v. 6 tháng đầu năm nay nói chung mua chưa đạt kế hoạch.

Về tư liệu sản xuất so với kế hoạch đạt 89.0%.

Về vật liệu xây dựng giữa thương nghiệp và lâm nghiệp cũng không thực hiện đúng kế hoạch.

Quốc doanh dược phẩm thực hiện (...) ngàn đồng so với kế hoạch đạt 70,7%.

Nhìn chung tình hình thu mua nông sản, công nghệ phẩm năm nay của ta có nhiều tiến bộ lớn, các đơn vị đều đạt hoặc vượt kế hoạch. Sở dĩ có được như vậy là vì:

+ Về sản xuất công nông nghiệp năm nay nói chung phát triển hơn so với năm ngoái, công tác tuyên truyền vận động nhân dân bán hàng hóa cho Nhà nước làm tốt hơn. Mặt khác, cán bộ và ngành chuyên môn có nhiều cố gắng, phong trào thi đua và chống Mỹ, cứu nước đã thấm nhuần sâu sắc tới quần chúng, nên họ hăng hái thực hiện nghĩa vụ bán nông sản phẩm cho Nhà nước.

+ Việc quyết tâm lãnh đạo của chi bộ và chính quyền địa phương có nhiều chuyển biến, các chính sách được phổ biến sâu rộng thường xuyên được kiểm tra. Các cán bộ thu mua đã tích cực đi sâu vận động quần chúng đem bán nông sản phẩm cho Nhà nước.

IV. TÌNH HÌNH BÁN RA

Tổng giá trị bán lẻ là (...) ngàn đồng so với kế hoạch 6 tháng trước vượt 6,7%. Trong đó hầu hết các ngành đều vượt kế hoạch đặc biệt quốc doanh dược phẩm vượt cao nhất là (...). Nhưng quốc doanh phát hành sách chỉ đạt có 77,6%.

- Nếu so với 6 tháng đầu năm 1964 ta thấy như sau:

	6 tháng đầu năm 1964	6 tháng đầu năm 1965	Tỷ lệ% 1965/1964
Tổng giá trị	4.692,6	6.717,7	146,2
Thương nghiệp	4.244,7	5.936,9	139,8
Quốc doanh dược phẩm	321,3	482,3	150,1
Công ty Tư liệu sản xuất nông nghiệp	78,5	247	314,9
Phát hành sách	27,3	26,	96,7
Phát hành báo chí	18,8	24,9	132,4

Qua số liệu trên so sánh với năm 1964 hầu hết các ngành đều tăng và tăng so với tốc độ cao nên tổng giá trị các ngành so với năm ngoái thì tăng 46,2%.

- Về thực phẩm một số mặt hàng bán ra đạt thấp như:
 - + Thịt lợn đạt 84,8%, thịt bò 63,7%.
 - + Đường các loại 54%, nước mắm 83,3%.
 - + Vải đạt 84%.

Riêng về rau tương đối đủ là một cỗ găng lớn có những huyện trước khan hiếm về rau nay tương đối đủ như Bát Xát.

- Về lương thực bán ra đạt 92,1%.

Thương nghiệp phục vụ nông nghiệp:

	6 tháng đầu năm 1964	6 tháng đầu năm 1965	tỷ lệ 1965/1964
Tổng doanh số	110.900 đồng	247.200	222,9
Nông cụ thường	17.400	63.300	363,7
Nông cụ cải tiến	13.000	20.500	157,4
Cày cải tiến	120	235	95,8
Phân bón	60,9 tấn	100,9 tấn	165,6

Như vậy 6 tháng đầu năm ngành tư liệu sản xuất phục vụ cho nông nghiệp có tiến bộ rõ rệt hầu hết chỉ tiêu đều đạt và vượt.

V. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng giá trị mua hàng xuất khẩu thực hiện 960.650 so với kế hoạch đạt 106,38% sở dĩ đạt được như vậy là nhờ một số mặt hàng đạt cao.

	Kế hoạch 6 tháng	Thực hiện 6 tháng	Tỷ lệ
Dầu pơmu	10 tấn	10,9 tấn	109%
Dầu sa	10kg	48kg	120%
Thảo quả	300 tấn	424,5 tấn	141,5%
Mây sợi	500kg	736 kg	152,45

Bên cạnh cũng còn một số mặt hàng không đạt kế hoạch:

Nứa cây chỉ đạt 60,4%; cần câu trúc 80,8%.

Gậy trác chỉ đạt 63%; gỗ ván sàn 45,1%.

Tóm tắt, qua 6 tháng phấn đấu thực hiện kế hoạch ngành thương nghiệp nói chung có những cố gắng và chuyển biến lớn, nhất là sau khi được học tập Nghị quyết 10, phải nói có nhiều chuyển biến về phục vụ chính trị phục vụ nông nghiệp và quốc phòng. Bình ổn giá cả dịp tết và phục vụ công trường xí nghiệp.

Bên cạnh những thành tích và cố gắng của ngành thương nghiệp trong 6 tháng qua cũng còn một số vấn đề tồn tại:

+ Một số mặt hàng chủ yếu thu mua đạt còn thấp, thịt, đường mật, rau xanh, v.v..

+ Mạng lưới phục vụ chưa thật đi sâu xuống tận huyện và khu vực để nắm chắc nguồn hàng.

+ Chuyển hướng để kịp thời và kịp với thời chiến châm, lúng túng

VI. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

Tài chính: Căn cứ vào kế hoạch thu chi ngân sách năm 1965 đến nay kiểm điểm 6 tháng thực hiện như sau:

- Thu: Ước thực hiện 6 tháng là 2.004 nghìn đạt 52% kế hoạch cả năm, nếu so với 6 tháng năm ngoái tăng 11%.

- Chi: Ước thực hiện là 2.349 nghìn 38,6% kế hoạch cả năm biểu hiện yếu nếu so với 6 tháng đầu năm ngoái thì chỉ mới bằng 96%. Nhưng trong 6 tháng qua ngành tài chính có nhiều tiến bộ trong công tác giám sát đôn đốc và thanh toán.

Bên cạnh cũng còn những mặt yếu thị trường trong tỉnh do yêu cầu tiêu thụ hàng hóa và tình hình sơ tán phòng không, việc quản lý ở Cam Đường, Bảo Thắng và thị xã yếu cho nên có tình trạng thất thu vẫn còn.

Ngân hàng:

- Vấn đề quản lý tiền mặt toàn bộ thu đã vượt kế hoạch 1% nên so với năm ngoái thì đã tăng 35% nhưng về chi lại vượt kế hoạch 13% như thế bội chi tiền mặt tăng lên nhanh.

- Tóm tắt ngành tài chính - ngân hàng 6 tháng qua còn có nhiều cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ, bên cạnh còn một số chỉ tiêu đạt còn thấp, khuyết nhược điểm chủ quan về kiểm tra, đôn đốc. Nhưng thấy khó khăn chính là yêu cầu của các tổ chức tăng nhanh như công trường xí nghiệp.

VII. VĂN HÓA - XÃ HỘI

a) *Văn hóa quân chung* đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền thắng lợi của quân và dân miền Nam cũng như miền Bắc. Kết hợp đẩy mạnh phong trào thi đua với Thủ Dầu Một quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược với khẩu hiệu vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu. Nội dung văn nghệ đã đi sâu vào cải tạo phong tục tập quán sát và thích hợp xoay quanh phục vụ công tác trung tâm tốt.

Các cơ sở kinh doanh như chiếu bóng, nhiếp ảnh, ngành in có triển vọng hoàn thành kế hoạch cả năm về số lượng cũng như chất lượng.

b) *Giáo dục:*

Số người đã học sơ cấp 8.032 học viên trong đó 4.370 người học chữ Mèo, nếu so với 6 tháng đầu năm 1964 tăng 5.000 người, số thanh toán được 1.227 người đạt 14,1% kế hoạch. Phong trào thanh toán nạn mù chữ đang trên đà chuyển biến mạnh như sau Bảo Thắng là huyện đầu tiên được công nhận thanh toán nạn mù chữ thì Sa Pa cũng là huyện thứ hai xóa xong nạn mù chữ. Huyện Bát Xát đang quyết tâm hoàn thành vào đầu quý III, hiện nay còn bốn xã sắp hoàn thành vào tháng 7 năm 1965. Trong dịp hè năm nay 300 giáo viên tình nguyện không nghỉ hè để bổ sung cho chiến dịch tổng công kích diệt dốt trong thời gian 2 tháng.

- Về bổ túc văn hóa: Số người đi học còn thấp như năm 1964 thanh toán 7.000 người mà chỉ có 5.000 người đi học bổ túc, phong trào bổ túc cấp II và III đều giảm sút.

- Về phổ thông: Trong quý I đã tổng kết xong niên học rěo cao và sơ kết học kỳ I rěo thấp, về chất lượng học sinh còn kém có trường thi hết lớp 4 không đỗ người nào (Thanh Phú, Suối Thầu, Hòa Bình, Tả Van): Tỷ lệ học sinh khá và giỏi rất ít.

Số học sinh cuối niên học cấp I đạt 101,4%, cấp II đạt 90,3%, cấp III đạt 68,1%.

Về thi hết cấp: Cấp I đạt 91,5% trong đó đỗ vớt chiếm 5,4%; cấp II đạt 92,1% trong đó đỗ vớt chiếm 10%; cấp III đạt 89% trong đó đỗ vớt chiếm 24,5%; cấp II công nghiệp trong đó đỗ vớt chiếm 10,7%.

Học sinh tốt nghiệp cấp I đạt 108%; cấp II đạt 95,6%; cấp III đạt 87,6%; cấp II công nghiệp đạt 93,3%.

Tóm lại, công tác giáo dục 6 tháng đầu năm cũng có những nét nổi bật như không khí thi đua với Thủ Dầu Một quyết tâm thanh toán nạn mù chữ trong phạm vi toàn tỉnh vào năm 1965. Những mặt khác như công tác bổ túc cần được chú ý hơn nếu không thì một số có thể trở lại mù chữ. Về học chữ Mèo số học viên cũng giảm nhiều so với trước, số học sinh phổ thông cấp II và III đang có hiện tượng giảm.

c) Công tác y tế bảo vệ sức khỏe:

Trong 6 tháng qua công tác phòng, chống dịch bệnh có nhiều cố gắng nên tình hình dịch có phát sinh một vài nơi nhưng đã dập tắt kịp thời. Nhưng công tác điều trị 6 tháng qua rất kém nên tỷ lệ tử vong bệnh viện đăng ký 0,06% nhưng tỷ lệ tử vong lên 2% cao nhất từ trước tới nay. Công tác huấn luyện đào tạo vệ sinh viên quá kém, kế hoạch giao 400 người xong chưa mở được lớp nào cả.

VIII. TÌNH HÌNH CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, XÂY DỰNG LỰC LUỢNG BẢO VỆ TRỊ AN SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU

1. Âm mưu và sự hoạt động của địch

Sự hoạt động của không phận, 6 tháng có bốn lần máy bay địch hoạt động ở không phận tỉnh ta chủ yếu đi trinh sát, bọn phản động địa phương tung tin phản tuyên truyền đề cao Mỹ, gây tâm lý sợ Mỹ, chúng lợi dụng nơi xa xôi hẻo lánh như Mường Hum, Y Tý, Pha Long, Si Ma Cai chúng còn xuyên tạc đường lối, chính sách và lề tè có hiện tượng đe dọa cán bộ. Đặc biệt, chúng tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp gây hoang mang ở trong quần chúng như vừa qua chúng nói (Mỹ được Mỹ ở đến già, Mỹ thua Mỹ gửi mỗi nhà quả bom). Qua những luận điệu trên có ảnh hưởng tới một số quần chúng tỏ ra hoang mang dao động, một vài nơi sợ đường hỏng đã mua tích trữ muối.

2. Về việc củng cố quốc phòng xây dựng lực lượng

a) Công tác phòng không những nơi ở tập trung đông người như chợ, nhà ga nơi cơ quan và vị trí quân sự, hầm trú ẩn phòng không đều được làm thêm. Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị 68 để hướng dẫn và lãnh đạo công tác chiến đấu phòng không.

b) Về mặt xây dựng lực lượng đã phát triển thêm dân quân tự vệ cơ quan đều qua những lớp ngắn ngày đã tuyển lựa được lực

lượng sẵn sàng chiến đấu. Đối với các cơ sở được coi trọng nên đã củng cố xây dựng 119 xã. Trong đó, các huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà hoàn thành tốt đạt 100%. Các ban chỉ huy xã đội đều được kiện toàn và củng cố, một số phần tử xấu đã sàng lọc và thanh thải.

c) Về huấn luyện bồi dưỡng cũng được đẩy mạnh, cán bộ xã đội bồi dưỡng đạt 100%, hiện nay đã có tới 50% hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự cả năm 1965.

d) Về động viên nghĩa vụ quân sự có nhiều tiến bộ rõ rệt bảo đảm thời gian bảo đảm chất lượng và số lượng các nơi vượt mức yêu cầu như Bắc Hà, phần lớn các sĩ quan hậu bị đều đăng ký tình nguyện trở lại quân đội. Lực lượng thường trực chiến đấu bộ đội, công an nhân dân vũ trang đã hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện quân sự. Riêng công an vũ trang đã hoàn thành niêm khóa huấn luyện 1964-1965 trước 3 tháng, đã xây dựng thêm 1 đại đội địa phương và đang chuẩn bị xây dựng tiểu đoàn địa phương. Lực lượng công an xã đã huấn luyện 61 trưởng phó công an xã và 44 công an viên.

Nội dung trị an: Mặc dù tình hình có thay đổi do tình hình chiến tranh đề ra, do yêu cầu cách mạng ngày càng lớn các tổ chức phát triển một cách nhanh chóng. Nhưng tình hình trật tự trị an vẫn ổn định và được củng cố.

Tuy nhiên những tai nạn xã hội vẫn còn xảy ra như trộm cắp 150 vụ, tự tử, tự sát xảy ra 23 vụ chết 20 người. Tình hình hỏa hoạn còn xảy ra có vụ cháy lớn như Công trường 31 Mường Khương cháy 8 lần công trường và cháy mất 13 nhà dân.

Đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng được đẩy mạnh hơn trước nhiều nơi đã hoàn thành gọn và tốt.

Củng cố chính quyền: Bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp đã hoàn thành tốt, nhiều xã vùng cao cử tri đi bầu đạt 100% như Si Ma Cai, Bắc Hà, 14 xã Mường Khương. Sau khi bầu cử nhiều xã cũng như huyện, tỉnh đã tiến hành bồi dưỡng giáo dục cho những

vị trung cử Hội đồng và phân công vào Ủy ban các cấp. Qua cuộc bầu cử chính là cuộc vận động chính trị lớn trong nhân dân. Sự lãnh đạo được chặt chẽ đi đúng đường lối quần chúng nên bảo đảm yêu cầu nơi nào sai sót kiên quyết sửa chữa. Chính quyền các cấp được nâng cao cả chất lượng và số lượng.

Tóm tắt, nhiệm vụ đấu tranh phản cách mạng, củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang cũng như chính quyền các cấp được Tỉnh ủy đặc biệt coi trọng, lãnh đạo được tăng cường và chặt chẽ nên đã chủ động trong việc đấu tranh với những phần tử phản cách mạng, cụ thể chỉ trong thời gian ngắn đã giải quyết xong 37 vụ án chính trị. Tinh thần cảnh giác cách mạng của quần chúng cũng như giác ngộ cách mạng được nâng cao một bước. Hội đồng tác chiến tư tưởng hữu khuynh ngại khó so với trước có nhiều tiến bộ. Hệ thống công an, tòa án, kiểm sát được củng cố về tư tưởng về lề lối làm việc.

Bên cạnh cũng còn những mặt yếu: Trong khi chú trọng công tác phòng không là đúng nhưng công tác phòng gian giữ bí mật chưa chú ý đúng mức. Ta chú ý đến trọng tâm là đúng nhưng chưa chú ý đầy đủ đến việc nghiên cứu đánh địch toàn diện về lâu dài.

IX. CÔNG TÁC ĐẢNG

1. Vấn đề xây dựng củng cố Đảng

Tổng số đảng viên tối nay so với cuối năm 1964 tăng 5,7% (hai đồng chí) trong số tăng thì 50% là phát triển ở địa phương, về chi bộ so với cuối năm 1964 tăng 27 chi bộ.

Do sự trưởng thành của Đảng 6 tháng qua đã lập thêm bốn đảng ủy cở sở (Đảng ủy Kiến Trúc, xã Cam Đường, Công an nhân dân, Giáo dục). Đã tách thành lập 35 chi bộ.

Cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt đã coi việc tổng kết đúc rút kinh nghiệm có tầm quan trọng đặc biệt nên đã tổng kết việc xây dựng chi bộ bốn tốt năm 1964 (79 chi bộ). Các cấp bộ đảng đều

thấy việc xây dựng chi bộ bốn tốt là nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi, do đó sau chỉnh huấn việc xây dựng chương trình hành động bốn tốt các chi bộ và đảng bộ cơ sở đã làm xong từ hai huyện Bát Xát đạt 82%, Sa Pa đạt 93% còn tất cả các đảng bộ đều đăng ký 100%.

2. Công tác tổ chức và cán bộ

Quý I sáu tháng đầu năm hầu hết các huyện thị, đảng ủy liên chi và chi bộ trực thuộc đều tiến hành tổ chức đại hội để kiểm điểm, đánh giá phong trào của từng đảng bộ và quyết định phương hướng nhiệm vụ phấn đấu năm 1965 đồng thời đã bầu lại các ban chấp hành mới.

Vấn đề bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp đã coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục tư tưởng nêu số cử tri đi bầu đạt trên 90% đã vận dụng phương châm nguyên tắc bầu cử vào hoàn cảnh của địa phương tỉnh có nhiều dân tộc thì tiến hành được tốt bảo đảm yêu cầu Chỉ thị 155 của Ban Bí thư và pháp luật của Nhà nước.

Đi đôi với bầu cử đã tiến hành xây dựng chính quyền năm tốt ở 42 xã và sắp xếp tổ chức xã theo Nghị quyết 35 đã hoàn thành. Hiện nay chỉ còn ba xã thuộc huyện Bảo Thắng (Sơn Hà, Sơn Hải, Cam Đường).

3. Công tác cán bộ trong 6 tháng qua có mạnh dạn cất nhắc để bạt một số cán bộ và hướng tuyển dụng tập trung nhiều vào người địa phương dân tộc, thuỷt chuyển hơn 300 trường hợp nhưng chủ yếu cho quốc phòng.

Việc điều động cán bộ có tập trung phục vụ cho sản xuất như cử 220 cán bộ đi cải tiến quản lý hợp tác xã, trường đào tạo cán bộ không những chú ý trước mắt mà còn quan tâm nhiều cho lâu dài nên đã cử 8 người đi học cao cấp, 11 đi học nước ngoài. Bồi dưỡng văn hóa chính trị, kỹ thuật nghiệp vụ có nhiều cố gắng đặc biệt công tác bảo vệ nội bộ và bảo vệ sức khoẻ cho cán bộ được quan tâm đúng mức.

Bên cạnh những ưu điểm và thành tích cũng còn một số nhược điểm như:

- Việc phát triển đảng chưa tích cực nhiều đảng bộ chưa quan tâm đầy đủ đến công tác phát triển đảng, mà yếu nhất lại thuộc nhiều xã vùng cao.

- Công tác cải tiến tổ chức sửa đổi lề lối làm việc và quản lý cán bộ làm còn chậm, còn nhiều hiện tượng cồng kềnh chồng chéo.

- Việc bồi dưỡng đào tạo cán bộ chưa có kế hoạch toàn diện và lâu dài thường bị động sự vụ.

+ Các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ và mặt trận, đã chú ý giáo dục bồi dưỡng và củng cố các tổ chức như mặt trận đã xây dựng 82 tổ phụ lão gồm 3.124 hội viên, thanh niên có 18.115 người đăng ký ba săn sàng, phụ nữ đã vận động phong trào ba đảm đang có 13.938 phụ nữ đăng ký.

Phong trào các tổ chức đã dần dần trở thành vững chắc như 160 chi đoàn đăng ký xây dựng bốn tốt, 653 tổ đăng ký phấn đấu đội lao động xã hội chủ nghĩa.

Trong 6 tháng qua sự tiến bộ của các tổ chức đã đóng góp những thành tích đáng kể như vận động sản xuất, làm phân, chấp hành các chính sách, vận động tiết kiệm lập 2.718 hũ gạo. Thanh niên đã thể hiện đi hàng đầu trong mặt trận sản xuất và chiến đấu nêu phong trào tham gia quân thường trực được nhanh, mạnh hơn so với các năm trước đây.

4. Công tác kiểm tra dân chủ kỷ luật trong Đảng

Trong 6 tháng qua đã kiểm tra 7 vụ dân chủ kỷ luật, nhận 46 thư tố giác đã tiến hành kết luận xử trí 34 vụ (10 khai trừ, 8 lưu động, 2 cách chức, 11 cảnh cáo, 3 khiển trách).

Công tác kiểm tra chính 6 tháng qua đã chú trọng bồi dưỡng giáo dục là chính phổ biến huấn thị của Hồ Chủ tịch nên những nguyên tắc thông thường trong Đảng được đề cao, sai phạm vào đường lối, chính sách ít, tỷ lệ sai phạm về hủ hóa cao nhất chiếm 35%.

Vừa qua công tác kiểm tra đã tập trung hướng vào phục vụ cho một số công tác chủ yếu của Đảng ở địa phương mà cũng thông qua đó mà theo dõi việc đảng viên chấp hành điều lệ kỷ luật của Đảng. Sự hoạt động và bộ máy tổ chức đã được chấn chỉnh và tăng cường, lề lối làm việc có nhiều tiến bộ như sơ tổng kết năm và 6 tháng.

Bên cạnh cũng còn những mặt yếu như việc kiểm tra chấp hành chính sách, ý thức tổ chức còn yếu. Việc xét duyệt kỷ luật còn chậm, tình trạng buông trôi các vụ vi phạm kỷ luật vẫn còn.

5. Công tác tuyên giáo

Dựa vào Nghị quyết hội nghị tuyên giáo miền núi đầu năm 1965 và Chỉ thị 94 của Ban Bí thư Trung ương về công tác tư tưởng trong tình hình trước mắt, nội dung chủ yếu là giáo dục hình thể mới của cách mạng nhằm đạt ba yêu cầu là "Làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong mọi tình thế đều tin tưởng vững chắc vào đường lối, chủ trương đối nội và đối ngoại của Đảng, chí quyết chiến quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược, ra sức làm tốt mọi công tác và sản xuất, tiếp tục phê phán và khắc phục những biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa cá nhân và ảnh hưởng còn lại của chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Toàn bộ công tác tư tưởng trước mắt phải tạo ra một cao trào cách mạng mới. Tiếp đó lại có Chỉ thị 87 của Bộ Chính trị về tiến hành cuộc vận động chỉnh huấn trong toàn Đảng vào mùa xuân năm 1965.

Chấp hành chỉ thị, nghị quyết trên. Tỉnh ủy đã coi công tác tư tưởng là hàng đầu, đã tập trung lực lượng tăng cường chỉ đạo công tác tuyên giáo và đã có những chỉ thị thi đua với Thủ Dầu Một quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Qua 6 tháng hoạt động công tác tư tưởng đã đạt được kết quả như sau:

Về mặt nhận thức nhân dân đã có những chuyển biến mới đã thấy được nhiệm vụ cấp bách chống Mỹ, cứu nước vừa sản xuất vừa chiến đấu vừa xây dựng và phát triển kinh tế vừa tăng cường tiềm lực quốc phòng vừa tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Mọi người đều thấy được ta thắng lớn suốt từ Bắc chí Nam, Mỹ và tay sai đã và đang bị thất bại nặng nề. Nâng cao được tinh thần phấn khởi và tin tưởng ta nhất định thắng lợi. Sự chuyển biến về tư tưởng và nhận thức có tác động lớn đến các mặt công tác, có thể nói những kết quả đã thu được 6 tháng qua về công nông thương nghiệp, văn hóa giáo dục, y tế, v.v. thắng lợi có tính chất mạnh mẽ toàn diện thì chính cũng là thắng lợi và kết quả của công tác giáo dục tư tưởng.

Đặc biệt, công tác tuyên giáo vừa qua nắm chặt bám chắc vào công tác trọng tâm sản xuất chiến đấu, việc giáo dục tư tưởng tiến hành được liên tục và rộng rãi, hình thức linh hoạt nội dung phong phú.

Bên cạnh cũng còn những mục yếu như:

Nhận thức về âm mưu của địch chưa đầy đủ cụ thể là âm mưu lâu dài, tính chất gay go ác liệt cho nên hiện tượng chủ quan khá phổ biến.

Chuyển hướng để kịp với thời chiến còn chậm chạp việc săn sàng chiến đấu chưa đầy đủ, còn nhiều lúng túng chưa đáp ứng kịp yêu cầu.

X. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH CHUNG VÀ SỰ LÃNH ĐẠO TỈNH ỦY 6 THÁNG QUA

Căn cứ vào đặc điểm và hoàn cảnh địa phương 6 tháng qua các mặt công tác kết quả đã nêu trên ta có thể rút ra những nhận định kết luận và đánh giá như sau:

- Việc thực hiện kế hoạch nông nghiệp 6 tháng đầu năm 1965 kết quả mạnh mẽ toàn diện và vững chắc như:

+ Về nông nghiệp là công tác trọng tâm của toàn tỉnh thì chính nông nghiệp đã thu được thắng lợi lớn nhất bảo đảm vụ chiêm vượt diện tích, năng suất và sản lượng, vụ mùa tới cũng có nhiều triển vọng. Trong nông nghiệp đã có phương hướng chung, phương hướng cho từng vùng. Trong các loại cây trồng thứ nào Chính phủ cho phép trồng ở đâu tương đối rõ ràng. Trên cơ sở ấy đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng diện, tăng vụ. Những chỉ tiêu chính đều đạt và vượt năng suất vụ chiêm đều cao hơn năm ngoái. Về mặt chăm bón, thời vụ và kỹ thuật gieo trồng so với năm trước đây tiến bộ rất nhanh. Tuy bên cạnh cũng còn những tồn tại không lớn lăm.

+ Về công nghiệp đã có những chuyển biến về phục vụ nông nghiệp, phục vụ cải thiện đời sống nhân dân về chất lượng hàng hóa nâng cao, giá thành hạ (được một số mặt hàng).

+ Về thương nghiệp tài chính ngân hàng, văn hóa giáo dục, y tế đều có sự chuyển biến mạnh. Đặc biệt, công tác trị an quốc phòng sẵn sàng chiến đấu do nhận thức đúng đắn tình hình và âm mưu địch nên đã chủ động đối phó với tình hình như tập trung cải tạo, nâng cao cảnh giác cho quần chúng, công tác phòng không và phong trào biệt kích có những chỉ thị đã kịp thời, xây dựng củng cố lực lượng quốc phòng hoàn thành nhanh và tốt.

+ Về công tác Đảng được coi ngang như sản xuất đã tập trung lực lượng củng cố và xây dựng, coi công tác đó là cái gốc cho nên đã có những tiến bộ cao nhất so với từ trước tới nay như 100% chi bộ đăng ký bốn tốt chính là do sự trưởng thành của các cơ sở đảng, nên các chính sách được thẩm sâu vào quần chúng, hoàn thành các nhiệm vụ Đảng và Nhà nước được mau chóng. Các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, công đoàn mặt trận đều có tiến bộ nhưng nổi bật là phong trào phụ lão và công đoàn.

Đạt được kết quả trên là nhờ có Nghị quyết 9 và 11 Trung ương Đảng cũng như thắng lợi của chiến huấn mùa xuân 1965. Cộng thêm sự lỗ lực chủ quan về phân lãnh đạo của Tỉnh ủy cũng có ưu điểm nổi bật như:

- Các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết đề ra là đúng đắn và sáng suốt, phù hợp đặc điểm trong lãnh đạo có sự chuyển biến về tư tưởng được mau lẹ nên luôn luôn biểu hiện lạc quan phấn khởi, tin tưởng. Lẽ lối làm việc dân chủ và tập trung được tăng cường.

- Nhận thức về chuyển hướng từ hòa bình sang chiến tranh được tương đối đầy đủ đã chủ động với tình hình.

Lãnh đạo đã tập trung vào trọng tâm, tập trung vào những khâu yếu và công tác đột xuất cho nên đã đưa đến thắng lợi toàn diện phong trào đã mạnh được mạnh thêm, mặt nào yếu đưa lên mạnh. Những khó khăn kiên quyết vượt (sản xuất chiêm). Lãnh đạo không những đi sâu vào kinh tế, văn hóa, quốc phòng mà còn đi sâu vào cách mạng kỹ thuật.

Bên cạnh cũng còn những mặt yếu ở khâu chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp các ngành như:

- Về xây dựng cơ bản kẽ cả kế hoạch của địa phương cũng như của Trung ương đều đạt rất thấp, có những công trình kéo dài gấp ba thời gian so với kế hoạch.

- Một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch một phần do thiếu nhân lực, nhưng thiếu sót nghiêm trọng ở khâu chỉ đạo như vừa qua đậu tương giống thiếu khi mua được về chuyên chở vào tới Mường Khương thì giống đã mọc mầm.

- Về giao thông liên lạc đã được coi như công tác đột xuất, Tỉnh ủy có phương hướng kế hoạch tương đối rõ ràng nhưng vừa qua việc vận tải chậm nhiều lúc phương tiện thông tin liên lạc bị đình trệ.

- Sự chuyển hướng các ngành hợp với thời chiến chậm chạp, chủ quan tuy đề ra sẵn sàng chiến đấu nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình, chưa dự kiến được đầy đủ.

XI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 1965

Sáu tháng đầu năm 1965 ta đã thu được thắng lợi có tính chất

toàn diện và mạnh mẽ đó là cái đà thuận lợi bước đầu để hoàn thành thắng lợi vượt mức kế hoạch cả năm. Nhưng 6 tháng cuối năm cũng còn gặp nhiều khó khăn phức tạp như sự tiến bộ của các ngành chưa cân đối chưa đồng đều. Nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước xây dựng và bảo vệ miền Bắc, ủng hộ cách mạng miền Nam đặt ra một cách cấp bách. Nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu đòi hỏi phải tranh thủ nhanh khẩn trương tăng hơn trước.

Trước hết các cấp các ngành cần phát huy những thắng lợi đã đạt được, gây không khí phấn khởi tin tưởng, nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, truyền thống chiến đấu vẻ vang, anh dũng của quân và dân ta đồng thời phải khắc phục:

- Tư tưởng chủ quan mất cảnh giác, phải nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn cao độ để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu năm 1965 và chuẩn bị sẵn sàng cho các năm sau. Có một điểm ta phải nhất trí là ta có nhiều thuận lợi và khả năng để hoàn thành vượt mức kế hoạch cả năm. Chắc chắn chúng ta sẽ chiến thắng để quốc Mỹ xâm lược, nhân dân các dân tộc trong tỉnh có truyền thống đấu tranh cách mạng cao.

Nhiệm vụ năm 1965 các ngành các ban đã có chỉ tiêu kế hoạch từ đầu năm nay phấn đấu có nhiều chỉ tiêu cao hơn với tinh thần chỉ tăng và vượt không để một chỉ tiêu nào hụt. Tỉnh ủy chỉ nêu một số nhiệm vụ chính sau đây:

1. Về nông nghiệp: Các huyện thị hoàn thành việc xây dựng phương hướng sản xuất trong 2 năm tới. Chuẩn bị sẵn sàng để tiếp nhận tốt sự giúp đỡ của đồng chí bạn.

- Hoàn thành tốt vụ mùa không để chỉ tiêu nào hụt, chú trọng khâu chăm bón để bảo đảm năng suất đã định, nơi làm ruộng thí nghiệm và nơi phấn đấu 5 tấn/ha cần được chỉ đạo chặt bảo đảm kế hoạch đã xây dựng.

- Đẩy mạnh sản xuất vụ hè (bắp, khoai lang, đậu và rau xanh vụ thu).

- Chuẩn bị tốt mọi mặt để phát động đông - xuân 1965-1966 được sớm.

- Tổng kết tốt sản xuất năm 1965 và hoàn thành vượt mức kế hoạch ba thu.

2. Hợp tác hóa nông nghiệp: Hoàn thành cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 1 ở 11 xã chuẩn bị đợt 2 lớn. Tích cực củng cố các hợp tác xã đã có nội dung củng cố chủ yếu biểu dương cán bộ quản trị và thanh quyết toán gọn phương án vụ mùa 1965. Những nơi có điều kiện thì hợp nhất và đưa lên cấp cao.

Tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia kiến thiết kinh tế văn hóa miền núi.

3. Về công nghiệp và thủ công nghiệp: Các cơ sở quốc doanh cũng như thủ công nghiệp đều phải tìm mọi cách phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch nhưng cần có những biện pháp tổ chức đẩy mạnh sản xuất lao động tăng lên, đẩy mạnh giáo dục chính trị làm gốc, tư tưởng đi đầu để bảo đảm chất lượng kỹ thuật và năng suất cao.

Duy trì tốt chế độ kiểm điểm thực hiện kế hoạch quý, 6 tháng và cả năm để đẩy mạnh việc thực hiện pháp lệnh của chỉ tiêu kế hoạch và thúc đẩy biện pháp sản xuất.

Phương hướng 6 tháng cuối năm là tích cực phục vụ cho công cuộc cải tiến kỹ thuật nông nghiệp, giao thông thủy lợi để đẩy mạnh canh tác và năng suất lao động, chú trọng khâu chế biến nông sản, phục vụ cho thu hoạch vụ mùa và sản xuất đông - xuân 1965-1966. Các ngành có liên quan phải phối hợp cho tốt như: thị trường tiêu thụ, vận chuyển lưu thông hàng hóa, cung cấp nguyên liệu.

Các cơ sở cần chuyển hướng phải khẩn trương tiến hành gấp để hợp với thời chiến, mở rộng mạng lưới thủ công xuống các huyện thị.

4. Các ngành thương nghiệp, lương thực, ngân hàng tài chính, văn hóa giáo dục, y tế nói chung là phải chuyển hướng hoạt động để phù hợp với thời chiến phục vụ tốt đời sống nhân dân bảo đảm

hoàn thành vượt mức kế hoạch, các ngành cần chú ý một số điểm sau đây:

- Thương nghiệp cần chú trọng các loại hàng thuộc dân sinh hàng phục vụ quốc phòng tính toán dự trữ để đối phó với tình hình xấu nhất, hệ thống kho tàng từ tỉnh tới huyện phải được sửa chữa và xây dựng. Hoàn thành học tập Nghị quyết 10.

- Lương thực: Hoàn thành tốt thu mua vụ chiêm và chuẩn bị thu mua vụ mùa. Có kế hoạch phân phôi cho các công trường giao thông thủy lợi hoạt động rải rác các nơi.

- Ngân hàng tài chính: Quản lý tốt thị trường tự do, ngăn cấm nạn đầu cơ tích trữ. Hoàn thành tốt công tác ba thu.

- Văn hóa giáo dục: Cân giữ vững phương tiện thông tin trong mọi tình huống, tận dụng mọi khả năng thông thương của quần chúng.

Các trường sở cần nghiên cứu phân tán hợp với thời chiến, bảo đảm các trường đầu tiên học 1965-1966 mở đúng hạn định.

5. Trị an quốc phòng: Công tác trị an quốc phòng vừa qua ta chú ý mặt giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao cảnh giác cách mạng chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, coi trọng xây dựng củng cố lực lượng cho nên ta đã giành chủ động và kịp thời đối phó với mọi tình huống xảy ra. Nhưng bên cạnh cũng có những mặt yếu như:

- Các cấp các ngành hiện tượng chủ quan còn khá nặng như việc chấp hành Chỉ thị 68 tới nay cũng chưa thật đầy đủ cho nên sự chuyển hướng của các ngành chậm, hay công tác sẵn sàng chiến đấu còn nhiều thiếu sót, giao thông liên lạc còn có lúc bị đình trệ.

Sự hoạt động của địch có thể còn gay gắt hơn chúng có thể ném bom bắn phá ác liệt hơn, âm mưu của chúng chủ yếu phá giao thông cầu cống, mục tiêu kinh tế chính trị quân sự hoặc một số vùng tập trung dân cư sát quanh các khu vực nói trên. Đi đôi với ném bom địch có thể tung gián điệp, biệt kích hoặc khích động bọn phản động địa phương hoạt động. Địch còn tăng cường chiến tranh gián điệp, tâm lý với tình hình như vậy nhiệm vụ trị an quốc phòng cần làm tốt một số việc sau đây:

- Việc giáo dục chính trị tư tưởng nâng cao cảnh giác phải tiến hành thường xuyên và sâu rộng đặc biệt chú ý nơi trung tâm chính trị vùng xa xôi hẻo lánh, vùng biên giới và ven đường lớn ôtô, xe lửa.

- Xây dựng củng cố các cơ sở quản lý chặt lực lượng thường trực và hậu bị.

- Công tác phòng không chuẩn bị đầy đủ chủ động mọi tình huống, kế hoạch chuẩn bị phải toàn diện lâu dài cụ thể và phải linh hoạt.

- Đẩy mạnh công tác phòng gian phòng hỏa.

- Cần có kế hoạch sử dụng tốt các lực lượng và các cơ quan như giao thông, bưu điện, y tế để chủ động với tinh thần xấu nhất.

Công tác Đảng:

- Hoàn thành sơ kết cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt: 6 tháng đầu năm.

- Đôn đốc các huyện thị đẩy mạnh công tác phát triển đảng theo kế hoạch đã đề ra, mỗi chi bộ cơ sở hết năm 1965 kết nạp được 4 đảng viên, xóa 50% thôn trống, căn bản xóa xong hợp tác xã trống.

- Thành lập Đảng ủy cơ sở ở những xã có đủ điều kiện.

- Các đảng bộ kiên quyết tập trung giải quyết củng cố các chi bộ kém, đảng viên kém. Tổng kết công tác xây dựng chi bộ năm 1965.

- Công tác cán bộ: Kiện toàn bộ máy tổ chức từ tỉnh tới huyện. Hoàn thành công tác ba cải tiến bốn cơ quan. Điều chỉnh thực hiện biên chế năm 1965, đẩy mạnh cuộc vận động chính quyền năm tốt, xây dựng phương hướng kế hoạch đào tạo cán bộ. Hoàn thành bàn giao phân cấp, quản lý cán bộ. Học tập công tác bảo vệ cho một số đơn vị thí điểm.

Công tác kiểm tra: Công tác kiểm tra lúc này là phục vụ nhiệm vụ chính trị trước hết là phục vụ sản xuất, quốc phòng, đi đôi với phục vụ công tác trung tâm thì phục vụ công tác cải tiến quản lý hợp tác xã ba xây ba chống.

- Khi tiến hành phải có trọng điểm phải chú ý tập trung ngành kinh tế, lực lượng vũ trang bán vũ trang, đồng thời chú ý thích đáng đến một số hành chính sự nghiệp, văn hóa giáo dục.

- Đổi tượng cần nắm vững những cán bộ do cấp ủy mình trực tiếp quản lý.

Công tác tuyên giáo: Tiếp tục giáo dục sâu hơn có hệ thống hơn về tình hình và nhiệm vụ mới, về chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế, bồi dưỡng tinh thần tự hào dân tộc và ý thức quốc tế vô sản, củng cố tình hữu nghị với nhân dân tỉnh Vân Nam anh em. Nâng cao sự hiểu biết quản lý kinh tế, kỹ thuật chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản nhằm đạt ba yêu cầu trong Chỉ thị Trung ương số 94.

- Về tuyên truyền mở hai đợt thi đua lớn phục vụ cho sản xuất cho chiến đấu.

- Phục vụ ba cuộc vận động lớn.

- Tăng cường phổ biến thời sự trong tỉnh, miền Bắc, miền Nam và thế giới.

- Về huấn học: Hoàn thành chỉnh huấn trong toàn tỉnh. Mở các lớp huấn luyện chính trị. Tiếp tục mở rộng học tập tại chức lớp A đến một số cơ quan xí nghiệp, huyện ở xa tỉnh. Kiểm tra chặt hơn nữa chương trình chính trị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 50-BC/TU, ngày 31-8-1965
Về tình hình công tác tháng 8 năm 1965

Trọng tâm công tác của các cấp ủy Đảng trong tháng 8 năm 1965 là tiếp tục quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, đặc biệt là Nghị quyết 11 về tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh các mặt công tác lãnh đạo sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

I. NÔNG NGHIỆP

1. Về sản xuất vụ mùa

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, các cấp ủy Đảng đã tích cực tập trung lãnh đạo sản xuất vụ mùa. Đến nay, tuyệt đại bộ phận đã cấp xong. Kể cả lúa nương và lúa mùa, triển vọng xấp xỉ đạt kế hoạch diện tích của tỉnh. So kế hoạch của Trung ương giao, có triển vọng vượt mức về diện tích.

Kế hoạch chung của Trung ương 9.685 ha, thực hiện được 10.224,5 ha. Tỷ lệ đạt 105,25%. Trong đó, lúa mùa 6.761,6 ha, lúa nương 3.462,9 ha. Lúa nương cao hơn lúa mùa so với kế hoạch. Đậu tương Trung ương giao 2.000 ha, thực hiện 2.923 ha, tỷ lệ đạt 146%; các loại cây trồng khác có loại vượt, có loại đạt, có loại xấp xỉ đạt kế hoạch.

Về sản xuất lúa mùa, các huyện đều đạt và vượt mức về diện tích. Riêng huyện Bảo Thắng vì gặp nhiều khó khăn, cấp ủy lãnh đạo chưa chặt chẽ nên chưa bảo đảm kế hoạch diện tích.

Nhưng khâu chăm bón đã bảo đảm năng suất và sản lượng hiện nay đang là một vấn đề lớn. Một số nơi chưa bảo đảm đầy đủ các biện pháp thâm canh, kể cả lúa ruộng và lúa nương. Một số chỉ tiêu lúa các loại cây trồng khác chưa được quan tâm đầy đủ về bảo đảm diện tích và năng suất. Tình hình đó yêu cầu các cấp ủy tăng cường lãnh đạo việc chăm bón, tích cực áp dụng các biện pháp thâm canh để bảo đảm năng suất và sản lượng, tích cực thực hiện vụ mùa chống Mỹ, cứu nước đạt thắng lợi lớn.

2. Về công bố và phát triển hợp tác xã

Chúng ta đã cố gắng đẩy mạnh việc củng cố và phát triển hợp tác xã. Năm 1964 có 491 hợp tác xã, đến tháng 8-1965 đã có 673 hợp tác xã, tỷ lệ từ 58,8% (1964) lên 75,62% so với tổng số nông hộ. Đó là một bước tiến quan trọng trong nhiệm vụ tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa để phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chiến đấu chống Mỹ xâm lược.

Đồng thời, chúng ta đang điều tra để thực hiện cải tiến quản lý ở 11 hợp tác xã nông nghiệp. Ở các hợp tác xã này đang có những chuyển biến mới về tư tưởng và sản xuất, nhưng chuyển biến chưa mạnh, chưa sâu.

II. CÔNG NGHIỆP - TÀI MẬU

1. Công nghiệp

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về giao thông vận tải do địch phá hoại, do sơ tán và phân tán theo yêu cầu của nhiệm vụ phòng không, một số xí nghiệp thiếu nguyên, nhiên vật liệu để sản xuất hoặc gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm... nhưng các cấp ủy Đảng và anh em công nhân đã phát huy tinh thần tự chủ,

phát huy sáng kiến, tích cực sử dụng và tiết kiệm nguyên vật liệu, kịp thời tổ chức và chuyển hướng sản xuất thích hợp nên mặc dù một số tiêu chí kế hoạch chưa đạt, giá trị tổng sản lượng ước tính mới đạt trên 60% kế hoạch. Nhưng nhìn chung các mặt hoạt động công nghiệp vẫn sản xuất tích cực. Hiện nay, các xí nghiệp Trung ương và địa phương, một mặt vẫn tiếp tục sơ tán và phân tán máy móc, thiết bị dự trữ, một mặt đang ra sức khắc phục khó khăn để ổn định sản xuất, tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua giành ba điểm cao để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch nhà nước.

2. Mậu tài

Đã có những cố gắng lớn trong công tác ba thu vụ chiêm. Đến 25-3, công tác ba thu vụ chiêm, đã đạt 74,4% kế hoạch của tỉnh và đạt 95,32% kế hoạch của Trung ương giao. Trong đó, thu thúc và thu nghĩa vụ đạt tương đối tốt, riêng thu mua khuyến khích đạt còn thấp. Triển vọng nếu các cấp ủy Đảng cố gắng lãnh đạo chặt chẽ hơn nữa, có thể hoàn thành vượt mức kế hoạch ba thu vụ chiêm.

Đồng thời với công tác ba thu, công tác tài mậu đã cố gắng phục vụ sản xuất, chiến đấu và phục vụ đời sống của nhân dân. Đã cố gắng sản xuất một số mặt hàng phục vụ tiêu dùng tại địa phương (mà trước kia phải tải ở xuôi lên) và đã đạt được kết quả bước đầu. Vì vậy, mặc dù giao thông trắc trở, các mặt hàng thiết yếu ở thị trường cẩn bản vẫn ổn định, đời sống nhân dân cẩn bản vẫn bình thường.

Đã có những cố gắng bước đầu về mặt bảo đảm giao thông vận tải với miền xuôi. Đường xe lửa bị địch phá hoại liên tục. Các cơ quan giao thông, bưu điện, thương nghiệp... đã có một số tổ chức thích hợp để bảo đảm vận chuyển một phần hàng hóa và vật tư để phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất hiện nay vẫn là khâu giao thông vận tải với miền xuôi. Và đây còn là một khó khăn lâu dài. Đồng thời, việc sơ tán và phân tán chưa ổn định. Nguyên, nhiên liệu

thiếu. Một số mặt hàng khó tiêu thụ. Vốn ú đọng. Hệ thống kho tàng thiếu và xấu, quản lý chưa tốt. Hàng hóa vật tư dự trữ cạn dần, chưa vận chuyển kịp. Một số mặt hàng phục vụ đời sống bắt đầu khan hiếm, hạn chế... các cấp ủy Đảng cần cố gắng hơn nữa, ra sức khắc phục những khó khăn đó để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, phục vụ xây dựng, chiến đấu và đời sống của nhân dân.

III. QUỐC PHÒNG - TRỊ AN

Tháng qua, máy bay địch hoạt động liên tục và rộng khắp trên không phận tỉnh ta. Trọng tâm chúng vẫn nhắm phá hoại đường sắt. Đồng thời, chúng ngày càng chú ý nhiều đến các vùng giáp giới giữa nước ta và Trung Quốc, và hoạt động nhiều ở các khu vực Bắc Hà, Bảo Thắng, Sa Pa. Mục đích của chúng như các chỉ thị của Đảng gần đây đã chỉ rõ.

Đồng thời, bọn phản cách mạng có hiện tượng tăng cường hoạt động. Ở Sa Pa, Bát Xát... một số phần tử đã hội họp, bàn kế hoạch phá hoại, một số bộc lộ thái độ chờ đón Mỹ - Pháp. Tại khu vực thị xã, hiện tượng hoạt động pháo súng về đêm nhiều. Hiện tượng phổ biến là tuyên truyền, phao đồn tin nhảm và lan truyền tin nhảm nhằm gây tâm lý sợ Mỹ, tâm lý bi quan dao động và hoài nghi trong nhân dân.

Chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc đẩy mạnh công tác phòng không, đồng thời có kế hoạch phòng, chống biệt kích và đẩy mạnh công tác bảo vệ trị an. Tình hình trị an vẫn ổn định và mặc dù có nhiều khó khăn, vẫn tiếp tục phát triển theo chiều hướng tốt. Công tác xây dựng, củng cố và huấn luyện của các lực lượng vũ trang và bán vũ trang vẫn tiếp tục thực hiện theo kế hoạch quy định với tinh thần tích cực, đồng thời vẫn đảm các nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Đã thực hành luyện tập công tác phòng thủ bảo vệ thị trấn của nhân dân và dân quân tự vệ của thị trấn Sa Pa.

Tuy nhiên, còn nhiều thiếu sót chưa đáp ứng tình hình. Hiện nay, việc sơ tán nói chung chưa ổn định. Việc quản lý sơ tán chưa chặt chẽ, còn sơ hở khiến phần tử xấu và địch có thể lợi dụng. Công tác phòng không được các cấp ủy chú trọng trong công tác chống gián điệp, biệt kích, phòng, chống chiến tranh tâm lý của địch, công tác chỉ đạo và trấn áp bọn phản cách mạng, công tác bảo vệ trị an và bảo mật phòng gian... thì chưa được chú ý đúng mức. Thời gian tới, ta phải cố gắng khắc phục thiếu sót đó.

IV. VĂN HÓA - GIÁO DỤC

Công tác xóa nạn mù chữ vẫn tiếp tục được đẩy mạnh. Sau Sa Pa và Bảo Thắng, Bát Xát và Muồng Khuông triển vọng sắp hoàn thành nhiệm vụ thanh toán nạn mù chữ trong toàn huyện.

Hệ thống nhà trường đang tích cực chuẩn bị khai giảng niên khóa 1965-1966.

Tuy nhiên, còn nhiều khó khăn cần tích cực nghiên cứu giải quyết. Như vậy việc bổ túc văn hóa hiện nay vì sơ tán và làm việc theo giờ phòng không nên nói chung bị ảnh hưởng nhiều. Việc tổ chức trường sở sao cho thích hợp với tình hình phòng không và sơ tán, bảo đảm thu hút đông đảo học sinh theo học trong niên khóa mới. Công tác vệ sinh phòng bệnh cần phục vụ tốt các khu vực sơ tán của cơ quan và nhân dân. Tăng cường hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền và các hoạt động văn hóa khác để phục vụ kịp thời và nhạy bén đối với các nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu...

V. CÔNG TÁC ĐẢNG

Tại Hội nghị Ban Chấp hành (mở rộng), hầu hết các huyện, thị, đảng ủy đã họp hội nghị cấp ủy (mở rộng) để học tập năm quan điểm trong Nghị quyết 11 của Trung ương. Đồng thời, tích cực quán triệt tình hình nhiệm vụ cách mạng hiện nay cho cấp ủy

và đảng viên. Nâng cao khí thế chống Mỹ, cứu nước, đẩy mạnh việc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất 6 tháng cuối năm, chuẩn bị kế hoạch sản xuất đông - xuân năm 1965-1966.

Mặc dù tình hình khẩn trương, công việc nhiều và gấp, chúng ta đã cử một số cán bộ trung sơ cấp đi dự bồi dưỡng tại Trường Hoàng Văn Thụ.

Đã bồi dưỡng một lớp các đồng chí cấp ủy phụ trách tuyên giáo và nội dung các quan điểm đường lối, chính sách của Trung ương, trên cơ sở đó tổ chức học tập rộng rãi cho đảng viên.

Công tác Trường Đảng đã tích cực chuyển hướng bồi dưỡng cấp ủy cơ sở. Vẫn tiếp tục mở lớp bồi dưỡng và đang thực hiện kế hoạch bồi dưỡng 20 ngày một lớp, bảo đảm hết 1965 bồi dưỡng hầu hết cho cấp ủy cơ sở.

Công tác xây dựng chi bộ theo yêu cầu bốn tốt vẫn tiếp tục được đẩy mạnh.

KẾT LUẬN

Trong tháng 8 năm 1965, ta đã tích cực lãnh đạo nhiệm vụ chính trị và sản xuất. Đã có nhiều biện pháp và chủ trương tích cực nhằm đối phó có hiệu quả và đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của địch. Đã tăng cường lãnh đạo sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, về chiến đấu và sản xuất đều có những biến chuyển mạnh. Giao thông với miền xuôi có nhiều khó khăn kéo dài nhưng đời sống nhân dân vẫn bảo đảm, chưa có gì căng thẳng đặc biệt.

Khó khăn lớn nhất hiện nay vẫn là khâu giao thông giữa Trung ương với địa phương. Khả năng tự giải quyết của địa phương có hạn và mới được tổ chức bước đầu theo sự cố gắng của từng ngành. Vì vậy, ảnh hưởng nhiều đến sản xuất và đời sống.

Trong công tác tháng 9 năm 1965, trọng tâm là đẩy mạnh việc chăm bón cho lúa và các loại cây trồng theo phuơng hướng thâm canh

để bảo đảm năng suất và sản lượng, đặc biệt coi trọng việc bón phân, làm cỏ, chống sâu bệnh, thủy lợi. Đẩy mạnh công tác giao thông, đặc biệt là đối với miền xuôi. Trên cơ sở hiện nay, các ngành cùng với giao thông cố gắng tổ chức để bảo đảm vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu và hàng hóa để phục vụ sản xuất, xây dựng chiến đấu của nhân dân. Cố gắng bảo đảm đời sống bình thường của nhân dân, tránh những cảng thẳng trong khi vẫn có khả năng khắc phục được. Tiếp tục ổn định việc sơ tán, đặc biệt là của các cơ quan, xí nghiệp; đồng thời cố gắng khắc phục khó khăn về nguyên, nhiên liệu và phương hướng tổ chức sản xuất thích hợp, bảo đảm sản xuất liên tục phát triển, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch nhà nước tháng 9 năm 1965. Các mặt công tác khác như giáo dục, văn xã, công tác xây dựng Đảng... tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 53-BC/TU, ngày 12-11-1965
Về công tác tháng 10 năm 1965

Tháng 10 là tháng bắt đầu thu hoạch vụ mùa và có nhiều công tác rất khẩn trương trước yêu cầu đẩy mạnh hoàn thành kế hoạch cuối năm, lại là tháng mưa nhiều có bão lũ có ảnh hưởng đến sản xuất, đường sắt thì luôn bị gián đoạn do địch bắn phá quăng Bảo Hà trở xuôi, giao thông liên lạc giữa Lào Cai và Trung ương có khó khăn. Nhưng với chuyển biến mới sau khi học tập năm quan điểm của Nghị quyết 11 Trung ương, các cấp các ngành đã nêu quyết tâm phấn đấu với tinh thần tự túc tự cường nên trên các mặt công tác đã đạt những kết quả sau:

1. Công tác sản xuất nông nghiệp

Các địa phương đang thu hoạch rộ lúa vùng cao và đỗ tương, lúa và đỗ tương năm nay tốt hơn năm ngoái, qua vụ mùa đã sơ bộ kiểm tra năng suất có 9 hợp tác xã và một xã có 288 ha đạt trên 5 tấn thóc 2 vụ mỗi hécta. Song do mưa nhiều kèm theo bão lũ nên lúa vùng cao một số bị mộng, vùng thấp bị ảnh hưởng một phần đến năng suất, rau dân bị hỏng nhiều nhất là ở các bãi ven sông suối. Tỉnh đã chỉ thị cho các nơi có kế hoạch thu hoạch nhanh gọn tốt vụ mùa và đẩy mạnh giống rau mùa cuối năm. Hội nghị sản xuất đông - xuân kết hợp huấn luyện ngắn ngày và kỹ thuật nông

nghiệp cho cán bộ được tổ chức sớm, đã giao chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ đông - xuân và toàn năm 1966, các huyện thị đã phấn khởi nhận nhiệm vụ với tinh thần quyết tâm phấn đấu thực hiện.

2. Công tác công nghiệp

Các xí nghiệp Trung ương cũng như công nghiệp địa phương trong tình hình sơ tán đã bố trí các bộ phận tương đối ổn định và đi vào sản xuất bình thường. Nhiều cơ sở đã đạt kế hoạch. Riêng mỏ Apatít mới đạt 80% giá trị tổng sản lượng do bị ảnh hưởng vì mưa nhiều và có thời gian thiếu dầu chạy máy một số bộ phận phải ngừng sản xuất.

Vừa qua đã tranh thủ đưa xuôi lên được một số dầu magiut, than và vật tư kỹ thuật do đó đã giảm bớt được khó khăn về yêu cầu nguyên liệu.

Khó khăn hiện nay vẫn là thiếc sắt, thép, than cho công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp.

3. Công tác mậu tài

Về thương nghiệp đã tranh thủ bằng các biện pháp vận tải đường thủy, đường tàu và xe thồ chuyển được một số hàng thiết yếu ở xuôi lên như muối, nước mắm, mắm tôm, mỳ chính, sữa, thuốc lào, thuốc lá, dầu hỏa, v.v.. Đã đẩy mạnh bán ra hơn tháng trước và giải quyết tình hình cung cấp bớt căng thẳng.

Công tác quản lý thị trường được chú ý hơn đã tiến hành cuộc điều tra tiểu thương và lưu thông hàng hóa trên thị trường tự do. Tình hình thị trường tương đối được ổn định. Riêng thịt, cá, trứng vẫn còn đắt, gà 6 đồng, 7 đồng 1 kg.

Ba thu đã họp sơ kết vụ chiêm và giao nhiệm vụ chỉ tiêu kiểm tra vụ mùa cho các huyện thị.

4. Công tác giao thông vận tải

Công tác giao thông vận tải được chú ý đẩy mạnh như Bát Xát, Mường Hum, Lán Tây, Bắc Hà được tập trung lực lượng tiến hành.

Đường Mường Khương, Pha Long, Cam Đường, Gia Phú lấy lực lượng nhân dân địa phương làm đang được khẩn trương thực hiện. Đường số 41 Lán Tây sử dụng lực lượng hai trại cải tạo, đang đẩy mạnh sửa chữa cầu đường.

Các đơn vị bạn đã sang xong kể cả đường sắt và đường bộ và đã triển khai trên các tuyến đường.

5. Tình hình hoạt động của địch và sự đối phó của ta

Hoạt động của địch:

Trong tháng máy bay địch hoạt động nhiều dọc Bảo Hà, Yên Bai mục đích phá hoại đường xe lửa. Chúng hoạt động trên không phận Lào Cai ít hơn tháng trước kể cả số lần và số tốp và số chiếc và hoạt động có tính chất trinh sát. Ngoài việc chú ý đường sắt chúng còn bay qua các huyện và chú ý nhiều dọc biên giới thuộc Mường Khương.

Bọn địch mặt đất vẫn tích cực hoạt động tuy những luận điệu phản tuyên truyền và phao tin đồn nhằm giảm thiểu so với tháng trước. Ngoài hiện tượng đi lại tụ tập với nhau có tính chất xây dựng củng cố cơ sở (bọn đối tượng San Sả Hồ Sa Pa và Hoàng Thu Phố Bắc Hà) còn có hiện tượng theo dõi thăm dò quân bạn sang, luận điệu đả kích vào bạn và cắt đường dây điện có tính chất phá hoại.

Hoạt động của ta:

Đơn vị phòng không bạn có bố trí bộ phận cơ động xuống Phố Lu. Bạn đã tăng cường thêm một cỗ pháo phòng không sang thị xã Lào Cai. Tỉnh đã bàn giao xong 1 đơn vị công an vũ trang sang Tỉnh đội.

Đã bố trí các đơn vị bảo vệ triển khai trên các đường giao thông bạn giúp ta.

Cuộc vận động thống nhất ba lực lượng dân quân, du kích và hậu bị đang triển khai ở các huyện.

Tỉnh đã có chỉ thị bổ sung và triệt để sơ tán ở thị xã và sơ tán có tính chất phân tán ở các huyện và sơ tán các chợ tập trung.

6. Công tác Đảng

Thường vụ Tỉnh ủy đã hoàn thành thí điểm công tác học tập bảo vệ Đảng, và đang đẩy mạnh học tập đợt 3 Nghị quyết 11 Trung ương Đảng, học tập kỹ thuật nông nghiệp lớp ngắn ngày cho cán bộ, đảng viên và chuẩn bị sớm kế hoạch sản xuất đông - xuân năm 1965-1966. Trong tháng Tỉnh ủy cho các huyện ủy và đảng ủy đã họp sơ kết 9 tháng bàn đẩy mạnh thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 1965 và chuẩn bị kế hoạch đông - xuân năm 1965-1966.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 54-BC/TU, tháng 12-1965

Về tình hình công tác tháng 11 năm 1965

Tháng 11-1965, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước trong tất cả các ngành và trong nhân dân các dân tộc nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ trung tâm là sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, đã động viên mọi nhân tố tích cực để khắc phục những khó khăn của tháng qua như mưa lũ đột xuất, thiếu nhiên, nguyên vật liệu, v.v. do đó đã đạt được kết quả:

I. NÔNG NGHIỆP

Trọng tâm là tập trung lãnh đạo thu hoạch lúa mùa và đậu tương. Đồng thời, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho các vụ sản xuất đông - xuân 1965-1966. Do công tác chuẩn bị chu đáo nên thu hoạch vụ mùa năm nay nhanh gọn hơn mọi năm. Qua đánh giá bước đầu thì vụ mùa năm nay tốt hơn năm ngoái. Những chán ruộng cấy hai mùa đều có năng suất khá, một số nơi những chán ruộng này có năng suất xấp xỉ năng suất vụ chiêm (Bát Xát) là vụ độc nhất được canh tác trong những năm trước. Qua ước tính bước đầu có khả năng hoàn thành hoặc vượt mức về tổng sản lượng thóc vụ mùa so với kế hoạch của Trung ương giao.

Đồng thời, qua bước đầu đã có sáu hợp tác xã đạt và vượt chỉ tiêu 5 tấn/ha đo đạc. Những hợp tác xã đó là: Tiên Phong, Quyết Thắng, Thúc Dụ Vạch, Uôn Tà, Giang Đông, Hồng Hà. Và có nhiều hợp tác xã đạt xấp xỉ 5 tấn. Hầu hết ruộng thí nghiệm cao sản của hợp tác xã đạt trên 3 tấn/ha riêng vụ mùa này.

Đi đôi với thu hoạch vụ mùa, chúng ta đã tích cực chuẩn bị cho vụ đông - xuân 1965-1966. Sau hội nghị của tỉnh, nhiều huyện đã mở hội nghị sản xuất đông - xuân như Sa Pa, Bảo Thắng, Muồng Khương, kế hoạch đã giao đến xã và hợp tác xã. Các nơi khác đang tích cực để mở hội nghị vào đầu tháng 12 này. Về mặt... hợp tác xã trong 11 hợp tác xã thí điểm của tỉnh, đã hoàn thành bước một cuộc vận động tập trung và đang bước vào bước 2 đã mở lớp đào tạo cán bộ xã cho cải tiến quản lý đợt 2.

Tuy nhiên, còn một số mặt yếu các cấp ủy cần chú ý khắc phục là:

- Một số nơi chưa coi trọng đúng mức công tác củng cố và phát triển hợp tác xã. Nắm tình hình không vững, chưa có kế hoạch để tích cực củng cố và phát triển, có nơi phong trào đứng tại chỗ thậm chí có hiện tượng thụt lùi.

- Nhiệm vụ, chỉ tiêu đông - xuân 1965 - 1966 một số nơi chưa khẩn trương quán triệt đến xã, hợp tác xã.

II. CÔNG NGHIỆP VÀ TÀI MẬU

A. Công nghiệp

Các cơ sở công nghiệp Trung ương và địa phương tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua giành ba điểm cao để hoàn thành kế hoạch sản xuất tháng 11 năm 1965.

Mặc dù có nhiều khó khăn về giao thông vận tải, thiếu nguyên, nhiên vật liệu, các cấp ủy đã lãnh đạo công nhân, viên chức phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, sáng tạo để bảo đảm sản xuất: Điện vượt 6% kế hoạch, Mỏ apatít vẫn bảo đảm năng suất, địa chất

vẫn thực hiện đầy đủ kế hoạch hợp đồng để phục vụ nông nghiệp, trước mắt là phục vụ thu hoạch vụ mùa và vụ đông - xuân. Hương liệu đạt 107% kế hoạch, đôn lêmít đạt 132% và điện nước Sa Pa đạt 100% kế hoạch sản xuất, thủy điện Bắc Hà đã hoàn thành, bắt đầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Giao thông vận tải được đẩy mạnh tuyến đường trực giữa Lào Cai với Trung ương, bạn sang giúp đỡ đã triển khai đang thi công, ngoài các tuyến đường chính, ta chú trọng phát triển giao thông nông thôn. Quần chúng nhiệt tình tham gia xây dựng giao thông nông thôn và nhiều nơi đã có phong trào khá như Mường Khương, Bảo Thắng... Hiện nay đã có 3.100 người thường xuyên xây dựng trên mặt đường. Đường Mường Khương - Pha Long, đường Cam Đường - Phú Nhuận có khả năng hoàn thành vượt mức kế hoạch, bảo đảm thời gian thông xe. Đường Bát Xát - Mường Hum, đường Sa Pa - Thanh Phú vì công tác lãnh đạo chưa chặt, huy động nhân lực yếu nên tiến triển chậm, không đạt kế hoạch.

Khó khăn chính của công nghiệp hiện nay là giao thông vận tải để tiêu thụ hàng hóa và thiếu nguyên, nhiên vật liệu để sản xuất. Đây là một số khó khăn lâu dài và thường xuyên trong tình hình hiện nay. Vì vậy các cấp ủy Đảng cần động viên cao độ tinh thần tự lực cánh sinh, độc lập sáng tạo của cán bộ và công nhân, viên chức, tìm mọi biện pháp tích cực để khắc phục khó khăn, bảo đảm sản xuất, bảo đảm kế hoạch.

B. Tài mậu

1. Ba Thu: Tính đến 30 tháng 11, thu thóc mới đạt 33,48% kế hoạch vì gặt và lén phương án của các hợp tác xã chưa xong. Ngô đạt 88,16% kế hoạch. Các cấp ủy cần tích cực lãnh đạo, bảo đảm hoàn thành đầy đủ kế hoạch ba thu hiện nay. Ngoài lúa và ngô cần cố gắng bảo đảm kế hoạch thu mua đậu tương và lợn thịt vì khâu này đang còn yếu.

2. Mậu dịch: Kế hoạch bán ra của cả năm 1965 là 16 triệu, đến tháng 11 năm 1965 ước đạt 14.725.000 đồng. Cần cố gắng bảo đảm vận chuyển, bảo đảm hàng hóa để phục vụ xây dựng, sản xuất và chiến đấu, cố gắng bảo đảm kế hoạch bán ra để phục vụ kế hoạch chung.

Do mưa lũ đột xuất, rau xanh bị mất và hỏng nhiều nên giá rau thị trường lên cao. Rau phục vụ các tuyến đường cho công nhân rất khan hiếm. Đồng thời, giá các thực phẩm khác ở thị trường tự do cũng lên cao, có loại tăng hơn 50%. Tình hình đó đang ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân trong khi đó công tác quản lý thị trường chưa được chú trọng đúng mức. Vì vậy, hiện nay phải tích cực đẩy mạnh sản xuất thực phẩm, trước hết là sản xuất rau xanh và chăn nuôi trong nhân dân và trong cán bộ công nhân viên nhằm ổn định thị trường, bảo đảm đời sống của nhân dân và cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước.

3. Tài chính - Ngân hàng: Đã có nhiều cố gắng trong khâu thu và chi để phục vụ xây dựng và sản xuất.

Ngân hàng thu tiền mặt đạt 96% kế hoạch của năm, thu tiết kiệm đạt 151% kế hoạch. Thu tài chính: Kế hoạch tháng 10-11 năm 1965 là 952.000 đồng, mới thực hiện được 450.000 đồng. Nguyên nhân do một số ngành sản xuất và kinh doanh gặp khó khăn, không bảo đảm được kế hoạch thu tài chính của Nhà nước, kế hoạch chi vẫn tăng trội trong khi đó vốn kiến thiết cơ bản chưa sử dụng hết.

Chúng ta phải cố gắng khắc phục khó khăn, tích cực hoàn thành kế hoạch sản xuất và kinh doanh, ra sức thực hiện tiết kiệm để phục vụ kế hoạch của Đảng và Nhà nước; đẩy mạnh hơn nữa khâu thu và tiết kiệm hơn nữa khâu chi tài chính.

III. VĂN HÓA - GIÁO DỤC VÀ TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

1. Ta đã cố gắng khắc phục khó khăn, tiếp tục thực hiện công tác xóa mù chữ, bổ túc văn hóa và bảo đảm kế hoạch giáo

dục phổ thông trong hệ thống nhà trường. Bệnh viện, bệnh xá được tiếp tục củng cố ở nông thôn và đang tích cực ổn định tổ chức các hoạt động văn nghệ đã đẩy mạnh hoạt động và đã có tác dụng tích cực trong việc tuyên truyền giáo dục nhân dân, phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Tuy nhiên, cần lãnh đạo tốt hơn nữa các bệnh xá để ổn định tổ chức và phục vụ tốt người bệnh. Cần lãnh đạo tốt cuộc hội diễn văn nghệ của tỉnh và cuộc hội diễn văn nghệ của các lực lượng vũ trang vào dịp 22 tháng 12 cũng như các mặt khác nhằm phục vụ đắc lực hơn nữa nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu. Trước mắt là phục vụ đắc lực hơn nữa nhiệm vụ sản xuất đông - xuân và nhiệm vụ sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu mới của địch mà Nghị quyết 24 ngày 18 tháng 11 năm 1965 của Ban Thường vụ đã vạch ra.

2. Trị an - quốc phòng

Mặc dù những ngày gần đây máy bay địch tăng cường đánh phá đường sắt thuộc địa phận tỉnh ta và bọn phản cách mạng ở một số nơi có ráo riết hoạt động phá hoại, nhưng tình hình trị an địa phương vẫn ổn định, được củng cố và tăng cường một bước nhằm sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại mới của địch.

Chúng ta đang tích cực đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an nhằm loại trừ khả năng gây bạo loạn của bọn phản cách mạng ở một số nơi. Chuẩn bị để sẵn sàng đánh bại âm mưu tung gián điệp, biệt kích lẻ tẻ hoặc hàng loạt của địch. Tiếp tục công tác phòng không nhân dân không những ở các khu vực trọng điểm mà còn trong cả những thị trấn huyệnlỵ. Thực hiện Nghị quyết 116 của Bộ Chính trị, ta đã thực hiện tốt việc bàn giao chức năng, nhiệm vụ giữa công an nhân dân vũ trang và quân đội nhân dân. Đã tập trung lãnh đạo việc thống nhất lực lượng của dân quân tự vệ và quân hậu bộ. Tiếp tục củng cố và xây dựng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ cho các lực lượng này tiến bộ một bước, bảo đảm sẵn

sàng chiến đấu cũng như chiến đấu thắng lợi. Đã hoàn thành công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự, thực hiện được yêu cầu, v.v.. Để đáp ứng tình hình mới, Ban Thường vụ đã ra nghị quyết về công tác trị an, và đang chuẩn bị ra nghị quyết về công tác quân sự. Nói chung, công tác bảo vệ trị an, xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu đã được các cấp ủy Đảng chú ý và nhiều nơi đã lãnh đạo chặt chẽ. Vì vậy đã có nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên, một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức nên chưa kiên quyết phát động quần chúng, trấn áp bọn phản cách mạng hoạt động phá hoại, chưa quan tâm đầy đủ trong việc xây dựng củng cố lực lượng nên phong trào tiến bộ không đều, một số nơi còn yếu. Vì vậy, các cấp ủy cần quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng hơn nữa, tích cực khắc phục khó khăn, đưa công tác trị an - quốc phòng tiến mạnh hơn nữa, đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng.

IV. CÔNG TÁC ĐẢNG

Đã hoàn thành lớp tập trung thứ hai để bồi dưỡng lý luận và tư tưởng cho cán bộ trung sơ cấp của Đảng. Và đang tích cực mở lớp cuối cùng bảo đảm bồi dưỡng cho hầu hết cán bộ trung sơ cấp trong năm nay.

Sau khi hoàn thành lớp bảo vệ Đảng của Khối Dân, Chính, Đảng, ta mở lớp bảo vệ Đảng trong lực lượng công an. Công tác này rất được coi trọng và tích cực thực hiện.

V. NHỮNG CÔNG TÁC CHÍNH TRƯỚC MẮT

Trong tháng tới, các cấp ủy cần lãnh đạo tốt mây công tác sau đây:

1. Công tác ba thu, bảo đảm hoàn thành kế hoạch thu thóc, ngô và đậu tương. Hết sức cố gắng thu mua lợn và các thực phẩm khác.

2. Nhanh chóng triển khai kế hoạch đông - xuân đến xã và hợp tác xã. Phát động quần chúng tích cực thi đua giao vụ đông -

xuân chống Mỹ một cách sôi nổi và sâu rộng để kỷ niệm ngày 22 tháng 12 và chào mừng những chiến công oanh liệt của quân và dân tinh Thủ Dầu Một kết nghĩa anh em.

3. Tích cực khắc phục khó khăn, bảo đảm hoàn thành kế hoạch sản xuất công nghiệp và kế hoạch kinh doanh thương nghiệp với tinh thần tích cực nhất, cố gắng lớn nhất, chuẩn bị tốt tổng kết năm và chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp.

4. Tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về trị an, quốc phòng nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đánh bại mọi âm mưu mới của đến quốc Mỹ và tay sai, giữ gìn tốt trật tự trị an, nhất là trong dịp cuối năm.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 88-CT/TU, ngày 10-1-1966

**Về việc tăng cường lãnh đạo chỉ đạo
công tác củng cố phát triển hợp tác xã nông nghiệp
đảm bảo hoàn thành thắng lợi vụ sản xuất
đông - xuân 1965-1966**

Năm 1965 phong trào hợp tác xã đã có nhiều tiến bộ và thu nhiều kết quả to lớn. Tỷ lệ số hộ nông dân tham gia từ 58,8% năm 1964 lên 77,8%, hợp tác xã bậc cao từ 22% lên 31,8%; so với năm 1964 số hợp tác xã khá và trung bình đều tăng, loại kém giảm dần, số hộ nông dân các dân tộc ở các vùng đều tham gia đông đảo và đồng đều. Phong trào hợp tác xã được củng cố thúc đẩy các mặt công tác tiến triển mạnh mẽ, sôi nổi; các hợp tác xã đã từng bước có những tiến bộ về mặt cải tiến quản lý và đi vào khoa học - kỹ thuật. Mặt trận sản xuất gắn liền với phong trào hợp tác hóa đã nổi lên nhiều, phong trào của quần chúng xã viên làm thủy lợi, làm ruộng sản lượng cao, làm ruộng và nương bậc thang, phát triển đỗ tương, tổ chức chăn nuôi tập thể, v.v. các công tác khác như ba thu, trị an, văn hóa, y tế, vệ sinh cũng được đẩy mạnh, mặt khác chính trong phong trào hợp tác hóa mà cán bộ được rèn luyện, hợp tác xã được củng cố thêm, lực lượng sản xuất được phát triển, tính chất ưu việt của tổ chức sản xuất tập thể của nông dân các dân tộc được phát huy thể hiện tính hơn hẳn đối với lối sản xuất cá thể trước đây.

Để phát huy thắng lợi đã đạt được trong năm qua Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 25 hướng dẫn các cấp các ngành nắn lấy thời cơ đưa phong trào hợp tác xã năm 1966 tiến lên với tốc độ nhanh, mạnh, vững chắc hơn cả về số lượng và chất lượng với yêu cầu hợp tác xã phải là cơ sở để thực hiện vụ sản xuất đông - xuân năm 1965-1966 chắc chắn nhất. *Vụ sản xuất đầu năm có ý nghĩa quyết định đến việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch cả năm.*

Việc tổ chức học tập nghiên cứu nghị quyết trên ở một số nơi đã đạt được kết quả bước đầu: Đã có thêm 934 hộ tham gia hợp tác xã, 263 hộ từ hợp tác xã bậc thấp chuyển lên bậc cao, nhiều hợp tác xã đã nêu gương tốt về thu hoạch nhanh gọn vụ mùa, hoàn thành ba thu, bắt đầu chuẩn bị những công việc của vụ sản xuất đông - xuân 1965-1966 với khí thế cách mạng sôi nổi thi đua với tỉnh Thủ Dầu Một.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của cách mạng đòi hỏi với tinh thần thi đua với tỉnh Thủ Dầu Một kết nghĩa anh em quyết tâm chiến thắng để quốc Mỹ xâm lược, với nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa vững mạnh thì tốc độ phát triển hợp tác xã hiện nay mới được 2,3% là còn chậm, công tác huấn luyện đào tạo cán bộ làm còn yếu, Nghị quyết 23 của tỉnh nhiều nơi học ý còn sơ sài, thậm chí một số nơi chưa tổ chức học tập nghiên cứu; ở các cuộc hội nghị phát động Đảng (...) các huyện thị mới chú ý đến mặt xây dựng chỉ tiêu kế hoạch và hướng dẫn học tập về kỹ thuật; coi trọng mặt này là đúng, nhưng nếu coi nhẹ mặt củng cố phát triển hợp tác xã là không có cơ sở để thực hiện các biện pháp trên.

Muốn thực hiện được tốt kế hoạch, phải có nghị quyết toàn diện cả về mặt chỉ tiêu, biện pháp sản xuất và kế hoạch củng cố phát triển hợp tác xã và tổ đổi công; việc tổng kết những kinh nghiệm tốt của các hợp tác xã tiên tiến hoặc các hợp tác xã điển hình đi đôi với việc tạo thêm nhiều điển hình là biện pháp tốt nhất và hiệu quả nhất trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phong trào, nhưng hiện nay các nơi chưa thực hiện đúng mức.

Căn cứ vào tình hình trên, Tỉnh ủy chỉ thị các ngành các cấp tích cực thực hiện những việc sau đây:

1. Quán triệt tinh thần của Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy vào trong các nghị quyết các đại hội huyện thị, đảng bộ các cấp, sản xuất và hợp tác xã phải thể hiện rõ rệt ngay trong vụ sản xuất năm 1965-1966 này

Phải xây dựng chỉ tiêu phát triển củng cố hợp tác xã thật cụ thể, ngay vụ sản xuất đông - xuân cần phấn đấu đạt 85% số hộ nông dân vào hợp tác xã *làm cơ sở cho quần chúng tiến công vào mặt trận sản xuất và mọi lĩnh vực khác*. Phải có chương trình kế hoạch, có trọng tâm trọng điểm, có phân công nhiệm vụ hàn hoi. Điều quan trọng là phải làm cho cán bộ, quần chúng xã viên thấy được rõ là hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa, văn hóa hóa, quân sự hóa, v.v.. tức là tất cả các việc đều thực hiện trên cơ sở các hợp tác xã, tức là quan hệ sản xuất được phát triển và củng cố vững chắc.

2. Đặc biệt coi trọng công tác tổng kết các hợp tác xã tiên tiến và xây dựng nhiều hợp tác xã điển hình; tổ chức việc học tập lẫn nhau kết hợp với việc tạo thêm nhiều điển hình mới trong phong trào hợp tác hóa năm 1966

Việc làm có nhiều cái mới, muôn lanh đao và chỉ đạo tốt phong trào hợp tác hóa, các cấp các ngành phải nhúng tay thực sự vào công việc, tự xây dựng nhiều điển hình để rút ra những kinh nghiệm tốt, xấu, kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phổ biến và lệch lạc để uốn nắn. Ngoài ra kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng rất phong phú, muôn màu muôn vẻ, trăm hoa đua nở, lanh đao phải biết tổng kết để rút ra những bài học cụ thể, lấy quần chúng giáo dục quần chúng, tổng kết để chứng minh thêm về đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, củng cố lòng tin tưởng tuyệt đối vào khả năng cách mạng của quần chúng các dân tộc, tổng kết tốt, phổ biến kinh nghiệm tốt chính là để củng cố và phát triển tốt các hợp tác xã.

Các đồng chí huyện ủy phân công nhau xuống giúp đỡ xã tổng kết những hợp tác xã tiên tiến hoặc giỏi của từng xã, từng khu vực, tiến tới mở hội nghị hợp tác xã tiên tiến từng khu vực và đại hội hợp tác xã tiên tiến của huyện. Yêu cầu của tổng kết là rút ra những bài học cụ thể về lãnh đạo, giáo dục tư tưởng và chính trị để phát huy khí thế cách mạng của quần chúng xã viên biết quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật, tổng kết các mặt tốt, các điển hình tốt của các hợp tác xã như hợp tác xã giỏi về thực hiện phương hướng thâm canh tăng năng suất lúa ngô đỗ tương, tổ chức chăn nuôi *nâng bình quân đầu lợn của mỗi gia đình mỗi năm mỗi tăng*, đồng thời có tổ chức chăn nuôi tập thể đại và tiểu gia súc, hợp tác xã giỏi về làm thủy lợi, làm ruộng và nương bậc thang, kinh doanh nhiều ngành nghề, quản lý tốt lao động để phát triển kinh tế tập thể của hợp tác xã, sản xuất nhiều rau và hoa màu, trồng cây công nghiệp xây dựng quê hương mới mau chóng ổn định sản xuất và thực hiện tốt vấn đề đoàn kết giữa miền xuôi miền ngược để phát triển kinh tế của tỉnh, v.v. tổng kết sẽ tiến hành từ xã lên khu vực và huyện tiến tới đại hội hợp tác xã tiên tiến của huyện trong tháng 3 năm 1966 để chuẩn bị cho Đại hội hợp tác xã tiên tiến của tỉnh đầu năm 1966.

3. Các cấp, các ngành, các chi bộ cơ quan, công nông lâm trường, xí nghiệp làm tốt công tác kết nghĩa với hợp tác xã nông nghiệp, thực sự giúp đỡ các hợp tác xã về các mặt quản lý, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã

Công tác này trong năm 1965 đã làm tương đối tốt, quan hệ công nông liên minh được chặt chẽ thêm, các hợp tác xã nói chung được củng cố thêm một bước. Nhưng quan hệ sản xuất phải luôn luôn được hoàn thiện và tăng cường để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Tỉnh ủy yêu cầu các huyện ủy, thị ủy, đảng ủy, các đồng chí phụ trách các ngành, các chi bộ cơ quan, xí nghiệp, công nông lâm trường, trường học, v.v. phải đặt thành nhiệm vụ kết nghĩa với hợp tác xã và phân công cụ thể cho từng chi bộ những chi bộ cơ quan,

xí nghiệp, đơn vị, ngành mìn đóng tại địa phương nào thì kết nghĩa giúp đỡ ngay hợp tác xã ở địa phương đó, vừa có ý nghĩa để phát triển kinh tế, vừa có ý nghĩa củng cố cơ sở chính trị tại địa phương. Nhiệm vụ cụ thể là giúp đỡ các hợp tác xã biết cách làm kế hoạch sản xuất, kế hoạch lao động và kế hoạch tài vụ, biết làm ruộng nương thí nghiệm, thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng, tổ chức chăn nuôi tập thể, phát động phong trào học tập văn hóa làm thủy lợi, v.v. giúp đỡ làm quy hoạch của hợp tác xã, xây dựng các cơ sở vật chất cho hợp tác xã, kiến thiết đồng ruộng, xây dựng sân phơi nhà kho, làm xe cải tiến, làm đường giao thông, luyện tập quân sự, v.v..

4. Phải tuyên truyền huấn luyện bồi dưỡng và tổ chức cho cán bộ và quân chúng từng bước tiến lên năm vững những điều hiểu biết cần thiết về khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp và công tác quản lý hợp tác xã

Để làm tốt công tác này, phải hết sức chú trọng đến việc mở lớp huấn luyện, mở các hội nghị chuyên đề về kỹ thuật và quản lý, mở hội nghị đầu bờ, tổ chức tham quan, v.v.. Phát động phong trào thi đua học tập đuổi kịp và vượt hợp tác xã Tiên Tiến. Từng huyện phải phân công một số cán bộ tuyên huấn, cán bộ kỹ thuật, cán bộ phòng nông nghiệp chuyên lo về công tác huấn luyện có chương trình sắp xếp nội dung cụ thể phối hợp các môn học được chặt chẽ, thiết thực và đơn giản, thích hợp với từng vùng, từng loại hợp tác xã, từng trình độ cán bộ làm cho mọi người đều tiếp thu được kỹ thuật và biết sử dụng kỹ thuật đó vào công tác sản xuất hàng ngày. Các lớp bồi dưỡng phải biết kết hợp với việc tổng kết kinh nghiệm của các hợp tác xã, đó là kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tiễn.

Trên đây là những công tác cấp thiết phải làm cho tốt để thúc đẩy phong trào hợp tác xã và sản xuất. Muốn làm được tốt những việc trên phải có sự chuyển biến sâu sắc mạnh mẽ của các cấp ủy lãnh đạo trong nông nghiệp theo phong cách của sự lãnh đạo chỉ đạo trong công nghiệp tức là tập trung khẩn trương, liên tục, nhạy

cảm, sắc bén với những nhân tố mới nảy nở, chống mọi khuynh hướng lề mề, phân tán tùy tiện, buông lỏng lãnh đạo, chủ quan, tự mãn hoặc bi quan, ngại khó. Phải chú ý lãnh đạo thật tốt các xã đang tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã đưa phong trào quần chúng nơi này tiến lên mạnh mẽ nổi trội hơn hẳn mọi nơi để làm kiểu mẫu lý tưởng thúc đẩy phong trào chung có những bước nhảy vọt và chuẩn bị cho công tác mở rộng cải tiến sau này.

Nhận được chỉ thị này, các cấp các ngành phải nghiên cứu quán triệt các yêu cầu và nhiệm vụ trên, quán triệt hơn nữa Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy, tổ chức việc thực hiện thật tốt. Đảng đoàn chính quyền, Ban Nông nghiệp, Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ty Nông nghiệp, v.v phải theo dõi chặt chẽ phong trào giúp Tỉnh ủy, kịp thời phát huy những ưu điểm, uốn nắn bổ khuyết những lách laced. Các ngành phục vụ phong trào như: Công nghiệp, kiến trúc, giao thông, thủy lợi, văn hóa, thương nghiệp, lương thực, v.v. phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể phục vụ tốt các hợp tác xã nông nghiệp.

Hằng tháng các cấp ủy phải giữ vững chế độ báo cáo thỉnh thị với Tỉnh ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**
Số 56-BC/TU, ngày 5-2-1966
Về công tác tháng 1 năm 1966

Tháng 1 năm 1966 là tháng đầu của kế hoạch 2 năm 1966-1967 đồng thời là tháng có những ngày đầu xuân của năm mới Bính Ngọ. Tiếp thu tinh thần Nghị quyết Trung ương 12, trước yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới, các cấp các ngành và các địa phương trong tỉnh nêu quyết tâm phấn đấu mới ngay từ đầu năm trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước và đẩy mạnh các mặt công tác với tinh thần kiên quyết khắc phục tập quán nghỉ ngơi, ăn chơi dịp Tết, một tập quán lâu đời còn để lại trong nhân dân các dân tộc địa phương, phấn khởi hăng hái thi đua thực hiện một tết "sản xuất tiết kiệm, săn sàng chiểu đấu và chiến đấu tốt với khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng đế quốc Mỹ" đã gây một khí thế cách mạng sôi nổi và rộng khắp từ thành thị đến nông thôn từ công trường, nhà máy, cơ quan, đơn vị, v.v. đến đồng ruộng và đã thu kết quả tốt.

I. CÔNG TÁC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

Về sản xuất nông nghiệp, phong trào sản xuất đông - xuân được phát động và đẩy mạnh ngay từ cuối tháng 12 năm 1965 với đợt thi đua lấy tên trận "Tấn công như Bầu Bàng lấy thành tích

dâng Đảng và Bác" để kỷ niệm 3 ngày kỷ niệm lớn: toàn quốc kháng chiến, thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đặc biệt, trong dịp Tết, chủ trương của Tỉnh ủy "Thực hiện sản xuất tiết kiệm, vận động quần chúng ra đồng cả trong 3 ngày Tết" được các cấp các ngành và nhân dân các dân tộc nhiệt liệt hưởng ứng thực hiện với một khí thế mới sôi nổi mạnh mẽ từ thành thị đến nông thôn. Nhiều nơi đã báo công chúc Tết tính ngay trong ngày Tết bằng các thành tích tiết kiệm và thành tích về năng suất đạt cao, khối lượng đạt lớn, kết quả đạt nhiều nhất về các mặt: làm chiêm, cày ải, làm phân, trồng cây, làm thủy lợi, ba thu... Khắc phục tập quán cũ lâu đời về ngày tết, phấn khởi hăng hái lao động sản xuất thực sự cả trong những ngày tết là một hành động cách mạng mới có tính chất lịch sử từ xưa đến nay chưa từng có ở vùng đồng bào dân tộc trong tỉnh. Điều đó biểu hiện nhận thức rõ về nhiệm vụ đổi mới miềnnam, lòng tin tưởng tuyệt đối vào quần chúng các dân tộc, vào sự lãnh đạo của Đảng, khả năng phấn đấu to lớn trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước và mọi mặt công tác và mở ra khả năng triển vọng khắc phục tốt những tập quán lạc hậu của địa phương.

Những kết quả đạt được đáng chú ý (kể từ đầu vụ đến ngày 27 tháng 1 năm 1966):

Chiêm rét đã cấy	$12.060\text{cg} = 150\text{ ha.}$
Đỗ tương xuân đã trồng	$8.419\text{ cg} = 105\text{ ha.}$
Ngô xuân	$892\text{cg} = 29\text{ ha.}$
Sắn	$31.450\text{ gốc} = 4,4.$
Khai phục hoang	$2.075\text{cg} = 25\text{ ha.}$
Cây chiêm	$147.946\text{ cg} = 1.849\text{ ha.}$
Phân bón	6.041 tấn.

Hầu hết các chỉ tiêu đều được thực hiện với tốc độ nhanh mạnh hơn cùng thời gian này năm ngoái, nhanh hơn từ 23% như sắn, 45% đến 75% như chiêm rét, ngô xuân và cày chiêm; gấp 3,5 lần như phân bón, 42 lần như đỗ tương xuân, làm thủy lợi nhỏ khá mạnh.

II. CÔNG TÁC CÔNG NGHIỆP

Với tinh thần thi đua chống Mỹ, cứu nước các ngành công nghiệp kể cả Trung ương và địa phương nói chung đã mở đầu việc thực hiện kế hoạch của mình trong tháng đầu năm bằng một quyết tâm cao, một tinh thần phấn khởi hăng say lao động sản xuất với khí thế cách mạng mới. Thực hiện chủ trương của trên về việc liên tục sản xuất không nghỉ Tết, đại bộ phận cán bộ, công nhân đã vui vẻ ở lại không đi phép Tết, cán bộ xuống sát cơ sở, mọi người phấn khởi làm việc với mục tiêu đề ra là "đạt khối lượng lớn nhất năng suất cao nhất và chất lượng tốt nhất" trong ngày Tết lấy thành tích dâng lên Đảng và Hồ Chủ tịch. Các cơ sở đều chú ý tiến hành hợp lý hóa sản xuất, đẩy mạnh tăng năng suất lao động và tiết kiệm nguyên liệu tốt. Năng suất lao động của mỗi cơ sở sản xuất đều tăng trung bình từ 20% đến 60% (như mỏ, xưởng cơ khí, nông cụ, nhà máy đường, các ngành giao thông vận tải, kiến trúc...). Nơi thấp nhất cũng tăng từ 9 đến 16% (như xưởng dầu). Đường Mường Khuông - Pha Long đã hoàn thành thông đường đúng thời gian dự kiến phấn đấu vào 18 tháng 1 năm 1966, trước tết 2 ngày. Đường sắt Lào Cai - Hà Nội liên tục thông suốt không bị gián đoạn. Các nguyên liệu cần thiết như than, dầu đều được tranh thủ chuyển lên và đã có lực lượng dự trữ. Tuy nhiên, một số vật tư như sắt thép vẫn còn ở tình trạng thiếu khá nghiêm trọng.

III. CÔNG TÁC MẬU TÀI

Trước tình hình đường sắt thông suốt ta đã tranh thủ liên tục chuyển hàng xuôi lên nhất là vật tư, các mặt hàng chủ yếu và hàng phục vụ tết; các thứ hàng quan trọng như muối, xi măng, đã có dự trữ. Đồng thời, tranh thủ đưa hàng xuôi nhất là gạo viện trợ.

Công tác thương nghiệp đã đẩy mạnh mua vào bán ra và bảo đảm việc cung cấp hàng Tết một cách bình thường. Các cửa hàng

mở cửa cả 3 ngày tết, mậu dịch tổ chức các tổ lưu động đến các cơ sở sản xuất và trên các dọc đường giao thông lớn ở các cửa ô bán hàng tết phục vụ công nhân và nhân dân.

Về lực lượng hàng thì vấn đề thịt lợn và dầu hỏa hiện nay còn khó khăn và là vấn đề cần được khẩn trương giải quyết.

Công tác ba thu đến 30 tháng 1 năm 1966 đạt 79,54% kể cả thóc và ngô (với số lượng 3.154 tấn 772) trong đó thuế đạt 113,78%, nghĩa vụ 88,54%, khuyến khích 53,01% với tốc độ nhập kho nhanh hơn cùng thời gian năm ngoái 22%. Triển vọng hoàn thành thuế và nghĩa vụ trong tháng 2 năm 1966 song khâu thu mua khuyến khích còn có khó khăn.

IV. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LUỢNG VŨ TRANG, PHÒNG KHÔNG SƠ TÁN

Công tác bảo vệ trật tự trị an trong dịp Tết được tiến hành có kế hoạch và đạt kết quả tốt. Tình hình trật tự trị an được bảo đảm ổn định không có vấn đề lớn xảy ra.

Nghị quyết 24 của Tỉnh ủy về việc loại trừ khả năng gây bạo loạn đã được Huyện ủy Sa Pa và Bắc Hà tiến hành tích cực, đã triển khai lực lượng cán bộ xuống các xã trọng điểm.

Công tác tuyển binh đợt 1 đã hoàn thành với kết quả tuyển được 77 (số dự định lấy 100) và đã giao lên trên 41.

Công tác thống nhất lực lượng quân hậu bị và quân tự vệ đã căn bản hoàn thành. Hiện còn một số xã thuộc huyện Bát Xát đang làm nốt và khu vực mỏ làm còn yếu và chậm.

Công tác bình địa theo yêu cầu của Trung ương gồm điều tra hang động và điều tra tiềm lực kinh tế phục vụ quốc phòng đã tiến hành xong.

Hoạt động trên không của địch trong tháng qua rất ít, có vài lần máy bay địch đến có tính chất trinh sát, trong số đó có hai lần máy bay không người lái bay qua khôn phận Lào Cai.

Công tác phòng không của ta trong dịp Tết được thực hiện tích cực. Tinh thần phòng tránh được quán triệt nhanh và rộng trong lãnh đạo và các ngành, việc tổ chức kiểm tra đôn đốc được tiến hành khẩn trương đã gây một chuyển biến rõ rệt hơn trước với ý thức chấp hành tốt. Về cơ bản yêu cầu sơ tán, phân tán đối với các nội thị và các trọng điểm đạt được. Các hệ thống thương nghiệp lương thực, các cửa hàng và kho tàng các thị xã Lào Cai và Cam Đường. Hệ thống phục vụ của văn hóa y tế, các trường học, các kho của Trung ương và địa phương, v.v. đã sơ tán và phân tán. Riêng công nghiệp đã sơ tán bước đầu còn bộ phận cơ khí với điện ở lại một số ít, những bộ phận ở lại ở các trọng điểm chưa đi được đều có công sự hầm hào trú ẩn. Nhân dân thì phần lớn đã ra khỏi thị xã.

Tuy nhiên cũng còn những tồn tại như: Chợ Cốc Lếu chưa sơ tán được vẫn phải họp đêm, hệ thống các cửa hàng thương nghiệp lương thực chưa có hầm chố khác trú ẩn. Một số gia đình ở thị xã nhất là phố Tèo tính chất sơ tán còn tạm thời chưa phải cản bắn và lâu dài. Việc giữ bí mật đối với các khu vực sơ tán như che phòng (trồng cây, che lá) chưa được thực hiện tốt.

Việc bố trí lực lượng săn sàng chiến đấu nhất là thị xã làm được tốt, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ có kế hoạch thường trực chiến đấu.

V. QUAN HỆ VỚI BẠN

Tỉnh đã tổ chức tiến hành tốt lễ trao cờ của Trung ương cho các đơn vị bạn sang giúp ta.

Ngoài những quan hệ thường ngày giao dịch và công tác làm được tốt, trong những ngày Tết, đã tổ chức thăm hỏi và tặng quà chúc Tết bạn tăng thêm tình đoàn kết thân mật và gắn bó với nhau giữa quân dân hai nước.

VI. CÔNG TÁC ĐẢNG

Tỉnh ủy đã tranh thủ triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng đến

các đồng chí phụ trách các ngành, bí thư và phó bí thư huyện thị và Đảng ủy phổ biến kịp thời tinh thần Nghị quyết Trung ương 12 nhằm truyền đạt nhanh chóng tinh thần nghị quyết xuống cơ sở.

Công tác kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách thực hiện chỉ thị, nghị quyết cấp trên đang tiến hành tại Sa Pa và thị xã Lào Cai.

Việc tổ chức chi bộ bốn tốt được đẩy mạnh và đang tiếp tục hoàn thành ở các cơ sở: Tổng kết cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp đã làm xong ở huyện. Đại hội Đảng bộ huyện đang tiến hành mới có huyện Mường Khương tiến hành xong và kết quả tốt.

Những công tác lớn trong tháng 2 năm 1966:

- Đẩy mạnh việc làm chiêm và các loại cây trồng vụ xuân, đi đôi với đẩy mạnh chăn nuôi chủ yếu là chăn nuôi lợn.

- Tiến hành tích cực bước chuẩn bị của công tác cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 2 đồng thời ra sức củng cố phong trào hợp tác xã sản xuất trong toàn tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động của công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp sản xuất nông cụ và các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất đông - xuân.

- Khẩn trương hoàn thành công tác ba thu.

- Tiếp tục và triệt để thực hiện kế hoạch sơ tán đối với các thị xã, thị trấn và dọc đường xe lửa. Tăng cường công tác bố trí lực lượng thường xuyên chiến đấu, tiến hành phổ biến, quán triệt nhiệm vụ quân sự năm 1966 đến các huyện thị.

- Hoàn thành công tác Đại hội các Đảng bộ huyện thị. Tiến hành Hội nghị chấp hành Tỉnh ủy mở rộng học tập Nghị quyết Trung ương 12 và kiểm điểm năm 1965 về nghị quyết công tác hai năm.

- Tiến hành đợt kiểm tra cây chiêm rét và chiêm xuân.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BIÊN BẢN
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 25-BB/TU, ngày 20-2-1966

**Về cuộc họp các đồng chí phụ trách các ngành
về công tác cải tiến quản lý hợp tác xã**

Ngày 15 tháng 2 năm 1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũ triệu tập một cuộc họp gồm các đồng chí phụ trách các ngành xung quanh tỉnh trực tiếp quan hệ công tác cải tiến quản lý hợp tác xã để kiểm điểm về công tác của các ngành đã tham gia cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 1 và bàn nhiệm vụ phục vụ đợt 2.

Cuộc họp có mặt các đồng chí:

- Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ, thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trì điều khiển, phổ biến nhiệm vụ, giao trách nhiệm cho từng ngành,

- Dèn, Phó Ty Nông nghiệp,
- Phú, Giang, Phó Ty Công nghiệp,
- Thú, Trưởng Đài khí tượng tỉnh,
- Thụ, Phó Chủ nhiệm báo *Lào Cai đổi mới*,
- Thanh, Tiêm, đại diện Ty Thủy lợi,
- Cầm, đại diện Ty Kiến trúc,
- Hành, đại diện Ủy ban Kế hoạch tỉnh,
- Tiên, Phó Ty Thương nghiệp,
- Cường, đại diện Ty Khai hoang,
- Mộ, đại diện Ty Y tế,

- Hạ, đại diện Ty Tài chính,
- Hiệp, Phó Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy,
- Tống Kỳ, Thường vụ Tỉnh đoàn 1.

Và một số cán bộ thuộc bộ môn cải tiến của tỉnh cùng dự.

Vắng mặt: Các cơ quan sau đây không có lý do báo cáo, tuy tỉnh đã có công văn triệu tập: Lâm nghiệp, Giao thông, Công ty tư liệu sản xuất, Lương thực, Văn hóa, Mặt trận, Phụ nữ, v.v..

I. NHẬN XÉT VIỆC THAM GIA CUỘC VẬN ĐỘNG ĐỢT I VỪA QUA

Căn cứ vào tình hình đã thực hiện vừa qua, đồng chí Đỗ Hiệp đại diện Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy là cơ quan được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ và chức năng theo dõi, đôn đốc và giúp Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo thực hiện cuộc vận động, đã báo cáo khái quát chung những kết quả đã đạt được của đợt 1 đã làm, trong đó nêu lên những kết quả do có sự tham gia thực hiện của các ngành đã đóng góp.

Cụ thể về mặt các ngành tham gia, do nhận thức quán triệt được ý nghĩa, mục đích yêu cầu của cuộc vận động và do thấy rõ trách nhiệm của mình với một ý thức thi hành chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch chung của tỉnh đề ra được tốt, nên nói chung các ngành đã tích cực tham gia cuộc vận động, đã tổ chức thực hiện có kết quả những phần việc thuộc ngành mình đối với cuộc vận động. Nhờ có sự đóng góp đó nên đã giúp cho các xã và hợp tác xã trong vùng cải tiến có nhiều thuận lợi và giải quyết được nhiều khó khăn mà điều kiện, khả năng của hợp tác xã không thể giải quyết nổi. Nhiều ngành đã có kế hoạch về công tác ngành mình để hướng dẫn các xã, hợp tác xã thực hiện, như tổ chức, tuyên giáo, thanh niên, phụ nữ, mặt trận, v.v.. Ngoài kế hoạch, một số ngành đã có quy hoạch chuyên môn để giúp xã, hợp tác xã dựa vào đó làm căn cứ xây dựng phương hướng và kế hoạch sản xuất, như quy hoạch

phân bón đất đai, khoanh vùng sản xuất, đo đạc ruộng đất, quy hoạch giao thông, thủy lợi, công nghiệp, kiến trúc, v.v.. Trong quá trình đợt vận động, một số ngành đã cử cán bộ về xã, hợp tác xã để nắm tình hình và xây dựng quy hoạch, kế hoạch hoặc trực tiếp giúp đỡ các cơ sở về cán bộ kỹ thuật, nguyên vật liệu, công cụ, tư liệu sản xuất, phân giống. Ngoài ra, một số ngành còn có cán bộ đến trực tiếp ở Ban Nông nghiệp để theo dõi giúp việc/công tác cải tiến từ đầu đến cuối đợt vận động như tổ chức, tuyên giáo, thống kê, công nghiệp, nông nghiệp, kiến trúc, thanh niên, v.v..

Về mặt cán bộ trực tiếp xuống xã, hợp tác xã, các ngành xung quanh tỉnh đã cử được 71 đồng chí đi tham gia trực tiếp vào các tổ cải tiến ở xã, hợp tác xã. Số đồng chí này qua một đợt đã có nhiều đồng chí biểu hiện một tinh thần công tác cao, đạt được nhiều thành tích, giúp đỡ xã, hợp tác xã có nhiều tác dụng.

Tóm lại, nhiều ngành đã có nhiều cố gắng và nói chung tốt nhưng tham gia nổi bật nhất, ngoài các ngành Dân, Đảng ra thì có một số ngành như Nông nghiệp, Kiến trúc, Công nghiệp, Thống kê.

Tuy nhiên, nhìn vào sự thực hiện chỉ thị và kế hoạch của Tỉnh ủy đã đề ra cho các ngành thì nhìn chung là chưa thật đầy đủ. Nhiều ngành chưa nhận thức, quán triệt, chưa quan tâm chú ý đúng mức đối với cuộc vận động cải tiến do đó còn có những việc chưa thực hiện, phục vụ chưa đắc lực và cũng chưa có báo cáo với cấp tỉnh. Việc lập quy hoạch, kế hoạch cho các xã, hợp tác xã vùng cải tiến đợt 2 cũng như đợt 2 của nhiều ngành cũng chưa có. Một số ngành không có sự quan hệ, liên hệ phôi hợp chặt chẽ với Ban Nông nghiệp, có khi có những cuộc họp để bàn bạc hoặc sơ kết từng bước công tác cải tiến cũng không đến dự đầy đủ, thường kỳ, hoặc có nhưng lại cử đồng chí không đủ thẩm quyền đến dự, nên khi trở về không quyết định được công việc của ngành (Thủy lợi, Lâm nghiệp, Giao thông, Phụ nữ, Khai hoang, v.v..). Việc giải quyết những yêu cầu cho hợp tác xã, cho cuộc vận động, cho cán bộ cải tiến như phân, giống, nông cụ (...) kinh phí, thuốc men, lương thực,

thương nghiệp, tư liệu sản xuất, y tế. Nói chung là có sự cố gắng nhưng có lúc, có việc không đầy đủ, yêu cầu cần thiết, không kịp thời. Thậm chí có ngành thiếu chú ý giải quyết những quyền lợi, chế độ cho anh em cán bộ đi cải thiện như lương, thuốc. Có ngành làm khó khăn hoặc không thanh toán công tác phí cho anh em (Giao thông, Bưu điện, Công nghiệp). Có ngành lấy cán bộ về trong khi chưa có sự trả lời đồng ý của tỉnh và cơ quan sử dụng cán bộ đó (giao thông).

Đó là những ưu khuyết trong thời gian qua, các ngành cần phát huy ưu điểm và khắc phục khuyết điểm để phục vụ cuộc vận động tốt hơn nữa.

II. NHIỆM VỤ TIẾP TỤC CỦA CÁC NGÀNH

Nhiệm vụ của các ngành đối với cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đã được quy định rõ trong Kế hoạch số 3-KH/TU, ngày 25 tháng 9 năm 1966 của Tỉnh ủy, ở phần lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động là "đối với các ngành, các ban của tỉnh và huyện cần phải có sự chuyển biến nhận thức hơn nữa đối với sản xuất và phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Ngoài việc cử cán bộ đi tham gia cuộc vận động, tất cả các ngành, các ban phải tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình mà đề ra kế hoạch, chương trình phục vụ các xã, các hợp tác xã cải tiến một cách thiết thực, cụ thể hơn nữa. Phải dựa theo bản kế hoạch này mà đặt kế hoạch, phương án, chương trình cụ thể cho từng bước, từng thời kỳ của cuộc vận động gửi bản kế hoạch, phương án đó cho Tỉnh ủy duyệt (văn bản gửi về Ban Nông nghiệp) qua từng đợt, từng bước vận động, các ngành phải nắm tình hình các xã, các hợp tác xã những việc, những công trình mà xã, hợp tác xã không đủ khả năng giải quyết (nhất là về vốn, giống, tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu kiến thiết, hàng hóa thu mua cung cấp, cán bộ kỹ thuật, v.v.).

Căn cứ vào nhiệm vụ trên, căn cứ vào tình hình đã thực hiện vừa qua, Ban Nông nghiệp đã trình bày và đồng chí Việt Tiến thay mặt Thường vụ Tỉnh ủy đề ra yêu cầu và công tác cụ thể cho từng ngành tại cuộc họp. Ngoài Ban Nông nghiệp là ban chuyên môn của Tỉnh ủy được giao nhiệm vụ và chức năng trực tiếp theo dõi, đề xuất chủ trương, kế hoạch và đôn đốc, chỉ đạo thực hiện theo từng đợt, từng bước ra. Nói chung tất cả các ban, các ngành đều có trách nhiệm hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp đối với cuộc vận động. Vì vậy các ban, ngành đều phải tiến hành các công tác để thực hiện nhiệm vụ trên của tỉnh đã giao.

Dưới đây, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa những việc chính phải làm bằng được đối với một số ngành trực tiếp đến cuộc vận động thống nhất như sau:

1. Ty Nông nghiệp

- Hoàn thành việc đo đạc, vẽ bản đồ ruộng đất cho các xã, hợp tác xã vùng cài tiến đợt 1 và đợt 2. Hướng dẫn xã, hợp tác xã biết sử dụng được bản đồ và sổ sách.

- Lập kế hoạch và sơ đồ phân khoảnh cụ thể cho xã, hợp tác xã nhằm định ra trong mỗi khoảnh, vùng đã được quy hoạch trồng gì, thời vụ, quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật phải thực hiện, trước mắt làm gì và từng năm làm gì, v.v. về chăn nuôi thì chủ yếu có kế hoạch chăn nuôi lợn, cá, biện pháp giống và chống thả rông theo hướng của tỉnh đã định.

Cùng với Ban Khoa học kỹ thuật tỉnh và các ngành liên quan, lấy kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật và nhân viên kỹ thuật cho xã, hợp tác xã đợt 1 và đợt 2. Trước mắt là giúp đỡ các huyện, xã, mở lớp huấn luyện ngắn ngày (5 -7 ngày) cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên của xã, hợp tác xã và xây dựng, đào tạo mạng lưới khoa học - kỹ thuật rồi củng cố tổ chức huấn luyện ngay các lớp kỹ thuật viên. Nội dung huấn luyện chủ yếu vào kỹ thuật, máy cày, lúa ngô, đậu tương, nuôi lợn, thời vụ đang làm việc gì thì huấn luyện ngay việc đó

trước và kết hợp lấy kinh nghiệm thực tế để huấn luyện, bồi dưỡng cụ thể về quy trình và chỉ tiêu kỹ thuật. Nội dung huấn luyện do ngành chuyên môn chịu trách nhiệm, tổ chức trường lớp, vận động học sinh do các huyện, xã, tổ cải tiến chịu trách nhiệm.

- Có kế hoạch về cải tiến và sử dụng công cụ để hướng dẫn và theo dõi thực hiện trong vùng cải tiến.

2. Thủy lợi

- Lập quy hoạch thủy lợi cụ thể của xã, hợp tác xã định ra việc trước mắt phải làm ngay và việc lâu dài từng năm. Trước mắt và chủ yếu là tiêu thủy lợi, đào ao hồ chứa nước, kết hợp nuôi cá và có các biện pháp chống nạn nướu chảy tràn bờ.

- Xây dựng các đội tưới tiêu khoa học, các đội thủy lợi chuyên trách. Nghiên cứu quy hoạch cụ thể về thủy điện, trạm bơm, thủy luân, v.v.. Ở từng nơi trong vùng cải tiến, để bảo đảm diệt hạn cả hai vụ.

- Mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ thủy lợi xã, hợp tác xã về cách quản lý, sử dụng công trình và cách tưới tiêu, đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nhân viên thủy lợi lâu dài.

3. Về lâm nghiệp

- Quy hoạch cụ thể và có bản đồ hoặc sơ đồ khoanh rừng trong một xã, quy định từng loại rừng, có phương án, kế hoạch trồng cây, bảo vệ, tu bổ và phân cấp quản lý rõ ràng đến hợp tác xã.

- Có kế hoạch hướng dẫn cho xã, hợp tác xã lập quy ước bảo vệ rừng và đào tạo cán bộ lâm nghiệp cho xã, hợp tác xã.

- Nghiên cứu xây dựng các đội chuyên nghiệp khai thác trồng cây, v.v. trong các hợp tác xã.

4. Về khai hoang

- Có kế hoạch, quy hoạch tiếp nhận đồng bào lên khai hoang một cách cụ thể đối với từng hợp tác xã trong vùng cải tiến (cả đợt 1, 2).

- Tiến hành chọn và tổng kết một hợp tác xã khai hoang tiên tiến ở vùng cải tiến đợt 2 để làm điển hình chung cho các xã, hợp tác xã khai hoang sẽ cải tiến trong đợt học tập và noi theo. Yêu cầu và nội dung cần có đề cương, trao đổi với Ban Nông nghiệp trước khi tiến hành tổng kết, nhưng chủ yếu là tổng kết việc ổn định sản xuất, đời sống và kỹ thuật khai hoang ở đó như thế nào mà đạt được tốt. Việc này cần làm ngay cho xong trong thời kỳ chuẩn bị đợt 2 (hết tháng 4 năm 1966).

- Cùng Ban Nông nghiệp và có trách nhiệm theo dõi việc vận động cải tiến các hợp tác xã khai hoang đợt 2 và việc thực hiện kế hoạch cải tiến trong các hợp tác xã khai hoang đã cải tiến đợt 1.

- Cung cấp và hướng dẫn, huấn luyện bồi dưỡng, phổ biến lại chính sách khai hoang trong vùng cải tiến.

5. Về tư liệu sản xuất

- Có kế hoạch, quy hoạch cụ thể đối với việc cung cấp nguyên liệu, vật liệu, công cụ, giống má, v.v. cho các xã, hợp tác xã cải tiến.

- Có kế hoạch thu mua những giống tốt trong vùng, nghiên cứu lập những kho giống tại chỗ (kể cả gia súc, như lợn). Khi cung cấp, giới thiệu hợp tác xã đến nhận tại đó, để đỡ tốn phí lưu thông và khắc phục tình trạng hỏng giống, chết giống nhất là lợn con giống.

6. Về khí tượng

- Thông báo phổ biến thời tiết kịp thời, ưu tiên trong vùng cải tiến, nhằm đạt yêu cầu mây điểm chủ yếu dự báo được mưa, gió, nắng hạn, rét lạnh cho quần chúng.

- Lập bảng tin thông báo thời tiết hàng ngày ở những chỗ tập trung, nhiều người qua lại.

7. Về công nghiệp

- Có kế hoạch, quy hoạch đưa cơ khí nhỏ từng bước vào nông nghiệp, trước hết là quy hoạch cối ngăn kết hợp thủy điện nhỏ,

máy công cụ chế biến. Việc bán công cụ sản xuất cho các hợp tác xã nói chung vẫn do cơ quan tư liệu sản xuất chịu trách nhiệm nhưng trường hợp cá biệt, nếu hợp tác xã đến yêu cầu mà tư liệu sản xuất không có ngay thì công nghiệp có thể bán thảng hàng cho hợp tác xã.

- Xây dựng các cơ sở sản xuất thủ công rèn, đúc, mộc, lập các tổ sửa chữa công cụ ngay tại xã, hợp tác xã.
- Có kế hoạch đào tạo cán bộ và công nhân cho xã, hợp tác xã.

8. Về kiến trúc

- Có kế hoạch và quy hoạch xây dựng kiến thiết trong vùng cải tiến. Trước mắt là nhà kho, sân phơi, chuồng trại, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ hoặc trực tiếp giải quyết nguyên vật liệu, thợ, cán bộ kỹ thuật mà hợp tác xã không có và không thể giải quyết được.

- Đào tạo và huấn luyện thợ kiến trúc cho xã, hợp tác xã.

9. Về giao thông

- Kết hợp với thủy lợi, có kế hoạch quy hoạch về việc xây dựng, mở mang đường sá trong thôn, xóm ra đồng ruộng, ra đường trực, trước mắt là phục vụ việc dùng xe cai tiến và vận chuyển sản phẩm, phân dẽ dàng.

- Có kế hoạch phát triển phương tiện vận tải, cai tiến, nhằm giải phóng đôi vai và đỡ công lao động trong vùng cải tiến. Đồng thời có kế hoạch vận chuyển hàng hóa, sản phẩm, tư liệu, v.v. phục vụ cuộc vận động khi cần thiết do tỉnh yêu cầu.

10. Về kế hoạch

- Hoàn chỉnh tài liệu và bản đồ quy hoạch phân phối đất đai cho các xã vùng cải tiến và giao cho huyện, xã sử dụng. Cân tổng hợp lại toàn diện quy hoạch mà điều chỉnh cho đúng hướng khoanh vùng sản xuất của tỉnh.

- Hướng dẫn và theo dõi việc xác định phương hướng và xây dựng kế hoạch 2 năm 1966-1967 của các xã, hợp tác xã cải tiến.

11. Về thống kê:

- Có kế hoạch xây dựng và đào tạo bồi dưỡng mạng lưới thống kê xã, hợp tác xã.

- Mở lớp bồi dưỡng ngắn ngày các cán bộ thống kê xã, hợp tác xã phục vụ công tác thống kê cải tiến và tiến độ sản xuất công tác ở xã, hợp tác xã (đi liền với bồi dưỡng kế toán hợp tác xã).

12. Về tài chính

- Có trách nhiệm hoàn toàn trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo và mở lớp kế toán, tài vụ cho các hợp tác xã, trước mắt có kế hoạch mở lớp ngắn ngày (5-7 ngày) ngay cho kế toán, tài vụ các hợp tác xã đợt 2 và số đợt 1 chưa huấn luyện.

- Hướng dẫn theo dõi công tác tài vụ, kế toán, sổ sách của các hợp tác xã.

- Xét duyệt dự trù, cấp kinh phí kịp thời của cuộc vận động cải tiến cho tỉnh và cho huyện. Giải quyết tốt các quyền lợi, chế độ cho cán bộ, công nhân viên đi tham gia cải tiến, thuộc phạm vi chức năng tài chính. Đồng thời, nghiên cứu kế hoạch, phát triển nguồn thu trong vùng cải tiến tốt hơn trước.

13. Về ngân hàng

- Có kế hoạch xây dựng củng cố mạng lưới quỹ tín dụng, huy động tiền tiết kiệm và nhàn rỗi của nông dân vào quỹ.

- Có kế hoạch nắm yêu cầu và cho vay vốn cho các hợp tác xã trong vùng cải tiến.

- Hướng dẫn việc sử dụng quỹ tiền mặt cho các hợp tác xã.

14. Về thương nghiệp

- Có kế hoạch xây dựng củng cố hợp tác xã mua bán để thuận tiện cho việc mua và bán của nông dân. Tỷ lệ vào hợp tác xã mua

bán cần tương xứng với tỷ lệ số hộ nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp trong khi vận động cải tiến.

- Điều tra nắm vững nguồn hàng mua vào và giá cả, có kế hoạch thu mua và bán cho các xã, hợp tác xã vùng cải tiến hàng. Chú ý cung cấp với tinh thần cố gắng những hàng về nguyên vật liệu, phương tiện cần thiết cho hợp tác xã và cho cuộc vận động ở tỉnh và huyện, như xi măng, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, văn phòng phẩm, v.v..

15. Về lương thực:

Nghiên cứu xây dựng hệ thống kho tạm ở các tuyến đường và ở nơi thuận tiện cho việc nhập kho của hợp tác xã.

- Có kế hoạch về công tác lương thực trong vùng cải tiến.

16. Về y tế và dược phẩm

Có kế hoạch công tác vệ sinh phòng bệnh, kế hoạch xây dựng củng cố các tủ thuốc, túi thuốc cho xã, hợp tác xã. Xây dựng, phát triển các trạm xá xã, đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế như y sĩ, y tá, vệ sinh viên. Trước mắt là vệ sinh viên để đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh trong vùng cải tiến.

Giải quyết việc cấp thuốc phòng cho cán bộ, công nhân viên đi cải tiến để dễ dàng thuận tiện cho anh em có thuốc.

17. Về các ngành văn hóa

Có kế hoạch phục vụ nội dung yêu cầu của cuộc vận động theo kế hoạch của Tỉnh ủy đã đề ra. Cụ thể như văn hóa cần xây dựng, củng cố lại mạng lưới thông tin văn hóa xã, hợp tác xã, lập các chòi phát thanh, kè nhiều khẩu hiệu (cần làm ngay trong thời kỳ chuẩn bị để tuyên truyền cổ động cho cuộc vận động), đồng thời nghiên cứu có kế hoạch xây dựng nhà truyền thống xã, tổ đội văn nghệ, v.v.. Về giáo dục có kế hoạch công tác bồi túc văn hóa, giáo dục phổ thông... (...) trường lớp trong xã, hợp tác xã cải tiến và đưa nội dung cuộc

vận động cải tiến vào nhà trường giảng dạy để tuyên truyền cho cuộc vận động cải tiến.

18. Về các ngành nội chính

Các ngành công an, Tỉnh đội, v.v. cần có kế hoạch củng cố, phát triển phong trào bảo vệ trị an, phòng không, củng cố dân quân, công an nhằm bảo vệ và phục vụ tốt cuộc vận động và sẵn sàng chiến đấu.

19. Các ngành dân, Đảng và các Ban

Phải đóng vai trò trực tiếp cùng Ban Nông nghiệp giúp Tỉnh ủy nghiên cứu theo dõi và động viên lực lượng quần chúng tiến hành tốt cuộc vận động. Cụ thể như Ban Tổ chức Tỉnh ủy và tổ chức, dân chính, v.v. cần có kế hoạch củng cố, xây dựng Đảng và các tổ chức cơ sở. Kế hoạch đào tạo cán bộ cho các xã, hợp tác xã trong vùng cải tiến, theo dõi tư tưởng, theo dõi khen thưởng, kỷ luật cán bộ đi cải tiến về. Tuyên giáo có kế hoạch hướng dẫn nội dung tài liệu tuyên truyền giáo dục trong từng đợt vận động. Các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, mặt trận có kế hoạch cụ thể củng cố xây dựng tổ chức mình, phát động mạnh phong trào bốn tốt, năm tốt, ba sẵn sàng, ba đảm đang, v.v.. Đặc biệt, trong thanh niên cần xây dựng tổ chức thanh niên chống Mỹ kết hợp với các tổ đội giao thông, thủy lợi, khoa học - kỹ thuật, v.v. để làm những việc nặng trong cải tiến.

III. THỜI GIAN VÀ BIỆN PHÁP TIẾN HÀNH

Dựa vào những công tác chính trên, các ban, các Đảng đoàn, các ngành trách nhiệm tiến hành lập những kế hoạch và quy hoạch, cần phải nghiên cứu học tập lại Chỉ thị số 108 của Ban Bí thư và Kế hoạch 03-KH/TU của Tỉnh ủy để quán triệt và nắm vững nội dung yêu cầu, bước đi và chương trình công tác từng thời

kỳ, từng bước để lập ra kế hoạch, quy hoạch của cơ quan mình. Mặt khác, trước khi lập quy hoạch cụ thể cần phải tập trung một số cán bộ xuống các xã, hợp tác xã dựa vào tổ công tác và xã để điều tra nắm vững tình hình và số liệu cơ bản.

Quy hoạch chuyên môn cho từng hợp tác xã, hợp tác xã phải hoàn thành trong thời kỳ chuẩn bị (hết tháng 4 năm 1966) rồi thông qua tỉnh xét duyệt. Riêng kế hoạch công tác của mỗi ngành đối với cuộc vận động (và nêu quy hoạch cũng đã có) thì phải hoàn thành trước ngày 1-3-1966 rồi gửi văn bản lên Tỉnh ủy (qua Ban Nông nghiệp). Nhận được kế hoạch và quy hoạch của các cơ quan, Ban Nông nghiệp sẽ bố trí lịch triệu tập từng cơ quan đến trực tiếp duyệt với Tỉnh ủy (tại Ban Nông nghiệp) từ ngày 1 - 3 trở ra lịch bố trí, Ban Nông nghiệp sẽ báo sau.

Kế hoạch và quy hoạch cần cụ thể, có lâu dài 2 - 3 năm, có trước mắt ngay trong mỗi bước của cuộc vận động cần làm gì, bao nhiêu cần có kế hoạch tính toán cả ngày công, phí tổn, biện pháp kỹ thuật, tổ chức và phân công trách nhiệm rõ ràng. Ví dụ: Công trình nào do xã, hợp tác xã làm, hoặc huyện, tỉnh làm, bao nhiêu công, bao nhiêu tiền, nguyên vật liệu, thời gian hoàn thành, v.v..

Chú ý, kế hoạch công tác và quy hoạch, chuyên môn cần lập ra cho các hợp tác xã đợt 1 đã qua (nếu chưa có) và đồng thời phải có biện pháp thực hiện ngay những việc trước mắt, trong từng bước của thời kỳ chuẩn bị. Đặc biệt là việc mở lớp huấn luyện bồi dưỡng ngắn ngày (5-7 ngày) cho các ban quản trị, kiểm soát tài vụ, kế toán, thống kê, đảng viên, đoàn viên, cán bộ xã, kỹ thuật viên, v.v. ở các xã, hợp tác xã trong vùng cải tiến (cả đợt 1 nếu chưa huấn luyện), cần được các ngành có trách nhiệm và các huyện xúc tiến thực hiện ngay trong thời kỳ chuẩn bị (hết tháng 3 năm 1966) dự toán kinh phí do huyện dự trù, Ty Tài chính duyệt cấp theo tiêu chuẩn mỗi người một ngày công 60 hào và chi phụ phí cấp dưỡng, còn lực lượng thực phẩm do học viên tự túc.

IV. TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC, BỐ TRÍ CÁN BỘ THEO DÕI CÔNG TÁC TÙNG NGÀNH TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG

Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã của tỉnh sẽ tiến hành là một quá trình dài mấy năm theo từng đợt, từ vùng thấp rồi lên vùng cao, vùng thấp đã làm xong đợt 1 của thời kỳ vận động tập trung, bước sang thời kỳ thực hiện đợt 2 cũng đã bắt đầu thời kỳ chuẩn bị trong 18 xã, với 131 hợp tác xã. Ở những nơi khi mở cuộc vận động thì ở đó phải lấy công tác vận động cải tiến (...) cải tiến kỹ thuật làm công tác trọng tâm thúc đẩy các công tác khác, bảo đảm cho các công tác khác kết hợp thực hiện thắng lợi.

Vì vậy, các ngành, các cơ quan phải phân công đồng chí thủ trưởng hoặc thủ phó phụ trách, đối với công tác cải tiến ngoài ra còn phải phối hợp đồng bộ, có cán bộ để chuyên trách giúp việc cho ngành và đồng chí phụ trách trao đổi và tổng hợp công tác phục vụ, cuộc vận động của ngành. Các đồng chí thủ trưởng hoặc thủ phó và đồng chí cán bộ được phân công này là đại diện cho ngành để nắm về công tác cải tiến, không cần tập trung làm việc ở Ban Nông nghiệp, nhưng phải thường xuyên liên hệ báo cáo phản ánh tình hình việc thực hiện với tỉnh và Ban Nông nghiệp mỗi tuần một lần và thường kỳ đến dự các cuộc họp sơ kết, tổng kết của tỉnh triệu tập qua báo cáo phản ánh, tỉnh sẽ phổ biến và bổ khuyẾt công việc rồi trở về ngành thực hiện, có việc phải đưa ra ban lãnh đạo ngành bàn bạc và cần thiết thì phải huy động điều kiện khả năng của ngành để làm, vì đây là trách nhiệm của ngành do tỉnh đã giao để phục vụ công tác cải tiến.

Trách nhiệm của các ngành với các huyện, xã, hợp tác xã cải tiến cũng phải được quy định rõ ràng. Nói chung là giữa ngành với huyện, xã, hợp tác xã cần có quan hệ trao đổi chặt chẽ với nhau. Về ngành chuyên môn sau khi được tỉnh thông qua kế hoạch và quy hoạch rồi thì giúp tỉnh hướng dẫn theo dõi đôn đốc, kiểm tra và

nắm tình hình, đề xuất kịp thời, hoặc làm thí điểm đồng thời giúp đỡ huyện, xã, hợp tác xã trực tiếp giải quyết những việc, những công trình mà huyện, xã, hợp tác xã không có khả năng làm được lúc đầu, như cán bộ công nhân kỹ thuật, nguyên vật liệu, tư liệu sản xuất, v.v. các huyện, xã và hợp tác xã có trách nhiệm tổ chức và vận động thực hiện ở cơ sở rồi báo cáo cho tỉnh biết kết quả. Những thứ mà huyện không có khả thi mới đề nghị tỉnh, cụ thể là huyện liên hệ, trao đổi trực tiếp với các ngành để giải quyết, các ngành cần tận dụng khả năng để giải quyết kịp thời, thuận tiện, tránh làm phiền phúc gửi cho huyện, xã và hợp tác xã.

Để được rõ ràng hơn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định các đồng chí sau đây là người trực tiếp có thẩm quyền của một số ngành phụ trách công tác cải tiến quản lý hợp tác xã.

- Đồng chí Giang, Phó Ty Nông nghiệp
- Đồng chí Dèn, Phó Ty Nông nghiệp
- Đồng chí Tiêu, Trưởng Ty Nông nghiệp
- Đồng chí Tôn, Phó Ty Lương thực
- Đồng chí Vân, Khai hoang
- Đồng chí Kiên, Phó Ty Giao thông
- Đồng chí Vân Sơn, Trưởng Ty Kiến trúc
- Đồng chí Mạnh Tuấn, Công ty Tư liệu sản xuất
- Đồng chí Tâm Trương, Ty Tài chính
- Đồng chí Hà Trương, Trưởng Ty Văn hóa
- Đồng chí Thú, Trưởng Đài khí tượng
- Đồng chí Thanh, Ty Thủy lợi
- Đồng chí Tiến, Phó Ty Thương nghiệp
- Đồng chí Tống Kỳ, Thường vụ Tỉnh đoàn Thanh niên
- Đồng chí Sừng, Phó Chi nhánh ngân hàng.
- Các ngành khác chưa có tên trên cần có báo cáo danh sách phân công cho tỉnh. Các ngành đã có danh sách nếu thay đổi ai, trước khi thay phải đề nghị tỉnh duyệt.

Riêng một số ban và cơ quan sau đây cần có cán bộ trực tiếp đến Ban Nông nghiệp làm việc và sinh hoạt trong thời gian cải tiến để theo dõi tổng hợp và kiểm tra công tác cải tiến cho cơ quan mình và cho tỉnh, do Ban Nông nghiệp phân công.

- Ban Tổ chức.
- Ban Tuyên giáo.
- Thanh niên.
- Phụ nữ.

Ngoài ra, các cán bộ của các ngành đã đi tham gia cải tiến đã xắp xếp vào các tổ cải tiến ở xã, hợp tác xã hoặc đã biên chế vào các bộ môn giúp việc cải tiến của tỉnh, huyện rồi thì nay vẫn để nguyên như cũ, không có gì thay đổi. Từ nay các ngành không được tùy tiện rút cán bộ trẻ về, nếu muốn xin cho về phải báo cáo và có quyết định của tỉnh.

Tất cả những công tác và vấn đề quy định như trên, sau khi được trình bày trong cuộc họp và đồng chí Việt Tiến đại diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nêu lên, các đại diện của các ngành dự họp để trao đổi, thảo luận đi đến nhất trí và nêu lên quyết tâm thực hiện bằng được.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 89-CT/TU, ngày 20-2-1966

Về việc mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ nghiệp vụ chuyên môn, kỹ thuật của xã và hợp tác xã

Việc bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ quản trị, kiểm sát, tài vụ kế toán, kỹ thuật, v.v. cho các xã và hợp tác xã mấy năm nay tuy vẫn được tiến hành đạt được một số kết quả. Nhưng nói chung làm còn rất yếu, chưa đáp ứng được phong trào ngày càng phát triển.

Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của các cấp, các ngành chưa đầy đủ công tác này, nên thiếu chú ý lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đến nơi đến chốn. Nhưng một nguyên nhân quan trọng là không có trường lớp riêng để huấn luyện, đào tạo cán bộ nông nghiệp, cán bộ giảng dạy thiếu và không chuyên trách, giải quyết kinh phí, phương tiện cho trường lớp còn gặp khó khăn, mắc mớ.

Để đáp ứng yêu cầu của phong trào hiện nay và bổ khuyết tình trạng trên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có chủ trương tổ chức lại hệ thống trường đào tạo cán bộ nông nghiệp ở tỉnh, huyện nhằm *đào tạo hàng loạt cán bộ vừa nắm được chủ trương, chính sách, vừa biết và đi vào có nghiệp vụ về quản lý tài vụ, kế toán hợp tác xã, về khoa học - kỹ thuật nông nghiệp. Cụ thể về toàn bộ vấn đề nội dung, kế hoạch và tổ chức hệ thống trường lớp ra sao, tỉnh giao cho Ban Tổ chức cùng Ban Nông nghiệp, Ban Tuyên giáo, Trường Đảng*

và các ngành liên quan như nông nghiệp, tài chính, thống kê, v.v. nghiên cứu gấp lập phương án kế hoạch trình Thường vụ thông qua sau. Dưới đây chỉ nêu lên một số điểm chính để các cấp, các ngành thi hành:

1. Các trường lớp này vừa có nhiệm vụ bồi dưỡng, huấn luyện một cách hệ thống theo chương trình sơ cấp hoặc trung cấp, v.v. nhưng vừa có nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ thuật ngắn ngày để bảo đảm cho cán bộ xã, hợp tác xã làm được công tác hiện tại.

2. Trường lớp sẽ mở tập trung ở tỉnh, huyện hoặc đặt tại từng khu vực thuận tiện cho những lớp dài ngày (cũng có thể cần thiết thì mở lưu động). Riêng các lớp ngắn ngày do huyện tổ chức, lãnh đạo là chủ yếu, và nên mở lưu động ở từng xã hoặc liên xã, từng khu vực, không tập trung về huyện vì mất thời giờ và tốn phí. Trước mắt các huyện và các ngành liên quan cần tiến hành mở các lớp trong vùng vận động cải tiến và đi theo phục vụ kịp cho từng đợt vận động, trước khi bước sang thời kỳ vận động tập trung. Mặt khác, việc huấn luyện ngắn ngày cần làm nhiều lớp, nhiều lần, trong một năm, mỗi lớp giáo dục một, hai vấn đề chính thiết thực ngay cho công tác trước mắt nhất ở đó, nâng dần trình độ lên từng bước nhằm yêu cầu cần gì học nấy, làm gì học nấy trước, tránh miên man, tránh dập khuôn và lý thuyết chung chung.

3. Những lớp dài ngày (từ 1 tháng trở lên) thì Nhà nước cấp tiền ăn, chi phí lớp học và cả lương thực. Những lớp ngắn ngày từ 5 đến 7 ngày thì học viên được cấp tiền ăn (tiêu chuẩn sáu hào) và tiền phụ phí, tiền thuê cấp dưỡng do Ty Tài chính trích khoản quy đào tạo, huấn luyện để cấp; còn lương thực (gạo, ngô) do học viên tự túc, vận động anh em mang theo; trường hợp đặc biệt thì tỉnh sẽ quyết định sau.

4. Để kịp thời phục vụ cho cuộc vận động cải tiến đang mở trong tỉnh, Ban Thường vụ yêu cầu các huyện, thị và các ngành có trách nhiệm cần tiến hành mở ngay các lớp ngắn ngày (từ 5 đến 7 ngày.

Riêng lớp kế toán, thống kê có thể 8 ngày) *ngay tại xã hoặc liên xã để huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý tài vụ, kế toán, thống kê, khoa học - kỹ thuật nông nghiệp cho cán bộ và đảng viên ở xã và hợp tác xã*. Cụ thể cần chú ý:

a) Về đối tượng và mức độ cần huấn luyện:

- Các cán bộ chủ chốt phụ trách kế hoạch, sản xuất của xã, các cán bộ quản trị, kiểm soát, cần bảo đảm từ 90% trở lên đi học về quản lý kế hoạch, ba quản, ba khoán.

- Các cán bộ xã, hợp tác xã và các đảng viên, đoàn viên: *Bảo đảm 90% là đảng viên, 85% là đoàn viên* trở lên đi học lớp kỹ thuật nông nghiệp (chủ yếu là học về cây lúa, ngô, đậu tương và nuôi lợn).

- Các cán bộ tài vụ, kế toán, thống kê xã, hợp tác xã, bảo đảm 95% trở lên đi học lớp tài vụ, kế toán và thống kê.

- Ngoài ra các cán bộ quản lý quy hoạch, quản lý ruộng đất, đo đạc xã, v.v. cũng phải được bồi dưỡng biết cách quản lý và nắm lấy tình hình và tài liệu ở xã mình.

b) Về chương trình nội dung và thời gian hoàn thành:

Nội dung huấn luyện cần ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, thiết thực ngay với thời vụ và việc làm. Do đó, chương trình gồm ba phần trong một lớp:

- Phần đầu là học về chính trị (cụ thể học tài liệu về nghị quyết 11 + 12 và ý nghĩa mục đích vận động cải tiến).

- Phần hai: Huấn luyện nghiệp vụ hoặc kỹ thuật.

- Phần 3: Bàn nhiệm vụ và kế hoạch trở về thực hiện ngay.

Cần hoàn thành các lớp huấn luyện này căn bản trong tháng 4-1966 cho cả vùng thấp cải tiến đợt 1 và đợt 2 (chậm nhất hết tháng 5 phải huấn luyện xong cho đối tượng trên ở toàn bộ vùng thấp).

c) Về trách nhiệm và cách thức tiến hành:

Huyện, thị ủy và các tổ cải tiến chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, tổ chức các lớp học, vận động cán bộ, đảng viên đi học và tổng kết báo cáo kết quả với tỉnh. Do đó, huyện cần có kế hoạch mở lớp bổ sung vào kế hoạch đợt vận động, dự trù kinh phí và bố trí

thời gian mở trước sau ở từng xã hoặc liên xã (lớp đầu nên thí điểm ở một nơi để đào tạo giáo viên và rút kinh nghiệm. Cán bộ lãnh đạo huyện và tổ cải tiến cần dự để vừa học vừa rút kinh nghiệm vừa lãnh đạo).

Các ngành chuyên môn của tỉnh như: Nông nghiệp, Tài chính, Ban Khoa học - kỹ thuật, Thống kê, v.v. chịu trách nhiệm soạn tài liệu để cương huấn luyện (có sự tham gia ý kiến của Ban Nông nghiệp tỉnh) rồi gửi cho các huyện, thị và các lớp. Đồng thời, cử một số cán bộ chuyên môn (kể cả số đang công tác ở huyện) để về giúp huyện hướng dẫn những lớp đầu tiên; mỗi ngành phải giúp tỉnh theo dõi, kiểm tra hướng dẫn công tác này. Ban Nông nghiệp có nhiệm vụ theo dõi và đôn đốc chung. Riêng Ty Tài chính còn phải xét duyệt, cấp kinh phí cho các huyện kịp thời.

5. Các cấp, các ngành nhận được chỉ thị này cần nghiên cứu kỹ, lập kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện ngay (qua Ban Nông nghiệp).

Cần đề cao trách nhiệm gấp khó khăn phải bàn bạc tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp nhau không được lẩn tránh trách nhiệm cản trở cho việc mở lớp.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy mong các cấp, các ngành nhận thức thật đầy đủ vấn đề này để thi hành nghiêm chỉnh, không vì lý do gì làm trở ngại khó khăn cho việc bồi dưỡng huấn luyện cán bộ như trên đã đặt ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
SỐ 59-BC/TU, ngày 14-3-1966
Về công tác tháng 2 năm 1966**

Tháng 2 năm 1966 với tinh thần Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng truyền đạt đến các cấp các đại hội các huyện ủy, Đảng ủy, hội nghị tổng kết các ngành với phong trào thi đua lấy thành tích chào mừng ngày thành lập Đảng và Đại hội các cấp, trong không khí phấn khởi trước những thắng lợi đã đạt được và quyết tâm giành thắng lợi mới, các cấp các ngành và các địa phương đã phấn đấu giữ vững và phát huy khí thế của tháng tết đầy mạnh mẽ mặt công tác và thu kết quả đáng kể.

1. Công tác sản xuất nông nghiệp

Về sản xuất nông nghiệp tháng 2 là tháng tập trung vào các khâu sản xuất: Làm đất, thủy lợi, phân và trồng hoa màu vụ xuân. Trong phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất, các chiến dịch cày bừa, làm phân, thủy lợi, v.v. được liên tiếp phát động. Cán bộ các huyện thị được phân công xuống trực tiếp chỉ đạo sản xuất ở cơ sở, lãnh đạo tinh luyện tăng cường nắm tình hình kiểm tra đôn đốc và bồi khuyến, uốn nắn, giải quyết tại chỗ những khó khăn cho các địa phương. Tình trạng nghỉ ngơi đi lại chơi bời thăm hỏi trong nhân dân các dân tộc sau ngày Tết trong tháng giêng, hai được khắc phục nhiều so với năm trước, khí thế của tháng đầu

năm được duy trì, sản xuất được tiếp tục đẩy mạnh, và kết quả đạt được:

Những chỉ tiêu đáng chú ý:

Đỗ tương xuân đã trồng 60.050 cg đạt 64%.

Ngô xuân 40.530 cg đạt 11%.

Sắn 1.610.000 gốc đạt 18%.

Khai phục hoang 37 ha đạt 11%.

Cà phê chiêm 2.170 ha.

Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều được thực hiện mạnh hơn năm 1965. Tốc độ gieo trồng, làm đất, phân, thủy lợi đều tăng so với cùng thời gian năm ngoái có chỉ tiêu tăng từ 3 đến 5 lần. Như sắn gấp 3 lần, ngô 4,5 lần, đậu tương 5 lần. Về chăn nuôi một số vùng thị xã, vùng thấp khâu giống lợn thiêu, tuy đã có biện pháp nhưng cần được đẩy mạnh hơn nữa.

So với yêu cầu trước tình hình thời vụ khẩn trương thì có những chỉ tiêu chưa đạt như cà phê chiêm mới được 95% diện tích kế hoạch, diện tích cần giống chiêm cần kiểm tra lại có nơi có thể còn thiếu mạ. Sắn còn đẻ ở nương nhiều chưa bốc dỡ hết để giải phóng đất trồng sắn mới, thủy lợi phục vụ cho tăng vụ mới bảo đảm tưới cho 54% diện tích kế hoạch tăng vụ, phân mới đạt 58% kế hoạch. Riêng khai phục hoang còn yếu mới đạt bằng 1/2 diện tích thực hiện đông - xuân 1965. Nghiêm trọng nhất hiện nay là tình hình hạn ảnh hưởng đến diện tích gieo trồng và đẻ phòng xu hướng bỏ ruộng đi phát nương. Vấn đề giải quyết lợn giống còn có khó khăn. Bệnh dịch tả đang phát sinh lẻ tẻ, nhiều hơn cả là Bản Lầu. Tư tưởng chủ quan, bảo thủ rụt rè, bàn chùng, ỷ lại còn biểu hiện ở một số địa phương.

2. Công tác công nghiệp

Phong trào học tập tiên tiến và vượt tiên tiến bảo đảm khối lượng, năng suất và chất lượng sản phẩm, tranh thủ dự phòng dự trữ, tiết kiệm nguyên liệu vật liệu được đề cao. Các cơ sở nói chung kể cả Trung ương và địa phương đều duy trì được không khí

phản khởi quyết tâm thi đua sản xuất chống Mĩ, cứu nước phát huy thành tích của tháng Tết. Do đó, việc thực hiện kế hoạch có nhiều tiến bộ. Kế hoạch giá trị tổng sản lượng chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu, năng suất lao động hầu hết các cơ sở đều đạt và vượt, có cơ sở đạt 105% về tổng sản lượng, 150% về sản phẩm chủ yếu như mỏ 103% về năng suất lao động như Đoàn địa chất 24. Riêng công nghiệp địa phương bị hụt: giá trị tổng sản lượng mới đạt 93% chủ yếu là hụt về cơ khí (mới đạt 78,8%) do thiếu nguyên vật liệu sắt thép. Tuy nhiên, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp năm nay có chuyển hướng tốt trong việc phục vụ nông nghiệp, giao thông vận tải, việc đóng và sử dụng các loại xe (trâu, ngựa) công cụ vận chuyển thô sơ, thuyền phà...

Các nhiên liệu như than dầu, v.v. trong thời gian giãn hoạt động máy bay đã tranh thủ vận chuyển đạt tương đối khá có mặt dự trữ được đến 6 tháng. Nhưng sắt thép và vật tư kỹ thuật như phụ tùng máy móc thay thế thì còn ở tình trạng thiếu nghiêm trọng có ảnh hưởng không ít đến sản xuất.

3. Công tác mậu tài

Ba thu được đẩy mạnh, huyện Sa Pa đạt (...) kế hoạch, hai huyện Bắc Hà, Bát Xát xấp xỉ đạt kế hoạch. Nói chung thuế nghĩa vụ đạt 119% và 103% kế hoạch phần khuyến khích còn chậm mới đạt 66,37% kế hoạch so với khối lượng năm 1965 thì năm nay gấp 2 lần so với tốc độ thời gian, nhập kho cũng nhanh hơn năm 1965. Triển vọng có thể đạt chỉ tiêu kế hoạch Trung ương giao. Nhưng các mặt thu săn, đỗ tương yếu, săn tươi thu được 87% trên 700 tấn, đậu tương thu 145 trong 500 tấn kế hoạch triển vọng không đạt kế hoạch. Các mặt hàng khác phục vụ đời sống nhân dân nói chung luân chuyển đều. Thu tài chính yếu chưa đạt kế hoạch, cho vay nông nghiệp yếu, nguyên nhân kế hoạch đưa dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi không đạt, thiếu nguyên vật liệu, v.v..

Hoạt động mậu tài trong tháng qua có nhiều cố gắng, đã tiếp tục tranh thủ đẩy mạnh đưa hàng xuôi lên và chuyển gạo viện trợ về xuôi nên các mặt hàng thiết yếu như muối, dầu hỏa đã dự trữ được tốt.

Xong một số mặt hàng lực lượng còn yếu như lực lượng lợn dự trữ còn mỏng ít, cung cấp mỡ và thịt hiện nay gấp khó khăn, thiếu diêm, thiếu sắt thép nghiêm trọng. Do đó thiếu nhiều dao, cuốc.

4. Công tác trị an xây dựng lực lượng và phòng không sơ tán

Công tác bảo vệ trị an đã được triển khai và tiến hành tốt ở các huyện thị.

Công tác nội chính đã tổng kết năm 1965 và đề ra nhiệm vụ năm 1966 các cấp các ngành đã xác định quyết tâm lớn đưa Lào Cai thành tỉnh có phong trào trị an khá và xây dựng dân quân tự vệ giỏi trong quân khu.

Về hoạt động trên không của địch trong tháng có một số lần máy bay Mỹ lên qua Mô và thị xã Lào Cai có tính chất trinh sát, từ ngày 3-3 đến 5-3 chúng bắt đầu đánh lại đường sắt Lào Cai - Hà Nội trên dọc Bảo Hà - Yên Bai về xuôi, đánh liên tục có ngày đánh 2 lần với tính chất có chuẩn bị từ lâu, có hôm đánh cả ngày và cả đêm. Đường tàu hiện nay bị gián đoạn một số quãng từ Bảo Hà trở xuôi.

Công tác phòng không sơ tán: Các thị xã, thị trấn và dọc đường xe lửa về cơ bản đã sơ tán. Các huyện Bắc Hà, Bảo Thắng, Sa Pa thực hiện sơ tán tốt, Mường Khương bắt đầu tiến hành đã chuyển dịch cơ quan ra ngoài thị trấn với tính cách sớm đi tối về. Các thị xã đã sơ tán kể cả dân cũng như cơ quan xí nghiệp nhà nước chỉ còn lại một số bộ phận chưa có điều kiện ra được vẫn tiếp tục sản xuất và chuẩn bị chiến đấu có công sự hầm hố và kế hoạch bảo vệ máy móc. Trong các vùng sơ tán các cơ quan xí nghiệp, cửa hàng và nhân dân đã cẩn bản đào đủ hầm trú ẩn. Việc bố trí lực lượng thường trực chiến đấu phòng không có chuyển biến mạnh và đã được củng cố.

Những tồn tại trong việc sơ tán phòng không:

Một số bộ phận nhân dân còn mắc về cơ sở sản xuất ở thị xã chưa triệt để sơ tán, vẫn sớm đi tối về chưa theo hướng sơ tán ổn định lâu dài.

Hầm hố các nơi đào tương đối đủ nhưng chưa đạt yêu cầu bảo đảm chống chiến tranh phá hoại ác liệt lâu dài.

Các thị xã, thị trấn có chú trọng phòng, chống máy bay địch ban ngày nhưng đối với ban đêm còn yếu.

Chợ Cốc Lếu vẫn họp đêm, thị xã Lào Cai chưa có hướng giải quyết. Thị trấn Bát Xát chưa sơ tán, phân tán.

5. Công tác Đảng

Công tác tổng kết chi bộ bốn tốt năm 1965 và đảng ký bốn tốt năm 1966 đã căn bản hoàn thành.

Các Đại hội Đảng bộ huyện Bắc Hà, Sa Pa, Bát Xát và một số Đảng ủy công trường đã tiến hành xong.

Công tác kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách tại Sa Pa và thị xã Lào Cai sắp kết thúc.

Công tác tuyên truyền Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng được tiến hành tốt đến các cơ sở công trường, xí nghiệp, cơ quan và đến cán bộ xã.

Việc kỷ niệm ngày thành lập Đảng được tổ chức tốt phù hợp với hoàn cảnh sơ tán phòng không bảo đảm yêu cầu tiết kiệm trang nghiêm và sâu sắc.

Hội nghị thảo luận nghị quyết nhiệm vụ quân sự 1966 của Tỉnh ủy đã tiến hành kết quả tốt.

Ngoài ra đã mở Đại hội tổng kết phong trào ba săn sàng ba đảm đang toàn tỉnh đẩy mạnh phát huy khí thế phán đấu thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đông - xuân 1966 và săn sàng chiến đấu.

Những công tác lớn trong tháng 3-1966:

Đẩy mạnh cấy chiêm xuân, bảo đảm diện tích và thời vụ gieo trồng các loại hoa màu vụ xuân, chú ý giải quyết tốt vấn đề lợn giống và phòng trừ疫 dịch lợn và gia súc.

Tích cực giải quyết vấn đề sắt thép vật tư. Đẩy mạnh công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp sản xuất nông cụ phục vụ nông nghiệp, thương mại, công cụ phục vụ giao thông vận tải.

Xây dựng thí điểm máy bơm nước và thủy luân có kết hợp xây dựng cơ khí nhỏ phục vụ nông nghiệp.

Phát triển và sử dụng mọi hình thức phương tiện vận tải đường thuỷ, đường bộ, bảo đảm lượng hàng thiết yếu phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống.

Tiếp tục làm tốt công tác phòng không, sơ tán, cảnh giác để phòng máy bay địch đến bắn phá Lào Cai, đề phòng chúng đánh đêm và đề phòng chúng thả gián điệp, biệt kích. Quán triệt tinh thần nghị quyết nhiệm vụ quân sự 1966 của Tỉnh ủy đến các huyện, thị ủy.

Tiến hành Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy mở rộng học tập Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng. Triển khai học tập Nghị quyết 12 đến các huyện, các đảng ủy, chi bộ trực thuộc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 28-BB/TU, ngày 14-3-1966
Về Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy

Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7 và 8 tháng 3 năm 1966 có các đồng chí: Trương Minh, Phạm Gia Tuân, Khánh Vinh, Việt Tiến, Lê Bá Hội. Hội nghị thảo luận các vấn đề sau đây:

1. Thông qua bản dự thảo nghị quyết về việc đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc 2 năm 1966 - 1967.
2. Công tác thú y.
3. Công tác tổng kết cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 1.
4. Thông qua phương hướng phát triển các mặt kinh tế 30 xã vùng thấp của tỉnh.

Nội dung cụ thể các vấn đề thảo luận như sau:

I. THÔNG QUA BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
VỀ VIỆC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC
HAI NĂM 1966 - 1967

Phát triển chăn nuôi là một yêu cầu thực tế khách quan của tỉnh ta, nhằm mục đích: Nâng cao đời sống nhân dân và cán bộ, bảo đảm nhu cầu Nhà nước, đáp ứng phong trào thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng.

Trong mấy năm qua, nhìn chung đàn gia súc trong tỉnh có được phát triển, nhưng so với khả năng và yêu cầu còn chậm. Điều đáng lo ngại nhất là đàn lợn có hiện tượng không phát triển. Nguyên nhân chủ yếu làm cho chăn nuôi phát triển chậm là do nhận thức về vị trí quan trọng của vấn đề chăn nuôi chưa được quán triệt đầy đủ và tổ chức chỉ đạo của các cấp, các ngành từ tỉnh đến xã còn nhiều thiếu sót, trông chờ và chăn nuôi là hai ngành chính của nông nghiệp, nhưng các cấp ủy thường coi nhẹ, chưa chú ý đúng mức đến công tác chăn nuôi như vấn đề giải quyết thức ăn, vấn đề giống và phòng trừ dịch bệnh gia súc nhất là đàn lợn.

Để giải quyết tốt công tác chăn nuôi, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thông qua và thảo luận bản dự thảo nghị quyết về việc đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc 2 năm 1966 - 1967 và giao trách nhiệm cho bộ phận thường trực sửa lại thành nghị quyết chính thức của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gửi các cấp, các ngành trong tỉnh nghiên cứu thi hành, cần chú ý các vấn đề dưới đây:

1. Về phương hướng chăn nuôi

Phương hướng chung về phát triển chăn nuôi 1966 - 1967 đề ra là "phát triển thật mạnh việc chăn nuôi gia súc làm cho chăn nuôi tiến lên cân đối với trồng trọt, quyết tâm đảm bảo tự túc về thịt trong tỉnh đảm bảo nhu cầu Nhà nước, tạo điều kiện sau này tiến tới xuất khẩu; đảm bảo đủ sức cày kéo cho địa phương và cung cấp ngày càng nhiều sức kéo cho miền xuôi, mặt khác cung cấp được nhiều phân bón phục vụ phong trào thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng. Phát triển mạnh chăn nuôi lợn, gà, vịt và bò; đồng thời chú trọng phát triển đàn trâu, đàn ngựa, dê và các loại gia súc, gia cầm khác; đi đôi với việc khuyến khích phát triển chăn nuôi của gia đình xã viên và nông dân, cơ quan, công trường, xí nghiệp, trường học, v.v. cần hết sức chú trọng đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập thể của các hợp tác xã; phải tích cực tạo mọi điều kiện phát triển chăn nuôi tập thể

lợn, bò và trâu từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, từng bước và có kế hoạch.

2. Về thức ăn gia súc

Thức ăn là biện pháp hàng đầu có tính chất quyết định nhất đối với việc tăng giảm của đàn gia súc. Vì vậy, cần tạo cho đàn gia súc có nguồn thức ăn vững chắc. Muốn vậy phải xây dựng kế hoạch thức ăn cân đối với yêu cầu của đàn gia súc bằng cách mỗi hợp tác xã, mỗi gia đình xã viên và nông dân cần tận dụng đất đai trồng các loại cây thức ăn hợp với từng mùa, từng vùng. Cần kiên quyết thi hành chính sách để 5% đất cho mỗi hộ xã viên để trồng rau, màu tăng thêm thức ăn cho người và cho gia súc, nếu hộ nào có khả năng chăn nuôi tùy điều kiện đất đai ở địa phương nghiên cứu quy định cho một số đất nhất định để trồng trọt thức ăn cho chăn nuôi. Đối với các hợp tác xã chăn nuôi tập thể thì trước hết phải có kế hoạch thức ăn cho đàn gia súc.

3. Về phòng trừ dịch bệnh gia súc. Trước hết phải nhận thức rõ là công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc là nhiệm vụ của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân trong tỉnh. Do đó các cấp ủy phải giáo dục cho cán bộ và nhân dân có ý thức đối với công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc. Phải tổ chức học tập và vận động xây dựng quy ước chăn nuôi phòng trừ dịch bệnh gia súc.

Nhiệm vụ cụ thể trong 2 năm 1966 - 1967 là:

- + Tiêu diệt bệnh dịch tả trâu, bò.
- + Tiến tới khống chế dịch tả lợn, nhiệt thán trâu, đóng dấu lợn,toi thành gà.
- + Hạn chế tác hại một số bệnh suyễn lợn, lợn nghệ, tiêm mào trùng ngựa, giun đũa bê, nghé, v.v..

Phương châm phòng trừ dịch bệnh gia súc là: Phòng bệnh là chính, chữa bệnh kịp thời, chữa tốt để đẩy mạnh phòng.

- + Kết hợp giữa đông y và tây y, giữa khoa học tiên tiến và kinh nghiệm quần chúng.

- + Kết hợp giữa lãnh đạo, chuyên môn và quần chúng.
- + Giáo dục chính trị là chủ yếu, đi đôi với biện pháp hành chính.

4. Về giống gia súc: Các địa phương phải nắm vững chủ trương, tự giải quyết vấn đề giống gia súc. Đối với giống lợn phải giáo dục tốt cho xã viên và *nhan dân nuôi nhiều lợn nái tốt để đảm bảo* cung cấp đủ lượng giống trong địa phương mình. Trường hợp đặc biệt mà thiếu lợn giống thì phải nắm vững phương châm *tự điều hòa* lợn giống giữa nơi thừa và nơi thiếu là chính, còn Nhà nước chỉ giải quyết lợn giống khi thật cần thiết. Trong khi chuyển lợn giống từ nơi này đến nơi khác phải làm thật tốt công tác tiêm phòng cho lợn.

5. Về thu mua lợn: Nhà nước thu mua lợn thịt là chủ yếu, còn thu mua lợn giống là trường hợp thật cần thiết. Cách thức thu mua cụ thể trong Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc 2 năm 1966 - 1967 sẽ nói rõ. Mục đích của công tác thu mua lợn là nhằm phát triển chăn nuôi lợn trên cơ sở chăn nuôi được phát triển để đảm bảo được nâng cao đời sống nhân dân, cán bộ, đảm bảo nhu cầu Nhà nước ngày càng tăng và có nhiều phân bón cung cấp cho trồng trọt. Hiện nay các cấp ủy phải *giáo dục tốt cho nhân dân có điều kiện và tạo điều kiện tốt chăn nuôi lợn thịt và phải có ý thức làm nghĩa vụ bán thịt lợn cho Nhà nước*. Vấn đề làm nghĩa vụ bán cho Nhà nước thì theo Chỉ thị 07 của Tỉnh ủy, đến nay tình hình và nhiệm vụ mới không phù hợp mà không còn đáp ứng nữa, nên phải nghiên cứu bổ sung thêm cho phù hợp.

II. CÔNG TÁC THÚ Y

Trong mấy năm qua, công tác chăn nuôi gia súc của tỉnh ta phát triển chậm chưa đáp ứng với yêu cầu, nhất là chăn nuôi lợn do nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân để cho đàn gia súc bị chết toi

dịch cũng đã làm cho số lượng đàn gia súc sút kém mất nhiều. Sở dĩ đàn gia súc bị chết toi, dịch là do ý thức phòng dịch chõng cho gia súc của cán bộ và nhân dân còn kém. Song, công tác thú y cũng chưa được các cấp ủy coi trọng đúng mức, một số các cấp ủy địa phương có tư tưởng ỷ lại khoán trống cho cán bộ thú y của tỉnh, huyện, chưa tích cực đào tạo cán bộ chăn nuôi thú y ở xã và hợp tác xã hoặc có nơi đã đào tạo được một số cán bộ thú y và kỹ thuật viên thì lại sử dụng sang công việc khác, thiếu giúp đỡ để anh em có điều kiện thuận lợi hoạt động, chưa giáo dục tốt cho nhân dân có ý thức đổi mới công tác tiêm phòng cho gia súc để phòng ngừa bệnh dịch cho gia súc.

Từ nay, các cấp các ngành phải coi trọng công tác thú y, đề ra những chủ trương và biện pháp cụ thể đẩy mạnh công tác thú y đảm bảo chắc chắn cho chăn nuôi phát triển. Trước hết là phải hoàn thành kế hoạch tiêm phòng các loại sinh hóa cho gia súc, gia cầm đúng thời vụ, đạt tỷ lệ cao, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn; phải đào tạo được một đội ngũ cán bộ chăn nuôi thú y từ hợp tác xã đến xã, huyện, tỉnh có tinh thần trách nhiệm công tác, trình độ chuyên môn tương đối vững vàng, được trang bị những phương tiện cần thiết để tiêm phòng và chữa bệnh cho gia súc, gia cầm trong địa phương.

Để công tác thú y làm được kết quả tốt, sau đây Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ có chỉ thị cụ thể về vấn đề này để các cấp các ngành trong tỉnh thi hành. Ban Nông nghiệp tỉnh sẽ chuẩn bị tổ chức một hội nghị cho cán bộ lãnh đạo, chú trọng đến cán bộ lãnh đạo nông nghiệp và cán bộ thu mua lợn nghiên cứu bản "nghị quyết về việc đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc 2 năm 1966-1967". Kết hợp với các cơ quan có chức trách có quan hệ đến cơ sở như tài chính, thủy lợi, y tế, Ban Nông nghiệp, tổ chức dân chính, v.v. để nghiên cứu chế độ chung cho các cán bộ kỹ thuật ở cơ sở như thú y, trồng trọt, y tá, giao thông thủy lợi, v.v..

III. CÔNG TÁC TỔNG KẾT CẢI TIẾN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ CẢI TIẾN KỸ THUẬT ĐỢT 1

Để thi hành Nghị quyết số 70 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 108 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật, tỉnh ta đã tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật đợt 1 ở 11 xã vùng thấp, đến nay đã kết thúc thời kỳ vận động tập trung. Đối chiếu với mục đích yêu cầu nội dung của cuộc vận động ta có thể đánh giá chung là: "*Đợt vận động tiến hành có nhiều khó khăn, yêu cầu thì cao, nội dung có nhiều vấn đề phức tạp và mới mẻ, nhưng đã đạt được thắng lợi tốt đẹp. Tuy nhiên đó cũng chỉ là thắng lợi bước đầu còn phải cố gắng khắc phục nhiều khó khăn khuyết nhược điểm và các vấn đề tồn tại. Nhất là đối với thời kỳ thực hiện phương hướng cuộc vận động đã xây dựng lại càng phải tập trung sự chỉ đạo của các cấp, các ngành, trong tỉnh để thực hiện được tốt.*

Trước mắt phải tổng kết tốt công tác cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật đợt 1 của 11 xã. Hội nghị tổng kết sẽ mở vào khoảng đầu tháng 4 năm 1966. Nội dung hội nghị tổng kết gồm các vấn đề sau:

Tổng kết đánh giá kết quả và nêu lên ưu khuyết điểm, kinh nghiệm cuộc vận động.

Đề ra nhiệm vụ của thời kỳ thực hiện phương hướng cuộc vận động đã xây dựng ở 11 xã đợt 1.

Báo cáo điển hình về công tác cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật của hợp tác xã Tiền Phong cả ba thời kỳ.

Biểu dương khen thưởng các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích trong cuộc vận động.

Để đảm bảo hội nghị được kết quả tốt, Ban Nông nghiệp phải chuẩn bị bản báo cáo tổng kết công tác cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật đợt 1 cho tốt. Bằng cách đối chiếu đánh giá đúng với mục đích, yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp của

Trung ương đã đề ra và đồng thời đối chiếu với chủ trương, biện pháp của Tỉnh ủy đã nêu lên trong các chỉ thị, nghị quyết về công tác cải tiến quản lý hợp tác xã. Ngoài ra, phải chú ý bồi dưỡng các bản báo cáo điển hình cho tốt, các bản báo cáo điển hình nêu lên được mặt tốt và mặt chưa tốt, đặc biệt nêu lên được cách làm và kinh nghiệm làm thế nào được tốt và trái lại làm thế nào mà chưa tốt, để hội nghị học tập rút được kinh nghiệm để đẩy mạnh bồi khuyết cho cuộc vận động đợt 2 ở các xã thuộc các huyện Bát Xát, Mường Khương, Bảo Thắng, Bắc Hà.

IV. THÔNG QUA PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC MẶT KINH TẾ 30 XÃ VÙNG THẤP TRONG TỈNH

Sau khi nghe bản dự thảo báo cáo về phương hướng phát triển các mặt kinh tế 30 xã vùng thấp trong tỉnh. Ban Thường vụ nhận định đó là sự cố gắng và kết quả bước đầu của đội ngũ cán bộ khoanh vùng, làm cho tỉnh thấy rõ hơn về: khả năng rất dồi dào về phát triển kinh tế ở vùng thấp tỉnh ta. Cần phải tiếp tục nghiên cứu đi sâu hơn nữa để nắm vững tình hình thực tế của vùng thấp, đối chiếu với đường lối phương châm, phương hướng của Trung ương đã đề ra về phát triển kinh tế miền núi, vận dụng cho thích hợp với tình hình địa phương, đề ra một phương hướng sát hơn.

Trong khi tiếp tục nghiên cứu cần phải chú ý mấy vấn đề là:

- Quy vùng phát triển kinh tế phải nhằm cả hai mục đích trước mắt và lâu dài, nhằm phục vụ tốt công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.
- Quy vùng phát triển kinh tế phải cân đối giữa trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp; trong trồng trọt phải cân đối giữa lương thực, hoa màu và cây công nghiệp. Về lương thực phải chú ý đến diện tích lúa nước bằng cách phát triển rộng mạng lưới thủy lợi, nhất là thủy lợi nhỏ. Về chăn nuôi chú ý đàn lợn hơn nữa nhất là đối với vùng trọng điểm lúa cần phải có nhiều phân bón để thâm canh tăng năng suất. Về cây công nghiệp chú ý đến cây công nghiệp

dài ngày như cây sở, cây công nghiệp ngắn ngày như cây đậu tương, lạc, vừng là các loại cây cung cấp nguồn thực phẩm rất lớn cho các thị xã khu công nghiệp. Về cây ăn quả cũng phải được chú ý nhất là cây dứa, cây chuối tiêu có giá trị xuất khẩu.

- Cần phải nghiên cứu sâu hơn nữa về tỷ trọng đất đai nông nghiệp làm sao cho cân đối và sát với tình hình thực tế của vùng thấp.

- Công tác thủy lợi và giao thông nông nghiệp cũng phải đề ra mạnh dạn hơn nữa. Nhất là thủy lợi kết hợp với thủy điện và cơ khí nhỏ.

Trên đây nêu một số hướng để (...) quy hoạch nghiên cứu cho sát với tình hình thực tế vùng thấp của tỉnh ta, vận dụng tốt đường lối, phương châm, phương hướng của trên và chủ trương của tỉnh, đề ra một phương hướng phát triển các mặt kinh tế 30 xã vùng thấp trong tỉnh cho phù hợp hơn và báo cáo với Tỉnh ủy sau. Trong khi chờ đợi đội quy hoạch tiếp tục nghiên cứu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý để các xã, các hợp tác xã đã và đang cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật sẽ dựa vào phương hướng phát triển các mặt kinh tế mà đội khoanh vùng đã báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy để xây dựng phương hướng sản xuất và kế hoạch sản xuất của địa phương mình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 90-CT/TU, ngày 23-3-1966

**Về việc đẩy mạnh cuộc vận động "ba xây ba chống"
căn bản hoàn thành tốt đợt vận động
tập trung toàn tỉnh trong năm 1966**

Thực hiện Nghị quyết 83 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về cuộc vận động "ba xây ba chống", tỉnh ta đã tiến hành thí điểm từ tháng 9 năm 1962 và tiếp tục mở rộng đến một số ngành kinh tế đến cơ sở thấp nhất.

Ở tất cả các cơ sở đã tổng kết và các cơ sở đang tiến hành đợt vận động tập trung đều đã có chuyển biến mới về tư tưởng, nhận thức và quan điểm, đã và đang đi vào việc cải tiến tổ chức quản lý nghiệp vụ quản lý kinh tế tài chính, việc cải tiến kỹ thuật cũng có những đổi mới mạnh mẽ hơn, tệ tham ô, lãng phí, quan liêu được phê phán và có biện pháp khắc phục, vai trò lãnh đạo của Đảng được đề cao, tinh thần đoàn kết nội bộ được củng cố, quan hệ giữa chuyên môn, công đoàn và thanh niên được gắn bó hơn.

Kết hợp với việc học tập các nghị quyết của Đảng về tình hình cách mạng (...) mới và các phong trào thi đua yêu nước ở các cơ sở tiến hành cuộc vận động "ba xây ba chống" đã có không khí phấn khởi hăng say, dám nghĩ, dám làm, đề cao trách nhiệm, đưa hoạt động của đơn vị mình đi vào nền nếp hơn, chất lượng hơn. Do đó, ở các đơn vị đều giành được kết quả thiết thực, hầu hết hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước trên nhiều chỉ tiêu.

Đứng trước tình hình mới của cách mạng cả nước có chiến tranh, việc thực hiện cuộc vận động "ba xây ba chống" càng có ý nghĩa lớn lao, quan trọng, khẩn trương, không những có tác dụng trước mắt mà nó còn nâng cao nhiệt tình cách mạng, tích cực tham gia xây dựng, góp phần tích cực và thiết thực đối với nhiệm vụ chung "chống Mỹ, cứu nước" hiện nay.

Để phát huy tác dụng cuộc vận động "ba xây ba chống" đồng thời đáp ứng với yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định:

Đẩy thật mạnh cuộc vận động "ba xây ba chống" căn bản hoàn thành đợt vận động tập trung ở tất cả các công nông trường, xí nghiệp, doanh nghiệp, hành chính sự nghiệp trong toàn tỉnh trong năm 1966.

Các ngành, các cơ quan, xí nghiệp, cần chuẩn bị tiến hành gấp theo hướng cụ thể như sau:

- Tập trung làm tốt các xí nghiệp, cơ quan doanh nghiệp trước, các cơ quan hành chính sự nghiệp thì trước hết làm tốt các ngành có tính chất sự nghiệp doanh nghiệp, trên cơ sở kết quả phát hiện xây dựng đóng góp của các xí nghiệp, doanh nghiệp sự nghiệp đã vận động các ngành có tính chất hành chính tổng hợp và các đoàn thể, các Ban của Đảng chuẩn bị và tiến hành ba cải tiến của ngành mình.

Qua một số phòng, ngành ở cơ sở đã phát động, các huyện, thị ủy chuẩn bị tiến hành song song với một số phòng còn lại.

- Các đơn vị đã phát động tập trung, phải căn cứ vào phương hướng xây dựng lấy tinh thần Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng mà phát huy tác dụng đẩy mạnh hoạt động các cơ sở và đưa công tác lãnh đạo đi vào nền nếp.

- Các đơn vị đang tiến hành và chuẩn bị tiến hành, trên cơ sở học tập Nghị quyết 12 kiểm tra lại công tác chuẩn bị và công tác phát động, đẩy tinh thần chuẩn bị cho tốt, phát động cho sâu, đảm bảo nội dung yêu cầu, tích cực khẩn trương để có thể tổng kết

vào cuối tháng 6 năm 1966, bao gồm: Nhà máy điện, Địa chất 5, Ty Kiến trúc, Ty Lương thực, Chi nhánh ngân hàng, Trại nhân giống lợn Bát Xát, riêng Ty Lâm nghiệp và Ty Giao thông cuối quý III năm 1966 hoàn thành tốt.

+ Các ngành và các xí nghiệp kinh doanh khác, cần tích cực chuẩn bị để bước vào cuộc vận động giữa quý II năm 1966 như Nông trường Thanh Niên, Nông trường Sơn Hà, Ty Bưu điện, Công ty Xuất nhập khẩu, Công ty Tư liệu sản xuất. Quốc doanh dược phẩm, Nhà in, Xưởng đường, mỏ Đôlômít và 3 ty nông nghiệp, thủy lợi và khai hoang để hoàn thành tốt vào cuối quý III năm 1966.

Các ty chăn nuôi sự nghiệp còn lại, chuẩn bị ngay từ bây giờ để phát động vào đầu quý III năm 1966 như Ty Y tế, Ty Văn hóa, Ty Giáo dục, Hải quan, v.v..

+ Đối với các cơ quan tổng hợp, các đoàn thể, các Ban chuyên môn của Đảng sẽ tiến hành thí điểm ở 1, 2 ban vào quý III năm 1966 mở rộng và kết thúc vào cuối năm 1966.

+ Huyện, thị ủy, Ủy ban hành chính cấp huyện thì tiến hành thí điểm để kết luận một huyện vào đầu quý III năm 1966 và cố gắng hoàn thành đợt mở rộng cũng vào cuối năm 1966.

Nội dung phương hướng của một số ngành hành chính, tổng hợp và các Ban của Đảng, các đoàn thể quần chúng:

- Các Ban chuyên môn của Đảng, các đoàn thể và các cơ quan tổng hợp cần đi vào chuẩn bị và tiến hành tổng kết mấy chuyên đề lớn để đi đến những kết luận cụ thể đưa vào thực hiện và lấy đó làm nội dung chính cho cuộc vận động ba cải tiến ngành mình như:

+ Ban Tổ chức của Đảng trên cơ sở tổng hợp lại, xem xét kiểm tra măc mứu trở ngại việc xây dựng Đảng, việc đào tạo để bạt quản lý cán bộ, bố trí tổ chức, v.v. quản lý của các loại hình, ngành, huyện thị tiến hành ba cải tiến ngành và đề nghị biện pháp tổ chức quản lý của toàn tỉnh.

+ Ban Tuyên giáo phụ trách chung với sự phối hợp của Liên hiệp Công đoàn tỉnh và Tỉnh đoàn Thanh niên lao động, tổng kết

về các loại hình tư tưởng cán bộ, công nhân viên chức trong các ngành, các cơ quan xí nghiệp trong toàn tỉnh, lấy đó mà thực hiện ba cải tiến ngành mình và đề cập các vấn đề bổ sung bổ khuyết biện pháp sửa chữa.

+ Ty Lao động xem xét việc thực hiện các chế độ lao động tiền lương, v.v. đồng thời tiến hành ba cải tiến ngành, đồng thời chuẩn bị tổng kết chuyên đề lao động trong các ngành kinh tế quốc doanh.

Các ngành khác sẽ căn cứ vào nội dung chức trách của ngành mà đề cập nội dung ba cải tiến ngành. Ban chỉ đạo ba xây ba chống tinh cùng một số ngành bàn bạc cụ thể lãnh đạo thí điểm rồi tiến hành mở rộng.

Cuộc vận động "ba xây ba chống" sẽ tiến hành trong năm 1966 ở rất nhiều ngành, ty, cơ quan, xí nghiệp, với thời gian như vậy là rất gấp, cho nên cần phải có sự tập trung khả năng cao chỉ đạo và phân nhiệm rõ ràng mới có thể hoàn thành được.

Cần tập trung chỉ đạo, tập trung và phát huy khả năng và tinh thần phụ trách của các Ban chuyên môn của Đảng, các đoàn thể và các cơ quan tổng hợp của tỉnh để đảm bảo tốc độ tiến hành và giành kết quả cao nhất cho cuộc vận động "ba xây ba chống".

+ Đảng đoàn chính quyền cần có kế hoạch cụ thể để chỉ đạo các ngành đi vào cuộc vận động và bố trí các phòng thư ký vụ theo dõi giúp đỡ, uốn nắn để cuộc vận động tập trung tốt, sản xuất, công tác tốt, chiến đấu tốt.

+ Các Đảng đoàn, các chi bộ trực thuộc, các Ban chuyên môn của Đảng, các đoàn thể cần có kế hoạch cụ thể một mặt theo dõi giúp đỡ các ngành phát động tốt, mặt khác có bộ phận chuẩn bị kỹ cho ngành mình tiến hành cuộc vận động đồng thời có kế hoạch kết hợp phối hợp cho tốt các công tác chuyên môn với nhiệm vụ khác, không để vì "ba xây ba chống" mà để công tác trì trệ hoặc ngược lại.

+ Ban chỉ đạo cuộc vận động "ba xây ba chống" tinh có trách nhiệm giúp đỡ và hướng dẫn các cơ quan công nông trường, xí nghiệp các Ban đi vào cuộc vận động, phục vụ tốt cho cuộc vận động.

Đây là một trong ba cuộc vận động lớn hiện nay của Đảng, chúng ta lại đang ở trong tình hình cách mạng khẩn trương, vì vậy cần kiên quyết đi vào tổ chức chỉ đạo cụ thể, tranh thủ thời gian tạo nên những chuyển biến lớn về tư tưởng và tổ chức, làm cơ sở cho việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ to lớn hơn nữa đáp ứng yêu cầu vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi và làm tốt cuộc vận động "ba xây ba chống" trong thời gian tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 28-NQ/TU, ngày 23-3-1966

**Về phương hướng nhiệm vụ giao thông vận tải
trong hai năm 1966 - 1967**

Đứng trước tình hình và nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa săn sàng chiến đấu và chiến đấu, đòi hỏi chúng ta phải khẩn trương giải quyết những yêu cầu trước mắt phục vụ kịp thời cho tuyến đường sắt, tất cả để chiến thắng, đóng góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, của toàn dân cả nước. Mặt khác, cần phải định phương hướng phát triển lâu dài nhằm phục vụ đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, phương hướng nhiệm vụ phát triển của ngành giao thông vận tải trong thời gian tới có ý nghĩa rất thiết thực và cấp bách.

**I. VỊ TRÍ ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH
NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

A. Vị trí và tầm quan trọng của ngành giao thông vận tải

Giao thông vận tải là một trong những ngành sản xuất quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của ngành giao thông vận tải biểu hiện trình độ phát triển kinh tế của một nước hay một tỉnh.

Sự phát triển của ngành giao thông vận tải trên thực tế là một điều kiện chủ yếu, một tiền đề cho các ngành kinh tế khác phát triển một cách thuận lợi, hơn nữa tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất, rút ngắn thời gian lưu thông, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng nhanh vòng vốn cho Nhà nước.

Sự phát triển của ngành giao thông vận tải có tác dụng quyết định trong việc phân bổ sức lao động một cách hợp lý. Trong việc khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách có lợi nhất và quá trình làm thay đổi căn bản sự phát triển kinh tế của từng vùng.

Giao thông vận tải còn tạo điều kiện để tiến tới xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa miền ngược và miền xuôi, nó nối liền từ khâu sản xuất đến khâu tiêu dùng và ngược lại, nối liền khu nông nghiệp với khu công nghiệp, nối liền giữa nước ta với nước bạn. Phục vụ cho sự hoạt động mạnh mẽ của các ngành kinh tế, văn hóa, chính trị - quốc phòng và sự đi lại của nhân dân các dân tộc, đồng thời cũng tăng cường thêm tình đoàn kết của các dân tộc trong tỉnh ta.

Lào Cai là một tỉnh miền núi và là một căn cứ địa, địch đã bắn phá mà còn luôn nhòm ngó hòng phá hoại các cơ sở kinh tế của tỉnh ta có thể còn ác liệt hơn. Cho nên giao thông vận tải nếu không đảm bảo thông suốt thì không những ảnh hưởng đến sản xuất của các ngành công, nông nghiệp mà nó còn ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân các dân tộc.

Tóm lại, ngành giao thông vận tải là mạch máu của nền kinh tế quốc dân. Nó là tiền đề cho các ngành kinh tế khác phát triển thuận lợi. Vì vậy, công tác giao thông vận tải phải được chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng, nhận thức đầy đủ, và đúng đắn đối với vị trí và tác dụng của nó. Đặng động viên mọi người tích cực tham gia xây dựng, làm cho mạch máu phát triển và lưu thông mạnh mẽ.

B. Tình hình phát triển và cung cấp giao thông vận tải trong thời gian qua

Miền Bắc nước ta sau khi hoàn thành công việc cải tạo xã hội

chủ nghĩa. Đảng đã đề ra nhiệm vụ cho toàn dân là: "Đi đôi với việc phát triển công nghiệp, nông nghiệp, cần ra sức phát triển giao thông vận tải phục vụ kịp thời yêu cầu của các ngành kinh tế quốc dân, phục vụ yêu cầu củng cố quốc phòng... (Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III) và tiếp đó Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV của tỉnh cũng chỉ rõ: Tiếp tục cải tạo và nâng cao chất lượng đường sá hiện nay, mở rộng các đường từ tỉnh đến huyện cho xe chạy tốt hơn, ra sức từng bước mở rộng đường từ thôn bản ra đường trực, mặt khác tích cực vận động cải tiến xe vận chuyển thô sơ, đóng thêm thuyền sông Hồng, nhằm giảm bớt chi phí lưu thông đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hóa thường xuyên. Dựa vào lực lượng nhân dân phấn đấu từng bước giải phóng đôi vai...

Nhìn lại trong mấy năm qua giao thông vận tải của tỉnh ta đã phát triển và mở rộng làm cho việc vận tải ngày càng được thuận lợi hơn. Nếu lấy năm 1960 làm mốc để so sánh thì đến cuối năm 1965 đã tăng như sau:

+ Khối lượng vận tải hàng hóa vận chuyển tăng 495% về tấn và 284% về tấn/cây số.

- Tốc độ tăng của thô sơ gấp trên 10 lần về tấn và 12 lần về tấn/km. Riêng thô sơ so với cơ giới thì chiếm gần 40% khối lượng vận chuyển.

+ Khối lượng hành khách vận chuyển 140, 418 người và 4.939,741 tấn/người km.

Trên đây chưa kể vận chuyển trong nông thôn song việc giải phóng đôi vai nếu tính tận dụng cả ngựa trên thì tỉnh ta đã cẩn bản giải phóng đôi vai.

Hệ thống đường sá từ tỉnh xuống huyện rất nhỏ hẹp không đảm bảo cho đi lại vận chuyển. Nay đã được khôi phục và dần dần mở rộng và đã đi sâu vào các đường trực xuống các khu vực. Các xã rẽo thấp đã bước đầu có quy hoạch giao thông nông thôn và một số xã rẽo cao đã có quy hoạch thí điểm có kết quả nên đã gần hình

thành một mạng lưới giao thông. Nhờ có đường sá được mở mang đã nâng cao cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc lên một bước và còn tăng thêm nhân lực để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và cung cấp cho một số các ngành trong tỉnh. Tổ chức và cán bộ kỹ thuật từ chỗ trên dưới 100 người nay đã có trên 1.000 người và đã có cán bộ kỹ thuật ở các huyện để làm nhiệm vụ đẩy mạnh công tác giao thông vận tải nông thôn, và bước đầu đã có cơ sở kỹ thuật, thiết bị cơ giới đảm bảo vận chuyển lưu thông nhanh chóng. Nhìn vào sự tiến bộ của công tác giao thông vận tải, nhất là trong mấy năm qua và sau ngày địch bắn phá Lào Cai nhận thức đổi với công tác giao thông vận tải càng khẩn thiết hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, do yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế và yêu cầu cải thiện đời sống của nhân dân các dân tộc ngày càng cao. Sự đòi hỏi vận chuyển kịp thời cho các ngành ngày càng lớn. Yêu cầu phục vụ cho công tác đột xuất trước mắt và phục vụ cho yêu cầu quốc phòng ngày một khẩn trương. Công tác giao thông vận tải đã lộ rõ một số nhược điểm khuyết điểm đang ảnh hưởng hạn chế một phần lớn đến phát triển sản xuất của công nông nghiệp.

Nguyên nhân của tình hình này là:

1. Tổ chức quản lý lực lượng vận tải và các luồng hàng sử dụng, phân bổ điều động chưa tốt và chưa thật hợp lý

Hàng hóa thường bị tồn đọng, trên bến bãi kho tàng, giải phóng xe chậm, giá thành vận tải còn cao. Phân bổ điều độ còn nhiều lãng phí, lực lượng vận tải còn quá ít không những cơ giới mà ngay thô sơ như ngựa thồ, xe đạp thồ, xe trâu, thuyền nhất là việc tổ chức và quản lý các lực lượng vận tải bằng ngựa, trâu của nông dân, các công nông lâm trường chưa sử dụng rộng rãi phuong tiện cải tiến, nông thôn chưa tận dụng mọi hình thức như bè, mảng, chưa sử dụng hết sức kéo để giải phóng đôi vai. Mặc dù toàn tỉnh ta có 7.782 con ngựa thồ và 20.251 con trâu có khả năng cày kéo, thồ. Do đó đã gây nên tình trạng hàng hóa đôi lúc trở nên

căng thẳng hoặc bị động, nhất là luồng hàng không nấm vũng, không có kế hoạch toàn diện nên càng khó khăn cho việc điều độ. Mặt khác, do phương tiện không những không phát triển, mà khâu bảo quản, sửa chữa cũng quá kém và yếu nên xe ngừng việc lên cao; xe cộ chỉ có số lượng không có chất lượng.

2. Tổ chức và xây dựng quản lý mạng lưới giao thông chưa tốt

Việc quy hoạch một mạng lưới giao thông trong một tỉnh là điều kiện hết sức quan trọng song từ trước tới nay ta chưa làm được tốt nên không chỉ đạo và giải quyết thích đáng. Nó đã chậm trễ tốc độ phát triển chung mạng lưới giao thông trong toàn tỉnh. Song, mặt khác đường sá tuy có nơi đã mở rộng.

Nhưng khâu bảo dưỡng quá yếu, tình trạng lầy lội, sạt lở, còn gây trở ngại rất lớn cho vận tải, chưa đảm bảo và bảo vệ chu đáo cho đường, cầu phải vũng chắc, bằng phẳng, không trơn, thoát nước dễ dàng, đảm bảo xe chạy an toàn, có nơi còn cho trâu, bò kéo gỗ qua đường, cuốc phá mặt nền dùng làm ruộng, ao, hay trồng rau, chất lượng đường sá, cầu cống chưa tốt.

Trong công tác quy hoạch đường giao thông nông thôn còn quá yếu và không được phối hợp chặt chẽ với các ngành như khoanh vùng kinh tế, thủy lợi, lâm nghiệp, nông nghiệp quốc phòng nên không tạo thành một hệ thống đường giao thông chung của toàn tỉnh do đó quy hoạch vận tải cũng khó khăn. Không khai thác được luồng hàng hóa, hạn chế khai thác tài nguyên.

Đường thủy chưa được nạo vét hay phá thác để sử dụng triệt để nguồn nước thiên nhiên trên các sông, ngòi.

Trong công tác xây dựng thì khảo sát thiết kế chưa đi trước một bước và chất lượng chưa cao. Do tình trạng trên không những kéo dài thời gian lưu thông mà hạn chế rất lớn cho khâu vận tải, nên có thể nói khâu giao thông chưa đảm bảo đầy đủ chức năng phục vụ cho khâu vận tải. Trước mắt là chuẩn bị mọi mặt để đề phòng địch phá hoại cũng còn chưa được khẩn trương.

3. Việc giáo dục chính trị và nâng cao nhận thức vị trí của công tác giao thông vận tải chưa đúng mức

Nhận thức việc giáo dục chính trị đi hàng đầu chưa đúng mức nên còn coi nhẹ việc giáo dục tư tưởng đã thể hiện trên nhiều mặt như: Chưa thật yên tâm, yêu ngành, yêu nghề, chưa thấy hết vai trò và tác dụng của mỗi người làm công tác giao thông là: Xây dựng tốt một đoạn đường, bảo quản tốt đường sá, cầu cống, vận chuyển nhanh chóng, hàng hóa đến nhân dân và ngược lại đưa nhanh chóng, những sản phẩm của nông dân, cho nhà máy là bản thân mình đã góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa phát triển, mà chính công tác giao thông vận tải còn là khâu tích lũy vốn cho Nhà nước rất lớn. Cũng vì chưa nhận thức như vậy. Cho nên làm việc ngày lao động chưa đảm bảo. Năng suất lao động chưa cao, chưa coi trọng đường sá, phương tiện vận tải là của cải của nhân dân, phải được bảo quản đầy đủ mới đảm bảo được sức bền và sử dụng lâu dài, cũng từ đó mà đẩy mạnh tái sản xuất mở rộng được. Mặt khác, việc giáo dục trong nhân dân chưa đi đúng đường lối, quần chúng, chưa biết dựa vào quần chúng phát động quần chúng làm công tác giao thông nông thôn cũng chưa thấy hết điều đó nên thường nảy sinh tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, không thấy việc xây dựng phát triển đường sá, làng bản mình là xây dựng cơ sở vật chất cho hợp tác xã; cho xã, tiến lên thay đổi bộ mặt nông thôn; chính việc xây dựng như vậy, thực tế là đâu tư vào vốn cố định, không những giải quyết cho yêu cầu phát triển nông nghiệp trước mắt mà còn là vốn lưu truyền cho con cháu mai sau này. Do đó, chưa thật sự nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh. Sở dĩ có tình trạng này cũng là do các cấp ủy và chính quyền chưa thật sự quan tâm đúng mức. Thành công lớn lao thời gian gần đây làm đường giao thông ở Pha Long, Lùng Phình, Phú Nhuận chứng thực rất rõ điểm đó.

Nhìn vào những nguyên nhân trên cho chúng ta thấy công tác giao thông vận tải tuy có những tiến bộ song khuyết nhược điểm còn tồn tại ta chưa giải quyết được nên đã nảy sinh ra mâu thuẫn rất lớn. Song, nguyên nhân đã gây nhiều trở ngại chính là: cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành giao thông vận tải và hợp tác xã chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế với quy mô ngày càng to lớn, tốc độ phát triển ngày càng cao, của các ngành kinh tế trong tỉnh không những về lâu dài, mà trước mắt vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nên nhiệm vụ công tác giao thông vận tải càng trở thành một khâu trung tâm của toàn Đảng và toàn dân tập trung sức lực để tiến hành. Nếu chỉ riêng ngành giao thông sợ không đủ khả năng đảm nhiệm nhiệm vụ lớn lao này.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRONG 2 NĂM TỐI (1966 - 1967)

A. Phương hướng chung

Giao thông vận tải phải được phát triển cân đối nhịp nhàng và phải đi trước một bước với sự phát triển của công nghiệp; nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, đồng thời phải đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu của trật tự trị an và quốc phòng. Trước mắt là để phòng và chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Phương hướng phát triển giao thông của tỉnh ta là: Phải cải tạo và xây dựng từng bước các đường giao thông thành một mạng lưới hợp lý giữa huyện này với huyện khác lấy tỉnh làm trung tâm từ đường trực của tỉnh nối liền đến các huyện về đến các khu vực quan trọng về kinh tế, quốc phòng (chú ý đến quy hoạch toàn diện). Ra sức phát triển và mở rộng đường từ huyện xuống các khu vực - khu vực xuống làng bản và ra đồng ruộng. Phù hợp với khoanh vùng kinh tế. Trước mắt phục vụ cho phong trào giải phóng đồi vai trong sản xuất nông nghiệp và ở các công nông, lâm trường,

Phát động cao trào quần chúng làm đường giao thông, quản lý giao thông, giải phóng đôi vai, phát triển mạnh mẽ hơn nữa thuyền cài tiến; có ca nô lai dắt, nâng cấp đường ôtô hiện có (trừ đường bạn đang xây dựng) và xây dựng các cầu thuộc hai đường Bắc Hà - Bát Xát. Cần tăng thêm ôtô vận tải. Trước mắt tích cực cải tiến và sử dụng rộng rãi các phương tiện thô sơ và cài tiến (xe trâu, xe bò, xe ngựa có ổ bi bánh lốp, xe đạp thồ, xe cút kít, v.v..) ở nông thôn, ở công trường, nông trường, lâm trường, đẩy mạnh phát triển vận tải, ngựa, trâu thồ... Chú trọng củng cố và phát triển lực lượng vận tải và bốc vác. Chú ý nghiên cứu chính sách chế độ sử dụng ngựa của xã viên hợp tác xã nông nghiệp, chưa công hữu; đồng thời củng cố nâng cao chất lượng hơn nữa hàng ngũ công nhân nhất là lực lượng bảo dưỡng. Nâng cao hơn nữa giác ngộ xã hội chủ nghĩa và ý thức làm chủ trong công nhân ngành giao thông, nâng cao năng suất lao động, phấn đấu hạ giá thành vận tải, xây dựng và đề cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu. Nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn chịu đựng gian khổ và tự lực cánh sinh. Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa.

B. Nhiệm vụ cụ thể của từng công tác

1. Đối với đường bộ

- Cần xúc tiến việc làm quy hoạch hệ thống mạng lưới giao thông trong toàn tỉnh, đẩy mạnh khảo sát thiết kế để chuẩn bị cho kế hoạch dài hạn sau này, tránh tình trạng vừa thiết kế vừa thi công gây tổn thất cho Nhà nước và nhân dân. Thực hiện khảo sát thiết kế đi trước một bước, chú trọng quy hoạch giao thông nông thôn kết hợp với các ngành liên quan như khoanh vùng, nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp và quốc phòng, để việc quy hoạch được hoàn chỉnh.

- Mở rộng các đoạn đường cần thiết (đoạn đường quá hẹp, bán kính quá nhỏ) đồng thời xây dựng thêm cầu đảm bảo cho xe cộ

người ngựa đi lại trên các huyện Bát Xát, Bắc Hà. Thay phà qua suối để nâng cao mức sử dụng xe, chú ý mở và nâng cấp đường chất lượng mặt đường của các huyện (bạn không làm tối) và các đường trực từ huyện xuống khu vực ở các huyện đảm bảo xe loại 2 tấn hay 2,5 tấn đi được. Riêng đường giao thông nông thôn dựa vào lực lượng nhân dân là chính kết hợp với thủy lợi làm bờ vùng bờ thửa và với việc làm đường của nông trường, lâm trường, chủ yếu là các đường từ làng bản ra đồng ruộng và nương, lập quy hoạch hướng dẫn thực hiện giao thông nông thôn phục vụ chặt chẽ với kế hoạch kiến thiết đồng ruộng từng bước đi theo cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp phục vụ thiết thực cho thâm canh tăng năng suất 5 tấn ở vùng thấp và tăng vụ ở vùng cao. Chú trọng phục vụ các vùng đông người, các vùng khai hoang và các vùng có nhiều lâm thổ sản... chú trọng phát triển đường giao thông đi đôi với trồng cây hai ven đường và mở rộng việc phát triển phương tiện vận tải giải phóng đôi vai. Đôi với những nơi gặp khó khăn khả năng của nhân dân không đảm nhiệm được thì kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm, cần sử dụng nguyên vật liệu tại chỗ để cải tạo mặt đường làm cho đường sá có chất lượng, tránh lầy lội.

+ Công tác bảo dưỡng:

- Phải đảm bảo giao thông vận tải được liên tục, nhanh chóng an toàn và hạ giá thành vận chuyển. Yêu cầu của công tác sửa chữa đường là phải thường xuyên, chăm sóc và sửa chữa kịp thời, ngăn ngừa hư hỏng và hàn gắn những hao mòn trên các bộ phận nền đường, mặt đường, cầu cống, bến phà, và ca nô, luôn khô ráo, vững chắc, đẹp, thoát nước, dễ dàng và an toàn. Nhằm nâng cao chất lượng và sử dụng lâu dài. Chú trọng trồng cây hai ven đường để bảo vệ mặt đường, đồng thời kết hợp phục vụ cho quốc phòng, kết hợp với lâm nghiệp tổ chức vườn ươm cây đẻ bảo trong khoảng thời gian 2 năm sẽ trồng khắp các đoạn đường trực chính từ tỉnh đến huyện. Mặt khác, chuẩn bị mọi mặt điều kiện để khi bạn bàn giao đường, ta đã có lực lượng quản lý ngay, không bỡ ngỡ.

Song song với những nhiệm vụ trước mắt đòi hỏi khẩn trương đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Phải chuẩn bị đầy đủ các vật liệu như: sắt, thép, cáp, đá, gỗ, v.v. trên các đoạn đường, cầu cống, địch có thể bắn phá để khi chúng đi ta đã sẵn sàng tiến hành ngay được. Đảm bảo bến phà vững chắc, bằng phẳng, không lầy lội, xe lên xuống dễ dàng. Thiết bị an toàn, vật liệu cần thiết cho phà, ca nô phải đầy đủ, ca nô phải luôn ở trạng thái tốt có đủ sức kéo và làm các đường tránh để phòng cầu bị phá hủy. Đảm bảo giao thông phải tăng cường hoạt động. Tổ chức sẵn sàng các lực lượng dự trữ. Có trọng điểm và tăng cường tổ chức lực lượng đảm bảo giao thông ở các hợp tác xã, ở các xã ven đường giao thông lớn để khi cần đã huy động đi làm ngay, có luyện tập nghiệp vụ kỹ thuật và có kế hoạch ngụy trang, mặt khác tổ chức lực lượng gõ bom nổ chậm, kết hợp với công an có đội đảm bảo an toàn tài sản tính mạng cho nhân dân ở nơi địch bắn phá. Trong bất kỳ tình huống nào vẫn phải đảm bảo thường xuyên thông suốt trên các tuyến đường.

2. Đối với đường sông

Đẩy mạnh nạo vét lòng sông Hồng và nghiên cứu phá các thác, từ Trịnh Tường về Phố Lu. Chú ý các thác trọng điểm, mở rộng việc sử dụng các sông Đàm Thi, các ngòi Bo, ngòi Nhù, Bản Quǎn, dùng thuyền gỗ hay thuyền nan nhỏ thích hợp với mức nước, dễ dàng đi lại và vận chuyển phục vụ cho nông nghiệp như chở phân, thóc lúa, v.v. phát triển mạnh lực lượng vận tải thuyền và tăng thêm ca nô loại đắt. Củng cố chặt chẽ hợp tác xã vận tải thuyền để dần dần đưa lên bậc cao và tăng cường giáo dục giác ngộ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, tổ chức bến bãi thích hợp với thời chiến, tránh tổn thất do địch gây nên.

3. Đối với công tác vận tải

Khâu vận tải là khâu thúc đẩy quá trình tái sản xuất mở rộng, đồng thời phục vụ đến lúc cải thiện đời sống nhân dân, phục

vụ kịp thời cho công cuộc bảo vệ - quốc phòng. Để đảm bảo đầy đủ yêu cầu đó: khâu vận tải phải được phát triển sâu rộng quy hoạch vận tải, làm cho mạng lưới vận chuyển hợp lý và thống nhất và phù hợp với các loại xe và từ đó có kế hoạch phát triển các loại phương tiện khác nhau. Áp dụng vận trù học để vận chuyển nhanh chóng, kịp thời, tránh chồng chéo và giảm giá thành vận chuyển. Chú ý việc phát triển các loại xe cơ giới, đẩy mạnh phát triển xe thô sơ như: xe trâu, bò, ngựa có ổ bi bánh lốp. Xe đạp thồ, xe ba bánh người đạp, cút kít thích hợp, để phục vụ nông thôn, nhằm giải phóng đôi vai và để tăng nhân lực phục vụ cho các ngành kinh tế khác. Mặt khác, sử dụng hết sức vận chuyển của trâu, ngựa và tổ chức thành các đội vận tải bán và chuyên nghiệp ở hợp tác xã, có chế độ, chính sách thích đáng với người làm vận tải và nuôi dưỡng trâu, ngựa.

- Tăng cường khâu quản lý kinh tế kỹ thuật đảm bảo sử dụng hợp lý nhiên vật liệu. Bảo quản và sử dụng tốt các phương tiện và tổ chức mạng lưới sửa chữa xuống các hợp tác xã. Riêng tỉnh thành lập xưởng sửa chữa ôtô đảm bảo giải phóng xe nhanh, đảm bảo 70% trở lên đầu xe hoạt động trong tháng, tăng ca kíp, thực hiện người nghỉ xe không nghỉ. Thực hiện an toàn trong sản xuất và đảm bảo tài sản, tính mạng cho nhân dân và Nhà nước chấp hành nghiêm luật lệ của Nhà nước.

- Tổ chức lực lượng bốc dỡ giải phóng xe và bến bãi, kho nhanh và nghiên cứu việc sát nhập bốc dỡ nhà ga với các đoàn bốc dỡ để sử dụng hết lực lượng lao động.

- Thành lập Công ty Vận tải thủy bộ để đáp ứng yêu cầu ngày càng mở rộng của khâu vận tải.

- Cân đăng ký các loại phương tiện và chuẩn bị có một số lực lượng dự trữ để đảm bảo sẵn sàng phục vụ cho chiến đấu.

4. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật

- Về xây dựng cơ bản của ngành giao thông vận tải trước hết cần đầu tư thích đáng đến công tác xây dựng và mở mang mạng

lưới giao thông, đảm bảo công trình có chất lượng cao và sớm đưa vào sản xuất.

- Tổ chức các xưởng sản xuất các phương tiện hàng loạt có cải tiến và sửa chữa có trang bị đầy đủ để có khả năng lắp giáp và tu sửa trung, đại tu các loại xe cơ giới, đồng thời xây dựng cơ sở cơ khí nhỏ để sửa chữa ở các cơ sở sản xuất, hợp tác xã chú ý trang bị phương tiện bốc dỡ có cải tiến để giải phóng xe, bến bãi kho tàng nhanh.

- Phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng, xây dựng đường nông thôn, kết hợp phát triển phương tiện vận chuyển tạo thành cơ sở vật chất cho hợp tác xã, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Bảo quản và sử lý vật tư và thực hiện đầy đủ quản lý chặt chẽ kinh tế kỹ thuật.

- Tổ chức những đội chủ lực của Ty Giao thông để tiến tới thành những đơn vị hạch toán kinh tế (đơn vị xây dựng đường sá, cầu cống) đảm bảo chuyên môn hóa cán bộ và công nhân, nâng cao trình độ nghề nghiệp. Tăng cường đến công tác đào tạo đến công nhân kỹ thuật cho các ngành trên để có đủ trình độ sử dụng hết công suất máy móc, thiết bị tạo điều kiện cho tương lai quản lý với điều kiện cơ khí hóa với kỹ thuật hiện đại hơn sau này.

- Đi đôi với việc tổ chức, quản lý lao động hợp lý đồng thời phải đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật làm cho việc sản xuất có hiệu quả kinh tế nhất. Năng suất lao động cao nhất và cũng là giá thành hạ nhất của ngành giao thông.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ và công nhân, nhân dân đối với công tác giao thông vận tải

Trong khâu chủ yếu của ta không những về mọi mặt khoa học - kỹ thuật mà ngay công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cũng chưa

được coi trọng là công tác hàng đầu và phải làm thường xuyên vì vậy không những trước tình thế cả nước có chiến tranh mà còn là phải xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa lâu dài. Cho nên phải làm cho cán bộ, công nhân và nhân dân thấy rõ khâu giao thông vận tải là một ngành trong nền kinh tế quốc dân. Thực tế nó còn là một ngành sản xuất mở rộng. Nếu không có giao thông thì không những mọi mặt hoạt động bị hạn chế, mà sản xuất không phát triển được. Không thể đáp ứng yêu cầu cải thiện đời sống, ngày càng cao của nhân dân các dân tộc. Do đó, chúng ta cần làm cho mỗi người dân, cán bộ, công nhân viên nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò, tác dụng của ngành giao thông, không những trong lúc thời bình mà thời chiến lại đóng vai trò vô cùng quan trọng đảm bảo cho nhân dân ta chiến thắng kẻ địch, phấn khởi để tham gia với nhiệt tình cách mạng, mới nêu cao được tinh thần tự lực cánh sinh, để đẩy mạnh xây dựng các công trình giao thông vận tải, để mau chóng làm cho mạng lưới giao thông vận tải trong một thời gian nhất định đã hình thành và có thấy giá trị của công tác giao thông, mới thấy sự góp công, góp của của mình để xây dựng một nước công nghiệp hóa, mới chống được tư tưởng ỷ lại, tư tưởng không yên tâm ở ngành giao thông, mà xây dựng một tư tưởng mới, là tư tưởng xã hội chủ nghĩa, mình vì mọi người, mọi người vì mình, mới có quyết tâm cao, mới có phát huy cái tốt, cải tiến cái cũ, làm cái mới, thúc đẩy năng suất lao động, không ngừng nâng cao làm cho giá thành hạ xuống, biết coi trọng giá trị lao động của người khác, tăng cường quản lý chặt chẽ các mặt, quý trọng cơ sở vật chất kỹ thuật, việc giáo dục chính trị, tư tưởng phải được làm sâu rộng trong toàn Đảng và toàn dân. Quán triệt giao thông vận tải là mạch máu của Tổ quốc, do đó, mà coi trọng và bảo vệ, tu bổ, phát triển giao thông vận tải và săn sàng đảm bảo giao thông liên tục trong thời bình, cũng như trong thời chiến. Riêng ngành giao thông vận tải cần đẩy mạnh cuộc vận động ba xây ba chống, vấn đề trách nhiệm của cán bộ, công nhân.

2. Củng cố và phát triển tổ chức, đào tạo bồi dưỡng cán bộ

- Muốn cho công tác hoạt động mạnh mẽ và chạy đều thì công tác tổ chức và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là khâu quyết định hoàn thành nhiệm vụ; vì vậy trong thời gian tới, cần củng cố kiện toàn chặt chẽ bộ máy hiện có, tăng thêm cán bộ chính trị cho ngành giao thông chú ý đến cán bộ quản lý kinh tế. Song, mặt khác tăng cường thêm cán bộ cho các huyện, tổ chức bộ máy chuyên nghiệp ở xã và hợp tác xã vừa làm công tác giao thông vừa làm thủy lợi, có bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ thuật.

- Mở rộng mạng lưới vận tải thuỷ, bộ, củng cố chặt chẽ các hợp tác xã hiện có, nâng cao chất lượng, dần dần đưa lên cấp cao hơn như vận tải xe trâu, ngựa thồ, xích lô, xe đạp, thuyền, v.v. đồng thời tổ chức thêm các lực lượng vận tải chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp ở xã và hợp tác xã như đoàn trâu thồ, đoàn ngựa thồ để tận dụng sức kéo, hoặc chở hàng hóa và phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, cho khai thác lâm thồ sản, v.v.. Các huyện cần có chỉ đạo diễn hình rút kinh nghiệm rồi mở rộng toàn huyện. Song, mặt khác giáo dục tốt về tư tưởng tránh lợi dụng buôn bán trái phép.

- Trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải tăng cường điều tra nghiên cứu, nắm vững thực tế nhiều hơn, khắc phục tình trạng chung chung đại khái, thiếu sâu sát, thiếu tổng kết kinh nghiệm.

- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ là một công tác cấp bách cho nên phải có một kế hoạch lâu dài và đảm bảo cho yêu cầu của mỗi khâu cho cụ thể phát triển của ngành đó như: Công nhân kỹ thuật, sửa chữa, đóng thuyền, xe, lái xe, kỹ thuật cầu cống, v.v. cán bộ quản lý kinh tế. Hướng đào tạo dựa vào công nhân, cán bộ hiện nay trong ngành, kể cả hợp tác xã, chú ý đến lực lượng thanh niên. Phải xác định việc đào tạo lực lượng này tốt, thì đó là cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành giao thông sau này, nên phải đặc biệt giải quyết đưa đi học các lớp Trung ương mở hoặc cho đi học ở Vân Nam, Trung Quốc và kèm cặp tại chỗ. Riêng lực lượng xây dựng đường

sá cầu cống thì phải đảm bảo cứ 10 công nhân có trình độ 1 sơ cấp, 100 công nhân có một kỹ sư và 4 trung cấp (chưa kể công nhân kỹ thuật). Song, mặt khác phải quan tâm đến đời sống tinh thần vật chất văn hóa cho hàng ngũ công nhân, cán bộ.

Đối với cán bộ xã và hợp tác xã, cũng cần phải đào tạo mỗi xã, có 1 hoặc 2 người, mỗi hợp tác xã một người đảm bảo hiểu biết tối thiểu về các mặt kỹ thuật đơn giản vì làm công tác giao thông vận tải và dần dần đưa hàng ngũ cán bộ, công nhân của ngành giao thông vận tải mạnh mẽ hơn.

3. Công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các ngành các cấp trong công tác giao thông vận tải

a) *Đối với các huyện:* Phải tăng cường khâu quản lý chặt chẽ lực lượng vận tải hiện có và tổ chức thêm lực lượng vận tải chuyên nghiệp trong hợp tác xã và xã, tổ chức lực lượng đảm bảo giao thông thuộc phạm vi huyện mình.

- Phát động quần chúng nhân dân các dân tộc đẩy mạnh làm công tác giao thông vận tải nông thôn, kết hợp việc trồng cây các ven đường từ làng bản đến đường giao thông chính.

- Đẩy mạnh phong trào đóng các loại phương tiện vận tải cải tiến và tận dụng hết sức trâu, ngựa thồ. Thực hiện giải phóng đôi vai - nghiên cứu các chế độ chính sách công điểm đối với người làm vận tải trong hợp tác xã. Huyện cần cử đồng chí lãnh đạo phụ trách. Tổ chức đội thanh niên chống Mỹ, cứu nước ở xã, thanh niên làm nòng cốt, làm giao thông, thủy lợi, ruộng bậc thang.

b) *Đối với ty giao thông vận tải:* Là cơ quan chủ quản có nhiệm vụ hướng dẫn các địa phương về các mặt kỹ thuật và có kế hoạch hướng dẫn, lập các kế hoạch. Trước mắt và lâu dài, quản lý chặt chẽ các mặt công tác thuộc ty quản lý, đảm bảo cho công tác tốt, chất lượng công trình cao, giá thành sản xuất và vận tải bốc vác hạ. Đồng thời, có trách nhiệm cùng với các ngành có liên quan, để có kế hoạch công tác tốt, từ trên xuống dưới và cùng huyện

nghiên cứu những chế độ, chính sách đối với công tác vận tải trong trường hợp tác xã nông nghiệp, chỉ đạo nghiệp vụ cho các lực lượng vận tải của các hợp tác xã hiện có và sau này phát triển.

c) *Đối với các ngành có liên quan đến công tác này như*: Nông nghiệp, lâm nghiệp, khoanh vùng kinh tế, kiến trúc, lao động, công nghiệp. Cần có sự hợp tác xã hội chủ nghĩa với ngành giao thông vận tải để làm cho công tác này tiến nhanh tiến mạnh.

d) *Đối với các ban của Đảng* như ban công nghiệp, Đảng đoàn chính quyền nông nghiệp, tuyên huấn, tổ chức cần đi sâu nghiên cứu cùng với các ngành chuyên môn để xuất những vấn đề chế độ chính sách kịp thời giải quyết những khó khăn, tạo mọi điều kiện cho ngành giao thông vận tải ngày càng đi vào hoàn chỉnh.

e) *Đối với thanh niên, phụ nữ mặt trận, tỉnh đội* cần giáo dục và phát động từng đợt của giới mình tham gia công tác giao thông vận tải.

Thanh niên là những người dễ tiếp thu cái mới, có một lực lượng mạnh nên phải lấy thanh niên để làm lòng cốt đẩy mạnh phong trào thi đua làm đường sá, cầu cống, cải tiến và phát triển phương tiện vận tải giải phóng đôi vai.

*

* *

Trong tình thế cả nước có chiến tranh, nhiệm vụ vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Công tác giao thông vận tải hiện nay là một nhiệm vụ trung tâm đột xuất của toàn Đảng và toàn dân, không những đáp ứng trong thời chiến mà về lâu dài đóng một vị trí hết sức quan trọng. Nó cần được xây dựng và phát triển nhịp nhàng hoặc đi trước một bước, so với các ngành kinh tế khác. Trong khi chúng ta thực hiện nhiệm vụ có khó khăn và sau này cũng còn nhiều khó khăn. Nhưng đó là khó khăn trong bước

trưởng thành. Song, chúng ta cũng có những thuận lợi căn bản và khả năng to lớn.

Chúng ta đã có đường lối công nghiệp hóa của Đảng soi sáng dẫn đường và qua mấy năm thực hiện quần chúng đã bước đầu thấy rõ tác dụng và tầm quan trọng của công tác giao thông vận tải. Bên cạnh ta lại có giúp đỡ của đồng chí Trung Quốc, không những về mặt kinh nghiệm kỹ thuật mà cả về thực tế trong hành động càng cổ vũ động viên toàn Đảng toàn dân ta.

Nhân dân và cán bộ dân tộc ta cũng sẵn có một truyền thống đấu tranh anh dũng, chịu đựng gian khổ, sẵn có tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà. Cho nên chỉ cần chúng ta khéo tổ chức và động viên giáo dục, thực hiện phương châm "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Xây dựng một chí khí vươn lên hàng đầu quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam. Thì chỉ trong một thời gian một hai năm tới chúng ta sẽ có một hệ thống, mạng lưới giao thông vận tải, tương đối hoàn chỉnh, kinh tế văn hóa và quốc phòng của chúng ta sẽ phát triển không ngừng. Đời sống nhân dân các dân tộc sẽ được cải thiện và nâng cao.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 91-CT/TU, ngày 29-3-1966
Về công tác tư tưởng trong năm 1966

**I. NHẬN XÉT CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG
TRONG NĂM 1965 CỦA TỈNH**

1. Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 và các nghị quyết của Tỉnh ủy, được sự cổ vũ mạnh mẽ của những chiến thắng to lớn của quân và dân cả nước và những thắng lợi trong công tác xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và của tỉnh ta, toàn bộ công tác tư tưởng đã được chuyển hướng mạnh mẽ, có nhiều tiến bộ và đạt được nhiều kết quả tốt.

Trong năm qua, toàn tỉnh đã tổ chức liên tục bốn đợt tuyên truyền giáo dục lớn và tập trung nhằm giáo dục tình hình, nhiệm vụ mới, giáo dục nội dung và ý thức thực hiện kế hoạch nhà nước, giáo dục phẩm chất cách mạng và công tác xây dựng Đảng lấy Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 làm trung tâm. Đồng thời, tỉnh ta đã tăng cường chú ý toàn diện đến các mặt tuyên truyền giáo dục khác. Chúng ta đã dùng nhiều hình thức để tuyên truyền giáo dục trong Đảng và trong nhân dân như tổ chức các cuộc sinh hoạt chính trị trong Đảng và các đoàn thể quần chúng, giáo dục tại Trường Đảng tỉnh và các lớp huấn luyện chính trị của huyện, tổ chức các đoàn tuyên truyền văn nghệ xung phong, tổ chức các

chiến dịch thi đua đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu... nổi bật nhất là cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân năm 1965, cuộc vận động học tập cuốn *Sóng như Anh* và các cuộc phát động chiến dịch sản xuất "Thi đua với Thủ Dầu Một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

- Cán bộ, đảng viên ta đã nhận thức sâu sắc hơn âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, lực lượng so sánh giữa ta và địch, khả năng phát triển của tình hình, đã thấy rõ tính chất ngày càng ác liệt của cuộc đấu tranh, nâng cao rõ rệt ý chí phấn đấu cách mạng, xây dựng được quyết tâm đoàn kết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nhận rõ hơn lúc nào hết giải phóng miền Nam là trách nhiệm chung của cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn, miền núi trong đó có tỉnh ta là căn cứ địa của cả nước, có nhiệm vụ vừa chi viện cho miền Nam đến mức cao nhất, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa trực tiếp chiến đấu bảo vệ sản xuất, ra sức phấn đấu vượt mức kế hoạch nhà nước, nhận rõ hơn nữa về tinh thần tự lực cánh sinh, đồng thời tăng cường tình đoàn kết hữu nghị quốc tế vô sản với cán bộ và công nhân Trung Quốc sang giúp ta làm đường giao thông...

Thái độ hữu khuynh, tự do, tùy tiện trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tư tưởng ngại khó, ngại khổ trong công tác và sinh hoạt được phê phán và khắc phục một phần. Tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác, ỷ lại bước đầu được giải quyết, tư tưởng hoang mang, dao động trong một số ít cán bộ và nhân dân khi địch bắn phá được nhanh chóng khắc phục. Tình trạng thiếu đoàn kết nội bộ trước đây ở một số đơn vị được giải quyết tương đối tốt. Hiện tượng suy bì, đai ngộ, tính toán cá nhân giảm bớt rõ rệt.

- Đi đôi với việc giáo dục đường lối, chính sách và phẩm chất đạo đức, chúng ta đã bước đầu đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục về vị trí then chốt của cuộc cách mạng kỹ thuật và hướng ý chí

phấn đấu cách mạng vào việc ra sức học tập để nâng cao trình độ quản lý kinh tế và áp dụng những kiến thức khoa học - kỹ thuật. Ý thức coi trọng khoa học - kỹ thuật của cán bộ, đảng viên, quần chúng công nông nhất là cán bộ lãnh đạo và thanh niên được nâng lên rõ rệt ở nhiều nơi. Việc giáo dục những hiểu biết về quản lý kinh tế và kỹ thuật nông nghiệp cho cán bộ lãnh đạo các cấp được đẩy mạnh hơn trước. Việc giáo dục được tiến hành bằng những lớp huấn luyện ngắn ngày, bằng đưa nội dung giáo dục kỹ thuật vào Trường Đảng tỉnh và các lớp huấn luyện chính trị của huyện, bằng cách vận động các cơ quan kết nghĩa kết hợp với hợp tác xã nông nghiệp, bằng cách tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của những hợp tác xã tiên tiến, tổ chức học tập tại chỗ các điển hình tiên tiến, đẩy mạnh phong trào làm ruộng có năng suất cao, bằng cách giáo dục phổ biến chủ trương cụ thể của tỉnh là các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp trong năm nay, phải tập trung chống 5 tệ, chú ý ba cây trồng chính: Lúa, ngô, đậu tương và chăn nuôi chủ yếu là đàn lợn phục vụ cho vùng thấp phấn đấu đạt 5 tấn thóc một ha trên ruộng hai vụ, ruộng nương vùng cao thực hiện được hai vụ chủ yếu là một vụ lương thực và một vụ đậu tương... tư tưởng bảo thủ được đẩy lùi một bước. Trong công nghiệp, nhiều cơ sở đã tăng cường bồi dưỡng và đào tạo công nhân kỹ thuật bằng hình thức mở lớp tại chức, kèm cặp trong sản xuất, mở lớp tập trung ngắn ngày để đáp ứng nhu cầu trong tình hình mới.

- Về mặt quân sự, chúng ta đã tiến hành giáo dục cho cán bộ, nhân dân, các lực lượng vũ trang nhân dân về đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, về phòng không, chống chiến tranh phá hoại của địch, ý thức tham gia quân thường trực và củng cố các lực lượng vũ trang nhân dân, thống nhất ba lực lượng...

- Tóm lại, nhờ làm công tác tư tưởng liên tục và toàn diện trong suốt năm, chúng ta đã nâng cao trình độ của cán bộ, đảng

viên và quần chúng nhân dân về mọi mặt và đã tạo ra một cơ sở tư tưởng khá vững cho cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Trên cơ sở phát huy truyền thống cách mạng, được sự giáo dục của Đảng và rèn luyện của thực tiễn sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, cán bộ và nhân dân tỉnh ta đã có nhiều sáng tạo trên mọi lĩnh vực, chủ nghĩa anh hùng cách mạng được phát huy mạnh mẽ. Phong trào thi đua củng cố và xây dựng Đảng, củng cố và xây dựng các đoàn thể quần chúng có nhiều chuyển biến mới như xây dựng chi bộ bốn tốt, thanh niên ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang, tổ chức phong trào "Bạch đầu quân, hội mộ chiến sĩ", "Hũ gạo chống Mỹ"...

Sở dĩ đạt được những kết quả trên đây là do có Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 đã nhận định tình hình và đề ra đường lối, nhiệm vụ, chủ trương đúng đắn trong cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, do sự chỉ đạo về công tác tư tưởng của Ban Tuyên giáo Trung ương và Tỉnh ủy được toàn diện và đúng đắn, do cao trào chống Mỹ, cứu nước sôi nổi, mạnh mẽ, do các cấp, các ngành và các lực lượng làm công tác tuyên giáo trong tỉnh đã có nhiều tiến bộ trong việc bám sát nhiệm vụ chính trị, đã biết chỉ đạo tạo ra điển hình để lãnh đạo toàn diện, kết hợp công tác tư tưởng với công tác tổ chức, kết hợp giáo dục tình hình, nhiệm vụ, liên hệ tư tưởng và động viên thi đua tổ chức thực hiện mạnh dạn đi vào những nơi phong trào kém để chỉ đạo giáo dục tư tưởng và tổ chức đưa phong trào lên. Các mặt công tác tuyên truyền huấn học, Trường Đảng, văn hóa thông tin, giáo dục, báo chí đều phát triển khai, tính tư tưởng và tính chiến đấu của công tác tư tưởng được tăng cường.

2. Những tiến bộ và kết quả của công tác tư tưởng trong năm 1965 là cơ sở tốt để tiếp tục tiến lên đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta trong năm 1966. Tuy nhiên, nhận thức tư tưởng và trình độ hiểu biết của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiện nay vẫn

chưa thực sự phù hợp với yêu cầu của cuộc đấu tranh sôi gay go, ác liệt hơn.

Trước hết là trên tư tưởng và hành động, kể cả trong cán bộ lãnh đạo các cấp và các ngành còn nhiều việc chưa thật thấu suốt quyết tâm của Đảng trong cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Trên một số việc chưa thật kết hợp đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ miền Bắc với nhiệm vụ chi viện đến mức cao nhất cho cách mạng miền Nam, quan hệ giữa sản xuất, chiến đấu với bồi dưỡng sức dân ở miền Bắc. Do chưa nhận rõ tính chất lâu dài của cuộc đấu tranh trong điều kiện cụ thể hiện nay, cho nên đứng trước âm mưu mới của đế quốc Mỹ đưa hàng chục vạn quân viễn chinh vào miền Nam nước ta, còn nhiều người chưa nhận thức vững vàng, một số còn sợ hy sinh gian khổ, chưa nhận rõ phương hướng giành thắng lợi có tính chất quyết định trong thời gian tương đối ngắn.

Trong chiến đấu, vì chưa nhận thức thật sâu sắc và toàn diện âm mưu của kẻ địch cho nên phổi biến còn tư tưởng chủ quan, thiếu cảnh giác tuy thấy được chiến tranh ác liệt hơn nhưng chưa có quyết tâm cao để chống lại, còn ngại khó, còn ỷ lại vào hoàn cảnh gần nước bạn. Việc phổi biến những hiểu biết về phòng không nhân dân và chống chiến tranh phá hoại cũng chưa làm được tốt, tư tưởng ỷ lại còn nhiều nên công tác phòng không nhân dân nhiều nơi còn sơ sài.

Trong sản xuất, chưa nhận thức đầy đủ chủ trương chuyển hướng và phát triển kinh tế trong tình hình có chiến tranh vì vậy chưa có quyết tâm cao. Trong cán bộ lãnh đạo còn nhiều người chưa cố gắng học tập, để nâng cao trình độ hiểu biết về quản lý và kỹ thuật. Chủ trương phát triển công nghiệp địa phương thực hiện chậm. Tư tưởng chạy theo con đường làm ăn cá thể vẫn còn tồn tại và biểu hiện trên một số khía cạnh mới kể cả một số nhân dân ở thị xã và một số gia đình công nhân, viên chức có tham gia sản xuất nông nghiệp. Đồng bào miền xuôi lên

còn một số người chưa thật an tâm và có phương hướng sản xuất lâu dài.

Do tập quán lạc hậu, do nhận thức chưa đầy đủ cho nên vấn đề đoàn kết dân tộc đẩy mạnh sản xuất nhất là giữa đồng bào miền xuôi mới lên với các dân tộc thiểu số còn một số xích mích, thành kiến. Do tinh thần trách nhiệm về ý thức tiết kiệm kém, cho nên trong nhiều ngành tình trạng tham ô và lãng phí còn nghiêm trọng. Trong việc chấp hành các chính sách (ba thu, quản lý thị trường, hợp tác hóa...) còn hữu khuynh, tự do tùy tiện, việc chuyển hướng tổ chức bộ máy của các cấp ủy Đảng và Nhà nước trong thời chiến tuy có tiến bộ nhưng chưa có chuyển biến mạnh. Về vấn đề này còn nhiều biểu hiện bảo thủ, ngại khó. Trong phát triển đảng còn chưa chú ý đúng mức lực lượng trẻ và phụ nữ. Trong cơ quan lãnh đạo ở nhiều ngành, nhiều cấp vẫn còn tình trạng không nắm chắc tình hình, không nắm chắc tổ chức và tư tưởng, tác phong chỉ đạo thiếu cụ thể, hiệp đồng công tác chưa tốt.

Những biểu hiện trên đây về thực chất là những biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, ngại khó, ỷ lại cần phải được tiếp tục khắc phục.

Trong cán bộ, đảng viên còn một số do chưa nhận thức được đường lối, chủ trương đối ngoại của Đảng nên còn thắc mắc về thái độ đấu tranh, chống chủ nghĩa xét lại chưa nói công khai trên đài, báo chí như Trung Quốc.

Bên cạnh tư tưởng hữu khuynh và gắn liền với tư tưởng đó còn tồn tại với mức độ khác nhau tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, kém ý thức tổ chức, kỷ luật và lối sống không cách mạng.

Trong cán bộ, đảng viên còn tác phong quan liêu, xa quần chúng và bệnh mênh lệnh độc đoán có hại cho sự đoàn kết nội bộ và hạn chế vai trò làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân.

Tình hình trên đây trở ngại cho việc chấp hành tốt hơn nữa đường lối, chủ trương của Đảng, cho việc phát động mạnh mẽ hơn nữa cao trào chống Mỹ, cứu nước, nếu không được kịp thời khắc phục thì đến lúc cuộc đấu tranh trở nên gay go, ác liệt hơn, những biểu hiện tích cực ấy sẽ có thể phát triển.

Sở dĩ còn có tình hình trên đây là do nhiều nguyên nhân. Nhìn riêng về bản thân công tác tuyên giáo, bên cạnh những tiến bộ và ưu điểm, hãy còn một số khuyết điểm, những khuyết điểm chính là:

Về *nội dung* việc tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng nhiều khi chưa làm sáng tỏ đầy đủ tư tưởng chính sách, chưa kết hợp chặt chẽ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn cách mạng vô cùng phong phú của nước ta. Về nội dung cách mạng kỹ thuật việc tuyên truyền giáo dục còn nhiều mặt yếu, nhất là việc tổng kết thành lý luận những kinh nghiệm sản xuất lâu dài của các dân tộc tinh ta để từ đó giáo dục động viên quần chúng thực hiện rộng rãi.

Về *phương thức* công tác tuyên truyền, giáo dục có lúc có nơi chưa thật tập trung vào những vấn đề quan trọng, chưa đi thật sát các đối tượng và chưa gắn chặt với đặc điểm của từng ngành, tuyên truyền cổ động cho những điển hình tiên tiến chưa tập trung, chưa liên tục, chưa mạnh.

Về *hình thức* công tác thông tin cổ động còn yếu nhất là ở xã cho nên việc phổ biến tình hình nhiệm vụ đường lối, chính sách của Đảng chưa thật rộng khắp và kịp thời.

Về *xây dựng bộ máy*, bồi dưỡng và sử dụng lực lượng chưa theo kịp với tình hình khẩn trương của thời chiến, chưa phù hợp với yêu cầu công tác của các cấp trong tình hình mới. Ban tuyên giáo các cấp chưa được kiện toàn, chưa làm tròn chức năng giúp cấp ủy Đảng thống nhất quản lý các mặt công tác tuyên giáo, chưa thật sự coi trọng chỉ đạo công tác tuyên truyền giáo dục về khoa học - kỹ thuật.

Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tư tưởng có tiến bộ nhưng ở nhiều nơi vẫn còn tình trạng chưa kết hợp chặt chẽ lãnh đạo tư tưởng với lãnh đạo tổ chức và kiểm tra chỉ đạo việc giáo dục tình hình trong các cuộc họp trước khi bàn công tác chưa chặt chẽ và chưa thành nền nếp.

II. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ TUỞNG NĂM 1966

Tình hình và nhiệm vụ chung năm 1966 như Chỉ thị của Trung ương Đảng số 120-CT-TW về công tác tư tưởng năm 1966 đã vạch ra là:

1. Trước những thắng lợi ngày càng to lớn của quân và dân ta trong cả nước, từ giữa năm 1965 lại đây, đế quốc Mỹ trong thế bị động đã đưa hơn 20 vạn quân Mỹ và chư hầu vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam. Đồng thời, tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nước ta. Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta đã từ chối dựa vào lực lượng ngụy quân, ngụy quyền là chủ yếu phát triển thành một cuộc chiến tranh dựa vào hai lực lượng chiến lược là quân đội viễn chinh Mỹ và ngụy quân, ngụy quyền. Đế quốc Mỹ đã, đang và còn tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa cuộc chiến tranh xâm lược của chúng ở miền Nam; tăng cường chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nước ta, đồng thời tấn công ngoại giao bằng luận điệu "Thương lượng hòa bình". Cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam đã gay go, ác liệt sẽ còn gay go ác liệt hơn nữa.

Trước tình hình mới: Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng do Đại hội toàn quốc lần thứ III đề ra, chúng ta phải động viên lực lượng cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ

nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

"Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cần cố gắng vượt bậc tập trung lực lượng của cả nước, kiên quyết đẩy mạnh cuộc đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đánh bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trên chiến trường chính là miền Nam"¹.

Nhiệm vụ của quân và dân ở miền Bắc là phải "vừa sản xuất, vừa chiến đấu để bảo vệ miền Bắc, đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, động viên sức người, sức của, tăng cường chi viện miền Nam, ra sức giúp đỡ cách mạng Lào, đồng thời tích cực chuẩn bị đánh thắng địch nếu chúng mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước ta"². Phải ra sức xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng và trong bất cứ tình huống nào, cũng phải khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và tiếp tục phát triển công nghiệp, đặc biệt là phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp. Phải động viên toàn dân tích cực tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Phải thực hiện khẩu hiệu: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược", cùng với quân và dân miền Nam ra sức tranh thủ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường chính.

Trên trường quốc tế, "chúng ta cần tranh thủ đến cao độ sự đồng tình và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc Á Phi, Mỹ La tinh và của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ", cần góp phần "mở rộng và tăng cường mặt trận nhân dân thế giới chống đế quốc Mỹ xâm lược, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam". Do đó, đi đôi với đấu tranh vũ trang, cần đẩy mạnh đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, "luôn luôn giữ thế chủ động, nắm vững và nêu cao ngọn cờ độc lập và hòa bình".

1, 2. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng.

Nhiệm vụ áy vô cùng khó khăn, gian khổ, nhưng rất vẻ vang toàn Đảng, toàn dân trước hết là cán bộ, đảng viên cần có một chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về nhận thức, tư tưởng, về tác phong và nâng cao hơn nữa trình độ hiểu biết.

Chính vì vậy mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng đã nêu rõ: "Trước hết, cần giáo dục cho toàn Đảng, toàn dân ta nhận rõ nhiệm vụ lịch sử vô cùng vẻ vang của nhân dân ta là chiến đấu chống một kẻ thù mạnh nhất và nguy hiểm nhất của loài người là đế quốc Mỹ, làm cho mọi người tin tưởng vững chắc rằng với đường lối đúng đắn của Đảng ta, với tinh thần dũng cảm chiến đấu của quân và dân ta, với chiến tranh nhân dân của ta được phát triển đến cao độ, chúng ta có thể đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của đế quốc Mỹ. Cần giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho nhân dân ta, nhất là cho bộ đội và thế hệ thanh niên, làm cho mọi người sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, hy sinh, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, chiến đấu anh dũng với bất cứ kẻ thù nào, đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của địch".

"Cần làm cho mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu rõ tích cực tham gia sự nghiệp giải phóng miền Nam, phục vụ không điều kiện cho tiền tuyến miền Nam và hết sức giúp đỡ cách mạng Lào, làm cho mọi người hăng hái dốc sức ra làm tròn bất cứ nhiệm vụ nào của Đảng và Chính phủ giao cho" (trích Chỉ thị của Trung ương số 120-CT-TW).

2. Để đảm bảo cho nhân dân ta hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lịch sử áy, công tác tư tưởng phải xuất phát đầy đủ từ tình hình và yêu cầu của cách mạng trong năm 1966, dựa trên cơ sở kết quả và kinh nghiệm năm 1965, mà tiếp tục thấu suốt một cách tốt nhất nhiệm vụ, phương hướng "về công tác tư tưởng trong tình hình trước mắt". Nhiệm vụ và phương hướng đó là:

"Làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong mọi tình thế đều tin tưởng vững vào đường lối, chủ trương đối nội và đối ngoại

của Đảng; có ý chí quyết chiến, quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược, ra sức làm tốt nhất mọi công tác trong sản xuất và trong chiến đấu". Và đê đạt ba yêu cầu đó, công tác tư tưởng phải tiếp tục "kết hợp chặt chẽ ba mặt: tuyên truyền, giáo dục về tình hình, nhiệm vụ và đường lối, chủ trương của Đảng trong hoàn cảnh mới; nâng cao trình độ hiểu biết về quản lý kinh tế và kỹ thuật, về chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, bồi dưỡng đạo đức và phẩm chất cách mạng của giai cấp vô sản"¹.

Chấp hành phương hướng trên đây trong hoàn cảnh của năm 1966, tỉnh ta phải đặc biệt chú ý những vấn đề như sau:

Tiếp tục giáo dục sâu sắc ý thức yêu dân tộc, yêu quê hương đất nước gắn liền với tinh thần yêu nước, yêu chế độ, trên cơ sở đó động viên lòng căm thù cao độ đối với đế quốc và bọn tay sai bán nước hâm lại nhiệt tình cách mạng, phát huy mạnh mẽ truyền thống anh hùng cách mạng của nhân dân các dân tộc.

Xây dựng lòng tin tưởng tuyệt đối vào đường lối của Đảng, ý thức đoàn kết chặt chẽ giữa nhân dân các dân tộc với nhau, giữa nhân dân với cán bộ quân đội các cấp đồng thời củng cố sự nhất trí trong toàn Đảng toàn quân, toàn dân xoay quanh sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ.

- Bồi dưỡng ý chí quyết tâm, quyết tâm thực hiện nghiêm chỉnh đường lối chủ trương của Đảng, quyết tâm làm tròn nghĩa vụ của mình, xứng đáng là căn cứ địa là hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, quyết tâm xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền núi, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược

- Tập trung phê phán, khắc phục, ngăn ngừa những biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, ỷ lại trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân như: Thiếu tin tưởng, thiếu quyết tâm thực hiện, bảo vệ chủ trương, đường lối chế độ chính sách của Đảng của

1. Chỉ thị số 94-CT-TW, ngày 2-4-1965 của Ban Bí thư về công tác tư tưởng trong tình hình trước mắt.

Chính phủ và thiếu nghiêm chỉnh thi hành việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, trước mắt là đông - xuân và kế hoạch nhà nước năm 1966, như thực hiện đưa vòng quay ruộng đất lên hai vòng, đưa năng suất 5 tấn đảm bảo thực hiện tốt ba cuộc vận động lớn, v.v.. Không quan tâm ngăn ngừa giáo dục tư tưởng làm ăn riêng lẻ, tự phát, xây dựng bảo vệ tổ chức làm ăn tập thể, v.v. hoang mang, dao động trước khó khăn trong mọi tình thế, trên mọi lĩnh vực, sợ Mỹ, sợ gian khổ, sợ hy sinh, sinh ra do dự, dè dặt, dò dẫm... đối tượng đối với địch, mơ hồ với sự lừa gạt của địch, bi quan, tiêu cực, thoái thủ, hoặc chủ quan, mạo hiểm khinh địch, thiếu cảnh giác, thiếu tính toán thiếu chuẩn bị, thiếu nghiêm túc đối với tính mạng tài sản Nhà nước và quần chúng, thiếu châm lo đến đời sống quần chúng, gây ra tổn thất không cần thiết, mặt khác không dám vươn lên, không dám làm bo bo giữ lấy cái cũ, nếp cũ lạc hậu, không dám tiến mạnh vào khoa học - kỹ thuật, không tin ở sức mình, không tin sức mạnh của nhân dân, không tin vào khả năng của địa phương, y lại trông chờ cấp trên, trông chờ sự giúp đỡ bên ngoài, không dám nhận trách nhiệm để lỡ thời vụ lỡ thời cơ, không hoàn thành được đầy đủ nhiệm vụ đối với Nhà nước, đối với nhân dân.

- Giáo dục ý thức tiết kiệm, tổ chức chặt chẽ, kiểm tra sát sao để đẩy mạnh tinh thần tự lực tự cường, tiết kiệm cốt chống tham ô lãng phí, quan liêu, chống chủ nghĩa cá nhân, nâng cao ý thức vì xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vì nhân dân các dân tộc, vì miền Nam ruột thịt, xây dựng ý thức đồng cam cộng khổ, tình thương yêu giai cấp, thương yêu dân tộc, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau.

- Tăng cường giáo dục ý thức tổ chức, để cao kỹ luật, đảm bảo nghe, nói làm theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, có họp bàn phải có nghị quyết, và làm đúng với nghị quyết, báo cáo đúng sự thật, kịp thời, tăng cường cảnh giác, ý thức giữ gìn bí mật, chống chủ nghĩa tự do, vô kỷ luật, cục bộ, bản vị, phân tán, đồng thời mở rộng dân chủ giữ vững tính tập trung thống nhất, chống

quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán. Đảm bảo phát huy cao độ quyền làm chủ tập thể của nhân dân các dân tộc.

- Phải giáo dục mạnh mẽ tinh thần độc lập, tự chủ và tinh thần quốc tế vô sản, ngăn ngừa và khắc phục bệnh giáo điều, rập khuôn, máy móc, tư tưởng tự ty dân tộc và tư tưởng dân tộc hẹp hòi, giáo dục ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại.

Trong năm 1966, công tác tư tưởng phải tăng cường tính tư tưởng và tính chiến đấu, đảm bảo tập trung, kịp thời và sắc bén, gắn chặt với công tác cụ thể của từng ngành, từng địa phương và kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức. Cần đi sâu hơn nữa vào các đối tượng, đặc biệt chú trọng giáo dục cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp và các ngành, và giáo dục thanh niên, nhất là cán bộ lãnh đạo của Đoàn thanh niên lao động, chú ý đội ngũ giáo viên cấp II, III và cán bộ kỹ thuật, các huyện các ngành phải tập trung thích đáng vào củng cố các vùng xa xôi hẻo lánh và các vùng cách mạng cũ.

3. Căn cứ vào nhiệm vụ, phương hướng chung trên đây, công tác tư tưởng của tỉnh ta cần thực hiện các biện pháp lớn như sau:

1. Làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thấu suốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng và kế hoạch 2 năm của Nhà nước

Cần tổ chức sinh hoạt chính trị liên tục và tốt hơn trong Đảng, trong cơ quan nhà nước, trong các lực lượng vũ trang nhân dân và trong các đoàn thể nhân dân, trước mắt cần tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị để nghiên cứu và thảo luận việc chấp hành Nghị quyết lần thứ 12 của Trung ương kết hợp với việc nghiên cứu và thảo luận về những biện pháp thực hiện kế hoạch nhà nước 2 năm 1966 và 1967 trong các cấp ủy Đảng cho đến đảng viên ở các chi bộ, các đoàn viên trong chi đoàn thanh niên lao động theo đúng Thông tri số 178 của Trung ương và Kế hoạch số 1 của Tỉnh ủy về việc tổ chức đợt sinh hoạt chính trị này.

Đi đôi với sinh hoạt và học tập ở trong Đảng, cần phải liên tục tiến hành công tác tuyên truyền cổ động trong nhân dân bằng mọi hình thức theo tinh thần của Nghị quyết 12 của Trung ương, đẩy mạnh cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Cần đẩy mạnh tuyên truyền trên báo chí, phát thanh, thông tin văn hóa đảm bảo cho quần chúng ai nấy đều được nghe, hiểu, nhớ và thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Cần tăng cường công tác chống chiến tranh tâm lý của địch, đập tan các luận điệu xuyên tạc, lừa bịp, đe dọa, chia rẽ của chúng một cách sắc bén, kịp thời.

2. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng

Cần kịp thời phát hiện và tuyên truyền một cách rộng rãi sâu sắc bằng các hình thức những gương anh hùng tập thể và cá nhân của các địa phương, các đơn vị, các ngành và các đoàn thể đã và đang nảy nở trong sản xuất và chiến đấu.

Các cấp cần kịp thời tổng kết và phổ biến kinh nghiệm trong Đảng, trong nhân dân sau mỗi đợt công tác, sản xuất và chiến đấu.

Mở đại hội quần chúng báo công ở các cấp và trong các đoàn thể nhân dân từ cơ sở lên, qua đó mà phát động rộng rãi phong trào quần chúng học tập và làm theo các đơn vị tiên tiến và những anh hùng, chiến sĩ. Đồng thời, trên cơ sở đó đẩy mạnh cuộc vận động chi bộ bốn tốt và các đoàn thể quần chúng, chính quyền và các tổ chức theo tiêu chuẩn đã quy định.

Tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong thanh niên và phụ nữ. Đẩy mạnh phong trào thanh niên ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang theo phương hướng mới, phong trào thi đua trong các lực lượng vũ trang nhân dân, trong phụ lão, trong đồng bào khai hoang.

3. Đẩy mạnh giáo dục những hiểu biết về quản lý kinh tế và khoa học - kỹ thuật nhất là trong công nghiệp và nông nghiệp

Trong công cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến

kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, các địa phương cần kiên quyết lãnh đạo theo lối dùng điển hình, tổng kết rút kinh nghiệm. Một số hợp tác xã tiên tiến đã giáo dục cho cán bộ, xã viên tổ chức cho đồng đảo cán bộ, đảng viên và xã viên đến tận những hợp tác xã tiên tiến để học tập kinh nghiệm tại chỗ. Trên cơ sở đó phát động phong trào học tập, đuổi kịp và vượt hợp tác xã tiên tiến. Dựa vào số cán bộ kỹ thuật hiện có và những đơn vị tiên tiến trong sản xuất, thông qua Trường Đảng, các lớp huấn luyện ngắn ngày; mở ra các trường kỹ thuật tập trung tại tỉnh và huyện, các trường kỹ thuật tại chúc trong công nghiệp mà huấn luyện khoa học - kỹ thuật cho cán bộ lãnh đạo từ tỉnh đến huyện, hợp tác xã, xí nghiệp công trường, đảm bảo trong khoảng một năm đại bộ phận có trình độ sơ cấp và một số có trình độ trung cấp và kỹ thuật.

Tổng kết phong trào giáo dục kỹ thuật trong vụ sản xuất đông - xuân năm nay kết hợp học tập kinh nghiệm sản xuất của các dân tộc để đề ra những nội dung và phương pháp học tập thích hợp hơn. Đặc biệt, chú ý đến giáo dục ý thức làm ruộng thí nghiệm, ruộng nương có sản lượng cao trong tất cả các cấp, các đoàn thể.

4. Tăng cường giáo dục khoa học quân sự và giáo dục về chiến tranh nhân dân

Đi đôi với việc tiếp tục giáo dục cho cán bộ, đảng viên những quan điểm về chiến tranh nhân dân, tăng cường công tác chính trị, tư tưởng và huấn luyện kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân, cần dựa vào lực lượng của quân đội để giáo dục một số kiến thức về lãnh đạo quân sự và những kinh nghiệm lãnh đạo chiến tranh nhân dân ở miền Nam nhằm nâng cao trình độ lãnh đạo quân sự các cấp, các ngành, các cấp ủy tổ chức hội nghị quân sự nhằm kiểm điểm tình hình và bàn kế hoạch thực hiện nghị quyết hội nghị quân sự toàn tỉnh do Tỉnh ủy triệu tập, huấn luyện kiến thức quân sự phổ thông cho toàn dân và phổ biến rộng rãi trong nhân dân những hiểu biết và kinh nghiệm về phòng không nhân dân, đẩy

mạnh việc rèn luyện thân thể, luyện tập thể thao thể dục quốc phòng trong thanh niên các dân tộc.

5. Tiếp tục cải tiến mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận và chính trị của hệ thống trường Đảng từ tỉnh đến huyện, cả về nội dung, chương trình và thời gian, về phương pháp giảng dạy và học, về chiêu sinh... như đã quy định.

Trong 2 năm, Trường Đảng tỉnh và các lớp huấn luyện chính trị của huyện phải đảm bảo huấn luyện hết số cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã và hợp tác xã. Song song với các lớp học tương đối dài ngày, các Trường Đảng tỉnh và huyện mở những lớp huấn luyện ngắn ngày về đường lối, chính sách, kinh nghiệm công tác về lề lối làm việc, về quản lý kinh tế và khoa học - kỹ thuật. Trường Đảng tỉnh mở một số lớp cho cán bộ công nghiệp ở địa phương.

Các trường và các lớp nghiệp vụ của các ngành, các đoàn thể nhất thiết phải dành thời gian thích đáng để giáo dục đường lối, chính sách của Đảng. Các chương trình của các trường lớp này đều phải được Ban Tuyên giáo các cấp thông qua trước khi khai giảng.

6. Tăng cường công tác tư tưởng để phục vụ xây dựng Đảng vững mạnh và phục vụ chuyển hướng công tác tổ chức

Ngoài những biện pháp cải tiến sinh hoạt của các tổ chức của Đảng, phục vụ cuộc xây dựng chi bộ bốn tốt, cải tiến công tác của hệ thống Trường Đảng, cần phải làm những việc dưới đây:

- Tăng cường công tác tư tưởng, đảm bảo cho đường lối tổ chức và đường lối cán bộ của Đảng được thấu suốt trong các ngành, các cấp, làm cơ sở tư tưởng cho việc chuyển hướng mọi mặt công tác tổ chức.

- Ban Tuyên giáo tỉnh và huyện cần phối hợp chặt chẽ với các ban chuyên môn đồng cấp để giúp các cấp ủy Đảng tiến hành thẩm tra phẩm chất và trình độ của cán bộ, kiểm tra tài chính và vật tư. Qua đây mà đảm bảo cho công tác tư tưởng kết hợp chặt chẽ với

công tác tổ chức, phục vụ công tác xây dựng Đảng ở các cấp nhất là ở tổ chức cơ sở của Đảng.

- Tăng cường công tác giáo dục đảng viên và đảng viên dự bị nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về đường lối, chính sách, về phẩm chất và đạo đức của giai cấp vô sản, về năng lực công tác.

7. Cải tiến và tăng cường tổ chức tuyên giáo các cấp

Tăng cường việc bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo hiện có và đào tạo lực lượng mới để từng bước bổ sung đội ngũ cán bộ tuyên giáo, làm cho Ban Tuyên giáo các cấp nhất là tỉnh, huyện quán xuyến được mọi mặt công tác tuyên giáo trong địa phương. Trang bị cho các Ban Tuyên giáo tỉnh, huyện một số phương tiện cần thiết cho công tác tuyên giáo như: máy thu thanh bán dẫn, tủ sách gồm các loại sách phổ thông có chọn lọc, báo chí và tranh ảnh.

Quyết tâm xây dựng lực lượng báo cáo viên ở các cấp, lực lượng tuyên truyền viên ở cơ sở. Hoàn thành sớm hệ thống tổ chức thông tin, đẩy mạnh các hoạt động thông tin cổ động, báo chí.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị và tư tưởng trong các trường dạy văn hóa và kỹ thuật và có kế hoạch sử dụng lực lượng của các trường đó vào công tác tư tưởng của Đảng.

Tích cực thực hiện việc huy động đông đảo cán bộ tuyên giáo đi sâu hơn nữa vào phong trào quần chúng. Qua đó mà phát hiện và nghiên cứu các vấn đề cần giải quyết, học tập và tổng kết kinh nghiệm, cải tiến công tác.

8. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lãnh đạo tư tưởng

Để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới các cấp ủy Đảng và các đồng chí phụ trách các ngành, các đoàn thể nhân dân phải:

- Tự mình làm công tác tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng trong phạm vi mình phụ trách, kiên quyết xây dựng nền nếp lãnh đạo; kết hợp chặt chẽ lãnh đạo chính trị tư tưởng và lãnh đạo tổ chức bảo đảm công tác tư tưởng và công tác tổ chức

phối hợp chặt chẽ với nhau, trợ lực cho nhau trong việc phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng.

- Bảo đảm cho các cuộc hội nghị các cấp, các ngành, các kỳ sinh hoạt của cấp ủy Đảng và ban chuyên môn của Đảng có chất lượng tốt, nâng cao được nhận thức tư tưởng và có kế hoạch thực hiện cụ thể.

- Kịp thời đánh giá tình hình kể cả tình hình nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, rút kinh nghiệm sau từng thời gian, từng bước công tác hoặc khi có vấn đề gì lớn xảy ra để giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Chỉ thị này cần được phổ biến đến chi bộ để bàn bạc kế hoạch thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 93-CT/TU, ngày 5-4-1966
Về công tác thú y hai năm 1966 - 1967

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Phát triển chăn nuôi gia súc phải đi đôi với bảo vệ đàn gia súc. Gia súc có khỏe mạnh, thì sinh sản nhanh và mới cho ta nhiều sức kéo, thịt, sữa, trứng, phân bón và các sản phẩm chăn nuôi khác.

Công tác phòng và trị các bệnh của gia súc còn có tác dụng ngăn ngừa những bệnh từ gia súc lây sang người và có tác dụng tích cực phòng, chống chiến tranh vi trùng mà đế quốc Mỹ có thể gây ra.

Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, Nghị quyết phát triển nông nghiệp miền núi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ IV đã nói rõ tầm quan trọng và đề ra phương hướng cụ thể cho công tác chăn nuôi thú y. Nhờ đó, trong thời gian qua công tác chăn nuôi thú y của tỉnh đã có nhiều tiến bộ.

Công tác tiêm phòng, kiểm dịch, chống dịch, chữa bệnh, kiểm soát sát sinh, v.v. và công tác đào tạo cán bộ chuyên môn đã đạt được một số kết quả tốt nhờ đó nạn tai dịch giảm dần và số lượng các đàn gia súc ngày càng tăng lên.

Tuy nhiên, nhiều nơi có dịch lợn, dịch gà hằng năm còn phát triển có lúc trầm trọng, như năm 1964, 4.000 lợn đã chết vì bệnh dịch tả lợn ghép với bệnh phó thương hàn, bệnh bê nghé bị chết rét còn nhiều (nhất là ở vùng cao). Tỷ lệ các đàn gia súc mới đẻ nuôi sống còn thấp.

Sở dĩ tình trạng trên kéo dài là những nguyên nhân chính sau đây:

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thấy hết những khó khăn của công tác chăn nuôi thú y và chưa đặt vị trí chăn nuôi cân đối với trồng trọt. Đó đó đã coi nhẹ hẳn công tác chăn nuôi thú y, không tích cực lãnh đạo công tác này.

2. Về phía cơ quan chuyên môn: Số cán bộ đã có hạn lại chưa xây dựng, tổ chức được mạng lưới thú y nhân dân rộng rãi. Việc đào tạo cán bộ chăn nuôi thú y chưa được tích cực, việc sử dụng cán bộ đã đào tạo lại có nhiều thiếu sót vì vậy công tác thú y gặp rất nhiều khó khăn lúng túng.

Công tác thú y là công tác khoa học đồng thời cũng là công tác mang tính chất quân chủng rộng rãi. Nhưng việc tuyên truyền phổ biến về kỹ thuật còn kém, việc áp dụng các chế độ chính sách khuyến khích chăn nuôi còn chậm chạp, phương tiện lại thiếu thốn, do đó hạn chế những kết quả đạt được.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, PHƯƠNG CHÂM VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÚ Y TRONG HAI NĂM (1966-1967)

Để phục vụ cho việc phát triển chăn nuôi, đưa chăn nuôi tăng lên cân đối với trồng trọt, nhằm cung cấp ngày càng nhiều thịt, trứng, sữa cho nhu cầu đời sống, nhân dân, nhiều sức kéo và phân bón phục vụ phong trào thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng và cung cấp một phần sản phẩm chăn nuôi cho xuất khẩu, cần phải hết sức *tăng cường công tác thú y, một công tác có tầm quan trọng quyết định nhất vấn đề tăng giảm các đàn gia súc*. Cụ thể trong 2 năm 1966-1967 công tác thú y phải phấn đấu:

+ Không để những ổ dịch lớn nguy hại phát sinh, phát triển và lây lan rộng giết hại hàng loạt gia súc.

+ Phải xây dựng được những vùng an toàn dịch. Trước hết là khu vực giống của tỉnh, các cơ sở chăn nuôi quốc doanh và trại chăn nuôi tập thể.

+ Phải tăng cường công tác nghiên cứu và điều tra cơ bản, cung cấp tài liệu khoa học cho việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác thú y của tỉnh trước hết cần chú ý tới những bệnh suyễn lợn, lép to (lép tó spirose) và ký sinh trùng các loại.

+ Phải thanh toán được bệnh dịch tả trâu, bò, khống chế tiến tới (tiêu diệt bốn bệnh: nhiệt thán, đóng dấu lợn, dịch tả lợn, và bệnh tân thanh gà.)

+ Phải huấn luyện bồi dưỡng và đào tạo để có được mạng lưới thú ý nhân dân từ xa, hợp tác xã hoạt động đều liên hệ chặt chẽ với trạm thú y tỉnh và phân trạm huyện.

+ Phương châm công tác thú y là: "Phòng bệnh là chính, chữa bệnh kịp thời". Chữa bệnh tốt để đẩy mạnh công tác phòng bệnh. Kết hợp chặt chẽ giữa khoa học tiên tiến với kinh nghiệm thực tế của quần chúng, giữa đông và tây y đơn giản, dễ thực hiện, mọi người đều làm được, giá trị kinh tế cao, chất lượng tốt, trị bệnh nhanh, chữa bệnh kịp thời.

Công tác thú y, bảo vệ gia súc cũng như mọi công tác cách mạng khác phải theo đường lối quần chúng kết hợp chặt chẽ ba mặt "Lãnh đạo của Đảng, nỗ lực của quần chúng với sự đóng góp tích cực của ngành chuyên môn", phát huy tự lực cánh sinh của xã, hợp tác xã là chính, Nhà nước sẽ chú ý trang bị cho cơ sở nhưng cũng chỉ có mức độ nhất định như dụng cụ và các phương tiện cần thiết trong công tác tiêm phòng và chữa bệnh cho gia súc của địa phương. Trước mắt tập trung vào đào tạo cán bộ cho xã, hợp tác xã thành một mạng lưới thú y. Lấy giáo dục tư tưởng chính trị là chủ yếu. Kết hợp chặt chẽ với những biện pháp hành chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Công tác thú y làm tốt sẽ đảm bảo cho gia súc, gia cầm phát triển nhanh vững chắc người chăn nuôi an tâm phấn khởi về đích.

Trong chỉ thị này Thường vụ Tỉnh ủy sẽ nêu lên từng vấn đề cụ thể để các cấp các ngành có liên quan tới công tác thú y nghiên cứu áp dụng cho ngành mình, cơ quan mình.

+ Phải khắc phục mọi khó khăn để tiêm phòng cho được toàn bộ đàn gia súc trong tỉnh đúng thời vụ, đạt tỷ lệ cao. Nơi nào chưa tiêm hết thì cần phải tổ chức tiêm bổ sung. Nơi nào sau khi đã giải thích rõ mà còn lơ là với công tác thú y, không tích cực vận động nhân dân tiêm phòng để dịch bệnh phát sinh, phát triển và lây lan giết hại gia súc, gia cầm thì cấp ủy và cán bộ phụ trách nơi ấy phải kiểm thảo và nếu cần thì có kỷ luật thích đáng.

+ Phải huấn luyện đào tạo để tổ chức được mạng lưới thú y ở các xã, hợp tác xã nông nghiệp.

Ở xã thành lập Ban chăn nuôi thú y xã, cán bộ thú y xã sẽ tham gia lãnh đạo, hợp tác xã có 1, 2 thú y viên chuyên trách làm công tác thú y ở hợp tác xã, các cán bộ thú y xã, hợp tác xã chuyên trách sẽ được đài thọ thích đáng với sự cống hiến của cán bộ. Đảng đoàn chính quyền sẽ nghiên cứu đề xuất chế độ trợ cấp cho cán bộ chuyên trách. Trong khi chờ đợi có chế độ chính thức các xã, hợp tác xã hiện nay đã có cán bộ thú y hoạt động sẽ căn cứ vào khả năng của mình và sự thỏa thuận của quần chúng kịp thời trợ cấp cho cán bộ thú y để duy trì đầy mạnh tinh thần hoạt động.

Song song với việc mở rộng mạng lưới thú y từ tỉnh đến xã. Ty Nông nghiệp và Công ty Tư liệu nông nghiệp đã mở cửa hàng bán thuốc và dụng cụ thú y. Từ nay về sau thú y xã huyện phải có kế hoạch dự trù trước với cửa hàng để cửa hàng có kế hoạch chủ động phục vụ.

Những loại thuốc dùng tiêm phòng cho gia súc Nhà nước sẽ cung cấp cho đầy đủ.

Thuốc chữa bệnh, chủ nuôi gia súc phải chịu. Song, bước đầu Nhà nước có chiết cống tới những gia đình gặp khó khăn cần phải chiết cống (ưu tiên cho gia súc giống, gia súc quý cần phải bảo vệ) nhưng phải được Ban chăn nuôi thú y xã nhận xét đề nghị.

Tránh lạm sát gia súc, hạn chế mổ thịt gia súc quá nhiều vào việc ma chay cưới xin. Giáo dục quần chúng ý thức "tự sản tự nuôi" không trông chờ vào Nhà nước cung cấp giống.

Khi tôi dịch xảy ra phải tích cực chạy chữa không bán chạy gia súc, không mổ gia súc ốm và cũng không tham rẻ mà mua phải gia súc ốm, v.v.. Đây là một công tác quần chúng, giáo dục kết hợp với những biện pháp chính quyền, kiên quyết và triệt để thi hành lệnh công bố dịch của Ủy ban hành chính tỉnh.

+ Biện pháp tiến hành:

Thú y là một công tác khoa học độ chính xác phải cao, bao gồm các khâu: vệ sinh phòng bệnh, tiêm phòng, chẩn đoán và chữa bệnh quan hệ khăng khít với nhau, hỗ trợ lẫn nhau không thể thiếu được một trong các khâu đó được. Phòng bệnh là chính chữa bệnh phải kịp thời.

Đồng thời nó cũng mang tính chất quần chúng rộng rãi của quần chúng, mọi người đã làm và đều làm được khi có sự quan tâm của lãnh đạo các cấp về cơ sở có sự hướng dẫn kỹ thuật của chuyên môn.

Đây là một công tác mới, cho nên lãnh đạo các cấp phải quán triệt mạnh mẽ hơn nữa, cùng với Ban Nông nghiệp, Ty Nông nghiệp, tổ chức thí điểm một số hợp tác xã, huyện về những vấn đề:

- Đào tạo mạng lưới thú y nhân dân bao gồm thú y xã, thú y hợp tác xã.

- Xây dựng tủ thuốc thú ý cho xã, tủ thuốc thú y cho hợp tác xã, cách quản lý và sử dụng.

- Xây dựng chế độ công điểm để đổi thóc cho thú y xã và thú y hợp tác xã cho thích hợp với miền núi.

- Xây dựng chế độ đóng góp công điểm, tiền cho hợp với khả năng của nhân dân và quy mô của hợp tác xã. Đó là những vấn đề cần phải áp dụng chỉ đạo thí điểm trước. Trên cơ sở đó các huyện, thị ủy, các ngành chuyên môn cần nghiên cứu có kế hoạch cụ thể của ngành và địa phương mình để chỉ đạo thực hiện cho tốt phục vụ cho công tác thú y.

Quá trình áp dụng chỉ đạo gặp khó khăn gì, phát hiện được những vấn đề gì mới và hợp lý hơn, các đồng chí kịp thời phản ánh lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy để bổ khuyết góp thêm ý kiến nhằm xây dựng chính sách về thú y ngày một hoàn chỉnh hơn, phục vụ kịp thời cho phong trào chăn nuôi của tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 30-NQ/TU, ngày 28-4-1966

**Về việc đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc
hai năm 1966 - 1967**

Phần thứ nhất
**KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC CHĂN NUÔI
5 NĂM QUA**

Trồng trọt và chăn nuôi là hai ngành chính của nông nghiệp, có quan hệ chặt chẽ với nhau và cùng thúc đẩy nhau phát triển. Quán triệt mối quan hệ mật thiết giữa trồng trọt với chăn nuôi và nhờ ánh sáng các Nghị quyết lần thứ 5, Nghị quyết về phát triển nông nghiệp miền núi của Trung ương Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ IV đã đề ra Nghị quyết và phương hướng, nhiệm vụ phát triển chăn nuôi của tỉnh là: "Ra sức phát triển chăn nuôi một cách mạnh mẽ, vững chắc và toàn diện, cả đại và tiểu gia súc, để đảm bảo cung cấp thịt ăn cho nhân dân, phân bón cho cây trồng và đảm bảo đủ sức kéo tiến lên cung cấp một phần trứng, sữa với phương châm lấy chăn nuôi sinh sản làm trọng tâm".

Trải qua gần 5 năm thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, ngành chăn nuôi của Lào Cai đã có những chuyển biến tốt và đã thu được những kết quả cụ thể như sau:

1. Về phát triển số lượng, chất lượng các đàn gia súc

So năm 1965 với năm 1961 đàn lợn tăng 8,7%, đàn trâu tăng 21,5%, đàn ngựa tăng 24,7%, đàn bò tăng 68%, đàn dê tăng 41%, đàn gà tăng 39%.

Về chất lượng các đàn gia súc cũng được nâng cao hơn trước như tỷ lệ số cái đẻ so với toàn đàn, tỷ lệ số cái đẻ so với tổng số đàn cái, tỷ lệ đàn con nuôi sống qua các năm đều được nâng lên dần. Riêng trọng lượng đàn lợn có một bộ phận bị sụt xuống do một số người có xu hướng nuôi lợn nhỏ bán cho Nhà nước, không nuôi đến hết sức lớn của số lợn này.

2. Về cung cấp thịt ăn, sức kéo và phân bón

Năm 1963 nhân dân trong tỉnh giết thịt khoảng 729 tấn thịt lợn và 305 con trâu, bò, năm 1964 giết khoảng 864 tấn thịt lợn và 830 con trâu, bò. Năm 1963 Lào Cai còn mua của miền xuôi 4.800 con lợn, từ năm 1964 đến nay không mua ở miền xuôi lên nữa, trừ một số ít lợn của đồng bào miền xuôi lên khai hoang đem theo.

- Về sức kéo, ngoài việc đảm bảo đủ sức kéo cho nhu cầu địa phương, năm 1965 đã cung cấp cho miền xuôi hơn 400 con trâu cày, tăng gấp 5 lần so với năm 1963.

- Về phân chuồng, năm 1963 cung cấp cho trồng trọt được 13.000 tấn, năm 1964 lên 18.000 tấn và năm 1965 là 27.000 tấn.

3. Về chăn nuôi tập thể

Năm 1963 mới có chín hợp tác xã chăn nuôi tập thể 124 con trâu và 330 con bò. Cuối năm 1965 có 22 hợp tác xã, tổ chức chăn nuôi tập thể với 140 con lợn, 161 con trâu và 508 con bò.

Như trên tình hình chăn nuôi mấy năm qua phát triển khá, trong đó các đàn trâu, bò, ngựa và dê tăng tương đối nhanh, đàn lợn và gà cũng tăng tuy chậm, nhờ đó Lào Cai đã dần dần tự túc lấy thịt ăn tại địa phương, không phải nhờ sự giúp đỡ của Trung ương như trước, đã cung cấp ngày càng nhiều sức kéo và phân bón

cho trồng trọt, và đang chú ý phong trào chăn nuôi tập thể đang có chiêu hướng vươn lên mạnh mẽ, những điển hình về chăn nuôi giỏi đã xuất hiện nhiều nơi.

Nguyên nhân đạt được những thành tích trên do Trung ương Đảng, Chính phủ có phương hướng, chính sách khuyến khích chăn nuôi đúng đắn và tinh đã có những chỉ thị, nghị quyết phù hợp với tình hình thực tế của Lào Cai như đã có quy định nghĩa vụ bán lợn thịt rõ ràng cho mỗi lao động ở mỗi vùng, hai là nhờ phong trào hợp tác hóa mاش năm qua được liên tục mở rộng và củng cố, và tổ chức quản lý, chăn dắt các đàn gia súc có tiến bộ hơn, các biện pháp về chăn nuôi thú y cũng được phổ biến và áp dụng rộng rãi hơn. Một điểm đáng chú ý nữa là diện tích trồng trọt, trong đó diện tích hoa màu tăng nhanh, tạo thêm nguồn thức ăn dồi dào cho gia súc.

Tuy nhiên, so với khả năng và yêu cầu, tốc độ phát triển của các đàn gia súc và gia cầm nói chung còn chậm, nhất là lợn và gà. Chất lượng các đàn gia súc nhìn chung còn kém, dịch bệnh còn liên tiếp xảy ra. Việc phòng ngừa nạn chết rét, chết đói, nạn lạm sát cũng như nạn thả rông gia súc nhiều nơi chưa làm tốt. Hàng năm số bê, nghé bị chết từ 6 đến 10% trong số bị chết rét thường chiếm tới 60% tổng số bị chết. Riêng lợn, số bị chết hàng năm lên tới 18%. Sản phẩm chăn nuôi thành hàng hóa còn ít chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao hiện nay, khả năng nuôi cá, nuôi ong mật, tinh ta có nhiều nhưng chưa được chú trọng phát triển.

Nguyên nhân của những thiếu sót tồn tại trên do đàn cái phân bổ không đều giữa các vùng. Theo thống kê, vùng cao và vùng giữa đàn lợn nái chiếm 29% so với tổng số, nhưng vùng thấp chỉ chiếm có 15% và trong vùng thấp có những xã, khu phố, đàn lợn nái chỉ chiếm từ 2,5% đến 4,5%. Do tỷ lệ đàn lợn nái mất cân đối như vậy đã thường xuyên gây nên tình trạng thiếu lợn giống nghiêm trọng ở các khu phố và một số xã trong vùng.

Hai là việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật so với các năm trước đã có nhiều tiến bộ song cũng còn những thiếu sót lớn. Công tác thú y trong thời gian gần đây bước đầu đã được chú ý và đã thu được một số kết quả, nhưng nhìn chung vẫn còn có nhiều tồn tại và khuyết điểm: Lãnh đạo các cấp chưa thấy hết tầm quan trọng của công tác thú y, nên chưa quan tâm lãnh đạo đúng mức. Mặt khác, cũng chưa nhận thức được đầy đủ những khó khăn phức tạp, vừa là công tác quần chúng rộng rãi, mọi người đều phải làm. Nên lãnh đạo còn chung chung, chỉ đòi hỏi về chuyên môn kỹ thuật, chưa chú ý những khâu mấu chốt như: Tuyên truyền, giáo dục, phát động quần chúng vệ sinh phòng bệnh, tiêm phòng, thực hiện nghiêm ngặt kết ước chăn nuôi thú y, chấp hành nghiêm chỉnh những thể lệ kiểm dịch, bao vây chống dịch, kiểm soát sát sinh và những thể lệ thú y bài trừ dịch tỦ mà Thủ tướng Chính phủ đã ban hành, để thực hiện triệt để phương châm "phòng bệnh là chính". Việc chuẩn đoán và chữa bệnh của chuyên môn cũng có nhiều thiếu sót, có lúc còn chậm và chưa chính xác. Việc phát hiện và bao vây dập tắt các ổ dịch nhiều khi còn chậm. Mấy năm qua tuy đã đào tạo được một số cán bộ trung sơ cấp và thú y viên, nhưng chưa có chế độ chính sách đối với anh em và chưa xây dựng thành tổ chức mạng lưới thú y từ tỉnh đến huyện, xã, hợp tác xã; việc trang bị phương tiện, dụng cụ thuốc men cần thiết cho thú y ở tỉnh cũng còn thiếu, đối với huyện và xã thì chưa có gì. Do đó, việc tiêm phòng chữa bệnh cho gia súc và gia cầm làm còn bị hạn chế, làm chưa tốt.

Những tồn tại thiếu sót trên là nguyên nhân chính để tình hình dịch bệnh vẫn thường xuyên xảy ra ở nhiều nơi, gây khó khăn trở ngại lớn cho công tác chăn nuôi, làm cho chăn nuôi của tỉnh ta phát triển chậm, nhất là đối với đàn lợn, gần đây có nơi không những không tăng mà còn có hiện tượng giảm sút. Đây là những vấn đề mà từ nay về sau chúng ta cần phải có sự quan tâm hơn nữa và tích cực giải quyết, để đưa chăn nuôi tỉnh ta phát triển mạnh mẽ và vững chắc.

Trên đây là một số nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu làm cho chăn nuôi chậm phát triển là do nhận thức về vị trí quan trọng của vấn đề chăn nuôi chưa đầy đủ và tổ chức chỉ đạo của các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện còn nhiều thiếu sót. Trồng trọt và chăn nuôi là hai ngành chính của nông nghiệp, nhưng mấy năm qua công tác chăn nuôi bị coi nhẹ hẳn. Việc chỉ đạo sản xuất thường lệch về mặt trồng trọt; việc phổ biến các chính sách chăn nuôi của Trung ương đã ban hành chưa được sâu rộng. Việc nghiên cứu kiến nghị xây dựng những chính sách mới phù hợp với từng vùng, từng loại gia súc, làm chưa được tích cực. Một thiếu sót nổi bật nữa là quan hệ sản xuất mới thúc đẩy ngành trồng trọt tiến lên những bước dài nhưng ngành chăn nuôi chưa thay đổi được bao nhiêu. Việc chăn nuôi vẫn bị coi là nghề phụ và chỉ được sử dụng những thời gian lao động và phương tiện sản xuất mà ngành trồng trọt không dùng đến, việc quy hoạch khu vực chăn dắt cũng như công tác giống gia súc làm còn kém. Có giải quyết tốt vấn đề sức kéo và phân bón mới có thể nhanh chóng đưa năng suất bình quân hằng năm lên 5 tấn thóc 1 ha và nâng cao năng suất các loại cây trồng khác nhằm thỏa mãn những nhu cầu to lớn về nông sản trước hết là lương thực, phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa khẩu phần thức ăn hằng ngày của chúng ta hiện nay chủ yếu là chất bột, không đủ các chất dinh dưỡng cần thiết. Chúng ta phải ra sức phát triển chăn nuôi, để tăng thêm thức ăn về thịt, một phần trứng và sữa nhằm đảm bảo cho bộ đội và nhân dân ta ăn no đánh thắng giặc và sản xuất tốt. Đó là nhiệm vụ cách mạng to lớn nhất hiện nay. Do đó, chúng ta cần đặt ngành chăn nuôi thành một ngành chính của nông nghiệp và tăng cường đầu tư lao động, tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật và giành những lực lượng cán bộ thích đáng cho ngành chăn nuôi nhằm đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi tiến lên một bước mới.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC NĂM 1966 - 1967

I. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

Để thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương hướng nhiệm vụ phát triển nông nghiệp 2 năm 1966-1967, căn cứ vào yêu cầu và khả năng thực tế của Lào Cai, phương hướng chung về phát triển chăn nuôi 1966-1967 đề ra là: "Phát triển thật mạnh việc chăn nuôi gia súc, làm cho chăn nuôi tiến lên cân đối với trồng trọt và trở thành một ngành chính trong nông nghiệp, quyết tâm đảm bảo tự túc về thịt ăn, một phần trứng, sữa cho nhu cầu về đời sống của bộ đội, công nhân và nhân dân trong tỉnh, đảm bảo đủ sức cày kéo cho địa phương và cung cấp ngày càng nhiều sức kéo cho miền xuôi, mặt khác cung cấp được nhiều phân bón phục vụ phong trào thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng và tiến lên cung cấp một phần cho xuất khẩu.

Phải phát triển mạnh chăn nuôi lợn, gà, vịt và bò, cá, đồng thời chú trọng phát triển trâu, ngựa và các loại gia súc, gia cầm khác, phát triển nuôi ong mật. Đi đôi với việc khuyến khích phát triển chăn nuôi của gia đình xã viên và nông dân, cơ quan, nông trường, xí nghiệp, trường học... cần hết sức chú trọng đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập thể của các hợp tác xã. Phải tích cực tạo mọi điều kiện, mạnh dạn phát triển chăn nuôi lợn, bò, trâu, cá ao hồ và cá ruộng. Tổ chức chăn nuôi quốc doanh từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, từng bước và có kế hoạch".

II. PHƯƠNG HƯỚNG CHĂN NUÔI TỪNG LOẠI GIA SÚC

1. Đối với lợn

Yêu cầu cấp bách trước mắt là phải phát triển thật mạnh

chăn nuôi lợn ở các vùng, nhằm cung cấp đủ thịt ăn cho nhu cầu đời sống nhân dân trong tỉnh.

Cần ra sức khuyến khích các gia đình xã viên và nông dân nuôi nhiều lợn *chỉ tiêu phấn đấu trong năm 1966 bình quân mỗi hộ nuôi 3 con lợn trong đó có 2 lợn lớn xuất chuồng*. Đi đôi với việc khuyến khích chăn nuôi của gia đình xã viên phát triển rộng rãi vững chắc chăn nuôi lợn tập thể với quy mô nhỏ ở các hợp tác xã, đội sản xuất.

Đối với những thôn, bản, hợp tác xã thường thiếu nhiều lợn giống thì cần chú ý nuôi thêm lợn nái và lợn đực giống để chủ động cung cấp đủ lợn giống cho hợp tác xã mình, thôn mình.

Ngoài khu vực Cao Sơn (huyện Mường Khương) và một số khu vực cao nguyên Bắc Hà có tập quán sản xuất lợn giống, tinh sê xây dựng thêm ba xã Bản Vược, Bản Qua, Quang Kim (huyện Bát Xát) thành vùng lợn giống cơ bản, xây dựng 30 xã vùng thấp và hai thị xã thành vùng chăn nuôi lợn thịt nhằm cung cấp thịt ăn cho khu vực công nghiệp đồng thời phát triển chăn nuôi lợn nái với tỷ lệ thích đáng đảm bảo tự túc lợn giống trong vùng.

2. Đối với trâu, bò

Lào Cai có nhiều điều kiện phát triển chăn nuôi trâu, bò (kể cả chăn nuôi trâu, bò sữa) tại nhiều vùng có những đồi cỏ rộng hàng trăm ha. Việc chăn nuôi trâu, bò không những để đảm bảo sức cày kéo của địa phương mà còn có nhiệm vụ cung cấp sức kéo cho miền xuôi. Các hợp tác xã chăn nuôi trâu, bò chủ yếu là để giải quyết sức kéo cho hợp tác xã. Những nơi có điều kiện chăn nuôi thuận lợi, hợp tác xã nên tổ chức nuôi trâu, bò sinh sản. Đi đôi với chăn nuôi tập thể của các hợp tác xã cần khuyến khích các gia đình xã viên nông dân tùy điều kiện từng nơi có thể mỗi hộ nuôi 5 đến 7 con hoặc nhiều hơn nữa.

3. Đối với ngựa

Ngựa là lực lượng vận tải chủ yếu ở vùng cao Lào Cai được xếp

hàng thứ ba các tỉnh miền Bắc có nhiều ngựa nhưng đàn ngựa của ta tầm vóc nhỏ, thô yếu. Cần tích cực cải tạo đàn ngựa để có nhiều về số lượng, lại có tầm vóc to, khỏe, thô và cưỡi tốt.

4. Đối với dê

Dê mau đẻ, chóng lớn, dễ nuôi, ít bệnh. Nhưng nuôi dê cần có đồi núi rộng và tổ chức chăn dắt tốt. Những hợp tác xã đồi núi rộng, có thể tổ chức chăn nuôi dê tập thể, đồng thời khuyến khích các gia đình xã viên phát triển chăn nuôi dê nhưng cần chú ý chống thả rông phá hoại sản xuất.

5. Đối với gà, vịt, ngan, ngỗng

Gà, vịt, ngan, ngỗng là nguồn thực phẩm quan trọng mấy năm qua đàn gà vịt của ta phát triển chậm, chủ yếu là do tai dịch, cần tích cực làm vệ sinh, tiêm chủng, xây dựng và thực hiện tốt quy ước chăn nuôi, thì đàn gà, vịt phát triển nhanh góp phần bổ sung làm cho nguồn thực phẩm thêm rỗi rào.

6. Đối với cá

Cá là loại thực phẩm quan trọng giá trị ngang như thịt, tinh ta nhất là vùng thấp có nhiều khả năng làm hồ ao phát triển nghề nuôi cá, cần đẩy mạnh việc phát triển nuôi cá hồ ao và thả cá ruộng của hợp tác xã nông nghiệp và quốc doanh chăn nuôi.

7. Đối với ong mật

Ong mật cũng là nguồn thu rất lớn mà khả năng tiềm tàng của ta rất nhiều cần khuyến khích các gia đình xã viên và nhân dân chăn nuôi riêng, thí điểm tổ chức một tập thể ở một, hai hợp tác xã có điều kiện để tiến tới phát triển thành ngành kinh doanh của hợp tác xã. Phát triển nuôi ong ở nông trường quốc doanh.

Để phát triển các loại gia súc, gia cầm trên được thích hợp cần dựa theo đặc điểm từng vùng: Vùng thấp cần hướng vào việc nuôi

lợn thịt để cung cấp lợn thịt thực phẩm, trâu đẻ cung cấp sức kéo và phân bón đồng thời nuôi lợn nái để tự túc lấy lợn giống, phát triển mạnh chăn nuôi gia cầm như gà, vịt, ngỗng... nuôi cá ao hồ và thả cá ruộng.

- Vùng giữa phát triển thật mạnh chăn nuôi trâu, lợn, dê sinh sản để cung cấp sức kéo, lợn giống và thịt ăn, nuôi ong mật.
- Vùng cao phát triển chăn nuôi trâu, lợn và chú trọng phát triển chăn nuôi bò, ngựa, nuôi ong mật.

III. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CÁC ĐÀN GIA SÚC

Trong những năm tới yêu cầu về thịt, sữa, trứng cung cấp cho đời sống nhân dân, yêu cầu về sức kéo và phân bón phục vụ cho trồng trọt ngày càng đòi hỏi nhiều. Để đáp ứng yêu cầu trên và để dần dần đưa chăn nuôi từ một nguồn thực phẩm hiện nay trở thành một nguồn lương thực quan trọng, chỉ tiêu phát triển các đàn gia súc đề ra phấn đấu như sau:

Loại gia súc	Thực hiện năm 1965	Kế hoạch năm 1966	Số kiểm tra năm 1967
Lợn	49.200	70.000	82.600
Bò	2.670	4.200	6.200
Trâu	34.970	35.450	37.900
Ngựa	12.320	13.670	14.970
Dê	3.070	7.000	8.500
Gà	185.837	360.000	450.000
Vịt, ngan, ngỗng	33.754	60.000	70.000

Phần thứ ba

CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐẨY MẠNH CHĂN NUÔI

Cũng như trồng trọt, muốn phát triển chăn nuôi được nhanh

nhiều và vững chắc phải thực hiện tốt sáu biện pháp kỹ thuật chăn nuôi liên hoàn là:

1. Ăn no,
2. Giống tốt,
3. Nuôi sạch,
4. Phòng trừ dịch bệnh,
5. Quản lý chăm sóc,
6. Cải tiến công cụ.

Trong năm 1966 cần tập trung khả năng giải quyết tốt ba khâu: Thức ăn, giống gia súc và phòng trừ bệnh đồng thời chú ý hướng dẫn việc xây dựng chuồng trại và chống thả rông.

1. Về thức ăn gia súc

Thức ăn là biện pháp hàng đầu có tính chất quyết định nhất đối với việc tăng giảm của đàn gia súc. Vì vậy, cần tạo cho đàn gia súc nguồn thức ăn vững chắc. Muốn vậy phải xây dựng kế hoạch thức ăn cân đối với yêu cầu của đàn gia súc bằng cách mỗi hợp tác xã, mỗi gia đình xã viên và nông dân cần tận dụng đất đai trồng các loại cây thức ăn hợp với từng mùa và từng vùng. Cần tận dụng những đất đai sẵn có trồng các loại cây lưu niên như cây dường vừa đỡ tốn công đi tìm kiếm hằng ngày vừa đảm bảo chắc chắn cho gia súc đủ ăn. Cần kiên quyết thi hành chính sách để lại 5% đất cho mỗi hộ xã viên để trồng rau màu để tăng thêm thức ăn cho người và gia súc và để lại không quá 5% đất nữa để chăn nuôi tập thể của hợp tác xã. Cần thiết để tận dụng các phế phẩm nông nghiệp như vỏ đỗ, giây lạc, lõi ngô, bã đậu, bã rượu, v.v. và tận dụng các nguồn thức ăn sẵn có trong thiên nhiên. Đi đôi với việc trồng cây thức ăn, cần có kế hoạch chế biến, dự trữ để gia súc có thức ăn quanh năm.

Thức ăn cho trâu, bò chủ yếu cần khoanh vùng đồi cỏ, bãi chăn thả, từng bước cải tạo và bồi dưỡng đồng cỏ, tích cực dự trữ nhiều rơm và trồng một số cây thức ăn cho trâu, bò nhất là đồi với vùng cao như cây gừng tay.

Trong mùa đông cần chú ý chăm sóc bồi dưỡng trâu, bò nhất là trâu, bò và bê, nghé bằng cách cho ăn thêm vào ban đêm.

Đối với những hợp tác xã nuôi tập thể nhiều vịt, ngỗng... nhưng không có khả năng tự giải quyết được đủ thức ăn, thì Nhà nước sẽ cung cấp một phần thóc, bắp với điều kiện hợp tác xã phải bán đúng hay vịt, ngỗng cho thương nghiệp theo hợp đồng.

2. Phòng chống dịch bệnh

Công tác phòng, chống dịch bệnh làm được tốt sẽ đảm bảo cho đàn gia súc, gia cầm phát triển nhanh và vững chắc, làm cho người chăn nuôi tin tưởng, yên tâm tích cực sản xuất. Trong những năm tới cần hết sức chú trọng đẩy mạnh công tác thú y, vệ sinh phòng dịch bệnh cho gia súc. Phương hướng nhiệm vụ công tác thú y của tỉnh ta trước mắt trong 2 năm tới (1966-1967) là: "*Cố gắng phấn đấu bằng mọi biện pháp để không cho ổ dịch bệnh lớn giết hại hàng loạt gia súc và gia cầm xảy ra. Xây dựng được những vùng và khu an toàn dịch bệnh, trước hết là vùng giống những xã chỉ đạo và những cơ sở chăn nuôi tập thể của quốc doanh, của các hợp tác xã. Không chế tiến tới tiêu diệt một số bệnh chính, nghiên cứu để có biện pháp hạn chế được tác hại của một số bệnh, tăng cường công tác điều tra cơ bản và nghiên cứu để cung cấp được những tài liệu khoa học cần thiết cho công tác thú y của tỉnh trước mắt cũng như lâu dài*".

Nhiệm vụ cụ thể là:

- Thanh toán được bệnh dịch tả trâu, bò.
- Khống chế tiến tới thanh toán bốn bệnh chính:
 - + Nhiệt thán trâu, bò,
 - + Đóng dấu lợn,
 - + Dịch tả lợn và bệnh tân thành gà.
- Nghiên cứu để có biện pháp hạn chế tác hại của một số bệnh xuyễn lợn, lợn nghé, bệnh tiêm mao trùng ngựa, bệnh bê nghé ỉa cút trắng.

Phải quán triệt phương châm: "Phòng bệnh là chính, trị bệnh phải kịp thời" chữa tốt để phòng, kết hợp giữa tây y và đông y, kết hợp giữa khoa học tiên tiến với kinh nghiệm thực tế của quần chúng đơn giản dễ hiểu, rẻ tiền, dễ thực hiện. Giáo dục là chính đi đôi với biện pháp hành chính kiên quyết. Phòng bệnh bao gồm cả khâu vệ sinh, tiêm phòng, kiểm soát sát sinh chợ búa kiểm dịch đối nội, đối ngoại. Trị bệnh bao gồm các khâu: Phát hiện kịp thời, chẩn đoán chính xác, bao vây dập tắt nhanh chóng. Phải phát động toàn dân làm công tác phòng, chống dịch bệnh, thực hiện nghiêm chỉnh điều lệ vệ sinh thú y do Thủ tướng Chính phủ đã ban hành. Phải giải thích cho mọi người nhận rõ công tác vệ sinh phòng bệnh cho gia súc vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của mình, vì nếu không tiêm phòng và chữa bệnh cho gia súc, gia cầm nhà mình, để dịch bệnh phát sinh và lây lan, thì không những gia đình mình thiệt thòi, mà còn gây thiệt hại lớn cho hợp tác xã, và các gia đình khác.

Để bảo vệ cho gia súc tránh được dịch bệnh, phải kiên quyết thực hiện chế độ tiêm phòng đúng thời vụ, đạt tỷ lệ cao và đảm bảo kỹ thuật. Nơi nào đã được phổ biến nhưng không chấp hành để dịch bệnh lây lan, làm chết nhiều gia súc thì chính quyền và cán bộ chuyên môn nơi đó phải kiểm thảo, và tùy mức độ phải kỷ luật. Cần thực hiện nghiêm ngặt chế độ kiểm dịch và tiêm phòng khi vận chuyển gia súc từ nơi này sang nơi khác. Các huyện sẽ xây dựng trạm thú y của huyện có đủ dụng cụ phương tiện cần thiết, có cán bộ chuyên môn phụ trách đồng thời phải tích cực tổ chức mạng lưới thú y ở tất cả các xã, hợp tác xã nông nghiệp. Các xã và hợp tác xã xây dựng tủ thuốc thú y, túi thuốc thú y. Tủ thuốc thú y của xã khoảng 200 đồng, do nhân dân trong xã góp một phần và một phần do ngân sách xã giúp. Túi thuốc thú y của hợp tác xã khoảng 100 đồng do quỹ của hợp tác xã góp một phần và một phần do xã viên góp. Trong năm 1966, Ty Nông nghiệp phối hợp với các huyện xây dựng thí điểm 2 trạm thú y dân lập để sang năm 1967 mở rộng

ra những nơi khác. Trước mắt cần tổ chức trạm thú y ở tỉnh và hai huyện Bắc Hà, Bát Xát để rút kinh nghiệm.

Muốn làm tốt được những nhiệm vụ trên phải kết hợp chặt chẽ được ba mặt: Lãnh đạo của Đảng, nỗ lực của quần chúng và đóng góp tích cực của ngành chuyên môn. Trước hết lãnh đạo các cấp phải quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo công tác thú y, khắc phục tình trạng coi nhẹ, khoán trống cho ngành chuyên môn và cán bộ thú y, mặt khác phải tuyên truyền giáo dục sâu rộng, làm cho quần chúng nhận rõ sự cần thiết và lợi ích của công tác thú y để quần chúng tự nguyện và tích cực thực hiện, phát huy được tinh thần tự lực cánh sinh của quần chúng.

Đi đôi với sự quan tâm của lãnh đạo và tuyên truyền giáo dục quần chúng, phải tích cực huấn luyện đào tạo xây dựng được mạng lưới thú y nhân dân từ xã đến hợp tác xã. Chọn những người có tinh thần trách nhiệm, háng hái tích cực và phải được huấn luyện bồi dưỡng tương đối thành thạo về chuyên môn, có chế độ thù lao thích đáng cho anh em, do xã viên và nhân dân đóng góp để xã, hợp tác xã trả cho anh em.

3. Vấn đề giống

Giống gia súc là đối tượng chính của ngành chăn nuôi, hiện nay phong trào chăn nuôi lợn đang phát triển, nhưng lợn con thiếu và đắt lại thường mang bệnh. Nếu không kịp thời giải quyết vấn đề giống lợn sẽ hạn chế chăn nuôi phát triển. Trước tình hình trên nhiệm vụ công tác giống năm 1966-1967, là hết sức khuyến khích các hợp tác xã và tất cả các gia đình trong tỉnh nuôi nhiều lợn nái và lợn đực giống nhằm tăng tỷ lệ chửa đẻ, tăng nhanh đàn lợn giống. Hai là Trại nhân giống Bát Xát có nhiệm vụ cung cấp một phần lợn nái và lợn đực giống hậu bị tốt cho các hợp tác xã thuộc vùng giống lợn (Bản Qua, Bản Vược, Quang Kim). Các xã vùng giống lợn cần đẩy mạnh chăn nuôi sinh sản để trước mắt tự túc giống, tiến tới cung cấp giống cho vùng xung quanh. Đi đôi với việc phát triển đàn

nái, đực giống, cần thực hiện công tác bình tuyển, chọn lọc lợn nái và lợn đực giống để từng bước cùng với trại nhân giống hoàn thành công tác cải tạo giống lợn Mường Khương thuần chủng.

Để công tác cải tạo giống được nhanh chóng và có kết quả, Ty Nông nghiệp cùng với Trại nhân giống lợn Bát Xát, xây dựng một trạm thụ tinh nhân tạo, nhằm đưa giống tốt vào các hợp tác xã vùng giống, tiến lên phục vụ với phạm vi rộng rãi hơn và trong nhiệm vụ giống có một vấn đề cần đặc biệt chú ý nữa là: ngoài việc cải tạo thuần chủng giống lợn Mường Khương, cần mạnh dạn đưa giống lợn ý ở xuôi lên Lào Cai.

4. Nuôi dưỡng, chuồng trại và cải tạo nông cụ

Nuôi dưỡng tốt nhằm làm cho gia súc béo khỏe, chóng lớn. Muốn trông trọt phát triển, tăng vụ và tăng năng suất phải chống thả rông gia súc và muốn chống thả rông gia súc phải có chuồng trại, chuồng trại tốt sẽ thu được nhiều phân và giữ được vệ sinh cho người. Chuồng trại chỉ cần làm đơn giản bằng nguyên liệu và nhân lực tại chỗ, ít tiền nhưng phải hợp quy cách, hợp vệ sinh. Chuồng trại cần làm ở nơi tiện nước và tiện lấy phân bón ruộng. Chuồng lợn, trâu, ngựa của gia đình có thể làm như kiểu chuồng địa phương hiện nay, nhưng bên cạnh cần làm hố phân có mái che, chuồng lợn và trâu, bò tập thể nên làm dãy bán mái, tiện lấy phân, dễ làm vệ sinh và dễ cho ăn, tiết kiệm được nguyên liệu. Nên chuồng không nhất thiết phải lát bằng gạch hay xi măng, có thể lát gỗ, ván hoặc làm nền đất nhưng phải tăng cường độn chuồng và độn phân. Ở những cơ sở chăn nuôi tập thể lớn của hợp tác xã cũng như nông trường và trại lợn của thương nghiệp cần nghiên cứu sử dụng một số công cụ cải tiến về chế biến thức ăn và vận chuyển. Ở những nơi có điều kiện tổ chức xay xát và chế biến thức ăn bằng cơ khí nhằm tăng năng suất lao động giảm giá thành, làm cho chăn nuôi ngày càng có lãi.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÁC ĐÀN GIA SÚC

Trong hai năm 1966-1967, và những năm tới, chúng ta phải ra sức phát triển mạnh mẽ chăn nuôi tập thể của các hợp tác xã đồng thời phát triển chăn nuôi của gia đình xã viên và nhân dân. Chỉ tiêu phấn đấu xây dựng cơ sở chăn nuôi tập thể trong năm 1966-1967 là mỗi hợp tác xã vùng thấp quy mô từ 30 hộ trở lên phải có một đàn lợn tập thể, mỗi hợp tác xã có 1 đến 2 ao thả cá có diện tích từ 1/2 ha trở lên và phát triển mạnh việc thả cá ruộng. Mỗi xã vùng cao vùng giữa xây dựng 1 đến 2 cơ sở chăn nuôi lợn tập thể. Ngoài ra, những nơi có điều kiện bãi cỏ cần phát triển mạnh chăn nuôi trâu, bò đàm. Chúng ta cần cố gắng đưa chăn nuôi tập thể trở thành một nguồn kinh doanh lớn của hợp tác xã, nhằm tăng cường kinh tế tập thể của hợp tác xã và khắc phục tình trạng mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi.

Về tổ chức quản lý các đàn gia súc hiện nay có nhiều hình thức:

1. Chăn nuôi tập thể của các hợp tác xã sửa chữa nông nghiệp

a) *Chăn nuôi tập trung*: Chăn nuôi tập trung là một hình thức chăn nuôi tiên tiến, sử dụng được hợp lý sức lao động, tận dụng được khả năng tiềm tàng trong thiên nhiên, tạo điều kiện thuận lợi áp dụng khoa học - kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến. Nhưng từ chăn nuôi cá thể chuyển sang chăn nuôi tập thể là một cuộc cách mạng về tư tưởng, tổ chức và kỹ thuật, do đó phải có quyết tâm cao, phải mạnh dạn tổ chức và có tính toán cụ thể theo phương châm: Kiên quyết, tích cực, chắc chắn. Nếu chưa đủ điều kiện thì phải tích cực chuẩn bị đầy đủ, tránh nóng vội nhưng cũng tránh rụt rè.

Về chăn nuôi trâu, bò cũng như lợn, bước đầu cần tổ chức với quy mô nhỏ từ 20 đến 30 con còn tùy theo khả năng. Trên cơ sở có kinh nghiệm sẽ phát triển với quy mô lớn hơn. Đối với những

hợp tác xã từ 20 đến 30 hộ thì lấy hợp tác xã là đơn vị xây dựng trại chăn nuôi, đối với những hợp tác xã lớn có thể vừa xây dựng chăn nuôi ở hợp tác xã vừa xây dựng đội chăn nuôi ở đội sản xuất.

Đối với chăn nuôi tập thể, các hợp tác xã nên chăn nuôi một số lợn nái và lợn đực giống, tỷ lệ đàn nái từ 25 đến 35% so với tổng số đàn lợn. Nhưng bước đầu vì chăn nuôi lợn nái đòi hỏi có nhiều kinh nghiệm về kỹ thuật nên chỉ nên nuôi với tỷ lệ thấp rồi dần dần đưa tỷ lệ nái lên cao cho phù hợp với yêu cầu. Riêng vùng chăn nuôi lợn thịt phục vụ cho nhu cầu công nghiệp thì lấy chăn nuôi lợn thịt làm chính, nuôi lợn nái để tự túc giống. Tỷ lệ đàn nái thích hợp có thể từ 15 đến 20% so với tổng số đàn lợn.

Về mặt tổ chức và trả công lao động trong các cơ sở chăn nuôi tập thể cần chú ý mấy điểm sau:

Cần có nội quy cụ thể rõ ràng quy định chế độ cho ăn, chăn dắt, sử dụng, vệ sinh phòng bệnh, quyền lợi và trách nhiệm của người chăn nuôi. Đối với nguồn chăn nuôi của hợp tác xã không nên thay đổi luôn, cần chọn những người có tinh thần trách nhiệm cao, yêu thích chăn nuôi và có hoàn cảnh ở luôn trại chăn nuôi, chú ý những lão nông nhiều kinh nghiệm chăn nuôi và thanh niên có khả năng tiếp thu khoa học - kỹ thuật. Trong các trại chăn nuôi tập thể nên tổ chức các bộ phận chuyên trách chăn nuôi và bộ phận sản xuất thức ăn riêng. Để lãnh đạo chặt chẽ các trại chăn nuôi tập thể, ban quản trị hoặc đội sản xuất cử một ủy viên quản trị hoặc một đội phó sản xuất trực tiếp phụ trách từng vụ hoặc từng năm phải thanh quyết toán, báo cáo tài chính công khai rõ ràng trước đại hội xã viên.

b) *Chăn nuôi giao khoán:*

Dàn gia súc của những hợp tác xã đã công hữu, ngoài hình thức chăn nuôi tập trung, hợp tác xã có thể tổ chức theo hình thức chăn nuôi giao khoán, hình thức này hiện đang còn thích hợp với trình độ quản lý của nhiều hợp tác xã tinh ta nhất là vùng cao. Về tổ chức quản lý, chủ yếu cần xây dựng nội quy và công điểm chăn

dắt có thể thực hiện việc khoán nuôi gia súc của hợp tác xã, đồng thời thực hiện việc định mức ăn, mức cày kéo, định người sử dụng và định công điểm cho từng loại gia súc, thực hiện đầy đủ chính sách khuyến khích chăn nuôi của Trung ương đã ban hành. Những xã viên chăn nuôi giao khoán nên đổi công với nhau một người chăn trâu, bò của 5 - 7 nhà để đỡ lãng phí công chăn dắt, chi tiêu tối trâu, bò nhà ai trả về nhà ấy.

2. Chăn nuôi của gia đình xã viên và nhân dân thị xã, thị trấn

Hết sức khuyến khích gia đình xã viên và nhân dân thị xã, thị trấn phát triển chăn nuôi cả tiểu gia súc và đại gia súc. Song, cần phải thi hành đúng các chính sách về ruộng đất để lại, chính sách thuế sát sinh, chính sách nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện điều lệ phòng, chống dịch bệnh và thực hiện quy ước chăn nuôi trong thôn, xã, khu phố.

3. Chăn nuôi của cơ quan, xí nghiệp, trường học

Hướng chủ yếu là chăn nuôi tiểu gia súc và gia cầm để cải thiện sinh hoạt. Các cơ quan phụ trách việc chăn nuôi cần lưu ý giúp đỡ những đơn vị trên về giống và phòng trừ dịch bệnh. Liên hiệp công đoàn chịu trách nhiệm chỉ đạo việc chăn nuôi của các đơn vị trên như giao chỉ tiêu phấn đấu, theo dõi, giúp đỡ, phổ biến kinh nghiệm và khen thưởng những đơn vị chăn nuôi giỏi.

Phần thứ năm

NHỮNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC

Để khuyến khích các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cũng như các cơ quan xí nghiệp, trường học và toàn thể nhân dân trong tinh thần cực phát triển chăn nuôi các loại gia súc, nhằm cung cấp

ngày càng nhiều thịt, trứng sữa, cho nhu cầu đời sống của nhân dân, công nhân, bộ đội... cung cấp nhiều phân bón phục vụ phong trào thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng, cung cấp nhiều sức kéo cho địa phương và một phần sức kéo cho miền xuôi, mặt khác để khuyến khích phát triển chăn nuôi tập thể và tận dụng được khả năng phong phú về chăn nuôi mà thiên nhiên ưu đãi cho Lào Cai. Ban Thường vụ Tỉnh ủy trích thi hành các Thông tư số 35-TTg ngày 6 tháng 5 năm 1963 và Thông tư số 65-TTg ngày 15 tháng 7 năm 1963 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời đề ra những quy định cụ thể thực hiện các chính sách về khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành như dưới đây:

I. VẤN ĐỀ CÔNG HỮU HÓA TRÂU, BÒ, NGƯA CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Từ nay, khi còn ở bậc thấp nói chung các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp không nên công hữu hóa trâu, bò (kể cả trâu, bò cày kéo và trâu, bò sinh sản) của xã viên. Những hợp tác xã bậc thấp nào đã công hữu hóa trâu, bò rồi thì cần tổ chức quản lý chăn nuôi cho tốt.

Tuy nhiên, một số hợp tác xã tuy còn ở bậc thấp nhưng có khả năng quản lý và ở nơi có sẵn đồi bãi cỏ, tiện việc chăn nuôi thì vẫn có thể công hữu hóa một số trâu, bò dù dùng để cày kéo hoặc chăn nuôi sinh sản.

2. Khi hợp tác xã lên bậc cao việc công hữu hóa trâu, bò phải tiến hành tích cực nhưng phải có kế hoạch thận trọng và chắc chắn. Bước đầu vì điều kiện quản lý và để tiết kiệm chi phí cho hợp tác xã. *Các hợp tác xã chỉ nên công hữu một số trâu, bò đủ để cày kéo.* Ngoài ra, nếu có điều kiện về quản lý và chăn dắt, hãy nên công hữu trâu, bò sinh sản. Nơi nào trâu, bò sinh sản ít quá thì chưa nên công hữu hóa trâu, bò sinh sản. Nói chung việc công

hữu không nên quá khả năng đóng góp của xã viên, nhất là của xã viên nghèo.

Những hợp tác xã nào (kể cả hợp tác xã bậc thấp và bậc cao) trước đây đã công hữu trâu, bò cày kéo và trâu, bò sinh sản rồi nhưng nay thừa sức kéo, việc tổ chức chăn nuôi chưa tốt, xã viên lại yêu cầu nuôi riêng, thì nên giao bớt trâu, bò sinh sản lại cho xã viên (tùy theo số trâu, bò của mỗi hộ góp vào hợp tác xã ít hay nhiều mà giao lại cho mỗi hộ từ 1 đến 3 con). Những hộ nào mà số trâu, bò góp vào hợp tác xã chỉ bằng số phần công hữu thì không giao lại mà hợp tác xã nên để cho họ chăn dắt từ 1 đến 2 con trâu, bò cái, và có thể để cho họ hưởng hoàn toàn những con bê, nghé để từ lúa đàu để làm vốn chăn nuôi riêng. Nhưng con bê, nghé để từ lúa thứ hai trở đi thì người chăn nuôi chỉ được hưởng 70 đến 80% như điều 2 mục V (ghi bên dưới).

Đối với trâu, bò cày kéo đã công hữu tốt nhất nên tổ chức chăn nuôi tập trung ở các đội nhưng đã nuôi tập trung không tốt (chủ yếu nếu trình độ quản lý còn thiếu kinh nghiệm) thì nên giao khoán cho xã viên chăn dắt. Đối với trâu, bò sinh sản đã công hữu cần tổ chức chăn nuôi tập trung ở hợp tác xã hoặc giao cho đội quản lý. Ủy ban hành chính huyện chịu trách nhiệm xét duyệt việc chuyển từ chăn nuôi tập trung sang chăn nuôi giao khoán (nếu có) và tuy giao khoán cho xã viên chăn dắt, trâu, bò vẫn phải do hợp tác xã quản lý, điều hòa và sử dụng.

3. Khi công hữu hóa, hợp tác xã phải mua trâu, bò của xã viên theo giá trung bình ở địa phương, giá công hữu trâu, bò phải do tập thể xã viên bàn bạc, quyết định. Những trâu, bò có chửa phải định giá mua cao hơn trâu, bò không có chửa. Nhưng trâu, bò có bê, nghé kèm theo phải định giá mua bê nghé riêng.

4. Tiền mua trâu, bò công hữu, hợp tác xã phải trả dần cho xã viên trong thời gian từ 3 đến 5 năm (như điều lệ hợp tác xã đã quy định) không được dây dưa, không được gắn cho người lấy của người khác...

Số tiền thiếu chưa trả đúng thời hạn đã giao ước, nếu xã viên thiếu xã viên phải trả lại cho hợp tác xã, nếu hợp tác xã thiếu hợp tác xã phải trả lại cho xã viên theo mức lãi tiền gửi vào hợp tác xã vay mượn (hợp tác xã tín dụng). Tiền mua bê nghé kèm theo trâu, bò hợp tác xã nên trả đủ ngay cho xã viên khi công hữu hóa.

5. Việc chăn nuôi ngựa có nhiều khó khăn vì vậy nói chung các hợp tác xã chưa nên công hữu hóa ngựa. Nơi nào cần tổ chức đàn ngựa thồ chuyên nghiệp, cần phải công hữu hóa ngựa thì phải làm thí điểm và phải được Ủy ban hành chính huyện cho phép, Ủy ban hành chính tỉnh duyệt y.

II. VẤN ĐỀ CHĂN NUÔI RIÊNG TRÂU, BÒ CỦA XÃ VIÊN

1. Ngoài việc đảm bảo chăn dắt trâu, bò của hợp tác xã, xã viên có thể nuôi riêng trâu, bò để tăng thu nhập, cải thiện đời sống và góp phần phát triển kinh tế chung. Mỗi hộ có thể nuôi riêng 5, 7 con hoặc nhiều hơn tuỳ theo điều kiện chăn dắt khó hay dễ của từng nơi và chủ yếu là chăn nuôi trâu, bò sinh sản.

2. Xã viên toàn quyền sử hữu về số trâu, bò, bê nghé nuôi riêng, nhưng khi cần bán thì nên ưu tiên bán cho Nhà nước và cho hợp tác xã của mình với những điều kiện mà mình thỏa thuận.

3. Xã viên được nuôi riêng trâu, bò nhưng không được thuê người chăn dắt, không được thả rông, để trâu, bò phá hoại hoa màu và phải đảm bảo góp đủ ngày công, đủ phân bón và làm tròn nghĩa vụ đối với hợp tác xã.

III. VẤN ĐỀ THUÊ TRÂU, BÒ CÀY KÉO

1. Khi còn ở bậc thấp, hợp tác xã thuê trâu, bò cày kéo của xã viên để sử dụng chung, nếu ở nơi có thừa gia súc, hợp tác xã nên thuê đều của mỗi hộ xã viên một số trâu, bò đủ để cày kéo nhưng

cần chú ý thuê của những hộ xã viên nghèo trước và muốn cho hợp tác xã thuê.

2. Hợp tác xã cần tính toán kỹ số trâu, bò cần thiết phải thuê để cày kéo, vì thuê nhiều quá sẽ tốn kém cho hợp tác xã và thuê ít quá sẽ hại cho sức khỏe của trâu, bò.

3. Khi thuê trâu, bò hợp tác xã cần căn cứ vào sức khỏe của từng con mà định giá thuê cho hợp lý, không nên định giá quá cao hoặc quá thấp so với giá thuê trâu, bò cày kéo ở địa phương.

IV. CÔNG CHĂN DẮT TRÂU, BÒ

1. Để khuyến khích nuôi dưỡng chăm sóc trâu, bò béo khỏe cày kéo và sinh sản tốt, hợp tác xã nên căn cứ vào điều kiện chăn dắt khó hay dễ của từng nơi, số lượng trâu, bò nhiều hay ít... để trả công thích đáng cho xã viên theo đúng nguyên tắc phân phối theo lao động mà không nêu khống chế số ngày công. Công chăn dắt trâu, bò đặc giống, trâu, bò đẻ, lấy sữa phải trả cao hơn trâu, bò thường. Công của người chăn dắt trâu, bò ít nhất cũng nên trả bằng công lao động của người lao động bình thường.

Công trả cho người chăn dắt trâu, bò nhiều hay ít, trả bằng công điểm hay bằng thóc là tùy tình hình và tùy điều kiện từng hợp tác xã mà định cho hợp lý, nhưng nói chung từ nay các hợp tác xã nên trả công điểm chứ không nên trả bằng thóc.

2. Những xã viên chăn nuôi trâu, bò cái của hợp tác xã, khi thuê nghé đẻ ra được một năm trở lên thì hợp tác xã định giá bán theo giá nghé ở địa phương, ngoài việc trả công chăn dắt trâu, bò, hợp tác xã nên để cho xã viên được hưởng từ 70 đến 80% số tiền bán mỗi con bê nghé đẻ. Và từ sau khi định giá, nếu con bê, nghé đã được hơn một năm thuộc về hợp tác xã thì hợp tác xã phải khoán công cho người chăn dắt con bê nghé này.

3. Hàng năm hợp tác xã nên trích từ 70 đến 80% giá trị vượt mức kế hoạch chăn nuôi để thưởng cho những tổ hoặc đội chăn nuôi

nào đã thực hiện vượt mức kế hoạch. Đối với những tổ hoặc đội nào chăn nuôi hụt mức kế hoạch, hợp tác xã sẽ xét phạt. Mức phạt do đại hội xã viên quyết định, tối đa không nên quá 50% giá trị hụt mức kế hoạch.

V. VẤN ĐỀ THỨC ĂN GIA SÚC

Để giải quyết tốt và vững chắc vấn đề thức ăn cho gia súc ngoài việc tận thu và sử dụng tiết kiệm những cây, cỏ thiên nhiên và những phế phẩm nông nghiệp, hợp tác xã phải kiên quyết để lại đất để sản xuất thêm thức ăn. Việc để lại đất quy định như sau:

1. Hợp tác xã phải để lại cho xã viên 5% đất như điều lệ hợp tác xã đã quy định. Nên để đất gần nhà mà không để lại ruộng và chủ yếu là để trồng rau, mà làm thức ăn cho người và gia súc.

2. Ngoài số đất 5% trên, nay dành thêm 5% đất nữa cho các hợp tác xã làm cơ sở thức ăn vững chắc cho gia súc để phát triển chăn nuôi tập thể. Tùy số đàn gia súc nhiều hay ít mà để lại một số diện tích nhiều hay ít, nói chung không quá số 5%. Số đất này là thuộc sở hữu của hợp tác xã, hợp tác xã cần tận dụng để phát triển chăn nuôi tập thể và chính là để chăn nuôi lợn. Nhưng nếu nơi nào thiếu thức ăn cho trâu, bò cũng có thể dành một phần để trồng thức ăn cho trâu, bò. Số đất 5% dành cho chăn nuôi đây là tính theo tổng số diện tích canh tác của hợp tác xã, chứ không tính theo diện tích canh tác của xã. Trường hợp cá biệt, chăn nuôi tập thể phát triển mà mạnh, đất đai hợp tác xã lại ít thì có thể để lại hơn 5%, bằng cách khai phá thêm một số diện tích mới.

Trên diện tích 5% này hợp tác xã có thể trồng lúa, bắp để chăn nuôi Nhà nước không tính cân đối và không thu mua số lương thực thu hoạch trên diện tích này.

3. Để có đủ đồi bãi cỏ chăn nuôi trâu, bò cần khôi phục và bảo vệ những đồi cỏ thiên nhiên, gây thêm đồi bãi cỏ mới. Ủy ban hành chính xã phân phối đồi bãi cỏ công cộng cho các hợp tác xã sử dụng

chăn nuôi. Trường hợp có sự tranh chấp đòi bồi cỏ, Ủy ban hành chính huyện quyết định phân chia đòi hoặc bồi cỏ đó.

VI. VẤN ĐỀ NUÔI DUỖNG VÀ PHÒNG TRỪ DỊCH BỆNH

1. Hợp tác xã phải xây dựng nội quy chăn nuôi, quy định rõ chế độ ăn uống, làm việc, vệ sinh chuồng trại, phòng trừ dịch bệnh cho gia súc và nên có chế độ bồi dưỡng thích hợp cho gia súc khi chữa đẻ, ốm đau hoặc làm việc nặng nhọc. Cụ thể trâu, bò trước và sau khi đẻ nên cho nghỉ làm việc khoảng 30 ngày, lúc làm việc dồn dập, nặng nhọc không nên bắt trâu, bò làm việc liên tục mà phải tùy theo sức khỏe của từng con mà cho nghỉ ngơi ít ngày để lấy lại sức.

2. Cân tích cực chống lạm sát hết sức ngăn ngừa giết lợn con bừa bãi, và cần nghiêm chỉnh thi hành chính sách thuế sát sinh mới. Để bảo vệ gia súc hằng năm phải tiêm phòng dịch bệnh. Còn khi cần chữa bệnh, nếu đối với loại thuốc mà cán bộ thú y của xã, của huyện không có thì người có gia súc cần mua vì không những có lợi cho mình mà còn có lợi chung cho cả các gia đình khác.

3. Trường hợp tiêm phòng hoặc tiêm thuốc bệnh, cán bộ thú y của xã, của huyện cam đoan tiêm được mà gia súc bị chết thì Nhà nước sẽ bồi thường bằng tiền cho người có gia súc. Tiền bồi thường do hai bên bàn bạc, Ủy ban hành chính xã quyết định.

4. Từ nay đến hết năm 1967 ít nhất mỗi xã vùng thấp phải đào tạo được 1 cán bộ trung cấp, mỗi xã vùng cao, vùng giữa phải đào tạo được 1 cán bộ sơ cấp và mỗi hợp tác xã phải đào tạo được 1 đến 2 kỹ thuật viên chăn nuôi thú y. Xã phải thành lập ban thú y chăn nuôi xã có cán bộ chuyên trách.

5. Để khuyến khích cho cán bộ chăn nuôi thú y của hợp tác xã tích cực hoạt động, hợp tác xã nên căn cứ vào khối lượng và chất lượng công việc đã làm để trả công xứng đáng cho cán bộ và kỹ thuật viên chăn nuôi thú y do xã viên và nhân dân đóng góp, hợp

tác xã quản lý và trả công. Việc đi dân công của cán bộ và kỹ thuật viên chăn nuôi thú y, cần được sắp xếp hợp lý, có thể bố trí cho làm ngay tại xã, để có thời giờ làm công tác chuyên môn.

Ủy ban hành chính huyện, xã nên cho cán bộ và kỹ thuật viên chăn nuôi thú y dự những hội nghị bàn về sản xuất và chăn nuôi hoặc những hội nghị khác mà ủy ban xét thấy cần thiết để có thể giúp cho cán bộ và kỹ thuật viên nâng cao nhận thức và phát triển công tác.

VII. VẤN ĐỀ GIỐNG GIA SÚC

1. Những hợp tác xã và những người nuôi được nái, đực giống và trâu, bò sữa tốt, thì được bán với giá cao hơn với giá gia súc thường. Cao hơn bao nhiêu do hai bên mua và bán thoả thuận.

2. Những gia đình nuôi được đực giống (kể cả trâu, bò, ngựa, lợn) đã cho thuê chuyên giống, thì được thu tiền chuyên giống. Tiền chuyên giống do người thuê và người cho thuê thoả thuận nhưng không nên lấy đắt quá.

3. Riêng lợn những hợp tác xã và gia đình có đăng ký nuôi lợn đực giống đủ tiêu chuẩn về kỹ thuật và thu tiền chuyên giống theo đúng giá quy định của Ủy ban hành chính tỉnh được Ủy ban hành chính xã chứng nhận và được Ủy ban hành chính huyện duyệt y thì ngoài số tiền chuyên giống được hưởng, gia đình nuôi lợn đực giống ở vùng thấp còn được trừ một xuất nghĩa vụ bán lợn thịt và gia đình nuôi lợn đực giống ở vùng cao và vùng giữa được trừ hai xuất nghĩa vụ bán lợn thịt.

4. Những hợp tác xã và gia đình nuôi lợn nái được tự do bán lợn giống, giá cả do hai bên mua và bán thoả thuận. Nhà nước khuyến khích các hợp tác xã và tất cả mọi người nuôi nhiều lợn giống. Nhà nước không cấm đi mua hoặc đi bán lợn giống.

5. Từ nay trở đi nói chung Nhà nước không mua lợn giống từ nơi này bán cho nơi khác. Các hợp tác xã và các cơ quan, xí nghiệp,

công trường, trường học... cố gắng tự túc lấy lợn giống bằng cách tự nuôi, tự mua không nên chờ Nhà nước cung cấp.

6. Trường hợp thật cần thiết, Nhà nước mua lợn giống để điều hòa cho nơi thiếu thì sẽ mua với giá lợn giống. Những hợp tác xã và gia đình bán lợn giống cho cơ quan nhà nước hoặc bán cho các hợp tác xã khác, được Ủy ban hành chính xã chứng nhận thì được trừ trọng lượng lợn giống vào phần nghĩa vụ của gia đình mình (mỗi cân lợn giống bằng 1 cân lợn thịt).

7. Những gia đình mua lợn giống của Nhà nước phải cộng trọng lượng lợn giống với phần nghĩa vụ của các lao động trong gia đình mình để bán lợn thịt cho Nhà nước (mỗi cân lợn giống bằng 1 cân lợn thịt).

8. Để đàn lợn sinh đẻ được nhiều, được tốt, và để đàn lợn không bị thoái hóa cần tích cực vận động, tiến tới xóa bỏ tình trạng đẻ cho lợn con nhảy lợn mẹ.

VIII. VĂN ĐỀ VỐN, THU MUA, NGHĨA VỤ VÀ GIÁ CẢ

1. Các hợp tác xã, các cơ quan, xí nghiệp, các gia đình nông dân và xã viên cần nhận rõ lợi ích của chăn nuôi, hết sức bố trí lao động và tiền vốn để phát triển chăn nuôi. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước cũng chú trọng cho hợp tác xã và xã viên vay vốn mua giống, xây dựng chuồng trại, mua sắm dụng cụ, thuốc men.

2. Việc thu mua gia súc của các cơ quan thương nghiệp, tư liệu sản xuất nông nghiệp sẽ tiến hành theo hợp đồng cơ quan thu mua ký hợp đồng thẳng với hợp tác xã và gia đình nông dân. Người bán phải đảm bảo giao lợn đúng tiêu chuẩn, đúng kỳ hạn. Cơ quan thu mua phải đảm bảo thu mua đúng chính sách.

3. Hợp tác xã có chăn nuôi lợn tập thể, được để lại 30% tổng số thịt lợn do hợp tác xã chăn nuôi được trong một năm (gồm cả số lợn nuôi tập trung ở hợp tác xã, ở đội sản xuất và của hợp tác xã giao khoán cho xã viên nuôi, không kể lợn nái và lợn đực giống), để

dùng cho nhu cầu tập thể của hợp tác xã như mổ ăn khi ngày mùa làm việc mệt nhọc, khi có đại hội xã viên hoặc liên hoan nhân những ngày lễ lớn... Nếu không dùng, hoặc không dùng hết thì bán cho Nhà nước theo giá khuyến khích. Không được phân phối cho cá nhân. Lợn của tập thể giết thịt vẫn phải được Ủy ban hành chính xã cho phép và phải nộp thuế sát sinh. Số thịt chăn nuôi được trong một năm tính từ 15 tháng 9 năm trước đến 15 tháng 9 năm sau, được Ủy ban hành chính xã chứng nhận, Ủy ban hành chính huyện duyệt y.

4. Mua bán trâu, bò, ngựa phải có giấy tờ (văn tự) và phải có chứng nhận của Ủy ban hành chính xã.

5. Tất cả mọi người có sức lao động từ 16 tuổi trở lên đều phải có nghĩa vụ chăn nuôi lợn thịt, để tăng thêm sản phẩm cho xã hội và phân bón phục vụ thâm canh tăng năng suất cây trồng. Riêng về nghĩa vụ bán thịt lợn cho Nhà nước. Những người trong tuổi lao động (nam từ 16 tuổi đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi, kể cả những người lao động nông nghiệp và nhân dân thị xã, thị trấn) đều phải làm nghĩa vụ bán lợn thịt cho Nhà nước.

Những người tàn tật, mất sức lao động, những người lao động thủ công lấy nghề đó làm nghề sống chính, những người làm công tác thoát ly, những cán bộ chuyên trách được hưởng phụ cấp theo định xuất ở các xã, những học sinh đã đến tuổi lao động nhưng đi học các trường ở tỉnh, huyện, không ăn ở với gia đình thì được miễn không phải làm nghĩa vụ bán thịt.

6. Hàng năm tỉnh sẽ huy động 50% số lợn ra chuồng thực tế sản xuất theo giá nghĩa vụ cụ thể, chỉ tiêu nghĩa vụ giao cho mỗi người lao động mỗi năm bán lợn thịt trong hai năm 1966-1967 quy định như sau:

- Vùng thấp 20 kg.
- Vùng cao 10 kg.
- Vùng giữa 10 kg.

- Thị trấn Sa Pa 20 kg.
- Thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường 20 kg.

Những xã trong huyện lỵ các huyện thuộc vào vùng nào thì làm nghĩa vụ theo mức quy định của vùng ấy.

7. Nhân dân sau khi hoàn thành nghĩa vụ được quyền sử dụng hoàn toàn số thịt còn lại, nhưng trước tình hình hiện nay cả nước có chiến tranh, trước sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, yêu cầu cung cấp thịt cho bộ đội, cho công trường... đòi hỏi rất lớn vì vậy các hợp tác xã và nhân dân trong tỉnh ra sức cố gắng phát triển chăn nuôi để bán được nhiều gia súc cho Nhà nước với giá khuyến khích (tăng 25%).

Những người nuôi được trâu, bò, lợn bán cho Nhà nước được mua một số mặt hàng công nghệ phẩm ưu tiên (đã có quy định riêng).

8. Cán bộ, công nhân các cơ quan, xí nghiệp nuôi được lợn để cải thiện đời sống, Nhà nước không bắt buộc bán và cũng không trừ vào tiêu chuẩn cung cấp thịt hằng năm của mỗi người, nhưng không được mua lợn choai về vỗ béo để thịt.

9. Đối với đồng bào miền xuôi lên khai hoang, theo chính sách đã quy định được miễn làm nghĩa vụ trong 3 năm, nhưng đồng bào cần thấy rõ yêu cầu của cách mạng cố gắng phát triển chăn nuôi nhất là chăn nuôi lợn để bán cho Nhà nước với giá khuyến khích.

Ủy ban hành chính các xã cần căn cứ vào khả năng thực tế của các hợp tác xã và các gia đình đồng bào miền xuôi lên khai hoang mà giao chỉ tiêu phấn đấu về chăn nuôi và thu mua gia súc.

10. Đối với các thị xã, thị trấn và những nơi gần cơ sở mậu dịch quốc doanh sau khi làm xong nghĩa vụ phần còn lại mà bán cho Nhà nước hưởng giá khuyến khích và có thể bán đổi lấy phiếu thịt để mua ăn dân nhưng số bán đổi không được quá 30% của mỗi con lợn, phần bán gửi để mua ăn dân được miễn thuế sát sinh. Ty Thương nghiệp và Ủy ban hành chính các huyện, thị xã sẽ quy định việc cấp phiếu bán gửi và bán thịt thế nào để tránh bớt khó khăn

cho nhân dân, cần tổ chức những ngày phân phối riêng cho những người bán gửi.

Trường hợp bán gửi này được áp dụng cả đến tới các gia đình cán bộ và các hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, các cơ quan công trường có tổ chức chăn nuôi. Tuyệt đối cấm mọi người kể cả các cơ quan công trường xí nghiệp, các gia đình cán bộ không ai được mổ lợn để bán với giá chợ đen, làm rối loạn giá cả thị trường. Cấm mọi hành vi có tính chất buôn bán đầu cơ.

Tiêu chuẩn lợn thịt quy định:

- Lợn i từ 30 kg trở lên.
- Lợn Lào Cai từ 45 kg trở lên.

Nhà nước không mua lợn bé, lợn gầy dưới tiêu chuẩn.

11. Khi cần thiết nhất là những ngày tết, ngày mùa làm lụng vất vả hợp tác xã nên tổ chức giết thịt lợn, thịt bò, hoặc thịt trâu để điều hòa trong xã viên.

Trâu, bò nhân dân nuôi được, khi cần thiết như làm ma cũng có thể giết thịt cả hai trường hợp cần chú ý thải loại những già yếu hoặc đực thừa và phải được Ủy ban hành chính huyện cho phép.

Phần thứ sáu

TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Chăn nuôi là một trong hai ngành chính của nông nghiệp, cho nên các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, và các ngành liên quan phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chăn nuôi tương xứng với trồng trọt, cần giải quyết những nhận thức, trở ngại cho việc phát triển chăn nuôi như coi thường chăn nuôi, ngại phát triển chăn nuôi tập thể, sợ khó, phiền phức, sợ thất bại, sợ lỗ vốn.

1. Trong công tác chỉ đạo chăn nuôi phải hết sức chú trọng chỉ đạo chăn nuôi tập thể, đồng thời chỉ đạo chăn nuôi của gia đình xã viên nông dân, cơ quan xí nghiệp, thị trấn, thị xã, v.v. phải chỉ đạo

toàn diện có chỉ tiêu kế hoạch biện pháp kỹ thuật, tổ chức và chính sách. Trong tình hình hiện nay, trước mắt cần phổ biến sâu rộng và thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi liên hoàn, đặc biệt chú trọng hai khâu thức ăn và vệ sinh phòng bệnh đồng thời chú trọng nghiên cứu vận dụng, thi hành đầy đủ các chính sách của Trung ương và những quy định của Tỉnh ủy đã ban hành.

2. Chỉ đạo về chăn nuôi, hằng năm hướng dẫn các hợp tác xã xây dựng kế hoạch chăn nuôi, trong kế hoạch chăn nuôi, ngoài việc nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch, phải xây dựng các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch như thức ăn, giống, chuồng trại, phòng, chống dịch bệnh, cán bộ phụ trách chăn nuôi, người chăn dắt, dụng cụ và thuốc men cần thiết, v.v. kế hoạch chăn nuôi phải được thông qua đại hội xã viên xây dựng và đóng góp kế hoạch năm đầu phải chuẩn bị một số công việc cho năm sau như trồng thức ăn, gây giống, v.v. ở những hợp tác xã đang tiến hành cải tiến quản lý thì kết hợp với công tác cải tiến mà xây dựng kế hoạch chăn nuôi.

Từ sản xuất cá thể, lạc hậu chuyển sang sản xuất tập thể có kế hoạch, công tác chăn nuôi có nhiều vấn đề mới, vì vậy mà hằng năm các cấp từ tỉnh đến xã, hợp tác xã cần mở các hội nghị tổng kết công tác chăn nuôi, nhằm rút kinh nghiệm và quyết định những vấn đề chủ trương chính sách Trung ương của tỉnh.

3. Kiện toàn bộ máy chăn nuôi từ tỉnh đến xã: Cân kiện toàn phòng chăn nuôi thú y của Ty Nông nghiệp và các cán bộ chăn nuôi thú y các phòng nông nghiệp huyện và bổ sung cán bộ chăn nuôi, thú y cho hai phòng thuộc thị xã (Cam Đường và thị xã Lào Cai).

Các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã phải phân công một ủy viên phụ trách chăn nuôi.

Để phát triển chăn nuôi toàn diện và mạnh mẽ, tỉnh sẽ thành lập quốc doanh chăn nuôi để phát triển chăn nuôi quốc doanh (kể cả thủy sản, gia súc, gia cầm).

Ở xã chính quyền sẽ cử một ủy viên phụ trách chăn nuôi có chân trong ban khoa học - kỹ thuật xã, các hợp tác xã cử chủ nhiệm

hoặc phó chủ nhiệm, các đội sản xuất cử đội trưởng hoặc đội phó phụ trách chăn nuôi. Những hợp tác xã chăn nuôi tập thể cần cử một ủy viên quản trị, trực tiếp phụ trách đội chăn nuôi hợp tác xã.

4. Công tác đào tạo cán bộ: Trước mắt cần mở các lớp huấn luyện ngắn ngày tại huyện, khu vực hoặc liên xã, đào tạo một mạng lưới kỹ thuật viên chăn nuôi, thú y đồng đảo cho hợp tác xã đồng thời mở các trường đào tạo cán bộ trung sơ cấp chăn nuôi thú y theo yêu cầu như trên đã nói.

5. Trách nhiệm của các ngành chăn nuôi và liên quan:

- Ty Nông nghiệp có trách nhiệm nghiên cứu đề xuất các chủ trương về biện pháp tổ chức và kỹ thuật, các chỉ tiêu về kỹ thuật và chế độ chăn nuôi. Tiến hành chỉ đạo các xã trọng điểm, các hợp tác xã điển hình lấy kinh nghiệm chỉ đạo phong trào chung chăn nuôi toàn tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết từng mặt và toàn diện công tác chăn nuôi.

- Ban Nông nghiệp nghiên cứu theo dõi việc thực hiện công tác chăn nuôi và các chính sách đã ban hành. Kiến nghị với cấp ủy vận dụng thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương cho phù hợp với tình hình địa phương.

- Chi nhánh ngân hàng phổ biến chính sách, thủ tục cho vay vốn chăn nuôi, giúp các hợp tác xã và các gia đình xã viên cần vay vốn được nhanh chóng và dễ dàng.

- Quốc doanh chăn nuôi chịu trách nhiệm sản xuất cung cấp một phần giống lợn cho những nơi thiếu. Hiện nay, quốc doanh chăn nuôi chưa đảm nhiệm được, thì Công ty Tư liệu sản xuất chịu trách nhiệm điều hòa cung cấp khi nơi nào cần thiết.

Ty Thương nghiệp và Ban Vật giá có trách nhiệm nghiên cứu và đề nghị với Ủy ban hành chính tỉnh quyết định giá cả thu mua và chính sách bán hàng công nghệ phẩm nhằm khuyến khích mọi người nuôi và bán nhiều gia súc, nhất là nuôi nhiều lợn lớn bán cho Nhà nước đồng thời chịu trách nhiệm tổ chức việc thu mua và theo dõi kết quả thu mua của các địa phương, tổ chức thu mua đến

tận cơ sở. Cần tổ chức cơ sở chăn nuôi lợn giống, chuyển lên lợn thịt để góp phần vào việc phát triển chăn nuôi chủ động một phần về thịt và cung cấp lợn giống khi cần.

- Tỉnh hội Phụ nữ chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào chăn nuôi trong đó tập trung chỉ đạo việc chăn nuôi lợn, chú ý cả chăn nuôi gia đình xã viên và chăn nuôi tập thể. Các ngành có liên quan với chăn nuôi phát huy khả năng của ngành mình phục vụ công tác chăn nuôi tích cực hơn nữa.

- Đối với các hợp tác xã, các đơn vị và cá nhân chăn nuôi giỏi và bán nhiều gia súc cho Nhà nước cần được khen thưởng kịp thời. Trái lại những đơn vị hoặc cá nhân không thực hiện tốt các chỉ tiêu về chăn nuôi và không làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước thì tùy theo mức độ cần phải đấu tranh phê bình và giúp đỡ họ sửa chữa thiếu sót khuyết điểm.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo phương hướng Nghị quyết nông nghiệp miền núi của Ban Chấp hành Trung ương là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Yêu cầu các cấp, các ngành liên quan nghiên cứu nghị quyết này của tỉnh, tích cực vận dụng vào địa phương mình ngành mình cho thích hợp, nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch chăn nuôi của tỉnh đã đề ra tạo cơ sở cho toàn bộ nền nông nghiệp của tỉnh nhà phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 31-NQ/TU, ngày 28-4-1966

Về việc thành lập Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Thi hành Nghị quyết số 25, ngày 8 tháng 1 năm 1966 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Tuyên giáo tỉnh,

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ công tác tuyên giáo,
Xét khả năng cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

1. Thành lập Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và chỉ định các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Khánh Vinh, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban
2. Đồng chí Đức Minh, Phó Ban Tuyên huấn, Phó Ban Thường trực
3. Đồng chí Dương Văn Hà, Trưởng Ty Văn hóa, Phó ban
4. Đồng chí Phạm Hồng Phúc, Trưởng Ty Giáo dục, Phó ban
5. Đồng chí Vũ Văn Thu, Phó Chủ nhiệm Biên tập báo Đảng, Phó ban
6. Đồng chí Giàng Seo Phù, Ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh, Phó ban.
2. Nhiệm vụ quyền hạn Ban Tuyên giáo

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là Ban chuyên môn của Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và chịu sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương về nghiệp vụ.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có nhiệm vụ quyền hạn giúp cấp ủy nghiên cứu đề xuất các mặt về công tác tuyên giáo như:

+ Chỉ đạo, hướng dẫn nội dung công tác tuyên truyền giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy theo yêu cầu nhiệm vụ mới trong từng thời gian cho các cơ quan trong tỉnh và các cấp ủy cấp dưới.

+ Nghiên cứu đề xuất kế hoạch, biện pháp công tác tuyên giáo trong việc vận dụng thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và của tỉnh.

+ Theo dõi công tác tư tưởng, giáo dục tư tưởng, giáo dục chính trị, khoa học - kỹ thuật cho cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh theo từng yêu cầu của Trung ương và Tỉnh ủy.

+ Được ra thông tri hướng dẫn nội dung công tác tuyên giáo cho Ban Tuyên giáo cấp dưới. Được triệu tập các cuộc họp để phổ biến thời sự, bồi dưỡng báo cáo viên, tuyên truyền viên và sơ kết tổng kết công tác tuyên giáo.

+ Được tham gia các cuộc họp của các cấp ủy cấp dưới, các ngành để theo dõi tham gia góp ý kiến về công tác tuyên giáo.

+ Báo cáo công tác tuyên giáo theo yêu cầu của Tỉnh ủy và Ban Tuyên giáo Trung ương.

3. Quan hệ và lề lối làm việc

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy quan hệ đối với các Ban của Đảng, các ngành chuyên môn và các cấp ủy cấp dưới trên cơ sở phối hợp công tác. Riêng công tác tuyên giáo thì Ban Tuyên giáo được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ như Điều II đã quy định.

Lê lối làm việc trong Ban Tuyên giáo trên cơ sở tập thể, hằng tháng, hằng quý Ban Tuyên giáo họp bàn nội dung công tác tuyên giáo.

Các đồng chí trong Ban căn cứ vào nghị quyết tập thể của Ban để vận dụng chỉ đạo cụ thể cho ngành hoặc khôi mìn phụ trách. Nghiên cứu đề xuất các mặt công tác tuyên giáo với Ban.

4. Ban Tuyên giáo và các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 97-CT/TU, ngày 10-5-1966

**Về việc tổ chức Đội Thanh niên xung phong
chống Mỹ, cứu nước tập trung
và Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước
ở cơ sở**

Trước cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân hai miền nước ta đã và đang thu được những thắng lợi to lớn, không những về chính trị và cả về quân sự nữa, song đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai cũng đang điên cuồng giãy dưa ô ạt tăng cường lực lượng quân sự, đưa thêm quân viễn chinh và chư hầu vào trực tiếp tham chiến ở niêm Nam, đồng thời dùng uy lực không quân, hải quân phá hoại miền Bắc, hòng để gỡ thế bị động và giành một vài thắng lợi nào đó để buộc ta phải nói chuyện với những điều kiện có lợi cho chúng. Nhưng chúng càng ngoan cố điên cuồng chúng lại càng thất bại thảm hại.

Thực tế trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của cả nhân dân hai miền nước ta đã thu được những thắng lợi to lớn, làm cho đế quốc Mỹ thua thiệt nặng về quân sự, thất bại về chính trị và ngoại giao, và qua hai năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, toàn thể nhân dân bất kể già trẻ, gái, trai thành phần, tôn giáo, tầng lớp nào cũng đều tỏ ra căm thù Mỹ, dốc một lòng hạ quyết tâm ra sức

hoàn thành nhiệm vụ sản xuất chiến đấu và săn sàng chiến đấu với tinh thần quyết chiến, quyết thắng để quốc Mỹ thể hiện qua các phong trào thi đua như: ba săn sàng, ba đảm đang, phụ lão bốn giỏi, công đoàn năm tốt, v.v. đã xuất hiện nhiều phần tử ưu tú và đã thu được những thắng lợi chưa từng có.

Song, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng còn gặp nhiều khó khăn, gian khổ, ta phải làm cho toàn Đảng, toàn dân chuyên biến mạnh mẽ về mặt tư tưởng và tổ chức, phải tập hợp được mọi lực lượng, hết khía cạnh và lòng yêu nước yêu dân tộc lại để giáo dục và nâng cao dần về trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức căm thù giặc Mỹ để chuẩn bị tinh thần đầy đủ săn sàng vượt mọi gay go ác liệt hơn nữa để đánh thắng đế quốc Mỹ, toàn diện nhanh chóng giải phóng đất nước thống nhất Tổ quốc.

Một trong các nhiệm vụ mới của miền Bắc là phải tổ chức tập hợp lực lượng lứa tuổi trẻ lại làm nhiệm vụ xung kích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại này. Trung ương Đảng đã chỉ thị tổ chức *Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước*, qua thí điểm ở một số cơ sở đã thể hiện rõ rệt tác dụng của tổ chức thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước trên các mặt trận sản xuất và trong các cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của địch ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương, vai trò của tuổi trẻ đã phát huy với khí thế của con em dân tộc anh hùng, xứng đáng là đội xung kích của lực lượng cách mạng trong tình thế mới hiện nay.

Thi hành chỉ thị của trên và qua thực tế thí điểm ở một số cơ sở trong tỉnh ra đã đem lại nhiều kết quả tốt.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí đề nghị của Tỉnh đoàn Thanh niên và Quyết nghị:

1. Nay chính thức thành lập *Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước* tập trung ở tỉnh.
2. Tổ chức các *Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước* "Không thoát ly" ở cơ sở.

Đội Thanh niên xung phong là một tổ chức rộng rãi thu hút tất cả các thanh niên nam nữ từ 17 đến 30 tuổi, không phân biệt thành phần giai cấp, lương giáo, dân tộc có tinh thần yêu nước căm thù đế quốc Mỹ sâu sắc, tự nguyện tham gia đội ngũ làm lực lượng xung kích hoàn thành nhiệm vụ cách mạng đều có thể ra nhập Đội.

- Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung là đội thoát ly cơ sở sản xuất địa phương, tập trung thành đội ngũ biên chế tổ chức theo quân đội có quân phong, quân kỹ có chế độ chính sách riêng, lấy tiểu đội làm đơn vị cơ sở về học tập kỹ thuật quân sự rèn luyện thể lực.

Đội là một binh chủng đảm bảo giao thông vận tải, lúc bình thường là một đơn vị công nhân hoạt động trên các tuyến đường theo tính chất công trường, trong chiến tranh phá hoại của địch thì nhiệm vụ cần thiết bất cứ ngày đêm phải nhanh chóng giải phóng cầu đường, bảo vệ cầu đường, bến phà, v.v. với một tinh thần chiến đấu dũng cảm nếu cần tổ chức chiến đấu để bảo vệ địa phương.

+ Đội mang tính chất trường học đào tạo rèn luyện, vừa làm vừa học "Học văn hóa", học chính trị, học kỹ thuật chuyên môn để bổ sung cung cấp cho phong trào và các ngành sau này.

+ Đội lấy đoàn viên thanh niên lao động làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh đoàn Thanh niên và Ty Giao thông vận tải. Về chính quyền Đội phải có trách nhiệm báo cáo thỉnh thị theo thường kỳ quy định.

+ Đội xây dựng theo phuong châm từ nhỏ đến lớn dựa vào sức mình là chính, tổ chức chặt chẽ nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng công trình, trước mắt tổ chức lấy 3 đại đội với số lượng khoảng từ 5 đến 6 trăm đội viên, trong đó thanh niên dân tộc phải chiếm 2/3 so với tổng số, nữ thanh niên chiếm 30 - 40% và đảm bảo có từ 30 - 40% là đoàn viên, 5% trở lên là đảng viên.

+ Tùy theo số lượng đảng viên, đoàn viên được tổ chức thành Đảng ủy, chi đoàn, công đoàn, nữ công, v.v.. Tỉnh đoàn Thanh niên chịu trách nhiệm tổ chức và lãnh đạo đội. Để giúp Tỉnh đoàn Thanh niên chỉ đạo lãnh đạo trực tiếp sẽ tổ chức thành Ban chỉ huy đội, thành phần, số lượng khoảng từ 5 đến 7 người, gồm các đồng chí có trình độ khả năng do chỉ định của cấp trên, sinh hoạt động của Ban chỉ huy theo chế độ dân chủ tập trung, giúp việc cho Ban chỉ huy thành lập các bộ môn giúp việc gián tiếp đã được Chính phủ ban hành.

+ Về tổ chức các Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước ở cơ sở khác với tổ chức Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước là tập trung tổ chức của cơ sở, của đơn vị không thoát ly sản xuất ở đơn vị, ở địa phương, lấy hợp tác xã, đơn vị sản xuất làm cơ sở và thu hút lứa tuổi thanh niên còn ngoài hợp tác xã, nơi nào chưa có hợp tác xã thì tổ chức theo thôn xóm, ở các đơn vị sản xuất tập trung như công trường, xí nghiệp cơ quan thì lấy đơn vị sản xuất như phân xưởng, cửa hàng, đơn vị hành chính làm cơ sở để tập hợp làm nhiệm vụ đảm bảo sản xuất tốt, chiến đấu tốt và bảo vệ an ninh địa phương tốt để xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đồng thời tham gia đảm bảo an toàn biên giới (theo quy định cụ thể của Đoàn).

Tóm lại để thực hiện tốt công tác trên cần làm mấy việc như sau:

+ Về mặt tư tưởng đây là lần đầu tiên trong tỉnh ta tiến hành cuộc vận động thanh niên nam, nữ các dân tộc thoát ly xây dựng địa phương đảm bảo giao thông vận tải. Do đó, các cấp ủy về nhận thức cần quán triệt ý nghĩa quan trọng lãnh đạo cơ sở và tuyên truyền động viên giáo dục tư tưởng làm cho anh chị em thanh niên thấm nhuần mục đích ý nghĩa của việc tổ chức Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước của Đảng để ra là nhằm đào tạo, bồi dưỡng cho anh chị em có một trình độ khả năng chuyên môn nhất định để sau này phục vụ đắc lực cho nhân dân và coi đó là

một vinh dự cho dân tộc mình và hăng hái tự nguyện tự giác đi tham gia với một tinh thần ba săn sàng, đồng thời làm cho gia đình họ phấn khởi trước việc con em được vinh dự làm nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, vì trong công tác động viên tuyển lựa chú ý đảm bảo số lượng, chất lượng, tránh tư tưởng thành kiến hẹp hòi, hoặc mệnh lệnh gò ép hay ngược lại qua loa đại khái, v.v..

- Là một hình thức tổ chức mới thành lập thành phần có tính chất rộng rãi, nhiều dân tộc nhiều địa phương tập trung lại nên công tác lãnh đạo phải được đặc biệt quan tâm ngay từ cơ sở, phải lập lý lịch hồ sơ từng người và tập thể cấp ủy có ý kiến nhận xét, quá trình công tác phải đề cao công tác quản lý cả ba mặt cho tốt, khi sử dụng bồi dưỡng phải có sự cân nhắc thận trọng nhưng phải hết sức chu đáo tránh khuynh hướng thành kiến hẹp hòi đồng thời tránh làm ẩu, phiến diện. Động viên phong trào cho thật tốt; qua thái độ tinh thần và tiến bộ của con em... mà cảm hóa giáo dục lại gia đình, đồng thời qua phong trào địa phương mà động viên con em hoạt động ở công trường. Luôn luôn quan tâm đến việc củng cố phát triển đoàn, làm cho đoàn thực sự là hạt nhân của Đội và Đội là lực lượng xung kích trong mọi tình huống, qua công tác thực tế tổ chức thi đua bình bầu khen thưởng biểu dương những nhân tố mới, làm nòng cốt cho phong trào.

Đảng đoàn chính quyền, các Ban Tổ chức, Tuyên giáo, các ty: Giao thông, Tài chính, Lương thực, Thương nghiệp, Lâm nghiệp, Giáo dục, Y tế, Đảng ủy Tỉnh đội, v.v. có trách nhiệm giúp đỡ và cung cấp cán bộ, cấp kinh phí, lương thực thực phẩm và những phương tiện dụng cụ cần thiết phục vụ cho lao động sản xuất, đời sống và học tập.

Tỉnh đoàn Thanh niên, Đảng ủy và các đồng chí phụ trách Ty Giao thông có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhau để hợp pháp hóa theo thủ tục Nhà nước lãnh đạo tổ chức quản lý bồi dưỡng sử dụng tốt lực lượng thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước.

Nhận được chỉ thị này mong các cấp, các ngành có biện pháp cụ thể để thực hiện với tinh thần nghiêm chỉnh và báo cáo kết quả sau khi thực hiện lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy biết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 32-NQ, ngày 21-5-1966

**Về việc chuyển hướng công tác giáo dục
trong tình hình và nhiệm vụ mới**

Để đẩy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam bảo vệ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, thực hiện sự nghiệp thống nhất Tổ quốc; Đảng, Chính phủ đã đề ra phương hướng xây dựng kinh tế, tăng cường lực lượng quốc phòng, theo chức năng nhiệm vụ của mình, công tác giáo dục phải chuyển hướng để phục vụ đắc lực nhiệm vụ chính trị trên và với tình hình và nhiệm vụ mới.

Căn cứ vào Chỉ thị 84, 97 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 88 của Thủ tướng Chính phủ để tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo việc thực hiện chỉ thị và nghị quyết của Đảng đối với công tác giáo dục, đặc biệt là đối với công tác bồi túc văn hóa, sau khi nghe báo cáo về tình hình công tác giáo dục, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai ra nghị quyết sau đây về chuyển hướng công tác giáo dục trong tình hình và nhiệm vụ mới.

**I. TÌNH HÌNH LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN
CÔNG TÁC GIÁO DỤC CỦA CÁC CẤP ỦY**

Trong thời gian qua - kể từ khi Lào Cai giải phóng, các cấp ủy nói chung đều có nhiều cố gắng lãnh đạo sản xuất, chiến đấu và

các mặt công tác. Trong đó có công tác giáo dục. Vì vậy, nhân dân các dân tộc Lào Cai đã thu được thắng lợi to lớn về sự nghiệp giáo dục. Đặc biệt là trong 2 năm phán đấu mở chiến dịch tổng công kích giặc dốt nhằm cấn bản xóa song nạn mù chữ cho nhân dân; phát triển phong trào bồi túc văn hóa.

Sau 15 năm phán đấu gian khổ tính đến 30-11-1965, Lào Cai đã thanh toán cấn bản cho 119/123 xã (96,7%) và hai thị xã, trong đó có 23 xã xóa mù chữ bằng toàn chữ Mèo, 37 xã xen kẽ hai thứ chữ phổ thông và chữ Mèo. Từ 99,99% nhân dân mù chữ nay đã có 81,6%, dân số từ 12 đến 40 tuổi, 91,56% đoàn viên, 99,9% đoàn viên cán bộ chủ chốt, 97,1% thanh niên từ 16 đến (...) tuổi biết chữ.

Song song với phong trào bồi túc văn hóa, Lào Cai còn tích cực phát triển giáo dục phổ thông: Từ chỉ có 1,2 trường tiểu học hồi Pháp thuộc với mấy chục trò, ngày nay ta đã có 133 trường phổ thông cấp I với 1950 trò, 18 trường cấp II, 1 trường cấp III. Ngoài ra, còn có 7.800 học sinh mẫu giáo, vở lòng, ngày nay hằng ngày cứ 4 người dân có hơn 1 người đi học (27%).

Thành tích trên đây đánh dấu một bước ngoặt lịch sử và có ý nghĩa chính trị vô cùng to lớn trong đời sống văn hóa của 25 dân tộc Lào Cai, trừ bỏ đi một di sản vô cùng thâm độc trong chính sách ngu dân của thực dân Pháp. Trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân được nâng lên một bước đã góp phần củng cố Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, tăng cường đoàn kết dân tộc, phục vụ đắc lực cho ba cuộc cách mạng: Quan hệ, sản xuất, kỹ thuật và tư tưởng văn hóa, tạo điều kiện đưa Lào Cai tiến nhanh, mạnh, vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, tiến kịp và vượt miền xuôi về từng mặt.

Song, hiện nay sự lãnh đạo và phong trào giáo dục Lào Cai còn một số nhược điểm, thiếu sót phong trào phát triển (...) khắp các huyện, các vùng, các cơ sở, các đơn vị; chưa cân đối, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng.

* Công tác bổ túc văn hóa: Tốc độ phát triển chậm, chưa phục vụ thiết thực cho cách mạng kỹ thuật. Phong trào cơ quan xí nghiệp thất thường, chưa tập trung được vào cán bộ, đảng viên. Bổ túc văn hóa chữ Mèo còn nhiều khó khăn. Những khó khăn trong tình hình mới, một số nơi xảy ra tư tưởng thỏa mãn, hoặc có xu hướng buông trôi, bỏ lỏng việc lãnh đạo học văn hóa. Trình độ văn hóa của cán bộ, đảng viên tuy đã cố gắng nâng lên nhưng vẫn còn thấp chưa đáp ứng được với nhiệm vụ cách mạng, chủ yếu là cách mạng kỹ thuật.

* Giáo dục vùng cao phát triển chậm, tỷ lệ học sinh người dân tộc còn thấp, nhất là cấp II - III. Chất lượng nói chung còn yếu. Công tác mẫu giáo, việc phổ cập vỡ lòng, cấp I chưa được coi trọng đúng mực, chưa có biện pháp tích cực. Các lớp phổ thông, các cấp học phát triển không đều.

* Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhất là cán bộ quản lý, giáo viên người dân tộc, giáo viên bổ túc văn hóa, đặc biệt là giáo viên chữ Mèo còn thiếu và yếu. Bộ máy giáo dục các cấp chưa được kiện toàn và tăng cường đúng mực, công tác tư tưởng, chính trị chưa thật được chú ý đầy đủ và thường xuyên. Công tác tuyển sinh cho các trường đào tạo còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng.

Tình hình trên đây có nhiều nguyên nhân:

Một số cấp ủy chưa quán triệt tinh thần chỉ thị của Trung ương do đó phương hướng biện pháp để giải quyết mâu thuẫn của phong trào còn thấp và chưa tập trung lãnh đạo đầy mạnh việc phát triển giáo dục đúng mực, hoặc dành thời gian để tự học nâng cao trình độ văn hóa của cán bộ chủ chốt. Chưa thấy hết vị trí và tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục trong sự nghiệp cách mạng chung, và đường lối, mục đích, phương châm giáo dục của Đảng.

- Công tác tuyên truyền giáo dục, động viên gây phong trào hiếu học trong quần chúng nhất là thanh thiếu niên chưa làm được tốt, chưa huy động được mọi khả năng của quần chúng xây dựng trường sở, tổ chức trường, v.v..

- Sự kết hợp phôi hợp giữa ngành giáo dục và các tập thể quần chúng chưa chặt chẽ thực hiện phương châm kết hợp học và làm, vừa học văn hóa vừa học kỹ thuật, vừa học văn hóa vừa bồi túc chính trị chưa sát sao.

- Trình độ tổ chức, trình độ lãnh đạo và trình độ chính trị của một số cán bộ, giáo viên còn thấp nhất là lãnh đạo các phòng chưa làm đầy đủ chức năng tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền chưa nhạy cảm với những sai lầm của phong trào để kịp thời uốn nắn cho cấp dưới hoặc đề xuất với lãnh đạo tổ chức trường lớp cho phù hợp với hoàn cảnh từng nơi, từng lúc công tác quần chúng - phụ huynh trong một số cán bộ giáo viên chưa làm được tốt, còn ít chưa đáp ứng yêu cầu của phong trào.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới những ưu điểm và tiến bộ của công tác giáo dục Lào Cai còn chưa đựng những nhược điểm và thiếu sót về tư tưởng, trình độ tổ chức và lề lối làm việc cần được coi trọng khắc phục đào tạo cán bộ giáo viên người dân tộc.

II. XÁC ĐỊNH RỘ VỊ TRÍ VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁO DỤC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Để lãnh đạo và chỉ đạo tốt công tác giáo dục, trước hết cần xác định rõ vị trí, nhiệm vụ của công tác giáo dục:

1. Xác định vị trí công tác giáo dục: Chỉ thị 84 của Ban Bí thư Trung ương đã ghi: Công tác giáo dục có một vị trí rất quan trọng trong việc đóng góp vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng ở miền núi. Nhờ trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa được nâng cao đồng thời với việc nâng cao trình độ văn hóa và kỹ thuật... nhân dân các dân tộc ở miền núi sẽ có thêm điều kiện đẩy mạnh sản xuất, xây dựng đời sống mới mau chóng làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng thực sự giữa các dân tộc về mọi mặt, củng cố tình đoàn kết dân tộc.

- Chỉ thị 88/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 5-8-1965 quy định rõ: "Miền núi hiện nay có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng".

- Ngành giáo dục phải phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị đó, tức là *phục vụ đắc lực và thiết thực hơn nữa cho cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa, cách mạng, kỹ thuật ở miền núi*, phục vụ tích cực hơn nữa cho việc đào tạo cán bộ các cấp, các ngành ở miền núi, coi đó là khâu quan trọng nhất cho việc đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

- Đây là một điểm trọng yếu của chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ ta.

Bản Chỉ thị quy định tiếp: "Trong khi đẩy mạnh mọi mặt công tác giáo dục ở miền núi, phải đặc biệt chú trọng đến vùng cao, vùng hẻo lánh và dân tộc ít người - Phải tập trung sức hơn nữa vào việc nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ nhất là cán bộ trẻ và thanh niên, thiếu niên các dân tộc.

Vì vậy, cần tích cực, đẩy mạnh bồi túc văn hóa ở miền núi, nhất là đối với cán bộ, đảng viên và thanh niên, mở rộng các trường thanh niên dân tộc. Cần coi trọng phát triển các trường, lớp đào tạo cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý có trình độ sơ học và trung học chuyên nghiệp, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ đại học cho các dân tộc.

Nội dung học ở các trường, lớp miền núi phải tinh giản và thiết thực sát với thực tế miền núi hơn nữa.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên cần tăng cường cán bộ quản lý cho các cấp, các trường ở miền núi, tăng thêm giáo viên văn hóa và kỹ thuật cho các trường thanh niên dân tộc và các trường đào tạo cán bộ.

2. Nhiệm vụ cụ thể của công tác giáo dục ở Lào Cai

Công tác giáo dục là một động tác quan trọng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc nhất là trong tình hình nhiệm vụ mới, muốn vậy phải chú ý giải quyết mối quan hệ giữa số

lượng và chất lượng giữa trước mắt và lâu dài, giữa học tập sản xuất và chiến đấu, giữa yêu cầu và khả năng, giữa tính nguyên tắc và tính linh hoạt; nhiệm vụ công tác giáo dục trong thời gian tới là:

Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục cả về số lượng và chất lượng quan tâm đúng mực các vùng xa xôi hẻo lánh, dân tộc hẻo lánh, dân tộc ít người nhất là cấp II - III làm cho giáo dục phục vụ tốt yêu cầu cách mạng trong giai đoạn trước mắt và phục vụ tốt yêu cầu to lớn và lâu dài của cách mạng ở Lào Cai.

Phải gắn chặt hơn nữa việc học tập, giảng dạy và mọi mặt hoạt động của nhà trường với đời sống, sản xuất và chiến đấu, tiếp tục cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy, đảm bảo thực hiện tốt mục đích và phương châm giáo dục của Đảng, phấn đấu nâng cao từng bước chất lượng giáo dục, đồng thời phải tổ chức cho học sinh tích cực tham gia sản xuất và chiến đấu tùy theo từng lứa tuổi, từng cấp học, từng địa phương.

3. Đảm bảo an toàn, đảm bảo sức khỏe cho học sinh trong học tập, sản xuất và chiến đấu

4. Hết sức chủ động, sáng tạo để đề ra chủ trương biện pháp và hình thức học tập thích hợp với từng nơi, từng lúc đang đảm bảo cho sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh, vững chắc, tránh rụt rè, tụt lùi, nhưng cũng tránh đơn giản, thiếu tính toán. Cần chú trọng tăng cường công tác chỉ đạo và quản lý các trường học.

5. Phải đặc biệt coi trọng và tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị cho giáo viên và học sinh, phát động trong trường học nhiệt tình cách mạng cao, giáo dục chí căm thù sâu sắc đối với giặc Mỹ và bè lũ tay sai, nâng cao cảnh giác cách mạng, rèn luyện ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược cho thày và trò thấm nhuần tư tưởng dạy và học để chống Mỹ, cứu nước.

Thực hiện những nhiệm vụ trên, chúng ta có những khó khăn lớn sau*:

* Theo đúng bản gốc - BT.

a) Khó khăn:

- Phong trào chênh lệch giữa các xã và các địa phương, tư tưởng thỏa mãn, nghi ngờ xuất hiện, khí thế thi đua còn yếu, tốc độ của cán bộ, thanh niên còn chậm so với yêu cầu của cách mạng.

- Chất lượng dạy và học còn thấp nên tác dụng của việc học còn bị hạn chế, mặt khác trong chiến tranh chống phá của địch cũng gây cho ta một số khó khăn như điều kiện học tập, giờ giấc, cơ sở vật chất, trình độ, khả năng và số lượng cán bộ phục vụ phong trào còn yếu và thiếu.

- Về lãnh đạo và chỉ đạo, bộ máy chưa được chấn chỉnh để đảm đương được nhiệm vụ mới. Việc chỉ đạo về tổ chức và nội dung chất lượng học chưa chuyển hướng kịp thời và thấu suốt đến cơ sở, đến người học. Các ngành liên quan thiếu phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục trong việc chỉ đạo và giúp đỡ các cơ sở của mình.

- Điều kiện sinh hoạt hoàn cảnh cư trú, trình độ biết tiếng phổ thông có hạn, ý thức học tập cũng có ảnh hưởng nhất định đến việc duy trì và đẩy mạnh công tác giáo dục.

b) Thuận lợi:

+ Khí thế thi đua chống Mỹ, cứu nước của toàn dân là một sức mạnh tinh thần và vật chất cho phong trào giáo dục. Nhiệt tình cách mạng, tinh thần chống Mỹ, cứu nước đã nâng cao giác ngộ học tập, giúp các cấp chỉ đạo cũng như người dạy, người học vươn lên giải quyết mọi khó khăn, phát huy sáng kiến để hoàn thành nhiệm vụ. Chiến dịch tổng công kích giặc dốt thắng lợi được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Hai là một nguồn cổ vũ to lớn đối với cán bộ nhân dân Lào Cai.

+ Đảng, Chính phủ có các Chỉ thị 84, 97, 88, 10a về việc chuyển hướng công tác giáo dục đã có một chuyển biến mới trong các cấp ủy và trong các cấp giáo dục, là nguồn động viên, cổ vũ rất lớn đối với cán bộ, công nhân hăng hái thực hiện công tác giáo dục.

+ Sau 15 năm phát triển giáo dục, các cấp ủy đã có những kinh nghiệm, lãnh đạo, chỉ đạo là cơ sở phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ mới.

+ Quan hệ sản xuất mới hình thành, đời sống quần chúng dần được nâng cao, cơ sở đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng ngày càng lớn mạnh, trật tự an ninh được ổn định, cán bộ, nhân dân phấn khởi, ý thức học tập ngày càng tiến bộ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH HỌC

a) Bổ túc văn hóa:

1- Nhận rõ vị trí và yêu cầu cấp thiết của công tác bổ túc văn hóa: Chỉ thị 97 của Ban Bí thư Trung ương Đảng một lần nữa đã khẳng định: "Công tác bổ túc văn hóa có một vai trò trọng yếu, không những trước kia, hiện nay và còn lâu dài nữa. Đảng vẫn đặt công tác bổ túc văn hóa lên vị trí hàng đầu trong công tác giáo dục", và trước yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới: "Công tác bổ túc văn hóa phải được đặt ra cấp thiết hơn trước và phải bước vào một thời kỳ mới".

Đó là vì trước yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới, vấn đề cách mạng văn hóa và kỹ thuật - then chốt để tăng năng suất lao động - được đặt ra một cách cấp thiết. Bổ túc văn hóa có vai trò, tác dụng to lớn trong việc đẩy mạnh cuộc cách mạng văn hóa và kỹ thuật, tích cực góp phần đào tạo cán bộ và công nhân theo đường lối của Đảng.

Chính vì vậy mà trong khi vừa sản xuất và chiến đấu, chúng ta càng phải đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa, coi đó là một biện pháp quan trọng để nâng cao ý chí cách mạng, tăng cường khả năng chiến đấu, đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành kế hoạch nhà nước và củng cố quốc phòng. Sản xuất, chiến đấu và học tập phải gắn chặt với nhau như hình với bóng.

2- Nhiệm vụ: Nhiệm vụ cụ thể và trước mắt của công tác bổ túc văn hóa tinh ta hiện nay là:

* Tiếp tục thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân các dân tộc nói chung dưới 40 tuổi. Tập trung đẩy mạnh phong trào bổ túc

văn hóa, phấn đấu hoàn thành kế hoạch bồi túc văn hóa 5 năm lần thứ nhất với mức cao nhất và chất lượng cao nhất (nhiệm vụ bồi túc văn hóa là chủ yếu và phải bồi túc văn hóa trước hết cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên).

* Chấn chỉnh và tăng cường công tác bồi túc văn hóa, tích cực chuẩn bị và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

3- Đối tượng và nội dung học văn hóa

"Đối tượng của công tác bồi túc văn hóa là cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động, thanh niên công nông học sinh trở về sản xuất và nhân dân lao động nói chung".

"Nội dung học bồi túc văn hóa phải hết sức tinh giản và thiết thực, phải kết hợp chặt chẽ văn hóa kỹ thuật và chính trị, vừa đảm bảo những kiến thức khoa học cơ bản cần thiết vừa gắn liền với thực tiễn sản xuất, chiến đấu, công tác và đời sống. Chương trình phải sát với trình độ và yêu cầu học tập cùng các đối tượng và phải phản ánh đặc điểm của từng vùng kinh tế, vùng dân tộc".

Trong nội dung giảng dạy và học tập bồi túc văn hóa phải quán triệt cao độ phương châm: "Lý luận liên hệ với thực tiễn" ngoài chương trình chung có tinh giản và thiết thực. Đối với Lào Cai phải dạy cho người học những điều hiểu biết về xã hội, chính trị, kinh tế, tự nhiên của Lào Cai. Nhất thiết phải dạy cho người học những điều cần thiết về quản lý kinh tế, kỹ thuật sản xuất, cần áp dụng trong tỉnh nhất là cây lúa, cây ngô, cây đậu tương, chống xói mòn, chống "5 tệ"... phải rất tích cực thực hiện phương châm "Học đi đôi với hành" trong bồi túc văn hóa nhất là áp dụng những biện pháp kỹ thuật mới. Bồi túc văn hóa phải kết hợp phổ biến, giải thích và thực hiện những chính sách, chủ trương, chính sách của Đảng, tuyên truyền và thực hiện chính nếp sống mới. Thực hiện đoàn kết dân tộc xây dựng và phát triển nền văn hóa phong phú của dân tộc. Mỗi trường, lớp bồi túc văn hóa phải trở thành một đơn vị "Chống Mỹ, cứu nước".

4- Mức độ phấn đấu

Hoàn thành với mức cao nhất và chất lượng tốt nhất kế hoạch bồ túc văn hóa 5 năm lần thứ nhất trong toàn tỉnh vào ngày 2-9-1966 đổi với nông thôn và ngày 31-12-1966 cho cơ quan xí nghiệp.

Yêu cầu cụ thể về trình độ văn hóa của mỗi loại đối tượng theo đúng như Bộ Giáo dục quy định. Riêng về phân loại đối tượng cần có sự quy định cho phù hợp với tình hình thực tế trong tỉnh.

5- Mục tiêu phấn đấu

Căn cứ vào yêu cầu và khả năng của ta, mục tiêu phấn đấu của chúng ta về công tác bồ túc văn hóa từ nay đến hết năm 1970 như sau:

- Mau chóng hoàn thành xóa nạn mù chữ trong nhân dân.
- Cán bộ xã và hợp tác xã thì phải hoàn thành việc nâng lên trình độ cấp I và một số học lên cấp II (ở vùng cao thấp hơn 1 lớp).
- Cán bộ từ huyện trở lên và một số lớn đảng viên trẻ tuổi, đoàn viên thanh niên lao động thì phấn đấu nâng lên trình độ cấp II. Riêng cán bộ cao cấp, trung cấp, một bộ phận cán bộ sơ cấp, đảng viên, đoàn viên thanh niên công nông cần được nâng đến trình độ cấp III về một số môn cần thiết.
- Thanh niên và học sinh miền xuôi đi tham gia xây dựng kinh tế và văn hóa ở miền núi, ngoài việc học thêm về kỹ thuật, nghiệp vụ và quốc phòng, nếu đã có trình độ cấp I thì học xong cấp II, nếu học xong cấp II thì phấn đấu để nâng lên trình độ cấp III về một số môn.

6- Phương pháp phát triển và hình thức học

Các cơ sở sản xuất và các cơ quan cần trực tiếp quản lý công tác bồ túc văn hóa, lập quy hoạch bồ túc văn hóa kết hợp với quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân, xã viên trong mọi hoàn cảnh khó khăn cần cố gắng đảm bảo được thời giờ học và người dạy.

Củng cố và phát triển cả hình thức trường lớp theo phương hướng học tại chức là chính, đồng thời chú trọng đúng mực việc học tập trung và bán tập trung, vận dụng linh hoạt cho phù hợp với tình hình sản xuất và chiến đấu cho mọi vùng cụ thể là:

* Duy trì và phát triển các trường lớp cấp I, II ở các thôn, hợp tác xã cho đồng đảo cán bộ, đảng viên, đoàn viên do hợp tác xã quản lý, các trường bổ túc văn hóa ngoài giờ làm việc cơ quan, công trường, xí nghiệp tổ chức và quản lý hoặc chung cho nhiều cơ quan theo khu vực sơ tán do Ty Giáo dục quản lý.

* Đổi với một số cán bộ lãnh đạo cần thiết, cán bộ lưu động cần duy trì hình thức kèm cặp, phụ đạo hoặc cử giáo viên chuyên trách.

* Phát triển mạnh các trường lớp nửa tập trung và tập trung ngắn ngày luân phiên từng đợt ở xã. Liên xã hoặc ở huyện cho những đối tượng cần thiết phải nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa.

* Duy trì và củng cố các trường bổ túc công nông và mở rộng quy mô đối tượng bổ túc văn hóa cán bộ tỉnh. Quy mô từ 100 - 150 người tiến tới mở cấp III.

* Thí điểm phát triển một số trường bổ túc văn hóa kỹ thuật cấp II ở một số xã có yêu cầu và điều kiện.

* Xây dựng và mở rộng hệ thống Trường Thanh niên dân tộc ở các huyện theo hướng: "Quy mô nhỏ, gần dân" để nhanh chóng bổ sung lực lượng lao động mới của hợp tác xã và lực lượng dự trữ cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc. Chỉ tiêu từ 300 - 350 các chế độ theo như Chỉ thị 66/TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định.

* Tổ chức chiêu sinh, quy định chế độ, chính sách... đổi với loại trường này ở tỉnh là phải vận dụng linh hoạt những quy định của Trung ương cho phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

b) Giáo dục phổ thông

1- *Phương hướng:* Căn cứ vào tinh thần Nghị quyết 11, 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tình hình và nhiệm vụ mới xuất phát từ mục đích phong châm, từ hoàn cảnh thực tế nước ta, khả năng của tỉnh, yêu cầu học tập của nhân dân và điều kiện tâm lý sinh lý của học sinh như Chỉ thị 88/TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định: "Phải tiếp tục phát triển về số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng... nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị,

trước mắt và lâu dài của cách mạng", sự nghiệp giáo dục phải góp phần đưa Lào Cai tiến nhanh, mạnh, vững chắc lên chủ nghĩa xã hội... tiến kịp và vượt miền xuôi về từng mặt, làm cho Lào Cai trở thành một tỉnh vững vàng về chính trị, mạnh mẽ về quốc phòng, khá giả về kinh tế.

2- Nội dung học - mục tiêu quy mô, hình thức phát triển

1) *Mẫu giáo*: Mẫu giáo có vị trí quan trọng vì nó đặt cơ sở đầu tiên cho việc xây dựng con người mới và góp phần tích cực vào việc giải phóng sức lao động của phụ nữ. Mục tiêu của mẫu giáo là trên cơ sở tổ chức vui chơi mà giáo dục toàn diện cho trẻ, bảo vệ sức khỏe, phát triển thể chất, bồi dưỡng tình cảm rèn luyện giác quan, phát triển ngôn ngữ, chuẩn bị cho trẻ 7 tuổi tròn vào lớp 1 khi cải cách giáo dục. Vì vậy, cần củng cố tốt các lớp đã có, đồng thời cần tập trung phát triển và nâng cao chất lượng mẫu giáo ở các xí nghiệp, cơ quan và hợp tác xã quản lý.

2) *Võ lòng*: Trong khi chờ đợi cải cách giáo dục chuyển nhiệm vụ và nội dung lớp võ lòng vào đầu cấp I, cần tìm mọi cách để phổ cập võ lòng, trước hết là vùng thấp, phát triển mạnh ở vùng cao, đưa võ lòng vào hợp tác xã quản lý.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục - phụ nữ - công đoàn - hợp tác xã để bồi dưỡng tư tưởng, nghiệp vụ và giải quyết đời sống cho giáo viên mẫu giáo và võ lòng. Mặt khác, cần tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, nhân dân để mọi người hiểu và đóng góp, xây dựng vào việc phát triển võ lòng mẫu giáo.

3) *Mục tiêu cấp I* là giáo dục thiếu nhi theo 5 điều Bác Hồ dạy (yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, ghét đế quốc Mỹ; học tập tốt, lao động tốt, đoàn kết tốt, kỷ luật tốt; giữ gìn vệ sinh tốt, khiêm tốn, thật thà, dũng cảm), đảm bảo cho trẻ phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, xây dựng những tình cảm và thói quen tốt làm cơ sở đầu tiên cho việc giáo dục ở các cấp học trên. Vì vậy, cần phấn đấu trong một thời gian ngắn (1967-1968) thực hiện phổ cập cấp I ở vùng thấp. Phổ cập cấp I là một vấn đề có tính chất quần chúng,

cần làm cho quần chúng thông suốt và ủng hộ... các trường cấp I có trách nhiệm điều tra cơ bản, tuyên truyền mục đích giáo dục, chính quyền và các đoàn thể xã, hợp tác xã có trách nhiệm giải quyết đủ cơ sở vật chất, vận động con cái đi học đạt 90% số trẻ đến tuổi đi học và 90% phải đi học lớp 4.

- Thị xã Lào Cai, Cam Đường và các xã vùng thấp (không có thôn vùng cao) phải hoàn thành phổ cập cấp I vào năm học 1966-1967.

- Đối với vùng cao, vấn đề phổ cập cấp I có thể chậm hơn (1970). Song, cần phát triển nhiều trường có nơi nghỉ lại cả ngày có sẵn xuất tự túc hoặc có nơi nghỉ lại một buổi trong khi chưa có lực lượng giáo viên bố trí đến tận thôn xóm. Cần thực hiện phương châm: "Thầy tìm trò, trường gần dân, quy mô nhỏ".

- Việc phát triển phổ thông chữ Mèo ở vùng cao là cần thiết nhưng cần dạy xen kẽ tiếng chữ phổ thông ngay từ võ lòng để học sinh học xong lớp 4 đã có thể viết được chữ phổ thông và học hoàn toàn bằng chữ phổ thông ở cấp II. Cần giáo dục quan niệm đúng đắn về mối quan hệ giữa chữ quốc ngữ và chữ dân tộc.

4) *Cấp II*: Mục tiêu của cấp II là tiếp tục giáo dục thiếu niên theo điều Bác Hồ dạy một cách sâu sắc hòng đảm bảo cho các em một nền học vấn phổ thông được phát triển toàn diện và cân đối về tinh thần và thể chất (...) để chuẩn bị về ý thức và khả năng tham gia cuộc sống hoặc tiếp tục học lên (...).

Vì vậy, trong hai năm tới cần cố gắng tiến tới một khu vực chuyên và những vùng có đồng đồng bào khai hoang có một trường cấp II. Đến năm 1970 hầu hết các xã có trường cấp II (tối thiểu phải có lớp đầu cấp).

Cần chú ý xây dựng nơi nghỉ lại ở trường cấp II, giải quyết học bổng thích đáng cho học sinh dân tộc và học sinh khai hoang (phải đi học xa). Việc xây dựng cơ sở vật chất cần thực hiện phương châm của Trung ương ghi tại Chỉ thị 84: "Nhà nước và nhân dân cùng phổi hợp". Hiện nay, cần giải quyết tốt việc phát sách không lấy tiền cho tất cả các loại học sinh vùng cao.

5) Cấp III: Mục tiêu của cấp III là giáo dục thanh thiếu niên lý tưởng và đạo đức cộng sản, đảm bảo cho các em một nền học vấn phổ thông trung học hoàn chỉnh. Được phát triển toàn diện và cân đối về mọi mặt được chuẩn bị đầy đủ về tinh thần, khả năng, thể lực để sẵn sàng lao động sáng tạo xây dựng tổ quốc xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng làm nghĩa vụ quân sự hoặc tiếp tục học thêm.

Căn cứ vào yêu cầu cách mạng và khả năng kinh tế của tỉnh, cần cố gắng phát triển thêm một số trường cấp III trong năm học 1966-1967. Đến năm 1970 mỗi huyện phải có một trường cấp III.

Cần cố gắng đưa tỷ số học sinh so với dân số từ 6,3% năm 1965 lên 10% năm 1970. Riêng học sinh người dân tộc từ 31% năm 1965 lên 50% năm 1970.

Phải chú trọng vận động cho các em gái cũng được đi học như các em trai ở tất cả các cấp học

3. Phương châm

a. Gắn chặt hơn nữa việc học tập, giảng dạy và mọi mặt hoạt động của nhà trường với đời sống, sản xuất và chiến đấu.

b. Ra sức cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng tinh giản và vững chắc để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện mục đích phương châm giáo dục của Đảng. Đồng thời, phải tổ chức cho học sinh tham gia sản xuất và chiến đấu tùy theo lứa tuổi, cấp học và loại trường.

c. Kịp thời chuyển hướng nhà trường để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho học sinh, đảm bảo kế hoạch học tập và giảng dạy, đảm bảo duy trì trường lớp trong mọi hoàn cảnh.

d. Hết sức coi trọng công tác chính trị trong trường học, nhằm nâng cao tinh thần chống Mỹ, cứu nước, xây dựng quyết tâm cao độ thực hiện đầy đủ trách nhiệm nhà trường, phát huy tính chủ động và sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn để phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, làm cho mọi người thán nhuần chủ nghĩa anh hùng cách mạng, mỗi trường học đều trở thành một trường tiên tiến chống Mỹ, cứu nước.

IV. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng, cán bộ và nhân dân đối với sự nghiệp giáo dục

Cần phải làm cho đảng viên, cán bộ, nhân dân nhận thức đầy đủ vị trí vai trò, tác dụng của sự nghiệp giáo dục tổ chức học tập thật sâu rộng Chỉ thị 97/CTTW, ngày 18-5-1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa để các cấp ủy thấy rõ: "Công tác bổ túc văn hóa lúc này được đặc biệt coi trọng và lãnh đạo chặt chẽ nhằm đạt được mục đích là nâng cao trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục chính trị và khoa học - kỹ thuật, đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ trên quy mô lớn". Góp phần đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quốc phòng và Chỉ thị 88/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển hướng công tác giáo dục trước tình hình và nhiệm vụ mới, làm cho mỗi người có nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, tác dụng của giáo dục trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Bất cứ trong tình huống nào, các cấp ủy Đảng cũng phải lãnh đạo và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển, nhằm đáp ứng yêu cầu của cách mạng, yêu cầu cụ thể là:

Trên cơ sở nhận thức đó, động viên nhân dân ra sức xây dựng sự nghiệp giáo dục, các ngành các cấp có sự phối hợp chặt chẽ với Ban cán sự giáo dục đang chăm lo đến quyền lợi học tập của mỗi đảng viên, đoàn viên, hội viên, cán bộ và công nhân.

Tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị trong hàng ngũ giáo viên, làm cho giáo viên thấm nhuần sâu sắc đường lối, phương châm giáo dục của Đảng, đẩy mạnh phong trào thi đua "hai tốt", xây dựng trường tiên tiến chống Mỹ, cứu nước.

Tổng kết kinh nghiệm 15 năm diệt dốt và việc thực hiện kế hoạch bổ túc văn hóa 5 năm lần thứ nhất, đánh giá đúng đắn những cố gắng lớn lao của toàn Đảng, toàn dân, phát huy thành tích, quyết tâm đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục.

Tổng điều tra trình độ văn hóa trong tỉnh, giao nhiệm vụ học tập cho mỗi người. Đối với cán bộ, đảng viên, đoàn viên đi học là nhiệm vụ bắt buộc trên cơ sở (...) đạt kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo hoàn thành đúng chỉ tiêu đối tượng, chất lượng và mục tiêu phấn đấu đồng thời phục vụ cho việc xây dựng, chỉ đạo kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

2. Củng cố tổ chức gia sức đào tạo bồi dưỡng giáo viên: Việc chấn chỉnh tổ chức và đào tạo bồi dưỡng cán bộ là khâu có tính chất quyết định. Vì vậy trong thời gian tới cần:

a) *Thầy giáo*: Thầy giáo là lực lượng cốt cán của sự nghiệp giáo dục. Thầy giáo là người mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho trọng trách giáo dục những con người mới cho Tổ quốc. Thầy giáo phải có đầy đủ các tiêu chuẩn: Phẩm chất chính trị tốt, đạo đức gương mẫu, văn hóa nghiệp vụ vững vàng và sức khỏe đảm bảo, trong đó tiêu chuẩn chính trị, đạo đức là hàng đầu.

Công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên là nhiệm vụ trung tâm hiện nay nghiên cứu cải tiến phương pháp, bồi dưỡng đào tạo giáo viên, cán bộ đảm bảo chất lượng vững chắc đáp ứng yêu cầu khẩn trương trước mắt, lâu dài, nâng cao trình độ chính trị văn hóa. Thực hiện một bước vừa đỗ vừa chuyên.

b) *Đào tạo bồi dưỡng*:

Ra sức đào tạo bồi dưỡng, nhất là giáo viên mẫu giáo, vỡ lòng, bổ túc văn hóa và giáo viên chữ Mèo. Cần tích cực đào tạo giáo viên cấp I, cấp II, cấp III, nhất là giáo viên cấp II, III người dân tộc. Đồng thời có chế độ đãi ngộ thích đáng đối với những người làm công tác chữ Mèo.

Việc đào tạo phải đi đôi với việc quản lý, sử dụng, đãi ngộ, phải chú ý động viên chính trị đi đôi với việc giải quyết đời sống của giáo viên. Giáo viên bổ túc văn hóa, vỡ lòng, mẫu giáo do hợp tác xã quản lý và phải đảm bảo cho giáo viên có mức sinh hoạt bằng một xã viên lao động khá.

Các trường sư phạm phải quán triệt phương trâm: "Lý luận liên hệ với thực tiễn", "Học đi đôi với hành" giáo viên khi ra trường không những phải biết dạy phổ thông mà còn biết dạy vỡ lòng, bồ túc văn hóa, dạy lớp ghép, tổ chức lớp mẫu giáo, hiểu biết về chính sách, pháp luật của Nhà nước về tổ chức, và lề lối làm việc ở chế độ ta, nghiên cứu để có thể tiến tới mở những lớp đào tạo giáo viên bồ túc văn hóa trong hệ sư phạm các cấp.

Tăng cường giáo viên chuyên trách bồ túc văn hóa cho các xã, cần chú ý giáo dục tư tưởng, nghiệp vụ động viên tinh thần đi đôi với việc nghiên cứu chế độ đai ngộ những cán bộ tăng cường cho xã hiện nay. Các cán bộ chuyên trách phải theo các tiêu chuẩn: Là giáo viên quốc lập, giảng dạy được toàn cấp, tốt về chính trị tư tưởng, đạo đức tác phong, về kiến thức, có sức khỏe

3. Vấn đề chữ dân tộc: Việc sử dụng chữ Mèo để thanh toán mù chữ vùng dân tộc Mèo có ý nghĩa chính trị to lớn; hiện nay ta đang phát triển vỡ lòng và phổ thông chữ Mèo. Song, quan hệ giữa việc mở rộng giảng dạy chữ dân tộc với việc mở rộng sử dụng, với việc đào tạo bồi dưỡng giáo viên có những khó khăn chưa khắc phục được, nhất là việc đào tạo bồi dưỡng, quản lý, sử dụng giáo viên và việc sử dụng chữ Mèo trong công tác, đời sống. Đó là vấn đề yêu cầu của phát triển mới cần được khẩn trương giải quyết.

Các cấp ủy, các ngành tổ chức nghiên cứu Nghi quyết số 18 ngày 28-11-1962 của Ban Thường vụ Trung ương.

Các cấp ủy, các ngành cần quán triệt nhận thức về vấn đề chữ dân tộc. Đó là một mặt trong chính sách dân tộc của Đảng.

Quan hệ giữa chữ phổ thông và chữ Mèo là quan hệ hổ trợ. Chữ phổ thông là phương tiện cần thiết để các dân tộc tấn công vào khoa học - kỹ thuật tiên tiến cùng đồng bào cả nước. Trên cơ sở nhận thức ấy, tận dụng sử dụng chữ Mèo vào công tác sinh hoạt quần chúng: Thơ ca, sách, báo, tờ tin, các mẫu thống kê hợp tác xã nông nghiệp, khẩu hiệu, nhãn hiệu, văn bản thường, v.v..

Ban cán sự giáo dục cần nghiên cứu tổng kết 5 năm phát triển chữ Mèo cùng với các ngành liên quan tổ chức thực hiện.

Các ngành các cấp nghiên cứu đề xuất và có kế hoạch hướng dẫn và tiến hành sử dụng thuận lợi chữ Mèo, nhất là việc tuyên truyền đường lối, chính sách, tin tức, thời sự những vấn đề quan hệ đến đời sống hằng ngày của quần chúng, chú ý tuyển lựa cán bộ, công nhân viên dân tộc Mèo vào cơ quan các ngành các cấp.

V. TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY, CÁC NGÀNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC

Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi đối với việc phát triển sự nghiệp giáo dục. Các cấp ủy cần nắm lấy công tác giáo dục. Chủ yếu là lãnh đạo đường lối, mục đích, phương châm và các quan điểm cơ bản của Đảng về giáo dục, đặc biệt là việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên dân tộc, giải quyết đúng đắn giữa số lượng và chất lượng, giữa trước mắt và lâu dài, phải đảm bảo quan điểm giai cấp của Đảng trong công tác phát triển giáo dục.

Các cấp ủy phải coi trọng hơn nữa công tác bổ túc văn hóa, coi đó là một biện pháp quan trọng để nâng cao ý chí cách mạng, tăng cường khả năng lãnh đạo công tác, nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu, tri ân, hoàn thành kế hoạch nhà nước, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục:

* Các Ban Tổ chức, Kiểm tra, Ban Tuyên giáo các cấp cần chú ý nghiên cứu kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách, phát hiện uốn nắn đề xuất để giúp cấp ủy lãnh đạo đẩy mạnh phong trào phát triển.

* Tiếp tục củng cố và cải tiến bộ máy và phương pháp chỉ đạo của giáo dục.

- Kiện toàn lãnh đạo các cấp.

- Tăng cường chức phó, chú ý cán bộ dân tộc địa phương (Mèo, phụ nữ), các cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp, hành chính sự nghiệp, v.v cũng cố lại Ban lãnh đạo bổ túc văn hóa tinh, huyễn.

- Có kế hoạch bồi dưỡng tích cực cán bộ trong ngành về trình độ văn hóa, chính trị để đáp ứng yêu cầu của lãnh đạo phong trào.

- Bổ sung đủ biên chế của ngành, chuyên môn hóa cán bộ giáo dục không được điều động lung tung, tuy nhiên, nhất là cán bộ lãnh đạo và giáo viên cấp II, III, quan tâm bồi dưỡng chính trị, đạo đức cách mạng cho giáo viên cấp II, III, tích cực phát triển Đoàn, Đảng vào đội ngũ đó.

- Xác định rõ chức trách nhiệm vụ của Ban cán sự giáo dục: Đề xuất chủ trương, biện pháp trình Thường vụ và đôn đốc các cấp và các ngành thực hiện nghị quyết phát triển giáo dục. Đảng đoàn chính quyền cần nghiên cứu củng cố Ban lãnh đạo bổ túc văn hóa các cấp và Ban giáo dục xã, cùng với Ban cán sự nghiên cứu bổ sung những quy định chế độ cụ thể đối với công tác giáo dục.

- Ngành giáo dục và các ngành, các đoàn thể quần chúng nhất là thanh niên và công đoàn, phụ nữ, phụ lão phổi hợp chật chẽ trong việc chỉ đạo công tác giáo dục, tuyên truyền giáo dục động viên đôn đốc hội viên, đoàn viên tham gia học (...) đúng trường sở.

Công tác giáo dục giữ vị trí quan trọng trước mắt và lâu dài, phải thông suốt tư tưởng từ trên xuống dưới, nhiệm vụ lớn của toàn Đảng, toàn dân.

Ban Thường vụ mong các cấp ủy nghiên cứu kỹ nghị quyết này và có kế hoạch cụ thể để thực hiện đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ TOÀN THỂ
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 30-BB/TU, ngày 29-5-1966

Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai từ ngày 16-5-1966 đến 28-5-1966, có mặt các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Khánh Vinh, Lê Bá Hội, Việt Tiến, Trần Long, Vân, Cự, Triệu, Văn Sơn, Thương, Páo, An, Nghị, Thúy, Tất, Kính, Tả, Việt Sơn. Vắng mặt đồng chí Mô đi họp Hà Nội.

Hội nghị bàn các vấn đề sau đây:

- Thông qua bản báo cáo dự thảo năm 1965 và thảo luận một số công tác trước mắt.

- Kiểm điểm cá nhân cấp ủy viên trong nhiệm kỳ.
- Phổ biến một số chỉ thị, nghị quyết của Trung ương.

Cụ thể từng vấn đề như sau:

**I. KIỂM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHONG TRÀO
NĂM 1965 VÀ NGHỊ QUYẾT MỘT SỐ CÔNG TÁC
TỪ NAY ĐẾN HẾT NĂM 1966**

1. Kiểm điểm đánh giá tình hình phong trào năm 1965

Bản báo cáo dự thảo năm 1965 do đồng chí Khánh Vinh Ủy viên Thường vụ thường trực Tỉnh ủy trình bày và bản báo cáo bổ sung về lề lối làm việc của Tỉnh ủy do đồng chí Trường Minh Bí thư

Tỉnh ủy trình bày trước Ban Chấp hành. Qua thảo luận phân tích toàn thể Ban Chấp hành căn bản đều nhất trí với hai bản báo cáo mà Thường vụ đã dự thảo.

Kết thúc phần này sau 3 ngày thảo luận phân tích, đồng chí Trưởng Minh đã kết luận các ý kiến thảo luận về bản báo cáo năm 1965, đại ý: Ban Chấp hành đã tập trung được ý chí phân tích bổ sung bản báo cáo rất phong phú, các ý kiến nêu ra, tóm lại đều nhất trí với báo cáo dự thảo. Đánh giá về mặt thành tích, Ban Chấp hành đều khẳng định năm 1965 dưới ánh sáng Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Trung ương, và sự vận dụng linh hoạt sáng tạo vào tình hình địa phương của Ban chấp hành Tỉnh ủy, cùng với sự cố gắng quyết tâm thực hiện của các cấp, các ngành, nên đã phát động được khí thế thi đua sôi nổi trong toàn Đảng, toàn dân, đẩy mạnh mọi mặt sản xuất, chiến đấu xây dựng căn cứ địa miền núi, và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Tóm tắt một số nét chủ yếu thành tích đã đạt được như:

- *Về sản xuất nông nghiệp*: Do đã quán triệt vấn đề tăng vụ lúa ở vùng thấp, tăng vụ hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày ở vùng giữa và vùng cao, nên về mặt diện tích các loại nói chung đều vượt kế hoạch. Về cây lương thực như lúa, ngô, khoai lang, đao riêng, sắn đều vượt kế hoạch, loại vượt ít nhất là 4% (lúa chiêm), loại vượt cao nhất là 24% (đao riêng); cây công nghiệp như đậu tương, thảo quả, chè cũng đều thực hiện vượt mức kế hoạch, đặc biệt về chỉ tiêu đậu tương đã được đẩy mạnh rất nhanh (loại này vượt kế hoạch 55%, tăng gấp 10 năm trước đây cộng lại). Đi đôi với phát triển diện tích, các biện pháp thâm canh tăng năng suất, làm thủy lợi, làm phân, chọn giống lọc giống và việc làm ruộng thí điểm, v.v. nói chung đều được đẩy mạnh và có những vấn đề đã trở thành phong trào của quần chúng, như việc làm thủy lợi, làm phân. Nhờ biện pháp kỹ thuật được đẩy mạnh nên đã đưa năng suất bình quân về lúa chiêm đạt 23, 35 tạ một ha; lúa mùa vì bị mưa lũ, nên năng suất chỉ đạt xấp xỉ kế hoạch, nhưng vẫn vượt

hơn so với năm 1964. Do năng suất tăng, cộng với tăng của việc mở rộng diện tích, nên về tổng sản lượng lúa cả năm so với 1964 đã tăng lên 1.500,000 kg. Riêng về ruộng thí nghiệm năm qua đã tiến hành ở 75 điểm với 85 ha diện tích (cả chiêm, mùa) và tổng kết ở 10 hợp tác xã đã đạt năng suất bình quân 5 tấn một ha trên diện tích 2 vụ, 15 hợp tác xã khác năng suất xấp xỉ 5 tấn một ha, đột xuất có điểm thí nghiệm đạt từ 6 đến 9 tấn một ha trên diện tích 2 vụ, và từ 4 đến 5 tấn ở diện tích một vụ từ thí nghiệm đó có thể đi đến kết luận đối với vùng thấp tỉnh Lào Cai có khả năng phấn đấu đạt 5 tấn một hécta.

- Về hợp tác hóa nông nghiệp: Mặt này sau khi tổng kết Nghị quyết 5 của Trung ương Đảng, phong trào nói chung đã có nhiều mặt tiến bộ, tỷ lệ hợp tác xã từ 58,8% năm 1964 đã phát triển lên 77% năm 1965, vượt chỉ tiêu 2,29%; trong ba vùng (cao, giữa, thấp) thì vùng cao do khôi phục được những hợp tác xã trước đây bị vỡ nên tỷ lệ phát triển cao hơn so với các vùng khác (từ 49% năm 1964, đưa lên 72,3% năm 1965). Về hợp tác xã cấp cao đã có 31,8%; qua phân loại thì tỷ lệ hợp tác xã khá ngày càng tăng, từ 22% của năm 1964 nay đã đưa lên 34,06% và hợp tác xã kém cũng đã giảm dần, từ 24% của năm 1964 nay giảm xuống còn 21%. Đi đôi với phát triển, công tác ba khoán ngày càng nhiều (35,3%) ba quản trong hợp tác xã cũng đã có nhiều tiến bộ hơn so với trước, bình quân giá trị ngày công ở các huyện nói chung đều tăng (huyện Bát Xát vụ chiêm bình quân 1đ09 một công, huyện Bảo Thắng 1đ14, huyện Sa Pa vụ mùa bình quân 3 kg thóc một công); điểm tiến bộ rất lớn kể từ khi có phong trào hợp tác xã đến nay là việc các hợp tác xã nói chung đều đã thanh quyết toán xong, sau vụ thu hoạch.

Về công tác cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp: Sau đợt thí điểm tiến hành ở xã Quang Kim, đã triển khai mở diện đợt 1 tại 11 xã rěo thấp gồm 72 hợp tác xã (số này kể cả các hợp tác xã khai hoang nằm trong diện các xã cải tiến, cũng đều tiến hành cải tiến). Đánh giá kết quả việc cải tiến ở xã thí điểm đã qua hai vụ

sản xuất, chứng tỏ rằng nhờ có cải tiến kinh tế tập thể được phát huy mạnh mẽ, các phương án xây dựng đều thực hiện được tốt; nơi đang cải tiến về kế hoạch ngày công, về biện pháp kỹ thuật, về cải tiến công cụ, cũng như việc quy hoạch thủy lợi, giao thông nông thôn... đều được đẩy mạnh; mặt khác về kế hoạch phân bố đất đai, phương hướng sản xuất đã được quy hoạch từ hợp tác xã tới xã, từ xã lên huyện được cân đối toàn diện.

- *Về tình hình sản xuất công nghiệp:* Trong hoạt động công nghiệp, từ sau ngày 11-7 do địch liên tiếp phá hoại đường giao thông làm cho sự vận chuyển từ địa phương tới Trung ương - từ Trung ương về địa phương bị trở ngại, gây ra ứ đọng hàng hóa, nguyên nhiên liệu thiếu, việc xây dựng cơ bản cũng do tình hình mới phải chuyển hướng kế hoạch, hoặc một số cơ sở phải sơ tán di chuyển địa điểm sản xuất, tạo ra sự không ổn định, cường độ lao động căng thẳng, v.v.. Nhưng với ý chí thi đua quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, các cấp ủy, đảng viên, công nhân đã khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tranh thủ tạo mọi điều kiện để khôi phục vận chuyển, nhanh chóng ổn định cơ sở sản xuất. Do đó, công nghiệp địa phương (kể cả quốc doanh và thủ công nghiệp) đã đạt được 76,3% kế hoạch, so với năm 1964 tăng hơn 1,3%; về giá trị tổng sản lượng đạt 65,9% (nhóm A đạt 50,1%, nhóm B đạt 49,1%). Nhìn chung, hoạt động trong công nghiệp không đạt được kế hoạch và việc phục vụ cho những khâu quan trọng cũng không đạt yêu cầu nhiệm vụ, nhưng so với năm 1964 thì trên một số mặt như phục vụ giao thông, thủy lợi, và phục vụ nông nghiệp đều có tăng trên dưới 20%; đặc biệt về mặt phục vụ nông nghiệp không chỉ tăng về số lượng và mặt hàng, mà về chất lượng mặt hàng, thái độ phục vụ đều đã có sự cải tiến sửa đổi được tốt, được quần chúng hoan nghênh.

Riêng về thủ công nghiệp, về số lượng người tham gia đã phát triển tăng hơn năm 1964 là 16% và về cơ sở sản xuất cũng phát triển tăng hơn năm 1964 là 30%. Năm qua ngoài việc mở rộng cơ sở

xuống các thị trấn, đặc biệt đã xây dựng thí điểm được tổ rèn nầm trong hợp tác xã nông nghiệp, nhằm tạo ra tiền đề trong việc cơ khí nhỏ trong hợp tác xã sau này. Do số lượng được phát triển, cơ sở được mở rộng, và được sự chú ý lãnh đạo của các cấp ủy, nên giá trị tổng sản lượng đạt 100,4%, so với năm 1964 tăng 4,5%.

- *Công nghiệp của Trung ương ở địa phương*: Năm qua trong hoàn cảnh chiến tranh, tuy có nhiều khó khăn, nhất là nhiên liệu bị thiếu, vận chuyển nhiều khi bị gián đoạn, sản xuất một số cơ sở phải tránh giờ cao điểm, v.v.. Nhưng nói chung về tổng sản lượng, năng suất lao động, giá thành, đều phấn đấu tốt, đạt và vượt kế hoạch.

- *Công tác giao thông vận tải*: Về giao thông, năm qua được xác định là nhiệm vụ trung tâm chủ yếu, được các cấp ủy tăng cường lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ, cộng với sự quyết tâm rất lớn của ngành giao thông mặc dù có những khó khăn do địch phá hoại, mưa lũ, và thiếu nhân lực, nhưng đã phấn đấu đảm bảo khối lượng công trình đạt xấp xỉ kế hoạch (98,8%). Đặc biệt đã phát động được nhân dân tham gia xây dựng được nhiều đường giao thông nối liền đường trực giữa huyện với tỉnh, như đường Pha Long - Mường Khương, đường Bắc Hà - Phong Niên, đường Cam Đường - Phú Nhuận, đường nông thôn từ xã tới huyện, năm qua cũng đã có nhiều cống, đã huy động trên một vạn ruồi ngày công, vừa sửa chữa vừa làm mới được gần 100 cầu treo, cầu gỗ. Do đường giao thông được mở rộng đã góp phần đẩy mạnh mọi mặt hoạt động, một số nơi nhờ đó đã sử dụng được tốt các loại xe vận tải thô sơ, phục vụ cho phong trào thâm canh tăng năng suất phát triển.

Về công tác vận tải, mặc dù phương tiện chuyên trở hàng hóa của Lào Cai ngay khi lên cân đối đã bị thiếu; đến khi có chiến tranh phá hoại lan tới địa phương, khối lượng vận chuyển phục vụ cho sơ tán và quốc phòng đòi hỏi rất lớn và khẩn trương. Nhưng đã khắc phục mọi khó khăn, tạo mọi điều kiện như: đóng thuyền chạy đoạn đường sông; phát triển xe trâu vận chuyển đường ngắn; tăng ca, tăng giờ vận chuyển đường dài đối với xe cơ giới... Do đó, nhiệm

vụ vận tải thuộc nội tỉnh nói chung đã tương đối đảm bảo được yêu cầu, với mức độ cố gắng.

- *Công tác thương nghiệp tài chính*: Hoạt động trong thương nghiệp tài chính, năm qua đứng trước tình hình cuộc chiến tranh phá hoại lan tới địa phương, việc vận chuyển khó, hàng hóa thiếu, phương thức thu mua phân phôi phải phân tán nhỏ nhiều nơi... Nhưng đã cố gắng phấn đấu đảm bảo được một số những mặt hàng thiết yếu phục vụ kịp thời cho chuyển hướng kinh tế, phục vụ chiến đấu, góp phần ổn định tình hình chính trị và đời sống quần chúng được tương đối tốt, mặt lưu thông phân phôi tài chính cũng đã hướng vào phục vụ nông nghiệp được tốt.

- *Công tác văn hóa, giáo dục, xã hội*: Hòa chung với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, trên lĩnh vực văn hóa đã phát động phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh ở các xí nghiệp, công trường, cơ quan, trường học, công tác sân khấu trong đồng bào các dân tộc cũng đang trên đà phát triển. Đi đôi với sự phát triển của phong trào văn nghệ quần chúng, các đội tuyên truyền lưu động của huyện, tỉnh đã được thành lập; nhiều xã, hợp tác xã đã xây dựng lại hệ thống phát thanh như thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Cùng với sự nghiệp văn hóa, phong trào vệ sinh yêu nước, sạch làng tốt ruộng cũng ngày càng phát triển rộng rãi trong nông thôn; việc tiêm thuốc phòng tả, phun thuốc muỗi được đẩy mạnh; các trạm xá dân tự làm cũng được xây dựng nhiều thêm... Đó là những hướng đi rất đúng của công tác văn hóa, y tế, nhằm đẩy mạnh nhiệm vụ sản xuất chiến đấu; đưa ánh sáng khoa học và cuộc sống vui tươi lành mạnh phục vụ quần chúng, góp phần đẩy lùi một bước sự mê tín dị đoan và những tập tục xấu trong đồng bào các dân tộc.

Về công tác giáo dục, năm qua đã có Nghị quyết 13 của Tỉnh ủy, đã động viên được phong trào và hoàn thành việc xóa nạn mù chữ trong toàn tỉnh vào ngày 30-11-1965. Đây là một thắng lợi to lớn có ý nghĩa chính trị sâu sắc trong nhân dân các dân tộc ta.

- Tình hình công tác chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu chống mọi hoạt động của địch: Dưới ánh sáng Nghị quyết 11 và Nghị quyết 39 của Trung ương, Tỉnh ủy đã tiếp thu nhạy bén và chấp hành nghiêm chỉnh do đó khi chuyển sang tình hình thời chiến, nhất là khi cuộc chiến tranh phá hoại bắt đầu lan tới địa phương vào ngày 11-7 và tiếp đó chúng liên tiếp uy hiếp bầu trời các thị trấn, thị xã, dọc ven đường sắt. Tuy thời kỳ đầu cũng có lúng túng, nhưng cơ bản là chủ động, và nhanh chóng ổn định được tình hình, không hoang mang dao động và mọi mặt công tác vẫn thường xuyên được đẩy mạnh; một số nơi trong thời bình mọi hoạt động tỏ ra bê trễ nhưng khi chuyển sang thời chiến thì phong trào lại trở lên mạnh mẽ và tiến bộ đột xuất.

Về mặt xây dựng lực lượng quốc phòng, đã tiến hành bảy đợt tuyển binh (số lượng gấp 3 lần năm 1964), vừa đảm bảo số lượng, chất lượng và thời gian; đồng thời khẩn trương xây dựng bộ đội địa phương và từng bước tăng cường cán bộ quân sự thay thế, bổ sung cho số cán bộ thường trực trên điêu di; mặt khác đã hoàn thành xong kế hoạch giáo dục chính trị kỹ thuật, nhanh chóng đảm nhiệm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Về lực lượng dân quân tự vệ đã phát triển thêm số lượng bằng 10,9% so với tổng số dân quân toàn tỉnh, thanh toán được 17 thôn tráng trước đây chưa có dân quân; đi đôi với phát triển đã chú ý củng cố về mặt chất lượng tốt, đã tiến hành thực tập chiến đấu bảo vệ thị trấn miền núi liên hoàn kết quả khá.

Việc xây dựng lực lượng công an vũ trang, đã hoàn thành việc giáo dục chính trị nghiệp vụ, đảm bảo tốt nhiệm vụ bảo vệ biên giới và các mục tiêu quan trọng; đồng thời đã tiến hành chuyển giao chức năng, nhiệm vụ và bàn giao lực lượng giữa tỉnh đội với công an vũ trang theo Nghị quyết 116 của Trung ương được tốt. Đối với lực lượng công an xã năm qua đã tiến hành tổ chức lớp huấn luyện tập trung có kết quả; hàng ngũ lãnh đạo trưởng, phó công an xã đã được củng cố và tăng cường chất lượng.

Về mặt trấn áp phản cách mạng và trị an xã hội, sau khi được Tỉnh ủy uốn nắn phê phán và chỉ đạo chặt chẽ, đã giải quyết được 30 vụ án phản cách mạng út động của 3 năm trước, trong thời gian 3 tháng. Một khác, đã tiến hành công tác tập trung cải tạo và cải tạo tại chỗ đối với tể, nguy, phỉ chưa chịu cải tạo được nhanh gọn, đúng đường lối, chính sách. Công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích đã tiến hành thực tập nhiều lần, đã xác định được các địa bàn xung yếu và có phương án phòng, chống cụ thể. Một khác, bảo vệ nội bộ thể hiện trong việc sơ tán cơ quan, kho tàng, nói chung được đảm bảo an toàn tốt.

- *Công tác đảng và công tác đoàn thể quần chúng*: Mọi mặt hoạt động năm 1964 có những thành tích như nêu trên, một phần là do công tác Đảng và công tác các đoàn thể quần chúng được cấp ủy các cấp chú ý đẩy mạnh nhất là trong phong trào thi đua xây dựng chi bộ, đảng bộ bốn tốt; phong trào ba đảm đang, ba sẵn sàng, phong trào thi đua xây dựng đơn vị tiên tiến quyết thắng... từng mặt đạt được như:

+ Về công tác tuyên truyền giáo dục tư tưởng đã liên tiếp mở nhiều đợt tuyên truyền giáo dục tập trung lớn từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, về hình thế mới, Nghị quyết 11; năm quan điểm chống Mỹ; tình hình nhiệm vụ đông - xuân 1965 - 1966. Ngoài những đợt giáo dục tập trung lớn còn tiến hành những đợt tuyên truyền giáo dục có tính chất phục vụ ngành, vùng, và phục vụ nội bộ như: Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, cuộc vận động ba xây ba chống; cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng phát triển kinh tế văn hóa miền núi; cuộc vận động tăng cường bảo vệ trị an, củng cố quốc phòng, cảnh giác cách mạng; cuộc vận động tự lực tự cường đoàn kết quốc tế giữa hai tỉnh Lào Cai - Vân Nam và với công nhân Trung Quốc sang giúp Việt Nam; cuộc vận động củng cố bảo vệ Đảng. Mỗi đợt tuyên truyền giáo dục tư tưởng đều gắn liền giữa đường lối, nhiệm vụ của Trung ương với nhiệm vụ của địa phương; đồng thời, mỗi đợt

học tập đều có liên hệ kiểm điểm, từng cấp đều có xây dựng nghị quyết hành động của cấp mình. Do đó đã tạo ra một khí thế thi đua mới trong toàn Đảng, toàn dân. Về số lượng tham gia, đặc biệt riêng đối với Nghị quyết 11 của Trung ương đã được tiến hành học tập tới ba lần, số đảng viên tham gia học tập trung nhiều nơi đã đạt tỷ lệ 100%.

+ Công tác tổ chức chủ yếu là công tác xây dựng chi bộ bốn tốt đã đảm bảo 100% số chi bộ có chương trình đăng ký phấn đấu xây dựng chi bộ bốn tốt. Ngay từ đầu năm, và mỗi lần sơ kết nhiệm vụ đều có sơ kết công tác chi bộ bốn tốt. Qua sơ, tổng kết, số đạt danh hiệu chi bộ bốn tốt trong toàn tỉnh có thể đạt trên dưới 40%; số đảng viên đạt danh hiệu đảng viên bốn tốt, lao động tiên tiến, và chiến sĩ thi đua chiếm trên 70% tổng số đảng viên toàn tỉnh. Do phong trào thi đua xây dựng chi bộ bốn tốt được đẩy mạnh đã thúc đẩy nhiều chi bộ trước đây thuộc loại kém nay đã vươn lên thành chi bộ khá, và nói chung các chi bộ đạt danh hiệu chi bộ bốn tốt đã phát huy tác dụng tốt trong việc phấn đấu thực hiện kế hoạch nhà nước; thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn; chấp hành các chính sách của Đảng, và Nhà nước; thực hiện tốt các nguyên tắc về xây dựng Đảng, v.v..

+ Công tác kiểm tra kỷ luật đảng viên: Năm qua đã xác định đúng phương hướng là kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, gắn liền với kiểm tra việc làm trái điều lệ kỷ luật của Đảng; trái đạo đức cách mạng và vi phạm pháp luật Nhà nước; thông qua đó mà góp phần phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và các công tác trọng tâm của Đảng, cũng như công tác xây dựng Đảng. Công tác kiểm tra đã kết hợp với công tác tổ chức, tư tưởng được chặt chẽ và đã tiến hành được một số cuộc kiểm tra lớn, có tác dụng giáo dục không những chỉ riêng trong nội bộ Đảng, mà còn có tác động tốt đến cả quần chúng, đồng thời qua một số nơi được kiểm tra, phong trào sau đó đã tiến vượt hẳn lên, chứng tỏ việc kiểm tra đã có tác dụng thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ kết

quả tốt hơn, ví dụ như các cuộc kiểm tra đối với Chi bộ Ty lương thực, cuộc kiểm tra Chi bộ xã Sín Chéng (Bắc Hà), cuộc kiểm tra việc trấn áp phản cách mạng trong ba ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án... Riêng công tác kỷ luật đảng viên cũng đã đi đúng phương hướng, chấp hành đúng nguyên tắc thủ tục nên số vụ đảng viên bị thi hành kỷ luật sau đó đều tỏ ra ăn năn hối lỗi, quyết tâm sửa chữa sai lầm.

+ Công tác tổ chức đoàn thể quần chúng: Năm qua, cùng với phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước, các đoàn thể quần chúng đều đã tập trung mục đích tập hợp lực lượng, đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất - chiến đấu, nói chung khí thế được nâng lên sôi nổi.

Đối với tổ chức thanh niên, đã lấy phong trào ba sẵn sàng, học tập gương chiến đấu, chí Dũng cảm, tinh thần rất mực yêu nước của liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi làm mục tiêu phấn đấu. Trên các lĩnh vực hoạt động, nhất là lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, những việc khó khăn thanh niên đã đóng vai trò đầu tàu thúc đẩy, như việc khai vỡ nương ruộng bậc thang, việc làm phân, làm thủy lợi tưới tiêu khoa học và việc làm ruộng thí nghiệm sản lượng cao, v.v..

Về tổ chức phụ nữ, cũng lấy phong trào ba đảm đang làm cuộc vận động chính trị để thúc đẩy mọi hoạt động của Hội. Do thám nhuần cuộc vận động chính trị, ở xí nghiệp nhiều đơn vị tổ chức hoàn toàn là phụ nữ đã đảm bảo được toàn bộ khối lượng nhiệm vụ, đạt năng suất và chất lượng cao; trong công nhân, viên chức có nhiều tổ nữ công đã phát huy sáng kiến đưa hiệu suất công tác đạt được kết quả khá; ở nông thôn ngoài việc sản xuất, điểm tiến bộ của phong trào năm qua là có nhiều phụ nữ ở rèo cao đã tình nguyện để chồng con đi tái ngũ, tòng quân.

Về tổ chức công đoàn, vai trò và hoạt động của công đoàn năm qua đã có tác dụng rất lớn trong việc giáo dục tư tưởng, động viên thi đua, nhất là trong phong trào thi đua xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa. Phong trào này đã được tổ chức rộng khắp trong các xí nghiệp, đơn vị kinh doanh thương nghiệp, cũng như các cơ

quan hành chính sự nghiệp, đã góp phần tích cực thúc đẩy việc xây dựng con người mới và hoàn thành kế hoạch nhà nước.

Riêng phong trào phụ lão, sau khi được phục hồi lại tổ chức, đã tập hợp được lực lượng, phát huy nhân tố tích cực của các cụ trong việc trồng cây gây rừng, chăm sóc đồng ruộng, chấp hành các chính sách, giáo dục đoàn kết tầng lớp trên, cải tạo mo then, v.v. có nhiều tác dụng tốt.

Tóm lại, đánh giá về mặt thành tích, đồng chí Trường Minh nhấn mạnh tinh ta trong điều kiện một tỉnh có nhiều dân tộc, trình độ mọi mặt khác nhau, nhưng các dân tộc đều đoàn kết, nhất trí, chấp hành nghiêm chỉnh mọi đường lối, chính sách của Đảng, đời sống được nâng cao. Thành tích của năm 1965, mà toàn thể Ban Chấp hành đã các nhận, đó là một thắng lợi to lớn, có ý nghĩa chính trị sâu sắc. Có thắng lợi đó trước hết là do cấp ủy đã nắm vững và vận dụng đúng đắn đường lối, chính sách của Trung ương vào địa phương; giáo dục động viên được đông đảo quần chúng các dân tộc thực hiện nghị quyết của Đảng; đoàn kết nhất trí trong Đảng và quần chúng và các cấp các ngành quyết tâm đi vào phong trào, động viên phong trào. Mặt khác, năm 1965 lại có được Nghị quyết 11 của Trung ương Đảng soi sáng, càng cổ vũ động viên tinh thần yêu nước, căm thù địch trong toàn Đảng, toàn dân, chúng ta một cách rất mạnh mẽ, nên đã đạt được những thành tích to lớn như vậy.

*
* *

Bên cạnh thành tích đạt được. Về mặt tồn tại của phong trào, đồng chí Trường Minh tóm tắt ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành về thiếu sót nổi lên và thể hiện tập trung ở bốn vấn đề lớn trong năm qua, cần phải ra sức khắc phục lại.

1. Về biện pháp tăng năng suất lao động, nói chung trong các ngành kinh tế, văn hóa, sự nghiệp và biện pháp thâm canh tăng năng suất cây trồng nói riêng trong nông nghiệp, nhằm nâng cao hơn nữa sức lao động và khối lượng sản phẩm hàng hóa, vấn đề này đang là một tồn tại rất lớn.

Tình hình hiện nay đặt ra là trong điều kiện vừa sản xuất vừa chiến đấu; trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu - nhất là với hoàn cảnh tinh ta, đặc biệt là trong nông nghiệp còn bị ảnh hưởng nhiều của lối làm ăn lạc hậu; trình độ văn hóa và khoa học còn thấp; sự phân công xã hội còn nhiều chỗ chưa hợp lý trong khi dân số tinh ta vốn đã ít, sức lao động thiếu, số lao động trẻ và khỏe phải huy động đi phục vụ quốc phòng ngày càng nhiều, mà nguồn bổ sung nhân lực các tỉnh dưới xuôi lên tham gia phát triển kinh tế và văn hóa ở tinh ta thì đang bị trở ngại vì đường giao thông do địch phá hoại.

Do đó, vấn đề đặt ra và đòi hỏi trước hết là các cấp ủy Đảng phải có sự nghiên cứu cải tiến công cụ lao động - kể cả việc đầu tư liệu sản xuất, nhất là trong nông nghiệp; hợp lý hóa việc tổ chức lao động và cải tạo khai thác tốt điều kiện tự nhiên, v.v. một cách có kế hoạch. Như vậy mới đáp ứng được yêu cầu ngày càng lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước 2 năm (1966 - 1967) một cách tốt đẹp.

2. Vấn đề cải tạo tiểu thương, quản lý thị trường, ổn định giá cả, đi đôi với việc củng cố xây dựng cơ sở quốc doanh. Các vấn đề này tình hình năm qua cho thấy trong điều kiện có chiến tranh, lưu thông bị trở ngại, hàng hóa thiếu, việc quản lý thị trường lỏng lẻo, cơ sở quốc doanh còn quá ít và sự hoạt động chủ yếu là khâu mua vào chưa được đẩy mạnh. Do đó, số lượng hàng hóa, nhất là loại hàng thực phẩm không đạt được kế hoạch, trong khi đó không phải là không có khả năng, mặt khác số người chuyển ra buôn bán với tính chất lợi dụng đầu cơ ở các thị trấn, thị xã đang có chiều hướng phát triển ngày càng nhiều, tạo ra giá cả thị trường tăng

vợt. Vấn đề này đặt ra phải có sự nghiên cứu giải quyết thật tốt và với tinh thần khẩn trương, nhằm bình ổn giá cả, ổn định đời sống của quần chúng nói chung.

3. Một vấn đề tồn tại khá quan trọng nữa là về công tác tổ chức sắp xếp bộ máy, bồi dưỡng đào tạo cán bộ nhất là cán bộ địa phương, cùng với việc cải tiến lề lối làm việc, nói chung các vấn đề này chưa được phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Tình hình hiện nay về mặt tổ chức bộ máy có những bộ phận quan trọng thì chưa được kiện toàn và phát huy hết tác dụng, ngược lại có những bộ phận cần được giảm bớt thì trái lại hiện tinh lại rất cồng kềnh. Về công tác cán bộ, tỷ lệ cán bộ địa phương phát triển chưa cân đối với đà phát triển chung và chưa đáp ứng với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng nói chung, nhiệm vụ xây dựng miền núi nói riêng, mặt kèm cặp bồi dưỡng, đặc biệt là trong công tác thực tế còn chưa được chú ý, hướng đào tạo đối với cán bộ trẻ, cán bộ khoa học - kỹ thuật và cán bộ là phụ nữ, nói chung chưa mạnh dạn. Về lề lối làm việc, mặt nhận thức vị trí, chức trách còn chưa đầy đủ nên nhiều công việc đã có hiện tượng ôm đồm, tùy tiện, nhất là giữa công việc của Đảng với chính quyền; về nguyên tắc làm việc và mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, nói chung còn chưa nắm vững nên đã không duy trì đúng chế độ sinh hoạt thường kỳ của cấp ủy, thậm chí một số trường hợp bộ phận nhỏ đã đi quá phạm vi quyền hạn của tập thể lớn. Đã có quy định về ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần phê bình, tự phê bình nói chung chưa được đề cao; tư tưởng cục bộ bản位, cá nhân chủ nghĩa, ở một số các ngành và trong một số cấp ủy viên, đang có biểu hiện không tốt.

Vấn đề này phải được coi là một nhiệm vụ trước mắt và là một trong những công tác trung tâm, phải tập trung giải quyết, và trên nhận thức phải thấy có giải quyết tốt khâu này thì mới thúc đẩy được nhiệm vụ chính trị của Đảng trong 2 năm tới (1966 - 1967) hoàn thành được thắng lợi.

4. Về công tác lâm nghiệp, hiện nay cũng là một tồn tại, mà chủ yếu trong công tác này là khâu trồng rừng và bảo vệ rừng, chưa được các cấp ủy coi trọng đúng mức nên nạn phá rừng, cháy rừng thời gian qua xảy ra khá nghiêm trọng; mặt khác, công tác trồng rừng lại không được đẩy mạnh, không những đã làm cho đồi núi trơ trọi, mà còn có ảnh hưởng không tốt đến việc thảm canh tăng năng suất cây trồng trong nông nghiệp.

Do đó, vấn đề đặt ra là phải tiến hành tổng kết, trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác lâm nghiệp hơn nữa, làm cho lâm nghiệp phát triển mạnh mẽ toàn diện, thực sự là một trong ba ngành kinh tế chủ yếu của địa phương.

Một số vấn đề thiếu sót tồn tại nêu trên, đồng chí Trường Minh nhấn mạnh thêm: Trong thiếu sót tồn tại có nhiều vấn đề, có vấn đề có khi chỉ là thiếu sót tồn tại trong phạm vi một ngành, nhưng lại rất quan trọng. Và, những thiếu sót tồn tại đó cũng không phải là đều mới phát sinh, mà có vấn đề trước đây đã có nhưng chưa khắc phục được hoặc khắc phục chưa tốt, lại gặp khi cuộc chiến tranh lan tới địa phương, nên thiếu sót tồn tại đó càng có điều kiện tích tụ lại. Về mặt vi phạm nguyên tắc Đảng, nhất là đối với nguyên tắc sinh hoạt thường kỳ của Ban Chấp hành; vấn đề này hội nghị đã đề cập và phê phán nghiêm khắc, điều đó hoàn toàn đúng đắn. Tuy vậy, mặt này cũng cần thống nhất nhận thức đây là một sự vi phạm không tự giác, nói như vậy không phải tất cả mọi vấn đề có tính chất nguyên tắc thuộc về quy định của Điều lệ Đảng mà Ban Chấp hành đã kiểm điểm nêu tên hoàn toàn đều là không tự giác cả - tất nhiên cũng có vấn đề do tự ý thức tư tưởng, và cũng có vấn đề do từ sự nhận thức và vận dụng không được đầy đủ. Nhưng tất cả các vấn đề mà hội nghị kiểm điểm, dù ở nguyên nhân nào cũng đều phải nghiêm chỉnh, kiên quyết sửa chữa.

Số vấn đề thiếu sót, tồn tại mà Ban Chấp hành đã nhất trí, sẽ được coi là những vấn đề trọng tâm và cần được phân công trong Ban Chấp hành phụ trách nghiên cứu có biện pháp khắc phục trong một thời gian nhất định.

2. Nghị quyết một số công tác từ nay đến hết năm 1966

Thông qua sự kiểm điểm công tác năm 1965 và căn cứ vào sự đánh giá về các vấn đề thiếu sót tồn tại của các mặt nổi lên của năm 1965. Hội nghị sau khi nghe đồng chí Trường Minh trình bày dự kiến về một số công tác trước mắt đã nhất chí nghị quyết, như sau:

1. Về nông nghiệp:

Như đã kiểm điểm công tác nông nghiệp năm qua đã có những tiến bộ lớn về các mặt: Cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, về thâm canh tăng năng suất cây trồng, về tăng diện tích và tăng sản lượng các loại hoa màu và cây lương thực, v.v..

Tuy vậy, việc tiến bộ đó chưa thật mạnh, chưa đều khắp và chưa toàn diện. Một trong những nguyên nhân của vấn đề tồn tại đó là do các ngành phục vụ nông nghiệp chưa thật tốt nên tình trạng công cụ sản xuất vừa thiếu, vừa chưa được đổi mới; việc phát huy thành tựu khoa học trong nông nghiệp còn rất chậm. Việc đưa các điển hình thành phong trào phổ biến chưa làm được tốt; công tác lưu thông phân phối phục vụ nông nghiệp, nhất là khâu thu mua nông sản, thực phẩm, về biện pháp còn chưa tốt; hợp tác xã mua bán và hợp tác xã vay mượn chưa được củng cố, phát triển song song với sự phát triển của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; về cơ khí nhỏ, tuy đã bàn nhiều nhưng còn thiếu quyết tâm nên trong điều kiện nhiệt điện có thừa, thủy điện có, thủy lực cũng có mà chưa đưa vào phục vụ nông nghiệp được, v.v..

Để khắc phục những thiếu sót trên, từ nay đến cuối năm, các cấp, các ngành cần phải nghiên cứu có kế hoạch cụ thể, và có sự tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, làm tốt số việc, như:

Đẩy mạnh việc cung cấp nông cụ và có kế hoạch tổ chức thực hiện việc áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật và kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến, có năng suất cao vào việc sản xuất vụ mùa hiện nay, thành một phong trào quần chúng, nhất là đối với vùng trọng điểm lúa.

Tích cực hoàn thành việc đưa cơ khí nhỏ vào các hợp tác xã nông nghiệp, theo kế hoạch đã có nghị quyết.

Đi đôi với xây dựng và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, cần tích cực xây dựng hợp tác xã mua bán và hợp tác xã vay mượn một cách thật mạnh mẽ, làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn được hoàn chỉnh.

Phải lãnh đạo thật tốt việc thu hoạch lúa chiêm, không để một nơi nào bị mất hỏng vì mưa úng và bị lũ cuốn; song song với việc thu hoạch lúa chiêm, cũng phải có kế hoạch thu hoạch vụ đậu tương xuân được tốt, đồng thời có kế hoạch tiến hành công tác ba thu chiêm và đậu tương xuân được hoàn thành thắng lợi.

Đẩy mạnh công tác làm mùa kịp thời vụ. Trước mắt cần phải kiểm tra, đôn đốc việc gieo mạ, việc cày ải, việc làm phân, thủy lợi, v.v. để đảm bảo cấy hết diện tích canh tác và đạt được năng suất cao.

2. Về công nghiệp

Tồn tại về công nghiệp hiện nay là cơ sở sản xuất chưa được ổn định và nhiệm vụ cấp thiết là phải hoàn thành việc xây dựng cơ khí, đưa cơ khí vào sản xuất thì chưa làm được tốt. Một nhân tố mới là cơ khí phục vụ nông nghiệp nhưng lại chưa được nghiên cứu sử dụng và phát huy, ví như số máy thủy luân của bạn giúp ta. Trong mối quan hệ giữa lĩnh vực của xí nghiệp Trung ương với địa phương, hiện nay vẫn chưa được phát huy tốt, v.v..

Vì vậy, nhiệm vụ hiện nay của công nghiệp là phải nhanh chóng ổn định cơ sở sản xuất; đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản; hoàn thành việc đưa cơ khí nhỏ vào hợp tác xã nông nghiệp theo kế hoạch; đồng thời phát huy tốt mối quan hệ giữa công nghiệp Trung ương và công nghiệp địa phương; nhằm phục vụ cho nông nghiệp một cách đắc lực hơn nữa.

3. Về tài chính, thương nghiệp, lương thực

Trọng tâm hiện nay là phải củng cố bộ máy làm công tác quản lý thị trường; trên cơ sở đó mà đẩy mạnh công tác quản lý thị trường, ổn định vật giá và thu mua được tốt.

Có kế hoạch và chỉ đạo công tác ba thu vụ chiêm, thu mua đậu tương, thu mua lợn thịt được hoàn thành tốt, nhằm tăng lực lượng hàng hóa dự trữ trong tay nông nghiệp, phục vụ sản xuất và đời sống. Đi đôi với vấn đề thu mua phải chú ý đổi mới việc bảo quản vật tư hàng hóa được tốt.

Tích cực xây dựng và củng cố hợp tác xã mua bán và hợp tác xã vay mượn nhằm hoàn chỉnh việc cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

4. Về giao thông vận tải

Khâu yếu của công tác giao thông vận tải là chưa đảm bảo kỹ thuật; hệ thống cống rãnh để thoát nước trên các con đường còn chưa tốt; phát triển giao thông chưa kết hợp với đẩy mạnh sản xuất và sử dụng xe cải tiến; cần tránh đường nhanh làm cùn chậm. Công tác quản lý, bảo dưỡng còn quá yếu. Lực lượng vận tải đường thủy đã bước đầu được tổ chức, nhưng chưa được tích cực sử dụng.

Nhiệm vụ tối của công tác giao thông là phải ổn định các tuyến đường đã xây dựng bằng việc đi vào cấp phối dần từng bước và bảo dưỡng tốt những đường đã hoàn thành. Tiếp tục đẩy mạnh công tác giao thông nông thôn, hơn nữa nhằm phục vụ sản xuất, phục vụ thám canh và phục vụ tốt việc lưu thông. Phát triển mạnh những phương tiện vận chuyển thô sơ ở các nơi có đường.

5. Công tác văn hóa, tư tưởng

Mặt này nhìn chung về nhận thức việc chuyển hướng công tác theo thời chiến còn chậm chạp nên một số nhiệm vụ sau khi xảy ra có chiến tranh thì đã tỏ ra rất lúng túng, bị động; thậm chí có vấn đề đã không duy trì được nữa, ví như công tác bổ túc văn hóa trong các cơ quan hành chính sự nghiệp; vấn đề thể dục thể thao, v.v. việc khai thác vốn có dân tộc, đưa nghệ thuật vào phục vụ sản xuất và chiến đấu, tuy đã có làm, nhưng chưa đem lại được những kết quả một cách thiết thực. Công tác lãnh đạo tư tưởng, thực hiện nhiệm vụ chuyển hướng kinh tế, còn chưa chuyển biến kịp với thay đổi của phương hướng nhiệm vụ, thậm chí có trường hợp còn làm sai lạc cả đường lối, phướng hướng đã vạch ra.

Khắc phục những thiếu sót trên, hướng hoạt động của mặt này là phải tập trung phục vụ thật tốt đối với sản xuất nông nghiệp, mà khâu chủ yếu là việc thâm canh tăng năng suất và diện tích cây trồng, kể cả vấn đề chăn nuôi. Mặt khác, trên lĩnh vực tư tưởng phải phê phán đấu tranh chống "5 tệ" trong nông nghiệp thật mạnh hơn nữa, các hủ tục lạc hậu khác trong nhân dân cũng đồng thời phải tích cực đấu tranh, nhằm xây dựng con người mới, cuộc sống mới.

Đi đôi với các nhiệm vụ trên, cần phải tiếp tục khôi phục lại, cũng như tổ chức thêm các lớp bổ túc văn hóa, kết hợp với giáo dục khoa học kỹ thuật, nhằm nâng cao trình độ, tạo điều kiện đẩy mạnh cuộc cách mạng kỹ thuật phát triển.

Công tác thông tin truyền thanh cũng phải được phát triển đẩy mạnh hơn nữa, nhất là đối với nông thôn, công trường, xí nghiệp.

6. Về chính trị và quốc phòng

Vấn đề này Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước đây đã ra Nghị quyết số 24 "về việc giữ gìn trật tự, kiên quyết đấu tranh với bọn gián điệp và bọn phản cách mạng, bảo vệ tốt an toàn địa phương". Nghị quyết này cần tiếp tục thực hiện tốt.

7. Công tác quy hoạch nông thôn

Công tác này đang là một công tác cấp bách, đòi hỏi phải có sự quy hoạch gấp, nhằm xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, thời gian tới, cần kiện toàn bộ phận quy hoạch nông thôn; đồng thời tiến hành xây dựng quy hoạch ở một số nơi cần thiết trước. Trên cơ sở đó rút kinh nghiệm, hoàn chỉnh vấn đề, và tiến hành mở rộng diện trong các năm tới.

8. Công tác Đảng

Chủ yếu công tác này là việc xây dựng tổ chức Đảng theo yêu cầu bốn tốt và có đẩy mạnh được cuộc vận động này mạnh mẽ, thì mới thúc đẩy được mọi hoạt động của Đảng. Do đó, thời gian tới các cấp ủy phải tiến hành việc sơ kết, đồng thời chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên. Trên cơ sở đó mà đẩy mạnh phong trào tiến lên và có chất lượng tốt.

Đi đôi với việc xây dựng, đẩy mạnh hoạt động của phong trào "Chi bộ bốn tốt". Thời gian tới cần phải tiến hành việc xây dựng thí điểm "Huyện ủy bốn giỏi" qua đó, rút kinh nghiệm để phát động phong trào đăng ký thi đua phấn đấu "Huyện ủy bốn giỏi" trong toàn tỉnh.

Một nhiệm vụ lớn trước mắt phải tập trung tiến hành tốt của công tác này, là việc chuẩn bị các mặt cho Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ V, định mở vào quý III năm 1966 đạt được kết quả tốt.

*

* * *

Với một số công tác trước mắt mà Ban Chấp hành đã nhất trí nghị quyết. Hội nghị đề ra nhiệm vụ thực hiện nghị quyết đó đối với mỗi đồng chí trong Ban Chấp hành, như sau:

1. Về việc phân công phổ biến nghị quyết cuộc họp Ban Chấp hành

Cuộc họp kỳ này, ngoài biên bản này ra, sẽ có thông báo phổ biến xuống dưới một cách rộng rãi nhằm phát huy kết quả của hội nghị.

Ban Chấp hành nghị quyết đồng chí cấp ủy ở ngành nào sẽ có nhiệm vụ phổ biến cho đối tượng và cấp ủy và cán bộ lãnh đạo ở ngành đó về toàn bộ nội dung (theo biên bản) của hội nghị (trừ phần kiểm điểm cá nhân) và phổ biến đến toàn thể đảng viên về tinh thần của hội nghị (theo bản thông báo). Các đồng chí trong Ban Thường vụ sẽ chịu trách nhiệm phổ biến cho các cấp huyện, thị ủy nơi mình phụ trách.

Khi phổ biến chú ý gắn với công tác trước mắt của huyện, thị, ngành để động viên tinh thần và thúc đẩy nhiệm vụ công tác trước mắt của địa phương, một cách thiết thực.

2. Phân công xây dựng một số phương án lớn

Như một số vấn đề tồn tại lớn mà Ban Chấp hành đã xác nhận nêu trên, cùng với một số công tác lớn khác cũng cần được giải

quyết tốt. Do đó, hội nghị nhất trí nghị quyết cần phải có sự phân công các đồng chí trong Ban chấp hành trực tiếp phụ trách nghiên cứu để tiến tới tổ chức hội nghị chuyên đề, nghị quyết tốt các mặt tồn tại, như sau:

+ Khâu tồn tại về biện pháp tăng năng suất cây trồng và tăng năng suất lao động. Nghiên cứu vấn đề này là các đồng chí: Việt Tiến, Cư, Mơ, Nghị, phụ trách tiến hành.

+ Khâu tồn tại về cải tạo tiểu thương, quản lý thị trường, bình ổn vật giá, phương thức thu mua. Nghiên cứu vấn đề này là các đồng chí: Hội, Kính, Páo, Vân phụ trách tiến hành.

+ Khâu tồn tại về công tác tổ chức sắp xếp bộ máy, bồi dưỡng đào tạo cán bộ địa phương. Nghiên cứu vấn đề này là các đồng chí: Khánh Vinh, Thương, Văn Sơn, Triệu phụ trách tiến hành.

+ Về công tác quốc phòng, trị an và xây dựng bản xã chiến đấu. Nghiên cứu vấn đề này là các đồng chí: Trần Long, Tất, Thủy, Tá phụ trách tiến hành.

Về công tác quy hoạch nông thôn, nghiên cứu vấn đề này là các đồng chí: Ân, Tiêu, Việt Sơn phụ trách tiến hành.

II. KIỂM ĐIỂM CÁ NHÂN CẤP ỦY VIÊN TRONG NHIỆM KỲ

Phần này tình hình cụ thể sẽ có biên bản riêng. Đánh giá kết quả qua việc kiểm điểm sau 7 ngày tiến hành và kết thúc thắng lợi, đồng chí Trường Minh đã kết luận tóm tắt: Việc Ban Chấp hành tiến hành kiểm điểm cá nhân lần này đã mang lại một kết quả rất lớn, có ý nghĩa chính trị và tư tưởng rất sâu sắc. Kết quả đó thể hiện tập trung ở ba vấn đề, cụ thể:

- Trên cơ sở kiểm điểm đã làm cho toàn thể cấp ủy rút ra được một bài học thấm thía là phải triệt để tôn trọng về nội quy, nguyên tắc làm việc của Đảng, đồng thời luôn luôn có sự cải tiến lề lối làm việc. Có như vậy, trong mối quan hệ làm việc giữa cá nhân với

tập thể giữa tập thể nhỏ với tập thể lớn và giữa Đảng với chính quyền, mới tránh được sự lẩn lộn, va vấp; thậm chí có thể còn dẫn đến vi phạm vào nguyên tắc của Đảng.

- Thông qua kiểm điểm lần này đã xây dựng được sự đoàn kết nhất trí, trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng, đồng thời cũng qua đó mà bồi dưỡng nhận thức một cách toàn diện về đường lối, chính sách của Đảng; nhận thức đầy đủ về các nguyên tắc quy định của Đảng và sự luôn tu dưỡng đạo đức cộng sản chủ nghĩa không ngừng.

- Qua kiểm điểm, đã nâng cao thêm tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và quan điểm lập trường giai cấp, đối với mỗi cá nhân từng đồng chí. Trên cơ sở ấy mà khắc phục một bước mọi tư tưởng phi vô sản. Nhất là tư tưởng hữu khuynh bảo thủ, rụt rè, tác phong xa rời quần chúng. Làm cho mỗi đồng chí càng thêm trưởng thành, luôn luôn gắn mình với tập thể; phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân một cách đắc lực hơn.

III. PHỔ BIẾN MỘT SỐ CHỈ THỊ, NGHỊ QUYẾT CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Phần này, đồng chí Khánh Vinh, Ủy viên Thường vụ thường trực đã phổ biến trước toàn thể Ban Chấp hành về Chỉ thị số 90, 91 về cuộc vận động bảo vệ Đảng, và chính sách sử dụng, xử lý đảng viên của Ban Bí thư, Bộ Chính trị; Chỉ thị 136 về việc phát động phong trào thi đua xây dựng "Huyện ủy bốn tốt" của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỘI NGHỊ

Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy sau 13 ngày làm việc đã kết thúc thắng lợi rực rỡ. Đồng chí Trường Minh đã tổng kết kết quả của hội nghị, đại ý: Cuộc họp Ban Chấp hành Tỉnh ủy kỳ này tuy

thời gian có bị kéo dài nhưng với sự làm việc hăng say và hết sức cởi mở của mỗi đồng chí nên đã đem lại cho hội nghị có những kết quả rất to lớn. Kết quả trước hết là hội nghị đã đánh giá được đúng đắn thành tích đã đạt được trong năm qua, trên cơ sở đó để phát huy hơn nữa; đồng thời, bên cạnh thành tích đã đạt được, hội nghị cũng đã nghiêm chỉnh đánh giá những thiếu sót tồn tại của phong trào, nghiêm khắc phê phán những thiếu sót đó, và tìm ra nguyên nhân để nhanh chóng khắc phục được tốt. Bên cạnh việc kiểm điểm đánh giá tình hình phong trào năm 1965, hội nghị còn tiến hành việc kiểm điểm cá nhân trong Ban Chấp hành theo nhiệm kỳ, qua việc kiểm điểm này, với tinh thần tự giác của mỗi đồng chí, và sự thân ái, thảng thắn giúp đỡ của tập thể, đã giúp cho mỗi đồng chí cấp ủy rút ra được nhiều bài học thấm thía, sâu sắc đối với bản thân mình và đối với đồng chí mình, trên những vấn đề về việc vận dụng và chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, về quan điểm lập trường cách mạng và về tác phong công tác, v.v.. Trên cơ sở kiểm điểm này, thật sự đã làm cho mỗi đồng chí có thêm những bước trưởng thành và tiến bộ mới, và cũng qua đó đã làm cho Ban Chấp hành càng thêm đoàn kết nhất trí hơn.

Tóm lại, Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy lần này đã kết thúc thắng lợi, không những chỉ có ý nghĩa chính trị và tư tưởng sâu sắc mà còn có cả ý nghĩa lịch sử đối với các khóa Tỉnh ủy từ trước tới nay - như nhiều đồng chí trong ban chấp hành đã phát biểu thu hoạch. Với những kết quả mà Hội nghị đã đạt được, tôi chắc rằng phong trào tỉnh ta qua Hội nghị của Ban Chấp hành Tỉnh ủy lần này sẽ có nhiều những hứa hẹn, biến chuyển mạnh mẽ và to lớn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 65-BC/TU*,
Về công tác tháng 5

Trong tháng 5, các cấp các ngành trong tỉnh đều tập trung vào việc lãnh đạo học tập Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng có liên hệ kiểm điểm công tác với tinh thần một cuộc chỉnh huấn, trên cơ sở chuyển biến mới về tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, các mặt công tác được đẩy mạnh hơn và thu được những kết quả đáng kể.

I. CÔNG TÁC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Tháng 5 là tháng kết thúc việc gieo trồng vụ đông - xuân, vùng cao đang khẩn trương làm mùa thu đậu tương, vùng thấp bắt đầu thu hoạch lúa chiêm, ngô, sắn, khoai lang, v.v. các nơi đang tiến hành mạnh làm lúa nương. Đến nay, kết quả thực hiện những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Lúa chiêm 100,6%.

Ngô xuân 75%.

Khoai lang 38% kế hoạch cả năm.

* Bản gốc không ghi thời gian - BT.

Sắn 96%.

Đậu tương xuân 98,7%.

Mía 56%.

Khai lang ruộng 14,6%.

Cấy mùa 49 ha.

Gieo lúa nương 228 ha.

Gieo mạ mùa 164.891 cân giống.

So với kế hoạch thì riêng lúa chiêm vượt chút ít, sắn và đậu tương xuân xấp xỉ đạt, so với vụ đông - xuân năm ngoái ba chỉ tiêu này đều tăng, có thứ tăng gấp hơn 2 lần như đậu tương xuân bằng 225% năm ngoái, còn các chỉ tiêu khác đều giảm. Về năng suất lúa nói chung năm nay tốt hơn vụ chiêm năm 1965, năng suất theo ước tính được khoảng 29 kg/18, một cân giống bằng 23 tạ/344/ha nhưng cũng có nơi do ảnh hưởng hạn, năng suất kém hơn. Ngô cũng tốt. Đậu tương vùng cao tốt, còn vùng thấp kém có nơi bị mất trắng, do hạn hán nhất là những nơi trồng chưa thành tập quán.

Chỉ tiêu kế hoạch các loại cây trồng toàn năm 1966 rất lớn, song trước kết quả thực hiện vụ đông - xuân như trên nhiệm vụ của vụ mùa càng rất nặng nề, không những phải làm bù cho các chỉ tiêu bị thiếu hụt vụ chiêm còn phải có quyết tâm cao thực hiện chỉ tiêu vụ mùa kể cả về mặt diện tích và năng suất mới đảm bảo được kế hoạch tổng sản lượng cả năm. Yêu cầu cấp thiết đề ra là phải đẩy thật mạnh vụ gieo trồng khoai lang hè, ngô tháng 7, mía thu và đặc biệt chú ý giải quyết tốt tư tưởng cho quần chúng xã viên phát triển mạnh mẽ đỗ tương hè; đồng thời khẩn trương phát động phong trào khai hoang nhỏ địa phương rộng khắp ở mỗi hợp tác xã trong toàn tỉnh, đi đôi với việc đẩy mạnh phong trào thâm canh tăng năng suất cây trồng hơn nữa với tinh thần chống Mỹ, cứu nước kiên quyết thực hiện bằng được chỉ tiêu kế hoạch nhà nước toàn năm.

Về tình hình thiếu đói giáp hạt, qua kiểm tra tháng 5 có 996 hộ 5.314 nhân khẩu xuất hiện lẻ tẻ ở các xã nhất là vùng cao với

mức ăn bữa cơm bữa cháo, hoặc bữa củ rừng, bữa rau hoặc bữa cháo bữa rau và củ rừng, chưa có hộ nào phải nhịn hambre, bà con đã tự vay mượn nhau cộng với sự điều hòa của hợp tác xã. Ngoài ra, Nhà nước có bán một số lương thực cho những hộ thuộc diện cán bộ chủ chốt và cũng có hộ có tiền đong gạo, ngô ở thị trường. Nên đã giải quyết được phần lớn khó khăn. Hiện nay, bắt đầu có thu hoạch lúa chiêm ngô, khoai lang, sèo, v.v. triển vọng tình hình thiếu đói sẽ giảm bớt.

II. CÔNG TÁC SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Qua học tập Nghị quyết 12, cán bộ, công nhân nói chung trong ngành công nghiệp kể cả Trung ương và địa phương đều có chuyển biến nhất là về mặt nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức làm chủ xí nghiệp, tăng cường sự quan hệ hỗ trợ giữa xí nghiệp Trung ương và địa phương. Do đó đã khắc phục được một phần khó khăn về nguyên vật liệu và tinh thần sản xuất cố gắng hơn tháng trước. Kết quả:

Các ngành công nghiệp quốc doanh địa phương về giá trị tổng sản lượng tháng 5 đạt 99,7%; trong đó, nhóm A 107,6%, nhóm B 79,5%. Phục vụ cho công nghiệp và nông nghiệp có tiến bộ, riêng phục vụ cho tiêu dùng còn yếu mới đạt 79,4%. Nếu so với 6 tháng đầu năm thì 5 tháng qua mới đạt 36,5% kế hoạch giá trị tổng sản lượng tinh giao; trong đó, nhóm A đạt 66,8%, nhóm B 16,9%; như vậy tốc độ hai nhóm không đồng đều và thể hiện việc sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhân dân còn thấp so với yêu cầu. Tồn tại lớn là công tác lập kế hoạch sản xuất làm chậm, đến hết tháng 5 vẫn có những đơn vị xí nghiệp chưa lập xong kế hoạch quý II, việc lập kế hoạch hằng tháng một số cơ sở đã không căn cứ vào chỉ tiêu tinh giao mà tự điều chỉnh theo tình hình sản xuất của mình một cách tuỳ tiện. Khó khăn lớn nhất vẫn là thiếu nguyên liệu nhất là sắt thép và than.

Các ngành công nghiệp Trung ương: Đoàn địa chất 5 công tác sản xuất và thăm dò tương đối ổn định, có triển vọng hoàn thành với kế hoạch năng suất tương đối cao, còn các đơn vị khác không hoàn thành kế hoạch như Đoàn địa chất 24 chủ yếu do thiếu nhân lực, Nhà máy điện chỉ đạt 87,6% kế hoạch do mỏ rút bớt điện tiêu dùng nhất là điện chạy máy ở một số cơ sở máy ngừng sản xuất Mỏ apatít, riêng quặng đạt kế hoạch còn chỉ tiêu làm đất đá trong xây dựng cơ bản mới đạt 92,3% (hiện nay xây dựng cơ bản là nhiệm vụ chủ yếu của mỏ).

Về giao thông vận tải: Đường giao thông nông thôn một số đường huyện đi khu vực (Bắc Hà - Lùng Phình; Pha Long - Si Ma Cai) được nhân dân tiếp tục làm tốt, số đường Nhà nước làm (Bát Xát, Mường Hum, Bảo Nhai - Bắc Hà) đang được tiếp tục mở rộng và củng cố bến phà dự phòng Ngòi Đum hiện nay tạm thông phà được, công tác vận tải có tiến bộ. Công suất xe cộ được nâng lên, đặc biệt đã xuất hiện một số xe ngựa. Đường thủy thuyền bè đã góp phần vào công tác vận tải chung. Tồn tại: Đường nhân dân làm việc xây dựng cống rãnh chưa được đầy đủ hợp lý, mùa mưa đến nước sẽ phá hỏng đường. Việc quản lý bảo dưỡng đường còn yếu. Giao thông dự phòng làm còn chậm, đường Nhà nước làm nhiều (Bảo Nhai - Bắc Hà, Bát Xát - Mường Hum) nhưng cách làm chưa tập trung.

III. CÔNG TÁC MẬU TÀI

Về thương nghiệp, công tác thu mua nông sản thực phẩm có tiến bộ hơn trước tổng giá trị mua vào tháng 5 đạt 35,55% kế hoạch quý II, so với tháng 4 tăng 28% chủ yếu là lợn (tăng một 7 tấn) và rau. Bán ra cũng tăng đạt 31,25% kế hoạch quý và tăng 19% so với tháng trước chủ yếu do đẩy mạnh bán ra một số thực phẩm và vật dụng phục vụ nông dân thu hoạch chiêm và chuẩn bị làm mưa.

Thu mua hàng xuất khẩu đạt rất thấp, thu mua tháng 5 mới bằng 12,1% kế hoạch quý. Các mặt hàng nói chung đều không đạt kế hoạch.

Về công tác lương thực đã hoàn thành việc chuẩn bị kho tàng cho ba thu vụ chiêm. Một số chỉ tiêu thu mua như khoai lang, sắn lát đạt thấp do công tác vận động thu mua yếu, giá cả thị trường tự do cao hơn. Bán ra đạt 32,6% kế hoạch quý, trong đó có phần bán cho nông dân thiểu ăn 20 tấn chủ yếu cho hai huyện Sa Pa và Bảo Thắng.

Về tài chính, chỉ tiêu đáng chú ý là thu nộp thuế của các xí nghiệp còn yếu, mới đạt 77,7%.

Tình hình chi nói chung bình thường, riêng chi hành chính sự nghiệp tăng 5,2%, và đáng chú ý: Chi về kiến thiết cơ bản còn rất thấp, vốn Trung ương mới đạt 17,7%, vốn địa phương đạt 32,11% kế hoạch cả năm. Thể hiện công tác xây dựng cơ bản tiến hành còn chậm, tuy tháng 5 tốc độ xây dựng có được đẩy mạnh hơn trước.

Về ngân hàng tổng thu tiền mặt đạt 29,2% kế hoạch quý. Các chỉ tiêu thu đều tăng hơn tháng trước. Chỉ tiêu chi đạt thấp mới được 26,9% chủ yếu do chi nhân lực đạt thấp. Chi thu mua cũng thấp và so với tháng trước còn thấp hơn.

Công tác cảng cố quỹ tín dụng còn yếu. Thực hiện cho vay và thu nợ dài hạn còn thấp.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LUỢNG VŨ TRANG VÀ PHÒNG KHÔNG

Hoạt động của địch:

Máy bay địch xâm nhập tinh ta với số lần và tốp nhiều hơn tháng trước (gồm 43 lần với 166 chiếc) nhiều hơn tháng trước 26 lần tốp), chúng không bắn phá gì chủ yếu là trinh sát, vùng bị uy hiếp nhiều nhất vẫn là huyện Bảo Thắng và huyện Sa Pa, Bắc Hà. Ngày 12 tháng 5, chúng xâm phạm bắn rơi một máy bay của bạn phía đông nam huyện Mã Quan - Trung Quốc sát biên giới tinh ta.

Bọn phản cách mạng chưa có hoạt động gì đặc biệt, chủ yếu vẫn là tuyên truyền lẻ tẻ nhằm xuyên tạc chính sách.

Hoạt động của ta:

Công tác phòng không nhân dân tiếp tục được coi trọng đã tăng cường tổ chức thêm các lực lượng thường trực bắn máy bay thấp trên dọc sông Hồng và những nơi đường bay của địch thường qua thuộc Bảo Thắng và Sa Pa.

Lực lượng chuyên trách được tăng cường bồi dưỡng về chính trị nghiệp vụ. Công an hoàn thành tốt chỉnh huấn nghiệp vụ phản gián. Bộ đội thường trực và dân quân tự vệ hoàn thành tốt việc học tập Nghị quyết 12 của Trung ương, tiếp tục luyện tập quân sự và đề cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Toàn án tập trung học tập Nghị quyết 24 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và triển khai kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 200 của Thường vụ Tỉnh ủy về việc xây dựng tư pháp xã và tổ hòa giải nhân dân.

Công tác tuyển nghĩa vụ quân sự có nhiều tiến bộ đạt yêu cầu cả về số lượng và chất lượng với tinh thần tự nguyện tự giác của quần chúng cao hơn trước.

Vấn đề cần chú ý là: Trong việc thống nhất lực lượng dân quân tự vệ và quân hậu bị vừa qua có hiện tượng vận dụng chưa đúng chính sách, có nơi đã loại ra ngoài lực lượng dân quân tự vệ tới 1/3 hoặc 1/2 quân số vì: "Liên quan chính trị", vấn đề này cần được nghiên cứu, uốn nắn kịp thời.

V. CÔNG TÁC ĐẢNG

Đang triển khai tiếp tục học tập Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng đến các huyện thị, Đảng ủy và các chi bộ cơ sở nói chung đã căn bản học xong đến các chi bộ nông thôn, hiện nay đang tiến hành học các đoàn thanh niên và phổ biến ra các tầng lớp nhân dân. Kết quả số người tham gia đông, nhận thức được nâng lên

trên cơ sở đó sự liên hệ kiểm điểm cá nhân dần được tốt xây dựng được chương trình hành động cụ thể.

Chuẩn bị sơ kết đợt thí điểm bảo vệ Đảng và chuẩn bị mở đợt 2 cho đảng viên, một số chi bộ thuộc Đảng ủy Dân Chính Đảng. Tích cực chuẩn bị cho Đại hội Đảng tỉnh sắp tới nhất là về việc chuẩn bị dự thảo báo cáo Đại hội được tiến hành khá khẩn trương.

Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy kiểm điểm công tác mọi mặt năm 1965 và kiểm điểm cá nhân từng đồng chí trong tỉnh ủy đạt kết quả tốt.

VI. NHỮNG CÔNG TÁC LỚN TRONG THÁNG 6

Khẩn trương thu chiêm và đỗ tương đẩy mạnh làm mùa, đẩy mạnh sản xuất nông cụ, công cụ sản xuất phục vụ thu chiêm làm mùa.

Đẩy mạnh công tác ba thu vụ đông - xuân và thu mua nông sản thực phẩm (dứa, màng tang, v.v.) đặc biệt chú ý thu mua đỗ tương xuân. Hoàn thành học tập Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng.

Tiến hành học bão vệ Đảng cho đảng viên một số chi bộ thuộc Đảng ủy Dân Chính Đảng.

Tổng kết công tác kiểm tra việc chấp hành chính sách của Thị ủy Lào Cai.

Tiến hành Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy thông qua dự thảo báo cáo Đại Hội. Chuẩn bị tốt về các mặt cho Đại hội.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 31-BB/TU, ngày 4-7-1966

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp trong 2 ngày (30-6 và 1-7 năm 1966), có các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Khánh Vinh, Việt Tiến, Lê Bá Hội, Long Khánh.

Nội dung hội nghị thảo luận ba vấn đề:

- I. Chuẩn bị tổng kết cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt năm 1965.
 - II. Kế hoạch tiến hành cuộc vận động xây dựng huyện ủy bốn tốt.
 - III. Công tác thực hiện nghĩa vụ quân sự đợt tối.
- Cụ thể thảo luận các vấn đề trên như sau:

**I. CHUẨN BỊ TỔNG KẾT CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG
CHI BỘ VÀ ĐẢNG BỘ CƠ SỞ BỐN TỐT NĂM 1965**

Qua một năm phấn đấu xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt Đảng bộ tỉnh ta đã thu được những thành tích đáng kể: Năm 1964 Đảng bộ ta mới có 79 chi bộ bốn tốt đạt tỷ lệ 30% so với tổng số chi bộ, đến cuối năm 1965 có 135 chi bộ bốn tốt chiếm tỷ lệ 42,3% so với tổng số chi bộ và 97 đảng bộ cơ sở bốn tốt chiếm tỷ lệ 36%. Đặc biệt năm 1965 là năm vừa sản xuất vừa chiến đấu mà có 10 chi bộ thuộc loại kém đã phấn đấu trở thành chi bộ bốn tốt: Sơn Hà, Phú Nhuận (Bảo Thắng), Cốc San, Phìn Ngan (Bát Xát), Nấm Lư, Tung Trung Phố, Sù Ma Tủng (Mường Khương), Hầu Thảo (Sa Pa),

Ngân hàng, Lương thực (ở tỉnh). Nói chung phong trào xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt đã được củng cố và tăng cường cả về số lượng và chất lượng, số chi bộ kém năm 1964 chiếm 10%, nay còn 4% so với tổng số chi bộ.

Bên cạnh những thành tích nói trên, trong công tác xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt cũng còn một số tồn tại, thiếu sót nhược điểm, đáng chú ý là có 24 chi bộ năm 1964 là chi bộ bốn tốt, nhưng đến năm 1965 không đủ tiêu chuẩn là chi bộ bốn tốt nữa. Chúng ta cần đi sâu tìm ra nguyên nhân để những chi bộ này khắc phục những tồn tại và phát huy truyền thống tiếp tục tiến lên chi bộ bốn tốt.

Căn cứ vào tình hình trên, muốn đưa cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt tiến lên những bước mới, đáp ứng với yêu cầu cải cách tình hình và nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước hiện nay thì cần giải quyết một số vấn đề dưới đây:

1. Chuẩn bị tổng kết tốt cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt năm 1965

Để việc tổng kết cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt được kết quả, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phải chuẩn bị việc báo cáo tổng kết và bồi dưỡng báo cáo điển hình cho tốt. Chú ý rút ra được những kinh nghiệm ở những chi bộ trước kia vào loại chi bộ kém mà nay đã phấn đấu trở thành chi bộ bốn tốt và những chi bộ trước kia là chi bộ bốn tốt mà nay lại tụt, không phải là chi bộ bốn tốt. Đặc biệt, phải nghiên cứu tìm ra nguyên nhân tại sao có một số chi bộ trước kia đã có những thành tích nổi bật mà nay không phải là chi bộ bốn tốt.

Để tổng kết được sâu, ở tỉnh sẽ tổng kết theo ngành, theo khối, chia ra thành bốn khối để tổng kết:

- Hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt nông thôn.
- Hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt xí nghiệp, công trường, doanh nghiệp.

- Hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt hành chính sự nghiệp.
- Hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt các lực lượng vũ trang.

Các hội nghị tổng kết sẽ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị tốt và Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy viên tinh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và chủ trì hội nghị. Cụ thể phân công như sau:

- Đồng chí Việt Tiến chủ trì hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt nông thôn.

- Đồng chí Phạm Gia Tuân chủ trì hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt xí nghiệp, công trường, doanh nghiệp.

- Đồng chí Khánh Vinh chủ trì hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt hành chính sự nghiệp.

- Đồng chí Long Khánh chủ trì hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt các lực lượng vũ trang.

Trong khi chuẩn bị hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt các cấp, các ngành phải đẩy mạnh mọi mặt công tác sản xuất chiến đấu trước mắt như thu chiêm, làm mùa, hoàn thành kế hoạch, phòng không, sơ tán, v.v..

2. Để thi hành tốt nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo và đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt hiện nay phải tổ chức nghiên cứu, học tập bản báo cáo tổng kết cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt do đồng chí Lê Đức Thọ trình bày ở hội nghị để quán triệt nội dung của bản báo cáo và vận dụng những kinh nghiệm đã tổng kết.

Song song với công tác chuẩn bị hội nghị tổng kết xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt năm 1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xúc tiến việc tổ chức học tập bản báo cáo tổng kết do đồng chí Lê Đức Thọ trình bày trong hội nghị tổng kết cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt của Trung ương.

a) Yêu cầu của việc nghiên cứu bản báo cáo tổng kết là:

- Làm cho toàn thể các cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên nắm vững những vấn đề về vị trí và nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và những yêu cầu về chỉ đạo các cấp ủy đối với việc xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng; trên cơ sở đó tăng cường sự nhất trí về những quan điểm cơ bản về xây dựng tổ chức cơ sở của đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và kiến thức về xây dựng Đảng của các cấp ủy và cán bộ, đảng viên để vận dụng những điều đã học được vào công tác thực tế.

- Căn cứ vào bảy bài học kinh nghiệm chung trong bản báo cáo đã nêu mà liên hệ kiểm điểm sâu sắc, lấy dẫn chứng thiết thực, thích hợp với tình hình cụ thể của từng loại và từng chi bộ, đảng bộ cơ sở ở từng địa phương làm sáng tỏ những kinh nghiệm đó.

- Sau khi nghiên cứu, các cấp ủy cần đề ra mục tiêu phấn đấu những chủ trương và biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng và đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt, thực hiện tốt nghị quyết của Ban Bí thư về cuộc vận động.

b) Biện pháp tiến hành

- Tỉnh ủy sẽ nghiên cứu trước bản báo cáo tổng kết kiểm điểm tình hình tiến hành cuộc vận động trong thời gian qua và bàn kế hoạch bổ khuyết, tăng cường lãnh đạo cuộc vận động. Để Hội nghị Tỉnh ủy nghiên cứu bản báo cáo tổng kết được tốt, Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm bản báo cáo liên hệ kiểm điểm tình hình tiến hành cuộc vận động và đề ra kế hoạch bổ khuyết. Bản báo cáo này phải thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước. Hội nghị Tỉnh ủy nghiên cứu bản báo cáo tổng kết có thể mở rộng cho một số cán bộ lãnh đạo ở tỉnh, huyện, đảng ủy dự (thành phần cụ thể sẽ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu trình bày với Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

- Các đảng ủy, huyện ủy, thị ủy sẽ nghiên cứu bản báo cáo tổng kết của Trung ương và các quyết định của Tỉnh ủy, liên hệ với

tình hình tiến hành cuộc vận động ở địa phương và bàn biện pháp thi hành quyết định của Tỉnh ủy. Hội nghị của huyện ủy, thị ủy, đảng ủy có thể mở rộng đến các bí thư chi bộ và một số cán bộ chủ chốt ở huyện, thị, đảng ủy.

- Các chi bộ sẽ tổ chức học tập kỹ từng bài học kinh nghiệm, có liên hệ một cách sâu sắc với tình hình thực tế của Đảng bộ, chi bộ để bàn biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa cụ thể từng khuyết điểm qua nghiên cứu từng bài học.

Các địa phương, các đơn vị cơ sở sẽ giành một thời gian nhất định để tổ chức học tập một cách liên tục, từng bài học kinh nghiệm của bản báo cáo trong các chi bộ. Nhưng phải đảm bảo đẩy mạnh các công tác trước mắt. Kế hoạch cụ thể sau này Ban Tổ chức Tỉnh ủy sẽ đề ra và báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, rồi phổ biến các cấp thi hành.

II. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG HUYỆN ỦY BỐN TỐT

Để thi hành Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc kiện toàn sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của các huyện ủy được kết quả tốt, cần phải đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng huyện ủy bốn tốt. Cuộc vận động này nhằm máy yêu cầu dưới đây:

1. Nâng cao trình độ nhận thức về vị trí của cấp huyện trong tình hình mới. Xác định rõ được nhiệm vụ cấp huyện hiện nay là toàn diện, không phải là khâu trung gian.

2. Trên cơ sở xác định đúng đắn vị trí, nhiệm vụ chức năng của cấp huyện cần nghiêm khắc kiểm điểm, đánh giá những thành tích khuyết điểm, thấy được tồn tại tìm được nguyên nhân, tìm ra phương hướng phấn đấu.

3. Nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, chính sách, nâng cao tính giai cấp, tính tiền phong, ý thức tổ chức kỷ luật cho huyện ủy,

đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, nâng cao tiêu chuẩn trách nhiệm, đạo đức của từng huyện ủy viên.

4. Trên cơ sở trình độ nhận thức được nâng cao, nhận rõ trách nhiệm, thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu, đối chiếu với yêu cầu của cách mạng mà xây dựng chương trình hành động của huyện ủy nói chung và cá nhân huyện ủy viên nói riêng năm 1966 để trở thành huyện ủy tốt, huyện ủy viên bốn tốt.

- Để cuộc vận động xây dựng huyện ủy bốn tốt được kết quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ triệu tập hội nghị thành phần gồm các đồng chí đại biểu các Ban huyện ủy, thị ủy và một số các ban, ngành tổ chức học tập Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và bàn về kế hoạch tiến hành cuộc vận động xây dựng huyện ủy bốn tốt. Cuộc hội nghị này Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị nội dung kế hoạch cho tốt.

- Sau hội nghị của tỉnh về, các huyện ủy và thị ủy phải chuẩn bị tổ chức học tập Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư Trung ương Đảng được tốt, kiểm điểm đánh giá đúng mức chỗ mạnh, chỗ yếu về sự lãnh đạo và chỉ đạo của huyện ủy, thị ủy để ra chương trình và đăng ký thi đua xây dựng huyện ủy bốn tốt. Hội nghị của huyện ủy học tập Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, có thể mở rộng tới các đồng chí cán bộ Đảng phụ trách các Ban, các Đảng đoàn và các ngành xung quanh huyện.

- Sau hội nghị của tỉnh học tập Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, các Ban, các Đảng đoàn và các ngành xung quanh tỉnh phải đề ra kế hoạch, chương trình, biện pháp của ngành mình phải làm gì để phục vụ tốt cuộc vận động xây dựng huyện ủy bốn tốt về các mặt tư tưởng, tổ chức phân cấp quản lý, thi hành chủ trương của Đảng về vấn đề tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo cấp huyện, v.v..

Cuộc vận động xây dựng huyện ủy bốn tốt sẽ chia làm ba bước:

+ Bước thứ nhất, tổ chức học tập, kiểm điểm, đăng ký chương trình hành động chung của huyện ủy và riêng từng đồng chí cấp ủy viên, báo cáo lên Tỉnh ủy duyệt đăng ký.

+ Bước thứ hai, thông báo chương trình hành động của huyện ủy, tổ chức chỉ đạo phát động phong trào thực hiện chương trình hành động của huyện ủy đến đảng bộ cơ sở và các ngành.

+ Bước thứ ba, tổng kết, đánh giá tự phong huyện ủy bốn tốt, huyện ủy viên bốn tốt, đề nghị tinh xét duyệt công nhận.

Để cuộc vận động xây dựng huyện ủy bốn tốt được kết quả tốt và tranh thủ phát động tiến hành được sớm, ngay từ bây giờ Ban Tổ chức Tỉnh ủy sẽ bàn kế hoạch và gợi ý với các Ban huyện ủy và thị ủy chuẩn bị tốt hội nghị học tập Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và làm báo cáo kiểm điểm cho tốt. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định lấy Huyện ủy Bắc Hà làm nơi chỉ đạo trọng điểm cuộc vận động này đi trước một bước để rút kinh nghiệm kịp thời phổ biến các nơi. Ban Tổ chức Tỉnh ủy sẽ lấy một số cán bộ của Ban và một số cán bộ của các ngành xung quanh tỉnh về Bắc Hà cùng với huyện ủy tiến hành khẩn trương.

III. CÔNG TÁC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Do yêu cầu xây dựng lực lượng, củng cố quốc phòng trong tình hình mới nên từ đầu năm đến nay, chúng ta tiến hành hai đợt tuyển quân ở địa phương với số lượng và chất lượng cao. Nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, công tác tuyển quân đã có những tiến bộ, nên cả hai đợt đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu. Đặc biệt có một số dân tộc thiểu số trước đây chưa có thanh niên tham gia quân đội, nay đã hăng hái cho con em mình tham gia quân đội để làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đó là những thành tích rất lớn, các cấp ủy, các ngành cần phải phát huy.

Hiện nay, do yêu cầu mới đòi hỏi chúng ta xây dựng lực lượng củng cố quốc phòng mạnh hơn nữa cả về số lượng và chất lượng, nên địa phương chúng ta được trao giao nhiệm vụ tuyển quân đợt tới với số lượng rất lớn, sắp xỉ bằng cả hai lần tuyển quân từ đầu năm đến nay. Đây là một nhiệm vụ nặng nề nhưng rất vang danh của nhân dân các dân tộc tỉnh ta góp phần ngày càng xứng đáng vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của dân tộc.

Trong đợt tuyển quân lần này tuy có những khó khăn nhất định, nhưng khó khăn đó chỉ là tạm thời, bên cạnh những khó khăn chúng ta có rất nhiều thuận lợi mà những thuận lợi đó là những thuận lợi cơ bản.

Ban Thường vụ nhất trí ban dự thảo chỉ thị về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự đợt này, Tỉnh đội sẽ đưa ra hội đồng nghĩa vụ quân sự bàn biện pháp cụ thể thi hành.

Để đảm bảo đợt tuyển quân lần này đạt được kết quả tốt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý mấy vấn đề dưới đây:

- Phải đặc biệt coi trọng công tác giáo dục chính trị, phát động tư tưởng sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thanh niên, phụ nữ dân quân tự vệ, phụ lão... lấy tinh thần Nghị quyết 11 và Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng làm nội dung giáo dục chính trị phát động tư tưởng. Kết hợp với những thắng lợi của quân và dân ta ở hai miền, nhất là thắng lợi chiến dịch mùa khô vừa qua ở miền Nam Việt Nam để động viên làm cho mọi người tin tưởng, phấn khởi và xác định rõ trách nhiệm của mình trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay.

- Động viên và giáo dục thuyết phục một số anh em bộ đội trước đây đào ngũ nay trở về hàng ngũ quân đội. Làm tốt và làm sớm vấn đề này sẽ có ảnh hưởng tốt đối với đợt tuyển quân trước mắt, cũng như sẽ có tác dụng ngăn ngừa được tình trạng đào ngũ sau này.

- Các cấp các ngành cần phải lãnh đạo chặt chẽ công tác động viên tuyển quân lần này. Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ đã đề ra đối với bộ đội, đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, v.v. vận động nhân dân giúp đỡ gia đình cán bộ và bộ đội quá neo bần, gặp nhiều khó khăn trong đời sống hằng ngày.
- Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, phụ lão... cần làm tốt hơn nữa vai trò của mình đối với công tác động viên tuyển quân lần này.

T/M BAN THUỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 33-NQ/TU, ngày 16-7-1966

**Về phương hướng nhiệm vụ
nghiên cứu lịch sử Đảng bộ hai năm 1966 - 1967**

Phần thứ nhất

VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT

**CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
VÀ ƯU KHUYẾT ĐIỂM CỦA CÔNG TÁC LỊCH SỬ ĐẢNG
HAI NĂM QUA**

Để đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước trong những năm tới, cần nhận thức đúng đắn vị trí, tính chất công tác nghiên cứu lịch sử Đảng và các ưu khuyết điểm chính trong việc lãnh đạo công tác nghiên cứu lịch sử Đảng trong thời gian qua:

**I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, TÍNH CHẤT
CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG**

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III đã ghi rõ: "Tổng kết kinh nghiệm là một phương pháp hết sức quan trọng để nâng cao trình độ lý luận và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên. Đại hội giao

cho Ban Chấp hành Trung ương tổ chức việc tổng kết kinh nghiệm hơn 30 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng tổ chức viết cuốn *Lịch sử Đảng* và định ra "chế độ tổng kết kinh nghiệm từ nay về sau".

Thành lập hệ thống nghiên cứu Lịch sử Đảng và thực hiện công tác nghiên cứu lịch sử Đảng là chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng.

- Công tác nghiên cứu lịch sử Đảng là công tác tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng từ trước đến nay nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp bộ Đảng; góp phần khắc phục những nhận thức tư tưởng sai trái với đường lối cách mạng của Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong các đảng bộ.

- Công tác nghiên cứu lịch sử Đảng có tác dụng giáo dục truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng, của các đảng bộ cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ để hoàn thành tốt công tác trước mắt.

Công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bao gồm việc định ra chế độ tổng kết kinh nghiệm từ nay về sau nhằm làm cho sự lãnh đạo cách mạng của các đảng bộ ngày càng tốt hơn.

Do đó, công tác nghiên cứu lịch sử Đảng có tác dụng quan trọng trong việc xây dựng các đảng bộ về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trong tình hình cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, các cấp bộ của Đảng càng cần phải tổng kết và áp dụng tốt các kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp vào hoàn cảnh mới; càng cần phải giáo dục, phát huy truyền thống chống xâm lăng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, càng cần phải tổng kết tốt những kinh nghiệm sốt dẻo của công cuộc chống Mỹ, cứu nước hiện nay, vì vậy cần làm tốt công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, như đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ rõ:

"Tổng kết kinh nghiệm và biên soạn của lịch sử Đảng là chấp hành nghị quyết Đại hội Đảng và có ý nghĩa thực tiễn rất lớn.

Bất kể tình hình như thế nào, địch có mở rộng chiến tranh ra miền Bắc đi nữa, dù lên rừng hay vào trong hang cũng phải làm và làm cho tốt".

Công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bộ là công tác tổng kết kinh nghiệm của toàn Đảng bộ, có quan hệ tới nhiều ngành công tác của Đảng và Nhà nước, có quan hệ tới nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, đòi hỏi sự đóng góp công sức và trí tuệ của cấp ủy Đảng, của đồng đảo cán bộ, đảng viên.

Công tác nghiên cứu lịch sử Đảng nhằm tổng kết và phát huy những kinh nghiệm và truyền thống tốt đẹp của Đảng, nhằm khắc phục những biểu hiện sai trái với đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng bộ. Cho nên công tác lịch sử Đảng là công tác Đảng.

Công tác nghiên cứu lịch sử Đảng đồng thời cũng là công tác nghiên cứu sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê nin vào hoàn cảnh nước ta, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của các đảng bộ để nâng lên trình độ lý luận. Vì vậy, nó cũng đồng thời là công tác khoa học.

Vị trí và tính chất của công tác nghiên cứu lịch sử Đảng đòi hỏi phải đặt công tác lịch sử Đảng dưới sự lãnh đạo thường xuyên và chặt chẽ của cấp ủy Đảng.

II. ƯU KHUYẾT ĐIỂM CỦA CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TRONG THỜI GIAN QUA

Từ khi thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh (11-1963) đến nay đã hơn 2 năm. Trong hơn 2 năm đó, mặc dù cán bộ chuyên trách ít, các cán bộ lịch sử Đảng đã tích cực sưu tầm, khai thác và xác minh các tài liệu lịch sử Đảng, đã coi trọng việc phục vụ nhiệm vụ trước mắt, tại những nơi có sưu tầm tài liệu, các cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng đã nhiệt tình giúp đỡ công tác lịch sử Đảng nên đã thu được một số kết quả.

- Sưu tầm xác minh được các tài liệu cơ bản về tình hình chính trị - xã hội các dân tộc Lào Cai và các hoạt động cách mạng ở Lào Cai từ khi có Đảng đến lúc lập Đảng bộ Lào Cai (1930-1947).

- Cung cấp được một số tài liệu về truyền thống chống đế quốc của nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai, về đạo Thiên chúa trong các dân tộc thiểu số ở Lào Cai.

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu lịch sử Đảng vẫn còn thu hẹp trong phạm vi cán bộ chuyên trách, trong lúc tổ chức nghiên cứu lịch sử Đảng còn rất thiếu cán bộ, nhận thức về vị trí, tính chất công tác nghiên cứu lịch sử Đảng chưa được thấu suốt trong toàn Đảng bộ; việc tổ chức cộng tác viên và các hình thức thu hút đồng đảo cán bộ, đảng viên làm công tác lịch sử Đảng với các công tác khác chưa thực hiện được chặt chẽ; Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng làm chậm việc tổng kết công tác và đề xuất các vấn đề về công tác nghiên cứu lịch sử để Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải quyết. Chưa làm được tốt việc kết hợp công tác lịch sử Đảng.

Về sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, đã kịp thời lập Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng theo chủ trương của Trung ương, đã phân công một đồng chí trong Ban Thường vụ phụ trách và cung cấp các phương tiện cần thiết để tiến hành nghiên cứu lịch sử Đảng. Nhưng Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng chưa chủ động đề ra yêu cầu báo cáo các vấn đề cần được giải quyết trong quá trình nghiên cứu lịch sử Đảng bộ, chưa chủ động đề ra yêu cầu cụ thể đối với công tác lịch sử Đảng phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt và chậm tăng cường cán bộ cho Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng. Tình hình đó chứng tỏ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhận thấy sự cần thiết phải nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ, nhưng chưa thấy hết vị trí, chức năng nhiệm vụ và tinh thần công tác nghiên cứu lịch sử Đảng.

Những thiếu sót trên đây hạn chế kết quả của công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, chưa làm cho công tác lịch sử Đảng đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Để đẩy mạnh công tác nghiên cứu

lịch sử Đảng phục vụ đắc lực sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay cần nhanh chóng khắc phục những thiếu sót trên.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG HAI NĂM 1966 - 1967

A. Nhiệm vụ chung và lâu dài của công tác nghiên cứu lịch sử Đảng

Nhiệm vụ chung và lâu dài của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III đã ghi rõ là: "Tổng kết kinh nghiệm hơn 30 năm lãnh đạo của Đảng, tổ chức viết cuốn *Lịch sử Đảng* và định ra chế độ tổng kết kinh nghiệm từ nay về sau".

Để tiến tới biên soạn cuốn *Lịch sử tỉnh Đảng bộ Lào Cai*, trình tự bước đi của công tác nghiên cứu lịch sử Đảng là:

1. Sưu tầm nghiên cứu, xác minh tài liệu lịch sử tuần tự từ giai đoạn này đến giai đoạn khác. Sưu tầm được đến đâu, xác minh chính lý, lập hồ sơ và bước đầu nghiên cứu ngay các tài liệu đó, không chờ sưu tầm xong mới nghiên cứu.

2. Với tài liệu sưu tầm, được từng bước nghiên cứu và biên soạn các chuyên đề về các cuộc vận động lớn của Đảng bộ như phát động du kích chiến tranh ở hậu địch, tiếu phỉ, vận động khu tự trị; hợp tác hóa kết hợp cải cách dân chủ, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất... chuẩn bị cho dự thảo cuốn *Lịch sử Đảng bộ*.

3. Theo sự tổng kết của ngành dọc mà Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao nhiệm vụ, góp sức cùng Đảng đoàn chính quyền, Ty Công an, Ban Tổ chức, Ban Mặt trận và Ban Dân tộc tổng kết kinh nghiệm của Đảng bộ về bốn vấn đề:

- Chuyên chính dân chủ nhân dân.
- Xây dựng Đảng.

- Công tác mặt trận và công tác dân tộc.
- Xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang.

Tổng kết bốn năm vấn đề trên cũng là chuẩn bị cho việc biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ*.

4. Dự thảo cuốn *Lịch sử Đảng bộ*.

5. Biên soạn *Lịch sử Đảng bộ*.

Để xây dựng chế độ tổng kết kinh nghiệm từ nay về sau, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng cùng với Văn phòng Tỉnh ủy cần theo dõi chặt chẽ việc tổng kết kinh nghiệm công tác các ngành ở tỉnh, các ngành ở huyện; việc tổng kết các điển hình tốt để nghiên cứu và dần xây dựng chế độ tổng kết kinh nghiệm.

B. Phương hướng nhiệm vụ công tác nghiên cứu lịch sử Đảng trong 2 năm 1966 - 1967

Căn cứ vào nhiệm vụ chung và lâu dài của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh, căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ công tác lịch sử Đảng do Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương đề ra cho 2 năm 1966- 1967; căn cứ khả năng của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh, phương hướng nhiệm vụ công tác lịch sử Đảng bộ Lào Cai là: Tập trung toàn lực nhằm giải quyết khâu tài liệu; tạo cơ sở vật chất cần thiết cho việc biên soạn *Lịch sử Đảng bộ*.

Để hoàn thành phương hướng nhiệm vụ trên, trong 2 năm tới phấn đấu thực hiện sáu nhiệm vụ công tác cụ thể sau đây:

1. Hoàn thành sưu tầm, xác minh, chỉnh lý và lập hồ sơ các tài liệu về cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp từ lúc chuẩn bị kháng chiến đến khi hoàn thành thắng lợi chiến dịch tiêu phì miền Tây (từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1955).

2. Tiến tới hoàn chỉnh việc sưu tầm và xác minh các tài liệu cơ bản về tình hình chính trị xã hội các dân tộc Lào Cai và các hoạt động cách mạng từ khi có Đảng đến lúc lập đảng bộ (1930- 1947).

3. Sưu tầm và bước đầu ghi chép các tài liệu về công cuộc chống Mỹ, cứu nước hiện nay, đặc biệt là về tình hữu nghị chiến

đấu Việt - Trung. Xây dựng đề cương sưu tầm và dần dần thu thập các văn kiện, tài liệu về công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

4. Cùng các huyện, Ban Tổ chức Dân Chính, các Ty Văn hóa, Giáo dục chỉ đạo và hướng dẫn các xã viết truyền thống kháng chiến chống đế quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội; lập nhà lưu niệm cách mạng ở xã, hoàn thành khen thưởng kháng chiến để phát huy truyền thống tốt đẹp của các dân tộc phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay.

5. Trong phạm vi Tỉnh ủy cho phép, cung cấp các tài liệu lịch sử Đảng cho các cơ quan tuyên truyền, văn hóa, giáo dục, cùng các ngành có liên quan phát động viết và xuất bản hồi ký kháng chiến để góp phần bồi dưỡng, giáo dục truyền thống cách mạng.

6. Tăng cường cán bộ chuyên trách công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, xây dựng các Ban sưu tầm tài liệu lịch sử Đảng trong tỉnh, tổ chức mạng lưới cộng tác viên, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng.

Trong khi thực hiện phương hướng nhiệm vụ trên đây cần đặc biệt lưu ý:

- Kết hợp chặt chẽ việc nghiên cứu lâu dài và phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt.

- Kết hợp chặt chẽ giữa sưu tầm xác minh tài liệu với việc bảo vệ và sử dụng các tài liệu lịch sử phục vụ công tác trước mắt.

- Trong khi thực hiện nhiệm vụ trọng tâm 2 năm tới là sưu tầm xác minh tài liệu kháng chiến, đồng thời phải có kế hoạch thu thập, bảo vệ tài liệu về thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong năm 1966, sáu nhiệm vụ cụ thể trên đây cần được tích cực thực hiện để làm cho năm 1967 tiến lên hoàn thành tốt các nhiệm vụ đó. Đối với nhiệm vụ 1 và 4, quy định mức độ yêu cầu thực hiện trong năm 1966 như sau:

(1) Hoàn thành sưu tầm, xác minh và lập hồ sơ các tài liệu kháng chiến từ lúc chuẩn bị kháng chiến đến khi giải phóng Lào Cai (1946 - 1950).

(2) Cùng Huyện ủy Bảo Thắng và các ngành có liên quan thí điểm viết truyền thống chống đế quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội; lập nhà lưu niệm cách mạng xã; hoàn thành khen thưởng kháng chiến xã và mở rộng ra các xã thuộc vùng căn cứ hậu địch trong thời kỳ kháng chiến.

Để hoàn thành tốt phương hướng nhiệm vụ trên đây, cần tích cực thực hiện các biện pháp dưới đây:

1. Phổ biến sâu rộng vị trí, chức năng và tính chất công tác lịch sử Đảng trong toàn Đảng bộ.

Để đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay cần làm cho các cấp ủy các đồng chí phụ trách các ngành và đồng đảo cán bộ, đảng viên nhận rõ vị trí, chức năng nhiệm vụ, tính chất công tác lịch sử Đảng và phương hướng nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử Đảng trong 2 năm tới.

- Cân tạo điều kiện cho Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng báo cáo chức năng nhiệm vụ và kiểm điểm công tác của Ban trong một cuộc hội nghị Tỉnh ủy.

- Trong báo cáo của Tỉnh ủy trình Đại hội Đảng bộ lần thứ V và dự án công tác của Ban Chấp hành mới cần kiểm điểm công tác lịch sử Đảng và ghi nhiệm vụ công tác lịch sử Đảng. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng có trách nhiệm phục vụ Ban trù bị Đại hội trong khi viết phần công tác nghiên cứu lịch sử Đảng và nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử Đảng trong nhiệm kỳ Ban Chấp hành mới.

- Thường trực Tỉnh ủy sẽ triệu tập một hội nghị có đại biểu các huyện ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc và các đồng chí phụ trách các ngành để phổ biến nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương hướng nhiệm vụ công tác nghiên cứu lịch sử Đảng trong 2 năm 1966-1967.

- Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng cần chủ động kết hợp việc tuyên truyền cho Đại hội Đảng bộ lần thứ V, kết hợp với việc tuyên truyền chống Mỹ, cứu nước mà giới thiệu công tác nghiên cứu lịch sử Đảng cùng với việc sử dụng tài liệu lịch sử phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng bộ.

- Làm tốt việc phát động viết và xuất bản *Hồi ký kháng chiến* sẽ góp phần tích cực cho việc giáo dục truyền thống và tuyên truyền cho công tác nghiên cứu lịch sử Đảng.

2. Kiện toàn Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh và tăng cường cán bộ chuyên trách công tác lịch sử Đảng.

Đối với Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng cần kiên quyết tăng cường đủ cán bộ nghiên cứu và nhân viên đánh máy lưu trữ như Trung ương đã quy định.

Trước mắt cần tăng cường ngay nhân viên đánh máy lưu trữ và cán bộ nghiên cứu đủ thành lập các tổ chuyên nghiên cứu về giai đoạn kháng chiến và giai đoạn cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng để tạo điều kiện đầy mạnh công tác và cải tiến lề lối làm việc của công tác nghiên cứu lịch sử Đảng.

Đối với các huyện, các thị xã cần dần dần tổ chức ra các Ban sưu tầm tài liệu lịch sử như Nghị quyết của Hội nghị tổng kết 5 năm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng tháng 2-1966, mỗi Ban cần có một cán bộ chuyên trách.

3. Tăng cường phương tiện nghiên cứu công tác lịch sử Đảng.

Để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ công tác trên đây cần có những phương tiện để ghi chép các tài liệu lịch sử như máy chữ, máy ghi âm, máy ảnh... các phương tiện để bảo quản và phục chế các tài liệu lịch sử, các phương tiện phục vụ nghiên cứu, biên soạn bao gồm sách, báo, tài liệu, điều kiện làm việc cần có những chỉ tiêu về khai thác, xác minh, biên soạn và xuất bản các tài liệu lịch sử Đảng, trong đó các loại chi đã thành chế độ, có loại chi chưa được nghiên cứu thành chế độ.

Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng có trách nhiệm nghiên cứu đề nghị cụ thể về phương tiện công tác trình Thường vụ Tỉnh ủy duyệt, trước mắt cần tăng cường sách, báo nghiên cứu (các loại từ điển, các sách lý luận kinh điển và đường lối, chính sách và các báo chí nghiên cứu...), máy ghi âm, máy chũ xách tay.

4. Làm tốt công tác phát động quần chúng các xã viết truyền thống kháng chiến và xây dựng mạng lưới cộng tác viên:

Công tác phát động các xã viết truyền thống chống đế quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, lập nhà lưu niệm cách mạng ở xã, hoàn thành khen thưởng kháng chiến vừa là một trong sáu nhiệm vụ công tác lịch sử Đảng 2 năm 1966-1967 vừa là biện pháp cơ bản để động đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng tham gia công tác nghiên cứu lịch sử Đảng; là biện pháp cơ bản để cho công tác lịch sử Đảng trực tiếp phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Công tác đó cũng mở ra cho công tác bảo tồn, bảo tàng một phương hướng công tác mới trực tiếp phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay, tạo ra điều kiện thuận lợi cho ngành giáo dục trong việc xây dựng phòng truyền thống và việc giảng dạy lịch sử kết hợp với truyền thống địa phương tại các trường phổ thông.

Vì vậy, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và các ngành liên quan cần làm tốt công tác đó.

Trong quá trình công tác sưu tầm, xác minh tài liệu lịch sử, trong công tác phát động sưu tầm và viết truyền thống xã cần chú ý lựa chọn các đảng viên, cán bộ trong và ngoài Đảng có nhiệt tình với công tác lịch sử Đảng để tổ chức và xây dựng mạng lưới cộng tác viên nghiên cứu lịch sử Đảng.

5. Làm tốt công tác thu thập bảo vệ và quản lý tài liệu lịch sử.

Hiện nay các tài liệu văn kiện về cuộc kháng chiến chống Pháp còn lại ít, một số còn rải rác trong nhân dân; các tài liệu về các đợt phát động thành lập Khu tự trị, hợp tác hóa kết hợp cải cách dân chủ cũng phân tán ở các huyện các ngành, công tác lưu trữ các

công văn, tài liệu hiện nay ở các ngành, các huyện làm chưa khoa học và chưa đảm bảo chống tình trạng mất mát, hư hỏng. Để bảo vệ các tài liệu quý của Đảng bộ, của các ngành, cần kiên quyết khắc phục tình trạng trên.

a) Các huyện, thị, xã, các ngành tổ chức lưu trữ bảo quản tốt các công văn, tài liệu của địa phương và của ngành. Những tài liệu đó cần thiết cho việc theo dõi công tác, tổng kết kinh nghiệm của các địa phương, các ngành cũng cần thiết cho công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bộ.

Công tác lưu trữ, bảo quản phải đảm bảo yêu cầu:

- Sắp xếp khoa học, phân loại tài liệu, có hồ sơ riêng, có bảng mục lục tài liệu, đảm bảo khi cần nghiên cứu không mất thì giờ tìm tòi.

- Bảo đảm chống thất lạc, chống ẩm ướt, chuột bọ phá hoại, chống địch phá hoại. Muốn vậy phải có sổ ghi người mượn, nơi sơ tán tài liệu phải chú ý chống ẩm ướt, chuột mồi.

b) Đối với các tài liệu cũ (về cuộc kháng chiến hoặc các năm sau hòa bình lập lại) hiện nay còn lại ở các địa phương, các ngành nếu chưa nghiên cứu phân loại cẩn thận, tuyệt đối không được tiêu hủy. Các địa phương, các ngành còn lưu trữ được các tài liệu đó có trách nhiệm bảo vệ tài liệu, lập bảng mục lục các tài liệu của địa phương và của các ngành gửi về Tỉnh ủy nếu là tài liệu chung của tỉnh hoặc của các địa phương, các ngành khác.

c) Tập trung về bộ phận lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy các tài liệu về chủ trương, đường lối của Tỉnh ủy hiện nay còn phân tán ở các địa phương và các ngành về ba cuộc vận động lớn của Đảng bộ:

- Cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Cuộc thành lập vận động Khu tự trị.
- Các đợt vận động hợp tác hóa kết hợp cải cách dân chủ (1959-1960).

Các địa phương, các ngành sẽ báo cáo các tài liệu cần lưu trữ ở địa phương và ngành về ba cuộc vận động trên, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy sẽ sao lại các tài liệu đó gửi

các địa phương, các ngành, bản chính sẽ lưu lại tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng sẽ nghiên cứu, giám định các tài liệu trên và quy định chế độ nghiên cứu, khai thác các tài liệu đó.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với công tác nghiên cứu lịch sử Đảng.

Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với nghiên cứu lịch sử Đảng là nhân tố quyết định bước tiến của công tác lịch sử Đảng.

Cần làm cho các đồng chí trong Ban Chấp hành hiểu công tác lịch sử Đảng. Trong chương trình công tác của Ban Chấp hành, công tác lịch sử Đảng sẽ là một khâu trong toàn bộ công tác.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ định kỳ nghe báo cáo và cho các chỉ thị cụ thể về công tác lịch sử Đảng. Đề ra các yêu cầu cụ thể để công tác lịch sử Đảng phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt. Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ có các buổi họp nghe Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng báo cáo tổng hợp các tài liệu lịch sử Đảng bộ đã sưu tầm được.

Trong công tác thường xuyên, Ban Thường vụ sẽ chỉ đạo việc phối hợp công tác lịch sử Đảng với các ngành công tác có liên quan để công tác đó hỗ trợ cho nhau cùng phát triển. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng có trách nhiệm chủ động báo cáo xin chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chủ động cho việc phối hợp công tác với các ngành và phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, hơn bao giờ hết, cần nêu cao và phát huy truyền thống cách mạng của Đảng bộ, cần nêu cao khí phách anh hùng và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân các dân tộc để kiên quyết vươn lên vượt qua mọi khó khăn gian khổ và hy sinh đặng hoàn thành nhiệm vụ lịch sử: Đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Vì vậy, hơn lúc nào hết, hiện nay cần gấp rút đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng và sử dụng tài liệu lịch sử Đảng phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy mong các cấp, các ngành nhận rõ ý nghĩa quan trọng và cấp bách đó, chấp hành tốt Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ 2 năm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 32-BB/TU, ngày 20-7-1966

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 16-7-1966 và tối 18 tháng 7 năm 1966, dự hội nghị có các đồng chí: Trường Minh, Khánh Vinh, Lê Bá Hội, Việt Tiến.

Nội dung hội nghị thảo luận ba vấn đề:

- I. Công tác nghiên cứu xây dựng lịch sử Đảng bộ
 - II. Định rõ nhiệm vụ, chức năng và kiện toàn tổ chức Ban Tài chính thương nghiệp tỉnh
 - III. Công tác cán bộ kiện toàn lãnh đạo một số cơ quan
- Cụ thể thảo luận các vấn đề như sau:

I. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ

Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ tỉnh đã thành lập tháng 11 năm 1963. Trong hơn 2 năm, mặc dù cán bộ chuyên trách còn ít, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ tỉnh đã tích cực sưu tầm, khai thác và xác minh các tài liệu lịch sử Đảng bộ, đã coi trọng kết hợp công tác sưu tầm và phục vụ nhiệm vụ trước mắt, các cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng đã nhiệt tình giúp đỡ công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bộ nên đã thu được một số kết quả. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu xây dựng lịch sử Đảng bộ vẫn thu hẹp trong phạm vi cán bộ chuyên trách nên kết quả còn bị

hạn chế; một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên chưa nhận thức rõ vị trí, chức năng và tính chất công tác nghiên cứu lịch sử Đảng là công tác tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng từ trước tới nay, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, góp phần khắc phục những nhận thức tư tưởng sai trái với đường lối cách mạng của Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong các đảng bộ..., nên một số cấp ủy chưa coi trọng đúng mức công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bộ; việc tổ chức cộng tác viên tổ chức tọa đàm thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên chưa được thực hiện, việc kết hợp công tác lịch sử Đảng bộ với các ngành công tác khác trong tỉnh chưa được chặt chẽ.

Để đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bộ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay cần phải nhanh chóng khắc phục những thiếu sót trên, phải làm cho toàn Đảng trước hết các cấp ủy, các đồng chí cán bộ phụ trách các ngành nhận thức rõ vị trí, chức năng và tính chất công tác nghiên cứu xây dựng lịch sử Đảng, và đề ra được phương hướng nhiệm vụ cụ thể công tác nghiên cứu xây dựng lịch sử Đảng bộ trong thời gian tới.

Để quán triệt nhận thức toàn Đảng và tăng cường công tác xây dựng lịch sử Đảng tỉnh ta, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí và nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử Đảng bộ trong hai năm 1966 - 1967, dựa vào tinh thần nghị quyết sẽ có những chỉ thị cụ thể đối với công tác này.

Để thực hiện được tốt về phương hướng nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý mấy vấn đề dưới đây:

- Kết hợp chặt chẽ giữa công tác nghiên cứu, phục vụ trước mắt với lâu dài.

- Kết hợp chặt chẽ giữa sưu tầm tài liệu với giữ gìn và sử dụng tốt tài liệu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa công tác nghiên cứu sưu tầm tài liệu kháng chiến với công tác nghiên cứu, sưu tầm tài liệu trong thời kỳ cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Các cấp ủy, các cán bộ, đảng viên có trách nhiệm sưu tầm phát hiện cung cấp các nguồn tài liệu giúp cho công tác lịch sử Đảng trên mọi lĩnh vực công tác; ngay từ giờ có kế hoạch sưu tầm bảo quản hồ sơ, văn kiện.

II. ĐỊNH RÕ NHIỆM VỤ, CHỨC NĂNG VÀ KIỆN TOÀN TỔ CHỨC THƯƠNG NGHIỆP TỈNH

Các công tác: Lương thực, nội thương, ngoại thương, vật giá, tài chính, ngân hàng là những công tác nằm trong khâu lưu thông phân phôi. Trong thời gian qua nhờ có sự chú ý lãnh đạo của các cấp ủy và sự cố gắng của bản thân các ngành nên nói chung công tác tài chính thương nghiệp trong tỉnh đã thu được những kết quả nhất định. Nhưng so với yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay đòi hỏi các ngành trong khối tài chính thương nghiệp phải cố gắng nhiều hơn nữa mới đáp ứng được nhu cầu: sản xuất, chiến đấu và đời sống.

Cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng từ tỉnh đến huyện, xã từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông phân phôi.

Vận dụng nghị quyết của Trung ương Đảng vào tình hình thực tiễn của tỉnh ta, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí bản dự thảo nghị quyết về kiện toàn tổ chức Ban Tài chính thương nghiệp các cấp trong tỉnh.

Các ngành: Lương thực, nội thương, ngoại thương, vật giá tài chính ngân hàng hợp thành một khối gọi là Khối Tài chính thương nghiệp, thành lập Ban Tài chính thương nghiệp các cấp giúp Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ công tác tài chính thương nghiệp và giá cả.

Nhiệm vụ, chức năng, tổ chức và lề lối làm việc của Ban Tài chính thương nghiệp các cấp trong tỉnh sẽ dựa vào nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương Đảng và vận dụng cho thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của Lào Cai.

Trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ tổ chức và lề lối làm việc của Ban Tài chính thương nghiệp tỉnh cần chú ý theo dõi rút kinh nghiệm kịp thời uốn nắn, bổ khuyết về lề lối làm việc giữa Ban Tài chính thương nghiệp Tỉnh ủy với Phòng Tài chính thương nghiệp Ủy ban hành chính tỉnh.

Việc tổ chức ra Ban Tài chính thương nghiệp hoặc đồng chí cấp ủy phụ trách công tác tài chính thương nghiệp ở xã, Ban Tài chính thương nghiệp của Tỉnh ủy cùng với các Ban huyện ủy làm thí điểm một số xã rút kinh nghiệm. Ban Tài chính thương nghiệp sẽ báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy rồi mới tổ chức mở rộng ra diện.

Để đảm bảo cho Ban Tài chính thương nghiệp Tỉnh ủy hoạt động thực sự và thu được những kết quả tốt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định sẽ điều động một số cán bộ chất lượng về công tác ở Ban Tài chính thương nghiệp Tỉnh ủy. Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tài chính thương nghiệp Tỉnh ủy sẽ nghiên cứu con người cụ thể báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy ra quyết nghị.

III. CÔNG TÁC CÁN BỘ

Sau khi cân nhắc phân tích Ban Thường vụ nhất trí đề nghị của Ban Tổ chức kiện toàn lãnh đạo một số cơ quan (có nghị quyết riêng).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ
TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 100-CT/TU, ngày 25-7-1966

**Về thời kỳ vận động tập trung cuộc vận động cải tiến
quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật đợt 2**

Thời kỳ chuẩn bị cuộc vận động cải tiến đợt 2 từ đầu năm 1966 đến nay đã căn bản hoàn thành. Đối chiếu với yêu cầu, nội dung đề ra chúng ta đã đạt được kết quả tốt. Các công việc trong thời kỳ chuẩn bị như phát động tư tưởng quần chúng bước đầu, điều tra tình hình cơ bản hợp tác xã, dự kiến phương hướng và kế hoạch sản xuất, củng cố tổ chức, đào tạo cán bộ, v.v. đều đã được tiến hành một bước lớn. Đặc biệt, thời kỳ chuẩn bị đợt này đã có nhiều cố gắng hơn đợt trước trong việc hợp pháp, đưa lên cấp cao một số hợp tác xã trong việc xây dựng sân phơi, nhà kho, thủy lợi, cải tiến kỹ thuật, xây dựng nhà trẻ, nhóm trẻ, lập các đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đã đạt yêu cầu chung cũng còn một số nhược điểm thiếu sót tồn tại cần phải tiếp tục khắc phục. Tư tưởng về hai con đường, về cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong cán bộ và quần chúng chưa giải quyết sâu sắc. Công tác nắm tình hình dự kiến phương hướng và kế hoạch sản xuất có nơi chưa chắc chắn chung chung hoặc chưa tập hợp xong số liệu, chưa xét duyệt cụ thể. Việc củng cố hợp tác xã trong diện củng cố và chuẩn bị kế hoạch ở các hợp tác xã này còn yếu. Một số nơi chưa hoàn

chỉnh việc công hữu trâu, góp cổ phần hợp nhất hợp tác xã, đưa hợp tác xã lên cao và giải quyết dứt khoát các mắc mưu về chính sách, v.v.. Riêng về công tác tổ chức, đào tạo cán bộ tuy có tiến bộ hơn đợt 1, nhưng nhìn chung còn yếu chưa theo kịp yêu cầu.

Do những tồn tại trên nên phong trào quần chúng nói chung đã có khí thế, nhưng từng hợp tác xã, từng xã còn một số việc còn yếu: Phong trào chưa lên mạnh, có nơi còn chậm tiến như xã Trịnh Tường (Bát Xát) và nói chung là kéo dài thời gian. Có nơi còn chưa đạt yêu cầu cơ bản trên nhiều mặt (thị xã Lào Cai).

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do sự chỉ đạo thực hiện của các huyện, thị có nơi, có lúc còn chưa tập trung và chưa sâu, chưa chặt. Việc kiểm tra đôn đốc vẫn còn chưa đều đặn, theo dõi năm tình hình chưa thật chắc, sâu. Sự thực hiện của các tổ cải tiến và các xã năm nội dung kế hoạch và bước đi chưa vững, làm việc thiếu kết hợp, phối hợp, lúng túng về nghiệp vụ công tác quản lý hợp tác xã. Cũng có nơi làm việc theo lối bình thường, lè mề không đảm bảo tính chất khẩn trương chặt chẽ của một cuộc vận động; chế độ báo cáo, phản ánh từ xã lên huyện, huyện và các ngành lên tỉnh chưa nghiêm chỉnh, đều đặn, đúng kỲ.

Hiện nay hai huyện đã tổng kết, còn các nơi khác đang chuẩn bị tổng kết thời kỳ chuẩn bị; có nơi đã chuyển sang thời kỳ vận động tập trung. Đã bổ khuyết những thiếu sót tồn tại và để các cấp, ngành tiến hành tốt thời kỳ vận động tập trung, Ban Thường vụ chỉ thị cụ thể những điểm sau đây:

I. QUÁN TRIỆT Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA THỜI KỲ VẬN ĐỘNG TẬP TRUNG

Thời kỳ vận động tập trung là thời kỳ tập trung nhất của việc phát động tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng có tính chất quyết định nhất trong đợt vận động quần chúng.

Những dự thảo phương hướng và kế hoạch mà trong thời kỳ chuẩn bị đã làm mới chỉ là dự kiến trong chi bộ Đảng, trong cán bộ cốt cán. Muốn biến các dự kiến đó thành quyết định của quần chúng xã viên tự nguyện, tự giác xây dựng và hăng hái thực hiện nhất định phải phát động tư tưởng thật sâu sắc và rộng rãi trong thời kỳ vận động tập trung. Như vậy, quần chúng mới phê bình tự phê bình tốt, mới tham gia thảo luận và bổ sung xây dựng đề án kế hoạch một cách mạnh dạn, tiên tiến hơn nữa. Thời kỳ này chỉ làm trong một thời gian ngắn (một tháng 1/2) phải một mặt phát động quần chúng xây dựng phương hướng kế hoạch tốt, nhưng một mặt vừa xây dựng vừa thực hiện đẩy thật mạnh các việc thiết thực của cải tiến, cải tiến kỹ thuật, v.v. do đó đòi hỏi tinh thần lãnh đạo, chỉ đạo và phán đấu phải cao hơn thời kỳ chuẩn bị nếu chỉ làm bình thường thì kết quả sẽ không đạt yêu cầu của đợt vận động đề ra.

Vì vậy, các cấp, các ngành cần nhận thức rõ ý nghĩa mục đích yêu cầu của thời kỳ này hơn nữa, phải trên cơ sở tổng kết tốt thời kỳ chuẩn bị và nhận thức quán triệt hơn nữa giải quyết những tư tưởng nhận thức lệch lạc đối với cuộc vận động cải tiến còn tồn tại trong cấp ủy, trước hết là trong Ban Thường vụ và trong các ngành, rồi bố trí kế hoạch khắc phục, bổ khuyết.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN BUỚC ĐI CỦA THỜI KỲ VẬN ĐỘNG TẬP TRUNG

Cần nghiên cứu lại nội dung cụ thể và thời gian bước đi ghi trong Kế hoạch số 03 ngày 25-9-1965 của Tỉnh ủy, để nắm vững mà thực hiện cho đúng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhắc lại một số điểm phải chú ý làm tốt như sau:

1. Về thời gian

Thời kỳ vận động tập trung cố gắng đảm bảo làm trong một tháng 1/2 (45 ngày) là hoàn thành ở hợp tác xã theo như Kế hoạch

số 03 ngày 25 tháng 9 năm 1965 của Tỉnh ủy đã nêu. Nếu nơi nào vì hoàn cảnh đặc biệt phải thêm thời gian thì cũng phải báo cáo rõ và xin ý kiến tỉnh. Thời gian kết thúc thời kỳ vận động tập trung đợt 2 chung cho cả tỉnh là hết tháng 8 năm 1966.

Để đảm bảo thời gian các huyện, thị phải có kế hoạch phối hợp, kết hợp cho tốt và chỉ đạo chặt chẽ. Riêng thị xã Lào Cai cần kiểm điểm lại việc chuẩn bị của mình rồi tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của thị ủy để hoàn thành nhanh thời kỳ chuẩn bị rồi chuyển sang thời kỳ vận động tập trung phải đảm bảo đạt đúng yêu cầu thời gian phải thật khẩn trương. Các ngành ở huyện, tỉnh khi đưa công việc xuống các xã vùng cải tiến phải nhằm phục vụ đợt vận động và gắn liền với công tác cải tiến mà làm, không được chồng chéo giãm chân lên nhau, gây khó khăn cho hợp tác xã, xã.

2. Về nội dung thời kỳ này: Cần chú ý công tác:

a) *Về tư tưởng:* Trên cơ sở tiếp tục tuyên truyền phổ biến học tập tinh thần Nghị quyết 12 Trung ương và học tập lời kêu gọi của Bác về chống Mỹ, cứu nước mà tiến hành học tập sâu rộng các tài liệu trong từng bước vận động, đạt 90% đến 95% số người dự. Nội dung, yêu cầu các tài liệu và cách thức tổ chức học tập cần theo đúng hướng dẫn của Ban Nông nghiệp trong Kế hoạch số 2 ngày 8-6-1966 đã gửi.

Nhưng trong thời kỳ vận động tập trung này cần phát động mạnh mẽ, rầm rộ, sâu sắc, triệt để về tư tưởng đối với hai con đường cho dứt khoát và nhận thức đầy đủ yêu cầu nội dung lợi ích của vấn đề cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, phát triển nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ, vững chắc trong hợp tác xã, nhất là trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước hiện nay. Phải tập trung giải quyết cụ thể các tư tưởng thắc mắc tồn tại từ trong cán bộ, đảng viên đến quần chúng, xã viên, nhất là tư tưởng làm riêng giữ đất không muốn thống nhất quản lý vào hợp tác xã, không tin sản xuất tập thể, thiếu ý thức làm chủ hợp tác xã; tư tưởng bảo thủ,

lạc hậu không muốn cải tiến công cụ, kỹ thuật, tư tưởng ngại làm nghĩa vụ bán lương thực, nông sản phẩm cho Nhà nước, giấu diện tích, năng suất, v.v..

Ngoài việc tổ chức học tập như trên cần sử dụng tốt các hình thức tuyên truyền cổ động như thông tin, phát thanh, khẩu hiệu, văn nghệ, mở hội sản xuất giao lương, v.v. cho thật rầm rộ. Nêu gương người tốt việc tốt, phê bình người kém việc kém cho kịp thời, thường xuyên, liên tục suốt cả thời kỳ vận động tập trung để tạo thành một khí thế mạnh mẽ hơn, sôi nổi hơn trong quần chúng.

Phải dùng hình thức phê bình và tự phê bình để liên hệ kiểm điểm tư tưởng nhận thức và hành động sai trái, tránh lối gö ép mệnh lệnh, nhưng cũng tránh xê xoá, không dứt khoát.

Cuối cùng cần nấm vững là: Đi đôi với việc tuyên truyền học tập các tài liệu đã định thì mỗi khi làm một việc gì đưa ra cán bộ và quần chúng đều phải giáo dục tư tưởng thông suốt trước. Nếu tư tưởng đối tượng nào chưa chuyển biến thì phải làm cho chuyển mới được chuyển bước.

b) Về phương hướng và kế hoạch sản xuất 2 năm 1966 - 1967 của các xã và hợp tác xã.

Phải xem xét và tổng hợp lại các bản dự kiến đã làm, nơi nào chưa thể hiện đúng mức độ, yêu cầu của tỉnh đề ra trong Kế hoạch số 03 và chưa đúng với tinh thần chống Mỹ, cứu nước thì cần uốn nắn.

Phương hướng và kế hoạch sản xuất của các hợp tác xã và của xã lập theo đề cương của Ban Nông nghiệp đã gửi nhưng cần cụ thể làm gì, thế nào, biện pháp ra sao thì nói gọn như thế, không cần lý luận dập khuôn. Các hợp tác xã cũng cố cũng phải xây dựng kế hoạch năm 1966 và 1967 đảm bảo chỉ tiêu của huyện giao cho các xã tuy chưa xác định phương hướng cụ thể.

Cần điều chỉnh, chuyển diện tích ruộng theo cân giống sang số liệu hécta đã đo đạc (cả số liệu điều tra 1964-1965) và bắt đầu dùng cho quen dần đơn vị diện tích đó.

Hướng sản xuất chủ yếu phấn đấu là thâm canh, tăng vụ đạt bằng được 5 tấn thóc/1 ha ruộng 2 vụ, một năm, đồng thời chú ý khai hoang ruộng, nương định canh ở nơi còn điều kiện. Phải mạnh dạn xây dựng phương hướng và kế hoạch phát triển chăn nuôi lợn, trâu, v.v. nhất là lợn và lập cơ sở chăn nuôi tập thể. Mặt khác, phải chú ý đẩy mạnh trồng cây công nghiệp ngắn và dài ngày, nghề rừng, phát triển kinh doanh nhiều ngành, nhiều nghề.

Các hợp tác xã trong đợt này nói chung cũng vẫn lấy phương hướng sản xuất lúa ruộng làm chủ yếu, đồng thời phát triển mạnh các mặt khác, do đó nếu nơi nào còn có điều kiện khả năng thủy lợi thì nhất thiết phải khai hoang làm ruộng còn các loại cây trồng khác thì tận dụng các loại đất khác để phát triển. Các hợp tác xã có đặc điểm riêng về trồng cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày hoặc theo nhu cầu phải sản xuất rau hay chăn nuôi để cung cấp cho thị trường thì chú ý phát triển mạnh các thứ đó.

Các hợp tác xã còn làm ruộng du canh trong phương hướng kế hoạch sản xuất phải thể hiện được định canh, định cư làm ruộng nương bậc thang. Trên cơ sở tự túc lương thực đảm bảo một phần nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước mà phát triển, các mặt chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, kinh doanh nghề như tu bổ cải tạo, trồng rừng, chấm dứt tệ phát nương vào rừng, bảo vệ rừng đã khoanh. Có phương hướng, phải có cả kế hoạch cụ thể của nghề rừng 2 năm tới, cả về lao động thu nhập của nghề rừng. Phương hướng và kế hoạch của các hợp tác xã này huyện phải trực tiếp duyệt.

Ngoài ra, trong phương hướng và kế hoạch của xã, của hợp tác xã phải có cả mặt xây dựng, củng cố các tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các loại, kế hoạch hai quản, ba khoán và cả về mặt văn hóa xã hội trong 2 năm của từng hợp tác xã.

Các huyện, thị và các ngành cần tổng hợp và xét duyệt chính thức lại một lần nữa phương hướng và kế hoạch của các xã, các hợp tác xã sau khi được quần chúng bổ sung ở thời kỳ vận động

tập trung. Mặt khác, các ngành, các huyện còn phải xây dựng kế hoạch liên quan cả vùng, và đề ra những công trình mà từng xã, từng hợp tác xã không có khả năng làm, sau đó trực tiếp tổ chức thực hiện các kế hoạch và công trình ấy. Riêng ngành kế hoạch huyện, tỉnh (ủy ban kế hoạch) phải tổng hợp các kế hoạch của các xã, các hợp tác xã đã xây dựng chính thức để theo dõi và giúp tỉnh chỉ đạo thực hiện chung.

Cũng trên cơ sở phương hướng và kế hoạch đề ra cần định mức độ cụ thể phải thực hiện ngay trong thời kỳ vận động tập trung, khi tổng kết phải kiểm điểm rõ ràng.

c) Về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật trong các hợp tác xã. Ngoài việc đề ra chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể trong 2 năm 1966 - 1967 nhằm xoay quanh tập trung vào thực hiện đạt 5 tấn thóc/1 ha phải đẩy mạnh xây dựng ngay một số cơ sở cơ bản, bước đầu cho hợp tác xã trong thời kỳ vận động tập trung.

Chú ý đẩy mạnh việc xây dựng công trình thủy lợi (cả tiêu trũng) mương máng tưới tiêu, chủ động kiến thiết đồng ruộng, bờ vùng, bờ thửa, kết hợp phát triển đường giao thông (đi đôi với phương tiện vận tải cải tiến) chú ý cơ sở chế biến phân, chuồng trại gia súc, nhà trẻ, sân phơi, nhà kho, cơ sở cơ khí nhỏ, rèn đúc, lò vôi, lò gạch, ruộng chọn giống, ruộng cao sản, v.v..

Phải thấy rõ rằng sau khi các tổ cải tiến rút đi thì ở địa phương đã cải tiến, đã có nhiều đổi mới trên bộ mặt sản xuất và đời sống, bằng những cơ sở vật chất, kỹ thuật cụ thể, nếu không như vậy chỉ là cải tiến chung chung, không có gì chuyển biến rõ rệt.

d) Về mặt quản lý và hoàn thiện quan hệ sản xuất của các hợp tác xã: Trong thời kỳ vận động tập trung cần phải được nâng cao hơn nữa, phải giải quyết tốt những điểm cơ bản còn tồn tại theo nội dung, yêu cầu cải tiến. Chú ý tiếp tục đưa hợp tác xã lên cao hoặc cao nhất, hoàn chỉnh và thực hiện việc định đất 5%, công lưu trâu, bò, góp cổ phần, tập trung vốn làm ba khoán (hoặc 1-2 khoán) thanh toán xong tài chính, cộng điểm, tiêu quỹ mắc

mưu, ghi lại sổ sách, chia hoa lợi, quyết toán tạm vụ chiêm cho rõ ràng, đồng thời huy động được nhiều nhất lao động vào làm các việc trong vụ mùa hiện nay của hợp tác xã. Tóm lại là đưa công tác quản lý vào nền nếp từ thời kỳ vận động tập trung trở đi.

d) Vẽ mặt củng cố các tổ chức đào tạo cán bộ

Cần nắm tình hình số lượng, chất lượng từng tổ chức và từng cán bộ xã, hợp tác xã cho chắc và cụ thể. Các chi bộ phải lấy việc xây dựng chi bộ bốn tốt; trong các đoàn thể và tổ chức chính quyền lấy phong trào ba sẵn sàng, ba đảm đang, bốn tốt, năm tốt, ba giỏi, v.v. để củng cố và phát triển; lấy nội dung của phương hướng và kế hoạch cải tiến làm nội dung cụ thể để hoạt động. Cần phải chú ý hơn nữa đến việc phát triển đảng, đoàn và các hội viên, đội viên. Trong thanh niên phải phát triển mạnh xây dựng các đội "Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước" cơ sở theo chỉ thị của Tỉnh ủy đề ra, đặc biệt là "Đội thủy lợi thanh niên chống Mỹ, cứu nước". Trong phụ nữ, chú ý phát triển mạnh các nhóm giữ trẻ. Phải đẩy thật mạnh phong trào phụ lão, chú trọng công tác mặt trận, tranh thủ lớp trên các dân tộc.

Đi đôi với việc củng cố, xây dựng các tổ chức như trên cần phải ra sức đào tạo bồi dưỡng cán bộ xã, hợp tác xã đảm bảo chỉ tiêu của Tỉnh ủy đề ra trong Kế hoạch số 03 ngày 25-9-1965. Một mặt phải tích cực hoàn thành xong việc tổ chức, thống kê, khoa học, kỹ thuật, thông tin văn hóa, văn nghệ trong các hợp tác xã và xã.

Cần phải tiếp tục mở lớp huấn luyện ngắn ngày bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ thuật cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên ở xã và hợp tác xã theo Chỉ thị số 89 ngày 20-2-1966 của Tỉnh ủy đã đề ra (nếu chưa xong); một mặt phải cải tiến lề lối làm việc kiện toàn bộ máy, thực hiện theo Nghị quyết số 35 của Ban Bí thư và Thông tư số 51 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc chấn chỉnh thay đổi cán bộ trong các bộ máy chi ủy, ủy ban, ban chấp hành, đầu ngành, đầu giới, v.v. phải được tiến hành

theo đúng nguyên tắc, đường lối và chính sách, thủ tục về tổ chức và cán bộ, không được tùy tiện. Nói chung nếu thiếu thì bổ sung, nếu hết nhiệm kỳ thì bàn lại, nếu yếu thì bồi dưỡng giáo dục (kể cả ủy viên ban quản trị) lúc đầu là chỉ định bổ sung và lâm thời, đến bước 3 của thời kỳ vận động tập trung hãy nên đại hội bầu lại chính thức. Trường hợp nhất thiết phải có sự thay đổi cán bộ trong mỗi tổ chức, phải do cấp huyện mới tổ chức xét duyệt cẩn thận, các loại cán bộ phải báo cáo tinh duyệt (tức là theo đúng nguyên tắc quy định đã có).

Cũng cần phải có chỉ tiêu mức độ cụ thể cung cấp phát triển Đảng, đoàn các tổ chức và về đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong thời gian vận động tập trung.

3. Đảm bảo công tác thường xuyên trước mắt

Trong thời gian vận động cải tiến ở đâu thì ở đó lấy công tác vận động làm công tác trọng tâm, là biện pháp cơ bản để thúc đẩy mọi mặt công tác. Nội dung vận động cải tiến có những công tác chủ yếu, nhưng công tác thường xuyên trước mắt phải xoay quanh, gắn liền vào đợt vận động để thực hiện, không tách rời. Vì những công tác thường xuyên trước mắt không ngoài những việc sản xuất, cải tiến kỹ thuật, v.v. thuộc nội dung cải tiến xoay quanh công tác trung tâm mà phát động tư tưởng nâng cao trình độ lãnh đạo cho xã, như xây dựng đảng bộ bốn tốt, chính quyền năm tốt, đợt học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, v.v..

Vì vậy, trong thời kỳ vận động tập trung ở những xã, hợp tác xã thuộc vùng cải tiến phải thực hiện các nhiệm vụ công tác trên các mặt và kế hoạch Nhà nước năm 1966 với tinh thần mạnh hơn, cao hơn các vùng khác. Cụ thể trước mắt, hiện nay phải đảm bảo hoàn thành vượt mức công tác thu hoạch, phân phối hoa lợi, ba thu vụ chiêm, làm tốt sản xuất vụ mùa, đẩy mạnh bảo vệ trại an, kết hợp hoàn thành điều tra cơ bản về chính trị, tăng cường công tác phòng không, sẵn sàng chiến đấu, nghĩa vụ quân sự, phục vụ quốc phòng và phát triển công tác thông tin, văn hóa, giáo dục, y tế, v.v..

4. Về phương pháp tiến hành

Thời kỳ vận động tập trung chia làm ba bước như Kế hoạch số 03 trước của Tỉnh ủy đã nêu. Các huyện, thị cần căn cứ vào các nội dung của cả thời kỳ mà bố trí nội dung làm từng bước thật cụ thể. Nhưng cần đảm bảo: Bước 1 là phát động trong cán bộ, đảng viên; bước 2 phát động sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân và xã viên; bước 3 là hoàn thành, củng cố, sắp xếp tổ chức, bồi dưỡng cán bộ và tổng kết. Còn các việc khác như xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, các công tác địa phương, v.v. thì bước nào cũng phải làm thật mạnh mẽ; tùy hoàn cảnh từng hợp tác xã, xã, huyện để ra yêu cầu mức độ cụ thể, chỉ tiêu từng loại công tác mà trong thời kỳ vận động tập trung phải đạt được.

Tóm lại, công việc lớn nhất của thời kỳ vận động tập trung là giáo dục mạnh mẽ về hai con đường và vấn đề cải tiến để xây dựng phong hướng, kế hoạch phấn đấu của 2 năm 1966-1967 thể hiện đầy đủ như cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, xây dựng cơ sở vật chất, v.v. để phục vụ cho thâm canh tăng năng suất chăn nuôi, phong hướng phải có kế hoạch cụ thể đạt kỳ được những chỉ tiêu mức độ của Kế hoạch số 03 của tỉnh đề ra. Các phong hướng kế hoạch phải thực sự dân chủ đến xã viên, thành nghị quyết của hợp tác xã, công khai hóa, quần chúng hóa phong hướng, kế hoạch, có văn bản rõ ràng.

III. TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO HƠN NỮA ĐỐI VỚI ĐỘT VẬN ĐỘNG CẢI TIẾN

Sang thời kỳ vận động tập trung có nhiều công tác quyết định cuối cùng của một đợt vận động, vì vậy các ngành cần chú trọng hơn nữa đổi mới công tác cải tiến.

Các huyện ủy, thị ủy làm cải tiến và các ngành cần phân công thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo vận động, kiện toàn bộ môn giúp việc chuyên trách huyện, thị các ngành để đảm bảo.

Phải bổ khuyết lại việc chỉ đạo điển hình, trọng điểm cho tốt, đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc phổ biến kinh nghiệm giúp đỡ xã, hợp tác xã sâu sát, chặt chẽ hơn nữa. Đồng thời, các cấp, các ngành, các giới phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, phản ánh tình hình cho tỉnh đã quy định; việc phản ánh báo cáo là một kỷ luật trong công tác.

Các huyện, thị và các ngành phải có kế hoạch cụ thể cho thời kỳ vận động tập trung để giúp xã, hợp tác xã tiến hành kế hoạch đó phải gửi về Tỉnh ủy để báo cáo (gửi về Ban Nông nghiệp). Ngoài việc chỉ đạo thực hiện tốt đợt 2, các cấp, các ngành phải chú ý chỉ đạo thời kỳ thực hiện của đợt 1, sơ kết báo cáo về tỉnh 6 tháng thực hiện của các xã, hợp tác xã cải tiến.

Tóm lại, cần khắc phục những thiếu sót vừa qua, thực hiện đúng những điều đã ghi trong phần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo ở Kế hoạch số 03 ngày 25-9-1965 và Chỉ thị số 95, ngày 25-4-1966 của Tỉnh ủy.

Nhận được chỉ thị này các huyện, thị ủy và các Ban, các ngành phải nghiên cứu tập thể và trên cơ sở nắm chắc lại Kế hoạch số 03, Chỉ thị số 95 và chỉ thị này mà bàn bạc kế hoạch thi hành cho đầy đủ và báo cáo về Tỉnh ủy, Ban Nông nghiệp, Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các huyện, thị, các ngành thực hiện chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BẤT THƯỜNG CỦA BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ

Số 33-NQ/TU, ngày 26-7-1966

Về học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch

Ngày 23-7-1966 Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai họp bất thường để một lần nữa tiếp tục học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, lệnh động viên của Người, quyết định động viên cục bộ của Ban Thường vụ Quốc hội và Thông cáo của Hội đồng Quốc phòng tối cao. Sau khi nghiên cứu học tập, Hội nghị đều nhất trí nhận thức rằng:

"Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và các văn kiện quan trọng nói trên có ý nghĩa lịch sử hết sức trọng đại. Đây là tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, là tiếng kèn xung trận, là tiếng hịch truyền quân, là mệnh lệnh chiến đấu của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch trong giai đoạn quan trọng nhất của lịch sử dân tộc ta".

Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và các văn kiện quan trọng nói trên đã chứng minh rõ ràng Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11, 12 là rất đúng đắn và sáng suốt. Nó chỉ rõ con đường tất thắng của quân và dân ta và con đường nhất định thất bại của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

"Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và lệnh động viên của Người đã động viên toàn Đảng, toàn dân ta anh dũng tiến lên, với gan vàng

dạ sắt, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc ta, đoàn kết nhất trí, mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng hơn nữa, nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, phát huy cao độ tinh thần lạc quan cách mạng, khắc phục tư tưởng chủ quan hoặc bi quan, dao động, không sợ bất kỳ hy sinh gian khổ nào, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và các mặt công tác khác. Dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hay hơn nữa, dù giặc Mỹ đưa 50 vạn, 1 triệu hoặc nhiều quân đội của chúng hơn nữa, toàn Đảng toàn dân, toàn quân quyết tâm theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch chiến đấu đến cùng dành cho được độc lập, tự do.

Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai nhận thức sâu sắc rằng: Đế quốc Mỹ như con thú dữ bị thương nặng, đang giãy giụa một cách hung tợn trước hơi thở cuối cùng, nên dù chúng có liều lĩnh đánh phá một số nơi trong tỉnh thì toàn Đảng bộ và nhân dân Lào Cai vẫn một lòng một dạ tin tưởng tuyệt đối ở sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi, giặc Mỹ nhất định thất bại, quyết cùng quân và dân cả nước xin thề "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", giáng cho giặc Mỹ những đòn chí tử để giành lấy những thắng lợi cuối cùng và khi thắng lợi sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như lời Hồ Chủ tịch đã dạy".

Sau khi nghiên cứu học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch lệnh động viên của Người, Quyết định động viên cục bộ của Ban Thường vụ Quốc hội và Thông cáo của Hội đồng Quốc phòng tối cao; trên cơ sở nhận thức được nâng cao, toàn thể Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ quyết nghị:

1. Tổ chức học tập sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân trong tỉnh lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, lệnh động viên của Người, quyết định động viên cục bộ của Ban Thường vụ Quốc hội và Thông cáo của Hội đồng Quốc phòng tối cao. Sau đợt học tập, tư tưởng chống Mỹ, cứu nước của cán bộ, đảng viên và toàn

thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải được chuyển biến thật mạnh mẽ, phải có được tinh thần quyết tâm thật cao vượt mọi gian khổ hy sinh, đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới, đáp ứng với lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch.

2. Trên cơ sở tư tưởng đã chuyển biến phải đẩy mạnh mọi mặt công tác tiến lên với tốc độ khác thường, đánh dấu một bước ngoặt của lịch sử Đảng bộ Lào Cai trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

3. Cải tiến lề lối làm việc cho phù hợp với tình hình cả nước có chiến tranh, đảm bảo công tác được kết quả tốt.

NGHỊ QUYẾT CỤ THỂ

I. TỔ CHỨC HỌC TẬP SÂU RỘNG ĐỂ TƯ TUỞNG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ TOÀN THỂ NHÂN DÂN TRONG TỈNH ĐƯỢC CHUYỂN BIẾN THẬT MẠNH MẼ

Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, lệnh động viên của Người, quyết định động viên cục bộ của Ban Thường vụ Quốc hội và Thông cáo của Hội đồng Quốc phòng tối cao là những văn kiện rất quan trọng có tính chất lịch sử. Phải quán triệt nội dung các văn kiện nói trên tổ chức học tập, giáo dục để nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Coi đợt học tập này là cuộc vận động giáo dục chính trị rất lớn, cần phải làm sâu rộng cho người người đều biết, nhà nhà đều nghe.

Tuy các văn kiện nói trên nhiều người đã được nghe và có người đã được nghe nhiều lần, nhưng cũng phải tổ chức học tập chu đáo, chống tư tưởng chủ quan vì lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và các văn kiện nói trên có ý nghĩa rất sâu sắc và nội dung rất phong phú, cho nên càng nghiên cứu kỹ, càng học tập nhiều lần

thì càng thấy rõ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng ta rất đúng đắn, sáng suốt và càng thêm tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước thắng lợi vẻ vang. Yêu cầu của đợt học tập lần này là làm cho tư tưởng chống Mỹ, cứu nước của cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải được chuyển biến thật mạnh mẽ, phải có một tinh thần quyết tâm thật cao, vượt mọi gian khổ, hy sinh cụ thể là:

Làm cho mọi tầng lớp cán bộ, công nhân, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc thấm nhuần sâu sắc lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, quán triệt lệnh động viên của Hồ Chủ tịch. Qua học tập, làm cho mọi người thấy được đầy đủ thêm một bước nữa âm mưu và tội ác xâm lược của đế quốc Mỹ, những thắng lợi to lớn của quân dân hai miền và xây dựng lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, làm cho mọi người đều thấy sâu sắc nhiệm vụ của mình phải làm gì và làm nhiều hơn để đóng góp thiết thực vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, trong quyết tâm chung của dân tộc ta là "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

- Phải gây được khí thế sôi nổi và một cao trào hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, với hành động cụ thể là ra sức làm tốt mọi nhiệm vụ hiện nay của mình. Đặc biệt đối với các quân nhân dự bị và những người trong ngạch dự bị 100% đều xin đăng ký sẵn sàng nhập ngũ đi chiến đấu ở bất cứ chiến trường nào.

- Phải kết hợp chặt chẽ đợt học tập này với các kế hoạch và nhiệm vụ trong tháng 7 khắc sâu căm thù giặc Mỹ mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phát động. Sau đợt học tập vẫn lấy tinh thần nội dung các văn kiện nói trên để tiếp tục giáo dục cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh để đẩy mạnh và củng cố phong trào chống Mỹ, cứu nước ngày càng tiến lên không ngừng.

II. TRÊN CƠ SỞ TƯ TƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN BIẾN PHẢI ĐẨY MẠNH MỘT MẶT CÔNG TÁC TIẾN LÊN VỚI TỐC ĐỘ KHÁC THƯỜNG, ĐÁNH DẤU MỘT BUỚC NGOẶT CỦA LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ LÀO CAI TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Công tác chung của Đảng bộ tỉnh ta hiện nay là sản xuất chiến đấu, và sẵn sàng chiến đấu. Dựa vào nhiệm vụ chung, các cấp các ngành đều đã đề ra nhiệm vụ cụ thể và đang được phấn đấu với tinh thần thi đua Thủ Dầu Một quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong 6 tháng đầu năm 1966 tuy có nhiều khó khăn về thiên tai dịch họa, nhưng cũng đã có nhiều ngành, nhiều địa phương phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Nhất là trước tình hình mới hiện nay, nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc tỉnh Lào Cai chỉ được phép đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong bất kỳ tình huống nào.

Ra sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, đảm bảo trật tự trị an, đảm bảo tăng cường công tác giao thông vận tải, đảm bảo tốt công tác lưu thông phân phối, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, thực hành tiết kiệm và đẩy mạnh mọi mặt công tác khác... đảm bảo chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu tốt nhất. Quyết tâm xây dựng Lào Cai trở thành vị trí khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, mạnh mẽ về quốc phòng, xứng đáng là tỉnh căn cứ địa của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, góp phần cùng quân và dân cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Để đảm bảo nhiệm vụ "Chỉ có đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch", các cấp các ngành trong tỉnh phải tìm mọi biện pháp tích cực nhất vượt mọi gian khổ hy sinh, tìm ra những mâu thuẫn chính hiện nay của ngành mình, của cấp mình phụ trách mà giải quyết bằng được để công tác tiến lên. Phải khẳng định rằng công tác của ngành mình, của cấp mình phụ trách làm

chưa tốt, chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch thì trước hết phải thấy rằng là do ngành mình, cấp mình chưa có những biện pháp tích cực nhất, đúng sát nhất.

Nhìn vào tình hình thực tế công tác của địa phương hiện nay, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ nhận thấy cần phải tiếp tục thực hiện tốt các nghị quyết của Tỉnh ủy, và Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước đây, đồng thời phải chú ý đúng mức giải quyết các vấn đề nêu dưới đây:

1. Đẩy mạnh sản xuất bằng cách chú trọng đúng mức vấn đề tăng năng suất lao động. Cụ thể là đẩy mạnh phong trào cải tiến công cụ và sử dụng tốt công cụ cải tiến, đưa cơ khí nhỏ vào sản xuất nông nghiệp.

2. Sắp xếp bố trí lao động cho hợp lý. Cụ thể trong vụ mùa này, các hợp tác xã có trên 20 hộ sẽ tổ chức được Đội thủy lợi hoạt động tốt trên các công trường giao thông thủy lợi... Đi đôi với tổ chức đội thủy lợi, cần chú ý đúng mức Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước cơ sở để đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu sản xuất ở địa phương. Ngoài hai tổ chức: Đội thủy lợi và Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước, còn phải đặc biệt chú ý củng cố tổ chức dân quân tự vệ, để không những sắp xếp bố trí lao động làm tốt nhiệm vụ sản xuất mà còn bố trí sắp xếp lao động làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu nữa.

3. Song song công tác củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, cần phải coi trọng công tác xây dựng củng cố hợp tác xã mua bán và quỹ tín dụng để đưa nông thôn tiến lên chủ nghĩa xã hội qua con đường hợp tác hóa với ba hình thức kinh tế tập thể. Ba hình thức hợp tác xã nói trên có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó hợp tác xã sản xuất nông nghiệp giữ vị trí trọng tâm, cho nên hợp tác xã mua bán và quỹ tín dụng phải gắn chặt và phục vụ cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phát triển.

III. CẢI TIẾN LÊ LỐI LÀM VIỆC CHO PHÙ HỢP NHẤT VỚI TÌNH HÌNH CẢ NUỐC CÓ CHIẾN TRANH

Hiện nay đứng trước tình hình cả nước có chiến tranh, đòi hỏi sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp, các ngành trong tỉnh phải hết sức khẩn trương. Do đó, về lề lối làm việc của các cấp, các ngành phải được luôn luôn cải tiến cho phù hợp với thời chiến. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhìn vào tình hình cụ thể của Đảng bộ ta, cần chú ý giải quyết mấy vấn đề:

- Đề cao tinh thần tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách, phải xác định rõ chức trách của mỗi cá nhân đối với tập thể lãnh đạo.

- Nâng cao tinh thần tự lực cánh sinh, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các cấp, giữa các ngành. Trên cơ sở nâng cao tinh thần nói trên giải quyết tốt những mắc mussy về lề lối làm việc, nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và bảo vệ sản xuất.

- Củng cố tốt hệ thống giao thông liên lạc và tổ chức thường trực cơ quan đêm ngày cho tốt, để đảm bảo kịp thời giải quyết những khó khăn trong sản xuất và ứng phó kịp thời trong chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

- Phải chuẩn bị tốt các hội nghị để đảm bảo kết quả lớn nhất.

Đã họp thì phải có quyết, đã quyết thì phải làm.

- Nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật và ý thức bí mật quốc gia...

Về lề lối làm việc, sau này Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban kiểm tra Tỉnh ủy và Đảng đoàn chính quyền phải nghiên cứu đề ra những biện pháp cụ thể để báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong khi nghiên cứu các cấp, các ngành trong đợt học tập này bản thân phải liên hệ tìm ra những ưu, khuyết điểm về lề lối làm việc, kịp thời đề ra kế hoạch, biện pháp phát huy mặt tốt và đồng thời khắc phục mặt thiếu sót, tồn tại.

Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ hết sức phấn khởi và tin tưởng chắc chắn rằng, qua đợt học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, lệnh động viên của Người, quyết định động viên cục bộ của Ban Thường vụ

Quốc hội và Thông cáo của Hội đồng Quốc phòng tối cao lần này sẽ có sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng, công tác và tác phong để phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay.

Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ cũng tin tưởng sắt đá rằng: Qua đợt học tập lần này Đảng bộ quân và dân các dân tộc trong tỉnh sẽ tiến bộ vượt bậc, chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt, có tính chất bước ngoặt của lịch sử Đảng bộ Lào Cai trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Chúng ta thực hiện đúng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, quân và dân các dân tộc tỉnh ta anh dũng tiến lên, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong bất kỳ tình huống nào, kể cả trường hợp Lào Cai bị bắn phá gay go ác liệt nhất.

Quân và các dân tộc Lào Cai cùng với quân và dân cả nước quyết giương cao hơn nữa ngọn cờ "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" giành thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước giải phóng miền Nam bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 68-BC/TU, ngày 5-8-1966
Về công tác tháng 7 năm 1966

I. CÔNG TÁC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Tháng 7 tập trung vào thu chiêm làm mùa đầy mạnh công tác ba thu vụ chiêm. Kết quả đến nay:

Thu hoạch chiêm: Đã gặt xong toàn bộ diện tích gồm 2.294 ha.

Việc thu hoạch chiêm năm nay được sự chú ý lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ của các cấp, đã tiến hành nhanh gọn hơn vụ chiêm năm 1965 mặc dầu trời mưa nhiều.

Việc làm mùa cũng được chuẩn bị sớm, chu đáo nên gieo cấy vụ mùa nhanh chóng hơn so với năm 1965, có nhiều hợp tác xã gặt đến đâu cày theo sau đến đấy. Toàn tỉnh đã cày 5.951 ha lúa ruộng đạt 85% kế hoạch.

- Gieo lúa nương 273.254 cân giống, đạt 96% kế hoạch.
- Phân chuẩn bị 14.051 tấn, đã bón cho lúa 7.620 tấn.

Tuy nhiên có địa phương trồng cấy còn chậm như Bảo Thắng mới cấy đạt 55% kế hoạch. Ngô và đỗ tương đạt thấp nhất, ngô mới tra được 3.150 cân giống đạt 32% kế hoạch, riêng Bắc Hà và Mường Khương là những huyện đạt thấp nhất mới đạt từ 18% đến 20% kế hoạch trong khi ngô còn phải phán đấu để bù vào diện tích bị thiếu hụt của vụ xuân; đỗ tương mới trồng 62.866 cân

giống, đạt 19% kế hoạch, hai huyện Bắc Hà và Mường Khương là hai huyện có diện tích lớn về đỗ tương nhưng mới chỉ đạt từ 11,6% đến 18% kế hoạch, nguyên nhân do vụ mùa dồn nhân lực thiếu, thời tiết mưa quá nhiều ảnh hưởng đến gieo trồng đỗ tương, nhưng chủ yếu do khâu tư tưởng và tổ chức sử dụng lao động trong hợp tác xã.

Trước yêu cầu khẩn trương của thời vụ và yêu cầu đảm bảo chỉ tiêu toàn năm, vẫn đề cấp thiết trước mắt đề ra là phải kiểm tra cụ thể, chỉ đạo chặt chẽ đẩy mạnh việc hoàn thành cấy chiêm, đặc biệt chú ý khâu đỗ tương và ngô hè, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa về phân bón, có kế hoạch chăm sóc và đầu tư lao động, kỹ thuật vào sản xuất, kiên quyết đảm bảo chỉ tiêu kể cả diện tích và năng suất cây trồng.

II. CÔNG TÁC SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Nói chung các ngành công nghiệp không đạt kế hoạch. Tốc độ so với các tháng trước còn bị giảm sút. Trong công nghiệp địa phương một số xí nghiệp sản xuất cầm chừng như đường, rượu, gạch ngói, đôlômít một số xí nghiệp sản xuất không được đẩy mạnh như mộc xẻ, khai thác lâm nghiệp, cơ khí. Giá trị tổng sản lượng so với tháng 5 chỉ bằng khoảng 82% trong đó xuống cơ khí thấp nhất bằng 53%. Nguyên nhân kế hoạch đạt thấp do:

Việc xây dựng kế hoạch tháng và quý của một số xí nghiệp chưa được xúc tiến khẩn trương (xưởng cơ khí, khai thác lâm nghiệp hết tháng 7 mà còn chưa lập xong kế hoạch tháng 7); thiếu nguyên vật liệu như sắt thép (xưởng cơ khí) thùng chứa, bao bì (xưởng đường rượu); xây dựng cơ bản chưa tốt (hệ thống dẫn nước của nồi nấu hương liệu bị hỏng xây dựng lại chưa hoàn thiện); thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đối với khai thác lâm nghiệp; việc lãnh đạo chỉ đạo của các cấp các ngành chưa thật cụ thể, sát sao, chặt chẽ và khẩn trương.

Các xí nghiệp công nghiệp Trung ương sản xuất cũng không đạt kế hoạch; Mỏ apatít mới đạt 90% giá trị tổng sản lượng với nguyên nhân chủ yếu là thiếu nguyên liệu, vật liệu phụ tùng thay thế (xích máy gạt, phụ tùng ôtô) và mưa nhiều; Nhà máy điện đạt 91% giá trị tổng sản lượng, không đạt kế hoạch vẫn do yêu cầu dùng điện của Mỏ có giảm đi. Các đoàn thăm dò địa chất hoàn thành một số khối lượng, chỉ tiêu thực hiện thấp nhất là 68%, đạt cao nhất là 105%. Riêng Đoàn 5 việc thực hiện kế hoạch có khá hơn đoàn khác. Nhưng chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch của các đoàn thường là hào, hố làm bằng lao động thủ công do thiếu nhân lực và vì thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến sản xuất.

III. CÔNG TÁC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Kế hoạch xây dựng cơ bản ước đạt 70%. Kế hoạch đạt thấp do thiết kế chậm, bố trí kế hoạch thi công chưa tốt còn nhiều bất hợp lý, mưa nhiều ảnh hưởng đến sản xuất.

Tuyến đường Bát Xát - Mường Hum được bổ sung thêm nhân lực. Đường Bảo Nhai - Bắc Hà, đường Mường Khương - Pha Long, Bắc Hà - Si Ma Cai, v.v. tiếp tục làm. Việc xây dựng bến phà dự phòng Ngòi Đum, sửa chữa phà Bảo Nhai, phục vụ thời chiến, cẩn bản hoàn thành. Đã hạ thủy 100 tấn thuyền và đang có hướng sử dụng.

Tuy vậy, khâu tổ chức thực hiện, giáo dục tư tưởng, xác định trách nhiệm chưa được tốt nên ảnh hưởng đến năng suất lao động nhất là ở các công trường bảo dưỡng.

IV. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH THƯƠNG NGHIỆP

1. Công tác thương nghiệp

Với sự chú ý lãnh đạo của các cấp, công tác thu mua trong tháng 7 có tiến bộ, tốc độ nhập kho nhanh gọn, có hợp tác xã chỉ

nhập kho trong một ngày hoàn thành xong ba thu, có xã làm nghĩa vụ ba thu xong ngay sau khi gặt xong, nhanh hơn năm 1965 là hai tháng.

Thu mua lương thực vụ chiêm tính đến 25-7 đã nhập kho 506.325 kg thóc, đạt 41,94% kế hoạch trong đó thuế 51,7%, nghĩa vụ 54,85%, khuyến khích 24,2%. Ngô 16 tấn đạt 2,7% kế hoạch năm, hai huyện Bắc Hà, Sa Pa vượt kế hoạch (Bắc Hà 104%, Sa Pa 132,2%) các huyện khác là huyện trọng điểm lúa chiêm thì đạt còn thấp: Bát Xát 29,3%, Mường Khương 39,6%, Bảo Thắng 10,7% nguyên nhân trong khi thu hoạch bị mưa nhiều ảnh hưởng đến gặt hái phơi hong, chuyển vận và tình hình nhân lực có khó khăn trong lúc thời vụ thu chiêm làm mùa rất khẩn trương.

Thu mua lương thực phẩm tiến bộ, hai huyện Mường Khương - Bắc Hà thu lợn hơi mạnh, điểm mới nhất là tháng này mua được cả tiểu gia súc gà, vịt, ngan, ngỗng, trứng, v.v. Tuy vậy, tốc độ chưa đều nên diện thu mua chung thì lợn hơi đạt có 26,47%, trâu hơi đạt 40%, gà vịt ngan ngỗng 47%, có 65%. Một số mặt hàng đạt quá thấp như rau tươi 21%, đỗ tương 0,85%, v.v. do đó tổng giá trị thu mua mới đạt 148.000 đồng, đạt 19,22% kế hoạch quý, so với tháng 6 tăng 15,03%. Đỗ tương thu mua được ít do trời mưa nhiều không phơi được nhưng vấn đề tư tưởng cần phải được đặc biệt chú ý tăng cường giáo dục, về khâu tổ chức thực hiện cần phải nghiên cứu cải tiến, phương thức thu mua hàng, bố trí giờ giấc bảo quản, điều phối, v.v.. Khâu thu mua lợn hiện nay có trở ngại là trước tình hình thu mua được đẩy mạnh nhưng điều kiện chuồng trại có hạn, việc tập trung dồn lợn vào các chuồng trại đồng thời với việc chăm sóc chăn nuôi thiếu đầy đủ nên lợn bịtoi dịch, bị gầy yếu sút cân đã gây lãng phí lớn và ảnh hưởng đến thu mua.

Thu mua gia công và tự sản xuất tổng giá trị 150.000 đồng đạt 26,54% kế hoạch quý, tăng hơn tháng 6 là 29,9%. Nhưng khâu yếu nhất vẫn là tự sản xuất như nước chấm, may mặc và bánh kẹo nguyên nhân chính là do thiếu nguyên liệu (bánh kẹo) công nhân

kỹ thuật (may mặc) hoặc cơ sở sản xuất chưa xây dựng xong (nước chấm).

Về ngoại thương: Thu mua hàng xuất khẩu đạt khoảng 30% kế hoạch quý so với tháng 6 tăng 21% đặc biệt là chuối đạt 100 tấn bằng cả 6 tháng đầu năm, một số mặt hàng đạt còn rất thấp như tăm lá sắn 5%, cần câu gậy trúc 10%, ngoài ra đã cố gắng mua được 10 nồi nấu dầu cho các cơ sở sản xuất dầu trong tỉnh.

Về bán ra tổng giá trị của ngành nội thương là 920.000 đồng đạt 24,2% kế hoạch quý trong đó bán lẻ đạt 20,58% và thấp hơn tháng 6. Các mặt hàng chỉ đạt trên dưới 20% trừ thuốc láo 40%, thuốc lá 30%. Đặc biệt, thịt lợn đạt thấp 11,66%. Nguyên nhân kế hoạch đạt thấp do lực lượng hàng ít (nước mắm, mắm tôm, đồ dùng gia đình, phụ tùng xe đạp, văn phòng phẩm, v.v..

Mặt khác, do tinh thần phục vụ chưa cao, có hiện tượng mặt hàng trong kho thì có nhưng ở cửa hàng vẫn thiếu. Đáng chú ý gần đây có hiện tượng thuốc láo chạy về xuôi. Bán ra về lương thực bình thường, riêng bán cho nông dân thiếu ăn đạt 50% kế hoạch quý chủ yếu cho hai huyện Sa Pa và Bảo Thắng.

2. Công tác tài chính

Tổng thu ước tính đạt 82% kế hoạch tháng. Nguyên nhân không đạt kế hoạch do thương nghiệp chưa thanh toán được tình hình công nợ chiếm dụng vốn lẫn nhau trong nội bộ, thu bán khoáng lâm sản đạt thấp (59%), thuế hạt rau chưa thu được vì giá thu mua chưa được duyệt chính thức.

Chi về kiến thiết kinh tế và hành chính sự nghiệp ước đạt 88,2% kế hoạch tháng trong đó chi kiến thiết kinh tế yếu, mới đạt 66%, chi hành chính sự nghiệp 166%. Chi về kiến thiết cơ bản nói chung thấp mới đạt 41,8% vốn địa phương và 35% vốn Trung ương trợ cấp so với kế hoạch năm, nguyên nhân do thi công chậm.

Về gửi tiết kiệm, Số dư ước đạt 68,6% kế hoạch năm. Công tác vận động gửi tiết kiệm trong nông thôn nhất là những nơi ta thu mua nhiều nông lâm đặc sản còn yếu.

V. CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG SƠ TÁN BẢO VỆ TRỊ AN XÂY DỰNG LỰC LUỢNG

1. Công tác phòng không sơ tán

Máy bay địch hoạt động tăng hơn trước. Đã có 17 lần tốp 57 lần chiếc, trong đó có 6 lần tốp 10 lần chiếc đột nhập thị xã Lào Cai và một tốp 2 chiếc F8 đột nhập không phận Hà Khẩu (Trung Quốc) 5 cây số. Ngoài các điểm thường xuyên trinh sát như đường sắt, khu vực huyện Bảo Thắng, Mỏ apatít, thị xã Lào Cai, v.v. tháng này 2 lần máy bay địch bay lượn nhiều vòng dọc tuyến đường Lào Cai - Sa Pa. Phòng tô là đường chiến lược ta đang mở rộng. Ngày 21 tháng 7 không quân bạn bắn rơi 1 máy bay trinh sát của địch trên vùng trời tỉnh ta.

Công tác sơ tán nhân dân vẫn được tiếp tục thực hiện triệt để ở các khu vực trọng điểm nhất là hai thị xã. Số người ra hồn ngoài khu vực trọng điểm ngày càng nhiều, số sớm đi tối về giảm bớt. Song, tình hình chủ quan trong các cơ quan xí nghiệp và nhân dân vẫn còn phổ biến, một số nhân dân chưa triệt để sơ tán hồn ra khỏi thị xã. Ở huyện một số cơ quan đã sơ tán ổn định có xu hướng muốn trở về chỗ cũ hoặc về sát thị trấn. Hầu hết hầm hào trú ẩn bị sụt lở nghiêm trọng sau nhiều trận mưa, chưa được đào lại hoặc củng cố thật chu đáo, chắc chắn.

2. Công tác bảo vệ trị an trấn áp phản cách mạng

Công tác bảo vệ trị an được tiếp tục tiến hành tốt. Tình thần cảnh giác của quân dân tiếp tục được đề cao. Dân quân Công an Sa Pa và Cốc San (Bát Xát) đã phát hiện và bắt được 3 tên phạm nhân trốn trại (1 của Sơn La, 1 của Việt Bắc, 1 của địa phương). Công tác thanh toán bọn phỉ lẩn trốn được tiếp tục đẩy mạnh nhất là ở Sa Pa. Trong phong trào bảo vệ trị an có 100 xã khá và 21 xã trung bình và một xã kém. Trong hai thị xã có bảy khu phố khá,

một trung bình. Huyện Bắc Hà đã tổ chức xét xử nghiêm khắc tên phản cách mạng Tải Chín Củi được quần chúng đồng tình và có tác dụng tốt trong việc nâng cao tinh thần cảnh giác cho quần chúng trước tình hình mới. Các vụ án hình sự ứ đọng lâu ngày đã được các cơ quan chuyên chính hợp tác giải quyết căn bản. Trong tháng tình hình tai nạn xảy ra nhiều (...). Trong quan hệ giữa quần chúng với các đơn vị bạn sang giúp ta xây dựng và chiến đấu bên cạnh những mặt tốt là căn bản, gần đây cũng xảy ra hiện tượng không tốt như lấy cắp dụng cụ lao động, dụng cụ sinh hoạt và thực phẩm của bạn hoặc có hiện tượng lợi dụng để mua bán đổi trác. Tình hình trên đây đòi hỏi phải có biện pháp giáo dục tốt về luật lệ giao thông để phòng ngừa tai nạn xảy ra và giáo dục tinh thần quốc tế vô sản đảm bảo quan hệ tốt đối với bạn.

3. Công tác xây dựng lực lượng

Đợt tuyển binh lớn kỳ này đang tiến hành. Thanh niên các dân tộc trong diện tuyển quân đều hăng hái đi khám sức khỏe biểu hiện tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Các địa phương đã vận động được 50% số anh em bỏ ngũ trở lại quân đội, anh em đang tích cực học tập chính trị quân sự đã có tiến bộ rõ rệt về chính trị và tư tưởng. Hầu hết có quyết tâm xin đi chiến đấu ở các chiến trường. Số còn lại các địa phương đang tích cực vận động trở về quân đội.

Bộ đội thường trực, công an vũ trang, công an nhân dân và dân quân tự vệ sau khi học tập Nghị quyết 12 của Trung ương đã học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Qua học tập anh chị em đã thể hiện khí thế mới quyết tâm mới biểu thị trong xây dựng, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch thanh niên dân quân tự vệ và quân hậu bị đang có phong trào làm đơn tình nguyện tòng quân và trở lại quân đội giết giặc cứu nước.

Về huấn luyện dân quân tự vệ đã thực hiện thêm được 7 xã. Đến nay có 95 xã đã tổ chức huấn luyện trong đó 44 xã huấn luyện

xong chương trình cả năm. Song tốc độ huấn luyện còn chậm nhất là huấn luyện tự vệ. Việc thống nhất lực lượng trong khối tự vệ vẫn chưa hoàn thành.

Việc xây dựng tư pháp xã và tổ hòa giải nhân dân đang được chú ý tiến hành. Phong trào sôi nổi nhất ở các huyện Bắc Hà, Sa Pa. Các nơi khác đang thực hiện nhưng còn chậm do cấp ủy chỉ đạo chưa đúng mức.

VI. CÔNG TÁC ĐẢNG

Tỉnh đã tiến hành việc chuẩn bị tổng kết công tác xây dựng Đảng bộ và chi bộ Đảng bốn năm 1965 với ba chuyên đề nông thôn, công trường xí nghiệp và cơ quan hành chính sự nghiệp.

Có kế hoạch và đã tiến hành chỉ đạo điểm lấy Huyện ủy Bắc Hà làm thí điểm về xây dựng huyện ủy bốn năm. Tỉnh đã mở hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm về công tác tổ chức. Các chi bộ Đảng cũng đã tiến hành sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và đạt kết quả tốt.

Đang chuẩn bị mở hội nghị sơ kết đợt thí điểm công tác bảo vệ Đảng và chuẩn bị mở rộng diện một số đơn vị. Đang tiến hành kiểm tra toàn diện một số chi bộ thuộc huyện Bắc Hà và tiến hành kiểm tra công tác ba thu ở huyện Bảo Thắng và Bát Xát.

Tháng 7 công tác tư tưởng được tập trung đẩy mạnh liên tục, đang làm đợt tuyên truyền chiến thắng mùa khô từ công trường, xí nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp đến các vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh, mở cuộc sinh hoạt chính trị đẩy mạnh công tác sản xuất chiến đấu thì tiếp luôn đợt học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Tỉnh ủy đã họp bất thường học tập hạ quyết tâm, đồng thời đã phân công truyền đạt báo cáo đến các cơ sở huyện, thị, Đảng ủy cơ sở, đến 31 tháng 7 các cấp ủy đã tổ chức họp bất thường học hết lượt và đang triển khai học tập xuống đến xã và ngoài nhân dân. Kết quả đang đẩy đà phấn khởi sản xuất chiến đấu, công tác học tập với khí thế hăng say khác thường với tốc độ sản xuất lên cao, chỉ một tuần đã trồng nhiều diện tích hơn từ đầu vụ như khu

Bản Lầu từ đầu vụ cấy được 12.000 cân giống, nhưng một tuần cuối tháng 7 cấy hơn 16.000 cân giống, khu Pha Long trồng mạnh đậu tương có nơi đã trồng cả ban đêm. Bản Lầu trong tháng 7 đã bán 18 tấn thịt lợn hơi cao hơn cả năm 1965 (16 tấn) bình quân trọng lượng cũng cao hơn, năm 1965 bình quân 36 kg một con. Năm 1966 bình quân 50,1 kg một con. Khu Pha Long dân tộc Mèo một tuần đã khai 3.000 cân giống ruộng bậc thang. Xóm Lùng Chiêng (khu Cao Sơn) 1 tuần đã khai 1.200 cân giống ruộng bậc thang, tốc độ làm thuế, thu mua nghĩa vụ, khuyến khích vụ chiêm đang được đẩy mạnh.

Gắn liền chuyển biến tư tưởng bằng hành động thực tế, các công trường, xí nghiệp và các cơ quan hành chính sự nghiệp đang trên đà đẩy mạnh chất lượng công tác, chất lượng sản phẩm xây dựng nội quy công tác đi vào tổ chức kỷ luật nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi người, mỗi bộ phận, đang xúc tiến nghiên cứu chuyển biến tổ chức, tổ chức thực hiện (...) có hiệu lực thực tế, các ngành đang xây dựng nền nếp làm việc, sinh hoạt cho phù hợp với tinh thần mới.

Dịp tháng 7 kết hợp với các ngày kỷ niệm: Thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc 1-7 và 1-8 thành lập Giải phóng quân Trung Quốc với ngày 20-7 ngày 27-7 của ta đã tổ chức tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên ta nâng cao tinh thần quốc tế, học tập gương thực tế các đồng chí bạn hoạt động ngay trong tỉnh, và trên cơ sở đó cũng đã làm công tác đối ngoại bạn được tốt hơn.

NHỮNG CÔNG TÁC LỚN TRONG THÁNG 8

Tích cực tranh thủ và tập trung cho reo cấy vụ mùa kịp thời vụ. Kiên quyết đảm bảo diện tích và đẩy mạnh thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Chú ý giải quyết nguyên liệu sắt thép... cho các lò rèn đúc và tiếp tục sản xuất nông cụ thường, nông cụ và công cụ cải tiến phục vụ cho vụ mùa. Xúc tiến việc xây dựng một số điện cơ khí nhỏ, phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Đẩy mạnh công tác thu mua nông sản thực phẩm và hàng xuất khẩu, đặc biệt chú ý khâu thu mua lợn, đậu tương tranh thủ bằng mọi phương tiện tổ chức chuyển hàng xuôi lên trước hết là các mặt hàng thiết yếu. Khẩn trương hoàn thành tốt công tác ba thu vụ chiêm.

Triệt để hơn nữa thực hiện phòng không sơ tán đối với hai thị xã và các khu vực trọng điểm. Đào thêm và củng cố hầm hào chắc chắn, nâng cao cảnh giác cho quần chúng, đề cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu cho bộ đội, dân quân,... để phòng âm mưu đánh phá của máy bay và hoạt động gián điệp, biệt kích của địch hoàn thành tốt đợt tuyển quân kỳ này đảm bảo số lượng và chất lượng trên quy định.

Tổ chức hội nghị tổng kết chuyên đề về Đảng bộ và chi bộ Đảng bốn tốt.

Mở hội nghị sơ kết đợt thí điểm công tác bảo vệ Đảng và tiến hành mở rộng diện ở một số đơn vị.

Đẩy mạnh tiến hành thí điểm xây dựng huyện ủy bốn tốt ở Huyện ủy Bắc Hà, đồng thời phát động phong trào xây dựng huyện ủy bốn tốt ở các huyện, thị ủy trong toàn tỉnh.

Tổng kết đợt học tập Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng. Tiếp tục đẩy mạnh đợt học tập hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, phát huy kết quả của học tập, biến quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược thành hành động thực tế trên các mặt sản xuất, chiến đấu, công tác, lao động và học tập.

Chú ý khâu tổ chức sử dụng lao động ở các mặt trận, thành lập hợp tác xã mua bán tín dụng nông thôn ổn định giá cả thị trường, hợp đồng chiến đấu sản xuất, v.v..

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 101-CT/TU, ngày 16-8-1966

**Về việc tăng cường hơn nữa công tác phòng, chống
âm mưu mới của đế quốc Mỹ**

Sau ngày giặc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, nhất là sau ngày 11-7-1965, giặc Mỹ bắn phá một số nơi thuộc tỉnh Lào Cai, công tác phòng không sơ tán, chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu cũng như phục vụ chiến đấu của quân dân ta càng có nhiều tiến bộ rõ rệt.

Các cấp các ngành, cán bộ và nhân dân đã nhận thức được âm mưu của địch, tính chất ngày càng gay gắt của cuộc chiến tranh phá hoại do giặc Mỹ gây ra. Do đó, bước đầu đã có những chuyển hướng về mọi mặt cho phù hợp với thời chiến, để chủ động đối phó với mọi tình huống với mọi âm mưu và hành động gây tội ác của giặc Mỹ.

Những thành tích và tiến bộ trong sản xuất, công tác, trong xây dựng củng cố lực lượng để chiến đấu, chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trong sơ tán phòng không, trong tổ chức đời sống, v.v. đã nói lên khả năng lớn lao của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, nói lên dù quân thù có quyết hung hỗn đến đâu, chiến tranh có kéo dài, có ác liệt đến mức nào, cán bộ và nhân dân các dân tộc ta vẫn có đầy đủ khả năng chiến thắng và tất thắng.

Nhưng bên cạnh những ưu điểm, tiến bộ trên thì từng nơi, từng việc trong công tác này làm còn chưa tốt:

Tư tưởng chủ quan mất cảnh giác hãy còn nhiều, biểu hiện trong một số địa phương, đơn vị và một số cán bộ, nhân dân chưa thấy hết tính chất gay gắt ác liệt trước âm mưu mới của đế quốc Mỹ. Do đó, tại nhiều khu sơ tán, nhà cửa làm tập trung đông, quy mô, quá lộ liễu. Hầm hào ở một số nơi chưa đủ và quá sơ sài. Một số hầm hào bị sụt lở chưa được sửa tốt; thậm chí có nơi chưa có hầm. Một số cửa hàng, nơi họp chợ chưa có hầm hào. Phố biến là hầm hào chưa có nắp, chưa đắp đất ở trên. Một số kho tàng làm ở nơi quá trống trải, gần đường, gần cơ quan tập trung. Một số nguyên nhiên vật liệu chuyển ra khỏi khu vực thị xã quá chậm, ngụy trang sơ sài.

Công tác phòng, chống cứu hỏa thì việc tổ chức lực lượng, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, tập luyện... một số cơ quan khu phố, nhất là ở xã chưa làm được tốt.

Việc tổ chức, tập dượt cho các lực lượng đào bới hầm bị sập trong và sau khi máy bay địch oanh tạc nhiều nơi cũng chỉ mới nói mà chưa thực sự phân công.

Công tác cứu thương một số cơ quan chưa có người phụ trách và chưa được huấn luyện. Túi thuốc phòng không, băng bông dùng riêng, cách phòng, chống chất độc hóa học của địch, cách sơ cứu lúc bị thương nhiều cơ quan, đơn vị chưa phổ biến hướng dẫn cho anh chị em và nhân dân.

Những khuyết điểm tồn tại trên đây ở các xã lại càng rõ hơn nhiều.

Công tác vận động nhân dân sơ tán ở thị xã và một số thị trấn làm chưa thật tích cực và triệt để. Số người không cần thiết cho chiến đấu, phục vụ chiến đấu và bảo vệ trị an, cộng với số người qua lại nên số người ở lại vẫn khá đông.

Những thiếu sót tồn tại trên đây nếu không kịp thời kiên quyết khắc phục sớm có thể gây nên những tổn thất không cần thiết khi địch bắn phá.

Gần đây trước những thất bại thảm hại ở cả hai miền nước ta, đế quốc Mỹ đang điên cuồng gây những tội ác mới. Nay chúng xảo quyệt bay tốp nhỏ, đánh lén, bắn phá không kể ngày đêm, bắn phá cả các làng bản hẻo lánh, vùng núi, ven biển. Tới nay, chúng đã ba lần bắn phá ngoại vi Thủ đô Hà Nội, bốn lần bắn phá Hải Phòng, bắn phá 134 trường học, 84 vụ bắn phá đê đập ở 14 tỉnh, bắn phá nhiều khu công nghiệp thành phố và nhiều làng xóm đông dân cư... Ngoài bom phá, bom Na pan, bom giò, gần đây chúng đã dùng phổ biến loại bom dù (nổ trên không có định hướng), bom bi loại mới hòng gây sát thương được nhiều người, triệt phá kinh tế của miền Bắc, hòng gây hoang mang trong nhân dân, gây chính trị không ổn định, để phục vụ cho cuộc chiến tranh tâm lý của đế quốc Mỹ và hy vọng hạn chế được những thất bại của chúng. Ý định đen tối của chúng là sẽ triệt phá sạch từng làng xóm, từng khu vực, nên thời gian tới chúng còn bắn phá điên cuồng ác liệt hơn nhiều.

Để đảm bảo đánh địch được tốt và kịp thời đập tan ý đồ đen tối của địch, hạn chế tối mức thấp nhất những thiệt hại nhất là về sinh mạng con người do thủ đoạn oanh tạc mới của đế quốc Mỹ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị các cấp nghiêm chỉnh thực hiện gấp những việc sau đây:

1. Mở một đợt tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn thật sâu rộng việc thực hiện tốt nhiệm vụ sơ tán, phòng không, chống các loại bom đạn và chất độc hóa học của địch, trước mắt là chống loại bom bi mới của địch.

Nội dung tuyên truyền giáo dục cần vạch rõ âm mưu mới của địch, tính chất ác liệt trong thời gian tới, lên án tội ác và vạch trần thủ đoạn thâm độc mới của địch nhất là trong hành động ném bom bi nhằm sát thương được nhiều người để gây hoang mang dao động trong dân ta. Nói rõ tính chất của loại bom bi, cách phòng, chống và phá hủy bom bi. Nhân dịp này cần giáo dục tốt ý thức giữ bí mật phòng gian, tăng cường bảo vệ trại an trong toàn dân thêm một bước.

Ban chỉ huy Tỉnh đội soạn tài liệu này để cung cấp cho các nơi học tập.

Ban Tuyên giáo có trách nhiệm bàn bạc cùng tỉnh đội về nội dung và kế hoạch triển khai và hoàn thành gấp đợt này trong tháng 8-1966.

Trong khi chờ tài liệu, các cấp cần dựa vào các bài trong báo *Nhân Dân*, *Quân đội nhân dân*, *Thời sự phổ thông* (như báo *Nhân Dân*, ngày 3-8-1966) và thông báo của Tỉnh đội để phổ biến được ngay. Từ người già đến trẻ em đều phải được phổ biến để tránh được thương vong. Đặc biệt dân quân tự vệ, các tổ tháo dỡ bom phải được hướng dẫn cụ thể thêm cách tháo gỡ, phá hủy bom bi.

Phải tranh thủ mọi cuộc họp, các lớp học dài, ngắn hạn, các trường phổ thông để triển khai thật nhanh, thật sâu.

2. Trong đợt tuyên truyền, giáo dục lần này phải đẩy thật mạnh

- Một đợt đào thêm và tu sửa hầm hào, hố cá nhân đã có đúng yêu cầu, đủ sức phòng, chống được các loại bom đạn của địch. Tất cả các xã, xóm đều phải động viên tổ chức nhân dân đào hầm chúc đáo, có đắp đất hoặc nắp đầy để tránh thiệt hại vì bom đạn địch.

- Ngụy trang nhà cửa, kho tàng, đường bến, xe cộ, v.v. cho chu đáo.

- Nghiêm chỉnh và triệt để thực hiện lệnh phòng không sơ tán, quán triệt sâu thêm phương châm "sơ tán kết hợp với phân tán".

- Kiểm tra và củng cố thêm các trận địa chiến đấu, nghiên cứu kỹ đường bay của địch tổ chức các tổ phục kích của dân quân tự vệ hoặc phối hợp giữa dân quân tự vệ và bộ đội phục kích đánh địch tốt ở mọi tầm, mọi hướng.

3. Tiếp tục củng cố và phát triển nâng cao chất lượng

cho các đội dân quân tự vệ, công an. Kiểm tra và bổ sung ngay phương án và thực tập thành thạo các phương án chiến đấu bắn máy bay địch, bắt sống phi công địch và truy lùng vây diệt địch dưới đất. Đồng thời, phải coi trọng công tác bảo mật phòng gian ở

địa phương, đơn vị, đưa công tác này vào thường xuyên và có chất lượng thực sự.

Dịch đã hoạt động không kể ngày đêm nên từ nay các cơ quan, xí nghiệp, công nông, lâm trường, đơn vị... trong cán bộ lãnh đạo phải có người thường trực cơ quan, ban đêm phải phân công người thức gác. Các thôn xã cũng phải phân công gác ngày đêm kịp bão động và chiến đấu kịp thời.

4. Các tổ chức phục vụ chiến đấu cần được củng cố tốt như:

- Đội phòng, chống cứu hỏa cần phân công người chuyên trách, có đủ phương tiện dụng cụ, tiến hành tập luyện đủ hoạt động tốt trong mọi tình huống.

- Công tác đào bới người bị sập hầm trong và sau khi chiến đấu cũng phải cử đủ người, đủ dụng cụ, phải được phổ biến trao đổi kinh nghiệm phát hiện, đào bới để khi xảy ra làm được tốt.

- Công tác cứu người bị thương đơn vị nào, thôn xóm nào cũng phải cử ít nhất là 1 người, được học qua một lớp do y tế huấn luyện. Phải tăng cường phương tiện cho túi thuốc phòng không. Nơi chưa có phải mua sắm ngay và cử người đủ khả năng phụ trách.

Cần phổ biến sâu rộng những bài học trong báo *Thời sự phổ thông*, *Nhân Dân*, *Quân đội nhân dân* và tài liệu của Ty Y tế nói về cách cấp cứu khi bị tai nạn.

Nên vận động nhân dân, cán bộ, chiến sĩ... chuẩn bị bông băng thuốc cá nhân hợp với điều kiện của từng người.

Cơ quan y tế, dược phẩm cần cố gắng chuẩn bị phục vụ cho yêu cầu này. Nhưng do khả năng ta còn có hạn nên cần quán triệt tinh thần tiết kiệm và tận dụng những thứ thay thế.

5. Những kho tàng, những nguyên vật liệu hiện nay để nơi quá lộ liễu cần kiên quyết phân tán vào nơi kín đáo, có bảo vệ chu đáo. Phòng, chống địch bắn phá đồng thời phải phòng, chống hú hao, tham ô và trộm cắp.

Những cơ quan nào nhà làm tập trung, lộ, nhà làm to quá cần khẩn trương phân tán bớt và ngụy trang cho kín đáo. Một số nhà

làm to, lộ thì kiên quyết chuyển, chia nhỏ ra. Những khu vực đông cơ quan có thể nghiên cứu chuyển bớt để giảm mật độ nhà nơi đó.

Việc này có gây một số chi phí và gặp một số khó khăn nhưng cần có nhận thức đúng để khắc phục và thực hiện tốt, tránh để trở ngại đến công tác thường xuyên.

Một số công trình đang làm dở cần kiểm tra lại và bổ khuyết cho hợp với tinh thần của chỉ thị này.

6. Sản xuất, chiến đấu vốn đã căng, nhiệm vụ này cũng cấp bách nhưng vẫn phải dựa vào sức lao động của nhân dân, cán bộ, công nhân, chiến sĩ là chủ yếu, nên cần chú ý đến bồi dưỡng sức khỏe để đảm bảo chiến đấu lâu dài.

Cần chú ý để phòng tư tưởng bi quan, sợ địch, ngại khó, đồng thời phải thường xuyên nắm chắc tư tưởng, diễn biến, luận điệu phản tuyên truyền của địch, của phần tử xấu để kịp thời giải quyết.

7. Các ngành, các cấp đều phải kiểm tra lại và hoàn thiện phương án dự phòng, nhất là các ngành có quan hệ trực tiếp đến phục vụ chiến đấu, sản xuất như giao thông, bưu điện, y tế.

Riêng ngành thương nghiệp cần có biện pháp tích cực nhất và thích hợp để tránh tập trung quá đông người vào một nơi, hết sức giảm giờ chờ đợi của người mua hàng.

Các ngành tuyên truyền, giáo dục như văn hóa, thông tin, báo, đài, trường học, v.v. cần có nội dung và các hoạt động phục vụ cho việc thực hiện chỉ thị này và đưa vào nội dung thường xuyên của ngành mình.

8. Các cấp ủy, các cơ quan quân sự, Ban phòng không, công an cần phối hợp tổ chức một đợt trực tiếp đi kiểm tra, đôn đốc và Đảng đoàn chính quyền cần thường xuyên chỉ đạo thực hiện tốt công tác này. Trước mắt từ nay đến 30 - 8 cần triển khai tốt công tác này và sau đó cần tiếp tục kiểm tra bổ sung thường xuyên.

Từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, từng địa phương, nơi nào không làm tốt để xảy ra những thiệt hại do địch gây nên phải chịu trách nhiệm và nhận kỷ luật trước Đảng.

Đối với các xã, các huyện, thị ủy phải tập trung và kiên quyết lãnh đạo làm tốt công tác này.

9. Thực hiện chỉ thị này sẽ gặp một số khó khăn về tư tưởng, về lao động, về nguyên vật liệu, tiền, địa điểm, công tác thường xuyên... vì vậy các cấp, các ngành cần thông suốt và kiên quyết lãnh đạo nhân dân, cán bộ, công nhân, chiến sĩ, dân quân tự vệ động viên tinh thần căm thù giặc, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, vượt mọi hy sinh gian khổ để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

10. Tỉnh đội cần có phương án chiến đấu và đảm bảo chiến đấu dự kiến trong từng tình huống cụ thể, hợp đồng chặt chẽ với các ngành có liên quan để chủ động đối phó kịp thời với mọi tình huống khi địch đánh phá, nhanh chóng ổn định tình hình, tránh tình trạng bị động, lúng túng khi có chiến sự xảy ra.

Các cấp, các ngành cần làm gấp, đúng 2 - 9 sơ kết báo cáo kết quả bước đầu về Tỉnh ủy và sau đó báo cáo hằng tháng phải có phần kết quả thi hành chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 33-BB/TU, ngày 20-8-1966

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp 2 ngày (19 và 20 tháng 8 năm 1966), về dự Hội nghị có các đồng chí: Trường Minh, Khánh Vinh, Việt Tiến, Lê Bá Hội.

Nội dung hội nghị thảo luận:

1. Nghe các đồng chí Thường vụ ủy viên tỉnh báo cáo tinh thần nội dung một số hội nghị của Trung ương triệu tập họp vừa qua.
2. Tổ chức giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên.
3. Nghe báo cáo công tác kiểm tra thí điểm một số hợp tác xã nông nghiệp đã cải tiến quản lý của xã Bản Qua thuộc huyện Bát Xát.
4. Nghe báo cáo công tác kiểm tra sự thực hiện chủ trương, chính sách của trên của Đảng bộ thị xã Lào Cai.

Cụ thể thảo luận các vấn đề trên như sau:

**I. NGHE CÁC ĐỒNG CHÍ THƯỜNG VỤ ỦY VIÊN TỈNH
BÁO CÁO TINH THẦN NỘI DUNG MỘT SỐ HỘI NGHỊ
CỦA TRUNG ƯƠNG TRIỆU TẬP HỌP VỪA QUA**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lần lượt nghe các đồng chí ủy viên Thường vụ tỉnh báo cáo tinh thần nội dung một số hội nghị của Trung ương triệu tập họp vừa qua và bàn một số công tác cần phải giải quyết. Đồng chí Trường Minh (Bí thư Tỉnh ủy) báo cáo về tinh

thần nội dung hội nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập để phổ biến về tinh thần và nhiệm vụ mới; đồng chí Phạm Gia Tuân (Phó Bí thư Tỉnh ủy) báo cáo về tinh thần nội dung hội nghị của Trung ương triệu tập bàn về công tác phát triển công nghiệp địa phương, xây dựng kinh tế địa phương, đồng chí Lê Bá Hội báo cáo về tinh thần nội dung hội nghị Tài chính - thương nghiệp của Trung ương; đồng chí Việt Tiến báo cáo về tinh thần nội dung hội nghị đánh giá tình hình cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp đợt 1 của Trung ương triệu tập.

- Sau khi nghe đồng chí Trường Minh truyền đạt về tình hình và nhiệm vụ mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy sự nhận định đánh giá của Trung ương Đảng về tình hình sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta trước đây như trong Nghị quyết 12 của Trung ương đã nêu rất đúng đắn, sáng suốt và càng thêm tin tưởng vào sự thắng lợi cuối cùng của ta. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy đúng trước tình hình hiện nay trong tỉnh cần phải đặc biệt coi trọng và tăng cường mạnh mẽ công tác tư tưởng, ra sức xây dựng cho toàn Đảng, toàn quân toàn dân trong tư tưởng quyết chiến quyết thắng rất cao, để hoàn thành mọi nhiệm vụ. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 21 ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh tiến hành một đợt giáo dục chính trị sâu rộng, phát động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh tiếp tục thực hiện tốt nhất lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ tịch "Quyết đồng tâm nhất trí vượt mọi khó khăn gian khổ, hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Trên cơ sở nhận thức được nâng cao, ý thức tư tưởng được củng cố, tổ chức quần chúng đi vào hành động thi đua sôi nổi đẩy mạnh mọi mặt công tác trước mắt với tinh thần chỉ được phép đạt và vượt các chỉ tiêu, thực hiện tốt nhất Nghị quyết của Tỉnh ủy ngày 23 tháng 7 năm 1966. Học xong phải biến những điều đã học thành hành động cách mạng thực tế. Kết hợp học tập hai bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn (đăng trên báo *Nhân Dân*, tháng 7

năm 1966) và bài nói chuyện của đồng chí Nguyễn Chí Thanh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy truyền đạt.

- Sau khi nghe đồng chí Phạm Gia Tuân truyền đạt về tinh thần nội dung hội nghị của Trung ương triệu tập bàn về công tác phát triển công nghiệp địa phương, xây dựng kinh tế địa phương. Ban Thường vụ thấy trong thời gian vừa qua Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh đã chú ý tới vấn đề phát triển công nghiệp địa phương, bước đầu đã đạt được kết quả ở một số điểm; nhưng công tác này chưa đạt được kết quả theo như ý định của lãnh đạo, còn gặp khó khăn về khâu chỉ đạo thực hiện cụ thể. Trước mắt cần phải giải quyết ngay những mắc mussy về quyền hạn, chức trách của các ngành đối với công tác này. Tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ trực tiếp nghe báo cáo vấn đề phát triển công nghiệp địa phương, xây dựng kinh tế địa phương, nhất là vấn đề đưa cơ khí nhỏ vào sản xuất nông nghiệp trong cuộc họp sắp tới để có những biện pháp tích cực hơn nữa đẩy mạnh công tác này tiến lên, ăn nhịp với công tác phát triển nông nghiệp trong tỉnh, công nghiệp địa phương phục vụ ngày càng đắc lực cho nông nghiệp phát triển.

- Sau khi nghe đồng chí Lê Bá Hội truyền đạt tinh thần nội dung hội nghị Tài chính - thương nghiệp do Trung ương triệu tập. Ban Thường vụ nhận thấy trong giai đoạn xây dựng và phát triển quan hệ sản xuất mới hiện nay lãnh đạo không những phải hết sức coi trọng công tác củng cố phát triển hợp tác xã nông nghiệp mà còn phải coi trọng đúng mức đến công tác củng cố, phát triển hợp tác xã mua bán và quỹ tín dụng ở nông thôn. Ba hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn nói trên phải được song song củng cố và phát triển. Công tác tài chính - thương nghiệp của tỉnh muốn được đẩy mạnh và phát triển tốt, trước hết phải tổ chức học tập Nghị quyết 10 và Chỉ thị số 100 của Trung ương cho các cấp ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự kiến vào khoảng cuối tháng 9 sắp tới Tỉnh ủy sẽ tổ chức học tập nghị quyết và chỉ thị nói trên.

Sau khi nghe đồng chí Việt Tiến truyền đạt tinh thần Hội nghị cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp đợt 1 do Trung ương triệu tập, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy đối chiếu với mục đích, yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp công tác cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật mà nghị quyết của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 108 của Ban Bí thư Trung ương đề ra, nói chung Lào Cai đã vận dụng đúng đắn và đã đem lại kết quả tốt. Để phát huy kết quả công tác cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nông nghiệp đợt 1 vừa qua cần phải lãnh đạo chặt chẽ đợt 2 cuộc vận động ở huyện và chuẩn bị tổng kết tốt thời kỳ vận động tập trung. Muốn đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tiến lên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy cần phải giải quyết một số vấn đề dưới đây:

+ Ban Nông nghiệp giúp Tỉnh ủy nghiên cứu chuẩn bị cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật đợt 3 nhằm các xã có điều kiện tiến hành cải tiến như Tà Chải, Na Hồi (Bắc Hà) Chiến Thắng, Cứu Quốc (Muồng Khuông), Thanh Phú (Sa Pa), v.v. trong khi tiến hành đợt 3 cuộc vận động cần phải làm thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật ở vùng cao, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định lấy xã Bản Phố thuộc huyện Bắc Hà làm thí điểm, mục đích là gắn liền với cuộc vận động thí điểm xây dựng huyện ủy bốn tốt và xây dựng chi bộ bốn tốt. Nói chung đối với hợp tác xã vùng cao các Ban huyện ủy phải hết sức chú ý đến củng cố, giúp đỡ hợp tác xã vùng cao dần dần xây dựng phương hướng sản xuất cho phù hợp và chú ý đến việc bồi dưỡng trình độ quản lý cho cán bộ quản trị và kế toán. Còn đối với vùng thấp nói chung đã tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật cần phải kiểm tra giúp đỡ hợp tác xã thực hiện tốt phương hướng sản xuất đã đề ra, trong cuộc vận động cải tiến đợt 1, Ban Nông nghiệp tỉnh chỉ đạo thí điểm xã Quang Kim về thực hiện phương hướng sản xuất sau cải tiến để tổng kết rút kinh nghiệm phổ biến nơi khác.

+ Ban Nông nghiệp giúp Tỉnh ủy nghiên cứu về phương hướng sản xuất nói chung đối với đồng bào Mán (vùng giữa) đặc biệt là hướng cụ thể về nghề rừng. Lấy xã Bản Phiệt thuộc huyện Mường Khương làm xã chỉ đạo nghiên cứu. Về phương hướng nghề rừng cần phải có quy hoạch trước mắt 2 năm 1967 và 1968 nhưng đồng thời cũng phải nghiên cứu quy hoạch lâu dài 5 năm, 10 năm. Cần chú ý nghiên cứu xem trồng cây gì thích hợp và lợi nhất như cây lai chẳng hạn. Chú ý đi sâu nghiên cứu nguyện vọng của đồng bào Mán, nhất là đối với phương hướng nghề rừng để ra như vậy xem đồng bào có phấn khởi hay không.

+ Phải gấp rút chuẩn bị mở các lớp đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật. Trước mắt phải mở lớp cho cán bộ xã và ban quản trị hợp tác xã để chuẩn bị cho sản xuất đông - xuân 1966-1967 sắp tới. Các ngành có trách nhiệm trong công tác với nhau chặt chẽ để tiến hành cho tốt.

+ Ban Nông nghiệp và Ban Tổ chức Tỉnh ủy sẽ nghiên cứu cụ thể báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy lấy một số cán bộ đã làm công tác cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật đợt 1 và đợt 2 để tổ chức thành đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp củng cố phong trào hợp tác hóa.

II. TỔ CHỨC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ CƠ BẢN CHO ĐẢNG VIÊN

Để thi hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Thông tri số 184-TT/TW, ngày 15-8-1966 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định mở một đợt giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên cơ sở. Yêu cầu nội dung của đợt giáo dục chính trị cơ bản là: "Bồi dưỡng cho đảng viên cơ sở những hiểu biết cần thiết về chủ nghĩa cộng sản, về đường lối cách mạng của Đảng, về nhiệm vụ quyền hạn và phương pháp công tác của người đảng viên, nhằm giúp cho đảng viên nâng cao lập trường giai cấp vô sản, nâng cao ý

chí suốt đời phấn đấu cho lý tưởng cộng sản, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, chính sách của Đảng, xác nhận vị trí, trách nhiệm của người đảng viên đối với Đảng, đối với quần chúng và đối với bản thân trong sự nghiệp cách mạng, ra sức làm tốt các mặt công tác trong sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống".

Thời gian tiến hành đợt giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên cơ sở bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 12-1966 thì kết thúc. Tỉnh sẽ lấy Chi bộ xã Quang Kim huyện Bát Xát, một số chi bộ rèo cao thuộc huyện Bắc Hà và một số chi bộ thuộc Khối Công nghiệp làm đơn vị thí điểm của tỉnh về giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên. Các lớp thí điểm sẽ mở trong tháng 9 năm 1966.

Sau lớp thí điểm của tỉnh, mỗi huyện sẽ tổ chức một lớp thí điểm qua đó mà bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở, bồi dưỡng giảng viên và rút kinh nghiệm chỉ đạo chung, mở rộng diện, làm dần từng vùng, chuẩn bị đến đâu làm đến đấy, nắm chắc phương châm: Tích cực khẩn trương, làm chỗ nào ăn chắc chỗ đó và thực hiện đúng nguyên tắc giảng viên chưa được bồi dưỡng, chưa được chuẩn bị bài giảng chu đáo, chưa mở lớp.

III. NGHE BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM TRA THÍ ĐIỂM MỘT SỐ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP ĐÃ CẢI TIẾN QUẢN LÝ Ở XÃ BẢN QUA THUỘC HUYỆN BÁT XÁT

Sau khi nghe đoàn cán bộ kiểm tra thí điểm một số hợp tác xã nông nghiệp đã cải tiến quản lý ở xã Bản Qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy phong trào xã Bản Qua nói chung có nhiều mặt tốt, nhất là vấn đề xây dựng quan hệ sản xuất mới đầy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật Bản Qua đã có nhiều tiến bộ rõ rệt; sau cải tiến quản lý, có một số hợp tác xã đang phát huy kết quả của cải tiến, đang ra sức phấn đấu thực hiện tốt phương hướng sản xuất đã đề ra trong cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã vừa qua.

Tuy nhiên, muốn phong trào xã Bản Qua tiến lên đáp ứng với tình hình nhiệm vụ mới chống Mỹ, cứu nước hiện nay thì cần phải khắc phục một số tồn tại nhược điểm như sau:

- Cần phải giáo dục tốt chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã. Muốn làm tốt công tác thì phải tổ chức học tập trong chi bộ trước rồi mới học tập ra ngoài nhân dân. Cần phải chú ý lấy những điển hình tốt về đoàn kết dân tộc để giáo dục nhân dân, làm cho mọi người đều thấy những điển hình tốt đó để học tập và làm theo. Đối với những hiện tượng làm mất đoàn kết thì nên phân tích cụ thể tác hại kẻ địch sẽ lợi dụng để gây chia rẽ dân tộc, làm cho đồng bào Kinh hiểu lầm đồng bào địa phương hoặc ngược lại đồng bào địa phương sẽ hiểu lầm đồng bào Kinh.

- Cần phải đặc biệt chú ý củng cố các tổ chức đảng, đoàn, chính quyền, dân quân, phụ nữ, phụ lão, v.v.. Đối với hợp tác xã cần phải chú ý củng cố và phát triển cả ba hình thức kinh tế tập thể là hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và quỹ tín dụng. Chú ý bồi dưỡng trình độ quản lý cho cán bộ quản trị và kế toán, luôn luôn có sự kiểm tra để uốn nắn kịp thời những thiếu sót, nhất là vấn đề quản lý lao động, quản lý tài vụ để thực hiện tốt phương hướng sản xuất đã đề ra.

- Cần phải nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát hiện và trấn áp kịp thời đối với những phần tử phá hoại, phản cách mạng. Hiện nay đứng trước âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ, bọn phá hoại, phản động đã lợi dụng cơ hội để hoạt động phản tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ hòng gây hoang mang, nghi ngờ trong nhân dân. Đối với những phần tử phá hoại phản cách mạng cần phải trừng trị kịp thời. nhưng điều quan trọng là phải phát động được tư tưởng quần chúng có ý thức căm thù địch, cụ thể là căm thù đối với những phần tử phá hoại để quần chúng tự đấu tranh vạch mặt những tên phá hoại.

IV. NGHE BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM TRA SỰ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CHÍNH SÁCH CỦA TRÊN, CỦA ĐẢNG BỘ THỊ XÃ LÀO CAI

Sau khi nghe đoàn cán bộ kiểm tra của Tỉnh ủy báo cáo về công tác kiểm tra của đoàn trong thời gian qua ở thị xã Lào Cai, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy Đảng bộ thị xã Lào Cai dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy đã đạt được những thành tích nhất định trong công tác, đưa nhân dân thị xã Lào Cai tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng trong thời gian vừa qua trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của trên, Thị ủy thị xã Lào Cai đã mắc một số khuyết điểm sai lầm hưu khuynh như vấn đề cải tạo tiểu thương quản lý thị trường, vấn đề xây dựng cảng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới chưa tích cực để ra những phần tử thâu khoán, thuê mướn nhân công bóc lột lao động, vấn đề tài chính, v.v..

Sở dĩ mắc những khuyết điểm trên nguyên nhân chủ yếu là do một số các đồng chí trong thị ủy nhất là các đồng chí chủ chốt lập trường giai cấp vô sản chưa vững vàng, nên thể hiện từng khâu, từng việc, từng người khi nhìn nhận và giải quyết một số vấn đề chưa thực sự đúng trên quan điểm lợi ích chung của cách mạng, bị ảnh hưởng tư tưởng tiểu tư sản (cụ thể là tư tưởng tiểu thương) khống chế chi phối nên một số việc giải quyết không đúng chủ trương, chính sách của Đảng đề ra, trong khi đó sự đấu tranh nội bộ của thị ủy kém nên khuyết điểm kéo dài. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy rằng muốn đưa Đảng bộ thị xã Lào Cai tiến mạnh, tiến nhanh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội thì Thị ủy thị xã Lào Cai cần phải kiểm điểm nghiêm khắc, sâu sắc rút ra được những bài học kinh nghiệm trong thời gian vừa qua để giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân, gây không khí phấn khởi, hồn hởi,

tạo ra một khí thế mới, đầy mạnh phong trào thi đua với Thủ Dầu Một quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược để chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, đưa thị xã Lào Cai tiến lên những bước mới mạnh mẽ hơn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**ĐỀ ÁN
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số ... ĐA/TU, ngày 25-8-1966¹

**Về tiếp tục phấn đấu hoàn thành
thắng lợi cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở
bốn tốt năm 1966, tạo điều kiện thúc đẩy
cuộc vận động năm 1967 mạnh mẽ hơn nữa
đối với các đảng bộ ở nông thôn**

Như trong báo cáo tổng kết đã nhận định, cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở bốn tốt năm 1965 đạt được nhiều thắng lợi. Những kết quả đó đã có tác động thúc đẩy cuộc vận động năm 1966 chuyển biến mạnh hơn; sang năm 1966 cuộc vận động đang đi vào bê sâu và chất lượng cũng đang được nâng cao rõ rệt, đã thúc đẩy mọi phong trào từ đầu năm tới nay phát triển mạnh hơn. Nhiều đảng bộ cơ sở đã lãnh đạo pháo đấu hoàn thành thắng lợi vụ chiêm năm 1966, đẩy mạnh làm mùa và đang phấn đấu hoàn thành ba thu vụ chiêm; các phong trào khác cũng được đẩy mạnh. Nhưng so với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đòi hỏi thì chưa đáp ứng được yêu cầu, đồng thời cũng còn tồn tại những khuyết điểm, nhược điểm cần phải ra sức khắc phục để đưa cuộc vận động tiến mạnh hơn nữa.

1. Bản gốc không có số - BT.

Để đáp ứng với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ, phương hướng tiếp tục đẩy mạnh công tác củng cố xây dựng cơ sở đảng như sau:

Về yêu cầu: Cần tập trung lãnh đạo và phấn đấu tiếp tục đưa cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt cho thực mạnh, chuyển mạnh vào bể sâu và nâng cao chất lượng hơn nữa nhằm không ngừng tăng cường vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, đẩy mạnh công tác phát triển đảng cải tiến tổ chức, cải tiến lãnh đạo của các đảng bộ cơ sở, làm cho các đảng bộ vững vàng về tư tưởng, mạnh mẽ về tổ chức để lãnh đạo làm tròn nhiệm vụ trong mọi tình thế của cách mạng.

Về phương châm: Cần quán triệt việc kết hợp chặt chẽ công tác củng cố xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và các công tác trung tâm của địa phương. Lấy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị làm mục tiêu phấn đấu; đồng thời thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các công tác trọng tâm để làm nội dung củng cố xây dựng Đảng. Đồng thời, kết hợp chặt chẽ cuộc vận động xây dựng Đảng với xây dựng các tổ chức.

- Kết hợp chặt chẽ việc củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng với củng cố Đảng về tổ chức; lấy củng cố về tư tưởng, chính trị làm gốc và đi đầu trên cơ sở củng cố Đảng tốt về tư tưởng, chính trị mà tiến hành củng cố Đảng mạnh mẽ về tổ chức.

- Kết hợp chặt chẽ giữa hai mặt củng cố phải đi đôi với phát triển; phát triển tới đâu, củng cố tới đó. Phát triển đảng phải coi trọng chất lượng là chính, phải vừa tích cực vừa thận trọng.

Mức độ phấn đấu: Mức độ phấn đấu từ nay cho tới hết năm 1967 là phải đưa đại bộ phận các chi bộ, đảng bộ cơ sở trở thành bốn tốt. Cụ thể là hết năm 1966 các đảng bộ phải đạt ít nhất từ 50% trở lên; thanh toán chi bộ kém; năm 1967 phải đạt tỷ lệ ít nhất từ 60% trở lên số chi bộ; đảng bộ cơ sở đạt bốn tốt, chất lượng đạt bốn tốt

phải cao hơn. Tuyệt đại bộ phận đảng viên trong chi bộ phải đạt bốn tốt cụ thể là phải từ 70%, 80% trở lên. Không còn tổ đảng kém, đảng viên kém chỉ còn là số rất nhỏ hoặc là cá biệt.

Những nhiệm vụ chủ yếu:

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên

- Về công tác giáo dục đảng viên nhiệm vụ cấp bách và khẩn trương trước mắt là từ nay cho tới cuối năm phải hoàn thành tốt toàn bộ đợt giáo dục đảng viên nông thôn theo chương trình mới (vấn đề này sẽ có kế hoạch riêng).

Trước tình hình mới, nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất ngày càng khẩn trương và gay go ác liệt, đòi hỏi công tác chính trị, tư tưởng phải được coi trọng hơn lúc nào hết. Do đó, các tổ chức cơ sở đảng phải giáo dục, làm cho mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng thấy rõ được tình hình nhiệm vụ mới, quán triệt thật đầy đủ và sâu sắc lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Thấy rõ được sự thất bại của đế quốc Mỹ, thấy được những âm mưu mới của chúng, thấy rõ được những thắng lợi của nhân dân hai miền Nam - Bắc và sự tất thắng của ta. Thấy được nhiệm vụ mới trong giai đoạn cách mạng mới, xác định được vị trí chiến đấu của người đảng viên nói riêng và nhiệm vụ của mọi người phải dốc sức mình vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Phải tuyệt đối tin tưởng vào đường lối đổi nội và đổi ngoại của Trung ương Đảng. Phải làm cho mọi người thấy rõ: Không có gì quý hơn độc lập, tự do, không mắc lừa âm mưu bịa bợm hòa bình, thương lượng của đế quốc Mỹ và như lời hiệu triệu của Hồ Chủ tịch: "Vì độc lập của Tổ quốc, vì nghĩa vụ đối với các dân tộc đang chống đế quốc Mỹ, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, không sợ hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Trước tình hình mới chúng ta quyết đồng tâm nhất trí, vượt mọi gian khổ hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là đánh thắng giặc

Mỹ xâm lược..." (Lời hiệu triệu của Hồ Chủ tịch). Trước tình hình nhiệm vụ mới đòi hỏi mỗi đảng viên phải tiếp tục nâng cao khí thế cách mạng, mài sắc tinh thần cảnh giác, ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, nâng cao tinh thần chịu đựng gian khổ, tinh thần hy sinh phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của người đảng viên trong mọi tình huống. Phải giáo dục cho mọi đảng viên có tinh thần sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, gian khổ không lùi bước, khó khăn, nguy hiểm không sờn lòng, sẵn sàng hy sinh không do dự.

- Coi trọng hơn nữa việc giáo dục nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ giữa hai con đường cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Đảng viên phải gương mẫu trong việc xây dựng và củng cố hợp tác xã. Đảng viên không những là người xã viên tốt mà còn là người lãnh đạo hợp tác xã tốt. Giáo dục làm cho mọi người toàn tâm toàn ý xây dựng, củng cố hợp tác xã không để tình trạng còn chân trong chân ngoài. Không để tình trạng lao vào phát triển làm riêng lẻ. Phải làm cho hợp tác xã quản lý tốt lao động và lương thực, mà trước hết là phải quản lý được 100% lúa, bắp, đậu tương. Sản xuất tốt còn phải quản lý, sử dụng, phân phối tốt. Coi trọng giáo dục sử dụng và phân phối lương thực trong thời chiến - tức là giáo dục, giác ngộ nâng cao lòng yêu nước để tiết kiệm lương thực, thực phẩm, tiết kiệm tiêu dùng để tập trung cao độ nhân tài vật lực vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giải phóng dân tộc. Thấy rõ được lợi ích trước mắt phải phục tùng lợi ích lâu dài, lợi ích chung của dân tộc. Không nên chỉ muốn thỏa mãn đòi sống trước mắt mà coi nhẹ yêu cầu phục vụ cho tiền tuyến, phục vụ cho công nghiệp hóa để xây dựng hậu phương, căn cứ địa của cách mạng. Đảng viên phải thông suốt, gương mẫu và lãnh đạo quần chúng thực hiện. Đồng thời, phải gắn chặt việc giáo dục tư tưởng với đấu tranh trong nội bộ với các vấn đề giữa lạc hậu mâu thuẫn với tiến bộ, giữa quan điểm tập thể nông dân với Nhà nước, giữa hữu khuynh với kiên quyết.

- Trong công tác giáo dục đảng viên phải đặc biệt coi trọng việc giáo dục, rèn luyện đảng viên dự bị. Hiện nay, số đảng viên dự bị chiếm trên 14% so với tổng số đảng viên và nếu công tác phát triển đảng được đẩy mạnh thì tỷ lệ này còn tăng hơn. Cho nên công tác giáo dục đảng viên dự bị là một nhiệm vụ rất trọng yếu đối với việc nâng cao chất lượng đảng viên. Đi đôi với việc giáo dục cần chú ý xét chuyển thành đảng viên chính thức đối với những người đã hết thời hạn dự bị đủ tiêu chuẩn, tránh tình trạng kéo dài dự bị một cách không lý do và như vậy sẽ vi phạm Điều lệ Đảng.

- Trong công tác giáo dục đảng viên còn phải chú trọng giải quyết khâu đảng viên kém. Đối với đảng viên kém chi bộ phải đi sâu tìm hiểu kỹ nguyên nhân của mỗi người, những mắc mưu về tư tưởng, về công tác, về sinh hoạt để có kế hoạch, biện pháp giáo dục tỉ mỉ cho phù hợp với từng người. Thái độ giáo dục, giúp đỡ phải nhiệt tình và kiên nhẫn. Nhưng đối với những người tuy đã qua giáo dục, giúp đỡ nhiều lần nhưng họ vẫn không tiến bộ, không chịu tiếp thu giáo dục của chi bộ, ngày càng đi vào chỗ thoái hóa không còn tác dụng đảng viên thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng. Không nên làm theo lối kiên trì để đấy, kiên trì kéo dài vô hạn độ. Đối với một chi bộ bốn tốt thì số đảng viên đạt bốn tốt phải chiếm tuyệt đại bộ phận trong chi bộ, không còn đảng viên kém hoặc nơi nào còn thì cũng chỉ là cá biệt.

- Sinh hoạt chi bộ, tổ đảng phải đảm bảo đều đặn, giữ vững được thường xuyên. Thông qua việc kiểm điểm công tác của chi bộ, tổ đảng của mỗi đảng viên mà thực hiện tốt việc tự phê bình và phê bình. Phải coi trọng nội dung tư tưởng chính trị trong sinh hoạt chi bộ. Phải thường xuyên kiểm điểm giáo dục nâng cao lập trường tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật cho đảng viên, kiểm điểm được về vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên đối với sản xuất, chiến đấu, chấp hành chính sách. Khuyến khích biểu dương những ưu điểm, phân tích giúp đỡ những đồng chí có khuyết điểm, giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong chi bộ. Cần cải

tiến sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các ban chi ủy, Ủy ban hành chính các xã để bên Đảng tập trung nhiều thời gian củng cố và xây dựng nội bộ Đảng và lãnh đạo chặt chẽ các đoàn thể quần chúng, thanh toán việc bên chi ủy làm thay bao biện công tác chính quyền hoặc chính quyền lại làm thay các ngành chuyên môn của xã.

- Tới nay do yêu cầu của công tác xây dựng Đảng và do tình hình trưởng thành của các cơ sở, mỗi chi bộ phải có các đồng chí phụ trách công tác tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra của chi bộ, không nên tập trung vào một đồng chí bí thư làm sê khôn xuể.

2. Giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, trình độ lãnh đạo cho cán bộ đảng viên

Đi đôi với việc giáo dục chính trị phải coi trọng việc bồi dưỡng về văn hóa, về quản lý kinh tế và kiến thức về khoa học - kỹ thuật cho cán bộ, đảng viên. Đối với đảng viên và đội ngũ cán bộ xã mức độ phấn đấu hết năm 1967 là phải học hết chương trình cấp I và một số học xong cấp II. Ở vùng cao có thể chiếu cố ở mức độ thấp hơn. Về trình độ kỹ thuật đối với các cán bộ chủ chốt ở xã kể cả các chủ nhiệm hợp tác xã phải có trình độ sơ cấp về kỹ thuật nông nghiệp và có trình độ quản lý hợp tác xã tương đối thành thạo. Đặc biệt là phải coi trọng việc giáo dục bồi dưỡng về kỹ thuật để tiến công mạnh mẽ vào mặt trận kỹ thuật.

3. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện và chặt chẽ của tổ chức cơ sở đảng đối với nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu

a) *Đối với sản xuất:* Các chi bộ và các đảng bộ cơ sở phải nắm chắc và lãnh đạo chặt chẽ hơn nữa trên mặt trận sản xuất. Trước hết phải quán triệt và kiên quyết đi vào phương hướng thâm canh tăng năng suất, tăng vụ. Tích cực khắc phục tình trạng tự do quảng canh. Kiên quyết chống 5 tệ. Các chi bộ, đảng bộ phải cố gắng lên nắm vững và lãnh đạo tốt kỹ thuật. Phải có những biện pháp tích cực để

thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật nhằm không ngừng nâng cao năng suất cây trồng. Mục tiêu phấn đấu là phải đưa hầu hết diện tích ở vùng thấp đạt 5 tấn thóc trên diện tích 1 ha ở chân ruộng 2 vụ và 3 tấn trở lên ở vùng cao trong năm 1967 này. Cụ thể là từ vụ chiêm năm 1967 các hợp tác xã đã cải tiến quản lý rồi phải đạt 5 tấn.

Đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi kết hợp với việc kiến thiết đồng ruộng và giao thông. Tích cực cải tiến công cụ và áp dụng các phương tiện vận tải thô sơ. Các hợp tác xã đều phải xây dựng được Đội thủy lợi chống Mỹ, cứu nước (đội thủy lợi chuyên nghiệp) và các đội chuyên canh khác như chăn nuôi, trồng cây...

Phấn đấu phát triển mạnh mẽ, toàn diện, cân đối giữa các mặt: Trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng. Phát triển mạnh việc chăn nuôi tập thể. Đến năm 1967 mỗi xã ít nhất cũng phải có một cơ sở chăn nuôi tập thể. Hợp tác xã phải quản lý nghề rừng, làm tốt việc trồng rừng, bảo vệ rừng, khắc phục tình trạng đốt phá rừng bừa bãi; tiến tới hợp tác xã đưa việc quản lý nghề rừng ngang với việc quản lý về lương thực. Tóm lại, đối với sản xuất, các Đảng ủy, các chi bộ phải lãnh đạo phấn đấu chỉ có đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước không được để tụt, nhất là các chỉ tiêu chủ yếu - kể cả chỉ tiêu về diện tích gieo trồng và năng suất sản lượng. Phấn đấu với tinh thần tích cực nhất và chủ động của cơ sở.

- Các chi bộ, đảng bộ cơ sở nắm chắc hợp tác xã phải có biện pháp củng cố, xây dựng bằng được các hợp tác xã. Lấy việc nấm và lãnh đạo hợp tác xã làm trọng tâm để đẩy mạnh mọi hoạt động, mọi phong trào. Phải lãnh đạo tập trung, quản lý lao động vào hợp tác xã. Hợp tác xã phải quản lý 100% lúa, bắp, đậu tương. Không những quản lý sản xuất mà phải quản lý cả phân phối, điều hòa, quản lý thị trường. Phải lãnh đạo quản lý cả những lực lượng sản xuất cá thể và những lực lượng chưa vào hợp tác xã, nhằm thực hiện tốt vấn đề sản xuất, sử dụng và phân phối lương thực, thực phẩm cho hợp lý với tinh thần tiết kiệm nhất nhằm vừa đảm bảo đời sống quần chúng vừa cung cấp cho tiền tuyến.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho hợp tác xã kể cả việc mạnh dạn và tích cực cử người đi học kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý hợp tác xã. Hợp tác xã mạnh dạn kinh doanh nhiều ngành nghề, mở rộng quy mô hợp tác xã và đưa lên cấp cao. Chi bộ còn phải quan tâm chú ý lãnh đạo hợp tác xã tổ chức tốt việc giữ trẻ nhằm bảo vệ nuôi dạy tốt các cháu là thế hệ tương lai của đất nước và giải phóng sức lao động cho phụ nữ, tăng cường sức lao động vào sản xuất và chiến đấu.

- Đi đôi với việc củng cố xây dựng hợp tác xã nông nghiệp các chi bộ, đảng bộ phải coi trọng lãnh đạo xây dựng củng cố hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng. Làm cho các hợp tác xã này hoạt động đều, đi đúng phương hướng, đúng chức năng nhằm phục vụ tốt cho sản xuất và nâng cao đời sống quần chúng.

b) *Đối với chiến đấu:* Các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải thường xuyên, chăm lo lãnh đạo tốt việc củng cố xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ cho chiến đấu tốt. Các tổ chức dân quân, công an phải được kiện toàn về mặt tổ chức và lãnh đạo, về mặt huấn luyện học tập phải đạt yêu cầu về chất lượng có khả năng chiến đấu tốt, có lập trường tư tưởng vững vàng. Phải lãnh đạo, củng cố vững chắc phong trào bảo vệ trị an và phòng không nhân dân. Thực hiện tốt công tác cải tạo, kịp thời và kiên quyết trấn áp những hành động hoạt động của kẻ địch và những phần tử xấu không chịu cải tạo. Phát huy mạnh mẽ chức năng chuyên chính vô sản của chính quyền xã.

- Thường xuyên giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng trong quần chúng, lãnh đạo chắc tư tưởng quần chúng, giữ vững được tinh thần dũng cảm, vững vàng của quần chúng trong mọi tình huống. Khi xảy ra có chiến tranh phá hoại của kẻ địch lan tới xã mình, chi bộ phải lãnh đạo chiến đấu tốt, phục vụ chiến đấu tốt, đồng thời đảm bảo sản xuất tốt trong mọi tình huống. Thực hiện tốt lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, làm cho quần chúng đều thống nhất về tư tưởng, chính trị, đồng tâm nhất trí vượt mọi gian khổ,

hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trên cơ sở phát động, giáo dục tinh thần yêu nước và khích lệ cách mạng trong quần chúng mà lãnh đạo thực hiện tốt công tác nghĩa vụ quân sự. Phải lãnh đạo tốt công tác tuyển quân, có quân, đủ quân và không để tình trạng bỏ về. Phải quan tâm giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, các gia đình có con đi tòng quân.

4. Ra sức lãnh đạo phấn đấu thực hiện tốt các chính sách của Đảng, Chính phủ và pháp luật của Nhà nước

Nói chung đối với các chính sách của Đảng, Chính phủ, chi bộ phải tổ chức cho cán bộ, đảng viên, quần chúng học tập, quán triệt và nghiêm chỉnh tự giác chấp hành đầy đủ. Nhưng đặc biệt đối với những chính sách lớn sau đây phải thực hiện đầy đủ: Chính sách về nghĩa vụ lương thực, nông sản, thực phẩm, quản lý thị trường và đoàn kết dân tộc. Về nông sản, thực phẩm, thì ngoài việc bán lợn thì còn phải thực hiện tốt việc bán đậu tương, rau xanh, các đặc sản khác như: chuối tiêu, cam, quýt, dứa, v.v.. Những chính sách trên phải thực hiện với mức độ cao nhất, tích cực nhất, với tinh thần tiết kiệm tiêu dùng để cung cấp cho tiền tuyến, với tinh thần chống Mỹ, cứu nước. Đây là một trách nhiệm của một tổ chức cơ sở đảng đối với toàn Đảng. Đồng thời đó là một trong các yêu cầu của chi bộ bốn tốt không thể châm trước, chiếu cố, hạ thấp yêu cầu. Đảng viên phải xung phong gương mẫu thực hiện đồng thời giáo dục, vận động quần chúng thực hiện. Phải đúng phương pháp giáo dục, phát động tư tưởng giác ngộ quần chúng để quần chúng tự giác thực hiện đầy đủ không được dùng lối mệnh lệnh cưỡng bức quần chúng.

5. Thông qua sản xuất, chiến đấu và chấp hành các chính sách mà lãnh đạo đẩy mạnh các phong trào hoạt động đều như: Văn hóa, y tế, bảo vệ trị an... đồng thời củng cố xây dựng các tổ chức chính quyền và tổ chức quần chúng cho vững chắc và hoạt động đều. Một chi bộ đạt bốn tốt thì các phong trào phải phát triển

đều và mạnh. Các tổ chức phải vững chắc, chính quyền phải đạt năm tốt, công an năm tốt, dân quân tiền tiến và quyết thắng, phụ nữ ba đảm đang, thanh niên đạt bốn tốt, phụ lão ba giỏi, v.v..

6. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng

Đi đôi với việc củng cố chi bộ phải đẩy mạnh công tác phát triển đảng. Về phương hướng phát triển đảng vẫn phải tập trung chuyển mạnh vào phát triển ở cơ sở trắng chưa có đảng viên và những nơi mật độ đảng viên còn thấp. Phải rất coi trọng vùng cao, vùng xung yếu, các hợp tác xã và các đội sản xuất. Hiện nay còn 249 thôn trắng: Về đơn vị hợp tác xã thì còn 183 hợp tác xã, chưa có đảng viên, và còn rất nhiều đội sản xuất chưa có đảng viên. Mức phấn đấu đến năm 1967 là phải căn bản xóa xong thôn trắng (đối với những thôn có từ 10 hộ trở lên). Tất cả các hợp tác xã phải có đảng viên. Tuyệt đại bộ phận các đội sản xuất phải có đảng viên lãnh đạo.

Các hợp tác xã nông nghiệp nào tỷ lệ đảng viên còn chiếm dưới 10% so với số xã viên thì phải coi trọng đẩy mạnh công tác phát triển đảng, ở những nơi khác vẫn tiến hành phát triển thường xuyên. Hiện nay các hợp tác xã nào đã có đảng viên thì phải tiến tới lập được tổ đảng và có tổ đảng rồi thì phải lập được chi bộ. Mức phấn đấu tới năm 1967 là đại bộ phận các xã vùng thấp và một phần ba các xã vùng giữa, vùng cao thành lập được Đảng ủy xã. Do đó, đi đôi với đẩy mạnh phát triển đảng phải chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cốt cán ở xã tốt.

Đối với các thị xã, thị trấn phải tích cực phát triển đảng ở các hợp tác xã tiểu thủ công. Các hợp tác xã này phấn đấu tiến tới thành lập được chi bộ. Trừ những hợp tác xã mới thành lập hoặc điều kiện phát triển đảng có khó khăn thì cũng phải có đảng viên lãnh đạo.

Cần coi trọng hơn nữa việc phát triển đảng vào thanh niên và phụ nữ, nhất là thanh niên. Tỷ lệ phát triển vào thanh niên phải ít

nhất từ 70% trở lên so với số đảng viên mới phát triển, phụ nữ phải từ 30% trở lên.

Về phương hướng giai cấp phải hướng phát triển vào nông dân tập thể, những xã viên ưu tú, bản thân hoặc gia đình trước đây thuộc thành phần bần, cố nông hoặc trung nông dưới. Trong công tác phát triển đảng phải quán triệt đầy đủ cả hai mặt phát triển đi đôi với củng cố, phát triển tối đa củng cố tối đó. Phải nắm vững yêu cầu về chất lượng. Phải trên cơ sở đảm bảo chất lượng là chính mà tiến hành công tác phát triển đảng. Phải tiến hành có kế hoạch, có giáo dục giác ngộ tốt, có thẩm tra kỹ càng. Tuyệt đối không nên vì tăng thêm số lượng đảng viên mà coi nhẹ yêu cầu về chất lượng. Chống tư tưởng ngồi chờ ăn sẵn, không chịu gian khổ, công phu tạo điều kiện để phát triển đảng ở những nơi khó khăn. Đồng thời cũng chống tư tưởng bảo thủ, dụt dè, tư tưởng sợ trách nhiệm ngồi bó tay trước khó khăn. Muốn đầy mạnh công tác phát triển đảng, làm cho công tác phát triển đảng được chắc chắn phải làm tốt công tác quản lý, giáo dục đội ngũ, đổi tượng những phần tử tích cực của Đảng - phải làm đúng thủ tục và kế hoạch đã hướng dẫn trước đây. Chống lối làm tùy tiện, thiếu kế hoạch. Các cấp ủy, các chi bộ phải tiếp tục tổ chức học tập nghiên cứu để quán triệt tinh thần Chỉ thị số 121 ngày 7-4-1966 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác phát triển đảng để chấp hành cho tốt.

7. Tăng cường và cải tiến sự lãnh đạo của các huyện, thị đối với công tác củng cố, xây dựng cơ sở đảng

Các huyện, thị cần tăng cường lãnh đạo chặt chẽ, cuộc vận động hơn nữa, phải phát huy trách nhiệm tập thể của cấp ủy đối với công tác củng cố xây dựng Đảng. Phải gắn chặt công tác củng cố xây dựng Đảng với công tác trọng tâm của địa phương, tuyệt đối không được tách rời. Phải thông qua việc phấn đấu thực hiện công tác trọng tâm làm nội dung củng cố xây dựng Đảng. Phải kết hợp chặt chẽ công tác củng cố xây dựng Đảng trong các bước của cuộc

vận động cải tiến quản lý hợp tác xã. Muốn thực hiện tốt phương châm cán bộ trên về giúp, chi bộ lãnh đạo cuộc vận động thì phải coi trọng công tác củng cố chi bộ để chi bộ có đủ khả năng lãnh đạo cuộc vận động đạt kết quả.

Sự lãnh đạo của huyện, thị ủy phải rõ ràng, dứt khoát, kiên quyết, khẩn trương, dân chủ, cụ thể, nắm chắc tình hình kịp thời chỉ ra những khuyết điểm của cơ sở để khắc phục.

Phải thực hiện tốt phương pháp lãnh đạo "chia ba loại, nắm hai đầu đầy toàn diện", các huyện, thị phải nắm cho vững cho sát các điển hình tốt, các điển hình tiên tiến và những cơ sở thuộc loại khá cũng như phải nắm được cụ thể những điển hình kém, xấu và những cơ sở thuộc loại chậm tiến. Đối với loại khá phải tổng kết rút ra kinh nghiệm, phổ biến kinh nghiệm, động viên phong trào chung, nhân một điển hình tốt thành nhiều điển hình tốt khác. Đưa những thành tích xuất sắc ở một nơi thành những thành tích phổ biến ở nơi nào cũng có, nơi nào cũng làm được. Đối với những cơ sở thuộc loại kém thì lại càng phải nắm cho cụ thể tình hình từng nơi, nghiên cứu phân tích ra nguyên nhân rồi có kế hoạch củng cố, đưa bằng được phong trào lên.

- Cần phải thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị số 30 của Tỉnh ủy, mỗi đồng chí huyện, thị ủy viên ngoài việc phụ trách một ngành, một khối ra phải phụ trách, giúp đỡ một chi bộ và phải làm cho chi bộ đó phấn đấu trở thành bốn tốt. Đồng thời, mỗi đồng chí cấp ủy sinh hoạt ở chi bộ nào phải có trách nhiệm làm cho chi bộ đó trở thành bốn tốt. Có thực hiện được như vậy thì tự mỗi đồng chí mới có thực tế của bản thân để góp phần cùng cấp ủy đẩy mạnh phong trào chung. Vấn đề này phải coi là một nghĩa vụ, một trách nhiệm của mỗi người lãnh đạo, coi đó là tiêu chuẩn của một cấp ủy Đảng. Trong các kỳ sinh hoạt của cấp ủy và nhất là các kỳ kiểm điểm thường kỳ phải kiểm điểm vấn đề này để thấy rõ được hoàn thành trách nhiệm của mỗi người.

- Phải tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn các cơ sở, nắm tình hình được nhanh, bổ khuyết được kịp thời. Đi đôi với việc chỉ đạo tốt điển hình, cần làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, cần chú ý tổ chức việc tham quan học tập tại chỗ. Từng thời gian nhất định hoặc từng vụ sản xuất huyện, thị ủy phải đặt kế hoạch tập trung chỉ đạo, giúp đỡ đẩy lên bằng được các chi bộ kém. Củng cố tốt nơi này rồi lại có kế hoạch tiếp tục giải quyết nơi khác, và từ đó có kinh nghiệm cứ lần lượt giải quyết bằng hết các chi bộ kém, chi bộ yếu. Huyện, thị ủy còn phải chú ý giúp các chi bộ có kế hoạch giải quyết tổ Đảng kém, đảng viên kém.

- Khi sơ kết, tổng kết các cuộc vận động lớn, cũng như sơ kết, tổng kết các công tác sản xuất và chiến đấu khác phải đồng thời gắn theo đó việc sơ kết, tổng kết công tác xây dựng Đảng, gắn chặt công tác xây dựng Đảng với thực tế trong đấu tranh sản xuất và chiến đấu.

- Phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở bốn tốt với cuộc vận động xây dựng huyệ, thị ủy bốn tốt. Lấy việc củng cố tốt cơ sở để kiện toàn và tăng cường huyệ, thị đồng thời ra sức xây dựng huyệ, thị bốn tốt để tác động thúc đẩy cơ sở tiến mạnh hơn.

- Tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng công tác của Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Kiểm tra của huyệ, thị. Các Ban này phải nỗ lực phấn đấu để làm tốt chức trách của mình trong việc giúp cấp ủy chỉ đạo phong trào. Ban Tổ chức và Ban Kiểm tra Tỉnh ủy cần có kế hoạch tiến hành tổ chức các lớp huấn luyện, bồi dưỡng về nghiệp vụ cho cán bộ tổ chức, kiểm tra của các huyệ, thị. Các huyệ, thị ủy sẽ mở lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ cho đồng chí làm công tác tổ chức ở cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY¹

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

1. Bản gốc không ai ký - BT.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 14-TB/TU, ngày 5-9-1966

**Về kết quả công tác chuẩn bị xây dựng xã
chiến đấu thí điểm và những công tác lớn phải làm tiếp
từ nay tới hết tháng 12 năm 1966**

Chấp hành chỉ thị của Trung ương, Quân ủy Trung ương, Nghị quyết của Ban Chấp hành và Chỉ thị số 98 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác xây dựng làng xã chiến đấu ở tỉnh ta đang được tiến hành thí điểm ở Mường Hum và đến nay đã căn bản hoàn thành bước chuẩn bị.

Ngày 24-25 tháng 8 năm 1966, Ban Thường vụ đã triệu tập Hội nghị tại Mường Hum để nghiên cứu tình hình tại chỗ, sơ kết bước chuẩn bị, đồng thời quyết định triển khai thực hiện toàn diện kế hoạch xây dựng xã chiến đấu thí điểm và những công tác lớn từ nay đến hết năm 1966 phải hoàn thành để thực hiện kế hoạch đó.

Theo thành phần triệu tập tại Thông tri số 149-TT/TU, ngày 17-8-1966 thì thủ trưởng, thủ phó hoặc cán bộ của các ngành sau đây đã đến dự họp: Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Kiểm tra, Tuyên giáo, Tổ chức, Công nghiệp, Ủy ban hành chính tỉnh, các Ty Công an, Công an vũ trang, Tỉnh đội, Kiến trúc, Y tế, Thương nghiệp, Bưu điện, Giao thông, Tỉnh đoàn thanh niên, Thủy lợi, Giáo dục, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Trường Đảng, Tỉnh Hội Phụ nữ... còn một số cơ quan được triệu tập nhưng không đến họp mà không báo

cáo như: Ban Nông nghiệp, Ban Tài chính - thương nghiệp, Ty Công nghiệp, Ty Văn hóa và báo *Lào Cai đổi mới*. Đại biểu huyện ủy và các ngành xung quanh Huyện ủy Bát Xát đều đến dự Hội nghị đầy đủ. Ban chi ủy xã Mường Hum xã có vinh dự được lấy là xã chiến đấu thí điểm của tỉnh cũng có mặt tham dự Hội nghị. Hội nghị tiến hành dưới sự chủ tọa trực tiếp của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

Sau khi nghe các bản báo cáo của xã, của huyện và của Tỉnh đội, các đại biểu đã trực tiếp đi xem địa hình và tình hình của xã Mường Hum. Hội nghị đã tham góp nhiều ý kiến cụ thể vào kế hoạch của xã, của huyện và của Tỉnh đội, đồng thời các ngành ở tỉnh đã có kế hoạch để trực tiếp giúp đỡ xã Mường Hum xây dựng thành công xã chiến đấu thí điểm của tỉnh.

Hội nghị thống nhất nhận thức rằng: Trong tình hình hiện nay, dưới ánh sáng của Nghị quyết 11, 12 của Trung ương Đảng, việc xây dựng làng, xã chiến đấu là rất cần thiết và quan trọng, nó thể hiện tinh thần cảnh giác cách mạng cao và tinh thần chủ động chiến lược của Đảng ta trong lãnh đạo chiến tranh; thể hiện quyết tâm sắt đá của nhân dân các dân tộc ta thực hiện lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ tịch quyết tâm đánh bại giặc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào của chiến tranh để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Hội nghị cũng hoàn toàn nhất trí với Chỉ thị số 98 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về mục đích ý nghĩa, nội dung yêu cầu và phương châm tiến hành xây dựng làng, xã chiến đấu ở tỉnh ta. Nội dung xây dựng làng, xã chiến đấu phải toàn diện bao gồm các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự, trong đó lấy việc xây dựng về chính trị (chủ yếu là xây dựng chi bộ Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng), là yêu cầu và tư tưởng nội dung chủ yếu nhất có tác dụng quyết định thắng lợi. Việc xây dựng làng xã chiến đấu phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa và củng cố căn cứ địa trong tình hình mới, đáp ứng yêu cầu chống chiến tranh phá hoại

của địch ở bất kỳ mức độ nào hiện nay, đồng thời chuẩn bị đối phó với tình huống khi chiến tranh mở rộng và phù hợp với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội lâu dài ở nông thôn miền núi khi chiến tranh kết thúc.

Hội nghị nhất trí với bản kế hoạch xây dựng xã chiến đấu do Chi bộ xã Mường Hum đề ra và có bổ sung thêm nhiều vấn đề cụ thể. Hội nghị cho rằng: Trên cơ sở kế hoạch toàn diện, phải có trọng tâm, cụ thể hơn nữa, có mức độ thời gian chung để hoàn thành khẩn trương, từng thời gian ngắn phải đạt những kết quả cụ thể rõ rệt. Xây dựng xã chiến đấu là vấn đề mới cấp ủy cần đi sâu nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và mạnh dạn tiến hành, phải vừa tích cực làm vừa rút kinh nghiệm.

Hội nghị nhất trí thực hiện chỉ thị của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thay mặt Ban Thường vụ trong buổi tổng kết hội nghị về những công tác lớn từ nay tới hết năm 1966 phải hoàn thành để đẩy mạnh một bước nhiệm vụ xây dựng xã chiến đấu. Những công tác đó là:

VỀ CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ

1. Phải củng cố chi bộ, đẩy mạnh phán đấu đạt chi bộ bốn tốt. Hoàn thành giáo dục cơ bản cho đảng viên. Làm cho mọi gia đình, mọi người dân xã Mường Hum quán triệt tình hình, nhiệm vụ, hiểu sâu sắc mục đích yêu cầu xây dựng xã chiến đấu. Mọi người, mọi tầng lớp đều có nhận thức mới, tư tưởng mới chuyển biến rõ rệt, tiến bộ rõ rệt, đoàn kết chặt chẽ nhất trí cao để thể hiện quyết tâm vượt khó khăn, thực hiện bằng được kế hoạch xây dựng xã chiến đấu do chi bộ Đảng đề ra.

2. Hoàn thành điều tra cơ bản về chính trị và kinh tế. Năm thật chắc tình hình chính trị và kinh tế để phục vụ xây dựng xã chiến đấu.

- Đẩy mạnh sản xuất, thực hiện kế hoạch 1966.

3. Đến hết năm 1966 cùng lăm là đến tết âm lịch đầu năm 1967 phải hoàn thành xong con đường Bát Xát - Mường Hum. Đây là việc cấp bách của quốc phòng và kinh tế. Ty Giao thông và Huyện ủy Bát Xát cần tập trung và sắp xếp lực lượng, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, kế hoạch để kiên quyết hoàn thành.

4. Hoàn thành quy hoạch khu trung tâm Mường Hum, thực hiện phân tán chống chiến tranh phá hoại, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã chiến đấu và phù hợp với phương hướng tiến lên sau này. Cụ thể là trụ sở khu vực, kho lương thực, bệnh xá... cần phân tán theo quy hoạch phân tán phòng không. Mở rộng cửa hàng ăn uống để phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân. Nghiên cứu xây dựng một số cơ sở thủ công nghiệp để có thể sản xuất và sửa chữa nông cụ thường, đồ dùng gia đình và chế biến thực phẩm tại chỗ để phục vụ nhân dân tam xã trong khu vực.

- Có kế hoạch kiên quyết bảo vệ rừng, chống đốt cháy rừng ảnh hưởng đến kinh tế và quân sự.

VỀ QUÂN SỰ

- Hoàn thành phương án tác chiến của xã càng sớm càng tốt để huấn luyện cho dân quân du kích và nhân dân trong xã. Phương án cần quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân, tư tưởng chiến lược chiến thuật của chiến tranh nhân dân, cần dựa trên cơ sở một chiến thuật hợp lý, vận dụng hình thức chiến đấu sáng tạo, phong phú, thiết thực và phù hợp với thực tiễn. Đảng ủy Tỉnh đội cần thảo luận kỹ để xây dựng phương án chiến đấu hợp lý, chính xác đặng tiến hành huấn luyện cho nhân dân du kích và nhân dân xã.

- Hoàn thành kế hoạch xây dựng, củng cố dân quân du kích xã. Dân quân du kích và thanh niên phải phát động được phong trào rèn luyện thể dục thể thao quốc phòng sôi nổi.

- Xây dựng các công trình phòng thủ cần tính toán chặt chẽ cái gì thật cần thiết và cấp bách phục vụ chiến đấu trước mắt thì tích

cực làm. Cái gì phục vụ cho chiến đấu lâu dài thì kết hợp với xây dựng kinh tế để làm, tránh lãng phí sức người sức của của nhân dân.

Những nhiệm vụ trên đây của cấp ủy, chính quyền xã Mường Hum cần quán triệt và kiên quyết thực hiện thắng lợi. Huyện ủy và khu vực có trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp. Sự chỉ đạo ấy phải sát, phải cụ thể, khẩn trương và kiên quyết, liên tục và kịp thời. Các ngành ở tỉnh đã bàn bạc nhất trí tại hội nghị, cần đề cao tinh thần trách nhiệm đến cùng của ngành mình giúp đỡ huyện và xã xây dựng thành công xã chiến đấu thí điểm của tỉnh.

Theo Chỉ thị số 98 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, năm 1967 sẽ mở rộng xây dựng làng, xã chiến đấu trong toàn tỉnh và phải hoàn thành đối với tất cả các xã thuộc những vùng trọng điểm. Việc này không thể làm kéo quá dài. Vì vậy, các Huyện ủy Mường Khuông, Sa Pa, Bảo Thắng, Bắc Hà cần nghiên cứu Chỉ thị số 98 của Ban Thường vụ, xác định những xã trong diện xây dựng của năm 1967, đạt kế hoạch nǎm tình hình, chủ động chuẩn bị để năm 1967 có thể tiến hành sớm, đáp ứng yêu cầu khẩn trương của tình hình hiện nay.

Thông báo này thay cho chỉ thị bổ sung về xây dựng xã chiến đấu. Các ngành các cấp nghiên cứu để tích cực thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**
Số 68-BC/TU, ngày 5-9-1966
Về công tác tháng 8 năm 1966

Học tập sâu rộng, quán triệt và hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, các cấp các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh có chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng có quyết tâm mới trong hành động với khí thế thi đua sôi nổi đẩy mạnh các mặt công tác đã thu nhiều thành tích đáng kể.

I. CÔNG TÁC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Công tác sản xuất nông nghiệp trong tháng 8 chủ yếu là tập trung vào việc hoàn thành gieo cấy vụ mùa. Đến nay việc gieo trồng cẩn bản đã kết thúc. Kết quả tính đến ngày 31-8-1966:

Lúa mùa 7.034 ha, đạt 85,8%.

Lúa nương 3.408 ha, đạt 138,7%.

(Lúa cả năm: 12.801 ha, đạt 97%).

Ngô hè 440 ha, đạt 15,6% (ngô cả năm 11.755 ha, đạt 92,5%, đậu tương hè 2.578 ha (...) 110,4%), khoai lang 112 ha, đạt 47% (khoai lang cả năm 615 ha, đạt 61,6%). Các chỉ tiêu chủ yếu trừ đậu tương cơ bản vượt còn các chỉ tiêu khác chưa đạt kế hoạch nhưng lúa cả năm có triển vọng đạt (vì hiện nay số liệu chưa nắm được đầy đủ), ngô cả năm xấp xỉ đạt, riêng khoai lang đạt thấp tuy còn thời vụ trồng trọt nhưng khó có khả năng đạt kế hoạch.

Vụ mùa năm nay về mặt thời vụ được đảm bảo, riêng một số diện tích lúa của Bảo Thắng cấy chậm nhưng cũng xong trước 31-8. Việc châm bón có tiến bộ, phân bón đạt bình quân 4 tấn ha tuy vẫn còn ít diện tích cấy chay, hầu hết diện tích đã qua làm cỏ đợt 1 và đang tiến hành làm đợt 2, hoa màu phát triển tốt. Riêng khu vực Bản Lầu xuất hiện bệnh vàng lúa trên 5.684 cân giống tập trung ở ba xã Lùng Vai, Bản Lầu và Bản Sen trong đó 2.005 cân giống bị nghiêm trọng trừ một số chỗ bị nặng quá phải nhổ bỏ, số còn lại đang được cứu chữa và bước đầu có kết quả tốt. Cuối tháng trời mưa nhiều, lũ lớn, ngập lúa trên một diện tích khá lớn và gây một số thiệt hại về người và của chủ yếu đối với huyện Bảo Thắng.

Lúa bị ngập và bị xói lở khoảng 14.000 cân giống trong đó bị mất hẳn trên 3.000 cân giống, mía mất 100.000 cây, chuối 20.000 gốc, rau màu 135 sào chủ yếu là rau xanh. Nhà bị ngập 360, bị trôi 48 hầu hết là lán sơ tán (ở ven dọc suối Phố Lu) trong đó một số cơ quan huyện Bảo Thắng (y tế, lâm sản lương thực, ngân hàng tư liệu sản xuất) người chết 4, 3 bị trôi (Bảo Thắng), 1 bị điện giật (Lào Cai), lương thực bị ướt 30 tấn gạo, 10 tấn thóc, y tế mất tất cả thuốc men dụng cụ của phòng y tế huyện, lâm trường, ngân hàng mất sổ sách, giấy tờ, v.v.. Các đồng chí bạn cũng bị trôi mất vài chiếc lán, 90 phi dầu một xe mô tô và y cụ thuốc men của một bệnh xá. Thiệt hại về nhà cửa, chăn màn quần áo, thóc, gạo, đồ đạc dụng cụ, tiền nong, v.v. của Nhà nước và nhân dân ước tính trên 50 vạn đồng. Nguyên nhân có sự thiệt hại trên do:

Tư tưởng chủ quan thiếu đề phòng lũ lụt nên khi lũ đột xuất các cơ quan và nhân dân sơ tán ở ven sông, suối nói trên chạy không kịp. Trong công tác phòng, chống lũ lụt sự kiểm tra đôn đốc bên dưới thực hiện thiếu sát sao, việc nắm tình hình lũ lụt thiếu nhẹ bén, giải quyết vấn đề khi lũ lụt xảy ra thiếu kịp thời.

Vấn đề cấp thiết đề ra là phải kiểm tra cụ thể tình hình thiệt hại của lũ lụt vừa qua có biện pháp tốt ổn định tư tưởng giải

quyết vấn đề ăn ở cho các gia đình bị nạn và bị thiệt hại do lũ lụt gây nên. Đồng thời đẩy mạnh việc củng cố sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi đảm bảo việc đi lại thông suốt, thực hiện phòng, chống lũ lụt đi đôi với phòng, chống hạn. Chuyển mạnh giống rau xanh vụ thu đông, tích cực phát triển rau màu cho các diện tích bị mất vì lũ lụt, kiên quyết đảm bảo chỉ tiêu rau xanh cung cấp cho bạn.

II. CÔNG TÁC SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Trên cơ sở học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, các ngành công nghiệp Trung ương và công nghiệp địa phương đều phát động phong trào thi đua quyết chiến quyết thắng trên mặt trận sản xuất chống Mỹ, cứu nước. Do đó, sản xuất được đẩy mạnh và có tiến bộ, việc bố trí sản xuất hợp lý hơn, năng suất lao động tăng hơn trước.

1. Công nghiệp Trung ương

Nhà máy điện giá trị tổng sản lượng ước đạt 92,65% kế hoạch tháng, điện sản xuất 93%, năng suất lao động 94,8%. Giá trị tổng sản lượng, sản phẩm chủ yếu cũng như năng suất lao động đều tăng từ 1 đến 2% so với tháng trước. Song, giá thành còn cao với tỷ lệ tăng hơn tháng trước là 4,47%. Nguyên nhân không đạt kế hoạch và giá thành lên cao do tháng qua sử dụng nhiều hơn trước và điện sản xuất vẫn không tiêu dùng hết.

Mỏ apatít giá trị tổng sản lượng ước tính đạt 105% năng suất lao động 104% quặng sản xuất cơ khí 190%, quặng sản xuất thủ công 100%. Riêng kế hoạch kiến thiết cơ bản làm đường chuẩn bị cho khai thác là nhiệm vụ chủ yếu hiện nay của Mỏ thì không đạt, mới đạt 64% kế hoạch đất đá.

Đoàn địa chất 5 mới đạt 78%, Đoàn địa chất 24 đạt 74% kế hoạch.

Nguyên nhân mỏ không hoàn thành kế hoạch xây dựng cơ bản và các đoàn địa chất không hoàn thành kế hoạch chủ yếu do nguyên vật liệu, máy móc và phụ tùng thay thế thiếu, nhân lực không đủ, trời mưa nhiều các đơn vị sản xuất ngoài trời phải nghỉ một số ngày đã ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch.

2. Công nghiệp địa phương

Các cơ sở sản xuất thuộc Ty Công nghiệp ước đạt 96,5% kế hoạch giá trị tổng sản lượng trong đó nhóm A 93,4%, nhóm B 109,8% đã phục vụ tốt cho công nghiệp kiến thiết cơ bản và dân sinh đạt từ 100% đến 109,9%, riêng phục vụ nông nghiệp và giao thông, thủy lợi không đạt mới đạt từ 82 đến 86% kế hoạch. Đặc biệt, trong tháng 8 các cơ sở đã cố gắng khắc phục được nhiều khó khăn về nguyên vật liệu và nhân lực như xưởng mộc xẻ, máy cưa bị hỏng phải ngừng sản xuất 12 ngày nhưng cán bộ và công nhân nêu quyết tâm vượt bậc hoàn thành kế hoạch lấy thành tích chào mừng 2 - 9, kết quả đã đạt 101,9% kế hoạch tháng trong 19 ngày lao động. Do sắp xếp bố trí sản xuất hợp lý và đẩy mạnh tăng năng suất của xưởng dolomit, thủy điện Sa Pa, Nhà máy đường đều hoàn thành 100% kế hoạch, so với tháng trước tăng từ 15 đến 20%.

Tuy nhiên, vấn đề thiếu nguyên vật liệu sắt thép vẫn là khó khăn lớn của ngành công nghiệp địa phương.

III. CÔNG TÁC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Xây dựng cơ bản các tuyến đường ước đạt 75% kế hoạch tháng. Nguyên nhân không đạt kế hoạch do trời mưa nhiều, nhân lực thiếu, cán bộ kỹ thuật trước yêu cầu của xây dựng đòi hỏi nhiều nhưng cán bộ ít, kỹ thuật lại non yếu, thiết kế chậm ảnh hưởng đến tốc độ thi công, thiết bị dụng cụ (búa tạ, chòong, cuốc, xà beng, v.v.) thiếu nghiêm trọng.

Quốc doanh vận tải ôtô cũng mới đạt 74% kế hoạch vận chuyển người và hàng. Nguyên nhân chủ yếu do phải nghỉ nhiều vì mưa lũ, đường hỏng, xe chỉ chạy bình quân 18 ngày trong tháng với bình quân 1 xe chở 18 cây số đường 1 ngày.

Các phương tiện vận tải thô sơ như xe trâu, xe ngựa, xe đạp thồ, thuyền được chú ý đẩy mạnh hoạt động nên mặc dầu mưa lũ đã đạt 80% kế hoạch.

Những tồn tại lớn trong công tác giao thông vận tải: Phong trào cải tiến công cụ và sử dụng công cụ cải tiến tăng năng suất lao động còn yếu, chưa được phát động rộng rãi trên các công trường, một số công trường chưa nghiêm túc quán triệt phương châm xây dựng làm theo kiểu cuốn chiếu làm đến đâu gọn chắc và sử dụng được đến đấy, kỹ thuật mặt đường, bạt mái, rãnh qua đường, xếp cống đá, v.v. chưa đảm bảo, chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa chuyên môn với ý kiến xây dựng của quần chúng, những phương tiện sản xuất cần thiết như búa tạ, xà beng, v.v. chưa được chú ý chuẩn bị tốt và cung cấp kịp thời cho công trường.

IV. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - THƯƠNG NGHIỆP

Công tác tài chính - thương nghiệp tháng qua tập trung cho việc đẩy mạnh ba thu vụ chiêm và thu mua nông sản thực phẩm. Phong trào "Mở hội thu mua" lương thực thực phẩm chống Mỹ, cứu nước được phát động, nhiều địa phương đã tiến hành đạt kết quả tốt. Tính đến 20-8 đã hoàn thành vượt mức huy động lương thực (thóc) vụ chiêm với tỷ lệ đạt 106,8% kế hoạch trong đó thuế đạt 99,09%, nghĩa vụ 153,74%, khuyến khích 83,33%, ba đơn vị đã hoàn thành vượt mức kế hoạch là Sa Pa 168,1%, Bắc Hà 140,4%, Cam Đường 194%. Riêng chỉ tiêu khuyến khích trừ hai huyện vượt kế hoạch là Bắc Hà là 165,8%, Sa Pa 168,1% các huyện khác tỷ lệ còn thấp, Bát Xát mới đạt 38,4%, Mường Khương 45,3%, Bảo Thắng 53,6%.

Thu mua nông sản thực phẩm tổng giá trị thu mua trong tháng đạt 23% so với kế hoạch quý III và tăng 20% so với tháng trước. Đặc biệt, công tác thu mua lợn được đẩy mạnh đạt 50 tấn bằng 50% kế hoạch quý. Riêng rau xanh đạt thấp mới đạt 70 tấn thấp hơn cả tháng 7. Thu mua nông sản chủ yếu là đậu tương đạt 17 tấn, chè 3,5 tấn còn các loại bông, lạc, vừng, v.v. đạt rất thấp.

Nhập khẩu: Đã nhập mạnh xăng dầu và nhập các loại hạt giống cho các ngành nông nghiệp và cung cấp vật tư được kịp thời.

Về bán ra đạt 24,5% kế hoạch quý, kế hoạch đạt thấp do khâu thực phẩm chưa được giải quyết tốt và hàng đưa ở xuôi lên do đường giao thông vận chuyển khó khăn có ảnh hưởng đến tốc độ bán ra.

Những tồn tại cần ra sức khắc phục:

Thu mua lợn, gà tăng, tồn kho cuối tháng nhất là lợn nhiều (1.000 con) nhưng lương thực cho ăn không có, lại nhốt dồn vào các chuồng trại chật hẹp nên sinh bệnh tật và gây yếu. Cần có kế hoạch kết hợp chặt chẽ và hợp lý giữa thu mua với phân phối và chăm sóc tốt đảm bảo trọng lượng thịt. Thu mua hàng xuất khẩu ở địa phương còn đạt thấp. Phương thức bán ra chưa được cải tiến, chưa có biện pháp tốt trong khâu phân phối.

V. CÔNG TÁC TRI AN, PHÒNG KHÔNG VÀ XÂY DỰNG LỰC LUỢNG

1. Phòng không: Trong tháng có 46 lần tốp máy bay địch xâm nhập không phận Lào Cai, chủ yếu vẫn là trinh sát mục tiêu. Khu vực bị uy hiếp nhiều nhất là dọc đường sắt huyện Bảo Thắng, huyện Sa Pa và thị xã Cam Đường. Các đội thường trực chiến đấu của dân quân tự vệ được tổ chức thêm trên các tuyến đường chiến lược. Công tác đào hầm hố vẫn được tiếp tục đẩy mạnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có chỉ thị và luôn nhắc nhở

các cấp lãnh đạo chặt chẽ triệt để và khẩn trương việc phòng không sờ tán sẵn sàng chiến đấu và đào hầm tốt nhằm đối phó với thủ đoạn thả bom bi và các loại bom gây diện sát thương tương đối lớn của địch.

Tuy nhiên, hiện tượng chủ quan vẫn còn nhiều. Các khu vực trọng điểm chưa thật triệt để sơ phân tán. Việc đào hầm hố và nhất là sửa chữa hầm hố qua trận mưa lũ vừa rồi chưa được thực hiện tốt. Các cửa hàng lương thực, thương nghiệp, hàng ăn vẫn tập trung đông người và thiếu hầm trú ẩn.

2. Phòng thủ trị an: Tỉnh đã triệu tập hội nghị tại chỗ sơ kết công tác chuẩn bị và bàn kế hoạch đẩy mạnh xây dựng xã chiến đấu miền núi thí điểm Mường Hum, đã quyết định từ giờ đến cuối năm phải hoàn thành công tác giáo dục đảng viên, quần chúng, điều tra cơ bản về chính trị và kinh tế, quy hoạch khu trung tâm Mường Hum phù hợp với tình hình sơ tán phòng không và xây dựng xã chiến đấu, hoàn thành huấn luyện dân quân tự vệ, phương án tác chiến và tổ chức sắp xếp lực lượng đảm bảo hoàn thành đường giao thông Bát Xát từ Mường Hum thông xe với thời hạn chậm nhất vào Tết âm lịch.

Tình hình trị an nói chung vẫn tiến triển tốt, không xảy ra vấn đề gì lớn lẻ tẻ ở các địa phương một số phần tử xấu vẫn phản tuyên truyền nhất là về nghĩa vụ quân sự, việc trấn áp địch được chú ý tiến hành song còn có trường hợp chưa kịp thời hoặc chưa thật kiên quyết triệt để. Huyện ủy Bát Xát cùng Viện Kiểm soát tỉnh đã hoàn thành tốt đợt kiểm tra xã Bản Qua.

3. Xây dựng lực lượng, đợt tuyển binh đang được tiến hành đã khám sức khỏe và xét duyệt chính trị xong. Đang chuẩn bị việc giao quân. Số bỏ ngũ các đợt trước trốn về tất cả có (...) người, các địa phương đã động viên trở lại quân đội đến nay được 61 người.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã họp bầu lại chánh án và thẩm phán Toà án nhân dân tỉnh.

VI. CÔNG TÁC ĐẢNG

Thí điểm xây dựng huyện ủy bốn tốt, Huyện ủy Bắc Hà đã tiến hành bước 1 học tập Nghị quyết số 136 của Trung ương Đảng về xây dựng huyện ủy bốn tốt, làm kiểm điểm chung và kiểm điểm cá nhân, đã đăng ký có chương trình hành động tập thể và từng đồng chí trong Ban Chấp hành Huyện ủy.

Tỉnh đã hoàn thành việc chuẩn bị nội dung và đề án tổng kết chi bộ bốn tốt, và tích cực hoàn thành việc chuẩn bị nội dung hội nghị sơ kết công tác bảo vệ Đảng.

Đã tổ chức hội nghị sơ kết công tác kiểm tra 6 tháng đầu năm và phổ biến phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra 2 năm của Trung ương và nghị quyết kiểm tra của tỉnh.

Đã triển khai rộng khắp đợt học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch xuống cơ sở và phổ biến tinh thần nhiệm vụ mới cho các huyện thị và các ngành kết quả đã gây một chuyển biến trong công tác, lao động và học tập đã đẩy mạnh phong trào sản xuất làm ba thu và sẵn sàng chiến đấu.

VII. NHẬN XÉT CHUNG

Tháng 8 trên cơ sở học tập sâu rộng quán triệt lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong toàn Đảng, toàn dân, đã phát động được phong trào quần chúng mạnh mẽ từ cơ quan, nhà máy đến công trường xí nghiệp từ thành thị đến nông thôn, với khí thế thi đua sôi nổi liên tục trên mọi lĩnh vực công tác, đặc biệt đã đẩy mạnh công tác sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, ba thu vụ chiêm và vụ thu mua thực phẩm nhất là mua lợn. Về mặt Đảng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng làm chuyển biến tốt nhận thức tư tưởng và quyết tâm hành động của cán bộ, đảng viên qua đợt học tập lời kêu gọi của Bác: Công tác tổ chức đã đi sâu vào vấn đề chi bộ, đảng bộ bốn tốt và công tác bảo vệ Đảng. Tuy nhiên cũng còn những khó khăn tồn tại như:

Thời gian cuối tháng, trận mưa lũ lớn đột xuất đã gây thiệt hại khá nhiều về người và của đối với một số địa phương đồng thời có ảnh hưởng làm trở ngại không ít đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và giao thông vận tải. Trong nông nghiệp còn có khó khăn về mặt quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật. Trong công nghiệp khó khăn về chỉ đạo thực hiện cụ thể về vấn đề cán bộ, vấn đề nội bộ, và khó khăn về vật tư. Trong giao thông vận tải chưa chú ý đúng mức phát triển giao thông nông thôn, kỹ thuật làm đường và cải tiến công cụ sản xuất, khâu phân phối còn yếu về mặt tổ chức, cụ thể là việc tổ chức, chỉ đạo phân phối.

VIII. NHỮNG CÔNG TÁC LỚN TRONG THÁNG 9 NĂM 1966

Đẩy mạnh việc chăm bón và phòng trừ sâu bệnh trong trồng trọt vụ mùa. Chuẩn bị thu hoạch lúa mùa ở vùng cao.

Đẩy mạnh sản xuất nông cụ và công cụ sản xuất phục vụ thu hoạch vụ mùa. Tập trung hoàn thành việc xây dựng thí điểm cơ khí nhỏ và chuẩn bị mở rộng diện xây dựng cơ khí nhỏ ở các địa phương trong tỉnh.

Chuẩn bị kế hoạch ba thu vụ mùa tiếp tục đẩy mạnh thu mua nông sản thực phẩm, đặc biệt chú ý khâu thu mua lớn có sự bố trí kế hoạch phù hợp giữa thu mua và phân phối, chuồng trại đảm bảo thu mua tốt và lợi qua tay thương nghiệp vẫn béo tốt.

Đẩy mạnh xây dựng các Đội thủy lợi, Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước, đảm bảo đưa lên công trường trong lúc sản xuất chưa khẩn trương lắm.

Tiếp tục thực hiện triệt để sơ tán ở các khu vực trọng điểm đẩy mạnh công tác phòng không đào hầm hố chống bom bi kẽ cỏ ở nông thôn, hoàn thành tốt đợt tuyển quân và giao quân đồng thời chuẩn bị đợt mới.

Mở hội nghị tổng kết chi bộ bốn tốt nông thôn và công trường xí nghiệp. Tích cực chuẩn bị hội nghị sơ kết công tác bảo vệ Đảng.

Triển khai việc học tập bảo vệ Đảng ở hai đảng bộ công nghiệp địa phương và Mỏ apatít.

Triển khai đợt sinh hoạt chính trị tháng 9 học tập tình hình nhiệm vụ mới. Sơ kết học tập Nghị quyết 12. Tổ chức lớp thí điểm giáo dục đảng viên mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ
TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

TỔNG KẾT

HỘI NGHỊ CHI BỘ BỐN TỐT KHỐI NÔNG THÔN

(do đồng chí Việt Tiến, Thường vụ Tỉnh ủy trình bày

ngày 10-9-1966)

Thưa các đồng chí!

Cả nước ta đang ở giai đoạn đấu tranh quyết liệt kháng chiến cứu nước. miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn và là căn cứ địa của cả nước trong một lúc phải tiến hành cả hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi, kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thành công. Khí thế cách mạng chống Mỹ của cả nước ta đang lên cuồn cuộn. Khí thế cách mạng của tỉnh ta cũng đang trên đà bước vọt, nhiều nhiệm vụ cách mạng của nhiều chi bộ trước đây trong nhiều năm vẫn ì ạch nay đã vùng lên mạnh mẽ. Nhiều sự kiện diễn biến thay đổi nhanh chóng ngoài ý tưởng tượng của chúng ta, nhiều việc làm một năm bằng 10 năm, 20 năm trước đây cộng lại.

Hội nghị tổng kết chi bộ, đảng bộ cơ sở bốn tốt lần này có một ý nghĩa đặc biệt: Một năm thực tế sản xuất, xây dựng cơ sở trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, thành phần về dự hội nghị tổng kết lần này cũng có tiến bộ rất đặc biệt, nhiều đại biểu phải qua chặng đường 2 ngày đi bộ, dọc đường gấp mưa to bão lớn, qua nhiều núi cao, suối sâu nhưng đại biểu về dự đông đủ, đại diện của 91 xã và 9 khu phố gồm 97 bí thư, 20 phó bí thư xã về đủ các bí thư, phó bí thư huyện, thị ủy.

Qua 4 ngày hội nghị chúng ta đều nhất trí với bản báo cáo và đề án của tỉnh đề ra.

Chúng ta khẳng định đúng đắn là các chi bộ, đảng viên và quần chúng của chúng ta giỏi, tốt, rất cách mạng. Đúng như lời đánh giá nổi tiếng của Hồ Chủ tịch là "Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Trong năm 1965 và nhất là từ sau ngày 11-7-1965 đến nay nhiều chi bộ, đảng viên chúng ta đã làm đúng và thực hiện được những huấn thị trên của Bác, coi đó là khẩu hiệu thường xuyên của mọi chi bộ, đảng viên.

Những tinh thần chỉ đạo trên nó biểu hiện rất đầy đủ ở trên nhiều mặt, ở trong nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở mà tiêu biểu là các chi bộ đã được Tỉnh ủy công nhận đạt yêu cầu bốn tốt năm 1965, điển hình là 10 chi bộ báo cáo trước hội nghị chúng ta. Những thành tích to lớn của Tỉnh ta trong năm qua có nhiều nguyên nhân nhưng có một nguyên nhân quan trọng là vai trò của chi bộ và đảng bộ cơ sở được đề cao, nhiều chi bộ bốn tốt xuất hiện.

Qua 3 năm xây dựng phong trào chi bộ bốn tốt, đổi chiếu, học tập những bài học của Trung ương đã đề ra, liên hệ vào hoàn cảnh của tỉnh ta, ở hội nghị này rút ra các bài học kinh nghiệm của mình nhất là các bài học thực tế qua các báo cáo rất bổ ích, cụ thể những bài học ấy là:

1. *Sự đấu tranh để thống nhất tư tưởng*, hành động trong nội bộ chi bộ là điều quan trọng. Từ sự nhất trí về tư tưởng đó mà tạo ra sự nhất trí về tổ chức và hành động cụ thể. Càng đấu tranh thống nhất tư tưởng thì hành động cách mạng càng mạnh.

2. Đấu tranh để giữ vững quan điểm, lập trường của giai cấp vô sản ở nông thôn, phải thể hiện sự kiên quyết và dứt khoát, rõ ràng trong các lĩnh vực: Tích cực củng cố, xây dựng, nâng cao quan hệ sản xuất mới, triệt để cải tạo quan hệ sản xuất cũ còn tồn tại, làm tốt công tác quản lý, phân phối, thu mua lương thực, thực phẩm, các loại đặc sản có giá trị kinh tế cao... Nắm chắc các lực lượng vũ trang

sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đảm bảo tuyển binh đầy đủ. Nói chung phải quán triệt vấn đề Đảng lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối nhưng cũng cần phân biệt ranh giới giữa sự lãnh đạo của Đảng đối với chi bộ, của chính quyền và các tổ chức quần chúng khác. Đảm bảo Đảng không buông lỏng lãnh đạo, nhưng không bao biện, sự vụ đi vào công tác cụ thể của chính quyền, kinh tế.

3. Đảng phải nắm vững *công tác tư tưởng làm gốc*, mà *đối tượng công tác của Đảng là công tác với con người*. Muốn làm tốt công tác tư tưởng với con người phải biết sử dụng các tổ chức của Đảng. Phải rất sâu sát, cụ thể, có lý có tình, có phân biệt đối với từng người và từng loại. Biết nắm mâu thuẫn, giải quyết mâu thuẫn, tranh thủ đúng thời cơ thì các chi bộ, đảng viên kém có thể trở thành bốn tốt.

Công tác tư tưởng chi bộ phải nắm vững, quán triệt nội dung chủ đề tư tưởng trong giai đoạn cách mạng hiện nay ở lĩnh vực nông thôn là: Đường lối, chính sách - khoa học - kỹ thuật- đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Đường lối của Đảng:

- Đối ngoại: Chống Mỹ, chống ỷ lại, giáo điều, bè phái.

- Đối nội ở nông thôn:

Quyết chiến quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược, tất cả cho tiền tuyến để chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Quyết tâm xây dựng các hợp tác hóa nông nghiệp, tín dụng, hợp tác xã mua bán đảm bảo tập thể hơn hẳn cá thể đảm bảo nông nghiệp là cơ sở cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, đảm bảo là cơ sở cho công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Chính sách:

- Quản lý sản xuất lương thực, thực phẩm, đặc sản, nghề rừng, lao động, đất 5%.

- Quản lý thị trường, thu mua, phân phối.

- Bồi dưỡng đào tạo, đề bạt, sử dụng cán bộ, đặc biệt cán bộ quản lý kinh tế, kỹ thuật, quân sự, lực lượng trẻ, phụ nữ.

Khoa học kỹ thuật:

Học, nấm, lãnh đạo hòa bình với quần chúng thực hành kỹ thuật trong chiến đấu, phòng không và sản xuất.

Khoa học - kỹ thuật ở sản xuất là: Chủ yếu nhằm đạt được 5 tấn thóc mỗi ha ruộng ở vùng thấp, tăng vụ ở vùng cao, chăn nuôi, đưa mạnh cơ khí nhỏ, cải tiến công cụ. Vận động tổ chức thực hiện sản xuất triệt để chống năm tê (thả rông gia súc, cấy chay, bồ cỏ, nước chảy tràn bờ, đốt phá rừng bừa bãi). Thực chất trước mắt nhằm thâm canh tăng năng suất cây lúa, cây ngô, cây đậu tương, con lợn, rau xanh, trồng cây, bảo vệ rừng.

Đạo đức cách mạng:

Thực chất đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa chống lại đạo đức tư bản chủ nghĩa.

Việc gì có lợi cho Đảng, lợi cho hợp tác xã, lợi cho kháng chiến chống Mỹ xâm lược thì kiên quyết, đi đúng đường lối quần chúng làm cho kỳ được. Nếu có hại dù có dính với lợi ích riêng và cá nhân thì kiên quyết trừ bỏ không luyến tiếc bịn rịn.

Quan điểm người với người là bạn, là đồng chí là tình thương yêu, địch là đối thủ.

Triết để bảo vệ nguyên tắc tổ chức, bảo vệ chính sách không hữu khuynh, không ỷ lại, không tham ô, lãng phí, hủ hóa, không mê tín dị đoan.

4. Bất kỳ trong tình huống nào, vai trò của chi bộ cũng phải được củng cố phát triển và đề cao. Tinh gai cấp, tinh tiền phong phải đảm bảo thực hiện đầy đủ. Nguyên tắc sinh hoạt phải được tôn trọng, nguyên tắc tự phê bình và phê bình phải được thường xuyên sử dụng để rèn luyện đảng viên. Nhưng điều quan trọng trước hết là các Ban chi ủy phải được kiện toàn, nhất là Ban Thường vụ phải được củng cố thật vững, cơ động và trung tâm của chi bộ là người cầm lái của chi bộ tiến lên, vượt qua sóng gió khó khăn. Bí thư chi bộ phải là người cầm cờ đầu, khi chỉ, khi phát nhịp nhàng, đúng lúc, đúng thời cơ.

5. Tư tưởng chi đạo phải kiên quyết dứt khoát, chủ động và đi đúng đường lối quần chúng. Song phải nắm vững hai vấn đề lớn là: Nâng cao tư tưởng vô sản, tăng cường lãnh đạo tổ chức - thực chất của công tác tư tưởng là đấu tranh giai cấp. *Nội dung của đấu tranh giai cấp không phải cái gì xa lạ mà xoay quanh các vấn đề đấu tranh để thực hiện các đường lối, chính sách của Đảng, thực hiện các cuộc cách mạng, các cuộc vận động lớn của Đảng và đạo đức của người cộng sản.* Nhưng biểu hiện nó thường diễn ra hiện nay là giữa vấn đề cá thể với tập thể, công nhân với nông dân, nông dân với Nhà nước, lạc hậu với tiên tiến, hữu khuynh, do dự với kiên quyết, dứt khoát, chủ động với e dè, nể nang...

Qua thực tế ở các bản báo cáo điển hình đã sáng tạo rất hay, đề ra được các mục tiêu từng việc phải đạt tới, nhằm vào đó để đấu tranh giải quyết tư tưởng như:

- Máu của dân tộc ta không tiếc huống hồ tiếc con lợn, cân thóc hay sao?

- Chỉ sợ dân chết, không sợ dân mệt.

- Có ăn, có điếm, có chiến đấu.

- Đảng viên đưa phần làm riêng vào hợp tác xã trước, làng nước sẽ đưa theo sau.

- Có nước, có nhà, có con dâu.

- Lý và lẽ là ở chỗ đảng viên làm cho ra ai bảo khai hoang làm thủy lợi thì gà không gáy, chó không cắn, người không đẻ, trâu không về.

- Làm ngày chưa đủ, đốt đuốc tranh thủ làm đêm.

Cũng qua thực tế của các báo cáo điển hình, chúng ta rút ra những bài học riêng biệt độc đáo của mỗi chi bộ như:

- Chi bộ Thanh Kim dám thay đổi cả tập quán của dân tộc Mán không phá rừng, đốt nương vẫn đảm bảo đời sống nâng cao, ngày càng có thêm thóc đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước;

- Chi bộ Phú Nhuận đấu nội bộ, bảo vệ nguyên tắc, chính sách rất chí lý chí tình để xây dựng Đảng.

- Chi bộ Bản Lầu giải quyết tư tưởng quần chúng đi, đường lối quần chúng rất kiên quyết, triệt để, tận tình.
- Chi bộ Bảo Nhai dùng hợp tác xã mạnh kèm cặp hợp tác xã kém cùng tiến lên.
- Chi bộ Tả Ngáo tuyệt đối tin theo Đảng là con đường no ấm, khỏe mạnh, biết chữ vui tươi, tin ở mê tín thì đổi rách, bệnh tật, dốt nát, tiền mất tật mang.
- Chi bộ Quang Kim nắm chắc khoa học - kỹ thuật là then chốt thêm phân, thêm thóc, thêm khó nhọc để đời sống tăng cao, nhiều hợp tác xã đạt 5 tấn.
- Chi bộ Bản Vược bám riết, kiên quyết quản lý thị trường từ nội bộ mà ra.

6. Công tác phát triển đảng viên mới, thanh toán hợp tác xã và thôn tráng tỉnh đề ra là có khả năng thực hiện. Nhưng đến nay làm được ít không phải là không có quần chúng tốt, mà là nhận thức chưa đầy đủ, tư tưởng chưa quyết tâm, lãnh đạo thiếu chủ động, chặt chẽ và cụ thể.

Tóm lại, tình hình các chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt, đặc biệt là các chi bộ báo cáo điển hình đã nói lên các nguyên tắc chung. Nhưng mỗi chi bộ cũng nói lên những khía cạnh vận dụng riêng rất sâu sắc, triệt để có lý có tình, đảm bảo nguyên tắc, mục tiêu đúng đắn nhưng linh hoạt về biện pháp.

Những chi bộ trên cho chúng ta một kết luận chung là chi bộ nào cũng có thể trở thành bốn tốt được và muốn trở thành bốn tốt phải có đấu tranh, phải kiên quyết, dứt khoát, chủ động, biết tranh thủ thời cơ.

Trên đây là những bài học đồng thời cũng là những ưu điểm. Song, chúng ta cũng phải thấy một số tồn tại phải có đấu tranh trên các mặt sau đây:

1. Vấn đề đấu tranh giai cấp với nội dung mới, hình thức giữa hai con đường trên mặt trận hợp tác xã, sản xuất, quản lý, thu mua, phân phối, nghề rừng, chăn nuôi có lúc, có nơi chưa kiên quyết, triệt để.

2. Vấn đề đấu tranh thực hiện cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông thôn. Cụ thể là phấn đấu cho năng suất cây trồng nói chung và đặc biệt là cho cây lúa đạt 5 tấn 1 ha, làm còn chưa mạnh, chưa đều, nhân tố mới có nhân ra thành phố cập còn ít ỏi.

3. Vấn đề củng cố chính quyền chuyên chính vô sản, đảm bảo trị an, trấn áp kịp thời những phần tử phản động, phản cách mạng còn có những biểu hiện hữu khuynh, chưa kịp thời. Vấn đề chuẩn bị cho chiến đấu và phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến còn thiếu khẩn trương, có mặt chưa triệt để.

4. Vấn đề tăng cường lãnh đạo về tổ chức còn yếu, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ còn kém (đặc biệt cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật). Công tác phát triển đảng còn chậm. Cải tiến công tác lãnh đạo, công tác sinh hoạt, đấu tranh phê bình của chi bộ còn khuyết điểm, nhược điểm.

Thưa các đồng chí!

Tổng kết để học tập phát huy cái hay cái giỏi, cái tốt, loại trừ dần những cái xấu, cái sai, cái thiêú.

Cũng cần khẳng định rằng chi bộ đã đạt bốn tốt không phải là không còn gì sai, yếu, hoặc chi bộ chưa đạt bốn tốt, cũng không phải tất cả đều xấu đều sai cả.

Chưa đạt bốn tốt, nếu quyết tâm xây dựng thì nhất định vẫn có thể đạt bốn tốt được. Nếu đạt bốn tốt rồi mà thỏa mãn chủ quan thì vẫn có thể tụt đi được.

Thành công ở hội nghị này chính là bồi bổ thêm cho chúng ta những sức sống mới về quan điểm, lập trường, kinh nghiệm thực tế, chúng ta có trách nhiệm phải nhân nó ra thành sức sống mới của toàn Đảng.

Với sự có mặt ở hội nghị này các đồng chí đều là ở cương vị cầm trịch một địa phương, nhận rõ vị trí trách nhiệm trước, quyết tâm trước, làm cho toàn Đảng thống nhất, toàn Đảng quyết tâm, nhất định trong cuộc chống Mỹ, cứu nước, xây dựng xã hội chủ nghĩa ở

miền Bắc mà phong trào chi bộ bốn tốt là nòng cốt của tỉnh năm 1966 này sẽ đạt bốn tốt nhiều hơn nữa, cao hơn nữa.

Chúng ta hứa hẹn quả quyết với nhau làm cho kỳ được nhiều chi bộ và đảng bộ bốn tốt, nhưng cũng phải nhớ rằng phong trào chi bộ bốn tốt không bao giờ cô độc, có chi bộ bốn tốt phải có chính quyền năm tốt, dân quân tiên tiến, quyết thắng, hợp tác xã tiên tiến, thanh niên ba săn sàng, phụ nữ ba đảm đang, phụ lão ba giỏi. Có như vậy mới đúng với ý nghĩa chi bộ Đảng lãnh đạo toàn diện hoàn mỹ.

Xin tuyên bố hội nghị chúng ta kết luận và ngừng lại đây.

Chúc các đại biểu ra về mang theo sức sống mới đầy nhiệt tình cách mạng hăng say phấn đấu trong chiến đấu, sản xuất, xây dựng chi bộ đế:

- Quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược.
- Sản xuất thắng lợi toàn diện vượt bậc.

Cứ tiến mãi, vượt lên trên bậc này lại dấn lên, lấy đà tiến bậc nữa không một khó khăn, trở ngại nào cản lại được bước tiến của chúng ta.

Chúc sức khỏe các đại biểu.

BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 103-CT/TU, ngày 15-9-1966

Về tiến hành kiểm tra và tổng kết một năm lãnh đạo công tác phòng không nhân dân, chống chiến tranh phá hoại của địch

Do bị thất bại nặng nề trong mùa khô vừa qua, đế quốc Mỹ đã tiến hành bước leo thang mới rất nghiêm trọng và đầy tội ác đối với miền Bắc nước ta.

Đi đôi với hành động tăng cường đánh phá giao thông, các mục tiêu kinh tế, quân sự, chúng liên tục đánh phá ngoại vi thành phố Hà Nội, đánh phá thành phố Hải Phòng, các vùng đồng dân cư, hệ thống đê điều và công trình thủy lợi, đánh phá tỉnh miền núi giáp giới Trung Quốc (Lạng Sơn). Gần đây chúng sử dụng ngày càng nhiều các loại bom đạn có sức phá hoại và sát thương lớn để tàn phá và giết hại nhân dân ta như bom cỡ lớn, bom cháy, bom bi, v.v.. Không những đánh phá ban ngày, chúng còn tăng cường đánh phá ban đêm.

Điên cuồng trước những thất bại ngày càng nặng nề ở chiến trường chính miền Nam, đi đôi với những luận điệu lòe bip về "thương lượng hòa bình" đế quốc Mỹ đang tiến hành những cố gắng tuyệt vọng để tăng cường mở rộng chiến tranh trên cả hai miền nước ta, nhất là trong mùa khô tới, để cứu vãn sự thất bại của chúng. Do đó, trong thời gian tới, tình hình diễn biến sẽ khẩn trương và chiến tranh có thể sẽ ác liệt hơn trước nhiều.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, chúng ta đã khẩn trương, chủ động và có nhiều cố gắng lãnh đạo công tác phòng không nhân dân, đến nay đã có nhiều tiến bộ lớn trên hai mặt: Tích cực tổ chức chiến đấu và tích cực tổ chức phòng tránh nhằm sẵn sàng tiêu diệt máy bay địch và bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân, bảo vệ sản xuất tránh mọi sự thiệt hại về người về của không cần thiết. Tuy nhiên, những nhược điểm, khuyết điểm và tồn tại vẫn còn nhiều, chỉ thị, nghị quyết của Đảng về vấn đề này chưa được các ngành các cấp chấp hành triệt để và nghiêm chỉnh, tư tưởng chủ quan vẫn còn phổ biến. Do đó, mặc dù có nhiều cố gắng và tiến bộ, ta vẫn chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức chống chiến tranh phá hoại của địch.

Để nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng và lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, kịp thời đối phó với chiến tranh phá hoại của địch ở bất cứ mức độ nào trong thời gian tới, Ban Thường vụ chỉ thị cho các cấp ủy Đảng (từ chi bộ trở lên) phải khẩn trương thực hiện tốt hai công tác lớn sau đây:

1. Tổng kiểm tra việc thực hiện các mặt công tác phòng không nhân dân.
2. Tổng kết 1 năm lãnh đạo công tác phòng không nhân dân, chống chiến tranh phá hoại của địch.

I. TỔNG KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÁC MẶT CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Mục đích nhằm để các cấp ủy, các đồng chí phụ trách nắm được đầy đủ và chính xác tình hình của địa phương mình, của ngành mình trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ về công tác phòng không. Thấy được cụ thể ở từng nơi, từng chỗ, từng khâu còn tồn tại để triệt để có kế hoạch giải quyết. Nghiêm chỉnh chấp hành đầy đủ chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác phòng không nhân dân, đối phó có hiệu quả

với bất kỳ mức độ nào trong cuộc chiến tranh phá hoại của địch thời gian tới.

Yêu cầu của cuộc tổng kiểm tra là:

1. Cấp ủy, thủ trưởng phải đích thân tiến hành. Đến từng nơi từng chỗ phát hiện, bồi khuyết, lập biên bản.

2. Quá trình kiểm tra là quá trình đảm bảo triệt để sơ tán và phân tán đảm bảo mọi người và mọi nơi đều có đủ hầm hào và hầm hào tốt, đủ tiêu chuẩn chiến đấu hoặc ẩn nấp; đảm bảo cất giấu và ngụy trang che phòng kín đáo đối với kho tàng; nhiên, nguyên vật liệu, các đường cùt và những nơi lộ liễu; đảm bảo cung cấp tốt lực lượng thường trực chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, của dân quân tự vệ của các tổ chức phục vụ chiến đấu khác; chấn chỉnh và bổ sung việc thực hiện nội quy phòng không ở từng nơi, từng ngành thật chặt chẽ.

Phạm vi kiểm tra là các thị xã, thị trấn các cơ quan công, nông, lâm trường, xí nghiệp, các cửa hàng, kho tàng, bệnh viện, bệnh xá, trường học, lớp mẫu giáo, vườn trẻ; tất cả các xã cạnh đường sắt, đường giao thông chiến lược, cạnh các thị xã và thị trấn.

Trách nhiệm kiểm tra là do cấp ủy, chính quyền từng cấp từ chi bộ trở lên tổ chức và tiến hành. Ở xã và khu phố do chi bộ lãnh đạo, Ủy ban hành chính xã và Ban phòng không khu phố tổ chức kiểm tra. Ở huyện, thị do huyện ủy, thị ủy lãnh đạo, Ủy ban hành chính và Ban phòng không nhân dân huyện, thị tổ chức kiểm tra. Ở các cơ quan, xí nghiệp do chi ủy, đảng ủy lãnh đạo, thủ trưởng và Ban phòng không nhân dân ở cơ quan, xí nghiệp tổ chức kiểm tra.

Ở tỉnh do Ban Thường vụ lãnh đạo, Ủy ban hành chính và Ban chỉ đạo phòng không nhân dân tổ chức kiểm tra.

Phương pháp kiểm tra: Là có tổ chức, thành từng tổ từng đội, có kế hoạch, đến tận nơi, tận chỗ, nhận xét, bồi khuyết lập biên bản.

Tổng kiểm tra xong phải báo cáo tình hình trước chi bộ và cấp ủy, sau đó báo cáo trước hội nghị quần chúng.

Thời gian kiểm tra và hoàn thành xong các yêu cầu nêu trên: Ở huyện, thị và các cơ quan xí nghiệp hết tháng 9 năm 1966 phải xong. Ở tỉnh đến 10 tháng 10 phải xong.

II. TỔNG KẾT MỘT NĂM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN, CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐỊCH

Sau khi tổng kiểm tra, sẽ tiến hành tổng kết.

Mục đích yêu cầu của tổng kết nhằm:

1. Làm cho cấp ủy, đảng viên và quần chúng quán triệt thêm một bước tình hình âm mưu địch; đánh giá đúng thành tích, tiến bộ trong công tác phòng không nhân dân, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vạch rõ những tồn tại nguyên nhân và rút được bài học thực tiễn.

2. Đề ra chủ trương, biện pháp tích cực và triệt để nhất nhằm đề cao cảnh giác, nghiêm chỉnh chấp hành đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác phòng không nhân dân, đảm bảo chống chiến tranh phá hoại của địch với bất kỳ mức độ nào trong thời gian tới, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu trong mọi tình huống của chiến tranh.

3. Đánh địch thật tích cực, phòng tránh thật chu đáo, hạ được máy bay và bắt sống được phi công địch. Không để một trường hợp nào tổn thất không cần thiết.

Nội dung tổng kết dựa vào các chỉ thị, nghị quyết đã có từ trước đến nay của Trung ương và của Tỉnh ủy (từ Chỉ thị số 68 ngày 15-6-1965, Chỉ thị số 73 ngày 29-7-1965, Biên bản số 21 ngày 13-8-1965, Chỉ thị ngày 20-10-1965 về "lãnh đạo sơ tán phòng không đối với các thị xã, thị trấn huyện lỵ trong tình hình hiện nay" và các chỉ thị, nghị quyết từ đầu năm 1966 đến nay về công

tác này) và dựa vào tình hình thực tế sau cuộc tổng kiểm tra để tiến hành tổng kết.

Phương pháp tổng kết là làm từ cơ sở lên, từ cấp ủy, chi bộ rồi đưa ra hội nghị quần chúng. Tổng kết phải có chương trình, kế hoạch hành động và có tổ chức thực hiện cụ thể.

Thời gian tổng kết ở chi bộ đến 5 tháng 10 phải xong. Ở huyện, thị, đảng ủy đến 15 tháng 10 phải xong. Ở tỉnh tiến hành vào cuối tháng 10 năm 1966.

Yêu cầu báo cáo: Sau đợt tổng kiểm tra, cấp ủy sơ bộ gửi báo cáo kết quả lên Ban Thường vụ. Báo cáo cần nêu rõ kết quả so với yêu cầu của cuộc tổng kiểm tra (phân I). Chậm nhất ngày 5 tháng 10 phải có báo cáo (đồng gửi cho Đảng ủy Tỉnh đội một bản để theo dõi). Sau khi tổng kết, có báo cáo đầy đủ lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chậm nhất ngày 25 tháng 10 phải có báo cáo.

Đảng đoàn chính quyền và Ban phòng không nhân dân tỉnh giúp Ban Thường vụ chỉ đạo chặt chẽ hai công tác nói trên, có kế hoạch và tổ chức việc tổng kiểm tra công tác phòng không nhân dân, chuẩn bị nội dung và tổ chức hội nghị tổng kết ở tỉnh theo tinh thần của chỉ thị này.

Yêu cầu các đồng chí tích cực và khẩn trương thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 34-BB/TU, ngày 15-9-1966

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 12 và 13 tháng 9 năm 1966). Về dự Hội nghị có các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Việt Tiến, Long Khánh. Vắng mặt đồng chí Khánh Vinh và đồng chí Lê Bá Hội có lý do.

Nội dung hội nghị thảo luận ba vấn đề:

1. Công tác điều tra cơ bản chính trị.
2. Công tác phát triển công nghiệp địa phương.
3. Công tác xây dựng và phát triển cơ khí nhỏ nông nghiệp.

Các vấn đề trên thảo luận cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC ĐIỀU TRA CƠ BẢN CHÍNH TRỊ

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trực tiếp nghe Đảng đoàn Công an tỉnh báo cáo tổng kết công tác điều tra cơ bản chính trị thí điểm sáu xã: Đồng Tuyển, Bản Qua, Cốc San, Tả Chải, Bản Lầu và Phong Niên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy công tác điều tra cơ bản chính trị tiến hành trong thời gian vừa qua nói chung căn bản đạt được yêu cầu như kế hoạch đã đề ra. Thông qua công tác điều tra cơ bản chính trị đã giúp cho lãnh đạo nắm sâu hơn chắc hơn và có hệ thống hơn về tình hình tổ chức địch, về âm mưu và sự hoạt động của địch, của bọn tội phạm hình sự cũng như các cơ sở xã hội khác mà kẻ địch dễ dàng lợi dụng; giúp cho lãnh đạo

hiểu sâu tình hình quần chúng và các tổ chức cơ sở của ta; đồng thời cũng qua đó ta rút ra những ưu khuyết điểm, kinh nghiệm và những vấn đề còn tồn tại trong công tác đấu tranh chống phản cách mạng, gìn giữ trật tự trị an, đảm bảo củng cố cơ sở ngày càng vững chắc đáp ứng yêu cầu sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nói trên, trong quá trình thực hiện còn có những thiếu sót như có một số nơi sự chuẩn bị chưa được tốt, tiến hành thiếu khẩn trương, thiếu đi sâu nghiên cứu rút kinh nghiệm kịp thời nên thời gian bị kéo dài, vận dụng thực hiện đường lối, phương châm trong công tác điều tra cơ bản chính trị có nơi chưa thật quán triệt, nhất là sự lãnh đạo của chi bộ xã, trong khi thực hiện công tác điều tra cơ bản chính trị có nơi chưa kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ trọng tâm.

Qua đợt điều tra cơ bản chính trị thí điểm sáu xã vừa rồi Đảng đoàn Công an tỉnh và các Ban huyện ủy cần kiểm tra kỹ đánh giá đúng tình hình ưu khuyết điểm chuẩn bị tổng kết tốt công tác này và mở rộng diện đảm bảo hoàn thành công tác điều tra cơ bản chính trị trong năm 1966.

Để chuẩn bị nội dung tổng kết công tác điều tra cơ bản chính trị được tốt, cần chú ý những vấn đề dưới đây.

- Nêu lên được công tác điều tra cơ bản chính trị là một chủ trương rất sáng suốt của Trung ương, nó phù hợp với lợi ích thiết thân của quần chúng, của địa phương. Trên cơ sở đó nêu lên được những nơi nào đã phát động được tư tưởng quần chúng nhân dân, coi công tác điều tra cơ bản chính trị là sự nghiệp của mình, tự mình đứng ra làm tốt công tác này.

- Rút ra được kinh nghiệm tốt, xấu điển hình của các địa phương trong khi vận dụng phương châm công tác điều tra cơ bản chính trị của trên đã đề ra là "tích cực, khẩn trương, thận trọng, chính xác, bí mật" để giáo dục cán bộ.

- Tổng kết công tác điều tra cơ bản chính trị thí điểm sáu xã làm vừa qua phải phân tích rõ tình hình thực tế ở những xã đó là:

Gần đây đồng bào dưới xuôi lên đây xây dựng kinh tế phát triển văn hóa và trước đây có một số xã là cơ sở cũ của ta. Dựa vào tình hình thực tế lịch sử của các xã đó thì mới đánh giá tình hình lực lượng của ta và tình hình địch được đúng. Công tác điều tra cơ bản chính trị là (...) nắm tình hình con người. Cho nên ba yêu cầu nắm tình hình không thể tách rời yêu cầu nắm tình hình lực lượng cốt cán ở cơ sở nắm từng người dân từ 16 tuổi trở lên có liên quan tới yêu cầu nắm tình hình chính trị cơ bản, tình hình trị an xã hội và yêu cầu nắm tình hình tổ chức địch.

- Trong báo cáo tổng kết đợt thí điểm không những phải nêu lên được những ưu, khuyết điểm tồn tại trong quá trình tiến hành công tác điều tra cơ bản mà còn phải nêu lên được nhiệm vụ, phương hướng tiếp tục cho những xã đó để phát huy được những kết quả vừa qua. Cụ thể sẽ đề ra nhiệm vụ phương hướng làm sao tổ chức bồi dưỡng lực lượng của ta ngày càng nhiều lực lượng địch ngày càng ít.

II. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa miền Bắc nước ta, nhất là trước yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới hiện nay, cùng với việc xây dựng và phát triển công nghiệp Trung ương, việc xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương giữ một vị trí rất quan trọng. Theo nhiệm vụ kế hoạch nông nghiệp hai năm 1966 - 1967, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh tốc độ xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, làm cho công nghiệp địa phương có khả năng đáp ứng tối mức tối đa các nhu cầu thiết yếu phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống của nhân dân địa phương.

Kiểm điểm sự thực hiện công tác phát triển công nghiệp địa phương của tỉnh ta trong thời gian qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy có những cố gắng nhất định nên đã đạt được những kết quả, đáp ứng một phần nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, chiến đấu và

đời sống của nhân dân trong tỉnh. Nhưng so yêu cầu của tình hình hiện nay đòi hỏi các ngành thuộc khối công nghiệp cần phải cố gắng nhiều hơn nữa thì mới đáp ứng được yêu cầu của tình hình.

Để công tác phát triển công nghiệp địa phương hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 1966 đã đề ra, các ngành trong khối công nghiệp phải dựa vào phương hướng nhiệm vụ phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trước đây Tỉnh ủy đã đề ra mà cố gắng thực hiện với tinh thần quyết tâm vượt mọi khó khăn, chỉ tiêu nào gặp khó khăn nhiều không đạt được thì phải phấn đấu vượt các chỉ tiêu khác để bù, làm sao giá tổng sản lượng không bị hụt. Ngay từ bây giờ Ban Công nghiệp Tỉnh ủy phải chuẩn bị nội dung bản dự thảo quyết nghị về công tác phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp năm 1966 và 1967 để báo cáo trước hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Bản dự thảo quyết nghị này tuy đã nhắc Ban Công nghiệp nhiều lần nhưng Ban Công nghiệp vẫn chưa tích cực khẩn trương chuẩn bị để sớm có nghị quyết về vấn đề phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trong tỉnh trong thời gian tới.

Nội dung bản dự thảo quyết nghị về vấn đề phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp cần phải chú ý đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm sự lãnh đạo chủ quan của ta trong thời gian vừa qua, để sau này có sự cố gắng mới, chuyển biến mới mạnh mẽ hơn, đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước hiện nay.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ KHÍ NHỎ NÔNG NGHIỆP

Sau khi nghe báo cáo về tình hình xây dựng và phát triển cơ khí nhỏ nông nghiệp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy nông nghiệp đang trở thành một yêu cầu đòi hỏi của quần chúng nông dân trong tình hình mới, lãnh đạo phải nhanh tay và tích cực,

khẩn trương đẩy mạnh phong trào này trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Điểm điểm sự thực hiện công tác xây dựng và phát triển cơ khí nhỏ nông nghiệp, bước đầu các ngành trong khối công nghiệp và nông nghiệp đã có sự cố gắng nên đã xây dựng được một số điểm, nhưng so với kế hoạch chỉ tiêu đề ra từ nay đến cuối năm phải xây dựng được 20 điểm cơ khí nhỏ nông nghiệp thì còn phải cố gắng nhiều hơn nữa mới có thể hoàn thành.

Trước hết phải quan niệm rõ ràng là công tác phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp nói chung và công tác xây dựng và phát triển cơ khí nhỏ nông nghiệp nói riêng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân các dân tộc trong tỉnh, cho nên phải phát động được tư tưởng của quần chúng, nhất là công tác xây dựng và phát triển cơ khí nhỏ nông nghiệp đòi hỏi phải có sự đóng góp rất nhiều sức người, sức của của nông dân nên lại cần phải làm công tác phát động tư tưởng cho tốt. Muốn công tác phát động tư tưởng nông dân tiến hành cơ khí nhỏ nông nghiệp được tốt thì huyện ủy, thị ủy và chi bộ cơ sở phải chịu trách nhiệm vấn đề này trước Tỉnh ủy. Ở những điểm định xây dựng cơ khí nhỏ nông nghiệp, sau khi huyện ủy, thị ủy và chi bộ cơ sở đã phát động được tư tưởng nông dân tham gia xây dựng cơ khí nhỏ nông nghiệp được tốt rồi, mà thiếu máy phát lực, thiếu máy công tác và sử dụng máy tốt hoặc xấu thì Đảng đoàn chính quyền tỉnh và các ngành hữu quan ở tỉnh chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy.

Hiện nay phải nhầm những điểm nào có nhiều điều kiện thuận lợi thì tích cực, khẩn trương xây dựng trước như ở nơi đó giải quyết nhiệt điện hoặc thủy điện dễ dàng, quy mô hợp tác xã tương đối khoảng 40, 50 hộ hay tương lai các hợp tác xã nhỏ tiến lên hợp nhất, phương hướng sản xuất của hợp tác xã đã rõ, lao động thiếu, quần chúng yêu cầu giải quyết cơ khí nhỏ để tăng năng suất lao động, còn phải xem xét cả điều kiện sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hóa phục vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa hay không, v.v.. Tiến hành theo phương châm "dễ làm, mau ăn,

ít vốn, phục vụ nhiều" tránh tư tưởng cầu toàn có thể lúc đầu xây dựng một số máy dần dần sau này sẽ phát triển theo phương hướng sau đây "tốc độ khẩn trương, biện pháp cụ thể, trang bị từ dễ đến khó". Ban Công nghiệp Tỉnh ủy cần đi sâu nghiên cứu đề xuất một số chính sách và chế độ cụ thể nhằm đẩy mạnh sự nghiệp cơ khí nhỏ nông nghiệp. Để phục vụ kịp thời cho công tác này, trước hết phải giải quyết vấn đề vốn theo hướng tự lực cánh sinh là chính kết hợp với sự giúp đỡ của Nhà nước một phần, cụ thể là nhằm vào nguồn vốn quỹ tích lũy của hợp tác xã, vay xã viên, vay ngân hàng dài hạn. Riêng khoản vốn thí nghiệm các máy móc cơ khí nhỏ Nhà nước sẽ trích một phần số tiền để chi vấn đề này, sẽ do Đảng đoàn chính quyền tỉnh giải quyết cụ thể. Về công điểm cho xã viên làm cơ khí nhỏ, làm công cụ cải tiến phải giải quyết cho thỏa đáng, coi lao động làm cơ khí nhỏ và làm công cụ cải tiến là lao động kỹ thuật. Đào tạo công nhân làm cơ khí nhỏ thuộc ngành nào phải do ngành ấy đào tạo trong thực tế.

Hiện nay, trong công tác xây dựng và phát triển cơ khí nhỏ nông nghiệp mắc nhất là khâu tổ chức thực hiện, khâu biên chế con người cụ thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy về lâu dài phải nghiên cứu cụ thể biên chế nên như thế nào và trực thuộc vào đâu sẽ do Ban Công nghiệp, Ban Nông nghiệp và Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu đề xuất báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải quyết sau. Nhưng trước mắt để phục vụ tốt công tác cơ khí nhỏ nông nghiệp thì số cán bộ trước đây đã có quyết nghị làm công tác này hay không được ngành nào gọi về, tiền lương và công tác phí, v.v. vẫn do các ngành phải trả, lãnh đạo bộ phận cán bộ này từ nay sẽ giao sang bên Ủy ban hành chính tỉnh chịu trách nhiệm điều khiển, bố trí, phân công theo yêu cầu của nhiệm vụ cơ khí nhỏ nông nghiệp, trước mắt phục vụ tốt 20 điểm cơ khí nhỏ nông nghiệp tỉnh đã đề ra trong kế hoạch từ nay đến cuối năm. Đảng đoàn chính quyền và nhất là các đồng chí phụ trách các ngành của tỉnh phải nghiêm chỉnh chấp hành vấn đề cử cán bộ sang làm công tác

cơ khí nhỏ nông nghiệp. Coi công tác này là công tác đột xuất mà ngành mình phải có trách nhiệm chung với tỉnh, chống tư tưởng cục bộ mà trước hết chống tư tưởng cục bộ ngay ở các đồng chí thủ trưởng và thủ phó các ngành.

Để có đủ máy móc và phương tiện trang bị cho 20 điểm cơ khí nhỏ nông nghiệp tỉnh đã ghi vào kế hoạch thì từ nay cho đến cuối tháng 9 - 1966 Đảng đoàn chính quyền tỉnh và Ủy ban Kế hoạch tỉnh phải kê rõ số máy ra số phương tiện cần những thứ gì, cần bao nhiêu cho người về trực tiếp với Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đề nghị giải quyết gấp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 104-CT/TU, ngày 16-9-1966

**Về việc tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý
hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 3
và thí điểm vùng cao trong tỉnh**

Đợt 2 cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong các hợp tác xã vùng thấp của tỉnh, huyện nay đang tiến hành thời kỳ vận động tập trung và sẽ kết thúc vào tháng 10 năm 1966. Như vậy tính cả đợt 1 đã làm và đợt 2 đang làm thì sắp hoàn thành cản bản cuộc vận động trong toàn vùng thấp của tỉnh.

Qua cuộc vận động phong trào hợp tác hóa trong vùng, không những đã được củng cố thêm một bước, mà còn nâng cao thêm chất lượng của phong trào cải tiến được nhiều mặt trong hợp tác xã, đồng thời thúc đẩy mọi công tác đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch nhà nước hiện nay, của tỉnh. Trên cơ sở phát động tư tưởng quần chúng xã viên các hợp tác xã nông nghiệp và thương huống kế hoạch 2 năm 1966 - 1967 của các hợp tác xã đã xây dựng. Nếu thực hiện tốt nhất định sẽ tạo ra một cao trào mới trong nông nghiệp của vùng đã cải tiến, v.v..

Tuy nhiên, phong trào hợp tác hóa trong tỉnh còn phải củng cố và hoàn thiện hơn nữa, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc để đáp ứng nhu cầu lương thực

và thực phẩm đảm bảo đời sống phục vụ tốt chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu ở địa phương, đồng thời đảm bảo cơ sở cho phát triển công nghiệp trong tình hình nhiệm vụ mới. Chống Mỹ, cứu nước hiện nay đòi hỏi vùng thấp của Tỉnh ủy đã căn bản làm xong đợt vận động cải tiến, nhưng cũng còn một số xã, hợp tác xã vùng thấp và các hợp tác xã vùng cao, vùng giữa của tỉnh đều chưa làm, các vùng này lại chiếm đại bộ phận trong tỉnh, khả năng điều kiện phát triển kinh tế rất lớn, phong trào hợp tác hóa đã được củng cố và phát triển một bước (vùng cao 85% số hộ, vùng giữa 90,5% số hộ vào hợp tác xã).

Với tình hình yêu cầu như trên và căn cứ vào chủ trương của Tỉnh ủy đã định. Để thi hành tiếp tục Chỉ thị 108 của Trung ương, Ban Thường vụ quyết định *đi lên với việc làm tốt thời kỳ vận động tập trung đợt 2 hiện nay. Cân xúc tiến công tác chuẩn bị tốt để tiến hành tiếp tục mở đợt 3 trong các xã và hợp tác xã tương tự vùng thấp, đồng thời nếu được Trung ương đồng ý cũng cần tiến hành thí điểm vận động cải tiến vùng cao ở một số xã để lấy kinh nghiệm và xác định nội dung cải tiến mở rộng ra vùng cao vào năm 1967.*

Vì vậy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra chỉ thị để các cấp, các ngành thực hiện tốt các điểm cụ thể dưới đây.

1. Địa bàn cải tiến đợt 3 sẽ tiến hành ở các xã, các hợp tác xã tương tự vùng thấp. Cụ thể là:

- Huyện Bắc Hà: Xã Tả Chải, Na Hối, thị trấn có 14 hợp tác xã.
- Huyện Mường Khương: Xã Mường Khương, Thanh Bình, Tùng Lâu, Nấm Lư có 22 hợp tác xã.
- Huyện Bát Xát: Xã Mường Hum, xã Tả Ngảo có 12 hợp tác xã.
- Huyện Sa Pa: Xã Bản Hồ, Thanh Phú, thị trấn hoặc Bản Sai có 15 hợp tác xã.
- Về thí điểm vùng cao là xã Bản Phố (Bắc Hà) có ba hợp tác xã.

Ngoài ra, Huyện ủy Bắc Hà nghiên cứu thêm một xã ở liền với xã Bản Phố để làm thí điểm, như xã Hoàng Thu Phố hoặc một xã có điều kiện.

Như vậy, toàn đợt 3 và diện thí điểm vùng cao có từ 14 đến 15 xã gồm khoảng 65 hợp tác xã (kể cả hợp tác xã khai hoang mới lập).

2. Lực lượng cán bộ đợt này làm ở xã, hợp tác xã chủ yếu là cán bộ xã, hợp tác xã từ 1 năm có sự tăng cường một số cán bộ thoát ly xuống giúp đỡ, số cán bộ thoát ly cũng chủ yếu điều động ở các ngành, ở các huyện đi làm, còn số cán bộ của tỉnh chỉ bổ sung cho nơi thực tế không đủ khả năng số lượng để bố trí.

Cán bộ thoát ly cần chọn những đồng chí có tinh thần công tác, có nhiệt tình hăng say với cơ sở, có khả năng nghiệp vụ nhất định về nông nghiệp để bố trí làm tổ trưởng hoặc tổ phó về giúp đỡ các hợp tác xã yếu. Tùy theo tổ nhỏ, số lượng hợp tác xã nhiều hay ít mà huyện thị bố trí cho sát mỗi xã bình quân căn cứ số lượng đơn vị hợp tác xã có bao nhiêu thì tổ chức công tác giúp xã, hợp tác xã bấy nhiêu cán bộ thoát ly, trong đó kể cả tổ trưởng, tổ phó, thống kê của tổ, số cán bộ thoát ly này chịu trách nhiệm trước huyện, tỉnh trong việc giúp đỡ, hướng dẫn xã, hợp tác xã làm cải tiến, các cán bộ thoát ly trong tổ công tác tham gia sinh hoạt với xã, ở tổ chức nào thì sinh hoạt với tổ chức đó.

3. Đối với xã, hợp tác xã: Chi bộ (hoặc đảng ủy xã) phải trực tiếp lãnh đạo chỉ đạo thực hiện công tác cải tiến của huyện, tỉnh vạch ra. Do đó, xã phải sử dụng toàn bộ cán bộ này của xã, hợp tác xã như ủy ban, các ngành, các giới, đoàn thanh niên, phụ nữ, thống kê, kế toán, v.v. để làm công tác cải tiến ở địa phương mình. Từ đầu cuộc vận động đến khi kết thúc chi bộ hoặc đảng ủy xã và các Ban quản trị hợp tác xã phải có kế hoạch (theo sự chỉ đạo của huyện và sự giúp đỡ tham gia bàn bạc của tổ công tác) để tiến hành từng bước công tác có kiểm điểm, sơ kết có nghị quyết tiếp tục, cuối cùng có tổng kết.

Để giúp đỡ cán bộ xã có điều kiện hoạt động về thời gian công tác trong cuộc vận động cải tiến có tăng hơn nhiều, do đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương phụ cấp thêm sinh hoạt phí cho số cán bộ xã. Mỗi xã cải tiến đợt 3 và thí điểm vùng cao độ 3 đồng chí (bí thư hoặc phó bí thư chi bộ xã, chủ tịch hoặc phó chủ tịch, trưởng ban hoặc phó trưởng ban thống kê, ủy viên thư ký xã) làm phụ động, ngoài việc phụ cấp định suất thường xuyên đã hưởng trong thời gian vận động cải tiến được phụ cấp bù thêm cho đủ mức sinh hoạt phí của một cán bộ phụ động.

Đối với các xã sẽ dự kiến cải tiến đợt 2 mỗi huyện được từ 5 đến 10 cán bộ xã đi học lớp bồi dưỡng của tỉnh mở, rồi tham gia công tác cải tiến các xã cải tiến đợt 3, nhằm đào tạo bồi dưỡng thực tế, sau khi làm xong đợt 3 số cán bộ này sẽ trở về công tác cải tiến ở xã mình, số cán bộ này cũng được hưởng chế độ sinh hoạt phí phụ động như 3 đồng chí phụ trách ở xã đợt 3 nói trên, trong thời gian đi làm công tác cải tiến: cụ thể Bắc Hà độ 10, Mường Khương độ 10, Bát Xát 5, Sa Pa 5 cán bộ. Cộng độ 30 cán bộ.

Sinh hoạt phí cấp bù cho đủ của một cán bộ phụ động, ngành tài chính trích trong khoản huấn luyện đào tạo cán bộ của tỉnh để phụ cấp, vì số cán bộ đi làm đợt này chính là để bồi dưỡng cán bộ, đào tạo cán bộ bằng thực tế. Các huyện thị cần chọn lọc các cán bộ xã là đảng viên hoặc đoàn viên làm công tác chủ chốt của xã nhưng là loại tích cực, tốt đảm bảo có tương lai triển vọng đi làm đợt này, để đào tạo trở thành cán bộ cốt cán cho xã, hợp tác xã hoặc để bổ sung cho huyện sau này.

4. Để chuẩn bị đợt 3 và thí điểm vùng cao đạt được thắng lợi cần làm thật tốt thời kỳ chuẩn bị (nội dung thời kỳ chuẩn bị rút kinh nghiệm đợt 2 để làm tốt hơn), mặt khác các huyện thị phải lập kế hoạch chuẩn bị cho đợt 3 (riêng Bắc Hà lập thêm kế hoạch thí điểm xã Bản Phố). Phải nắm tình hình sơ bộ xã, hợp tác xã đánh giá yếu mạnh, từng nơi tổng kết được hợp tác xã cải tiến điển hình trong

vùng định cài tiến. Nội dung kế hoạch đợt 3 mỗi huyện, thị căn cứ vào phương hướng, kế hoạch khoanh vùng kinh tế và nhiệm vụ kế hoạch 2 năm và bản kế hoạch số 1 và số 3 về cải tiến quản lý hợp tác xã đã gửi của tỉnh mà đề ra yêu cầu, nội dung, mức độ phương châm, phương pháp cho cụ thể sát với từng xã, hợp tác xã.

Cần chú ý rằng tình hình các xã, hợp tác xã đợt 3 cũng tổ chức tương tự các xã, hợp tác xã vùng thấp đã làm cải tiến, nhưng có những đặc điểm khác, nhất là xã thí điểm vùng cao hoặc vùng giữa lại càng khác nữa, như có thể cùng phương hướng giống nhau. Nhưng mức độ kế hoạch của từng nội dung cuộc vận động lại phải khác nhau không thể rập theo mức độ như đợt 1, đợt 2 được.

Ví dụ: Hướng là tăng năng suất, tăng vụ những khâu gì phải tập chung, tăng vụ gì phù hợp và mức độ ra sao, chứ không phải nhất thiết tăng được 2 vụ lúa, v.v. tỷ trọng giữa cây công nghiệp trên tổng diện tích gieo trồng phải cao hơn các xã đợt 1 và đợt 2 mà kế hoạch số 3 của tỉnh đã nêu, cụ thể tới 30 - 40%, sắp tới tỉnh sẽ có chỉ thị hướng dẫn thêm.

Nói chung đối với các xã, hợp tác xã thuộc diện đợt 3 vẫn phải lấy phương hướng phát triển thật mạnh, sản xuất lương thực lúa ngô, phát triển đậu tương, chăn nuôi lợn, trâu, dê, trồng rừng, bảo vệ tu bổ, kinh doanh nghề rừng, tăng vụ xuống ruộng bằng ngô, khoai, đậu, v.v. làm hướng chung, còn về cây dài ngày hoa màu ngành nghề khác và các kế hoạch khác như ba quản, ba khoán... thì tùy theo từng nơi mà đề ra nội dung cho sát để thực hiện yêu cầu của tỉnh đề ra. Ngoài ra, đợt này đi đôi với việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp cần có kế hoạch củng cố phát triển hợp tác xã mua bán, quỹ tín dụng, nông thôn sao cho ba ngọn cờ hồng ở nông thôn đều được củng cố phát triển và hỗ trợ lẫn nhau.

Đội cán bộ chuyên nghiệp này chủ yếu chọn trong số cán bộ đợt 1 và đợt 2 của các ngành đã được tham gia công tác vận động, cải tiến để thành lập nên. Sau khi thành lập, Tỉnh ủy giao cho Ban

Công nghiệp trực tiếp lãnh đạo và quản lý, phân công bố trí công tác, trước mắt là bố trí làm công tác vận động cải tiến các đợt cho đến khi hoàn thành toàn tỉnh.

Những cán bộ ở đội này thuộc ngành nào vẫn ăn vào biên chế của ngành ấy, khi hoàn thành công tác vận động cải tiến tỉnh sẽ trả về cơ quan cũ. Các ngành có cán bộ do tỉnh điều động dứt khoát vào đội này, phần việc của cán bộ đó do cơ quan bố trí đảm nhiệm thêm, không được tuyển dụng thêm người khác để thay thế.

Các chế độ quyền lợi của cán bộ đội chuyên nghiệp như lương bổng, thuốc men, hộ khẩu, v.v. do các ngành có biên chế đó chuyển sang Ban Nông nghiệp quản lý và thực hiện. Đồng chí phụ trách Ty Tài chính căn cứ vào danh sách của đội làm thủ tục rút kinh phí ở các ngành có cán bộ trong đội để giao vào tài khoản cải tiến quản lý hợp tác xã ở Ban Nông nghiệp, Ban Nông nghiệp lập dự toán hằng quý, hằng năm kinh phí chi tiêu cho đội này gửi về Ty Tài chính xét cấp.

Ngoài ra, còn về sinh hoạt chính trị, Đảng, Đoàn, v.v. của mỗi cán bộ trong đội thì giới thiệu về sinh hoạt ở đơn vị cơ sở, nơi công tác thường xuyên của cán bộ đó, theo nguyên tắc thủ tục hiện hành.

Đối với huyện, thị, các huyện, thị ủy căn cứ vào yêu cầu cần thiết về công tác củng cố hợp tác xã vận động cải tiến quản lý cải tiến kỹ thuật nông nghiệp của địa phương và điều kiện lực lượng cán bộ của huyện, cũng có thể lập ra đội chuyên nghiệp như của tỉnh. Đội này cũng lấy cán bộ đã được đi vận động cải tiến, cán bộ tăng cường (hạ phóng) và chọn một số ở các ngành trực quan của huyện để lập ra; số lượng bình quân, một xã một cán bộ do huyện lãnh đạo, nhưng về chỉ đạo và quản lý trực tiếp thì giao cho Phòng Nông nghiệp chịu trách nhiệm để giúp huyện ủy, Ủy ban huyện chuyên trách đi sâu vào việc củng cố nâng cao hợp tác xã, cải tiến từng bước, giúp hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các hợp tác xã, xã hoàn thành tốt kế hoạch 2 năm của các xã, hợp tác xã trong thời

kỳ vận động tập trung đề ra. Tuy nhiên, trước khi ra văn bản quyết định lập ra đội chuyên trách, các huyện, thị ủy phải có báo cáo danh sách cán bộ lên Ban Tổ chức và Ban Nông nghiệp để báo cáo tỉnh chuẩn y.

Nhận được thông tri này, Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Nông nghiệp cùng các ngành có trách nhiệm cụ thể hóa thành văn bản theo thủ tục cần thiết để hình thành và báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ biết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 34-BB/TU, ngày 23-9-1966

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp trong 2 ngày 22 và 23 tháng 9 năm 1966. Về dự Hội nghị có các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Khánh Vinh, Long Khánh, Việt Tiến. Vắng mặt đồng chí Lê Bá Hội có lý do.

Hội nghị thảo luận hai vấn đề:

1. Tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ đợt sinh hoạt chính trị học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch ngày 17 tháng 7 năm 1966.
2. Thảo luận về phương hướng, chỉ tiêu kế hoạch 2 năm 1967 và 1968.

Các vấn đề trên thảo luận cụ thể dưới đây:

**I. TIẾP TỤC CHỈ ĐẠO CHẶT CHẼ ĐỢT SINH HOẠT
CHÍNH TRỊ HỌC TẬP LỜI KÊU GỌI CHỐNG MỸ, CỨU NUỐC
CỦA HỒ CHỦ TỊCH NGÀY 17-7-1966**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp nghe đồng chí Khánh Vinh truyền đạt tinh thần của Trung ương Đảng về tình hình, nhiệm vụ mới và yêu cầu, mục đích của đợt sinh hoạt chính trị học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch ngày 17 tháng 7 năm 1966.

Về tình hình và nhiệm vụ mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy trong thời gian qua tỉnh ta đang hướng vào những nhiệm vụ chính mà Trung ương đã chỉ thị trước đây. Trong thời gian tới, đứng trước sự thắt bại tất nhiên, liên tiếp và ngày càng nặng nề của đế quốc Mỹ, chúng đang âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam và tăng cường chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc, tình hình sẽ có thể trở nên gay go, quyết liệt hơn, đòi hỏi nhân dân các dân tộc trong tỉnh ta phải nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống tư tưởng chủ quan, không ngừng bồi dưỡng tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh để hoàn thành mọi nhiệm vụ mới. Phải chuẩn bị và giải quyết tốt tư tưởng cho cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh là Lào Cai sẽ có thể bị bắn phá ác liệt và dù bất kỳ trong tình huống nào chúng ta cũng phải làm tốt nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu.

Để đáp ứng tình hình và sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, thời gian qua chúng ta tổ chức đợt sinh hoạt chính trị học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch ngày 17 tháng 7 năm 1966. Đợt sinh hoạt chính trị đó nói chung đã nâng cao thêm một bước cho cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh về trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và ý thức căm thù địch, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong và sau khi học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch, nhiều nơi đã có sự chuyển biến bằng những hành động cách mạng cụ thể như đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, hoàn thành công tác ba thu v.v..

Kết quả học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong thời gian qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy những *kết quả đó mới chỉ là bước đầu gây được khí thế mới trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước*. Nhưng so với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới *đòi hỏi các cấp, các ngành phải tổ chức học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch một cách sâu sắc hơn nữa theo phương pháp mới*, phát động được tư tưởng mọi người khắc sâu căm thù đế quốc

Mỹ xâm lược, dù phải chịu đựng gian khổ hy sinh đến mức nào cũng quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do cho đến cùng.

Để tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ đợt sinh hoạt chính trị học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch *theo tinh thần và phương pháp mới*. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phải tiến hành sơ kết đợt học tập vừa qua rút ra những ưu khuyết điểm, kinh nghiệm để bổ khuyết cho đợt học tập mới sắp tới.

Về mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp đợt học tập sinh hoạt chính trị lần này, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy sẽ bàn cụ thể với các Ban huyện ủy, Đảng ủy và các đồng chí phụ trách các ngành xung quanh tỉnh.

Theo tinh thần mới về nội dung đợt học tập, sinh hoạt chính trị sẽ lấy văn kiện lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch ngày 17 tháng 7 năm 1966 là chính và lấy hai tài liệu của đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Nguyễn Chí Thanh để tham khảo. Trong văn kiện lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch ngày 17 tháng 7 năm 1966, phải bám chặt tinh thần *Không có gì quý hơn độc lập, tự do để phát động tư tưởng*. Về phương pháp phát động tư tưởng sẽ nhằm ba đối tượng: Thủ sâu với đế quốc, ơn nặng với cách mạng; tiên tiến trong lao động sản xuất và chiến đấu.

Sau khi tư tưởng đã được phát động thì phải có phương hướng hành động cụ thể để đẩy mạnh mọi mặt công tác, biến khí thế thi đua trở thành cao trào cách mạng thường xuyên và đi vào chiều sâu.

Nơi nào đã tổ chức học tập trước đây rồi, thì phải học tập sâu hơn nữa. Còn nơi nào chưa học tập thì phải kiên quyết bố trí thời gian học tập cho tốt. Ban Tuyên giáo tỉnh và các huyện ủy, thị ủy phải tổ chức lãnh đạo học tập thí điểm rút kinh nghiệm.

II. THẢO LUẬN VỀ PHƯƠNG HƯỚNG CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HAI NĂM 1967 - 1968

Sau khi nghe trình bày bản dự kiến chỉ tiêu phấn đấu của kế hoạch hai năm 1967 - 1968. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy về

phương hướng chỉ tiêu kế hoạch 2 năm 1967 - 1968 muốn đề ra cho sát, phải xuất phát từ ba yếu tố chính dưới đây:

1. Phải dựa vào nhiệm vụ chính trị hiện nay là "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược".

2. Phải căn cứ vào khả năng tiềm tàng thực tế của địa phương, những khả năng đó sẽ biến thành hiện thực.

3. Phải dựa vào tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về vấn đề phát triển nông nghiệp miền núi.

Để chuẩn bị bản dự kiến chỉ tiêu phấn đấu của kế hoạch hai năm 1967 - 1968 đề ra cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới chống Mỹ, cứu nước hiện nay và khả năng tiềm tàng thực tế của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy phải thực hiện đúng khẩu hiệu "Dân chủ hóa kế hoạch", lấy ý kiến xây dựng ở bên dưới trên cơ sở phát động được tư tưởng các cấp, các ngành và quần chúng xã viên nhận thức rõ giai đoạn cách mạng hiện nay "Miền Bắc là hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn", với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược", Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tổ chức thành các đoàn cán bộ xuống cơ sở nghiên cứu và lấy ý kiến bên dưới để xây dựng cho sát bản dự kiến chỉ tiêu phấn đấu của kế hoạch 2 năm 1967 - 1968, bản dự kiến này sẽ trình bày trước hội nghị Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ họp vào khoảng trung tuần tháng 10 năm 1966.

Các đoàn cán bộ sẽ do các đồng chí Thường vụ ủy viên tỉnh làm trưởng đoàn và gồm có một số các đồng chí tỉnh ủy viên và cán bộ các ngành có liên quan tới việc xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, số cán bộ tham gia trong các đoàn sẽ do Ủy ban Kế hoạch tỉnh cử Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu cụ thể trình bày với Thường trực Tỉnh ủy quyết định. Cố gắng bố trí ngay để các đoàn có thể xuống cơ sở trong tháng này, nội dung nghiên cứu và lấy ý kiến bên dưới sẽ do Ủy ban Kế hoạch tỉnh và các đồng chí Thường vụ ủy viên tỉnh phụ trách các đoàn đề xuất.

Muốn cho bản dự kiến chỉ tiêu kế hoạch phán đấu 2 năm 1967 - 1968 được đúng phương hướng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu lên một số vấn đề dưới đây để Ủy ban Kế hoạch tỉnh nghiên cứu chuẩn bị bổ sung vào bản dự kiến.

Về nông nghiệp:

Mục tiêu phán đấu 2 năm 1967 - 1968 về nông nghiệp phải *tiến tới tự túc về lương thực và thực phẩm* (kể cả cung cấp lương thực và thực phẩm cho các cơ sở xí nghiệp của Trung ương đóng tại địa phương như Mỏ apatít, Nhà máy điện, v.v.).

Phát triển nông nghiệp phải toàn diện, sát với khả năng từng vùng: Vùng thấp chú trọng phát triển cây lương thực, đặc biệt chú trọng tăng sản lượng lúa, đưa năng suất lúa trên 5 tấn một hécta trong 2 vụ. Vùng cao và giữa chú trọng phát triển thực phẩm và cây công nghiệp, đặc biệt chú trọng tăng sản lượng ngô, đậu tương.

Trong sản xuất lương thực phải chú ý năm loại chính: Lúa, ngô, sắn, dong riêng, khoai, đồng thời tùy theo tình hình của từng nơi mà phát triển các loại mỳ, mạch, ý dĩ và các loại củ có bột khác. Sản xuất hoa màu phải đi đôi với việc tổ chức chế biến và vận động ăn hoa màu với một mức thích hợp.

Trên cơ sở giải quyết tốt vấn đề lương thực, lấy lương thực làm bàn đạp để phát triển mạnh sản xuất cây công nghiệp, trong đó vừa phải phát triển các loại cây ngắn ngày như đậu tương, lạc, mía, vừng, v.v. vừa phải tích cực gây cơ sở các loại cây dài ngày như chè, tràu, thảo quả, lai, v.v. phát triển thành những vùng cây công nghiệp, nhằm tăng thêm sản phẩm hàng hóa, tăng thu nhập và cung cấp sản phẩm cây công nghiệp một cách lâu dài. Cần phải chú trọng phát triển các loại cây có sợi như bông, lanh, các loại cây đặc sản quý, cây làm thuốc và một số cây ăn quả, vừa phát triển mạnh các loại cây nhiệt đới, vừa chú ý khai thác những khả năng của một số loại cây á nhiệt đới.

Về chăn nuôi phải hết sức chú ý đến đàn lợn, làm sao cho 2 năm tới đàn lợn của tỉnh ta có thể đưa lên nhanh. Phải gắn liền chăn nuôi với trồng trọt, chăn nuôi đảm bảo cung cấp sức kéo, phân bón, cung cấp thịt ngày càng nhiều. Cần chú trọng thích đáng đến phát triển cá và nuôi ong, v.v.. Phải dần dần làm cho chăn nuôi trở thành một nguồn thu nhập lớn, các hợp tác xã có điều kiện phải tổ chức chăn nuôi tập thể.

Về nghề rừng phải dựa vào hợp tác xã để phát triển, trong 2 năm tới phải đẩy mạnh công tác nghề rừng, kết hợp chặt chẽ việc bảo vệ, tu bổ, cải tạo và trồng cây gây rừng với việc khai thác. Trong 2 năm phải chấm dứt nạn đốt phá rừng bừa bãi, nhằm đảm bảo cung cấp thường xuyên và lâu dài sản phẩm lâm nghiệp cho nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế quốc dân, tăng thu nhập của nhân dân và Nhà nước.

Về công nghiệp:

Phải phát triển mạnh công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp. Trong 2 năm tới có thể đưa tổng giá trị sản lượng công nghiệp lên tới trên 11 triệu. Hướng công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phục vụ ngày càng đắc lực cho nông nghiệp. Đặc biệt, phải hết sức coi trọng việc đưa cơ khí nhỏ vào sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1968 có thể xây dựng được 150 điểm cơ khí nhỏ nông nghiệp.

Trên đây, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu lên một số vấn đề về phương hướng kế hoạch 2 năm 1967 - 1968, Ủy ban Kế hoạch tỉnh cần nghiên cứu cụ thể, dựa vào phương hướng chung của trên để ra các chỉ tiêu cụ thể cho sát. Còn về biện pháp đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2 năm 1967 - 1968, thì phải dựa vào tình hình cụ thể của địa phương mà đề ra *những biện pháp thật cụ thể và tích cực nhất*. Nhưng biện pháp đó phải dựa vào những kết luận của hội nghị Tỉnh ủy vừa qua đã nêu lên bốn vấn đề tồn tại và các

biện pháp đê ra lần này phải hết sức chú ý đến *biện pháp phát động tư tưởng và biện pháp kỹ thuật*.

Thực hiện kế hoạch 2 năm sắp tới, còn phải đặc biệt chú ý tới biện pháp chính trị củng cố cơ sở và các ngành phải hướng vào công tác trung tâm như tinh thần mới của Trung ương nêu lên vừa qua.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 34-NQ/TU, ngày 27-9-1966

**Về kiện toàn tổ chức
Ban Tài chính - thương nghiệp các cấp**

**I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO
VÀ CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC TÀI CHÍNH THƯƠNG NGHIỆP
Ở TỈNH TA THÀNH MỘT KHỐI**

Thi hành Nghị quyết 137-NQ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1966 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và xét tình hình phát triển các mặt kinh tế ở tỉnh ta:

- Công nghiệp đang được đẩy mạnh nhất là công nghiệp địa phương đang phát triển với quy mô lớn, các công trình thủy lợi, thủy điện phát triển với tốc độ nhanh, điện khí hóa và cơ khí nhỏ nông thôn đương chuẩn bị và xây dựng gấp, vốn đầu tư xây dựng cơ bản thiết bị ngày càng lớn, sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng ngày càng nhiều. Giao thông vận tải bắt đầu mở rộng đến huyện, khu vực.

- Nông nghiệp đang được cải tiến đi vào thâm canh tăng năng suất, áp dụng kỹ thuật mới. quan hệ sản xuất ở nông thôn đang được củng cố; ba loại hợp tác xã: (hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng, và hợp tác xã mua bán) đang phát huy tác dụng thúc đẩy phong trào hợp tác hóa nông thôn.

- Kinh tế đã và đang đi vào khoanh vùng sản xuất theo quy hoạch, các mặt hàng nông, lâm, thổ sản, đặc sản ngày càng sản xuất được nhiều hơn; sản xuất hàng hóa ngày càng phát triển; thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất ở tỉnh ta đã hình thành, chiếm quá nửa tổng lượng hàng hóa mua bán trên thị trường. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã giữ vai trò chủ đạo trong lưu thông phân phối thúc đẩy sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc; thị trường tỉnh ta cũng là thị trường chính trong thị trường chung của miền Bắc, cho nên có tác dụng ảnh hưởng đến kế hoạch phân phối chung của Nhà nước.

Hiện nay Trung ương lại có chủ trương phân cấp cho địa phương quản lý các ngành tài chính - thương nghiệp cho phù hợp với tình hình phát triển của nền kinh tế, phù hợp với yêu cầu thời chiến. Do đó, việc tăng cường quản lý tài vụ đối với các xí nghiệp quốc doanh và việc hướng dẫn xây dựng công tác quản lý kinh tế tài chính cho xã và hợp tác xã đi vào nền nếp trở thành hệ thống quản lý kinh tế tài chính từ tỉnh đến xã là rất cần thiết, đồng thời phải tiếp tục hoàn thành tốt việc cải tạo công thương nghiệp tư doanh, củng cố hợp tác xã thủ công nghề phụ, tăng cường quản lý thị trường xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất đảm bảo cho quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh chóng, cân đối và vững chắc.

Mặt khác, trước tình hình cả nước có chiến tranh, nhu cầu cho sản xuất chiến đấu tăng lên nhanh chóng. Bất cứ trong điều kiện nào cũng phải đảm bảo: Đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, cho nên sản xuất cũng phải đẩy mạnh và ra sức tiết kiệm để dành ưu tiên cho chiến đấu.

Trong chiến tranh, âm mưu giặc Mỹ phá hoại kinh tế của ta, do đó trong sản xuất có thể gặp khó khăn, cung cầu trở nên chênh lệch, tạm thời xảy ra mất cân đối, tình hình đó sẽ gây nhiều khó khăn cho việc lưu thông, phân phối, quản lý kinh tế, tài chính. Để đảm bảo cho đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, ta cần phải có biện pháp

động viên, tập trung cao độ các nguồn nhân, vật, tài lực trong tay Nhà nước để cung cấp có lợi nhất cho mọi nhu cầu sản xuất, chiến đấu, đời sống và cho xuất khẩu.

Muốn thế đòi hỏi phải có chủ trương, biện pháp tích cực tăng cường quản lý công tác tài chính - thương nghiệp để giải quyết kịp thời, thích hợp với tình hình mới của tỉnh ta.

Các công tác: Lương thực, nội thương, ngoại thương, vật giá tài chính, ngân hàng là những công tác nằm trong khối lưu thông phân phối, là một loại công tác tổng hợp nghiệp vụ phức tạp, tác động đến các mặt sản xuất, chiến đấu và đời sống trong toàn xã hội, liên quan đến rất nhiều chính sách lớn của Đảng, có nhiệm vụ góp phần xây dựng các mối quan hệ lớn và giải quyết các mâu thuẫn lớn trong nền kinh tế quốc dân, động viên và phân phối các nguồn của cải của xã hội, đảm bảo cho cả ba nhu cầu: sản xuất, chiến đấu và đời sống, phục vụ tốt việc xây dựng tinh ta thành hậu phương vững mạnh, nhất là trong điều kiện vừa đánh giặc, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, trong tình hình hiện nay các ngành tài chính - thương nghiệp - giá cả vừa là hậu cần của chiến tranh nhân dân vừa là công cụ trong tay Nhà nước chuyên chính vô sản để xây dựng chủ nghĩa xã hội và quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng từ tỉnh đến huyện, xã, từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông phân phối.

Vận dụng nghị quyết của Trung ương vào thực tiễn của tỉnh ta, Tỉnh ủy quyết định về tổ chức ban tài chính - thương nghiệp như sau:

Các ngành: Lương thực, nội thương, ngoại thương, hải quan, vật giá, tài chính, ngân hàng hợp thành một khối, Khối Tài chính thương nghiệp. Ban Tài chính - thương nghiệp các cấp giúp Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ công tác tài chính - thương nghiệp và giá cả.

Đối với các ngành khác như quốc doanh dược phẩm, công ty tư liệu sản xuất... là những đơn vị có quan hệ công tác.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC CỦA BAN TÀI CHÍNH THƯƠNG NGHIỆP TỈNH ỦY

a. Chức năng, nhiệm vụ của Ban

- Nắm tình hình về mọi mặt công tác tài chính - thương nghiệp trong tỉnh để tổng hợp và báo cáo đều kỳ với Tỉnh ủy và với Ban tài chính - thương nghiệp Trung ương.

- Nắm tình hình vật tư, hàng hóa ở địa phương, nghiên cứu đề xuất các biện pháp giúp cấp ủy đầu tư vốn, phân phối vật tư nhằm đẩy mạnh sản xuất và quản lý tốt.

- Giúp Tỉnh ủy nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ về đường lối, chính sách tài chính - thương nghiệp để vận dụng đúng đắn vào việc chỉ đạo công tác tài chính - thương nghiệp ở địa phương.

- Theo dõi kiểm tra sự thực hiện đường lối, chính sách ấy trong các ngành các cấp ở địa phương.

- Từng thời gian, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, phối hợp với các ngành tổng kết các vấn đề về chấp hành đường lối, chính sách và nhiệm vụ tài chính - thương nghiệp, giá cả của Đảng.

- Tham gia ý kiến và phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác tổ chức và quản lý cán bộ trong Khối Tài chính - thương nghiệp thuộc diện tỉnh quản lý, giúp đỡ các ngành tài chính - thương nghiệp xây dựng cơ sở mạng lưới thương nghiệp, hợp tác xã mua bán, tín dụng cho thích hợp với điều kiện miền núi. Tổ chức việc bồi dưỡng đào tạo về chính sách, nghiệp vụ tài chính - thương nghiệp cho cán bộ huyện, xã, đồng thời tham gia ý kiến với các ngành trong việc tổ chức huấn luyện đào tạo cán bộ, công nhân viên; kết hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trong việc tuyên truyền

phổ biến chính sách tài chính - thương nghiệp của Đảng và Nhà nước cho cán bộ và nhân dân, làm công tác tư tưởng, chính trị đối với cán bộ, nhân viên các ngành trong khối.

b. Tổ chức và lề lối làm việc

1. Thành phần của Ban Tài chính - thương nghiệp Tỉnh ủy gồm có:

- 1 trưởng ban, đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng thời là Phó Chủ tịch hay là ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh phụ trách Khối Tài chính - thương nghiệp.

- 1 hay 2 phó ban chuyên trách.

Ngoài ra, tùy theo yêu cầu công tác và khả năng cán bộ, Tỉnh ủy có thể chỉ định đồng chí phụ trách Phòng Tài chính - thương nghiệp của Ủy ban hành chính tham gia vào Ban với tư cách là một phó trưởng ban để tăng cường sự phối hợp, kết hợp công tác giữa Ban Tài chính - thương nghiệp của Đảng và Phòng Tài chính - thương nghiệp của Ủy ban hành chính.

Dựa vào công tác theo dõi, nắm tình hình và nghiên cứu của Ban Tài chính - thương nghiệp Tỉnh ủy, đồng chí trưởng ban sẽ tùy tính chất từng vấn đề cụ thể mà đưa ra bàn ở Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hoặc đưa ra bàn ở Ủy ban hành chính để giải quyết.

Các đồng chí phó ban giúp trưởng ban làm công tác trên theo sự phân công phân nhiệm của trưởng ban.

Cán bộ của Ban: Để giúp cho Ban làm tròn các nhiệm vụ trên, cần tăng cường cán bộ của Ban cụ thể như sau:

- Ban Tài chính - thương nghiệp Tỉnh ủy, ngoài phó ban thường trực ra cần thêm 3 đến 5 cán bộ có khả năng nghiên cứu, kiểm tra và theo dõi nắm tình hình.

- Phòng Tài chính - thương nghiệp Ủy ban hành chính tỉnh, ngoài trưởng phòng ra, cần thêm 2 đến 4 cán bộ có khả năng nghiên cứu, kiểm tra đôn đốc thực hiện.

2. Quan hệ và lề lối làm việc giữa Ban Tài chính - thương nghiệp và Phòng Tài chính - thương nghiệp, Ủy ban hành chính tỉnh và với các ngành trong khối.

- Ban Tài chính - thương nghiệp Tỉnh ủy là cơ quan giúp Tỉnh ủy lãnh đạo công tác tài chính - thương nghiệp. Phòng Tài chính - thương nghiệp Ủy ban hành chính tỉnh là cơ quan giúp Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo công tác tài chính - thương nghiệp, cụ thể theo dõi kiểm tra đôn đốc thường xuyên, tổ chức, đẩy mạnh thực hiện các chỉ thị kế hoạch, chế độ, nguyên tắc về tài chính - thương nghiệp của Nhà nước và các chủ trương về tài chính - thương nghiệp của Tỉnh ủy đề ra.

Hai cơ quan cần thống nhất về chương trình công tác hàng năm, quý, và tháng, cần thống nhất về sự phân công cụ thể quan hệ với các ngành cho hợp lý, cần thường kỳ cùng nhau kiểm điểm công tác, rút kinh nghiệm, cải tiến lề lối làm việc nhằm đảm bảo công việc của cả hai bên đều được thực hiện tốt, lại đỡ phiền phức cho các ngành khối phải giải quyết một việc với cả hai bên.

Tổ chức phối hợp, kết hợp trong công tác cụ thể:

- Về nghiên cứu: Ban Tài chính - thương nghiệp Tỉnh ủy chịu trách nhiệm nghiên cứu các vấn đề thuộc về đường lối, chính sách, chủ trương, phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính - thương nghiệp cần trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua. Trong công tác nghiên cứu phải căn cứ vào văn kiện của Trung ương Đảng cũng như của Chính phủ để vận dụng vào địa phương cho phù hợp.

Phòng Tài chính - thương nghiệp Ủy ban hành chính tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, chính quyền hóa các chủ trương của Đảng đồng thời phối hợp với các ty, các ngành tài chính - thương nghiệp, giá cả, nghiên cứu về biện pháp cụ thể, tổ chức thực hiện các chủ trương trình Thường trực Ủy ban hành chính tỉnh giải quyết.

- Về công tác nắm tình hình: Ban Tài chính - thương nghiệp Tỉnh ủy cần phối hợp chặt chẽ với Phòng Tài chính- thương nghiệp

và các cơ sở trong việc nắm tình hình thường xuyên đều kỳ, tổng hợp báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phòng Tài chính - thương nghiệp báo cáo với Ủy ban hành chính tỉnh. Trước khi báo cáo, giữa Ban và Phòng Tài chính - thương nghiệp cần có trao đổi thống nhất.

- Về công tác kiểm tra: Ngoài việc tiến hành kiểm tra thường xuyên theo chức năng yêu cầu công tác của các ngành. Tùy từng thời gian theo yêu cầu của Tỉnh ủy hay Ủy ban hành chính mà Ban và Phòng Tài chính - thương nghiệp phối hợp cùng kiểm tra những việc cần thiết ở các ngành và các huyện.

- Đối với các ngành: Hàng tháng, quý, Ban có thể triệu tập các ngành trong khối sinh hoạt kiểm điểm tình hình công tác hoặc truyền đạt các chủ trương, nhiệm vụ công tác mới. Việc sơ kết, tổng kết công tác tài chính - thương nghiệp khi được sự đồng ý của Tỉnh ủy thì do Văn phòng Tỉnh ủy triệu tập.

Để nắm tình hình hoạt động của các ngành ngoài việc các ngành gửi báo cáo hoạt động của ngành mình cho Ban, cán bộ nghiên cứu của Ban cần tham dự các cuộc họp, trao đổi nắm tình hình hoặc yêu cầu các ngành báo cáo trực tiếp những vấn đề cần thiết.

3. Ở cấp huyện và thị xã:

Công tác tài chính - thương nghiệp ở huyện, thị rất quan trọng, vì phải trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo các đơn vị cơ sở chấp hành đường lối, chính sách tài chính - thương nghiệp, giá cả của Đảng và Chính phủ ở nông thôn, thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, góp phần cung cấp và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, thực hiện mối quan hệ kinh tế giữa công nghiệp và nông nghiệp, đẩy mạnh giao lưu thành thị và nông thôn, thực hiện chính sách động viên vật lực, tài lực ở nông thôn đáp ứng cho các nhu cầu của sản xuất, chiến đấu, đời sống cho nhân dân các dân tộc và cho xuất khẩu.

Huyện ủy cần lãnh đạo chặt chẽ, phân công một đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính

huyện chuyên trách công tác tài chính - thương nghiệp và có một hoặc hai cán bộ có năng lực ở trong văn phòng Ủy ban hành chính huyện giúp việc.

Ở huyện, thị xã cần thành lập Khối Tài chính - thương nghiệp nhằm giúp cho huyện, thị ủy, và Ủy ban hành chính huyện, thị xã nắm vững tình hình, phối hợp kết hợp chặt chẽ hoạt động của các ngành tài chính - thương nghiệp và giá cả ở huyện, thị xã.

Thành phần Khối Tài chính - thương nghiệp ở huyện, thị xã gồm có:

Đồng chí Ủy viên Thường vụ huyện, thị ủy kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện, thị xã phụ trách khối tài chính - thương nghiệp và các đồng chí: Trưởng phòng thương nghiệp, trưởng phòng tài chính, trưởng phòng lương thực, trưởng chi điểm ngân hàng (và chủ nhiệm hợp tác xã mua bán huyện nếu có). Khối cần có định kỳ sinh hoạt đều đặn để kiểm điểm công tác, định hướng chương trình kế hoạch công tác của khối và bàn biện pháp thực hiện những nhiệm vụ công tác lớn để giúp huyện, thị ủy và Ủy ban hành chính huyện, thị xã chỉ đạo công tác tài chính - thương nghiệp trong huyện, thị xã được toàn diện, chặt chẽ và đạt kết quả tốt. Đồng chí phụ trách khối cần thường kỳ báo cáo tình hình hoạt động tài chính - thương nghiệp trong huyện, thị với Ban Thường vụ huyện, thị và Ủy ban hành chính huyện, thị xã.

4. Ở cấp xã:

Hiện nay, phần lớn các hợp tác xã nông nghiệp còn ở quy mô thôn, nhưng các hợp tác xã mua bán, ngân sách xã lại lấy xã làm đơn vị và một số hợp tác xã tín dụng xây dựng theo quy mô toàn xã. Công tác tài chính - thương nghiệp ở xã tác động lớn đến sản xuất, đời sống và mọi hoạt động của nhân dân trong xã cho nên cần được sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng và chính quyền xã.

Vì vậy, để giúp cấp ủy Đảng và Ủy ban hành chính xã lãnh đạo và chỉ đạo tốt các mặt công tác tài chính, tín dụng, thương nghiệp

và giá cả ở xã, cần thành lập Ban Tài chính - thương nghiệp xã (là ban chuyên môn của Đảng, đồng thời có danh nghĩa là Ban của chính quyền xã).

Thành phần của Ban cần có:

Do đồng chí Ủy viên Thường vụ Đảng ủy, chi ủy kiêm Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là Trưởng ban và các đồng chí: Ủy viên tài chính của Ủy ban hành chính xã, chủ nhiệm hợp tác xã mua bán, chủ nhiệm hợp tác xã tín dụng xã làm ủy viên. Cấp ủy xã cần lựa chọn những cán bộ có chất lượng tham gia Ban Tài chính thương nghiệp xã.

Ban Tài chính - thương nghiệp xã cần có định kỳ sinh hoạt đều đặn để kiểm điểm tình hình công tác và bàn biện pháp thực hiện những nhiệm vụ mới về công tác tài chính - thương nghiệp ở xã. Thường xuyên báo cáo tình hình và nhiệm vụ công tác tài chính - thương nghiệp với cấp ủy và Ủy ban hành chính xã. Ở những xã chưa đủ các thành phần trên (hợp tác xã) thì cấp ủy Đảng phân công một đồng chí trong Ban Thường vụ kiêm Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã chuyên trách công tác tài chính - thương nghiệp xã.

Để giúp cho các đồng chí trưởng ban và ủy viên tài chính xã có điều kiện tập trung nhiều thì giờ vào công tác, tùy tình hình cụ thể, có thể các đồng chí có được hưởng cả hoặc một phần định suất phụ cấp cán bộ xã.

Tổ chức thành lập Ban Tài chính - thương nghiệp ở xã là một việc rất mới, hoạt động về tài chính - thương nghiệp ở xã có nhiều khó khăn, phức tạp, cán bộ còn thiếu và ít kinh nghiệm cho nên các huyện, thị ủy, các ngành chuyên môn ở tỉnh và nhất là ở huyện cần hết sức giúp đỡ bồi dưỡng các cán bộ làm công tác tài chính - thương nghiệp ở xã về mọi mặt.

Các huyện, thị ủy cần bàn bạc có kế hoạch cụ thể kiện toàn tổ chức tài chính - thương nghiệp huyện, thị. Đối với Ban Tài chính

thương nghiệp xã cần tiến hành thí điểm từng bước rút kinh nghiệm rồi mới mở rộng, đồng thời có biện pháp cụ thể về lề lối làm việc của huyện, xã thông qua huyện, thị ủy và Ủy ban hành chính huyện, thị. Trong quá trình thực hiện thường xuyên báo cáo cho Tỉnh ủy biết kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 105-CT/TU, ngày 07-1-1966

**Về việc tăng cường hơn nữa công tác phòng, chống
âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch**

Trước những thắng lợi ngày càng to lớn của quân và dân ta trong cả nước, trước những thất bại ngày càng nặng nề và thảm hại, đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố lao đầu vào con đường phiêu lưu, mù quáng. Chúng đang âm mưu chuẩn bị chiến dịch mùa khô hòng mở rộng chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam và tăng cường chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Chúng âm mưu phá hoại miền Bắc bằng nhiều hình thức, thủ đoạn. Hình thức, thủ đoạn thả gián điệp, biệt kích để quấy rối hậu phương ta, được chúng rất chú ý sử dụng. Trước đây chúng đã dùng hình thức, thủ đoạn này ở nhiều nơi hòng phá hoại miền Bắc nước ta, nhưng chúng đã bị thất bại nhục nhã. Ngay ở Lào Cai, quân và dân ta cũng đã bắt gọn toán biệt kích của đế quốc Mỹ thả ở Phú Nhuận năm 1963. Tuy bị thất bại, song do bản chất ngoan cố của đế quốc Mỹ, chúng chết nhưng nết vẫn không chừa, *chúng sẽ có những thủ đoạn xảo quyết, thâm độc, đen tối hơn trong âm mưu thả gián điệp, biệt kích*.

Để kịp thời đối phó với âm mưu thả gián điệp, biệt kích mới của đế quốc Mỹ, góp phần xây dựng, củng cố vững chắc căn cứ địa cách mạng miền núi, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị, để các cấp, các ngành nghiêm chỉnh thực hiện khẩn trương những việc sau đây.

1. Phải kết hợp với đợt sinh hoạt chính trị để giáo dục cán bộ, bộ đội, dân quân, công an, nhân dân các dân tộc trong tỉnh nâng cao cảnh giác cách mạng giải quyết triệt để tư tưởng chủ quan, coi thường âm mưu của địch; cho là trước đây chúng thả biệt kích ở Phú Nhuận đã bị ta tóm gọn, nay chúng không dám thả hoặc có thả thì chúng ta bắt cũng dễ dàng, v.v.. Phải giáo dục cho cán bộ, bộ đội, dân quân, công an, nhân dân các dân tộc trong tỉnh thấy rõ sự thát bại và âm mưu mới của địch, tính chất ác liệt trong thời gian tới. Nhất là đối với âm mưu thả gián điệp, biệt kích lần này của đế quốc Mỹ có thể chúng sẽ dùng nhiều thủ đoạn xảo quyệt, thâm độc, đen tối hơn các lần trước như chúng sẽ có thể thả gián điệp, biệt kích bằng đường không hoặc đường bộ; thả ban đêm có khi chúng thả cả ban ngày noi hẻo lánh; có thể chúng sẽ phối hợp cho máy bay bắn phá ở nơi này để thả biệt kích ở nơi khác; hoặc có khi chúng thả gián điệp, biệt kích bị lộ, ta truy tìm, chúng sẽ bắn phá, oanh tạc lực lượng ta để cứu bọn chúng; rất có thể lần này chúng sẽ thả gián điệp, biệt kích làm nhiều toán cùng một lúc hoặc thả rải rác làm nhiều nơi, v.v.. Tóm lại, phải giáo dục cho cán bộ, bộ đội, dân quân, công an và nhân dân các dân tộc trong tỉnh thấy rõ âm mưu, thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ, phải lường tính đến khả năng xấu nhất, ác liệt nhất của tình hình để có nhiều phương án đối phó kịp thời. Chống tư tưởng chủ quan, coi thường, nhưng đồng thời cũng phải phòng tư tưởng hoang mang, dao động, bi quan.

2. Phải tổ chức lực lượng vây bắt gián điệp, biệt kích cho chu đáo. Phải phân rõ ranh giới trách nhiệm của từng địa phương, từng đơn vị. Trước hết phải thấy rõ vai trò và vị trí có tính chất chiến lược của xã, khi có gián điệp biệt kích địch thả xuống ở xã nào thì lực lượng dân quân, công an và nhân dân ở xã đó phải đối phó và giải quyết ngay tại chỗ. Thứ đến lực lượng dân quân, công an của các xã ở gần đến tiếp viện xã có gián điệp, biệt kích thả

xuống, đóng vai trò và vị trí rất quan trọng. Bất cứ ở đâu cũng phải tổ chức và củng cố tốt hai lực lượng nói trên, phải xây dựng quy ước hiệp đồng tác chiến khi có địch. Sở dĩ đặt hai lực lượng nói trên có tính chất chiến lược và quan trọng trong công tác phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch, là vì khi gián điệp, biệt kích mới xuống có nhiều sơ hở, nhược điểm, chúng còn bỡ ngỡ, hoang mang, nếu ta tranh thủ thời gian đối phó và giải quyết ngay từ đầu thì có nhiều điều kiện thuận lợi, bắt gọn địch ngay từ khi chúng chưa kịp gây tội ác. Ngoài hai lực lượng trên các trung đội mạnh ở các khu vực cũng phải chuẩn bị sẵn sàng để tiếp viện kịp thời cho những xã có gián điệp, biệt kích thả xuống. Phải giải quyết tư tưởng cho các ban chỉ ủy, xã đội và ban công an xã không được ý lại vào lực lượng của huyện và tỉnh. Đối với lực lượng bộ đội và công an vũ trang của tỉnh và huyện thì phải bố trí hướng vào những nơi trọng điểm, phải bố trí lực lượng đề phòng đợt này địch có thể thả gián điệp, biệt kích nhiều điểm trong một lúc. Tổ chức lực lượng vây bắt gián điệp, biệt kích lần này phải chú ý bố trí cả lực lượng phòng không, đề phòng máy bay địch bắn phá, oanh tạc, v.v..

3. Tỉnh đội và các ban chỉ huy huyện đội tổ chức họp các ngành có trách nhiệm đối với công tác phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch để kiểm điểm trách nhiệm của từng ngành xem có vấn đề gì còn thiếu sót, chưa chuẩn bị đầy đủ làm đúng chức năng của mình thì phải bổ khuyết kịp thời ngay. Nếu ngành nào làm không tròn trách nhiệm của mình đối với công tác này, đến khi có việc tóm ra lúng túng, bị động, không làm tròn nhiệm vụ, để ảnh hưởng không tốt đến công tác phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy.

4. Nghiên cứu, vận dụng và phổ biến trong hàng ngũ công an, dân quân... để chấp hành đúng những chính sách cụ thể, những thề lệ, nguyên tắc đã quy định của trên đối với việc bắt, giữ lấy tài

liệu những tên gián điệp, biệt kích và những nguyên tắc quy định cụ thể đối với việc bảo vệ những chiến lợi phẩm, v.v.. Ty Công an và các cơ quan có trách nhiệm phải nghiên cứu kế hoạch lấy tài liệu của những tên gián điệp, biệt kích khi bị chúng ta bắt, nên dùng cách nào để có lợi nhất. Đặc biệt, giáo dục ý thức tuyệt đối giữ bí mật trong cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

5. Những nơi giáp giới giữa tỉnh ta và các tỉnh bạn và giữa các huyện trong tỉnh thường là những nơi sơ hở kẻ địch dễ lợi dụng thả gián điệp, biệt kích. Cần phải xúc tiến các cuộc họp bàn kế hoạch phối hợp chặt chẽ. Các ban huyện ủy, huyện đội, huyện công an và các ban chi ủy ở những nơi giáp giới xã, huyện, tỉnh bạn phải chủ động trực tiếp gấp ngay các ban huyện ủy, huyện đội, huyện công an và các ban chi ủy của các huyện và các xã bạn bàn kế hoạch phối hợp đối phó kịp thời âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch.

6. Tỉnh đội và Công an tỉnh xét duyệt lại phương án phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch ở các huyện. Các ban huyện ủy, huyện đội, công an huyện xét duyệt lại các phương án phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch ở các xã trong huyện. Trước mắt để kịp thời đối phó với âm mưu của địch, tỉnh đội và công an tỉnh phổ biến ngay tinh thần mới của Tỉnh ủy về công tác phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch để các nơi khẩn trương chuẩn bị đón lấy thời cơ giành lấy những thắng lợi mới.

Nhận được chỉ thị này các cấp, các ngành trong tỉnh có trách nhiệm đổi với công tác phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch phải thi hành khẩn trương những biện pháp cần thiết trước mắt cũng như lâu dài để đảm bảo công tác phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch đạt được kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 70-BC/TU, ngày 20-10-1966
Về công tác quý III năm 1966**

Trong quý III, trên cơ sở quán triệt tinh thần Nghị quyết 12 với việc tiến hành học tập sâu rộng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch đến đảng viên, cán bộ, công nhân và nhân dân các dân tộc, các cấp các ngành trong tỉnh đã tập trung sự lãnh đạo chỉ đạo vào công tác sản xuất vụ mùa, ba thu, săn sàng chiến đấu, xây dựng Đảng... có chuyển biến mới về tư tưởng và hành động, đặc biệt đã chú ý khắc phục các khâu yếu về mặt biện pháp như tổ chức thực hiện và cải tiến lề lối làm việc, đã thu những kết quả về các mặt công tác như sau:

I. CÔNG TÁC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

1. Công tác sản xuất nông nghiệp

Trước khi bước vào vụ mùa, Tỉnh ủy đã đặt vấn đề khẩn trương hoàn thành nhanh gọn thu hoạch vụ chiêm, tập chung vào việc gieo cấy vụ mùa kịp thời, kiên quyết thực hiện đạt kế hoạch diện tích, đẩy mạnh phong trào thâm canh tăng năng suất đặc biệt chú ý đến khâu phân, giống, nước, phòng trừ sâu bệnh, cải tiến nông cụ, tổ chức lao động và đầu tư lao động, quyết tâm đảm bảo tổng sản lượng Trung ương giao. Trong quá trình thực hiện kế hoạch,

các cấp từ tỉnh đến huyện đã tăng cường kiểm tra đôn đốc và bồi khuyết tại chỗ cho các địa phương. Kết quả đến nay:

Về trồng trọt:

Lúa mùa 7.186 ha đạt 87% kế hoạch

Lúa lương 3.599 ha đạt 144% kế hoạch

Ngô hè 843 ha đạt 38,3% kế hoạch

Đậu tương hè 2.670 ha đạt 90,5% kế hoạch

Khoai lang 703 ha, 9 tháng đạt 70% kế hoạch năm

Một số chỉ tiêu trong vụ mùa chưa đạt kế hoạch nhưng so với vụ mùa 1965, thì một số chỉ tiêu vượt khá, thể hiện có nhiều cố gắng và tiến bộ. Diện tích lúa mùa không đạt kết quả do phần chỉ tiêu khai hoang phân bố cho lượng đồng bào khai hoang đạt thấp (vì tiếp nhận nhân lực khai hoang đạt thấp). Lúa nương so với kế hoạch vượt nhưng so với năm ngoái giảm 4,4%, ta chưa hạn chế được ở mức cao độ cần thiết. Nếu tính diện tích lúa cả năm kể cả chiêm vụ và nương thì đạt 99% kế hoạch. Ngô hè đạt kế hoạch thấp hơn, cộng cả hai vụ đạt 96% kế hoạch năm, sở dĩ đạt thấp vì hạn kéo dài lúc đầu năm vùng cao bị hỏng đợt đầu, vùng thấp cũng chiếm một thời gian gieo trồng là lúc dồn dập thu chiêm cây mùa, mưa nhiều, đậu tương hè không đạt kế hoạch do ảnh hưởng mưa nhiều, chỉ đạo chưa thật chặt chẽ, chưa tích cực tranh thủ thời gian bố trí sắp xếp lao động trong lúc vụ khẩn trương, kiên quyết đảm bảo diện tích, song đậu tương cả năm thì vượt kế hoạch tới 13% nhờ diện tích đậu tương xuân tăng mạnh với chủ trương của tỉnh chuyển vụ giống chủ yếu vào vụ xuân. Khoai lang hiện nay đang thời gian gieo trồng vụ chiêm còn có khả năng đạt vượt kế hoạch. Việc vận dụng kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp tiến bộ hơn một bước, phân bón đạt 2 tấn 4 bình quân 1 ha, chăm sóc diện bón hóa học được mở rộng, diện làm cỏ 2 đợt gần thành phổ biến, diện làm cao sản tươi tiêu hợp lý... mở rộng hơn, đặc biệt năm nay cấy nhanh hơn đại bộ phận đảm bảo thời vụ. Nói chung diện tích lúa cấy hoàn thành trước 31 tháng 8, năm nay tránh được tình trạng

phải chạy mạt từ huyện này sang huyện khác như những năm trước, giống 813 được nhiều nơi xác định là giống lúa thích hợp với vụ mùa và có năng suất cao, khu vực Bản Lâu thay thế một phần lớn diện tích cây giống 813. Khâu thủy lợi chống hạn và phòng trừ sâu bệnh được chú trọng, đã tích cực và quyết tâm cứu chữa thí nghiệm kết quả bệnh vàng lui xuất hiện ở một số xã khu vực Bản Lâu (Lùng Vai, Bản Lâu, Bản Sen).

Đặc biệt, năm nay có mưa to nước sông Hồng dâng cao (21 năm mới có một lần) đã gây thiệt hại lớn đến diện tích lúa mùa và các loại rau màu, cây ăn quả dọc bờ sông: chuối, cam. Do tinh thần phấn đấu của quần chúng, của tập thể xã viên được sự lãnh đạo của các chi bộ cơ sở đã khắc phục khó khăn nên một số diện tích được cấy lại chăm bón nên lúa đã tốt hơn, có triển vọng năng suất cao. Riêng lúa nương bị nắng hạn từ giữa tháng 9 đúng thời gian lúa đang trổ nên có bị ảnh hưởng đôi chút. Về chăn nuôi, thời gian qua tỉnh chú ý tập trung chỉ đạo chăn nuôi. Vấn đề chăn nuôi được đề ra: Phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển (kể cả số lượng và trọng lượng, đẩy mạnh chăn nuôi gia đình đi đôi với phát triển chăn nuôi tập thể) với bảo vệ đàn gia súc và chống thả rông phá hoại hoa màu. Nghị quyết về công tác chăn nuôi, chỉ thị về công tác thú y của tỉnh được phổ biến rộng rãi. Quốc doanh chăn nuôi được đẩy mạnh hoạt động. Tình hình chăn nuôi nói chung có tiến bộ đàn trâu vượt kế hoạch, đàn ngựa có khả năng đạt, đàn bò không đạt, đàn lợn qua năm tình hình ở một số hợp tác xã có phát triển. Nhưng trong chăn nuôi còn có khó khăn và tồn tại là: khâu sản xuất thức ăn cho gia súc chưa được chú trọng, tình hình dịch bệnh, thiếu lợn giống, nạn lạm sát chưa được giải quyết tốt, tệ thả rông vẫn còn khá phổ biến, chăn nuôi tập thể còn phát triển chậm, tỷ lệ chăn nuôi quốc doanh còn quá ít, tổ chức chăn vỗ lợn thu mua của thương nghiệp chưa tốt.

Về nghề rừng sau khi phổ biến nghị quyết chuyên đề đã bước đầu gây chuyển biến về nhận thức trong cán bộ, công nhân ngành

lâm nghiệp và các cấp từ tỉnh đến huyện đến xã, tuy vậy ngành lâm nghiệp vẫn còn lúng túng chưa mạnh dạn đưa vào quần chúng, chưa có biện pháp tổ chức thực hiện cụ thể nhằm phát động phong trào quần chúng làm công tác lâm nghiệp. Số hợp tác xã quản lý nghề rừng còn ít, bước đầu thí điểm tổ chức hợp tác xã vừa quản lý trồng trọt lương thực vừa quản lý khai thác và giống rừng được đồng bào Mán hoan nghênh, hứa hẹn nhiều khả năng phát triển.

Mặc dù có khó khăn về giao thông đi lại trước tình hình chiến tranh phá hoại của địch ngày càng ác liệt hơn, đã cố gắng khắc phục và tiếp nhận 308 hộ đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi, 1.749 nhân khẩu đạt 69,9% kế hoạch quý nếu tính cả 9 tháng thì đạt 1.009 hộ, 5.578 nhân khẩu với 37,2% kế hoạch năm. Với tình hình như trên, rất khó có khả năng đạt kế hoạch tiếp nhận năm. Số hộ mới lên chủ yếu được phân phối xen ghép vào các hợp tác xã địa phương và bổ sung vào hợp tác xã khai hoang cũ. Số đồng bào lên trước đây đời sống ngày càng ổn định, cơ sở ngày càng được củng cố đã phát huy tác dụng phát triển sản xuất thúc đẩy văn hóa ở địa phương nhiều cơ sở đã tự túc được lương thực và làm tốt được nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước. Khâu yếu của đồng bào cần thường xuyên giáo dục, giải quyết vẫn là: tư tưởng đấu tranh hai con đường giữa kinh tế tập thể và kinh tế gia đình, chính sách nghĩa vụ đối với Nhà nước, chính sách quản lý thị trường và chính sách đoàn kết dân tộc.

1. Công tác củng cố xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật*.

a) Củng cố và xây dựng hợp tác xã nông nghiệp

Công tác củng cố xây dựng hợp tác xã nông nghiệp trong quý III có nhiều cố gắng và tiến bộ. Phong trào củng cố hợp tác xã được

* Bản gốc chỉ có mục 1 - BT.

đẩy mạnh. Đã kết nạp thêm một số xã viên mới và hợp nhất chín hợp tác xã nhỏ thành hai hợp tác xã lớn. Qua đợt sinh hoạt chính trị học tập lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, tư tưởng xã viên được phát động, phong trào có chuyển biến mới. Tư tưởng hai con đường được giải quyết thêm một bước. Ý thức làm chủ và trình độ quản lý của hợp tác xã đã được nâng lên. Cán bộ quản trị và tài vụ được huấn luyện bồi dưỡng nhất là đối với vùng cao. Công tác quản lý có nhiều tiến bộ. Nhiều hợp tác xã đã quản lý thêm cây lương thực (lúa nương, ngô), cây công nghiệp (đậu tương). Ngành nghề hợp tác xã mở rộng thêm có hợp tác xã phát triển thêm nghề rừng, lò rèn, giống rau... công tác ba khoán và khoán việc thực hiện được nhiều hơn và đi vào nền nếp hơn. Phong trào thâm canh, tăng năng suất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã vùng thấp. Tuy nhiên cũng còn thiếu sót tồn tại là:

Công tác cung cấp xây dựng hợp tác xã được đẩy mạnh đối với vùng thấp nhưng chưa được chú trọng đúng mức đối với vùng cao. Tư tưởng hai con đường tuy đã được giải quyết tốt, một số hợp tác xã đã tự điều hòa hàng tấn thóc, diện phái đồng gạo của Nhà nước phần lớn là đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi nằm trong số người không quen làm ruộng tư tưởng chưa ổn định, không chú tâm làm ăn.

b) Vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật

Quý III, cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật đợt 2 ở vùng cao thời kỳ vận động tập trung. Bước đi của các địa phương không đồng đều, có nơi đang làm bước 2 như Bát Xát, Bản Lầu có nơi đã sang bước 3 và chuẩn bị kết thúc cuộc vận động như Bảo Thắng, Bảo Nhai. Chậm nhất là thị xã chưa xong bước 1 thời kỳ tập trung. Nói chung mọi mặt trong thời kỳ tập trung đạt yêu cầu khá:

Công tác giáo dục chính trị, phát động tư tưởng tiến hành được sâu rộng đã gây một chuyển biến mới về hình thức và hành động thể hiện trong phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng

chiến đấu, tích cực lao động, học tập và công tác, với kết quả ý thức làm chủ và trình độ quản lý của hợp tác xã được nâng lên, phong trào bán lương thực thực phẩm cho Nhà nước, tinh thần sẵn sàng chiến đấu nhất là đối với các xã vùng trọng điểm, tinh thần xung phong tham gia bộ đội, đi công tác...

Phương hướng sản xuất 2 năm của xã hợp tác xã có sự bàn bạc dân chủ trong quần chúng đã được xác định, xây dựng được toàn diện, có nhiều chỉ tiêu, biện pháp tiên tiến nhằm đúng hướng, thâm canh tăng năng suất với mục tiêu phấn đấu trên 5 tấn/ha ruộng 2 vụ, đặc biệt có chú ý xây dựng cơ sở chăn nuôi tập thể (lợn, bò, dê) và điểm mới nhất của vùng này là việc nghiên cứu xây dựng phương hướng kế hoạch đã đi vào cụ thể từng hợp tác xã, đặc điểm của từng dân tộc, đã đi sâu vào nghề rừng đưa nghề rừng vào vùng Mán và phương hướng kế hoạch nghề rừng được xây dựng ở hầu hết các hợp tác xã.

Công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong xã, hợp tác xã được đẩy mạnh hơn, việc bồi dưỡng đào tạo cốt cán, cán bộ được chú trọng, đã tăng cường thêm lực lượng, chất lượng nâng cao thêm trình độ lãnh đạo, công tác cho cán bộ, đảng viên.

Trong công tác cải tiến đã củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới lên một bước, nâng cao thêm trình độ quản lý về các mặt của hợp tác xã, đáng chú ý việc hợp nhất một số hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn, công tác ba khoán ở tất cả các hợp tác xã cải tiến được thực hiện, phong trào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phong trào thâm canh tăng năng suất được đẩy mạnh. Nói chung các địa phương đã biết lấy công tác cải tiến để thúc đẩy các mặt công tác. Do đó, phong trào có tiến bộ về toàn diện nổi bật nhất, chuyển biến mạnh nhất là phong trào thu chiêm, lúa mùa, ba thu, xây dựng Đội thủy lợi, Đội Thanh niên chống Mỹ, cứu nước, tham quan...

Những thiếu sót, tồn tại lớn trong công tác cải tiến:

Thời kỳ vận động tập trung chậm, kéo dài, tư tưởng đấu tranh hai con đường mới bước đầu được giải quyết, tư tưởng này còn tồn

tại đây dứt trong một số cán bộ và xã viên. Kế hoạch sản xuất xây dựng thường thiếu cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, một số nơi chưa xác định được cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày cho địa phương mình. Kế hoạch 2 năm tuy có bàn nhưng chưa sâu, chưa làm cho quần chúng nắm được chắc. Một số địa phương kết nạp Đảng yếu (Bát Xát, Thị ủy Lào Cai).

2. Công tác công nghiệp

a) Công nghiệp Trung ương

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về giao thông vận tải, cung cấp nguyên vật tư và nguyên vật liệu, lại sản xuất trong hoàn cảnh liên tiếp gặp mưa lũ, các xí nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp Trung ương có nhiều cố gắng phấn đấu trong việc thực hiện kế hoạch quý III.

Nói chung các xí nghiệp Trung ương đều thực hiện xấp xỉ đạt và vượt kế hoạch quý về giá trị tổng sản lượng, mặt hàng chủ yếu và năng suất lao động. Mỏ apatít đạt 106,79% kế hoạch giá trị tổng sản lượng, 103% đất đá, 107,07% năng suất lao động. Nhà máy điện 96,6% kế hoạch giá trị tổng sản lượng, 96,6% sản phẩm sản xuất, 98% năng suất lao động. Nhà máy điện không đạt 100% kế hoạch, nguyên nhân vẫn do yêu cầu sử dụng điện nhất là của mỏ cho sản xuất bị giám sát.

Riêng Đoàn địa chất 24 đạt kế hoạch thấp, giá trị toàn bộ công trình mới đạt 38,06%, phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt thấp như giếng cạn, hào khoan từ 29,45% đến 55,44%. Năng suất lao động cũng thấp mới chỉ đạt 48%. Nguyên nhân do mưa nhiều, thiếu nhân lực, thiếu thiết bị, chất nổ, một số công nhân mới tuyển kỹ thuật còn yếu, tiêu chuẩn định mức lao động chưa chính xác.

b) Công nghiệp quốc doanh địa phương

Sản xuất trong điều kiện thiếu nhân lực, nguyên vật liệu và trong tình hình cơ sở phân tán có nhiều khó khăn các cơ sở thuộc ngành công nghiệp quốc doanh địa phương 9 tháng qua đã có nhiều

cố gắng trong việc ổn định sản xuất, khắc phục khó khăn, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến công cụ sản xuất, tận dụng nguyên vật liệu cũ và hợp lý hóa sản xuất.

Toàn ngành công nghiệp quốc doanh địa phương đến nay ước đạt 56,4% kế hoạch giá trị tổng sản lượng năm, trong đó nhóm A 62,5%, nhóm B 47,3%, nhiệm vụ còn lại của quý IV rất nặng nề, triển vọng khó đạt kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu do: việc xác định kế hoạch sản xuất năm chậm. Kế hoạch xây dựng không sát, chưa có sự tính toán cân nhắc kỹ giữa khả năng và yêu cầu, kế hoạch xây dựng thiếu toàn diện, thiếu kế hoạch vật tư, vận tải, nhân lực, tiêu thụ, nên đã xảy ra tình trạng thiếu nguyên vật liệu nghiêm trọng, thiếu cán bộ kỹ thuật và cả lao động thường phổ biến ở các cơ sở sản xuất, một số mặt hàng bị ứ đọng ảnh hưởng đến sản xuất. Một số cơ sở ổn định địa điểm sơ tán chậm hoặc xây dựng chậm không tranh thủ đưa vào sản xuất được khai thác lâm nghiệp là một ngành sản xuất lớn nhưng chưa kiên quyết dựa vào hợp tác xã tổ chức lực lượng khai thác.

Về mặt phục vụ các ngành công nghiệp quốc doanh địa phương đã phục vụ công nghiệp đạt 61,2%, nông nghiệp 66,3%, giao thông vận tải 34,2%, tiêu dùng 54,8% kế hoạch năm, tuy chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay nhưng so với tháng 9-1965 đã có cố gắng nhiều và chuyển biến mạnh mẽ đã phục vụ công nghiệp tăng 19,4%, giao thông vận tải tăng 58,8% và đặc biệt đã phục vụ nông nghiệp bằng 2 lần. Khâu yếu nhất là phục vụ tiêu dùng còn thấp hơn cả năm ngoái. Trong phục vụ nông nghiệp tuy có chuyển biến mạnh hơn nhưng tỷ trọng vẫn quá thấp mới chiếm 5,5% tổng số. Việc sản xuất nông cụ cho nông nghiệp vẫn còn xa với yêu cầu, việc đưa cơ khí nhỏ vào nông nghiệp tiến hành vẫn chậm.

c) Thủ công nghiệp

Trong 9 tháng thủ công nghiệp ước đạt 78,9% kế hoạch giá trị tổng sản lượng năm, trong đó nhóm A 88,2%, nhóm B 61%. Nhìn chung, tốc độ thủ công nghiệp tăng nhanh hơn quốc doanh. Triển vọng thủ công nghiệp có thể hoàn thành kế hoạch.

Về phục vụ, thủ công nghiệp đã phục vụ kiến thiết cơ bản đạt 492,1%, giao thông vận tải 165,5%. Khâu yếu nhất là phục vụ nông nghiệp đạt 75,5% kế hoạch năm với tỷ trọng quá thấp 3,1% song so với năm ngoái đã phục vụ nông nghiệp tăng 77,8%. Thủ công nghiệp là một ngành sản xuất rất quan trọng hỗ trợ cho công nghiệp quốc doanh địa phương giải quyết những yêu cầu cần thiết của nhân dân các vùng dân tộc trong tỉnh nhưng chưa được phát huy đầy đủ tác dụng của thủ công nghiệp đối với mặt trận sản xuất nông nghiệp.

Việc lãnh đạo chỉ đạo đối với thủ công nghiệp chưa toàn diện, chặt chẽ, việc phát triển các ngành nghề ở nông thôn chưa coi trọng đúng mức. Sự phân công giữa công nghiệp quốc doanh địa phương và thủ công nghiệp chưa rõ ràng cụ thể và hợp lý, sản xuất của công nghiệp quốc doanh còn ôm đodom, bao biện nhất là đối với một số mặt hàng thủ công nghiệp hoàn toàn có khả năng đảm nhiệm như vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm và một phần nông cụ phục vụ nông nghiệp, vấn đề cung cấp nguyên vật liệu, chính sách giá cả đối với thủ công nghiệp chưa được giải quyết tốt.

3. Công tác xây dựng cơ bản

Công tác xây dựng cơ bản trong 9 tháng đã thực hiện 78 công trình chiếm tỷ lệ 78,34% kế hoạch công trình, ước đạt 41,7% kế hoạch năm về vốn đầu tư kể cả Trung ương và địa phương, trong đó khu vực sản xuất 40,13% khu vực không sản xuất 51,85%. Công tác xây dựng cơ bản thời gian qua quá chậm, đáng chú ý các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, thủy lợi là những ngành có khối lượng vốn đầu tư lớn nhất công trình quy mô nhất nhưng tỷ lệ vốn xây dựng cơ bản thực hiện được quá thấp. Công nghiệp mới đạt 28,29%, giao thông vận tải 41,97%, thủy lợi 35,12% với tình hình như trên công tác xây dựng cơ bản triển vọng không thể đạt kế hoạch năm. Nguyên nhân kế hoạch đạt thấp do: khối lượng công tác xây dựng tăng nhanh, trình độ cán bộ quản lý, lực lượng lao động

có ban không đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ kế hoạch. Do tình hình thời chiến, từ tập trung đến phân tán, quy mô, địa điểm xây dựng công trình có thay đổi, công tác quản lý kế hoạch cung cấp vật tư kỹ thuật cho các công trình gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác, việc tổ chức và giải quyết nhân lực chưa tốt, năng suất lao động thấp, cung cấp nguyên vật liệu thiếu kịp thời, việc giải quyết địa điểm, công tác điều tra cơ bản, thiết kế công trình, thủ tục thi công làm chậm đã ảnh hưởng đến tốc độ thực hiện kế hoạch, công tác xây dựng cơ bản còn mang tính chất rải mành chưa tập trung vào các công trình trọng điểm.

4. Công tác công trình giao thông vận tải

Công tác giao thông vận tải đến nay mới đạt 41,97% kế hoạch năm về vốn đầu tư kiến thiết cơ bản, 58,7% kế hoạch vận tải về tấn hàng và 46,1% về tấn cây số, tuy kế hoạch đạt thấp so với yêu cầu nhiệm vụ nhưng nói chung các chỉ tiêu đều vượt khá so với cùng thời gian này năm ngoái. Công tác giao thông vận tải năm nay có nhiều cố gắng và tiến bộ. Chuyển biến nổi bật là đã phát động được phong trào quần chúng các dân tộc, đặc biệt là vùng cao mở rộng giao thông từ huyện đến khu vực. Các tuyến đường xây dựng và mở rộng đang được tiếp tục thi công với tốc độ mạnh hơn. Một số tuyến tạm thông xe (Mường Khương - Pha Long, Cảm Đường - Tả Hà), đường Bát Xát - Mường Hum, Bắc Hà - Si Ma Cai đang được phấn đấu với quyết tâm hoàn thành căn bản vào cuối năm. Đường nhanh và bến phà Ngòi Đum làm gần song. Các đường nông thôn đã được sửa chữa người ngựa đi lại vận chuyển được. Trong vận tải cơ giới công suất xe cộ được đẩy lên. Các phương tiện vận tải thô sơ như xe trâu, xe ba gác, ngựa thồ được phát triển. Một số xe ngựa ra đời bắt đầu hoạt động, đường sông được chú ý sử dụng khai thác, bước đầu dùng ca nô kéo thuyền chở hàng đi ngược dòng có kết quả.

Những thiếu sót tồn tại chủ yếu trong công tác giao thông vận tải:

Tốc độ thi công các công trường còn chậm. Vận tải các mặt nhất là vận tải thô sơ chưa thật được đẩy mạnh, công tác giao thông vận tải phục vụ thời chiến tuy có cố gắng nhưng còn yếu chưa đáp ứng được mấy so với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay. Kỹ thuật làm đường công tác quản lý, bảo dưỡng đường sá, cầu cống, còn kém. Năng suất thấp, các phương tiện vận tải thô sơ chưa được chú ý đẩy mạnh, các huyện, các xã... các đường lớn nhưng chưa phát triển xe trâu, xe ngựa để dùng vào chuyên chở vận tải.

5. Công tác tài chính thương nghiệp

Kết hợp việc học tập tốt tinh thần Nghị quyết 12 và lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc với sự lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ hơn của các cấp, các ngành, công tác tài chính - thương nghiệp quý III có chuyển biến rõ rệt thu nhiều kết quả:

a) *Thu mua phân phôi*

- Mua vào: Thu mua lương thực vụ chiêm vượt kế hoạch: thóc đạt 129,74%, trong đó thuế 118,16%, nghĩa vụ 189,5%, khuyến khích 100,57%. Ngô nghĩa vụ đạt 65,08%, khuyến khích 46,82% kế hoạch năm.

Thu mua nông sản, thực phẩm đạt 86,7% kế hoạch quý, trong đó thực phẩm đạt 100,9%; về thực phẩm một số mặt hàng đạt tỷ lệ cao: lợn thịt 141% gấp đôi 6 tháng đầu năm, gà, vịt 206%, cá 231%, riêng trâu, bò thịt và rau xanh đạt thấp, trâu 82%, bò 80%, rau 62,57%, về nông sản chè đạt 137%, lanh 166,6%, đồ tương mới đạt 40% so với quý III năm 1965 đã bằng 3,1 lần. Chỉ tiêu đồ tương đạt thấp chủ yếu do công tác thu mua chưa được quan tâm đúng mức ngay từ đầu vụ, việc nấm tình hình sản xuất thiếu cụ thể, giáo dục vận động trong thu mua thiếu sâu rộng, tổ chức thu mua chưa tốt. Một số mặt hàng nông sản khác còn coi nhẹ như dược

liệu và hàng xuất khẩu, có thứ moi năm thu mua khá năm nay chỉ đạt trên dưới 10% như càn câu, gậy trúc...

Thu mua hàng công nghệ phẩm đạt 90% kế hoạch quý, thực hiện 9 tháng mới đạt 45,53% kế hoạch năm. Thu mua hàng xuất khẩu Trung ương mới đạt 44% kế hoạch quý. Hàng xuất khẩu địa phương cũng chỉ đạt trên dưới 50% kế hoạch quý.

Nguyên nhân thu mua công nghệ phẩm và hàng xuất khẩu đạt thấp do các ngành sản xuất không đạt kế hoạch. Mặt khác, công tác quản lý thu mua chưa chặt chẽ, hợp đồng giữa thương nghiệp và cơ sở sản xuất có mặt hàng chưa cụ thể. Trong thu mua hàng xuất khẩu, công tác vận động thu mua và tổ chức thu mua chưa được đẩy mạnh. Việc phân công hợp lý nhiệm vụ thu mua giữa thương nghiệp và xuất nhập khẩu về một số mặt hàng chưa được giải quyết.

Thu mua hàng tư liệu sản xuất, chủ yếu là các loại nông cụ, hạt rau giống, trâu, bò, cày chuyển xuôi... không đạt kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do sản xuất không đảm bảo cung cấp, đường giao thông vận chuyển về xuôi có khó khăn.

Bán ra: Lương thực đạt 63,4% kế hoạch quý. Trong đó có 32 tấn bán cho nông dân thiểu, diện mua nhiều tập trung vào các hợp tác xã xuôi lèn ở hai huyện Sa Pa, Bảo Thắng, số này phần lớn là đồng bào chưa quen sản xuất nông nghiệp chưa ổn định tư tưởng, thường ngược xuôi buôn bán.

Nội thương đạt 70,86% kế hoạch quý. Điểm nổi bật là phân phối thịt lợn đã giải quyết tiêu chuẩn của cán bộ, công nhân viên hết tháng 9:

Xuất khẩu đạt 54,83% kế hoạch quý.

Dược phẩm đạt 93,24%.

Tư liệu sản xuất cũng không đạt kế hoạch.

Nguyên nhân bán ra không đạt kế hoạch: Về lương thực chủ yếu do kế hoạch nhân lực khai hoang, làm giao thông, thủy lợi không đạt.

Về nội thương các mặt hàng công nghệ phẩm nói chung thiếu nhiều hàng tạp phẩm, văn phòng phẩm, đồ dùng gia đình, hàng dệt kim, xà phòng giặt... thực phẩm vẫn là khâu yếu không đủ cung cấp đảm bảo nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Chủ yếu do đường giao thông vận tải bị bế tắc, khó khăn, bản thân thương nghiệp chưa có biện pháp khai thác sử dụng nguồn hàng địa phương, tổ chức đưa hàng xuôi lên thiếu khẩn trương, nấm tình hình hàng hóa không chặt, điều phối không kịp thời có nơi có lúc gây cản thăng không cần thiết.

Về xuất khẩu do sản xuất và thu mua không đạt kế hoạch. Về tư liệu sản xuất do một mặt thiếu hàng, chủ yếu là nông cụ, mặt khác một số máy thuộc loại cơ khí nhỏ tiêu thụ chậm, tồn kho lớn.

- Xây dựng và củng cố hợp tác xã mua bán:

Cơ sở hợp tác xã mua bán được quan tâm phát triển mạnh. Đến nay đã có 63 cơ sở đạt 52% số xã trong tỉnh chiếm 51% hộ và 47,92% nhân khẩu. Triển vọng cuối năm đạt và vượt kế hoạch.

Khâu yếu của hợp tác xã mua bán là: Hoạt động chưa mạnh, trình độ quản lý kinh doanh yếu, tình trạng nhảm lãnh, thừa thiếu tiền nong còn nhiều. Sự chỉ đạo của thương nghiệp đối với hợp tác xã mua bán chưa được chú ý đầy đủ, hoạt động của hợp tác xã mua bán còn phụ thuộc vào mặt hàng của thương nghiệp phân phối nặng về bán, chưa có kế hoạch mua vào, mua bán tại chỗ...

- Cải tạo và quản lý thị trường:

Giá cả trên thị trường tự do thị xã nhất là các mặt hàng thực phẩm tăng nhiều (thịt 7,8 đồng 1 kg, cá 5,6 đồng, rau 0,60 đồng 1 kg). Nguyên nhân do cung không kịp với cầu. Sản xuất chưa có kế hoạch nối tiếp lúc giao thời chuyển vụ rau từ thu sang đông, mặt khác công tác tổ chức hợp tác xã, quản lý thị trường, cải tạo thành phần kinh tế cá thể còn yếu, lỏng lẻo. Gần đây đã có chuyển biến về tư tưởng quan tâm lãnh đạo tổ chức hợp tác xã theo ngành nghề nhưng chưa được khẩn trương, chưa toàn diện.

b) Tài chính ngân hàng

- Tài chính: Thu mới đạt 67,7 kế hoạch quý, trong đó riêng thuế nông nghiệp và thu sát sinh được đẩy mạnh đạt và vượt kế hoạch. Thu đạt thấp chủ yếu do các ngành sản xuất và kinh doanh đều không đạt kế hoạch, sản xuất và tiêu thụ không cân đối tồn kho nhiều (apatít, rượu...). Mặt khác, các ngành cũng chưa tích cực nộp ngân sách và còn tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau chưa tận dụng khai thác các nguồn thu khác. Chi hành chính sự nghiệp mới đạt 56,9% kế hoạch năm do các khoản chi cho tập huấn, sửa chữa tiêu thụ thủy nông, chi cho thiết bị nghiên cứu y tế, thú y... thực hiện kém. Đáng chú ý chi cho kiến thiết cơ bản đạt quá thấp, mới đạt 59,7%, trong đó vốn trung ương 58,6%, vốn địa phương 59,7% kế hoạch năm.

- Ngân hàng:

Tổng thu đạt 108,7% kế hoạch quý, trừ thu bán hàng đạt thấp (91,6%), kế hoạch bán ra không đạt còn các nguồn thu khác đều tăng như phục vụ 129,1%, tài chính 100%, tiền gửi nông thôn 203%, do là một số cố gắng lớn trong công tác quản lý tiền tệ. Thu nợ cũng đạt khá (70% kế hoạch 6 tháng cuối năm) nhưng nợ dài hạn thu còn yếu.

Tổng chi đạt 120,9% kế hoạch quý, trong đó chi thu mua vượt 56% chủ yếu do thu mua lợn thịt và thóc tăng. Bộ chi tuy có tăng nhưng không đáng kể.

Huy động gửi tiết kiệm đạt 93% kế hoạch quý, nếu tính 9 tháng thì đạt 77,8% kế hoạch năm. Đáng chú ý khâu hợp tác xã tín dụng hoạt động còn yếu kể cả về mặt huy động gửi tiết kiệm và cho vay. Nguyên nhân do chưa được củng cố.

Ngân hàng cho vay nông thôn không đạt kế hoạch chủ yếu do kế hoạch tiếp nhận nhân lực khai hoang và cho vay mua nông cụ, cơ khí nhỏ đạt thấp.

6. Công tác văn xã

Phản đấu thực hiện kế hoạch quý III công tác văn xã đã đạt những kết quả như sau:

Trong công tác văn hóa thông tin về mặt tổ chức, Ty Thông tin đã được xây dựng thành một ty độc lập. Mạng lưới thông tin văn hóa được xây dựng từ tổ chức đến cơ sở. Hoạt động tuyên truyền tin chiến thắng và triển lãm được đẩy mạnh. Truyền tin thắng lợi bằng hình thức tuyên truyền xung phong kết hợp nói, múa hát (văn nghệ) thu hút được đông đảo quần chúng đạt kết quả tốt đẩy mạnh tinh thần sản xuất chiến đấu phục vụ được kịp thời. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng đang hướng vào việc chuẩn bị cho hội diễn dân quân tự vệ và lực lượng vũ trang toàn tỉnh. Đội văn công của tỉnh đã thâm nhập vào nông thôn, công trường, xí nghiệp qua thực tế đã sáng tác một số tiết mục mới, đã kết hợp các ngày kỷ niệm lớn phục vụ các đơn vị bán động trong tỉnh thắt chặt tình hữu nghị chiến đấu.

Việc giới thiệu hướng dẫn và vận động quyên "Bà mẹ cầm súng" được tiến hành rộng rãi trong giới phụ nữ, nhất là ở công trường, xí nghiệp, cơ quan đã góp phần vào giáo dục tư tưởng ý thức đẩy mạnh được tinh thần trách nhiệm, công tác lao động sản xuất trong chị em nâng cao quyết tâm chống Mỹ, cứu nước. Nhưng công tác văn hóa thông tin còn có những thiếu sót: hoạt động truyền tin liên tục đã mở rộng đến các thị trấn nhưng chưa sâu, chưa liên tục đến các xã, thôn, xóm hẻo lánh, tuyên truyền chưa tập trung từng đợt làm nổi bật công tác trọng tâm để giáo dục động viên quần chúng kịp thời. Việc truyền tin sản xuất trong tỉnh còn yếu, công tác thư viện, sách báo, hệ thống loa truyền thanh ra các ngả đường sơ tán cần thiết còn yếu, chưa nhạy, chưa sắc. Về công tác giáo dục, qua kiểm tra thực tế đã xác định kết quả to lớn đạt được là kế hoạch bổ túc văn hóa nông thôn toàn tỉnh đã hoàn thành thắng lợi vào ngày 2 tháng 9 năm 1966, trong đó đối tượng loại 1 vùng thấp đã đạt 78,4% vượt mức

kế hoạch 3,4%, vùng cao 73,2% vượt 3,2%, đối tượng loại 2 vùng thấp đạt 78,8% vượt kế hoạch 28,8%, vùng cao 45,6% vượt 12,2%.

Các trường phổ thông trong toàn tỉnh đã khai giảng được đúng thời gian. Trung tuần tháng 9, 10 nói chung các trường đã có đủ hầm hố phòng không... tuy điều kiện sơ tán trường sở khó khăn nhưng nói chung học sinh đều đạt kế hoạch. Có nơi vượt kế hoạch khá như cấp II Bát Xát vượt 11%, Bảo Thắng vượt 24% cấp III, Sa Pa vượt 30%. Các lớp bồi túc công nông đã tiếp tục học, Trường Thanh niên dân tộc được tổ chức khắp các huyện, tổng số học sinh có 306 và bước đầu có đến lớp 5. Tuy nhiên, cũng còn những hạn chế: phong trào mẫu giáo vỡ lòng còn yếu, các huyện thị mới đạt trên dưới 80% kế hoạch, riêng Mường Khương đạt thấp nhất mới đạt 61%, phong trào bồi túc văn hóa các cơ quan, công trường, xí nghiệp còn yếu, yếu nhất là các cơ quan hành chính sự nghiệp.

Về công tác y tế: Ta đã có nhiều cố gắng trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh, đã tổ chức thêm trạm xá, trường đào tạo y sĩ. Y tá, dược tá đã tiếp tục mở lớp và chiêu sinh tiếp, các hoạt động phòng bệnh được đẩy mạnh ở các cơ sở như: tiêm phong (lao, tả) phun thuốc DTT ở những nơi cần thiết và đẩy mạnh hơn phong trào vệ sinh yêu nước nông thôn. Đặc biệt, mùa hè qua không xảy ra dịch tẽ. Tuy vậy, cũng còn những thiếu sót tồn tại: hoạt động bảo vệ sức khỏe cho các bà mẹ trẻ em trong nông thôn vùng dân tộc còn yếu. Vấn đề bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên trong hoàn cảnh sơ tán còn lúng túng chưa được giải quyết tốt. Vệ sinh thực phẩm các cửa hàng thương nghiệp và cửa hàng ăn uống còn kém, các bệnh viện ở các huyện tiến hành chậm, trận mưa lũ tháng 8 đã trôi hết y cụ và thuốc men tài sản của bệnh viện Bảo Thắng. Tuy đã được khôi phục hoạt động nhưng cơ sở chưa ổn, các trạm xá hoạt động tốt nhưng sự quan tâm giúp đỡ, quản lý thuốc men, chữa bệnh... của ngành dọc của cấp ủy chưa được thường xuyên, chưa đầy đủ nên đã có hiện tượng tham ô, vi phạm chính sách.

II. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH TRỊ AN, PHÒNG KHÔNG VÀ XÂY DỰNG LỰC LUỢNG

1. Phòng không nhân dân

Quý qua máy bay địch xâm phạm không phận Lào Cai 81 lần tốp gồm 199 lần chiếc, trong đó có một máy bay không người lái, xuất hiện ở ba hướng đông, đông nam và tây bắc, chủ yếu là đông nam. Hoạt động trinh sát dọc đường sắt, đường bộ Lào Cai - Yên Bái, Sa Pa - Bình Lư, thị xã Lào Cai và Mỏ độ cao từ 3 km trở lên. Ngày 4-9 chúng ném bom sập cầu Nhò. Một lần hoạt động đêm và nhiều lần hoạt động từ tờ mờ sáng dọc xe lửa.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có chỉ thị tăng cường công tác phòng không nhằm nâng cao cảnh giác sẵn sàng đối phó với mọi bước leo thang mới của địch. Đến nay, công tác phòng không đã tiến triển thêm một bước. Đã tổ chức thêm một số tổ thường trực bắn máy bay trên trực đường chiến lược. Tổ chức huấn luyện kỹ thuật bắn máy bay bằng súng bộ binh, huấn luyện kỹ thuật tháo gỡ bom bi và huấn luyện được 97 dân quân tự vệ biết làm công tác công binh để phục vụ giao thông vận tải khi bị địch phá hoại. Hầm hào phòng tránh máy bay được củng cố sau đợt mưa lũ và làm thêm nhiều hầm, nhiều làng bản đã đào hầm giao thông hào hầm có nắp chống bom bi. Hiện nay, các cấp, các ngành đang tiến hành tổng kiểm tra công tác phòng không nhân dân và chuẩn bị tổng kết vào tháng tới.

Diện sơ tán, phân tán nhân dân ở thị xã đã dần dần đi vào nền nếp có lán, có hầm ổn định. Nhìn chung, công tác phòng không có tiến bộ, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu chống chiến tranh phá hoại ngày càng ác liệt của địch. Hầm hào chưa đủ, nhiều hầm chưa có nắp, những nơi công cộng, dọc đường đông người qua lại, các cửa hàng thương nghiệp còn thiếu hầm trú ẩn, các thôn xã ven đường chiến lược và giáp các thị xã, thị trấn chưa vận động quần chúng

đào hầm hoặc đã có nhưng quá ít và không đảm bảo chất lượng. Đối với các huyện, công tác phòng không còn được coi trọng đúng mức.

2. Trấn áp phản cách mạng và trị an xã hội

Tình hình trị an không có vấn đề gì lớn. Tuy việc xây dựng phong trào bảo vệ trị an đã có 100 xã khá, 21 xã trung bình, 7 khu phố khá, 1 trung bình còn 1 xã yếu đang được khắc phục.

Công tác "cải tạo đồi với những người cần phải cải tạo tại chỗ" đã xong bước thí điểm ở xã Đồng Tuyển và đang được thực hiện triển khai ở các huyện thị và một số Đảng ủy. Công tác điều tra chính trị cơ bản đã hoàn thành ở sáu xã thí điểm đang mở rộng trên 30 xã: phục vụ cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, kiểm soát đã tiến hành điều tra việc thực hiện dân chủ và chuyên chính của chính quyền cấp xã ở Bản Qua và đã đạt yêu cầu tốt. Công tác xét xử bọn phản cách mạng đầu sỏ được thực hiện tốt tại hai huyện Bắc Hà và Mường Khương.

Tuy nhiên, hiện tượng trộm cắp cồn xảy ra nhiều, riêng cuối tháng 8 và đầu tháng 9 xảy ra 8 vụ mất trộm cạy cửa vào các kho, các cửa hàng ở nơi sơ tán lấy tiền, lấy hàng, lấy thuốc, vụ mất thuốc ở cửa hàng được phẩm Lào Cai trị giá 1.900 đồng. Tai nạn lao động đặc biệt, tai nạn giao thông tăng nhiều, riêng tháng 7 xảy ra 8 vụ, 2 người chết, 10 người bị thương do luật lệ giao thông chưa được tôn trọng, các cơ quan liên quan chưa làm đầy đủ phận sự, cần phải được tăng cường giáo dục rộng rãi và tổ chức kiểm soát chặt chẽ. Cờ bạc còn xảy ra ở một số xã (Vạn Hòa, Phú Cường, Quyết Định). Hiện tượng buôn lậu vẫn lè tẻ tòn tại ở các xã biên giới. Ngoài ra, một số đồng bào khai hoang và địa phương ở những nơi làm đường thường đến xin chữa bệnh, xin thuốc và các thứ linh tinh khác gây khó khăn cho bạn. Đó là những hiện tượng không lành mạnh gây ảnh hưởng xấu và gây khó khăn cho bạn cần được giáo dục tổ chức, kiểm soát chặt chẽ.

3. Xây dựng lực lượng

Đã tiến hành xây dựng xã chiến đấu thí điểm Mường Hum (Bát Xát) về mọi mặt đang được khẩn trương thực hiện xúc tiến cuối năm có thể sơ kết rút kinh nghiệm và đầu năm 1967 sẽ mở rộng xây dựng ra các xã trọng điểm khác của tỉnh.

Công tác xây dựng dân quân tự vệ được coi trọng đã làm xong việc thống nhất lực lượng hậu bị và dân quân tự vệ ở các huyện, riêng thị xã Lào Cai chưa xong. Đã phát triển thêm 254 dân quân tự vệ, đê bạt 69 cán bộ xã đội, đặc biệt đã có 43 nữ Mán đỗ đầu tiên tham gia dân quân tự vệ; tổ chức thêm 55 tổ công binh dọc các tuyến đường và cầu, phà quan trọng. Đến nay đã có 150 xã dân quân tự vệ hoàn thành chương trình học tập quân sự chính cả năm. Trong đó 50 xã đang ôn luyện để thành thạo kỹ thuật. Lực lượng công an cơ sở cũng được tích cực bồi dưỡng.

Công tác tuyển binh quý III các địa phương đều cố gắng hoàn thành, nói chung đợt này đảm bảo tốt không còn tình trạng đào ngũ.

- Về việc xây dựng tổ hòa giải có tác dụng tốt đến nay nhiều huyện đã thành phong trào quần chúng xây dựng. Huyện Sa Pa, Mường Khương, Bắc Hà đã có 50-70 % số hợp tác xã, thôn có tổ hòa giải, đã phát huy tác dụng tích cực trong việc đoàn kết quần chúng, giải quyết kịp thời những xích mích nội bộ góp phần chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, một số nơi làm còn yếu như Bát Xát...

III. CÔNG TÁC MẶT TRẬN VÀ CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

1. Công tác mặt trận

Công tác mặt trận quý III với sự quan tâm của các cấp đã đẩy mạnh và đi vào toàn diện hơn:

Công tác vận động phụ lão được chú trọng. Phong trào phụ lão ba giỏi được phát động mạnh mẽ có tác dụng động viên quần chúng đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, chấp hành chính sách và xây dựng đời sống. Vai trò phụ lão nổi bật trong công tác trồng cây vận động thanh niên tham quân, thu mua lợn và xây dựng nhà trẻ. Vấn đề giải quyết đoàn kết giữa đồng bào khai hoang và đồng bào địa phương trên cơ sở học tập chính sách dân tộc và chính sách khai hoang được thực hiện tốt ở một số nơi (Sa Pa). Công tác cải tạo phú nông, địa chủ được tiếp tục tiến hành và có kết quả ở Sa Pa. Công tác giáo hoa vận được chú ý đẩy mạnh, đã có kế hoạch vận động đồng bào công giáo và kế hoạch đối phó với hội nghị giám mục Sài Gòn; đối với Hoa kiều đã động viên giáo dục tinh thần phấn khởi tích cực lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu cùng cố thêm tình đoàn kết Việt - Trung trong sự nghiệp chung chống Mỹ. Về mặt tổ chức, các ban mặt trận huyện xã nhiều nơi được củng cố và tăng cường, lề lối làm việc của các ban mặt trận được cải tiến hơn. Cán bộ mặt trận được chú ý bồi dưỡng ở một số nơi.

2. Công tác phụ nữ

Phong trào phụ nữ quý qua với việc học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và học tập tinh thần "Bà mẹ cầm súng" đã có nhiều chuyển biến. Ý thức tự lực tự cường, sẵn sàng đảm nhiệm mọi công việc được nâng cao. Tinh thần ba đảm đang của phụ nữ thể hiện rõ rệt trong phong trào làm thủy lợi, sản xuất tiết kiệm, phong trào thảm canh 5 tấn/ha, đã mở cuộc giáo dục vận động bán thực phẩm, hàng nông sản phẩm, hàng xuất khẩu... đạt kết quả tốt. Các tổ giữ trẻ được xây dựng rộng rãi ở các hợp tác xã vùng thấp, vùng cao, có tác dụng tốt, do đó đã giải phóng một phần sức lao động phụ nữ. Nhiều chị em đã ngày đêm chống hạn đảm bảo gieo cấy vụ mùa kịp thời vụ. Trong thu mua với tinh thần chống Mỹ, hàng trăm chị em đã tự động khiêng lợn, ròng lợn có chị em đã dành lợn béo nhất chuẩn bị để cưới con bán cho Nhà nước. Có nơi chị em tiết kiệm

gửi ngân hàng được hàng chục ngàn đồng (Mường Khương), tổ chức hàng ngàn hũ gạo kháng chiến. Chị em đã hăng hái tham gia dân quân tự vệ, ghi tên nhập ngũ, một số đơn vị nữ dân quân đã được thành lập, một số chị em đã tham gia lãnh đạo các đơn vị đóng quân như xã đội, trung đội... các cơ quan hành chính sự nghiệp đã hình thành các tổ, đơn vị thuần tuý là nữ nhưng đảm nhiệm tốt các công tác đã được phân công. Công tác củng cố xây dựng đội ngũ cán bộ tiếp tục đẩy mạnh, đã bổ sung cán bộ vào ban chấp hành, bầu lại ban chấp hành một số xã và đưa phong trào ba đảm đang một số nơi từ yếu trở lên khá. Tuy vậy, phong trào chưa đều, chưa khắp, vùng cao xa xôi hẻo lánh còn yếu vùng thị xã và đồng bào miền xuôi lên miền núi còn mang tư tưởng buôn bán, ngược xuôi.

3. Công tác thanh niên

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, với khí thế ba săn sàng, thanh niên đã phát huy tác dụng đầu tàu trên các mặt công tác. Thanh niên các công nông, lâm trường, xí nghiệp, cơ quan đã đăng ký nhập ngũ 100% và nêu quyết tâm phấn đấu thực hiện nhiệm vụ công tác với tinh thần một người làm việc bằng 2, 3; phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong thanh niên, công trường, xí nghiệp được phát động mạnh mẽ và thu nhiều kết quả. Thanh niên nông thôn đã đẩy mạnh thu chiêm làm mùa, ba thu đăng ký nhập ngũ và tích cực tham gia dân quân tự vệ. Vai trò thanh niên nổi bật trong công tác săn sàng chiến đấu, phong trào thám canh làm ruộng cao sản, áp dụng kỹ thuật nông nghiệp phấn đấu đạt 5 tấn/ha trên ruộng 2 vụ, chuyển thóc nhập kho và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã. Tinh thần xung phong chống Mỹ, cứu nước được biểu thị bằng thực tế nhiều đội thủy lợi các hợp tác xã đã được tổ chức và một số đội đã lên công trường hoạt động, đã thành lập một Đội thanh niên dân tộc thoát ly làm công tác giao thông ở huyện Mường Khương gồm 100 thanh niên các dân tộc.

4. Công tác công đoàn

Công tác công đoàn quý III tập trung vào ba cuộc vận động:

Tăng năng suất lao động, ba xây ba chống và xây dựng công đoàn bốn tốt.

Cuộc vận động tăng năng suất lao động và hiệu suất công tác đã được tiến hành ở phần lớn các cơ sở. Nhiều nơi đã gây được phong trào quần chúng thi đua tăng năng suất lao động khá sôi nổi, đã phát huy nhiều sáng kiến đưa năng suất lao động lên cao, có sáng kiến tăng năng suất tới 400% (sáng kiến làm đinh thuyền ở xưởng cơ khí Phú Lợi) tăng gấp 18 lần sức người (dùng trâu cày bạt mương của thủy lợi)... cuộc vận động ba xây ba chống trong quý III được tiến hành đến một số cơ quan nghiệp vụ hành chính sự nghiệp: Ty Bưu điện, Truyền thanh, Công ty Xuất nhập khẩu, Nông trường Thanh niên, Ty Văn hóa, Bệnh viện tỉnh, Nhà máy đường... mức độ mỗi cơ quan có khác nhau nhưng khả năng sẽ hoàn thành vào cuối năm, các cơ sở Nhà máy điện, lương thực, ngân hàng là những cơ sở đã làm xong và đang phát huy kết quả của cuộc vận động. Tuy nhiên, một vài cơ sở đang tiến hành cuộc vận động tốc độ chuyển biến chậm (giao thông vận tải, kiến trúc).

Đi đôi với hai cuộc vận động trên, cuộc vận động công đoàn bốn tốt trong 2 năm đã được phát động rộng khắp trong cán bộ, công nhân, viên chức ở các cơ sở và được đẩy mạnh tiến hành gắn liền với cuộc vận động xây dựng đảng bộ và chi bộ bốn tốt. Đã động viên nhiệt tình công tác và tinh thần quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ trong cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan, công trường, xí nghiệp trong tỉnh.

Tổ chức công đoàn hiện nay cần được nghiên cứu tổ chức đến các cơ quan huyện, vì tình hình cán bộ, công nhân viên ở huyện được bổ sung kiện toàn đồng lên. Ở huyện chưa có công đoàn mà một số ngành tổ chức theo hệ thống dọc không phù hợp tình hình thời chiến đồng thời không hợp với tính chất tổ chức quần chúng của Đảng bộ ở huyện.

Tuy vậy, phong trào chưa đều, công tác tư tưởng chưa sâu, chưa liên tục, hoạt động các cấp còn yếu. Sự hoạt động của đoàn thanh niên ở nông thôn chưa bám được phong trào, hoạt động của phụ nữ ở cơ sở mạnh nhưng cấp huyện lại không theo kịp, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ của ngành làm chưa mạnh, tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật trong cơ quan, công trường, xí nghiệp chưa tốt không kịp với yêu cầu. Về mặt tổ chức chưa được kiện toàn tốt. Nhất là lề lối làm việc chuyển biến chậm, từ đó có ngành, có lúc ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ, đến tập trung vào thực hiện các việc trung tâm, và ảnh hưởng đến chỉ đạo phong trào phổ biến kinh nghiệm.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Công tác phát triển đảng, xây dựng chi bộ bốn tốt và huyện ủy bốn tốt

Trong 3 tháng qua, công tác phát triển đảng viên mới có nhiều tiến bộ, đã phát triển thêm được 139 đảng viên và lập 4 chi bộ mới, đến nay toàn tỉnh có 366 chi bộ với 5.348 đảng viên. Trong 3 tháng qua đã xóa được 9 thôn, xóm trảng, nay đã có đảng viên. Công tác phát triển đảng nói chung đảm bảo được đường lối giai cấp của Đảng và đúng hướng, cụ thể tỷ lệ phát triển nữ đảng viên từ 11% quý II lên 19%, tỷ lệ thanh niên được kết nạp 71%, tỷ lệ phát triển đảng vào các dân tộc thiểu số 33%, phát triển vào cán bộ khoa học - kỹ thuật 20%.

Công tác phát triển đảng được đúng hướng nói trên, đã tăng thêm lực lượng phụ nữ, lực lượng trẻ, đã thiết thực góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng. Tuy nhiên, trong 3 tháng qua cũng còn những khuyết, nhược điểm như: Phát triển chưa đều, có nhiều chi bộ trong 3 tháng chưa phát triển được một

đảng viên nào, số thôn, xóm, hợp tác xã và đơn vị sản xuất tráng chưa có đảng viên cũng còn nhiều hoặc còn coi nhẹ phát triển nữ đảng viên.

Công tác xây dựng chi bộ bốn tốt và đảng bộ cơ sở bốn tốt đang được các cấp ủy chú ý lãnh đạo, sau hội nghị tổng kết cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ bốn tốt năm 1965 ở tỉnh, các huyện thị đã họp sơ kết đẩy mạnh một bước phong trào thi đua xây dựng chi bộ bốn tốt, các chi bộ đã kiểm điểm và bổ khuyết đẩy mạnh phong trào năm 1966.

Riêng ở nông thôn năm 1965 có 45 chi bộ đạt bốn tốt, tỷ lệ đạt 36,8% so với số chi bộ nông thôn. So với năm 1964 thì tăng thêm 15 chi bộ, tỷ lệ tăng 12,6%. Trong số 45 chi bộ đạt bốn tốt ở nông thôn năm 1965 có 8 chi bộ từ kém tiến thẳng lên bốn tốt.

Cuộc vận động bảo vệ Đảng cũng đang được đẩy mạnh. Đã mở lớp giáo dục cho 587 đảng viên học tập Chỉ thị 90 của Trung ương ở các nơi như Mỏ apatít, Nhà máy điện, Ty Công nghiệp, công an vũ trang, một số chi bộ trực thuộc Đảng ủy Dân Chính Đảng. Đang trong thời kỳ chuẩn bị mở diện học bảo vệ Đảng xuống huyện lấy huyện Bắc Hà làm thí điểm. Nói chung các đảng viên đều có ý thức trong công việc học tập chỉ thị, có nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo đã cố gắng bố trí sắp xếp công việc để được đi học. Cuộc vận động bảo vệ Đảng đã tiến hành thận trọng, chắc chắn nhưng bước đi còn chậm, cần phải tiến hành khẩn trương hơn nữa mới đảm bảo kế hoạch đã đề ra.

Đang xúc tiến chuẩn bị họp sơ kết cuộc vận động bảo vệ Đảng trong toàn tỉnh. Nhìn chung, cuộc vận động mở rộng diện tiến hành tích cực, những bước thám tra kết luận chưa được quan tâm tốt, công tác cải tiến quản lý chưa được xây dựng và thực hiện đúng với yêu cầu, cần được tập trung xây dựng uốn nắn để công tác quản lý đi vào nền nếp.

2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo dục chính trị đảng viên

Trong 3 tháng qua tiếp tục tiến hành họp Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai, Đoàn 5, Địa chất 24 để bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ mới. Đã đề bạt được 8 phó ty và phó ban, 3 trưởng phó phòng.

Đi đôi với công tác đào tạo, chúng ta đã quan tâm bồi dưỡng cho cán bộ về các mặt chính trị, văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ, đã chuẩn bị cho một số cán bộ đi học các trường lý luận của Trung ương và Khu ủy Việt Bắc mở. Ngoài ra, ở tỉnh đang chuẩn bị các lớp đào tạo cán bộ quản lý và kỹ thuật nông nghiệp. Đã mở 3 lớp bồi dưỡng lý luận cho các chi Ủy viên và đảng viên ở công trường, xí nghiệp và nông thôn nâng cao theo chương trình cán bộ cơ sở, tổng số 189 cán bộ chi Ủy viên và đảng viên (2 lớp mở lưu động). Đặc biệt, về mặt bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong 3 tháng qua học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch ngày 17-7-1966. Trong quá trình học tập các đảng viên nói chung đã nâng cao được ý chí căm thù đế quốc Mỹ xâm lược, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch kính mến, xây dựng và củng cố thêm tư tưởng "Ta nhất định thắng, đế quốc Mỹ nhất định thua", thấy cuộc chiến đấu của ta còn gay go, ác liệt đòi hỏi phải chịu đựng gian khổ hy sinh, khắc phục mọi khó khăn vươn lên hàng đầu, xác định rõ là bất kỳ trong tình huống nào cũng phải bảo vệ bằng được nền độc lập tự do. Hiện nay, đợt sinh hoạt chính trị đang tiếp tục tiến hành theo phương pháp mới, nhằm mục đích học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch được sâu rộng hơn.

Nhờ công tác tư tưởng được tiến hành liên tục, hết đợt này đến đợt khác, nên đã nâng cao được trình độ cán bộ, đảng viên về mọi mặt và đã tạo ra một cơ sở tư tưởng khá vững cho cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước hiện nay. Trong và sau khi học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch, khí thế thi đua Thủ Dầu Một quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong Đảng cũng như

ngoài nhân dân được đẩy mạnh hơn lên, đã tổ chức nhiều đợt (thi đua ngắn ngày nhân dịp kỷ niệm ngày 20-7, ngày 18-8 và ngày 2-9...). Kết quả, năng suất lao động trong công nghiệp tăng từ 5 đến 15%; Mỏ apatít đã phát động phong trào ba tìm: tìm mâu thuẫn, tìm khó khăn, tìm cách giải quyết nên đã phát huy được nhiều sáng kiến để sử dụng máy, bàn giao ca đã khắc phục được những giờ trống. Ở nông thôn đã đẩy mạnh việc chăm sóc lúa mùa, làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, nhiều nơi đã thành lập được các đội thủy lợi và đã có sự hoạt động. Cụ thể trên các công trường đẩy mạnh công tác thủy lợi, giao thông, công tác thu mua lương thực và thực phẩm của Trung ương giao. Đi đôi với nhiệm vụ sản xuất, nhiệm vụ chiến đấu cũng được tăng cường, nhiều nơi đã vận động được bộ đội trốn về nhà trở về đơn vị...

Công tác giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên cơ sở nhằm bồi dưỡng cho đảng viên cơ sở những hiểu biết cần thiết về chủ nghĩa cộng sản về đường lối cách mạng của Đảng, về nhiệm vụ, quyền hạn và phương pháp công tác của người đảng viên, đã mở 2 lớp thí điểm: 1 lớp thí điểm cho nông thôn lấy Chi bộ Quang Kim để chỉ đạo, 1 lớp thí điểm cho công nghiệp lấy Đảng ủy công nghiệp để chỉ đạo. Tổng số đảng viên của 2 lớp đi học là 99 đảng viên thuộc 3 chi bộ và bồi dưỡng 50 báo cáo viên ở các huyện, các đảng ủy cơ sở. Các lớp đều đạt được kết quả tốt. Hiện nay, các huyện ủy và các đảng ủy đang chuẩn bị mở lớp giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên.

Tóm lại, công tác tư tưởng, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong thời gian qua đã tiến hành liên tục, đã đạt được kết quả tốt, tư tưởng đã có sự chuyển biến rõ rệt trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay. Tuy nhiên, cũng còn một số biểu hiện tư tưởng cá nhân chủ nghĩa của một số cán bộ và đảng viên cần phải được tiếp tục khắc phục như: tư tưởng rụt rè, hữu khuynh, chủ quan, thiếu cảnh giác, ngại khó, ngại khổ, ỷ lại, tự do vô kỷ luật...

3. Công tác kiểm tra

Trong 3 tháng qua đã tiến hành họp tổng kết công tác kiểm tra 6 tháng đầu năm 1966 và bàn về phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra 2 năm của Trung ương. Hội nghị đã đạt được kết quả tốt, đã đánh giá những ưu, khuyết điểm của công tác kiểm tra trong 6 tháng đầu năm và đề cử thể hóa nhiệm vụ công tác kiểm tra của tỉnh trong thời gian tới.

Về kiểm tra dân chủ kỷ luật đã tiến hành được ba cuộc. Hiện nay có ba cuộc đang tiến hành. Các cuộc kiểm tra đã uốn nắn kịp thời những hiện tượng lệch lạc của một số chi bộ như: nội bộ kém đoàn kết, công tác sản xuất và chiến đấu chưa hoàn thành, một số đảng viên biểu hiện ý thức đạo đức cách mạng kém như tham ô, hủ hóa...

Trong 3 tháng qua đã thi hành kỷ luật 2 đảng viên. Nội dung phạm kỷ luật: 1 hủ hóa với vợ tên phản động và 1 tinh thần trách nhiệm kém. Hình thức kỷ luật: 1 lưu Đảng và 1 khiển trách. Hiện nay còn 13 vụ án chưa giải quyết.

Nhìn chung công tác kiểm tra 3 tháng qua đã có sự tiến bộ, đã hướng dẫn vào nội dung công tác kiểm tra đi vào kiểm tra sự thực hiện các chính sách của Đảng. Nhưng trong 3 tháng qua công tác kiểm tra có thiếu sót là giải quyết các vụ án kỷ luật chậm, thiếu kịp thời, ảnh hưởng không tốt đến sự giáo dục của đảng viên.

V. NHẬN XÉT CHUNG

Ba tháng quý III, trên cơ sở học tập quán triệt tinh thần Nghị quyết 12 và lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, với sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của các cấp, phong trào quần chúng trong cán bộ, công nhân và nhân dân các dân tộc trong tỉnh được phát động thành phong trào quần chúng mạnh mẽ sôi nổi với khí thế mới, với tinh thần quyết chiến quyết thắng để quốc Mĩ xâm lược, đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và các mặt công tác khác.

Về nông nghiệp nói chung các tiêu chí chủ yếu đều không đạt kế hoạch, có chỉ tiêu như ngô hè còn kém cả năm ngoái. Nhưng nếu tính 9 tháng thì phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc xấp xỉ đạt kế hoạch và vượt so với năm ngoái, đặc biệt là chỉ tiêu đậu tương tăng mạnh. Đáng chú ý phong trào thâm canh năm nay có phần tiến bộ, nổi nhất phần gieo cấy đảm bảo thời vụ, phong trào làm ruộng tăng sản chọn giống, làm thủy lợi phòng trừ sâu bệnh. Tuy bị trận lũ lớn gây một số thiệt hại, lúa nương bị hạn đói chút và bệnh vàng lụi hỏng lúa ở một số nơi, nhưng nói chung lúa năm nay tốt triển vọng đạt năng suất lúa cao. Chăn nuôi được đẩy mạnh, chỉ đạo chăn nuôi đã tập trung và chặt chẽ hơn. Đáng chú ý trong chăn nuôi, lợn đã phát triển khá về mặt trọng lượng. Tuy nhiên, tình hình dịch lợn tai và thiếu lợn giống vẫn là khó khăn tồn tại lớn tuy có cố gắng giải quyết. Chăn nuôi châm vỗ của thương nghiệp còn kém. Nghề rừng chưa chuyển mạnh còn yếu. Chưa gắn được chặt vào quần chúng chưa đưa được vào hợp tác xã, ngành lâm nghiệp vẫn chưa chuyển về tư tưởng còn nặng về khai thác, quốc doanh chưa kiên quyết dựa vào hợp tác xã tổ chức lực lượng trồng rừng và khai thác rừng. Việc tiếp nhận đồng bào khai hoang có cố gắng nhưng đạt kế hoạch còn thấp. Trong phong trào hợp tác xã nông nghiệp, phong trào vùng thấp được củng cố khá về mặt chất lượng, nổi bật là trình độ quản lý hợp tác xã được nâng lên và vấn đề xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã được đẩy mạnh. Song, việc củng cố xây dựng hợp tác xã vùng cao còn yếu.

Các ngành công nghiệp có nhiều cố gắng phấn đấu trong hoàn cảnh sơ tán, phân tán, trong điều kiện chiến tranh có nhiều khó khăn các xí nghiệp Trung ương đã và xấp xỉ đạt kế hoạch. Thủ công nghiệp phát triển và triển vọng đạt kế hoạch năm. Một số cơ sở sản xuất trung ương (đoàn địa chất) và công nghiệp quốc doanh địa phương không đạt kế hoạch do sản xuất trong hoàn cảnh gấp mưa nhiều, thiếu nhân lực và vật tư. Công nghiệp địa phương và

thủ công nghiệp có nhiều tiến bộ trong việc phục vụ nông nghiệp, đã phục vụ nông nghiệp gấp hai lần năm ngoái, song tỷ trọng phục vụ nông nghiệp trong tổng số còn quá thấp mới đạt 4,5%. Vấn đề cơ khí nhỏ phục vụ nông nghiệp còn chậm và yếu, giao thông vận tải có cống găng và tiến bộ nhiều so với năm ngoái nhưng so với kế hoạch đạt quá thấp, giao thông phục vụ thời chiến tuy đã cố gắng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong xây dựng cơ bản, tốc độ thi công công trình chậm kế hoạch đạt quá thấp. Việc xây dựng chưa tập trung vào các công trình trọng điểm, xây dựng cơ bản vẫn là khâu yếu nhất.

Trong công tác tài chính - thương nghiệp, thu mua lương thực nông sản, thực phẩm đạt khá, đặc biệt thu mua lợn có chuyển biến rõ rệt, thu mua hàng xuất khẩu và công nghiệp phẩm yếu, nhất là hàng xuất quá yếu. Bán ra nói chung đạt thấp chủ yếu do thiếu hàng. Hợp tác xã mua bán phát triển nhưng hoạt động yếu do chưa được chú ý củng cố. Thiếu sót lớn trong thu mua phân phối là thiếu mở rộng nguồn hàng, tranh thủ chuyển hàng xuôi lênh, lưu thông phân phối chưa tốt, có lúc còn gây cản thảng không cần thiết. Thu chi tài chính đạt thấp do các ngành kinh doanh, sản xuất và công tác xây dựng cơ bản không hoàn thành kế hoạch. Thu chi ngân hàng được đẩy mạnh, riêng cho vay nông nghiệp đạt thấp chưa quan tâm đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố hợp tác xã tín dụng.

Công tác bảo vệ trị an, xây dựng lực lượng, phòng không và sẵn sàng chiến đấu được chú ý đẩy mạnh. Đã đi sâu nắm vững tình hình chính trị để phòng âm mưu hành động phá hoại của địch, xây dựng, củng cố lực lượng bộ đội, dân quân tự vệ, sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên kiểm tra đôn đốc thực hiện phòng không sơ tán, xây dựng củng cố hầm hố chống máy bay địch. Nhưng tư tưởng chủ quan còn nặng nhiều nơi chưa có hầm hố, hoặc còn sơ sài. Nạn trộm cắp, cờ bạc, buôn lậu nảy nở, tai nạn giao thông còn xảy ra nghiêm trọng, thực hiện sơ tán, phân tán đối với các vùng trọng điểm chưa triệt để.

Công tác mặt trận và các tổ chức quần chúng với các phong trào phụ lão ba giỏi, phụ nữ ba đảm đang, thanh niên ba sẵn sàng công đoàn bốn tốt đã động viên mạnh mẽ phong trào quần chúng trong cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước và mọi mặt công tác. Song còn thiếu sót tồn tại: Vấn đề củng cố xây dựng tổ chức lãnh đạo bồi dưỡng cán bộ chưa kịp yêu cầu của phong trào và lề lối làm việc còn lúng túng. Chỉ đạo phong trào còn chưa chặt, chưa sâu, chưa bén và kịp thời.

Công tác Đảng được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt nhất là việc xây dựng chi bộ bốn tốt. Thí điểm huyện ủy bốn tốt, công tác bảo vệ Đảng, đợt sinh hoạt chính trị học tập lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Hồ Chủ tịch và công tác kiểm tra với nội dung hướng vào kiểm tra việc thực hiện các chính sách của Đảng.

Công tác phát triển đảng chưa đều nhiều cơ sở 3 tháng không phát triển, tuy phát triển vào phụ nữ có tiến bộ nhưng cần được tăng cường hơn nữa. Sinh hoạt đảng đã có nội dung nhưng cần tăng thêm chất lượng sinh hoạt. Tăng cường ý thức phê bình tự phê bình và nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của chi bộ cơ sở, chú ý chi bộ nông thôn. Đặc biệt các đảng ủy cơ sở cần chú ý tăng cường cải tiến lề lối làm việc đúng với chức năng của Đảng ủy lãnh đạo toàn diện.

V. NHỮNG CÔNG TÁC LỚN TRONG QUÝ IV

- Tập trung hoàn thành việc xây dựng phương hướng kế hoạch Nhà nước 2 năm 1967-1968, kế hoạch 1966 và kế hoạch đông - xuân 1966-1967, kết hợp chặt chẽ với đẩy mạnh thu hoạch vụ mùa nhanh gọn và tích cực khẩn trương chuẩn bị phát động sản xuất đông - xuân. Ra sức phấn đấu tốt thực hiện nhiệm vụ kế hoạch vận động và tiếp nhận đồng bào khai hoang. Trên cơ sở làm tốt công tác cải tiến nông cụ sản xuất mà bố trí sắp xếp sử dụng

lao động hợp lý đẩy mạnh sản xuất thu hoạch. Quan tâm phân phối hoa lợi vụ mùa đẩy mạnh việc cung cố hợp tác xã nông nghiệp có sự chú ý đổi mới phong trào vùng cao. Tổng kết tốt đợt 2 cải tiến quản lý hợp tác xã và chuẩn bị tốt cho đợt 3 làm ở vùng cao.

- Đẩy mạnh phong trào tăng năng suất lao động và tinh thần quyết tâm phấn đấu thực hiện kế hoạch trong các ngành công nghiệp khẩn trương hoàn thành thí điểm cơ khí nhỏ rút kinh nghiệm mở rộng diện xây dựng ở các điểm đã quy định. Đặc biệt, chú trọng sản xuất nông cụ phục vụ sản xuất đông - xuân, tích cực phấn đấu với cố gắng cao nhất trong công tác xây dựng cơ bản và công tác giao thông vận tải phục vụ thời chiến.

- Tiến hành tốt công tác quý III thu vụ mùa phấn đấu đảm bảo hoàn thành mức thu mua thực phẩm lợn thịt, rau xanh phấn đấu thực hiện tốt công tác lưu thông phân phối. Tổ chức học tập Nghị quyết 10 và nghị quyết ổn định nghĩa vụ lương thực của Trung ương đến cơ sở. Đẩy mạnh thu, tiết kiệm chi, chú trọng huy động tiết kiệm kết hợp chặt chẽ với thu mua vụ mùa.

- Triệt để coi trọng công tác phòng không. Hoàn thành cuộc điều tra cơ bản về chính trị, làm tốt công tác trị an xã hội, tích cực ngăn ngừa tai nạn giao thông, hỏa hoạn, cháy rừng, trộm cắp và các tai nạn xã hội khác. Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ tuyển binh, đẩy mạnh củng cố xây dựng phong trào dân quân tự vệ và đẩy mạnh xây dựng xã chiến đấu thí điểm Mường Hum. Tăng cường giữ bí mật, phòng gian đảm bảo an toàn địa phương sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt.

- Đẩy mạnh công tác mặt trận và các tổ chức quần chúng đi vào bề sâu, củng cố xây dựng tổ chức, đào tạo bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của phong trào.

- Hoàn thành tốt công tác phát triển đảng, chú ý thanh toán cơ sở trắng. Phát triển đảng đi đôi với củng cố tổ chức. Tăng cường lãnh đạo làm tốt lớp giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên cơ sở và tổ chức học tập tốt lời kêu gọi Hồ Chủ tịch. Rút kinh nghiệm

mở rộng việc xây dựng huyện ủy bốn tốt. Xúc tiến chuẩn bị mở Đại hội Đảng các cấp. Sơ kết tốt công tác bảo vệ Đảng. Nghiên cứu thi hành Nghị quyết 123 của Trung ương về chuyển hướng công tác tổ chức trong tình hình mới nhằm sắp xếp bộ máy lãnh đạo cho hợp lý, xây dựng chức trách, cải tiến lề lối làm việc cho phù hợp với tình hình mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 34-BB/TU, ngày 31-10-1966

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp trong 2 ngày 31-10 và 1 tháng 11 năm 1966, về dự hội nghị có các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Khánh Vinh, Việt Tiến, Lê Bá Hội, Long Khánh.

Hội nghị nghe các đoàn cán bộ đi các huyện, thị nghiên cứu xây dựng kế hoạch 2 năm 1967-1968 báo cáo. Nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng kế hoạch 2 năm 1967-1968 so với thời gian các đoàn đi nghiên cứu tuy ngắn ngủi nhưng cũng đã đạt được những kết quả nhất định trong công tác xây dựng kế hoạch nông nghiệp 2 năm, đã kết hợp chặt chẽ với đợt sinh hoạt chính trị, bước đầu đã nâng cao được nhận thức tầm quan trọng, mục đích, ý nghĩa của kế hoạch 2 năm 1967-1968, thấy rõ hơn phương hướng sản xuất của tỉnh đề ra trước đây là đúng và đã bổ sung thêm cho phương hướng được rõ ràng, phát hiện được cụ thể hơn những thuận lợi, mâu thuẫn mới trong phát triển, tìm ra nguyên nhân và đề ra các biện pháp tích cực khắc phục nhằm mục đích phấn đấu đạt và vượt mức kế hoạch 2 năm 1967-1968.

Sau khi nghe các đồng chí cán bộ đi các huyện, thị nghiên cứu xây dựng kế hoạch 2 năm 1967-1968 báo cáo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy:

1. Về mục đích, ý nghĩa của kế hoạch 2 năm 1967 - 1968

Đã bước đầu làm cho cán bộ, nông dân, xã viên thấy rõ kế hoạch 2 năm 1967-1968 đề ra xuất phát từ tình hình thực tế khách quan là sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của toàn Đảng, toàn dân ta đang ở trong giai đoạn quyết liệt, ta đang giành được những thắng lợi rất to lớn trong các chiến dịch mùa khô cũng như mùa mưa vừa qua, chúng ta đang ở thế tiến công địch rất mạnh. So sánh lực lượng giữa ta và địch hiện nay có thể nói chắc chắn rằng chiêu hướng phát triển ngày càng có lợi cho ta. Với quyết tâm mới, chúng ta tin chắc rằng mặc dù còn có nhiều gian khổ, còn phải chịu nhiều tổn thất hy sinh, nhưng nhất định thắng lợi sẽ về chúng ta. Trước những thắng lợi vừa qua ở hai miền Nam - Bắc, đề ra cho miền Bắc nhiệm vụ rất bức thiết là phải củng cố tốt hậu phương lớn, đảm bảo sự chi viện cho miền Nam ngày càng nhiều cả về vật chất và tinh thần, đồng thời đảm bảo tốt nhiệm vụ quốc tế, tích cực ủng hộ, giúp đỡ cách mạng Lào.

Làm cho cán bộ, nông dân, xã viên thấy kế hoạch 2 năm tới không những phát triển mạnh về mặt nông nghiệp trong bất kỳ tình huống nào, mà còn phải phát triển nhanh công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp, mạnh dạn đưa cơ khí nhỏ vào sản xuất nông nghiệp. Trong lĩnh vực nông nghiệp phải làm tốt vấn đề lương thực và thực phẩm nhằm giải quyết vấn đề hậu cần tại chỗ để trước mắt chống chiến tranh phá hoại và lâu dài chống chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ.

Xây dựng kế hoạch 2 năm lần này phải làm tốt công tác phát động tư tưởng quần chúng nông dân, xã viên không những thấy rõ yêu cầu cách mạng đòi hỏi ngày càng cao mà còn làm cho nông dân xã viên thấy rõ khả năng tiềm tàng vô tận của địa phương để mọi người đều tin tưởng phấn khởi trong khi xây dựng và thực hiện kế hoạch 2 năm. Cho nên vấn đề "dân chủ hóa kế hoạch" lắng nghe và lấy ý kiến bên dưới trong khi xây dựng và thực hiện kế hoạch là một vấn đề rất quan trọng. Làm cho mọi người thấy rõ ba tính

chất của công tác kế hoạch: Tính chất quần chúng, tính chất khoa học và tính chất pháp lệnh.

Xây dựng kế hoạch 2 năm lần này phải thể hiện tinh thần Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư cụ thể là:

- Tập trung cao độ nhân lực, vật lực, tài lực để thực hiện kế hoạch.
- Phát huy cao độ tinh thần tự lực cánh sinh tìm mọi biện pháp hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.
- Huy động với mức cần thiết đóng góp cho Nhà nước, đồng thời đảm bảo đời sống nông dân, xã viên.

Trên cơ sở nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của kế hoạch 2 năm 1967-1968 làm cho cán bộ, nông dân, xã viên khắc phục được tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, rụt rè. Ngoài ra, xây dựng kế hoạch 2 năm lần này lại là dịp nâng cao trình độ năng lực, lãnh đạo cho các cấp ủy, làm cho các cấp ủy lãnh đạo được toàn diện, có trọng tâm trọng điểm, phấn đấu với tinh thần tích cực, thiết thực.

2. Về phương hướng kế hoạch sản xuất nông nghiệp

Nói chung về phương hướng sản xuất nông nghiệp như trước đây Tỉnh ủy đã đề ra, qua nghiên cứu lần này cho ta thấy rõ hơn. Cụ thể là về nông nghiệp trong 2 năm tới phải tiến tới *tự túc về lương thực và thực phẩm*. Phát triển nông nghiệp phải toàn diện, sát với khả năng từng vùng: Vùng thấp chú trọng phát triển cây lương thực, đặc biệt chú trọng tăng sản lượng lúa, đưa năng suất lúa trên 5 tấn một hécta trong 2 vụ, vùng cao và vùng giữa chú trọng phát triển chăn nuôi và cây công nghiệp.

Trên cơ sở giải quyết tốt vấn đề lương thực, *lấy lương thực làm bàn đạp* để phát triển mạnh chăn nuôi, cây công nghiệp, nghề rừng.

Về chăn nuôi phải hết sức chú ý đến đàn lợn, làm sao 2 năm tới đàn lợn của tỉnh ta có thể đưa lên nhanh, phải gắn liền chăn nuôi với trồng trọt, dần dần làm cho chăn nuôi trở thành một

nguồn thu nhập lớn, phải mạnh dạn chăn nuôi tập thể ở những hợp tác xã có điều kiện. Đi đôi với việc tăng cường lãnh đạo chăn nuôi tập thể; phải chú trọng thích đáng đến tổ chức chăn nuôi quốc doanh.

3. Những thuận lợi cơ bản

Xây dựng và thực hiện kế hoạch 2 năm 1967-1968 tuy chúng ta gặp những khó khăn mới trong phát triển nhưng khó khăn đó chỉ là những khó khăn tạm thời, song những thuận lợi của chúng ta trong công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch 2 năm 1967-1968 có nhiều và là cơ bản. Có ba thuận lợi chính sau đây:

a) *Thiên nhiên ưu đãi*, khả năng phát triển nông nghiệp rất dồi dào. Tỉnh ta có hai vùng khí hậu khác nhau: Vùng nhiệt đới và vùng á nhiệt đới. Do có đặc điểm này nên có nhiều loại cây trồng, con giống sinh trưởng rất tốt.

b) *Đã giải quyết được nạn đói lưu niên*. Vấn đề lương thực đã tự túc được ở địa phương và đang cung cấp ngày càng nhiều cho các công trình xí nghiệp của Trung ương đóng tại địa phương.

c) *Quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp đã được xây dựng và củng cố*. Đến nay nhiệm vụ hợp tác hóa nông nghiệp đã căn bản hoàn thành. Đặc biệt là vùng thấp đã qua cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật.

Những thuận lợi cơ bản nói trên nếu chúng ta biết phát huy thì triển vọng thực hiện kế hoạch 2 năm 1967-1968 có nhiều khả năng đạt và vượt mức kế hoạch, góp phần tích cực trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa miền Bắc và công cuộc chống Mỹ, cứu nước toàn dân.

4. Những mâu thuẫn mới trong phát triển

Trong quá trình thực hiện kế hoạch chúng ta đã phấn đấu vượt nhiều khó khăn, cho nên mấy năm qua nói chung các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch ta đã đạt được. Đến nay trong sự nghiệp phát

triển, trưởng thành, cụ thể là bước vào kế hoạch 2 năm 1967-1968 chúng ta thấy có một số mâu thuẫn mới cần được kịp thời khắc phục, những mâu thuẫn mới đó là:

a) *Ba cái nhiều không tốt*

- Làm ăn cá thể nhiều.
- Đốt phá rừng bừa bãi nhiều.
- Quảng canh nhiều.

b) *Ba cái ít không hay*

- Phân bón ít.
- Ruộng, nương bậc thang ít.
- Ngày công làm cho hợp tác xã ít.

Ba cái nhiều không tốt, ba cái ít không hay nói trên là tình hình chung cần phải tìm mọi biện pháp khắc phục. Ngoài ra, đi vào cụ thể từng địa phương còn có những mâu thuẫn khác cũng cần phải giải quyết kịp thời để đảm bảo công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch đạt được kết quả tốt.

5. Về biện pháp thực hiện

Trong công tác thực hiện kế hoạch 2 năm tới các cấp, các ngành phải làm đúng như lời dạy của Hồ Chủ tịch: Nhiệm vụ 10, biện pháp phải 15, quyết tâm phải 20. Muốn đảm bảo thực hiện kế hoạch được tốt phải có nhiều biện pháp tích cực, các biện pháp chủ yếu dưới đây cần phải được đặc biệt chú ý:

- Nâng cao và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, cụ thể là hết sức chú ý đến việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời tăng cường sự lãnh đạo hợp tác xã mua bán và quỹ tín dụng.

- Phải đặc biệt chú ý đến vấn đề cải tiến kỹ thuật, thâm canh cho từng loại cây trồng. Cải tiến kỹ thuật phải coi trọng các biện pháp liên hoàn, song phải chú ý đúng mức các khâu: Nước, phân, giống, cải tiến công cụ, kịp thời vụ, phòng trừ bệnh vàng lui. Đôi với chăn nuôi phải giải quyết tốt vấn đề thức ăn và giống, trừ dịch bệnh.

- Tổ chức sử dụng lao động tốt. Trước hết phải quản lý chặt chẽ lao động làm tập thể, đồng thời sử dụng tốt lao động phụ nữ có con mọn, phụ lão, v.v.. Cần phải gấp rút xây dựng các tổ và nhà trẻ.

- Công nghiệp địa phương phải phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Nông nghiệp phát triển sẽ đẩy mạnh công nghiệp địa phương tiến lên. Đặc biệt, phải chú ý vấn đề cung cấp đủ nông cụ cho nông dân, chú ý bán nông cụ cải tiến và mạnh dạn đưa cơ khí nhỏ vào nông nghiệp.

- Xây dựng và củng cố tốt các tổ chức đảng, đoàn và các tổ chức quần chúng khác. Cụ thể là lãnh đạo chặt chẽ cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt, huyện ủy bốn tốt. Đối với các đoàn thể quần chúng phải chú ý lãnh đạo tốt các cuộc vận động như: Thanh niên bốn tốt, phụ nữ năm tốt, phụ lão bốn giỏi, v.v..

- Phát huy và thực hiện tốt chức năng bộ máy chính quyền trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch.

Trên đây Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu lên một số vấn đề cơ bản trong công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch 2 năm 1967 - 1968. Sau đây Ủy ban kế hoạch tỉnh phải tổng hợp ý kiến của các đoàn và dựa vào tinh thần thảo luận công tác kế hoạch của hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy mà đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch 2 năm tới cho sát và chuẩn bị đầy đủ văn bản để báo cáo trước hội nghị Ban Chấp hành tỉnh sắp tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**KẾ HOẠCH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 04-KH/TU, ngày 7-11-1966

**Về việc mở rộng vận động cải tiến quản lý hợp tác xã,
cải tiến kỹ thuật đợt 3 của tỉnh Lào Cai**

Để tiếp tục thực hiện một cách tích cực cuộc vận động cách mạng ở nông thôn do Trung ương đề ra, làm chuyển biến nhanh chóng nền sản xuất nông nghiệp hợp tác hóa trong tỉnh, căn cứ vào phương hướng kế hoạch chung của Tỉnh ủy đã có, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương hiện nay và những kinh nghiệm thu được sau 2 đợt đã làm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chú trọng mở đợt 3 trong tỉnh: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra Chỉ thị số 104-CT/TU ngày 16-9-1966, quyết định địa bàn từ vùng thấp, có 1 xã thí điểm cải tiến thuộc vùng cao (xã Bản Phố) và 1 xã tại điểm cải tiến vòng 2 vùng thấp (xã Quang Kim). Kế hoạch của hai xã Bản Phố và Quang Kim sẽ có bản riêng, không ghi trong bản này.

Để cụ thể hóa mục đích và yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp tiến hành trong 12 xã tương tự vùng thấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy vạch ra kế hoạch này để các cấp, các ngành quán triệt và căn cứ vào đó lập kế hoạch thi hành cho sát hợp.

**I. NHẬN XÉT MỘT VÀI NÉT SƠ LUỢC VỀ TÌNH HÌNH
CÁC XÃ, CÁC HỢP TÁC XÃ TRONG DIỆN VẬN ĐỘNG ĐỢT 3**

a) Đợt 3 riêng đối với 12 xã như trên đã nói nằm ở bốn huyện:

Mường Khương, Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa, trong đó có huyện Sa Pa đợt này mới là đợt đầu tiên làm vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật.

Dân số trong vùng có khoảng 2.350 hộ, với hơn 9.770 nhân khẩu. Số hộ nông dân ước độ 2.170 hộ có trên 10 dân tộc xen kẽ đông nhất là Nùng, Mán, Kinh, Thổ, ít nhất là Pa Dí, Tu Dí, Hán, Phù Lá, Lô Lô.

Địa bàn vận động đợt này là các xã ở trong vùng cao và giữa nhưng về mặt giác ngộ của quần chúng và tình hình sản xuất thì tính chất tương tự vùng thấp, phần nhiều nằm trên độ cao từ 600 đến 800 mét so với mặt biển.

Diện cải tiến đợt này (...) tuyển phân tán ở bốn huyện, nhưng các xã đều tập trung thành một vùng liên hoàn ở gần huyện lỵ hoặc là nơi trung tâm kinh tế chính trị, văn hóa ở một khu vực nhỏ của huyện, trong vùng của tỉnh lại có mấy thị trấn của các huyện, do đó tình hình ngành nghề và sản xuất các nơi đó cũng phải đề ra cách giải quyết sát đúng.

b) Ruộng đất ít, toàn vùng này có khoảng 1.492 ha ruộng đất, bình quân nhân khẩu 4 sào 3 thước/người riêng về ruộng nước bình quân được 1 sào 8 thước/người. Những vùng riêng cây có rất nhiều khả năng và có ưu thế về trồng cây công nghiệp và tăng vụ xuống ruộng, về phát triển chăn nuôi và nghề rừng. Đất đai trong vùng đều có thể đưa lên sản xuất 2 vụ một năm (1 vụ lúa, 1 vụ màu), vì hệ số sử dụng ruộng đất còn rất thấp (mới khoảng xấp xỉ 1,3 lần đối với ruộng đất). Nhiều nơi có đồng cỏ có thể nuôi được những đàn trâu, bò, dê khá lớn (Mường Hum, Thanh Bình, Bản Hồ...). Sức kéo như trâu khá đầy đủ lại có nhiều ngựa thồ. Do đó cũng là ưu thế hơn vùng cải tiến đợt 1, đợt 2 (tổng số trong vùng: Trâu 2.383 con, ngựa 970 con, bò 293 con, bình quân 1 hộ có 1,1 trâu, 0,4 ngựa).

c) Cơ sở vật chất kỹ thuật và công cụ trong vùng hiện nay chưa xây dựng được mấy (tất cả vùng mới có 12 sân phơi, 20 nhà kho...)

những điều kiện để phát triển thì nhiều (như nguyên vật liệu: nứa, đá, cát... có sẵn nhiều). Đặc biệt, về nguồn nước cũng dồi dào, 1/2 số xã có thủy điện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật và đưa cơ khí nhỏ vào nông nghiệp.

d) Tình hình hợp tác xã trong vùng đã được xây dựng năm 1960 - 1961 tới nay đã qua nhiều đợt củng cố. Số hợp tác xã có 52 cái, gồm trên 1.900 hộ xã viên, chiếm tỷ lệ trên 88% số hộ nông dân trong vùng. Trong đó có 8 hợp tác xã cấp cao với tỷ lệ 47,5% số hộ vào hợp tác xã. Có nơi đã có 100% số hộ vào hợp tác xã (Nậm Lư, Tùng Lâu, Thanh Phú). Nhiều xã đạt từ 90% trở lên nhưng cũng còn có xã tỷ lệ số hộ vào hợp tác xã còn thấp (Thanh Bình 77,7%, Tả Ngảo độ 80%, Bản Hồ độ 54%...). Các thôn bản đều đã có hợp tác xã nhưng vẫn còn vài xóm chưa có (như xã Bản Hồ còn hai xóm xã, Mường Khương còn một xóm, xã Thanh Bình còn một xóm chưa có hợp tác xã). Có nơi hợp tác xã chỉ là hình thức đơn giản, nội dung thì chưa đầy đủ.

Quy mô hợp tác xã trong vùng trong thời gian qua đã có nơi dần dần mở rộng. Quy mô bình quân hiện nay là trên dưới 36 hộ/1 hợp tác xã nhưng một số nơi đã lớn, như hợp tác xã Tà Chải đã có quy mô toàn xã (trên 150 hộ). Hợp tác xã Sang Trải (Mường Khương trên 180 hộ), hợp tác xã Thủ Dầu Một Sa Pa đã có 438 hộ, hợp tác xã Na Hồi có 117 hộ, hợp tác xã Bản Phố (xã Bản Phố) 73 hộ, hợp tác xã Mường Bo (Thanh Phú) trên 50 hộ... tuy vậy có một vài xã quy mô các hợp tác xã còn quá nhỏ bé không đủ sức và vốn để làm những việc lớn, đã phân công lại lao động nhằm phát triển sản xuất và cải thiện đời sống xã viên nhanh hơn (một số hợp tác xã như xã Mường Hum, Tả Ngảo, Nậm Lư, Thanh Bình)...

d) Tình hình sản xuất và các mặt công tác quản lý của các hợp tác xã nhiều nơi đã có tiến bộ khá. Nói chung diện tích, sản lượng mỗi năm một tăng. Năng suất cây trồng như lúa, một số nơi cũng tăng đều. Nhiều hợp tác xã đã cố gắng tăng vụ như trồng đậu tương xuống ruộng (Tà Chải, Na Hồi, Mường Khương, Tùng Lâu,

Nậm Lư...). Có nơi đã phát triển thêm ngành nghề (thị trấn Sa Pa, Sang Trai (Mường Khương), Tà Chải (Bắc Hà) hoặc chú trọng phát triển cây đặc sản (thảo quả ở Mường Hum), hạt rau giống ở Sa Pa, chè (Bắc Hà). Cơ sở chăn nuôi tập thể đã có nơi xây dựng (thị trấn Sa Pa, Mường Khương, Thanh Bình...).

Về lao động và tài vụ, nói chung ngày càng quản lý tiến bộ. Ngày công tham gia vào hợp tác xã của xã viên cũng như giá trị ngày công và thu nhập nhiều nơi tăng, làm nhiệm vụ lương thực cho Nhà nước tốt. Các hợp tác xã đều đã có kế toán trình độ lớp 2, có nơi lớp 3, lớp 4, cá biệt có nơi có kế toán trình độ cấp II.

Tuy nhiên, hầu hết các hợp tác xã cũng đều chưa xác định được phương hướng, chưa có kế hoạch sản xuất, lao động, tài vụ xây dựng từ dưới lên. Tình hình sản xuất chưa mạnh, chưa phát huy được ưu thế sẵn có trong vùng. Tỷ trọng cây công nghiệp trong tổng diện tích gieo trồng đã tăng nhiều, nhưng so với khả năng thì còn thấp (mới độ 25%) riêng một số xã có tỷ trọng cao hơn trong phần sản xuất tập thể của hợp tác xã (Mường Khương 46,3%, Tà Chải 35,6%). Đặc biệt, cây công nghiệp dài ngày thì còn rất ít, mới chủ yếu là cây ngắn ngày. Chăn nuôi, nhất là chăn nuôi tập thể còn khó khăn, nhiều ruộng đất chưa được tăng vụ (hệ số sử dụng mới 1,3 lần) sản phẩm hàng hóa phát triển chậm. Về cải tiến kỹ thuật có phát triển nhưng chậm chạp, phân còn kém (mới độ 2 đến 3 tấn/1ha cho ruộng). Phần kinh tế tập thể còn thấp, kinh tế gia đình làm riêng còn nhiều. Một số hợp tác xã quản lý được chỉ tiêu lúa, ngô, đậu tương... nhưng đa số hợp tác xã thì nhiều chỉ tiêu sản xuất và đất đai vẫn do gia đình xã viên làm riêng. Các tổ, đội lao động chưa thật ổn định, cố định, có nơi chưa thực sự quản lý kinh doanh thống nhất trong hợp tác xã mà còn làm theo đội, chia theo đội. Ngày công lao động, giá trị ngày công và thu nhập tập thể của xã viên còn thấp. Tình hình tài vụ nói chung chưa chấp hành đầy đủ các nguyên tắc, chế độ ghi chép sổ sách rành mạch nhiều nơi còn có tình trạng nhập nhằng, chưa thanh toán,

quyết toán. Việc chấp hành chính sách trong hợp tác xã nói chung là tốt, nhưng trong thực hiện còn những lêch lạc (chính sách công hữu cổ phần đất đai, công diêm cán bộ, chăn nuôi). Đáng chú ý là việc quản lý dân chủ trong hợp tác xã chưa được tôn trọng, đại hội xã viên không đúng kỳ.

e) Về tình hình chính trị và tổ chức lãnh đạo của các xã, các hợp tác xã, hiện nay đều ổn định. Vấn đề đoàn kết trong sản xuất trong phong trào bảo vệ trị an, trấn áp kẻ địch, sẵn sàng chiến đấu giữa các dân tộc, giữa địa phương với dưới xuôi mới lên khai hoang được tăng cường mạnh mẽ và phát triển. Các xã đều có chi bộ lãnh đạo, có nơi đã lập Đảng ủy (thị trấn Sa Pa). Có 10 chi bộ xã và hợp tác xã (trong 18 chi bộ) đã trở thành bốn tốt. Các tổ chức đoàn thanh niên lao động, hội phụ nữ, chính quyền xã, dân quân, công an... đều đã có rộng khắp và có những nơi hoạt động khá. Các ban quản trị kiểm soát của hợp tác xã nói chung là tích cực, hăng hái chăm lo công việc của hợp tác xã giao.

Tuy vậy, các tổ chức ở các xã hợp tác xã kể cả chi bộ Đảng, có nơi chưa hoạt động mạnh, chưa đi sâu vào hợp tác xã. Số đảng viên còn ít, đoàn viên chưa phát triển mạnh (còn hai hợp tác xã chưa có đảng viên, tám hợp tác xã chưa có đoàn viên). Trình độ khả năng công tác nhất là nghiệp vụ quản lý của cán bộ xã và quản trị hợp tác xã còn thấp hơn so với các xã, hợp tác xã đợt 1, đợt 2, nói chung chưa tiến kịp yêu cầu đòi hỏi. Một số cán bộ xã, hợp tác xã còn chây lười, quá kém, thiếu gương mẫu. Về nhân dân, xã viên nói chung là tốt, có truyền thống đoàn kết, đấu tranh, tin tưởng ở đường lối, chính sách của Đảng, của Chính phủ, tin tưởng hợp tác xã nhưng từng lúc, từng nơi còn có những biểu hiện chưa nhận thức được đầy đủ, phổ biến là ý thức làm chủ tập thể còn thấp, tư tưởng tự tư tự lợi, đấu tranh giữa hai con đường luôn luôn xuất hiện, ngại cải tiến kỹ thuật, bảo thủ ỷ lại, tự ty và ngại sản xuất nhiều, phải làm nghĩa vụ lương thực nhiều cho Nhà nước... Ở một vài xã tình hình địch và bọn đối tượng

cải tạo cũng còn có một số hiện tượng phản tuyên truyền, chống phá phải tiếp tục giải quyết.

g) Những tình hình sơ lược như trên nói lên những điểm mạnh, điểm yếu đồng thời cũng là những khó khăn, thuận lợi về mặt chủ quan của đợt này. Những điểm trên cũng nói lên các mâu thuẫn tồn tại và đề ra cho chúng ta những yêu cầu, mức độ cần giải quyết trong cuộc vận động. Đặc biệt, cuộc vận động đợt này lại trong hoàn cảnh vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước phát triển ngày càng cao, yêu cầu ngày càng lớn, do đó đòi hỏi nội dung cuộc vận động phải được đề ra và thực hiện rất cao, rất mạnh. Bước vào đợt vận động này cũng có một số khó khăn mới so với các đợt trước như: địa bàn phân tán, tình hình phong trào hợp tác hóa và sản xuất, trình độ quản lý... trong vùng có mặt yếu hơn các đợt trước, các xã, hợp tác xã đều nằm trong vùng cao, giao thông đi lại khó khăn, làng bản không tập trung. Có nơi là thị trấn nên ngành nghề phức tạp, phương hướng sản xuất khác nhau. Nhiều hợp tác xã tiếng phổ thông trong quần chúng có phần chưa thông thạo bằng vùng đợt 1, đợt 2. Khí hậu lạnh và mưa nhiều, v.v.. Nhưng chúng ta có nhiều khả năng và thuận lợi để khắc phục. Thuận lợi cơ bản là toàn tỉnh đã và đang tiến hành đợt giáo dục tình hình nhiệm vụ mới, học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch giáo dục đảng viên. Chúng ta lại đã có kinh nghiệm thực tế rút ra từ hai đợt đã làm và những kết quả của hai đợt đó đã ảnh hưởng rất lớn vào vùng đợt này. Các cấp ủy, các ngành đều có sự chuyển biến mạnh mẽ, chú ý đi sâu lãnh đạo, chỉ đạo và phục vụ nông nghiệp, phục vụ cuộc vận động ở nông thôn. Quần chúng nhân dân các dân tộc săn có truyền thống đoàn kết đấu tranh tin tưởng ở Đảng và Chính phủ. Có nơi là cơ sở cách mạng cũ trong thời kỳ chống Pháp, tiểu phỉ (Thanh Phú, Tả Ngảo, thị trấn Sa Pa) cơ sở chính trị và phong trào quần chúng đã được xây dựng và phát triển qua nhiều đợt. Nhiều xã trong vùng thuộc loại khá, quần chúng đang mong muốn cải tiến. Nếu chúng ta biết

phát huy những thuận lợi sẵn có, biết tập trung lãnh đạo chỉ đạo thì sẽ làm cho quần chúng hăng hái phấn khởi, sẽ khắc phục được khó khăn và nhất định sẽ phát động được phong trào quần chúng vươn lên mạnh mẽ, có khả năng tiến vọt so với các đợt trước, đưa cuộc vận động đi đến thắng lợi.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CUỘC VẬN ĐỘNG ĐỢT 3

Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt này vẫn nhằm vào ba mục đích, ba yêu cầu chung trong Nghị quyết số 70 của Bộ Chính trị, và ba yêu cầu cụ thể trong Chỉ thị số 108 của Ban Bí thư để vận dụng thực hiện.

Vận dụng cụ thể các yêu cầu đó vào tình hình Lào Cai và tình hình đặc điểm đợt 3, cần phải thực hiện tốt và đầy đủ các yêu cầu cụ thể trong cuộc vận động đợt này là:

1. Phải phát động được mạnh mẽ, sâu rộng tư tưởng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và xã viên hợp tác xã thấy rõ: Yêu cầu cấp bách của tình hình nhiệm vụ cách mạng chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Thấy khả năng to lớn tiềm tàng của miền núi nói chung và của Lào Cai nói riêng, thấy tiềm đề của hợp tác xã mình, thấy vị trí yêu cầu cấp bách và lâu dài của việc phát triển sản xuất nông nghiệp của việc củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất ở nông thôn, mở rộng quy mô hợp tác xã, đưa hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao, thấy yêu cầu thường xuyên và trọng yếu của cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong nông thôn. Thấy yêu cầu cấp bách của việc đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp hiện nay.

Trên cơ sở đó tiếp tục nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, căm thù chế độ cũ và đế quốc Mỹ hơn nữa, gây được tinh thần phấn khởi, tin tưởng vững chắc vào hợp tác xã, gây được khí thế mới mạnh mẽ trong quần chúng nhằm động viên mọi người tích

cực tham gia củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, đẩy mạnh công tác cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật trong hợp tác xã, ra sức phát triển sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước 2 năm 1967 và 1968, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra, trước hết là đẩy mạnh sản xuất và các công tác trong vụ đông - xuân 1966-1967 của địa phương.

Mục tiêu tư tưởng chủ yếu trong cuộc vận động đợt này là:

Về xây dựng nâng cao: Tư tưởng quyết chiến, quyết thắng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng yêu quý độc lập, tự do, yêu quý hợp tác xã, tinh thần dám hy sinh, chịu đựng gian khổ (cả trên mặt trận sản xuất, chiến đấu) cảnh giác cách mạng, ý thức làm chủ tập thể hợp tác xã, ý thức tiết kiệm... Tinh thần tự lực cánh sinh, tự lực tự cường, dám nghĩ, dám làm, vươn lên hàng đầu, mạnh bạo áp dụng khoa học - kỹ thuật và tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, ngược xuôi, đoàn kết nội bộ nông dân.

Về chống và khắc phục: Tư tưởng chủ quan, mải mê giác hoặc hoang mang sợ địch, sợ gian khổ hy sinh, tư tưởng bảo thủ rụt rè và ỷ lại sản xuất manh mún, tự tư, tự lợi chạy theo lối làm ăn cá thể và lợi nhuận trước mắt, lãng phí, ngại làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, tư tưởng ích kỷ, hẹp hòi, tự ty xích mích, thành kiến xảy ra.

2. Xác định được rõ ràng cụ thể phương hướng sản xuất và kế hoạch sản xuất của xã và hợp tác xã theo phương hướng phân vùng sản xuất nông nghiệp của tỉnh và huyện, sát với từng xã, từng hợp tác xã với mức độ tiên tiến, toàn diện, cân đối. Trên cơ sở phát triển mạnh mẽ cây lương thực, giải quyết vấn đề tự túc lương thực một cách vững chắc có phần dự trữ và làm nghĩa vụ cho Nhà nước, lấy lương thực làm bàn đạp mà hướng vào phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, cây ăn quả, cây đặc sản, phải phát triển mạnh thủ công, đưa dần cơ khí nhỏ vào sản xuất nông

nghiệp để chế biến hoa màu, cải tiến bữa ăn cho quần chúng, biến những thị xã, biến các thị trấn và những nơi có điện thành nơi chế biến hoa màu, thực phẩm, nông sản của địa phương. Làm tốt phương hướng đó nhằm nhanh chóng tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa để góp phần vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng căn cứ địa ở Lào Cai, đồng thời nâng cao mức sống của nông dân lên ngang mức sống nông dân khá giả, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nông dân các dân tộc ở địa phương.

3. Xây dựng một bước các cơ sở vật chất, kỹ thuật và ra sức cải tiến kỹ thuật, cải tiến công cụ kiến thiết đồng ruộng đưa dần từng bước cơ khí nhỏ vào nông nghiệp để tạo điều kiện vật chất, kỹ thuật cho việc thâm canh tăng năng suất cây trồng, tăng năng suất lao động, tạo ra sự phân công mới. Do đó, làm cho hợp tác xã sử dụng được mọi khả năng đất đai, sức lao động để thực hiện tốt phương hướng sản xuất và kế hoạch sản xuất với mức độ tiến vọt so với trước.

Phải đưa dần công tác quản lý của các hợp tác xã vào nền nếp, theo phương thức quản lý tập thể (xã hội chủ nghĩa). Tiếp tục củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đặc biệt là đưa các hợp tác xã cải tiến lên cấp cao, hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn, nhằm đưa phần lớn các hợp tác xã trở thành tiên tiến có kinh tế tập thể phát triển mạnh mẽ và hướng dẫn kinh tế phụ gia đình phát triển đúng hướng, giải quyết đúng vấn đề đất 5%, quản lý phần quá mức vào hợp tác xã. Phải đưa các hợp tác xã quản lý và làm ăn tập thể theo lối có phương hướng, có kế hoạch bỏ lối gấp đâu hay đó, được mất nhờ trời sản xuất tốn mủn, mặt khác phải đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc quản lý dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của xã viên, đảm bảo thực hiện đúng các chính sách trong hợp tác xã.

4. Tăng cường lãnh đạo đối với sản xuất nông nghiệp và hợp tác xã bằng cách tích cực xây dựng chi bộ, tổ đảng trở thành bốn

tốt, củng cố và phát triển các tổ chức chính quyền, đoàn thể theo yêu cầu, thanh niên bốn tốt, ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang, chính quyền năm tốt, phụ lão ba giỏi, công an, dân quân quyết thắng... Phải ra sức đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, bí thư, chủ tịch, trưởng phó các ngành giỏi và chủ nhiệm và phó chủ nhiệm... của xã và hợp tác xã làm cho các anh em có tinh thần và trình độ đảm bảo được công tác của mình. Đối với các ngành ở xã, hợp tác xã thực hiện tốt việc kiện toàn phân công, phân nhiệm, sửa đổi lề lối làm việc theo đúng tinh thần Nghị quyết số 35 của Ban Bí thư và Thông tư 51 của Thủ tướng đề ra. Phải lấy việc củng cố, xây dựng chi bộ bốn tốt và bồi dưỡng đào tạo cán bộ làm mấu chốt và là việc từ đầu đến cuối, nếu không đạt yêu cầu này, tức là toàn bộ yêu cầu về tăng cường tổ chức lãnh đạo trong đợt vận động cũng không đạt.

Đối với các cấp, các ngành ở tỉnh, huyện, nhất là các huyện, thị ủy phải lãnh đạo trực tiếp và phân công phụ trách nông nghiệp, phụ trách xã và hợp tác xã, thực hiện yêu cầu huyện ủy bốn tốt vào cuộc vận động và phát triển sản xuất nông nghiệp theo phương hướng cải tiến mới.

Bốn điểm cụ thể hóa các yêu cầu chung của Trung ương đề ra như trên có mối quan hệ rất khăng khít với nhau, không thể tách rời và nhất thiết không được coi nhẹ yêu cầu nào, chỉ tùy theo mọi nơi yếu mạnh, cao thấp khác nhau mà vận dụng mức độ khác nhau cho sát hợp. Tất cả đều phải nắm vững mục tiêu cuối cùng của cuộc vận động là: tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với nông nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp, hướng các hợp tác xã làm theo tiên tiến và phần lớn trở thành tiên tiến, tăng cường quan hệ sản xuất mới ở nông thôn và đưa kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nhằm tạo ra bằng được khí thế mới cho nông nghiệp, thực hiện một bước nhảy vọt trong nông nghiệp, trong 2 năm 1967-1968 và chuẩn bị điều kiện cho việc phát triển sản xuất của tỉnh ta.

III. NỘI DUNG VÀ MỨC ĐỘ CỤ THỂ CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG ĐỢT 3

Tùy tình hình cụ thể từng xã, từng hợp tác xã khác nhau mà đề ra những mức độ cụ thể để thực hiện khác nhau, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung và những mức độ chính như dưới đây:

1. Xác định phương hướng sản xuất và lập kế hoạch sản xuất

Trước hết trong cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, các xã và hợp tác xã phải xác định được phương hướng sản xuất đúng đắn và phải lập được kế hoạch sản xuất tiên tiến, toàn diện và cân đối.

Phương hướng chung của đợt 3 là "sử dụng tốt sức lao động sẵn có, tiếp thu thêm lao động miền xuôi lên để tận lực phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, nhằm tự túc vững chắc, có phần dự trữ và đảm bảo nghĩa vụ với Nhà nước, lấy lương thực làm bàn đạp mà bắt đầu phát triển mạnh cây công nghiệp, cây đặc sản, phát triển chăn nuôi, chú trọng chăn nuôi tập thể, nghề rừng để tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày càng nhiều và tăng thêm thu nhập cho hợp tác xã và xã viên. Ở những nơi có điều kiện, khả năng riêng biệt và theo sự phân vùng của tỉnh, huyện, cần đẩy thật mạnh trồng cây đặc sản như chè (Bắc Hà), đậu tương (Mường Khương, Bắc Hà), thảo quả (Mường Hum), cây ăn quả (lê, táo, đào, và hạt rau giống Sa Pa)... Ngoài ra, các xã và các hợp tác xã đều phải có phương hướng và kế hoạch nghề rừng, chủ yếu là cải tạo, tu bổ, bảo vệ và trồng rừng. Tất cả các nơi đều phát triển rau xanh để tự túc, đồng thời cung cấp cho nhu cầu thị trường một phần (nhất là nơi gần thị trấn, thị xã và các đường giao thông lớn). Đi đôi với sản xuất nông nghiệp phải xây dựng cơ sở thủ công nghiệp và cơ khí nhỏ sử dụng sức điện, sức nước, sức súc vật săn có trong vùng vào việc sản xuất nông cụ, chế biến nông sản, thực phẩm, cải

biến các món ăn cho nhân dân, biến các thị trấn trong vùng thành nơi sản xuất thủ công và chế biến nông sản, thực phẩm.

Phương hướng canh tác chủ yếu của đợt vận động này là: Tích cực thâm canh, tăng vụ thực hiện định canh, xen canh, luân canh mạnh mẽ, chống phá rừng bừa bãi, đồng thời khai hoang ở các nơi còn đất đai có thể định canh được thành ruộng lúa và đất màu bằng ruộng nương bậc thang.

Kế hoạch sản xuất các xã, hợp tác xã phải căn cứ vào phương hướng đã định ra của mình mà xây dựng chỉ tiêu các mặt của 2 năm 1967-1968 và lập cụ thể cho năm 1967 và vụ đông - xuân 1966-1967. Ngoài kế hoạch của hợp tác xã, các gia đình xã viên cũng phải có kế hoạch hai năm phát triển phân phụ gia đình và sử dụng đất 5%.

Dưới đây là các mức độ tối thiểu và cụ thể vẫn thực hiện trong 2 năm 1967-1968 là:

a) Về trồng trọt: Lấy sản xuất lương thực là chính, chủ yếu là lúa, ngô, đồng thời phát triển các cây hoa màu chất bột khác như khoai lang, đao riêng... đầy mạnh và tạo được một số cơ sở để chuyển sang trồng trọt các loại cây khác như phương hướng trên đã nêu tỷ lệ màu (không tính ngô) phải đảm bảo từ 25% trở lên trong tổng số diện tích, đối với cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả như: lê, táo, đào, thảo quả, chè, óc chó, cây lai, hạt dẻ... Nói chung đảm bảo tỷ lệ đó đến 80% tổng số diện tích gieo trồng. Ngoài ra vùng trồng chè, thảo quả, hạt rau, cây thuốc... thì tùy khả năng ở đó mà đưa tốc độ gieo trồng lên cao hơn mức chung trên. Về cây trồng công nghiệp ngắn ngày, chủ yếu là phát triển cây đậu tương xuống ruộng, trên nương bằng tăng vụ xen gối, đồng thời phát triển lạc, vừng, khoai lang,... Tỷ lệ cây công nghiệp ngắn ngày đảm bảo từ 35% đến 40% tổng số diện tích gieo trồng từng vùng, trong đó một số xã đã có một số tập quán trồng đậu tương như Tà Chải, Mường Khương... cần đưa tỷ trọng đậu tương lên độ 60% tổng số diện tích gieo trồng của hợp tác xã.

Về sử dụng ruộng đất, phương hướng phấn đấu là đảm bảo bình quân nhân khẩu nông nghiệp về ruộng đất trồng trọt từ 5,5 sào đến 6 sào, và đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2 lần 1 năm. Trước mắt đối với ruộng, đại bộ phận trong 2 năm cố gắng tăng vụ lên 2 lần, nơi nào trồng được lúa thì kiên quyết giải quyết vấn đề thủy lợi để trồng 2 vụ lúa, nơi không có nước đủ 2 vụ thì 1 vụ lúa, còn một vụ đậu tương, khoai lang, ngô xuống ruộng, đối với đất định canh, đưa lên 1,5 lần, bằng cách xen, gối, luân canh đậu, lạc, ngô...

b) Về chăn nuôi: Phát triển mạnh cả đại gia súc, tiểu gia súc, gia cầm, nhằm đảm bảo đủ sức kéo, đủ thịt ăn, đủ phân bón cho địa phương và cung cấp ngày càng nhiều thịt cho cả nước. Trong đại gia súc, chú trọng phát triển trâu để cày, bò đòn để lấy thịt và ngựa để thồ. Trong tiểu gia súc chủ yếu là phát triển lợn thịt để ăn. Ngoài ra, nơi nào có điều kiện cần nuôi cá hồ ao, cá ruộng, nuôi ong, nuôi tằm ăn lá sắn... Mức phấn đấu là: Trâu và bò tăng mỗi năm độ 9% số con, ngựa tăng 10%, lợn tăng 15%, riêng về dê cần tăng lên gấp 5-10 lần hiện nay (vì hiện nay số dê cũ còn rất ít).

Hướng chăn nuôi, một mặt vẫn chú trọng chăn nuôi gia đình xã viên nhưng đi đôi cần mạnh dạn phát triển mạnh chăn nuôi tập thể. Nơi nào có bãi cỏ, đồi hoang, hợp tác xã cần tổ chức nuôi bò đòn, nuôi dê, (bò từ 40 đến 50 con trở lên, dê từ 100 con trở lên của hợp tác xã). Các hợp tác xã cần phát triển nuôi lợn tập thể, chủ yếu lúc đầu nuôi lợn thịt và một phần lợn nái, nuôi đòn từ 20 con trở lên (những hợp tác xã quy mô từ 30 hộ trở lên thì đều cần xây dựng được một cơ sở chăn nuôi lợn tập thể) thực hiện bình quân mỗi hợp tác xã có 1 đến 2 hồ ao cá. Các gia đình xã viên đảm bảo bình quân mỗi hộ 3 lợn thịt một năm (2 con xuất chuồng, 1 con kê chuồng), 3 hộ có một lợn nái để, 30 đến 40 gà, vịt, ngan, ngỗng... Mức độ chăn nuôi tập thể phải đạt lợn từ 20-30%, dê từ 90-95%, bò từ 80% trong tổng số lợn, dê, bò và 100% những ao hồ nuôi cá diện tích từ 1/10 ha trở lên, 100% sản lượng cá thành hàng hóa.

Để đảm bảo tốt chăn nuôi, trong cuộc vận động cần tuyên truyền giáo dục và thực hiện tốt nghị quyết chăn nuôi của Tỉnh ủy, chú ý giải quyết tốt vấn đề giống, vốn, chuồng trại phòng, chống dịch bệnh chính sách khuyến khích, và áp dụng các biện pháp chăn nuôi chấm dứt tệ thả rông gia súc.

c) *Về nghề rừng*: Chủ yếu là đẩy mạnh trồng cây, tu bổ, cải tạo bảo vệ rừng, chấm dứt tệ chặt phá và đốt nương bừa bãi vào rừng đã khoanh. Các hợp tác xã đều phải có đội hoặc tổ chuyên về nghề rừng (để trồng hoặc tu bổ hoặc khai thác) và phải có quy hoạch, kế hoạch khoanh rừng, tổ chức quản lý và kinh doanh cụ thể, coi đó là một mặt sản xuất của hợp tác xã. Cần kết hợp chặt chẽ giữa việc trồng cây gây rừng lấy gỗ, tre, nứa... với việc trồng cây ăn quả cây công nghiệp dài ngày cho phù hợp.

Muốn vậy, các hợp tác xã phải tổ chức học tập và thực hiện tốt nghị quyết về lâm nghiệp 2 năm của Tỉnh ủy, lập ra quy ước và nhất thiết phải xây dựng quy hoạch, kế hoạch cụ thể và các biện pháp để thực hiện.

d) *Về các ngành nghề khác*: Hợp tác xã cố gắng quản lý và kinh doanh những ngành nghề phụ mà nơi mình có điều kiện phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, như lập ra lò rèn, lò đúc, vôi, chế biến nông sản... để sản xuất và sửa chữa nông cụ, làm ra nguyên vật liệu kiến thiết tự túc trong hợp tác xã và một phần để bán ra.

Ở nơi có nhiều ngựa thồ, xét cần phải quản lý kinh doanh vào hợp tác xã thì báo cáo huyện xét, huyện báo cáo và đề xuất hướng giải quyết và chính sách cụ thể lên Tỉnh ủy duyệt trước khi công hữu hóa và quản lý đàn ngựa.

2. Cải tiến kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật

Đây là một yêu cầu cơ bản trong cuộc vận động và là công tác rất quan trọng, có tính chất lâu dài, từ nay trở đi phải luôn chú ý. Sau khi xác định được phương hướng và kế hoạch sản xuất thì

phải có phương hướng và kế hoạch, quy hoạch về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phải có chỉ tiêu biện pháp kỹ thuật cho đầy đủ, phù hợp để đảm bảo.

Mục tiêu chủ yếu là tập trung vào để đưa năng suất lao động lên cao, đưa năng suất cây trồng lên 2,8 tấn đến 3 tấn/ha đối với lúa 1 vụ, 5 tấn/ha đối với lúa 2 vụ, 11 tạ/ha đối với ngô, 5,5 tạ/ha đối với đậu tương... Vì vậy:

a) Về cải tiến kỹ thuật, cải tiến công cụ: Thực hiện các biện pháp canh tác liên hoàn, nhưng tập trung trong 2 năm, chống nấm tê (nước chảy tràn bờ, cấy chay, không làm cỏ, thả rông, phá rừng) và xây dựng giống tốt, cải tiến công cụ tốt.

Về nước: Phải xây dựng được quy hoạch thủy lợi của xã và hợp tác xã, trên cơ sở đó đặt ra kế hoạch từng vụ thực hiện quy hoạch, đảm bảo chủ động nước tưới, không để ruộng bị hạn cả 2 vụ, ở một vài nơi thường bị ngập úng, lũ cần nghiên cứu đề ra quy hoạch và biện pháp chống tích cực. Tích cực làm các công trình thủy lợi, chủ yếu là thủy lợi nhỏ và phát triển mạnh các máy bơm thủy luân tự động. Cần có kế hoạch và tiến hành kiến thiết đồng ruộng (làm bờ vùng, bờ thửa, kết hợp đường giao thông vận chuyển). Mỗi xã lập được một đội thủy lợi giao thông, mỗi hợp tác xã lập một Đội Thanh niên xung phong chống Mặn, cứu nước (đội thủy lợi giao thông của xã và hợp tác xã ở trong Đội Thanh niên xung phong chống Mặn, cứu nước) để chuyên trách làm thủy lợi, giao thông kiến thiết cơ bản của xã, hợp tác xã và lên công trường của huyện, tỉnh huy động.

Về phân: Đảm bảo 7-8 tấn phân cho 1 ha/1 vụ cho lúa, 4 tấn/ha cho hoa màu; thanh toán tê cấy chay. Cần tận dụng phân gia súc, do đó, phải có chuồng trại chăn nuôi, chống tê thả rông, đồng thời chú trọng làm phân mùn, thả bèo hoa dâu, trồng cây phân xanh ủ tại ruộng nương và dùng một phần phân hóa học, phát triển lò vôi để lấy vôi bón ruộng, phân bón phải được ủ, chuồng phân phải có mái che. Bón phân chủ yếu là bón lót, và sau có bón thúc đúng lúc, v.v..

Cần quy định nghĩa vụ làm phân, góp phân của xã viên cho hợp tác xã từng vụ, từng năm theo mức nhất định.

Về giống: Mỗi hợp tác xã cần làm ruộng chọn giống, đảm bảo cẩn bản giống được chọn lọc trước khi gieo trồng, cần mạnh dạn thay giống năng suất thấp và bị sâu bệnh nhiều bằng giống cứng cây ngắn ngày, năng suất cao. Lúa chiêm, đại bộ phận thay bằng giống nông nghiệp I và giống chiêm rót. Còn giống vụ mùa thì mạnh dạn phát triển các loại giống tốt đã qua chọn lọc của địa phương hoặc qua thí nghiệm đã thành công. Việc gieo mạ cần đảm bảo đúng lúc, đúng vụ, cấy đúng tuổi mạ; đảm bảo 100% giống lúa được ngâm 3 sôi, 2 lạnh và chú ý phun thuốc trừ sâu cho mạ.

Về thời vụ và chăm sóc: Từng xã, từng hợp tác xã cần đặt ra nông lịch canh tác của mình để thực hiện đảm bảo thời vụ, cày bừa đảm bảo 3 lần, đảm bảo có cày ải. Làm cỏ 2 lượt đúng lúc, cấy đúng vụ, kỹ thuật. Phát triển diện tích cây thẳng hàng, dùng cào cỏ 64, v.v.. Ngoài ra, phải hết sức phòng sâu bệnh cho lúa, hoa màu và trừ diệt kịp thời.

Về công cụ: Đây mạnh cải tiến công cụ, thanh toán bừa gỗ, thay bằng bừa sắt, thanh toán làm cỏ bằng tay hoặc cào răng gỗ thay bằng cào răng sắt và 64 A; 100% cày được cải tiến noi có điều kiện thì phát triển máng kéo, xe quyết, sử dụng nhiều ngựa thồ, trâu bò thồ và phát triển các thứ phương tiện vận tải ở các đường lớn của địa phương như xe bánh lốp, xe trâu kéo, ngựa kéo, phát triển quạt hòm, máy tuốt lúa, trực lăn, máy tē ngô, máy xát bột, v.v.. (Mức phấn đấu năm 1967 và năm 1968 bình quân mỗi lao động có 2 thứ công cụ lao động cải tiến trở lên).

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kỹ thuật như trên, mỗi hợp tác xã phải đào tạo được 3 - 4 cán bộ kỹ thuật các loại, tổ chức ra ban khoa học kỹ thuật hợp tác xã, phát triển nhiều đội xã viên kỹ thuật. Mỗi hợp tác xã đều cần có diện tích nhất định để làm ruộng nương thì thực nghiệm kỹ thuật, làm ruộng, nương sản lượng cao mở rộng được nhiều diện tích ruộng nương kiểu mẫu, v.v.. (mức phấn đấu năm 1967 là 25%, năm 1968 là 30% trở lên là ruộng kiểu mẫu...).

b) *Về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật:* Đợt này cần đặc biệt chú ý công tác này, vì hiện nay ở các hợp tác xã chưa có đáng kể. Đặc biệt là muốn đảm bảo sản xuất phát triển mở rộng, nhất thiết phải có cơ sở vật chất, kỹ thuật. Vì vậy, tích cực xây dựng những cơ sở cần thiết trước mắt và bước đầu với mức tối thiểu như sau:

Xây dựng đầy đủ các công trình thủy lợi như đập, hồ chứa nước, mương phai dẫn nước, đặt trạm bơm "thủy luân", v.v. làm bờ vùng bờ thửa, kiến thiết đồng ruộng, làm ruộng nương bậc thang, làm các đường giao thông trong hợp tác xã trong xã, trong đồng ruộng, nhằm hoàn thành hệ thống mương máng tưới tiêu, mạng lưới thủy lợi và giao thông trong xã và hợp tác xã hoặc trong một vùng mấy xã liên quan, phải thành lập các đội thủy lợi (trong Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước) mỗi hợp tác xã lập được một đội thủy lợi trong vụ đông - xuân 1966-1967.

- Mỗi hợp tác xã phải có đầy đủ chuồng trâu, bò, lợn và nhà ủ phân, chứa phân, bình quân mỗi đội sản xuất có một chuồng trâu lợp, một nhà ủ phân có mái che cẩn thận, mỗi hợp tác xã có một chuồng lợn tập thể đủ nuôi từ 20 đến 50 con trở lên. Hộ nào nuôi dê buộc phải có chuồng dê, bò tập thể.

- Mỗi hợp tác xã có một lò rèn, một tổ mộc, một nhà kho, một máy tuốt lúa, một nhà chứa công cụ, một cơ sở chế biến nông sản (máy xát, nghiền, thái khoai sắn, v.v..), một lò vôi nơi nào có đá vôi, một diện tích nhất định để chọn giống, nhân giống và thí nghiệm (từ 1 đến 2 ha, một vườn ươm cây con, một khu vực cây công nghiệp, và cây ăn quả tập thể. Mỗi đội sản xuất có một sân phơi, 1,2 quạt hòm, 1,2 trực lăn, xây dựng chung nhau hoặc từng hợp tác xã một có lò gạch (nơi có đất gạch).

Ngoài ra những nơi có điều kiện cần xây dựng xưởng thủ công hoặc cơ khí nhỏ, xây dựng cối ngàn chạy bằng sức nước, xây dựng thủy điện, nơi đã có điều kiện dùng điện vào chế biến nông sản, sản xuất nông cụ (như Bắc Hà, Mường Hum, Mường Khương, thị trấn Sa Pa). Mức độ mỗi xã tối thiểu xây dựng được một cơ sở

chế biến hoặc sản xuất thủ công hoặc cơ khí nhỏ trong năm 1967, riêng một vài nơi như Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa, Mường Hum cố gắng xây dựng mỗi nơi một nhà sấy nông sản.

Việc xây dựng các cơ sở vật chất và kỹ thuật do hợp tác xã và xã tự bỏ sức lao động và vốn ra làm là chính, nếu không đủ mới nhờ huyện, tỉnh cho vay hoặc giúp đỡ, có những công trình loại vừa hoặc tương đối lớn thì nhiều hợp tác xã cùng làm, hoặc nhiều xã cùng làm, có sự chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật của huyện, tỉnh (các ngành chuyên môn). Các ngành chuyên môn huyện, tỉnh cần giao xã xây dựng được các quy hoạch về các mặt nêu trên và giúp xã, hợp tác xã về kỹ thuật, cán bộ, công nhân hướng dẫn cung cấp tư liệu... mà xã và hợp tác xã không thể làm được.

3. Về hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, cải tiến quản lý hợp tác xã

Trong cuộc vận động lần này phải đẩy mạnh việc hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, đồng thời coi trọng việc cải tiến quản lý trong hợp tác xã đưa công tác quản lý dần dần vào nền nếp, theo điều lệ hợp tác xã quy định.

a) *Việc quản lý lao động:* Muốn tăng năng suất, phát triển sản xuất chủ yếu trước hết là vấn đề đâu tư sử dụng, quản lý lao động. Việc quản lý lao động phải xoay quanh vấn đề tăng năng suất lao động, năng suất cây trồng, gia súc, đẩy mạnh tăng năng suất lao động các khâu canh tác sản xuất, trong quá trình sản xuất nhằm rút được 1/3 số lao động hiện nay ra để đưa vào thâm canh, xây dựng cơ bản, kinh doanh thêm nhiều ngành sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hóa mới. Vì vậy các hợp tác xã phải lập ra kế hoạch lao động để đảm bảo kế hoạch sản xuất của hợp tác xã và gia đình xã viên. Việc sử dụng lao động, trước hết phải tập trung sử dụng lao động săn có của xã viên là chính (kể cả ngoài tuổi quy định, người già, thiếu niên nếu có khả năng) nếu không đủ cần lập kế hoạch xin thêm lao động, tiếp nhận thêm đồng bào miền xuôi lên, đi đôi

phải đẩy mạnh việc cải tiến công cụ, những khâu chủ yếu trong canh tác sản xuất hiện nay.

- Tất cả các hợp tác xã đều tiến hành ổn định lại các tổ lao động theo phương pháp bốn cố định (lao động, ruộng đất, trâu, bò, nông cụ) và tiến hành đổi ruộng đất giữa các hợp tác xã, giữa các xã với nhau. Mỗi đội sản xuất từ 30 đến 40 lao động là vừa. Các hợp tác xã đều cần phải phân công lại lao động trong hợp tác xã cho hợp lý, bằng cách tổ chức các đội chuyên trách như đội trồng cây công nghiệp, nghề rừng, đội chăn nuôi, đội thủy lợi, đội thủ công, rèn, mộc, tổ giữ trẻ... Sau khi cố định các đội sản xuất cần căn cứ vào số ngày công cần thiết để làm sản xuất và các ngành nghề trong hợp tác xã mà tiến hành đăng ký ngày công trong xã viên. Cần động viên xã viên làm thêm ngày, thêm giờ góp nhiều công cho hợp tác xã. Mức bình quân lao động cần làm cho hợp tác xã từ 220 công đến 250 công 1 năm (mỗi công 10 điểm). Trên cơ sở tổng số công của xã viên đã đăng ký mà phân công cho từng ngành nghề, từng vụ theo lịch sản xuất cho cân đối và phân bổ làm sao để tránh lúc quá dồn dập, không đủ lao động, lúc lại nhàn rỗi, ít việc, mức đầu tư lao động 1 ha ruộng 1 vụ cần đảm bảo từ 300 công trở lên.

Cần quản lý lao động chặt chẽ và khoa học hơn trước, do đó phải thanh toán tình trạng bình công chấm điểm, thực hiện chế độ ba khoán trong đại bộ phận hợp tác xã, còn lại thì thực hiện hai khoán, một khoán. Đồng thời, các hợp tác xã còn phải định ra được các chế độ và kỷ luật lao động thực hiện chính sách công điểm, khuyến khích lao động của xã viên. Mặt khác, cần coi trọng giải quyết khó khăn cho chị em phụ nữ, do đó phải tổ chức ra các nhóm trẻ, mỗi đội sản xuất (hợp tác xã lớn) phải lập được một tổ hoặc một nhóm riêng trong đợt vận động bình quân mỗi hợp tác xã phải lập được 1 hoặc một nhóm trẻ, riêng trong đợt vận động bình quân mỗi hợp tác xã phải lập được từ 1 đến 2 tổ hoặc nhóm.

b) Về tài vụ: Công tác quản lý tài vụ có liên quan mật thiết đến

kế hoạch sản xuất, lao động và đời sống xã viên, do đó các hợp tác xã phải có kế hoạch tài vụ đi liền với kế hoạch sản xuất, đưa công tác tài vụ đi vào nền nếp, cần thực hiện các chế độ nguyên tắc đã định về tài vụ, kế toán.

Ngay từ khi vào thời kỳ chuẩn bị của đợt vận động, các hợp tác xã cần kiểm tra, thanh toán quy trách nhiệm, giải quyết cơ bản các vấn đề về tài chính quỹ còn mắc mớ và khóa sổ cũ để báo cáo công khai cho xã viên rõ. Giải quyết vấn đề tài chính còn mắc mớ phải trên cơ sở lấy giáo dục, làm cho cán bộ và xã viên đều thông suốt là chính.

Cần tích cực kiện toàn, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ tài vụ, kế toán. Nơi nào thiếu tài vụ, kế toán (kể đến đội sản xuất) cần bổ sung cho đủ. Tất cả cán bộ tài vụ, kế toán, hợp tác xã đều được qua một lớp bồi dưỡng ngắn ngày, do huyện hoặc xã mở để sau cuộc vận động các tài vụ, kế toán đều biết cách làm việc.

Các hợp tác xã đều chấn chỉnh làm lại sổ sách kế toán, tối thiểu làm được 9 quyển sổ, thu chi tiền mặt, theo dõi hiện vật, tạm chi, tạm ứng, công điểm, chi phí sản xuất, tài sản cố định, cổ phần công nợ, quỹ tích lũy và quỹ công ích (theo mẫu thống nhất do tỉnh ban hành).

Cần thực hiện đầy đủ chế độ tài chính công khai, thu chi theo kế hoạch, định ra các chế độ, nội quy, bảo quản tài sản, khấu hao huy động vốn, sử dụng các loại quỹ đúng quy định. Việc phân phối chia hoa lợi phải làm kịp thời, hết vụ là thanh toán xong cuối năm có quyết toán đầy đủ, không để quá năm, đồng thời phải đảm bảo các chính sách và nguyên tắc trong phân phối thóc như Chỉ thị số 30 ngày 7 tháng 6 năm 1966 của Ủy ban hành chính tỉnh đã ban hành. Quỹ tích lũy và công ích của hợp tác xã cần dần dần nâng tỷ lệ cao hơn, tối thiểu để từ 6-7% quỹ công ích 2%, khấu hao 2%, chi phí sản xuất trên dưới 25% đảm bảo tăng được giá trị ngày công, tăng thu nhập thực tế cho xã viên đảm bảo chia cho lao động từ 60% trở lên, làm tốt nghĩa vụ lương thực và nộp thuế cho Nhà nước.

c) *Về hoàn thiện quan hệ sản xuất mới:* Cần tiến hành củng cố và phát triển mạnh mẽ phong trào hợp tác hóa nông nghiệp nói chung trong vùng cải tiến, coi trọng củng cố, phát triển hợp tác xã mua bán và quỹ tín dụng, lấy việc củng cố, phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm. Đối với các hợp tác xã nông nghiệp chủ yếu cần làm tốt trong thời kỳ chuẩn bị việc hợp nhất hợp tác nhỏ thành hợp tác xã lớn, đưa hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, kết hợp thêm các hộ nông dân còn ở ngoài vào hợp tác xã cụ thể là: mạnh dạn đưa quy mô hợp tác xã lên lớn hơn, theo liên thôn, hoặc cả xã, quy mô trung bình trên dưới 100 hộ, ngoài ra nói chung là quy mô từ 50 đến 70 hộ (trừ nơi khó khăn ở xa nhau quá). Cần củng cố nền nếp các hợp tác xã cấp cao đã có và đưa các hợp tác xã bậc thấp trong vùng lên cấp cao. Hết đợt vận động tập trung, đảm bảo 75% đến 80% số nông hộ trong vùng vào hợp tác xã cấp cao, đối với những nơi chưa có hợp tác xã, đợt này cần xây dựng thành hợp tác xã ở nơi có điều kiện. Mặt khác, cần kết nạp thêm các hộ nông dân còn ở ngoài hợp tác xã, đảm bảo hết đợt vận động, đưa tỷ lệ toàn vùng vào hợp tác xã là 95%.

Việc hợp nhất hợp tác xã, đưa hợp tác xã lên cấp cao, kết nạp thêm xã viên, xây dựng hợp tác xã mới, cần tiến hành theo đúng chính sách và kế hoạch hướng dẫn của tỉnh đã ban hành từ trước.

d) *Thực hiện và giải quyết một số chính sách trong hợp tác xã:*

Thường xuyên trong tất cả mọi công việc giải quyết đều phải chấp hành các chính sách liên quan. Nhưng đặc biệt, trong thời kỳ chuẩn bị phải giải quyết được tốt một số chính sách cơ bản. Sửa chữa những tồn tại cho đúng theo quy định của Trung ương và những quy định vận dụng cụ thể của tỉnh. Tuyệt đối không được tự ý đề ra chính sách và quy định khác.

Một số chính sách cần nắm vững và giải quyết tốt trong đợt vận động lần này là:

Về chính sách để 5% đất cho xã viên, cần để đủ, nhưng để đất không để ruộng. Nếu nơi nào để không đúng thì vận động xã viên

tự nguyện, tự giác nhập phần quá mức vào hợp tác xã. Đất 5% của xã viên là để trồng rau, màu để chăn nuôi và cải thiện thêm sinh hoạt của gia đình, còn về lúa, ngô thì cố gắng quản lý 100% vào hợp tác xã làm tập thể.

Đối với ruộng đất mới khai hoang, cần vận động xã viên nhập vào hợp tác xã quản lý, hợp tác xã trả lại công khai phá hợp lý. Nhưng cũng tùy tình hình cụ thể của hợp tác xã và yêu cầu thực tế của xã viên, hợp tác xã có thể để lại cho mượn mỗi hộ khẩu không quá 3 sào (có hộ 1 sào, có hộ 2 sào, nhưng không quá 3 sào). Đất này có thể trồng rau, trồng thức ăn gia súc, trồng cây ăn quả hoặc bông, lanh để tự túc một phần. Những mảnh ruộng đất xã viên tranh thủ khai phá quá nhỏ bé, phân tán lẻ tẻ, hợp tác xã quản lý kinh doanh xét thấy không có lợi, thì cũng có thể để cho gia đình xã viên mượn như trên. Cả hai loại ruộng đất trên đều thuộc quyền sở hữu của hợp tác xã. Các hộ xã viên được mượn đất đóng góp đủ mức ngày công hợp tác xã giao, hàng tháng, vụ, năm.

Việc đổi ruộng giữa các hợp tác xã với nhau, giữa các hợp tác xã với người ngoài hợp tác xã, cần tiến hành trong đợt này, để có lợi cho sản xuất, cho kiến thiết và chăm sóc đồng ruộng, nhưng phải bàn bạc thương lượng, theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, tránh gò ép, bắt buộc và phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của huyện, xã.

Về các chính sách khác như phụ cấp công điểm, công hữu hóa cổ phần, chăn nuôi, lâm nghiệp... thì thi hành theo các văn bản của tỉnh đã ra (trong bản quy định phụ cấp công điểm, nghị quyết chăn nuôi, nghị quyết lâm nghiệp, chỉ thị về phân phối hoa lợi năm 1966, bản kế hoạch hướng dẫn hợp nhất lên các hợp tác xã và theo điều lệ mẫu hợp tác xã do Trung ương ban hành).

Ngoài ra, những nơi có cây lưu niêm, cây ăn quả, nếu nơi nào cần quản lý thì phải nghiên cứu cụ thể báo cáo với tỉnh duyệt các quy định về chính sách trước khi mở rộng diện ra hợp tác xã.

4. Tăng cường tổ chức lãnh đạo hợp tác xã

Đây là nội dung và yêu cầu phải làm từ lúc bắt đầu cuộc vận động. Các xã đều phải xây dựng được phương hướng và kế hoạch xây dựng tổ chức và đào tạo bồi dưỡng cán bộ 2 năm 1967-1968 nhằm đạt những mức độ sau đây:

a) *Đối với các chi bộ Đảng phải ra sức xây dựng các chi bộ theo yêu cầu bốn tốt, đảm bảo lãnh đạo toàn diện, trực tiếp lãnh đạo và tổ chức thực hiện cuộc vận động cải tiến ở xã và hợp tác xã.* Mức phấn đấu trong năm 1967, phải đưa 100% số chi bộ đạt yêu cầu bốn tốt, thanh toán tổ đảng kém, thành lập được Đảng ủy cơ sở đại bộ phận các xã, đa số hợp tác xã có chi bộ. Đi đôi với việc củng cố phải ra sức phát triển đảng viên mới, riêng trong thời gian vận động, phải xóa được các thôn trắng, hợp tác xã trắng chưa có đảng viên, hết năm 1966 các đội sản xuất đều có tổ đảng, và đạt mức mỗi hợp tác xã tối thiểu có 10% số lao động là đảng viên.

b) *Cần tích cực củng cố và phát triển đoàn thanh niên lao động và các đoàn thể quần chúng, xây dựng các tổ chức chính quyền ở xã và hợp tác xã nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của mỗi đoàn thể mỗi ngành đối với sản xuất và hợp tác xã.* Cần xây dựng được các tổ chức quần chúng, chính quyền trong mỗi hợp tác xã gắn liền hoạt động của các tổ chức vào các hoạt động sản xuất ở đơn vị hợp tác xã, đối với các ban chấp hành các giới cần được kiện toàn bổ sung các phần tử tích cực tham gia. Về chính quyền, cần cải tiến lề lối làm việc, sắp xếp bộ máy hợp lý theo tinh thần Nghị quyết số 33 của Ban Bí thư Trung ương và Thông tư số 51 của Chính phủ. Cần chú trọng kiện toàn Ủy ban hành chính xã, xây dựng tốt lực lượng dân quân, công an đẩy mạnh công tác bảo vệ trị an, sẵn sàng chiến đấu, đồng thời chú trọng xây dựng mạng lưới thống kê, thông tin, văn hóa, khoa học - kỹ thuật... từ xã đến hợp tác xã.

Mức phấn đấu trong năm 1967, 100% chi đoàn thanh niên đạt bốn tốt, hầu hết các tổ chức chính quyền, công an, dân quân, phụ nữ, phụ lao... đạt tiêu chuẩn năm tốt, quyết thắng, ba giỏi...

Đối với các ban quản trị, kiểm soát, đội trưởng, đội phó của các hợp tác xã, cần tiến hành bổ sung kiện toàn lại (nếu hết nhiệm kỳ) đưa thêm đảng viên, đoàn viên, và phụ nữ tích cực vào chức vụ lãnh đạo hợp tác xã và đội sản xuất. Nhưng khi bầu lại hoặc bổ sung phải đảm bảo tiêu chuẩn chung của một cán bộ lãnh đạo hợp tác xã là: có ý thức phục vụ tập thể cao, có tinh thần xây dựng hợp tác xã, năng lực lãnh đạo hợp tác xã.

c) *Cần phải tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã và hợp tác xã*, nhất là cán bộ chủ chốt, lấy việc bồi dưỡng giáo dục làm chính, tránh lối thay đổi không cần thiết, chỉ trừ khi có biểu hiện sau: Không có tín nhiệm, không thể giáo dục được mới thay đổi và phải đảm bảo đường lối giai cấp, đảm bảo thành phần dân tộc, chú ý đến cán bộ trẻ, cán bộ phụ nữ, trong khi kiện toàn cán bộ. Cần mở những lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho các cán bộ của xã và hợp tác xã về nghề nghiệp chuyên môn và quản lý về kỹ thuật, về tài vụ kế toán, thống kê... Đồng thời, cử đủ số cán bộ đi các lớp đào tạo, bồi dưỡng dài hạn của trên mỏ.

Mức phấn đấu thấp trong đợt vận động là: Mỗi tổ chức, mỗi ngành, mỗi giới ở xã và hợp tác xã phải đào tạo, bồi dưỡng được từ 3-5 cán bộ biệt cách làm việc, tích cực và tự động được công việc. Mỗi xã có thể cung cấp cho tỉnh, huyện từ 3 - 5 người đi công tác thoát ly (không đi bộ đội). Tất cả các cán bộ xã và hợp tác xã, các nhân viên nghiệp vụ và kỹ thuật của xã trong đợt vận động đều được qua một lớp huấn luyện.

Trên đây là bốn nội dung chủ yếu của cuộc vận động. Trong nội dung không đề ra công tác tuyên truyền giáo dục tư tưởng riêng biệt, nhưng trước khi, trong khi và sau khi thực hiện một việc gì đều phải lấy công tác tuyên truyền giáo dục, phát động tư tưởng làm đầu để tiến hành, tránh lối mệnh lệnh, phải tiến hành công tác tư tưởng suốt cả trong cuộc vận động với phương châm từ trên xuống dưới từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, từ rộng đến sâu, sát với từng đối tượng. Từng bước, từng thời kỳ của cuộc

vận động với phương pháp lấy ưu điểm khắc phục khuyết điểm, tích cực khắc phục tiêu cực, tiên tiến khắc phục lạc hậu, lấy tinh thần chống Mỹ, cứu nước để khắc phục những sai sót về đấu tranh hai con đường. Tỉnh sẽ quy định các tài liệu theo trình tự, hệ thống để tuyên truyền học tập phát động tư tưởng. Các huyện, xã cần căn cứ vào đó để làm cho tốt. Mức độ vận động cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quy định chung phải đạt mỗi tài liệu học là: Đảng viên, cán bộ 95-100%, đoàn viên 95%, quần chúng xã viên 90- 95%.

Ngoài ra, trong đợt vận động phải đảm bảo thúc đẩy thực hiện vượt mức các nhiệm vụ công tác theo từng vụ, từng tháng của tỉnh, huyện đã đề ra, với mức độ tốt hơn nhanh hơn so với vùng chưa cải tiến. Cụ thể phải thực hiện tốt và vượt mức những công tác như: Kế hoạch sản xuất đông - xuân và vụ mùa 1967, kết hợp đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản chính trị xã hội tiến hành công tác cải tạo tại chỗ những đối tượng cần được cải tạo (trong thời kỳ chuẩn bị). Đẩy mạnh phong trào trị an, săn sàng chiến đấu, phòng không, nghĩa vụ quân sự, ba thu, văn hóa giáo dục, y tế... phải gắn chặt đợt vận động đông - xuân và vụ mùa 1967 và đợt giáo dục chính trị tư tưởng hiện nay vào các bước đi qua đợt vận động cải tiến (kế hoạch cụ thể về các công tác này, do các ngành ở tỉnh gửi xuống).

IV. PHƯƠNG CHÂM CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

Phải quán triệt và thực hiện đầy đủ năm phương châm của Bộ Chính trị đã đề ra trong Nghị quyết số 70. Vận dụng cụ thể vào đợt này cần chú ý những điểm dưới đây:

1. Hết sức bồi dưỡng cán bộ xã, hợp tác xã một cách kiên trì, cụ thể, tỉ mỉ, không nôn nóng, không bao biện làm thay, nhưng không khoán trống, buông trôi, làm cho anh em nắm được vấn đề tự đưa ra bàn bạc, lãnh đạo và giải quyết lấy công việc của mình. Huyện trực tiếp lãnh đạo xã, hợp tác xã thực hiện kế hoạch

đợt vận động. Tỉnh lanh đạo hướng dẫn và cùng huyệchỉ đạo với thí điểm trọng điểm.

2. Quán triệt đầy đủ chính sách dân tộc và phuong châm công tác ở vùng dân tộc kiên nhẫn thận trọng, chắc chắn, nhưng phải tích cực nhanh gọn, tốt. Phải đặc biệt chú ý đoàn kết dân tộc, đoàn kết nông dân, đoàn kết giữa đồng bào địa phương với đồng bào ở xuôi lên, lấy vấn đề giai cấp làm cơ sở, phải đi đúng đường lối quần chúng, bàn bạc lắng nghe, phát huy tinh thần sáng tạo của quần chúng, mặt khác phải chú ý đúng mực việc tranh thủ lớp trên nhưng tránh chủ quan, hữu khuynh, theo đuôi, rụt rè, tiếp tục chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti còn biểu hiện trong cán bộ quần chúng.

3. Việc phê bình, tự phê bình trong hợp tác xã phải triệt đê sâu sắc nhưng phải có tình có lý, đảm bảo hồ hởi, phấn khởi thông suốt, tự nguyện đoàn kết nội bộ.

4. Vừa vận động, vừa cải tiến, đảm bảo cải tiến tốt các công tác trước mắt, thường xuyên củng cố tốt (sản xuất, chiến đấu, bảo vệ trị an, ba thu, văn hóa, xã hội...).

V. PHƯƠNG HƯỚNG TIẾN HÀNH VÀ BƯỚC ĐI CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

Cuộc vận động đợt này từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc là từ nay đến hết năm 1968 thì tổng kết toàn bộ. Trong cả quá trình dài này, chia ra ba thời kỳ: Thời kỳ chuẩn bị, thời kỳ vận động tập trung, thời kỳ thể hiện. Ba thời kỳ có liên quan mật thiết với nhau, nên đều phải làm tốt.

Căn cứ vào quy định và hướng dẫn của Trung ương, căn cứ kinh nghiệm thực tế của hai đợt đã làm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định nội dung và phương pháp tiến hành của từng thời kỳ, từng bước đi như sau:

1. Thời kỳ chuẩn bị (kể từ đầu tháng 10 năm 1966 đến hết

tháng 2 năm 1967). Thời gian 5 tháng, riêng thời gian ở xã và hợp tác xã 3 tháng. Nội dung nhiệm vụ chính của thời kỳ này là:

a) *Ở huyện hoặc ở khu vực liên xã* mở lớp thêm cho một số cán bộ thoát ly, cán bộ xã đi cải tiến chưa đi học lớp ở tỉnh, do huyện trực tiếp giảng dạy. Nội dung huấn luyện như ở lớp của tỉnh đã mở, nhưng thời gian độ 15 ngày trước khi xuống xã. (Nơi nào đã đủ số lượng và thành phần đã đi dự lớp tỉnh rồi thì thôi không mở lớp này nữa).

Ngoài ra, trước khi xuống xã, các huyện cần mở lớp tập huấn kỹ thuật nông nghiệp đông xuân cho cán bộ đi cải tiến. Nội dung do Ty Nông nghiệp bồi dưỡng hướng dẫn để huyện về tự làm.

b) *Tuyên truyền phổ biến rộng rãi ý nghĩa và mục đích* của cuộc vận động cải tiến từ tỉnh trở xuống, từ trong ra ngoài. Tổ chức giáo dục đảng viên theo chương trình huấn luyện đảng viên mới, giáo dục tình hình nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Bác và ôn cũ thấy mới, so sánh hai chế độ trong quần chúng.

c) *Tiến hành điều tra tình hình cơ bản* các xã về mọi mặt, làm báo cáo, kiểm điểm lãnh đạo đánh giá yếu mạnh. Tình hình hợp tác xã và sản xuất của chi ủy, của quản trị trong 2 năm 1965 - 1966 (kể cả điều tra chính trị xã hội cơ bản).

d) *Tiến hành củng cố hợp tác xã*, giải quyết mắc mớ tồn tại trong hợp tác xã, hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới, hợp nhất hợp tác xã, đưa hợp tác xã lên cấp cao, xây dựng hợp tác xã mới, kết nạp thêm xã viên, ổn định đội lao động, đổi ruộng đất công hữu hóa, giải quyết một số chính sách cơ bản trong hợp tác xã.

đ) *Chuẩn bị về mọi mặt*, tạo điều kiện cho thời kỳ vận động tập trung nhanh gọn, gồm những việc: Huyện tổng kết 1 hợp tác xã tiên tiến điển hình trong vùng để làm mẫu mực cho các hợp tác xã khác noi theo (ngoài hợp tác xã Tiên Phong đã tổng kết).

- Bố trí lực lượng cán bộ cải tiến ở xã và hợp tác xã, kiện toàn Phòng Nông nghiệp huyện, bộ phận chuyên trách chỉ đạo cải tiến tỉnh, huyện, phân công một số cấp ủy phụ trách và mở lớp bồi dưỡng,

đào tạo các loại cán bộ cho xã và hợp tác xã (lãnh đạo, quản lý, kế toán, thống kê, kỹ thuật...).

- Xây dựng kế hoạch cải tiến đợt 3 (tỉnh, huyện, xã, đều có kế hoạch). Huyện Bắc Hà còn phải xây dựng thêm một kế hoạch cải tiến thí điểm xã Bản Phố (vùng cao). Huyện Bát Xát xây dựng kế hoạch vòng 2 xã Quang Kim.

- Tiến hành xong việc đo đạc ruộng đất và lập các quy hoạch cho xã, hợp tác xã vùng cải tiến: Phân vùng đất đai, thủy lợi, giao thông, lâm nghiệp, kiến thiết cơ bản, cơ khí nhỏ, kiến thiết đồng ruộng... Chuẩn bị nguyên vật liệu, tư liệu sản xuất, vật tư kỹ thuật, cán bộ, công nhân kỹ thuật cho yêu cầu khi quần chúng được phát động đòi hỏi giúp đỡ (từng ngành có kế hoạch và chịu trách nhiệm).

- Dự kiến xong trong chi ủy trong Ban quản trị hợp tác xã bằng phương hướng sản xuất và kế hoạch sản xuất, kế hoạch lao động, kế hoạch tài vụ, chỉ tiêu kỹ thuật, nông lịch, thời vụ, v.v. 2 năm 1967-1967 các xã và hợp tác xã xây dựng xong bản dự kiến phương án ba khoán hoặc 1, 2 khoán của hợp tác xã, phương hướng và kế hoạch sản xuất phải được huyện duyệt xong trong thời kỳ chuẩn bị.

e) *Xây dựng được một số cơ sở vật chất và kỹ thuật, cải tiến và sắm thêm một số công cụ cải tiến trước mắt, để phục vụ ngay cho sản xuất đông - xuân 1966-1967 và vụ mùa 1967.*

g) *Tích cực củng cố các tổ chức, trước mắt là đẩy mạnh được hoạt động của chi ủy, chi bộ, Ủy ban, đoàn thanh niên, phụ nữ, dân quân, công an. Xây dựng và chấn chỉnh mạng lưới thống kê, kế toán, thông tin, văn hóa, mạng lưới khoa học, kỹ thuật, v.v. từ xã đến hợp tác xã (nơi chưa có phải hoàn thành xong). Tích cực phát triển đảng đoàn, đảm bảo kết nạp khoảng từ 3-5 đảng viên mới, từ 5-10 đoàn viên mới. Tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt của xã và hợp tác xã, đảm bảo mỗi tổ chức ở xã và mỗi hợp tác xã có 3-5 cán bộ tích cực nhiệt tình công tác.*

Tiến hành mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và các lớp kỹ thuật tập huấn ngắn ngày cho từ 1/2 đến 2/3 số cán bộ, nhân viên các loại ở xã, hợp tác xã.

h) Đẩy mạnh vượt mức kế hoạch sản xuất đông - xuân 1966-1967 thực hiện công tác ba thu, công tác phòng không, trị an, cải tạo các đối tượng cần cải tạo, sẵn sàng chiến đấu, nghĩa vụ quân sự và đảm bảo các công tác ở địa phương với mức độ đạt được nhanh gọn, tốt hơn vùng chưa cải tiến. Ngoài ra, nếu nơi nào có vấn đề địch tồn tại đáng kể thì cần giải quyết ổn rồi mới sang vận động tập trung.

Tóm lại, thời kỳ này là thời kỳ chuẩn bị toàn diện mọi điều kiện để tạo ra cơ sở đảm bảo cho thời kỳ vận động tập trung. Do đó, nội dung chủ yếu của thời kỳ này là: Tuyên truyền giáo dục phát động tinh thần cách mạng của quần chúng bước đầu tuyên truyền phổ biến vấn đề cải tiến, củng cố hợp tác xã, nắm tình hình đánh giá tình hình chuẩn bị kế hoạch, quy hoạch, bồi dưỡng đào tạo cán bộ. Các việc chuẩn bị tinh, huyện, xã, hợp tác xã đều phải làm, tùy theo những việc thuộc phạm vi trách nhiệm của cấp mình. Nếu việc chuẩn bị không đầy đủ thì kiên quyết chưa chuyển sang thời kỳ vận động tập trung.

Để chỉ đạo và tổ chức thực hiện chặt chẽ, cần chia thời kỳ chuẩn bị làm ba bước (ở xã, hợp tác xã).

Bước 1: 30 ngày, tiến hành những việc như sau:

- Tổ chức học tập cho đảng viên theo chương trình huấn luyện đảng viên mới độ 7 ngày (nếu chưa làm). Tổ chức học tập cho cán bộ và nhân dân về tình hình nhiệm vụ mới và phát động ôn cũ thấy mới. Tổ chức mítinh nói chuyện, kẻ khẩu hiệu, phát thanh cổ động, v.v. để tuyên truyền phổ biến tài liệu về ý nghĩa, mục đích cuộc vận động trong quần chúng, phát động thi đua đợt ngắn ngày trong từng tổ chức (hội nghị chi bộ 3 ngày, đoàn viên 2 ngày) cán bộ quân dân chính 1 ngày 1/2, nhân dân, xã viên 5 tối)

- Họp chi bộ, Ủy ban, quân dân chính và các ngành, các giới tuyên truyền phổ biến ý nghĩa mục đích cuộc vận động và phổ biến kế hoạch cải tiến đợt 3 của Tỉnh ủy và các huyện (lúc bắt đầu xuống xã).

- Điều tra, lén biểu mẫu thống kê tình hình trong xã và hợp tác xã (tất cả các hợp tác xã) 2 năm 1966-1967, kết hợp cả điều tra cơ bản tình hình chính trị (nếu chưa xong). Hoàn thành được các biểu thống kê số 1, 2, 3, 4, 5, sơ bộ nắm tình hình tổ chức, cán bộ điều tra tình hình trị an chính trị, xã hội (nội dung biểu mẫu do công an hướng dẫn).

- Chuẩn bị xong kế hoạch tiến hành hợp nhất hợp tác xã, đưa hợp tác xã lên bậc cao.

- Xây dựng xong kế hoạch đông - xuân 1966-1967 đến hợp tác xã.

- Củng cố xây dựng mạng lưới thống kê, kế toán thông tin của xã hợp tác xã.

- Mở lớp tại xã cho thống kê, kế toán để bồi dưỡng về công tác thống kê cải tiến (thời gian 2-3 ngày)

- Hoàn thành thu hoạch vụ mùa đẩy mạnh ba thu, tổng kết sản xuất và thi đua bình bầu chiến sĩ lao động tiên tiến năm 1966, phát động thi đua thực hiện kế hoạch đông - xuân đến hợp tác xã và các công tác khác (theo chương trình của huyện giao để thi đua thực hiện).

Bước 2: 50 ngày. Chủ yếu tiến hành những việc:

- Trong cán bộ, đảng viên, quản trị, học tập tài liệu về vấn đề cải tiến (thời gian 2 ngày). Trong chi bộ, học tập và kiểm điểm về xây dựng chi bộ bốn tốt, rồi đăng ký bổ sung đến đảng viên (1 ngày). Trong đoàn và các tổ chức khác: Chính quyền, phụ nữ, công an, dân quân, phụ lão, v.v. cùng học tập, liên hệ kiểm điểm theo yêu cầu năm tốt, quyết thắng, ba giỏi, ba săn sàng, ba đảm đang và đăng ký bổ sung cá nhân, kiểm điểm tham gia công tác bước 1, bàn bước 2 của tổ chức mình (1 ngày).

- Trong nhân dân, xã viên tổ chức học tập các tài liệu: "Hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đấu tranh hai con đường, "Chính sách dân tộc và khai hoang", "Hợp nhất hợp tác xã, hợp tác xã cấp cao", "Công tác cải tiến kỹ thuật và đưa kỹ thuật vào trong nông nghiệp" sau đó phổ biến các chính sách trong hợp tác xã (công hữu cổ phần, đất 54% phụ cấp công điểm cán bộ, v.v.). Chú ý trước khi học tập trong nhân dân và xã viên thì trong chi bộ, trong cán bộ phải được học tập kỹ để thông suốt và đi lãnh đạo hướng dẫn quần chúng học. Mỗi tài liệu học 3 đến 4 buổi theo trình tự trước sau lần lượt như cách sắp xếp các bài ghi trên.

- Làm xong các biểu thống kê các loại (kể cả tình hình hợp tác xã, tình hình tổ chức cán bộ). Nắm vững tình hình cán bộ và tổ chức dự kiến phân loại.

- Lê xong các văn bản biểu mẫu điều tra cơ bản chính trị và lập hồ sơ đối tượng cải tạo và xét duyệt xong ở huyện.

- Tiến hành bước 1 và bước 2 của kế hoạch, lập hợp tác xã mới, đưa hợp tác xã lên cấp cao và hợp nhất (có thể từ giữa thời gian bước 2 trở đi). Giải quyết những vấn đề tồn tại mắc mớ về chính sách trong hợp tác xã thấy cần giải quyết trước (tài chính, công điểm, thanh quyết toán quỹ, đổi ruộng đất).

- Tiến hành xong việc lập quy hoạch các mặt của xã, hợp tác xã (các ngành bàn giao cho xã).

- Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn ngày cho kế toán, thống kê quản trị, kiểm soát, kỹ thuật, quản lý ruộng đất, v.v. tại xã hoặc liên xã (từ 5 đến 7 ngày theo tinh thần Chỉ thị số 89, ngày 20-2-1966 của Tỉnh ủy). Mở lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng, kết nạp đoàn, v.v..

- Dự kiến kiện toàn, bổ sung các bộ máy tổ chức của xã và hợp tác xã.

- Bắt đầu vào việc xây dựng một vài cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ trước mắt vụ đông - xuân 1966-1967, vận động tiết kiệm,

đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm, đẩy mạnh thực hiện kế hoạch đông - xuân, tổ chức học tập, Chỉ thị số 11 của Trung ương về cải tạo tại chỗ cho chi ủy, chi bộ, đồng thời kiểm tra đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, hoàn thành công tác ba thu, chia hoa lợi vụ mùa và quyết toán một năm trong hợp tác xã. Hoàn thành việc tổng kết công tác các mặt năm 1966.

- Sơ kết bước 2, thảo luận kế hoạch bước 3.

Bước 3: 10 ngày. Chủ yếu tiến hành những việc:

- Tổng hợp thống kê và làm báo cáo phân tích điều tra tình hình hợp tác xã và xã (dựa vào các biểu mẫu đã có). Chi ủy (hoặc Đảng ủy xã), Ban quản trị hợp tác xã họp bàn về dự thảo kiểm điểm 2 năm 1965-1966 của xã và hợp tác xã.

- Chi ủy, Ban quản trị dự thảo dự kiến phương hướng sản xuất và các loại kế hoạch sản xuất, lao động, tài vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phương án ba khoán, nông lịch, v.v. năm 1967-1968 của xã, hợp tác xã. Riêng kế hoạch sản xuất đông - xuân 1966-1967 thì cần lập chính thức xong các phương hướng kế hoạch đó.

- Hoàn thành bước 2 và tiến hành bước 3 của kế hoạch hợp nhất lên cấp cao của hợp tác xã, xây dựng hợp tác xã mới, kết nạp thêm xã viên, xây dựng thêm nội quy của hợp tác xã, giải quyết xong những tồn tại về chính sách đất 5%, cổ phần công hữu hóa, công điểm, tài chính mắc mớ, đổi ruộng, cố định các đội sản xuất, lập xong sổ sách kế toán mới.

- Hoàn chỉnh tài liệu điều tra cơ bản chính trị và hồ sơ cải tạo. Tổ chức học tập đến nhân dân về chính sách cải tạo đối tượng tại chỗ, thực hiện các biện pháp cải tạo và tổ chức cho nhân dân thảo luận, xây dựng bổ sung bảy chỉ tiêu bảo vệ trị an của hợp tác xã, v.v..

- Tiến hành bổ sung cán bộ vào bộ máy tổ chức của xã và hợp tác xã còn thiếu. Việc bổ sung vào Ban quản trị hoặc ban quản trị hợp tác xã hợp nhất, nếu đúng kỳ thì bầu lại, nếu không kịp thì chỉ định bổ sung, để sang thời kỳ vận động tập trung sẽ đại hội xã viên bầu cũng được.

- Bồi dưỡng một bước lê lối làm việc về tiếp tục hoàn thành mở lớp nghiệp vụ, kỹ thuật bước 2 chưa xong, tổ chức kết nạp một số đảng viên, đoàn viên mới. Đẩy mạnh phong trào thi đua mọi mặt tiến thêm một bước, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật mua sắm công cụ và đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu sản xuất đông - xuân 1966-1967 và thực hiện một số công trình có quy hoạch dự kiến thuỷ lợi giao thông, kiến thiết làng bản, đồng ruộng, v.v..

Sơ kết bước 3 và tổng kết cả thời kỳ chuẩn bị, thảo luận kế hoạch thời kỳ vận động tập trung. Tổng kết chuẩn bị ở xã 1 ngày, ở huyện 3 ngày, ở tỉnh 3 ngày.

2. Thời kỳ vận động tập trung

Thời gian 1 tháng 1/2 (45 ngày) không kể trường hợp có việc đột xuất, chia làm 3 bước. Thời kỳ này nội dung chủ yếu là tập trung phát động quần chúng đi sâu vào cuộc vận động cải tiến, biến phương hướng và các kế hoạch, quy hoạch thành của quần chúng, đồng thời tạo ra một bước khí thế mới trong nông nghiệp, nông thôn và bắt đầu thực hiện một số việc của kế hoạch đề ra.

Cụ thể nội dung của thời kỳ vận động tập trung Tỉnh ủy sẽ hướng dẫn sau, ở đây chỉ vạch những nội dung chính của từng bước:

Bước 1: 15 ngày. Yêu cầu chủ yếu của bước này là phát động tư tưởng làm chuyên biến mạnh mẽ trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên trong xã và hợp tác xã.

a) Tiếp tục tuyên truyền mục đích, ý nghĩa tuyên truyền cuộc vận động sâu rộng trong quần chúng.

b) Tổ chức học tập nghị quyết chăn nuôi, lâm nghiệp và phổ biến các chính sách hợp tác xã trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên.

c) Mở hội nghị chi bộ, có mở rộng cho các đoàn viên cùng dự, để ôn lại chỉ thị, nghị quyết và kế hoạch về cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, học tập tài liệu giới thiệu hợp tác xã Tiên Phong (hợp tác xã tiên tiến), thảo luận bàn bạc các kiểm điểm của

Tỉnh ủy 2 năm 1965-1966, liên hệ tự phê bình, phê bình trong cán bộ, đảng viên, thảo luận tham gia bản dự kiến phương hướng và kế hoạch và các chỉ tiêu lớn của hợp tác xã, phân công nhau phụ trách công tác bước 1. Thời gian hội nghị 2 ngày. Đoàn viên dự nghe chung, nhưng khi liên hệ và thảo luận thì chia tổ riêng.

Sau hội nghị chi bộ, mở hội nghị toàn thể cán bộ trong hợp tác xã. Từ đội phó trở lên (có cả đảng viên, đoàn viên dự) để học tập tài liệu về hợp tác xã Tiên Phong, thảo luận bàn bạc các kiểm điểm 2 năm 1965-1966 của Ban quản trị, liên hệ, kiểm phê bình, tự phê bình nội bộ, thông qua bản dự kiến phương hướng và kế hoạch 1967-1967 của hợp tác xã, thông qua các dự kiến phương án khoán, v.v.. Thời gian họp một ngày.

d) Sau cuộc họp trên thì mở hội nghị Hội đồng nhân dân mở rộng (Quân Dân Chính) 1 ngày. Nội dung họp tương tự như nội dung của chi bộ họp, nhưng chủ yếu là kiểm điểm vai trò chính quyền và các ngành trong thời kỳ chuẩn bị, thảo luận bản dự kiến phương hướng, kế hoạch của xã, phát động thi đua mới.

đ) Sơ kết bước 1, bàn kế hoạch bước 2.

Bước 2: 20 ngày. Yêu cầu chủ yếu bước này phát động sâu rộng làm chuyển biến mạnh mẽ trong từng xã viên và nhân dân. Nhưng công tác chính là:

a) Tổ chức tuyên truyền giáo dục học tập trong xã viên và nhân dân các chính sách cơ bản trong hợp tác xã, trong thôn (chăn nuôi, lâm nghiệp, công điểm, đất 5% cổ phần, nghĩa vụ lương thực, phân phối hoa lợi); học tập tài liệu về hợp tác xã Tiên Phong (địa phương).

b) Mở hội nghị xã viên để nghe và thảo luận bàn bạc các kiểm điểm 2 năm 1965-1967 của Ban quản trị, tiến hành liên hệ phê bình, tự phê bình từ Ban quản trị đến đội trưởng đội phó, đến xã viên, giải quyết và thanh toán các mắc mớ tồn tại trong nội bộ hợp tác xã cho phấn khởi, đoàn kết. Sau đó, toàn thể xã viên tham gia thảo luận bổ sung bản phương hướng, kế hoạch, sản xuất, các quy hoạch phương án ba khoán, v.v. 2 năm 1967-1968 của hợp tác xã

và từng đội (nghe báo cáo chung nhưng thảo luận thì về từng đội, Ban quản trị phân công đi lãnh đạo). Thời gian họp là 5-6 buổi.

c) *Phát động đăng ký ngày công*, phát động quần chúng trong hợp tác xã, trong từng tổ chức đoàn thể tham gia ý kiến vào các kế hoạch và biện pháp cụ thể, phát động tư nhân và tổ chức thực hiện kế hoạch và các công việc của hợp tác xã để ra, như làm thủy lợi, làm phân, làm đường giao thông, sân phơi nhà kho, cơ sở chăn nuôi, v.v.. Trước mắt là hoàn thành các chỉ tiêu vụ sản xuất đông - xuân 1966-1967 và đẩy mạnh vụ mùa năm 1967 thắng lợi vượt bậc.

d) Sơ kết bước 2 bàn kế hoạch bước 3.

Bước 3: 10 ngày. Nhiệm vụ chủ yếu của bước này là:

a) *Mở hội nghị chi bộ, hội nghị ban quản trị* để chính thức bổ sung, điều chỉnh lại phương hướng và các kế hoạch, quy hoạch do quần chúng xã viên đã tham gia góp ý, bản kế hoạch đại hội xã viên.

b) *Mở đại hội xã viên* để chính thức thông qua và quyết nghị phương hướng và các kế hoạch, quy hoạch, phương án ba khoán, các tiêu chuẩn kỹ thuật, v.v. bầu Ban quản trị, Ban kiểm soát nếu chưa bầu. Phát động phong trào thi đua đi vào thời kỳ thực hiện một số công trình mở đầu cho kế hoạch, quy hoạch 2 năm.

c) *Tiếp tục bồi dưỡng lề lối làm việc, phương pháp lãnh đạo*, chỉ đạo thực hiện cho cán bộ xã, hợp tác xã về những mặt còn yếu. Tiến hành kết nạp đảng viên, đoàn viên, v.v..

d) *Tổng kết toàn đợt vận động* và bàn kế hoạch thời kỳ thực hiện các tổ chức và các đoàn thể ở xã cũng phải tổng kết công tác của ngành, giới mình trong toàn đợt vận động, bình bầu tiên tiến động viên, khen thưởng cán bộ, xã viên, đảng viên, đoàn viên, phát động thi đua thực hiện trong từng ngành, giới.

3. Thời kỳ thực hiện: Thời gian từ sau khi tổng kết đợt vận động tập trung đến hết năm 1966. Hằng vụ, hằng năm có kiểm điểm sơ kết, tổng kết.

Thời kỳ này có tính chất rất trọng yếu, vì thời kỳ này vận động tập trung mới đề ra phương hướng và kế hoạch là chủ yếu, còn việc

thực hiện chưa được là bao, do đó, kết quả thắng lợi của cuộc vận động phải qua thực hiện hết kế hoạch mới có thể trở thành hiện thực được.

Kế hoạch của thời kỳ thực hiện, Tỉnh ủy sẽ có hướng dẫn sau, để các huyện và các ngành lập kế hoạch cụ thể hơn.

VI. LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG

Để đảm bảo cuộc thắng lợi cho cuộc vận động, điều mấu chốt trọng yếu là phải tập trung sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp các ngành để thực hiện.

Các cấp ủy, trước hết là Ban Thường vụ và các ngành, các cán bộ làm công tác vận động cải tiến phải quán triệt mục đích yêu cầu nội dung, phương châm, phương pháp của cuộc vận động mà coi trọng đầy đủ việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy đề ra. Trong thời gian cuộc vận động ở đâu thì nơi đó lấy công tác vận động cải tiến làm trung tâm, thúc đẩy các công tác khác xoay quanh đó để phát triển và đảm bảo. Vì vậy, các huyện ủy phải có chương trình, kế hoạch rất cụ thể để cho các xã, hợp tác xã trong vùng cải tiến để thực hiện để đảm bảo công tác cải tiến và mọi công tác khác được kết hợp phôi hợp chặt chẽ, thống nhất không mâu thuẫn nhau, phải gắn chặt đợt vận động đông - xuân 1966-1967 và thực hiện kế hoạch 2 năm 1967-1968 và đợt vận động cải tiến (ở vùng cải tiến).

Ở các huyện ủy, cần lấy việc học tập, xây dựng huyện ủy bốn tốt vào đợt này, thực hiện gắn liền vào cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong hợp tác xã và sản xuất nông nghiệp.

Tỉnh ủy và huyện ủy trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động, Ban Nông nghiệp giúp Tỉnh ủy chỉ đạo và hướng dẫn kế hoạch, các ngành, các Ban đều phải có kế hoạch phục vụ cuộc vận động và một số Ban, ngành phải có cán bộ tham gia bộ phận theo dõi, tổng

hợp của tỉnh về công tác vận động cải tiến ở Ban Nông nghiệp (Tổ chức, Tuyên giáo, Thống kê, Thanh niên, Phụ nữ...).

Ở huyện, huyện ủy lãnh đạo trực tiếp, Ban Thường vụ và đồng chí bí thư Huyện ủy phải thường xuyên nghe báo cáo, chỉ đạo thực hiện tránh buông trôi, khoán trăng cho một vài đồng chí và có phân công một thường vụ và một số huyện Ủy viên chuyên trách công tác cải tiến. Cần kiện toàn tăng cường cán bộ cho Phòng Nông nghiệp huyện đủ khả năng giúp Huyện ủy theo dõi tổng hợp về công tác vận động cải tiến và công tác nông nghiệp nói chung. Mặt khác, các Huyện ủy phải huy động được các ngành chính quyền, đoàn thể của huyện có kế hoạch và phục vụ thiết thực cuộc vận động. Các ngành như: Thống kê, Kế hoạch, Tổ chức, Tuyên giáo huyện cũng cần cử cán bộ và bộ phận theo dõi tổng hợp công tác cải tiến ở huyện, để cùng Phòng Nông nghiệp trực tiếp giúp Huyện ủy về công tác này.

Tất cả các ngành ở tỉnh, huyện ngoài công việc cử cán bộ trực tiếp tham gia còn phải tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ của mình mà đề ra kế hoạch công tác kết hợp lồng vào công tác cải tiến ở vùng vận động và lập kế hoạch, quy hoạch phục vụ công tác vận động cải tiến một cách thích hợp và đắc lực hơn nữa (các kế hoạch, quy hoạch, phải báo cáo và thông qua tỉnh, rồi gửi xuống huyện và xã tiến hành). Các ngành phải dựa vào kế hoạch này và các chỉ thị, thông tri của Tỉnh ủy đã gửi mà đưa cán bộ xuống vùng cải tiến, giúp đỡ xã và hợp tác xã lập quy hoạch cụ thể: như đo đạc ruộng đất, quy vùng sản xuất, thủy lợi giao thông, kiến trúc, lâm nghiệp, cơ khí nhỏ, v.v.. Mặt khác, cần tận tâm chuẩn bị và hướng dẫn xã, hợp tác xã đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật cung cấp nguyên vật liệu sản xuất, v.v. mà xã, hợp tác xã không có khả năng làm được, tỉnh sẽ có công văn hướng dẫn thêm riêng. Ty Công an phải có kế hoạch vẫn tiến hành việc điều tra chính trị cơ bản ở những xã cải tiến trước một bước để phục vụ cho cuộc vận động. Ty Công nghiệp phải sớm lập xong quy hoạch chuẩn bị vật tư, cán bộ, v.v. ở những

xã hiện nay đã có điện, đưa cơ khí nhỏ vào ngay từ khi cuộc vận động ở đây bắt đầu.

Trong chỉ đạo, cần phải coi trọng việc kiểm tra, đôn đốc sâu sát dưới và chặt chẽ từng bước tránh đại khái hời hợt, buông trôi. Mỗi huyện cần chọn một xã làm trọng điểm đi trước một bước để xây dựng điển hình, rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Trọng điểm của huyện chọn xã nào phải báo cáo cho tỉnh để nắm và theo dõi.

Phải chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, coi đó là một kỷ luật trong công tác. Cứ một tuần lễ các huyện phải phán ánh về tỉnh một lần bằng văn bản hoặc bằng điện thoại cứ 15 ngày huyện và các ngành báo cáo một lần bằng văn bản hoặc trực tiếp với tỉnh. Hết mỗi bước phải có báo cáo sơ kết, hết một thời kỳ có báo cáo tổng kết gửi tỉnh. (Báo cáo và phản ánh tình hình gửi về Ban Nông nghiệp tỉnh để tổng hợp báo cáo chung cho Tỉnh ủy). Phải với tinh thần chấp hành nghiêm chỉnh các bước đi của Tỉnh ủy đã đề ra, đảm bảo yêu cầu, nội dung, thời gian như kế hoạch định, tránh tùy tiện, kéo dài, lê mề.

Về lượng cán bộ đi làm đợt này, theo đúng nội dung Thông tri số 156 ngày 20 tháng 9 năm 1966 của Tỉnh ủy đã gửi. Các huyện phải đặc biệt lưu ý việc bồi dưỡng đào tạo cán bộ. Ngoài việc bồi dưỡng những lớp ngắn ngày cần có bồi dưỡng từng việc, bằng tham quan điển hình, hướng dẫn thực tập từng việc cụ thể mỗi bước ngắn huyện phải tổ chức bồi dưỡng kỹ cách làm từng công việc bước sau cho tổ công tác và cán bộ xã. Việc gì thấy anh em còn bỡ ngỡ cần xây dựng điển hình thực tế, thực tập tại chỗ làm cho anh em mắt thấy tai nghe rút kinh nghiệm xong về làm nơi mình phụ trách.

Ngoài những điều cần chú ý thực hiện như trên, các huyện cần có kế hoạch củng cố phát triển phong trào hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất và thực hiện các chủ trương, chính sách ở các xã, hợp tác xã ngoài vùng cải tiến nhất là những xã phụ cần để thúc đẩy phong trào chung của huyện và hỗ trợ, phối hợp cho xã trong vùng cải tiến.

Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc do Trung ương đề ra là một cuộc vận động cách mạng lớn, sâu sát về nhiều mặt. Thực chất cuộc vận động này cũng là thực hiện ba cuộc cách mạng cùng một lúc kết hợp ở nông thôn (cách mạng quan hệ sản xuất, kỹ thuật, văn hóa tư tưởng) nhằm tạo ra một khí thế mới, một bước nhảy vọt trong nông nghiệp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, xây dựng bảo vệ miền Bắc và cải thiện đời sống nhân dân. Vì vậy, các cấp, các ngành cần nhận thức quán triệt hơn nữa để tích cực làm tốt đợt vận động này.

Các Huyện ủy, các ngành cần dựa vào bản kế hoạch này và Chỉ thị số 104 của Tỉnh ủy để lập ra kế hoạch cụ thể hơn rồi báo cáo lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt. Các cán bộ tham gia trực tiếp đợt vận động này phải coi bản kế hoạch này là bản cẩm nang để tiến hành các công tác trong mỗi bước.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy mong các cấp ủy, các ban, các ngành trong tỉnh, tập thể nghiên cứu và thi hành nghiêm chỉnh bản kế hoạch này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 106-CT/TU, ngày 8-11-1966

**Về việc kịp thời rút kinh nghiệm để đối phó
và kiên quyết đánh bại mọi âm mưu leo thang
chiến tranh mới của đế quốc Mỹ trong mùa khô
1966-1967**

I

Chiều ngày 4 tháng 11 năm 1966, 4 máy bay phản lực Mỹ đã điên cuồng ném bom bắn phá dã man xuống khu vực dân cư thuộc thôn Vĩnh Quang, xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng (km 29 + 500 đường Lào Cai - Bảo Nhại) làm chết và bị thương một số người (hầu hết là phụ nữ và trẻ em); bị cháy và hư hỏng một số nhà cửa cùng đồ dùng của nhân dân.

Hành động đó của đế quốc Mỹ càng chồng chất thêm tội ác của chúng đối với dân tộc ta, càng khơi sâu ngọn lửa căm thù của nhân dân ta đối với giặc Mỹ xâm lược. Và càng chứng tỏ sự thất bại và tình thế suy yếu, quẫn bách của chúng trước sức mạnh chiến thắng của dân tộc ta.

Trong trận đánh phá man rợ này, địch đã dùng bom phá, bom bi kết hợp với đạn rocket, đạn 20 mm để bắn phá. Chúng ném bom, bắn phá ở những độ cao khác nhau. Hầu hết số người bị thương vong là do không có hầm hố hoặc hầm hố xấu nên bị bom bi sát hại.

Trong trận chiến đấu này, nhiều gương dũng cảm và hy sinh, tận tụy của quân chúng đã xuất hiện, đáng được cổ vũ và nêu gương học tập. Cô bảo mẫu giữ trẻ của hợp tác xã đã hy sinh quên mình vượt qua bom đạn của địch, cứu được gần 10 cháu bé, khi cứu đến các cháu cuối cùng thì cô bị thương. Lực lượng vũ trang canh giữ trại cải tạo, mặc dù không phải mục tiêu địch đánh phá lúc đó, cũng đã nổ súng hiệp đồng chiến đấu chung. Hoặc một dân quân dân tộc Mán đã dũng cảm, tích cực thu nhặt tháo gỡ được nhiều bom bi của địch góp phần nhanh chóng giải quyết những hậu quả do địch gây ra, v.v..

Thời gian rất ngắn sau khi bị địch đánh phá, một số đồng chí cấp ủy, Ủy ban hành chính xã, xã đội... đã trực tiếp đến ngay nơi xảy ra chiến đấu để kiểm tra tình hình, nêu cao vai trò chức năng của chi bộ và chính quyền nhà nước, chủ động tìm mọi biện pháp tích cực nhất để kịp thời giải quyết những vấn đề đột xuất do địch gây ra. Đã thăm hỏi nhân dân, vận động đoàn kết tương trợ, tự điều hòa lương thực, giải quyết nơi ăn chốn ở và đảm bảo sau một tuần làm lại đầy đủ nhà cửa để giúp đỡ những gia đình bị nạn, v.v.. Tóm lại chi bộ, chính quyền cơ sở và huyện ủy đã dựa vào đường lối quần chúng và chính sách của Đảng, chủ động giải quyết những vấn đề cấp bách nhất với khả năng tự lực cao nhất của địa phương, nhờ đó đã nhanh chóng ổn định tư tưởng và đời sống của quần chúng, khơi sâu lòng căm thù địch, củng cố lòng tin của quần chúng đối với đường lối, chính sách của Đảng, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đẩy mạnh sản xuất, bảo vệ trật tự trị an và săn sàng chiến đấu. Đó là những ưu điểm nổi bật của chi bộ, Ủy ban hành chính xã, huyện và huyện ủy đã xử lý tích cực, chủ động, kịp thời và đúng đắn các vấn đề sau một trận chiến đấu.

Nhưng qua thực tiễn đã chứng tỏ, huyện ủy và chi bộ chưa nhận thức đầy đủ âm mưu, thủ đoạn của địch, chưa triệt để đề cao tinh thần cảnh giác, chưa nghiêm chỉnh chấp hành đầy đủ nghị quyết, chỉ thị của Đảng từ trước tới nay về công tác phòng không

nhân dân - săn sàng chiến đấu, nên đã thiếu chủ động đánh địch, lại để xảy ra những tổn thất đáng lẽ tránh được.

Những khuyết điểm cụ thể là:

- Không có hầm hố nên không có chỗ ẩn nấp, hoặc hầm hố xấu không có nắp nên bị thương vong.

- Dân quân du kích hoạt động không kịp thời, hoặc hầu như không chiến đấu đánh lại địch mặc dù máy bay địch vòng lượng đánh phá trong thời gian tương đối lâu, ta có điều kiện và cần thiết phải đánh trả quyết liệt bằng mọi thứ vũ khí săn có nhằm tiêu diệt địch, hạn chế sự thiệt hại của ta.

- Ở thôn, xã và hợp tác xã thiếu tổ chức các lực lượng phục vụ chiến đấu hoặc có tổ chức nhưng thiếu kế hoạch hoạt động hoặc lãnh đạo chưa chặt chẽ nên phục vụ chiến đấu không kịp thời như thiếu cứu thương, y tá, thiếu lực lượng, tài thương, cứu hỏa, giữ gìn trật tự trị an, tuy có dân quân biết tháo gỡ bom bi nhưng lực lượng ít, v.v. nên giải quyết các vấn đề sau trận chiến đấu còn chậm.

- Về công tác tư tưởng, sau trận chiến đấu có lúc còn chưa hướng vào việc vạch rõ tội ác của đế quốc Mỹ xâm lược, chưa đi sâu nghiên cứu nguyên nhân tại sao khi địch đánh ta lại bị thiệt hại, trái lại còn đi tìm nguyên nhân tại sao lại bị địch đánh phá (?).

Qua sự việc thực tiễn nói trên, sơ bộ có thể nêu lên một số kinh nghiệm sau đây để giúp các ủy ban chỉ đạo kịp thời địa phương mình.

1. Trong cuộc chiến đấu phai hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc nước ta, ngoài các mục tiêu chủ yếu như các vị trí quân sự, chính trị, kinh tế, quốc phòng, giao thông vận tải, v.v. địch còn đánh phá bừa bãi vào bất cứ chỗ nào. Mục đích của địch không những nhằm phá hoại kinh tế, quốc phòng mà điều quan trọng hơn là nhằm phá hoại chính trị và tâm lý tư tưởng.

Do đó công tác phòng không nhân dân của ta không những cần coi trọng ở các mục tiêu trọng điểm, mà còn phải coi trọng ở tất cả mọi nơi, không được coi nhẹ ở bất kỳ một chỗ nào trong bất kỳ thời gian nào.

2. Trong điều kiện chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc nước ta hiện nay, đế quốc Mỹ có thể đánh nhiều nơi với nhiều âm mưu thủ đoạn thâm độc. Nhưng có đạt được mục đích và gây được tổn thất cho ta hay không không do địch quyết định, mà do công tác lãnh đạo của ta quyết định.

Nếu ta lãnh đạo tốt theo đúng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, thì không những tránh được thiệt hại mà còn tiến lên đánh bại mọi cuộc tấn công bằng không quân của địch.

Chi bộ xã Phong Niên chưa thực hiện tốt điều đó nên dẫn đến bị động và bị tổn thất lẽ ra có thể tránh được, hoặc ít nhất cũng có thể giảm bớt sự thiệt hại của quần chúng.

3. Địch càng suy yếu, thất bại, chúng càng ra sức giãy giụa, chúng không từ bỏ một hành động dã man nào để tàn phá và giết hại nhân dân ta. Chúng đã và đang dùng các loại bom đạn để tàn sát nhân dân ta bao gồm bom phá, bom dù, bom cháy, bom lân tinh, bom hơi độc và bom bi, v.v..

Trừ các lực lượng trực tiếp chiến đấu, biện pháp tốt nhất để phòng tránh đối với nhân dân là thực hiện *triệt để sơ tán và phân tán ở những nơi cần thiết, đảm bảo mọi người, mọi nơi có đủ hầm hào kiên cố, đúng kỹ thuật và được che phòng tốt*. Triệt để sơ tán phân tán; hầm hào đầy đủ, vững chắc, kiên cố và ngụy trang che phòng tốt, là một trong những biện pháp cơ bản để hạn chế thiệt hại của ta, chủ động đối phó với địch.

Tổn thất do địch gây ra đối với Hợp tác xã Vĩnh Phong không những do ta tổ chức chiến đấu có nhiều khuyết điểm mà hầm hào, phòng tránh của nhân dân không có hoặc không tốt nên đã bị bom bi của địch sát thương; ngược lại, hầu hết những người có đủ hầm hố tốt để ẩn nấp đều đảm bảo an toàn.

4. Để đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của địch, kịp thời và nhanh chóng khắc phục mọi hậu quả do chúng gây nên, cần phải có kế hoạch toàn diện, lâu dài và thường xuyên kiểm tra đôn đốc. Trước hết phải *tổ chức lực lượng dân quân du kích kết hợp giữa sản xuất, săn sàng chiến đấu và chiến đấu thật*

tốt, đảm bảo địch đến đâu cũng bị đánh kịp thời, kiên quyết và kết quả. Đồng thời, phải tổ chức ở mỗi thôn, xã, hợp tác xã, mỗi cơ quan xí nghiệp, v.v. ở mỗi nơi trên phải có đủ các tổ chức cứu thương, cảng tại thương, cứu hỏa, tháo gỡ thu dọn bom bi và bom nổ chậm, tìm kiếm, đào bới hầm sập, bảo vệ trật tự trị an, v.v.. Các tổ chức đó phải chặt chẽ, phải được các cơ quan nghiệp vụ và ngành dọc huấn luyện kỹ và phải được thực tập tốt. Có như vậy mới hoàn toàn chủ động đánh địch, chủ động và nhanh chóng khắc phục những hậu quả do địch gây ra. Nếu không khi bị địch đánh sẽ không tránh khỏi lúng túng, bị động và có những hậu quả không tốt. Kinh nghiệm dân quân du kích xã Phong Niên, địch đánh lâu mà không chiến đấu được.

5. Công tác tư tưởng phải chủ động giáo dục cho nhân dân nhận thức rõ âm mưu nham hiểm của địch, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Sau khi bị đánh phá, kịp thời vạch rõ tội ác của chúng, khơi sâu và chia mũi nhọn căm thù của quần chúng đối với đế quốc Mỹ xâm lược. Phải thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở. Tránh để xảy ra những nhận thức lệch lạc đỗ tại người này người khác, cơ quan nọ đơn vị kia, v.v.. Một nơi bị bắn phá, các nơi khác đều phải phát động căm thù.

Trong việc ổn định đời sống nhân dân, cần theo đúng đường lối quần chúng của Đảng, vận động nhân dân đoàn kết tương trợ, những cơm xé áo giúp đỡ nhau là chủ yếu (tương trợ trong hợp tác xã, trong thôn, xã và các xã bạn xung quanh). Mặt khác, đối với những thứ mà quần chúng không có khả năng thì các cơ quan lưu thông phân phối phải có chính sách cụ thể, kịp thời giúp đỡ những người, những địa phương xảy ra chiến đấu, góp phần ổn định đời sống và đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu của quần chúng.

6. Khi xảy ra chiến đấu, đặc biệt là sau khi xảy ra chiến đấu, chi ủy và Ủy ban hành chính xã hoặc xã đội cần báo cáo ngay tình hình lên cấp trên bằng mọi phương tiện nhanh nhất để cấp trên chỉ đạo kịp thời. Cũng có thể thông báo tình hình và yêu cầu hỗ trợ của xã bạn xung quanh trong hợp đồng chiến đấu và trong việc

giải quyết nhanh chóng các hậu quả do địch gây ra. Tại xã Phong Niên sau khi địch đánh phá khá lâu huyền, tinh mới biết.

7. Đối với công tác phòng không nhân dân, phòng, chống gián điệp biệt kích và bảo vệ trị an, vai trò của xã giữ vị trí chiến lược.

Vì vậy, chi bộ, Ủy ban hành chính xã và các đoàn thể quần chúng cần phát huy vai trò chức năng của mình trong lãnh đạo sản xuất, và sẵn sàng chiến đấu; chủ động đánh địch và chủ động lãnh đạo quần chúng khắc phục nhanh chóng mọi hậu quả do địch gây ra.

II

NHẬN RÕ ÂM MUƯU CỦA ĐỊCH, THỰC HIỆN TỐT NHỮNG YÊU CẦU CẤP BÁCH TRƯỚC MẮT

Tình hình thực tiễn trong năm qua đã khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng qua các Nghị quyết 11 và 12.

Hiện nay, trong tình thế thất bại, suy yếu và bị động, đế quốc Mỹ đang dốc sức tập trung lực lượng, âm mưu mở chiến dịch phản công chiến lược lớn trong mùa khô 1966-1967 ở miền Nam, đánh phá lớn bằng không quân và âm mưu tấn công bằng bộ binh để chiếm đóng một bộ phận lãnh thổ ở miền Bắc.

Gần đây, đi đôi với tăng cường đánh phá bằng không quân, đế quốc Mỹ tiếp tục thả gián điệp, biệt kích ra một số địa phương thuộc miền Bắc. Hoạt động gián điệp, biệt kích của địch hiện nay phát triển mang quy mô và tính chất của một trận tập kích nhỏ: lực lượng đông hơn, nhiều vũ khí hiện đại hơn, phương thức thủ đoạn hoạt động khác trước, có phi cơ yểm trợ khi chiến đấu cũng như khi rút lui. Mỗi toán đều có cố vấn Mỹ trực tiếp chỉ huy. Địch cũng có khả năng tung gián điệp, biệt kích như thế vào sâu trong nội địa miền Bắc, đặc biệt vùng rừng núi hẻo lánh và biên giới. Đồng thời, chúng cũng đẩy mạnh hoạt động chiến tranh tâm lý nhằm lung lạc tinh thần nhân dân ta, nhất là đối với các lực lượng vũ trang.

Ngày 4 tháng 11, cùng ngày địch đánh phá xã Phong Niên thuộc tỉnh ta, cũng là ngày máy bay địch đánh phá rộng khắp 17 tỉnh trên miền Bắc. Sau một hôm, ngày 6 tháng 11 địch đã cho nhiều máy bay không người lái hoạt động trinh sát trên miền Bắc và đã bị quân ta bắn rơi 3 chiếc, trong đó có 1 chiếc bị bắn rơi trên bầu trời tỉnh ta.

Những hiện tượng đó chúng ta cần triệt để đề cao cảnh giác sẵn sàng đánh bại mọi bước leo thang mới trong mùa khô của địch.

Cần tiếp tục quán triệt và thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Trung ương và nghị quyết, chỉ thị đã có đầy đủ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Nghị quyết số 24 và Chỉ thị số 101, 103 và Thông báo số 15 gần đây). Những nghị quyết, chỉ thị đó vẫn là những đường lối, chủ trương lớn để chỉ đạo sản xuất và sẵn sàng chiến đấu.

Để đối phó và đánh bại mọi âm mưu của địch, trong chỉ thị này Ban Thường vụ Tỉnh ủy *bổ sung thêm một số yêu cầu sau đây*:

1. Tất cả các địa phương, các chi bộ đều phát động quần chúng lên án tội ác của đế quốc Mỹ tàn sát dã man đồng bào thôn Vỹ Quang, xã Phong Niên, biến căm thù thành sức mạnh đoàn kết để sản xuất và chiến đấu.

Đồng thời, phải nghiên cứu những bài học kinh nghiệm của xã Phong Niên đã được nêu lên trong chỉ thị này. Học tập là để phát huy ưu điểm, để tránh những khuyết điểm tương tự có thể xảy ra đối với địa phương mình. Nghiên cứu có liên hệ kiểm điểm có biện pháp tổ chức thực hiện thật tốt nhằm *đảm bảo chiến đấu thắng lợi, thiệt hại thấp nhất trong tất cả các tình huống*.

2. Công tác phòng không nhân dân và phòng, chống gián điệp, biệt kích phải được coi trọng đầy đủ, thường xuyên và ở tất cả mọi nơi, không được coi nhẹ ở bất cứ nơi nào.

3. Kiên quyết lãnh đạo quần chúng làm thật đầy đủ hầm hào kiên cố, đúng kỹ thuật, có nắp chống bom bi. Thực hiện khẩu hiệu "Chỉ sợ dân chết, không sợ dân mệt", "Nhà để che nắng che mưa, hầm hào để che xương che máu".

Đặc biệt phải đảm bảo hầm hào cho các vườn trẻ, lớp mẫu giáo, hệ thống trường học, bệnh viện và các cửa hàng.

Các địa phương phải tự lực đảm bảo trong thời gian ngắn nhất có đủ hầm hố ở các nơi công cộng, trên trực các đường giao thông đông người qua lại thuộc địa phương mình.

Nơi nào chưa đủ hoặc hầm hố chưa kiên cố, kiên quyết thu xếp công tác, sản xuất và học tập, tập chung lao động để hoàn thành.

Các xã cần học tập xã Quang Kim về công tác phòng không nhân dân. Mỗi người dân thuộc hai thôn Quan và Kim đã có hơn 7 m hào, có hệ thống hố ẩn nấp và chiến đấu ở trong thôn và trên các đường giao thông quanh thôn. Sau khi học tập chính trị chi ủy đã kiên quyết lãnh đạo nhân dân, dành hẳn 2 ngày để đào hầm hố phòng không.

4. Tiếp tục thực hiện triệt để sờ tán và phân tán đối với những người, những gia đình và cơ quan không cần thiết mà vẫn còn ở lại trong các khu vực trọng điểm, hoặc đã sơ tán nhưng lại ở quá tập trung.

- Một số cửa hàng thương nghiệp, lương thực hiện ở trống trải, sát đường chiến lược, hoặc nhiều cửa hàng ở quá tập trung với nhau, nay phải kiên quyết phân tán ra, rồi chuyển vào chỗ kín đáo, an toàn.

5. Ở mỗi thôn, xã, mỗi cơ sở sản xuất cần phải có đầy đủ các tổ chức cứu thương, tái thương, công binh tháo gỡ bom bi và bom nổ chậm, cứu hỏa, sửa chữa giao thông để nhanh chóng và tự lực khắc phục những hậu quả do địch gây ra.

Đảng ủy và thủ trưởng Tỉnh đội kiểm tra, tổ chức, huấn luyện tốt cho dân quân tự vệ làm nhiệm vụ chiến đấu phòng không, phòng, chống gián điệp, biệt kích theo đúng Nghị quyết số 24 của Ban Thường vụ. Bảo đảm sẵn sàng tiêu diệt nhanh gọn các lực lượng gián điệp, biệt kích nếu địch tung về; máy bay địch tới đâu cũng bị đánh; có kế hoạch đảm bảo trong thời gian ngắn nhất, mỗi thôn, xã, khu phố đều có tổ công binh thành thạo tháo gỡ, thu dọn

bom bi và bom nổ chậm của địch. Nếu địch ném tới đâu nơi ấy có đủ khả năng tự giải quyết.

- Ty Y tế có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo đủ cứu thương, y tá cho các thôn, xã, đảm bảo trong thời gian ngắn nhất các thôn, xã đều có lực lượng cấp cứu và tổ chức tải thương.

6. Dựa vào chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "xây dựng làng xã chiến đấu". Để đáp ứng kịp thời yêu cầu của tình hình, các huyện, thị ủy cần bắt tay xây dựng ngay xã chiến đấu thuộc địa phương mình. Nhiệm vụ này do huyện đội làm tham mưu, huyện ủy trực tiếp lãnh đạo. Cần xây dựng trước hết đối với các xã ở bao quanh các thị xã, các xã dọc đường chiến lược, đường sắt và những xã trọng điểm phòng, chống gián điệp, biệt kích. Nhiệm vụ xây dựng xã chiến đấu chủ yếu trước mắt nhằm chống chiến tranh phá hoại, phòng, chống gián điệp, biệt kích của đế quốc Mỹ và loại trừ khả năng gây bạo loạn của những phần tử phản cách mạng. Nơi nào có điều kiện tích cực làm trước, cơ quan quân sự địa phương cần có kế hoạch cụ thể để hướng dẫn và từng bước sơ kết kinh nghiệm của xã chiến đấu thí điểm Mường Hum để phổ biến cho các cấp ủy.

Chỉ thị này cần được phổ biến nguyên văn xuống tới các chi bộ để nghiên cứu.

Các cấp ủy Đảng cần nghiên cứu kỹ chỉ thị này có kế hoạch thực hiện thật tốt, nhằm sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu thắng lợi, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của Nhà nước và của nhân dân, góp phần cùng quân dân cả nước đập tan âm mưu phản công mùa khô của địch, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ VỀ CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP,
CẢI TIẾN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ, CẢI TIẾN
KỸ THUẬT DO BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TRIỆU TẬP

Số 35-BB/TU, ngày 16-11-1966

Để thực hiện tốt một số công tác trước mắt trong nông nghiệp hiện nay của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra, bộ phận Thường trực Tỉnh ủy đã triệu tập một cuộc họp tại xã Bản Lầu, huyện Mường Khương để bàn kế hoạch thi hành.

Thành phần dự họp gồm các đồng chí phó bí thư hoặc thường vụ huyện ủy, thị ủy và huyện ủy viên phụ trách công tác kế hoạch nhà nước, phụ trách nông nghiệp, cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong hợp tác xã và phụ trách tuyên giáo huyện.

Về phía các ban, các ngành ở tỉnh gồm có: Thủ trưởng hoặc thủ phó, hoặc đại biểu của Ban Nông nghiệp, Ban Tuyên giáo, Phụ nữ, Thanh niên, Tài chính - Thương nghiệp, Tỉnh đội, Thi đua, Thương nghiệp, Ủy ban kế hoạch và đội quy hoạch, văn hóa, Thủy lợi, Kiến trúc, Giao thông, Ngân hàng, Phòng nông nghiệp tỉnh, Công ty tư liệu sản xuất, Khai hoang, Kiến thiết cơ bản, Lâm nghiệp, Thông kê, Thông tin, Văn hóa. Tổng cộng 65 người dự. Một số nơi, một số ngành có triệu tập nhưng không đến dự gồm: Ban Tổ chức,

Ban Công nghiệp, Ty Công nghiệp, Ty Nông nghiệp, Mặt trận, Ty Công an, Quốc doanh chăn nuôi, Ty Y tế, Thị xã Cam Đường.

Hội nghị làm việc trong 4 ngày, từ ngày 11-11 đến ngày 14-11-1966.

Chủ trì hội nghị đồng chí Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ Thường trực Tỉnh ủy và giúp việc chuẩn bị nội dung, trình bày trước Hội nghị là Ban Nông nghiệp, Ban Tuyên giáo, Ủy ban kế hoạch và một số ngành như Ty Thông tin, Thương nghiệp, Ngân hàng.

Hội nghị đã nghe phổ biến công tác và bàn kế hoạch thực hiện những vấn đề sau:

I. CÔNG TÁC QUY HOẠCH PHÂN PHỐI ĐẤT ĐAI TRONG TỈNH

Đồng chí Hành, đại diện Ủy ban kế hoạch tỉnh đã trình bày với Hội nghị về ý nghĩa, mục đích, tầm quan trọng và yêu cầu nhiệm vụ của công tác quy hoạch phân phối đất đai cho tỉnh hiện nay. Đồng thời Hội nghị cũng đã nghe báo cáo tóm tắt về kết quả công tác này trong thời gian qua và những công tác phải làm trong thời gian trước mắt.

Qua báo cáo, các huyện, các ngành đều nhất trí với những nhận xét và những công tác tiếp tục do Ủy ban kế hoạch trình bày, đồng thời cũng đã nhận thức được khái quát bước đầu về yêu cầu của nhiệm vụ công tác quy hoạch phân phối đất đai của tỉnh, để trả về địa phương và ngành thực hiện tốt hơn trước.

Để phục vụ kịp thời cho cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 3 của tỉnh. Ủy ban kế hoạch (Đội quy hoạch) đã báo cáo lại toàn bộ quy hoạch dự kiến phân phối đợt 3, năm và tham gia ý kiến bổ sung và coi đó cũng là bước đầu bàn giao quy hoạch cho các huyện, các xã sau khi đội quy hoạch đã đi quy hoạch thực địa ở từng xã.

**II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC
ĐỢT GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ,
HƯỞNG ỨNG LỜI Kêu GỌI CỦA HỒ CHỦ TỊCH,
ĐỢT GIÁO DỤC ĐẢNG VIÊN THEO CHƯƠNG TRÌNH
HUẤN LUYỆN ĐẢNG VIÊN MỚI TRONG ĐÔNG - XUÂN 1966-1967
VÀ TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CẢI TIẾN ĐỢT 3
Ở NÔNG THÔN**

Để thực hiện chủ trương và yêu cầu nội dung công tác tuyên truyền, giáo dục, phát động tư tưởng sâu rộng từ Đảng ra ngoài quần chúng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với vụ sản xuất đông - xuân 1966-1967 và đợt 3 cải tiến ở các địa phương trong tỉnh, đồng chí Đức Minh (Phó ban Tuyên giáo), đồng chí Lực Bình Ngọc, (đại diện Ty Thông tin) được ủy nhiệm trình bày trước hội nghị ý nghĩa, mục đích, yêu cầu, nội dung của kế hoạch tiếp tục hoàn thành đợt giáo dục chính trị, với đề tài trọng điểm là "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" như Hồ Chủ tịch đã dạy và hoàn thành đợt giáo dục đảng viên theo chương trình huấn luyện đảng viên mới, cũng như yêu cầu, nội dung công tác thông tin, cổ động cần phải làm.

Trên cơ sở nội dung kế hoạch đó, Hội nghị đã trao đổi, bàn bạc nhất trí chương trình và biện pháp thực hiện. Bản kế hoạch đợt giáo dục chính trị trong quần chúng và đảng viên và kế hoạch công tác thông tin, do Ban Tuyên giáo và đồng chí phụ trách Ty Thông tin gửi xuống hướng dẫn.

**III. CÔNG TÁC PHÁT ĐỘNG THI ĐUA
VỤ ĐÔNG - XUÂN 1966-1967 VÀ CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI
THI ĐUA SẢN XUẤT, CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ, CỨU NUỐC
TOÀN TỈNH LẦN THỨ NHẤT**

Để chuẩn bị tốt cho việc phát động quần chúng đi vào vụ sản

xuất đông - xuân 1966-1967 do Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chủ trương, đồng chí Hồ Minh Ngoan, Trưởng phòng Nông nghiệp Ủy ban tỉnh (được Ủy ban ủy nhiệm) đã trình bày bản dự thảo kế hoạch phát động thi đua, trong đó nêu lên mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các điểm của nội dung phát động thi đua trong nông nghiệp vụ đông - xuân này.

Sau đó đồng chí Nguyễn Trí Nghị, Phó Ban Thi đua tỉnh đã phổ biến tinh thần Nghị quyết Hội nghị và bài nói chuyện về thi đua của đồng chí Tố Hữu tại cuộc họp thi đua của Trung ương vừa triệu tập, cũng như phổ biến chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh về chuẩn bị đại hội thi đua toàn tỉnh sắp tới (Chỉ thị số 64 ngày 8-11-1966).

Hội nghị nói chung nhất trí với bản dự thảo kế hoạch phát động thi đua đông - xuân 1966-1967, với chỉ thị về chuẩn bị đại hội thi đua của Ủy ban hành chính tỉnh và nhấn mạnh một số điểm cần chú ý là:

- Từ trước đến nay công tác thi đua nói chung, đặc biệt trong nông nghiệp nói riêng, tuy có làm được một số kết quả nhưng nhìn chung vẫn còn yếu, chưa có sự quan tâm đầy đủ của các cấp, các ngành. Phong trào thi đua trong tỉnh chưa thật sôi nổi, rộng, thường xuyên. Vì vậy, từ nay các cấp ủy, các ngành cần sửa chữa ngay những thiếu sót đó. Cần nhận thức rõ công tác thi đua phải gắn liền với việc xây dựng, thực hiện, tổng kết sản xuất và kế hoạch nhà nước, coi đó là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên. Cần phải có sự phân công phụ trách, chuyên trách trong cấp ủy Đảng và chính quyền, đồng thời chú ý kiện toàn bộ môn giúp việc thi đua ở các cấp, các ngành để dần dần đưa công tác thi đua vào nền nếp.

- Về nội dung và mục tiêu thi đua trong nông nghiệp trong vụ đông - xuân 1966-1967 trên cơ sở đã có ý kiến tham góp của các đại biểu ở Hội nghị này, Ban Thi đua tỉnh và Đảng đoàn chính quyền tỉnh (Phòng Nông nghiệp) bổ sung, điều chỉnh lại cho toàn

diện giữa các mặt, sản xuất và chiến đấu, phát triển sản xuất trên cơ sở củng cố và phát triển hợp tác xã, cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật ở nông nghiệp. Các chỉ tiêu điểm cao và các danh hiệu tặng trong thi đua cũng cần nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung lại cho sát hợp, gọn, đỡ chi tiết phức tạp.

- Đảng đoàn chính quyền và Ban Thi đua tỉnh căn cứ vào các vấn đề đã phổ biến và bàn bạc ở Hội nghị này, ra văn bản chính thức hướng dẫn và thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, báo cáo cho Tỉnh ủy.

IV. CÔNG TÁC CẢI TIẾN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ, CẢI TIẾN KỸ THUẬT TRONG NÔNG NGHIỆP

Để chuẩn bị tổng kết đợt 2 và tiến hành đợt 3, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 104, ngày 16-9-1966 và Kế hoạch số 4, ngày 7-11-1966. Để nhằm tiếp tục thực hiện chỉ thị và kế hoạch đó một cách cụ thể và tích cực, tại Hội nghị này đồng chí Việt Tiến, đại diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo và duyệt, có Ban Nông nghiệp tham dự, trực tiếp nghe các đồng chí thường vụ huyện ủy báo cáo chương trình và nội dung kế hoạch cải tiến của các huyện, đồng thời phổ biến kế hoạch đợt 3 của Tỉnh ủy.

Về chủ trương, kế hoạch công tác cải tiến đồng chí Hồng Dương, Phó Ban Nông nghiệp, được Thường vụ ủy nhiệm đã căn cứ vào Chỉ thị số 104 và Kế hoạch số 4 của Tỉnh ủy để truyền đạt những nét chính về chủ trương, mục đích, yêu cầu, nội dung, mức độ, phương châm, phương pháp tiến hành vận động cải tiến đợt 3 của tỉnh.

Dựa vào sự chuẩn bị kế hoạch từ ở huyện và căn cứ vào tinh thần chỉ thị và kế hoạch của Tỉnh ủy đã phổ biến ở Hội nghị, các đồng chí thường vụ huyện ủy các huyện đã báo cáo chủ trương, kế hoạch cải tiến của huyện mình để tỉnh duyệt.

Qua báo cáo của từng huyện, đồng chí Việt Tiến và Ban Nông nghiệp đã bổ khuyết những điểm cơ bản trong chương trình, kế

hoạch của các huyện dự định. Tóm tắt chung lại, các huyện cần chú ý tiến hành tốt một số điểm như:

- Về mặt công tác tư tưởng cần làm tốt và kỹ từ cấp ủy huyện và các cán bộ đi làm cải tiến về việc phát động tư tưởng, nâng cao nhận thức, giác ngộ đối với tình hình nhiệm vụ cách mạng hiện nay rồi xây dựng quyết tâm làm tốt cuộc vận động cải tiến. Do đó, các huyện cần chỉnh huấn kỹ cho cán bộ trước khi xuống xã.

- Về nội dung kế hoạch của các huyện, các huyện cần nghiên cứu lại bản Kế hoạch số 4 của Tỉnh ủy mà điều chỉnh, bổ sung những điểm còn thiếu hoặc chưa đảm bảo đúng tinh thần của tỉnh định. Cần chú ý vạch rõ nội dung, mức độ yêu cầu cho sát từng xã, từng hợp tác xã, với tinh thần vươn lên mạnh mẽ, chống tư tưởng cầm chừng (...)¹, phương hướng sản xuất phải thể hiện được toàn diện, cân đối giữa chỉ tiêu với biện pháp, chú ý cả trồng trọt lắn chăn nuôi, nghề rừng, chú ý lương thực đồng thời phát triển thật mạnh cây công nghiệp ngắn và dài ngày. Có phương hướng sản xuất lại phải có phương hướng và kế hoạch chỉ tiêu về ba mặt quản lý: sản xuất, lao động (3 khoản, 2 khoản, 1 khoản), tài vụ và có kế hoạch 2 năm 1967-1968, cả về củng cố xây dựng Đảng và các tổ chức, đào tạo bồi dưỡng các loại cán bộ, v.v..

Về các đề nghị của các huyện, tại Hội nghị, các huyện cần làm báo cáo đề nghị chính thức và cụ thể, gửi lên tỉnh và từng ngành có trách nhiệm nghiên cứu giải quyết.

V. PHỔ BIẾN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA TỈNH VÀ KẾT LUẬN HỘI NGHỊ

Gần cuối Hội nghị, đồng chí Trưởng Minh, Bí thư Tỉnh ủy đã đến nói chuyện và phổ biến một số nhiệm vụ công tác của tỉnh cho Hội nghị. Đồng chí đã phổ biến tinh thần nội dung Chỉ thị số 137

1. Bản gốc có 4 trang chữ mờ, không rõ nội dung - BT.

của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật. Đã nhấn mạnh rằng: các huyện phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động cải tiến với công tác xây dựng huyện ủy bốn tốt, đảng bộ cơ sở và chi bộ bốn tốt.

Một nhiệm vụ công tác lớn nữa là công tác xây dựng kế hoạch nhà nước 1967-1968 từ cơ sở lên và việc phát động thi đua sản xuất đông - xuân 1966-1967 cũng phải được gắn liền với các nhiệm vụ để hoàn thành đúng thời hạn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quy định. Ngoài những nhiệm vụ lớn trên, các huyện thị và các ngành còn cần phải chú ý thực hiện một số công tác trước mắt như chuẩn bị một số việc cho tốt để tạo khí thế mới cho phát động đông - xuân, tổng kết sản xuất năm 1966, đẩy mạnh công tác ba thu, vụ mùa 1966, làm thủy lợi, phân, kiến thiết đồng ruộng, v.v. cho đông xuân; tiến hành xây dựng huyện ủy bốn tốt, chi bộ bốn tốt, tổ chức học tập Nghị quyết 10 Trung ương, học tập bảy bài học về xây dựng Đảng, chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh, v.v..

Cuối cùng đồng chí Việt Tiến, thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy tóm tắt, kết luận chung các vấn đề đã bàn ở Hội nghị và giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành triển khai thực hiện như sau:

1. Về sản xuất và phân phổi

- *Phải tập trung lãnh đạo*, chỉ đạo và tổ chức lực lượng thu hoạch nhanh, gọn, tốt vụ mùa; hoàn thành thu hoạch sớm hơn mọi năm, xong cẩn bản trong tháng 12-1966. Do đó, phải có nhiều biện pháp mới hơn so với mọi năm để đảm bảo, sửa đổi những cách thu hoạch cũ kỹ, lạc hậu, chậm chạp, chờ trời nắng, lãng phí, v.v..

- *Về phân phổi*: thu hoạch đến đâu, phơi đậm, chuyển vận nhập kho đến đấy, chia hoa lợi đến đấy, ưu tiên cho việc nhập kho thuế, thu mua lương thực của Nhà nước để chống Mỹ, cứu nước. Nhập kho đến đâu ngành lương thực, tài chính ngân hàng, thương nghiệp, v.v. phải làm sổ sách, chứng từ thanh toán rành mạch theo đúng các chính sách, chế độ cho các xã, các hợp tác xã và nhân dân

ngay đến đây, không để lằng nhằng về sau, gây thắc mắc cho quần chúng. Phải động viên lực lượng cán bộ, công nhân viên trong các ngành làm công tác ba thu phát huy tinh thần phục vụ, làm thêm giờ, thêm ngày, không để nhân dân chờ đợi và không làm phiền phức cho dân. Trong nội bộ các hợp tác xã cũng phải chia hoa lợi và thanh toán, quyết toán kịp thời làm báo cáo lên tỉnh và cho xã viên rõ theo như chỉ thị của tỉnh đã gửi trước.

- *Về chuẩn bị sản xuất vụ đông - xuân 1966-1967*: tiến hành xây dựng xong chính thức kế hoạch đông - xuân và kế hoạch 2 năm 1967-1968 từ dưới lên. Huyện tổng hợp và xây dựng kế hoạch của huyện rồi đem lên tỉnh xét duyệt. Phải tập trung lực lượng để tiến hành việc này trong 1 tháng thì xong. Trên cơ sở tổng kết sản xuất năm 1966 và vừa xây dựng kế hoạch 2 năm mà các huyện cứ tiến hành phát động đông - xuân ở hợp tác xã, ở xã, ở huyện, không chờ đợi tỉnh, đồng thời phát động làm một số việc như khai ruộng nương bậc thang, làm phân, làm thủy lợi, cày ải ruộng, chuẩn bị đất gieo mạ chiêm (nhất là chiêm rét), chuẩn bị đất màu, đậu xuân, săn, bắp sớm, v.v. để rút bớt công việc sang năm.

2. Về công tác thi đua

Căn cứ vào tinh thần thảo luận ở Hội nghị này, Ban Thi đua tỉnh và Ủy ban hành chính tỉnh sẽ có văn bản nêu rõ nội dung thi đua mới để các cấp, các ngành thực hiện. Nhưng sau Hội nghị này trở về, các nơi cứ tiến hành những việc đã bàn. Trước mắt phải chuẩn bị tốt cho Đại hội thi đua toàn tỉnh như chỉ thị Ủy ban tỉnh đã gửi, phải kiện toàn bộ phận thi đua huyện, thị, có thể đồng chí thường vụ phụ trách nông nghiệp đồng thời phụ trách thi đua.

Phải gắn chặt việc tổng kết sản xuất đồng thời với tổng kết thi đua. Từ hợp tác xã lên huyện, tỉnh hiện nay phải tổng kết, kiểm điểm sản xuất năm 1966, bình bầu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua, đơn vị tiên tiến, bốn tốt, năm tốt, ba giỏi, quyết thắng, v.v. huyện cần sử dụng mọi lực lượng của huyện và xã để hướng dẫn,

giúp đỡ việc viết thành tích thi đua ở cơ sở xã, hợp tác xã, chiến sĩ,... Rồi tổng hợp lại, hết tháng 12-1966 báo cáo chính thức lên tỉnh duyệt. Ở cơ sở tổng kết bình bầu có thể gắn liền làm phát động thi đua đông - xuân mới, hoặc thúc đẩy hoàn thành một số việc tồn tại tiến lên đạt tiêu chuẩn thi đua cả năm.

Sau Đại hội thi đua mừng công của tỉnh trở về, các huyện, xã lại tiếp tục phát động sâu thêm trong quần chúng nhằm đưa phong trào thi đua đi vào hoàn chỉnh và nền nếp hơn.

3. Về đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng trong Đảng và quần chúng

Trong Đảng, học tập chương trình huấn luyện đảng viên mới, ngoài quần chúng học tập lời Bác. Hết tháng 12-1966, các nơi đều phải hoàn thành, như văn bản kế hoạch của tỉnh đã ra. Chú ý điểm mấu chốt trong sinh hoạt học tập là phải liên hệ sâu sắc từ trên xuống dưới, từ trong Đảng đến quần chúng về ôn cũ thấy mới, ơn nặng, thù sâu, so sánh hai chế độ, so sánh giữa cảnh mất nước khổ nhục trước đây với quyền lợi được độc lập, tự do ngày nay để càng yêu quý độc lập, tự do, yêu chủ nghĩa xã hội, căm thù giặc Mỹ cướp nước, căm thù chế độ cũ. Cuối cùng phải đạt đến mức mọi người biểu hiện bằng hành động cách mạng trong sản xuất, chiến đấu. Trước mắt và khẩn trương trong chiến đấu hiện nay là phải đào hầm, hào, phòng không cho thật chu đáo. Trong sản xuất, trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở củng cố và hoàn thiện tốt quan hệ sản xuất mới. Phải đưa vào lực lượng tập thể để phát triển sản xuất, không dựa vào cá thể.

Cũng trên cơ sở hoàn thành tốt đợt sinh hoạt chính trị này mà đẩy mạnh các công tác khác, chứ không phải vì học tập chính trị mà các công tác khác bị ảnh hưởng, trì trệ.

4. Về công tác vận động cải tiến quản lý hợp tác xã

- Đối với đợt 1 đã làm: Hết tháng 12-1966, các huyện phải kiểm

tra xong phong trào thực hiện phương hướng và kế hoạch đã đề ra như chỉ tiêu sản xuất, năng suất, sản lượng, chăn nuôi, ngành nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật, công tác quản lý, xây dựng cơ sở tổ chức, đào tạo cán bộ, v.v. để có kế hoạch cho năm 1967 (gắn liền với việc tổng kết, bình bầu thi đua 1966).

- Đối với đợt 2: Cân tổng kết xong ở huyện trong tháng 12-1966. Nhưng thời gian rút cán bộ của tỉnh về tỉnh vẫn theo đúng hạn trong công văn của tỉnh đã gửi.

- Đối với đợt 3: Từ nay đến hết tháng 12-1966, các huyện, các ngành phải làm xong các công việc chuẩn bị của huyện của ngành ở tỉnh, như mở hội nghị, mở lớp bồi dưỡng, xây dựng và phổ biến kế hoạch cải tiến, quy hoạch các mặt, bố trí cán bộ, tổ chức bộ máy theo dõi, v.v. thời gian xuống xã, hợp tác xã, tùy theo từng nơi mà bố trí, nhưng chậm nhất là từ tháng 1-1967.

Riêng huyện Bát Xát cải tiến vòng 2 xã Quang Kim, do đó huyện và các ngành ở tỉnh cần lập kế hoạch cải tiến cụ thể, hoàn chỉnh quy hoạch vừa mới xây dựng. Trước mắt cần tiến hành việc kiến thiết đồng ruộng, làm đường giao thông trong thôn bản, thủy lợi, kiến thiết làng bản, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng quy mô hợp tác xã, v.v. các việc đó tập trung vào đội 5 (hợp tác xã Tiên Phong), trước nhằm bồi dưỡng lá cờ đầu (đội lao động xã hội chủ nghĩa). Phải tổng kết hợp tác xã Tiên Phong và đội 5 để lấy kinh nghiệm phổ biến chung.

Huyện Bắc Hà cũng phải lập kế hoạch thí điểm xã Bản Phố (vùng cao). Riêng tỉnh, huyện cũng chỉ đạo xã này, nhưng huyện là trực tiếp.

- Các ngành xung quanh tỉnh cũng phải tiến hành kiểm tra công tác ngành mình đã phục vụ trong vùng đợt 1 và tổng kết đợt 2, chuẩn bị kế hoạch phục vụ và quy hoạch ở vùng đợt 3. Các việc đó phải gửi báo cáo và văn bản về tỉnh trước ngày 25-12-1966 (gửi qua Ban Nông nghiệp tỉnh). Các ngành đều tùy theo chức năng mỗi ngành mà có kế hoạch phục vụ thiết thực cho cuộc vận động

cải tiến. Nhiệm vụ cụ thể của từng ngành đã ghi rõ trong Biên bản số 25-BB/TU, ngày 20-02-1966 của Tỉnh ủy đã gửi. Đối với đợt 3 các ngành cũng căn cứ vào các nhiệm vụ đó để vận dụng vào vùng đợt 3.

- Vùng cải tiến đợt 3 có những điểm tương tự vùng thấp, nhưng lại có nhiều đặc điểm khác vùng thấp, do đó các ngành phải nghiên cứu làm sao để đưa công tác ngành mình vào phục vụ các nội dung của cuộc vận động cải tiến cho sát hợp với điều kiện, hoàn cảnh ở vùng đó, không thể rập khuôn y như vùng thấp đợt 1, đợt 2 được. Ví dụ: Ngành thông tin cần nghiên cứu lập quy hoạch, kế hoạch tổ chức mạng lưới thông tin, lập chòi phát thanh, làm khẩu hiệu, truyền tin, v.v. thế nào, mức độ ra sao cho phù hợp trong vùng này. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ nghiên cứu việc lập nhà trẻ, nhóm trẻ, giữ trẻ thế nào, hoặc như ngành kiến thiết cơ bản, kiến trúc, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, cơ khí nhỏ, nông nghiệp,... thì nghiên cứu quy hoạch thế nào cho sát hợp việc tổ chức làng bản ăn ở, sân phơi, nhà kho ra sao để dùng được ngay nguyên liệu địa phương; đường sá đi lại vận chuyển, kiến thiết đồng ruộng, thủy điện, sử dụng sức trâu ngựa, sức nước, đưa máy móc cơ khí vào nông nghiệp như thế nào để thích hợp và sử dụng được khả năng tiềm tàng ở trong vùng, v.v. các ngành cần cử cán bộ chuyên môn xuống các xã đợt 3 nghiên cứu lập quy hoạch cụ thể, trên cơ sở đó làm thực tế một xã nào đó để lấy kinh nghiệm áp dụng sang các xã khác trong vùng.

- Ngoài các công tác trên, thời gian trước mắt, các huyện, các ngành cần chuẩn bị cho nội dung Hội nghị tỉnh ủy mở rộng học Nghị quyết 10, Nghị quyết huyện ủy bốn tốt, cử đủ người đi dự lớp tập huấn kỹ thuật nông nghiệp đông - xuân, chuẩn bị mọi mặt xây dựng huyện ủy bốn tốt, như chuẩn bị báo cáo kiểm điểm huyện ủy và vấn đề gì giải quyết được ngay thì kịp thời giải quyết, tập trung vào lãnh đạo nông nghiệp tốt hơn. Đối với các huyện hợp tác xã

vùng cao chưa cải tiến, các huyện cũng phải có kế hoạch củng cố phát triển cụ thể trong vụ đông - xuân 1966-1967.

Căn cứ các công tác đã được phổ biến và bàn bạc, được giao nhiệm vụ trong Hội nghị này, các cấp ủy, các ngành cần nghiên cứu kỹ, có kế hoạch thi hành theo đúng tinh thần ghi trong Biên bản này và có báo cáo kết quả thi hành cho Tỉnh ủy biết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 73-BC/TU, ngày 13-12-1966
Về công tác tháng 11-1966

Tháng 11-1966, Tỉnh ủy tập trung vào việc lãnh đạo thu hoạch vụ mùa, xây dựng kế hoạch nhà nước 2 năm 1967-1968, triển khai công tác giáo dục đảng viên, tiếp tục đẩy mạnh đợt sinh hoạt chính trị trong cán bộ, công nhân viên, xã viên hợp tác xã và nhân dân các dân tộc. Kết quả trên các mặt công tác như sau:

I. CÔNG TÁC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Đến nay, việc gặt mùa đã căn bản hoàn thành. Toàn tỉnh đã gặt 6.723 ha lúa ruộng đạt 93% diện tích gieo cấy, lúa nương đã gặt xong: 3.608 ha. Ruộng vùng thấp 2 huyện Bảo Thắng và Bát Xát chưa gặt xong diện tích lúa ruộng.

Năm nay mùa màng tốt không đều, có nơi năng suất khá hơn năm ngoái như Bát Xát, Sa Pa, thị xã Cam Đường, có nơi do cấy muộn hoặc bị bệnh vàng lúa, lúa đỗ non nên năng suất thấp hơn như Mường Khương, thị xã Lào Cai. Năng suất lúa nương năm nay cũng không tốt hơn năm ngoái.

Các địa phương đang xây dựng kế hoạch 2 năm, tích cực chuẩn bị tổng kết thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1966 và phát động sản xuất đông - xuân 1966-1967. Một số nơi sau khi thu hoạch vụ

mùa đã bắt tay ngay vào sản xuất đông - xuân như chuẩn bị phân bón, gieo mạ chiêm rét, cày ải cho chiêm và đậu tương xuân (một số xã Bắc Hà). Tỉnh đã mở lớp tập huấn kỹ thuật nông nghiệp cho cán bộ thuộc vùng thấp.

Tuy việc gặt hái năm nay được tiến hành nhanh, mạnh song hiện tượng lúa đánh đồng ngoài đồng vẫn còn khá phổ biến. Tình hình đó đòi hỏi các địa phương phải gấp rút giải quyết để việc thu hoạch được hoàn thành nhanh gọn.

II. CÔNG TÁC CÔNG NGHIỆP

Trong tháng, các ngành công nghiệp kể cả Trung ương và địa phương đều phát động mạnh phong trào học tập và làm theo lời Bác. Do đó, phong trào cải tiến ở các cơ sở sản xuất được đẩy mạnh hơn với tinh thần thi đua nước rút nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Trong ngành công nghiệp Trung ương, hầu hết các đơn vị đều đạt kế hoạch tổng sản lượng và đạt được vượt kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu. Trong tháng, có nơi vượt từ 10% - 30% (đào hào, giống của Đoàn địa chất 24). Lao động và máy móc được chú ý tận dụng, năng suất ở các cơ sở sản xuất được đẩy lên một cách rõ rệt: làm đất của Mỏ, đào hào của Đoàn địa chất 24), có năng suất lao động đào đất cao tới 24, 1 thước công gấp 14 lần năng suất kế hoạch (Địa chất 24).

Hiện nay, các xí nghiệp Trung ương vẫn ở tình trạng thiếu nguyên liệu khá nghiêm trọng như dầu marút (Đoàn địa chất 5), phụ tùng thay thế (Mỏ).

Công nghiệp quốc doanh địa phương có cố gắng và tiến bộ nhiều so với tháng trước. Giá trị tổng sản lượng tăng hơn tháng 10 49,6%. Tỷ lệ phục vụ đời sống các ngành hầu hết đều tăng, phục vụ nông nghiệp tăng 37,7%, phục vụ tiêu dùng tăng 99,9%. Về giá trị sản lượng của các ngành, trừ ngành sản xuất vật liệu xây dựng

đạt thấp (bằng 68,4% tháng 10) do sản xuất dolômít ít đi và ngành may mặc đạt thấp (bằng 71,4% tháng 10) còn đều đạt cao hơn tháng trước, đáng chú ý ngành cơ khí vượt tháng 10 tới 16% và ngành thực phẩm vượt 150,9%.

Đặc biệt trong tháng công nghiệp quốc doanh địa phương đã thu một số kết quả nổi bật: Xưởng cơ khí Phú Lợi đã phát huy tinh thần dám nghĩ dám làm của cán bộ công nhân, đã tự động lắp ráp lấy được 10 máy công cụ do nước bạn viện trợ. Trạm bơm điện Kim Tân cẩn bản hoàn thành, xưởng mộc sẽ đã hoàn thành kế hoạch năm trước thời hạn 1 tháng. Chín điểm cơ khí nhỏ chạy bằng điện và bằng sức nước phục vụ nông nghiệp được xây dựng và bắt đầu hoạt động trong đó điểm cơ khí nhỏ Nam Cường tương đối hoàn chỉnh có một hệ thống máy công tác, gồm máy tuốt lúa, thái thức ăn gia súc, xay xát, quạt hòm và bơm nước tưới rau. Cơ sở sản xuất ngói của Kiên Trúc tại Bắc Hà được sự giúp đỡ của chuyên gia bạn đã nghiên cứu sản xuất gạch ngói đến thành công.

Tuy vậy đến nay công nghiệp quốc doanh địa phương mới đạt khoảng 68,9% kế hoạch năm nên nhiệm vụ tháng tới rất nặng nề đòi hỏi các ngành công nghiệp quốc doanh địa phương trong tỉnh phải có quyết tâm lớn trong việc phấn đấu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch còn lại.

III. CÔNG TÁC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Qua cuộc vận động ba xây ba chống và trong phong trào ba cải tiến, các cơ sở sản xuất giao thông vận tải đã phát hiện được nhiều bất hợp lý trong công tác và đang tiếp tục sửa chữa. Về giao thông đã nghiên cứu việc tổ chức bộ máy và tổ chức sản xuất ở một công trường thế nào cho hợp lý. Đặc biệt đã có sự chú ý tập trung vào công trình trọng điểm như cống găng hoàn thành đường Bát Xát, Mường Hum và khẩn trương làm công tác chuẩn bị tiếp thu đường Mường Khương bạn sắp bàn giao. Về mặt vận tải có cống găng nổi

bật là đã tập trung các phương tiện vận chuyển đa hàng hóa, vật tư ở xuôi lên phục vụ kế hoạch cuối năm, chủ yếu bằng ôtô tải theo đường bộ và một chủ yếu canô kéo thuyền khác luồng bằng đường thủy.

Tồn tại lớn trong công tác giao thông vận tải vẫn là tình hình thiếu cán bộ công nhân kỹ thuật trước yêu cầu cấp bách của công tác xây dựng và quản lý cầu đường.

IV. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH THƯƠNG NGHIỆP

Về thu vào: ba thu vụ mùa, tổng số thóc nhập kho đến 30 tháng 11 được 275 tấn đạt 9,8% kế hoạch Trung ương tạm giao 3.800 tấn. Ngô đạt 120,3% kế hoạch năm. Số thóc nhập kho trên chủ yếu tiến hành chậm vì ảnh hưởng thời tiết mưa.

Thu mua nông sản thực phẩm đạt 15,6% kế hoạch quý trong đó lợn hơi đạt 54,2%, đậu tương 23,1%, rau xanh và hoa quả tươi 32,9%. Thu mua tư liệu sản xuất trâu cày đạt 33,3%. Thu mua hàng xuất khẩu đạt 19,1% kế hoạch quý. Nguyên nhân một số mặt hàng đạt thấp do các cấp các ngành có trách nhiệm chưa quan tâm đúng mức nhất là đối với công tác thu mua đỗ tương và thu mua hàng xuất khẩu.

Về bán ra: lương thực đạt 31,1% kế hoạch quý. Thương nghiệp bán ra tăng hơn tháng 10 là 8%. Một số mặt hàng bán tăng như: vải, áo rét, các loại thịt lợn, gà vịt và nhất là xe đạp được đẩy mạnh bán. Chủ trương phân phối một số hàng bán theo định lượng như dầu hỏa, xà phòng... được tiến hành trong tháng 11, tuy việc tuyên truyền giải thích chưa thật sâu rộng, song cán bộ và nhân dân đã thực hiện chưa có hiện tượng sai lệch đáng kể.

Trong công tác thương nghiệp hiện nay có khó khăn lớn là thiếu phương tiện vận chuyển nhất là việc đưa hàng từ xuôi lên trước yêu cầu khẩn trương phục vụ sản xuất đông - xuân và chuẩn bị hàng tốt.

V. CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG, TRỊ AN, XÂY DỰNG LỰC LUỢNG

Công tác phòng không:

- Máy bay địch tiếp tục hoạt động trên không phận Lào Cai. Ngày 4-11, chúng ném bom bắn phá dã man khu dân cư thôn Vi Quang, xã Phong Niên huyện Bảo Thắng làm chết 4 người, bị thương 9 người hầu hết là phụ nữ và trẻ em. Sau khi địch bắn phá địa phương đã kịp thời giải quyết mọi mặt nên đã ổn định tư tưởng đời sống của những gia đình bị nạn nhanh chóng khôi phục sản xuất và khắc phục những hậu quả do máy bay địch gây nên. Các địa phương trong toàn tỉnh đều phát động lòng căm thù, lên án tội ác giặc Mỹ và đoàn kết với nhân dân Vi Quang.

Ngày 6-11, một máy bay không người lái của địch bị bắn trên bầu trời ta và rơi về phía nam.

- Công tác phòng không được đẩy mạnh hơn. Nhiều Đảng ủy huyện đã tiến hành tổng kết 1 năm chống chiến tranh phá hoại của địch. Hầm hố được củng cố và đào thêm. Việc triệt để sớm phân tán ở những vùng trọng điểm và nơi an toàn cần thiết được tiếp tục thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã mở hội nghị tại Quang Kim để rút kinh nghiệm tại chỗ và công tác phòng không, thực hiện xây dựng xã chiến đấu đối với những xã này.

- Tuy nhiên, tư tưởng chủ quan trong một số cán bộ và quần chúng vẫn chưa được giải quyết tốt nên những khi máy bay địch hoạt động thưa thì tư tưởng này lại xuất hiện. Một số nơi vẫn chưa tích cực khắc phục khó khăn tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị về công tác phòng không của Đảng. Các cấp ủy cần tiếp tục đấu tranh khắc phục các hiện tượng trên để đối phó có hiệu quả và góp phần đánh bại cuộc leo thang mới trong mùa khô 1966-1967 của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc.

Công tác trấn áp phản cách mạng:

Ngày 9-11, công an nhân dân vũ trang được sự giúp đỡ của

nhân dân đã bắt được tên phi nguy hiểm Lù Khái Phà lẩn trốn lâu năm và là tên phi lẩn trốn cuối cùng ở miền đông Lào Cai đã bị thanh toán.

Hiện nay toàn tỉnh còn 9 tên phi lẩn trốn thuộc 2 huyện Sa Pa, Bát Xát. Nhân dân đang cô lập phân hóa chúng và tích cực tìm biện pháp thanh toán. Công tác điều tra cơ bản tình hình chính trị xã hội đang được mở rộng và tiến hành khẩn trương với quyết tâm hoàn thành toàn bộ trong năm 1966.

Công tác cải tạo những người cần phải cải tạo tại chỗ cũng được tích cực tiến hành ở các địa phương. Song công tác xét duyệt còn chậm, công tác bồi dưỡng quần chúng và chính quyền cơ sở để quản lý, cải tạo đối tượng sau khi được xét duyệt còn yếu nên việc quản lý, cải tạo chưa được thật chặt chẽ.

Công tác xây dựng lực lượng:

Đến nay các địa phương đã căn bản hoàn thành việc thống nhất lực lượng dân quân tự vệ và hoàn thành kế hoạch huấn luyện dân quân tự vệ năm 1966. Do đó dân quân tự vệ đã có những tiến bộ mới về tổ chức, chính trị và trình độ quân sự đã nâng cao thêm một bước về sức chiến đấu và tinh thần sẵn sàng chiến đấu.

Lực lượng công an nhân dân vũ trang đã căn bản hoàn thành kế hoạch xây dựng huấn luyện công tác và chiến đấu, đã tổ chức đại hội tổng kết mừng công sớm nhất trong toàn tỉnh.

VI. CÔNG TÁC ĐẢNG

Trong tháng, tỉnh đã triển khai mở rộng diện giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên ở các Đảng bộ trong toàn tỉnh một cách khẩn trương và liên tục. Có nơi đã căn bản hoàn thành như huyện Bảo Thắng, Đảng ủy Thương nghiệp hoặc hoàn thành 100% như các đoàn địa chất, chi bộ bưu điện, nông trường thanh niên, v.v.. Các lớp giáo dục đảng viên đều được gắn liền với đợt sinh hoạt chính trị chung. Trên cơ sở tư tưởng được phát động, nhận thức rõ

ơn nặng của Đảng, thù sâu với đế quốc phong kiến, đảng viên và quần chúng đã xác định nhiệm vụ quyết tâm xây dựng và bảo vệ nền độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội dù phải chịu đựng hy sinh gian khổ đến mức nào, kết quả học tập có tác dụng động viên toàn Đảng toàn dân trong tinh thần đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nhà nước, kế hoạch công tác và chương trình hành động trước mắt với tinh thần thi đua quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy mở rộng học tập nghị quyết 10, bảy bài học kinh nghiệm về đảng bộ cơ sở bốn tốt và Nghị quyết 136 của Trung ương về xây dựng huyện ủy bốn tốt đã tiến hành kết quả tốt.

Trong công tác phát triển Đảng đã kết nạp 61 đảng viên mới chủ yếu là nông thôn, trong đó có 14 là nữ.

Các Đảng bộ các cấp trong tỉnh đang tích cực chuẩn bị công tác tổng kết năm. Các huyện Bắc Hà, Bảo Thắng, Bát Xát đã hoàn thành đợt cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 2 và đã tiến hành tổng kết toàn đợt.

VII. NHỮNG CÔNG TÁC LỚN TRONG THÁNG 12

- Hoàn thành thu hoạch vụ mùa, hoàn thành gọn công tác ba thu. Phát động cao trào thi đua trên vào sản xuất đông - xuân chống Mỹ, cứu nước 1966-1967.

- Đẩy mạnh sản xuất nông cụ thường và nông cụ cải tiến phục vụ sản xuất đông - xuân. Tiến hành sơ kết phong trào xây dựng cơ khí nhỏ phục vụ nông nghiệp rút kinh nghiệm mở rộng diện ra những nơi có điều kiện.

- Chuẩn bị thực hiện tốt việc tiếp nhận các tuyến đường bạn bàn giao.

- Mở rộng nguồn hàng địa phương, đẩy mạnh thu mua nhất là nông sản thực phẩm, tận dụng mọi khả năng tổ chức chuyển hàng từ xuôi lên, tích cực chuẩn bị hàng phục vụ sản xuất đông - xuân và Tết.

- Tăng cường công tác phòng không, triệt để sơ tán, phân tán đối với vùng trọng điểm. Hoàn thành công tác điều tra cơ bản tình hình chính trị - xã hội. Đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an phòng, chống gián điệp, biệt kích, thanh toán phi còn lẩn trốn. Triển khai xây dựng làng, xã chiến đấu trên dọc các tuyến đường chiến lược.

- Hoàn thành công tác giáo dục chính trị cơ bản cho đảng viên ở các cơ sở và đợt sinh hoạt chính trị chung.

Tiến hành hội nghị tổng kết chuyên đề về chi bộ và Đảng bộ cơ sở bốn tốt khối công trường, xí nghiệp.

Chuẩn bị hội nghị tổng kết cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 2. Triển khai cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 3. Chuẩn bị sơ kết cuộc vận động bảo vệ Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 107-CT/TU, ngày 25-12-1966

Về việc đại hội các cấp huyện, thị, Đảng ủy

Cuộc chiến tranh cả nước đang ở giai đoạn gay go quyết liệt. Đế quốc Mỹ đang ra sức tăng quân vào miền Nam và phá hoại miền Bắc (...) hòng uy hiếp tinh thần chiến đấu của quân dân ta để thực hiện âm mưu "đàm phán hòa bình" nhưng âm mưu của đế quốc Mỹ không thể lay chuyển được ý chí sắt đá của nhân dân ta chống Mỹ, cứu nước, đế quốc Mỹ nhất định thua.

Chiến thắng to lớn, liên tiếp của quân dân hai miền Nam - Bắc trong năm qua, hàng chục vạn quân Mỹ, tay sai bị tiêu diệt, hàng ngàn máy bay bị bắn rơi và phá hủy, v.v. đang làm cho đế quốc Mỹ thất bại, lúng túng; đồng thời những chiến thắng đó đã và đang cỗ vũ động viên nhân dân ta ra sức sản xuất, chiến đấu thắng lợi.

Sau đại hội các cấp đầu năm 1966, các cấp ủy đều được tăng cường về số lượng cũng như chất lượng. Về nhận thức vị trí Đảng lãnh đạo toàn diện, các Đảng bộ đã được nâng cao hơn. Trên cơ sở đó đã có nhiều chuyển biến về tác phong lãnh đạo sâu sát cơ sở, chú ý tập trung vào lãnh đạo sản xuất, củng cố hợp tác xã và sẵn sàng chiến đấu. Năm vũng các công tác trung tâm đột xuất kết hợp với nhiệm vụ của địa phương.

Nhin chung phong trào các mặt của tỉnh ta đang tiến mạnh, tiến vững chắc, nhất là công tác xây dựng Đảng bốn tốt, củng cố

phát triển quan hệ sản xuất mới, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và nâng cao đời sống nhân dân có nhiều mặt chuyển biến tốt.

Tuy nhiên, cũng còn những mặt khuyết điểm tồn tại như: Nhận thức vị trí cấp huyện lãnh đạo toàn diện chưa thật đầy đủ, thể hiện trong lãnh đạo kết hợp chặt chẽ bốn yêu cầu xây dựng chi bộ bốn tốt chưa quán triệt, có lúc có nơi coi trọng yêu cầu này lại coi nhẹ yêu cầu khác. Đối với nông nghiệp chưa đi sâu vào lãnh đạo khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, cải tiến nông cụ, chỉ đạo cao sâu, chỉ đạo điển hình chưa được chú ý đúng mức. Các đảng bộ công trường, xí nghiệp, quốc doanh năng suất bình quân tăng chưa nhanh, chất lượng sản phẩm, bảo quản, lưu thông, phân phối chưa thật tốt.

Về đoàn kết đấu tranh thực hiện các chỉ thị, nghị quyết chưa triệt để, có mặt chưa nghiêm chỉnh. Về phân công cấp ủy, lê lối làm việc còn những điểm chưa hợp lý.

Công tác phát triển Đảng, đào tạo cán bộ, nhất là nơi hẻo lánh, dân tộc ít người, phụ nữ, tuổi trẻ còn ít, yếu, chậm.

Đại hội các cấp sắp tới tuy cũng có những khó khăn nhất định do đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh gây ra. Song thuận lợi có nhiều, nhất là hiện nay cả nước hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" đang thành cao trào chống Mỹ, cứu nước, biến căm thù đế quốc Mỹ thành sức mạnh sản xuất, chiến đấu thắng lợi. Hơn nữa qua đợt giáo dục chính trị, học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch cho toàn Đảng toàn dân đã nâng cao hơn nữa lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, nhận thức sâu sắc hơn nữa nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc, đấu tranh thống nhất Tổ quốc. Trên cơ sở đó đã nâng cao thêm lòng căm thù giặc Mỹ, đã biến căm thù thành sức mạnh trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Nhiều nơi, nhiều đơn vị đã tự giải quyết được khó khăn, phát huy sáng kiến đưa năng suất 3 tháng bằng hơn 9 tháng, nhiều đơn vị đã hoàn thành kế hoạch cả năm trước thời hạn.

1. Nội dung đại hội

Đại hội các cấp nay dựa vào tinh thần Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc kiện toàn sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của các huyện ủy và Nghị quyết số 123 của Trung ương mà xác định rõ vị trí và nhiệm vụ của cấp huyện, huyện ủy có trách nhiệm lãnh đạo toàn diện các mặt trong phạm vi của địa phương. Trên cơ sở đó để kiểm điểm, đánh giá thành tích, đánh giá đúng khuyết điểm, tồn tại nguyên nhân của toàn Đảng bộ, rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu và đề ra phương hướng, nhiệm vụ mới cho toàn Đảng bộ theo tiêu chuẩn huyện ủy "bốn tốt" nhằm phát huy khí thế mới, vươn lên hàng đầu để Đảng bộ năm 1967 tiến lên mạnh mẽ, vững chắc, toàn diện, thật sự là căn cứ địa vững chắc của căn cứ địa hậu phương của hậu phương lớn.

Đại hội còn là cơ quan cao nhất của một Đảng bộ, tập trung trí tuệ của toàn Đảng bộ đánh giá thành tích, khuyết điểm và bàn bạc, quyết định các mặt phát triển phong trào của địa phương. Đồng thời là cuộc sinh hoạt chính trị dân chủ cao nhất của Đảng bộ; thực hiện đấu tranh phê bình và tự phê bình từ dưới lên.

Muốn đảm bảo cho nội dung của đại hội có kết quả tốt, các cấp ủy có trách nhiệm chuẩn bị cho đại hội phải đi sâu nghiên cứu nắm vững yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương mà nghiêm khắc đấu tranh phê bình và tự phê bình trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, biện pháp thực hiện một cách toàn diện phong trào của địa phương một cách đầy đủ, khách quan, cầu thị nhằm đưa Đảng bộ (...)¹.

1. Thiếu một số trang - BT.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 74-BC/TU, ngày 31-12-1966

Về tổng kết tình hình thực hiện Chỉ thị số 99

Cùng với truyền thống cách mạng chung của cả nước, phụ nữ các dân tộc ta cũng đã có những đóng góp tốt đẹp trong các giai đoạn kháng chiến trước đây và nay từ rẽo thấp đến rẽo cao lại đang sát cánh cùng toàn dân thi đua đẩy mạnh sản xuất, chống Mỹ, cứu nước thể hiện trên các mặt: cần cù lao động, chăm chỉ sản xuất, cung cố gia đình, nuôi dạy con cái, việc nước cũng như việc nhà đều hăng hái tích cực.

Để tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, ý chí phấn đấu, tinh thần tự cường, tự lực và trí sáng tạo của mọi tầng lớp phụ nữ các dân tộc lên một bước cao và mạnh mẽ hơn nữa.

Năm qua cùng với các phong trào thi đua khác, phong trào ba đảm đang ở tỉnh ta cũng đã được tuyên truyền, giáo dục rộng khắp từ nông thôn đến thị trấn, thị xã, trong các nông, lâm trường xí nghiệp, cơ quan, v.v. làm cho mọi tầng lớp phụ nữ phấn khởi với tinh thần nhiệt liệt hưởng ứng, làm cho phong trào có nhiều chuyển biến tiến bộ và sâu sắc. Đồng thời lại được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng đối với phong trào, cho các cấp, các ngành, các địa phương có trách nhiệm, nhiệm vụ trong công tác vận động bồi dưỡng, đào tạo đối với phụ nữ. Nên lại càng làm cho quần chúng phụ nữ các dân tộc thêm tin tưởng ở sự quan tâm của Đảng, vì vậy

đã động viên, cổ vũ được lòng yêu nước, tinh thần hăng hái tích cực trên các mặt công tác, sản xuất, phục vụ đời sống, phục vụ chiến đấu của mọi tầng lớp phụ nữ thể hiện có nhiều cống gắng.

Song kiểm điểm lại việc thi hành Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc lãnh đạo, chỉ thị phong trào phụ vận nói chung, công tác bồi dưỡng, đào tạo, đề bạt đối với phụ nữ nói riêng, trong năm qua tỉnh ta đã có nhiều cống gắng tiến bộ. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu của phong trào, bên cạnh sự tiến bộ đó cũng còn có một số khuyết điểm, thiếu sót về các mặt:

I. VỀ NHẬN THỨC ĐỐI VỚI CHỈ THỊ

a) Về tư tưởng nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo ở các ngành, các cấp và một số địa phương chuyển biến còn chậm, chưa thật quán triệt hết tinh thần nội dung của chỉ thị nên tư tưởng cho rằng phong trào ba đảm đang cũng chỉ là một cuộc động viên phụ nữ thi đua chung chung như các phong trào khác mà thôi. Do nhận thức trên nên chưa thấy hết được ý nghĩa cách mạng một cách sâu sắc và toàn diện của phong trào ba đảm đang, nhằm động viên, cổ vũ lòng quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của các tầng lớp phụ nữ, cũng như để rèn luyện cho người phụ nữ mới về tư tưởng đạo đức và năng lực để góp phần vào việc giải phóng dân tộc và đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng phụ nữ, đồng thời cũng là chủ trương, chính sách bồi dưỡng, đào tạo của Đảng đối với phụ nữ.

Do đó ít quan tâm đến việc chỉ đạo, động viên, giúp đỡ lãnh đạo đối với công tác phụ nữ, nhất là các ngành có nhiều phụ nữ Mỏ, thương nghiệp, giao thông, kiến trúc, v.v. mà có tính chất khoán trát cho ngành phụ nữ.

b) Về công tác bồi dưỡng, đào tạo, đề bạt đối với phụ nữ:

Do nhận thức chưa đầy đủ và quán triệt không sâu rộng, vai trò, khả năng cách mạng của phụ nữ trong giai đoạn mới hiện nay, hoặc đã phần nào nhận thức được nhưng do ảnh hưởng

của tư tưởng phong kiến bảo thủ, hẹp hòi, chưa thật tin vào khả năng, trí sáng tạo của phụ nữ, do đó chưa mạnh dạn giao việc, mà tư tưởng thường nặng về động viên sử dụng sức lao động nhiều hơn là bồi dưỡng, đào tạo cho chị em biết về kỹ thuật, thạo về nghiệp vụ, giỏi về chuyên môn để chị em phát huy khả năng của mình.

Vì vậy có những chị em công tác đã 8, 9 năm, trình độ văn hóa có, nhưng chưa được đi học một lớp chuyên môn kỹ thuật nào, Mỏ apatít hoặc có những lớp bồi dưỡng về chính trị, kinh tế, văn hóa và nghiệp vụ chuyên môn, nhưng có 2 con trở lên không được đi học Ty Thương nghiệp hay về mặt bồi dưỡng chính trị đối với phụ nữ cũng còn có nhiều lêch lạc khắt khe như: phụ nữ có con hoặc trên 3 chục gần 4 chục tuổi không kết nạp Đảng; do đó có chị em 5, 6 năm liền là lao động tiên tiến nhưng vẫn chưa được kết nạp Đảng (Mỏ, thương nghiệp và một số ngành khác ở tỉnh, huyện).

c) Công tác đời sống đảm bảo sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em:

- Về nhận thức phuơng châm hai mặt động viên đi đôi với bồi dưỡng là kim chỉ nam trong công tác vận động phụ nữ chưa thật quán triệt nên thường nặng về động viên sức lao động nhiều hơn là quan tâm đến việc chăm lo giải quyết phúc lợi đời sống; một số chế độ chính sách đối với phụ nữ không được chấp hành đầy đủ, cụ thể gần 9, 10 năm chưa xây dựng được một nhà tắm giặt vệ sinh riêng cho phụ nữ, Mỏ apatít, thương nghiệp. Khâu nhà trẻ mẫu giáo làm còn yếu, ngành nọ dựa ngành kia, chất lượng nuôi dạy trẻ còn thấp, nhất là từ sau khi sơ tán. Khâu nhà trẻ mẫu giáo lại càng chậm hoặc đã thành lập và xây dựng nhưng nhà cửa chật hẹp, thiếu vệ sinh ảnh hưởng đến một phần tư tưởng và tinh thần công tác của những anh, chị em có cháu nhỏ.

d) Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng cho quần chúng phụ nữ:

- Công tác tuyên truyền giáo dục chưa thật sâu sắc, chưa thật vận dụng nội dung ba đảm đang cho phù hợp với từng vùng, từng trình độ, từng lứa tuổi và từng ngành nghề khác nhau để tuyên

truyền giáo dục, mà vận động có tính chất chung chung như các phong trào thi đua khác, vì vậy chưa làm cho tư tưởng nhận thức của quần chúng nói chung, phụ nữ nói riêng chuyển biến một cách mạnh mẽ, thấy rõ được phong trào ba đảm đang do Đảng đề ra là một chính sách lớn có ý nghĩa sâu sắc, nhằm đào tạo, bồi dưỡng cho người phụ nữ mới về mặt tư tưởng, mới về mặt đạo đức và khả năng của mình để góp phần vào việc giải phóng dân tộc và đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng giới mình.

Do đó, phong trào phát động tuy rộng nhưng nhận thức chưa được sâu sắc, vì thế phong trào lúc lén lút xuống, không đồng đều giữa nông thôn với thị trấn, thị xã, giữa nông thôn với nông thôn, giữa ngành này với ngành kia, chuyển biến cũng khác nhau, mặt giác ngộ xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện chống Mỹ, cứu nước chưa cao, ý thức làm chủ tập thể còn thấp, nghĩ đến quyền lợi cá nhân nhiều hơn là quyền lợi của tập thể, của Nhà nước. Tư tưởng ngại hy sinh gian khổ, sợ chiến đấu lâu dài đời sống gia đình sẽ gặp nhiều khó khăn nên hiện tượng ngăn cản chồng con, không muốn cho đi thoát ly, đi bộ đội, v.v. còn thể hiện trong các bà mẹ, số chị em trung niên, cho nên có bà mẹ, có chị còn địu con lên huyện đòi chồng, đòi con về, hoặc trong cán bộ nữ công nhân, viên chức có chị thấy chồng làm đơn đăng ký tò vò không vui nêu vận động chồng không ký tên, hay có chị đăng ký ba đảm đang nhưng không ký tên mình. Ngược lại chị em đi họp hành, học tập nhiều, khi về chồng tò vò không đồng tình, bố mẹ chửi mắng hạn chế không cho đi, v.v.. Số nữ thanh niên thể hiện ý chí phấn đấu vươn lên còn yếu, phần lớn có 1, 2 con không muốn hoạt động tham gia công tác xã hội.

d) Về cấp lãnh đạo trực tiếp với phong trào là cơ quan Tỉnh hội:

Tuy đã có nhiều cố gắng tiến bộ, song công tác lãnh đạo còn chung chung, dàn nhiều mặt và thường nặng về sự vụ, chưa phát huy hết chức năng của mình, việc theo dõi kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình giúp đỡ cơ sở làm chưa được thường xuyên, việc quan hệ

với các ngành, các cấp để nắm tình hình tư tưởng, giúp đỡ các ngành trong việc lãnh đạo chỉ đạo công tác vận động phụ nữ nói chung, nữ công nói riêng thể hiện chưa được chặt chẽ, công tác chỉ đạo điển hình đúc kết kinh nghiệm cho việc chỉ đạo phong trào chung làm chưa tốt; vai trò, chức năng tham mưu giúp cấp ủy trong việc chỉ đạo phong trào thể hiện còn yếu, tập thể lãnh đạo chưa thật triệt để, bàn bạc ít đề cập, ít suy nghĩ tìm tòi nên không đề xuất được những phương pháp cũng như biện pháp cụ thể trong công tác của mình, mà tư tưởng nặng về ý lại nhiều hơn là chủ động tính của ngành.

e) Về tổ chức cơ sở: Nhất là xã và huyện việc sinh hoạt riêng của hội viên chưa được đảm bảo đều đặn thành nền nếp, có nơi 4, 5 tháng không sinh hoạt kiểm điểm một lần, bản thân là bí thư nhưng không biết xã mình có bao nhiêu hội viên, bao nhiêu tổ trưởng, về phần huyện cũng không nắm được huyện mình có bao nhiêu chấp hành xã. Khâu củng cố, hướng dẫn cơ sở xã làm còn yếu, thiếu thường xuyên, lê lối làm việc còn lúng túng, chưa hiểu rõ chức năng của mình, do đó khả năng tự động công tác chưa phát huy được, phần lớn công tác do Ủy ban xã phân công, vì vậy số lượng thì nhiều nhưng chất lượng chưa được bao nhiêu.

Về huyện, thị, hội cũng như vậy, có huyện thì gần hai năm không họp đại hội để kiểm điểm công tác như: huyện Bắc Hà, thị hội Lào Cai.

g) Về cấp gián tiếp: các cấp ủy nói chung cũng ít tranh thủ đì sát giúp đỡ phương hướng, kế hoạch hoạt động đối với phong trào, hoặc có giúp đỡ nhưng thiếu hướng dẫn cụ thể, việc kiểm tra, theo dõi, thúc đẩy phong trào chưa được chú ý đúng mức đôi khi coi như khoán trống cho các cấp hội, nhất là cấp huyện do đó có gap một phần lúng túng trong công tác lãnh đạo chuyên môn của giới.

Tóm lại, trước khi phong trào ba đảm đang được phát động, cũng như sau khi phong trào ba đảm đang được phát động bước đầu, về mặt nhận thức tư tưởng của một số ngành, cấp và địa phương

chuyển biến còn chậm, chưa thấy hết nội dung ý nghĩa cách mạng của phong trào, và tinh thần Chỉ thị của Ban Bí thư đối với công tác vận động phụ nữ. Vì vậy, chưa làm cho phong trào ba đam đang trở thành phong trào sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng nói chung, phụ nữ nói riêng chuyển biến một cách nhạy bén và mạnh mẽ.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN, KẾT QUẢ ĐEM LẠI

- Để tiếp tục nâng cao chí khí phấn đấu cách mạng, tinh thần yêu nước chống Mỹ của mọi tầng lớp phụ nữ các dân tộc ta lên một bước vững chắc và mạnh mẽ hơn nữa, làm cho các ngành, các cấp, các địa phương và các tầng lớp quần chúng thấy rõ được vai trò, khả năng tác dụng của phụ nữ trước tình thế mới hiện nay, trên cơ sở đó mà nâng cao nhận thức tư tưởng, tinh thần trách nhiệm đối với công tác vận động đào tạo bồi dưỡng phụ nữ cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có những bổ khuyết, hướng dẫn cho các ngành, các cấp, các địa phương nghiên cứu học tập liên hệ và phổ biến tinh thần nội dung bản chỉ thị của Ban Bí thư xuống tận cơ sở một cách sâu sắc.

- Đối với quần chúng nói chung, phổ biến ý nghĩa mục đích của phong trào phụ nữ ba đam đang để tranh thủ sự ủng hộ nhiệt tình của các tầng lớp trong gia đình.

- Đối với quần chúng phụ nữ nói riêng học tập liên hệ sâu sắc về mặt nhận thức tư tưởng đối với phong trào của chính mình đã được phát động vừa qua để thấy được ưu khuyết điểm mà nâng cao chí khí phấn đấu vươn lên.

Sau khi học tập, liên hệ tinh thần nội dung của bản chỉ thị, các ngành, các cấp, các địa phương đã có nhiều chuyển biến về mặt tư tưởng và nhận thức. Về tư tưởng nhận thức của quần chúng nói chung, phụ nữ nói riêng cũng có nhiều tiến bộ rõ rệt.

1. Về nhận thức tư tưởng

Các ngành, các cấp, các địa phương đã thấy rõ được chủ trương của Đảng đối với công tác vận động phụ nữ trong tình thế mới hiện nay là quan trọng, đồng thời cũng là trách nhiệm của các cấp bộ Đảng đối với việc bồi dưỡng, đào tạo phụ nữ trong phong trào ba đảm đang, thấy rõ được ý nghĩa to lớn nhằm động viên mọi tầng lớp phụ nữ các dân tộc quyết tâm chống Mỹ, cứu nước, rèn luyện phụ nữ mới về tư tưởng, về đạo đức và năng lực trên mọi lĩnh vực công tác.

Do nhận thức trên nên các ngành, các cấp, các địa phương đã có sự chú ý tích cực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, cũng như việc bồi dưỡng đào tạo đối với chị em về các mặt.

+ *Về nhận thức tư tưởng* của các tầng lớp quần chúng khác đối với phong trào ba đảm đang cũng có những chuyển biến tốt, thấy được chủ trương, chính sách của Đảng đối với chị em phụ nữ trong học tập, nhiều người chủ chốt trong gia đình như: cụ Lý Xính Sài "Mèo" liên hệ nói: "Đảng lúc nào cũng luôn quan tâm đến sự tiến bộ của các dân tộc, không những nam mà cả nữ nữa tôi đã già nhưng cũng được vào tổ chức phụ lão ba giỏi, vợ tôi lại được bầu làm chấp hành phụ nữ xã, con trai tôi đi bộ đội, nay còn con gái, con dâu lại được Đảng ủy dạy cho làm ăn quản lý gia đình và tham gia công tác xã hội, tôi sẽ hết sức giúp đỡ các con tôi trong việc thực hiện ba đảm đang cho tốt", ngoài ra còn hàng trăm gia đình khác đều phát biểu như vậy làm cho chị em phấn khởi trong công tác trong sản xuất.

+ *Về quần chúng phụ nữ các dân tộc*, qua học tập liên hệ về nhận thức tư tưởng đối với phong trào cũng có nhiều tiến bộ rõ rệt; các chị em đã phát biểu như bà Fờ Khái Sửu Pa Dí nói: "Phụ nữ chúng tôi trước đây sống dưới chế độ quốc dân phong kiến thống trị bị áp bức, ràng buộc mọi mặt, không ngẩng đầu lên được, nên suốt đời ngu dốt, đần độn, nhưng nhờ có Đảng, có cách mạng giải phóng cho người phụ nữ chúng tôi đã dần dần thoát khỏi sự ràng buộc, được tự do và đã biết ăn biết nói, nay lại được Đảng đề ra ba đảm

đang rất phù hợp với nguyện vọng của chúng tôi, đồng thời lại được Đảng quan tâm giáo dục chỉ dẫn chúng tôi không khác gì con nhộng được lột da". Bà Sùng Pha (Mèo) nói rất vinh dự được Đảng giao cho nhiệm vụ ba đám đang, chúng ta phải tự lực vươn lên, không ỷ lại, ngại khó, không sợ hy sinh gian khổ có như thế mới thật sự bình đẳng, mới xứng đáng là người phụ nữ sống dưới chế độ mới, có Đảng lãnh đạo chỉ dẫn.

2. Về tinh thần đầy mạnh công tác đẩy mạnh sản xuất mọi mặt

Chị em các dân tộc đã có nhiều tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp như: đi sâu vào khâu thâm canh tăng năng suất là cấy kịp thời vụ, cấy đúng kỹ thuật, dùng cào cải tiến làm cỏ kỹ và kịp thời. Chị em Nhắng trước đây ít dùng phân bón ruộng, nay đã dùng cả phân bắc bón ruộng, hồ mạ, có ruộng hợp tác xã bón phân lót, chị em kiên quyết không cấy; hoặc nhổ mạ, đập lúa của chị em Thổ trước đây hầu hết do nam giới làm, nhưng nay đều do chị em đảm nhiệm, nhiều nơi thiếu nước cấy chị em đã vận động nhau tát nước với khẩu hiệu tát ngày không đủ tranh thủ tát đêm để cấy kịp thời vụ và tham gia hàng vạn ngày công đào đắp mương phai gop phần vào việc phát triển thủy lợi thúc đẩy đám bảo kỹ thuật sản xuất. Về công tác cày bừa thay thế nam giới trong phong trào ba đám đang đã có gần một vạn chị em phụ nữ các dân tộc biết cày bừa thạo không khác nam giới. Nhiều anh em phát biểu vợ tôi, em gái tôi biết cày bừa, có đi làm nghĩa vụ khác tôi cũng yên tâm, nhiều ông bố, bà mẹ nói con dâu biết cày bừa rồi, con trai có đi bộ đội tôi cũng không lo như trước đây nữa.

Phong trào xây dựng hợp tác xã vững mạnh nhiều chị em trước đây có tư tưởng chân trong chân ngoài hợp tác xã lo lăng gia đình con cái thiếu ăn nên làm tập thể thì ít, làm riêng thì nhiều nay trong phong trào ba đám đang ý thức gắn bó với tập thể được giáo dục nâng cao, chị em đã tự đem phần làm riêng lẻ giao cho hợp tác

xã quản lý, có nơi chị em họp đê nghị Đảng, chính quyền giúp đỡ xây dựng hợp tác xã chị em nói không làm hợp tác xã coi như có tội với Đảng với Nhà nước, thị xã Lào Cai.

- *Về tinh thần phục vụ đời sống hàng ngày:*

Trong phong trào ba đảm đang nhiều chị em biểu hiện có nhiều tiến bộ về mặt tư tưởng và ý thức, nên tinh thần phục vụ cũng có nhiều chuyển biến cụ thể trong ngày mùa bận rộn sản xuất, nhiều chị em đã gánh hàng xuống các hợp tác xã để phục vụ bà con xã viên đỡ phải đi lại mất thì giờ sản xuất và tránh được những khi có máy bay làm cho bà con xã viên các dân tộc phấn khởi, gây được tín nhiệm với quần chúng và làm tăng thêm tình đoàn kết giữa nhân dân với cơ quan mậu dịch; có người nói mậu dịch của nhân dân của Chính phủ ta có khác, nếu còn bóc lột như trước đây thì không bao giờ chúng ta được như thế này. Hoặc có chị phụ trách cửa hàng có 5 con nhỏ, chồng công tác vắng, nhưng vẫn hoàn thành kế hoạch mua vào bán ra phục vụ nông nghiệp tốt, mặt khác để phòng máy bay bắn phá cửa hàng phải di chuyển ba lần trong một tháng, chị đã vận động nhân dân di chuyển tiết kiệm cho Nhà nước hàng trăm đồng, bản thân còn tăng gia được 7 tạ cà chua, 10 đỗ ong, 3 lợn thịt bán cho Nhà nước (chị Thu cửa hàng Làng Giàng).

- *Tinh thần phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu:*

Phong trào ba đảm đang được phát động nhiều nơi chị em đã tổ chức hàng trăm đội cứu thương, đội tải thương, đội tiếp tế thổi nấu, đội dân công phục vụ chiến đấu và tổ truyền tin, v.v.. Ngoài ra còn có hàng nghìn chị em các dân tộc tham gia dân quân tự vệ thôn xã và tham gia quân đội thường trực; lần đầu tiên chị em Nhắng - Mán - Mèo làm chính trị viên xã đội, xã đội trưởng - phó, nhiều chị khác làm trưởng ban thông tin xã, bí thư, phó bí thư chi bộ, chủ tịch, phó chủ tịch xã, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã tỏ ra rất có khả năng và năng lực lãnh đạo vững chắc được quần chúng yêu mến, tín nhiệm như: bà Triệu Mùi Pham (Mán Tuyển

xã Nậm Đét), bà Đăng Hà Mèt (Mán Cốc Ly huyện Bắc Hà), bà Fò Khái Sủu (Pa Dí xã Tả Phùng), chị Hón (Kinh xã Mường Khương), chị Đàm Thị Thân (Nhắng xã Ban Qua), v.v.. Có nhiều chị điển hình xuất sắc được nêu lên cho công trường học tập về kinh nghiệm lãnh đạo, giáo dục động viên và quản lý một lúc hai, ba trăm dân công làm đường giao thông hàng 2, 3 tháng nhưng không ai bỏ trốn, về mặt kỹ thuật không có cán bộ hướng dẫn và các loại cán bộ khác đến giúp đỡ, nhưng khi hoàn thành kiểm tra lại đạt tiêu chuẩn khá, kỹ thuật đảm bảo tốt chị Thảo A De (Mèo xã Mường Hum, Bát Xát).

- *Trong sản xuất công nghiệp:*

Chị em nữ công nhân, viên chức cũng có nhiều tiến bộ rõ rệt, với tinh thần tự lực, tự cường vươn lên đảm đang công việc được phát huy mạnh mẽ như: chị em giao thông lúc đầu chỉ có khả năng lao động giản đơn, công việc khó, có kỹ thuật đều ỷ lại vào anh em nam giới kèm. Phong trào ba đảm đang được phát động, chị em đã phát huy tinh thần dám nghĩ dám làm, dám đảm đang công việc khó. Do đó, chị em đã mạnh dạn học tập kỹ thuật, học tập nghiệp vụ, chuyên môn nên một thời gian ngắn chị em đã đảm nhiệm được hầu hết công việc của anh em làm như: quai búta tạ, đục choòng, đốt mìn, đánh bộc phá, v.v.. Đến nay hầu hết chị em có trình độ kỹ thuật bậc 2 của ngành giao thông điển hình như tổ cô Hiệp 14 nữ thanh niên nay trở thành 14 cô giỏi về kỹ thuật, năng suất thường xuyên dẫn đầu toàn Ty hoặc chị em tổ gö cũng vậy lúc đầu chỉ làm phụ lặt vặt nhưng với tinh thần ba đảm đang chị em đã tích cực học tập, phát huy mọi khả năng của mình. Nay anh em đi công tác khác toàn bộ kỹ thuật do chị em đảm nhiệm, hàng sản xuất ra không những chất lượng tốt mà kỹ thuật còn đạt tiêu chuẩn khá và thường xuyên vượt mức kế hoạch từ 10 đến 13% quy định. Chị em xuống đường, rưốg hầu hết mới vào nghề nhưng với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám mạnh dạn đi vào khâu khoa học - kỹ thuật nay toàn bộ hệ thống dây truyền sản xuất, kể cả khâu

chế biến gây men yêu cầu kỹ thuật cao nhưng chị em đã vượt được. Năm nay hàng sản xuất ra đã bắt đầu có lãi. Hoặc chị em xuống phân lân, lúc đầu tư tưởng của lãnh đạo không tin vào khả năng của chị em có thể làm được, nên không mạnh dạn giao việc làm có tính chất kỹ thuật, nhưng với tinh thần ba đảm đang chị em đã kiên quyết đề nghị cho làm thử, kết quả đạt tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng sản phẩm tốt, lãnh đạo thấy vậy đã nhận khuyết điểm và giao việc cho chị em đảm nhiệm.

- Chị em công trường đá Mỏ apatít hầu hết có con nhỏ, người nhiều nhất là 7 cháu, nên tư tưởng thường ỷ lại, đi muộn về sớm, năng suất thấp, có chị dựa vào lương chồng nghỉ tự túc bình quân 15-16 ngày trong tháng, có chị nghỉ hàng tháng. Song, qua học tập liên hệ chị em đã tích cực vươn lên khắc phục được phần lớn tư tưởng ỷ lại, ngại khó, dựa dẫm. Nay ngày công bình quân từ 24 - 26 ngày trong tháng, năng suất vượt từ 10 - 15%. Ngoài ra, 75% chị em còn tích cực tham gia dân quân tự vệ, vừa sản xuất giỏi vừa luyện tập quân sự đạt yêu cầu khá. Về mặt học tập khoa học - kỹ thuật, chị em đã mạnh dạn cố gắng đạt nhiều kết quả như: tổ sửa chữa ắc quy có 6 chị vừa chưa vừa có con nhỏ nhưng đã đảm nhiệm được công việc làm của 12 người, trong sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật khá và vượt kế hoạch trên giao.

3. Việc bồi dưỡng, đào tạo, đề bạt cán bộ phụ nữ

Công tác bồi dưỡng về nghiệp vụ, đào tạo về chuyên môn kỹ thuật và sử dụng hợp lý về lao động cũng như đề bạt đối với phụ nữ ít được chú ý mà thường nặng về sử dụng sức lao động nhiều hơn, hoặc có ngành, có địa phương hầu như ít quan tâm, tuy cấp xã nhiều lần nhắc nhở, nhất là các ngành có nhiều nữ.

Nhưng từ sau khi học tập, nghiên cứu Chỉ thị của Ban Bí thư, phong trào ba đảm đang được phát động sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng và quần chúng phụ nữ các dân tộc. Tư tưởng được phát động, tinh thần được bồi dưỡng, chị em đã hăng hái vươn lên phát

huy khả năng của mình trên mọi mặt công tác, thể hiện có nhiều cố gắng làm cho các ngành, các cấp thấy được vấn đề bồi dưỡng đào tạo của Đảng đối với chị em hiện nay là quan trọng, là phù hợp với yêu cầu mới, thấy được chủ trương của Đảng đề ra là đúng đắn.

Vì vậy một số ngành cấp và địa phương đã có nhiều cố gắng tích cực trong việc đào tạo bồi dưỡng đối với chị em.

- *Trong công nghiệp - hành chính sự nghiệp:*

Đã bồi dưỡng đào tạo đề bạt 112 chị em từ tổ trưởng đến lãnh đạo ngành và Ty như:

- + 1 phó chủ nhiệm công ty;
- + 3 phó chủ nhiệm cửa hàng;
- + 3 thường vụ công đoàn Ty;
- + 1 phó thư ký công đoàn bộ phận;
- + 11 chấp hành công đoàn bộ phận;
- + 6 tổ trưởng công đoàn;
- + 62 tổ trưởng sản xuất;
- + 1 ca trưởng.

Ngoài ra còn có 30 chị em đi học các lớp trung cấp kỹ thuật, 49 đi học các lớp nghiệp vụ sơ cấp và 3 đi học văn hóa dài hạn.

- *Về nông nghiệp:*

Trong phong trào ba đảm đang kết hợp với phong trào cải tiến quản lý hợp tác xã, công tác bồi dưỡng đào tạo đối với chị em nông thôn cũng có nhiều tiến bộ qua phong trào trên cũng đã đào tạo bồi dưỡng được:

- + 13 chánh phó chủ nhiệm hợp tác;
- + 336 ủy viên quản trị;
- + 312 đội trưởng, đội phó sản xuất có kỹ thuật khác.

Ngoài ra, còn cho đi học các lớp bồi dưỡng về chính trị, văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn và kỹ thuật để nâng cao trình độ, khả năng công tác sau này. Đã cử 45 cán bộ đi học lớp chính trị trường Đảng tỉnh, 13 đi học văn hóa dài hạn, 32 đi học trường y sĩ của tỉnh, 167 đi học lớp kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi ngắn ngày, 450 đi học kỹ thuật

làm phân, cày bừa cải tiến kỹ thuật tiên tiến, 270 đi học các lớp nghiệp vụ chuyên môn khác.

- *Về Đảng và chính quyền:*

Trong phong trào ba đảm đang đã lựa chọn những chị em có nhiều khả năng, xuất sắc trong phong trào để bồi dưỡng đào tạo đưa vào các ngành, các cấp.

+ Về Đảng: đã đề bạt 4 bí thư và 8 phó bí thư chi bộ gồm 7 dân tộc: 5 Mèo, 2 Mán Đỏ, 1 Mán Tuyên, 1 Phù Lá, 1 Thổ, 1 Pa Dí, và 1 Kinh. 16 chi ủy viên gồm 8 dân tộc. 2 Đảng ủy xã gồm 2 dân tộc 1 Xa Phó, 1 Kinh. 15 cấp ủy huyện thị, Đảng ủy cơ quan xí nghiệp gồm (...) dân tộc: 8 Kinh, 2 Nhắng, 1 Phù Lá, 1 Tày, 1 Pa Dí, 1 Mèo, 1 Nùng.

+ Về chính quyền:

Chính quyền xã: Đã đề bạt 5 phó chủ tịch gồm 5 dân tộc: 1 Mán Tuyên, 1 Mèo, 1 Nhắng, 1 Tày, 1 Mán Đỏ.

Ban xã đội: 42 xã đội phó và chính trị viên xã đội gồm 4 dân tộc: Mèo, Phù Lá, Nhắng, Kinh, Mán, Tày.

Chính quyền huyện, thị: 7 ủy viên hành chính huyện thị gồm 5 dân tộc: 1 Hán, 1 Thủ Lao, 1 Nùng, 1 Nhắng, 1 Mán Đỏ, 2 Kinh.

Chính quyền tỉnh: 2 ủy viên "2 dân tộc" 1 Phù Lá, 1 Mán Đỏ.

Tham gia Quốc hội: 1 Mèo.

Kết hợp với công tác đào tạo bồi dưỡng về công tác phát triển Đảng trong quần chúng phụ nữ các dân tộc cũng có nhiều tiến bộ qua phong trào ba đảm đang đã bồi dưỡng lựa chọn được 119 chị em xuất sắc trong các mặt để kết nạp Đảng, từ 11% của quý II lên 19% trong quý III.

4. Giải quyết khó khăn tạo điều kiện để chị em yên tâm, phát huy đảm đang tốt nhiệm vụ

Được Đảng bồi dưỡng đào tạo tư tưởng tự cường, tự túc vào khả năng mình đang có khí thế vươn lên với tinh thần dám nghĩ dám làm, dám đảm đang công việc của mọi tầng lớp phụ nữ các

dân tộc, từ nông thôn đến thị trấn, thị xã, trong các nông lâm trường, xí nghiệp, cơ quan ngày một chuyển biến mạnh, nhất là chị em thanh niên đang hăng hái tiến lên với khí thế mới. Nhưng đối với chị em có con nhỏ tinh thần vươn lên cũng không kém; song một phần trở ngại về con cái do đó có ảnh hưởng đến năng suất công tác, đời sống vật chất và sinh hoạt tinh thần cũng như sức khỏe của chị em. Tuy tinh thần được động viên, khả năng công tác được bồi dưỡng, sinh hoạt vật chất được giúp đỡ giải quyết một phần, nhưng có chị em một tháng chỉ làm được từ 20 - 22 ngày trong tháng ở các công trường, xí nghiệp, cơ quan. Ở nông thôn chị em xã viên cả vụ sản xuất có chị mới làm được 35 công (chị Đức), còn hầu hết là bận về con cái, hết con ốm lại mẹ ốm, cũng vì vậy gia đình kém phần vui vẻ.

Để nâng cao đời sống đảm bảo sức khỏe, giải quyết khó khăn, giảm nhẹ sức lao động cho phụ nữ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ thị cho các ngành, các cấp, các địa phương kết hợp với các phong trào vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, phong trào ba săn sàng, ba đảm đang, phụ lão ba giỏi trước mắt là phải đẩy mạnh công tác xây dựng nhóm giữ trẻ, nhà gửi trẻ mẫu giáo và phát triển các hình thức giữ trẻ, v.v. để chị em yên tâm sản xuất và công tác.

Kết quả trong hoàn cảnh sơ tán khó khăn, nhưng với tinh thần cố gắng của các ngành các cấp đã xây dựng được 72 nhà trẻ gồm 772 cháu ở các cơ quan hành chính, xí nghiệp. Ngoài ra, để giải quyết một phần khó khăn đối với những gia đình chị em neo túng, hàng tháng tỉnh đã trợ cấp 5 đồng cho 461 cháu thuộc khu vực sản xuất và 311 cháu ở khối hành chính sự nghiệp.

Về nông thôn đã xây dựng được 312 nhóm và nhà gửi trẻ với 2.865 cháu, không tính hàng 100 nhóm bà trông cháu nội ngoại và 32 lớp mẫu giáo gồm 645 cháu.

Các nhóm trẻ được xây dựng bước đầu đã đem lại kết quả tốt là giảm bớt được phần nào khó khăn cho chị em, do đó năng suất lao động được nâng cao, công điểm ngày công được nâng lên, ngày

công lao động bình quân đã từ 26 - 28 ngày trong tháng. Vì vậy sinh hoạt đã có phần cải thiện, ốm đau lặt vặt đã giảm nhiều. Anh Đức (dân tộc Nhăng) nói: "tôi đi công tác, vợ và 3 con ở nhà hết con ốm lại đến vợ ốm, công điếm hằng tháng làm không được bao nhiêu, sinh hoạt của tôi gửi về 2/3 nhưng vẫn gặp khó khăn, vì vậy đã mấy lần làm đơn xin nghỉ việc về giúp đỡ gia đình. Nhưng từ khi có tổ gửi trẻ đến nay trong vụ chiêm này vợ tôi đã làm được 135 ngày công, các con và vợ lại không thấy ốm vặt như trước làm tôi rất phấn khởi, yên tâm cố gắng công tác".

- Giải quyết sinh hoạt đời sống: Do điều kiện sơ tán ban đầu chưa ổn định, đi lại khó khăn, cung cấp gặp trở ngại nên đời sống có gặp một phần ảnh hưởng đến sức khỏe của chị em nhất là ở các công nông lâm trường, xí nghiệp, v.v.. Ngoài việc quan tâm của các ngành, các cấp cố gắng giải quyết ra, song với tinh thần ba đảm đang được phát động nên việc đẩy mạnh tăng gia chăn nuôi, tự cải thiện đã giải quyết được một phần khó khăn làm cho đời sống nói chung của chị em được ổn định và dần dần cải thiện hơn trước. Cũng trong công tác đời sống đã đưa 280 chị em vào biên chế các ngành, giải quyết việc làm cho 70 chị em vợ cán bộ, công nhân, viên chức.

Về nông thôn đã tạo mọi điều kiện phát triển nghề phụ như đan lát làm thủ công, v.v. để nâng cao đời sống cho chị em xã viên.

Công tác bảo vệ sức khỏe phụ nữ và trẻ em:

Kết hợp với các phong trào phát động thi đua khác, công tác bảo vệ sức khỏe phụ nữ và trẻ em được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục và thường xuyên được các ngành, các cấp luôn luôn quan tâm nên công tác sức khỏe của phụ nữ và trẻ em đã đem lại nhiều kết quả, tuy trong hoàn cảnh sơ tán nhưng cũng đã khám nội ngoại khoa cho hàng nghìn chị em nông thôn, công trường, xí nghiệp, trong đó lần đầu tiên có hàng 100 chị em phụ nữ dân tộc Mán, Nhăng, v.v. đi khám thai hoặc nặm đẻ ở bệnh trạm xá, đặc biệt trên 50 chị em dân tộc đặt vòng sinh đẻ có kế hoạch đó là điều tiến bộ ở tỉnh ta.

Ngoài ra đã hướng dẫn làm được 297 nhà tắm gia đình hợp vệ sinh và 38 nhà tắm công cộng và nhà vệ sinh riêng cho phụ nữ ở các xí nghiệp cơ quan, mặt khác chị em còn đào được hàng trăm giếng nước ăn.

Công tác bảo vệ sức khỏe trẻ em đã khám chữa cho hàng nghìn cháu từ nông thôn đến các cơ quan, xí nghiệp. Do đó tuy trong hoàn cảnh sơ tán nhưng nói chung được các ngành, các cấp luôn luôn quan tâm chú ý nên sức khỏe của các cháu vẫn được đảm bảo bình thường. Vì vậy làm cho bố mẹ các cháu phấn khởi, yên tâm sản xuất, công tác. Có người nói Đảng, Chính phủ chăm sóc sức khỏe các cháu còn hơn bố mẹ các cháu (cụ Hanh).

Tóm lại, sau khi nghiên cứu, học tập, liên hệ chỉ thị của Ban Bí thư về mặt nhận thức tư tưởng của các ngành, các cấp đã có những chuyển biến về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và công tác đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt đối với chị em phụ nữ, v.v. có nhiều tiến bộ.

Về mặt tư tưởng của các tầng lớp quần chúng nói chung, phụ nữ nói riêng cũng có nhiều biểu hiện mới trên các mặt công tác sản xuất, phục vụ đời sống, phục vụ chiến đấu đem lại nhiều kết quả đáng kể, làm cho các ngành, các cấp, các địa phương đã thấy được tác dụng, vai trò, khả năng sáng tạo, tinh thần tự lực tự cường của phụ nữ các dân tộc. Nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở các ngành như: Mỏ apatít, thương nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, công nghiệp địa phương, v.v. đã phát biểu là khả năng của chị em phụ nữ rất tiềm tàng và sáng tạo, phụ nữ rất kiên nhẫn, chịu khó, cần cù, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Năm nay toàn bộ dây chuyền sản xuất đều do chị em quản lý thì kế hoạch tăng năng suất, vượt chất lượng được đảm bảo. Trước đây phần nhiều phải bù lỗ, nay bước đầu đã có lãi như vậy khả năng của phụ nữ kém ở chỗ nào? Thật xứng đáng với danh hiệu ba đảm đang, phân xưởng tôi xin nhận hết nữ, trả lại nam.

Song trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt so với yêu cầu đòi hỏi hiện nay còn thấp, nhất là các ngành công nông nghiệp có

tính chất khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ chuyên môn còn quá ít. Công tác đời sống, công tác bảo vệ sức khỏe phụ nữ, nhi đồng tuy đã có nhiều cố gắng nhưng mới chỉ là bước đầu đáp ứng được một phần, còn cần phải tiếp tục cố gắng giải quyết hơn nữa về đời sống, về con cái và sức khỏe để chị em tiếp tục đầy mạnh sản xuất, đầy mạnh công tác.

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Về thuận lợi:

Cùng với các phong trào thi đua khác, phong trào phụ nữ ba đảm đang được đề ra làm cho mọi tầng lớp các dân tộc rất phấn khởi và cũng là phù hợp với tư tưởng, nguyện vọng thiết tha của chị em từ lâu, lại được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, cũng như sự giúp đỡ của Ban Phụ vận Trung ương, đồng thời các ngành, các cấp địa phương đã có những nhận thức đúng đắn, thấy được trách nhiệm, nhiệm vụ của ngành, cấp, địa phương mình trong công tác vận động bồi dưỡng, đào tạo đối với phụ nữ trước yêu cầu của tình hình mới hiện nay, mặt khác lại được các tầng lớp quần chúng khác nhiệt liệt hưởng ứng, tích cực giúp đỡ. Vì vậy đã động viên cổ vũ được lòng nhiệt tình yêu nước chống Mỹ của mọi tầng lớp phụ nữ, khắc phục được những tư tưởng tự ty, ý lại, ngại khó, dựa dẫm không dám vươn lên. Tư tưởng tự cường, tự lực, tự tin vào khả năng của mình được giáo dục nâng cao, tinh thần dám nghĩ dám làm, dám đảm đang công việc được bồi dưỡng và đang phát huy mạnh mẽ trên các mặt công tác sản xuất, phục vụ đời sống, phục vụ chiến đấu thể hiện có nhiều biến chuyển mới.

Được rèn luyện trong thực tế của phong trào gần 1.234 đơn vị, cá nhân xuất sắc được khen thưởng, trong đó có 559 chị em ở các công nông lâm trường, xí nghiệp, cơ quan, 119 chị em các dân tộc đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ chiến đấu của Đảng, nhiều

Đảng viên dự bị với thành tích trong phong trào đã được Đảng công nhận chính thức.

Ngoài ra còn hàng trăm đối tượng cảm tình, đang được Đảng bồi dưỡng giáo dục, trên trận tuyến phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, đã có hàng nghìn chị em các dân tộc tham gia vào hàng ngũ dân quân tự vệ ở các thôn xóm, nhiều chị tham gia quân đội thường trực, hàng nghìn chị em khác đã trưởng thành rõ rệt trên các mặt tư tưởng, kiến thức và khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, v.v.. Nhiều chị em được Đảng, Nhà nước giao cho những trọng trách ở các cơ quan, xí nghiệp, thôn xã và trong các hợp tác xã tại địa phương.

Do đó đã phát huy được mọi khả năng của các tầng lớp phụ nữ, cũng như phát huy được vai trò, tác dụng nòng cốt thúc đẩy phong trào thi đua chung để thực hiện mọi mặt công tác của Đảng và chính quyền địa phương. Về tổ chức Hội, cán bộ hội viên đã được rèn luyện thêm nhiều và trưởng thành nhanh chóng, đến nay đã có 51 trong số 123 xã bước đầu tự động được công tác.

Đó là những thuận lợi bước đầu đạt được trong phong trào đồng thời cũng là hạt nhân, là nền tảng làm cơ sở cho phong trào ba đảm đang ở tỉnh ta tiếp tục tiến lên với những bước vững chắc và mạnh mẽ hơn.

Song bên cạnh những thuận lợi trên cũng còn có những khó khăn tồn tại cần khắc phục.

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đối với phụ nữ một cách toàn diện chưa mạnh, chưa có hệ thống và chưa được thường xuyên, liên tục, phương pháp và hình thức tuyên truyền vận động giáo dục còn nghèo nàn, nhận thức về nhiệm vụ chung và vai trò, vị trí cũng như nghiệp vụ cụ thể của phụ nữ còn chung chung, do đó tư tưởng thiếu quan tâm trong việc lãnh đạo và chỉ đạo đối với phong trào

Vì vậy, trình độ giác ngộ của các tầng lớp quần chúng phụ nữ về đường lối, chính sách chưa cao, giác ngộ về giai cấp còn thấp nên trong hành động hàng ngày nhiều việc làm tỏ ra hăng hái, tích

cực nhưng hiểu biết về ý nghĩa của việc làm đó chưa sâu sắc, còn chung chung cho rằng nhiệm vụ phải làm mà thôi, do đó tư tưởng còn biểu hiện lo lắng về tiền đồ cá nhân, lo lắng về đời sống con cái, v.v.. Chưa thấy rõ nhiệm vụ của mình nên tư tưởng nặng về ý lại, ngại khó, ít chịu suy nghĩ tìm tòi còn khá phổ biến, tư tưởng tự lực, tự đảm đang công việc chưa mạnh dạn còn ngại gian khổ, sợ hy sinh biểu hiện không muốn cho chồng con đi thoát ly, đi bộ đội, trình độ văn hóa còn yếu, trình độ hiểu biết về khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ chuyên môn còn quá thấp, tư tưởng mê tín dị đoan còn khá phổ biến trong số chị em dân tộc "nhất là vùng cao" cho nên phần nào đã ảnh hưởng đến sản xuất, đến công tác.

2. Phong trào phụ nữ ba đảm đang có nhiều tiến bộ và đã lập được những thành tích lớn, nhưng phong trào chưa đồng đều, chưa thật liên tục và thường xuyên, mặt tiến sâu vào khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn chưa mạnh mẽ, hình thức phương pháp vận động phụ nữ còn chung chung

Nhìn chung, phong trào phụ nữ so với các năm trước đây có nhiều chuyên biến mới, nhưng phong trào phát triển không đều giữa vùng thấp với vùng cao, nhất là vùng hẻo lánh chuyển biến chậm; ở các công trường, xí nghiệp, cơ quan, thị trấn, thị xã... phong trào chuyển biến nhanh và nhạy bén hơn, nhưng thường sôi nổi lúc đầu sau dần dần lắng xuống hoặc đậm chân tại chỗ không tiến lên được, vì thường là phát động chung chung, thiếu nghiên cứu đi sâu vào từng khía cạnh, từng đối tượng, từng lứa tuổi và đặc điểm của từng địa phương, từng dân tộc mà đề xuất những hoạt động cụ thể cho thích hợp để thúc đẩy, duy trì phong trào.

Trong công tác hướng dẫn, chỉ đạo phong trào, chưa có những hình thức, biện pháp động viên mạnh mẽ, cũng như tổ chức cho phụ nữ tiến quân vào mặt khoa học kỹ thuật, thường mới chú ý lãnh đạo động viên nhiệt tình lao động của phụ nữ nhiều hơn là quan tâm bồi dưỡng đào tạo cho phụ nữ về các mặt khoa học, kỹ

thuật, nghiệp vụ chuyên môn. Các mặt hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong phụ nữ còn ít, vì vậy sự tiến bộ về nhận thức, về tinh thần cũng như về thể lực nói chung còn thấp, nhất là số chị em thanh niên có 1, 2 con lại càng yếu, ít hoạt động, không muốn tham gia hoạt động công tác xã hội. Trong công tác lao động thường nặng về huy động cả phụ nữ làm tập trung mà chưa tạo điều kiện giúp đỡ cho chị em hiểu biết về khoa học, cải tiến về kỹ thuật để chị em phát huy tác dụng nòng cốt thường xuyên ở các đội sản xuất trong hợp tác xã.

3. Công tác xây dựng củng cố tổ chức hội vững mạnh để thực sự làm hạt nhân đoàn kết, lãnh đạo mọi tầng lớp phụ nữ, tuy có nhiều tiến bộ so với trước đây nhưng so với yêu cầu thì còn nhiều điểm tồn tại chưa đáp ứng kịp với tình hình

Tổ chức hội ở cơ sở nói chung xã nào cũng có Ban chấp hành từ 5 - 7 người. Song, chất lượng yếu chỉ từ 2 - 3 gọi là hoạt động nhưng cũng không được toàn xã mà chỉ vén vẹn biết thôn mình phụ trách, nhất là các xã rẽ cao và vùng xung yếu hoạt động lại càng yếu, công tác lãnh đạo, sinh hoạt giới chưa được đảm bảo thành nền nếp, có xã 6, 7 tháng không sinh hoạt, không họp một lần, các tổ chức ở thôn xóm tuy có xây dựng nhưng không hoạt động. Thậm chí huyện thì gần 2 năm không họp đại hội một lần (Bắc Hà, thị xã Lào Cai).

Công tác giáo dục bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn chưa được chú ý, công tác củng cố và quản lý cán bộ làm chưa thành nền nếp và chặt chẽ, vai trò tự động công tác còn yếu, lê lối làm việc còn lúng túng chưa nhận rõ chức năng, nhiệm vụ của giới mình cho nên công việc đều do Ủy ban xã phân công.

Đội ngũ cán bộ các cấp thiếu và yếu, khâu trung gian là huyện lại càng quá yếu, nói chung 90% cán bộ từ xã trở lên đến huyện hầu hết đều đã qua giai đoạn kháng chiến trước đây, nên nhiệt tình cách mạng, kinh nghiệm vận động phụ nữ thì có, nhưng khả năng trình độ có hạn; tuổi hầu hết là già yếu người ít nhất là 40,

nhiều nhất là trên 50 tuổi do đó ảnh hưởng đến nhiều mặt như: sức khỏe, đi lại và nhận thức, cho nên việc truyền đạt, phổ biến, kiểm tra đôn đốc và giúp đỡ khâu xã, thôn làm được ít; cũng vì vậy phong trào phụ nữ được phát động, tinh thần quần chúng hăng hái vươn lên làm được rất nhiều thành tích, song không báo cáo tổng hợp được. Vì vậy chưa làm cho mọi tầng lớp quần chúng thấy được vai trò, tác dụng của tổ chức phụ nữ, kể cả quần chúng phụ nữ, vì thế uy tín của hội ở cơ sở ít được chú ý đề cao.

IV. NGUYÊN NHÂN CHÍNH CỦA NHỮNG TỒN TẠI TRÊN

1. Các cấp ủy các ngành, các địa phương chưa quán triệt vai trò, vị trí khả năng của phụ nữ và trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong việc lãnh đạo chỉ đạo công tác vận động bồi dưỡng, đào tạo đối với phụ nữ

Vì vậy trong lãnh đạo thường có những hiện tượng nặng về mặt động viên sử dụng, nhẹ về mặt bồi dưỡng đào tạo, nhìn tác dụng của phụ nữ chỉ mới thấy trước mắt chưa thấy lâu dài nên chưa thật tin vào khả năng của phụ nữ do đó thiếu mạnh dạn bồi dưỡng, đào tạo, đề bạt và giao việc cho chị em, hoặc có nơi giao việc nhưng thiếu quan tâm bồi dưỡng, giúp đỡ kế hoạch, biện pháp thực hiện. Có nơi giao việc nhưng lại bình quân công việc, có những việc làm không lợi cho sức khỏe của phụ nữ song vẫn cứ giao như: đốt lò nung gạch ngói, vôi, phá đá hộc, pha chế hóa chất, v.v.. Trong công tác lãnh đạo thiếu động viên kịp thời để phát huy ưu điểm và tích cực của phụ nữ, giúp phụ nữ giải quyết khó khăn về lao động, đời sống và con cái mà thường nặng về phê phán, thậm chí có bộ phận, có ngành còn trấn áp tinh thần khi chị em phê bình về lề lối làm việc và tác phong lãnh đạo của mình. Một số lãnh đạo khác còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến cho rằng hành động của phụ nữ chỉ là hình thức động viên để thêm vào cái chung mà thôi, không có gì mới mẻ lắm nên có phong trào cũng được, không cũng chẳng sao. Do đó có

ngành, có cấp còn tỏ vẻ không muốn lắng nghe ý kiến của chị em trình bày, hoặc có nghe cũng chỉẬm ừ cho xong chuyện rồi thôi. Về mặt ý thức thiếu tôn trọng những nghị quyết của phụ nữ còn biểu hiện, có ngành mới nhận được chưa xem nội dung đã phát biểu lại ba điểm đang. Công tác bồi dưỡng chính trị phát triển Đảng đối với phụ nữ tỏ vẻ còn hẹp hòi, khắt khe, bảo thủ nhất là đối với những chị em đứng tuổi trên 30 gần 40 không muốn bồi dưỡng kết nạp Đảng. Kể cả nông thôn, thị trấn, thị xã đều có hiện tượng này, cũng vì vậy làm cho chị em lại càng thiếu tự tin vào mình, sinh ra bi quan rụt rè, ỷ lại.

2. Phương pháp vận động phụ nữ còn chung chung và thường giống như các tầng lớp khác, chưa có hình thức, phương pháp phù hợp với tính chất, đặc điểm của phụ nữ

Các cấp ủy, các ngành, địa phương thường mới chỉ giáo dục được nhiệm vụ chung chung; rập khuôn trên đưa xuống thế nào giáo dục thế ấy, thiếu nghiên cứu cụ thể đi sát gợi ý, giúp đỡ kế hoạch thực hiện. Thậm chí có nơi, có ngành lại thiếu cả nhiệt tình ủng hộ những đề xuất mới ở trong phong trào cụ thể của chị em để lấy cái mới đó thúc đẩy chung, hoặc biến thành phong trào quần chúng rộng rãi.

Chưa thấy được phụ nữ là lớp người có những đặc điểm riêng và ở các lứa tuổi khác nhau, cũng như chưa thấy được phụ nữ là một lực lượng quần chúng hùng hậu có mặt trên khắp địa bàn hoạt động của xã hội và là một bộ phận trong phong trào chung của cách mạng, chưa thấy được phong trào hoạt động của phụ nữ mạnh hay yếu đều có liên quan, tác dụng thiết thực đến việc hoàn thành nhiệm vụ của Đảng trong từng ngành, từng địa phương mà vận dụng cho cụ thể, sát với tình hình từng ngành từng địa phương mình.

3. Bản thân Tỉnh hội cũng chưa đi sâu nghiên cứu để nắm vững tình hình đặc điểm của từng đối tượng phụ nữ khác nhau mà để xuất các hình thức hoạt động cho thích hợp với từng địa phương, từng dân tộc, cũng như tổng kết rút được những kinh nghiệm về công tác

vận động phụ nữ, để giúp cho cấp ủy chỉ đạo và giúp cho các ngành các cấp thấy rõ được những phương châm, nhiệm vụ, phương pháp vận động tốt hơn, việc quan hệ với các ngành các cấp (nhất là huyện) để thường xuyên nắm được tình hình từng ngành, từng địa phương

Trong công tác lãnh đạo còn sự vụ, chung chung, dàn nhiều mặt, công tác chỉ đạo điển hình thường mới đi vào số cơ sở khá, lớp phụ nữ tiến bộ, ít đi sâu vào giúp đỡ những cơ sở yếu, người chậm tiến, v.v.. Có lúc lại thiếu toàn diện, thường nặng về mặt sản xuất lấy số liệu nhiều hơn là chú ý giáo dục vận động, xây dựng, củng cố đào tạo bồi dưỡng cán bộ nghiệp vụ chuyên môn của giới mình. Do đó chưa làm được tốt công tác tự động viên chính trị một cách sâu sắc trong các tầng lớp phụ nữ là: tốt việc nước đồng thời phải tốt cả việc nhà, mà thường nặng về một phía việc nước nên có lúc, có nơi, có gia đình sinh ra mất đoàn kết, hạn chế đến việc hoạt động của chị em, công tác đoàn kết các tầng lớp phụ nữ thực hiện nhiệm vụ hội là sợi dây chuyền nối liền Đảng với quần chúng phụ nữ các dân tộc làm còn yếu.

Vì vậy nhiều chủ trương, chính sách của Đảng đề ra tuy được tuyên truyền, giáo dục nhưng chưa được rộng khắp và sâu sắc nhất là vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh cho nên trình độ nhận thức tư tưởng, trình độ giác ngộ giai cấp, giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội còn thấp. Ý thức tập thể còn yếu, biểu hiện tính toán cá nhân, làm phần riêng lẻ ngoài hợp tác của một số chị em còn khá phổ biến.

Tóm lại, công tác lãnh đạo cũng như chỉ đạo công tác vận động phụ nữ của Đảng ở tỉnh ta năm qua có nhiều tiến bộ cho nên bước đầu đã động viên phát huy được tác dụng xung kích của vai trò phụ nữ trên các mặt công tác của Đảng ở địa phương và tổ chức của hội cũng ngày được củng cố lớn mạnh thêm. Ý thức tổ chức, ý thức trách nhiệm, nhiệm vụ cũng như ý chí phấn đấu cách mạng của các tầng lớp phụ nữ nói chung, chị em hội viên nói riêng được nâng cao nhiều so với trước, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ đẩy mạnh sản xuất

giữa các phụ nữ dân tộc với nhau, giữa phụ nữ miền xuôi và miền ngược ngày một phát huy mạnh mẽ và được củng cố vững chắc hơn.

V. NGUYÊN NHÂN
ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH TÍCH LỚN
VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM RÚT RA
QUA PHONG TRÀO THỰC TẾ

Bên trên chúng ta đã biết, phong trào ba đảm đang bao trùm toàn bộ hoạt động của các tầng lớp phụ nữ trong tình thế mới của cách mạng, là một phong trào được phát triển nhanh chóng và rộng lớn đối với tỉnh ta từ trước đến nay. Qua thực tiễn của phong trào đã cho chúng ta một số kinh nghiệm cụ thể trong công tác vận động tuyên truyền, giáo dục bồi dưỡng, đào tạo và rèn luyện đối với mọi tầng lớp phụ nữ các dân tộc tỉnh ta như:

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng phải tiến hành thường xuyên, liên tục và tích cực là cơ sở cho phong trào không ngừng phát triển, nội dung giáo dục ngắn gọn cụ thể, dễ hiểu và phải luôn luôn làm cho mọi tầng lớp phụ nữ các dân tộc quán triệt tình hình nhiệm vụ cũng như các âm mưu mới của địch, phát động lòng yêu nước, khơi sâu chí căm thù địch một cách sâu sắc, không ngừng bồi dưỡng chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho mọi tầng lớp phụ nữ thì việc hướng ứng phong trào mới nhanh chóng, khí thế của phong trào mới sôi nổi và mạnh mẽ

Sở dĩ phong trào ba đảm đang ở tỉnh ta năm qua phát triển nhanh chóng, rộng khắp với khí thế sôi nổi là do công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng làm được thường xuyên liên tục, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong công tác tuyên truyền giáo dục đã biết vận dụng tình hình cụ thể của địa phương để tiến hành và đã phân từng loại trình độ, từng vùng, từng ngành nghề và lứa tuổi khác nhau để giáo dục, động viên "lấy ôn nghèo gọi khổ Ơn cách mạng để giáo dục chính trị, tư tưởng cho quần chúng

phụ nữ các dân tộc, nhất là số chị em trung niên trở lên đã có nhiều tác động tốt về mặt tinh thần và nâng cao quan điểm giai cấp, có chị em nói: "Tôi năm nay 44 tuổi, sống qua hai chế độ nay nhờ có Đảng, có cách mạng phụ nữ chúng tôi mới được tự do bình đẳng, mới được hiểu biết mọi mặt, còn trước đây sống dưới chế độ đế quốc, phong kiến áp bức, cộng với sự ràng buộc của gia đình, chị em chúng tôi bị hạn chế, lại còn bị đánh đập sỉ vả. Do đó đã dốt lại càng dốt thêm (bà Sàng Mỹ Mèo). Mặt khác, trong công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục đã chú ý cả đến những tầng lớp khác trong gia đình chị em như: bố, mẹ, chồng, con, anh em, v.v. để họ nhiệt tình ủng hộ, chủ yếu là bố mẹ chồng và chồng thì việc hoạt động công tác của chị em được dễ dàng, thuận lợi. Vì vậy, trong học tập trên việc làm đã có hàng vạn phụ nữ các dân tộc hăng hái tham gia với tinh thần tích cực chưa từng có, không những thế mà còn lôi cuốn được cả chồng, anh em tham gia phong trào. Qua kinh nghiệm cho thấy không những chỉ ở vùng đồng bào dân tộc rẽo cao mà ngay vùng đồng bào Kinh cũng cần phải làm như vậy mới dễ dàng cho sự hoạt động đảm đang của chị em.

2. Công tác bồi dưỡng, đào tạo để đối với phụ nữ

a) Công tác bồi dưỡng đào tạo

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với phụ nữ nói chung, kể cả chị em có trình độ văn hóa cần phải kiên trì, nhẫn耐 đi từng bước, biết phân loại từng đối tượng, từng vùng, từng dân tộc khác nhau để bồi dưỡng và mạnh dạn giao việc để chị em làm. Kinh nghiệm trong phong trào vừa qua cho chúng ta thấy:

+ Đối với chị em trong các công trường, xí nghiệp, cơ quan... ít nhiều đã có trình độ văn hóa, hằng ngày lại tiếp xúc với những kiến thức mới nên nhận thức tiếp thu sự việc có nhanh hơn chị em nông thôn nhưng không vì thế mà chủ quan khi giao việc không có sự bồi dưỡng, hướng dẫn phương pháp thực hiện và khi giao việc từ một việc đến nhiều việc, từ việc dễ đến việc khó làm xong cần

giúp chị em rút kinh nghiệm, bổ khuyết cho việc sau, dần dần chị em sẽ tiếp thu, tự làm được. Do phương pháp trên nên năm qua nhiều khâu sản xuất có tính chất kỹ thuật nhưng chị em đã tự đảm đương được như hệ thống ép đường, nấu rượu, v.v. trước đây phần lớn là anh em làm.

Song trong công tác bồi dưỡng, đào tạo này ở một vài bộ phận khi giao việc cho chị em làm thiếu hướng dẫn cụ thể, chủ quan cho rằng đã có trình độ văn hóa nên chỉ phổ biến qua qua rồi thôi. Kết quả chị em không làm được, ảnh hưởng đến công việc mà tư tưởng còn sinh ra bi quan, thiếu tự tin vào khả năng mình.

+ Về chị em phụ nữ các dân tộc nông thôn phần lớn văn hóa còn thấp, nhận thức chưa cao, giác ngộ chưa đều, vì vậy công tác bồi dưỡng đào tạo lại càng phải kiên trì, nhẫn耐 hơn, khi giao việc phải giải thích rõ ràng, hướng dẫn cụ thể, có khi giải thích hướng dẫn 3, 4 lần chị em mới hiểu và tiếp thu được cách làm, song lại giúp chị em rút kinh nghiệm bổ khuyết cho việc sau cứ như thế chị em sẽ dần dần bạo dạn, quen với công việc, cụ thể phong trào phụ nữ cày bừa vừa qua, tuy việc nhỏ nhưng cũng cho thấy rằng nếu chị em nào chịu học bừa cho quen tay, quen chân mà học cày ngay thì gặp rất nhiều khó khăn, tư tưởng sinh ra chán, cho rằng phụ nữ không cày được nên ý lại nhưng chị em đã biết bừa thạo khi chuyển sang cày rất dễ dàng và vững vàng nên chị em rất phấn khởi, tin tưởng có thể làm được.

b) Về công tác đê bạt

Trong công tác đê bạt cũng cần phải đi đôi với công tác bồi dưỡng, đào đạo, phương châm hai mặt không thể tách rời, tránh đê bạt vượt cấp mà phải nâng dần từ thấp đến cao để chị em quen với công tác và có một số kinh nghiệm cũng như khả năng lúc đó đưa chị em vào các khâu lanh đạo không bị lúng túng, bi quan.

Kinh nghiệm một số ngành vừa qua đê bạt chị em vào các khâu lanh đạo, khi lên làm chị em gặp rất nhiều lúng túng không biết làm gì sinh ra bi quan với chức năng như một số chưa qua

chấp hành xã đã đưa lên chấp hành huyện, chưa qua chấp hành huyện đã đưa lên chấp hành tỉnh, hoặc ở cơ quan, xí nghiệp một số chị em phụ nữ mới chỉ bán một vài mặt hàng nay đưa lên lãnh đạo cửa hàng nhiều loại mặt hàng trong khi đó nghiệp vụ chuyên môn còn yếu, chưa được bồi dưỡng, kinh nghiệm chưa có chị em sinh bi quan, lo lắng.

Tóm lại, phong trào ba đảm đang ở tỉnh ta cũng đã đạt được một số thành tích đáng kể trong công tác bồi dưỡng đào tạo và đề bạt song chỉ mới là bước đầu không thể tránh khỏi những khuyết nhược điểm còn tồn tại, cần phải ra sức khắc phục mới đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới hiện nay.

- Về kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy Đảng cũng như các ngành đối với công tác vận động phụ nữ:

Sau khi nghiên cứu học tập bản chỉ thị của Ban Bí thư, nhiều ngành, nhiều cấp trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo đã biết vận dụng cả ba mặt như: đẩy mạnh phong trào ba đảm đang đi vào chiều sâu, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống, phục vụ chiến đấu. Quan tâm giải quyết khó khăn về đời sống và con cái, tạo điều kiện để chị em phát huy khả năng đảm đang tốt nhiệm vụ, động viên đi đôi với bồi dưỡng đào tạo cho chị em biết kỹ thuật nghiệp vụ, đi sâu vào chuyên môn của mình.

Do biết vận dụng phương châm đó nên đã phát huy được khả năng tích cực trong sản xuất, trong công tác của mọi tầng lớp phụ nữ các dân tộc từ nông thôn đến các công trường xí nghiệp, cơ quan đem lại nhiều thành tích đáng kể, có bộ phận, có ngành phụ nữ đảm nhận tới 60 - 70% công tác. Trong nông nghiệp có xã chị em đảm nhiệm từ 7 đến 80% công việc gặt, cày bừa, đập lúa, gieo mạ, và chăn nuôi, v.v. cũng do đó mà có ý thức tổ chức, ý thức trách nhiệm và nhiệm vụ của chị em được nâng cao lên một bước rõ rệt, những tư tưởng ỷ lại, ngại khó, tự chị em đã giải quyết được một phần, làm cho công tác lãnh đạo của các ngành các cấp cũng có nhiều thuận lợi trong việc chỉ đạo phong trào.

Song ngược lại cũng còn có ngành chưa thật quán triệt phuong châm công tác vận động phụ nữ, chưa thấy hết ý nghĩa cách mạng và tác dụng của phong trào ba đảm đang gắn liền với vấn đề thực hiện kế hoạch nhà nước nên chưa có nhiệt tình chỉ đạo tốt phong trào, vì vậy công tác bồi dưỡng đào tạo đối với chị em còn biểu hiện những lệch lạc như: cho rằng ba đảm đang thì việc gì phụ nữ cũng phải làm được nên tư tưởng nặng về dồn việc, giao việc nhiều hơn là quan tâm, bồi dưỡng, giúp đỡ giải quyết khó khăn, động viên chị em hoàn thành công tác. Khi tổ chức phong trào ở nơi đó không những không phát huy lên được mà tư tưởng còn sinh ra nhiều diễn biến phức tạp như ỷ lại, ngại khó, đi muộn về sớm, sản xuất riêng lẻ, khai man giấu giếm, bán cho Nhà nước thì ít và xấu, bán ra ngoài với giá tự do làm ảnh hưởng thị trường, v.v. gây nhiều khó khăn cho việc lãnh đạo.

VI. NHIỆM VỤ VÀ BIỆN PHÁP ĐẨY MẠNH VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 99 TRONG THỜI GIAN TỐI

Để tiếp tục nâng cao tinh thần yêu nước chống Mỹ của mọi tầng lớp phụ nữ các dân tộc lên một bước cao và mạnh mẽ hơn nữa, cũng như làm cho phong trào ba đảm đang trở thành sinh hoạt thường xuyên của quần chúng phụ nữ, đồng thời cũng làm cho các ngành, các cấp, các địa phương quán triệt hơn nữa về mặt nhận thức chủ trương chỉ thị của Đảng để nâng cao tư tưởng thấy được trách nhiệm, nhiệm vụ của ngành cấp địa phương mình trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác vận động, bồi dưỡng, đào tạo, v.v. đối với phụ nữ để phù hợp với yêu cầu của tình hình mới hiện nay.

Vậy thời gian tới ta cần tiếp tục làm những việc dưới đây:

a) Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng

Rút kinh nghiệm năm qua công tác giáo dục vận động, thời gian tới cần làm cho quần chúng các dân tộc nói chung, là những người chủ chốt trong gia đình kể cả cán bộ, hiểu rõ hơn nữa về phong trào

phụ nữ thi đua ba đảm đang một cách thật sâu sắc để nâng cao tinh thần trách nhiệm, nhiệm vụ động viên giúp đỡ.

Đối với quần chúng phụ nữ, tiếp tục lấy lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch để học tập liên hệ ôn nghèo, gợi khổ, ơn Đảng để nâng cao nhận thức tư tưởng, nâng cao tinh thần phấn đấu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất và mọi mặt công tác được Đảng giao cho để góp phần cùng toàn dân đánh thắng Mỹ xâm lược.

b) Đối với các ngành, các cấp, các địa phương kể cả cấp ủy xã

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào vận động phụ nữ các dân tộc năm qua đã có nhiều cố gắng, kết quả cụ thể là phong trào vận động phụ nữ ba đảm đang làm cho phong trào phụ nữ tỉnh ta có nhiều chuyển biến. Nhưng về mặt chỉ đạo giúp đỡ thúc đẩy phong trào tiến lên một cách thường xuyên liên tục còn yếu, nhất là cấp ủy xã và một số ngành có đồng nữ. Do đó cần tiếp tục phổ biến nghiên cứu bản chỉ thị của Ban Bí thư một cách thật sâu sắc hơn nữa để nâng cao ý thức chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị của Đảng và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc lãnh đạo công tác vận động bồi dưỡng, đào tạo đối với phụ nữ làm cho phong trào ngày một vững chắc và mạnh mẽ hơn nữa.

c) Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ

Để đáp ứng kịp thời yêu cầu chống Mỹ cứu nước trước mắt cũng như sau này, tỉnh ta cần phải đào tạo số lớn cán bộ từ cơ sở trở lên, nhất là cán bộ dân tộc để bổ sung vào các ngành, các cấp. Muốn giải quyết tốt vấn đề này các ngành, các cấp có trách nhiệm cùng với tỉnh để bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ của từng ngành, từng giới mình, mặt khác tỉnh mở trường tập trung bồi dưỡng dài hạn chủ yếu là mặt văn hóa để nâng cao trình độ khả năng văn hóa cho số chị em còn thấp về mặt này.

d) Công tác đời sống giải quyết khó khăn cho chị em

Để tạo điều kiện cho chị em làm tốt mọi nhiệm vụ công tác và đẩy mạnh sản xuất, năm qua các ngành, các cấp, các địa phương

đã có nhiều cố gắng tích cực trong việc tổ chức nâng cao đời sống về vật chất và tinh thần, đồng thời về mặt khó khăn của chị em nhất là về phần con cái đã được nhiều ngành, nhiều cấp quan tâm giải quyết tốt làm cho chị em phấn khởi, hăng hái tích cực trên mọi mặt công tác đem lại kết quả đáng kể.

Song so với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay còn cần phải tích cực cố gắng quan tâm hơn nữa trong việc tổ chức đời sống, giải quyết khó khăn cho chị em yên tâm đầy mạnh sản xuất, đầy mạnh công tác.

1. Về tổ chức đời sống vật chất: Trong hoàn cảnh chống Mỹ, cứu nước hiện nay việc cung cấp phân phối có hạn, do đó ngoài việc phúc lợi tập thể tổ chức ra, cần vận động tinh thần tự lực cánh sinh, tự tăng gia một phần như gà, lợn, rau xanh, cây có bột các loại, v.v. để góp phần nâng cao đời sống trong gia đình.

2. Về tổ chức đời sống tinh thần: Để phù hợp với hoàn cảnh sơ tán hiện nay, cần củng cố tổ chức bằng mọi hình thức, tạo mọi điều kiện cho chị em học tập văn hóa tại chúc, học tập các chính sách, chủ trương của Đảng, đọc báo chí, phổ biến tin tức thời sự..., tập luyện thể dục thể thao để nâng cao trình độ nhận thức cũng như sức khỏe cho chị em, nhất là số chị em thanh niên có mệt, hai con cũng cần chú ý vận động.

3. Công tác bảo vệ sức khỏe phụ nữ - trẻ em: Để đảm bảo sức khỏe cho nhân dân nói chung, phụ nữ và trẻ em nói riêng là điều quan trọng và cần thiết. Năm qua, các ngành các cấp, các địa phương đã luôn luôn quan tâm chú ý tới công tác bảo vệ sức khỏe cho phụ nữ cũng như trẻ em đem lại nhiều kết quả đáng kể.

Song trong hoàn cảnh chiến tranh hiện nay công tác bảo vệ sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em lại càng quan trọng hơn nữa. Vì vậy, ngoài việc điều trị chữa bệnh ra cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân nâng cao ý thức vệ sinh phòng chống bệnh, đồng thời củng cố xây dựng túi thuốc ở các thôn xã, hợp tác xã và gia đình, tủ thuốc cơ quan, v.v.. Vận động nhân dân xây dựng các trạm xá xã và cử người đi học các lớp bồi dưỡng vệ sinh viên, y

tá do Ty Y tế mở để có thể giải quyết một số bệnh thông thường tại chỗ cho nhân dân và các cháu nông thôn cũng như cơ quan.

d) Việc giải quyết những khó khăn để chị em đảm đang tốt nhiệm vụ

Phong trào thi đua ba đảm đang được phát động, tư tưởng được giáo dục, nhận thức được nâng cao, tinh thần công tác được bồi dưỡng do đó trong năm qua về sản xuất và công tác của chị em được đẩy mạnh trên mọi mặt, song một vấn đề khó khăn nhất đối với chị em nói chung là khâu con cái nên đã phần nào ảnh hưởng đến tư tưởng và tinh thần công tác của chị em.

Để giải quyết khó khăn trên, năm qua các ngành các cấp, các địa phương từ tỉnh đến huyện và xã đã có nhiều cố gắng trong công việc lãnh đạo tổ chức xây dựng nhóm trẻ, nhà gửi trẻ, lớp mẫu giáo, v.v.. Kết quả đã giải quyết được phần lớn khó khăn đối với chị em, nhất là chị em xã viên hợp tác, do đó năng suất lao động trong công tác, trong sản xuất được đẩy mạnh và nâng cao nhiều so với trước. Việc thu nhập trong gia đình cũng có phần tăng thêm, mặt sức khỏe của chị em nói chung cũng như các cháu ở vườn trẻ có nhiều chuyển biến tốt làm cho chị em hết sức vui mừng, phấn khởi.

Vì vậy, để thực hiện kế hoạch 2 năm nhằm làm cho đời sống của quần chúng dân tộc nói chung, phụ nữ và các cháu nói riêng không ngừng nâng cao hơn nữa, trước mắt là đẩy mạnh sản xuất đông - xuân 1966-1967. Do đó các ngành, các cấp, các địa phương cần phải cố gắng tích cực tiếp tục giải quyết tốt hơn nữa công tác xây dựng củng cố phát triển nhóm giữ trẻ, nhà gửi trẻ, lớp mẫu giáo một cách rộng khắp để tạo điều kiện cho chị em đẩy mạnh mọi mặt công tác sản xuất.

NHẬN XÉT KẾT LUẬN

Phong trào ba đảm đang được đề ra và phát động làm cho mọi

tầng lớp phụ nữ các dân tộc rất phán khởi, đồng thời cũng là phù hợp với nguyện vọng chung của quần chúng. Một khía cạnh lại được sự trực tiếp lãnh đạo của Đảng, chỉ thị cho các ngành, các cấp có trách nhiệm đối với phong trào, để chấp hành và quán triệt tinh thần chỉ thị của Đảng, các ngành các cấp, các địa phương đã có những chuyển biến nhiều về tư tưởng cũng như nhận thức đối với phong trào, thấy được công tác vận động phụ nữ trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay là một nhiệm vụ quan trọng, thấy được vai trò, khả năng, tác dụng của mọi tầng lớp phụ nữ trên các mặt công tác hiện nay. Do đó tinh thần tác phong đi sâu đi sát thúc đẩy phong trào làm cho phong trào ngày một phát triển mạnh mẽ của các cấp lãnh đạo có nhiều cố gắng tích cực, nên đã động viên cổ vũ được lòng nhiệt tình yêu nước chống Mỹ của hàng vạn phụ nữ các dân tộc.

Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chí khí phán đấu cách mạng, gây lòng căm thù sâu sắc đối với đế quốc Mỹ, ra sức đẩy mạnh sản xuất tiết kiệm để đánh thắng đế quốc Mỹ được các cấp luôn luôn chú ý giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho quần chúng phụ nữ, do đó tư tưởng ý lại, ngại khó, sợ gian khổ kém tự tin vào bản thân không dám vươn lên được khắc phục, tinh thần tự cường tự lực, tự đảm đang công việc được phát huy mạnh mẽ trên các mặt công tác, sản xuất phục vụ đời sống, phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của quần chúng phụ nữ biểu hiện với khí thế mới.

Công tác đời sống vật chất và tinh thần, việc giải quyết khó khăn con cái tạo điều kiện để chị em phát huy khả năng đảm đang tốt mọi nhiệm vụ được quan tâm chú ý, công tác vệ sinh phòng chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em tuy hoàn cảnh sơ tán nhưng được các cấp luôn luôn quan tâm nhất là các cháu, nên bệnh tật ít phát triển làm cho chị em yên tâm phấn khởi đẩy mạnh công tác và sản xuất.

Công tác xây dựng củng cố, bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng được

rèn luyện thực tế trong phong trào về mặt tư tưởng tinh thần, tác phong lãnh đạo của nhiều cấp hội và quần chúng hội viên có những chuyển biến tốt, sinh hoạt hội nhiều nơi đã duy trì được đều đặn, ý thức tổ chức, ý thức trách nhiệm, tinh thần tự động công tác của nhiều cấp hội, xã có nhiều tiến bộ, nhiều cấp hội đã được củng cố, chấn chỉnh, bầu lại chấp hành, công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho hàng trăm cán bộ chấp hành huyện, xã đạt nhiều kết quả. Do đó đến nay, đã có hàng nghìn phụ nữ các dân tộc cày bừa, gặt đập thạo để anh em đi làm nghĩa vụ khác, hàng trăm chị em tham gia dân quân tự vệ giữ gìn an ninh thôn xóm, hàng trăm chị em khác được vinh dự đứng vào hàng ngũ chiến đấu của Đảng, nhiều chị em dự bị được công nhận là đảng viên chính thức của Đảng. Một khía cạnh đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa, khoa học - kỹ thuật chuyên môn cũng được các ngành, các cấp quan tâm, đã cử hàng trăm chị em đi học các lớp nghiệp vụ khác.

Tóm lại, phong trào được Đảng lãnh đạo đã động viên, cổ vũ được hàng vạn quần chúng phụ nữ các dân tộc từ nông thôn đến thị trấn, thị xã trong các công, nông lâm trường, xí nghiệp, cơ quan, đẩy mạnh mọi mặt công tác đạt nhiều kết quả làm cho phong trào ba điểm đang ngày càng phát triển và không ngừng củng cố.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

VIỆT TIẾN

Lưu tại kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

Trang

- <i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	7
- <i>Lời giới thiệu</i>	9
- Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV (6-1963)	11
- Nghị quyết họp Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV, Kỳ I số 01-NQ/TU, ngày 15-6-1963	16
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ IV	20
- Lời kêu gọi của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ IV, ngày 9-6-1963	51
- Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965 của Lào Cai	56
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 30-BC/TU, ngày 27-7-1963, về tổng kết công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ từ Đại hội Đảng bộ lần thứ III đến nay	110
- Nghị quyết họp Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV (Kỳ II) số 04-NQ/TU, ngày 15-10-1963	171
- Chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ số 13-CT/TU, ngày 8-11-1963, về công tác tháng 11 năm 1963	186
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 06-BC/TU, ngày 20-11-1963, về công tác tháng 10 năm 1963	189

- Chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ số 14-CT/TU, ngày 4-12-1963, về công tác tháng 12 năm 1963	194
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 07-BC/TU, ngày 15-12-1963, về công tác tháng 11-1963	198
- Chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ số 01-CT/TU, ngày 5-2-1964, về công tác tháng 2-1964 của tỉnh ủy Lào Cai	207
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 08-BC/TU, ngày 6-2-1964, về công tác tháng 1-1964	209
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 06-NQ/TU, ngày 13-3-1964, về phương hướng nhiệm vụ năm 1964	214
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 09-BC/TU, ngày 17-3-1964, về công tác tháng 2-1964	245
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 10-BC/TU, ngày 19-3-1964, về tổng kết công tác năm 1963	249
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 12-BC/TU, ngày 20-4-1964, về công tác quý I năm 1964	282
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 13-BC/TU, ngày 15-5-1964, về công tác tháng 4-1964	293
- Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ số 01-KH/TU, ngày 4-6-1964, về thực hiện cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" tại các huyện thị	301
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 15-BC/TU, ngày 5-6-1964, về tình hình công tác tháng 5-1964	314
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 11-NQ/TU, ngày 9-7-1964, về công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích	320
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 16-BC/TU, ngày 22-7-1964, về tình hình 6 tháng đầu năm 1964	337
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 17-BC/TU, ngày 10-8-1964, về tình hình công tác tháng 7-1964	368

- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 12-NQ/TU, ngày 24-8-1964, về nhiệm vụ khai thông mở các tuyến đường trong tỉnh	377
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 19-BC/TU, ngày 11-9-1964, về tình hình công tác tháng 8-1964	382
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 14-NQ/TU, ngày 12-9-1964, bổ sung về tổ chức quản lý cán bộ	391
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 20-BC/TU, ngày 14-10-1964, về việc phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai, ra sức xây dựng và bảo vệ miền Bắc, tích cực ủng hộ cách mạng giải phóng miền Nam"	403
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 18-BC/TU, ngày 20-7-1964, về sơ kết cao trào thi đua bước hai tháng 7 năm 1964	426
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 15-NQ/TU, ngày 5-11-1964, về nhiệm vụ phương hướng củng cố và phát triển phong trào hợp tác xã và tổ đổi công năm 1965	435
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 22-BC/TU, ngày 11-11-1964, về công tác tháng 10 năm 1964	452
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 16-NQ/TU, ngày 22-11-1964, về nhiệm vụ bảo vệ nội bộ các cơ quan, công trường, xí nghiệp	460
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 24-BC/TU, ngày 8-12-1964, về tình hình công tác tháng 11-1964	476
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 25-BC/TU, ngày 10-12-1964, về phương hướng phân vùng kinh tế, phân phối đất đai nông lâm nghiệp	484

- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 26-BC/TU, ngày 26-12-1964, về kiểm điểm sự thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp miền núi của tỉnh Lào Cai	512
- Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị nhằm tăng cường hơn nữa công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh địa phương năm 1964	560
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ, ngày 26-2-1964, về kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc ở Lào Cai từ 1960 đến 1963	624
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ về tổng kết cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt ở các xí nghiệp, công, nông, lâm trường năm 1964 và nhiệm vụ xây dựng chi bộ Đảng bốn tốt năm 1965	659
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 18-NQ/TU, ngày 16-1-1965, về công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị ở các trường, lớp chính trị và huyên	694
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 29-BC/TU, ngày 23-2-1965, về tình hình mọi mặt công tác năm 1964	701
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 30-BC/TU, ngày 23-2-1965, về công tác tháng 1-1965	735
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 32-BC/TU, ngày 10-3-1965, về kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc do Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra qua các mặt công tác lớn của tỉnh Lào Cai từ năm 1960 đến 1964	740
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 33-BC/TU, ngày 11-3-1965, về công tác tháng 2 năm 1965	790
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 052-CT/TU, ngày 2-4-1965, về cuộc vận động "ba xây ba chống" tiến hành xuống các huyện, thị	798

- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 35-BC/TU, ngày 6-4-1965, về việc tổng kết xây dựng chi bộ bốn tốt nông thôn năm 1964	805
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 47-BC/TU, ngày 20-7-1965, về tình hình tư tưởng và nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh Lào Cai từ năm 1961 đến nay	835
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 45-BC/TU, ngày 26-7-1965, về tình hình 6 tháng năm 1965	856
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 50-BC/TU, ngày 31-8-1965, về tình hình công tác tháng 8 năm 1965	884
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 53-BC/TU, ngày 12-11-1965, về công tác tháng 10 năm 1965	891
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 54-BC/TU, tháng 12-1965, về tình hình công tác tháng 11 năm 1965	895
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 88-CT/TU, ngày 10-1-1966, về việc tăng cường lãnh đạo chỉ đạo công tác củng cố phát triển hợp tác xã nông nghiệp đảm bảo hoàn thành thắng lợi vụ sản xuất đông - xuân 1965-1966	902
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 56-BC/TU, ngày 5-2-1966, về công tác tháng 1 năm 1966	908
- Biên bản của Ban Chấp hành Đảng bộ số 25-BB/TU, ngày 20-2-1966, về cuộc họp các đồng chí phụ trách các ngành về công tác cải tiến quản lý hợp tác xã	914
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 89-CT/TU, ngày 20-2-1966, về việc mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ nghiệp vụ chuyên môn, kỹ thuật của xã và hợp tác xã	929
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 59-BC/TU, ngày 14-3-1966, về công tác tháng 2 năm 1966	933
- Biên bản của Ban Chấp hành Đảng bộ số 28-BB/TU, ngày 14-3-1966, về Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy	939

- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 90-CT/TU, ngày 23-3-1966, về việc đẩy mạnh cuộc vận động "ba xây ba chống" căn bản hoàn thành tốt đợt vận động tập trung toàn tỉnh trong năm 1966	947
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 28-NQ/TU, ngày 23-3-1966, về phương hướng nhiệm vụ giao thông vận tải trong hai năm 1966-1967	952
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 91-CT/TU, ngày 29-3-1966, về công tác tư tưởng trong năm 1966	969
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 93-CT/TU, ngày 5-4-1966, về công tác thú y hai năm 1966-1967	987
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 30-NQ/TU, ngày 28-4-1966, về việc đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc hai năm 1966-1967	993
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 31-NQ/TU, ngày 28-4-1966, về việc thành lập Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	1024
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 97-CT/TU, ngày 10-5-1966, về việc tổ chức Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung và Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước ở cơ sở	1027
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 32-NQ, ngày 21-5-1966, về việc chuyển hướng công tác giáo dục trong tình hình và nhiệm vụ mới	1033
- Biên bản Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Đảng bộ số 30-BB/TU, ngày 29-5-1966	1052
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 65-BC/TU, về công tác tháng 5	1074
- Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 31-BB/TU, ngày 4-7-1966	1081

- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 33-NQ/TU, ngày 16-7-1966, về phương hướng nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử Đảng bộ hai năm 1966-1967	1090
- Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 32-BB/TU, ngày 20-7-1966	1103
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 100-CT/TU, ngày 25-7-1966, về thời kỳ vận động tập trung cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật đợt 2	1107
- Nghị quyết Hội nghị bất thường của Ban Chấp hành Đảng bộ số 33-NQ/TU, ngày 26-7-1966, về học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch	1118
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 68-BC/TU, ngày 5-8-1966, về công tác tháng 7 năm 1966	1126
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 101-CT/TU, ngày 16-8-1966, về việc tăng cường hơn nữa công tác phòng, chống âm mưu mới của đế quốc Mỹ	1136
- Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 33-BB/TU, ngày 20-8-1966	1143
- Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ số ... DA/TU, ngày 25-8-1966, về tiếp tục phấn đấu hoàn thành thắng lợi cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở bốn tốt năm 1966, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc vận động năm 1967 mạnh mẽ hơn nữa đối với các đảng bộ ở nông thôn	1152
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 14-TB/TU, ngày 5-9-1966, về kết quả công tác chuẩn bị xây dựng xã chiến đấu thí điểm và những công tác lớn phải làm tiếp từ nay tới hết tháng 12 năm 1966	1165
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 68-BC/TU, ngày 5-9-1966, về công tác tháng 8 năm 1966	1170

- Tổng kết Hội nghị chi bộ bốn tốt Khối Nông thôn (do đồng chí Việt Tiến, Thường vụ Tỉnh ủy trình bày ngày 10-9-1966) 1180
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 103-CT/TU, ngày 15-9-1966, về tiến hành kiểm tra và tổng kết một năm lãnh đạo công tác phòng không nhân dân, chống chiến tranh phá hoại của địch 1188
- Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 34-BB/TU, ngày 15-9-1966 1193
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 104-CT/TU, ngày 16-9-1966, về việc tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 3 và thí điểm vùng cao trong tỉnh 1200
- Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 34-BB/TU, ngày 23-9-1966 1207
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 34-NQ/TU, ngày 27-9-1966, về kiện toàn tổ chức Ban Tài chính - thương nghiệp các cấp 1214
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 105-CT/TU, ngày 07-1-1966, về việc tăng cường hơn nữa công tác phòng, chống âm mưu thả gián điệp, biệt kích của địch 1224
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 70-BC/TU, ngày 20-10-1966, về công tác quý III năm 1966 1228
- Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 34-BB/TU, ngày 31-10-1966 1260
- Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ số 04-KH/TU, ngày 7-11-1966, về việc mở rộng vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 3 của tỉnh Lào Cai 1266
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 106-CT/TU, ngày 8-11-1966, về việc kịp thời rút kinh nghiệm để đối phó và kiên quyết đánh bại mọi âm mưu leo thang chiến tranh mới của đế quốc Mỹ trong mùa khô 1966-1967 1305

- Biên bản Hội nghị về công tác nông nghiệp, cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật do Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập số 35-BB/TU, ngày 16-11-1966 1314
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 73-BC/TU, ngày 13-12-1966, về công tác tháng 11-1966 1326
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 107-CT/TU, ngày 25-12-1966, về việc đại hội các cấp huyên, thị, Đảng ủy 1334
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 74-BC/TU, ngày 31-12-1966, về tổng kết tình hình thực hiện Chỉ thị số 99 1337

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung:	PHẠM THỊ HUỆ
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	ĐẶNG THU CHỈNH
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	PHẠM THỊ HUỆ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

VĂN KIỆN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP

5

(1963 - 1966)



8935211175181

ISBN: 978-6045717516

9 786045 717516

Sách không bán